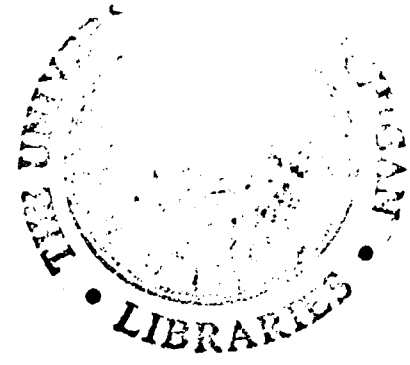


Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
G
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 31 2001
CURRENT SERIALS

13
7-2001

Digitized by Google

CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 3

PTC3

14 Trần Hưng Đạo - Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại : 058.821188 ; Fax : 84-58-823836
E-mail : ptc3@dng.vnn.vn

GIÁM ĐỐC - KS NGUYỄN ĐÌNH DOÃN



Trụ sở Công ty



Trạm biến áp 500kV Pleiku



Trạm biến áp 220kV Nha Trang

QUY MÔ VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ

Được Tổng Công ty Điện lực Việt Nam giao quản lý vận hành lưới điện truyền tải cấp điện áp 110kV, 220kV, 500kV trên địa bàn 8 tỉnh nam miền Trung và Tây Nguyên : Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Gia Lai, ĐakLak, Ninh Thuận, Bình Phước.

NHIỆM VỤ NGÀNH NGHỀ

1 - Quản lý vận hành lưới điện truyền tải 110kV, 220kV, 500kV.

2 - Sửa chữa các thiết bị điện, phục hồi cải tạo và nâng cấp lưới điện

3 - Sửa chữa điện nóng cấp điện áp 220kV

4 - Xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 0,4kV đến 220kV.

5 - Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

6 - Đào tạo Công nhân quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp

7 - Tư vấn công tác quản lý xây dựng, giám sát thi công và nghiệm thu các công trình điện.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 619 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

13
7-2001

MỤC LỤC

	* Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII	3
ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	TRẦN XUÂN GIÁ - Về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 của nước ta	4
	CÙ THỊ HẬU - Trí thức hóa giai cấp công nhân nước ta hiện nay	8
	NHẬT TÂN - Quốc hội triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	12
	CHU TUẤN NHẠ - Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực của sự phát triển	17
	NGUYỄN THỊ DOAN - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam	23
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN VĂN HUYÊN - Phát huy dân chủ trong cơ chế một đảng cầm quyền ở nước ta hiện nay	26
	NGUYỄN MINH ĐÀO - Về công tác vận động quần chúng trong giai đoạn hiện nay	30
	ĐẶNG VĂN THANH - Lựa chọn các giải pháp tài chính những năm đầu thế kỷ XXI	33
	NGUYỄN THU MỸ - Việt Nam và các kinh nghiệm phát triển của ASEAN	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ MINH HỒNG - Phát huy nội lực từ thực hiện Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước	41
	LÊ VĂN TỚI - Mấy giải pháp phòng chống buôn lậu trong tình hình mới	46
	PHAN ĐĂNG NHẬT - Kế thừa luật tục để xây dựng quy ước làng văn hóa ở Tây Nguyên	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	LÊ XUÂN VŨ - Phong bì và cái bì không phong	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - PHAN VĂN DÂN - Quan hệ Nga - Trung - Mỹ thập niên 1991 - 2001	55

Bìa 1 : *Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ chín*

Ảnh : TTXVN

31 87 AA XL5 2237
03/02 02-013-01 GBC
Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

* Указы Политбюро о дальнейшем выпольнении резолюций 6ого Пленума ЦК КПВ (2ой сессии, VIII созыва). ЧАН СУАН ЗА: О стратегии социально-экономического развития 2001-2020 г.г. и пятилетнем плане 2001-2005 г.г. нашей страны. КУ ТХИ ХАУ: Интелигентизация рабочего класса нашей страны на нынешнем этапе. НЬЯТ ТАН: Национальное Собрание развертывает социально-экономические задачи, выполняя резолюции IX Съезда Партии. ЧУ ТУАН НЬЯ: Чтобы наука и технология действительно стали фундаментом и импульсом развития. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Повышать конкурентоспособность экономики и предприятий Вьетнама. НГУЕН ВАН ХУЭН: Развивать демократию в механизме одной Партии у власти в нашей стране в настоящем периоде. НГУЕН МИНЬ ДАО: О работе по мобилизации народных масс в настоящее время. ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Выбор финансовых мероприятий в первые годы XXIого века. НГУЕН ТХУ МЙ: Вьетнам и опыт развития АСЕАН. НГУЕН ХОАНГ ЗАП – ФАН ВАН ЗАН: Отношения между Россией, Китаем, США в десятилетии 1991-2001 г.г.

CONTENTS

* Politburo's instructions regarding continuous implementation of resolutions of 6th Plenum of CPV Central Committee (2nd session, VIII tenure). TRẦN XUÂN GIÁ: Regarding strategy of socio-economic development 2001-2010 and five-year plan 2001-2001 of our country. CÙ THỊ HẬU: Intelligentisation of the working class of our country. NHẬT TÂN: The National Assembly develops socio-economic tasks, fulfilling resolutions of the IXth Party congress. CHU TUẤN NHẠ: So that science and technology have really become fundament and motive force of development. NGUYỄN THỊ DOAN: To enhance competitiveness of Vietnam's economy and enterprises. NGUYỄN VĂN HUYÊN: To develop democracy in the mechanism of one-party-in-power in our country at present. NGUYỄN MINH ĐÀO: Regarding the work of people mobilization at the current stage. ĐẶNG VĂN THANH: Choice of financial solutions in the first years of the XXIth century. NGUYỄN THU MỸ: Vietnam and development experience of ASEAN. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – PHAN VĂN DÂN: Relations between Russia-China-the USA in the decade 1991-2001.

SOMMAIRE

* Directive du Bureau politique sur la continuation de la réalisation des Résolutions du 6e plénum (2e tour) du VIIIe Congrès national du PCV. TRẦN XUÂN GIÁ: Sur la stratégie de développement socio-économique 2001-2010 et le plan quinquennal 2001-2005 du Vietnam. CÙ THỊ HẬU: Elever le niveau intellectuel de la classe ouvrière vietnamienne. NHẬT TÂN: L'Assemblée nationale élabore les mesures pour mettre en œuvre les tâches socio-économiques et les Résolutions du IXe Congrès national du PCV. CHU TUẤN NHẠ: Pour que les sciences et technologies soient véritablement les fondements et la force motrice du développement. NGUYỄN THỊ DOAN: Elever la compétitivité de l'économie et des entreprises du Vietnam. NGUYỄN VĂN HUYÊN: Faire valoir la démocratie aujourd'hui dans le mécanisme d'un parti au pouvoir. NGUYỄN MINH ĐÀO: Le travail de mobilisation des masses à l'étape actuelle. ĐẶNG VĂN THANH: Choix des mesures financières pour les premières années du XXIe siècle. NGUYỄN THU MỸ: Le Vietnam et les expériences tirées du développement de l'ASEAN. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – PHAN VĂN DÂN: Les relations sino-américano-russes dans la décennie 1991-2001.

SUMARIO

* Directiva del Buró Político sobre la continuación de la ejecución de las Resoluciones del 6to Pleno (segunda vez) del VIII Congreso Nacional del Partido Comunista de Vietnam. TRẦN XUÂN GIÁ: Sobre la Estrategia del desarrollo económico-social 2001-2010 y del Plan Quinquenal 2001-2005 de Vietnam. CÙ THỊ HẬU: Intelectulizar a la clase obrera vietnamita. NHẬT TÂN: La Asamblea Nacional despliega las tareas socio-económicas y pone en práctica las Resoluciones del IX Congreso Nacional del Partido Comunista de Vietnam. CHU TUẤN NHẠ: Para que las ciencias y tecnologías sean verdaderamente los fundamentos y la fuerza motriz de desarrollo. NGUYỄN THỊ DOAN: Elevar la capacidad competitiva de la economía y de las empresas vietnamitas. NGUYỄN VĂN HUYÊN: Poner en alto la democracia en el mecanismo de un partido en poder en Vietnam de hoy. NGUYỄN MINH ĐÀO: Sobre la movilización a las capas populares en el actual período. ĐẶNG VĂN THANH: Escoger las soluciones financieras en los primeros años del siglo XXI. NGUYỄN THU MỸ: Vietnam y las experiencias del desarrollo de la ASEAN. NGUYỄN HOÀNG GIÁP – PHAN VĂN DÂN: Relaciones Rusia-China-Estados Unidos en el decenio de 1991-2001.

目录

* 政治局有关继续落实党八届六中全会第二次会议的指示 • 陈春价：有关我国2001年至2005年的发展经济、社会战略及2001年至2005年的五年计划 • 瑞氏后：目前我国工人阶级知识化 • 日新：国会展开经济、社会的任务，落实党九大的决议 • 周俊雅：使科技真正成为发展的基础及动力 • 阮氏端：提高越南经济及企业的竞争能力 • 阮文煊：在目前我国一党领导的机制上发扬民主 • 阮明桃：有关现阶段的民运工作 • 邓文清：二十一世纪初财政解决措施的选择 • 阮秋美：越南及东盟的发展经验 • 阮黄甲 - 潘文民：1991年至2001年十年来俄罗斯 — 中国 — 美国的关系

Digitized by Google

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ VIỆC TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) KHÓA VIII

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", quyết định toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (từ 19-5-1999 đến 19-5-2001), thực hiện tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở.

Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra"... "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII".

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), trước mắt, năm 2001, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tập trung thực hiện các việc sau :

1 - Tại Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã có báo cáo mang tính tổng kết về tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Nay yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được ; phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao chưa đạt yêu cầu ; xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân ; đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể, có tính khả thi để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới.

2 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình.

Rà soát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau khi tiến hành tự phê bình và phê bình, đặc biệt là việc giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị, kể cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh.

Gắn việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về kiện toàn tổ chức, bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách, sắp xếp cán bộ.

Tổ chức tốt các lớp quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX theo Chỉ thị 01-CT/TƯ, ngày 29-5-2001 của Bộ Chính trị ; đưa chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định 54 của Bộ Chính trị vào nền nếp.

3 - Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ vào những quy định của Bộ Chính trị về những điều cán bộ, đảng viên không được làm và Pháp lệnh cán bộ, công chức ; Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở... xem những điều gì chưa làm được, đề ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả.

Cán bộ, công chức kê khai nhà, đất theo hướng dẫn, quy định của Chính phủ. Đối với những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp phải kê khai nhà, đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng phải chỉ đạo chặt chẽ, xác định rõ tiến độ thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt các quy định.

4 - Xây dựng các quy định, đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp, thường xuyên, có chiều sâu, chất lượng trong sinh hoạt Đảng các cấp.

Về tổ chức thực hiện :

1 - Để tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ở Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp phụ trách Tiểu ban Trung ương 6 (2). Ở các cấp ủy, tổ chức đảng, đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng các cơ quan trực tiếp chỉ đạo.

2 - Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo thực hiện chỉ thị này và tổng hợp báo cáo theo các nội dung trên gửi về Bộ Chính trị trước ngày 15-7-2001. Báo cáo của cấp ủy do đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo xây dựng, lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc, các đồng chí lão thành cách mạng và thảo luận kỹ, nhất trí trong thường vụ cấp ủy trước khi báo cáo lên cấp trên.

3 - Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì cùng với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc kê khai nhà, đất, nguồn tiền để vợ, con đi học tự túc nước ngoài của cán bộ, công chức.

4 - Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng các quy chế, quy định, các nguyên tắc, cách thức tiến hành tự phê bình và phê bình bảo đảm tính tự giác, tính chiến đấu, tính nêu gương của cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng các cấp.

5 - Các ban đảng của Trung ương, cùng các cơ quan liên quan theo chức năng của mình phối hợp với Tiểu ban Trung ương 6 (2), giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, thực hiện chỉ thị, tổng hợp báo cáo của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương theo các nội dung nói trên trình Hội nghị Trung ương.

Chỉ thị này được phổ biến tới chi bộ.❑

Digitized by Google

VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010 VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005 CỦA NƯỚC TA

TRẦN XUÂN GIÁ *

CHIẾN lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 của Việt Nam đã được xác định là **Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp** với mục tiêu tổng quát : *"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".*

Cần xác định rõ những tư tưởng cơ bản và một số vấn đề chủ yếu của chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm như sau :

1 - Về con đường công nghiệp hóa của Việt Nam.

Đây là con đường công nghiệp hóa *rút ngắn thời gian* so với các nước đi trước, gắn công nghiệp hóa (CNH) với hiện đại hóa (HĐH) trong từng bước đi, gắn CNH, HĐH với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tận dụng tối đa những điều kiện mới của thế giới ngày nay, nhất là những bước tiến của cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có những bước đi tuần tự, đồng thời có những bước tiến nhảy vọt. Vừa tập trung sức phát triển mạnh công nghiệp, vừa đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn ; phát huy cao nhất mọi nguồn nội lực, trong đó nguồn lực con người có năng lực và trí tuệ là quan trọng và quyết định nhất ; đồng thời tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, tạo thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Để rút ngắn thời gian CNH, thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước chung quanh, chúng ta phải phấn đấu đạt nhịp độ *tăng trưởng kinh tế nhanh*, ít nhất là cao hơn nhịp độ tăng trưởng bình quân của các nước trong khu vực trong một thời gian tương đối dài, đi đôi với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô để tăng trưởng bền vững.

Chiến lược xác định 10 năm tăng ít nhất gấp 2 lần GDP (7,2%/năm). Do vậy, trong khi tiếp tục khai thác các tiềm năng để phát triển theo chiều rộng, chúng ta phải đặt trọng tâm vào nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với việc nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, chuyển dịch và nâng cấp cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ; từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Phát triển nhanh phải đi liền với *phát triển bền vững*, gắn kết sự phát triển kinh tế với *thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, gìn giữ và cải thiện môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.*

- Thực hiện *tiến bộ và công bằng xã hội* vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững. Để bảo đảm công bằng xã hội, cần chú ý các yếu tố cơ bản như : tạo cơ hội đồng đều cho sự phát triển của mọi người, tập trung vào giải quyết việc làm (đến năm 2010 tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng

* Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

ở nông thôn đạt 80 - 85% ; đến năm 2005, các chỉ tiêu này tương ứng là 5,4% và 80%) ; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực. Nhà nước vừa thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vừa quan tâm nhiều hơn tăng cường cho những vùng, những cộng đồng nhiều khó khăn để sớm xóa đói, giảm nhanh số hộ nghèo (theo tiêu chuẩn hiện nay, đến năm 2005 còn 10% và đến năm 2010 cơ bản không còn loại hộ này), cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân.

- *Bảo vệ và cải thiện môi trường* vừa là nhiệm vụ bức xúc vừa là vấn đề chiến lược lâu dài ; phải có giải pháp khắc phục tác động của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường tự nhiên của Việt Nam.

2. Xây dựng nền tảng của một nước công nghiệp.

Để đạt được mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại thì giai đoạn từ nay đến 2010 phải *xây dựng được nền tảng của một nước công nghiệp* với những yếu tố chủ yếu sau đây :

- Xây dựng *tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật* đáp ứng yêu cầu phát triển, bao gồm : kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; nền công nghiệp có sức cạnh tranh, trong đó có một bộ phận công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng có lựa chọn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng ; nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn hướng tới hiện đại ; phát triển mạnh các ngành dịch vụ cơ bản ; tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ.

Trong phát triển *công nghiệp*, vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa áp dụng công nghệ tiến bộ, đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa..). Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nông lâm thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt, phù hợp với điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được tác dụng và hiệu quả cần thiết... Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, hình thành các cụm công nghiệp lớn ; đồng thời phát triển rộng khắp các cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa với ngành nghề đa dạng. Trong 10 năm tới, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp và xây dựng khoảng 10 - 10,5%/năm : đến năm 2010 công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 41% GDP, sử dụng 23 - 24% lao động.

Về kết cấu hạ tầng, phát triển năng lượng đi trước một bước, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại. Hoàn thiện, nâng cấp, xây dựng mới nhiều tuyến đường giao thông ; phát triển mạnh giao thông nông thôn. Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị và trên 90% dân cư nông thôn.

Phát triển mạnh dịch vụ thương mại, vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, các dịch vụ tài chính - tiền tệ, kỹ thuật, tư vấn... Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ 7 - 8%/năm, đến năm 2010 chiếm 42 - 43% GDP, 26 - 27% lao động.

- Phát triển mạnh *nguồn lực con người* Việt Nam. Con người là động lực chủ yếu của quá trình sản xuất, là trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, cần phải xác định rõ việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đây là một vấn đề quan trọng và khó khăn bậc nhất trong quá trình CNH, HĐH, có ý nghĩa rất quyết định đối với thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để triển khai có hiệu quả, cần phải thực hiện đồng thời *3 nhiệm vụ* sau :

- Một là, phải *đưa nông nghiệp lên thành nền kinh tế hàng hóa lớn có chất lượng ngày càng cao.* Các biện pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được áp dụng rộng rãi. Trong 5 - 10 năm tới sẽ chú trọng bảo đảm an ninh lương thực ; phát triển các vùng cây công nghiệp, rau quả gắn với công nghiệp chế biến ; phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi ; phát triển mạnh thủy sản vươn lên hàng đầu trong khu vực ; nâng độ che phủ rừng lên 43% ; giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ và giá cả nông sản. Bảo đảm giá trị gia tăng nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,0 - 4,5%, năm 2010 tỷ trọng nông nghiệp trong GDP còn 16 - 17%.

Digitized by Google

- Hai là, *công nghiệp vùng nông thôn* phải được tạo dựng và phát triển, các dịch vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân cũng được phát triển mạnh và đa dạng. Lao động nông nghiệp hiện nay còn chiếm khoảng 63% tổng số lao động, dự kiến đến năm 2010 sẽ còn khoảng 50% và năm 2020 sẽ còn thấp hơn nữa (khoảng 25 - 30%).

- Ba là, xây dựng *kết cấu hạ tầng nông thôn :* mạng lưới đường sá, cung cấp điện và nước sạch, mạng lưới bưu chính - viễn thông, mạng lưới đô thị... Nâng cao không ngừng đời sống vật chất và văn hóa của dân cư nông thôn.

4 - Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với việc xây dựng nền kinh tế độc lập,tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Những bài học cả thành công và thất bại trong phát triển kinh tế đều cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của chiến lược kinh tế mở. Do vậy, nền kinh tế độc lập tự chủ mà chúng ta xây dựng vẫn là một *nền kinh tế mở* và ngày càng mở. Trước hết là *độc lập tự chủ về đường lối* phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; đẩy mạnh CNH, HĐH để *có tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật* đủ mạnh ; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô ; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và phát triển trong mọi tình huống phức tạp.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực và ngoại lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc ; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh ; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại ; chủ động về lộ trình, tranh thủ thời cơ, khắc phục và hạn chế các mặt bất lợi, rủi ro.

Trong chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phải *tập trung ưu tiên* giải quyết các vấn đề sau đây :

- Phát huy lợi thế, tăng cường *sức cạnh tranh* của các doanh nghiệp, của hàng hóa và của cả nền kinh tế, giảm dần hàng rào bảo hộ.

- Nâng cao *chất lượng và hiệu quả phát triển* kinh tế, hiệu quả hợp tác quốc tế.

- Tăng nhanh *tích lũy từ nội bộ nền kinh tế*, dự kiến đến năm 2010 sẽ đạt trên 30% GDP.

- Tăng nhanh tổng *kim ngạch xuất khẩu* (dự kiến nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP).

- *Tập trung thu hút vốn đầu tư* bên ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao (dự kiến trong 5 năm 2001 - 2005 sẽ thu hút đưa vào thực hiện trong nền kinh tế khoảng 9 - 10 tỉ USD). Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (dự kiến trong 5 năm 2001 - 2005 sẽ giải ngân được 10 - 11 tỉ USD).

5 - Đổi mới hệ thống các chính sách kinh tế và xã hội.

Để giải phóng triệt để sức sản xuất, tạo động lực và nguồn lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới một cách sâu rộng và đồng bộ, cả về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước. Những năm tới, chú trọng đổi mới hệ thống các chính sách kinh tế và xã hội, từng bước hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cải thiện môi trường pháp luật và kinh tế để cho mọi tổ chức kinh doanh theo *mọi thành phần kinh tế* đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, tất cả *đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo,* là lực lượng vật chất quan trọng và là một công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò then chốt trong một số ngành, lĩnh vực và cơ sở công nghiệp quan trọng. Thực hiện việc cơ cấu lại (sắp xếp lại, cổ phần hóa, giao, bán, khoán, cho thuê tài sản, phá sản...) và cải tiến quản lý doanh nghiệp nhà nước.

- *Hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường.* Ngoài các loại thị trường đã hình thành về hàng hóa và một số dịch vụ, cần phát triển thị trường vốn và tiền tệ, thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thị trường sức lao động, thị trường các loại dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, bảo hiểm, tư vấn...

- Đổi mới và tăng cường *vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế.*

Chức năng cơ bản của Nhà nước về kinh tế là : định hướng phát triển (bằng chiến lược, quy hoạch,

Digitized by Google

kế hoạch, chính sách) ; tạo môi trường pháp lý và kinh tế cho các chủ thể kinh tế hoạt động và cạnh tranh lành mạnh ; điều tiết hoạt động và phân phối lợi ích một cách công bằng, thông qua việc sử dụng các công cụ ngân sách, thuế khóa, tín dụng... ; kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế theo đúng luật pháp và chính sách.

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện để hình thành và phát triển thị trường, *nhưng giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp* bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, việc đổi mới công tác quản lý của Nhà nước tập trung vào *4 khâu quan trọng* và cấp thiết nhất : cải cách *tài chính*, cải cách *ngân hàng*, cải cách *doanh nghiệp* và cải cách *hành chính*. Chiến lược và kế hoạch 5 năm đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể để đổi mới chính sách và hệ thống tài chính ngân hàng, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Cùng với đổi mới và phát triển kinh tế, cũng rất coi trọng việc *đổi mới thể chế quản lý và phát triển các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội*. Hướng chủ yếu là tăng cường sự chỉ đạo, hỗ trợ và quản lý của Nhà nước đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa đúng đắn các hoạt động trong lĩnh vực này.

6 - Mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Mục tiêu của kế hoạch được xác định là : Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ; cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm, cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo ; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Các chỉ tiêu định hướng chủ yếu của kế hoạch 5 năm là :

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm thời kỳ 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%. Tổng giá trị GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995.

- Đến năm 2005, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 20 - 21% GDP ; công nghiệp và xây dựng khoảng 38 - 39% ; các ngành dịch vụ 41 - 42%.

- Tiếp tục củng cố và duy trì mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,5‰ ; tốc độ phát triển dân số vào năm 2005 khoảng 1,2%.

- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm ; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005. Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22 - 25% vào năm 2005. Nâng tuổi thọ bình quân lên 70 tuổi. Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn.

7 - Về tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch.

Vấn đề quan trọng và quyết định nhất là phải tổ chức thực hiện cho tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch 5 năm, cần lưu ý một số biện pháp cơ bản sau :

1 - Đột phá những lĩnh vực then chốt. Để tạo ra sự chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội, cần tập trung sức đột phá vào 3 lĩnh vực sau :

Một là, Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Hai là, Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Ba là, Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

(Xem tiếp trang 22)

Digitized by Google

TRÍ THỨC HÓA GIAI CẤP CÔNG NHÂN NƯỚC TA HIỆN NAY

CÙ THỊ HẬU *

TRONG những năm gần đây, nhờ ứng dụng thành công các thành tựu khoa học và công nghệ vào quá trình sản xuất của cải vật chất mà nền kinh tế của nhiều nước công nghiệp hóa đã có bước phát triển mạnh mẽ. Để có được những thành tựu đó, ở các nước này, đội ngũ công nhân được trí thức hóa (công nhân tri thức) đã giữ một vị trí hết sức quan trọng. Tại các nước trong Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển quốc tế (OECD), công nhân trí thức chiếm trên 60% lực lượng lao động. Một số nước tiến tiến có đội ngũ công nhân trí thức chiếm đến 80% lực lượng lao động. Thực tế đó cho thấy, ngày nay, sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia không chỉ dựa vào các yếu tố truyền thống như đất đai, tài nguyên, lao động. v.v..., mà phần lớn (phần quyết định) dựa vào sự phát triển và trình độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật.

Ở nước ta, qua hơn 15 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã giành được nhiều thành tựu rất to lớn, có ý nghĩa quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Kế thừa và phát huy những thành tựu đó, Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) với mục tiêu : *"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".*

Giai cấp công nhân Việt Nam và tổ chức công đoàn đang đứng trước những thách thức và vận hội mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân nước ta đã nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mặc dù trong giai đoạn hiện nay, nền công nghiệp nước ta còn nhỏ bé, giai cấp công nhân còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân số và lực lượng lao động xã hội, nhưng lại đang nắm giữ khối lượng lớn cơ sở vật chất và các phương tiện sản xuất hiện đại nhất của xã hội, quyết định phương hướng phát triển của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; hằng năm tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm 40% tổng sản phẩm xã hội, bảo đảm trên 60% ngân sách nhà nước. Hàng chục nghìn cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân bậc cao, thợ giỏi, thợ lành nghề đã năng động, sáng tạo, cố gắng thích ứng với cơ chế mới, tiếp cận nhanh với khoa học tiên tiến, công nghệ hiện đại, có nhiều phát minh, sáng kiến có giá trị kinh tế cao được áp dụng vào sản xuất và đời sống. Trong công cuộc đổi mới đất nước những năm vừa qua, công nhân lao động đã phát hiện và đề xuất nhiều giải pháp, kinh nghiệm quý cho Đảng và Nhà nước góp phần vào việc xây dựng các nghị quyết và chính sách quan trọng để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc giữ vững và phát triển sản xuất, ổn định chính trị, xã hội. Giai cấp công nhân nước ta luôn giữ vững

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

Digitized by Google

truyền thống cách mạng, xứng đáng là giai cấp tiên phong, lãnh đạo cách mạng, là lực lượng chính trị cơ bản, đội quân chủ lực trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến lược phát triển kinh tế trong thời kỳ mới sẽ tác động đến sự biến đổi về số lượng, cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề, điều kiện lao động, điều kiện sống của giai cấp công nhân và người lao động nước ta. Tình hình đất nước và xu thế thời đại đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nhanh chóng trí thức hóa đội ngũ công nhân nước ta. Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, nặng nề, vừa có tính cấp bách, vừa có tính cơ bản lâu dài, được tiến hành thường xuyên và liên tục. Đây không chỉ là nhiệm vụ riêng của giai cấp công nhân mà còn là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân tộc, quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nhất định sẽ thực hiện thành công nhiệm vụ quan trọng này.

Để hoạch định các bước đi phù hợp trong tiến trình trí thức hóa giai cấp công nhân, một điều cần thiết là phải xem xét, đánh giá một cách khách quan, khoa học thực trạng giai cấp công nhân nước ta hiện nay. Theo số liệu điều tra của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (năm 1999 - 2000) lực lượng lao động nước ta nhìn chung tuổi đời còn trẻ. Nhóm từ 18 tuổi đến 30 tuổi chiếm 36,4%. Ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, công nhân dưới 25 tuổi chiếm 43,42% ; từ 26 tuổi đến 35 tuổi chiếm 34,65% ; từ 36 tuổi đến 45 tuổi chiếm 14,04%. Phần lớn công nhân nước ta có thời gian công tác dưới 15 năm (64,46%). Điều đó cho thấy, trong những năm đổi mới, đội ngũ công nhân nước ta đã được trẻ hóa rất nhiều so với giai đoạn trước. Nhưng những số liệu điều tra sau đây lại phản ánh một cách đáng lo ngại về chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay. *Về trình độ học vấn* của công nhân : không biết chữ 0,23% ; trình độ văn hóa tiểu học 4,12% ; trình độ văn hóa trung học cơ sở 27,24% ; trình độ văn hóa trung học phổ thông 62,22%. Sự phân bố công nhân có trình độ văn hóa cao lại không đồng đều. Công nhân có trình độ văn hóa trung học phổ thông ở một số thành phố lớn và một số ngành sản xuất kinh doanh chiếm tỷ lệ cao. Tại thành phố Hải Phòng, số công nhân loại này chiếm 70,50% ; trong ngành công nghiệp là 74,52%. Trong khi đó ở một số tỉnh, tỷ lệ này còn rất khiêm tốn, như ở tỉnh Đồng Nai chỉ có 47,23%. Ở một số tỉnh miền núi, trình độ văn hóa của công nhân còn rất thấp. Sự chênh lệch đáng kể về trình độ văn hóa giữa nam và nữ (nam 63,01% có trình độ văn hóa trung học phổ thông, trong khi đó nữ chỉ 39% ; nam văn hóa phổ thông cơ sở là 2,44%, nữ : 4,08%) và tình trạng vẫn còn công nhân mù chữ đang là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết. *Về trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ* : công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo là 2 618 746 người. Số có bằng trung cấp chuyên nghiệp là 1 870 136 người ; số người tốt nghiệp cao đẳng, đại học, trên đại học là 1 503 541 người. Về trình độ bậc thợ : lao động giản đơn : 6,73% ; bậc 2`: 9,44% ; bậc 3 : 16,63% ; bậc 4 : 12,77% ; bậc 5 : 11,10% ; bậc 6 : 6,04% ; bậc 7 : 2,38%.

Số liệu trên đây phần nào cho thấy tình trạng mất cân đối trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân. Đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề thấp (bậc 2, bậc 3) đang chiếm tỷ lệ cao ; ngược lại, công nhân có trình độ tay nghề cao (bậc 6, bậc 7) lại chiếm tỷ lệ rất thấp. Mặt khác trình độ tay nghề của công nhân ở một số ngành và địa phương cũng có sự chênh lệch đáng kể. Ở các tỉnh phía Bắc, nhất là các khu công nghiệp lớn, có lực lượng công nhân lành nghề cao hơn các khu vực khác. Chẳng hạn, ở Công ty cao su Sao Vàng thuộc Tổng công ty hóa chất Việt Nam, trong số gần 2 500 công nhân, có : 1 788 công nhân có tuổi đời bình quân là 39 tuổi ; tuổi nghề bình quân là 19 ; có 180 kỹ sư ; 110 người có trình độ trung cấp ; công nhân bậc 4, bậc 5, bậc 6 chiếm 59%. Trong khi đó, tại thành phố Hồ Chí Minh (theo điều tra của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương và điều tra của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

thành phố năm 1998 - 2000 tại 400 doanh nghiệp) các doanh nghiệp này đang thiếu khoảng 27% chuyên gia kỹ thuật, khoảng 32% công nhân kỹ thuật. Các thành phần kinh tế đang thừa khoảng 17% lao động không có tay nghề (riêng doanh nghiệp nhà nước thừa 30%). Ở tỉnh Đồng Nai hiện có khoảng 150 000 người đang lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trong đó có khoảng 60% lao động nhập cư). Điều đáng chú ý là nhiều công ty, xí nghiệp đang từng bước hiện đại hóa dây chuyền sản xuất và công nghệ quản lý nhưng lại thiếu thợ bậc cao, thiếu công nhân lành nghề. Lao động lành nghề ít, lao động thủ công nhiều là một trong những nguyên nhân đẩy tỷ lệ thất nghiệp lên cao. Rõ ràng là, sự thiếu hụt lao động lành nghề và dư thừa lao động giản đơn đang là vấn đề bức xúc hiện nay. Có một nghịch lý tồn tại nhiều năm nay, nhưng chưa có biện pháp khắc phục, đó là tình trạng đào tạo không đi đôi với sử dụng lao động có nghề. Theo một nguồn tài liệu thì ở nước ta hiện có gần 76% công nhân được điều tra đang làm những công việc không phù hợp với ngành nghề đào tạo. Điều này ảnh hưởng xấu, làm hạn chế việc phát huy khả năng sáng tạo của công nhân, tới năng suất, chất lượng sản phẩm và gây lãng phí không nhỏ cho người lao động và cho xã hội.

Để tiến vào nền kinh tế tri thức, chủ động hội nhập nền kinh tế thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần có nhiều giải pháp cấp thiết và đồng bộ, trước hết là phải chuẩn bị một lực lượng lao động có chất lượng cao. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : *"Coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện trí thức hóa công nhân, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới"*. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, nhằm từng bước góp phần trí thức hóa giai cấp công nhân, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã xây dựng chương trình hành động, trong đó có những nội dung quan trọng sau đây :

1 - Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong tình hình mới.

Một vấn đề quan trọng trong nội dung này là tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong giai cấp công nhân, giáo dục pháp luật, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, vị trí vai trò của giai cấp công nhân trong tình hình mới, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức trong cạnh tranh, hội nhập quốc tế, tinh thần làm chủ tập thể, nâng cao giác ngộ giai cấp. Tiếp tục khẳng định mạnh mẽ giai cấp công nhân là đội quân tiên phong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cần có chính sách đầu tư thích hợp, chính sách ưu đãi để thông qua các nhà văn hóa lao động, câu lạc bộ công nhân, hệ thống thông tin, các hoạt động tuyên truyền, thể dục, thể thao để xây dựng đời sống tinh thần cho công nhân. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2 - Nâng cao chất lượng đào tạo trình độ tay nghề, học vấn, tác phong công nghiệp cho công nhân

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và tổ chức thực hiện, cùng với các tổ chức công đoàn đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo về học vấn, tay nghề, tác phong công nghiệp cho công nhân, nâng cao chất lượng của đội ngũ công nhân. Cần đầu tư thỏa đáng cho công tác đào tạo để xây dựng đội ngũ giáo viên, giáo trình, mở rộng các hình thức đào tạo, tăng số lượng trường đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhanh chóng phổ cập giáo dục phổ thông trung học cho công nhân trẻ, tuyển chọn một bộ phận công nhân ưu tú đào tạo dạy nghề từ đó phát triển thành các cán bộ quản lý hoặc đội ngũ công nhân lành nghề. Chú trọng công tác đào tạo nghề, nâng cao trình độ học vấn kết hợp với ngoại ngữ, trình độ tiếp thị để cung cấp lao động lành nghề, đáp ứng một số loại hình dịch vụ ngày càng cao về chất lượng.

Digitized by Google

Nhà nước cần bổ sung các quy định về trách nhiệm đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân của mỗi doanh nghiệp, xây dựng những bản quy ước, quy chế chuẩn về tác phong công nghiệp, phương pháp trong làm việc, lao động, giao tiếp, rèn luyện sự nhanh nhạy, tính tổ chức, kỷ luật, ham học hỏi, sáng tạo, nâng cao tri thức trong công nhân. Đội ngũ công nhân cần phải tự rèn luyện, phấn đấu nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, tri thức của mình.

3 - Xây dựng các chính sách nhằm nâng cao đời sống và giải quyết việc làm cho công nhân

Đảng và Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho công nhân thông qua các chế độ tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, phát triển kinh tế gia đình, chế độ ưu đãi về vốn tín dụng, bảo hiểm thất nghiệp..., từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân. Đẩy mạnh công tác đầu tư trong nước, phát huy mọi tiềm năng của các doanh nghiệp, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế, đa dạng hóa các hình thức đầu tư vào các ngành, nghề, các loại hình sản xuất, dịch vụ khác nhau, thu hút lao động, giải quyết việc làm, phát triển mạnh các khu công nghiệp - nơi đào tạo tốt nhất về tri thức và tay nghề cho công nhân. Mở rộng hợp tác với nước ngoài, tổ chức và quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu lao động, góp phần cải thiện đời sống và năng lực, tri thức cho công nhân. Ban hành các quy định về quản lý lao động ở nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của người lao động.

4 - Tổ chức các phong trào hành động cách mạng thiết thực, hiệu quả, phát huy vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình hành động cách mạng, các đề án, các dự án, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội là động lực, là nhân tố thúc đẩy tiềm năng tri thức của công nhân, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước với mục tiêu *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Phong trào thi đua đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn trong công nhân, lao động phải được coi là công việc thường xuyên và lâu dài của giai cấp công nhân và các tổ chức công đoàn. Đầu tư kinh phí và công sức để tổ chức tốt các phong trào thi đua, khơi dậy tính tự chủ, tinh thần sáng tạo, ý thức thi đua trong lao động, sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nước nhà.

5 - Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh gắn với xây dựng giai cấp công nhân

Là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn có vững mạnh thì giai cấp công nhân mới vững mạnh. Do đó việc xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh phải gắn với xây dựng giai cấp công nhân, là nhiệm vụ chiến lược quan trọng trong thời kỳ mới, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và tổ chức công đoàn Việt Nam. Đảng và Nhà nước quan tâm tạo những chính sách, cơ chế, điều kiện thuận lợi để phát huy hơn nữa vai trò của tổ chức công đoàn. Trên cơ sở đó tổ chức công đoàn hoàn thành chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành các chính sách, quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức công đoàn, qua đó xử lý các hành vi vi phạm các quyền của tổ chức cộng đoàn đồng thời góp phần sửa đổi, bổ sung các quy định chưa hợp lý.

Tổ chức công đoàn các cấp, nhất là cấp cơ sở, cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm thu hút, tập hợp, động viên nhiều đoàn viên trong các thành phần kinh tế tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất. Tăng cường công tác đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ công đoàn trưởng thành từ giai cấp công nhân, phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ công đoàn trẻ, có tri thức. Các cấp công đoàn cần trích một phần kinh phí để thành lập các quỹ khuyến học, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, lao động ưu tú được học tập, nâng cao trình độ, từng bước góp phần trí thức hóa giai cấp công nhân Việt Nam.❑

Digitized by Google

QUỐC HỘI TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

NHẬT TÂN

TẠI kỳ họp thứ 9, khóa X của Quốc hội, sau khi Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thay mặt Chính phủ trình bày báo cáo *"Phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2001, tạo bước phát triển mới ngay từ đầu năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng"*, Quốc hội đã tập trung thảo luận một cách dân chủ, đánh giá kết quả đã đạt được trong năm 2000 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2001 theo *"Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 mà Đại hội IX của Đảng đề ra"*.

Hầu hết các ý kiến nhất trí cho rằng : báo cáo của Chính phủ, báo cáo thẩm tra của Ủy ban kinh tế và ngân sách của Quốc hội đã đánh giá sát với thực trạng tình hình, nêu được những mặt tiến bộ, những bước phát triển, cũng như những khó khăn, tồn tại của đất nước trong những tháng còn lại và những năm sau. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình như sự tác động của kinh tế khu vực và thế giới đang diễn ra cuộc cạnh tranh hết sức gay gắt ; hậu quả lũ lụt của mấy năm trước chưa khắc phục hết ; các thế lực thù địch vẫn đang chống phá ta về nhiều mặt, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành nhanh nhạy của Chính phủ và sự cố gắng của các ngành, các cấp, của toàn dân, chúng ta đã chặn được đà giảm sút về kinh tế, xuất khẩu có chuyển biến tích cực, thu ngân sách tăng, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt mức ; văn hóa, xã hội có bước phát triển ; an ninh - quốc phòng được giữ vững. Đó là những thành tựu rất đáng phấn khởi. Đạt được những kết quả đó là do đường lối đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo tích cực của Chính phủ, của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của toàn dân.

Các đại biểu Quốc hội thể hiện sự đồng tình với các giải pháp của Chính phủ và của Ủy ban kinh tế và ngân sách vì nó phù hợp với "phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005" và "chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010" của Đảng. Tuy nhiên, còn ý kiến cho rằng những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc như vấn đề tiêu thụ sản phẩm, nông sản, các dịch vụ công cộng về đường sá, điện nước, bệnh viện, nhất là ở vùng nông thôn, vùng núi chuyển biến còn rất chậm. Tốc độ tăng trưởng tuy đã được phục hồi, nhưng chất lượng chưa cao. Sản phẩm hàng hóa chất lượng thấp, sức cạnh tranh yếu. Báo cáo của Chính phủ về một số vấn đề về kết quả của các giải pháp cho vấn đề kinh tế - xã hội mà Quốc hội đã đưa ra trong kỳ họp tháng 10 năm 2000 về chống tham nhũng, lãng phí còn mờ nhạt. Việc phát triển kinh tế hợp tác xã, kinh tế trang trại, khắc phục xu hướng giảm chỉ số giá cả hàng tiêu dùng còn lúng túng. Vì vậy, nhiều ý kiến chỉ tán thành với báo cáo của Chính phủ là *đã chặn được đà giảm sút về nhịp độ tăng trưởng kinh tế và lấy lại được nhịp độ tăng trưởng, nhưng còn băn khoăn, chưa đồng tình với đánh giá là đã lấy lại được nhịp độ tăng trưởng cao.* Bởi vì, đời sống của nhân dân, nhất là nông dân còn nhiều khó khăn, vẫn chưa vượt qua đói nghèo một cách vững chắc. Bên cạnh đó, tệ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất dân chủ, sách nhiễu gây phiền hà ở một bộ phận cán bộ, công chức còn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi. Các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn và đẩy lùi một cách

Digitized by Google

có hiệu quả. Sự phân hóa giàu nghèo, sự chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị có phần doãng ra...

Trên cơ sở phân tích sâu sắc thực trạng tình hình, các đại biểu Quốc hội đã đề xuất những sáng kiến, những giải pháp cũng như phản ánh nguyện vọng của cử tri cả nước với Quốc hội, đặc biệt đề nghị Chính phủ tập trung giải quyết một số vấn đề vừa bức xúc, trước mắt, vừa cơ bản, lâu dài.

1 - Về nông nghiệp và phát triển nông thôn

Đây là lĩnh vực mà hầu hết các ý kiến của đại biểu Quốc hội đều đề cập. Hiện nay tình hình tiêu thụ nông sản tiếp tục gặp khó khăn lớn. Giá nông sản hàng hóa đang ở mức rất thấp, tiêu thụ rất khó khăn, và bị thua thiệt trên thị trường trong nước và quốc tế. Trong khi đó giá vật tư nông nghiệp ngày càng tăng như phân bón, thuốc trừ sâu, điện v.v. Điều đó đã tác động tiêu cực tới sản xuất, ảnh hưởng tới thu nhập và đời sống của nông dân. Các biện pháp cấp bách của Chính phủ về tiêu thụ nông sản được triển khai có phần tích cực, nhưng kết quả chưa đạt được như mong muốn. Việc mua tạm trữ gạo, cà phê vừa qua còn mang tính tình thế. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh ở khu vực nông thôn chậm được củng cố, bị động trong việc cung ứng vật tư và nhất là cung ứng các sản phẩm đầu vào cho sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả ; công nợ dây dưa, kéo dài ; các biện pháp xử lý với loại hình kinh tế này còn rất lúng túng. Nhiều hợp tác xã tuy đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã nhưng hoạt động còn mang tính hình thức. Từ tình hình trên nhiều đại biểu Quốc hội đề nghị :

- Chính phủ cần tập trung đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, kinh tế nông nghiệp ; quan tâm hơn nữa việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở khu vực nông thôn, nhất là các vùng miền núi, đồng bào dân tộc.

- Có dự báo về khả năng tiêu thụ nông sản hàng hóa trên thị trường trong nước và quốc tế để xây dựng chiến lược sản xuất tiêu thụ nông sản, không để tình trạng ứ thừa một số sản phẩm nông nghiệp như giai đoạn vừa qua. Có chính sách trợ giá cho gạo, cà phê xuất khẩu. Nhiều đại biểu hoan nghênh chủ trương giảm, miễn thuế nông nghiệp của Chính phủ. Tuy nhiên, có 3 loại ý kiến : *Thứ nhất* là miễn 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân. *Thứ hai* là miễn 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền, còn ngoài hạn điền miễn 50%. *Thứ ba* là miễn 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền, còn ngoài hạn điền vẫn thu 100%. Đây là một vấn đề phức tạp, Quốc hội đề nghị trước mắt Chính phủ thực hiện như báo cáo của Chính phủ, và tiếp tục xem xét các phương án để có quyết định phù hợp nhất.

- Cần tổng kết, đánh giá toàn diện hoạt động của các hợp tác xã để có giải pháp xử lý về mặt tài chính, lao động, đào tạo cán bộ đối với các hợp tác xã, xây dựng quy chế bảo hiểm xã hội cho xã viên hợp tác xã.

- Chính phủ nên quy định chính sách hoàn vốn xây dựng công trình điện cho nhân dân ở nông thôn một cách phù hợp.

- Cần nghiên cứu và triển khai nhanh việc cấp quyền sử dụng đất, giúp nhân dân có quyền sử dụng đất để có thể thế chấp vay vốn ngân hàng nhằm phát triển sản xuất.

2 - Công nghiệp

Ở nước ta, công nghiệp đã có bước tăng trưởng, nhưng một số ngành còn gặp khó khăn như công nghiệp cơ khí, chế tạo máy, công nghiệp chế biến phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Nhiều sản phẩm công nghiệp chất lượng thấp, thiếu sức cạnh tranh, gây khó khăn cho nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Nhiều đại biểu đề nghị cần đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ cho sản xuất công nghiệp để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên cơ sở khai thác các lợi thế nhân công, quản lý nguyên liệu ; đồng thời tập trung đầu tư những dự án sản xuất hàng thay thế nhập khẩu. Cần có biện pháp mạnh mẽ, sắp xếp, quản lý loại doanh nghiệp nhà nước, tháo gỡ khó khăn, ách tắc cho doanh nghiệp

Digitized by Google

trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ; xử lý dứt điểm các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài.

3 - Về xuất nhập khẩu

Nhiều đại biểu Quốc hội tỏ rõ thái độ băn khoăn về tình hình nhập khẩu linh kiện xe máy, ôtô ; nhập khẩu hàng tiêu dùng ; việc chống gian lận thương mại và chống buôn lậu chưa có hiệu quả. Hiện nay, thị trường xuất khẩu hàng hóa nông sản của chúng ta chưa được mở rộng. Chính phủ cần tiếp tục xem xét, cải tiến cơ chế, thủ tục xuất nhập khẩu tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam cạnh tranh bình đẳng trên thị trường quốc tế, nhất là tạo thông thoáng cho hàng xuất khẩu ; đồng thời có những biện pháp nghiêm khắc hơn nữa để hạn chế việc nhập khẩu các loại hàng mà chúng ta có thể sản xuất được. Quản lý chặt chẽ việc nhập ôtô nguyên chiếc, bộ linh kiện và lắp ráp xe máy dạng IKD. Tổ chức lại mạng lưới thương nghiệp quốc doanh ở khu vực nông thôn, kể cả hợp tác xã. Có chính sách để hướng dẫn cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế vươn lên trong tình hình mới, bảo đảm cho hàng sản xuất trong nước cũng như hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh được trong tiến trình hội nhập kinh tế trong khu vực và thế giới.

4 - Về đầu tư phát triển

Các ý kiến đều cho rằng việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thuộc ngân sách nhà nước còn quá chậm ; tình trạng vốn chờ dự án công trình vẫn chưa được khắc phục ; nợ khối lượng xây dựng cơ bản hằng năm còn cao và là gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Nguyên nhân là do thủ tục đầu tư phức tạp, công tác giải phóng mặt bằng còn gặp khó khăn, công tác đấu thầu có nhiều tiêu cực, cơ cấu đầu tư không hợp lý. Nhiều đại biểu Quốc hội đề nghị Chính phủ cần làm tốt hơn nữa việc rà soát, sửa đổi những quy định và thủ tục quản lý đầu tư theo hướng đơn giản, nhất là đối với các công trình vừa và nhỏ ở nông thôn ; tăng cường công tác chuẩn bị đầu tư để có thể nhanh chóng giải ngân tạo vốn cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Công tác giải phóng mặt bằng chú ý để cho người dân được đền bù lợi hơn một chút so với nơi ở cũ. Đối với các đối tượng chây ì làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng, gây lãng phí tiền của Nhà nước và dẫn tới tiền lệ xấu trong xã hội thì cương quyết giải tỏa bằng biện pháp cưỡng chế. Những quy định dễ gây tiêu cực trong quy chế đấu thầu cần sớm được điều chỉnh để tránh tình trạng thầu giả hay liên kết thầu làm thất thoát tiền của của Nhà nước, làm giảm chất lượng của công trình. Nhiều ý kiến của đại biểu Quốc hội lo ngại về tình hình chỉ số giá nông sản hàng hóa tiếp tục giảm mạnh, trong khi chúng ta đang tập trung thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Trong tình trạng tổng phương tiện thanh toán đang khá cao khoảng 30% thu nhập và sức mua của xã hội vẫn đang bị giảm sút như hiện nay là vấn đề lớn, Chính phủ cần nghiên cứu đánh giá đúng tình hình để có giải pháp xử lý thích hợp, tránh gây ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, xã hội.

5 - Về tài chính, ngân sách tiền tệ tín dụng

Có nhiều ý kiến của đại biểu Quốc hội băn khoăn về dự toán thu ngân sách năm 2001 thấp hơn số thực hiện năm 2000 là 3,6% và đưa ra những đề xuất khác nhau. *Thứ nhất,* đề nghị Quốc hội xem xét điều chỉnh lại các chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước, trên cơ sở đó điều chỉnh các khoản chi. *Thứ hai,* đề nghị Quốc hội giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chặt chẽ việc sử dụng số vượt thu ngân sách nhà nước năm 2000. Sau khi đại biểu Nguyễn Sinh Hùng - Bộ trưởng Bộ Tài chính giải trình, Chủ tịch đoàn đề nghị với Quốc hội xin thực hiện đúng như Nghị quyết của Quốc hội trong kỳ họp tháng 10 năm ngoái. Khoản 10 của Nghị quyết đã nói rõ, toàn bộ số tăng thu về dầu thô và các khoản thu khác so với dự toán, cùng với ngân sách trung ương năm 2000 chuyển hết sang năm 2001 để giảm mức bội chi ngân sách nhà nước, thanh toán nợ đầu tư xây dựng cơ bản và bổ sung dự phòng ngân sách để giải quyết những vấn đề đột xuất phát sinh trong năm. Phấn đấu giảm mức bội chi ngân sách nhà nước xuống mức không quá 5% GDP mà vẫn bảo đảm mức vốn đầu tư phát triển như trong dự toán là 32 860 tỉ đồng. Chủ tịch đoàn tiếp tục đề nghị Quốc hội giao cho Chính phủ sắp tới sơ kết thực hiện thu chi

Digitized by Google

6 tháng sẽ báo cáo với Thường vụ Quốc hội những khoản thu vượt và trên cơ sở thu vượt đó, thực hiện Nghị quyết Quốc hội, trước hết là giảm bội chi.

Về tiền thẻ tín dụng, nhiều ý kiến đề nghị sớm thành lập Ngân hàng chính sách, đơn giản hóa thủ tục, hạ lãi suất và tăng thời hạn cho vay đối với nông dân vay vốn để sản xuất ; tiếp tục thực hiện chính sách tỷ giá phù hợp để hỗ trợ cho xuất khẩu, xây dựng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở cơ sở để hỗ trợ sản xuất ở nông thôn. Có ý kiến lo lắng nếu quỹ tín dụng nông thôn không được củng cố, không được giám sát, kiểm tra, có thể bị tan vỡ như hợp tác xã tín dụng. Tới đây đề nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại tiếp tục cho các đối tượng đã vay để đóng tàu, đánh bắt xa bờ được vay vốn lưu động nhằm có điều kiện đầu tư vào sản xuất, từ đó có khả năng để trả nợ cũ và nợ mới, miễn lãi suất trong thời hạn đóng tàu.

6 - Về vấn đề xã hội, quốc phòng, an ninh và các vấn đề khác

Nhiều ý kiến của đại biểu Quốc hội tỏ ra lo lắng về các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội không giảm mà còn tiếp tục gia tăng. Đa số các ý kiến đề nghị xã hội hóa việc đấu tranh chống tệ nạn từ gia đình đến trường học, công sở, đường phố, theo nguyên tắc "gia đình có tốt thì xã hội mới tốt". Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi vi phạm và tiếp tay cho các hoạt động phi pháp, cũng như các tệ nạn xã hội. Hiện nay các vũ trường, karaoke, bia ôm, nhậu nhẹt, thác loạn đang phát triển ở các thành phố, thị trấn, nếu cứ để như thế sẽ ảnh hưởng tai hại đến thế hệ trẻ của nước ta. Đề nghị các cấp, các ngành xem xét lại cách quản lý nhà nước của mình về vấn đề này.

Nhiều ý kiến cũng cho rằng chính sách xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm là cần thiết, nhưng vừa qua đã để xảy ra quá nhiều tiêu cực. Nhà nước cần rút kinh nghiệm quy định như thế nào đó để có cơ chế kiểm tra, kiểm soát giúp cho những người nghèo, những người không có việc làm được đi xuất khẩu lao động. Hiện nay lao động nông thôn thừa rất nhiều, nhưng cơ chế xuất khẩu lao động như vừa qua gây ra quá nhiều tiêu cực, nhiều vụ lừa đảo rất đau lòng làm cho người lao động bị mất mát, thiệt thòi lớn, trái với mục đích của nhà nước đề ra.

Về thực hiện chính sách đối với người có công, nhiều ý kiến đề nghị Chính phủ có chủ trương rà soát lại các đối tượng trong diện chính sách để không bị bỏ sót và bảo đảm sự chính xác, tránh gian lận. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, xét thưởng cho những người có huy chương trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đã chết trước khi Chính phủ ban hành chế độ khen thưởng theo Nghị định 28.

Đối với công tác y tế nhiều ý kiến đề nghị Chính phủ có chính sách tăng mức đầu tư kinh phí cho ngành y tế để nâng cấp cơ sở vật chất khám chữa bệnh cho nhân dân. Đầu tư trang thiết bị y tế cho các tuyến, đặc biệt là các tuyến ở cơ sở xã, huyện hiện đang gặp khó khăn, thiếu thốn trong việc thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân. Nhiều ý kiến yêu cầu nâng cấp trung tâm y tế ở các huyện vùng cao, miền núi. Việc đưa bác sĩ giỏi, kỹ thuật viên giỏi về công tác tại những vùng này và có chính sách thích hợp kèm theo cũng là vấn đề hết sức bức thiết. Đề nghị Chính phủ có chính sách cải cách tiền lương nói chung, trong ngành y tế nói riêng để mọi người có điều kiện chuyên tâm với công việc của mình.

Vấn đề thi hành pháp luật, các đại biểu thấy còn nhiều điểm cần phải xem xét như pháp luật chậm đi vào cuộc sống, thực hành pháp luật chưa nghiêm... Nguyên nhân đáng chú ý là do việc tổ chức triển khai hướng dẫn thi hành luật pháp còn chậm ; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật chưa được sâu rộng ; công tác xây dựng pháp luật còn mang tính chắp vá, còn nhiều điểm chưa nhất quán. Có những văn bản pháp luật vừa ban hành xong đã bị lạc hậu, cần phải sửa đổi. Việc ban hành pháp luật chưa mang tính tổng thể, toàn diện, còn bị động và phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh. Nhiều ý kiến đề nghị các cơ quan có trách nhiệm xây dựng các dự án luật theo hướng vừa phục vụ các mục tiêu lâu dài, vừa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trước mắt, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật nói chung.

Về việc thi hành Bộ Luật lao động, nhiều quy định pháp luật về bảo hộ lao động, an toàn và vệ

Digitized by Google

sinh lao động chưa được thực hiện đúng với luật hiện hành. Ví dụ như tổ chức, quản lý bảo hộ lao động, chấp hành quy định về bảo hộ lao động của người sử dụng lao động, xử lý vi phạm về an toàn vệ sinh lao động v.v...

Tình hình khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện kéo dài vẫn còn xảy ra ở khá nhiều nơi. Nhiều vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết thỏa đáng, nhất là vấn đề đất đai, giải phóng mặt bằng... Chính phủ và chính quyền các cấp cần có biện pháp tích cực giải quyết kịp thời, tại chỗ, tạo sự ổn định xã hội, thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân.

Về cải cách hành chính, mặc dù được xác định là khâu đột phá, nhưng những năm qua chúng ta thực hiện còn chậm, hiệu quả thấp, bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, thủ tục hành chính còn phiền hà, gây mất thời gian, dễ nảy sinh tiêu cực. Chính phủ chưa kiểm soát được toàn bộ hệ thống văn bản do các bộ, ban, ngành ban hành. Chính phủ cần sớm tìm ra nguyên nhân và có giải pháp đồng bộ, từng bước kiện toàn bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn. Vấn đề này, Quốc hội khóa X còn nợ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cho nên, cũng có đại biểu Quốc hội cho rằng do chưa có luật đó nên có tình trạng ở địa phương ban hành văn bản không đúng thẩm quyền, chức năng. Một số ý kiến đề nghị đẩy mạnh phân công, phân cấp trong chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động, quy định rõ trách nhiệm cá nhân của người lãnh đạo. Khi ban hành chính sách liên quan đến đời sống xã hội, Chính phủ cần lấy ý kiến tham khảo của các bộ, ngành có liên quan để bảo đảm tính ổn định, khả thi khi thực hiện chính sách. Hạn chế tối đa việc chính quyền địa phương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản của Chính phủ, bộ, ngành. Cần tổng kết những điển hình về khoán kinh phí hoạt động, khoán quỹ lương để từ đó rút kinh nghiệm và tiến tới nhân rộng ra. Cần có sự đánh giá thực trạng cán bộ cơ sở, xây dựng chính sách và biện pháp cụ thể đào tạo cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ cấp xã, có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ xã, phường.

Vấn đề dân tộc và miền núi cũng được nhìn nhận một cách sâu sắc. Nhìn chung Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách cụ thể quan tâm đến đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi biên giới, hải đảo. Tuy nhiên, khoảng cách về đời sống kinh tế - xã hội giữa miền núi và đồng bằng vẫn còn quá xa ; sự phát triển của miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn nhiều vấn đề phải làm. Một số ý kiến đề nghị Chính phủ cần có những giải pháp thiết thực hơn nữa trong việc tổ chức thực hiện và đầu tư có hiệu quả cho miền núi. Trước mắt, Chính phủ tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng như đường giao thông, các công trình thủy lợi, điện, nước sạch, trường học, trạm y tế ; tập trung đào tạo cán bộ cho miền núi, nhất là giáo viên, cán bộ ngành y, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Việc triển khai thực hiện Chương trình 135 bước đầu đã đem lại một số kết quả, nhưng nhiều nơi chất lượng thực hiện còn thấp, cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý việc thực hiện chương trình này. Có ý kiến cho rằng Chương trình 135 thiếu đồng bộ, không rõ mục đích, mới chỉ tập trung vào xây dựng đường giao thông, chưa chú trọng đến xây dựng trường học, trạm y tế, thủy lợi và còn nhiều sai phạm làm ảnh hưởng đến hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Có ý kiến đề nghị tăng mức đầu tư Chương trình 135 tập trung mạnh cho thủy lợi, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa. Cùng với đó là tăng cường quản lý nhà nước, thực hiện công khai để dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra.

Về vấn đề quốc phòng - an ninh, có ý kiến đề nghị với Quốc hội xây dựng và ban hành Luật Quốc phòng, chiến lược biên giới, chiến lược biển, quan tâm hơn nữa đến hệ thống chính trị cơ sở và kinh phí cho an ninh - quốc phòng. Đây là những vấn đề lớn cần phải có sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương. Có ý kiến đề nghị Đảng và Nhà nước quan tâm hơn nữa việc nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn, không để các thế lực thù địch lợi dụng những khó khăn về đời sống của đồng bào kích động, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội và làm mất ổn định chính trị, an ninh quốc gia. ❑

Digitized by Google

ĐỂ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC SỰ TRỞ THÀNH NỀN TẢNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

CHU TUẤN NHẠ *

TRONG suốt các chặng đường lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn coi trọng vai trò của khoa học và công nghệ (KH và CN). Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng thời kỳ, vai trò của KH và CN được Đảng nhận thức và vận dụng một cách linh hoạt, sát với những đòi hỏi của thực tiễn. Tại Hội nghị Trung ương 2, khóa VIII năm 1996, trong bối cảnh đất nước vừa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng đã kịp thời xác định vai trò của KH và CN là khâu *"đột phá"* đưa đất nước tiến lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Bước vào thế kỷ XXI, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh : phát triển KH và CN cùng với giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, *là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa.*

1. Nhận thức về vai trò nền tảng và động lực của KH và CN từ thực tiễn và trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện nay.

Nói đến vai trò nền tảng và động lực của KH và CN trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là nói đến con đường công nghiệp hóa dựa trên cơ sở KH và CN, coi KH và CN là lực lượng sản xuất trực tiếp và hàng đầu, tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước bằng KH và CN. Quan điểm này thể hiện rõ quyết tâm và sự lựa chọn sáng suốt của Đảng ta trong đổi mới tư duy, đổi mới quan niệm và đổi mới phương thức phát triển phù hợp với những đòi hỏi phải tiến hành công nghiệp hóa đi đôi với hiện đại hóa, công nghiệp hóa với tốc độ nhanh hơn nhưng vẫn bảo đảm tính bền vững trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Thế kỷ XX đã chứng kiến những đổi thay to lớn do KH và CN mang lại. Trên bản đồ kinh tế thế giới, sự xuất hiện của nhóm các nước mới công nghiệp hóa (NICs) sau chiến tranh thế giới thứ hai cũng không nằm ngoài ảnh hưởng lan tỏa của các thành tựu KH và CN thông qua quá trình chuyển giao công nghệ tiến bộ. Bằng các chính sách công nghệ và công nghiệp khôn ngoan, kiên quyết, các nước NIC đã tận dụng được cơ hội tiếp thu nhanh chóng các công nghệ mới, thay đổi phương thức sản xuất bản địa vốn dựa trên lao động thủ công và tài nguyên thiên nhiên là chủ yếu, chuyển sang áp dụng các kỹ thuật cơ khí hóa, tự động hóa theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhờ đi theo con đường công nghiệp hóa dựa hẳn vào KH và CN, một số quốc gia đã rút ngắn được thời gian cần thiết để làm tăng gấp đôi thu nhập bình quân đầu người. Nếu như nước Anh phải mất 58 năm, Hoa Kỳ 47 năm, Nhật Bản 34 năm, thì gần đây Bra-xin đã tăng gấp đôi thu nhập đầu người chỉ trong 18 năm, Hàn Quốc 11 năm và Trung Quốc chỉ trong 10 năm. Vào đầu những năm 1960, Hàn Quốc ở châu Á và Ga-na ở châu Phi cùng là các quốc gia chậm phát triển có mức thu nhập đầu người như nhau. Ngày nay, thu nhập đầu người của Hàn Quốc lớn gấp hơn sáu lần Ga-na. Các nghiên cứu chỉ ra rằng một nửa sự khác biệt về thu nhập

* GS. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Digitized by Google

đó là do phương thức thu nhận và sử dụng tri thức KH và CN tạo nên. Giữa những năm 60, Xin-ga-po đã khởi đầu quá trình công nghiệp hóa từ một nước rất nghèo, hầu như không có tài nguyên thiên nhiên, với một lực lượng lao động phần lớn là thủ công, không lành nghề. Đất nước này đã quyết định phát triển bằng cách thu hút đầu tư và công nghệ nước ngoài, đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo nhân lực phục vụ cho các ngành kỹ thuật cao, vào các ngành công nghệ thông tin, viễn thông. Ngày nay, sau 35 năm, từ một nước chậm phát triển, Xin-ga-po đã gia nhập nhóm các nước phát triển với mức thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới.

Vai trò động lực của KH và CN trong quá trình công nghiệp hóa đã được thực tế chứng minh. Bước vào thế kỷ XXI, thế giới sẽ cuốn theo xu thế tất yếu của kinh tế tri thức, nền kinh tế biết khai thác và phát huy triệt để tiềm năng chất xám, những ý tưởng sáng tạo và nhất là những tri thức về chính sách. Trong xu thế đó, chỉ có nền kinh tế nào có khả năng sáng tạo và sử dụng nhiều tri thức, tạo ra môi trường thể chế năng động thì mới có thể thu hút được nhiều vốn đầu tư và lao động trình độ cao. Những nền kinh tế như vậy không nhất thiết chỉ là các nền kinh tế đã phát triển, với nhiều của cải vật chất, tài nguyên mà chính là những nền kinh tế năng động, sáng tạo và thông minh về chính sách. Xu thế này thực sự đang mở ra cơ hội mới cho các nền kinh tế đang phát triển với điểm xuất phát thấp, cơ sở vật chất nghèo nàn, nhưng quyết tâm đổi mới phương thức phát triển đi theo con đường thu hút, sáng tạo và sử dụng tri thức KH và CN để tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa như Việt Nam.

Thực tiễn Việt Nam trong những năm qua cũng cho thấy ở đâu có sự sáng tạo trong đổi mới các giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, chính sách thì ở đó đều có tiến bộ vượt bậc. Sự sáng tạo của Đảng trong chính sách khoán áp dụng cho nông nghiệp những năm 80 là một ví dụ điển hình cho thấy vai trò của chính sách trong việc tạo ra mức tăng trưởng sản lượng kỷ lục về lương thực mà không một yếu tố sản xuất nào thông thường trước đó như vốn, lao động, vật tư có thể mang lại. Quá trình sáng tạo và triển khai chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã dẫn tới sự ra đời của một khu vực kinh tế mới - khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài rất năng động đang góp phần tạo ra trên 10% GDP, 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Ngành bưu chính viễn thông, khai thác dầu khí nhờ những quyết sách táo bạo trong đầu tư vào kỹ thuật, công nghệ hiện đại mà đã đạt và duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong suốt thời gian qua. Công ty chế biến sữa VINAMILK nhờ đi thẳng vào công nghệ hiện đại mà từ tình trạng vô cùng khó khăn đã vươn lên sản xuất ra những sản phẩm cạnh tranh được với hàng nhập ngoại. Bằng cách áp dụng kỹ thuật cho trái cây ngủ, kéo dài đời sống của trái cây thêm một vài tháng mà vẫn giữ nguyên phẩm chất đến tay người tiêu dùng, làm giảm cước phí vận chuyển trái cây từ 3 USD/kg bằng máy bay xuống còn 10 cent chở bằng tàu thủy, các nhà sản xuất trái cây truyền thống ở Việt Nam đứng trước cơ hội trước đây chưa hề có, nâng cao được hiệu quả và khả năng cạnh tranh trên các thị trường tiêu thụ quả tươi ở tận Bắc Mỹ.

Rõ ràng, quan niệm về vai trò nền tảng và động lực phát triển của KH và CN vừa có cơ sở thực tiễn trong nước, vừa phù hợp với xu thế phát triển chung trên thế giới, khi lợi thế tương đối của các yếu tố lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên đang chuyển dần sang các yếu tố tri thức KH và CN. Vấn đề đặt ra là làm thế nào xây dựng được tiềm lực đủ mạnh và thích hợp cũng như tạo lập được môi trường thể chế chính sách đồng bộ để các hoạt động KH và CN ở nước ta có thể phát huy vai trò nền tảng và động lực nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong những năm tới.

2. Tiềm lực KH và CN ở nước ta hiện nay

Nhờ có đường lối đúng đắn và sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước ta đối với KH và CN trong suốt các thời kỳ vừa qua, cho đến nay, Việt Nam đã có được một tiềm lực KH và CN đáng kể, có khả năng cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách phát triển đất nước ; tiếp thu nhanh chóng các thành tựu KH và CN được chuyển giao từ bên ngoài, từng bước vươn lên giải quyết nhiều vấn đề KH và CN do nhu cầu của thực tiễn đất nước đặt ra.

Digitized by Google

Chỉ tính từ 1997 đến nay, nhân lực KH và CN của cả nước đã tăng gấp 1,5 lần. Cán bộ KH và CN có trình độ đại học đạt xấp xỉ 1,3 triệu và hằng năm bổ sung thêm khoảng 180 000 người. Cán bộ có trình độ tiến sĩ đã tăng lên gần 13 000 vào năm 2000. Trình độ, năng lực cán bộ trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, công trình điện, bưu chính viễn thông, thăm dò và khai thác dầu khí đạt mức trung bình tiên tiến trong khu vực, có khả năng tiếp thu và làm chủ các công nghệ mới, hiện đại. Trình độ đội ngũ cán bộ nghiên cứu cơ bản hiện ở vị trí trung bình tiên tiến trong khu vực. Bắt đầu từ năm 2000, Chính phủ đã bố trí khoản ngân sách riêng để hằng năm chủ động gửi hàng trăm sinh viên và cán bộ KH và CN có năng lực đi đào tạo dài hạn tại các nước có nền KH và CN tiên tiến, từng bước khôi phục lại số lượng hàng nghìn sinh viên và cán bộ KH và CN mỗi năm được đào tạo tại các nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

Hệ thống tổ chức KH và CN đã được củng cố và phát triển theo hướng vừa có trọng điểm vừa đa dạng hóa gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội, văn hóa và KH và CN của các thành phần kinh tế. Hơn 3/4 trong tổng số khoảng 870 tổ chức nghiên cứu - phát triển ở nước ta hiện nay đã không nhận kinh phí cấp phát từ ngân sách nhà nước và đối với nhiều viện trong số 55 viện trọng điểm thì phần kinh phí từ ngân sách nhà nước cũng chỉ chiếm 1/3 tổng kinh phí hoạt động. Chúng ta đang xúc tiến xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hòa Lạc và thành phố Hồ Chí Minh với những dự án về các viện nghiên cứu - phát triển hiện đại được tổ chức theo mô hình mới, gắn kết ngay từ đầu với sản xuất, kinh doanh và tương hợp với tiêu chuẩn quốc tế về cả quản lý lẫn cơ sở vật chất. Các viện nghiên cứu - phát triển sẽ đóng vai trò là hạt nhân hình thành một hệ thống tổ chức KH và CN có năng lực phục vụ hiệu quả hơn các yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong tương lai.

Danh mục 16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia thuộc các hướng KH và CN ưu tiên như công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa đã được Chính phủ thông qua, 6 trong số đó đang được triển khai thực hiện trong 2 năm 2001 - 2002. Các phòng thí nghiệm này đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và chắc chắn sẽ góp phần nâng cao đáng kể năng lực phục vụ cho các hướng nghiên cứu phát triển có tính chất đột phá của KH và CN Việt Nam từ nay đến năm 2010.

Đặc biệt, cơ sở hạ tầng thông tin KH và CN đã có những bước phát triển mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập dần với khu vực. Các chương trình phát triển mạng và nối mạng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, hòa mạng quốc gia và In-tơ-nét đã đưa việc phổ cập tri thức KH và CN lên một trình độ mới. Mạng VISTA thuộc Bộ KHCN và MT đã phát triển thành một In-tra-nét quốc gia về KH và CN, bảo đảm cho 61 tỉnh và thành phố, các cơ quan thông tin KH và CN, các cơ quan nghiên cứu, phát triển của các bộ, ngành địa phương cũng như các trường đại học trong cả nước có thể truy cập và trao đổi các nguồn thông tin KH và CN cần thiết.

Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, năm 2000 là năm đầu tiên ngân sách nhà nước đầu tư cho KH và CN đã đạt 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Đặc biệt nhờ thực hiện chủ trương xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn đầu tư, tỷ trọng kinh phí huy động được từ các nguồn ngoài ngân sách Nhà nước đã tăng lên đáng kể, chiếm đến 30 - 35% tổng kinh phí trong nước đầu tư cho KH và CN. Một số loại hình quỹ hỗ trợ phát triển và tài trợ phát triển KH và CN đang được nghiên cứu để đổi mới phương thức nâng cao hiệu quả hình thành và sử dụng tài chính cho KH và CN.

Hợp tác quốc tế về KH và CN trong những năm qua đã góp phần đáng kể vào tăng cường tiềm lực KH và CN trong nước. Qua các hình thức hợp tác ngày càng mang tính chủ động, tích cực, bình đẳng, cùng có lợi, dần dần nâng cao trình độ KH và CN, hiện đại hóa trang thiết bị, phương pháp và tổ chức công tác nghiên cứu phát triển theo hướng tương hợp dần với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Đến nay, thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập, Việt Nam đã thiết lập được các mối quan hệ hợp tác KH và CN với hầu hết các nước trong khu vực, nhất là các nước và nền kinh tế trong khối ASEAN, APEC, các nước G7 và gần đây đã ký Hiệp định hợp tác KH và CN Việt Nam - Hoa Kỳ.

Digitized by Google

3. Những thành tựu KH và CN trong thời gian qua và khả năng phát huy vai trò nền tảng và động lực cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời gian tới.

Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong giai đoạn 1996 - 2000 đã có những đóng góp tích cực trong phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thế kỷ XX. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được đóng góp cho quá trình chuẩn bị các văn kiện hội nghị Trung ương 3, 4, 5, 6 (khóa VIII), xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và đặc biệt là đóng góp cho việc chuẩn bị các văn kiện của Đại hội IX vừa qua. Khoa học xã hội còn có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các văn bản dưới luật, các chính sách và hiệp định quốc tế, trong đó có Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Cùng với các nghiên cứu lý luận cơ bản, khoa học xã hội còn hướng vào giải quyết nhiều vấn đề cụ thể, bức xúc trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội như : vấn đề toàn cầu hóa, quốc tế hóa, khu vực hóa, công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong bối cảnh kinh tế tri thức, tác động của khủng hoảng kinh tế khu vực với tăng trưởng của Việt Nam, các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, vấn đề tôn giáo, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, v.v...

Khoa học tự nhiên đã tập trung vào nhiều vấn đề lý thuyết định hướng ứng dụng, tiếp cận được trình độ khu vực và thế giới trên nhiều lĩnh vực, môn học như toán, vật lý, ứng dụng, v.v... Nhiều công trình nghiên cứu về khoa học tự nhiên có ứng dụng tốt như : nghiên cứu thu và xử lý ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để theo dõi tình trạng cháy rừng, trạng thái của thảm thực vật, quan sát trường nhiệt mặt biển và các thay đổi nhiệt độ trên bề mặt lãnh thổ Việt Nam, công nghệ viễn thám, địa vật lý, công nghệ trắc địa bản đồ ứng dụng vào điều tra, thăm dò dầu khí và các tài nguyên khoáng sản khác.

Khoa học công nghệ đã có khả năng làm chủ và thích nghi nhiều công nghệ tiên tiến của nước ngoài trong các lĩnh vực như viễn thông, khai thác dầu khí, năng lượng, cơ khí lắp ráp ôtô, xe máy và hàng điện tử dân dụng, xây dựng cầu có khẩu độ lớn, đường cao tốc chất lượng cao, sản xuất vật liệu xây dựng... Nhiều vấn đề cấp bách, có ý nghĩa quan trọng với quốc kế dân sinh do thực tiễn đặt ra đã được các lực lượng KH và CN nước ta nghiên cứu giải quyết như : cơ sở khoa học cho các phương án phòng chống thiên tai, đặc biệt là phương án kiểm soát lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên dải ven biển Bắc Bộ, các giải pháp chống sa mạc hóa vùng ven biển miền Trung, công nghệ lọc nước mặn thành nước tinh khiết với giá thành hạ, các phương pháp sản xuất vắc xin phòng chống viêm gan B. Đặc biệt trong các ngành nông nghiệp và thủy sản, KH và CN đã góp phần lai tạo được nhiều giống cây con cho năng suất cao, chất lượng khá. Ngoài lúa, các giống ngô lai của Việt Nam đã cạnh tranh được với giống nhập, chiếm lĩnh 65% thị phần trong nước. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia nông nghiệp, KH và CN đã góp phần tạo ra ít nhất 30% mức tăng sản lượng lương thực từ 30,6 triệu tấn năm 1997 lên 34,7 triệu tấn năm 2000. KH và CN đã nghiên cứu thành công kỹ thuật sản xuất giống và nuôi tôm sú nước mặn nước lợ và cả nước ngọt, năng suất từ vài trăm kilogam/ha đã tăng lên 2 - 3 tấn/ha. KH và CN đã góp phần quan trọng làm tăng nhanh cả sản lượng và chất lượng thủy sản từ 1,3 triệu tấn giá trị kim ngạch xuất khẩu 670 triệu USD năm 1997 lên 2 triệu tấn và giá trị xuất khẩu 1 475 triệu USD năm 2000, đưa thủy sản lên vị trí một trong 3 ngành có doanh thu xuất khẩu lớn nhất nước ta những năm gần đây.

Những thành tựu bước đầu nêu trên cho thấy tiềm năng to lớn của KH và CN nước ta, có thể tạo ra động lực đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội.

4. Những mặt yếu kém và hạn chế của KH và CN nước ta hiện nay

Tuy nhiên, hoạt động KH và CN thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và chưa thực sự đóng vai trò động lực và nền tảng cho phát triển.

a. Tiềm lực KH và CN vẫn còn ở mức thấp so với thế giới và khu vực, chưa đáp ứng được những

Digitized by Google

đòi hỏi của nhu cầu phát triển. Tỷ lệ cán bộ KH và CN trên tổng số dân chưa cao so với các nước thế giới và khu vực. Đặc biệt vẫn còn thiếu nhiều chuyên gia đầu ngành dưới dạng các tổng công trình sư. Việc đào tạo và đào tạo lại tiến hành chậm, nguy cơ hẫng hụt trong đội ngũ vẫn rất lớn, nhất là trong những ngành mũi nhọn như công nghệ tin học, sinh học, cơ khí, chế tạo máy. Việc sắp xếp lại các cơ quan KH và CN vẫn còn lúng túng khiến cho việc sử dụng đội ngũ hiện có còn lãng phí. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nghiên cứu KH và CN trong nước, nhất là về phòng thí nghiệm, thông tin KH và CN còn thấp xa so với nhu cầu.

b. Cơ chế quản lý kinh tế chưa thực sự tạo gắn kết các hoạt động KH và CN với kinh tế - xã hội, tạo động lực thực sự và nguồn lực dồi dào cho hoạt động KH và CN phát triển. Thời gian qua, tuy cơ chế quản lý kinh tế đã được đổi mới toàn diện nhưng vẫn chưa đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp vào tình thế sống còn phải tích cực đổi mới công nghệ. Môi trường đầu tư và cạnh tranh chưa tạo động lực mạnh mẽ cho doanh nghiệp đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh. Khi thua lỗ, một số doanh nghiệp Nhà nước vẫn được bù lỗ, khoanh nợ hoặc giãn nợ. Một số tổng công ty lớn của nhà nước còn được bao cấp thông qua độc quyền, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa được phản ánh đúng, những yếu kém về năng lực và trình độ công nghệ bị che lấp. Mặc dù đã có Nghị định 119/1999/NĐ-CP khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tài chính cho các hoạt động KH và CN, nhưng mức đầu tư bình quân của các doanh nghiệp Việt Nam cho KH và CN còn ở mức rất thấp, chưa vượt quá 0,25% tổng doanh thu, trong khi tỷ lệ này ở các nước mới công nghiệp hóa là 5 - 6%, các nước phát triển là 10%. Một khi khu vực doanh nghiệp, chưa có nhu cầu thật sự phải ứng dụng thành tựu KH và CN hoặc đặt ra nhu cầu cho các đơn vị KH và CN, thì KH và CN khó có thể đóng vai trò nền tảng hay động lực cho phát triển kinh tế xã hội.

c. Cơ chế quản lý KH và CN chậm và vẫn chưa được đổi mới một cách căn bản, mặc dù tư tưởng đổi mới cơ chế quản lý KH và CN đã xuất hiện từ rất sớm. Chưa có sự liên thông giữa cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý KH và CN. Nếu như trong nông nghiệp, chế độ khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã được thực hiện từ giữa những năm 80 và đã mang lại những thành tựu nổi bật thì trong các hoạt động KH và CN, vẫn chưa triển khai được các biện pháp để mang lại hiệu quả tương tự. Chưa bảo đảm được về quyền lợi vật chất và tôn vinh xứng đáng đối với các nhà KH và CN có cống hiến lớn. Tác dụng khuyến khích của cơ chế thưởng hiện hành đối với các sản phẩm KH và CN ứng dụng tốt trong phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế. Tình trạng bình quân và ít gắn kết giữa thu nhập chính thức của cán bộ KH và CN với kết quả công việc mà họ tạo ra vẫn chưa được khắc phục. Cơ chế hình thành, quản lý, đánh giá các chương trình đề tài KH và CN vẫn còn rất nhiều khó khăn để có thể chuyển đổi theo tinh thần đổi mới của Luật KH và CN. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý KH và CN với các bộ, ngành, địa phương còn chưa được xác định rõ, thực tế còn chồng chéo, chưa thực hiện được tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án kinh tế - xã hội và KH và CN trên cùng một địa bàn.

d. Thị trường KH và CN còn manh nha, chưa phát triển. Mặc dù trị giá các hợp đồng ký kết giữa các cơ quan KH và CN với các tổ chức kinh tế - xã hội, giữa trong nước và ngoài nước đang tăng lên, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Năm 2000, giá trị các hợp đồng nghiên cứu do các trường đại học tiến hành đạt khoảng 60 tỉ đồng và dự kiến tăng lên trên 100 tỉ đồng vào năm 2001. Việc hình thành và phát triển thị trường KH và CN còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý sở hữu trí tuệ còn hạn chế về năng lực và hiệu lực. Nhiều kết quả KH và CN trong nước khi tiến hành chuyển giao không được đăng ký và giao dịch như là hàng hóa trên thị trường. Mặt khác, mạng lưới các cơ quan dịch vụ tư vấn, hoạt động như cầu nối giữa các tổ chức sáng tạo KH và CN với các bên sử dụng, giữa cung và cầu về KH và CN chưa được phát triển hợp lý. Có thể nói tình trạng kém phát triển của thị trường KH và CN là cản trở lớn nhất cho KH và CN có thể phát huy vai trò nền tảng và động lực cho phát triển.

Digitized by Google

5. Một số nhiệm vụ cần thiết, cấp bách phải tiến hành

Để KH và CN nước ta thực sự trở thành nền tảng và động lực cho sự phát triển, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau đây :

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội IX, nâng cao nhận thức của toàn dân và các cấp, các ngành về vai trò nền tảng và động lực của KH và CN trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, xây dựng và kiên quyết thực thi chương trình hành động của các cấp, các ngành, các đơn vị về phát triển KH và CN.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo lập môi trường kinh tế - xã hội theo hướng vừa tạo điều kiện, vừa khuyến khích vừa ràng buộc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và ngoài nước.

Ba là, khẩn trương thực hiện Luật KH và CN đã ban hành. Tiến hành tổng kết thực tiễn hoạt động KH và CN những năm qua và kịp thời thể chế hóa những mô hình tốt, cách làm hay đã được thực tiễn thử thách, chứng minh, đồng thời tích cực đổi mới cơ bản cơ chế quản lý KH và CN theo tinh thần Luật KH và CN, Nghị quyết Đại hội IX để nhanh chóng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực KH và CN.

Bốn là, tháo gỡ các khó khăn và ách tắc để mở rộng, phát triển và khai thông thị trường KH và CN, coi đây là nhiệm vụ hết sức cấp bách, cơ bản và lâu dài để phát huy vai trò động lực của KH và CN trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Năm là, chú trọng và dành ưu tiên cao cho nghiên cứu và thực thi các chính sách sử dụng và đãi ngộ nhân tài KH và CN bên cạnh các biện pháp chăm lo đào tạo nhân lực KH và CN góp phần giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Sáu là, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng KH và CN để nhanh chóng hội nhập với thế giới và khu vực, nhất là cơ sở hạ tầng về thông tin KH và CN, trang thiết bị nghiên cứu cho các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. ❑

VỀ CHIẾN LƯỢC...

(Tiếp theo trang 7)

2 - Cải tiến và tăng cường các biện pháp tổ chức thực hiện với nội dung chủ yếu là :

- Nâng cao chất lượng của việc hoạch định các chính sách cụ thể, chú ý tới tính đặc thù của các ngành và các vùng, các địa phương.

- Đổi mới cơ bản công tác kế hoạch theo hướng tăng cường dự báo, đặc biệt là dự báo và tính toán các cân đối lớn trong nền kinh tế cho từng thời kỳ phát triển ; nâng cao chất lượng kế hoạch định hướng, giữ vững các cân đối vĩ mô, kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các công cụ chính sách kinh tế, luật pháp, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả, nhằm bảo đảm các mục tiêu của chiến lược và kế hoạch.

- Nâng cao chất lượng các quy hoạch phát triển tổng thể và cụ thể. Kế hoạch 5 năm trở thành công cụ kế hoạch chủ yếu, được điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch và những diễn biến mới của tình hình trong, ngoài nước. Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phải thể hiện tư tưởng chỉ đạo và nội dung của chiến lược, đặc biệt là để khai thác tối đa tiềm năng của các ngành, các địa phương cũng như của cả nền kinh tế.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện chiến lược và kế hoạch của các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến của nhân dân, thu hút trí tuệ của nhân dân, thực hiện tốt phương châm : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra trong quá trình thực hiện chiến lược và kế hoạch.

3 - Cần xác định và tuyên truyền thật sâu rộng để tạo ra nhận thức thống nhất coi việc thực hiện chiến lược và kế hoạch 5 năm là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, của Chính phủ, của tất cả các ngành, các tổ chức kinh tế và xã hội từ trung ương đến cơ sở. Chính phủ, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị cơ sở đều phải có chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả trong từng bước. Từ đó, tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong cả nước phấn đấu thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược và kế hoạch.❑

Digitized by Google

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ DOAN *

QUA 15 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại và an ninh, quốc phòng ; đã chuyển từng bước vững chắc từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Các doanh nghiệp (DN) đã tích cực thực hiện và đóng góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và những thành tựu về kinh tế.

Tuy đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực, song, như Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhận định "nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp". Điều này thể hiện :

Một là, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam còn rất thấp. Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã đưa ra 8 nhân tố chính hình thành nên tính cạnh tranh của nền kinh tế của mỗi quốc gia. Đó là : 1/ Độ mở cửa : Thuế quan và các hàng rào tiềm ẩn cản trở nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu, tỷ giá hối đoái ; 2/ Chính phủ : Mức độ can thiệp của Nhà nước, năng lực và quy mô Chính phủ, chính sách thuế khóa và các mức thuế, gánh nặng về thuế và mức độ trốn lậu thuế ; 3/ Tài chính : Phạm vi làm trung gian, hiệu quả và cạnh tranh, tiết kiệm và đầu tư, độ rủi ro tài chính ; 4/ Kết cấu hạ tầng : Điện thoại, giao thông và các hỗ trợ kết cấu hạ tầng khác ; 5/ Công nghệ : Năng lực phát triển công nghệ trong nước, công nghệ thông qua FDI hoặc chuyển giao của nước ngoài ; 6/ Quản trị : Những yếu tố không liên quan đến nhân lực, quản lý nguồn nhân lực ; 7/ Lao động : Kỹ năng tay nghề và năng suất, tính linh hoạt trong điều tiết hiệu quả của các chương trình xã hội, quan hệ lao động theo ngành ; và 8/ Thể chế : Các chỉ số cạnh tranh, chất lượng thể chế pháp luật, hiệu năng của cảnh sát về phòng chống tội phạm có tổ chức.

Dựa vào 8 tiêu chí này, WEF đã đánh giá năng lực cạnh tranh của một số nền kinh tế quốc gia trên thế giới, qua đó WEF đưa ra kết luận năm 1997 Việt Nam xếp thứ 49/53, năm 1998 xếp thứ 39/53, năm 1999 xếp thứ 48/53. Sở dĩ năm 1998 vị trí của chúng ta nhích lên cao vì một số nước trải qua khủng hoảng kinh tế - tài chính nghiêm trọng. Năm 2000, WEF tiến hành khảo sát đánh giá 59 nước thì Việt Nam xếp thứ 49/59. Như vậy, trong mấy năm qua năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta chưa được cải thiện theo xếp hạng của WEF.

Ngoài ra, chỉ tiêu GDP bình quân đầu người cũng phản ánh sức cạnh tranh của quốc gia trên thị trường thế giới. GDP bình quân đầu người càng cao thì sức cạnh tranh càng lớn. Theo số liệu tính toán và công bố của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) thì GDP bình quân đầu người năm 1998 như sau : Việt Nam 320 USD, In-đô-nê-xi-a 540 USD, Phi-líp-pin 887 USD, Thái Lan 1 850 USD, Ma-lai-xi-a 3 202 USD, Trung Quốc 780 USD. Như vậy, so với một số nước ngay trong khu vực thì GDP bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp. Cũng theo tính toán của ADB, tốc độc tăng GDP bình quân đầu người hàng năm thời kỳ 1991 - 2000 của các nước trên là : Việt Nam 4,9%/năm, In-đô-nê-xi-a 2,1%/năm, Phi-líp-pin 0,4%/năm, Thái Lan 2,9%/năm, Ma-lai-xi-a 2,7%/năm, Trung Quốc 8,8%/năm và nếu cứ giữ tốc độ tăng trưởng như trên thì để Việt Nam đuổi kịp In-đô-nê-xi-a phải mất 18 - 19 năm, kịp Phi-líp-pin 21 - 22 năm, kịp Thái Lan 90 - 91 năm, kịp Ma-lai-xi-a 107 - 108 năm, còn khoảng cách giữa nước ta với Trung Quốc sẽ ngày càng doãng rộng hơn. Vậy, không nâng cao khả năng cạnh tranh nhằm thúc đẩy kinh tế

* PGS, TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Digitized by Google

tăng trưởng với tốc độ cao và bền vững thì nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế khó tránh khỏi.

Hai là, năng lực cạnh tranh của các DN Việt Nam còn rất hạn chế, thể hiện ở : 1/ Công nghệ vừa thiếu vừa lạc hậu ; 2/ Trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, trình độ quản lý còn yếu ; 3/ Năng suất lao động thấp ; 4/ Chất lượng sản phẩm chưa cao và giá thành sản phẩm chưa hợp lý và 5/ Thị trường đầu ra chưa ổn định, thiếu bền vững.

Trong xu thế tất yếu của hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế thì muốn tồn tại và phát triển các DN Việt Nam không những phải đủ sức cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước mà phải đủ lực cạnh tranh quốc tế. Muốn vậy, các DN Việt Nam phải chấp nhận luật chơi quốc tế mà luật chơi quốc tế sẽ chủ yếu dựa trên các quy luật của nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh là động lực bên trong thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

Do vậy, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và DN Việt Nam là công việc vừa bức xúc, vừa lâu dài, là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và sự phấn đấu, nỗ lực của các bộ, các ngành, và của chính bản thân các DN.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và DN, chúng tôi nghĩ cần thực hiện hệ thống các giải pháp đồng bộ, hữu hiệu cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Các giải pháp cần tập trung vào cải thiện môi trường vĩ mô theo 8 tiêu chí của WEF và giải tỏa được 5 hạn chế nêu trên của DN. Một số giải pháp chính có thể áp dụng là :

Thứ nhất, phải tạo lập môi trường thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng. Một số chính sách kinh tế của ta còn thiếu tính rõ ràng và hệ thống pháp luật hay thay đổi, do vậy cần hoàn thiện hệ thống chính sách kinh tế theo hướng minh bạch, ổn định, phù hợp dần với thông lệ khu vực và quốc tế, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện tránh tình trạng "trên thông, giữa thắt, dưới bóp" nhằm tạo môi trường cho tự do kinh doanh trên một sân chơi bình đẳng giữa các DN thuộc mọi thành phần kinh tế. Trước hết, phải kiên quyết chống độc quyền và bán phá giá. Chính sách lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách giá, chính sách đất đai, chính sách tín dụng, chính sách thuế... phải bình đẳng. Cần tách biệt giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội theo hướng Nhà nước dùng các công cụ kinh tế là chủ yếu để điều tiết kinh tế, thu nhập từ đó phục vụ cho chính sách xã hội của Nhà nước...

Thứ hai, xóa bỏ sự mặc cảm của xã hội và sự kỳ thị của một số công chức trong bộ máy công quyền đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Một số nhà hoạch định chính sách cũng như triển khai thực hiện vẫn còn nhìn phiến diện đối với các DN dân doanh. Trên thực tế các DN nhà nước vẫn có những ưu thế hơn hẳn về đất đai và tín dụng... so với DN ngoài quốc doanh. Thời gian tới, cần xác định rõ DN công ích và các sản phẩm, dịch vụ công ích để có cơ chế hoạt động, quản lý riêng. Tiến tới các DN kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế đều hoạt động theo *một luật chung* nhằm phát huy triệt để lợi thế so sánh và nội lực của mỗi thành phần kinh tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cộng đồng DN Việt Nam.

Xây dựng cơ chế kinh tế hợp lý theo hướng phát huy các lợi thế so sánh của quốc gia, đi đôi với đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường. Đồng thời tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước bằng các công cụ kinh tế nhằm phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực của cơ chế thị trường để tiến tới hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nền kinh tế nói chung và DN nói riêng. Mười lăm năm đổi mới, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý... của người lao động đã được nâng lên một bước, song vẫn còn rất hạn chế, chưa ngang tầm với đòi hỏi của phát triển nền kinh tế thị trường theo xu hướng toàn cầu hóa kinh tế. Theo Bộ Tài chính thì ngay đội ngũ giám đốc các DNNN (năm 2000) có tới 67% không biết đọc bản báo cáo tài chính hằng năm của DN, vậy làm sao để họ có thể quản lý và sử dụng đồng vốn có hiệu quả được ; hơn nữa đa số lại được đào tạo từ thời kỳ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp nên không ít giám đốc vẫn còn tư tưởng dựa dẫm vào "bầu sữa" của Nhà nước. Vậy, cần phải cải tiến quy trình và tiêu chuẩn bổ nhiệm giám đốc DNNN, cần xác định rằng giám đốc DN không chỉ là một chức, mà còn là một nghề phải có trình độ chuyên môn sâu và năng lực tổ chức tốt. Nhiều giám đốc các DN ngoài quốc doanh, nhất là các loại hình DN vừa và nhỏ trình độ văn hóa còn chưa hết phổ thông, đây có lẽ cũng là nguyên nhân dẫn đến đa số các vụ án kinh tế lớn vừa qua đều rơi vào các giám đốc có trình độ thấp này. Cần có tiêu thức để công nhận giám đốc các DN dân doanh.

Cùng với việc đổi mới hệ thống giáo dục - đào tạo và với chính sách hỗ trợ tích cực cho đào tạo nguồn nhân lực của Nhà nước, các DN cần phải có chiến lược đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động, làm cho việc

Digitized by Google

học tập, nhất là tự học là công việc suốt đời của mỗi người để có tri thức thực sự mà trước hết phải làm chủ được công việc thuộc lĩnh vực công tác được giao.

Các Mác đã chỉ ra rằng con người là nhân tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất và suy cho cùng mọi thành công hay thất bại đều do con người tạo ra. Hiện nay, các nhà kinh tế hàng đầu thế giới cũng đánh giá rất cao nhân tố con người, trên cơ sở nghiên cứu về mọi loại hình DN ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, giáo sư Cô-pen-man, giảng dạy ở Trường quản lý kinh doanh Niu-oóc, đã kết luận sự thành công của mọi loại hình DN dựa trên ba yếu tố chính là : 1/ Sự thỏa mãn của người lao động trong DN về vật chất, tinh thần như tiền lương và nhu cầu phát triển nghề nghiệp ; 2/ Sự thỏa mãn của khách khi mua hàng hóa và dịch vụ của DN ; 3/ Hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực khác của DN. Mô hình quản lý này được đánh giá rất cao ở các nước kinh tế phát triển, nhiều DN đã áp dụng vào quản lý và mang lại hiệu quả thiết thực. Theo họ, khi DN đối xử với người lao động như thế nào thì người lao động sẽ đối xử với khách hàng như vậy. Do đó, công tác quản trị, nhân sự của DN có tốt thì mới thu hút được nhân tài, người lao động mới trung thành và tận tâm, tận lực với DN của mình. Nó là động lực bên trong, sức mạnh nội lực thúc đẩy nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của mỗi DN.

Thứ tư, DN phải xây dựng được chiến lược sản xuất - kinh doanh thích hợp như : chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, chiến lược mặt hàng, chiến lược thị trường... trong điều kiện có sự cạnh tranh của các đối thủ khác trên thương trường. Từ đó có hướng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng hàng hóa một cách tối ưu, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm...

Để tạo điều kiện cho DN đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, tại Điều 38, Luật Khoa học và Công nghệ đã được kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa X thông qua ngày 9-6-2000 đã nêu rõ : "Doanh nghiệp được trích một phần vốn để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tính vào giá thành sản phẩm ; doanh nghiệp được lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động đầu tư phát triển khoa học và công nghệ ; doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu những vấn đề khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước được xét tài trợ một phần kinh phí nghiên cứu" và được vay vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ. Đây là lần đầu tiên, hoạt động khoa học - công nghệ của các DN được thể chế hóa cao. Do vậy, cần phải triển khai thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ để luật này đi vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy các DN mà trước hết là các DN lớn, mũi nhọn sẽ có cơ sở để đổi mới công nghệ, rút ngắn dần khoảng cách so với các nước phát triển tạo điều kiện tăng khả năng cạnh tranh và năng lực sản xuất - kinh doanh của DN. Với công nghệ hiện đại cộng với đội ngũ lao động làm chủ được các công nghệ đó và có cơ chế quản lý thích ứng nhất định các doanh nghiệp sẽ chiến thắng trong cạnh tranh. Đồng thời đây cũng là tiền đề để hình thành và hoạt động của thị trường khoa học công nghệ ở nước ta.

Thứ năm, phát huy vai trò tích cực của các hiệp hội DN trong thu thập và cung cấp thông tin, mở rộng và tìm kiếm thị trường mới cho DN. Tạo điều kiện cho các DN sản xuất - kinh doanh theo hướng xuyên quốc gia. Tăng cường sự liên doanh, liên kết giữa các DN để có tiếng nói chung trên thương trường, hạn chế bị các đối tác nước ngoài ép cấp, ép giá. Khuyến khích các hiệp hội DN thành lập quỹ phòng ngừa rủi ro theo ngành hàng...

Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là rất mới mẻ và cũng chưa có tiền lệ trên thế giới, nên trong quá trình vừa xây dựng, phát triển vừa tổng kết đúc rút kinh nghiệm, do đó còn những bất cập nhất định về chính sách, luật pháp và chưa tương thích, phù hợp với thông lệ trong khu vực, quốc tế là điều khó tránh khỏi, song với quyết tâm của Đảng và Nhà nước nhất định nó sẽ được hoàn thiện dần trên nền tảng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Quan điểm của Đảng và sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ là luôn luôn tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi nhất cho quá trình phát triển kinh tế nói chung và DN nói riêng. Các DN không thể ỷ lại mãi vào sự bảo hộ của Nhà nước mà mỗi DN phải nỗ lực tự thân đổi mới để có phương pháp quản lý hiện đại với đội ngũ lao động vốn sẵn có lòng yêu nước, ngày càng vững về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, cùng công nghệ tiên tiến. Như thế nhất định làm ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, kiểu dáng đẹp, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng đa dạng của mọi người trên các thị trường khác nhau. Có như vậy mới chiến thắng được trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn khi chúng ta thực hiện đầy đủ các cam kết kinh tế quốc tế. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CƠ CHẾ MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN HUYÊN *

DÂN chủ theo cách hiểu của chúng ta, là dân làm chủ - quyền làm chủ xã hội và làm chủ bản thân của con người, của nhân dân trong xã hội. Làm chủ có nghĩa là chủ thể nắm trong tay đối tượng, bằng sức mạnh của mình, cùng với các phương tiện và điều kiện để thực hiện việc chi phối đối tượng. Trong quan hệ dân chủ thì người dân là chủ và làm chủ đất nước, làm chủ chế độ xã hội của mình - người quyết định mọi sự nghiệp và vận mệnh của đất nước - xã hội, bởi vì đất nước - xã hội là của nhân dân, vận mệnh của đất nước - xã hội, vì vậy cũng chính là vận mệnh của nhân dân.

Để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của nhân dân là bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước - xã hội, từ trong nhân dân phải có một số người có tầm hiểu biết, có đủ trí tuệ và tài năng đứng ra đảm nhiệm nhiệm vụ xác định hướng đi, vạch ra đường lối, chiến lược và sách lược xây dựng và phát triển đất nước, tổ chức toàn dân thực hiện mục tiêu và lý tưởng do nhân dân đề ra. Những người đó được tập hợp lại, đại diện cho nguyện vọng và ý chí của nhân dân, tổng hợp trí tuệ toàn dân thành một thể thống nhất, thực hiện sự làm chủ của nhân dân - đó là Đảng. Trong lịch sử xã hội, không phải đảng nào cũng được sinh ra theo nguyên tắc và mang bản chất đó, bởi mục đích và ý đồ chính trị khác nhau. Nhưng một đảng chân chính, đảng của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thì bao giờ cũng là một đảng ra đời từ nhân dân và hòa trong nhân dân để thực hiện lý tưởng cao đẹp của nhân dân. Ở Việt Nam hiện nay, đảng chân chính đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng là bộ phận ưu tú của nhân dân, là hạt nhân đoàn kết, nhằm tạo nên sức mạnh dân tộc để thực hiện mục đích, lý tưởng của dân tộc, của nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam, tổ chức chính trị ưu tú đại diện cho nhân dân Việt Nam, được nhân dân giao quyền lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc - Đảng cầm quyền. Có nghĩa, Đảng là nơi quy tụ ý chí, trí tuệ và sức mạnh của dân tộc, cùng nhân dân nắm vận mệnh dân tộc xây dựng chính quyền của nhân dân và của dân tộc, đưa đất nước và dân tộc tới một xã hội giàu mạnh, văn minh, con người hạnh phúc.

Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam gắn bó với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Không thể quan niệm một cách tách rời và siêu hình rằng Đảng là người nắm mọi quyền hành và độc tôn lãnh đạo, còn nhân dân chỉ là người thừa hành, thực hiện đường lối và mục đích của Đảng ! Đảng vừa là người lãnh đạo - người vạch ra đường lối cách mạng, xây dựng cương lĩnh, chiến lược, sách lược, đồng thời cũng là người bảo đảm và tạo mọi điều kiện cho nhân dân thực hiện vai trò làm chủ xã hội và làm chủ mọi hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học,... vì tiến bộ của xã hội và của chính mình.

Sự nghiệp cách mạng của đất nước, của dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, quần chúng nhân dân là người làm ra lịch sử (Các Mác). Khi dân không là chủ và không được làm chủ thì không thể có và không thể thực hiện được bất cứ một cuộc cách mạng xã hội nào.

Thực hiện lý tưởng cao đẹp là dân chủ cho nhân dân ta, từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam với lãnh tụ thiên tài là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

* PGS, TS. Viện phó Viện triết học, thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

không ngừng chiến đấu, hy sinh, để mùa Thu 1945 làm nên cuộc cách mạng mang ý nghĩa xã hội chưa từng có trong lịch sử dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc - kỷ nguyên độc lập - tự do, dân chủ thực sự cho nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong một thời gian ngắn, những con người làm chủ đất nước đã đưa Việt Nam từ một nước nô lệ, nghèo nàn và lạc hậu trở thành một quốc gia đang phát triển với nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội được quốc tế chú ý. Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết quả của việc phát huy toàn bộ sức mạnh dân tộc mà trong đó sức mạnh quyết định nhất chính là tinh thần yêu nước, tình đoàn kết triệu người như một và tinh thần độc lập tự chủ của người dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời chính là thể hiện khát vọng độc lập - tự do - hạnh phúc của mỗi người dân Việt Nam : Xây dựng một đất nước mà chủ nhân của nó là toàn thể nhân dân lao động - những người thực sự quyết định vận mệnh và tương lai của chính mình - "sự phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người". Chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã vạch ra đường lối, cương lĩnh, chiến lược, sách lược bảo đảm dân chủ và tạo điều kiện tối ưu cho sự thực hiện dân chủ của toàn thể nhân dân lao động.

Dân chủ thể hiện trước hết ở quyền làm chủ của nhân dân trong việc thực thi chính trị, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành, từng địa phương và của mỗi cá nhân cụ thể. Dân chủ từ khía cạnh này không chỉ thể hiện ở ý chí và nhiệt tình cách mạng, mà còn thể hiện ở tri thức và văn hóa của cả Đảng và Dân. Trong công cuộc xây dựng xã hội mới, dù có đủ các điều kiện thuận lợi nhưng nếu không có tri thức và văn hóa thì không thể thực hiện dân chủ. Trong thực tế ở nước ta, khía cạnh dân chủ này gặp rất nhiều khó khăn, còn nhiều hạn chế và đang là một trong những điểm yếu cần tập trung sức khắc phục.

Ở một khía cạnh khác, vấn đề dân chủ không chỉ bị hạn chế do trình độ làm chủ yếu kém mà do sự biến chất của người được Đảng và Dân trao cho họ quyền lực. Ở tầng vĩ mô, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã thực sự là cơ sở cho việc làm chủ mọi mặt đời sống xã hội của nhân dân. Tuy nhiên, có thể nói, ở tầng vi mô, trong các ngành, các giới, ở các địa phương, trong các quan hệ cụ thể, quyền làm chủ của nhân dân nhiều khi còn hình thức, thậm chí có thể nói nhiều nơi, nhiều lúc, có những nhóm người, những cá nhân cán bộ, đảng viên nhân danh Đảng để mưu cầu lợi ích riêng, thậm chí my dân, gây khó dễ cho nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới tinh thần độc lập, tự chủ của nhân dân, nhất là niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Trong cuộc Cách mạng Tháng Tám với chỉ 5 000 đảng viên mà chúng ta đã làm nên thắng lợi thần kỳ là vì sao ? Vì đó là cuộc cách mạng của toàn dân, trong đó ý Đảng - lòng Dân là một ; dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, mỗi người dân tự nguyện đoàn kết, thống nhất đứng lên tự giải phóng cho mình và cho toàn xã hội. Thắng lợi đó là thắng lợi của sức mạnh làm chủ cao độ của toàn dân ta.

Trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, hạn chế quyền làm chủ thực tế của nhân dân lao động. Sự nghiệp Đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân hưởng ứng, thực hiện đã góp phần quan trọng khắc phục nhược điểm ấy, tạo nên một bước ngoặt trong cơ chế kinh tế - xã hội - chính trị nước ta. Điều quan trọng là sự đổi mới cơ chế kinh tế - xã hội đó đã đem lại quyền làm chủ của mỗi người dân trên mọi lĩnh vực đời sống : kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,..

Tuy nhiên, dân chủ là vấn đề hết sức tinh tế và sâu sắc, nó nằm sâu trong nhiều tầng lớp của kinh tế, chính trị, văn hóa, đời sống, trong vô vàn mối quan hệ riêng - chung, cá nhân - tập thể, gia đình - xã hội, vật chất - tinh thần, quyền lợi - nghĩa vụ, cấp trên - cấp dưới, người lãnh đạo - người thừa hành,.. Trong kinh tế, việc thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy mọi thành phần kinh tế cũng như mọi hình thức hoạt động của chúng chính là phát huy quyền dân chủ trong hoạt động kinh tế của toàn dân. Nhưng trong thực tiễn hoạt động kinh tế, nhất là ở các địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường) quan hệ kinh tế còn hết sức

Digitized by Google

phức tạp, nhất là quan hệ kinh tế - chính trị. Ở đó, sự vi phạm dân chủ có thể nói còn khá phổ biến, nhiều nơi trầm trọng (như chúng ta đã từng thấy trong thực tế ở một số địa phương gần đây).

Về chính trị, trong thực tế, nhất là ở cấp vi mô, chưa thể khẳng định rằng, nhân dân ta đã thực sự được làm chủ xã hội trong mọi hoạt động của mình. Ta nói : chính quyền là của dân, do dân, vì dân, nhưng trong thực tế, ở một số địa phương, Hội đồng nhân dân dường như có vai trò mờ nhạt, lại không thể hiểu thật rõ những ý chí và nguyện vọng của nhân dân, vậy nên người dân chưa thực sự gắn bó, chưa thực sự đặt niềm tin và tự nguyện đề xuất kiến nghị cùng với Đảng và chính quyền chăm lo công việc chung. Hơn nữa, hiện tượng các nhân viên chính quyền gây khó khăn cho nhân dân không phải là hiếm, nếu không nói là phổ biến ; hiện tượng ức hiếp, trù dập dân ở nhiều cơ sở còn nặng nề. Ở một số địa phương, có hiện tượng : Đảng là tất cả, chính quyền là trên hết ! Người dân chỉ biết tuân theo Nghị quyết của đảng, thực hiện chỉ thị của chính quyền ! mà không có quyền đóng góp ý kiến vào các nghị quyết và chỉ thị ấy. Ở những nơi đó, Đảng và chính quyền không còn là đại biểu, đại diện của nhân dân. Nếu thực hiện đúng tính chất Đảng - Dân thì các cơ quan đảng, chính quyền địa phương phải là người luôn lo lắng đến mọi công việc của dân, lo cho cuộc sống của dân. Trong thực tế cuộc sống hiện nay, quan niệm đó, ý thức đó chưa thường trực ở mỗi đảng viên, cán bộ trong các cơ quan và tổ chức đảng và chính quyền, thậm chí nhiều khi dân phải đến cầu cạnh, nhờ vả tổ chức đảng và chính quyền giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của tổ chức và chính quyền !

Vấn đề đặt ra ở đây không phải là ở trong chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của chế độ xã hội. Bản chất, mục đích, lý tưởng của Đảng và Nhà nước ta là bản chất, mục đích, lý tưởng của nhân dân ta, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân ta. Vấn đề là ở thực tế thực hiện và các điều kiện bảo đảm cho việc phát huy dân chủ của nhân dân : giữa lý thuyết và thực tế - hai mặt này còn xa nhau !

Để bảo đảm và phát huy dân chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay, trước hết phải xây dựng một xã hội thực sự của dân, do dân, vì dân. Điều này về lý luận ai cũng thừa nhận : của dân, do dân, vì dân - dân hoàn toàn là chủ và làm chủ từ suy nghĩ (sáng kiến) cho đến hành động trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống của mình. Vấn đề là làm thế nào (cơ chế nào) để người dân có thể thực hiện được điều đó trong thực tế ! Trước hết cần có các điều kiện : Cán bộ đảng, cán bộ chính quyền, một mặt phải thực sự là đại diện nguyện vọng và ý chí của dân, mặt khác phải thực sự là công bộc của dân, lo trước dân, hưởng sau dân ; Chính phủ mà không lo bảo đảm được đời sống của dân là Chính phủ có lỗi ; Chính phủ không làm tròn được sứ mệnh của mình là phục vụ nhân dân thì dân có quyền phế bỏ Chính phủ đi (Hồ Chí Minh).

Như vậy có nghĩa, cán bộ đảng, cán bộ chính quyền, các tổ chức đảng và nhà nước phải luôn nghĩ đến cuộc sống hằng ngày của dân, tìm đến dân, giải quyết mọi khó khăn cho dân, tạo điều kiện cho dân phát huy tính tích cực trong mọi hoạt động riêng và chung, thực hiện các công việc của Đảng và Nhà nước, vì đó cũng là công việc của nhân dân.

Cán bộ của một cơ quan, công ty, xí nghiệp... là người thực hiện chức năng và nhiệm vụ của cơ quan, lo lắng cho sự phát triển của cơ quan, công ty, xí nghiệp ; lo cho cuộc sống và sự phát triển của từng nhân viên,.. chứ không phải là người đứng trên mọi người, để mọi thành viên trong cơ quan, công ty, xí nghiệp thụ động phục tùng theo kiểu một chiều.

- Bảo đảm trên thực tế mọi quyền lực của dân là thống nhất và không chia sẻ trong tay nhân dân. Những việc hệ trọng của nhân dân đều phải do nhân dân quyết định. Nhân dân có quyền tham gia bàn bạc và thực hiện các công việc quản lý xã hội với các hình thức thích hợp. Mọi người đều bình đẳng, đều có cơ hội và điều kiện ngang nhau trong việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ, phát triển toàn diện nhân cách, trí tuệ và sức lực phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi của mình. Mỗi người thực sự được làm chủ bản thân, làm chủ nhà nước và làm chủ xã hội.

- Nguyên tắc dân chủ : Nhà nước là nơi tập trung và thực hiện ý chí của toàn dân ; người thực hiện mục tiêu và ý chí đó là nhân dân. Cho nên,

Digitized by Google

một mặt, Đảng và Nhà nước bằng mọi cách tạo năng lực làm chủ cho nhân dân (ý thức dân chủ và khả năng làm chủ ; hiểu biết sâu sắc pháp luật để làm chủ một cách có hiệu quả, ...). Mặt khác, Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện cho nhân dân thực sự làm chủ : qua hiến pháp, pháp luật, qua hoạt động của cơ quan, tổ chức đại diện và trực tiếp đề xuất ý kiến với tổ chức, cơ quan Đảng và Nhà nước, các đơn vị kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học, nghệ thuật,..

- Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng là điều kiện quyết định bảo đảm và phát huy dân chủ trong xã hội. Đây là nguyên tắc hoạt động của Đảng và được Đảng ta thường xuyên thực hiện. Song trong thực tế, ở những nơi cơ sở đảng không mạnh, nguyên tắc này trở thành con dao hai lưỡi, nhiều khi bị biến thái, chuyển thành cực quyền : Tập trung trở thành quyền của một người, "chi bộ họ ta", "đảng ủy làng ta" ; còn dân chủ trở thành dân chủ quá trớn, một số kẻ lợi dụng dân chủ để gây rối, phá hoại.

- Mỗi đảng viên, cán bộ trong các cơ quan, trong các tổ chức đảng, nhà nước,.. có quyền làm chủ cơ quan, tổ chức ra sao, được bảo vệ như thế nào trong việc đấu tranh thực hiện dân chủ ? Hiện tượng những đảng viên, cán bộ hết lòng vì chân lý, vì lẽ phải, vì sự trong sáng và lành mạnh của tổ chức, của cơ quan và vì tập thể mà đấu tranh thẳng thắn thì cuối cùng đã không biết "tránh đâu" ! Đây cũng là vấn đề đáng lưu tâm của việc bảo đảm và phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội ta hiện nay.

- Coi trọng hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong xã hội : Thực hiện đúng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là yếu tố quyết định hàng đầu bảo đảm việc thực thi dân chủ của nhân dân. Hệ thống chính trị phải thực sự trở thành công cụ thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, mục tiêu phát triển xã hội, xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, xã hội tất cả vì nhân dân, vì sự phát triển và tiến bộ của con người. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị thể hiện ở chỗ : Đảng với đường lối đúng đắn, với sức mạnh trí tuệ, với kinh nghiệm cách mạng phải làm sao cho hệ thống chính trị cụ thể hóa được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

- Phát huy năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước trên mọi mặt đời sống xã hội : kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học,.. Đó thực sự là điều kiện bảo đảm và phát huy dân chủ của nhân dân : Sự quản lý của Nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội một cách khoa học, chính là làm hạn chế những kẽ hở và sai lầm dẫn đến tiêu cực. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, bản thân nó đã có nghĩa là quyền dân chủ của các thành phần xã hội được phát huy.

- Nâng cao vai trò của hệ thống các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị cũng như toàn bộ hoạt động xã hội : Trước hết phải đổi mới hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội phải có vai trò, chức năng độc lập, cụ thể trong xã hội ; có quyền hạn và tiếng nói quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng nhân dân. Ở đây phải thực sự làm cho mỗi thành viên, tổ chức trở thành người chủ xã hội. Vai trò quyền hạn của các tổ chức này phải được hiến pháp, luật pháp quy định và có quy chế thực hiện trong thực tế. Mỗi tổ chức chính trị - xã hội từ chức năng của mình cần bao quát, đảm đương một lĩnh vực hay một mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì như vậy, tiếng nói và sự thực hiện dân chủ sẽ toàn diện, đồng thời sâu sát thực tế ; dân chủ sẽ được thực hiện và phát huy mạnh mẽ, toàn diện trong xã hội.

Hoàn thiện và thực thi nghiêm pháp luật, pháp chế để bảo đảm cho tự do dân chủ trong toàn xã hội : Pháp luật, pháp chế là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ. Pháp luật quy định cụ thể công dân được làm gì, không được làm gì. Pháp chế tạo điều kiện cho công dân có thể thực hiện tối đa quyền công dân. Pháp luật và pháp chế phải bảo đảm sinh mệnh chính trị cho nhân dân thực hiện dân chủ. Phải xử phạt phân minh và giải quyết kịp thời những sự việc có vấn đề diễn ra trong cuộc sống chính trị và xã hội ; bảo vệ những người trung thực, dám đấu tranh với cái ác, cái xấu. Sự phê phán, đấu tranh với cái sai, cái tiêu cực, cái phản

Digitized by Google

dân chủ của nhân dân phải được pháp luật bảo vệ, khuyến khích. Xử phạt nghiêm minh những cá nhân, tập thể có sự đối xử không công bằng, mờ ám, chụp mũ, trù dập đối với những người vì lẽ phải và lợi ích chung mà đấu tranh với cái sai, cái xấu.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của các cơ quan đơn vị. Tổ chức tranh tra phải năng động, bám sát mọi lĩnh vực đời sống xã hội : kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, nghệ thuật,.. Thanh tra phải là một cơ quan độc lập có đủ quyền và do đó đủ mạnh với những con người liêm khiết, mẫu mực, công minh trong hành vi thanh tra. Dựa vào pháp luật, giải quyết nhanh chóng các hiện tượng có vấn đề để quyền dân chủ không bị hạn chế, không bị vi phạm mà còn tạo ra niềm tin để nhân dân phát huy tốt nhất vai trò làm chủ của mình.

- Thực hiện dân chủ là nguyên tắc chung bao trùm của chế độ ta : Phải thực hiện từ cấp vĩ mô đến cấp vi mô, từ trung ương đến địa phương, từ toàn xã hội đến các ngành, ... trong đó, thực hiện dân chủ ở cơ sở là vấn đề cực kỳ quan trọng. Có thể nói, thực hiện dân chủ ở cơ sở là giải pháp hữu hiệu đối với việc phát huy dân chủ trong tình hình dân chủ ở nước ta hiện nay. Cơ sở (chi bộ, các cấp ủy, xã, phường, quận, huyện,...) là tế bào của tổ chức đảng và tổ chức xã hội. Trong các cơ sở, vấn đề dân chủ còn hết sức phức tạp, vì đây là nơi có những mối quan hệ trực tiếp gắn với những quyền lợi thiết thân của mỗi thành viên. Cho nên, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở là điều kiện phát huy dân chủ của các cấp cao hơn. Cần tìm ra những nội dung, hình thức, biện pháp thực hiện dân chủ ở cơ sở một cách thích hợp, phù hợp với tình hình địa phương và tương quan với cả nước. Nội dung của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng không ngoài việc làm sao người dân thực sự là người chủ ở đơn vị cơ sở : giải quyết một cách khoa học quan hệ Đảng - chính quyền, Đảng - chính quyền - Nhân Dân, thực hiện một cách nghiêm minh quan điểm : tất cả (đảng, chính quyền, sự nghiệp cách mạng của dân tộc) là của dân, do dân, vì dân. ❑

VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN MINH ĐÀO *

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay : "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân". Đây là quan điểm chỉ đạo thống nhất, rất đúng đắn của Đảng ta. Trong hơn 70 năm qua, Đảng ta đã rất thành công trong công tác vận động nhân dân vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong 15 năm đổi mới, Đảng ta đã khơi dậy và phát huy được sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân, từng bước đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo của đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân, giữ vững độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, lòng tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng không ngừng được củng cố và tăng cường ; vị thế và uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đó là những thành tựu có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình lịch sử cách mạng nước ta, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của công tác vận động nhân dân của Đảng.

* An Giang

Digitized by Google

Tuy vậy, khi nhìn vào tình trạng khiếu kiện kéo dài của nhân dân ở một số địa phương nhất là từ sự kiện bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên trong thời gian gần đây, chúng ta cũng thấy nổi lên một số yếu kém trong đó có công tác vận động quần chúng của các đoàn thể chính trị - xã hội. Những yếu kém đó tập trung ở một số biểu hiện như : chưa nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của các đoàn thể nhân dân ; tình trạng hành chính hóa hoạt động của các đoàn thể vẫn còn kéo dài ; chậm đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể ; cán bộ còn quan liêu, xa dân, không đi sâu tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của dân v.v. Từ thực trạng trên, xin trình bày một số suy nghĩ và biện pháp nhằm góp phần phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân (đặc biệt là ở cơ sở) vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Các đoàn thể chính trị - xã hội đã tập hợp đông đảo quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo, để giúp Đảng *hiểu dân, nắm dân,* hoạch định các chủ trương, đường lối hợp lòng dân, làm cho sự nghiệp của Đảng thực sự là "của dân, do dân và vì dân". Các đoàn thể nhân dân luôn luôn là cầu nối, là sợi dây liên hệ giữa Đảng với dân. Mặt khác, các đoàn thể lại là tổ chức của dân, đại diện tiếng nói và lợi ích của dân, nên Đảng ta luôn tôn trọng tính tự quản, tự chủ của các đoàn thể.

Với chính quyền, các đoàn thể là chỗ dựa trong mọi hoạt động, giúp chính quyền tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và tham gia giám sát các hoạt động của chính quyền. Chính quyền có nghĩa vụ hỗ trợ về vật chất, kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Quan hệ giữa các đoàn thể với nhau là quan hệ bình đẳng, phối hợp, cộng đồng trách nhiệm, thực thi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước ta. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, nhưng trong thực tế nơi này, nơi khác, vẫn còn nhận thức cách nhìn chưa đúng đắn về vai trò, vị trí của các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị. Việc xử lý các mối quan hệ qua lại giữa các đoàn thể với Đảng, giữa các đoàn thể với chính quyền chưa nhất quán và đồng bộ, chưa phản ánh đúng vai trò, vị trí và chức năng của mỗi tổ chức. Hiện tượng tổ chức đảng lãnh đạo các đoàn thể theo cơ chế áp đặt, gò ép ; chính quyền xem các đoàn thể như cơ quan giúp việc ; các đoàn thể chưa phát huy được tinh thần làm chủ của nhân dân và còn thụ động trong quan hệ với chính quyền cơ sở. v.v... vẫn còn tồn tại. Điều đó giải thích vì sao vai trò, vị trí của các đoàn thể nhiều nơi, nhiều lúc chưa thật nổi bật và chưa phát huy tác dụng trong đời sống xã hội. Tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, hạch sách,... còn chưa được ngăn chặn trong nhiều tổ chức đảng, nhiều cấp chính quyền. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đến được với dân và chưa được thực hiện có hiệu quả. Vì vậy, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kiện toàn bộ máy chính quyền, phải luôn luôn được gắn liền với việc củng cố, xây dựng và phát triển các tổ chức nhân dân.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của các đoàn thể nhân dân là vấn đề rất cấp thiết và phải được làm thường xuyên, từng bước, thiết thực, với tinh thần khẩn trương và quyết tâm cao. Nhưng, muốn biến những điều đó thành hiện thực, cần định ra cách làm cụ thể, thiết thực và chọn đúng *khâu đột phá, mấu chốt,* tác động trực tiếp làm chuyển biến tình hình.

Đổi mới hoạt động của các đoàn thể phải *bắt đầu từ địa bàn dân cư* ấp, khóm, thôn, bản, xóm, làng, đường phố. Tổ chức các đoàn thể ở đây gồm có các ban cán sự, chi hội, các phân đoàn, hoặc chi đoàn thanh niên - tức là tổ chức dưới ban chấp hành cơ sở. Đó là "nền móng", là "bộ rễ" bám chặt trong dân, là đơn vị, là lực lượng chủ yếu giúp các đoàn thể củng cố, phát triển tổ chức, giúp Đảng gần dân, hiểu dân, nắm dân ngày càng tốt hơn.

Thực tế hiện nay cho thấy, các tổ chức đoàn thể ở cơ sở, nhất là ban cán sự, chi hội, phân đoàn, chi đoàn thanh niên ở ấp, khóm, bản, làng tổ chức còn rời rạc, hình thức, hoạt động chưa nền nếp, chưa thực sự tập hợp được nhân dân. Phần lớn trong số các tổ chức này sinh hoạt và hoạt động không thường xuyên, nặng về hình thức, thời vụ, chất lượng sinh hoạt kém, nơi hoạt động có hiệu quả cao chưa nhiều. Có người đã hình tượng hóa hệ thống tổ chức các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở như "chiếc nón lật ngửa", chưa có thế đứng vững chắc ở cơ sở.

Digitized by Google

Để các tổ chức đoàn thể (dưới ban chấp hành) ở cơ sở thực sự được củng cố, xây dựng và phát triển vững chắc hơn, bám sâu, bám chặt trong dân hơn, chúng tôi xin thử nêu ra một vài biện pháp sau đây :

Về tổ chức, bất cứ nơi nào có dân cư, dù là vùng sâu, vùng xa, dân cư thưa thớt, cũng phải có các tổ chức đoàn thể. Ngoài ban chấp hành cơ sở, nhất thiết phải có ban cán sự, chi hội, phân đoàn, hoặc chi đoàn thanh niên. Các trưởng ban cán sự, chi hội trưởng, phân đoàn trưởng, hoặc bí thư chi đoàn, trước hết phải chọn người có nhiệt tình công tác đoàn thể và phải được bầu chọn một cách dân chủ.

- *Về đào tạo, huấn luyện*, các trưởng ban cán sự, phân đoàn trưởng, chi hội trưởng, bí thư chi đoàn thanh niên, sau khi được bầu chọn, phải được tập huấn kỹ, hiểu được vai trò, vị trí của đoàn thể mình trong cộng đồng dân cư ; nắm vững chức năng, nhiệm vụ và những công việc cụ thể phải làm, hiểu rõ các mối quan hệ với tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể khác tại địa bàn v.v... Ngoài tập huấn công tác, ban chấp hành đoàn thể cơ sở phải thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức cho cán bộ ấp, khóm, bản, làng nghe báo cáo về tình hình thời sự địa phương, trong nước và những sự kiện thời sự quốc tế nổi bật. Chú ý tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan thiết thực, phổ biến nhanh những điển hình, những gương "người tốt, việc tốt" và những hoạt động có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể ở các nơi khác, để học tập, rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình.

- *Cần có chính sách* chăm sóc, đãi ngộ cán bộ phụ trách các ban cán sự, chi hội, phân đoàn, hoặc chi đoàn thanh niên ở địa bàn dân cư một cách thỏa đáng. Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của mỗi khu vực, địa bàn mà định ra các hình thức chăm sóc, đãi ngộ thiết thực như tặng quà nhân những ngày lễ, tết, trợ cấp khi gia đình cán bộ gặp khó khăn và cố gắng tiến tới có một khoản phụ cấp trách nhiệm hằng tháng. Sự đãi ngộ đó cũng có thể coi là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy sự lớn mạnh của các tổ chức đoàn thể tại địa bàn dân cư. Nó thể hiện sự đánh giá đúng đắn của Đảng, chính quyền và các đoàn thể đối với đội ngũ cán bộ đặc thù này.

Các đoàn thể cơ sở cấp xã, phường, huyện, tỉnh phải được củng cố, kiện toàn và tăng cường theo hướng tinh, gọn, đủ mạnh, bao gồm những cán bộ có đức, có tài, được dân tín nhiệm, nhiệt tình, nhiệt tâm với công tác quần chúng và gắn bó với đoàn thể mình. Tránh tình trạng bố trí cán bộ bị suy giảm uy tín, năng lực về làm công tác đoàn thể. Các cấp tổ chức cần dành phần lớn thời gian và lực lượng cán bộ xuống công tác ở địa bàn dân cư, thực hiện phương châm "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với dân, gần gũi, tiếp xúc với dân, lắng nghe tiếng nói của dân, tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra từ cuộc sống và những nguyện vọng chính đáng của dân ; trực tiếp củng cố, xây dựng các ban cán sự.

Các tỉnh nên tổ chức Trung tâm thu thập và nghiên cứu dư luận xã hội do Ban Dân vận và Ban Tuyên giáo tỉnh ủy làm nòng cốt, kết hợp với sự cộng tác của các đoàn thể để kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, ý nguyện của nhân dân về những vấn đề bức xúc, tham mưu cho cấp ủy đảng những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

Nên có cơ chế để các đoàn thể tổ chức sản xuất, kinh doanh tùy theo điều kiện và khả năng thực tế của mỗi cơ sở nhằm tạo nguồn thu bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động và từng bước tiến tới việc xây dựng ngân sách riêng. Theo một cơ chế quản lý chặt chẽ, ngân sách này sẽ bao gồm các khoản thu từ ngân sách nhà nước, từ hoạt động kinh tế của đoàn thể, từ đoàn - hội phí, từ ủng hộ của các nhà hảo tâm... Vấn đề làm kinh tế của các đoàn thể có thể sẽ gặp nhiều khó khăn, dễ gặp nhiều nguy cơ rủi ro và có thể thất bại. Song, để tạo điều kiện đổi mới tổ chức và hoạt động của các đoàn thể, vấn đề này cần được nghiên cứu và triển khai thực hiện cả ở cấp cơ sở và cấp dưới cơ sở.

Cần khôi phục trường cán bộ đoàn thể tỉnh, hoặc tổ chức thành một khoa công tác dân vận trong biên chế các trường chính trị tỉnh, để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các đoàn thể trong tỉnh làm tốt công tác vận động nhân dân.

Để công tác vận động, tập hợp, tổ chức, giáo dục thanh, thiếu niên, nhi đồng đạt hiệu quả cao, chính quyền các địa phương từ tỉnh đến cấp huyện, thị xã nên sớm giành một nguồn kinh phí xây dựng Cung văn hóa thanh - thiếu nhi. ❑

Digitized by Google

LỰA CHỌN CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

ĐẶNG VĂN THANH *

Sau 15 năm đổi mới, tài chính Việt Nam đã góp phần tích cực vào quá trình cải cách kinh tế, từng bước thiết lập nền kinh tế, tài chính thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Là công cụ quản lý kinh tế vĩ mô, tài chính đã góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới, huy động và tập trung tối đa nguồn lực cho thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Cả nước đã đổi mới tư duy, đổi mới nếp nghĩ, cách làm trong quản lý và vận hành nền tài chính quốc gia. Các quy định pháp lý của tài chính được tạo lập dần phù hợp yêu cầu của kinh tế thị trường. Luật ngân sách nhà nước đã bảo đảm quản lý thống nhất ngân sách nhà nước (NSNN). Hệ thống thuế được xây dựng mới và từng bước hoàn thiện. Qua hai bước của chương trình cải cách thuế, các sắc thuế mới ban hành đã có sự bao quát nguồn thu, diện thu, bảo đảm nguồn thu và thực hiện công bằng xã hội. Quan điểm động viên và phân phối nguồn lực được đổi mới. Tổng thu NSNN tăng bình quân hằng năm trên 7%, trong đó, thu từ thuế, phí, lệ phí chiếm hơn 90% tổng thu NSNN. Tỷ lệ động viên vào ngân sách hằng năm từ 18% đến 20% GDP. Bao cấp từ NSNN dần dần thu hẹp. Nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao đã được xã hội hóa. Phạm vi trang trải của NSNN đã phù hợp hơn và tạo điều kiện tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm. Chi NSNN được cơ cấu lại hợp lý, hiệu quả hơn. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vào cơ sở hạ tầng, các công trình kinh tế then chốt, tăng các khoản chi cho hoạt động sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế và nghiên cứu khoa học. Coi trọng việc bảo đảm kinh phí cho giữ vững an ninh, quốc phòng. Dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công và chăm lo đời sống gia đình thương binh, liệt sĩ.

Điều đáng phấn khởi là qua đổi mới, tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp hai lần so với năm 1990, bình quân tăng 7,5%/năm... Thế và lực của nền tài chính quốc gia đã mạnh lên. Quy mô của nền tài chính quốc gia đã tăng gấp nhiều lần. Tổng quỹ tích lũy tăng hằng năm gần 18%, tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt 25% GDP. Hệ thống tài chính, bao gồm cả tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư, các công cụ tài chính cùng vận hành và cùng phát triển. Quyền tự chủ về tài chính của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bảo đảm và ngày càng mở rộng. Thị trường tài chính và gần đây với sự ra đời của thị trường chứng khoán đã tạo điều kiện huy động vốn cho sản xuất và lưu chuyển có chủ định các nguồn lực tài chính. Thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế, thuê mua tài chính đã hình thành và bước đầu hoạt động có hiệu quả. Toàn bộ nguồn lực tài chính và tài sản của đất nước đã được giám sát, kế toán, kiểm kê, công tác kiểm tra, thanh tra được tăng cường. Áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, từng bước công khai hóa thu, chi ngân quỹ nhà nước, sử dụng tiết kiệm, nâng dần hiệu quả các nguồn lực tài chính ở tất cả các khâu của quá trình phân phối. Việt Nam đã chủ động trong lộ trình hội nhập về tài chính, tham gia tích cực, có hiệu quả trong các quan hệ tài chính song phương, đa phương. Tham gia tích cực trong các quan hệ tài chính với các tổ chức tài chính quốc tế : Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Đã gia nhập AFTA, APEC. Đã ký hàng trăm các hiệp định tài chính, hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước trên

* PGS, TS, TGĐ Kho bạc T.U, Bộ Tài chính

Digitized by Google

thế giới. Đàm phán thành công các vấn đề tài chính trong quan hệ thương mại với Hoa Kỳ và đang tích cực chuẩn bị các điều kiện để tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán, đã và đang được các chuyên gia tài chính, kế toán Việt Nam nghiên cứu, vận dụng. Việt Nam đã là thành viên thứ 7 của Liên đoàn kế toán các nước ASEAN (AFA), thành viên thứ 130 của Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC), kế toán Việt Nam đã được quốc tế biết đến và thừa nhận. Các chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc gia đã và đang được khẩn trương nghiên cứu, soạn thảo và ban hành. Đã chủ động xử lý nợ trong nước và nợ nước ngoài, trên 50% số nợ nước ngoài đã được thanh lý, nhờ đó tạo được lòng tin với cộng đồng tài chính quốc tế. Đồng thời, có chính sách tài chính tích cực, chủ động thu hút khối lượng lớn vốn từ nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế. Có thể nói, tài chính Việt Nam đã bắt đầu tham gia và hội nhập với tài chính khu vực và quốc tế.

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, thế kỷ của khoa học - kỹ thuật, của kinh tế tri thức, của xu thế hội nhập và mở cửa, tài chính Việt Nam đã và đang đứng trước nhiều thời cơ và vận hội mới. Tuy nhiên, cũng phải thấy hết những khó khăn và thách thức đối với tài chính Việt Nam. Đó là, nguồn lực tài chính quốc gia bao gồm cả tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư chưa đủ mạnh. Sự phát triển kinh tế, tài chính chưa vững chắc, quy mô NSNN còn hạn hẹp, tăng trưởng chậm, dự phòng, dự trữ còn mỏng. Chính sách kinh tế, tài chính vĩ mô chưa ổn định ; hệ thống chính sách tài chính còn thiếu đồng bộ, thiếu những chính sách mang tính đột phá. Tài nguyên, công sản quốc gia, nhất là đất đai, công quỹ chưa được quản lý chặt chẽ. Nhiều nguồn lực quốc gia chưa được huy động, còn bị chia cắt, phân tán, sử dụng lãng phí. Thị trường tài chính đã hình thành, song chưa phát triển, sự vận hành chưa thông thoáng, thiếu đồng bộ. Hệ thống kiểm tra, giám sát và sự an tâm cho một thị trường tài chính mở chưa được bảo đảm, chưa đủ mạnh, chưa đủ sức đề kháng với những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, của tự do hóa trong hội nhập kinh tế.

Mục tiêu chiến lược của tài chính trong những năm đầu thế kỷ XXI là : xây dựng nền tài chính quốc gia có tiềm lực trong một hệ thống tài chính năng động và phát triển. Thiết lập và vận hành hệ thống chính sách tài chính chủ động, tích cực, đồng bộ để khơi dậy mọi tiềm năng, phát triển nguồn lực, huy động tối đa, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính quốc gia. Tạo dựng và duy trì môi trường tài chính vĩ mô ổn định, nền tài chính lành mạnh, bảo đảm mọi nguồn lực tài chính, mọi tài sản quốc gia được kiểm kê, kiểm soát, được kế toán. Tài chính phải thực sự là thước đo để đánh giá hiệu quả kinh tế. Công nghệ quản lý tài chính hiện đại, bộ máy quản lý tài chính có hiệu lực và hiệu quả. Chủ động hội nhập và nâng cao vị thế tài chính của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Nhiệm vụ trọng tâm của tài chính trong những năm tới là tiếp tục phục vụ chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế bền vững. Ưu tiên phát triển nhân lực, chăm lo bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài, lực lượng tiếp cận, tiếp nhận và chuyển giao trí tuệ, trí thức khoa học, công nghệ. Tài chính góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và phát huy nhân tố con người, đổi mới giáo dục, đào tạo và phát triển khoa học công nghệ, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để chính sách tài chính quốc gia thực sự đi vào thực tiễn cuộc sống cần lực chọn các giải pháp tài chính sau đây :

Thứ nhất, tăng cường vai trò chủ động, tích cực điều tiết vĩ mô nền kinh tế của các giải pháp tài chính, các chính sách tài chính và công cụ tài chính. Chính sách tài chính phải góp phần thiết lập và duy trì môi trường tài chính lành mạnh, giải phóng các nguồn lực tài chính và sức sản xuất, bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu cho NSNN, duy trì các cân đối lớn trong nền kinh tế. Đó là cân đối thu, chi NSNN, cân đối tích lũy, tiêu dùng, cân đối cán cân thanh toán, cân đối xuất, nhập khẩu... Chính sách tài chính phải gắn kết đồng bộ với các chính sách kinh tế để định hướng và khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân yên tâm, tự nguyện, đầu tư, bỏ vốn vào kinh doanh. Tôn trọng nguyên tắc công khai, công bằng, hiệu quả trong chính sách động viên, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Hệ thống chính sách tài chính tiếp tục đổi mới, phát triển và hoàn thiện theo hướng tích cực, chủ động bảo đảm cho tài chính có đủ nguồn lực, để thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tiếp tục đa

Digitized by Google

dạng hóa các công cụ tài chính, các hình thức tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, các trung gian tài chính, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính. Chính sách tài chính bảo đảm cho người lao động, người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản. Có thể khẳng định rằng, mọi giải pháp và chính sách tài chính phải nhằm mục tiêu trước hết là nâng cao và tăng cường tiềm lực tài chính quốc gia. Tiềm lực tài chính quốc gia (bao gồm cả tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư) chỉ có thể được tăng cường với tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, ổn định, bình quân 7-8%/năm. Tỷ lệ tích lũy, tiết kiệm dành cho đầu tư toàn xã hội phải đạt trên 30%. Tỷ lệ tiêu dùng phải giảm xuống dưới 70% GDP.

Thứ hai, thiết lập và thực thi các chính sách tài chính thúc đẩy đổi mới và cơ cấu lại NSNN, bảo đảm các khoản thu NSNN có căn cứ, có cơ sở ổn định, bền vững. Nuôi dưỡng và khai thác có hiệu quả mọi nguồn thu trong nền kinh tế, đặc biệt là trong khu vực kinh tế dân doanh, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tập trung và quản lý tốt các lợi ích kinh tế quốc gia. Chấm dứt ghi thu, ghi chi NSNN. Ưu tiên chi NSNN cho các mục tiêu chiến lược, cho xây dựng cơ sở hạ tầng, cho phát triển nguồn lực... Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn NSNN, chống lãng phí thất thoát ngay từ khi xác định chủ trương, lập và duyệt dự án cho đến khi thực hiện, triển khai và kết thúc đầu tư. Có chính sách đầu tư thích đáng và cơ chế tài chính phù hợp cho các vùng kinh tế trọng điểm làm động lực phát triển của cả nền kinh tế, từ đó tạo điều kiện đầu tư tốt hơn cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các địa phương nghèo, chậm phát triển. Đổi mới mạnh công tác quản lý và cấp phát kinh phí cho các chương trình, dự án quốc gia (giảm đầu mối, tăng trách nhiệm, quyền hạn và tính chủ động của tỉnh, thành phố). Đổi mới và hoàn thiện phân cấp quản lý tài chính và ngân sách, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và giữ vững vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Đồng thời, tạo điều kiện phát huy cao độ tính chủ động, năng động, sáng tạo của các cấp trong điều hành tài chính và ngân sách. Có chính sách và phương thức giao thêm nhiệm vụ thu và nhiệm vụ chi ngân sách cho một số tỉnh, thành phố, một số ngành, lĩnh vực có điều kiện, tăng dần số địa phương có thể chủ động trang trải các khoản chi tại địa bàn bằng các nguồn thu của địa phương được phân cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu lực của chính sách tài khóa. Mạnh dạn cải tiến quy trình quản lý và cấp phát NSNN theo hướng đơn giản, hợp lý, rõ ràng và công khai, minh bạch hơn. Tăng cường trách nhiệm của ngành, địa phương trong dự báo các nguồn thu, trong chấp hành và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chi trên các địa bàn.

Thứ ba, tiếp tục cải cách và hoàn thiện hệ thống thuế phù hợp với tình hình, yêu cầu của đất nước và cam kết quốc tế. Ngay trong năm 2001, 2002 tiến hành đánh giá toàn diện nội dung, quy trình và tình hình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các sắc thuế đang áp dụng. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện từng sắc thuế trong phương án tổng thể theo lộ trình đã hoạch định, theo hướng thu gọn thuế suất, mở rộng phạm vi, đối tượng chịu thuế. Thực hiện miễn, giảm thuế có điều kiện và có thời hạn. Xây dựng và sớm ban hành các luật thuế tài sản, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất nông nghiệp, Pháp lệnh phí và lệ phí. Trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI phải hoàn chỉnh cơ bản hệ thống thuế của Việt Nam. Từng bước thay đổi cơ cấu nguồn thu, bảo đảm thu từ thuế trực thu chiếm 45 - 50% tổng nguồn thu của NSNN. Tăng dần các khoản thu từ kinh tế trong nước phù hợp lộ trình cam kết, xóa bỏ hàng rào phi thuế quan và lộ trình cắt, giảm thuế nhập khẩu. Cơ cấu lại và đơn giản hóa các sắc thuế, công khai các thủ tục tính, kê khai, nộp và quyết toán thuế. Chủ động thực hiện các cam kết về thuế trong hội nhập, đưa dần mã số thuế GATT, và thuế hóa các biện pháp phi thuế quan.

Thứ tư, chính sách tài chính doanh nghiệp được tiếp tục đổi mới theo hướng tăng cường và mở rộng quyền tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Phân định rành mạch tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp nhà nước, quản lý nhà nước về tài chính và quản lý tài chính các doanh nghiệp trong đó có quản lý tài chính các doanh nghiệp nhà nước. Có cơ chế tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước thay đổi phương thức quản lý, chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, một chủ, hoặc công ty cổ phần. Đổi mới cơ chế đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước theo hướng thông qua công ty đầu tư tài chính nhà nước và thị trường vốn. Có cơ chế cho phép doanh

Digitized by Google

nghiệp làm ăn có hiệu quả được tự đầu tư vốn theo hướng sửa cơ chế phân phối và sử dụng lợi nhuận, cấp lại thuế thu nhập doanh nghiệp. Có chính sách tài chính để tăng cường đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ, đầu tư cho doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực then chốt, như công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, các hoạt động chế biến, kinh doanh hàng xuất khẩu. Thực hiện công khai hóa tài chính doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ sắp xếp và hỗ trợ cổ phần hóa. Thiết lập công ty quản lý nợ và thanh lý tài sản trong các doanh nghiệp phục vụ cho việc thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Chính sách tài chính phải bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích tất cả các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn và nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng. Với quan điểm sản xuất là "gốc" của nền tài chính quốc gia, phải có sự ổn định và nhất quán trong chính sách, giải pháp tài chính để hỗ trợ, thúc đẩy mở rộng sản xuất, kinh doanh làm nền tảng cho tài chính quốc gia. Tạo lập môi trường pháp lý và môi trường tài chính lành mạnh để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực tiềm năng về con người, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, vốn, đất đai, kinh nghiệm. Khuyến khích và tạo điều kiện pháp lý, điều kiện vật chất để mọi tổ chức, mọi người dân, mọi hộ gia đình, mọi nhóm dân cư yên lòng bỏ vốn kinh doanh vào các ngành nghề mà Nhà nước không cấm, kể cả các lĩnh vực kinh tế và dịch vụ công lâu nay chỉ có Nhà nước làm. Đa dạng hóa các phương thức, hình thức và chủ thể thực hiện các dịch vụ, lao vụ công ích.

Thứ năm, tăng cường và mở rộng hoạt động tài chính, triển khai mạnh các công cụ tài chính, các trung gian tài chính, như thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường tài chính... Có chính sách và biện pháp phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng (bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn quản trị kinh doanh, thị trường vốn, thuê mua tài chính...) với tốc độ tăng trưởng cao hơn 2 lần với tăng trưởng kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, vừa tăng thêm nguồn vốn đầu tư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm cho Việt Nam là một nước công nghiệp ở năm 2020.

Thứ sáu, chủ động thiết lập và lựa chọn các giải pháp tài chính phù hợp với yêu cầu và lộ trình hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh kinh tế và tài chính. Chính sách tài chính phải góp phần khai thác tối đa nguồn nhân lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế trong nước, thu hút nguồn lực từ bên ngoài phục vụ cho phát triển kinh tế. Chính sách tài chính phải lợi dụng và khai thác tối đa những cơ hội và giảm thiểu những bất lợi do quá trình hội nhập tài chính quốc tế gây nên. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các biện pháp cắt giảm thuế quan và nới lỏng hàng rào phi thuế quan trong khuôn khổ AFTA, APEC, WTO và diễn đàn hợp tác Á - Âu theo mức độ và lộ trình hợp lý, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài chính. Tham gia hợp tác quốc tế theo các chương trình hợp tác và cơ chế giám sát tài chính, tiền tệ của các nước ASEAN. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ với các nước SNG và Đông Âu nhằm thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế về tài chính, tiền tệ.

Thứ bảy, nâng cao năng lực, hiệu lực của hệ thống giám sát tài chính - tiền tệ, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát chặt chẽ các luồng vốn, các dòng chuyển dịch vốn (đặc biệt là vốn ngắn hạn), các khoản vay nợ, trả nợ. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hệ thống giám sát bằng nghiệp vụ và bằng tổ chức có sẵn trong bản thân công tác tài chính. Thiết lập, duy trì và nâng cao hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, bảo đảm mọi hoạt động tài chính, mọi sự lưu chuyển của từng dòng tiền, của Nhà nước, của ngân khố phải được kiểm kê, kiểm soát và giám sát thường xuyên, liên tục. Hoạt động tài chính, tiền tệ của các tổ chức, các quỹ tài chính nhà nước, các trung gian tài chính phải được giám sát từ xa, phải có hệ thống cảnh báo. Thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài, từ trên xuống cần có trọng điểm, có chủ định, xử lý dứt điểm mọi sai phạm, giữ nghiêm kỷ cương phép nước. Tạo dựng thói quen và nghĩa vụ công khai tài chính trong đời sống xã hội. Công khai tài chính là nghĩa vụ và cũng là quyền lợi của người cung cấp thông tin, của các đối tượng sử dụng thông tin. Có ràng buộc pháp lý và kinh tế đối với trách nhiệm cung

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

VIỆT NAM VÀ CÁC KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN

NGUYỄN THU MỸ *

TRƯỚC khi khủng hoảng tài chính - tiền tệ nổ ra ở Đông - Nam Á, Việt Nam đã rất quan tâm nghiên cứu các kinh nghiệm phát triển của các nước ASEAN. Kinh nghiệm của các nước đó được xem là phù hợp với nước ta hơn cả. Bởi vì :

Thứ nhất, các nước ASEAN có hoàn cảnh địa lý, kinh tế và văn hóa lúc bắt đầu công nghiệp hóa tương tự như nước ta.

Thứ hai, cũng như các nước ASEAN khác, Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trên lãnh thổ nước ta hiện nay có tới trên 50 dân tộc ít người khác nhau sinh sống. Các dân tộc đó sống rải rác ở các vùng sâu, vùng xa, vốn là những nơi có địa hình hiểm trở, hạ tầng cơ sở kém phát triển. Điều này làm cho nhiệm vụ phát triển ở nước ta cũng như ở các nước ASEAN khác trở nên nặng nề hơn rất nhiều so với các quốc gia một dân tộc như Nhật Bản và Hàn Quốc. Ở các nước như nước ta, yêu cầu đặt ra cho phát triển không chỉ là bền vững mà còn phải đồng đều. Đồng đều giữa các tầng lớp cư dân trong dân tộc đa số, giữa dân tộc đa số với các dân tộc thiểu số, giữa nông thôn và thành thị.

Những tương đồng về địa lý, kinh tế, văn hóa và nhiệm vụ phát triển trên giữa nước ta với các nước thành viên ban đầu của ASEAN làm cho các kinh nghiệm hay của ASEAN dễ được áp dụng ở nước ta và những sai lầm của các nước đó, nếu không sớm được phát hiện, cũng rất dễ bị lặp lại. Do đó, khi khủng hoảng tài chính - tiền tệ nổ ra, nước ta đã rất quan tâm nghiên cứu cuộc khủng hoảng này để tìm cho ra những nguyên nhân thật sự dẫn tới thảm họa kinh tế của các nước ASEAN đi trước. Những kết quả nghiên cứu đã giúp Việt Nam rút ra nhiều kinh nghiệm phát triển quý, kịp thời và bổ ích đối với quá trình triển khai chiến lược phát triển của nước ta hiện nay và trong những năm sắp tới. Những kinh nghiệm đó là :

1 - Khai thác các nguồn lực trong nước, nhân tố quyết định để phát triển bền vững.

Sự suy sụp của các nền kinh tế ASEAN trong hai năm 1997 - 1998 vừa qua là do nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, suy cho cùng, nguyên nhân sâu xa nhất dẫn tới sự suy sụp đó chính là sự phụ thuộc quá nặng nề vào các nguồn lực bên ngoài. Rút kinh nghiệm đó của ASEAN, Đảng ta đã đề ra nhiều biện pháp nhằm khai thác và phát huy những nguồn lực trong nước, trước hết là nguồn vốn dư thừa trong nhân dân. Theo các kết quả điều tra của các nhà khoa học, nguồn vốn trong dân hiện nay có thể lên tới 10 tỉ USD, đại đa số được tích lũy dưới hình thức vàng (40%) và bất động sản (20%).

Để huy động các nguồn vốn đó, vào năm 1999, Chính phủ đã cho phát hành một đợt công trái trị giá 4 000 tỉ đồng. Phần lớn số tiền thu được từ đợt phát hành công trái trên được đầu tư để phát triển 1 000 xã nghèo nhất ở nước ta hiện nay.

Trong mấy năm gần đây, do thu nhập của đại đa số nhân dân đã tăng hơn trước và do các biện pháp chống lạm phát có hiệu quả, niềm tin vào hệ thống ngân hàng tín dụng trong nước đang được phục hồi dần, số người Việt Nam gửi tiền tiết kiệm vào các tổ chức tín dụng của nhà nước ngày càng nhiều. Số tiền đó đã góp phần không nhỏ vào việc giải quyết một phần khó khăn về vốn cho công nghiệp hóa.

Nguồn lực thứ hai của nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới và nguồn nhân lực ở nông thôn. Nước ta là một nước nông nghiệp với 76% dân cư sống ở nông thôn, hơn 70% lao động làm việc trong nông nghiệp. Nông nghiệp không chỉ bảo đảm an ninh lương thực của cả nước mà còn là

* TS. Viện nghiên cứu Đông - Nam Á

Digitized by Google

một trong những nguồn cung cấp vốn đầu tư cho công nghiệp.

Kinh nghiệm của In-đô-nê-xi-a chứng tỏ rằng một nước với nền tảng kinh tế cơ bản là nông nghiệp, nhưng lại chạy theo phát triển công nghiệp chế tạo và không quan tâm thường xuyên tới nông nghiệp và nông thôn, thì chẳng những nước đó đã tự đánh mất đi một trong những lợi thế quan trọng nhất của mình, mà còn đẩy nhân dân vào tình trạng thiếu đói khi xảy ra khủng hoảng kinh tế. Từ bài học đó của In-đô-nê-xi-a, Đảng ta vốn đã luôn quan tâm tới nông nghiệp, nông thôn, nay lại càng coi trọng vai trò của nông nghiệp và nông thôn hơn nữa trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Cùng với việc tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất lúa gạo, Chính phủ đã giúp nông dân đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp và phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm. Nhà nước cũng đưa ra những ưu đãi nhất định nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào khu vực nông nghiệp. Nhờ đó, cho tới tháng 7-1998, đã có khoảng 180 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nông nghiệp và công nghiệp chế biến thực phẩm. Ngoài ra, Chính phủ cũng tích cực khai thác nguồn viện trợ ODA vào phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Nhờ những cố gắng nhiều mặt trên, trong những năm qua, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam đã có những thay đổi lớn. Từ một nước luôn luôn thiếu đói, không những nước ta đã có đủ lương thực cho gần 77 triệu dân mà còn trở thành một trong ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất trên thế giới hiện nay. Các chương trình xóa đói giảm nghèo cũng đã đưa lại những thành tựu bước đầu. Cho tới hiện nay, cả nước chỉ còn 19% số hộ gia đình thuộc diện nghèo đói, trong đó có 5% hộ gia đình thuộc diện đói.

Cùng với việc xóa đói giảm nghèo, Nhà nước còn coi trọng việc lôi cuốn các vùng nông thôn vào luồng phát triển chung của đất nước. Theo hướng này, Đảng ta chủ trương mở mang công nghiệp và dịch vụ ngay ở địa bàn nông thôn thay cho sự tập trung quá mức vào đô thị. Đó cũng là con đường thích hợp để xóa đói giảm nghèo, kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng, bảo đảm sự ổn định xã hội. Nhiều dự án công nghiệp lớn đã được triển khai xây dựng ở những vùng nông thôn hẻo lánh. Công trình thủy điện Ya-ly và khu công nghiệp chế biến dầu khí tại Dung Quất ở miền Trung nước ta là hai trong những công trình như vậy. Những dự án được thiết kế không phải chỉ vì các mục tiêu kinh tế mà còn nhằm biến những khu vực xung quanh dự án thành những đô thị mới, tạo cơ hội cho nhân dân sống ở những vùng xung quanh được chia sẻ một cách công bằng những lợi ích của sự phát triển.

2 - Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tạo tiền đề từng bước xây dựng kinh tế tri thức.

Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong hoàn cảnh không giàu có về nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn tài chính còn hạn hẹp, Đảng ta đã nhận thức một cách sâu sắc rằng con người là nguồn nội lực quan trọng nhất của nước ta. Dân số Việt Nam hiện nay đã lên tới gần 77 triệu người, đứng thứ 13 trên thế giới, thứ 7 trong số 42 nước châu Á - Thái Bình Dương và thứ hai trong ASEAN. Hằng năm, ở nước ta có khoảng một triệu thanh niên tham gia vào lực lượng lao động. Lao động Việt Nam được đánh giá là có khả năng tiếp thu nhanh, dễ đào tạo và cần cù, chịu khó. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của nước ta cũng có một số nhược điểm đáng kể như chất lượng lao động chưa cao, khả năng thích ứng với cơ chế thị trường còn kém. Nguồn nhân lực trên là rất quý giá, nhưng khi trình độ dân trí và tiềm lực khoa học - công nghệ đã trở thành nhân tố quyết định sức mạnh và vị thế của mỗi quốc gia trên thế giới, thì một lực lượng lao động như vậy rõ ràng là bất cập. Do đó, vấn đề đặt ra hiện nay là phải gấp rút đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có, làm cho nó không chỉ có khả năng đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp, dịch vụ tập trung lao động mà còn sẵn sàng bổ sung vào lực lượng lao động có kỹ năng mà việc xây dựng một số ngành kinh tế tri thức của đất nước đòi hỏi. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách hệ thống giáo dục còn nhiều bất cập của nước ta hiện nay.

Trong những năm qua, Chính phủ đã có nhiều cố gắng đầu tư cho công tác giáo dục - đào tạo. Nước ta đã thành công trong việc thanh toán nạn

Digitized by Google

mù chữ cho đại đa số nhân dân. Chất lượng đào tạo cũng được nâng lên ở một số mặt. Trong giáo dục đã xuất hiện một số yếu tố mới ; nhiều loại hình giáo dục mới xuất hiện, tạo cơ hội cho việc học tập, nghiên cứu của nhân dân.

Những kết quả trong công tác giáo dục - đào tạo trên đã đóng góp to lớn vào việc phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. Tuy nhiên, cũng như nền giáo dục ở nhiều nước ASEAN khác, hệ thống giáo dục, đào tạo của nước ta chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước. Tỷ lệ được đào tạo các cấp so với tổng số dân của nước ta mới chỉ đạt 80 - 85% ở bậc tiểu học, 36,2% trung học và 2 - 3% đại học. Trong khi đó, các chỉ số tương ứng ở các nước có trình độ phát triển trung bình là 91%, 46%, 14%, còn ở những nước có trình độ phát triển cao là 98%, 64% và 23,4%. Tỷ lệ người có trình độ cao đẳng, đại học trên 10 vạn dân của Việt Nam là 600 ; trong khi đó, tỷ lệ này tại Đức là 12 523, Pháp : 1 515, Mỹ : 2 196, Hàn Quốc : 2 695.

Cơ cấu đào tạo của nước ta cũng có nhiều vấn đề cần được xem xét một cách nghiêm túc. Ở một nước 80% dân số sống ở nông thôn như nước ta hiện nay mà tỷ lệ được đào tạo về nông học chỉ chiếm 0,45%. Trong số hơn 23 triệu lao động nông, lâm nghiệp chỉ có 7% được đào tạo. Tỷ lệ cán bộ nông nghiệp được đào tạo ở bậc đại học chỉ có 8,1%, sau đại học : 6,59%, nhưng phần lớn lại tập trung ở các cơ quan trung ương (89,3%).

3 - Nỗ lực xây dựng nền khoa học - công nghệ quốc gia tiên tiến, nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh công tác giáo dục - đào tạo, Đảng và Nhà nước còn đặc biệt coi trọng việc xây dựng cho đất nước nền công nghệ quốc gia tiên tiến. Bởi vì, cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, bài học của các nước ASEAN cho thấy nếu không xây dựng được một nền khoa học - công nghệ hiện đại thì chẳng những nước ta sẽ bị phụ thuộc mãi mãi vào công nghệ nước ngoài mà còn có nguy cơ để cho họ biến nước ta thành bãi thải công nghệ.

Tuy nhiên, việc xây dựng được một nền khoa học - công nghệ quốc gia hiện đại thật sự là một thách thức không nhỏ đối với các nước đang phát triển, nhất là trong bối cảnh các nước công nghiệp tiên tiến đã làm chủ hầu hết các ngành công nghệ hiện đại mà loài người đã sáng lập ra cho tới hiện nay. Đó là chưa kể tới hạn chế về khả năng tài chính của các nước đó. Có lẽ chính vì thế mà nhiều quốc gia đang phát triển đã bằng lòng với việc tiếp thu các công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào, dù biết rằng đó chỉ là các công nghệ thấp và gây ô nhiễm.

Đối với nước ta, việc xây dựng một nền khoa học - công nghệ Việt Nam hiện đại lại càng khó khăn hơn do nguồn vốn đầu tư còn rất hạn hẹp, năng lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng còn thấp của đội ngũ cán bộ khoa học. Nhằm khắc phục những bất cập trên, nhiều giải pháp lớn đã được vạch ra để phát triển khoa học - công nghệ. Đó là : khuyến khích các hoạt động nghiên cứu và triển khai thông qua các công cụ về thuế và chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với các tài năng khoa học ; đầu tư cho phát triển khoa học sẽ được nâng dần để đạt không dưới 2% tổng chi ngân sách trong những năm tới.

Trong đường lối phát triển khoa học - công nghệ, Đảng ta không chủ trương đầu tư phát triển như nhau đối với tất cả các ngành khoa học - công nghệ mà loài người đã sáng tạo ra cho tới cuối thế kỷ này. Bởi vì, làm như vậy chẳng những là không khôn ngoan mà còn là ảo tưởng. Một nước như nước ta, nếu muốn xác lập được một chỗ đứng riêng trong nền khoa học - công nghệ thế giới, không có cách nào khác là phải chú trọng phát triển những ngành công nghệ đặc thù của nước mình. Một số nước đang phát triển trên thế giới, trong đó có các nước ASEAN, đã đi theo hướng này. Ma-lai-xi-a hiện được xem là nước có công nghệ chế biến dầu cọ tiên tiến nhất thế giới. Còn người Thái thì tự hào vì đang làm chủ công nghệ tiên tiến nhất về nuôi tôm sú. Tham khảo kinh nghiệm của các nước chung quanh và xuất phát từ thực tế của Việt Nam, trong đường lối phát triển khoa học - công nghệ, Nhà nước ta đã chú trọng đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nhất là những lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cũng như những

Digitized by Google

lĩnh vực khoa học và công nghệ đặc thù của Việt Nam. Việc chủ trương phát triển những ngành khoa học trên chính là nhằm xác định một vị trí tối ưu cho Việt Nam trong nền công nghệ thế giới.

4 - Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nhưng không hy sinh môi trường sinh thái.

Một bài học phát triển khác mà các nước ASEAN cung cấp cho nước ta là giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và môi trường sinh thái. Đối với nhiều nước đang phát triển, đây là một thách thức không dễ vượt qua. Bởi vì, tài nguyên thiên nhiên chính là một trong những nguồn lực phát triển chính của họ. Trong khi không có đủ vốn đầu tư cho công nghiệp hóa, con đường duy nhất để thoát khỏi nghèo khổ đối với các nước đang phát triển, họ buộc phải tìm cách thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn FDI. Nguồn tài nguyên thiên nhiên tại chỗ phong phú chính là một trong ba nhân tố (tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực rẻ và quy mô thị trường) tạo nên sự hấp dẫn của các nước đang phát triển đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Vì lẽ đó, dù muốn hay không, đại đa số các nước đang phát triển, trong đó có ASEAN, buộc phải hy sinh môi trường cho tăng trưởng. Kết quả là họ đã phải trả giá đắt về môi trường.

Ở nước ta, trong những năm trước thập niên 90, do phải tập trung nỗ lực của cả nước vào sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc, Đảng và Nhà nước ta chưa có điều kiện quan tâm nhiều tới vấn đề khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái. Trong khi đó, nền kinh tế lạc hậu với những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và nguyên liệu thô cùng với tình trạng bùng nổ về dân số đã nhanh chóng làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên của nước ta. Tình trạng mất rừng và các loài động vật hoang dã là những ví dụ rõ rệt nhất về tình trạng kể trên. Từ một nước có tới 3/4 diện tích là rừng núi, nay diện tích đất rừng chỉ còn khoảng 9,3 triệu ha. Việc mất rừng che phủ đã gây nên tình trạng xói mòn đất canh tác, sụt lở đất và những trận bão lũ bất thường trong mấy năm gần đây ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long.

Từ một nước giàu có về tiềm năng sinh học, đặc biệt là động vật hoang dã, đến nay nhiều loại động vật quý hiếm của nước ta đã bị tuyệt diệt hay đang đứng trước nguy cơ tuyệt diệt.

Quá trình xây cất các cơ sở sản xuất công nghiệp và dịch vụ ồ ạt không được tiến hành đồng thời với việc xây dựng các hệ thống xử lý phế thải công nghiệp. Phần lớn nước thải từ các nhà máy, các cơ sở sản xuất đều được đổ thẳng vào các hồ lớn hoặc sông ngòi. Tình trạng ô nhiễm môi trường đã lên tới mức báo động ở nhiều địa phương, đặc biệt là hai thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Nếu tình trạng ô nhiễm môi trường không sớm được xử lý, nước ta đang có nguy cơ lặp lại sai lầm nghiêm trọng liên quan đến môi trường của Thái Lan và Phi-líp-pin trong những năm vừa qua.

Tới nay, nước ta đã thiết lập được một hệ thống quản lý môi trường từ trung ương tới các địa phương. Nhiều tổ chức phi chính phủ cũng được thành lập để chia sẻ trách nhiệm bảo vệ môi trường với các cơ quan chính phủ. Ngày 27-12-1993, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật bảo vệ môi trường. Nhiều bộ luật có liên quan tới môi trường cũng được điều chỉnh : Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật khoáng sản, Luật tài nguyên nước. ..

Cùng với việc tạo lập khuôn khổ pháp lý để bảo vệ môi trường sinh thái, nhiều chương trình, nhiều dự án về môi trường đã được triển khai, đặc biệt là các dự án nhằm tái tạo rừng. Một trong những dự án như vậy là "Chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc" được triển khai từ năm 1993. Trong khuôn khổ dự án này, tháng 3-1998, nước ta bắt đầu thực hiện dự án trồng 5 triệu ha rừng trong thời gian từ 1998 - 2010. Nếu dự án này thành công, vào năm 2010, diện tích rừng của nước ta sẽ lên tới 14,3 triệu ha.

Nhìn lại quá trình tiếp thu các bài học phát triển của ASEAN có thể thấy các kinh nghiệm, các bài học phát triển đó đã được nước ta tiếp thu một cách chủ động, sáng tạo. Chính sự chủ động đó đã giúp Đảng và Nhà nước ta đề ra được những biện pháp kịp thời, có hiệu quả nhằm không chỉ ngăn chặn nguy cơ lây lan của khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở Đông - Nam Á vào nước ta, mà còn thực hiện được một sự phát triển bền vững cho Việt Nam trong thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY NỘI LỰC TỪ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

LÊ MINH HỒNG *

Mục tiêu chung : "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đã bao hàm nội dung quan trọng về mặt thể chế. Đó là chúng ta phấn đấu xây dựng một chế độ thật sự dân chủ, một nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. Điều đó cũng có nghĩa rằng xã hội mà chúng ta đang xây dựng lấy tính chủ động sáng tạo của quần chúng làm nhân tố cơ bản của sự phát triển và hoàn toàn xa lạ với tính máy móc hành chính và quan liêu.

Vận dụng những nguyên lý lý luận về dân chủ trong cuộc sống nói chung và trong doanh nghiệp nói riêng là cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể và tùy từng điều kiện cụ thể, chẳng hạn đặc điểm của dân chủ ở phạm vi toàn xã hội, dân chủ ở phạm vi địa phương, hay dân chủ ở từng đơn vị sản xuất.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), từ trước tới nay việc thực hành dân chủ, ngoài những quyền công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định, thường được thông qua một số các quy chế, quy ước nội bộ để cụ thể hóa nội dung dân chủ trong điều kiện hoạt động cụ thể, như : thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của doanh nghiệp, quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng ; đại hội cán bộ, công nhân, viên chức ; quy chế hoạt động của ban thanh tra công nhân ; quy chế hoạt động của hội đồng hòa giải doanh nghiệp ; nội quy tiếp công nhân...

Nhưng thực tế cho thấy có sự thiếu tính thống nhất giữa các nội quy, quy chế nội bộ với những chuẩn mực chung về dân chủ của toàn xã hội ; bệnh quan liêu, hách dịch đối với cán bộ, công nhân, viên chức cấp dưới diễn ra phổ biến. Tinh thần lao động sáng tạo, đóng góp xây dựng nhà máy, xí nghiệp có chiều giảm sút, tệ hại hơn nữa là nhiều nơi mâu thuẫn về lợi ích giữa giám đốc, ban giám đốc và người lao động trở nên phức tạp.

Bởi vậy, cùng với việc ra đời Quy chế dân chủ ở cơ sở và Quy chế dân chủ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, Chính phủ đã ra Nghị định số 07/1999/NĐ-CP (ngày 13-2-1999) ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là Nghị định 07). Mục đích của Quy chế dân chủ ở DNNN đã được nêu rõ là :

- Cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", nhằm phát huy quyền dân chủ thông qua tổ chức công đoàn và dân chủ trực tiếp của người lao động, phát huy sáng tạo của tập thể và cá nhân để nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống vi phạm dân chủ, vi phạm kỷ luật, gây rối nội bộ, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ;

- Tạo động lực mạnh mẽ để phát triển doanh nghiệp nhà nước bền vững trên cơ sở gắn bó chặt chẽ trách nhiệm giữa giám đốc và công nhân, viên chức trong chăm lo đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tăng thu cho ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm cho người lao động ;

- Phân định rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của giám đốc và công nhân, viên chức đối với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ;

- Tạo môi trường thuận lợi để tăng cường đoàn kết, thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa giám đốc và công nhân,

* TS. Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Digitized by Google

viên chức cũng như trong nội bộ công nhân, viên chức, giữa cán bộ lãnh đạo quản lý với nhau ;

- Bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, của doanh nghiệp, của giám đốc và của người lao động tương ứng với kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi Nghị định 07 được ban hành, các cơ quan chức năng đã tiến hành xây dựng các thông tư hướng dẫn. Bộ Tài chính ra Thông tư số 65/1999/TT-BTC (ngày 7-6-1999) "hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước". Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ra Thông tư hướng dẫn về "Tổ chức và hoạt động của đại hội công nhân, viên chức trong doanh nghiệp nhà nước" nhằm phát huy quyền dân chủ trực tiếp của công nhân, viên chức trong việc tham gia quản lý doanh nghiệp nhà nước.

Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của chủ trương đó, cho đến nay hầu hết các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các tổng công ty 90 và 91 đã thành lập ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 07, đồng thời đã ra các chỉ thị cụ thể về việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước, yêu cầu các đơn vị tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ, tiến hành tổ chức học tập, phổ biến Nghị định 07 đến các cán bộ lãnh đạo và người lao động trong doanh nghiệp nhà nước dưới nhiều hình thức phong phú, như :

- Các doanh nghiệp nhà nước thành lập ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 07 với thành phần gồm : đại diện tổ chức đảng, chính quyền, công đoàn, tổ chức cán bộ... và do một đồng chí lãnh đạo đơn vị làm trưởng ban. Tiến hành tổ chức học tập, phổ biến Nghị định 07 cho các đối tượng gồm : các chủ tịch hội đồng quản trị (nếu đơn vị có hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc), chủ tịch công đoàn, kế toán trưởng, trưởng phó phòng ban và các cán bộ quản lý khác... dưới nhiều hình thức tổ chức khác nhau.

- Trên cơ sở nội dung, nguyên tắc và các văn bản hướng dẫn, thủ trưởng các đơn vị phối hợp với chủ tịch công đoàn cùng cấp tổ chức xây dựng quy chế dân chủ để áp dụng cụ thể cho đơn vị mình. Phần lớn quy chế dân chủ của các doanh nghiệp nhà nước đã nêu và về cơ bản đã bám sát được những nội dung theo các chương II, III, IV và V của Nghị định 07, cụ thể là : những việc lãnh đạo doanh nghiệp cần công khai, những việc người lao động được tham gia ý kiến, những việc người lao động quyết định, những việc người lao động được quyền giám sát, kiểm tra và những hình thức chủ yếu để người lao động tham gia góp ý kiến và giám sát kiểm tra. Nhiều doanh nghiệp đã cụ thể hóa từng nội dung của quy chế dân chủ cho phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của mình.

- Quá trình triển khai tổ chức thực hiện được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự tham gia trực tiếp của ban đổi mới quản lý doanh nghiệp các cấp. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của đơn vị, thủ trưởng các đơn vị đều đã phối hợp chặt chẽ với chủ tịch công đoàn (cùng cấp) có sự tham gia tích cực của toàn thể quần chúng và công nhân viên chức, bàn bạc cặn kẽ để đi đến thống nhất kế hoạch thực hiện các nội dung cụ thể của quy chế dân chủ. Có nơi ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đài phát thanh, truyền hình, các báo có chuyên mục "thực hiện quy chế dân chủ", hoặc các sở tư pháp phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên có chuyên mục "hỏi - đáp" về quy chế dân chủ.

- Đến nay, hầu hết các doanh nghiệp khi tiến hành đại hội công nhân viên chức đều đã đưa các nội dung của quy chế dân chủ để thảo luận. Việc xây dựng nội dung của quy chế, quy ước đều được người lao động tham gia đóng góp ý kiến từ tổ, đội sản xuất trở lên và được nhất trí thông qua trong đại hội. Có đơn vị do nhiều lý do chủ quan và khách quan mà hình thức đại hội công nhân viên chức đã bị quên lãng 4 - 5 năm nay, thì từ khi có Nghị định 07 đã bắt đầu phục hồi và đi vào nền nếp.

- Các doanh nghiệp đã tiến hành rà soát, hoàn thiện, nâng cao và thống nhất những quy chế mà doanh nghiệp đã có trước đây hoặc ban hành mới các quy chế với tinh thần đề cao tính dân chủ, tính công khai phù hợp với nội dung của quy chế dân chủ như : quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, quản lý tài chính ; thỏa ước lao động tập thể ; quy chế tuyển dụng, đề bạt cán bộ, đào tạo bồi dưỡng các kiến thức khoa học kỹ thuật mới ; quy chế hoạt động của hội đồng quản trị, tổng giám đốc, ban thanh tra nhân dân ; quy chế học tập lý

Digitized by Google

luận chính trị cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp...

- Ban thanh tra nhân dân của doanh nghiệp được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Công tác tiếp dân đã được thực hiện nghiêm túc, trong các doanh nghiệp đều đã bố trí phòng tiếp dân, có nội quy cụ thể, giải quyết và xử lý kịp thời những kiến nghị và thắc mắc, với nhiều hình thức : gặp trực tiếp đối thoại, hòm thư kín... Qua đó đã góp phần tích cực làm cho tinh thần đoàn kết nội bộ được cải thiện, quan hệ giữa các cá nhân trong tập thể được gắn bó hơn, tránh được sự nghi kỵ, hiểu lầm lẫn nhau, giảm đáng kể số lượng đơn thư tố cáo (kể cả nặc danh và vượt cấp). Nhiều đơn vị trước đây mất đoàn kết nghiêm trọng, nay đã được dàn xếp ổn thỏa, mọi người đều đồng lòng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống người lao động.

- Hình thức công khai được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp nhà nước, như : thông báo bằng văn bản ; thông qua các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, năm ; thông qua hội nghị công nhân, viên chức, thông qua phản ánh trực tiếp... đã được phát huy.

Nhìn một cách tổng quát, sau 2 năm thực hiện Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị đã khẳng định được những kết quả bước đầu như sau :

Thứ nhất : Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương đúng đắn. Có thể nói lần đầu tiên các hình thức, quy chế thực hiện dân chủ mà các doanh nghiệp nhà nước áp dụng trước đây đã được tập trung, tổng hợp, hoàn thiện, nâng cao và thống nhất thành hệ thống với tinh thần đề cao tính dân chủ, tính công khai, tạo thành hành lang pháp lý rõ ràng để cơ sở và người lao động dễ dàng thực hiện.

Thứ hai : Quy chế dân chủ là một căn cứ pháp lý cho giám đốc doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp nhà nước có điều kiện thực hiện đầy đủ hơn quyền và nghĩa vụ của mình. Những đơn vị điều kiện sản xuất phân tán, đi lại khó khăn như ngành cà phê, cao su, nhờ có Nghị định 07 ra đời mà thỏa ước lao động tập thể mới được ký kết đầy đủ.

Thứ ba : Quy chế dân chủ đã xác định rõ hơn trách nhiệm của giám đốc (tổng giám đốc), quyền lợi và trách nhiệm của người lao động, nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra nhân dân... trong công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh ở đơn vị, hạn chế một cách căn bản những biểu hiện độc đoán, chuyên quyền của người lãnh đạo doanh nghiệp ; nâng cao được trình độ hiểu biết pháp luật cho người lao động ; giúp cho người lao động nắm chắc hơn chế độ, chính sách của nhà nước. Đặc biệt đã làm cho người lao động hiểu rõ về "Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước" và các quy chế khác có liên quan trực tiếp đến người lao động ở doanh nghiệp nhà nước ; tạo điều kiện cho người lao động phát huy được quyền dân chủ của mình, nhưng đồng thời cũng làm cho họ hiểu và thấy được quyền dân chủ phải đi đôi với nghĩa vụ, dân chủ trong khuôn khổ của pháp luật, dân chủ có kỷ cương.

Thứ tư : Qua việc phối hợp thực hiện quy chế dân chủ đã gắn bó hơn trách nhiệm giữa giám đốc và người lao động trong việc chăm lo đẩy mạnh hoạt động sản xuất của đơn vị mình. Ngoài ra nó còn có tác dụng khuyến khích người lãnh đạo doanh nghiệp phải nâng cao trách nhiệm, chủ động linh hoạt và sáng tạo hơn trên cương vị của mình. Đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động thiết thực góp phần vào việc kiểm tra, giám sát, hạn chế, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực, nâng cao chất lượng sản phẩm. Qua đó, người lao động cũng nhận thức được những khó khăn, thuận lợi mà doanh nghiệp phải đương đầu với cơ chế thị trường, từ đó xác định động cơ phấn đấu hết mình vì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Thứ năm : Thực hiện quy chế dân chủ đã tạo được sự phấn khởi, tin tưởng, đoàn kết thống nhất, đẩy lùi tiêu cực. Từ đó, góp phần làm cho không khí dân chủ trong doanh nghiệp được cải thiện, quyền làm chủ của người lao động được tôn trọng, tạo được lòng tin cho quần chúng yên tâm công tác, lao động sản xuất, gắn bó với doanh nghiệp, lao động trong doanh nghiệp ổn định, tỷ lệ xin thôi việc hoặc chuyển công tác giảm đáng kể, số công nhân xin đăng ký thi đua lao động sản xuất ở một số doanh nghiệp tăng nhanh.

Thứ sáu : Thông qua việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ, vai trò lãnh đạo của Đảng (từ chi bộ cơ sở trở lên) trong doanh nghiệp nhà nước đối với tập thể, lãnh đạo doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể như : công đoàn, phụ nữ, đoàn thanh

Digitized by Google

niên... cũng đã được phát huy, sức mạnh tập thể được tăng cường để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ cũng đã thể hiện những hạn chế cần phải sớm được khắc phục, đó là :

- Một số doanh nghiệp nhà nước chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc thực hiện quy chế. Do vậy, triển khai quy chế dân chủ chậm, không đồng bộ, chưa rộng khắp ở tất cả các doanh nghiệp và người lao động. Nội dung truyền đạt chưa rõ ràng ; hình thức tổ chức đơn điệu, còn chạy theo phong trào, có nơi mới dừng lại ở việc quán triệt, học tập, chưa tổ chức thực hiện những nội dung cụ thể theo quy định.

- Việc xây dựng quy chế dân chủ của từng doanh nghiệp còn mang nặng tính hình thức, chiếu lệ, đại khái, chất lượng thấp, thiếu trọng tâm, còn lúng túng trong việc quy định các vấn đề cần công khai. Có đơn vị xây dựng quy chế dân chủ thiếu vận dụng vào thực tế của đơn vị mình, có tình trạng rập khuôn của cấp trên vào đơn vị mình. Việc tổ chức cho người lao động tham gia ý kiến xây dựng nội quy, quy chế dân chủ còn sơ sài, đại khái..., cho nên đã hạn chế tính tích cực của quy chế dân chủ.

- Có nơi quy chế dân chủ còn mang nặng tính dàn xếp các mâu thuẫn trong quan hệ giữa lãnh đạo với cấp dưới và người lao động, không toát lên được tinh thần của mục đích của Nghị định 07 và cái đích cao đẹp của dân chủ, là phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo của quần chúng.

- Người lao động nhiều nơi thường chỉ quan tâm đến những vấn đề về chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ cụ thể có liên quan trực tiếp đến họ, còn những ý kiến tham gia vào các giải pháp chung về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thúc đẩy phát triển các mặt hoạt động của đơn vị còn hạn chế và nhìn chung, nội dung này được xem như là nhiệm vụ của lãnh đạo. Do vậy, nội dung phản ánh, góp ý từ phía người lao động còn hạn chế. Cá biệt có cán bộ, công nhân, viên chức đã lợi dụng công khai, dân chủ sử dụng số liệu, thông tin của đơn vị như : lãi, lỗ, phương án sản xuất kinh doanh,... làm mất uy tín của đơn vị, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, gây mất đoàn kết nội bộ. Cũng không ít nơi, người lao động do sợ mất việc làm, không dám đấu tranh thẳng thắn, thủ tiêu đấu tranh, không phát huy được tinh thần dân chủ.

- Một số bộ, ngành chủ quản ít quan tâm, hoặc chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa to lớn của việc phát huy quyền làm chủ của người lao động là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Do vậy, chưa tập trung chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các doanh nghiệp nhà nước trong phạm vi quản lý của mình. Kế hoạch triển khai còn chung chung, công tác chỉ đạo điểm chưa đẩy mạnh, chưa tổng kết rút ra được những bài học để nhân rộng ra các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Công tác tuyên truyền, học tập còn dừng lại ở bề rộng, chưa đi sâu phân tích, phản ánh những cái hay, cái mới, cái được của quy chế dân chủ.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên có nhiều, nhưng trước hết là do cấp ủy đảng và lãnh đạo của một số doanh nghiệp nhà nước hoặc chưa nhận thức đúng ý nghĩa của quy chế dân chủ hoặc sợ động chạm đến quyền lực, lợi ích của mình nên không quan tâm đến chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị, chỉ lo đến sản xuất kinh doanh hoặc tập trung vào những giải pháp tình thế tháo gỡ khó khăn. Một số cơ sở khác thì thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể, nên việc xây dựng, triển khai thực hiện quy chế dân chủ còn bị chậm, lúng túng, thậm chí không xây dựng được kế hoạch triển khai cụ thể.

Để thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, thiết nghĩ, trước mắt cần thực hiện tốt mấy nhiệm vụ sau :

Một là : Cần tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cấp thực hiện việc triển khai quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng kế hoạch cụ thể, tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến nội dung một cách rõ ràng, sâu sắc và hình thức phong phú. Trên cơ sở kết quả đã đạt được, cần định kỳ kiểm tra việc thực hiện ở cơ sở các doanh nghiệp, có sự sơ kết đánh giá những mặt tích cực, những mặt còn hạn chế của các đơn vị, từ đó rút kinh nghiệm nhân rộng ra các doanh nghiệp khác

Digitized by Google

Hai là : Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy đảng và lãnh đạo các cấp trong việc thực hiện quy chế dân chủ với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng trong các doanh nghiệp, cũng như có hình thức để khớp nối giữa việc thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quy chế dân chủ trong các cơ quan hành chính. Từ đó, làm phong phú thêm nội dung của dân chủ hóa, dấy lên phong trào thi đua lao động sáng tạo vì hiệu quả sản xuất và hiệu suất của công tác.

Ba là : Các bộ, ngành có liên quan cần tiếp tục nghiên cứu để chỉnh sửa các thông tư hướng dẫn, sao cho các quy định được cụ thể, phù hợp hơn đối với đặc thù riêng có của doanh nghiệp ; vừa bảo toàn được bí mật trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà không rơi vào tình trạng độc đoán, chuyên quyền của lãnh đạo doanh nghiệp, thực hiện được dân chủ trong doanh nghiệp mà không rơi vào tình trạng mất kỷ cương ; vừa thực hiện được dân chủ đúng pháp luật.

Bốn là : Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy ở đâu có không khí dân chủ, thì ở đó hòa khí trong tập thể được duy trì, mọi người đồng tâm, hiệp lực xây dựng doanh nghiệp, ở đó kết quả sản xuất, kinh doanh không ngừng được nâng cao, lợi ích của người lao động được cải thiện.

Năm là : Nghị định 07 về Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước mới chỉ giới hạn phạm vi điều chỉnh đối với gần 1,7 triệu lao động. Còn đại bộ phận lao động sản xuất phi nông nghiệp hiện nay đang làm việc tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác cũng đang bức bách cần có một quy chế cụ thể để bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ. Thực tế cho thấy, tình trạng mất dân chủ cũng đã xảy ra khá phổ biến, có nơi lợi ích người lao động bị vi phạm nghiêm trọng do người sử dụng lao động lợi dụng tình trạng thiếu việc làm, mức sống thấp, pháp luật chưa cụ thể, rõ ràng, cơ chế kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật còn lỏng lẻo để ép người lao động làm tăng ca, tăng giờ và trả thù lao lao động thấp. Thiết nghĩ đã đến lúc các cơ quan chức năng nên sớm nghiên cứu để xây dựng quy chế dân chủ đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.❑

LỰA CHỌN...

(Tiếp theo trang 36)

cấp thông tin, tin cậy cho những người cần thông tin, cho những người sử dụng thông tin phục vụ các quyết định quản lý. Tạo môi trường pháp lý chặt chẽ hơn cho kiểm toán, kể cả kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ. Nâng cao trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm kinh tế về độ tin cậy của những thông tin tài chính công khai đã được kiểm toán và xác nhận của kiểm toán. Trong kiểm soát chi NSNN, cần coi trọng kiểm soát trước (tiền kiểm), ngay từ khâu xác định nhiệm vụ chi. Đánh giá chi NSNN, chi tiêu công quỹ bằng thước đo hiệu quả. Sử dụng phương pháp quản lý chi tiêu theo kết quả đầu ra. Coi trọng mục đích và kết quả của chi NSNN, chứ không phải mức chi hay mức cắt giảm chi. Thực hiện tốt các báo cáo quyết toán NSNN, báo cáo tài chính được kiểm toán trước khi phê duyệt.

Thứ tám, vấn đề mang tính quyết định cho sự thành công của các giải pháp trên chính là công cuộc cải cách hành chính trong công tác tài chính, trong đó tập trung vào việc xây dựng hệ thống pháp luật tài chính đồng bộ và ổn định, cải cách và đổi mới thể chế tài chính. Khẩn trương hiện đại hóa công nghệ tài chính và quy trình nghiệp vụ quản lý tài chính. Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy điều hành nền tài chính quốc gia ; tăng cường năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ tài chính để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta như đã được khẳng định tại Đại hội IX của Đảng là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2010, các yếu tố chủ yếu của kinh tế thị trường được thiết lập đồng bộ, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản và đến năm 2020 nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp. Hệ thống chính sách tài chính chủ động, tích cực được thiết lập đồng bộ, vận hành nhất quán, có hiệu lực sẽ góp phần tích cực vào việc thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong 5 năm đầu thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

MẤY GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG BUÔN LẬU TRONG TÌNH HÌNH MỚI

LÊ VĂN TỚI *

Buôn lậu là "quốc nạn", là loại tội phạm mang đặc tính kinh tế - xã hội sâu sắc, được xác định là thứ giặc "nội xâm" ở nước ta hiện nay. Tính nguy hiểm của buôn lậu không chỉ ở chỗ nó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế, mà còn gây nên những hậu quả phức tạp và nặng nề về mặt văn hóa, chính trị, xã hội... Không những thế, buôn lậu còn đe dọa hiệu lực pháp luật và năng lực quản lý của bộ máy nhà nước, thậm chí còn là mối nguy hiểm cho chủ quyền và an ninh quốc gia.

Bàn về hậu quả của buôn lậu, trước hết phải nói đến những tác hại của nó đối với nền kinh tế. Buôn lậu có nguy cơ kìm hãm tốc độ phát triển nền kinh tế, cản trở tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hàng hóa nhập lậu là hàng trốn thuế, làm mất tính cân bằng trong cạnh tranh thương mại giữa hàng nội và hàng ngoại, làm thất thu thuế xuất nhập khẩu, dẫn đến thất thu cho ngân sách quốc gia. Điều này dễ làm cho doanh nghiệp sản xuất đứng trước nguy cơ phá sản, nhất là những doanh nghiệp và những ngành công nghiệp non trẻ, mới ra đời. Nhập lậu ồ ạt sẽ biến nước ta trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của nước ngoài, đặc biệt là hàng dư thừa, ế ẩm. Xuất lậu hàng hóa, đặc biệt là nguyên liệu, khoáng sản, nhiên liệu thô, các mặt hàng chiến lược, hàng quốc cấm sẽ làm cho tài nguyên của đất nước cạn kiệt. Hậu quả rõ ràng nhất là làm mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, làm chệch hướng phát triển của nền kinh tế. Hành vi buôn lậu của một số doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước dẫn đến tình trạng đồng vốn quốc gia bị sử dụng sai mục đích, không nhằm tạo ra sản phẩm thông qua sản xuất và hiệu quả hợp pháp trong kinh doanh. Buôn lậu dẫn tới tình trạng thất thu lớn về thuế xuất nhập khẩu, gây ảnh hưởng đến quá trình cân đối thu chi ngân sách của Nhà nước và thất thoát ngoại tệ.

Buôn lậu còn gây nên những hậu quả phức tạp và nặng nề về văn hóa - xã hội. Nó là yếu tố tiêu cực làm gia tăng chênh lệch giữa giàu và nghèo, dung dưỡng hành vi bóc lột sức lao động. Một số tư thương đánh mất chức năng kinh doanh nghiêm túc, chỉ mải mê làm giàu thông qua buôn lậu. Có nơi buôn lậu đã lôi cuốn một lực lượng lao động khá lớn tham gia vào đội quân "cửu vạn" mang vác hàng thuê qua biên giới. Lực lượng đó không chỉ bao gồm lao động tại chỗ mà cả lao động từ nơi khác đến làm cho sản xuất bị đình trệ và ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội.

Tệ nạn buôn lậu là một trong những nguyên nhân làm suy thoái đạo đức xã hội, ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Bọn buôn lậu không từ một thủ đoạn nào để thu được nhiều lợi nhuận bất chính. Từ hám lợi, họ dần dần phản lại giá trị đạo đức truyền thống để chạy theo đồng tiền. Đồng tiền bất chính làm hại ngay chính những kẻ buôn lậu, gây ra các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, mại dâm, ma túy... Buôn lậu còn kéo theo sự tham nhũng, tha hóa đội ngũ công chức nhà nước.

Hàng nhập lậu tuồn vào thị trường nội địa không chỉ hàng hóa, mà còn có nhiều loại tài liệu phản động, văn hóa phẩm đồi trụy, thậm chí có cả vũ khí của những phần tử thù địch từ nước ngoài chuyển về với mưu đồ chống phá nước ta.

Buôn lậu là một dạng tội phạm kinh tế và rộng hơn là một hiện tượng tiêu cực của xã hội có tính lịch sử, phổ thông và quốc tế. Đấu tranh chống buôn lậu là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp và lâu dài, là mặt trận không tiếng súng và đôi khi có tiếng súng của thời bình. Do đó, chống buôn lậu

* Ths, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị

Digitized by Google

phải được tiến hành thường xuyên, kiên trì, bền bỉ với những giải pháp toàn diện, đồng bộ và khoa học. Thực tiễn cho thấy, trước mắt có thể tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau :

Một là, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế đất nước, xây dựng các vùng cửa khẩu biên giới trọng điểm thành những pháo đài kinh tế.

Phát triển kinh tế vững mạnh, nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam là điều kiện chống buôn lậu có hiệu quả và bền vững. Năng lực cạnh tranh quốc tế không chỉ diễn ra ở đâu đó bên ngoài biên giới quốc gia, mà chính là ở ngay trong lòng nền kinh tế của đất nước. Vì vậy, việc hình thành một cơ chế phối hợp trong các lĩnh vực nghiên cứu chính sách, cơ cấu đầu tư, cảnh báo tình trạng khủng hoảng, đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học - công nghệ... đang là những yêu cầu cấp bách.

Chất lượng là yếu tố hàng đầu quyết định thắng lợi cạnh tranh quốc tế. Người tiêu dùng trên thị trường là khách quan, công bằng và quan trọng nhất để đánh giá chất lượng hàng hóa. Các hàng hóa nhập lậu đều là những hàng hóa có tính cạnh tranh cao. Các doanh nghiệp làm ra các sản phẩm tương đương của ta cần sẵn sàng tham gia cuộc cạnh tranh đó. Chống buôn lậu bằng giải pháp kinh tế, một phần trách nhiệm rất quan trọng là của các nhà sản xuất trong nước và các doanh nghiệp nhà nước bằng sự thắng thế trong cạnh tranh, đẩy lùi hàng nhập lậu.

Cần nghiên cứu về lợi thế so sánh đối với các mặt hàng buôn lậu phổ biến hiện nay để có chiến lược đầu tư phát triển sản xuất hoặc liên doanh, liên kết theo hướng đẩy nhanh chất lượng, hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong nước, đánh bạt hàng nhập lậu. Ví dụ, thuốc lá là mặt hàng buôn lậu rầm rộ hiện nay. Việc giảm một phần thuế tiêu thụ đặc biệt có thể giúp tăng sức cạnh tranh, tạo điều kiện cho việc sản xuất thuốc lá trong nước phát triển. Như vậy vừa tạo công ăn việc làm, tăng thu ngân sách, đồng thời khỏi tốn kém công sức, tiền của trong việc chống buôn lậu về thuốc lá.

Những địa bàn trọng điểm nơi hàng lậu đi qua thường không nhiều. Đó là một số cảng nhỏ và vùng biển bãi ngang, một số khu vực trên các tuyến biên giới. Cần có chính sách ưu tiên phát triển kinh tế ở những địa bàn trọng điểm này thành những khu vực kinh tế phát triển nhanh, làm đối trọng và ngăn chặn sự xâm nhập của hàng lậu.

Hai là, hoàn thiện hệ thống chính sách về kinh tế mang tính chiến lược trong đấu tranh chống buôn lậu.

Thuế được sử dụng như là một công cụ để điều chỉnh nền kinh tế vĩ mô trong đó có chống buôn lậu, bảo hộ sản xuất trong nước. Chính sách thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư, tiêu dùng xã hội, đến tăng giảm giá cả trên thị trường. Vì vậy, dựa vào công cụ thuế, Nhà nước có thể tác động đến việc khuyến khích hoặc hạn chế sự phát triển của sản xuất kinh doanh. Trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, ngoài việc quản lý hành chính, Nhà nước còn có vai trò quản lý kinh tế rất quan trọng là tạo lập các quan hệ cung - cầu của nền kinh tế trong từng thời kỳ, bảo đảm sự phát triển cân đối giữa các vùng, các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Thông qua các sắc thuế, những phân biệt về thuế suất đối với các sản phẩm hàng hóa, các hoạt động dịch vụ, các ngành kinh doanh hoặc thông qua sự ưu đãi về thuế đối với một số vùng, lãnh thổ, Nhà nước định hướng cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào các vùng, lĩnh vực cần thiết. Trong điều kiện hiện nay, khi giao lưu kinh tế ngày càng mở rộng trên phạm vi thế giới, Nhà nước sử dụng công cụ thuế để bảo hộ sản xuất và thúc đẩy cạnh tranh trong và ngoài nước, phát huy vai trò hướng dẫn sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng.

Chính sách điều hành tỷ giá đang là một trong những vấn đề cần giải quyết tốt. Việc đưa ra một chính sách liên quan đến tỷ giá đòi hỏi nghiên cứu kỹ lưỡng và toàn diện hơn. Về nguyên tắc, việc đồng nội tệ bị đánh giá cao hơn giá trị của nó cũng giống như một thứ thuế và làm xấu đi tình hình xuất khẩu. Tỷ giá hối đoái bị đánh giá cao làm ảnh hưởng xấu đến các hàng hóa được sản xuất ra. Sự lên giá kéo dài đã gây tác động đến tính cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu. Có ý kiến cho rằng việc phá giá đồng tiền Việt Nam ở mức trung bình hoặc cao là giải pháp nhanh chóng làm giảm những căng thẳng ngắn hạn của cán cân thương

Digitized by Google

mại và dự trữ ngoại hối. Ý kiến này không đúng, vì có một đồng tiền mạnh là một trong những điều kiện tiên quyết để làm cho nó trở thành đồng tiền chuyển đổi được. Đây cũng là mục tiêu của chính sách tài chính tiền tệ nước ta hiện nay. Tuy nhiên, việc định giá đồng nội tệ đúng với ngoại tệ là điều cần thiết để tăng khả năng cạnh tranh quốc tế của kinh tế trong nước và cải thiện cán cân thương mại, có lợi cho ngoại thương mà vẫn bảo toàn được uy tín với đội ngũ bạn hàng bên ngoài. Biện pháp này đòi hỏi một loạt chính sách đi kèm nhằm tạo điều kiện để thúc đẩy những nhân tố tăng trưởng bên trong và bên ngoài, giữ cho kinh tế không suy sụp trong điều kiện lạm phát.

Việc phân cấp ngân sách cũng cần tạo được động lực, phát huy tính chủ động của từng địa phương. Do đó, cần có chính sách thưởng trở lại bằng ngân sách cho các địa phương nếu họ hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, khuyến khích chính quyền các địa phương quan tâm đến công tác chống buôn lậu, thu thuế xuất nhập khẩu.

Chính phủ đã có chính sách để lại 100% số thu từ chống buôn lậu cho địa phương, nhưng một số địa phương chưa biết để thực hiện. Cũng có những địa phương do eo hẹp về ngân sách, đã không dành nguồn thu từ chống buôn lậu để đầu tư cho việc phát triển sản xuất ở các địa bàn trọng điểm. Có nơi chưa phân biệt rõ giữa phát triển sản xuất ở vùng trọng điểm buôn lậu nhằm xây dựng tiền đồn về kinh tế với việc đầu tư để xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, cần giúp đỡ các địa phương thực hiện nghiêm túc chủ trương nói trên, chỉ rõ tỷ lệ % của nguồn thu từ chống buôn lậu dành cho tỉnh, huyện, xã, trong đó ưu tiên phần nhiều cho cấp xã.

Việc trích thưởng trực tiếp cho người có công chống buôn lậu cũng đang còn bấp cập, mặc dù Chính phủ đã có chủ trương động viên, khuyến khích, sửa đổi, nhưng ngành tài chính của các địa phương còn thiếu mạnh dạn. Trong thực tế, phần lớn các vụ buôn lậu được phát hiện, lực lượng chống buôn lậu vẫn chưa được hưởng tỷ lệ phần trăm thưởng mà chủ yếu là cấp để chi phí nhưng vẫn không đủ, nhất là mặt hàng thuốc lá và các mặt hàng cấm khác không thể bán đấu giá được. Lâu dài, chính phủ có chính sách hoàn chỉnh hơn trong việc trích thưởng này. Bên cạnh việc rà soát lại chức năng nhiệm vụ của ngành chức năng đảm nhiệm công việc chống buôn lậu để có chế độ đãi ngộ về lương hợp lý hơn, phải tính đến chi phí, trích thưởng phải xuất phát từ một nguồn quỹ được ấn định từ trước như đối với quỹ an ninh quốc phòng. Bởi lẽ chừng nào chi phí và tiền thưởng phát sinh từ kết quả chống buôn lậu thì ngay những người trong lực lượng chống buôn lậu muốn phát hiện bằng được buôn lậu, có nghĩa là còn mong cho buôn lậu tồn tại.

Đấu tranh ngăn chặn những hành vi phi pháp của các đối tượng tội phạm kinh tế và chống buôn lậu là những công việc phức tạp, nguy hiểm. Nhiều cán bộ, chiến sĩ phải đổ máu, gia đình chịu nhiều đau thương, mất mát, cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết, xử lý bị đe dọa qua thư tín điện thoại và bằng nhiều phương cách khác... Thực tế đó đòi hỏi phải củng cố sức mạnh của lực lượng chống buôn lậu, kiện toàn công tác phối hợp với các ngành chức năng, tăng cường bảo vệ về pháp lý đối với những người thi hành công vụ. Đối với người dân có nhiều đóng góp cho công tác chống buôn lậu, cần có chế độ đãi ngộ, động viên khuyến khích thích hợp. Tích cực giác ngộ, khuyến khích các phần tử buôn lậu chuyển sang hợp tác với ngành chức năng chống buôn lậu, thông qua tuyên truyền, giáo dục, sức ép pháp lý và có chế độ động viên thích đáng.

Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng tích cực tham gia phòng, chống buôn lậu.

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với nhân dân các vùng buôn lậu trọng điểm là yêu cầu trước mắt và lâu dài. Nhà nước nghiên cứu để có cơ chế tập trung nhiều hơn nguồn thu từ chống buôn lậu vào việc trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương, trong đó có vấn đề hỗ trợ kinh phí cho công tác giáo dục, đào tạo và tuyên truyền vận động quần chúng. Phổ biến thông tin thời sự, pháp luật giúp nâng cao nhận thức cho nhân dân về tình hình và hậu quả của buôn lậu hiện nay. Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm cho mỗi công dân không tham gia buôn lậu, không ủng hộ buôn lậu, tự giác tham gia chống

Digitized by Google

buôn lậu, phát huy tinh thần yêu nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong sản xuất và tiêu dùng.

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các ngành, các cơ quan thông tấn báo chí... tổ chức tốt việc tuyên truyền để nhân dân có nhận thức đúng và không tiếp tay cho buôn lậu, tích cực tố giác tội phạm, đấu tranh bài trừ buôn lậu.

Bốn là, tăng cường sức mạnh của hàng rào hải quan.

Mỗi quốc gia đều hình thành hàng rào hải quan nhằm bảo vệ nền kinh tế đất nước và chống các âm mưu phá hoại của kẻ thù bên trong và bên ngoài. Hàng rào hải quan dùng để kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu, bảo vệ cho hàng hóa sản xuất trong nước cạnh tranh thắng lợi với hàng ngoại, trước hết là ngay trên thị trường nội địa và hạn chế xuất khẩu những mặt hàng chiến lược bảo đảm sự cân đối của thị trường trong nước.

Hàng rào hải quan nước ta không chỉ là của riêng của ngành Hải quan mà là hàng rào đầy đủ, toàn diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hàng rào hải quan nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hải quan, quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, thu thuế xuất nhập khẩu và chống buôn lậu qua biên giới ; trong đó, chống buôn lậu là chức năng, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Hàng rào hải quan là một khái niệm rộng, bao gồm hàng rào hải quan vô hình (hay gọi là hàng rào phi quan thuế) và hàng rào hải quan hữu hình (còn gọi là hàng rào quan thuế).

Hàng rào hải quan vô hình là hệ thống luật pháp, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước mang tính chiến lược và sách lược trong việc bảo vệ nền kinh tế quốc gia, bảo vệ sản xuất và thị trường nội địa.

Hàng rào hải quan hữu hình là hàng rào được hình thành bằng biện pháp tổ chức, quản lý, kiểm tra, kiểm soát. Tại tất cả các cửa khẩu như sân bay, cảng biển, biên giới đất liền, nơi nào diễn ra hoạt động xuất nhập khẩu đều phải thành lập các đơn vị hải quan đủ mạnh để hoàn thành nhiệm vụ. Trong tình hình hiện nay, để hàng rào hải quan vững chắc, các đơn vị hải quan cần phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chống buôn lậu của biên phòng, công an, quản lý thị trường và được sự hỗ trợ của quân đội, nhất là lực lượng cảnh sát biển, bộ đội hải quân và quần chúng nhân dân.

Quốc hội đang thông qua Luật Hải quan Việt Nam vì Pháp lệnh Hải quan 1990 trên thực tế không còn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Luật Hải quan sẽ quy định về hệ thống tổ chức, bổ sung quyền hạn và phạm vi hoạt động của lực lượng hải quan.

Trước tình hình buôn lậu diễn biến phức tạp như hiện nay, ngoài vấn đề tăng cường pháp lý, để hàng rào hải quan có hiệu lực và sức mạnh, lực lượng Hải quan cần được đầu tư trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại như máy soi công - te nơ, máy bay, tàu cao tốc. Dù sao, vấn đề có tính quyết định vẫn là yếu tố con người. Dẫu phương tiện có hiện đại đến đâu nhưng công chức thi hành công vụ yếu về năng lực, phẩm chất thì không thể nói đến sức mạnh và hiệu quả được. Người có phẩm chất tốt tự mình sẽ giữ được trong sạch, phẩm chất kém thì dù pháp luật và chế độ có kiện toàn đi nữa vẫn có kẻ liều mạng vi phạm pháp luật. Vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ công chức trong lực lượng chống buôn lậu nói chung và lực lượng hải quan nói riêng là hết sức quan trọng, có ý nghĩa thành bại trong công cuộc đấu tranh chống buôn lậu hiện nay.

Năm là, đề cao trách nhiệm, vai trò của tổ chức đảng các cấp trong công tác đấu tranh chống buôn lậu.

Đảng viên, tổ chức đảng ở cơ sở là những người tiên phong, đầu tàu phát hiện và ngăn ngừa mầm mống buôn lậu. Những đảng viên biến chất, đi buôn lậu hay tiếp tay cho buôn lậu cần được xử lý nghiêm, kịp thời, công khai...

Trong khi toàn Đảng đang tích cực thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vai trò trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên đối với công tác chống buôn lậu càng được đề cao. Buôn lậu thường đồng hành với tham nhũng, dẫn đến nguy cơ thoái hóa, biến chất đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm suy giảm tính chiến đấu của Đảng và gây nên nhiều rạn nứt trong nội bộ đảng. Do vậy, cuộc đấu tranh chống buôn lậu gắn với đấu tranh chống tham nhũng là hành động thiết thực để góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. ❑

Digitized by Google

Kế thừa luật tục để xây dựng quy ước làng văn hóa ở Tây Nguyên

PHAN ĐĂNG NHẬT *

Nhằm kế thừa kinh nghiệm của ông cha trong việc quản lý các cộng đồng cơ sở, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa VII đã nêu rõ : "Nhà nước cần sớm nghiên cứu đề ra các quy tắc thích hợp với chức năng, vai trò của xã, của thôn, làng bản (miền núi) trong tình hình mới và dựa vào những quy tắc này xã có thể xây dựng hương ước mới". Thực hiện quyết nghị đó, Thủ tướng Chính phủ và các bộ : Tư pháp, Văn hóa - Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

Thi hành các văn bản trên, trong thực tế, từ miền núi đến miền xuôi, hương ước quy ước đã được xây dựng và thực hiện. Ở miền núi nói chung và miền núi Tây Nguyên nói riêng vốn có một kho tàng luật tục rất phong phú và hữu ích chưa được khai thác và tận dụng trong việc xây dựng và thực hiện quy ước ở cơ sở. Đây là việc làm nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có hiểu biết về lý thuyết và thực tiễn, truyền thống và hiện đại. Bản thân chúng tôi cùng các đồng nghiệp ở Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian sau nhiều năm nghiên cứu sưu tầm luật tục và cũng đã trải qua thực nghiệm xây dựng hương ước ở Tây Nguyên xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến về lý thuyết và kinh nghiệm thực tế, hy vọng có đóng góp nhỏ cho Tây Nguyên.

I - Đặc điểm và ý nghĩa của luật tục Tây Nguyên.

Luật tục Tây Nguyên thuộc về nhiều dân tộc có địa bàn cư trú cách xa nhau, đặc biệt là nói các thứ tiếng thuộc hai ngữ hệ khác nhau : Austroasiaque và Austronesien. Do đó chúng có những nét riêng. Tuy vậy, sự thống nhất cũng khá rõ rệt. Từ người Ba Na ở Bắc cho đến người Srê ở Nam Tây Nguyên, từ người Xtiêng phía Tây cho đến người Raglai phía Đông, đều có luật tục. Và từ nội dung cho đến tổ chức thực hiện, việc phạt, đến việc xử tội v.v.. đều có những nét tương đồng khá rõ. Không những ở vùng trung tâm mà ở các vùng giáp ranh, các dân tộc vẫn có luật tục và không khác nhau nhiều. Chúng tôi đã trực tiếp khảo sát ở vùng Ba Na - Phú Yên, vùng Raglai - tây Khánh Hòa và đã tìm thấy những nét tương đồng trong luật tục ở đây so với vùng Buôn Ma Thuột hoặc Pleiku.

Sự tương đồng trên đây có cơ sở lịch sử - xã hội chung của Tây Nguyên. Đồng thời Tây Nguyên là một vùng địa lý - kinh tế, từ đó hình thành một vùng văn hóa. Các nhà nghiên cứu đã xác định Tây Nguyên là một trong những vùng văn hóa quan trọng của nước ta [1]. Trong vùng văn hóa Tây Nguyên có những vùng thể loại trùng khớp với nó. Ở đây chúng ta thấy có các vùng thể loại cồng chiêng, vùng nhà mồ và tượng mồ, vùng hội lễ bỏ mả, đặc biệt là vùng sử thi [2]. Cũng như vậy, chúng tôi tin rằng luật tục ở Tây Nguyên đã tồn tại như một vùng thể loại và chúng ta có *vùng luật tục Tây Nguyên*. Trong vùng luật tục Tây Nguyên quy luật giao lưu tăng cường hiệu lực và như vậy tính tương đồng sẽ càng tăng lên và lan truyền rộng thêm.

Và từ các điểm tương đồng của luật tục Tây Nguyên chúng ta có thể tìm ra cốt lõi chung của chúng tức là *đặc điểm cơ bản của luật tục Tây Nguyên*.

Cũng như luật tục nhiều dân tộc khác, luật tục Tây Nguyên vừa là phong tục, đạo đức, phép ứng xử vừa có tính chất luật pháp. Nó vừa là lời khuyên giải đề nghị thực hiện những điều nên làm, vừa là cơ chế bắt buộc phải thực hiện các quy định, tiêu

* PGS, TSKH Viện Văn hóa dân gian, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (chủ biên) : *Các vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1995

- Ngô Đức Thịnh (chủ biên) : *Vùng văn hóa và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993

(2) Xem Phan Đăng Nhật : *Vùng sử thi Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999

Digitized by Google

chí của xã hội bằng tác động tích cực và tiêu cực, khen ngợi và trách phạt.

Luật tục Tây Nguyên có tính dân chủ cộng đồng cao hơn so với *Lệ mường, Luật mường* (Thái) và *Lệ nhà lang* (Mường). Tính dân chủ này thể hiện ở tất cả các khâu xây dựng, thi hành và kiểm tra luật tục. Nó có tính quần chúng dễ thuộc phổ cập sâu rộng đến mọi người, toàn thể cộng đồng (vừa là đối tượng thi hành, vừa là chủ thể của luật tục) với hình thức truyền miệng, sử dụng văn vần giàu tính hình tượng.

Luật tục chủ yếu nhằm gìn giữ sự hòa hợp của toàn thể cộng đồng, giữ gìn sợi dây liên hệ bền chặt của thế giới Tây Nguyên gồm người, súc vật, cây cối và thần linh, không chú mục coi trọng sự công bằng tuyệt đối cho từng cá nhân như luật pháp tư sản. Bởi vậy tinh thần ứng xử của luật tục là khoan hòa và hòa giải. Lễ cầm vòng, uống rượu thề, thắt nút, ngoéo tay với câu nói vần quen thuộc : *ma tngor, ko hrê, vê tngal* (Đã làm chứng, thắt nút, ngoéo tay xong xuôi - Jrai) ; cũng như buổi liên hoan kết thúc với ca múa rượu thịt tưng bừng, là nghi thức khẳng định sự tái hòa hợp sau một việc bất hòa, đem lại sự hòa thuận yên vui như xưa, trong lòng mọi người mọi việc đều bỏ qua.

Luật tục dựa một phần vào tín ngưỡng đa thần ở hai mặt, phục tùng ý nguyện của *yang*, đồng thời cũng nhờ vào *yang* để tạo nên sức mạnh để củng cố cộng đồng. Vì xét cho cùng ý nguyện của *yang* và tổng thể cộng đồng là một.

Những nét bản chất trên đây của luật tục Tây Nguyên được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở một xã hội chưa có áp bức bóc lột và thống trị giai cấp, là "buổi bình minh", "tuổi ấu thơ của xã hội loài người" (Mác), khi con người chưa bị tha hóa như các xã hội về sau. Trong xã hội truyền thống Tây Nguyên, nguyên lý sống là DÂN CHỦ, HỮU ÁI, BÌNH ĐẲNG như Luy-xơ H. Mốc-găng đã tổng kết : "Dân chủ trong công việc quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi" [3]. Xã hội này là nguồn gốc sinh thành luật tục Tây Nguyên và cũng là cội nguồn của bản chất luật tục Tây Nguyên.

Nếu sử thi Hy Lạp được mệnh danh là sử thi cổ điển thì có thể nói rằng với bản chất trên đây, *luật tục Tây Nguyên là luật tục cổ điển*. Các xã hội về sau vẫn còn có luật tục nhưng do hoàn cảnh đổi thay, luật tục không giữ được bản chất nguyên sơ nữa.

Chính cơ sở xã hội trên đây tạo nên hiệu lực của luật tục. Nghiên cứu các xã hội thị tộc Âu - Mỹ, Ăng-ghen đã đưa ra những kết luận, nêu lên ưu thế đặc biệt về mặt quản lý xã hội của các chế độ trên, so với tình trạng tổ chức chuyên chính phức tạp nặng nề mà lại kém hiệu quả của xã hội tư sản. Ông viết : "Với tất cả tính ngây thơ và giản dị của nó, chế độ thị tộc đó quả là một tổ chức đẹp biết bao ! Không có quân đội, hiến binh và cảnh sát, không có quý tộc, vua chúa, tổng đốc, trưởng quan và quan tòa, không có nhà tù, không có những vụ xử án, - thế mà mọi việc đều trôi chảy. Mọi sự xích mích và mọi sự tranh chấp đều được giải quyết bởi tập thể những người có liên quan, - tức là thị tộc hoặc bộ lạc... thế nhưng, người ta vẫn không hề cần đến bộ máy quản lý cồng kềnh và phức tạp của chúng ta. Mọi việc đều do những người hữu quan tự giải quyết lấy, và trong đa số các trường hợp, một tập quán lâu đời đã giải quyết trước tất cả mọi việc rồi" [4].

"Một tập quán lâu đời đã giải quyết trước tất cả mọi việc rồi", đó chính là luật tục mà các dân tộc Tây Nguyên thường nói *"do ông bà để lại cho", "xưa sao nay vậy"*.

Ăng-ghen còn nói rõ hiệu lực tác động vào việc thi hành luật tục là dư luận cộng đồng : "Ngoài dư luận công chúng ra, nó (xã hội tiền giai cấp - P.Đ.N -) không có một phương tiện cưỡng chế nào" [5].

Những kết luận và nhận xét trên đây được viết trong cuốn *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, xuất bản lần đầu năm 1884, cách đây 117 năm, thế mà chúng phù hợp luật tục Tây Nguyên một cách đáng ngạc nhiên. Và chính ý kiến của Ăng-ghen đã chỉ cho chúng ta phương hướng kế thừa luật tục Tây Nguyên cho sự nghiệp hiện nay.

II - Vai trò của luật tục trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn gần đây người Tây Nguyên và luật tục Tây Nguyên phải đối diện với những biến đổi to lớn. Kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường

---

(3) Luyxơ H. Morgan : *Xã hội cổ đại*, tr 552 trích theo Ăng-ghen trong *Toàn tập*, t 21. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 265

(4) Các Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 1995, t21, tr 147 - 148

(5) Các Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 21, tr 251

Digitized by Google

làm cho hoạt động kinh tế tại chỗ trở nên năng động hơn, sôi nổi hơn, đời sống của một số ít đồng bào dân tộc gần nơi đông người được nâng cao. Nhưng nó mang theo những tệ nạn xã hội như trộm cắp, nghiện hút, bạo lực... Đó là những điều từ xưa luật tục vẫn nghiêm cấm và hầu như xa lạ với đồng bào. Một bộ phận lợi dụng tôn giáo phá hoại nghiêm trọng văn hóa truyền thống, kích động nhân dân đập phá chiêng ché, xóa bỏ thuần phong mỹ tục vốn được quý trọng gìn giữ từ lâu đời.

Trong tình hình mới, để thích nghi, nhân dân đã tự bảo ban nhau điều chỉnh luật tục truyền thống.

Về nội dung, luật tục chỉ xét các việc dân sự nội bộ như hôn nhân, gia đình, ăn cắp, ngoại tình, mất đoàn kết, ... Những trọng tội thuộc về sự điều chỉnh của pháp luật. Các hình thức xử tội mà một số tác giả Pháp đã gọi là có tính chất trung cổ không được dùng đến, nhưng vẫn được nhắc đến chúng và mọi người đều công nhận ngày xưa ông bà đã làm như vậy, như một điều răn đe. Việc xử phạt cũng giảm nhẹ, không có mức "lấy 1 đền 3" như trước, phạt thiên về nghi thức và tinh thần, không ảnh hưởng nhiều đến kinh tế.

Về tổ chức, các làng buôn thường vẫn có ban hòa giải hoặc ban phong tục lo việc xét xử. Trong ban này có thành viên của chính quyền thôn, đại diện cho luật pháp và chính sách. Vị trí quan trọng trong buổi xử thường thuộc về những già làng thạo luật tục, có uy tín, ăn nói giỏi.

Tóm lại, trong tình hình mới, với hoàn cảnh chưa được hỗ trợ và chỉ đạo, luật tục vẫn tồn tại vì vẫn là nhu cầu của đồng bào. Trong tình hình đó, nếu luật tục được nghiên cứu chu đáo, việc ứng dụng luật tục truyền thống được hướng dẫn cẩn thận, phần ưu thế được phát huy, phần tiêu cực không thích hợp được loại trừ, chúng ta sẽ đạt những kết quả đáng khích lệ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở Tây Nguyên. Những kinh nghiệm tốt về luật tục ở các nước Đông - Nam Á hải đảo như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a... giúp chúng ta khẳng định nhận định trên.

Những lĩnh vực chính mà luật tục có nhiều đóng góp là :

- Điều hòa các mối quan hệ gia đình như vợ chồng, con cái, cha mẹ, ông bà, anh chị em ;

- Điều hòa các mối quan hệ xã hội như làng buôn, dòng họ, giữ gìn trật tự trị an, chống trộm cắp, ngoại tình, nghiện ngập ;

- Bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, chống lại những ảnh hưởng ngoại lai tiêu cực ;

- Giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn tôm cá tự nhiên và thú rừng, cấm đánh bắt, săn bắn bừa bãi, bảo vệ rừng lâu năm, rừng đầu nguồn (rừng *yang*) ;

- Bảo vệ gia súc, chống dịch bệnh lan tràn, chống gia súc phá hoại cây trồng ;

- Phòng chống hỏa hoạn ;

- V.v..

Bên cạnh nội dung tích cực như trên trong luật tục truyền thống còn không ít nội dung tiêu cực hoặc không thích hợp cần kiên quyết loại bỏ.

Ngày 28-3-1996 tại Buôn Ma Thuột đã diễn ra cuộc Hội thảo : *Mối quan hệ giữa hương ước, luật tục và luật pháp hiện hành.* Hội thảo một lần nữa khẳng định vai trò to lớn của luật tục trong sự phát triển của nông thôn miền núi hiện nay đối với Tây Nguyên. Ở đây chỉ xin đưa ra một trong những phương hướng ứng dụng là *kế thừa luật tục để xây dựng quy ước làng văn hóa.*

III - Kế thừa luật tục để xây dựng quy ước làng văn hóa.

Có nhiều cách kế thừa luật tục. Ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a người ta vẫn duy trì hệ thống luật tục với các Hội đồng adat các cấp làng xã, huyện và tỉnh. Chúng tồn tại song song với hệ thống pháp luật nhà nước, được nhân dân và chính quyền các cấp tôn trọng. Trong một số cuộc hội thảo ở nước ta có người đề ra phương hướng *luật pháp hóa luật tục.* Chúng tôi cho rằng những phương hướng trên không hoặc chưa có tính khả thi. Căn cứ vào nhu cầu của nhân dân, khả năng và điều kiện cho phép, đồng thời chiếu theo các nghị quyết, chỉ thị, thông tư hướng dẫn đã ban hành (đã được trích dẫn ở phần mở đầu), chúng tôi đề ra phương hướng *Xây dựng quy ước làng văn hóa.* Trước khi viết bài này, chúng tôi có làm thí điểm một số nơi và thu được một số kinh nghiệm thành công và chưa thành công.

1 - Xây dựng quy ước.

- Quy ước chỉ giới hạn trong phạm vi điều hòa các mối quan hệ nội bộ làng buôn và đứng ở góc độ văn hóa (nghĩa rộng) mà đặt vấn đề. Như vậy, sẽ bao trùm được những vấn đề quan trọng của đời sống nhân dân hiện nay. Hơn nữa, qua văn hóa, các

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

Phong bì và cái bì không phong

LÊ XUÂN VŨ

Bì là da, vỏ ngoài. Cái chứa đựng bên trong nó mới quan trọng, ít nhất cũng quan trọng hơn nó, nếu không muốn nói là quyết định.

Nhưng cứ lý mà suy, cái bên trong càng quý thì cái vỏ ngoài cũng theo đó mà được thơm lây. Cho nên, bì cũng có lịch sử tiến hóa của nó. Từ chỗ chỉ là tấm lá, mảnh vải, tiến lên bị cói, bao đay, bì gai và khi gỗ, giấy, ni lông, chất dẻo được dùng phổ biến, đã có cả một công nghiệp bao bì hiện đại phát triển. Và trong cái thế giới da dẻ, vỏ ngoài này cũng có thứ bậc.

Bì nói chung chưa xác định mức độ kín hở. *Bao bì* kín hơn bì nhưng ít nhiều vẫn có thể nhìn thấu và đoán định được cái bao gói bên trong ; nhiều bao bì còn ghi rõ cả tên hiệu, kích cỡ và những chỉ dẫn cần thiết về cái được bao gói. *Phong bì* hoàn toàn kín, bí mật, riêng tư. Phong bì là đóng kín mà ! Chữ "phong" này hay lắm : "Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương" (Nguyễn Du) và "Tình thư một bức phong còn kín ; Gió nơi đâu gượng mở xem" (Nguyễn Trãi).

Phong bì tự lập thành một hệ, phát triển rất nhanh, tiền đồ rộng lớn chính là nhờ sự đóng kín này. Thật thế, những gì nó mang theo, dẫu xa vạn dặm, công khai đi giữa "thanh thiên bạch nhật", trước mắt bàn dân thiên hạ vẫn cứ là kín bưng tuyệt mật, chỉ người gửi và người nhận biết với nhau mà thôi. Những phong bì thư xinh xắn, duyên dáng, tiện dụng từ khi mang thêm con tem và dấu bưu chính (ở Việt Nam là từ năm 1864) tới tấp bay đi, bay đi cùng trời cuối đất, trao đổi tin tức, tâm tư tình cảm, công văn, giấy tờ, tài liệu, dự án, công việc, kiến giải văn chương, triết học, đủ thứ trên đời bằng giấy mực. Đó là chưa nói đến những phong bì kép có thêm lớp giấy lót trong, phong bì đặc biệt, gắn xi cần người ngựa hộ tống hay đóng dấu "bảo đảm", "hỏa tốc", "chuyển phát nhanh" để chắc chắn 100% đến tay người nhận đúng lúc.

Cách đây vài chục năm ở nước ta lại xuất hiện loại phong bì đời mới có đặc điểm và tính năng khác hẳn, có tốc độ sinh sôi nảy nở nhanh gấp bội chẳng thua kém gì nếu không nói là vượt xa loại phong bì truyền thống. Có người giải thích rằng bởi đây là loại phong bì ít khi đơn sinh, song sinh mà "bào sinh", mỗi bọc hàng chục, hàng trăm chiếc giống nhau như đúc. "Hậu sinh khả úy". Đó là loại phong bì không phong. Tức là cái gì gửi đi không dán kín mà vẫn gọi là phong bì. Không phong là bởi cố tình cố ý không phong chứ không phải vì quên hay vì một lý do lịch sự, tế nhị gì. Loại phong bì này không ghi địa chỉ mà vẫn đến đúng tay người nhận chóng vánh, an toàn. Nó chỉ chuyên đựng tiền (điều cấm ky đối với phong bì truyền thống). Đây là đặc điểm quan trọng nhất, quyết định không chỉ hình thức mà cả phương thức chuyển giao cùng uy thế và sức mạnh khôn lường của nó.

Phong bì loại này được trao tay kín đáo hoặc tương đối kín đáo, lẻ tẻ đến từng địa chỉ rải rắc khắp nơi, và có khi công khai, đại trà cho nhiều người tụ hội về một chỗ.

Loại nhỏ là lót tay, lớn là của đút, gọi chung là phong bì đút lót, núp dưới danh nghĩa lệ phí, chè thuốc, lễ vật, hiếu hỉ, mừng tân gia, tạ ơn, hoa hồng, lãi cổ phần (ma), bên B "lại quả" cho bên A, v.v có mệnh giá từ chục ngàn đến triệu, tỉ đồng Việt Nam, bằng nội tệ, ngoại tệ, ngân phiếu hoặc bằng séc dễ dàng đổi thành tiền mặt. Tạm thời hãy để ra một bên loại phong bì của đút thuộc phạm vi trừng trị của pháp luật, ở đây chúng ta chỉ nói đến loại nhỏ lót tay. Loại gọi là phong bì bồi dưỡng đồng loạt, không phải là thù lao cho những đóng góp xứng đáng, mệnh giá thường không quá năm số 0, trừ trường hợp đặc biệt, phát và nhận ngày càng tự nhiên, thoải mái theo lối "kiến tại" ở không ít cuộc hội họp lớn nhỏ.

Việc trao và nhận hai loại phong bì "a nhỏ lót tay" và "b đồng loạt" này lúc đầu cũng có đôi phần dè dặt, ngượng ngùng dù dưới danh nghĩa tiền ăn trưa hoặc tiền bồi dưỡng gì đó. Song, vì hai bên đều có lợi, lâu dần thành quen, đến nỗi nhiều nơi, nhiều lúc hễ thiếu

Digitized by Google

phong bì là nảy sinh bao khó khăn, phức tạp, mất thì giờ, hỏng việc, ít nhất cũng là kém hồ hởi, thiếu sinh khí. Thế là hình thành một tục lệ nếu không nói là một phong khí đáng buồn : bao người dân đến cửa công muốn được việc cứ phải chuẩn bị sẵn phong bì ; bao người than thở, thì thào, mách bảo nhau đến nơi này, chỗ nọ phải chuẩn bị phong bì bao nhiêu, đưa cho ai cũng phải biết tường tận kẻo đưa nhầm ; bao cơ quan mỗi khi tổ chức hội nghị, tiếp khách cứ phải cắt cử mấy người tin cẩn chuyên việc "kính gửi" phong bì, giấy mời các nơi gửi đến phải phân phối sao cho "công bằng" để cán bộ đi họp có cơ hội đồng đều nhận phong bì ! Thế là đẻ ra cái tệ : muốn được việc phải trao phong bì, ăn lương làm phận sự mình mà vẫn muốn nhận thêm tiền bồi dưỡng, tạo ra hẳn một chế độ bồi dưỡng và "bồi dưỡng" (nháy nháy) bằng tiền bỏ trong phong bì, gọi tắt là "chế độ phong bì".

Đành rằng "chế độ phong bì" ra đời cũng có lý do và thời cơ của nó : "tiền phong bì" kể trên mặc nhiên hợp pháp coi như "bổng ngoại" phụ vào đồng lương còn khiêm tốn. Vả lại, người ta quen nói "lương bổng" (chứ không phải "bổng lương" !). Nhưng dù có thế đi nữa thì tạo ra cả một "chế độ phong bì" như đã nói vẫn cứ là "lợi bất cập hại". Đến một lúc nào đó chỉ còn có hại. Loại phong bì đời mới không phong, chỉ chuyên đựng tiền mặt, trao tay, không cần ghi địa chỉ người nhận rốt cuộc chỉ là thân phận một mảnh giấy gói tạm không hơn không kém. Nó là sự phát triển sang mặt đối lập của phong bì truyền thống, là sự phát triển chệch hướng, ngược chiều. ❑

KẾ THỪA LUẬT TỤC...

(Tiếp theo trang 52)

vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội sẽ nhẹ nhàng đi vào nhân dân. Do vậy tên gọi nên là "Quy ước văn hóa plây, buôn...".

- Những vấn đề đặt ra cần dựa vào các "chương, điều" mà luật tục truyền thống có tập quán can thiệp và điều chỉnh. Ví dụ : Những điều quy định chung. Giữ gìn trật tự trị an (chống trộm cắp, đánh nhau, gây ồn ào mất trật tự). Xây dựng tình làng nghĩa xóm, nâng cao tinh thần đoàn kết cộng đồng. Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường (rừng núi, ao hồ, đập nước,...). Hôn nhân, gia đình, quan hệ nam nữ, v.v..

- Quy ước phải viết bằng hai thứ tiếng, chủ yếu là tiếng dân tộc, đồng thời chuyển sang tiếng phổ thông. Phải diễn đạt theo thể văn vần của từng dân tộc như : *duê* (Êđê), *duây* (Mnông), *dơp pacấp* (Raglai)... Phải giữ được tính hình tượng, kể cả các cụm từ ổn định thành khuôn mẫu trong các thể lời nói vần của từng dân tộc.

- Những trường hợp phạt hoặc mức độ phạt hiện nay không thích hợp có thể nhắc lại điều cũ và khẳng định sự đổi mới.

2 - Dân chủ hóa và phổ biến nội dung quy ước.

Việc xin ý kiến của nhân dân nên thực hiện làm hai bước : các già làng, thành viên ban phong tục, sau đó đưa ra toàn dân. Trường hợp dân đông, khó lấy ý kiến đầy đủ, có thể thêm một khâu phổ biến, kết hợp trao đổi ý kiến ở cụm dân cư.

Sau khi ổn định, in quy ước và gửi rộng rãi cho nhân dân (cố gắng mỗi hộ có một bản) tuyên truyền phát thanh từng chương bằng tiếng dân tộc.

3 - Thực hành quy ước.

- Vẫn duy trì Ban hòa giải hoặc Ban phong tục như thường có. Trong ban, ngoài các già làng có trưởng thôn.

- Xử việc cần quán triệt tinh thần công bằng, dân chủ, khoan dung, hòa giải, giáo dục như truyền thống đã thực hiện. Kết thúc buổi xử việc nên giữ nghi thức hứa hẹn, cầm vòng, thắt nút... để xóa đi mâu thuẫn cũ đem lại sự hòa hợp trong xóm làng, theo tinh thần *"Từ nay nước lại chảy đều, mía chuối lại xanh tươi, người người lại thương yêu nhau"*. Nên có cuộc vui nhẹ để gây không khí thuận hòa.

4 - Một số kinh nghiệm.

- Qua một số nơi thí điểm, chúng tôi nhận thấy nhân dân rất phấn khởi, đóng góp nhiều ý kiến thỏa đáng, không những người già mà lớp trẻ cũng rất quan tâm và có những ý kiến rất phù hợp.

- Ngôn ngữ dân tộc và lời nói vần được bà con rất thích thú.

- Muốn làm được những điều đã nêu ở các phần trên, người soạn thảo phải am hiểu luật tục, biết tiếng dân tộc, tốt nhất là người bản tộc. ❑

Digitized by Google

QUAN HỆ NGA - TRUNG - MỸ THẬP NIÊN 1991 - 2001

NGUYỄN HOÀNG GIÁP * - PHAN VĂN DÂN **

GẦN 10 năm đã trôi qua, kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc cùng với sự sụp đổ của hình thái trật tự thế giới hai cực, trong quan hệ Nga - Trung - Mỹ diễn ra những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc. Từ chỗ mất cân bằng ngay sau chiến tranh lạnh, các mối quan hệ này bước vào quá trình hình thành sự cân bằng mới, tìm kiếm sự ổn định, cố gắng kiềm chế những xung đột mang tính chất đối kháng. Tuy nhiên, quan hệ Nga - Trung - Mỹ vẫn tiếp tục phức tạp, ẩn chứa những bất trắc khó lường, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến tiến trình định hình một trật tự quốc tế mới hiện nay.

Đặc biệt, từ cuối năm 1998 đến nay, quan hệ giữa Nga, Trung Quốc, Mỹ lại bị xáo động nghiêm trọng sau hàng loạt các sự kiện như : Mỹ - Anh không kích Irắc ; 78 ngày đêm Mỹ và NATO tấn công Nam Tư (1999) ; Mỹ đòi sửa đổi Hiệp ước giới hạn vũ khí phòng thủ chiến lược ABM đã ký với Liên Xô năm 1972 để tiến hành xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) ; Mỹ và Nhật Bản ký kết triển khai Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD) ở vùng Viễn Đông ; Tổng thống Mỹ G.Bu-sơ chú trọng tăng cường sức mạnh quân sự đưa ngân sách quốc phòng hàng năm của Mỹ vượt quá 300 tỉ USD, chiếm 37% tổng chi tiêu quân sự thế giới...

Những thăng trầm trong quan hệ Nga - Trung - Mỹ bị chi phối bởi nhiều nguyên nhân, nhưng ***trước hết và chủ yếu*** là do tương quan lực lượng giữa họ đang thay đổi. Mỹ tuy ở thế mạnh hơn các đối thủ khác, nhưng cũng có nhiều mặt hạn chế, khó có thể áp đặt đối với các đối tác. Song, Mỹ chưa từ bỏ mưu đồ xác lập "bá quyền lãnh đạo thế giới" và để thực hiện ý đồ này, Mỹ luôn thay đổi chiến lược cũng như sách lược đối ngoại, đẩy mạnh can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước và khu vực. Tình hình đó luôn gây lo ngại và phản ứng từ Nga và Trung Quốc, khiến hai nước này có xu hướng xích lại gần nhau để đối phó với Mỹ. Vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh và xung đột trên những cấp độ khác nhau là trạng thái biểu hiện của quan hệ Nga - Mỹ - Trung trong gần một thập niên đầy biến động dữ dội vừa qua. Phân tích sự vận động của các mối quan hệ song phương giữa Nga, Mỹ và Trung Quốc trên bình diện chính trị - an ninh chiến lược 10 năm qua sẽ cho thấy rõ hơn những nhận định nêu trên.

Quan hệ Nga - Mỹ sau chiến tranh lạnh đã thay đổi về chất. Sự đối đầu ý thức hệ tư tưởng không còn là đặc điểm chủ đạo trong quan hệ hai nước. Tuy nhiên, quan hệ Nga - Mỹ vẫn là một trong những nhân tố then chốt trong đời sống chính trị quốc tế đương đại. Kết quả của việc xử lý mối quan hệ này rất quan trọng : hoặc sẽ tăng cường sự phát triển một cách ổn định của hệ thống quan hệ quốc tế, hoặc có thể dẫn đến sự hỗn loạn, xung đột, gây mất ổn định thế giới.

Còn nhớ những năm đầu sau khi Liên Xô sụp đổ, quan hệ Nga - Mỹ đạt tới thời điểm "trăng mật". Các cuộc tiếp xúc cấp cao giữa hai nước liên tục diễn ra, hàng loạt các văn kiện được ký kết, mà đỉnh điểm là Tuyên bố chung Nga - Mỹ ngày 15-1-1994 tại Mát-xcơ-va khẳng định, hai nước bước vào giai đoạn mới của quan hệ bạn bè chiến lược "trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi" và "thừa nhận lợi ích quốc gia của mỗi nước". Trên thực tế, hai nước có sự hợp tác khá chặt chẽ không chỉ về chính trị - ngoại giao mà còn cả về kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật lẫn quân sự - an ninh... Mặt khác, Mỹ vẫn coi Nga là thách thức tiềm tàng lớn nhất đối với việc thực thi chiến lược toàn cầu của họ, bởi Nga được thừa hưởng tới 70% sức mạnh quân sự của Liên Xô trước đây, tức là Nga vẫn kiểm soát một kho vũ khí hạt nhân khổng lồ. Vì thế, Mỹ tỏ ra muốn hợp tác với Nga trên mọi bình diện (dĩ nhiên đó phải là một nước Nga không đủ mạnh để ngang hàng với Mỹ), đồng thời tìm mọi

* TS, Bộ môn Địa - Chính trị thế giới, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

** TS, Bộ môn Lịch sử thế giới, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cách cản trở Nga nâng cao vị thế quốc tế, hạn chế những khu vực ảnh hưởng mà Nga kế thừa của Liên Xô (Trung Cận Đông, các nước SNG, Đông Âu, bán đảo Ban-căng...). Đối với Nga, do gặp phải những khó khăn kinh tế - xã hội trong quá trình cải cách tự do hóa, Nga bị yếu thế về nhiều mặt trong quan hệ với Mỹ với hy vọng tìm kiếm nguồn hỗ trợ kinh tế - kỹ thuật cần thiết từ phương Tây.

Song, do tích tụ ngày càng nhiều mâu thuẫn và bất đồng, từ 1994 đến nay quan hệ Nga - Mỹ đã từ thân thiện chuyển sang cục diện mới : vừa hợp tác, vừa xung đột một cách mạnh mẽ hơn. Bên cạnh sự hợp tác trong các vấn đề an ninh như không phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, giải quyết các xung đột khu vực, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia v.v..., giữa Nga và Mỹ đã nảy sinh những bất đồng gay gắt. Nhất là khi Mỹ khởi xướng và thực thi chiến lược mới của NATO, mở rộng tổ chức này tới sát biên giới và đe dọa trực tiếp đến lợi ích an ninh quốc gia của Nga. Nghiêm trọng hơn, Mỹ cùng các đồng minh NATO trực tiếp gây ra cuộc chiến tranh chống Nam Tư - nước đồng minh thân cận của Nga. Chiến dịch Đông tiến của NATO và cuộc tấn công Cô-xô-vô được xem như bộ phận của chính sách bao vây địa - chiến lược đối với Nga. Bởi vậy, quan hệ Nga - Mỹ vốn chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn đã xuống đến mức thấp nhất kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc.

Bên cạnh đó, chính quyền Mỹ còn công khai phê phán Nga trong việc giải quyết vấn đề Trê-sni-a, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Nga. Tiếp theo, Mỹ xúc tiến xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) nhằm phá vỡ thế cân bằng vũ khí đạn đạo đã đạt được từ khi Xô- Mỹ ký kết Hiệp ước ABM (1972), đồng thời tích cực chuẩn bị kế hoạch triển khai Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD) ở Viễn Đông đã khiến Nga phải có những biện pháp đối phó tích cực. Đầu năm 2000, Nga công bố Chiến lược an ninh mới, trong đó lần đầu tiên khẳng định mục tiêu đấu tranh loại trừ lẫn nhau giữa hai khuynh hướng chính trị quốc tế : một bên là khuynh hướng thiết lập trật tự thế giới đa cực ; bên kia là khuynh hướng của Mỹ và phương Tây muốn giành bá quyền toàn cầu.

Từ khi V.Pu-tin lên làm tổng thống, nước Nga đã có nhiều động thái đối ngoại tích cực theo hướng khôi phục vai trò cường quốc hàng đầu thế giới, thậm chí có khi phớt lờ và thách thức Mỹ, nên Mỹ có xu hướng cứng rắn hơn trong quan hệ với Nga. Tổng thống vừa đắc cử G.Bu-sơ đã đòi Nga phải tiến hành đàm phán lại Hiệp ước ABM nhằm mở đường cho việc triển khai kế hoạch NMD và không loại trừ khả năng tiếp tục tiến trình mở rộng NATO sang phía Đông một cách mạnh mẽ hơn. Hiện tại, quan hệ Mỹ - Nga không còn được chính phủ Bu-sơ coi là "quan hệ đối tác chiến lược" mà trở thành "quan hệ cạnh tranh chiến lược".

Những dấu hiệu gần đây cho thấy, sự cọ sát - cạnh tranh - mâu thuẫn và xung đột về lợi ích trong quan hệ Nga - Mỹ có chiều hướng gia tăng. Mới đây, trong các cuộc tiếp xúc với Tổng thư ký NATO Rô-bớt-xơn ở thăm Nga từ 19 - 21-2-2001, phía Nga khẳng định tôn trọng các nguyên tắc của Hiệp ước ABM, chủ trương tiếp tục cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược, đồng thời phản đối sửa đổi Hiệp ước ABM. Ngay cuộc gặp cấp cao Nga - Mỹ giữa Tổng thống Nga V.Pu-tin và Tổng thống Mỹ G.Bu-sơ ngày 16-6 tại Liu-bli-a-na cũng không giải quyết được các vấn đề nổi cộm giữa hai nước. Giới lãnh đạo Nga, một mặt chỉ trích gay gắt NATO mở rộng sang phía Đông, coi đó là hành động không thân thiện ; mặt khác đề xuất phương án thành lập Hệ thống phòng thủ chung châu Âu với tên gọi ***"Hệ thống phòng thủ phi chiến lược"***. Tuy nhiên, Nga cũng bày tỏ sẵn sàng cùng với Mỹ thảo luận về các nguy cơ có thể đối với an ninh thế giới và về các biện pháp loại bỏ chúng. Ngay lập tức, đề xuất của Nga về hệ thống phòng thủ phi chiến lược đã nhận được sự đồng tình của Trung Quốc.

Như vậy, sự cạnh tranh, xung đột giữa Nga và Mỹ thể hiện ở cạnh tranh về lợi ích chính trị khu vực và va chạm về lợi ích toàn cầu. Song, tìm kiếm sự hợp tác cho đến nay vẫn còn là mặt tương đối nổi trội trong quan hệ Nga - Mỹ. Có thể dự đoán trong tương lai gần, Nga và Mỹ vẫn cố gắng duy trì kết cấu quan hệ lấy hợp tác làm chính, song cạnh tranh và xung đột sẽ có xu hướng tăng và không loại trừ có thể dẫn tới giai đoạn căng thẳng mới trong quan hệ hai nước.

Quan hệ Nga - Trung Quốc tiếp tục quá trình cải thiện tích cực theo hướng nâng lên một tầm cao mới về chất, trở thành quan hệ đối tác chiến lược bình đẳng, cùng phối hợp, tin cậy lẫn nhau trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế sau chiến tranh lạnh, cả hai nước đều thấy cần thiết phải tăng cường hợp tác để bảo vệ những giá trị và lợi ích dân tộc, cũng như chủ quyền đất nước. Chính sách can thiệp và kiềm chế của các thế lực bên ngoài đứng đầu là Mỹ, cùng với những thách thức trong mỗi nước đã tạo thêm nhiều điểm đồng để cả Nga và Trung Quốc dễ xích lại gần nhau hơn trong quan điểm về các vấn đề an ninh quốc tế và khu vực.

Digitized by Google

Nhìn khái quát, quan hệ Nga - Trung cho đến nay đã trải qua 3 giai đoạn : từ quan hệ "hữu nghị" (1992) tới "đối tác xây dựng" (1994) và sang quan hệ "hợp tác đối tác chiến lược hướng tới thế kỷ XXI" (cuối 1998 đến nay). Hợp tác chiến lược Nga - Trung được thể hiện trên các mặt như : Thông qua đàm phán hòa bình giải quyết các vấn đề quốc tế, tôn trọng và bảo vệ lợi ích dân tộc chính đáng của mỗi bên ; thiết lập cơ chế hợp tác an ninh mới, xây dựng sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau thông qua phối hợp song phương và đa phương trong việc tìm kiếm hòa bình, ổn định ; tích cực thúc đẩy Liên hợp quốc phát huy vai trò bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, phản đối các thế lực cường quyền quốc tế ; tăng cường đối thoại chiến lược, cùng hợp tác giải trừ quân bị và ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, đẩy mạnh tiến trình đa cực hóa thế giới...

Trong khung khổ của chiến lược ngoại giao "bạn bè" của Trung Quốc hiện nay được chia làm 4 tầng nấc : Tầng thứ nhất là quan hệ của *"mô hình ổn định"* ; tầng thứ hai là *"mô hình thông thường"* ; tầng thứ ba - *"mô hình có triển vọng"* ; tầng thứ tư - *"mô hình dạng tiềm năng"*. Trung Quốc xác định quan hệ với Nga thuộc tầng thứ nhất. Theo quan điểm Trung Quốc, đây là quan hệ "bạn bè giữa hai nước đã đạt đến trình độ mật thiết và ổn định. Trong khi đó, quan hệ với Mỹ chỉ được Trung Quốc xếp ở tầng thứ ba.

Thời gian gần đây, nhất là từ khi V.Pu-tin trở thành Tổng thống Nga, quan hệ Nga - Trung tiếp tục được củng cố, tăng cường. Hai bên đã có sự phối hợp quan điểm khá chặt chẽ với nhau trong vấn đề Ban-căng, kiểm soát vũ khí, bảo lưu Hiệp ước ABM, duy trì cân bằng chiến lược toàn cầu, chống chạy đua vũ trang trong không gian, đòi Mỹ ký Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) và tham gia tiến trình đàm phán về Hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược giai đoạn ba (START-III). Ngoài ra, hai nước cũng có sự phối hợp khá rõ nét trong hàng loạt các vấn đề như bán đảo Triều Tiên, Đông Ti-mo, cải cách Liên hợp quốc, ủng hộ xu thế đa cực hóa và đấu tranh thiết lập một trật tự chính trị, kinh tế thế giới mới.

Sự phát triển quan hệ Nga - Trung còn được thể hiện thông qua các cơ cấu và cơ chế hợp tác đa phương khác. Nga và Trung Quốc là hai thành viên chủ chốt của nhóm Hiệp ước Thượng Hải (bao gồm Nga, Trung Quốc, Ca-dắc-xtan, Tat-gi-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan) trong tổng diện tích lãnh thổ gần 40 triệu km², hơn 1,5 tỉ dân và gần 2 nghìn tỉ USD GDP hằng năm. Với vai trò thúc đẩy của Nga và Trung Quốc, tại Hội nghị cấp cao IV của nhóm cuối tháng 8-1999 (Bit-kêch - Cư-rơ-gu-xtan), các thành viên đã ra Nghị quyết phản đối thuyết nhân quyền cao hơn chủ quyền của NATO. Bên cạnh đó, thuật ngữ và ý định về liên minh Nga - Trung Quốc - Ấn Độ lần đầu tiên được cựu Thủ tướng Nga X.Pri-ma-cốp đề cập trong chuyến thăm Ấn Độ tháng 12-1998. Từ sau sự kiện Mỹ và NATO phát động chiến tranh ở Cô-xô-vô, ý tưởng về mối liên minh tay ba này đã nhiều lần được khơi dậy. Tuy chưa trở thành hiện thực, nhưng Mỹ và NATO đã tỏ ra hết sức lo ngại và cảnh giác đối với sự hình thành không gian địa - chính trị lợi hại này, với tổng diện tích gần 35 triệu km², xấp xỉ 2,5 tỉ dân, gần 3 nghìn tỉ USD GDP hằng năm và tổng tiềm lực hạt nhân khổng lồ.

Theo nhận định của một số nhà nghiên cứu quốc tế, Nga và Trung Quốc đang có xu hướng thiết lập một liên minh quốc phòng, biểu hiện qua việc hợp tác khá chặt chẽ giữa hai nước về mua bán vũ khí, đào tạo nhân viên quân sự, trao đổi tin tức tình báo và phối hợp chính sách v.v... Trước hành động ngang ngược của Mỹ và Anh không kích I-rắc (2-2001) và chính sách đối ngoại dựa trên sức mạnh của G.Bu-sơ, Nga và Trung Quốc đang xúc tiến những biện pháp phối hợp nhằm đối phó với chính sách cường quyền của Mỹ. Đặc biệt, trong các cuộc tiếp xúc mới đây giữa hai nước nhằm tìm đối sách trước việc Mỹ xúc tiến triển khai Hệ thống NMD, đại diện Trung Quốc đã nêu ý tưởng xây dựng Hệ thống phòng thủ chung Nga - Trung. Nếu trở thành hiện thực thì đây sẽ là một điểm ngoặt mới trong tam giác quyền lực Nga - Trung - Mỹ.

Mặc dù vậy, bên cạnh việc Nga và Trung Quốc đẩy mạnh liên kết chiến lược hiện vẫn còn nhiều trở ngại có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ hai nước. Quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung do thiếu một nền tảng kinh tế vững chắc, nên quan hệ chính trị và quan hệ kinh tế chưa tương xứng nhau. Đối với Nga, Trung Quốc mới chỉ là đối tác số 1 ở châu Á về chính trị. Ngoài ra, cả Nga và Trung Quốc, do có lợi ích chiến lược riêng nên cũng có những khác biệt trong quan hệ với Mỹ và phương Tây. Trong chừng mực cụ thể, hai nước đều triệt để lợi dụng ý đồ liên minh tay đôi nhằm đạt được những nhượng bộ từ phía Mỹ. Điều đó rất có thể sẽ tác động, tạo ra những cản trở nhất định trong quan hệ Nga - Trung. Mặt khác, ngay cả trong vấn đề biên giới lãnh thổ - vấn đề nhạy cảm trong quan hệ hai nước - dù Hiệp ước về biên giới đã được ký kết, nhưng vẫn tồn tại những bất đồng không phải đã giải quyết được triệt để.

Digitized by Google

Song, dù sao cũng cần nhấn mạnh rằng, quan hệ Nga - Trung càng về những năm gần đây càng có những bước phát triển mới và hiện đang ở tầm cao của lịch sử quan hệ song phương sau nhiều năm xung đột, bất đồng. Trong bối cảnh Mỹ và phương Tây ráo riết triển khai chiến lược toàn cầu nguy hiểm, việc Nga và Trung Quốc thiết lập được cơ chế phối hợp chiến lược với nhau không chỉ có lợi cho lợi ích quốc gia của bản thân mỗi nước, mà còn tạo đối trọng với khuynh hướng chính trị cường quyền ; đóng góp nhất định vào việc duy trì cân bằng so sánh lực lượng ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thế giới. Sự xích lại gần nhau giữa Nga và Trung Quốc, xét dưới nhiều góc độ, không nằm trong mong muốn của Mỹ. Bởi vậy, Mỹ và phương Tây cũng ra sức gây mâu thuẫn, chia rẽ giữa Nga và Trung Quốc nhằm phục vụ cho những ý đồ chiến lược của họ.

Quan hệ Mỹ - Trung Quốc sau chiến tranh lạnh, tiếp tục diễn biến phức tạp, trong đó hợp tác và xung đột đan xen cùng tồn tại trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự... Tính chất quan hệ cũng đa dạng hơn : hợp tác, phối hợp, cạnh tranh, cảnh giác, đối kháng, thậm chí xung đột lẫn nhau. Quan hệ Mỹ - Trung đã dần chuyển từ hợp tác là chính sang vừa hợp tác vừa đối lập, mà mặt đối lập có phần rõ nét hơn.

Từ giữa những năm 90 trở lại đây, tính không rõ ràng trong quan hệ giữa các cường quốc dần mất đi, Mỹ xác định Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh chiến lược tiềm tàng. Trong các vấn đề toàn cầu, khu vực và song phương, giữa Mỹ và Trung Quốc vừa có lợi ích chung lại vừa bất đồng khiến cho quan hệ hai nước có xung đột trong hợp tác, có thỏa hiệp trong đấu tranh, có điều chỉnh trong cạnh tranh... Hợp tác là nhu cầu rõ ràng, nhưng cạnh tranh, xung đột cũng không kém phần gay gắt.

Chính sách đối với Trung Quốc của Mỹ cũng thể hiện nổi bật tính hai mặt : "Tiếp xúc đi liền với kiềm chế" hướng tới mục tiêu từng bước thay đổi chế độ xã hội ở Trung Quốc. Ngoài vấn đề mang tính truyền thống là vấn đề Đài Loan, Mỹ luôn gây sức ép với Trung Quốc trong nhiều vấn đề khác như vấn đề nhân quyền, vấn đề về Tây Tạng, Tân Cương, áp đặt điều kiện trong quan hệ kinh tế, thương mại v.v... Tại các cuộc gặp gỡ song phương cũng như trên diễn đàn quốc tế đa phương, Trung Quốc phản đối hệ thống chính trị quốc tế do Mỹ đề xướng lấy hình thái ý thức hệ, quan niệm giá trị và chế độ xã hội theo kiểu phương Tây làm cơ sở ; lên án gay gắt Mỹ dùng chiêu bài nhân quyền để áp đặt, can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Sự kiện Mỹ ném bom sứ quán Trung Quốc ở Nam Tư, cũng như quyết định xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD), trong đó có dự định đưa TMD bố trí tại Đài Loan vào năm 2007, việc Mỹ tích cực lợi dụng vấn đề giáo phái Pháp luân công để chống Trung Quốc v.v... đã làm cho quan hệ chính trị giữa hai nước thời gian gần đây luôn bị phủ những đám đen căng thẳng.

Thực tế sau hơn 100 ngày cầm quyền, đường hướng trong chính sách của chính quyền G.Bu-sơ với Trung Quốc hiện vẫn nằm trong khuôn khổ chiến lược là vừa tích cực tiếp xúc nhằm gia tăng ảnh hưởng tới xu hướng phát triển chính trị, kinh tế của Trung Quốc ; vừa tiếp tục kiềm chế để Trung Quốc không trở thành thách thức đối với Mỹ trong tương lai. Tuy vậy, Mỹ tỏ dấu hiệu đang định vị lại quan hệ với Trung Quốc, khi sử dụng khái niệm "đối thủ cạnh tranh chiến lược" thay cho "quan hệ đối tác hợp tác chiến lược mang tính xây dựng" dưới thời W.J.Clin-tơn. Theo đánh giá của nhiều nhà phân tích quốc tế, chính quyền mới ở Mỹ sẽ có bước đi mạnh mẽ hơn trong quan hệ với Trung Quốc, nhưng cũng hết sức tránh mạo hiểm dẫn đến đối đầu trực tiếp với Trung Quốc.

Nhìn khái quát, quan hệ Mỹ - Trung hiện nay tuy phức tạp, nhưng dòng chính vẫn là phối hợp, cạnh tranh và đấu tranh chứ không phải là đối kháng và xung đột. Về lâu dài, Mỹ vẫn coi Trung Quốc là đối thủ tiềm tàng ; cho nên chính sách kiềm chế toàn diện và răn đe về chính trị - quân sự của Mỹ đối với Trung Quốc sẽ không thay đổi. Tuy nhiên, giữa hai nước vẫn tồn tại không gian hợp tác an ninh chiến lược, phòng ngừa khả năng xuất hiện một sự xung đột quân sự trực tiếp vì điều đó có hại cho cả hai bên cũng như sự định hình của cục diện quốc tế mới.

Thực tiễn vận động của quan hệ song phương giữa 3 nước lớn Nga, Trung Quốc, Mỹ cho thấy tam giác quyền lực Nga - Trung - Mỹ sau 10 năm kết thúc chiến tranh lạnh rõ ràng đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với nhiều yếu tố phức tạp khó đoán định hơn. Bên cạnh nhu cầu hợp tác, trong quan hệ Nga - Trung - Mỹ cũng bộc lộ rõ tính cạnh tranh và xung đột không kém phần gay gắt. Điều đó càng chứng tỏ, ***hợp tác và đấu tranh*** trên nhiều cấp độ khác nhau vẫn hiện diện như ***một đặc điểm nổi bật*** của đời sống quan hệ quốc tế đương đại, buộc tất cả các nước đều phải tính đến trong hoạch định chính sách đối ngoại của mình. ❑

Digitized by Google

THIBIDI

ISO 9002
Certificate No : 64783

Việt Nam
Giấy CN số HT. 059.00.31

CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN

(TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN)

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai
Tel : 061.836139-061.836276. Fax : 061.836070



Ngoài ra THIBIDI nhận thiết kế sản xuất và sửa chữa máy biến áp, động cơ điện các loại theo yêu cầu của khách hàng

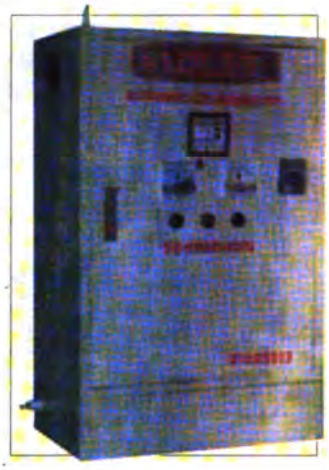
THIBIDI chuyên sản xuất các loại máy biến áp, các loại động cơ điện, máy phát điện, máy hàn điện và tủ bù hạ thế như sau :

1 - MÁY BIẾN ÁP CÁC LOẠI

Máy biến áp phân phối ngâm dầu làm mát tự nhiên, lắp đặt trong nhà và ngoài trời, có bộ điều chỉnh và bộ đổi cấp bên ngoài vỏ máy.

Máy biến áp 1 pha : Điện áp đến 22KV. Dung lượng (KVA) : 10-15-25-37.5-50-75-100.

Máy biến áp 3 pha phân phối và trung gian : Điện áp đến 35KV. Dung lượng (KVA) : 30-50-75-100-160-250-320-400-560-630-750-1000-1.250-1.500-1.600-2.500-4.000-6.300-10.000.



2 - ĐỘNG CƠ ĐIỆN CÁC LOẠI :

THIBIDI cung cấp động cơ điện dị bộ vỏ gang, thép hoặc nhôm đúc áp lực bao gồm :

Động cơ điện 1 pha có tụ khởi động : Công suất (KW) 0.25-0.37-0.55-0.75-1,5. Điện áp (V) 110/220. Tốc độ đồng bộ 1.500 (V/p). **Động cơ điện 3 pha :** Công suất (KW) : 0.37 - 0.55 - 0.75 - 1.1 - 1.5 - 2.2 - 3 - 4 - 5.5 - 7.5 - 11 - 15 - 22 - 30 - 33 - 45 - 55 - 75. Điện áp (V) tốc độ đồng bộ 1.500 (V/p)

3. MÁY PHÁT ĐIỆN : Có độ bền cao và kiểu dáng đẹp, công suất (KW) : 1.5 - 2.4 - 3.5 - 5

4. MÁY HÀN ĐIỆN : 100A - 250A - 300A

5. TỦ BÙ HẠ THẾ : Có độ bền cao và kiểu dáng đẹp (sơn tĩnh điện), vật liệu ngoại nhập, công suất (KVAR) : 80 - 100 - 150 - 200 - 300 - 400...

CÔNG VIÊN VĂN HÓA ĐẦM SEN

Số 03 đường Hòa Bình - F.3 - Quận 11 ★ Điện thoại : 8554963 - 8587826

NHỮNG CÔNG TRÌNH HIỆN ĐẠI, KỲ ẢO ĐANG CHỜ ĐÓN QUÝ KHÁCH

Vương quốc măng xà.
Công viên Khủng long
Trung tâm Ngọc Trai
Chợ ăn uống với các món ăn 3 miền
Nhiều hoạt động giải trí sôi nổi



Đặc biệt

TRIỂN LÃM
BĂNG ĐĂNG CẤP NHẤT TẠI
TRUNG QUỐC

Với các công trình nghệ thuật độc đáo, các danh lam thắng cảnh nổi tiếng và sống động.

Trân trọng kính mời

Digitized by Google



CAAV

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

TEL : 8485383 - FAX : 8445127





Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại : 64-839871/72. Fax : 64-839857



XNLD VIETSOVPETRO được Nhà nước Việt Nam phong tặng Danh hiệu Anh Hùng Lao Động, *là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 2 năm 2001 đạt 90 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến cuối năm 2000 đạt 5 tỉ mét khối. Dự kiến năm 2001 khai thác 13,1 triệu tấn dầu và 1,65 tỉ mét khối khí cung cấp vào bờ.*

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ti dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ vật tư, vận tải biển, phòng chống phun trào, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN BÌNH THUẬN - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



Trong 10 năm 1990 - 2000, Bưu điện Bình Thuận luôn phấn đấu bền bỉ và đạt được những bước tiến vững chắc trên nhiều mặt. Trong hoạt động SXKD, đã vận động được CB-CNV phát huy nhiều sáng kiến được đưa vào áp dụng có hiệu quả, nhất là trong công tác quản lý SXKD, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí, đầu tư tập trung các công trình trọng điểm ; tận dụng tối đa, khai thác triệt để các thiết bị, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bạn, khai thác và kinh doanh có hiệu quả về Bưu chính - Viễn thông. Năm 2000 vừa qua, Bưu điện Bình Thuận đạt tổng doanh thu 72,3 tỷ đồng đạt 104,3% kế hoạch ; phát triển thuê bao điện thoại 5.200 máy, đạt 105,6% kế hoạch ; mật độ điện thoại 3,15 máy/100 dân đạt 100% kế hoạch ; số xã có máy điện thoại là 82/96 xã tỷ lệ đạt 85,4%... Bên cạnh đó Bưu điện Bình Thuận cũng đã chú trọng đến các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ : Quan tâm lãnh vực tư vấn xây dựng và quy hoạch phát triển khoa học công nghệ, phát triển mạng lưới, áp dụng các sản phẩm mới, dịch vụ mới và ứng dụng tin học vào sản xuất kinh doanh. Kế hoạch đề ra cho giai đoạn 2000 - 2005 : Đến năm 2005 tổng số máy điện thoại trên toàn mạng là 65.000 cái, mật độ đạt 5,24 cái/100 dân ; đẩy mạnh dự án phát triển viễn thông nông thôn. Về bưu chính, tổng số các Bưu cục 3 đạt 75 cái, được trang bị đầy đủ các dịch vụ để phục vụ nhân dân, bên cạnh các Bưu cục 3, ngành đang đẩy mạnh phát triển các điểm Bưu điện - Văn hóa xã từ 51 điểm (2000) lên 80 điểm (2005). Tổng doanh thu ước đạt 120 tỷ đồng, trong đó doanh thu viễn thông là 103,4 tỷ đồng, doanh thu bưu chính đạt 5,6 tỷ đồng và các doanh thu khác đạt 11 tỷ đồng. Để đạt được doanh thu như vậy, Bưu điện Bình Thuận đầu tư mở rộng mạng lưới Bưu chính Viễn thông trong 5 năm tới với số vốn 170 tỷ đồng. Mặt khác, Bưu điện Bình Thuận luôn chăm lo đời sống tinh thần, cải thiện đời sống vật chất cho đội ngũ CB-CNV, khuyến khích tạo điều kiện nâng cao trí tuệ, trình độ chính trị, chuyên môn kỹ thuật, có chế độ khen thưởng cho người lao động giỏi, sáng kiến hay, thực hiện nghiêm túc các chính sách về bảo hiểm... Do vậy, năng suất lao động năm 2000 thực hiện 70,9 triệu đồng/người/năm đạt 104,5% kế hoạch.

Với phong trào thi đua yêu nước trong 10 năm qua, Bưu điện Bình Thuận đã được Nhà nước tặng 2 Huân chương Lao động hạng 3, Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (1998) gần 200 chiến sĩ thi đua cơ sở, 14 lượt chiến sĩ thi đua cấp ngành, 20 chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh năm 1999. Cũng trong 10 năm qua, các bộ ngành, cơ quan Trung ương và Tỉnh đã tặng 16 cờ thi đua xuất sắc, 74 bằng khen cho các tập thể và các cá nhân thuộc Bưu điện Bình Thuận.

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI

VIET NAM INSTITUTEFOR WATER RESOURCES RESEARCH

ĐỊA CHỈ : 171 TÂY SƠN - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI.

ĐT : (84-4) 8522086 - 8535112 FAX : 5632827 EMAIL : VIENKHTL@.HN.VNN.VN

Viện trưởng TS. NGUYỄN TUẤN ANH. Phó viện trưởng : PGS TS Trần Đình Hợi
Phó viện trưởng : TS. Nguyễn Thế Quảng
Phó viện trưởng : TS. Vũ Văn Thặng.



Cửa van tự động bằng composit, khung thép được thiết kế, chế tạo, lắp đặt tại cống Bắc Đông (Long An).

- Thành lập năm 1959, tiền thân là học Viện Thủy lợi Điện lực.
- Tháng 1/1963 tách ra thành Viện nghiên cứu khoa học Thủy lợi.
- Năm 1996 đổi thành Viện Khoa học thủy lợi, là một trong 42 Viện Quốc gia.

• CHỨC NĂNG :

1. Nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành thủy lợi.
2. Thi công và chuyển giao công nghệ.
3. Đào tạo cán bộ trên Đại học.
4. Tư vấn kỹ thuật Thủy lợi.

• LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA VIỆN :

1. Chỉnh trị sông, bảo vệ bờ biển, phòng chống lũ lụt và giảm nhẹ thiên tai.
2. Tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước.
3. Thủy nông cải tạo đất và cấp thoát nước.
4. Xây dựng, nâng cấp và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện.
5. Kinh tế và chính sách Thủy lợi.
6. Thiết bị máy chuyên dùng tự động hóa và công nghệ phần mềm.

• TỔ CHỨC BỘ MÁY :

- Viện có 11 trung tâm, 4 phòng chuyên môn và 4 phòng chức năng, một trạm và một công ty thi công và chuyển giao công nghệ.
- Tổng số cán bộ : 530 người. Trong đó có 236 người hưởng lương ngân sách, 5GS, 9PGS, 44TS và 37 Thạc sỹ.

• CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH (1995-2000) ĐƯỢC ÁP DỤNG VÀO SẢN XUẤT:

- Dự báo sạt lở và giải pháp chống sạt lở bờ sông, bờ biển.
- Tối ưu hóa bố trí công trình chỉnh trị sông, bảo vệ bờ và công trình thủy lợi đầu mối.
- Các loại cửa van tự động thủy lực.
- Công nghệ lấy nước phù sa cải tạo đất, giảm bồi lắng cửa lấy nước.
- Công nghệ sử dụng đất hỗn hợp hạt thô để đắp đất.
- Công nghệ xây dựng đập ngăn sông kiểm trụ đỡ.
- Phòng chống mối hại đê đập.
- Vật liệu mới xây dựng công trình : Compozit, khớp nối PVC, phụ gia bê tông.
- Thiết bị thủy điện nhỏ 600KW, tua bin xung kích 10 - 150KW, bơm thủy luân.
- Bơm 36.000m³/h, bơm cột hút cao, bơm di chuyển trên ray, điều tốc điện tử.
- Công nghệ tưới tiết kiệm nước.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật tưới cho các loại cây và hoa màu.
- Đơn giá, định mức chuyên ngành thủy lợi.
- Có quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế và nước ngoài : UNCP, FAO, NGO, ÁO, ĐỨC, ĐAN MẠCH, HÀ LAN, HÀN QUỐC, NGA, PHÁP, TRUNG QUỐC.,v.v.

VIỆN CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP

VIETNAM INSTITUTE OF AGRICULTURAL ENGINEERING

ĐỊA CHỈ : A2 - PHƯƠNG MAI - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

Tel : 84.4.8523187 ; 84.4.8521131 Fax : 8.48.8521131 Email : viae@fpt.vn

Viện trưởng : **PGS.TS Phan Thanh Tịnh**
Tel : 8524543 E-mail :tinhvcdfpt.vn
Phó viện trưởng : **TS. Bạch Quốc Khang**
Tel : 8685658 E-mail : Khangvcdfpt.vn
Phó viện trưởng : **TS. Chu Văn Thiện**
Tel : 8685636 E-mail : Thienvcdfpt.vn



Mẫu máy trưng bày tại triển lãm Agromat'98

- Thành lập theo Quyết định số 9NN/QĐ ngày 11/4/1968 của Bộ Nông nghiệp với tên gọi là **Viện Công cụ và Cơ giới hóa Nông nghiệp.**
- Đổi tên thành **Viện Cơ Điện Nông nghiệp** theo quyết định số 381NN/TCCB/QĐ ngày 18/3/1997 của Bộ NN và PTNT.
- Đăng ký hoạt động KH&CN số 523 ngày 7/4/1997 của Bộ KH, CN và MT

TỔ CHỨC - NHÂN LỰC

- Viện có ba phòng chức năng ; 8 đơn vị nghiên cứu ; 2 trung tâm trực thuộc ; 1 phòng thí nghiệm Cơ điện Quốc gia VILAS 019
- Lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật gồm 200 người, trong đó có 1 GS, 2 PGS, 3 TSKH, 15 TS, 9 Thạc sỹ, 82 Kỹ sư, 87 Trung cấp, nhân viên kỹ thuật và phục vụ.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, 5 năm và dài hạn của ngành cơ điện.
- Nghiên cứu quy trình công nghệ, thiết kế, chế tạo mẫu, xây dựng tiêu chuẩn, giám định chất lượng, thiết kế lắp đặt vận hành, sửa chữa các hệ thống máy móc thiết bị tưới tiêu thủy lợi, thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản và lĩnh vực môi trường nông nghiệp, nông thôn miền núi.
- Nghiên cứu quy hoạch cung cấp, sử dụng và ứng dụng năng lượng điện và các năng lượng khác vào sản xuất nông nghiệp ;
- Nghiên cứu về đo lường, kiểm định và tuyển chọn máy móc, thiết bị nông nghiệp phục vụ nghiên cứu và sản xuất ;
- Chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, dịch vụ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh các máy móc thiết bị nông nghiệp theo quy định hiện hành ;
- Đào tạo cán bộ trên đại học và công nhân kỹ thuật, hợp tác quốc tế về chuyên ngành cơ điện nông nghiệp. Là 1 trong 3 cơ sở đào tạo tiến sĩ chuyên ngành cơ khí hóa sản xuất NN của cả nước.

Digitized by Google

CÔNG TY DỆT NHA TRANG

Trụ sở chính : Xã Vĩnh Phương, TP Nha Trang
Tel : 058 831051 - 058831881 ; Fax : 058 831052 ; Email : detnhatrang@dng.vnn.vn
- Chi nhánh TP. Hà Nội : 472 Phố Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng
Điện thoại : 04 8621500, Fax : 04 8621572
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh : 54 Tôn Thất Tùng, Quận 1
Điện thoại : 08 8396780, Fax : 08 8356835
Tổng giám đốc : Nguyễn Đức Đa



Công ty Dệt Nha Trang thành lập từ năm 1982, là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng công ty Dệt May Việt Nam, có dây chuyền công nghệ khép kín từ sợi, dệt nhuộm và may mặc, sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến của Nhật Bản, I-ta-li-a, Thụy sĩ,... với năng lực sản xuất/năm : 10.000 tấn sợi ; 1.500 tấn vải dệt kim ; 400 tấn khăn ; 1.500.000 mét vải dệt thoi ; 1.500.000 đôi vớ tất ; 3.000.000 sản phẩm may mặc. Liên tục trong những năm qua Công ty được đánh giá là đơn vị làm ăn có hiệu quả, sản phẩm đã được tín nhiệm trên thị trường trong nước và xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Anh, Pháp, Đài Loan,...

Hiện nay Công ty đang tiếp tục đầu tư một nhà máy sợi mới hiện đại với số vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng.

Ngoài ra Công ty đang tiếp tục đầu tư chiều sâu cho dây chuyền sợi, dệt kim, nhuộm hoàn tất, may mặc hiện đại đáp ứng yêu cầu hàng chất lượng cao để tăng năng lực xuất khẩu sang thị trường Nhật bản, châu Âu, Mỹ và tiếp tục khẳng định vị trí của mình trên thị trường trong nước.



Công ty Dệt Nha Trang rất hân hạnh được hợp tác sản xuất kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi các bên.

Digitized by Google

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 625

(CIENCO 625)

(TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6 - CIENCO 6)

Địa chỉ : 24 Trần Khắc Chân - Phường Tân Định - Quận I - Tp. HCM
Điện thoại : 8439881 - 8483876 - 8484300 - FAX : 84-8-8468460
Giám đốc : Kỹ sư : LÊ CẦN AN

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Công ty tư vấn XDCT 625 là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty XDCT giao thông 6 Bộ Giao thông vận tải chuyên về các lĩnh vực :

* Thực hiện các tư vấn khảo sát thiết kế các công trình giao thông : Đường bộ, đường sắt, đường thủy, cầu cảng, sân bay, nhà ga và các công trình công nghiệp, dân dụng...
* Lập dự án đầu tư các công trình giao thông, đường bộ, đường thủy.
* Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn các công trình giao thông công trình công nghiệp và dân dụng
* Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá, nền móng, vật liệu xây dựng, hóa nước...
* Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường bộ các cấp, công trình cầu, công trình công nghiệp và dân dụng.
* Thẩm định thiết kế kỹ thuật và kiểm định chất lượng các công trình giao thông và công nghiệp, dân dụng.
* Giám sát kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ, đường thủy.
* Tư vấn đấu thầu thiết kế xây lắp các công trình giao thông đường bộ.
* Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình cầu, đường bộ, cảng, đường thủy và các công trình phục vụ liên quan.
* Thẩm tra lập dự án đầu tư xây dựng các công trình cầu, đường bộ.

Digitized by Google

5/30

CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN

THAINGUYEN IRON AND STEEL CORPORATION

TISCO

ASSURED QUALITY ISO 9002 QMS

Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế



Kỹ sư. ĐẶNG VĂN SÍU
Bí thư Đảng ủy - Tổng Giám đốc





Huy chương vàng Hội chợ quốc tế công nghiệp Việt Nam

HÀNG VIỆT NAM 2001 CHẤT LƯỢNG CAO

Do người tiêu dùng bình chọn

Địa chỉ : Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
Tel : 0280.832060,833559, 832005. Fax : 0280.832056

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU :

+ Sản xuất thép xây dựng các loại :
  Sản lượng : 250.000 tấn/năm
+ Sản xuất gang đúc và gang luyện thép xuất khẩu :
  Sản lượng : 130.000 tấn/năm.
+ Sản xuất các loại hợp kim như : FeMn, FeSi, FeCr...
+ Công nghiệp khai thác than, sản xuất than cốc và các sản phẩm sau cốc.
+ Sản xuất vật liệu chịu lửa, Ô xy, đất đèn, hổ điện cực
+ Sửa chữa xe ô tô và vận chuyển hàng hóa.
+ Khảo sát thiết kế, chế tạo, thi công các công trình thiết bị luyện kim.
+ Công ty được phép kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp.
+ Dự án cải tạo mở rộng sản xuất với tổng số vốn đầu tư hơn 650 tỉ đồng đã khởi công ngày 21/11/2000, dự kiến hoàn thành trước tháng 9/2001.

* Chi nhánh tại Hà Nội
  17 Hàng Vôi ĐT : (844)8254705
* Chi nhánh tại TP Vinh - Nghệ An
  18 Đường Hồng Sơn - P. Hồng Sơn
  TP Vinh ĐT : 038 562243



Máy đúc liên tục 4 dòng



Thép cuộn phi 6, phi 8



Thép Vằn SD 295A-D10 - D40



Thép hình các loại

ĐỘC QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "TISCO" TRÊN CÂY THÉP

Digitized by Google

HX
9
H68B

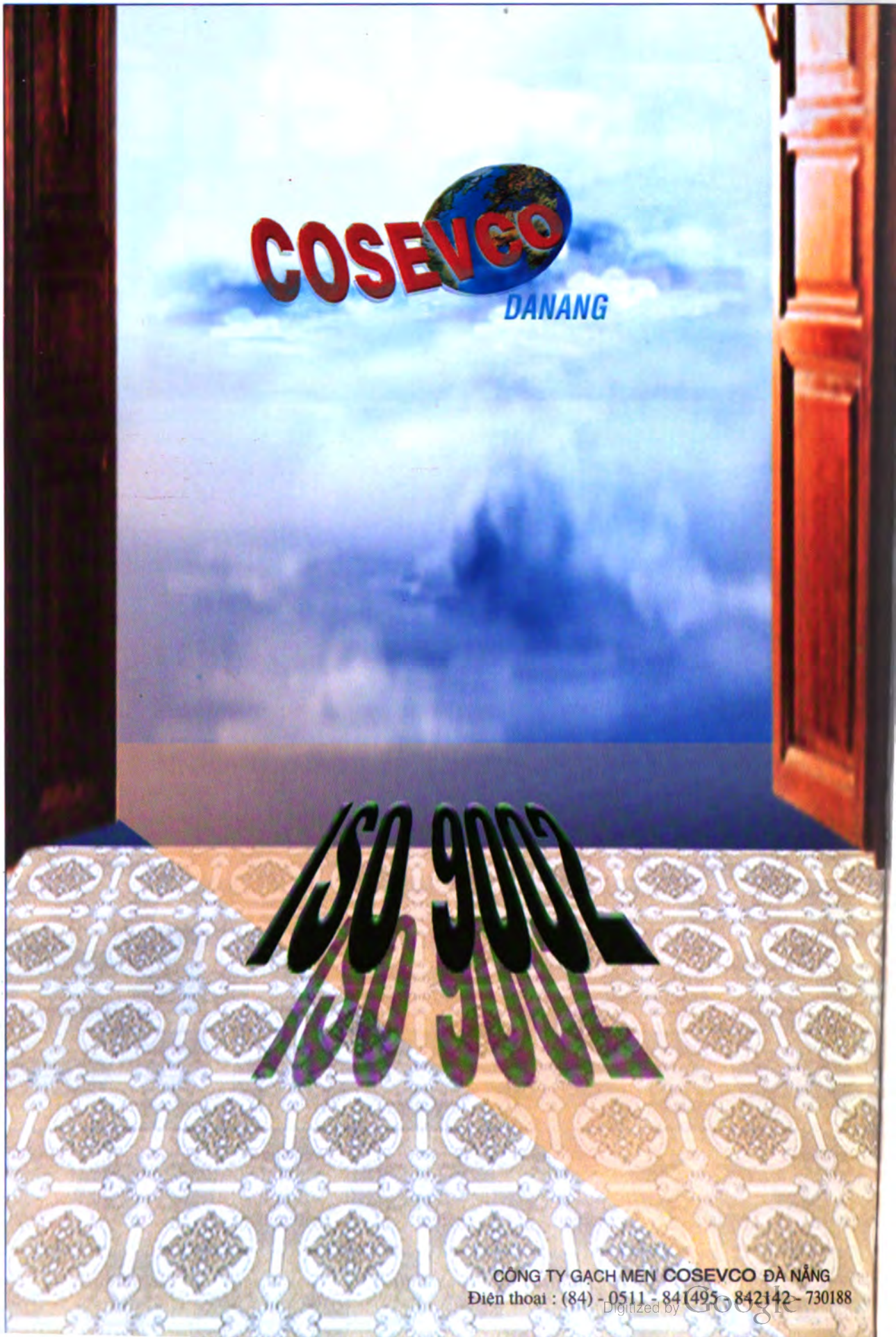
Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
AUG 14 2001
CURRENT SERIALS

14
7-2001

Digitized by Google



CÔNG TY GẠCH MEN COSEVCO ĐÀ NẴNG
Điện thoại : (84) - 0511 - 841495 - 842142 - 730188

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 620 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

14
7-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN VĂN AN - Đoàn kết chung quanh Đảng ta, tiếp tục đưa đất nước vững bước đi lên	3
	* *Hội thảo khoa học - thực tiễn :* "Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống"	7
	VŨ HIỀN - Nhiệm vụ trọng yếu sau Đại hội	8
	LÊ HỮU NGHĨA - Những hình thức và biện pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Đảng	11
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Văn nghệ và việc đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống	14
	VŨ VĂN HIỀN - Từ thực tế của Đài Truyền hình Việt Nam	16
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN TRỌNG CHUẨN - Tạo dựng nguồn lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	18
	NGUYỄN KIM ĐỈNH - Một số suy nghĩ về tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức trong giai đoạn hiện nay	22
	HỒ VĂN VĨNH - Về chính sách thương mại quốc tế của nước ta trong tình hình mới	25
	TRẦN THỊ NAM - Những mũi cần đột phá trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số	29
NHÂN KỶ NIỆM NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ (27-7)	LÊ VĂN HÂN - Thực hiện tốt hơn nữa chính sách hậu phương quân đội	32
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐẶNG CẢNH KHANH - Nhìn nhận từ phong trào thanh niên tình nguyện	35
	NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Đổi mới và hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất	39
	NGUYỄN KHẮC BỘ - Vùng kinh tế mở Mê Linh trên đường đổi mới	43
	NGUYỄN SỸ - Làng nghề ở Bắc Ninh	46
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGỌC MINH - "Đứng giữa"	50
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HUY QUÝ - Đảng Cộng sản Trung Quốc trên chặng đường lịch sử 80 năm	51
	VŨ BÁ ĐỊNH - Chính sách hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số nước	55
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Công bằng, dân chủ, văn minh	57

Bìa 1 : *Nhớ ơn các anh hùng, liệt sỹ* — *Ảnh :* TTXVN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ВАН АН: Сплачиваться вокруг нашей Партии, продолжать вести страну по пути твердого развития. * *Научно – практический семинар*: "Повышать качество и эффект изучения, усвоения и приведения в жизнь резолюций IX^ого Съезда Партии. ВУ ХИЕН: Ключевые задачи после Съезда. ЛЕ ХЫУ НГИА: Формы и мероприятия по повышению качества изучения, усвоения и выполнения резолюций Партии. ХА СУАН ЧЫОНГ: Искусство и приведение в жизнь резолюций IX Съезда. ВУ ВАН ХИЕН: Исходя из практики Вьетнамского Телевидения. НГУЕН ЧОНГ ЧУАН: Создать источники для курса индустриализации и модернизации страны. ХО ВАН ВИНЬ: О политике внешней торговли нашей страны в новой обстановке. ЧАН ТХИ НАМ: Направления, нуждающиеся в прорве в образовании в районах народных меньшинств. НГУЕН ТХУ КУЙ: Коммунистическая Партия Китая в 80-летнем историческом перегоне.

CONTENTS

NGUYỄN VĂN AN: To be united around our Party, to continue to lead our country along the path of steady development. * *Scientific – pragmatic seminar*: To enhance quality, effect of studying, grasping and applying the IX National Party Congress' resolutions into life. VŨ HIỀN: The key tasks after the Congress. LÊ HỮU NGHĨA: Forms and measures to enhance the study, grasping and application into life of the Party's resolutions. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Arts and the matter of applying into life the IX National Party Congress' resolutions. VŨ VĂN HIẾN: From the practice of Vietnam TV. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: To create sources for the cause of country's industrialization and modernization. HỒ VĂN VĨNH: Regarding Foreign-Trade policy of our country in the new situation. TRẦN THỊ NAM: Directions that need a break-through in education over the areas of ethnic minorities. NGUYỄN HUY QUÝ: The Communist Party of China in the 80-year historical stage.

SOMMAIRE

NGUYỄN VĂN AN: Réaliser l'union nationale, et celle au sein du Parti, poursuivre l'édification du pays en le faisant progresser à pas sûrs. * *Colloque Science et réaliter* : "Rehausser la qualité et l'efficacité de l'étude des Résolutions du IXe Congrés, afin de bien les imprégner et de les mettre en œuvre". VŨ HIỀN: Tâches primordiales à l'issue du IXe Congrès. LÊ HỮU NGHĨA: Formes et mesures visant à rehausser la qualité de l'étude des Résolutions du Parti, afin de bien les imprégner et de les mettre en pratique. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Les lettres et arts et la mise en pratique des Résolutions du IXe Congrès. VŨ VĂN HIẾN: A partir des réalités de la Télévision du Vietnam. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Créer des potentialités pour l'industrialisation et la modernisation du pays. HỒ VĂN VĨNH: Sur la politique du commerce extérieur de notre pays dans le nouveau contexte. TRẦN THỊ NAM: Brèches à ouvrir dans l'enseignement chez les régions des minorités ethniques. NGUYỄN HUY QUÝ: Le Parti communiste chinois à travers son histoire de 80 ans.

SUMARIO

NGUYỄN VĂN AN: En unión al lado del Partido, con pasos seguros, continuamos conducir el país hacia delante. * Simposio ciencia-práctica: "Mejorar la calidad y la eficiencia de los estudios, comprender cabalmente las Resoluciones del IX Congreso del Partido y hacer introducirlas en la vida actual". VŨ HIỀN: Las principales tareas importantes después del Congreso. LÊ HỮU NGHĨA: Las formas y medidas para elevar la calidad de los estudios, comprender calbalmente y realizar las Resoluciones del Partido. HÀ XUÂN TRƯỜNG: El arte y la literatura y el trabajo de poner en práctica de la vida las Resoluciones del IX Congreso del Partido. VŨ VĂN HIẾN: De la realidad de la Televión de Vietnam. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Crear las fuentes de fuerza para la obra de industrialización y modernización del país. HỒ VĂN VĨNH: Sobre los problemas indispensables de resolver de la educación en las zonas de minorías ètnicas. TRẦN THỊ NAM: Los problemas indispensables de resolver de la educación en la nueva situación. NGUYỄN HUY QUÝ: El Partido Comunista de China en su transcurso histórico de los 80 años de fundación.

目 录

阮文安: 团结在党的周围, 继续使国家稳步向前迈进 • 科学 – 实践研讨会: 提高有关党九大决议的研究、贯彻工作的质量和效果, 把决议的精神落实到生活中 • 武贤: 党九大后的重要任务 • 黎有义: 有关提高研究、贯彻、落实党的决议的质量的一些形式和措施 • 何春长: 文艺与把党九大决议落实到生活中的事宜 • 武文宪: 从越南电视台的实际状况来看 • 阮仲准: 为国家工业化现代化事业造就源力 • 胡文永: 我国在新形势下的国际贸易政策 • 陈氏南: 少数民族地区在教育方面必须突破的问题 • 阮辉贵: 中国共产党走过的八十年历程

Digitized by Google

ĐOÀN KẾT CHUNG QUANH ĐẢNG TA, TIẾP TỤC ĐƯA ĐẤT NƯỚC VỮNG BƯỚC ĐI LÊN *

Chủ tịch Quốc hội NGUYỄN VĂN AN

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X diễn ra trong bối cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng vừa kết thúc thắng lợi ; các ngành, các cấp, các địa phương trong cả nước đang khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, quyết tâm phấn đấu đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Với tinh thần đó, Quốc hội đã làm việc khẩn trương, tích cực và đã hoàn thành nội dung chương trình đề ra.

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét các báo cáo bổ sung của Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2000 và bốn tháng đầu năm 2001 ; việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước trong những tháng còn lại của năm 2001 ; các báo cáo công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội ; của Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ; báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội ; thông qua các Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La, về thành lập Ủy ban sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 ; bầu Chủ tịch Quốc hội và phê chuẩn việc miễn nhiệm, bổ nhiệm một số thành viên Chính phủ.

Với nhiệm vụ trọng tâm của kỳ họp này là xây dựng pháp luật, Quốc hội đã dành nhiều thời gian để thông qua 5 đạo luật ; thảo luận và cho ý kiến về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và về ba dự án luật.

Qua gần sáu tháng thực hiện kế hoạch năm 2001, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng cao hơn cùng kỳ năm ngoái. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, các hoạt động dịch vụ có chuyển biến mới, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài được cải thiện, thu ngân sách đạt khá so với dự toán. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác đều có những tiến bộ.

Đây là những kết quả có ý nghĩa rất quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi ngay từ năm đầu tiên kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, Quốc hội đã phân tích sâu thêm những yếu kém còn tồn tại trong nền kinh tế như : nhịp độ tăng trưởng kinh tế phát triển chưa thật vững chắc, chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh còn yếu. Mặt khác, Quốc hội cũng lưu ý đến những yếu tố không thuận đang tác động trực tiếp đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội những tháng còn lại của năm nay và những năm sau. Đó là sự suy giảm của nền kinh tế khu vực và thế giới, thị trường xuất khẩu có nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt, giá nông sản đang giảm mạnh, giá gia công nhiều mặt hàng xuất

* Lời bế mạc Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X

Digitized by Google

khẩu quan trọng cũng giảm, vốn đầu tư toàn xã hội đạt thấp, thiên tai của những tháng còn lại trong năm 2001 có thể còn diễn biến phức tạp... Tình hình đó gây nhiều cản trở cho sản xuất, xuất khẩu và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân. Trong thời gian tới, những khó khăn và yếu tố khách quan không thuận đó có thể còn gay gắt hơn. Vì vậy, để đạt được mục tiêu đề ra cho cả năm theo Nghị quyết của Quốc hội thì nhiệm vụ của những tháng còn lại rất nặng nề.

Nhận rõ những khó khăn và thuận lợi đó, để phấn đấu đạt được những mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong năm nay, Quốc hội cơ bản tán thành sáu nhóm giải pháp do Chính phủ đề ra, đồng thời, nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau : Tiếp tục khai thác và phát huy tốt các nguồn nội lực và năng lực của các thành phần kinh tế. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ. Trước mắt, hỗ trợ nông dân khắc phục khó khăn về tiêu thụ hàng nông sản và chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp với nhu cầu của thị trường. Tiếp tục đẩy nhanh quá trình sắp xếp lại và đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, cổ phần hóa những doanh nghiệp theo kế hoạch. Tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước đi đôi với việc tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Điều chỉnh cơ cấu và tăng cường đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và tín dụng nhà nước ; đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, chấn chỉnh công tác điều hành ngân sách và hoạt động của hệ thống ngân hàng. Phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, giám sát chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước. Quốc hội giao Chính phủ qua sơ kết thực hiện việc thu, chi sáu tháng sẽ báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc phân bổ các khoản vượt thu trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2001, trước hết là giảm bội chi. Thực hiện có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và các chính sách xã hội khác. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và y tế. Giữ vững an ninh - quốc phòng. Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường công tác đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Giải quyết kịp thời các khiếu kiện của dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện chương trình xây dựng pháp luật năm 2001, tại kỳ họp này, Quốc hội đã thông qua 5 đạo luật : Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Hải quan và Luật Di sản văn hóa.

Luật Đất đai ban hành năm 1993, được sửa đổi, bổ sung năm 1998 đã tạo động lực cho sản xuất nông, lâm nghiệp đạt được những thành tựu to lớn ; việc khai thác, sử dụng và quản lý đất đai ngày càng tiết kiệm và có hiệu quả hơn ; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nền nếp. Tuy vậy, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đã nảy sinh nhiều vấn đề mới và phức tạp, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản Luật Đất đai. Song, để làm được điều đó cần phải có thời gian. Vì thế, việc sửa đổi, bổ sung lần này tập trung vào các quy định có liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và phân cấp quản lý nhà nước về đất đai, nhằm tháo gỡ những ách tắc trong điều hành của Chính phủ và của các cấp chính quyền địa phương. Đây cũng là bước đi cần thiết để tiến tới việc sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản, toàn diện đạo luật này.

Digitized by Google

Trong những năm gần đây, tình hình trật tự giao thông đường bộ diễn biến phức tạp, tình trạng tai nạn giao thông và ách tắc giao thông đô thị ngày một gia tăng, trở thành vấn đề xã hội bức xúc. Việc ban hành Luật Giao thông đường bộ nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt, hạn chế các tai nạn đáng tiếc xảy ra ; đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ thiết thực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng chiến lược giao thông trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong quá trình phát triển đất nước, cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội càng dồi dào và phong phú thì công tác phòng cháy và chữa cháy càng trở nên bức thiết. Việc ban hành Luật Phòng cháy và chữa cháy để điều chỉnh những vấn đề cơ bản trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy nhằm tăng cường hơn nữa hiệu lực quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm của toàn dân đối với hoạt động phòng cháy và chữa cháy ; bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người, tài sản của Nhà nước và của tổ chức, cá nhân ; bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ; góp phần xây dựng lực lượng phòng cháy và chữa cháy vững mạnh, từng bước chính quy, hiện đại, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình phát triển mới của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế, hoạt động hải quan giữ một vị trí rất quan trọng. Việc ban hành Luật Hải quan là yêu cầu cơ bản và cấp bách nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật hải quan, tạo lập khung pháp lý thống nhất điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội trong hoạt động hải quan, cải cách các thủ tục hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất, nhập khẩu và lưu thông hàng hóa ; góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Nhận rõ tầm quan trọng của di sản văn hóa là tài sản vô giá của đất nước và là một bộ phận của di sản văn hóa thế giới, Quốc hội đã thông qua Luật Di sản văn hóa (bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể). Việc ban hành luật này có ý nghĩa quan trọng để bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa thế giới. Đồng thời, Luật Di sản văn hóa còn góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, khuyến khích nhân dân tích cực tham gia vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu văn hóa với các nước trên thế giới.

Căn cứ vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001, việc xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước là một nội dung quan trọng cần được ưu tiên. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã cho ý kiến về các quan điểm mục đích, yêu cầu và phạm vi sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992. Đồng thời, quyết định thành lập Ủy ban sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và giao cho Ủy ban này khẩn trương chuẩn bị để trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp sau.

Quốc hội cũng đã thảo luận về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự và cho ý kiến về các dự án Luật Bảo hiểm xã hội và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xem xét, thông qua ba luật này tại các kỳ họp sau.

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã nghe một số thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao trả lời chất vấn về những vấn đề

Digitized by Google

bức xúc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y tế, ngân hàng, thương mại, cải cách hành chính, lao động, việc làm và các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh doanh vũ trường, ka-ra-ô-kê, quán bar... Rút kinh nghiệm của các kỳ họp trước, việc trả lời chất vấn tại kỳ họp này đã có những cải tiến, chất lượng và hiệu quả không ngừng được nâng lên. Nội dung trả lời chất vấn đã giải đáp được nhiều thắc mắc, lo lắng, băn khoăn ; đáp ứng được nhiều hơn sự mong đợi của đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước. Không khí chất vấn nghiêm túc, thẳng thắn, thể hiện tính dân chủ và công khai trong hoạt động của Quốc hội, được nhân dân cả nước quan tâm theo dõi và đánh giá cao. Quốc hội hoan nghênh Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu sau khi các thành viên Chính phủ trả lời chất vấn, làm rõ thêm những vấn đề mà Quốc hội và nhân dân quan tâm ; đồng thời, ghi nhận những lời hứa của Thủ tướng trước Quốc hội trong việc chỉ đạo giải quyết những vấn đề bức xúc được đặt ra qua các ý kiến chất vấn. Quốc hội yêu cầu các cơ quan nhà nước hữu quan đề cao trách nhiệm của ngành mình, lĩnh vực mình phụ trách, khẩn trương triển khai thực hiện tốt các vấn đề đã hứa và trả lời trước Quốc hội, trước đồng bào và cử tri cả nước nhằm góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước.

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La. Đây là công trình có quy mô lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia. Quốc hội nhất trí cho rằng, việc xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu về điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội mà còn đáp ứng yêu cầu chống lũ, cấp nước cho đồng bằng sông Hồng, có ảnh hưởng đến môi trường, giao thông, an ninh - quốc phòng, tới việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bố trí lại dân cư và cuộc sống của đồng bào trên một vùng rộng lớn. Do tầm quan trọng và quy mô của dự án, Quốc hội yêu cầu Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan chức năng tiến hành nghiên cứu một cách thận trọng để lựa chọn được phương án tối ưu trình Quốc hội xem xét, quyết định tại một kỳ họp sau.

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X là một sự kiện chính trị quan trọng của Nhà nước ta diễn ra tiếp sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Quốc hội khẳng định quyết tâm đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội ngay từ năm 2001, tiếp tục đưa đất nước vững bước đi lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; vì mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, các ngành, các cấp, các địa phương tiếp tục nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2001. Sau kỳ họp, đề nghị các vị đại biểu Quốc hội báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri ; đồng thời, tăng cường hơn nữa chức năng giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội.

Nhân dịp kết thúc kỳ họp, Quốc hội nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp tích cực của cử tri cả nước và các vị đại biểu Quốc hội ; các cơ quan của Quốc hội ; của Chính phủ, các ngành, các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị lão thành cách mạng, các cơ quan thông tấn, báo chí và các cơ quan phục vụ đã góp phần vào sự thành công của kỳ họp. Xin cảm ơn đại diện các Đoàn ngoại giao, các tổ chức quốc tế và các cơ quan thông tấn, báo chí nước ngoài đã tới dự và theo dõi kỳ họp.

Quốc hội kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài hãy phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm 2001. ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

Lời BBT : *Để góp phần cùng toàn Đảng triển khai nhiệm vụ công tác sau Đại hội IX của Đảng, ngày 26-6-2001, Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng phối hợp cùng Ban Biên tập và Đảng ủy cơ quan Tạp chí Cộng sản tổ chức hội thảo khoa học về* ***"Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống"*** *nhằm làm rõ nội dung và xác định những mục tiêu, yêu cầu cần đạt được để qua đó đề xuất những kiến nghị, biện pháp, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống.*

Hội thảo đã thu hút đông đảo các nhà khoa học, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nghiên cứu, lý luận trong và ngoài khối tư tưởng tham gia. Hơn 20 bản tham luận và ý kiến phát biểu đã đề xuất những đóng góp khá cụ thể, sâu sắc đầy tâm huyết, mong muốn Nghị quyết Đại hội IX của Đảng thực sự đi vào cuộc sống, đưa đất nước không ngừng phát triển, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một số tham luận tại hội thảo.

Digitized by Google

NHIỆM VỤ TRỌNG YẾU SAU ĐẠI HỘI

VŨ HIỂN

ĐẠI hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới. Thực hiện trọng trách trước toàn Đảng, toàn dân tộc là kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng : Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi ; và Nghị quyết Đại hội. Các văn kiện này là kết tinh trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của cả nước ; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của nhân loại vào tình hình cụ thể của nước ta trong giai đoạn hiện nay ; thể hiện sự chuẩn bị tích cực nhất những tiền đề chính trị - kinh tế - xã hội, những điều kiện vật chất và tinh thần cho đất nước ta trong những năm đầu thế kỷ mới với tầm vóc mới, năng lực mới. Đường lối và những quan điểm Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh Chính trị năm 1991, tiếp tục phát triển đường lối đổi mới của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng. Những quyết định chính trị trong Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng về lý luận và tổng kết thực tiễn, thể hiện tính cách mạng, khoa học và bản lĩnh trí tuệ của Đảng ta.

Đất nước ta tiếp tục đi lên phía trước theo nhịp bước của thời đại trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp khó lường, cơ hội có nhiều nhưng thách thức cũng vô cùng to lớn. Trong tình hình như thế, việc Đại hội Đảng dự liệu mục tiêu mà con đường ta tới, xác định từng chặng đường cũng như cách thức, bước đi đã là những kỳ công. Tuy nhiên, vấn đề tiếp theo và có phần quan trọng hơn nữa là làm sao để toàn Đảng, toàn dân hiểu rõ, nắm chắc và bằng ý thức tự giác của tất cả mọi người, đưa những quan điểm, đưa những ý tưởng cao đẹp đó vào cuộc sống. Vậy nên nhiệm vụ trọng yếu sau Đại hội và cũng là nội dung chủ yếu của cuộc hội thảo này là bàn về việc đó - làm sao, làm như thế nào để nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IX và đưa Nghị quyết đó vào cuộc sống ?

Có rất nhiều câu trả lời và có nhiều cách tiếp cận về chủ đề này. Bởi không phải bây giờ, mà đã biết bao lần chúng ta thực hiện Nghị quyết của các Đại hội Đảng và đã thu được những thành tựu to lớn. Vậy nên kinh nghiệm cũng đã có. Trong các kinh nghiệm ấy, có cả những kinh nghiệm thành công và có cả những việc thực hiện chưa thành công, mà đối với chúng ta hôm nay, tìm ra cho đúng, cho đủ cũng thật đáng quý.

Chúng ta bàn và tổng kết lại những gì đã làm được, điều gì chưa được, đúc rút thành bài học là rất cần thiết. Nhưng có lẽ trong hội thảo, điều còn cần hơn nữa là xem trong việc nghiên cứu, quán triệt và đưa Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống

Digitized by Google

của lần này có gì mới hơn, có gì cần đi sâu hơn ? Ta cứ theo cách cũ mà làm hay lần này phải làm có sự đổi mới hơn, và những điểm cần đổi mới đó là gì ?

Với cách đặt vấn đề như thế, để nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, rất cần làm rõ một số vấn đề quan trọng sau :

Một là, phải hiểu rõ yếu tố thời cuộc, hiểu rõ đặc điểm tình hình thế giới và trong nước hiện nay để cắt nghĩa những vấn đề lý luận và thực tiễn mà Đại hội đã đề cập đến. Đại hội IX đã diễn ra trong thời điểm có ý nghĩa trọng đại khi thế kỷ XX đã kết thúc, thế kỷ XXI vừa mới bắt đầu ; khi toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) và 15 năm đổi mới. Từ thời điểm, thời cuộc hiện nay mà Đại hội đưa ra những nhận định về thế kỷ XX với những sự kiện đã diễn ra trên thế giới và trong nước ; nêu bật tình hình thế giới những năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng của nước ta tiếp tục phát triển trong thế kỷ mới với những cơ hội và thách thức, những thuận lợi và khó khăn, những khả năng mới để tiếp tục đi lên và những cản trở mới cần phải vượt qua. Nắm chắc tình hình thực tiễn để minh chứng cho những quan điểm của Đảng ta, và khi đã thấu suốt quan điểm của Đảng thì càng vững tin tiến bước theo con đường mà Đảng ta, nhân dân ta đã lựa chọn.

Hai là, thấy rõ những điểm mới trong văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây là việc làm rất quan trọng vì khi so sánh, đối chiếu với văn kiện của các Đại hội trước để tìm ra cho được điểm mới, sẽ làm sâu sắc thêm việc nghiên cứu nắm bắt vấn đề. Nói điểm mới ở đây cũng có tính tương đối, có thể là những vấn đề lần đầu tiên được nêu ra, có thể là vấn đề mà các đại hội trước đã đề cập nhưng nay được nhìn nhận có sự đổi mới hơn, phát triển hơn. Khi nghiên cứu văn kiện, có người nêu ra 15 - 20 điểm mới, có người nêu nhiều hơn hoặc ít hơn, nhưng đại thể xin đưa ra những vấn đề mới như sau. *Một,* nhận định về thế kỷ XX và những đặc điểm những năm đầu của thế kỷ XXI ; *Hai,* nêu quan niệm hay có thể gọi là định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách chuẩn xác ; *Ba,* đưa thuật ngữ dân chủ vào cụm từ mục tiêu của cách mạng nước ta : Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; *Bốn,* đường lối kinh tế trong giai đoạn mới ; *Năm,* xác định rõ 6 thành phần kinh tế chủ yếu : kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ; *Sáu,* xác định con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt ; *Bảy,* động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; *Tám,* chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, xác định Việt Nam là đối tác tin cậy đối với bè bạn xa gần ; *Chín,* xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ; *Mười,* nêu bật những khâu đột phá trong việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010).

Ba là, làm sao phân tích, cắt nghĩa, lý giải các vấn đề đi liền nhau, vừa hỗ trợ bổ sung cho nhau nhưng lại chứa đựng các yếu tố có thể coi là những mâu thuẫn, những mặt đối lập trong một thể thống nhất chung. Nếu giải quyết được thỏa đáng những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đó thì việc quán triệt nghị quyết sẽ rất sâu sắc và có chất lượng cao. Ví dụ :

- Vấn đề xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây, kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường là yếu tố tự nó, có tính tự phát ; nhưng có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa lại đòi hỏi sự tự giác rất cao. Làm sao phát huy được tác động tích cực của kinh tế thị trường, quy luật thị trường, nhưng lại kiềm chế, điều tiết, chế ngự được nó, khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường.

- Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Như chúng ta biết không có một nước nào, một đơn vị sản xuất kinh doanh nào lại không mong muốn có sự phát triển mạnh mẽ, phát triển nhanh chóng và không ngừng phát triển. Thế nhưng trong phát triển bao giờ cũng có sự nghịch lý, có sự "phản phát triển". Đó là phát triển không đều,

Digitized by Google

phát triển kéo theo sự đổ vỡ các kết cấu cũ, phát triển phân cực. Vậy tư tưởng của chiến lược mà Đại hội đề ra là vừa phát triển nhưng lại bảo đảm có hiệu quả và bền vững, khắc phục và loại trừ những nghịch lý và hậu quả tiêu cực do chính sự phát triển gây ra.

- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là quan điểm, là chủ trương, chính sách phản ánh bản chất ưu việt của chế độ xã hội của chúng ta. Vậy cần lý giải làm sao cho thật rõ ; tăng trưởng kinh tế để thực hiện các chính sách xã hội, sản xuất thật tốt nhưng không phá hoại môi trường ; mỗi bước phát triển của kinh tế là mỗi bước nâng cao chất lượng của cuộc sống và góp phần tích cực cho việc bảo đảm công bằng xã hội.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Chúng ta thử phân tích xem tại sao phải như vậy và có thể thực hiện như vậy được không. Hiện nay vẫn còn những quan điểm lệch lạc cho rằng, đã gọi là tham gia quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là chấp nhận tự do hóa thương mại thì làm sao có được nền kinh tế độc lập tự chủ ; độc lập tự chủ là khép kín, là triệt tiêu việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại hợp tác phân công và tùy thuộc lẫn nhau. Đây rõ ràng là vấn đề cần được tranh luận, làm rõ.

Nếu đi sâu thêm vào hướng này chúng ta sẽ tìm thấy nhiều mối quan hệ chặt chẽ nhưng có sự tương phản, thậm chí mâu thuẫn và nếu như tất cả mọi điều đều được cắt nghĩa có cơ sở khoa học, có tính thuyết phục thì chất lượng của việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX càng cao.

Bốn là, tìm ra phương thức nghiên cứu quán triệt và đưa Nghị quyết vào cuộc sống một cách hợp lý. Phương thức ở đây là tổng hợp các hình thức, phương pháp, biện pháp. Chúng ta cần xem những cách học tập phổ biến, nghiên cứu, quán triệt nghị quyết như đã làm xưa nay có điều gì là hợp lý cần tiếp tục thực hiện, cứ theo đó mà làm. Đồng thời, điều quan trọng hơn là tìm ra một số hình thức, phương pháp mới giúp cho việc tìm hiểu, nắm bắt vấn đề nhanh hơn, sâu hơn. Khi tổ chức học tập có sự kết hợp giữa phổ biến với việc cùng nhau tọa đàm, trao đổi, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo của mỗi cá nhân ; tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, các cuộc thi tìm hiểu theo chủ đề, lĩnh vực và theo những quan điểm của Đại hội. Mỗi một hình thức có mặt ưu điểm và hạn chế của nó nhưng việc áp dụng các hình thức học tập nào cũng phải sát hợp với đối tượng cụ thể, điều kiện cụ thể của mỗi cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở nắm chắc những tư tưởng, quan điểm của Đảng trong Đại hội, tìm mọi giải pháp hữu hiệu nhất đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Ở đây vấn đề quan trọng bậc nhất là cụ thể hóa nghị quyết, đưa những quan điểm của Nghị quyết vào hoạt động của cơ quan mình, đơn vị mình. Việc xây dựng chương trình hành động theo các thời gian cụ thể là nhiệm vụ rất quan trọng và cần thiết. Chúng ta thử xem có cách nào, làm thế nào để xây dựng chương trình hành động xác thực nhất, tối ưu nhất và do đó có hiệu quả nhất.

Điều cuối cùng chúng ta cần khẳng định là, sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có được thực hiện tốt hay không, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh có đạt được hay không tùy thuộc vào hoạt động, vào hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta. Những hành động cách mạng đó mang tính tự giác rất cao, xuất phát từ lý tưởng mục tiêu của sự nghiệp cách mạng, xuất phát từ lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp những người lao động. Hiểu sâu sắc Nghị quyết của Đảng, đưa tinh thần đó vào chương trình hành động của mỗi cơ quan đơn vị và biến thành hành động cụ thể của tất cả cán bộ, đảng viên, nhân dân thì nhất định sẽ trở thành sức mạnh dời non lấp biển, vượt hết khó khăn thách thức, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra.

Đưa Nghị quyết vào cuộc sống, biến tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng IX thành hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, - đó là mệnh lệnh của Tổ quốc và của trái tim mỗi con người chúng ta. ❑

Digitized by Google

NHỮNG HÌNH THỨC VÀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG

LÊ HỮU NGHĨA *

ĐỂ đưa Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống, cần giải quyết nhiều vấn đề. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên hai vấn đề cơ bản là nghiên cứu, học tập quán triệt Nghị quyết và tổ chức thực hiện. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau. Nếu không nghiên cứu học tập, quán triệt Nghị quyết thì tổ chức thực hiện sẽ phạm phải những sai lầm, lệch lạc, trái với chủ trương, đường lối của Đảng. Ngược lại, nếu chỉ nghiên cứu, học tập mà không tổ chức thực hiện tốt thì những Nghị quyết của Đảng dù có đúng, có hay đến mấy cũng chỉ dừng lại ở nhận thức tư tưởng, mà không thể biến thành hiện thực.

1 - Về học tập Nghị quyết.

Từ trước đến nay, sau khi Đại hội Đảng kết thúc, chúng ta đều tổ chức học tập Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành và tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Nhìn chung, cách tổ chức ở các cơ quan, các địa phương tiến hành công tác này rất tốt ; nhưng bên cạnh đó không phải là không còn tồn tại một số hạn chế. Không ít nơi, sau một đợt học tập có tính chất "chiến dịch" như vậy coi như kết thúc. Việc học tập cũng mang tính hình thức nặng về truyền đạt, phổ biến làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức một cách thụ động, hời hợt mà thiếu những gợi ý cần thiết để cán bộ đảng viên tự mình phải suy nghĩ sâu sắc những vấn đề cơ bản trong nghị quyết và đơn vị mình, từ đó có những chủ trương, biện pháp cụ thể, thiết thực để thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả cao nhất. Do vậy, cần cải tiến, đổi mới việc học tập Nghị quyết của Đảng.

Trước hết, cần nhận thức đúng đắn rằng việc học tập Nghị quyết Đại hội *là một quá trình* chứ không phải một lần là xong. Quá trình đó gắn liền nhận thức với thực tiễn. Nhận thức, tổ chức chỉ đạo thực tiễn và qua thực tiễn để bổ sung, uốn nắn nâng cao nhận thức ngày càng sâu sắc hơn. Như vậy cần chú ý mấy điểm :

- Cần triển khai học tập kỹ ở cấp ủy đảng và thủ trưởng các ngành, các đơn vị trực thuộc. Đồng chí bí thư cấp ủy đảng chủ trì và trực tiếp giới thiệu Nghị quyết và sự vận dụng Nghị quyết vào chương trình hoạt động của địa phương. Sau đó hội nghị trao đổi, thảo luận những vấn đề cơ bản của Nghị quyết, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương. Với tinh thần thực sự cầu thị, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, cần chỉ rõ những việc đã làm được, những việc chưa làm được ; những khó khăn, thuận lợi, những ưu, khuyết điểm. Từ đó rút ra những kết luận cần thiết, đúng đắn làm cơ sở bổ sung vào chương trình hành động của cấp ủy. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Công việc gì bất kỳ thành công hay thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái thìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới" (1). Qua việc thực hiện chương trình theo thời gian quy định, cấp ủy đảng tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm. Lấy kết quả thực tiễn làm thước đo mức độ nhận thức Nghị quyết,

* GS.TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên ; uốn nắn những nhận thức, tư tưởng nông cạn, lệch lạc và đề ra chương trình hành động tiếp theo trên cơ sở nhận thức mới.

- Đối với cấp xã, phường, việc học tập Nghị quyết cũng tiến hành theo trình tự như vậy, nhưng cần có tài liệu hướng dẫn riêng, tập trung vào những vấn đề cơ bản của Nghị quyết, giải thích một cách ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ của cán bộ cơ sở. Điều quan trọng là cấp ủy cấp trên chỉ đạo, giúp đỡ đảng ủy xã, phường xây dựng chương trình hành động sát với tình hình thực tế của địa phương, đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể, thiết thực có tính khả thi.

- Đối với hệ thống các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các phân viện, việc học tập Nghị quyết Đại hội cũng phải tuân theo đúng trình tự như vậy. Sau khi thảo luận, liên hệ với nhận thức và công tác của học viên, học viên cũng có trách nhiệm suy nghĩ nêu lên những kiến nghị thiết thực, gửi về đóng góp vào chương trình hành động của địa phương, đơn vị nơi mình công tác.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn học viên tham gia nghiên cứu khoa học về những vấn đề cơ bản của Nghị quyết Đại hội, chọn đề tài trong những vấn đề cơ bản đó làm luận văn tốt nghiệp cử nhân, thạc sĩ và luận án tiến sĩ, gắn lý luận với thực tiễn, quán triệt một cách sâu sắc hơn Nghị quyết của Đại hội ; kiến nghị những chủ trương, biện pháp thực tiễn sáng tạo có tính khả thi, góp phần thực hiện Nghị quyết.

Kiên quyết khắc phục tình trạng tổ chức học Nghị quyết một cách hình thức, chiếu lệ, không thiết thực, ít hiệu quả, khi viết thu hoạch đều nói có bổ ích, song khi ra ngoài thì lại nói khác.

2 - Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Đây là khâu quan trọng có tính quyết định để biến Nghị quyết của Đảng thành hiện thực và cũng là khâu hiện nay còn có những yếu kém. Để khắc phục tình hình này, đưa nhanh Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống, xin nêu một số vấn đề mà chúng tôi cho là rất cơ bản :

- Tổ chức thực hiện là một quá trình phức tạp, bao gồm hệ thống các tổ chức, thể chế vĩ mô và vi mô cùng những con người hoạt động trong đó với những quan hệ chằng chịt ở nhiều cấp độ khác nhau, tác động ảnh hưởng lẫn nhau. Việc xây dựng các tổ chức thể chế khoa học, hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ, ngược lại nó sẽ gây khó khăn trở ngại cho cán bộ trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng. Việc xây dựng tổ chức thể chế hiện nay chúng ta còn nhiều thiếu sót cần khắc phục. Tuy nhiên xét cho cùng cán bộ vẫn là yếu tố quyết định vì "Có cán bộ tốt thì việc gì cũng xong" (Hồ Chủ tịch).

- Việc đề ra chủ trương, chính sách đúng đắn là trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, còn việc chỉ đạo tổ chức thực hiện lại là trách nhiệm cá nhân của người phụ trách. Người chỉ đạo tổ chức thực hiện giỏi giống như một nhạc trưởng có tài chỉ huy một dàn nhạc hợp xướng. Tất cả những nhạc cụ khác nhau, với những âm thanh trầm bổng khác nhau, dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng sẽ thực hiện thành công một bản nhạc, không có tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Người chỉ đạo tổ chức thực hiện giỏi sẽ biết cách phối hợp các tổ chức khác nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng.

- Người chỉ đạo tổ chức thực hiện chẳng những phải có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng mà còn phải hiểu biết thực tế sâu sắc, phải có năng lực tổ chức thực tiễn, quản lý điều hành.

- Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện cần có sự phối hợp và phân công chặt chẽ giữa các tổ chức. Tổ chức nào là cơ quan chủ trì, tổ chức nào là cơ quan phối hợp cùng thực hiện mục tiêu đề ra. Cần xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của mỗi tổ chức. Trên cơ sở đó, người phụ trách của mỗi tổ chức trực tiếp lãnh đạo cán bộ của tổ chức mình thực hiện. Nếu không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc để xảy ra tình trạng bê bối, tiêu cực của cán bộ dưới quyền mình thì người phụ trách tổ chức chịu trách nhiệm và bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm minh. Lê-nin viết : "Một người lãnh đạo chính trị không những phải chịu trách nhiệm về

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 243

Digitized by Google

cách mình lãnh đạo, mà còn phải chịu trách nhiệm về hành động của những người dưới quyền mình nữa. Đôi khi người lãnh đạo không biết những hành động đó, thường là không muốn cho những hành động đó xảy ra, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về những hành động đó" (2).

Tiếc rằng ở nước ta chưa quán triệt đầy đủ những điều đó. Vì vậy, làm cho người phụ trách dễ mắc phải thói quan liêu, vô trách nhiệm, coi thường kỷ luật, gây ảnh hưởng xấu trong cán bộ và nhân dân. (Ở các nước, một bộ trưởng để cho cán bộ dưới quyền có những hành động sai lầm, gây hậu quả nghiêm trọng buộc phải từ chức hoặc bị cách chức).

Đối với những cán bộ tham gia tổ chức thực hiện, cần xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người theo sự phân công. Có chế độ khen thưởng và kỷ luật một cách nghiêm minh đối với những cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và những cán bộ phạm sai lầm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ở ta chưa thực hiện chế độ này một cách nghiêm chỉnh, triệt để nên tình trạng cán bộ chây lười, làm việc theo kiểu "được chăng hay chớ" còn nhiều.

- Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, việc nắm thông tin và xử lý thông tin kịp thời là rất quan trọng. Do đó, cần xây dựng chế độ báo cáo thỉnh thị chặt chẽ, nghiêm túc. Báo cáo phải khách quan, trung thực, phản ánh đúng tình hình thực tế, giúp cho cấp trên nắm được thông tin chính xác trong mọi tình huống, có cơ sở để xử lý đúng đắn các vấn đề đặt ra. Khắc phục tình trạng làm báo cáo qua loa, đại khái hoặc "làm thì láo, báo cáo thì hay". Những báo cáo không chính xác, sai sự thật, tô hồng thành tích, ưu điểm, che giấu khuyết điểm thì người thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm báo cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và bị xử lý kỷ luật ; khắc phục tình trạng khoán trắng cho trợ lý làm báo cáo mà không thấy rõ trách nhiệm của mình.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát có vai trò rất quan trọng trong chỉ đạo tổ chức thực hiện. Lê-nin đã từng chỉ rõ : "*Lựa chọn người ;* thiết lập *chế độ trách nhiệm cá nhân đối với công việc đang làm ; kiểm tra công việc thực tế.* Nếu không như thế thì không thể thoát ra khỏi chủ nghĩa quan liêu và bệnh giấy tờ đang bóp nghẹt chúng ta" (3).

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác kiểm tra, kiểm soát. Người viết : "Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy ; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không ; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ một cách là *khéo kiểm soát.* Kiểm soát khéo bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi" (4). Người còn chỉ rõ : "Muốn kiểm soát có kết quả tốt phải có hai điều : Một là kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín" (5).

- Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, để công tác kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả cao, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, chúng ta cần đổi mới công tác kiểm tra. Ủy ban kiểm tra các cấp của Đảng, Thanh tra Nhà nước và các ngành đã có nhiều cố gắng, nhưng cũng còn nhiều bất cập. Công tác kiểm tra làm nhiều nhưng hiệu quả không cao. Thậm chí có nơi cán bộ kiểm tra, thanh tra còn gây phiền hà các cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Theo chúng tôi, cần xây dựng một thể chế hợp lý cho công tác kiểm tra, thanh tra để bảo đảm chất lượng kiểm tra (Nếu có thể cần bổ sung, sửa đổi cho hợp lý hơn). Chấn chỉnh các tổ chức kiểm tra, thanh tra, theo các tiêu chuẩn : Có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, trung thực, dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm và trình độ nghiệp vụ cao. Kiện toàn tổ chức thanh tra nhân dân, mở rộng quyền hạn và nhiệm vụ, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, xây dựng quy chế hợp lý ; tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức này hoạt động thiết thực có hiệu quả ; khắc phục tình trạng hoạt động mang tính hình thức, kém hiệu quả như ở nhiều nơi. Những vấn đề nêu trên nếu chúng ta kiên quyết cải tiến, đổi mới, chắc chắn sẽ góp phần đưa Nghị quyết của Đại hội IX vào cuộc sống tốt hơn. ❑

---

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập,* Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1997, t 42, tr 269

(3) V.I. Lê-nin : *Sđd,* t 44, tr 452

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 287

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 287

Digitized by Google

VĂN NGHỆ VÀ VIỆC ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX VÀO CUỘC SỐNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG

QUÁN triệt Nghị quyết Đại hội Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống là một tiến trình thống nhất, không thể chia cắt rành rẽ, việc này làm trước xong rồi mới làm việc sau.

Nghị quyết của một Đại hội không chỉ là nhiệm vụ, phương hướng mới mẻ của một nhiệm kỳ mà còn kế thừa những Nghị quyết của các Đại hội trước đó, nhất là Nghị quyết của các Đại hội liền kề. Các Đại hội liền kề của Đại hội IX là Đại hội VII và Đại hội VIII. Do đó để thấu triệt Nghị quyết IX, phải luôn xem lại những Nghị quyết của các Đại hội trước với cách nhìn tổng kết những việc đã làm được và chưa làm được.

Đứng ở góc độ của người công tác lý luận, cần thấy tính lý luận và khoa học sâu sắc tầm cao của Nghị quyết, nhưng đồng thời phải thấy Nghị quyết Đại hội không phải là một công trình lý luận hoàn chỉnh, tiếng nói cuối cùng về mặt lý luận. Nghị quyết Đại hội trước hết là chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân trong một nhiệm kỳ 5 năm. Nghị quyết kết luận đồng thời mở ra yêu cầu phát hiện và giải đáp những vấn đề mới.

Để đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, vai trò của các hội nghị Trung ương của một nhiệm kỳ là hết sức quan trọng. Hội nghị Trung ương bàn những biện pháp cụ thể, những chủ trương cụ thể, nhằm thực thi Nghị quyết của Đại hội với một hiệu quả cao nhất. Như vậy Nghị quyết của Trung ương không cần dài.

Chúng ta đã huy động được trí tuệ toàn Đảng, toàn dân tham gia xây dựng Báo cáo chính trị của Trung ương khóa VIII trình Đại hội IX. Với kinh nghiệm ấy tôi nghĩ chúng ta cần tiếp tục huy động trí tuệ toàn Đảng, toàn dân thực thi Nghị quyết Đại hội, trước hết huy động được giới trí thức, những nhà khoa học của từng lĩnh vực. Từng lĩnh vực, từng ngành bàn về việc quán triệt và thi hành Nghị quyết Đại hội IX trong lĩnh vực, trong ngành của mình. Tôi đề nghị cần tính toán kỹ lại chủ trương mở các hội nghị (hay lớp học) chung toàn quốc với những giảng viên (hay báo cáo viên) trình bày, và học viên ghi chép một cách thụ động. Nhận thức và thực hành phải đi đôi với nhau, như trên tôi đã trình bày, tiến hành quán triệt và thực thi Nghị quyết là thống nhất. Đã có chương trình hành động của toàn Đảng thì trên cơ sở đó phải có chương trình hành động của từng ngành, từng lĩnh vực. Hãy để cho từng ngành, từng cơ sở, mỗi con người tự suy nghĩ, tự bàn bạc để nhận thức sâu sắc Nghị quyết Đại hội và tự mình thực hiện với trí sáng tạo cao nhất vào cuộc sống. Tôi lấy lĩnh vực văn học, nghệ thuật làm ví dụ.

Báo cáo Chính trị trước Đại hội IX nêu cao trách nhiệm văn nghệ sĩ trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Báo cáo yêu cầu phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận, phê phán những quan điểm sai trái với đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng. Nói tóm lại Đại hội đặt vấn đề một cách toàn diện cho văn học, nghệ thuật trên cả ba lĩnh vực : sáng tác, lý luận - phê bình và quản lý.

Digitized by Google

Đảng ta thấu hiểu đặc trưng của văn học, nghệ thuật, nên rất coi trọng tư cách hình thái ý thức xã hội hết sức sâu sắc của văn học, nghệ thuật ; đặt văn học nghệ thuật vào một vị trí rất lớn trong việc giáo dục và xây dựng con người. Với đường lối chính trị và văn nghệ của mình, Đảng ta đã tập hợp được tuyệt đại bộ phận văn nghệ sĩ trực tiếp tham gia các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, giành thống nhất Tổ quốc, tạo dựng được một nền văn học, nghệ thuật kháng chiến vĩ đại, niềm tự hào không chỉ của Việt Nam, mà là niềm tự hào của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Chiến tranh đã qua đi, nhưng mãi mãi còn là đề tài của văn nghệ nước ta và văn nghệ thế giới với những con người, những tâm hồn cao cả cùng những vấn đề nhức nhối khôn nguôi của nhân loại do những hành động man rợ của kẻ thù để lại cho con người, xã hội và thiên nhiên nước ta.

Chiến tranh đã vậy, nhưng hòa bình thì sao ? Hai mươi sáu năm sau chiến tranh văn học, nghệ thuật nước ta như thế nào, hiện trạng ra sao ? Giới văn học, nghệ thuật, những cơ quan lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật nhân dịp này phải có những câu trả lời đầy đủ và xác thực. Câu trả lời không dễ, nhưng phải trả lời trong thực thi Nghị quyết Đại hội IX. Đó là "trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội" mà Đảng yêu cầu.

Trách nhiệm Đại hội IX của Đảng đặt ra cho giới văn học, nghệ thuật không phải chỉ ở phần "xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc", hay ở phần báo chí, xuất bản, công tác tư tưởng, mà ở toàn bộ các vấn đề liên quan đến con người, đến xã hội được Đại hội nêu lên. "Văn hóa nghệ thuật phải ở trong kinh tế và chính trị" như Hồ Chí Minh đã nói. Những vấn đề như xây dựng đạo đức xã hội chủ nghĩa, chống tham nhũng, đấu tranh giai cấp trong xã hội ta hiện nay, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, v.v.. là những đề tài hết sức phong phú, đáng để cho văn học, nghệ thuật nước ta quan tâm khai thác. Theo tôi, một trong những nguyên nhân quan trọng về tình trạng thiếu tác phẩm nổi trội thu hút được đông đảo quần chúng bạn đọc, người xem là sự xa rời những đề tài lớn cùng những nhân vật trung tâm (nhân vật tích cực và nhân vật tiêu cực) của thời đại. Để tránh sự hiểu lầm, cần phải nói ngay rằng xét giá trị của tác phẩm văn học, nghệ thuật không tùy thuộc vào đề tài mà tùy thuộc vào chất lượng nghệ thuật và tư tưởng của tác phẩm, nhưng đề tài có một vị trí rất lớn thuộc về định hướng tư tưởng và chính trị của tác giả.

Chiến tranh và hòa bình về bản chất là khác nhau, từ đó con người trong chiến tranh và con người trong hòa bình về tâm lý, tư duy, lối sống cũng rất khác nhau. Lấy lịch sử, lấy truyền thống để giáo dục con người hiện nay là cần thiết, nhưng không thể thỏa mãn nhu cầu đa dạng, phong phú của con người hôm nay, hơn nữa hoàn cảnh mới của một xã hội đang chuyển động hết sức phức tạp như xã hội ta hiện nay tác động trực tiếp đến sự hình thành con người và các quan hệ xã hội. Vì vậy tập trung cho những đề tài lớn của thời đại, tập trung cho những nhân vật trung tâm của thời đại có một ý nghĩa phát triển đúng hướng của nền văn nghệ hiện đại nước ta không chỉ ở sự bảo tồn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà còn ở sự phát hiện những nét mới của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cả một cuộc đấu tranh phức tạp không chỉ có anh hùng ca mà còn những bi kịch, những bi hài kịch. Trách nhiệm xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt lên vai văn nghệ sĩ hiện đại hết sức nặng nề. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trong văn học, nghệ thuật, biện pháp quan trọng nhất là tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ thâm nhập vào thực tế vĩ đại của đất nước theo những định hướng mà Đại hội đặt ra. Tôi nghĩ đó là phương thức tốt nhất cho những tác phẩm lớn, những đỉnh cao của văn học nghệ thuật ra đời. Và chắc chắn đợt mới (đợt 3) Giải thưởng Hồ Chí Minh sẽ được công bố tuyên dương những tác phẩm xứng đáng với thời kỳ đổi mới. ❑

Digitized by Google

TỪ THỰC TẾ CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

VŨ VĂN HIỀN *

BÂY giờ chúng ta có điều kiện để nhìn lại, các Nghị quyết quan trọng của Đảng, nhất là Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng đã cơ bản được thực hiện, trở thành hiện thực sinh động của cuộc sống. Tuy nhiên, vẫn có những nội dung cụ thể chưa được nhận thức đầy đủ và khó khăn khi tổ chức thực hiện. Làm thế nào để quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đưa Nghị quyết vào cuộc sống, trở thành phong trào hành động của quần chúng ? Đây là vấn đề vừa rộng, vừa sâu, vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn, rất khó nhưng vô cùng quan trọng. Từ thực tế của Đài Truyền hình Việt Nam và suy rộng ra tôi thấy cần nhấn mạnh một số vấn đề chính yếu sau :

Thứ nhất, để nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chính đội ngũ những người làm công tác tư tưởng phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là tiếp tục đường lối Đại hội VII, VIII của Đảng, đó là tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, Nghị quyết Đại hội lần này có những cái mới. Có thể nói ngay từ tiêu đề của Đại hội là ***"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"***. Như vậy, bao trùm lên việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tiếp tục đổi mới, bằng sức mạnh toàn dân tộc chứ không phải là bằng sức mạnh của riêng một giai cấp hay một tầng lớp nào. v.v... Trong nội dung của Nghị quyết còn nhiều vấn đề mà càng đào sâu suy nghĩ, chúng ta càng hiểu hơn sự sâu sắc cả về lý luận lẫn thực tiễn mà cuộc sống hiện nay đang đặt ra.

Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết nếu không nhận thức rõ vấn đề thì dễ dẫn đến đơn giản, công thức, không gây được ấn tượng sâu sắc về nội dung Nghị quyết của Đại hội lần này. Đây cũng là vấn đề để khắc phục tình trạng khi phổ biến Nghị quyết không hấp dẫn, không sâu sắc, đơn giản hóa Nghị quyết Đại hội Đảng. Trong thực tế, đang tồn tại hiện tượng khá phổ biến là khi nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết vẫn trình bày có tính chất mô phỏng, hời hợt mà không thấy cái mới, cái sâu sắc của nó.

Mặt khác, cũng cần nhận thức hết những thuận lợi và khó khăn mà Đảng ta đã nêu lên. Đó là cơ hội lớn và thách thức lớn. Cơ hội với đầy đủ các yếu tố như Nghị quyết nêu sẽ tạo cho chúng ta niềm tin, hướng tới mục tiêu. Những khó khăn, thách thức cả về chủ quan và khách quan cũng cần được nhận thức, phân tích đầy đủ để nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, vững vàng trước mọi sóng gió. Như vậy chúng ta sẽ không lạc quan tếu và kiên trì thực hiện các mục tiêu do Đại hội đề ra.

Thứ hai, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ báo cáo viên và coi trọng việc quán triệt Nghị quyết ở đơn vị cơ sở.

Chúng ta có đội ngũ làm công tác báo cáo viên, tuyên truyền viên từ trung ương đến cơ sở, nhưng công bằng mà nói để nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống thì không thể làm thay một số chuyên gia hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau. Báo cáo tinh thần Nghị quyết thì tốt nhưng việc trình bày từng chuyên đề một cách sâu sắc để các ngành, các cấp và từng địa phương hiểu đúng, đầy đủ mà vận dụng cụ thể vào lĩnh vực mình, địa phương mình thì cần tới đội ngũ các chuyên gia. Kinh tế phải để cho nhà kinh tế nghiên cứu ; lĩnh vực nhà nước, quản lý xã hội thì phải có đội ngũ chuyên sâu về lĩnh vực này v.v... Kinh nghiệm về vấn đề này ở một số đơn vị, sau khi mời các đồng chí cấp trên phổ biến Nghị quyết vẫn phải mời thêm các chuyên gia phù hợp với từng ban, từng lĩnh vực báo cáo sâu. Ví dụ Đài Truyền hình Việt Nam, nơi có nhiều lĩnh vực, ngành nghề, việc quán triệt và vận dụng Nghị quyết phải rất cụ thể. Ở các Ban biên tập, có rất nhiều vấn đề cần phải được trang bị kiến thức vì anh em làm truyền hình phải am hiểu lĩnh vực mình phụ trách như kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng... Công tác quản lý kỹ thuật cũng là vấn đề rất lớn ở Đài Truyền hình Việt Nam. Công nghệ mới sẽ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam

Digitized by Google

phát triển ra sao, định hướng phát triển như thế nào là cả những vấn đề được nghiên cứu và đặt nó vào trong tổng thể của chiến lược phát triển truyền thông quốc gia...

Để làm được điều đó, từng cấp ủy, lãnh đạo và quản lý các đơn vị phải chủ động tổ chức. Đây là điều cần chỉ đạo để phát huy tính chủ động ở các ngành, các đơn vị. Chúng ta vẫn thường có thói quen cho rằng việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết là công việc của cấp trên. Trong khi đó cấp trên vừa ít người, vừa không có điều kiện nắm thật sát các cơ sở. Cho nên, phải đổi mới công tác nghiên cứu quán triệt Nghị quyết hướng về cơ sở, phát huy tính chủ động sáng tạo của cơ sở để họ chỉ đạo. Làm được như vậy là phát huy tính sáng tạo, dân chủ trong nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết.

Các cấp, các ngành tổ chức những hội nghị chuyên đề, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên về từng lĩnh vực, ở từng đơn vị. Họ sẽ là lực lượng nòng cốt triển khai nghiên cứu, quán triệt ở đơn vị mình. Nhận thức sâu sắc cụ thể ở các đơn vị sẽ là điều kiện để thực hiện "nói đi đôi với làm" và chính là quá trình tốt nhất đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Từng cơ sở sẽ có thực tế để nhận thức rõ cái gì làm đúng và cái gì chưa đúng với tinh thần Nghị quyết và sửa sai khắc phục như thế nào. Đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống như vậy sẽ có sức sống và phát huy được sức mạnh của quần chúng.

Thứ ba, coi trọng công tác kiểm tra, kịp thời giải quyết vướng mắc và uốn nắn kịp thời những sai sót.

Trong quá trình tổ chức thực hiện việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết cần coi trọng công tác kiểm tra. Buông lỏng kiểm tra là buông lỏng lãnh đạo vấn đề này. Thực tế trong tuyên truyền ở Đài Truyền hình Việt Nam còn ít những tin tức, phóng sự về đề tài nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Có chăng cũng chỉ là những tin phản ánh sơ sài, chưa sâu đậm. Ở một số tờ báo khác cũng thấy có hiện tượng này. Tất nhiên, từ khi kết thúc Đại hội IX đến nay thời gian cũng chưa nhiều, Trung ương và các cơ sở cũng còn nhiều việc phải làm, trong đó có những vấn đề do bức xúc của cuộc sống. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, nếu không kiểm tra việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng sẽ có hiện tượng buông xuôi thả lỏng. Việc lãnh đạo, chỉ đạo không gắn với tinh thần Nghị quyết. Việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động để đưa Nghị quyết vào cuộc sống là công phu, không phải một sớm, một chiều. Vì vậy việc kiểm tra này là hết sức cần thiết. Qua kiểm tra để phát hiện được những nhân tố tích cực, rút ra những kinh nghiệm tốt phổ biến áp dụng ở nhiều nơi. Đồng thời phê phán, khắc phục những nơi làm chưa tốt. Kiểm tra chính là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Đảng.

Thứ tư, phát huy hơn nữa vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng.

Hệ thống thông tin đại chúng đã góp phần hết sức quan trọng vào quá trình xây dựng đường lối, Nghị quyết của Đảng và giờ đây nó vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thúc đẩy chất lượng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Nó không chỉ cổ vũ phong trào mà còn cung cấp nguồn thông tin trực tiếp đến việc quán triệt Nghị quyết và hướng dẫn hành động cách mạng, kiểm chứng việc thực hiện Nghị quyết trên thực tế tức là đưa Nghị quyết vào cuộc sống...

Xác định rõ trách nhiệm đó, Đảng ủy, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Đài Truyền hình Việt Nam đã nêu rõ nhiệm vụ quán triệt tinh thần Nghị quyết đối với các Ban biên tập và chỉ đạo các chương trình trước hết là Thời sự, Chuyên đề thực hiện chức năng của mình hướng vào mục tiêu trên. Tuy nhiên, chúng tôi cũng còn có nhiều hạn chế, nhất là chiều sâu của những nội dung đề cập.

Trên tổng thể các phương tiện thông tin đại chúng, chúng tôi cho rằng việc tập trung tuyên truyền quán triệt Nghị quyết Đại hội IX vẫn còn nhiều bất cập. Thậm chí nhiều báo, nhiều đài truyền hình và phát thanh rất ít khi đề cập đến vấn đề này, chưa tuyên truyền lôi cuốn quần chúng vào hành động. Chúng ta mới thông tin các vấn đề đời sống kinh tế - chính trị - xã hội mà chưa chú ý đến vấn đề nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết hoặc việc tuyên truyền chưa sáng tạo, còn rập khuôn, máy móc. Những người làm công tác tư tưởng không chỉ hiểu sâu sắc Nghị quyết để góp phần quán triệt tinh thần của các Nghị quyết tới toàn Đảng, toàn dân mà còn phải biết vận dụng Nghị quyết vào công việc hàng ngày, vào kế hoạch, quy hoạch phát triển cơ quan mình, ngành mình. Hiện nay, Đài Truyền hình Việt Nam đang củng cố lại Ban Chương trình, rà soát lại các chương trình cần thiết và sẽ cố gắng nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc tuyên truyền về Đảng, bám sát các nội dung các Nghị quyết Đại hội Đảng để giao cho từng chương trình triển khai thực hiện.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là Nghị quyết của **trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới**, được toàn Đảng, toàn dân ghi nhận. Việc nâng cao chất lượng nghiên cứu Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, mang tính khoa học và thực tiễn sâu sắc. Qua kinh nghiệm thực tế của Đài Truyền hình Trung ương, chúng tôi thấy rằng, điều cốt lõi là không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ phóng viên, biên tập viên. Các thông tin của Đài Truyền hình phải sống động hơn, sâu sắc hơn, tính đảng cao hơn. Có như vậy, chất lượng của việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết mới trở thành hành động thực tế. ❑

Digitized by Google

TẠO DỰNG NGUỒN LỰC CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN*

Sau hơn 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, nhờ những thành tựu to lớn và rất cơ bản mà nhân dân ta đạt được trên tất cả các lĩnh vực, chúng ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội khá nặng nề và kéo dài, đồng thời công cuộc xây dựng và phát triển đất nước cũng đã chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế.

Đối với dân tộc ta, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp hết sức quan trọng khi bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ ba. Thành công của công cuộc này chắc chắn sẽ mang tầm vóc lịch sử lớn lao, bởi vì mục tiêu của nó là sau vài thập kỷ nữa phải biến nước ta về cơ bản thành nước công nghiệp, là đưa nước ta vĩnh viễn thoát ra khỏi cảnh của một nước nghèo, chấm dứt tình trạng lạc hậu và kém phát triển đã kéo dài quá lâu. Để thực hiện được mục tiêu này chắc chắn chúng ta không có cách nào khác hơn là phải dựa vào nội lực là chính, phải huy động và sử dụng một cách có hiệu quả nhất mọi nguồn lực sẵn có của đất nước, phải tranh thủ tất cả những nguồn lực bên ngoài nào có thể tranh thủ được, đồng thời ra sức tạo dựng thêm những nguồn lực mới.

Nếu hiểu nguồn lực là toàn bộ những yếu tố vật chất, những yếu tố tinh thần tạo nên sức mạnh cho sự phát triển và trong những hoàn cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể thuận lợi nhất định nào đó có khả năng thúc đẩy quá trình cải biến xã hội của một đất nước, thì nguồn lực không chỉ là những yếu tố đang làm nên sức mạnh trong hiện tại, mà nó còn chứa đựng cả những yếu tố hiện thời đang tiềm ẩn, đang ở dưới dạng sức mạnh tiềm tàng. Đồng thời, khái niệm nguồn lực không chỉ nói lên sức mạnh mà nó còn chỉ ra nơi bắt đầu, nơi khởi nguồn, nơi tạo nên sức mạnh đó.

Xuất phát từ các tiêu chí khác nhau, người ta có thể đưa ra nhiều cách phân loại khác nhau về nguồn lực.

Chẳng hạn, theo *cách chung nhất,* đó là nguồn lực vật chất và nguồn lực tinh thần ; theo *quan hệ bên trong và quan hệ bên ngoài,* đó là nguồn lực bên trong (con người, vốn trong nước, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên) và nguồn lực bên ngoài (vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thị trường) ; *theo quan hệ chủ thể - khách thể,* đó là nguồn lực chủ quan (con người) và nguồn lực khách quan (tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, các nguồn vốn, v.v..) ; theo *tầm quan trọng và thời điểm phát sinh,* đó là nguồn lực cơ bản và nguồn lực phái sinh, v.v...

Sự nghiệp công nghiệp hóa của chúng ta diễn ra trong hoàn cảnh của một nước chủ yếu là nông nghiệp, nghèo và kém phát triển nhưng lại chịu sự tác động và sự chi phối rất mạnh mẽ

* GS, TS, Viện trưởng Viện Triết học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

của những điều kiện mới trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, của kinh tế thị trường, của khoa học và công nghệ hiện đại. Bởi vậy, muốn tiến hành thành công sự nghiệp công nghiệp hóa thì điều quan trọng là vừa phải gắn nó với hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học và công nghệ hiện đại, lại vừa không thể thoát ly hiện thực của đất nước. Cụ thể là, chúng ta vừa phải sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn lực trong nước hiện có, vừa phải tranh thủ tận dụng được các nguồn lực từ bên ngoài, lại vừa phải tạo được những điều kiện thuận lợi cho các nguồn lực chưa được sử dụng, phát huy tác dụng của chúng và nuôi dưỡng tốt những nguồn lực mới.

Thời đại đang tạo ra những cơ hội để chúng ta rút ngắn khoảng cách với thế giới thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, để làm được như vậy đòi hỏi chúng ta phải coi trọng sự hợp tác trong khu vực và hợp tác quốc tế ; phải thu hút mạnh mẽ và sử dụng tốt hơn các nguồn vốn, công nghệ, thị trường và cả kinh nghiệm quản lý của nước ngoài ; nghĩa là phải "kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước" [1] như Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IX khẳng định. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng cũng đã cho rằng, "nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng"[2], song chính nguồn vốn trong nước nói riêng và các nguồn lực trong nước nói chung mới là những cái chủ yếu và mang tính chất quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa của chúng ta.

Điều đó có nghĩa là, bên cạnh việc tranh thủ thu hút các nguồn lực bên ngoài, chúng ta phải đặc biệt quan tâm đến việc đề ra những chính sách, những biện pháp có khả năng thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả, khai thác hợp lý, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực. Ở đây, *nội lực* cần được hiểu là các nguồn lực trong nước ; nó không chỉ bao gồm có nguồn vốn, các tài sản và cơ sở vật chất - kỹ thuật đã được chúng ta tích lũy trong suốt quá trình xây dựng đất nước, mà còn bao gồm cả những tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác và sử dụng, cả những lợi thế về địa - kinh tế và địa - chính trị, nhưng quan trọng nhất là nguồn lực con người với sức lao động, trí tuệ, tài năng, nghị lực, tinh thần yêu nước và truyền thống văn hóa dân tộc.

Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước công nghiệp mới châu Á, cho thấy rằng, không chỉ tất cả các nguồn lực đều có vai trò hết sức quan trọng, kể từ các nguồn lực tự nhiên cho đến các nguồn vốn và nguồn lực con người, mà ngay cả việc kết hợp các nguồn lực đó một cách khoa học cũng có vai trò hết sức quan trọng. Bởi vì, các nguồn lực như vốn, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, v.v. tự bản thân chúng chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng và chỉ có thể phát huy tác dụng khi được kết hợp với nguồn lực con người, với sức lực và trí tuệ của con người. Chính vì vậy mà có nước rất nghèo về tài nguyên thiên nhiên, nhưng do biết cách đầu tư vào nguồn lực quan trọng nhất là con người mà đã tạo được bước phát triển thần kỳ và trở thành nước công nghiệp mới trong một khoảng thời gian không dài lắm. Trái lại, có những nước rất giàu tài nguyên thiên nhiên nhưng là những nước có tốc độ phát triển lại hết sức chậm chạp (biểu hiện rõ nhất là nhiều nước ở châu Phi).

Tất cả những thực tế đó chứng tỏ một điều rằng, dù có được các nguồn lực tự nhiên, dù có cơ sở vật chất - kỹ thuật được tạo ra từ các giai đoạn trước đó hay các nguồn lực từ bên ngoài dưới dạng vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý hoặc thị trường v.v., thì nguồn lực lâu bền nhất và quan trọng nhất đối với sự phát triển của mọi quốc gia chỉ có thể là nguồn lực con người. Bởi

(1) *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.* Tạp chí Cộng sản số 9-2001, tr 2

(2) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII).* Hà Nội, 1994, tr 30

Digitized by Google

vì, nếu không có những con người tương xứng đủ khả năng khai thác các nguồn lực khác mà mỗi nước có được và nếu không có một môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý và dư luận xã hội thuận lợi cho con người hành động thì chưa chắc đã có được sự phát triển như mong muốn.

Như vậy, đối với nước ta, mặc dù tất cả các nguồn lực đều rất cần cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng xét đến cùng thì các nguồn lực đó sẽ vô nghĩa nếu thiếu nguồn lực con người. Tuy nhiên, con người mà chúng ta cần đến để đáp ứng các đòi hỏi của sự nghiệp này có những điểm khác biệt với các đòi hỏi của giai đoạn trước. Trong thời đại hiện nay, khi nền kinh tế thế giới đang từng bước chuyển sang kinh tế dựa trên cơ sở tri thức thì vai trò và tầm quan trọng của trí tuệ con người tăng lên gấp bội.

Lịch sử nhân loại hiện đại đang chứng minh thêm một lần nữa rằng, sự giàu có và sức mạnh của một đất nước, một quốc gia không chỉ thể hiện ở sự giàu có và sức mạnh về mặt vật chất, mà chính là thể hiện ở sự giàu có và sức mạnh về mặt trí tuệ. Ngay cả các loại sức mạnh như sức mạnh của quyền uy, sức mạnh của bạo lực và sức mạnh của tiền bạc đã từng thống trị trong những giai đoạn nhất định của lịch sử loài người thì bao giờ đàng sau chúng cũng vẫn có bóng dáng của sức mạnh trí tuệ.

Trong thời đại chúng ta, cuộc cạnh tranh khốc liệt đang diễn ra giữa các cường quốc và giữa các quốc gia trong cộng đồng thế giới về thực chất cũng là cuộc cạnh tranh về trí tuệ. Trong điều kiện như vậy, để tiến hành thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để không bị tụt hậu xa hơn về kinh tế, chúng ta phải nhanh chóng nâng cao năng lực trí tuệ, trình độ học vấn, vốn văn hóa, kỹ năng và trình độ nghề nghiệp cho người lao động, nhất là quan tâm đến đội ngũ lao động chất xám, khai thác hợp lý nhất và có hiệu quả nhất tiềm năng trí tuệ của cả dân tộc. Nhận thức rõ vấn đề như vậy để chúng ta có được một cách làm có hiệu quả và tiết kiệm trong việc tạo dựng và nuôi dưỡng nguồn lực quan trọng nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay và sắp tới đây - nguồn lực con người ; "lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững" (3) của đất nước.

Nguồn lực con người là một trong những thế mạnh của đất nước khi chúng ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa. Thế mạnh đó thể hiên trên các mặt như dân số đông, trẻ về độ tuổi, trình độ học vấn phổ thông tương đối khá, siêng năng, cần cù, ham học hỏi, tư chất thông minh, có ý chí vượt khó. tiếp thu nhanh, v.v.. Đây là cơ sở quan trọng để có thể hình thành một đội ngũ lao động có năng lực trí tuệ cao. Tuy nhiên, không thể không nhận thấy rằng, kèm theo thế mạnh đó, nguồn lực con người của chúng ta cũng còn có những hạn chế và cũng đang tạo ra cả những sức ép. Chẳng hạn, nếu lực lượng lao động trẻ càng nhiều thì sẽ càng tạo ra một áp lực ghê gớm không chỉ về việc làm trước mắt, mà cả về đào tạo và hướng sử dụng sau khi họ đã được đào tạo. Bài toán này cần phải sớm có lời giải và là lời giải đúng, bởi vì thực tế cho thấy chúng ta đang chưa có được một lời giải như vậy.

Trong thời gian qua, chúng ta đào tạo người lao động chưa được nhiều (mới chỉ có 7% dân số và 14,3% tổng số lao động cả nước qua đào tạo ở các trình độ khác nhau) nhưng lại đang lãng phí trí tuệ quá lớn (chỉ có 70% số người được đào tạo làm đúng ngành nghề). Công tác đào tạo vừa qua không căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế, đào tạo tràn lan, nhất là bậc đại học, cho nên có ngành thì quá dư thừa và trình độ lại thấp, có bằng cấp hẳn hoi nhưng tay nghề

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 85

Digitized by Google

và nghiệp vụ thì không tinh thông ; trái lại, có ngành cần thiết cho kinh tế quốc dân thì lại rất thiếu.

Đáng tiếc là, ngay cả hiện nay, không ít người có trình độ thật sự nhưng không được sử dụng đúng chỗ, không được tạo điều kiện thuận lợi để làm việc. Đây là sự lãng phí nặng nề và đáng tiếc nhất, bởi vì lãng phí đến hai lần. Đó là chưa nói đến một chính sách tiền lương hiện hành quá lạc hậu và thậm chí ở một khía cạnh nào đó lại có hại trong việc sử dụng chất xám, làm mất chất xám, làm thui chột những người có tài năng. Nếu không kịp thời đổi mới chính sách đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ thì không thể có nguồn lực con người có chất lượng, có trí tuệ cao đủ sức đáp ứng những đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đủ sức tạo lợi thế cạnh tranh cho đất nước trong nền kinh tế tri thức trong thế kỷ XXI.

Việc tạo điều kiện và môi trường để phát triển nguồn lực con người có trí tuệ cao với tính cách là nguồn lực của mọi nguồn lực, cũng có nghĩa là góp phần tạo ra một nguồn lực khác là khoa học và công nghệ. Bởi vì, bản thân khoa học và công nghệ là do chính con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển sản xuất và của thực tiễn xã hội. Hơn thế nữa, khoa học ở trình độ cao và công nghệ mới không thể là sản phẩm của nguồn lực con người với trí tuệ kém phát triển. Không phải ngẫu nhiên mà Ph.Ăngghen đã từng lưu ý rằng. "một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận" (4), nghĩa là không thể thiếu trí tuệ ở trình độ cao.

Trong thời đại mà khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp có người đã lầm tưởng rằng khoa học là yếu tố hoàn toàn độc lập nằm trong lực lượng sản xuất, giống như các yếu tố khác của lực lượng sản xuất và tách khỏi con người. Chính quan niệm này đã dẫn đến tình trạng không đầu tư đúng mức cho những con người làm khoa học, mà chỉ quan tâm đến các yếu tố khác ngoài con người.

Đã đến lúc cần phải nhận thức rằng, muốn cho khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo trở thành nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì phải thật sự đầu tư vào con người. Đầu tư để nhằm tạo dựng nguồn lực khoa học và công nghệ trong điều kiện hiện nay không chỉ là đầu tư để tăng cường trang thiết bị, mặc dù những cái đó rất quan trọng, nhưng có lẽ quan trọng hơn là sự đầu tư ấy không tách rời đầu tư cho nguồn lực con người, trước hết là những con người trực tiếp làm khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo. Nói cách khác, muốn để cho khoa học và công nghệ trở thành nguồn lực mạnh mẽ trong sự phát triển của đất nước thì phải có sự đầu tư tương xứng giữa đầu tư cho con người và đầu tư về các mặt khác

Tóm lại, để tiến hành thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng , dân chủ và văn minh như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra, chúng ta phải tận dụng được các nguồn lực sẵn có cả ở trong và ngoài nước, phải khơi dậy được tiềm năng của các nguồn lực chưa được sử dụng, đồng thời phải biết đầu tư, tạo dựng các nguồn lực mà chúng ta đang thiếu. Dĩ nhiên, đối với các nguồn lực tự nhiên chúng ta không thể tạo ra theo ý muốn chủ quan. Song chúng ta có thể đề ra các chính sách sử dụng chúng một cách có hiệu quả, để tái tạo chúng trong những phạm vi có thể, nhất là để bảo vệ chúng vì những mục tiêu lâu dài. Riêng đối với các nguồn lực như con người, khoa học, công nghệ cần có các chính sách cụ thể, thiết thực và đặt trọng tâm vào con người. Bởi vì nguồn lực con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, một nguồn lực vô tận, nếu chúng ta biết nuôi dưỡng và khai thác hợp lý.❑

(4) C. Mác và Ph. Ăngghen · *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 489

Digitized by Google

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ TIÊU CHUẨN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN KIM ĐĨNH*

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta với hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú của mình, luôn nhận thức đúng đắn và khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu của cán bộ và công tác cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "Cán bộ là gốc của mọi công việc", công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu. Mỗi giai đoạn, thời điểm khác nhau của cách mạng đòi hỏi cần có một đội ngũ cán bộ thích ứng, có phẩm chất và năng lực đáp ứng sự đòi hỏi của từng thời kỳ, trong đó người đứng đầu tổ chức có vai trò rất quan trọng. Đó là quy luật phát triển. Bởi vì, vai trò của người đứng đầu góp phần vào sự thành bại của cách mạng, liên quan đến số phận hàng trăm, hàng nghìn, thậm chí hàng triệu con người, liên quan đến sự phát triển hoặc trì trệ của một địa phương, ngành, cơ quan đơn vị hoặc một quốc gia. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh : "Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ... Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển".

Trong các giai đoạn kháng chiến cứu nước, hoạt động của cán bộ, đảng viên chưa đòi hỏi nhiều về kiến thức khoa học, kỹ thuật, mà chỉ đòi hỏi lòng yêu nước, trí thông minh sáng tạo trong đánh giặc lập công. Tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức trong giai đoạn này là phẩm chất cách mạng, bản lĩnh và lòng dũng cảm, dám hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong kháng chiến, do đối mặt với kẻ thù nên đội ngũ cán bộ, đảng viên thường xuyên được rèn luyện trong chiến đấu, là điều kiện biểu hiện rõ hơn những con người nổi trội, thủ lĩnh, việc lựa chọn, bố trí người đứng đầu các tổ chức dễ đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị, thường là trùng hợp người đứng đầu "vừa là thủ lĩnh và vừa là thủ trưởng". Do vậy, đã góp phần phát huy cao độ hiệu quả của tổ chức, đưa hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đến thắng lợi vẻ vang, thống nhất đất nước, chuyển sang trang sử mới cả nước tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta lãnh đạo trên mọi mặt đời sống xã hội, số lượng công việc và độ phức tạp tăng lên nhiều lần so với các giai đoạn cách mạng trước đây, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức từ trung ương đến cơ sở phải được nâng cao về chất. Không thể rập khuôn như trước. Ngoài các tiêu chuẩn chung mà cán bộ thời kỳ cách mạng nào cũng cần phải có là phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống, còn cần phải tri thức hóa người đứng đầu tổ chức của cả hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ của tổ chức trong giai đoạn cách mạng mới. Nhưng tiếc rằng trong thời gian dài hơn hai thập kỷ qua, ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, vẫn sử dụng mẫu hình người đứng đầu tổ chức của giai đoạn cách mạng trước đây, coi trọng lịch sử chính trị, thành tích của quá khứ, xem nhẹ trang bị kiến thức cho người đứng đầu.

Trong thể chế, tiêu chuẩn công tác cán bộ của ta, có những điểm không còn phù hợp với giai đoạn cách mạng mới nhưng lại chậm được sửa đổi, dẫn đến việc tuyển chọn, bố trí người đứng đầu các cấp các ngành hiện nay nhiều khi không đạt chuẩn mực theo chỉ dẫn của các nguyên lý khoa học tổ chức. Không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trong hệ thống chính trị từ trung

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

ương đến cơ sở chưa ngang tầm với nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Hiện nay, ở các cơ quan trung ương, số cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ đại học và trên đại học là 72,2% ; ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc là 55,9% ; ở cấp huyện, quận và tương đương có trình độ trung cấp và đại học là 46% (đội ngũ người đứng đầu các ngành, các cấp tỷ lệ có trình độ đại học trở lên còn thấp hơn đối tượng trên). Yêu cầu kiến thức của người đứng đầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở các ngành, các cấp nêu trên phải là 100% chí ít có trình độ đại học chuyên ngành, trình độ lý luận cao cấp, kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, khoa học tổ chức, ngoại ngữ v.v... thì mới có thể làm tốt nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao phó.

Sở dĩ đội ngũ cán bộ nói chung và người đứng đầu các cấp nói riêng còn bị hụt hẫng, là do chưa quán triệt, chưa coi trọng sự chỉ dẫn của khoa học tổ chức và các Nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ.

Quá trình chuẩn bị tạo nguồn, bồi dưỡng đào tạo để có được những người đứng đầu tổ chức vừa có phẩm chất đạo đức chính trị tốt, vừa có năng lực chuyên môn vững vàng có thể mất hàng chục năm. Bác Hồ đã từng chỉ dạy cho chúng ta là "vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người".

* * *

Để nâng cao chất lượng người đứng đầu tổ chức trong giai đoạn cách mạng mới, trước hết chúng ta phải coi trọng khoa học tổ chức. Lê-nin là người rất quan tâm đến vai trò của khoa học tổ chức. Sau khi giành được chính quyền, một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất theo Lê-nin đó là việc đánh giá, sắp xếp lại cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Người nhấn mạnh : "Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có *bản lĩnh*. Hiện nay đó là then chốt ; nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn" (1). Người đã chỉ thị việc triển khai nghiên cứu khoa học tổ chức, biên soạn nhiều sách giáo khoa để bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ tổ chức trong toàn Đảng, giúp Đảng giải quyết hàng hoạt vấn đề mới mẻ về công tác tổ chức, cán bộ của Đảng cầm quyền, xây dựng nhà nước Xô viết non trẻ và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa từng có tiền lệ trong lịch sử.

Dưới đây xin đề suất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao một bước chất lượng người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp hiện nay,

Tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức.

Theo nguyên lý của khoa học tổ chức, người đứng đầu tổ chức là người về trình độ, năng lực và phẩm chất phải cao hơn người dưới quyền. Nghề nghiệp nào cũng gắn liền với công việc, chuyên môn của nó, nhất là trong tình hình hiện nay, thì vấn đề năng lực, trình độ chuyên biệt thật vô cùng quan trọng, đòi hỏi phải là những chuyên gia đầu ngành. Để đạt được những yêu cầu nêu trên, cần kiên quyết thực hiện tiêu chuẩn cán bộ do Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII là "phấn đấu đến năm 2005 cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp quận, huyện, trở nên ít nhất phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về lý luận chính trị". Người đứng đầu tổ chức các cấp trong giai đoạn mở cửa hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần phổ cập thêm một số kiến thức như : khoa học tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, khoa học lãnh đạo, tâm lý học, tin học và ngoại ngữ v.v.. Đó là chuẩn mực để tạo nguồn đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng người đứng đầu tổ chức. Các tiêu chuẩn trên phải được Trung ương quy định thống nhất cho cả hệ thống chính trị, tránh để từng cấp xây dựng và vận dụng một cách tùy tiện, không bảo đảm mẫu hình nêu trên. Riêng về bản lĩnh và nhân cách người đứng đầu tổ chức, cần đánh giá trong kết quả hoạt động thực tiễn hằng năm và thời gian hoạt động nhất định, để khẳng định các tiêu chuẩn này mà tiếp tục bố trí lên, xuống hoặc luân chuyển cho phù hợp.

Tạo nguồn người đứng đầu tổ chức.

Theo thể chế cũ, tạo nguồn người đứng đầu tổ chức của hệ thống chính trị, thường diễn ra một cách tự nhiên, tuần tự từ cơ sở xã, phường phát triển lên. Số đông cán bộ ở nguồn này là từ học sinh phổ thông, tham gia hoạt động của các phong trào ở địa phương, dần dần được tuyển dụng vào làm việc ở phường, xã. Bằng sự nhiệt tình, trách nhiệm, tận tâm với công việc, họ đã không ngừng phấn đấu và trở thành người đứng đầu tổ chức các cấp địa phương, có người trở thành người đứng đầu tổ chức ở cấp trung ương. Ưu điểm của nguồn cán bộ này là những người có kinh nghiệm qua hoạt động thực tiễn. Nhược điểm là trình độ kiến thức thấp, khả năng tiếp thu kiến thức hạn chế. Nguồn này không phải là phương án tối ưu, nên chỉ chọn một số ít nổi trội dự nguồn người đứng đầu tổ chức các cấp địa phương, không dự nguồn cấp trung ương. Những năm gần đây, có lúc, có nơi cơ cấu người đứng đầu lại theo thể thức "mì ăn liền", không có bước chuẩn bị bồi dưỡng các kiến thức cần thiết và thực tiễn cho người lãnh đạo, do vậy những kiến thức cơ bản của họ được đào tạo không được phát huy hoặc không phát huy được.

Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận là tạo nguồn để bố trí đúng cán bộ chủ chốt, người đứng đầu tổ chức.

---

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 4, tr 449

Digitized by Google

Xây dựng đội ngũ kế cận đòi hỏi phải có tầm nhìn xa, có mục tiêu định hướng rõ ràng, nắm chắc các nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ ; phải thận trọng và kiên trì. Cần khắc phục tư tưởng chờ đợi, hoặc nôn nóng, sơ lược, làm cho qua chuyện, làm vì yêu cầu của cấp trên chứ không phải vì yêu cầu của chính đơn vị mình.

Trên cơ sở đó, trong việc tạo nguồn người đứng đầu tổ chức, trước hết phải định ra được những tiêu chuẩn cho từng loại hình, từng loại cán bộ một cách cụ thể, khách quan, khoa học. Cần có thể chế, tạo nguồn một cách khoa học, chủ động hơn. Nguồn cơ bản tập trung nhất là từ học sinh, sinh viên ở các trường đại học, có năng khiếu hoạt động chính trị, xã hội, thông minh, học giỏi. Sau khi ra trường hướng các trí thức trẻ này về công tác ở các loại hình cơ sở như : xã, phường, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, bệnh viện, trường học v.v... để tiếp cận với thực tiễn, qua đó mà rèn luyện nhân cách, bản lĩnh, lối sống và phát triển tài năng. Sau một thời gian, qua theo dõi quá trình bồi dưỡng, đào tạo và rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, chọn những người tiêu biểu bố trí đứng đầu các cấp cơ sở, rồi lại tiếp tục bồi dưỡng, đao tạo phát triển dần lên ở cấp cao hơn.

Đổi mới công tác đào tạo, tuyển chọn và bố trí cán bộ, người đứng đầu tổ chức.

Công tác đào tạo, tuyển chọn và bố trí cán bộ ở nhiều nơi những năm qua thường được thực hiện quy trình ngược "tuyển chọn - bố trí - đào tạo". Qua thực tế cho thấy với qui trình này, chất lượng cán bộ đạt thấp, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tổ chức, nảy sinh nhiều tiêu cực như học đối phó nên nhiều người có bằng cấp, có học hàm, học vị nhưng ít tri thức. Thiết nghĩ cần sớm chuyển sang quy trình : đào tạo - tuyển chon - bố trí. Quy trình này ông cha ta đã làm cách đây nhiều thế kỷ. Một nhược điểm nữa trong công tác đào tạo cán bộ của ta lâu nay là nặng về lý thuyết, lý luận chung chung, nhẹ về đào tạo nghề nghiệp, kỹ năng nên cán bộ thường nói nhiều, làm ít hoặc nói mà không làm ; khả năng tổ chức, điều hành hoạt động trong thực tiễn kém. Để khắc phục nhược điểm trên, cần chuyển hướng đào tạo theo chức danh như chủ tịch UBND các cấp, bí thư các cấp ủy, chủ tịch, bí thư các đoàn thể, giám đốc các doanh nghiệp v.v... để tạo ra năng lực thực sự của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu, khai thác tôt nhất tiềm năng của tổ chức và bảo đảm khả năng đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Về thể chế tuyển chọn cán bộ và người đứng đầu tổ chức các cấp. Trong thời gian dài trước đây việc tuyển chọn cán bô và người đưng đầu tổ chức được cấp trên trực tiếp thực hiện theo sự phân cấp của Trung ương, được thực hiện bằng những phương thức đánh giá nhận xét của tập thể cấp ủy. Thể chế này thoạt nhìn tưởng là chặt chẽ, chính xác, công bằng nhưng thực tế thì mất rất nhiều quỹ thời gian, công sức mà chất lượng không cao, do còn ảnh hưởng tập quán, thân quen, cục bộ địa phương và các tệ nạn tiêu cực khác chi phối. Cần sớm chuyển sang thể chế cấp ủy và tổ chức cấp trên trực tiếp tạo nguồn, đào tạo kết hợp với việc thi tuyển, phỏng vấn bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ như Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII đã quy định.

Các cơ quan quản lý và cơ quan hành pháp thực hiện chế độ thủ trưởng được quyền tuyển chọn cán bộ dưới quyền, để gắn trách nhiệm với toàn bộ kết quả hoạt động của tổ chức, khắc phục hiện tượng dễ đùn đẩy trách nhiệm, gây mất đoàn kết nội bộ. Đối với người đứng đầu cơ quan đảng các cấp, cần tuyển chọn hai, ba phương án, có chương trình tranh cử, bầu cử lấy người được tín nhiệm cao nhất và chuyển sang thể thức đại hội Đảng các cấp bầu trực tiếp sẽ đạt kết quả chuẩn xác hơn.

Đổi mới chính sách tiền lương.

Chuyển qua nền kinh tế thị trường, vừa qua chúng ta đã chuyên đổi chế độ tiền lương cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu tô chức thành hai phần : lương theo ngạch bậc chuyên môn và phụ cấp chức vụ. Người đứng đầu tổ chức các cấp, ngoài hưởng lương chuyên môn, còn kèm theo phụ cấp chức vụ của cấp mà mình phụ trách ; khi thôi giữ chức vụ thì chuyển sang làm công tác chuyên môn đã được đào tạo. Đến niên hạn tổ chức sát hạch nâng lương theo ngạch chuyên môn.

Đó là hướng đúng đắn khi thực hiện cải cách tiền lương cần duy trì. Tuy nhiên, chính sách lương của chúng ta hiện nay qua kiểm nghiệm của thời gian đã xuất hiện nhiều yếu tố bất hợp lý như mức lương quá thấp, quá nhiều thang bậc đến nỗi không thể nhớ nổi bậc lương của mình ; việc tăng lương thì cứ đến hạn là lên, không khuyến khích người giỏi, người có thành tích xuất sắc...

Thực hiện việc đổi mới chính sách tiền lương một cách thiết thực, hợp lý hơn sẽ tạo động lực khuyến khích cán bộ không ngừng học tập để đáp ứng nhiệm vụ đòi hỏi ngày càng cao hơn, thuận lợi cho việc bố trí cán bộ và sắp xếp tổ chức. Khắc phục tâm lý ham chức, quyen và làm lãnh đạo suốt đời, góp phần hình thành người đứng đầu tổ chức đúng tầm vóc trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đề nghị Đảng, Nhà nước sớm cải tiến chế độ tiền lương chung cho người làm công hưởng lương phù hợp gia trị sức lao động để kích thích tạo nguồn người đứng đầu tổ chức nói riêng va cán bộ, công chức nói chung.❑

Digitized by Google

VỀ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

HỒ VĂN VĨNH *

Công cuộc đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta trong vòng 15 năm qua đã giành được những thắng lợi có tính chiến lược, tạo tiền đề và điều kiện để nước ta hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Riêng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu đã có những bước tiến quan trọng. Chúng ta đã mở rộng được thị trường ra các khu vực, có những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng, từ năm 1996 đến năm 2000 tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân năm đạt 18,6%, trong 5 năm 1996 - 2000 đạt 50 tỉ USD, riêng năm 2000 đạt khoảng 14,3 tỉ USD. Nhập siêu ngày một giảm, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu trong 5 năm 1996 - 2000 bình quân năm là 10% ; năm 2000 kim ngạch nhập khẩu đạt 15,2 tỉ USD, chênh lệch nhập khẩu so với kim ngạch xuất khẩu đã giảm từ 49,6% (năm 1995) xuống còn 6,3% (năm 2000) tương đương 0,9 tỉ USD. Tuy nhiên, hoạt động thương mại quốc tế của nước ta, nhất là xuất khẩu, còn kém so với các nước ASEAN, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của đất nước. Điều đó đang đặt ra cho hoạt động xuất - nhập khẩu phải đổi mới một cách toàn diện, vừa phù hợp với đặc điểm thương mại quốc tế trong giai đoạn hiện nay, vừa bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong 5 năm gần đây, chúng ta đẩy nhanh các hoạt động kinh tế đối ngoại với các nước ASEAN, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, bước đầu mở cửa sang các thị trường mới, trong đó có Mỹ, hàng xuất khẩu chủ yếu tập trung vào nông - hải sản, hàng may mặc, dầu thô, hàng điện tử..., trong đó lợi thế nhất của ta là hàng nông, lâm, thủy sản. Hàng may mặc và giày dép là lợi thế của nước ta vì nó sử dụng nhiều lao động, nếu mở rộng được thị trường tiêu thụ ra ngoài nước sẽ tạo được nhiều công ăn, việc làm và thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp. Vấn đề là phải đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường thế giới, nhất là vào Mỹ và EU. Chúng ta cũng có lợi thế về hàng thủ công mỹ nghệ, hàng đan lát, đồ gỗ mỹ nghệ v.v, nhưng kiểu dáng mẫu mã còn đơn điệu, công nghệ ngâm tẩm chưa cao nên tính bền lâu còn hạn chế. Nói chung các hàng công nghiệp chế biến chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh yếu nên vẫn khó vào các thị trường lớn có yêu cầu cao, trái lại các thị trường dễ tính thì nói chung thuộc nước nghèo, sức mua kém nên khó tiêu thụ.

Lợi thế nước ta là hàng nông sản, thủy sản, đặc biệt hàng nông sản nhiệt đới, nhưng đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực cũng có những vấn đề cần quan tâm.

- Hàng hải sản xuất khẩu đã có bước tăng trưởng liên tục ở mức cao và vững chắc, có hiệu quả, năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1,4 tỉ USD. Ngành thủy sản đã coi trọng đầu tư khoa học và công nghệ, đảm bảo yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh môi trường và chất lượng sản phẩm, được các công ty nhập khẩu của EU và Nhật Bản thẩm định và chấp nhận, là một thành công lớn. Tuy nhiên, hàng thủy sản xuất khẩu của ta vẫn là nguyên liệu đã được chọn lọc và đóng gói, chưa qua chế biến sâu và tinh, nên vẫn bị mất giá và không tạo thêm được công ăn việc làm cho người lao động.

- Sản xuất lương thực và xuất khẩu gạo là một thắng lợi có tính chiến lược của công cuộc đổi mới. Từ một nước phải nhập khẩu gạo trước đổi mới, đến năm 1989 nước ta đã tự bảo đảm lương thực cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và có xuất khẩu, từ đó đến nay khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo tăng liên tục, năm 1999 đạt 4,45 triệu tấn, 1 080 triệu USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Sang năm 2000 thị trường xuất khẩu gạo bị thu hẹp

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

và giá thị trường thế giới giảm mạnh nên khối lượng và kim ngạch xuất khẩu đều giảm, chỉ đạt khoảng 3,5 triệu tấn gạo, trong khi yêu cầu về chất lượng ngày một cao.

- Nước ta là một trong những nước xuất khẩu cà phê có khối lượng lớn của thế giới, trong những năm qua đã phát triển diện tích trồng ra nhiều địa phương kể cả lên Sơn La, tăng khối lượng xuất khẩu qua các năm. Nếu như năm 1988, sản lượng cả nước đạt 34 762 tấn và xuất khẩu được 34 000 tấn, thì đến năm 1999, sản lượng cà phê nhân đã đạt 470 000 tấn, gấp 13,5 lần, xuất khẩu được 480 000 tấn, đạt 592 triệu USD. Nhưng trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu cà phê còn nhiều điều phải suy nghĩ. Năm 1998, xuất 379 000 tấn cà phê đạt 594 triệu USD, giá bình quân 1 567 USD/tấn ; còn năm 1999 giá chỉ còn 1 233 USD/tấn. Sang năm 2000, giá cà phê lại càng giảm mạnh. Nguyên nhân giảm giá, một mặt do tình hình cung cầu trên thị trường, mặt khác do cơ cấu cà phê của ta chưa phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới, trong khi giá cà phê Arabica trên thị trường thế giới cao hơn rất nhiều so với cà phê Rubusta : 2 230 USD/tấn (so với 1 469 USD/tấn) nhưng ta chủ yếu lại sản xuất cà phê Robusta. Giá xuất khẩu cà phê giảm mạnh tác động tới giá trong nước chỉ đạt 6 000 - 7 000 đồng/kg, có lúc còn thấp hơn, người kinh doanh cà phê bị thua lỗ, đang xảy ra hiện tượng chặt phá cây cà phê.

- Điều kiện đất đai và khí hậu nước ta rất phù hợp với cây cao su, nước ta đã có nhiều vùng trồng cao su nổi tiếng từ nhiều năm nay. Trong thời kỳ đổi mới, cao su được tiếp tục phát triển và khối lượng cao su xuất khẩu ngày một tăng. Năm 1986, nước ta xuất khẩu 36 410 tấn cao su thì năm 1999, lượng xuất khẩu đạt cao nhất là 263 000 tấn, gấp 7,2 lần. Tuy nhiên, giá cả cao su ngày một giảm (xem bảng).

Bảng : Khối lượng, giá trị và giá cả xuất khẩu cao su thời kỳ 1995 - 1999 :

Năm	Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (triệu USD)	Giá xuất (USD/tấn)
1995	138 105	193	1397
1996	194 000	255	1314
1997	197 000	191	969
1998	185 000	128	691
1999	263 000	145	551

Nguyên nhân của giá cao su giảm mạnh do cao su tự nhiên bị cao su tổng hợp cạnh tranh dữ dội cả về chất lượng, tính năng, tác dụng, cả về khối lượng và giá cả. Mặc dầu tổ chức cao su tự nhiên thế giới INRO (International Natural Rubber Organisation) đã được thành lập nhằm điều hòa sản xuất và tiêu thụ cao su, nhưng trên thực tế ảnh hưởng không đáng kể, nhất là đối với Việt Nam, một nước có sản lượng cao su tự nhiên thấp hơn Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a (mỗi nước có sản lượng đều trên 1 triệu tấn/năm).

Ngoài ra các loại tiêu, điều, rau, củ, quả và sản phẩm chăn nuôi cũng là thế mạnh xuất khẩu của nước ta, phù hợp với xu thế tiêu dùng trong nước và trên thế giới nhưng quy mô và chất lượng cũng như chế biến và vận chuyển còn rất hạn chế, do đó sức cạnh tranh chưa cao.

Tất cả tình hình đã nêu trên đây vừa phản ánh những hạn chế của cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất hàng xuất khẩu trong nước và những tác động của thị trường quốc tế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta, vừa đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ về chiến lược và chính sách xuất nhập khẩu trong điều kiện mới - toàn cầu hóa kinh tế và tự do thương mại.

Để phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh của một đất nước có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển thương mại quốc tế, với một dân số đông khoảng 80 triệu người đầy tiềm năng, thông minh, sáng tạo là yếu tố quyết định của cạnh tranh quốc tế, nhằm tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu tương xứng với vị thế của nước ta trong khu vực và thế giới, theo chúng tôi cần một số giải pháp chủ yếu sau đây :

1- Về quan điểm chiến lược :

- Chiến lược phát triển kinh tế nước ta là hướng ra xuất khẩu nhưng đồng thời phải nâng cao trình độ sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước ngay trên thị trường nội địa. Phải thông qua hoạt động xuất khẩu mà giải quyết những vấn đề kinh tế trong nước, khai thác nội lực, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư, do đó chiến lược phát triển kinh tế gắn rất chặt giữa sản xuất với thị trường, giữa xuất khẩu với tiêu dùng trong nước, giữa xuất với nhập, nhằm

Digitized by Google

mục tiêu phát triển kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, tự do thương mại, muốn hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, chúng ta phải xây dựng cơ chế quản lý, chính sách theo pháp luật và thông lệ quốc tế nhưng phải xuất phát từ đặc thù kinh tế - xã hội của nước ta, giải quyết thỏa đáng giữa tính phổ biến và tính đặc thù một cách hài hòa. Nếu quá nhấn mạnh và đề cao tính đặc thù thì rất khó hòa nhập, thậm chí còn bị cô lập, còn nếu coi nhẹ tính đặc thù, tuyệt đối hóa tính phổ biến thì sẽ bị "hòa tan", thậm chí bị mất tính độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một bài toán phức tạp, đòi hỏi trí thông minh và tính sáng tạo của các nhà hoạch định chiến lược, chính sách và các nhà lãnh đạo, quản lý của đất nước.

- Trong sự diễn biến mau lẹ quan hệ cung - cầu của thế giới làm cho giá cả biến động bất lợi đối với các nước xuất khẩu nông sản và nguyên liệu thì chiến lược phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế để hướng ra xuất khẩu phải phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới. Bí quyết "bán cái thị trường cần chứ không phải bán cái ta có" rất có ý nghĩa, ta cần thực hiện cho được và như vậy mới mong thu được lợi nhuận và hiệu quả cao. Nhưng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thị trường không phải là một việc đơn giản, do đó trong chiến lược phát triển kinh tế hướng ra xuất khẩu phải rất tỉnh táo, không bảo thủ, chậm trễ, nhưng cũng không nên quá nóng vội, chạy theo quan hệ cung cầu ngắn hạn của thị trường thế giới, cần có sự nghiên cứu nghiêm túc xu hướng vận động của thị trường thế giới để có chiến lược dài hạn bền vững và có hiệu quả.

- Trong xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế hiện nay đang diễn ra một quá trình đan xen, lồng ghép hết sức tinh tế và phức tạp mà trong quan điểm chiến lược cần lưu ý. Trong nước đã và đang diễn ra quá trình hợp tác, liên doanh, liên kết đi liền với cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, các đơn vị kinh doanh cả trong nước và ngoài nước. Trên thị trường quốc tế thì diễn ra quá trình hợp nhất, liên kết và cạnh tranh giữa các công ty đa quốc gia, giữa các khối kinh tế, các cường quốc kinh tế mà mâu thuẫn về thương mại ngày càng gay gắt và phức tạp, cuộc đấu tranh vũ trang trên thị trường có chiều hướng lắng xuống thì cuộc đấu tranh trên thị trường càng gay gắt thêm. Đối với Việt Nam mới thoát ra từ cơ chế kinh tế bao cấp để vươn ra một thị trường thế giới bao la đầy sóng gió, đòi hỏi người cầm lái phải hết sức vững vàng, biết nhằm hướng đi chính xác nhưng cũng biết xử lý tình huống một cách nhanh nhạy mà ít bị tổn thất. Tinh thần dũng cảm, độc lập tự chủ, kiên định mục tiêu, trí thông minh, sáng tạo đang là một yêu cầu hàng đầu của những nhà lãnh đạo, những người hoạch định chiến lược và chính sách để tham gia hoạt động thương mại quốc tế ở nước ta hiện nay.

- Cơ sở của thương mại quốc tế là lợi thế so sánh và sức cạnh tranh quốc tế. Tiềm năng của đất nước và truyền thống lịch sử dân tộc phải luôn luôn được giữ gìn, phát huy và nhân lên thành sức mạnh nhưng đồng thời phải sống bằng thực tại và hướng tới tương lai. Trong xu thế phát triển thương mại quốc tế hiện nay, chúng ta phải ra sức gìn giữ, bảo vệ và làm giàu thêm nguồn tài nguyên thiên nhiên đồng thời phải phát huy truyền thống và tiềm năng của con người Việt Nam. Lợi thế so sánh và sức cạnh tranh ngày nay không phải hàng đầu là tài nguyên thiên nhiên mà là tài năng, trí tuệ, kỹ năng của con người, do đó phải hết sức coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, phát huy tối đa tiềm năng của con người để cạnh tranh thắng lợi trong nền kinh tế toàn cầu hóa mà chúng ta đang tham gia.

2 - Về chính sách thương mại quốc tế

Để thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển thương mại quốc tế nói riêng, cần phải đổi mới và thực thi hệ thống chính sách một cách đồng bộ, như : chính sách tự do hóa thương mại, chính sách mở cửa, chính sách xuất - nhập khẩu, chính sách tỷ giá hối đoái v.v... Tuy nhiên, liên quan đến chiến lược đầu tư, bố trí lại cơ cấu kinh tế để sản xuất hàng xuất khẩu phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới, theo chúng tôi có hai chính sách quan trọng là chính sách cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và chính sách cơ cấu thị trường. Giữa hai chính sách này có mối quan hệ tác động lẫn nhau, mỗi loại thị trường đòi hỏi một loại mặt hàng nhất định, trái lại tùy

Digitized by Google

theo khả năng sản xuất mà tìm thị trường để bán được nhiều hàng với giá cả cao nhất nhằm thu được lợi nhuận tối đa.

a - Về chính sách cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, trong 5 năm qua chúng ta tập trung vào một số mặt hàng chủ lực như đã phân tích ở trên. Trong một số năm sắp tới, nếu dầu thô đưa và chế biến trong nước thì lượng xuất khẩu sẽ giảm, ta tự chế biến để dùng trong nước là chính để khỏi phải nhập khẩu hàng năm tới 7 - 8 triệu tấn. Còn than đá xuất khẩu không dễ, hơn nữa đây là loại tài nguyên không tái tạo được nên khai thác hạn chế cũng tốt để bảo vệ tài nguyên cho đời con cháu mai sau. Riêng đối với hàng công nghiệp chế biến, kể cả hàng điện tử, hàng cơ khí nếu tăng cường xuất khẩu được thì không chỉ thu được ngoại tệ, cân bằng cán cân thanh toán, mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nhưng vấn đề cấp thiết là nâng cao trình độ công nghệ, hạ giá thành sản phẩm và tìm được thị trường tiêu thụ. Tin chắc rằng với xu thế tự do hóa thương mại, mở rộng quan hệ thương mại với các nước và sau khi Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ đi vào hoạt động chính thức thì các hàng công nghiệp chế biến của ta có điều kiện mở rộng thị trường và nâng cao thị phần trên thị trường thế giới.

Đối với mặt hàng nông sản xuất khẩu, do yêu cầu chất lượng ngày càng cao và giá cả ngày càng hạ nên chúng ta cần điều chỉnh cơ cấu sản xuất, hạn chế số lượng đi đôi với nâng cao chất lượng, tăng cường khâu chế biến sâu và tinh, tìm kiếm các loại thị trường dễ chấp nhận. Chẳng hạn, các mặt hàng như gạo, cà phê không nên chạy theo số lượng mà phải chuyển đổi giống có chất lượng gạo cao, tăng cường trồng cà phê Arabica, đầu tư vào khâu chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong khu vực Trung Đông, các nước SNG.

Riêng mặt hàng thủy - hải sản cần tăng khối lượng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị cao và tăng cường chế biến tinh, các sản phẩm ăn liền có khẩu vị đặc trưng và đi vào các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Mỹ v.v...

Như vậy, để có cơ cấu mặt hàng xuất khẩu hợp lý và có hiệu quả, cần nghiên cứu thị trường về nhu cầu, thị hiếu giá cả, khả năng tiêu thụ và tổ chức lại sản xuất trong nước, đầu tư tiến bộ khoa học - công nghệ và thực hiện các chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu một cách hợp lý, có lợi cho người trực tiếp sản xuất kinh doanh các mặt hàng đó.

b - Về chính sách cơ cấu thị trường, để thực hiện đường lối kinh tế đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa chúng ta nên coi trọng mở rộng thị trường ra các nước, các khu vực. Tuy nhiên, cơ cấu thị trường xuất khẩu phải vừa thực hiện mục tiêu kinh tế, vừa thực hiện mục tiêu chính trị, trong đó mục tiêu kinh tế phải được ưu tiên.

Trước hết, phải rất coi trọng thị trường láng giềng và thị trường khu vực, trong đó chú ý tới thị trường Trung Quốc, thị trường các nước ASEAN, vì đây là những thị trường gần ta, có quan hệ quen biết lâu đời, có thị hiếu và phương thức tiêu dùng tương đối giống nhau, trong đó phải rất coi trọng thị trường CHDCND Lào, vì không chỉ là mục tiêu kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị, đồng thời phải coi trọng thị trường Trung Quốc theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Đối với thị trường ASEAN, chúng ta tích cực và nghiêm chỉnh thực hiện AFTA, thực hiện CEPT theo lịch trình đã cam kết.

Loại thị trường cũng cần được ưu tiên nữa đó là thị trường các nước thuộc SNG và các nước Đông Âu, là những bạn hàng lâu đời của ta, trong đó cần quan tâm đặc biệt đến thị trường Nga, vì đây là thị trường rộng lớn, dễ tính, có quan hệ lâu đời với ta, nhưng đã bị bỏ qua trong vòng một thập niên vừa qua, nay đang có cơ hội nối lại, nhất là khi thực hiện cam kết trả nợ 1,6 tỉ USD trong vòng 23 năm, trong đó 90% món nợ được trả bằng hàng hóa.

Chúng ta cũng cần coi trọng mở rộng thị trường Nhật Bản, EU và Mỹ, vì đây là thị trường có tiềm năng to lớn cả về nhu cầu hàng tiêu dùng cao cấp, có trình độ khoa học - công nghệ và trình độ quản lý cao, có nhiều điều kiện thuận lợi cho ta tranh thủ vốn, kỹ thuật - công nghệ và tri thức quản lý để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây cũng là thị trường vừa tạo cơ hội, vừa đòi hỏi bức thiết để chúng ta đổi mới quản lý kinh tế nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ tùy theo nhu cầu và khả năng của mình. Vấn đề cốt yếu là phải luôn mở rộng quan hệ thương mại quốc tế với các nước khác trên khắp thế giới. ❑

Digitized by Google

NHỮNG MŨI CẦN ĐỘT PHÁ TRONG GIÁO DỤC Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

TRẦN THỊ NAM*

1 - Giáo dục dân tộc trong bối cảnh phát triển

Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó trừ dân tộc Việt (Kinh) còn lại 53 dân tộc có dân số ít hơn, gọi là dân tộc thiểu số. Giáo dục phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được gọi tắt là *giáo dục dân tộc*. Tuy số dân ít nhưng đồng bào dân tộc sinh tụ trên 3/4 diện tích của cả nước. Nơi đồng bào dân tộc cư trú phần lớn ở miền núi, biên giới, hải đảo. Đây là khu vực giàu tài nguyên khoáng sản, lâm sản ..., có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng và giao lưu quốc tế.

Gần nửa thế kỷ qua, giáo dục dân tộc đã thu được những thành tựu đáng kể. Đó trước hết là nhờ chúng ta có được một chính sách dân tộc hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Nội dung cơ bản của chính sách này là thừa nhận và bảo đảm về mặt pháp lý quyền là dân tộc riêng, quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc và ngôn ngữ các dân tộc ; xây dựng, củng cố và không ngừng phát triển mối quan hệ đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng chăm lo xây dựng và phát triển cộng đồng dân tộc Việt Nam trong một quốc gia thống nhất.

Những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta đã được phản ánh đầy đủ trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản pháp lý của nhà nước, tạo những tiền đề quan trọng thúc đẩy sự nghiệp giáo dục ở vùng dân tộc phát triển. Gần đây nhất, Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) (1996) đã quyết định các giải pháp chủ yếu về tạo động lực, đổi mới công tác quản lý để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, bảo đảm công bằng giáo dục để con em công nhân, nông dân, dân tộc thiểu số có điều kiện học lên bậc cao. Có thể nói, Nghị quyết Trung ương 2 của Đảng đang đi vào cuộc sống, tạo đà cho giáo dục - đào tạo trong đó có giáo dục dân tộc tiến mạnh vào thế kỷ XXI. Thực tế cho thấy, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo hành lang pháp lý, tạo điều kiện ưu tiên, ưu đãi người dạy, người học, tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp, định hướng cho việc chống mù chữ (CMC), phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH), đào tạo cán bộ là người dân tộc với những nội dung, chương trình, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc thù ở vùng dân tộc.

Những thành tựu chủ yếu của phát triển giáo dục ở vùng dân tộc là :

Mạng lưới trường lớp các ngành học, bậc học phát triển rộng khắp. Giáo dục mầm non, từ chỗ không phát triển đến nay hầu như xã vùng cao nào cũng có lớp mẫu giáo, nhóm trẻ gắn với trường tiểu học. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo tăng đáng kể (khoảng 30%). Giáo dục phổ thông được chú trọng, đến nay, xã nào cũng có trường tiểu học. Ngoài trường tiểu học ở trung tâm xã, còn có các lớp học tại bản để thu hút trẻ em trong độ tuổi (6 - 14 tuổi) đi học. Phần lớn các xã có trường trung học cơ sở toàn cấp. Xã nào chưa có trường toàn cấp thì có lớp 6, lớp 7 gắn với trường tiểu học, tạo điều kiện cho con em dân tộc được tiếp tục học lên. Huyện miền núi, vùng cao nào cũng có ít nhất một trường trung học phổ thông. Từ chỗ phải chờ đợi chi viện từ các tỉnh miền xuôi, gần 10 năm trở lại đây các tỉnh miền núi gần như đã đào tạo và tự túc được giáo viên. Tỉnh nào cũng có trường trung học sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học, nhiều tỉnh có trường cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên trung học cơ sở. Số học sinh cử tuyển thi vào các trường đại học sư phạm khi tốt nghiệp trở về đã góp phần vào nhiệm vụ phát triển giáo dục ở địa phương.

Sau hơn nửa thế kỷ phấn đấu kiên trì và gian khổ chống giặc dốt, chống nạn thất học theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đặc biệt trong

* TS Ngôn ngữ

Digitized by Google

thập niên cuối thế kỷ XX này, Chương trình quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ đã hoàn thành trong phạm vi cả nước. Đối với vùng miền núi và dân tộc, sự nghiệp PCGDTH và CMC đã làm thay đổi nhận thức của đồng bào đối với giáo dục, nhu cầu học tập văn hóa ngày càng cao. Nếu trước kia "thầy tìm trò" thì nay đã có chiều hướng ngược lại là "trò tìm thầy".

Mười năm về trước, nhiều cán bộ thôn xã còn ở tình trạng mù chữ. Đến nay, cán bộ thôn xã thấp nhất cũng có trình độ tiểu học, có người có trình độ phổ thông trung học. Trong các cơ quan nhà nước, số cán bộ là người dân tộc có học vị ngày càng nhiều. Nhiều người được giao giữ các cương vị trọng yếu. Ở đây phải kể đến vai trò to lớn của các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) mà tiền thân là trường thiếu nhi vùng cao. Loại trường này nhà nước hoàn toàn đài thọ, làm nhiệm vụ trang bị kiến thức văn hóa từ phổ thông cơ sở đến hết phổ thông trung học cho học sinh dân tộc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa xôi hẻo lánh, nhằm tạo nguồn đào tạo cán bộ người dân tộc có trình độ cao đáp ứng nhu cầu, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Số học sinh học tại các trường này hằng năm khoảng 50 000 người. Trong đó số học hết THCS khoảng 10 000, số tốt nghiệp THPT là 4 000. Các trường đại học, cao đẳng ở Việt Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long..., các trường trung học chuyên nghiệp có ở các tỉnh đã tạo thành một hệ thống đào tạo rộng khắp dành cho con em các dân tộc thiểu số.

Theo thống kê của Trung tâm giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau 5 năm thực hiện hệ cử tuyển tại 25 trường đại học và cao đẳng đã có 3 823 học sinh thuộc 48 dân tộc theo học, trong đó có 733 em đã tốt nghiệp. Việc mở lớp cử tuyển tại các trường đại học và cao đẳng, là giải pháp vừa có tính tình thế lại vừa có ý nghĩa chiến lược đối với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Bên cạnh những thành tựu to lớn kể trên, giáo dục dân tộc cũng còn bộc lộ những yếu kém. Ở vùng dân tộc nói chung hiệu quả đào tạo còn thấp. Năm học 1998 - 1999, chỉ tính riêng bậc tiểu học những tỉnh có hiệu suất đào tạo dưới 50% là : Hà Giang (21,76%), Lai Châu (37,6%), Bạc Liêu (40,27%), Kon Tum (41,33%), Sơn La (42,67%) ; Trà Vinh (44,45%), Cao Bằng (47,33%). Mặc dù được nhà nước quan tâm đầu tư, nhưng các trường xã, các lớp cắm bản đều ở tình trạng tạm bợ, không đủ điều kiện dạy - học, không bảo đảm vệ sinh trường học. Đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên tiểu học công tác ở vùng cao, vùng xa xôi, hẻo lánh tuy có nhiệt tình, có đức hy sinh và lòng yêu trẻ nhưng năng lực giảng dạy còn hạn chế. Giáo viên thiếu điều kiện tự học, tự vươn lên về chuyên môn, nghiệp vụ. Việc tổ chức thực hiện nội dung giáo dục văn hóa, dạy chữ dân tộc cho đến nay vẫn còn lúng túng. Một số nội dung dạy học mang tính địa phương, tuy được bổ sung nhưng chưa đưa vào chính khóa. Mạng lưới và quy mô giáo dục chưa thích ứng kịp với sự thay đổi dân số cơ học, hậu quả của các đợt di cư tự do.

Xu hướng đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo được mở ra đòi hỏi những điều kiện đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên có trình độ ,.. nhưng điều kiện này chưa có được ở nhiều địa bàn.

2 - Những mũi cần đột phá trong giáo dục dân tộc.

Một là : Tăng cường đào tạo giáo viên phù hợp với hoàn cảnh xã hội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng. Thầy giáo ở vùng dân tộc trước hết phải đủ về số lượng để cắm ở các bản lẻ, thực hiện phương châm "thầy gần dân, quy mô nhỏ". Ở vùng dân tộc không có cán bộ một ngành nào lại cắm sâu, cắm xa, gần dân như cán bộ giáo dục. Ở đâu, giáo viên cũng giữ vai trò cốt cán của cộng đồng. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giáo viên còn là người cán bộ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng tới từng người dân, biết làm công tác quần chúng, trồng trọt theo kỹ thuật mới. Giáo viên còn phải có khả năng làm việc độc lập, có hiểu biết về văn hóa tộc người để hòa nhập, bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào, thuyết phục đồng bào loại bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu.

Đào tạo giáo viên đúng địa chỉ, sử dụng theo tinh thần "dân tộc nào có giáo viên người dân tộc đó". Ưu tiên cử tuyển giáo sinh là con em các dân tộc. Là người của cộng đồng, giáo viên người dân tộc có hiểu biết về phong tục, tập quán, sử dụng được ngôn ngữ dân tộc mình, đây là một điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động giáo dục. Giáo viên là người của cộng đồng thường hợp với thủy thổ, ít ốm đau, đỡ bớt gánh nặng cho các cấp quản lý trong việc thuyên chuyển, điều động, hợp lý hóa gia đình. Muốn có được đội ngũ giáo viên như vậy, chương trình đào tạo

Digitized by Google

trong các nhà trường sư phạm phải được thay đổi căn bản. Giáo viên các trường sư phạm phải là người tinh thông về nghề chứ không thể chỉ biết dạy văn hóa (kiến thức cơ bản) giỏi.

Hai là : Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa giáo dục và đa dạng các hình thức đào tạo. Ở vùng dân tộc, lâu nay đồng bào đã làm quen với thuật ngữ giáo dục cộng đồng ; thuật ngữ này về bản chất cũng giống như xã hội hóa giáo dục, nhưng hàm nghĩa cụ thể, thân thiết và có màu sắc tộc người. Người dân miền núi còn nghèo, vẻ ngoài thường thầm lặng nhưng một khi tư tưởng đã thông thì có thể làm nên nhiều chuyện lớn. Những điển hình về giáo dục như ở Sùng Thài (Yên Minh - Hà Giang), Ma Li Pho (Phong Thổ - Lai Châu), Ya Der (Chư Pả - Gia Lai) là những bài học về công tác xã hội hóa giáo dục, ở đó toàn xã tham gia xây dựng trường, toàn xã góp ngô, góp thóc nuôi học sinh nội trú.

Ở vùng dân tộc, dân cư phân bố rải rác, thưa thớt, địa hình chia cắt, do đó cần tiến hành theo tinh thần giáo dục cộng đồng, giáo dục quy mô nhỏ, gần dân. Mười năm gần đây, các trường đẩy mạnh hình thức tổ chức dạy học lớp ghép (một đơn vị lớp có nhiều trình độ học sinh do một giáo viên giảng dạy), khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, trẻ không bị thất học.

Trong thời gian tới, công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục đẩy mạnh theo hướng nhân rộng các điển hình tiên tiến về mặt này. Đồng thời với việc nghiên cứu về lý luận giáo dục lớp ghép còn cần đẩy nhanh việc triển khai nghiên cứu và mở rộng loại trường phổ thông đa cấp, đa ngành học (trong đó có loại hình trường bao gồm mầm non, tiểu học và trung học cơ sở). Có như thế mới tập trung được sức mạnh và bảo đảm tinh thần ở đâu có người học, ở đó có trường, lớp. Tránh tình trạng rập khuôn mô hình giáo dục giống như đồng bằng, đô thị, nơi có mật độ dân số cao.

Ba là : Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp dạy học trong nhà trường dân tộc. Cơ sở đổi mới trước hết xét về phía người học. Học sinh dân tộc cũng giống như học sinh người Kinh có nghĩa vụ và quyền lợi học tập để trở thành người lao động có tư tưởng tiến bộ, tình cảm lành mạnh, trong sáng và có trình độ văn hóa cao. Quyền lợi và nghĩa vụ giống nhau. Thế nhưng, học sinh dân tộc có môi trường sống chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù. Các em không thể đi học hai buổi trong ngày, không có dầu thắp để học buổi tối ở nhà... Và quan trọng hơn là ngôn ngữ học tập - tiếng Việt đối với học sinh dân tộc là ngôn ngữ thứ hai. Các nhà ngôn ngữ đã chỉ ra rằng cơ chế lĩnh hội, tâm lý tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai khác xa cơ chế lĩnh hội và tiếp nhận ngôn ngữ thứ nhất.

Trong hoàn cảnh hiện nay, nhiều học sinh ở miền xuôi có điều kiện học tập thuận lợi, hằng ngày, hằng giờ được tiếp xúc với những trang thiết bị hiện đại có thể tự mình truy cập những thông tin mới thì đối với học sinh dân tộc nói chung điều đó là một chuyện xa vời. Việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở vùng dân tộc là một đòi hỏi tự thân, tự nhiên. Gần đây, những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, của khoa học giáo dục cũng có những bước tiến dài, đòi hỏi và tạo điều kiện để chúng ta đẩy nhanh việc đổi mới này. Sự đổi mới nên bắt đầu từ việc cải tiến nội dung và phương pháp dạy tiếng Việt sao cho phù hợp đối tượng học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai. Tiếp theo là việc tiến hành dạy tiếng dân tộc ở những nơi đã chuẩn bị đầy đủ điều kiện (nguyện vọng của cộng đồng, chương trình hợp lý, sách giáo khoa tốt, các tài liệu đọc thêm phong phú, đội ngũ giáo viên có thể đảm đương được nhiệm vụ dạy tiếng dân tộc). Với các môn học khác, cũng cần được đổi mới theo hướng lấy học sinh làm trung tâm và tích hợp vào đó các tri thức địa phương, các tri thức trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ sức khỏe, kỹ năng sống cần thiết, ích dụng để học sinh hào hứng học tập, nâng cao hiểu biết và có khả năng nhất định tham gia vào công cuộc xây dựng cộng đồng.

Bốn là : Đầu tư xây dựng trường lớp và cung cấp trang thiết bị dạy học cho vùng dân tộc thiểu số. Đồng bào miền núi có nhiệt tình, nhưng khả năng đóng góp có hạn. Mấy năm gần đây, cơ sở trường học miền núi nói chung đã đẹp đẽ, khang trang và có phần kiên cố. Giáo dục trở thành niềm tự hào của địa phương. Tuy vậy, các trường ở xã, phòng học, nơi làm việc của giáo viên chưa được cải thiện, học sinh còn thiếu sách giáo khoa, tài liệu học tập, sách báo đọc thêm. Do vậy, sự đầu tư của nhà nước phải cơ bản, toàn bộ và triệt để. Đầu tư cho miền núi, vùng dân tộc cần được kiểm soát chặt chẽ, tránh thất thoát, bảo đảm có hiệu quả.

Năm là : Có chính sách thỏa đáng hơn nữa cho giáo viên ở vùng dân tộc. Từ trước đến nay giáo viên

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

THỰC HIỆN TỐT HƠN NỮA CHÍNH SÁCH HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI

LÊ VĂN HÂN *

LỊCH sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta cũng như suốt quá trình đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã khẳng định vai trò to lớn của chính sách hậu phương quân đội (HPQĐ). Trong chiến tranh, chính sách hậu phương quân đội đã cổ vũ tiền tuyến, động viên người chiến sĩ hăng hái giết giặc lập công, ổn định hậu phương. Trong thời bình, chính sách góp phần tích cực ổn định xã hội, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Trong mọi thời kỳ, mọi hoàn cảnh, Đảng và Nhà nước ta luôn coi chính sách HPQĐ là một trong những chính sách có vị trí rất quan trọng trong chiến lược con người. Quan điểm đó xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Quân đội ấy phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc : dựng nước đi đôi với giữ nước, đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Mục đích cơ bản chính sách của Đảng và Nhà nước đối với quân đội, củng cố quốc phòng nhằm bảo đảm xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, một quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa, đủ sức hoàn thành tốt 2 nhiệm vụ chiến lược : xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính sách đó phù hợp với khả năng cho phép của nền kinh tế đất nước.

Tư tưởng xuyên suốt trong chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố hậu phương là nhằm động viên, khích lệ nhân tố chính trị, tinh thần của bộ đội và đối tượng chính sách HPQĐ, góp phần tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ yên tâm phục vụ quân đội và thu hút được mọi công dân tham gia sự nghiệp quốc phòng. Yêu cầu tất yếu này đặt ra trong suốt quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chính sách đối với lực lượng vũ trang. Điều đó thể hiện chính sách hậu phương quân đội không ngừng chăm lo đến sự ổn định bền vững ở hậu phương, đồng thời thu hút, động viên thanh niên hăng hái thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc và sẵn sàng phục vụ lâu dài trong quân đội.

Những năm gần đây, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được nhiều thành tựu to lớn, có tác động thúc đẩy toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện tốt hơn chính sách HPQĐ.

Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản về chế độ, chính sách đối với các đối tượng chính sách HPQĐ và người có công với cách mạng như : "Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng" ; "Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam

* Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

Digitized by Google

anh hùng" ; các hệ thống văn bản hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện các chế độ ưu đãi. Điều đó đã góp phần cải thiện một bước đời sống của người có công và thể hiện lòng biết ơn, sự tôn vinh của dân tộc ta đối với người có công với nước. Việc ban hành bổ sung chính sách, thủ tục hồ sơ và tích cực giải quyết các tồn đọng về chính sách đối với người có công sau các cuộc chiến tranh, góp phần làm giảm những bức xúc của xã hội.

Chính sách hậu phương quân đội đã tiếp tục khơi dậy và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc : "Uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", truyền thống hiếu nghĩa, thủy chung ; huy động được nguồn lực to lớn, góp phần chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng chính sách.

Quân đội ta đã tích cực chủ động cùng với các ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương trong cả nước tham gia các phong trào tình nghĩa và có những đóng góp to lớn, góp phần tạo nên kết quả quan trọng của công tác HPQĐ. Mỗi cán bộ, chiến sĩ quân đội đều tâm niệm rằng, thực hiện tốt công tác này là thể hiện đạo lý truyền thống của dân tộc, là tinh thần yêu thương, tình cảm đồng chí, đồng đội tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ".

Chỉ tính riêng quân đội, trong thời gian từ 1991 đến 1999 đã xây dựng, sửa chữa 1 946 nhà tình nghĩa, với số tiền hơn 15 tỉ đồng ; tặng 12 308 sổ tiết kiệm, với số tiền hơn 4,7 tỉ đồng ; phụng dưỡng 1 326 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Hằng năm, các đơn vị trong toàn quân đã tham gia xây dựng, tu sửa nghĩa trang liệt sĩ với hàng chục vạn ngày công ; thăm hỏi và tặng quà các đối tượng chính sách nhân các ngày lễ, ngày tết với hàng chục tỉ đồng. Năm đầu tiên thực hiện cuộc vận động xây dựng "Quỹ đền ơn đáp nghĩa", quân đội đã huy động đóng góp vào quỹ trung ương và địa phương trên 4 tỉ đồng. Từ năm 1993 đến năm 1999, Quân đội đã khảo sát, tìm kiếm, cất bốc, quy tập được hàng vạn mộ liệt sĩ, trong đó có hàng nghìn mộ liệt sĩ quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh trên đất bạn Lào.

Những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách HPQĐ của quân đội nói riêng và của toàn dân nói chung là rất quan trọng, thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, nhân dân, quân đội. Điều đó nói lên tính ưu việt của chính sách, góp phần to lớn ổn định xã hội, củng cố HPQĐ, củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội ngày càng vững mạnh.

Những cố gắng trên đây là rất lớn nhưng vẫn chưa tương xứng với sự hy sinh, cống hiến, mất mát của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân cho sự nghiệp cao cả của đất nước. Cho nên việc thực hiện chính sách HPQĐ hiện nay vẫn đang còn những bất cập với nhiều tồn tại, vướng mắc. Nhiều vấn đề mới bức xúc đặt ra chưa được giải quyết kịp thời. Đời sống của phần lớn người có công, gia đình thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân tại ngũ, cán bộ quân đội đã chuyển ra... còn khó khăn, thiếu thốn. Việc phối hợp, phân công trách nhiệm giữa các cấp, các ngành có khi còn chồng chéo. Trách nhiệm với công tác này ở một số cơ quan, ban ngành, địa phương có lúc chưa cao, còn dựa dẫm hoặc ỷ lại.

Để tiếp tục thực hiện tốt hơn chính sách HPQĐ trong giai đoạn mới có nhiều việc phải làm, trước hết làm tốt những việc chính sau :

Một là, tiếp tục phối hợp, đẩy mạnh phong trào thực hiện 5 chương trình tình nghĩa : chương trình chăm sóc bố, mẹ, vợ liệt sĩ, gia đình cô đơn, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đỡ đầu con liệt sĩ, mồ côi ; chương trình ổn định đời sống thương binh, bệnh binh nặng ở các gia đình ; chương trình xây dựng nhà tình nghĩa ; chương trình xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa ; chương trình tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa.

Các đơn vị quân đội phối hợp với ngành lao động, thương binh và xã hội, chủ động nắm chắc hoàn cảnh, tình hình các đối tượng chính sách, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam

Digitized by Google

anh hùng, chăm sóc thương binh nặng, đỡ đầu con liệt sĩ, thương binh ; chú ý những gia đình liệt sĩ gặp nhiều khó khăn, những người bị ảnh hưởng chất độc hóa học của Mỹ trong chiến tranh. Tiếp tục thực hiện tốt hơn, có hiệu quả hơn cuộc vận động xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa". Phối hợp với các ngành hữu quan chỉ đạo giải quyết khẩn trương chu đáo các vấn đề tồn đọng chính sách sau chiến tranh. Chủ động phát hiện, kịp thời đề xuất và chỉ đạo giải quyết có hiệu quả các tồn đọng. Đẩy mạnh công việc cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ. Từng bước nghiên cứu, đề xuất với Nhà nước sửa đổi những bất cập trong chính sách HPQĐ.

Hai là, tiếp tục cụ thể hóa chính sách đãi ngộ đối với gia đình quân nhân tại ngũ phù hợp với điều kiện mới của cơ chế thị trường.

Tập trung ưu tiên đối với gia đình có quân nhân đang làm nhiệm vụ ở địa bàn đặc biệt khó khăn, gian khổ, gia đình sĩ quan phục vụ lâu dài trong quân đội, gia đình quân nhân gặp khó khăn do hỏa hoạn, thiên tai, bão lụt gây ra. Có nhiều hình thức ưu tiên giúp đỡ như cho vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh ; chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế ; giáo dục, đào tạo đối với con quân nhân ; miễn giảm một số nghĩa vụ xã hội. Tranh thủ và tạo nguồn vốn, tạo thuận lợi về đăng ký hộ khẩu, bảo hiểm việc làm cho các gia đình quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng chuyển đến nơi ở mới, ở vùng cao, hải đảo... Tăng cường quản lý nhà nước, cụ thể hóa quyền hạn và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện chính sách HPQĐ. Nghiên cứu để sớm ban hành và chỉ đạo thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với sĩ quan và gia đình sĩ quan theo quy định của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 1999.

Ba là, thực hiện tốt hơn các chế độ, chính sách đối với các đối tượng chuyển ra.

Trong thời bình, số lượng quân nhân chuyển ra ngày càng lớn, bao gồm : nghỉ hưu, xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành. Vì thế chăm sóc tận tình, chu đáo đối với cán bộ lão thành nghỉ hưu, người mắc bệnh hiểm nghèo, người có mức lương thấp, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là rất cần thiết. Thực hiện chu đáo các chế độ quy định của Nhà nước, của Bộ Quốc phòng liên quan đến các đối tượng chuyển ra. Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể, địa phương các cơ quan hữu quan để bảo đảm số lượng ngày càng lớn quân nhân xuất ngũ, phục viên sớm có việc làm ổn định. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung kịp thời những bất hợp lý hiện hành về các chế độ, chính sách đối với các đối tượng chuyển ra.

Làm tốt những việc này chẳng những đáp ứng yêu cầu bức xúc của đối tượng chính sách, mà còn tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến lực lượng tại ngũ. Bên cạnh việc đổi mới và thực hiện tốt chính sách HPQĐ, nghiên cứu, bổ sung và thực hiện các chế độ chính sách đối với quân nhân tại ngũ có liên quan đến HPQĐ, như vấn đề nhà ở, phụ cấp xa gia đình với những quân nhân do yêu cầu nhiệm vụ phải đồn trú ở những nơi gian khổ.

Bốn là, giải quyết xong cơ bản những tồn đọng về chính sách sau chiến tranh.

Tập trung giải quyết cơ bản xong trong năm 2000 những tồn đọng về chính sách sau các cuộc chiến tranh, bao gồm : kết luận về quân nhân mất tin, mất tích ; giải quyết các trường hợp bị thương trong các thời kỳ chiến tranh chưa được hưởng quyền lợi ; cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ vào các nghĩa trang ; khen thưởng tồn đọng. Riêng việc tìm kiếm, cất bốc mộ liệt sĩ là công việc rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nỗ lực rất lớn của quân đội, cộng với sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân cả nước. Tiếp tục khẳng định công tác tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ và tu sửa nghĩa trang liệt sĩ là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ; là nhiệm vụ mang ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc ; là tình cảm, nguyện vọng bức xúc của nhân dân... để đền đáp sự hy sinh quên mình vì Tổ quốc của các liệt sĩ. ❑

Digitized by Google

NHÌN NHẬN TỪ PHONG TRÀO THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN

ĐẶNG CẢNH KHANH*

CHÚNG tôi muốn bắt đầu bài viết này bằng một lời cảnh báo đối với nhân loại của ngài Phe-đri-cô Mai-ơ, Tổng Thư ký của tổ chức Văn hóa - Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), về xu hướng gia tăng của tư tưởng vị kỷ trong xã hội hiện đại. Ngài Phe-đri-cô Mai-ơ viết : "trong cảnh quan của thế giới kỳ lạ hiện dần lên trước mắt chúng ta từ ngày phe xã hội chủ nghĩa tan vỡ, người ta thấy ngày càng rõ nét một mối đe dọa, mối đe dọa của tình trạng "mỗi người vì mình". Kỷ nguyên đang mở ra không phải chỉ là kỷ nguyên cá nhân mà là kỷ nguyên của chủ nghĩa cá nhân. Cái đang diễn ra không phải là trò chơi công bằng của sự tự do mà là quy luật sắt của kẻ mạnh nhất chống lại kẻ yếu nhất" (1). Chính vì cái chủ nghĩa cá nhân ích kỷ trong một "thế giới bệnh hoạn" đó, mà "lần đầu tiên trong lịch sử loài người, rất có thể chúng ta đang đi dần tới bước đường cùng" (2).

Hãy trở lại với những nguyên lý sống nhân đạo trong bản chất của con người, đó là sống tình nguyện vì đồng loại, gạt bỏ những lợi ích và toan tính cá nhân cho những lợi ích chung. Lời kêu gọi đó của Phe-đri-cô Mai-ơ đang được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, của thanh niên khắp nơi trên thế giới trong đó có thanh niên Việt Nam.

Quên mình vì người khác là phẩm chất đạo đức đầu tiên của con người.

Con người chỉ vươn dậy, đứng thẳng trên hai chân và trở thành con người thực sự khi nó sống bên cạnh những người khác, nói một cách khác, nó không chỉ là con người với tính sinh học mà còn là con người với tính xã hội. Chúng ta không tồn tại bên cạnh nhau theo kiểu bầy đàn sinh vật mà là sống với nhau thành xã hội. Chính nguyên lý tưởng như giản đơn này lại là một trong những đặc trưng cơ bản để phân biệt xã hội loài người với bầy đàn sinh vật. Chỉ có con người mới có khả năng tự nguyện, tự giác lao động, đấu tranh vì hạnh phúc của người khác. Bởi vậy, ngay từ những giai đoạn phát triển sơ khai nhất của lịch sử, quên mình vì người khác đã trở thành một phẩm chất đạo đức đầu tiên của con người.

Chúng ta đều biết, ngay từ khi con người mới hình thành, chính những nhu cầu khách quan cho sự tồn tại của mỗi cá nhân đã là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự liên kết lẫn nhau giữa các cá nhân, làm hình thành và phát triển xã hội. Trên thực tế, con người chỉ có thể lao động để tồn tại trong mối quan hệ qua lại thật gắn bó với những người khác. Không thể có xã hội nếu mỗi cá nhân trong xã hội đó chỉ là những người vị kỷ, chỉ biết sống vì bản thân mình. Cuộc đấu tranh trong môi trường sống khắc nghiệt của tự nhiên, đã khiến cho con người nguyên thủy ngày xưa phải kề vai sát cánh với nhau, giúp đỡ lẫn nhau và hy sinh cho nhau. Khi lao động để sáng tạo ra những sản phẩm có ích cho mình, con người đồng thời sáng tạo những sản phẩm đó cho xã hội. Khi sáng tạo sản phẩm vì xã hội con người cũng sáng tạo ra những sản phẩm cho bản thân mình. Mỗi người chỉ có thể thỏa mãn những nhu cầu của cá nhân thông qua sự thỏa mãn những nhu cầu của xã hội.

Với thời gian, qua những tình huống lao động và đấu tranh sinh tồn như vậy, người ta ngày càng ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa đạo lý của sự hợp tác và tình cảm thương yêu đồng loại. Tình nguyện hy sinh những nhu cầu vật chất và tinh thần của cá nhân cho người khác cũng như cho cả cộng

* PGS - TS, Viện trưởng Viện nghiên cứu Thanh niên, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1), (2) Federico Mayor : *"Thời luận của Federico Mayor", Tạp chí Người đưa tin UNESCO số 9/1995, tr 32, số 10/1998 tr 4*

Digitized by Google

đồng đã trở thành một phẩm chất đạo đức đầu tiên và quan trọng nhất cho cuộc sống xã hội. Nó giúp cho các mối quan hệ xã hội trở nên gắn bó hơn, tổ chức xã hội chặt chẽ hơn, xã hội phát triển bền vững hơn. Cũng qua cái chuẩn mực đạo đức đầu tiên này, con người đã gột rửa những bản năng cá nhân sinh vật của mình, và nhờ vậy mà trải qua hàng ngàn thế hệ, con người đã có điều kiện để vươn lên thật cao lớn so với các tổ tiên động vật của mình.

Những hình ảnh đẹp đẽ được gợi lên từ truyền thuyết cổ xưa về thị tộc đầu tiên của tổ tiên chúng ta đã nói lên cái giá trị đạo đức đầu tiên nói trên đã được hình thành và tôn trọng như thế nào. Nói về xã hội Việt Nam thời thượng cổ và các chuẩn mực đạo đức đã làm nên xã hội đó, sử gia Ngô Thì Sĩ đã chép trong *Đại Việt sử ký tiền biên* (Ngoại kỷ quyển 1 tờ 9b) như sau : "Nước Nam về đời Lạc Hồng vua dân cùng cày, cha con cùng tắm, người và giống vật cùng ở nhà sàn, cấy ruộng Lạc điền theo nước triều lên xuống. Dân sống ở đời bấy giờ cùng nhau vui vẻ chơi đùa ở trong cõi đất không rét không nóng... Có thể gọi là đời thì chí đức, nước thì cực lạc. Vua thì yên vui như phật. Dân thì vẽ mình, làm ăn, không phiền nhiễu gì đến sưu thuế, không việc gì phải canh phòng. Vua dân thân nhau, dẫu vài nghìn năm cũng không thay đổi" (3).

Sự miêu tả của Ngô Thì Sĩ đã nói lên được phần nào một trong những giá trị truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam xưa và nay, đó là việc duy trì tình cảm nhân ái, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân trong cộng đồng xã hội. Chính những đặc điểm của lịch sử dựng nước và giữ nước khắc nghiệt, những đòi hỏi phức tạp trong sản xuất lúa nước, sự tranh đấu liên tục, sống còn với nạn ngoại xâm đã không cho phép người Việt Nam sống riêng biệt như những cá nhân và gia đình hoàn toàn đơn lẻ, biệt lập.

Lật qua vài trang sử cũ thời Lê, Nguyễn, chúng ta thấy dường như năm nào cũng ghi chép lại những tai họa to lớn của thiên nhiên đối với con người, không hạn hán mất mùa thì cũng bão lụt, đê vỡ, sâu bệnh tràn lan. Người Việt Nam phải sống gắn liền với cộng đồng và việc duy trì mối quan hệ liên kết cộng đồng cũng chính là sự duy trì cuộc sống của bản thân mình. Khác với nhiều dân tộc khác, ở người Việt Nam tinh thần tự giác, tự nguyện được đặt ở vị trí cao nhất trong nấc thang các giá trị xã hội. Đức hy sinh vì Tổ quốc, quê hương, sự trung thành với toàn thể cộng đồng luôn được tôn trọng. Kế tiếp lẫn nhau trong bao nhiêu thế hệ người Việt Nam, tinh thần quên thân vì nghĩa cả, tình nguyện hy sinh lợi ích bản thân vì tập thể cộng đồng đã được nuôi dưỡng một cách khắc nghiệt, thấm vào máu của mỗi cá nhân, tạo thành những quy tắc đạo lý, điều chỉnh mọi hành vi xã hội.

Phá tặc đảm hiềm tam tuế vãn
(Đánh giặc thì ba tuổi cũng không phải là trẻ)

Câu viết trên của Cao Bá Quát được ghi lại ở đền thờ đức Phù Đổng Thiên Vương đã nói lên tinh thần và ý chí tình nguyện vì nước của người Việt Nam trong truyền thống.

Nhờ nêu cao được tinh thần tình nguyện sẵn sàng xả thân vì nước ấy, dân tộc Việt Nam đã duy trì được một sự hài hòa trong các quan hệ xã hội, hạn chế được phần nào sự phát triển của tính vị kỷ để tạo ra một sức mạnh chung cho sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam, xây dựng nên những đặc trưng quý báu và đầy tính nhân đạo của nền văn hiến Việt Nam.

Tình nguyện - một đặc trưng của thế hệ thanh niên mang tên Bác Hồ

Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, thanh niên ta cũng luôn luôn có mặt ở những nơi đầu sóng ngọn gió của tổ quốc với tinh thần của những người tình nguyện. Truyền thống tình nguyện, hy sinh những lợi ích nhỏ bé của bản thân để cống hiến mọi khả năng trí tuệ, sức lực, của cải vật chất cho sự nghiệp cách mạng cao cả của dân tộc đã làm nên đặc trưng và bản chất anh hùng của thế hệ trẻ mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Với tinh thần "đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà chỉ hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc", hàng triệu lớp thanh niên ưu tú của dân tộc đã xung phong đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần đến, không ngại hy sinh, gian khổ làm nên những thành tích cách mạng to lớn trong chiến tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong hòa bình xây dựng và phát triển đất nước.

---

(3) Ngô Thì Sĩ : *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb Khai trí, Sài Gòn, 1968, tr 175

Digitized by Google

Trong những năm gần đây, đặc biệt là sau Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Liên hiệp thanh niên (LHTN) Việt Nam lần thứ III, tháng 12-1994, Đoàn Thanh niên Cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp TN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam đã nêu quyết tâm phát động, làm hình thành và phát triển mạnh mẽ các loại hình thanh niên tình nguyện. Khí thế tình nguyện đã được khơi dậy mạnh mẽ. Thanh niên tình nguyện đã xung phong đảm nhận một số công trình, phần việc khó khăn, tham gia phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả ở nhiều địa phương trong cả nước. Tháng 10-1996, Hội LHTN đã tổ chức gặp mặt biểu dương thanh niên tình nguyện. Phong trào thanh niên tình nguyện đã thực sự có được những chuyển biến tích cực, khẳng định được sức sống mãnh liệt của nó trong những điều kiện mới, đa dạng hóa những nội dung hoạt động với trên 20 loại hình TNTN tham gia phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh quốc phòng, mở rộng quy mô, cấp độ tổ chức và thời gian hoạt động.

Đặc biệt, những hoạt động sôi nổi của thanh niên trong ***năm 2000 - năm thanh niên,*** cũng đã được ghi dấu sâu sắc bằng sự phát triển mạnh mẽ và mới mẻ của tính tình nguyện. Những hoạt động tình nguyện sôi nổi và hào hứng của các tầng lớp thanh niên trong năm thanh niên đã thực sự làm sống dậy ngọn đuốc sáng và không khí hào hùng của phong trào thanh niên "Ba sẵn sàng", đi bất cứ nơi đâu làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần đến ngày nào.

Hiện nay, trong những điều kiện cách mạng mới, trước những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, gắn liền với hoạt động của cơ chế thị trường và các quan hệ trao đổi hàng hóa, lợi nhuận, nhiều vấn đề mới cũng đã và đang xuất hiện, tạo ra nhiều khó khăn và thách thức mới trước thanh niên cũng như phong trào thanh niên tình nguyện. Điều đó đã làm xuất hiện những ý kiến chưa thống nhất, thậm chí có nơi có lúc còn trái ngược nhau về vị trí và vai trò của phong trào thanh niên tình nguyện trong những điều kiện của cơ chế thị trường.

Chính những yếu tố mới mẻ trong sự phát triển của phong trào thanh niên tình nguyện hiện nay đã đòi hỏi chúng ta cần phải có sự nghiên cứu, phân tích, trao đổi khoa học để làm sáng tỏ thêm cả về cơ sở lý luận và ý nghĩa thực tiễn của phong trào này, nhằm có được các chính sách, cơ chế và giải pháp thiết thực, khơi dậy và phát huy được sức mạnh của thanh niên trong những điều kiện cách mạng mới.

Chúng ta cần phải có được sự thống nhất chung trong nhận thức và hành động trên rất nhiều vấn đề. Chẳng hạn như, phải trả lời được các câu hỏi đặt ra là liệu tính tình nguyện có mâu thuẫn gì không với những quy luật khách quan của cơ chế thị trường ? Chúng ta cần phải làm gì để phát huy và nâng cao được tinh thần tình nguyện trong thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay ? Cần phải xử lý như thế nào về mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi của thanh niên tình nguyện trong những điều kiện của cơ chế thị trường để vừa động viên được tính tình nguyện của thanh niên vừa đảm bảo được những quyền lợi thiết thực cho họ ? Vị trí và vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên trong việc phát động, tổ chức và xây dựng các hình thức và mô hình tình nguyện trong thanh niên như thế nào ? v.v...

Với ý nghĩa như trên, việc nghiên cứu, tập hợp ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia trong các lĩnh vực công tác chính trị, đoàn thể, mặt trận, quản lý... để thống nhất quan điểm nhận thức và hành động về phong trào thanh niên tình nguyện trong những điều kiện mới hiện nay là hết sức cần thiết.

Tính tình nguyện và cơ chế thị trường

Về bản chất, thật khó mà có thể tìm được tiếng nói chung giữa hệ giá trị của cơ chế thị trường vốn được ghi dấu bằng những đặc trưng của lợi nhuận, bằng những sự cạnh tranh quyết liệt mà trong đó, theo sự phân tích của Mác thì đã nhấn chìm mọi giá trị đạo đức xã hội xuống "lớp băng lạnh giá của sự tính toán vị kỷ", với hệ giá trị của sự tình nguyện hy sinh quên mình vì những người khác vốn là bản chất của xã hội mang tính cộng đồng cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Bởi vậy, về nguyên tắc, nói đến việc thực thi tính tình nguyện trong những điều kiện của cơ chế thị trường, chúng ta không thể không nhắc tới nguyên tắc chỉ đạo quan trọng cho mọi hoạt động của cơ chế thị trường nói trên, đó là sự tuân thủ bắt buộc những định hướng chính trị xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển của xã hội. Chính sự định

Digitized by Google

hướng chính trị xã hội chủ nghĩa đã tạo cơ sở và nguồn động lực cần thiết cho sự nảy sinh và phát triển của tinh thần tình nguyện trong các cá nhân và cộng đồng xã hội. ***Hệ giá trị nhân đạo của lý tưởng xã hội chủ nghĩa là ngọn lửa nóng làm tan đi mọi lớp giá băng vị kỷ của sự tính toán thiệt hơn của nền kinh tế thị trường.*** Bởi vậy, trong chừng mực mà những nguyên tắc của sự định hướng chính trị xã hội chủ nghĩa còn được tôn trọng và phát triển, chừng đó, tính tình nguyện vẫn còn có được miếng đất tốt lành để bám rễ và xanh tươi lên mãi.

Với ý nghĩa trên, chúng ta chỉ có thể nâng cao tính tình nguyện trong hoạt động sống của thanh niên trong điều kiện không ngừng nuôi dưỡng, giáo dục, một mặt là các giá trị nhân đạo truyền thống của dân tộc, mặt khác là lý tưởng tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội cho thanh niên. ***Phải làm cho các thế hệ thanh niên kế tiếp nhau nhận thức được rằng, trong những điều kiện của nền kinh tế thị trường, của cải vật chất là quan trọng nhưng không phải đã là tất cả hạnh phúc, lợi nhuận kinh tế là điều hết sức cần thiết cho sự phát triển nhưng còn cần phải vượt lên trên những giá trị của lợi nhuận, đem những giá trị đó phục vụ cho hạnh phúc của con người.*** Hạnh phúc, trong bất cứ hoàn cảnh xã hội nào cũng đồng nghĩa với việc mang đến hạnh phúc cho người khác, cho đồng loại. Đó chính là chân lý đã tồn tại trong bản chất của xã hội của con người và sẽ tiếp tục tồn tại trong chừng mực mà xã hội còn tiếp tục tồn tại và phát triển.

Việc nâng cao nhận thức về tính tình nguyện cho thanh niên cũng không thể chỉ dừng lại ở các hình thức tuyên truyền, giáo dục lý thuyết, sách vở mà phải bằng những hành động thực tế. Chúng ta không thể kêu gọi thanh niên tham gia tích cực vào phong trào tình nguyện đồng thời với việc đề cao các giá trị tiêu dùng vật chất cá nhân, đặt song hành giữa những khẩu hiệu về tinh thần tình nguyện bên cạnh những quảng cáo về việc tiêu thụ những sản phẩm xa hoa đắt tiền cùng trong một chương trình truyền thông.

Chúng ta cũng không thể động viên thanh niên hy sinh quyền lợi của bản thân để tham gia tích cực vào phong trào tình nguyện, trong một môi trường xung quanh mà mọi người đều lao vào làm giàu cho bản thân, bất chấp mọi đạo lý, khi mà những người động viên thanh niên tình nguyện thì lại đang tập trung thu vén cho bản thân, hoặc khi mà xã hội còn tràn ngập những hành vi tham nhũng, tiêu cực chưa được giải quyết. Về phương diện này, chúng ta hoàn toàn đồng cảm với suy nghĩ của những thanh niên có tâm huyết nhưng chưa thật say mê với phong trào tình nguyện, bởi lẽ không một người tình nguyện nào lại muốn hy sinh bản thân mình cho những gì không xứng đáng, thậm chí cho những kẻ còn không ngần ngại lạm dụng sự hy sinh đó.

Việc nâng cao tinh thần tình nguyện cho thanh niên phải gắn liền với việc xây dựng những chính sách và cơ chế để thanh niên có điều kiện và cơ hội tham gia tích cực vào phong trào tình nguyện. Phải tạo ra môi trường thuận lợi để những người có tinh thần tình nguyện có thể đóng góp tích cực, tự giác và năng động cho sự phát triển của đất nước, trên cơ sở đó xây dựng, nuôi dưỡng và phát triển lối sống tình nguyện trong cộng đồng, biến tinh thần tình nguyện trở thành một chuẩn mực văn hóa mới trong quan hệ ứng xử giữa người với người. Ở đây, vai trò của Nhà nước, các đoàn thể, cộng đồng là hết sức quan trọng. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên phải vừa là nơi bồi dưỡng giáo dục tinh thần tình nguyện cho thanh niên, vừa là nơi đi tiên phong và tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả phong trào tình nguyện.

Phong trào tình nguyện trong những điều kiện của cơ chế thị trường cũng luôn đòi hỏi Nhà nước và các đoàn thể phải có những sự quan tâm tương xứng, không thể chỉ yêu cầu thanh niên một sự tình nguyện, hy sinh các quyền lợi bản thân một cách giản đơn thuần túy. Mặc dù trong rất nhiều trường hợp, những thanh niên tình nguyện đã không hề đặt ra các đòi hỏi quyền lợi vật chất và tinh thần quá cao cho bản thân họ, nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta có thể lợi dụng sự hy sinh quyền lợi của họ. Phải có những chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những đóng góp tích cực và có hiệu quả của thanh niên tình nguyện.

Về phương diện này, theo chúng tôi, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng và nhất là Đoàn thanh niên cũng cần phải trân trọng và đối xử với những thanh niên tình nguyện bằng tinh thần tình nguyện, tức là không phân vân, do dự và sẵn sàng tạo những điều kiện thuận lợi tốt nhất cho họ rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT

NGUYỄN ĐẮC HƯNG *

Lãi suất là giá cả mua bán vốn, được hình thành trên cơ sở quan hệ cung cầu vốn. Đồng thời, nó tác động điều tiết đến các dòng chu chuyển vốn trên thị trường. Lãi suất là một công cụ quan trọng của chính sách tiền tệ do Ngân hàng trung ương điều hành, có thể bằng hình thức trực tiếp, tức là quy định cụ thể các mức lãi suất ; hoặc bằng hình thức gián tiếp, tức chỉ công bố lãi suất cơ bản. Ở hầu hết các nước trên thế giới có nền kinh tế thị trường phát triển, Ngân hàng trung ương thường sử dụng công cụ gián tiếp ; chỉ công bố lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản, thực hiện cơ chế tự do lãi suất. Các ngân hàng thương mại (NHTM) chủ động thực hiện các loại lãi suất của mình trên cơ sở lãi suất do Ngân hàng trung ương công bố và trên cơ sở lãi suất trên thị trường liên ngân hàng. Ở Việt Nam trong quá trình đổi mới nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công cụ lãi suất cũng có những bước chuyển đổi phù hợp với yêu cầu chuyển đổi nền kinh tế.

Trong hơn 10 năm qua ở nước ta việc huy động vốn và cho vay, thu chênh lệch lãi suất là nghiệp vụ chủ yếu (chiếm 80 - 85% thu nhập tài chính) của các tổ chức tín dụng (TCTD). Do đó, đây là lĩnh vực sôi động nhất. Do lãi suất là giá cả sử dụng vốn nên trở thành công cụ cạnh tranh quan trọng nhất trong hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên quá trình diễn biến trong mỗi giai đoạn tùy thuộc vào điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước (NHNN).

1 - Giai đoạn bắt đầu đổi mới từ năm 1988 - 1992 : Trong những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90, NHNN quy định cụ thể các mức lãi suất cho vay và quy định cụ thể các mức lãi suất tiền gửi, thực hiện chính sách lãi suất âm, nhiều khi lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất tiền gửi và thấp hơn lạm phát, lãi suất tiền gửi cũng thấp hơn lạm phát. Ở giai đoạn này số lượng các TCTD chưa nhiều và loại hình chưa đa dạng, mới chỉ có 4 NHTM quốc doanh, một số NHTM cổ phần, 7 100 hợp tác xã tín dụng nông thôn và Quỹ tín dụng đô thị. Xu hướng cạnh tranh lãi suất của các TCTD giai đoạn này mới chỉ là tìm mọi cách đưa lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay vượt quy định của NHNN. Việc hợp tác về lãi suất chưa có. Do tình trạng lạm phát, do cơ chế điều hành lãi suất và do một số nguyên nhân khác đã làm cho hơn 7000 hợp tác xã tín dụng và Quỹ tín dụng đô thị trong toàn quốc bị đổ vỡ.

2 - Giai đoạn từ cuối năm 1992 : NHNN thực hiện cơ chế lãi suất âm từ tháng 10-1992 và đến tháng 3-1993 thực hiện lãi suất dương hoàn toàn. Nhưng NHNN vẫn quy định các mức lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay cụ thể có sự phân biệt lãi suất giữa các thành phần kinh tế. Lãi suất cho vay doanh nghiệp nhà nước thấp hơn doanh nghiệp ngoài quốc doanh, lãi suất cho vay ngắn hạn cao hơn lãi suất cho vay trung và dài hạn, lãi suất tiền gửi tiết kiệm cao hơn lãi suất tiền gửi các tổ chức kinh tế, lãi suất nội tệ cao hơn lãi suất ngoại tệ. Giai đoạn này, ngoài NHTM quốc doanh thì chỉ còn khoảng hơn 100 hợp tác xã tín dụng vẫn còn tồn tại hoạt động ; gần 10 NHTM cổ phần đã được thành lập và 5 chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được cấp phép hoạt động ở nước ta. Cạnh tranh lãi suất bắt đầu sôi động hơn, nhưng xu hướng chung vẫn là TCTD tìm cách cho vay, thu hút tiền gửi vượt quy định về lãi suất của NHNN.

3 - Giai đoạn từ cuối năm 1993 - 1995 : NHNN vừa quy định các mức lãi suất tiền gửi và cho vay cụ thể, vừa cho phép các TCTD cho vay theo lãi suất thỏa thuận ; lãi suất cho vay doanh nghiệp nhà nước : 1,8%/tháng, cho vay thành phần kinh tế ngoài quốc doanh : 2,1%/tháng. Nếu huy động tiết kiệm và tiền gửi theo mức lãi suất quy định không

* TS. Ngân hàng nhà nước Trung ương

Digitized by Google

đủ để cho vay thì các TCTD được phép phát hành kỳ phiếu với lãi suất cao hơn và cho vay khách hàng với lãi suất thỏa thuận. Số lượng TCTD đông và loại hình rất đa dạng. Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân với Quỹ tín dụng trung ương, Quỹ tín dụng khu vực, (trên 900 Quỹ tín dụng nhân dân đã được thành lập và hoạt động ; hơn 50 NHTM cổ phần và công ty tài chính cổ phần, 26 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 4 ngân hàng liên doanh...) đã được thành lập và hoạt động cạnh tranh lãi suất rất sôi động. Các TCTD tập trung chủ yếu vào cho vay theo lãi suất thỏa thuận với tỷ trọng khá cao, chiếm từ 30 - 60% dư nợ. Đối tượng chịu lãi suất thỏa thuận chủ yếu là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ nông dân, tập trung là vùng đồng bằng sông Cửu Long, lãi suất cho vay lên tới 3,0 - 3,5%/tháng, cao gấp 1,6 - 1,9 lần quy định. Các TCTD thu được khoảng cách chênh lệch lãi suất rất lớn, từ 0,7 - 1%. Do đó, tháng 10-1995, Quốc hội đã ra nghị quyết quy định khống chế chênh lệch lãi suất cho vay và lãi suất huy động là 0,35%/tháng. Hợp tác về lãi suất chưa có.

4 - Giai đoạn từ ngày 1-1-1996 đến cuối tháng 7-2000 : NHNN thực hiện chính sách lãi suất trần ; có 4 mức trần lãi suất : cho vay ngắn hạn (đô thị), cho vay trung và dài hạn (cao hơn cho vay ngắn hạn), cho vay ở vùng nông thôn, lãi suất cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Giữa các mức trần lãi suất chênh lệch khá cao sau đó được điều chỉnh giảm dần. Đến tháng 1-1998, trần lãi suất cho vay chỉ còn 3 mức : lãi suất cho vay của các TCTD ở đô thị, ở nông thôn, của Quỹ tín dụng nhân dân.

Đối với lãi suất cho vay ngoại tệ, NHNN cũng khống chế trần lãi suất cho vay. Khi có biến động tỷ giá, trong điều hành NHNN đã phối hợp chặt chẽ giữa công cụ lãi suất và tỷ giá, như : khống chế trần lãi suất tiền gửi các doanh nghiệp để tăng cường quản lý ngoại tệ và chống hiện tượng đô la hóa.

Trong giai đoạn này, phù hợp với diễn biến nền kinh tế, NHNN điều chỉnh giảm nhanh trần lãi suất cho vay xuống mức thấp nhất từ trước tới nay. Từ tháng 1-1998 đến tháng 7-2000, NHNN đã 6 lần thực hiện điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay, kèm theo đó, lãi suất cho vay tái cấp vốn, lãi suất đã chiết khấu và tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng được điều chỉnh giảm.

Diễn biến cạnh tranh và hợp tác về lãi suất giữa các TCTD trong giai đoạn từ tháng 1-1998 đến tháng 7-2000, trước khi NHNN chuyển sang điều hành theo lãi suất cơ bản, có các đặc điểm sau đây :

- Một số TCTD, nhất là TCTD cổ phần và TCTD ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, do lợi thế độc quyền nhất định, nhất là độc quyền về cho vay vốn trong vùng đã tìm cách cho vay vượt trần lãi suất theo quy định của NHNN, bằng cách bắt khách hàng nộp tiền ký quỹ từ 10-20% số tiền vay, chuyển từ tiền vay sang tài khoản tiền gửi, không trả lãi tạo nguồn thu chênh lệch hàng tỉ đồng. Tháng 4-2000, thanh tra NHNN phải ra quyết định thu hồi khoản thu nhập bất hợp pháp và chấn chỉnh việc cạnh tranh lãi suất nói trên gây thiệt hại cho khách hàng đối với 4 NHTM tại TP Hồ Chí Minh và một NHTM cổ phần tại đồng bằng sông Cửu Long. Tổng số tiền mà 5 NHTM đã lợi dụng cho vay vượt trần là 2,5 tỉ đồng.

- Đầu tháng 12-1999, 4 NHTM quốc doanh cùng nhau ký thỏa thuận hợp tác về lãi suất, thống nhất khống chế cho vay theo một mức lãi suất sàn tối thiểu, không cho vay quá thấp nhằm cạnh tranh thu hút khách hàng làm thiệt hại cho nhau. Sau một vài tháng thực hiện, thỏa thuận này có những mặt tích cực của nó. Tuy nhiên nó chỉ có giá trị thực hiện đối với 4 NHTM quốc doanh tham gia ký kết, còn các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, họ tìm mọi cách cho vay với lãi suất thấp hơn, để cạnh tranh thu hút khách hàng có tiềm năng lớn về xuất khẩu. Trước tình hình đó, đầu tháng 4-2000, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có thư gửi 3 ngân hàng đối tác, từ chối tham gia thỏa ước. Tiếp theo đó thỏa ước trên không còn tồn tại. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hạ lãi suất cho vay xuống chỉ còn 0,62 - 0,65%/tháng (tháng 7-2000).

- Một số TCTD, nhất là NHTM cổ phần nông thôn và Quỹ tín dụng nhân dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, có lợi thế độc quyền trong vùng sản xuất hàng hóa, nhu cầu vốn của người vay lớn... đã tìm cách cho vay vượt trần quy định lãi suất của NHNN, bằng cách thu thêm phí thẩm định dự án ... thu thêm của khách hàng vay vốn, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người vay. Việc cạnh tranh bất hợp pháp này cũng được chấn chỉnh, nhưng chưa được chấm dứt hoàn toàn.

Digitized by Google

- Về lãi suất cho vay ngoại tệ do cao tương đương với lãi suất cho vay nội tệ, lại lo sợ rủi ro về tỷ giá, nên các doanh nghiệp có nhu cầu vay nội tệ nhiều hơn. Trong khi đó, lãi suất trên thị trường quốc tế, nhất là ở Mỹ tăng cao. Lãi suất huy động ngoại tệ ở Việt Nam chỉ khoảng 5,3% - 5,5%/năm, gửi ở Mỹ 6,8%/năm hoặc cao hơn.

5 - Giai đoạn từ ngày 5-8-2000 đến nay : Sau một thời gian chuẩn bị xây dựng đề án với nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau, ngày 5-8-2000, NHNN đã chính thức chuyển sang cơ chế điều hành theo lãi suất cơ bản, các NHTM được chủ động quy định các mức lãi suất cho vay cụ thể của mình theo biên độ xoay quanh mức lãi suất cơ bản, trên cơ sở đó chủ động quy định các mức lãi suất tiền gửi. Theo cơ chế mới điều hành lãi suất, hàng tháng NHNN công bố mức lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu.

Theo quyết định của Thống đốc NHNN, từ ngày 5-8-2000, các TCTD ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng trên cơ sở lãi suất cơ bản do NHNN công bố theo nguyên tắc lãi suất cho vay không vượt quá lãi suất cơ bản và biên độ do Thống đốc NHNN quy định từng thời kỳ. NHNN công bố lãi suất cơ bản trên cơ sở tham khảo mức lãi suất cho vay thương mại đối với khách hàng tốt nhất của nhóm các TCTD được lựa chọn theo quyết định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ. Lãi suất cơ bản và biên độ được công bố định kỳ hàng tháng (trường hợp cần thiết, NHNN sẽ công bố điều chỉnh kịp thời).

Các TCTD ấn định lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ theo nguyên tắc lãi suất cho vay không vượt quá lãi suất đô la Mỹ trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng Xin-ga-po (lãi suất SIBOR) kỳ hạn 3 tháng đối với cho vay ngắn hạn, kỳ hạn 6 tháng đối với cho vay trung hạn, dài hạn tại thời điểm cho vay và một biên độ do Thống đốc NHNN quy định trong từng thời kỳ. Đối với việc cho vay bằng các ngoại tệ khác, TCTD được phép ấn định lãi suất cho vay trên cơ sở lãi suất thị trường quốc tế và cung cầu vốn trong nước của từng loại ngoại tệ.

Lãi suất cho vay của Quỹ tín dụng nhan dân cơ sở đối với các thành viên không quá 1,35%/tháng. Các loại lãi suất cho vay ưu đãi được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Thống đốc NHNN

Tại các quyết định số 242, 243 ngày 2-9-2000, Thống đốc NHNN đã công bố mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng đối với cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ áp dụng từ ngày 5-8-2000. Theo đó, TCTD ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng theo lãi suất cho vay cố định (fixed) hoặc lãi suất cho vay có điều chỉnh (floating) nhưng không vượt quá lãi suất cơ bản cộng các biên độ như sau : 0,3%/tháng đối với cho vay ngắn hạn, 0,5%/tháng đối với cho vay trung và dài hạn.

Lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ được TCTD ấn định như sau : không vượt quá lãi suất SIBOR kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ là 1,0 %/năm đối với cho vay ngắn hạn ; không vượt quá lãi suất SIBOR 6 tháng cộng biên độ là 2,5%/năm đối với cho vay trung dài hạn.

Lãi suất vay đối với khách hàng do TCTD ấn định (kể cả các loại phí liên quan đến khoản vay được quy đổi theo tỷ lệ phần trăm) không vượt quá mức lãi suất cơ bản (trong trường hợp cho vay bằng đồng Việt Nam) hoặc lãi suất SIBOR (trong trường hợp cho vay bằng đô la Mỹ) cộng các biên độ được quy định như trên.

Các ngân hàng thường xuyên phải cung cấp lãi suất cho vay của mình cho NHNN để tham khảo, đó là :

- 4 NHTM quốc doanh
- 2 NHTM cổ phần : Á châu và quân đội
- 2 chi nhánh ngân hàng nước ngoài : ANZ Bank và Hồng Công Bank.
- Ngân hàng liên doanh : VID Public Bank

Kể từ ngày 1-8-2000, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu của NHNN áp dụng đối với các TCTD lần lượt là 0,4%/tháng và 0,35%/tháng. Từ ngày 1-11-2000, mức lãi suất chiết khấu cũng được điều chỉnh tăng lên là 0,4% và lãi suất tái cấp vốn là 0,45%. Với cơ chế điều hành nói trên, tình hình cạnh tranh về lãi suất của TCTD bước sang giai đoạn mới, môi trường cạnh tranh thực sự hơn, thúc đẩy các ngân hàng năng động và linh hoạt trong việc huy động vốn và đẩy mạnh cho vay nền kinh tế.

Chuyển sang cơ chế điều hành theo lãi suất cơ bản, là sự kiện đổi mới quan trọng về sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ, tiến tới tự do hóa lãi suất theo thông lệ quốc tế, thúc đẩy cạnh tranh giữa

Digitized by Google

các NHTM có lợi cho người gửi tiền và người vay vốn, thúc đẩy chu chuyển vốn, hình thành lãi suất bình quân hợp lý trên cơ sở quan hệ cung cầu về vốn trong nền kinh tế. Trong các tháng cuối năm 2000, nhu cầu vốn tăng lên, sức ép tăng lãi suất rất lớn, các NHTM cạnh tranh với nhau đồng loạt tăng lãi suất huy động vốn lên một giới hạn nhất định, còn lãi suất cho vay thì hầu như không tăng, mức lãi suất tiền gửi đồng Việt Nam cao nhất của kỳ hạn 12 tháng ở các NHTM cổ phần lên tới 0,6 - 0,65%/tháng tương đương với 7,2% - 7,8%/năm, kỳ hạn 6 tháng : 0,4 - 0,55%/tháng. Tiền gửi đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng phổ biến ở ngân hàng là 5,5 - 6%/năm. Nếu so sánh với lãi suất cùng kỳ hạn 12 tháng của một số đồng tiền trên khu vực và thế giới, thì có thể thấy lãi suất tiền gửi ở Việt Nam không quá thấp và cũng không quá cao. Cụ thể đô la Hồng Công : 6,4%/năm ; Pêsô Phi-líp-pin : 11% ; Uôn (Hàn Quốc) : 8,8% ; Bạt (Thái Lan) : 3,5% ; Ring gít (Ma-lai-xi-a) : 4% ; đô la (Ô-xtrây-li-a) : 6,43% ; EURO : 5,28% ; Yên (Nhật) : 6,18% và đô la (Mỹ) : 6,56%/năm. Đó rõ ràng là một ưu việt của cơ chế mới về điều hành lãi suất có lợi cho sản xuất kinh doanh ; đồng thời tạo sự lựa chọn tối ưu cho người gửi tiền. Lãi suất có tính cạnh tranh thực sự, các doanh nghiệp làm ăn có tín nhiệm, các món vay lớn, được các NHTM quốc doanh cho vay vốn nội tệ với mức lãi suất chỉ có 0,62% - 0,7%/tháng, lãi suất cho vay ở đô thị phổ biến là 0,75%/tháng, lãi suất cho vay ở vùng nông thôn phổ biến là 1,0% - 1,05%/tháng. Lãi suất cho vay ngoại tệ phổ biến là 7,0% - 8,5%/năm. Như vậy, hiện tại lãi suất cho vay nội tệ (VND) ở Việt Nam 7,5% - 1,0%/năm thấp nhất trong hơn 10 năm qua và không chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay đồng bản tệ ở nhiều quốc gia. Ví dụ như Thái Lan : 8%/năm, Ma-lai-xi-a : 12,28%, In-đô-nê-xi-a : 14,5%, Phi-líp-pin : 15,5%/năm, Hồng Công : 9,5%, Mỹ : 9,5%/năm. Lãi suất trên thị trường tiền tệ nước ta đang hội nhập với khu vực và quốc tế. Giờ đây trên các diễn đàn chúng ta không còn nghe thấy tình trạng dư luận, các doanh nghiệp kêu ca về lãi suất cao hay thấp như trước đây.

Để lãi suất thực sự là một công cụ điều tiết quan hệ cung cầu về vốn trong nền kinh tế cần giải quyết một số vấn đề sau đây :

Một là, NHNN có biện pháp đưa vào vận hành có hiệu quả nghiệp vụ thị trường mở để góp phần giải quyết tốt vốn khả dụng của các NHTM. Thị trường này đã được đưa vào hoạt động từ đầu tháng 7-2000 (đến hết năm 2000 NHNN đã tổ chức được 16 phiên giao dịch với tổng lượng vốn đã được mua bán trên thị trường đạt gần 2200 tỉ đồng) nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu mua bán tín phiếu của các thành viên tham gia thị trường. Do đó NHNN cần đưa thị trường mở vào hoạt động thường xuyên hơn với chủng loại tín phiếu mua bán đa dạng hơn.

Hai là, NHNN kiến nghị Chính phủ và phối hợp với các bộ, ngành liên quan tập trung tháo gỡ các vướng mắc về cho vay, về bảo đảm tiền vay, về xử lý tài sản thế chấp, giúp các TCTD mở rộng hoạt động cho vay tới các thành phần kinh tế, khai thông các vướng mắc về hoạt động tín dụng. Đồng thời sớm giải tỏa các xung đột pháp lý, sớm thành lập công ty mua bán nợ. Tạo lập các cơ chế đặc thù để cho công ty này hoạt động có hiệu quả, giải tỏa khối lượng nợ rất lớn đang bị đóng băng, đưa số vốn đó vào chu chuyển trong nền kinh tế.

Ba là, NHNN sớm tổng hết hoạt động thị trường liên ngân hàng, chỉnh lý, sửa đổi những quy chế và rà soát lại các biện pháp tổ chức hoạt động, để thị trường này thực sự là nơi mua bán vốn ngắn hạn của các NHNN.

Bốn là, NHNN cần linh hoạt hơn trong việc sử dụng công cụ lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn, để hai công cụ này có tác động thực sự hoàn thiện công cụ lãi suất cơ bản.

Năm là, coi trọng việc thực hiện có hiệu quả chương trình sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, để giảm đi tình trạng bao cấp về tín dụng cho các doanh nghiệp loại này, để đồng vốn tín dụng thực sự luân chuyển có hiệu quả cho các nhu cầu đầu tư của nền kinh tế.

Cơ chế mới về lãi suất và thực tế diễn biến lãi suất cơ bản như vậy đã xác lập quan hệ bình đẳng giữa các doanh nghiệp, các đối tượng khách hàng với ngân hàng. Các doanh nghiệp chủ động lựa chọn ngân hàng có mức lãi suất thấp nhất để vay vốn, giữa hai bên có thể thỏa thuận, bàn bạc một mức lãi suất vay vốn hợp lý như việc thỏa thuận giá cả mua bán kinh doanh trong một hợp đồng thương mại. Cơ chế lãi suất buộc các NHTM phải tiết kiệm chi phí, có nghệ thuật sử dụng vốn khả dụng một cách linh hoạt, không để ứ đọng vốn, thúc đẩy chu chuyển vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong nền kinh tế. ❑

Digitized by Google

Vùng kinh tế mở MÊ LINH trên đường đổi mới

NGUYỄN KHẮC BỘ *

NẰM ở phía đông - nam của tỉnh Vĩnh Phúc, Mê Linh là một huyện lớn của tỉnh, có 22 xã, 2 thị trấn, với diện tích tự nhiên 26 ngàn ha và 24,5 vạn người, trong đó có 1 xã miền núi rộng 8 ngàn ha, gần 1 vạn dân với một nửa là người Sán Dìu. Trên địa bàn huyện có 10 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 10 doanh nghiệp nhà nước của trung ương, Hà Nội và tỉnh ; 7 liên doanh nước ngoài và có khu công nghiệp Kim Hoa rộng 264 ha đã được Chính phủ phê duyệt. Mê Linh nằm trên trục tam giác vùng tăng trưởng kinh tế phía Bắc : Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng, liền kề Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp sân bay quốc tế Nội Bài, có vùng đồng bằng, bán sơn địa và đồi rừng ; có hệ thống dịch vụ tương đối hoàn chỉnh : ngân hàng, điện lực, bưu điện, cấp nước, xăng dầu,... có đường bộ, đường sắt, đường sông và gần Cảng hàng không phía Bắc... Đó là những điều kiện để Mê Linh trở thành vùng kinh tế mở, phát triển toàn diện trên đường đổi mới.

Cùng với bước chuyển mình của toàn tỉnh và cả nước thời gian qua trong sự nghiệp đổi mới, bộ mặt của huyện đã có những biến đổi quan trọng :

- Về kinh tế có bước tăng trưởng khá toàn diện. Từ một huyện thuần nông, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, đời sống nhân dân không ổn định, còn nhiều hộ thiếu ăn, đến nay (năm 2000), đã có giá trị sản lượng nông - lâm nghiệp đạt 416 tỉ đồng, tăng 28,4% ; công nghiệp đạt 3 900 tỉ đồng, tăng 14 lần ; tiểu thủ công nghiệp đạt 45 tỉ đồng, tăng 25% ; bình quân thu 40,5 triệu đồng/ha canh tác/năm, tăng 28% ; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 76,3 ngàn tấn, tăng 25,5% ; giá trị xuất khẩu trên địa bàn đạt 13,2 triệu USD, tăng 97% ; tổng thu ngân sách trên địa bàn là 300 tỉ đồng, tăng 6 lần (tất cả đều so với năm 1996). Hệ số sử dụng ruộng đất từ 2,36 lần năm 1996 lên 2,52 lần năm 2000 ; trong cơ cấu nông nghiệp, giá trị trồng trọt là 79% ; chăn nuôi 21% ; dịch vụ, du lịch hằng năm tăng 15% ; tổng vốn xây dựng cơ bản giai đoạn 1996 - 2000 là 205 tỉ đồng, tăng 36% so với 5 năm trước đó.

- Về văn hóa - xã hội có tiến bộ, đạt kết quả tốt. Đến nay (năm 2000), thu nhập bình quân 2,8 triệu đồng/người/năm ; số hộ được dùng điện là 99%, có ti vi là 58%, có máy thu thanh là 35%, có xe máy trên 20%. Hộ đói nghèo còn 5,3% (giảm 4,6%), trẻ em suy dinh dưỡng còn 28% (giảm 10%) so với năm 1996. Giai đoạn 1996 - 2000 đã giải quyết việc làm cho 27 ngàn người (nông thôn 20,2 ngàn, đô thị 6,8 ngàn). Bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với 3 364 gia đình liệt sĩ, 145 gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã khuất và phụng dưỡng suốt đời 31 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống, 2 237 thương, bệnh binh.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển cả về quy mô, chất lượng và loại hình. Năm học 2000 - 2001, cả huyện có hơn 70 ngàn học sinh các cấp (chiếm gần 1/3 dân số), tăng 15,6% so với năm 1996 ; có 28 trường mẫu giáo, 37 trường tiểu học, 26 trường THCS (có 1 trường dân lập), 8 trường THPT (có 3 trường bán công, 1 trường dân lập) ; các xã, thị trấn đều có phòng học kiên cố, không còn học ca 3. Toàn huyện đã hoàn thành phổ cập THCS ; 85,6% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn hóa ; chất lượng

* Phó chủ tịch HĐND tỉnh Vĩnh Phúc

Digitized by Google

giáo dục toàn diện luôn được quan tâm theo hướng xã hội hóa, vươn tới mục tiêu : nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đã có kết quả bước đầu khích lệ.

Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, công tác y tế dự phòng, nâng chất lượng khám chữa bệnh..., có nhiều tiến bộ. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố và mở rộng. Việc phòng và chống các bệnh sốt rét, bướu cổ, phong, tiêm chủng mở rộng đạt kết quả khá và ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế được tăng cường.

Các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm..., được các cấp, các ngành đấu tranh kiên quyết để chặn đứng, đẩy lùi, loại bỏ. Các hủ tục lạc hậu như ma chay, cưới xin,... đã giảm.

- Hệ thống chính trị được tăng cường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Bộ máy tổ chức của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại cho phù hợp, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, lấy chất lượng làm chính. Các tổ chức đảng rất coi trọng công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và chất lượng đảng viên. Chính quyền cấp xã và các phòng, ban của huyện điều hành, quản lý có nhiều tiến bộ. Các đoàn thể nhân dân có hình thức hoạt động đa dạng và phong phú, đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Phân tích bước trưởng thành của Mê Linh qua những năm đổi mới có thể rút ra nhận xét là :

1. Khi bước vào kinh tế thị trường, Mê Linh biết xác định đúng hướng phát triển kinh tế phù hợp với đặc điểm của mình. Trên cơ sở nắm vững và quán triệt đầy đủ đường lối đổi mới của Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân phải từ bỏ nếp nghĩ và thói quen sản xuất tự cung tự cấp, tâm lý bao cấp đợi chờ, xây dựng tư duy mới trong phát triển kinh tế là sản xuất ra hàng hóa gắn với trao đổi trên thị trường. Với nhận thức như thế, Mê Linh đã xác định đúng hướng cơ cấu phát triển kinh tế từ nông, lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, du lịch chuyển sang công nghiệp - dịch vụ, du lịch - nông, lâm nghiệp. Theo hướng đó, trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, Mê Linh đã xác định được cụ thể bước đi cho từng lĩnh vực.

Tận dụng lợi thế, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thị trường. Cùng với các cấp, nhanh chóng giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Kim Hoa, sớm đón nhận các nhà đầu tư. Hình thành tiểu vùng cong nghiệp Thanh Lâm - Quang Minh, Cao Minh - Xuân Hòa. Tạo môi trường và điều kiện cho 7 liên doanh nước ngoài, 10 doanh nghiệp nhà nước của trung ương, Hà Nội và tỉnh phát triển sản xuất và kinh doanh. Thị trấn Phúc Yên, Xuân Hòa được xác định là trung tâm tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất, đời sống và du lịch, tiến tới tham gia sản xuất một số mặt hàng cho chương trình nội địa hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khôi phục, mở rộng làng nghề như gốm Hiển Lễ, cót Nam Cường, mộc Thạch Đà,... phù hợp thị trường, thị hiếu mới. Khuyến khích và tạo điều kiện cho tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn phát triển, làm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn.

Từ lợi thế và năng lực hiện có, Mê Linh phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động ở lĩnh vực này đúng luật, có chất lượng, hiệu quả. Coi trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường nông thôn. Thị trấn Phúc Yên, Xuân Hòa là 2 trung tâm thương mại lớn của huyện. Xây dựng các thị tứ Quang Minh, Đại Thịnh, Thạch Đà... Bố trí hợp lý hệ thống chợ nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện để ngân hàng, điện lực, bưu điện, cấp nước, xăng dầu... phục vụ tốt nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Tạo bước phát

Digitized by Google

triển mới về du lịch. Khai thác các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử như : Đền Hai Bà Trưng, đồi 79 mùa xuân, hang Dơi, hồ Đại Lải, miệt vườn Ngọc Thanh, đầm Và, làng hoa Mê Linh,... tạo thành quần thể du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa.

Hình thành và từng bước ổn định vùng sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, đưa nhanh tiến bộ sinh học và công nghệ vào sản xuất và chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, đạt bình quân 46 triệu đồng/ha canh tác năm ; cơ cấu giá trị trong kinh tế nông nghiệp : trồng trọt 75%, chăn nuôi 25% giai đoạn 5 năm tới. Hình thành các vùng sản xuất : 9 ngàn ha đồi rừng Ngọc Thanh, Cao Minh, Xuân Hòa trồng rừng sinh cảnh, rừng đầu nguồn, cây nguyên liệu, cây ăn quả ; chăn nuôi gia súc đặc sản phục vụ du lịch, đời sống và bảo đảm môi trường sinh thái ; 2,5 ngàn ha vùng sản xuất rau, hoa giáp Thủ đô Hà Nội có giá trị bình quân 65 triệu đồng/ha canh tác năm ; 4 ngàn ha vùng chuyên canh sản xuất lương thực, thực phẩm (chăn nuôi, thủy sản) nội đê sông Hồng, đạt năng suất lúa 9 tấn/ha canh tác năm.

2. Bước vào thời kỳ đổi mới, đội ngũ cán bộ, đảng viên Mê Linh năng lực còn hạn chế, tư duy chậm đổi mới ; tổ chức đảng nhiều nơi không mạnh, chưa đủ sức lãnh đạo trước yêu cầu mới. Các đoàn thể nhân dân lúng túng trong hoạt động. Chính quyền cơ sở một số nơi thiếu chủ động, ỉ lại, trông chờ.

Để giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng bộ Mê Linh đã chủ động tiến hành tự đổi mới, tự chỉnh đốn một cách toàn diện theo quan điểm, đường lối của Đại hội VI, VII, VIII của Đảng và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương.

Sau nhiều năm, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, chất lượng đảng viên toàn huyện được nâng lên rõ rệt. Hằng năm tổ chức đảng cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh khối xã, thị trấn là 50%, khối các cơ quan là 70%.

Dấu ấn rõ rệt nhất của đổi mới, chỉnh đốn Đảng ở Mê Linh là sự thay đổi mạnh trong nhận thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế ở địa phương, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân, dân với Đảng thêm gắn bó ; nội bộ đảng đoàn kết, kỷ luật được đề cao, dân chủ được phát huy ; sinh hoạt đảng có nền nếp, có nội dung rõ ràng ; đảng viên có nhiệm vụ cụ thể để kiểm điểm làm thước đo sự tiến bộ của mình.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cao, tạo thêm sức mạnh và hiệu lực quản lý cho các cấp chính quyền. Mối quan hệ chính quyền, Đảng chặt chẽ và được phân công rành mạch.

Đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở về quan điểm lập trường chính trị được nâng lên một bước, tin tưởng con đường đi tới của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ; sống giản dị, gương mẫu và tận tụy với nhiệm vụ được giao. Lề lối làm việc bước đầu được cải tiến, có kế hoạch và nêu cao được vai trò, trách nhiệm của cá nhân.

Mê Linh có truyền thống cách mạng, được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng. Tuy có nhiều lợi thế trong công cuộc đổi mới, mở cửa, song cũng còn không ít khó khăn : hạ tầng cơ sở chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ giữa các vùng ; trình độ đội ngũ cán bộ còn những bất cập trước yêu cầu đổi mới ; các tệ nạn xã hội cũng như những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở một số xã, thị trấn chưa được giải quyết tốt. Ngoài nỗ lực chủ quan của huyện, để Mê Linh trở thành vùng trọng điểm kinh tế của tỉnh, huyện rất cần sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của tỉnh, của Trung ương về quy hoạch các khu kinh tế ; xây dựng cơ sở hạ tầng ; cơ chế, chính sách khuyến khích các đối tác đầu tư vào địa bàn, các thành phần kinh tế cùng phát triển... Bởi xây dựng huyện Mê Linh thành vùng kinh tế trọng điểm sẽ có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh Vĩnh Phúc tăng trưởng nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

LÀNG NGHỀ Ở BẮC NINH

NGUYỄN SỸ*

Có thể nói Bắc Ninh là một trong số ít tỉnh, thành có nhiều làng nghề. Hiện nay Bắc Ninh có 58 làng nghề, trong đó có 49 làng nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp với 17 loại sản phẩm chính, 4 làng nghề xây dựng, 3 làng nghề thương mại.

Làng nghề của Bắc Ninh tập trung nhiều và phát triển mạnh ở huyện Từ Sơn ; sau đó đến các huyện Tiên Du, Yên Phong, Gia Lương, Quế Võ, Thuận Thành. Mặt hàng mà các làng nghề sản xuất, kinh doanh rất phong phú, đa dạng : đồ sắt, đồ gỗ, chạm khắc, sơn mài, xây dựng, dệt may, giấy, tranh cổ ...

Điển hình về nghề dệt là xã Tương Giang (Từ Sơn). Cả xã có trên 70% số hộ chuyên làm nghề dệt với 1 500 khung dệt được cơ giới hóa, thu hút 4 000 lao động. Sản phẩm chủ yếu là vải màn (trên 60 000m/năm) và khăn mặt (trên một triệu chiếc/năm) với doanh thu hàng năm trên 6 tỷ đồng.

Làng nghề Đồng Kỵ (Từ Sơn) chuyên sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp với 90% số hộ tham gia. Sản phẩm chủ yếu là các loại tủ, sập, giường, bàn ghế, bình phong, câu đối... được chạm trổ, điêu khắc, khảm trai hết sức tinh vi theo các chủ đề : tứ linh (long, ly, quy, phượng) ; tứ quý (thông, mai, cúc, trúc). Mỗi năm làng nghề Đồng Kỵ thu hút khoảng 7 000 lao động ; sản xuất trên 30 000 sản phẩm các loại ; doanh thu hàng trăm tỉ đồng ; thu nhập bình quân của người lao động xấp xỉ 1 triệu đồng/người/tháng. Sản phẩm của Đồng Kỵ có mặt ở hầu hết các thị trường trong nước và được xuất khẩu tới nhiều nước trên thế giới.

Làng Phù Khê (Từ Sơn) chuyên nghề chạm, khắc gỗ. Mỗi năm Phù Khê sản xuất trên 100 loại sản phẩm mỹ nghệ cao cấp, được các bạn hàng Đài Loan, Hồng Công, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức rất ưa chuộng.

Làng nghề Phù Lãng (Quế Võ) chuyên sản xuất các mặt hàng đồ gốm : chậu đại sảnh, ngói bò, ngói ống, bình hương, đỉnh trầm, ống thoát nước, chum vại... Các sản phẩm như "bộ chậu đại sảnh" gồm 5 chiếc với kích thước khác nhau được các bạn hàng Nhật Bản, Đài Loan tiêu thụ rất mạnh.

Làng nghề Dương Ổ (Yên Phong) thì lại chuyên sản xuất giấy. Cả làng có 13 doanh nghiệp tư nhân, 18 hợp tác xã cổ phần và 40 cơ sở sản xuất, thu hút 77% số hộ và khoảng 3 000 lao động. Các doanh nghiệp tư nhân đều sản xuất theo dây chuyền công nghệ cao (có dây chuyền trị giá gần 3 tỉ đồng). Sản phẩm của làng nghề Dương Ổ chủ yếu là các loại giấy : Kráp, Duplex, giấy in, giấy vệ sinh... với sản lượng hàng năm từ 2 500 đến 3 000 tấn, doanh thu trên 50 tỉ đồng. Làng nghề Dương Ổ nộp ngân sách nhà nước khá cao (năm 2000 đạt 2 tỉ đồng).

Nghề xây dựng ở làng Nội Duệ (Tiên Du) phát triển khá mạnh. Ở đây có ba công ty trách nhiệm hữu hạn. Chỉ tính riêng *Công ty xây dựng Nội Duệ I* tổng giá trị xây lắp theo hợp đồng kinh tế mỗi năm cũng đạt khoảng 10 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước xấp xỉ 400 triệu, lợi nhuận xấp xỉ 80 triệu. Ngoài các công ty trách nhiệm hữu hạn, ở Nội Duệ còn có các chủ nhỏ của từng tốp thợ đứng ra nhận các công trình xây dựng của tư nhân hay của nhà nước. Họ hoạt động khắp từ Bắc vào Nam.

Làng rèn Đa Hội (Từ Sơn) có bề dày truyền thống khoảng 500 năm. Trước đây Đa Hội chuyên sản xuất các nông cụ thô sơ như cầy, bừa, cuốc, xẻng, liềm, hái... nhưng nay đã chuyển mạnh sang sản xuất những sản phẩm cơ khí phục vụ công nghiệp và nông nghiệp. Có thể nói cả làng Đa Hội làm nghề rèn (1 200/1 256 hộ), mỗi năm thu hút khoảng 3 000 lao động tại chỗ và trên 3 000 lao động ở nơi khác đến làm thuê. Những năm vừa qua, Đa Hội đã mạnh dạn đầu tư hơn 600 máy móc, thiết bị theo công nghệ mới cho sản xuất, trong đó có 130 máy cán thép vừa và nhỏ, 350 máy đột dập các loại ; 130 máy hàn, bấm ; 80 máy nấu thép trung tần có công suất từ 3 đến 6 tấn/ngày.

* Th.s, Ủy viên Ban Thường vụ, thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh

Digitized by Google

Mỗi năm Đa Hội sản xuất trên 200 000 tấn thép xây dựng, doanh thu khoảng 100 tỉ đồng (riêng năm 2000 đạt 152 tỉ) ; thu nhập bình quân của người lao động từ 700 000 đ đến 800 000 đ/tháng.

Làng Hoàng Kênh (Gia Lương) chuyên làm nghề vận tải thủy với khoảng trên 100 tàu, thuyền các loại, doanh thu mỗi năm xấp xỉ 4 tỉ đồng.

Tóm lại, làng nghề ở Bắc Ninh phát triển khá đa dạng, phong phú, đúng hướng và bắt kịp với kinh tế thị trường (kể cả thị trường trong nước và thị trường ngoài nước). Sự phát triển ấy có lúc thăng, lúc trầm, nhưng nhìn chung là khá ổn định.

Tuy nhiên, trong điều kiện khắc nghiệt của kinh tế thị trường ; mặc dù có sự quan tâm, đầu tư thích đáng của tỉnh và của huyện, các làng nghề ở Bắc Ninh vẫn phải liên tục đối mặt với những khó khăn, thách thức. Đó là :

1 - Đầu ra của sản phẩm chưa ổn định

Đầu ra của sản phẩm thường phụ thuộc vào các yếu tố : maketing, tìm và mở rộng thị trường, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Trên những vấn đề trọng yếu ấy, các làng nghề ở Bắc Ninh đều tỏ ra lúng túng. Hầu hết các làng nghề không có thông tin đầy đủ, chính xác về thị trường tiêu thụ sản phẩm, về thị hiếu người tiêu dùng, về mẫu mã, chủng loại. Họ tiếp nhận được thông tin thị trường chủ yếu qua quan hệ cá nhân với tư thương hay cơ quan xuất nhập khẩu (tức là những cá nhân hay đơn vị mua sản phẩm của họ). Vì thế, những thông tin này thường bị "nhiễu" theo chiều hướng có lợi cho bên mua, và thiệt thòi cho bên bán.

2 - Thiếu vốn sản xuất, kinh doanh

Thiếu vốn sản xuất, kinh doanh là hiện tượng khá phổ biến ở các làng nghề của tỉnh Bắc Ninh. Những năm qua, ngành ngân hàng (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng phục vụ người nghèo, các tổ chức tín dụng) thông qua các chương trình, dự án đã tạo những điều kiện khá thuận lợi cho các làng nghề được vay vốn. Nhưng chính sách cho vay vốn vẫn chưa thật phù hợp với đối tượng sản xuất, kinh doanh. Ngân hàng thường chỉ cho vay ngắn hạn (dưới 6 tháng) với số lượng ít và thu lãi ngay từng tháng ; trong khi đó các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có nhu cầu vay vốn với số lượng lớn theo cơ chế vay trung hạn hoặc dài hạn bởi vì khả năng tiêu thụ sản phẩm của họ thường chậm. Thủ tục cho vay vốn khá rườm rà, phức tạp làm cho lãi suất vay của ngân hàng cũng chẳng có gì ưu đãi hơn so với lãi suất ở thị trường tự do. Mặt khác, các hộ sản xuất, kinh doanh, kể cả các doanh nghiệp, các công ty trách nhiệm hữu hạn do thiếu tài sản thế chấp, thiếu giấy tờ hợp lệ nên ngân hàng ngại cho vay vốn vì sợ tỷ lệ rủi ro cao.

3 - Kỹ thuật chưa cao, công nghệ có phần lạc hậu, trình độ quản lý yếu

Phần lớn kỹ thuật và công nghệ áp dụng ở các làng nghề của tỉnh Bắc Ninh là kỹ thuật, công nghệ cổ truyền khá thô sơ và lạc hậu. Đó là nguyên nhân làm cho sản phẩm của các làng nghề đạt chất lượng thấp, giá thành cao, sức cạnh tranh kém. Đội ngũ lao động ở các làng nghề thường ít được đào tạo cơ bản, phần lớn chỉ được học bằng cách truyền nghề tại chỗ theo kinh nghiệm. Trình độ quản lý của các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng còn yếu ; kiến thức về kinh tế thị trường, khả năng tiếp thị, liên doanh liên kết tìm kiếm bạn hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm còn rất lúng túng.

4 - Công tác quản lý nhà nước đối với các làng nghề thiếu đồng bộ về cơ chế và chính sách.

Thời gian qua, mặc dù các làng nghề ở Bắc Ninh được khôi phục và phát triển, song vẫn chỉ là bước đầu, còn thiếu vững chắc. Một trong những lý do dẫn tới tình trạng đó là các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn chưa vạch ra được phương hướng, bước đi, cũng như quy hoạch lâu dài cho các làng nghề. Cụ thể là : chưa có quy chế chung đối với các làng nghề và quy chế riêng đối với từng loại hình làng nghề. Chưa có quy hoạch phát triển từng làng nghề nên mặt bằng sản xuất, kinh doanh thường rất chật hẹp, giao thông khó khăn, điện phục vụ cho sản xuất kinh doanh không ổn định và không an toàn, môi trường sinh thái bị ô nhiễm. Ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước của các làng nghề còn rất kém. Nhiều hộ không đăng ký hành nghề. Đến nay hầu như chỉ có các hợp tác xã, các công ty trách nhiệm hữu hạn, các doanh nghiệp tư nhân nộp thuế cho nhà nước, song mức nộp còn thấp so với doanh thu thực tế của họ. Phần lớn các hộ sản xuất cá thể đều trốn thuế. Tình trạng nộp thuế

Digitized by Google

không đủ, mức ghi thu không đúng, trốn thuế và lậu thuế vẫn xảy ra chưa khắc phục được đã làm thất thoát nguồn thu của ngân sách nhà nước. Ngoài những chính sách chung về phát triển làng nghề, đến nay ở Bắc Ninh chưa có cơ quan Nhà nước nào chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý, chỉ đạo, khuyến khích các làng nghề phát triển.

*

* *

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH, Nghị quyết Đại hội XVI đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (nhiệm kỳ 2001 - 2005) đã xác định nhiệm vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN - TTCN) trên địa bàn trong thời gian tới là : "Phát triển các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó đặc biệt chú ý phát triển CN - TTCN nông thôn. Triển khai xây dựng các cụm CN - TTCN và làng nghề ở các huyện. Tập trung sản xuất các sản phẩm có lợi thế ở địa phương. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Thu hút đầu tư vào các khu CN - TTCN và làng nghề ở huyện, coi đây là khâu đột phá để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh".

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, việc phát triển các làng nghề ở Bắc Ninh trong những năm 2001 - 2005 sẽ theo hướng :

● *Phát triển làng nghề gắn với quá trình CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn.*

Các làng nghề đều nằm ở nông thôn. Vì thế việc phát triển các làng nghề phải gắn rất chặt với quá trình CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn. Đối với Bắc Ninh, vấn đề đó được cụ thể hóa thành những điểm chủ yếu : chuyển dịch lao động từ thuần nông sang lao động kiêm ngành nghề, tiến tới chuyển hẳn sang hoạt động trong các chuyên ngành phi nông nghiệp ; chuyển mạnh từ lao động thủ công sang lao động kỹ thuật có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

● *Khôi phục các làng nghề truyền thống ; hình thành và phát triển nhanh các làng nghề mới ; xây dựng thử nghiệm một số làng nghề điển hình thành "làng nghề - làng văn hóa, du lịch".*

Làng nghề là điểm dân cư tập trung, có nhiều loại hình sản xuất, phương pháp tổ chức đa dạng, phong phú, gắn bó với nông thôn, có thể sử dụng nguyên liệu tại chỗ, giải quyết được việc làm cho một số lớn lao động. Vì vậy, trước hết cần khôi phục các làng nghề truyền thống, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nó đứng vững trong cơ chế thị trường bằng cách phát huy kỹ thuật cổ truyền độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc và bản sắc địa phương, kết hợp với việc tiếp thu nhanh kỹ thuật và công nghệ tiên tiến làm cho sản phẩm đạt chất lượng cao, giá thành hạ, hợp với thị hiếu của nhiều loại đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Cùng với việc củng cố các làng nghề truyền thống phải chú ý hình thành và phát triển nhanh các làng nghề mới, đặc biệt ở những vùng thuần nông ; xây dựng thử nghiệm một số làng nghề điển hình thành "làng nghề - làng văn hóa, du lịch". Muốn vậy, phải xây dựng quy hoạch các làng nghề trong những năm trước mắt và phương hướng phát triển lâu dài ; trong đó phải đặc biệt chú ý tới xây dựng cơ sở hạ tầng, các loại dịch vụ, cảnh quan, môi trường sinh thái và nếp sống văn minh tiêu biểu cho một nông thôn mới.

● *Đẩy mạnh việc xuất khẩu những sản phẩm truyền thống, có giá trị kinh tế cao.*

Sản phẩm của các làng nghề ở Bắc Ninh rất đa dạng, phong phú, song không phải sản phẩm nào cũng có khả năng xuất khẩu. Những sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thường có tiêu chí rất cao về chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã, độ tinh xảo, tính độc đáo và tính thẩm mỹ. Những sản phẩm nào được bạn hàng nước ngoài ưa chuộng thì có khả năng xuất khẩu cao và đạt lợi nhuận khá. Trong những năm tới, Bắc Ninh sẽ ưu tiên phát triển một số ngành hàng có khả năng xuất khẩu cao như đồ gỗ và đồ đồng mỹ nghệ cao cấp ; đồ gốm, sứ các loại ; sơn mài, dệt thảm, thêu ren và đan len.

Đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp của các làng nghề ở Bắc Ninh đang là mặt hàng có thế mạnh trong việc xuất khẩu vì nó được khá nhiều nước ưa chuộng. Hướng phấn đấu trong những năm tới, giá trị xuất khẩu của mặt hàng này phải đạt trên 3 triệu USD/năm.

Mặt hàng thêu ren bước đầu hãy làm gia công theo mẫu mã đặt hàng của nước ngoài ; sau đó phải tự sáng tạo mẫu mã, chào hàng và xuất khẩu trực

Digitized by Google

tiếp ; phấn đấu đạt giá trị xuất khẩu từ 100 nghìn đến 200 nghìn USD/năm.

Các mặt hàng mây, tre đan, giấy vàng mã, dệt may tơ tằm, đan len gia công cũng sẽ được đẩy mạnh. Mấy năm gần đây giá trị xuất khẩu hàng mây, tre đan là 100 nghìn USD/năm ; giấy vàng mã từ 1,2 triệu đến 2,5 triệu USD/năm ; dệt may tơ tằm là 500 nghìn USD/năm ; đan len gia công cũng đạt 2 triệu USD/năm.

• *Phát triển làng nghề trên cơ sở kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.*

Bắc Ninh chủ trương bảo tồn và phát triển các làng nghề theo nguyên tắc : "hiện đại hóa công nghệ truyền thống và truyền thống hóa công nghệ hiện đại". Hay nói cách khác là : "kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại". Như vậy, một mặt phải chú ý bảo tồn các công nghệ cổ truyền độc đáo, tinh xảo mà máy móc hiện đại không thể thay thế được. Mặt khác, phải cố gắng đến mức tối đa việc áp dụng phương pháp công nghệ tiên tiến ở những công đoạn không đòi hỏi phải có "bàn tay vàng" của các nghệ nhân nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

*

* *

Ngoài những chính sách, quy định hiện hành của Nhà nước, tỉnh Bắc Ninh còn có một số quy định mang tính đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm khuyến khích các làng nghề phát triển. Đó là các quy định về : "Quy hoạch và giải quyết mặt bằng sản xuất cho các làng nghề" ; "Mở rộng và phát triển đồng bộ thị trường cho các làng nghề" ; "Hình thành các khu công nghiệp, cụm CN - TTCN và làng nghề" ; "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các làng nghề" ; "Hình thành tổ chức sản xuất, kinh doanh ở các làng nghề" ; "Đổi mới việc tổ chức quản lý nhà nước ở các làng nghề", v.v...

Với sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở, những năm tới đây, các làng nghề ở Bắc Ninh chắc chắn sẽ phát triển nhanh chóng, đa dạng, phong phú và đúng hướng hơn, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH - HĐH của cả nước nói chung và của tỉnh Bắc Ninh nói riêng.❑

NHỮNG MŨI CẦN ĐỘT PHÁ...

(Tiếp theo trang 31)

công tác ở vùng dân tộc và các tỉnh miền núi, hải đảo đã được hưởng một số chế độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước. Tuy vậy giáo viên vùng cao còn chịu thua thiệt về nhiều mặt. Hằng ngày họ phải đối mặt với trăm ngàn khó khăn, gian khổ.

Khoảng 10 năm trở lại đây, các tỉnh miền núi đã phần nào tự túc được giáo viên, không phải tuyển và điều động giáo viên ở các tỉnh miền xuôi lên. Nhưng các thế hệ giáo viên nối tiếp nhau lên công tác ở miền núi hiện còn lại khá đông (lâu là 40 năm, gần hơn là 15, 20 năm). Phần nhiều trong số họ là giáo viên tiểu học, được đào tạo cấp tốc ở các trường sư phạm miền núi, hoặc đào tạo ở dưới xuôi, nhưng cho đến nay đã phần nào không đạt yêu cầu chuẩn hóa giáo viên. Họ có nguyện vọng được đào tạo lại để nâng cao trình độ, nhưng đời sống vật chất quá khó khăn. Vì vậy, cần có chế độ đầu tư hỗ trợ về kinh phí và phương tiện học tập để họ có thể nâng cao trình độ bằng các hình thức bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng có thời hạn và giáo dục từ xa. Những giáo viên do hoàn cảnh riêng, có nguyện vọng chuyển vùng về công tác ở quê hương, các cơ quan hữu quan và địa phương cần nghiên cứu và quan tâm giúp đỡ.

Khuyến khích giáo viên người miền xuôi, người dân tộc (ở nơi khác) có nguyện vọng gắn bó với vùng cao bằng việc nâng bậc lương sớm, cho vay vốn, cấp đất... để họ có điều kiện làm kinh tế gia đình theo các mô hình kinh tế miền núi (trồng rừng, làm vườn, chăn nuôi ...) ; góp phần nâng cao đời sống gia đình và đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế địa phương.

Quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng trong đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên cắm bản, giáo viên vùng xa xôi.

Thực tiễn giáo dục ở vùng cao trong thời kỳ đổi mới đã cho thấy, việc thực thi tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo viên nói riêng và giáo dục nói chung, chính là những động lực mạnh mẽ trong chiến lược giáo dục vùng cao của Đảng. ❑

Digitized by Google

"ĐỨNG GIỮA"

NGỌC MINH

NĂM anh em chúng tôi đã cùng sát cánh bên nhau trong chiếc xe tăng 348 của Lữ đoàn X năm xưa, nay người thì chuyển ngành, người đã xuất ngũ về địa phương... nhưng vẫn giữ liên hệ với nhau. Chúng tôi thường họp mặt vào ngày 30-4 hằng năm, hoặc vào những dịp mà một trong 5 người có sự kiện gì được coi là trọng đại. Lần này chúng tôi gặp nhau ở nhà anh K.

Sau những hàn huyên chuyện gia đình, bè bạn, tôi quay sang hỏi anh K - trước đây là lái xe, xuất ngũ về quê, vừa được bầu làm Phó chủ tịch xã :

- Tôi nghe nói xã anh vừa qua xảy ra những chuyện phức tạp, tỉnh phải về giải quyết nhưng vẫn chưa xong có đúng không ?

- Phức tạp lắm ! - Anh uống nốt chén nước rồi nói tiếp. Mình vừa mới tham gia nhưng cũng thấy khó khăn quá. Đảng bộ thì không thống nhất, nhiều đảng viên tư tưởng lừng chừng, sợ va chạm. Các ông ấy cho rằng việc này là của cấp trên và do cấp trên giải quyết nên chọn cách "đứng giữa" cho an toàn. Đảng bộ có hơn 400 đảng viên, nhưng chỉ có một số đồng chí tỏ rõ chính kiến còn phần đông thì im lặng, đúng không bảo vệ, sai cũng không phê phán.

Anh B, hiện đang là bí thư chi bộ thôn, quay sang góp chuyện :

- Tình hình xã ông cũng hệt như chi bộ tôi. Các ông tính, chi bộ có 12 đảng viên nhưng quá nửa có quan hệ anh em, chú bác nên chẳng dám đấu tranh phê bình gì cả. Vừa qua có nhiều đồng chí nợ sản phẩm, lại sinh đẻ vỡ kế hoạch nên chi bộ bị xếp loại yếu kém, thế là phản ứng, thắc mắc. Đến khi kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các ông ấy chỉ nói chung chung và "đứng giữa" theo kiểu phê bình "tốt một tí" và "thiếu sót, tồn tại một tí".

Anh H, người ít tuổi nhất trong kíp xe, sau giải phóng miền Nam được cấp trên cử đi học và nay là cán bộ kế hoạch ở một công ty kinh doanh của tỉnh - góp thêm :

- Ôi dào ! các bác cứ nói cán bộ, đảng viên ở cơ sở nông thôn thì hay "đứng giữa", em thấy cán bộ, đảng viên cấp tỉnh cũng tìm cách "đứng giữa". Có khi hiện tượng ấy đã trở thành căn bệnh ấy chứ ! Các bác tính, cơ quan em mấy năm nay, lãnh đạo thì lục đục, mất đoàn kết, kinh doanh thì thua lỗ, tiêu cực ; anh em mỗi người mỗi ngả không quản lý được, nhưng có giải quyết tháo gỡ được gì đâu. Hỏi ông chính quyền, thì bảo phải chờ xử lý theo pháp luật trước. Về hỏi ông thanh tra pháp luật thì bảo phải kiện toàn tổ chức, thay đổi cán bộ đã. Quay sang hỏi bà tổ chức thì lại được biết cần có kết luận thanh tra xong mới xử lý, công tác cán bộ mới làm được. Thế là đâu vẫn hoàn đấy. Họ chẳng đều chọn cách "đứng giữa" như các bác nói là gì !?

Tôi nghe chuyện các anh nói mà rối bù, chẳng biết ai đúng nữa. Anh Q, người chỉ huy có uy tín của kíp xe chúng tôi năm xưa, nay vẫn là người được chúng tôi kính trọng và yêu mến. Sau khi chuyển ngành, anh đã phấn đấu trở thành giám đốc một cơ quan cấp tỉnh. Từ đầu đến giờ anh chỉ ngồi nghe và mỉm cười, tư lự, nay mới lên tiếng phân tích :

- Các anh nói đều đúng với thực tế hiện nay. Cách sống "đứng giữa" như thế là không đúng, và ở một chừng mực, nó là sự đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm, là một trong những biểu hiện của lối sống cơ hội đấy ! Chúng mình là đảng viên, lại là những cựu chiến binh thì phải gương mẫu, phải tích cực tự phê bình và phê bình, phải có chính kiến trước mọi việc. Chúng mình cũng "đứng giữa" nhưng là đứng giữa để không thiên lệch, để phân biệt phải trái cho phân minh, khách quan... !

Nghe anh nói tôi thấy có lý. Hóa ra cũng có nhiều cách "đứng giữa". Những người đảng viên, cựu chiến binh chúng tôi thì phải hành động như anh Q nói mới phải.

... Buổi họp mặt hôm ấy thật vui và bổ ích. Chúng tôi lại cùng nhau say sưa hát vang bài "Năm anh em trên một chiếc xe tăng" như bao lần. Giọng hát của chúng tôi tuy không hay nhưng to, khỏe và đều. Mỗi người như tự nhủ rằng phải luôn giữ gìn sự đoàn kết nhưng cũng phải tích cực đấu tranh phê bình và tự phê bình, xứng đáng với danh hiệu cao quý - người đảng viên cộng sản, người cựu chiến binh Việt Nam. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ 80 NĂM

NGUYỄN HUY QUÝ *

NHỮNG người cộng sản và nhân dân các dân tộc Trung Hoa vừa kỷ niệm lần thứ 80 ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1-7-1921 - 1-7-2001). Tám mươi năm qua là một chặng đường đấu tranh đầy gian nan thử thách và thắng lợi vẻ vang của Đảng Cộng sản Trung Quốc, lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Hoa tiến hành thắng lợi cách mạng dân chủ mới và giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong 20 năm cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước.

I - Sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc là một bước ngoặt lịch sử trong quá trình cách mạng Trung Hoa.

Từ giữa thế kỷ XIX, cùng với quá trình xâm lược và thâm nhập của chủ nghĩa đế quốc tư bản, Trung Quốc đã từng bước trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Nền thống trị của chế độ phong kiến và sự nô dịch của chủ nghĩa đế quốc đã cản trở xã hội Trung Quốc phát triển. Từ đó, những phong trào "phản phong, phản đế" đã liên tiếp bùng nổ : từ phong trào nông dân Thái bình thiên quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo, cuộc vận động duy tân do Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu khởi xướng, đến cuộc cách mạng Tân Hợi (năm 1911) tiến hành dưới lá cờ chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đều không cứu vãn được các dân tộc Trung Hoa thoát khỏi sự áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến, và chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Cách mạng Tân Hợi đã quật đổ được ngai vàng đế chế, nhưng không bảo vệ được nền dân chủ cộng hòa vừa mới khai sinh. Sau cách mạng Tân Hợi, đất nước Trung Hoa rơi vào tình trạng cát cứ quân phiệt, cách mạng Trung Quốc rơi vào tình trạng thoái trào, khủng hoảng về đường lối và lãnh đạo. Giữa lúc đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 như một làn gió lành đem tới cho cách mạng Trung Quốc một sức sống mới. Từ ngọn lửa Cách mạng Tháng Mười, các nhà cách mạng Trung Quốc đã tiếp thu được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để soi rọi con đường cách mạng Trung Hoa. Những trí thức có tư tưởng dân chủ và nhiệt thành yêu nước như Lý Dại Chiêu, Trần Độc Tú v.v.. đã ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Và Đảng Cộng sản Trung Quốc đã được thành lập năm 1921. Đó là một sự kiện chính trị trọng đại, thể hiện bước ngoặt lịch sử trong quá trình cách mạng Trung Hoa, mở đầu giai đoạn cách mạng dân chủ mới, tiến tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự ra đời Đảng Cộng sản Trung Quốc là sự lựa chọn đúng đắn, mang tính chất tất yếu lịch sử của giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Trung Hoa, phù hợp với lợi ích của đất nước và xu thế của thời đại.

II - Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ mới đi tới thắng lợi.

Ngay sau khi thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bắt tay vào việc lãnh đạo cách mạng dân chủ. Đảng đã hợp tác với đảng Quốc dân do Tôn Trung Sơn lãnh đạo để tiến hành cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền quân phiệt Bắc Dương. Nhưng năm 1927, khi cuộc chiến tranh Bắc phạt gần tới ngày thắng lợi, thì liên minh Quốc - Cộng đã tan vỡ do sự phản trắc của thế lực cánh hữu trong Quốc dân đảng. Dảng Cộng sản bị khủng bố và tổn thất nghiêm trọng, nhưng đã kiên quyết tiến hành cuộc nội chiến cách mạng, mở đầu bằng ba cuộc

* PGS. Tổng biên tập Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

khởi nghĩa : Khởi nghĩa Vũ Xương (1-8-1927), khởi nghĩa Vụ Mùa (9-1927) và khởi nghĩa Quảng Châu (12-1927). Qua 10 năm nội chiến (1927 - 1937) lực lượng của Đảng đã trưởng thành nhanh chóng, ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng đã phát triển sâu rộng, Đảng đã vượt qua được thử thách nghiêm trọng trong cuộc "vạn lý trường chinh", khắc phục được những sai lầm hữu, "tả" khuynh, xác lập đường lối lãnh đạo mới của Mao Trạch Đông.

Năm 1937, quân phiệt Nhật Bản mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Trung Quốc. Trước thảm họa dân tộc, hai đảng Quốc dân và Cộng sản đã đình chỉ nội chiến để hợp tác chống Nhật cứu nước. Những người cộng sản Trung Quốc đã đứng lên tuyến đầu của cuộc kháng chiến đầy gian khổ và hy sinh của dân tộc Trung Hoa, đóng góp phần mình vào thắng lợi chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Sau khi kháng chiến chống Nhật thành công, đất nước được giải phóng, thì liên minh hợp tác Quốc - Cộng lại tan vỡ. Nội chiến đã bùng nổ từ đầu năm 1946 và kết thúc vào cuối năm 1949 bằng thắng lợi của lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, dẫn tới sự ra đời của nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 1 tháng 10 năm 1949.

Thắng lợi của cách mạng dân chủ mới ở Trung Quốc là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến, là thắng lợi của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Thắng lợi đó không những mở đường cho nhân dân Trung Quốc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mà còn là một đóng góp to lớn vào các trào lưu cách mạng thế giới, nhằm những mục tiêu của thời đại : độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội.

III - Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội giành được những thành tựu to lớn.

Từ sau ngày cách mạng dân chủ mới thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Hoa củng cố độc lập dân tộc, bảo vệ vững chắc đất nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa, nâng cao mức sống cư dân, tăng cường sức mạnh đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, lịch sử hơn 50 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc là một quá trình thử nghiệm gian nan, trải qua nhiều bước thăng trầm. Sau khi thu được những thành tựu trong cải cách dân chủ, khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, từ cuối những năm 50 đến cuối những năm 70 của thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã phạm sai lầm về đường lối kinh tế và đường lối chính trị trong "phong trào tiến vọt" và nhất là trong "cách mạng văn hóa", dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng. Về vấn đề này, "Nghị quyết về mấy vấn đề lịch sử đảng từ sau ngày dựng nước" đã khẳng định : "Cuộc cách mạng văn hóa từ tháng 5-1966 đến tháng 10-1976 đã gây cho Đảng, Nhà nước và nhân dân những nỗi khổ ải và tổn thương nghiêm trọng nhất kể từ sau ngày dựng nước. Cuộc cách mạng văn hóa đó là do đồng chí Mao Trạch Đông phát động và lãnh đạo... Cách mạng văn hóa nổ ra và kéo dài tới 10 năm ngoài nguyên nhân trực tiếp là sai lầm trong lãnh đạo của đồng chí Mao Trạch Đông, còn có những nguyên nhân lịch sử, xã hội phức tạp... Lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa chưa lâu, lịch sử các nước xã hội chủ nghĩa còn ngắn, những quy luật phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa một số đã tương đối rõ, nhưng phần lớn là phải tiếp tục tìm tòi... ; nhiều nguyên nhân lịch sử... đã tạo điều kiện cho việc quyền lực trong Đảng quá tập trung vào tay cá nhân, dẫn tới tình trạng chuyên quyền cá nhân và sùng bái cá nhân..." (1).

Hội nghị Trung ương 3 khóa XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 12-1978) là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc, đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Trung Quốc. Với tinh thần

(1) Trường Đảng Trung ương : "Tuyển tập văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc". Nxb Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bắc Kinh. 1996. tr 149 - 160. (Bản Trung văn)

Digitized by Google

"thực sự cầu thị", "giải phóng tư tưởng", với phương châm "thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lý", Hội nghị Trung ương 3 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khắc phục đường lối sai lầm trong "cách mạng văn hóa", phê phán "chủ nghĩa hai phàm là..." của Hoa Quốc Phong, mở đầu giai đoạn cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong hơn 20 năm, lãnh đạo công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, vừa qua Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn về lý luận, cũng như trong thực tiễn ; trong công tác xây dựng đảng, cũng như trong lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bước đầu tiên quan trọng nhất trong công tác xây dựng đảng giai đoạn cải cách, mở cửa là cải cách chế độ lãnh đạo của Đảng. Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (tháng 2-1980) đã ra Nghị quyết "Về những nguyên tắc trong sinh hoạt chính trị nội bộ đảng" trong đó nhấn mạnh "kiên trì lãnh đạo tập thể, phản đối chuyên quyền cá nhân", "cần căn cứ vào những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác để nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lãnh tụ, chính đảng, giai cấp và quần chúng" (2). Nhờ tuân thủ chế độ lãnh đạo tập thể, phát huy tinh thần dân chủ trong Đảng, mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đoàn kết và tập trung được trí tuệ toàn Đảng trong công cuộc cải cách. Đảng đã xác lập được đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, lý luận về giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội ; trên cơ sở đó xác định được mục tiêu của cải cách thể chế kinh tế, mục tiêu cải cách thể chế chính trị, hoạch định được chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng văn minh tinh thần trong công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn công cuộc cải cách, mở cửa, phát triển kinh tế - xã hội trong hơn 20 năm qua đã chứng minh rằng đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn mới là phù hợp với quy luật khách quan, do đó đã giành được những thành tựu to lớn mà nhân dân cả nước đều vô cùng phấn khởi và dư luận quốc tế ca ngợi. Qua đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lớn mạnh, uy tín trong nước và ảnh hưởng quốc tế ngày càng sâu rộng. Những thành tựu đã thu được trong 20 năm cải cách, mở cửa và đường lối do Đại hội XV đề ra đã chuẩn bị hành trang cho Đảng Cộng sản Trung Quốc vững bước đi vào thế kỷ mới, tiếp tục lãnh đạo nhân dân Trung Quốc hoàn thành công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa vào khoảng giữa thế kỷ XXI.

IV - Đảng Cộng sản Trung Quốc trước tình hình nhiệm vụ mới.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc đang đứng trước những cơ hội mới và thách thức mới. Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải không ngừng đổi mới công tác xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức. Quá trình hình thành thể chế kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế đã tạo cơ hội phát triển, nhưng đồng thời cũng dẫn tới những hậu quả tiêu cực, những vấn đề phức tạp về kinh tế, chính trị, văn hóa trong xã hội Trung Quốc mà Đảng phải có đường lối lãnh đạo thích hợp để bảo đảm cho công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa đi tới thắng lợi. Trong bối cảnh lịch sử mới, đầu năm 2000, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã đưa ra một luận thuyết mới về xây dựng Đảng hướng tới thế kỷ XXI. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân cho rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc phải "mãi mãi đại diện trung thành của nhu cầu phát triển sức sản xuất xã hội tiên tiến Trung Quốc ; đại diện của phương hướng phát triển của nền văn hóa tiên tiến Trung Quốc ; đại diện của lợi ích căn bản của đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc" (3). Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nhấn mạnh : "ba đại biểu" là gốc của công tác xây dựng đảng, là nền tảng của chính quyền, và là cội nguồn sức mạnh của Đảng.

"Đại biểu cho yêu cầu phát triển của sức sản xuất xã hội tiên tiến Trung Quốc" có nghĩa là trong công tác đảng phải lấy xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm. Nói "yêu cầu phát triển của sức sản xuất" trong bối cảnh Trung Quốc hiện nay, cũng có nghĩa là phải kiên trì chế độ kinh tế cơ bản trong

(2) "Tuyển tập văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc". Sđd, tr 100 - 101

(3) Dẫn theo : "Hội thảo khoa học Trung - Việt Chủ nghĩa xã hội, cái phổ biến và cái đặc thù". Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2000, tr 198

Digitized by Google

giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, qua đó làm cho quan hệ sản xuất đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển sức sản xuất. "Đại biểu cho phương hướng phát triển của nền văn hóa tiên tiến Trung Quốc" cũng có nghĩa là đại biểu cho nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, người đảng viên phải là người công dân mẫu mực "có lý tưởng, có đạo đức, có văn hóa, có kỷ luật". "Đại biểu cho lợi ích căn bản của tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân Trung Quốc" có nghĩa là trong khi điều hòa và xử lý các mối quan hệ lợi ích trong xã hội, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, Đảng phải xuất phát từ lợi ích căn bản của tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân. Thực tế cuộc sống trong nền kinh tế thị trường rất phức tạp, chế độ phân phối được thực hiện qua nhiều phương thức, chênh lệch giàu nghèo hiện nay là không tránh khỏi, nhưng Đảng phải có chính sách hiệu quả nhằm ngăn chặn phân hóa hai cực, tiến tới mục tiêu mọi người cùng giàu có.

"Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiên phong của giai cấp công nhân", đó là câu đầu tiên trong Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay. Luận thuyết về "ba đại biểu" là sự phát triển và cụ thể hóa tính tiên phong của Đảng trong giai đoạn mới của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Cũng như lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, lý luận về xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc là một quá trình "dò đá qua sông" không ngừng được thử nghiệm qua thực tiễn.

V - Quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hai Đảng Cộng sản và nhân dân hai nước Việt - Trung đã xây đắp nên mối tình hữu nghị và quan hệ hợp tác "vừa là đồng chí, vừa là anh em". Mối quan hệ hữu nghị hợp tác đó có cơ sở vững chắc, phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân hai nước, do đó đã vượt qua được những thử thách của thời gian, những trắc trở trong quá trình phát triển.

Chúng ta vui mừng thấy rằng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai đảng, hai chính phủ và nhân dân hai nước Việt - Trung đã không ngừng phát triển từ sau ngày bình thường hóa tới nay. Đặc biệt là trong chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đầu năm 1999, lãnh đạo hai đảng đã ra Tuyên bố chung "bày tỏ hài lòng về sự củng cố không ngừng và phát triển tích cực của quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai đảng, hai nước. Điều đó không những phù hợp với lợi ích căn bản của hai đảng, hai nước và nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới. Hai bên thỏa thuận, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc được xác định trong các thông cáo chung công bố từ khi bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đến nay và nhận thức chung đạt được giữa lãnh đạo hai đảng, hai nước xây dựng quan hệ Việt Nam - Trung Quốc láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai. Hai bên khẳng định trên cơ sở nguyên tắc độc lập, tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ của nhau, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ tiếp tục không ngừng phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác, thúc đẩy quan hệ nhà nước phát triển toàn diện" (4). Trong những năm chuyển giao thế kỷ, quan hệ Việt - Trung đã có những bước phát triển mang tính chất đột phá : Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa Trung Quốc và Việt Nam ký kết vào cuối năm 1999 ; Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa hai nước ký kết vào cuối năm 2000 ; trong chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch Trần Đức Lương cuối năm 2000 hai bên đã ra Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới ; tổng kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước năm 2000 vượt xa con số 2 tỉ USD. Những sự kiện đáng mừng đó, cùng với cuộc tiếp xúc giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và đồng chí Hồ Cẩm Đào, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc trong những ngày đồng chí sang dự Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam vừa qua đã hứa hẹn những bước phát triển mới của quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai đảng, hai nhà nước, và nhân dân hai nước Việt - Trung trong thế kỷ mới. ❑

(4) "Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc". Báo *Nhân Dân*, ngày 27-2-1999

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở MỘT SỐ NƯỚC

VŨ BÁ ĐỊNH *

KHAI thác và huy động hợp lý các nguồn vốn luôn là một nhiệm vụ trung tâm, một ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển doanh nghiệp (DN) nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) nói riêng. Việc huy động vốn của các DNVVN tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển của hệ thống tài chính ngân hàng và chính sách kinh tế của mỗi nước. Song về cơ bản, các hình thức huy động vốn đó không nằm ngoài các hình thức huy động chủ yếu như : tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tín dụng thuê mua và các hình thức huy động phi chính thức khác. Tùy theo tính đặc thù riêng của mỗi nước, người ta thường áp dụng các chính sách hỗ trợ huy động vốn khác nhau đối với các DNVVN nhằm giúp DN tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Theo thống kê, ở nước ta hiện nay DNVVN chiếm tỷ lệ hơn 80% trong tổng số DN toàn quốc. Các DNVVN này là một trong những nguồn động lực mạnh mẽ tạo nên sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp bổ trợ đối với các ngành công nghiệp mũi nhọn như chế tạo máy, điện tử và một số ngành khác, góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ việc tăng xuất khẩu hàng hóa thành phẩm, thay thế hàng hóa nhập khẩu bằng các hàng hóa sản xuất trong nước và tạo ra việc làm chủ yếu cho hơn 80% lực lượng lao động ở cả nông thôn và thành thị. Mặt khác, việc xóa đói giảm nghèo ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp - nông thôn, giảm sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị cũng có sự đóng góp của DNVVN. Nhật Bản và các nước châu Á láng giềng khác đánh giá cao vai trò của DNVVN trong quá trình phát triển kinh tế của họ, và xét theo quan điểm thúc đẩy kinh tế thị trường thì tất cả những nước này đều tích cực khuyến khích phát triển các DNVVN ngay từ giai đoạn ban đầu. Đối với các nước này, chính sách hỗ trợ huy động vốn đã góp phần không nhỏ đến sự phát triển thành công của các DNVVN.

Chẳng hạn như đối với nước Đức, khu vực DNVVN đóng một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế. Nó tạo ra gần 50% GDP, chiếm hơn một nửa doanh thu chịu thuế của các DN, cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Để đạt được những thành tựu đó, chính phủ Đức đã áp dụng hàng loạt chính sách và chương trình thúc đẩy DNVVN trong việc huy động các nguồn vốn.

Công cụ chính để thực hiện các chính sách và chương trình hỗ trợ này là thông qua các khoản tín dụng ưu đãi, *có sự bảo lãnh của Nhà nước.* Các khoản tín dụng này được phân bổ ưu tiên đặc biệt cho các dự án đầu tư thành lập DN, đổi mới công nghệ và vào những khu vực kém phát triển trong nước. Do phần lớn các DNVVN không đủ tài sản thế chấp để có thể nhận được khoản tín dụng lớn bên cạnh các khoản tín dụng ưu đãi, ở Đức còn phát triển khá phổ biến các tổ chức bảo lãnh tín dụng. Những tổ chức này được thành lập và bắt đầu hoạt động từ những năm 50 với sự hợp tác chặt chẽ của các phòng thương mại, hiệp hội DN, ngân hàng và chính quyền liên bang. Nguyên tắc hoạt động cơ bản là vì khách hàng, DNVVN nhận được khoản vay từ ngân hàng với sự bảo lãnh của một tổ chức bảo lãnh tín dụng. Nếu DN làm ăn thua lỗ, tổ chức này sẽ có trách nhiệm hoàn trả khoản vay đó cho ngân hàng. Ngoài ra, các khoản vay này có thể được chính phủ tái bảo lãnh. Với các cơ chế và chính sách hỗ trợ như vậy, các DNVVN ở Đức đã khắc phục được khá nhiều khó khăn trong quá trình huy động vốn.

Ở Ma-lai-xi-a, kế hoạch phát triển tổng thể lần thứ hai (1991 - 2000) đã khẳng định rõ vai trò của các DNVVN trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Do vậy, trong thời kỳ này, chính phủ đã thông qua chương trình hỗ trợ phát triển DNVVN như : các chương trình về thị trường và hỗ trợ kỹ thuật, chương trình cho vay ưu đãi, chương trình công nghệ thông tin,... Mục đích của chương trình cho vay là nhằm giúp các DNVVN có được một lượng vốn cần thiết để thúc đẩy tự động hóa và hiện đại hóa, để cải tiến chất lượng và phát triển cơ sở hạ tầng trong các ngành sản xuất phụ tùng ô tô, linh kiện điện, điện tử, máy móc, nhựa, dệt, đồ gỗ, lương thực thực phẩm,... Chương trình này được thực hiện theo kế hoạch phân bổ hằng năm của Ma-lai-xi-a thông qua Quỹ cho vay ưu đãi, cấp tín dụng trực tiếp cho các nhà sản xuất là các DNVVN thuộc các lĩnh vực ưu tiên nói trên.

* Chuyên viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

Ở Nhật Bản, các chính sách về DNVVN được hình thành từ những năm 50, trong đó dành một sự chú ý đặc biệt với việc hỗ trợ tài chính nhằm giúp các DNVVN tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh như : khả năng tiếp cận tín dụng thấp, thiếu sự bảo đảm về vốn vay,... Các biện pháp hỗ trợ này được thực hiện thông qua hệ thống hỗ trợ tín dụng và các tổ chức tài chính công cộng phục vụ DNVVN. Hệ thống hỗ trợ tín dụng giúp cho các DNVVN tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng, tạo điều kiện cho họ vay vốn của các tổ chức tín dụng tư nhân thông qua sự bảo lãnh của Hiệp hội bảo lãnh tín dụng trên cơ sở hợp đồng bảo lãnh. Ngoài ra, còn có 3 tổ chức tài chính công cộng khác. Đó là : Công ty tài chính DNVVN, Công ty tài chính nhân dân và Ngân hàng Shoko Chukin do Chính phủ đầu tư thành lập toàn bộ hoặc một phần nhằm tài trợ vốn cho các DNVVN để đổi mới máy móc thiết bị và *hỗ trợ vốn lưu động dài hạn* để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Do đặc thù riêng của DNVVN ở Việt Nam và xét trong hoàn cảnh chung của nền kinh tế, hiện tại DNVVN ở Việt Nam đang đứng trước những khó khăn cần tháo gỡ và quá trình phát triển DNVVN đã và đang bộc lộ một số hạn chế chủ yếu. Đó là do quá trình phát triển DNVVN còn ngắn, đang trong giai đoạn khởi đầu nên khả năng tích lũy vốn còn hạn chế. Theo đánh giá của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, tình trạng *thiếu vốn đang là khó khăn lớn nhất* đối với các doanh nghiệp. Các DN lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính trước hết do bản thân các DN thiếu tài sản thế chấp ngân hàng trong khi đó mức cho vay dường như vẫn bị hạn chế. Do vậy, các DNVVN cũng như các DN hoạt động độc lập có kế hoạch mở rộng sản xuất thì họ lại thiếu vốn để đưa các kế hoạch đó vào thực hiện. Hơn nữa, *do hầu hết các khoản vay đều là ngắn hạn với lãi suất cao* nên các DNVVN cho dù được phép vay vẫn khó tìm được nguồn vốn trung và dài hạn. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có đủ các quy định pháp lý bảo đảm cho các DN của ta có thể tiếp cận thường xuyên, nhằm tiến tới khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính bên ngoài một cách rộng rãi và ổn định hơn.

Khó khăn tiếp theo cũng bắt nguồn từ nguồn vốn hạn hẹp của các DN nên các DN không có điều kiện đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cấp công nghệ sản xuất để mở rộng năng lực sản xuất. Do đó, năng suất lao động nói chung còn thấp, chất lượng sản phẩm nói chung chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường. Trên thực tế, có rất nhiều DN hiện đang sử dụng trang thiết bị không đồng bộ và hỗn tạp do nhiều nước sản xuất.

Một số vấn đề về giải pháp được đặt ra :

Nhìn tổng thể, các hoạt động hỗ trợ nhằm bảo đảm hiệu quả cụ thể đối với các doanh nghiệp Việt Nam trước bối cảnh mới còn là một "ẩn số". Nhiều chuyên gia đánh giá rằng DN Việt Nam ẩn chứa nhiều tiềm năng to lớn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhưng các chính sách hỗ trợ và các giải pháp còn mờ nhạt. Do vậy, trước hết về mặt pháp lý, cần bảo đảm thật sự bình đẳng trong quan hệ tín dụng ngân hàng trên cơ sở pháp luật đối với các DN, đặc biệt là các DN ngoài quốc doanh, các DNVVN, lấy hiệu quả kinh doanh làm tiêu chí đánh giá hàng đầu, cần xóa bỏ tư tưởng phụ thuộc hình thức sở hữu, quy mô DN của DN cần vay vốn. Hiện nay đã có một số công ty cho thuê tài chính ra đời với chức năng cho thuê tài chính. Đây là mô hình tài trợ vốn trung và dài hạn cho các DN, đặc biệt là đối với các DNVVN ở trong tình trạng thiếu vốn, mà nhiều nước áp dụng đã thành công. Giải pháp quan trọng nhất và vì mục tiêu lâu dài của DN là làm sao bảo đảm vốn trung và dài hạn đối với các DN. Bởi vậy, Nhà nước cũng nên khuyến khích phát triển quỹ tín dụng ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện để tạo thêm kênh "rót" vốn cho các DN.

Mặt khác, Nhà nước cũng nên quan tâm khẩn trương nghiên cứu và sớm ban hành các quy định riêng cho DNVVN (Luật hoặc Nghị định) như : xác định đối tượng các DN cần hỗ trợ, tiêu chí phân loại, xác định ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên ưu đãi, đơn giản hóa các thủ tục hành chính,... Khi khung pháp lý cho DNVVN ra đời sẽ khẳng định rõ ràng hơn về chủ trương khuyến khích phát triển DNVVN của Nhà nước ta.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng một số ít doanh nghiệp đã tự vươn lên, tranh thủ các nguồn lực để tích cực đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị và nhất là đổi mới công nghệ để đưa ra những sản phẩm có giá thành hợp lý, chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại. Không ít giám đốc thành đạt cho rằng để DN tồn tại, phát triển và có "chỗ đứng" trên thị trường thế giới trong tiến trình hội nhập, cần nghiêm túc coi sự đổi mới toàn diện và liên tục để hội nhập là chìa khóa mở cánh cửa thị trường trong nước và từ đó tìm cách chen chân sang thị trường khu vực. Vì vậy, trước hết phải giữ được "sân nhà" bằng công tác quản lý một cách khoa học, đầu tư đúng, dứt điểm và có hiệu quả.

Nhân tố con người là rất quan trọng và không thể thiếu được trong hoạt động kinh doanh của các DN, đặc biệt trong tiến trình toàn cầu hóa như hiện nay. Để hỗ trợ trên phương diện này, các bộ, ngành và cơ quan hữu quan nên tăng cường hơn nữa về các khóa học đào tạo chuyên biệt đối với các nhà DN trẻ, tăng cường các hoạt động giao lưu đối với các bạn hàng trong và ngoài nước. Họ cũng cần được giúp đỡ về nhu cầu tư vấn, quản lý và hỗ trợ trong các dịch vụ hỗ trợ về quản lý, chẳng hạn như các dịch vụ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cung cấp. Thời gian qua, với vai trò là một đầu mối, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã đẩy mạnh các hoạt động hội thảo, hội nghị thu hút sự tham gia của nhiều DN và qua đó góp phần để nhiều DN chọn được lối ra cho chính mình... ❑

Digitized by Google

CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

. Công bằng (tiếng Anh : Justice) được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, từ lý tưởng "đại đồng" của Trung Quốc cổ đại đến nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" của chủ nghĩa cộng sản. Về đại thể, công bằng xã hội được hiểu theo hai quan niệm chủ yếu. Quan niệm thứ nhất, hướng tới các khái niệm "cống hiến" và "hưởng thụ" thì công bằng được hiểu là sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ trong điều kiện mọi người có "cơ may ngang nhau", mở ra khả năng cho mọi cá nhân thực hiện năng lực và tài năng của mình.

Quan niệm thứ hai hướng tới các khái niệm "nhu cầu" và "bình đẳng" thì công bằng được hiểu là của cải xã hội phải được phân chia theo những nhu cầu của mỗi người để làm cho các cá nhân được bình đẳng về mặt vật chất. Chủ nghĩa Mác đã đưa ra những giải pháp khả thi về giải quyết công bằng xã hội. Về nội dung có thể coi là sự kết hợp của hai quan niệm nói trên : công bằng xã hội được thực hiện theo hai giai đoạn xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa, công bằng xã hội được thực hiện theo nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động". Trong giai đoạn hai, nó được thực hiện theo nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu".

Công bằng xã hội là phương thức đúng đắn nhất để thỏa mãn một cách hợp lý những nhu cầu của các tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội, các cá nhân xuất phát từ khả năng hiện thực của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Về nguyên tắc chưa thể có sự công bằng nào được coi là tuyệt đối trong chừng mực mà mâu thuẫn giữa nhu cầu con người và khả năng hiện thực xã hội còn chưa được giải quyết. Bởi vậy mỗi thời đại có những đòi hỏi riêng về công bằng xã hội.

Ở nước ta hiện nay vấn đề công bằng xã hội đang được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội hết sức quan tâm. Những mục tiêu để bảo đảm công bằng xã hội tập trung vào những điểm chính sau :

- Xử lý tốt mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, xóa bỏ mọi hình thức đặc quyền, đặc lợi, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

- Ban hành các chính sách điều tiết thu nhập, bảo đảm sự công bằng trong phân phối sản phẩm xã hội, lương, thu nhập và các phúc lợi xã hội.

- Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các cơ quan nhà nước, công chức, viên chức và mọi công dân; nếu có sai phạm phải xử lý công minh. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao trách nhiệm cá nhân của cán bộ lãnh đạo trước cấp trên và trước pháp luật.

. Dân chủ (tiếng Anh : Democracy) là hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực và mọi công dân, thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự do. Dân chủ cũng được vận dụng vào hoạt động của những tổ chức và thiết chế chính trị nhất định. Dân chủ có gốc từ tiếng Hy Lạp : Demos là dân và krates là cai trị, uy quyền. Trong tiếng Việt, tiếng Hán và tiếng Nhật, dân chủ cũng gồm hai yếu tố là dân và chủ. Dân là ai, gồm những ai ? làm chủ như thế nào, đến mức nào ?. Toàn bộ tiến trình phát triển của dân chủ trong lịch sử chính là đi tìm câu trả lời cho hai câu hỏi đó. Dân chủ trước hết và chủ yếu được xem xét dưới góc cạnh chính trị và pháp luật nhưng dần dần nó mang thêm ý nghĩa xã hội vì nó liên quan đến nhiều lĩnh vực trong đời sống.

Dân chủ với tư cách là một hình thức cai trị và quản lý xã hội đã xuất hiện từ thời cổ đại. Ở thành thị Hy-Lạp do số dân không đông đã hình thành những Đại hội nhân dân với sự tham gia của tất cả mọi công dân để chống lại quyền lực tập trung vào tay giới quý tộc. Nhưng ở đó không phải tất cả mọi người đều là công dân, chỉ là công dân những ai không thuộc hạng người nô lệ. Do đó công dân ở đây không phải đa số dân cư trưởng thành. Thời Trung cổ, ở một số nước Tây Âu như I-ta-li-a, Phlo-ren-xi-a cũng xuất hiện hình thức "dân chủ đô thị" nhưng dân ở đây cũng chỉ mới bao gồm những thị dân giàu có nhất. Những trào lưu nhân văn khai sáng từ thời Phục Hưng đến thế kỷ XVIII mới chuẩn bị những điều kiện nhất định cho chế độ dân chủ ra đời ở các nước Tây Âu, nhất là sau đại cách mạng Pháp 1789. Khái niệm "dân" đã được mở rộng

Digitized by Google

ra nhiều, bao gồm tư sản, thợ thủ công, nông dân... nghĩa là những người không thuộc giới quý tộc và tăng lữ. Từ đó trở đi, dân chủ trở thành phương thức tổ chức xã hội về mặt chính trị.

Dân chủ là một quá trình vận động không ngừng với những thay đổi quan trọng về nội dung, từ lĩnh vực chính trị, dân chủ ngày càng bao trùm lên các lĩnh vực xã hội khác. Về thể chế, dân chủ có thể mang nhiều hình thức : chế độ đại nghị, chế độ tổng thống, thậm chí cả chế độ quân chủ lập hiến. Về tính chất, dân chủ cũng có thể là của đa số khi các cơ quan quyền lực nhà nước phản ánh được ý chí của đại đa số nhân dân (xã hội chủ nghĩa) hoặc cũng có thể là của thiểu số khi một số thế lực thống trị dựa vào sức mạnh tài chính hay chính trị lũng đoạn các cơ quan đại diện quyền lực của nhân dân (tư bản chủ nghĩa).

Nền dân chủ mà nước ta xây dựng là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, được thể chế hóa thành chế độ làm chủ của người lao động. Trong chế độ đó, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân lao động. Nhân dân làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình với hai hình thức là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện ; làm chủ bằng Nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

. **Văn minh** (tiếng Anh : Civilisation) là chỉ trạng thái phát triển của xã hội loài người. Từ văn minh xuất hiện đầu tiên ở Pháp vào thế kỷ Khai sáng - thế kỷ VIII, nói lên niềm tin và khát vọng của con người vào tiến bộ xã hội. Sau đó nó được dùng trong lĩnh vực dân tộc học để chỉ những loại hình xã hội khác nhau kể từ khi con người ra khỏi thời tiền sử, đặc biệt là để chỉ những nền văn minh cổ đại như văn minh Hy Lạp, La Mã, Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc... Nó cũng được dùng làm vũ khí chính trị của chủ nghĩa tư bản vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa khi các nước phương Tây tự mệnh danh là những nước văn minh có sứ mệnh đi khai hóa những dân tộc lạc hậu nhằm che đậy những dã tâm thôn tính thuộc địa của chúng.

Văn minh là một phạm trù đa nghĩa và có nhiều cấp độ. Sự vận động của lịch sử tức là của đời sống hiện thực của quần chúng nhân dân thông qua các dạng thức khác nhau của hoạt động thực tiễn (trong đó hoạt động vật chất là nền tảng) càng đi vào chiều sâu thì văn minh càng tiến gần tới văn hóa. Văn minh cũng được xác định từ khả năng và thực tế mà xã hội có thể đem lại sự phát triển, tiến bộ, sự hoàn thiện con người và các quan hệ xã hội của con người. Văn minh được thể hiện ở các cấp độ sau :

+ Sự phát triển của toàn thế giới được đo bằng sự chuyển tiếp lịch sử của các phương thức sản xuất, các kiểu quan hệ sản xuất, các chế độ kinh tế xã hội, tức là các hình thái kinh tế - xã hội đã từng xuất hiện, đang tồn tại và tiếp tục phát triển. Đây là diện mạo tổng quát của lịch sử được tạo nên từ tiến bộ của kỹ thuật, của sản xuất, của quá trình con người khai thác, cải biến tự nhiên và chinh phục thế giới tự nhiên. Đây là hoạt động sáng tạo và phát triển vô tận, là sự hình thành nên toàn bộ lịch sử con người từ chỗ chỉ là một thành phần của tự nhiên tới chỗ làm chủ tự nhiên.

+ Văn minh là tiến bộ đạt được trên thế giới và từng quốc gia - dân tộc ở những lĩnh vực khác nhau trong hoạt động của con người. Đó là những thành tựu về kỹ thuật, chế tạo công cụ sản xuất, sự hoàn thiện các quy trình công nghệ, các phương pháp quản lý kinh tế - xã hội. Đó là những phát minh mới trong khoa học, những thành công mới trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, vào chinh phục thiên nhiên, khám phá vũ trụ, phát triển và hoàn thiện các dịch vụ xã hội.

Sự phát triển của lịch sử để đạt tới những mục tiêu cao cả của văn minh suy cho cùng là nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, thỏa mãn ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn những nhu cầu vật chất và tinh thần của tất cả mọi người, làm cho văn hóa, giá trị đạo đức thẩm mỹ của văn hóa thâm nhập ngày một sâu sắc hơn vào lối sống của cá nhân và xã hội. Nền văn minh cao đẹp nhất của loài người nhất định và sẽ là văn minh xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta xác định xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cùng với dân giàu, nước mạnh là mục tiêu phấn đấu, vươn tới của đất nước ta. Đây là những khái niệm có nội dung cụ thể, rõ ràng nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, sâu sắc, tác động lẫn nhau. Do vậy, từng khái niệm được đặt trong một tập hợp từ, nó có cả những ý nghĩa cụ thể của nội dung bản thân từ đó và ý nghĩa chung của sự khái quát khi ba từ đó đi liền nhau, thể hiện mục tiêu tốt đẹp của xã hội mà chúng ta xây dựng. ❑

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại : 64-839871/72. Fax : 64-839857



XNLD VIETSOVPETRO được Nhà nước Việt Nam phong tặng Danh hiệu Anh Hùng Lao Động, *là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 2 năm 2001 đạt 90 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến cuối năm 2000 đạt 5 tỉ mét khối. Dự kiến năm 2001 khai thác 13,1 triệu tấn dầu và 1,65 tỉ mét khối khí cung cấp vào bờ.*

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ti dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ vật tư, vận tải biển, phòng chống phun trào, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1
CÔNG TY CẦU 12
(Đơn vị 2 lần anh hùng)

Địa chỉ : Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội
Điện thoại : (04) 8272413 - Fax : 8272419



Bí thư Đảng ủy
Giám đốc
KS. **TẠ ĐÌNH BẢY**

C.ty cầu 12 thuộc tổng C.ty XDCT giao thông 1 - Bộ GTVT, tiền thân là đội cầu chủ lực (đơn vị XD cầu đầu tiên của nước Việt Nam) thành lập ngày 17/8/1952. Trải qua 49 năm xây dựng và trưởng thành, C.ty cầu 12 đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 47 huân chương các loại.

- 1 huân chương kháng chiến hạng nhất.
- 1 huân chương quân công hạng 3
- 1 huân chương độc lập hạng 3.
- 8 huân chương lao động hạng nhất.
- 4 cá nhân được phong tặng danh hiệu anh Hùng lao động
- Cty 2 lần được phong tặng AHLĐ (1985 & 1991)



Ảnh trụ sở Công ty



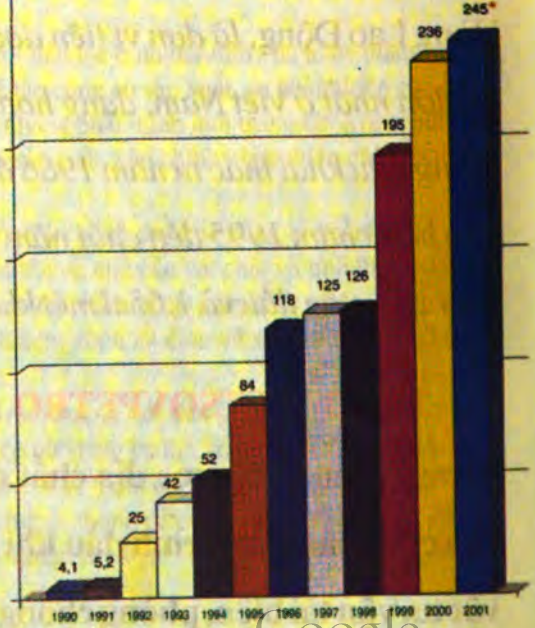
Ảnh nút giao thông nam Chương Dương
Hoàn thành 30/4/01 vượt tiến độ 45 ngày (120/165)
Công trình chào mừng Đại hội IX của Đảng

* Công ty đã thường xuyên mở rộng mối quan hệ liên doanh hợp tác với các cơ quan, đơn vị bạn trong & ngoài ngành, với gần 20 công ty, hãng và tập đoàn nước ngoài để tham gia đấu thầu. Đã trúng thầu và thi công nhiều công trình có quy mô lớn, kỹ thuật cao ở trong nước cũng như nước ngoài.

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH THI CÔNG NĂM 2000 - 2001

THỨ TỰ	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA DANH
I	**Công trình miền bắc**	
1.	Cầu Tân Yên	Tuyên Quang
2.	Cầu Tân Đệ	Thái Bình
3.	Cầu Hương	Hải Dương
4.	Cầu Tiên Cựu	Hải Phòng
5.	Cầu Xương Giang	Bắc Giang
6.	Cầu Hồ	Bắc Ninh
7.	Cầu Hòa Bình	Hòa Bình
8.	Cầu Lạc Quần	Nam Định
9.	Cầu An Dương	Hải Phòng
10.	Cầu Lạch Tray	Hải Phòng
11.	Cầu Đồng Đăng	Lạng Sơn
12.	Cầu Phù Đổng	Hà Nội
13.	Cầu Đáy	Hải Dương
14.	Cầu vượt QL 37	Bắc Giang
15.	Cầu Khê Hồi	Hà Tây
16.	Nút giao thông Nam Chương Dương	Hà Nội
17.	Cầu Non Nước	Ninh Bình
II	**Miền Trung**	
18.	Cầu Sông Hàn	Đà Nẵng
19.	Cầu Quán Hầu	Quảng Bình
20.	Cầu Trần Phú	Nha Trang
21.	Cầu Ngàn Phố	Hà Tĩnh
22.	Cầu Hương Đại	Hà Tĩnh
23.	Cầu Tuấn	TP Huế
III	**Miền Nam**	
24.	Cầu Nguyễn Tri Phương	TP Hồ Chí Minh
25.	Cầu Chánh Hưng	TP Hồ Chí Minh
26.	Cầu Bến Súc	Tỉnh Bình Dương
27.	Cầu Đạ Quay	Lâm Đồng

BIỂU ĐỒ THỰC HIỆN GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG TỪ NĂM 1990 ĐẾN NĂM 2000 (Đơn vị: Tỷ đồng)



* Dự kiến kế hoạch năm 2001 là 245 tỷ đồng

TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

TRƯỜNG DẠY NGHỀ NGƯỜI TÀN TẬT TRUNG ƯƠNG I

- **Địa chỉ : Phường Xuân Khanh - TX Sơn Tây - tỉnh Hà Tây**
- **Điện thoại : 034-838343 - 838443 Fax : 034 - 838541**
- **Hiệu trưởng : Đoàn Quang Trinh**

• Nhiệm vụ chính :

Thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với đối tượng thương bệnh binh, người tàn tật xã hội, bộ đội xuất ngũ, con thương bệnh binh, con liệt sĩ và các đối tượng xã hội khác.

• Đào tạo nhân lực cho xã hội :

* Trường gồm có :
  - Ban Giám hiệu
  - 4 phòng chức năng
  - 3 ban nghề.
* Các tổ chức đoàn thể

• Các nghề được đào tạo tại trường :

- Điện tử dân dụng
- Điện dân dụng
- Sửa chữa xe máy
- Gò hàn
- May
- Họa

• Mục tiêu đào tạo :

* Bậc thợ 3/7 cho các nghề :
  - Điện tử dân dụng
  - Điện dân dụng
  - Gò hàn
  - Sửa chữa xe máy
* Bậc 3/6 cho các nghề :
  - May
  - Trình độ sơ trung cho nghề họa

• Kết quả hoạt động :

Qua nhiều năm phấn đấu nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen - nhiều năm liền được Bộ LĐ-TB và XH tặng bằng khen. Nhiều năm liền được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng



bằng khen và cờ thi đua xuất sắc, nhiều năm liền được UBND tỉnh Hà Tây tặng bằng khen chi bộ nhiều năm liền được công nhận là cơ sở Đảng vững mạnh. Có 10 thày cô giáo đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh từ 2 lần trở lên. Trường còn liên kết đào tạo các hệ đại học tại chức và cao đẳng hệ chính quy với Trường đại học Bách Khoa.

Chuyên ngành : Điện tử tin học viễn thông, động lực, quản trị kinh doanh.

• Ngoài việc đào tạo tại trường :

Trường còn liên kết đào tạo nghề tại các địa phương theo chủ trương đa dạng hóa loại hình đào tạo.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Địa chỉ : Phường Tiên Cát - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210. 846353 - 0210. 844309



Trung tâm giáo dục thường xuyên được thành lập năm 1976 trực thuộc UBND tỉnh Phú Thọ là đơn vị sự nghiệp giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

*** Chức năng nhiệm vụ :**

Hợp tác với các trường đại học... để tổ chức quản lý quá trình đào tạo đại học, trên đại học, bồi dưỡng kiến thức bằng hình thức tại chức cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

*** Các ngành nghề đã đào tạo :**

ĐẠI HỌC

- Kinh tế nông nghiệp
- Kinh tế công nghiệp
- Kinh tế lao động
- Kinh tế xây dựng
- Kinh tế bảo hiểm
- Kế toán thương nghiệp
- Kế toán nông nghiệp
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán DN thương mại
- Tài chính doanh nghiệp
- Tài chính tổng hợp
- Thuế
- Quản lý HTXNN
- Kinh doanh nông nghiệp
- Chế tạo máy
- Điện xí nghiệp
- Tin học
- Luật
- Văn hóa quần chúng
- Sư phạm ngoại ngữ
- Trồng trọt
- Chăn nuôi - Thú y
- Địa chính
- Xây dựng DD và CN
- Cầu - đường bộ

CAO HỌC

- Cao học toán
- Cao học văn
- Cao học quản lý VH-GD

*** Thành tích:** Trung tâm liên tục được công nhận là đơn vị tiên tiến xuất sắc, được UBND tỉnh tặng kỷ niệm chương Hùng Vương, được Bộ GD-ĐT và Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3.

- Nguyên giám đốc Trung tâm được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Chủ tịch nước phong danh hiệu : Nhà giáo ưu tú.
- Đảng bộ 6 năm liên tục đạt tiêu chuẩn : Cơ sở đảng trong sạch vững mạnh - được tặng cờ.

Digitized by Google

NAVETCO

CÔNG TY NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ NAM

* Văn phòng Công ty : Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
* Điện thoại : (061) 836014 - 881032 - 881031 - Fax : 84.61.881030
* Giám đốc : Tiến sĩ NGUYỄN TÀI









NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1 - Giám đốc Công ty

2 - Văn phòng Công ty

3 - Nông dân đang chăm sóc vườn cây nguyên liệu

4 - Nông dân đang phân loại cây nguyên liệu

5 - Chuyên gia nước ngoài kiểm tra nguyên liệu để xuất khẩu



Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI & THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING COMPANY

VITRANSCHART

ĐC : 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4. TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (08) 9404027 - 8291977 - 9404503 - Email : vtc-hcm@fmail.vnn.vn
Fax : (08) 9404711 - 8293209 - Telex : 811243 VT - Vitra

CHỨC NĂNG :

- Sở hữu điều hành và quản lý tàu biển.
- Cho thuê tàu và môi giới tàu biển.
- Đại lý và dịch vụ hàng hải.
- Bán và mua tàu.
- Đào tạo và cung cấp thuyền viên.
- Nhà phân phối (Dầu nhờn Mobil, sơn hàng hải Interpaint, Ameron-Devoe)
- Cung ứng nhiên liệu cho đội tàu biển quốc gia và quốc tế.
- Đại lý cung ứng nhiên liệu nội địa, tạm nhập tái xuất nhiên liệu.
- Cung ứng nguyên vật liệu xây dựng.

VITRANSHART HIỆN CÓ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

1. Trung tâm điều phối tàu :
12 Bis Đại lộ Nguyễn Huệ, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT : (08) 8291979 - 8251228 - 8291985

2. Chi nhánh tại Hà Nội :
25A Phan Đình Phùng, Hà Nội, Việt Nam
ĐT : (04) 8283985 - 8284380

3. Chi nhánh tại Hải Phòng :
22 Lê Đại Hành, Hải Phòng, Việt Nam.
ĐT : (031) 823827 - 823877

4. Chi nhánh tại Quy Nhơn :
162 Phan Bội Châu, Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam.
ĐT : (056) 812662

5. Chi nhánh tại Đà Nẵng :
60 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT : (0511) 894777

6. Chi nhánh tại Vũng Tàu :
28C Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Bà Rịa, Vũng Tàu, Việt Nam
ĐT : (064) 853426

7. Xí nghiệp sửa chữa cơ khí :
428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TP. HCM
ĐT : (08) 9404411

8. Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xuất nhập khẩu (MASUCO) :
432 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TP. HCM
ĐT : (08) 9400393-9401570

9. Xí nghiệp đại lý P&O Nedlloyd :
37 Tôn Đức Thắng, Q1, TP. HCM.
ĐT : (08) 9100097

10. Trung tâm đào tạo môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC) :
428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TP. HCM
ĐT : (08) 8260421-8255205



CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 510

- Số 02 - Đường Trường Sơn - Vĩnh Trường - Nha Trang - Khánh Hòa
- Điện thoại (058) 881749 - 881046 ; Fax 058882634
- Giám đốc : KS LÊ BÁ TỐ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU, ĐƯỜNG, SÂN BAY, BẾN CẢNG.
- CÁC CÔNG TRÌNH CÁC DÂN DỤNG
- SỬA CHỮA PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI.
- SẢN XUẤT CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN, VẬT LIỆU XÂY DỰNG.

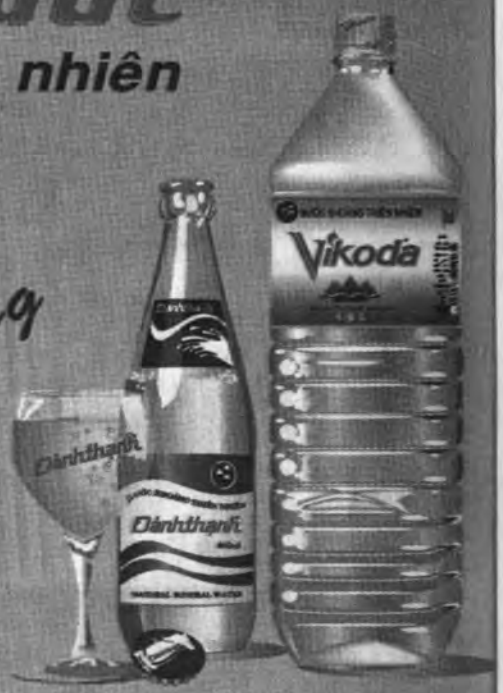


LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG DỰ ÁN HUOI THUOC, TỈNH SAVANNAKHET - LÀO
Ground Breaking Ceremory for Huoi Thuoc Project, Savannakhet Province - Lao PDR

Đảnhthạnh

Nước khoáng thiên nhiên

Chất lượng vì cuộc sống



5 NAM HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

ISO 9002

CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

DIÊN TÂN - DIÊN KHÁNH - KHÁNH HÒA TEL : (085)783359 - 783797 FAX : (085) 783572

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
KHU VỰC III

Địa chỉ : 136 Hàm Nghi - Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8290198 - Fax : 08.8225722
Tài khoản : 710A.00774 Ngân hàng Công thương chi nhánh 3

Ngày thành lập : 9-3-1989 ; Có 16 xí nghiệp thành viên ;
Tổng chiều dài đường sắt quản lý 630 km từ km1096 đến km 1726, gồm 55 ga trạm từ Diêu Trì đến ga Sài Gòn



Tổng giám đốc
ĐẶNG NGỌC THÀNH

CHỨC NĂNG KINH DOANH

Vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý bao gửi nguyên toa liên tuyến đường sắt Bắc - Nam và địa phương với mọi đối tượng khách hàng. Ưu tiên giá cước vận tải với khách có hợp đồng tập thể trong và ngoài nước. Xí nghiệp có những toa xe khách được trang bị đầy đủ tiện nghi, văn minh lịch sự ; toa xe hàng đặc chủng chuyên dùng, con-ten-nơ, vận chuyển hàng hóa thuận lợi và an toàn, kể cả hàng hóa siêu trường, siêu trọng. Xí nghiệp còn nhận dịch vụ bốc xếp và áp tải hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ kho đến kho.

Chúng tôi rất hân hạnh được phục vụ quý khách



Khôi phục đầu máy 214 (XNĐM Sài Gòn) - Công trình chào mừng 55 năm Ngày thành lập nước và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX

XI MĂNG HOÀNG THẠCH
BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG, AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH



ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH :

CÔNG TY XI MĂNG HOÀNG THẠCH

Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương ; ĐT : (0320)821092 ; Fax : (0320)821098

1. Kể từ năm 1999 công ty xi măng Hoàng Thạch chỉ sản xuất các loại xi măng được đóng trong loại vỏ bao có đặc tính như sau : Bên ngoài là một lớp giấy Craf được ép liền với một lớp nhựa PP. Bên trong lót một lớp giấy Craf.
2. Bắt đầu từ ngày 1/1/2001 công ty xi măng Hoàng Thạch sẽ dùng loại vỏ bao mới theo qui định nhãn mác hàng hóa của Chính phủ như sau :
   - Mặt trước là Logo của công ty xi măng Hoàng Thạch.
   - Mặt sau in hướng dẫn sử dụng của sản phẩm.
   - Bên sườn của mỗi bao xi măng có in tháng, năm sản xuất bằng máy in phun điện tử.
3. Từ nhiều năm nay, để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty chúng tôi không có bất cứ một cơ sở nghiền nào khác ngoài nơi sản xuất của công ty.

Vì lợi ích của người tiêu dùng, vì "sự bền vững, an toàn, ổn định" cho mỗi công trình xây dựng của quý khách hàng, công ty rất mong được phục vụ quí khách hàng tại các cơ sở sau:

CÁC CHI NHÁNH		CÁC TỔNG ĐẠI LÝ	
TP.HCM: 286 Nguyễn Tất Thành quận 4	ĐT: (08)9404758	Công ty Vật tư kỹ thuật xi măng Hà Nội	ĐT:(04)8642586
Lạng Sơn: Khối 9 Mỹ Sơn. P. Vĩnh Trại, TX. Lạng Sơn	ĐT: (025)871922	Công ty Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	ĐT: (0511)822338
Hải Dương: 286 Điện Biên Phủ, TP Hải Dương	ĐT: (0320)853419	Công ty Thạch cao xi măng Đông Hà	ĐT: (054)825422
Bắc Ninh: Khu 2, P. Thị Cầu, TX. Bắc Ninh	ĐT: (0241)821392		
Quảng Ninh: Khu 4 P. Giếng Đáy	ĐT: (033)846173		

Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG HOÀNG THẠCH KÍNH CHÚC QUÍ KHÁCH HÀNG PHÁT ĐẠT CÙNG VỚI CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BẰNG XI MĂNG HOÀNG THẠCH

S130

CHÀO MỪNG 5 NĂM

ngày thành lập mạng ĐTDĐ

VinaPhone GSM

26/6/1996 - 26/6/2001



Với sự tin tưởng và mến mộ
của khách hàng, VinaPhone
đã trở thành mạng ĐTDĐ
có vùng phủ sóng rộng nhất
và số thuê bao lớn nhất Việt Nam



Số trạm BTS: 1400
Số tổng đài ĐTDĐ: 7
Dịch vụ đa dạng: VinaCard, SMS, Wap, Roaming...
Dịch vụ chuyển vùng quốc tế tới 22 nước

Vùng phủ sóng đã mở rộng tới các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, khu du lịch,
trục lộ giao thông chính trên phạm vi cả nước, vùng sâu, vùng xa, hải đảo...

Khuyến mại đặc biệt từ 15/6 đến 15/7/2001
nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập mạng VinaPhone (có quà tặng cho khách hàng)

Chi tiết xin liên hệ các bưu điện Tỉnh, Thành phố

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



15
8-2001

UNIV. OF MICH.
AUG 30 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : 198 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam
Tel : 8.265503 - 8250392 * Fax : 84-4.8269067; Telex : 411 504 VCB - VT/411244 NHTW - VT



Với đội ngũ CBCNV luôn nhiệt tình và được đào tạo lành nghề, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có khả năng cung cấp cho khách hàng tất cả các dịch vụ của Ngân hàng với chất lượng cao nhất, luôn giữ vững niềm tin với đông đảo bạn hàng trong và ngoài nước.

SỞ GIAO DỊCH TẠI HÀ NỘI VÀ 22 CHI NHÁNH TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ:

Vietcombank An Giang
Vietcombank Đà Nẵng
Vietcombank Hải Phòng
Vietcombank Tp Hồ Chí Minh
Vietcombank Tân Thuận
Vietcombank Bình Dương
Vietcombank Bình Tây
Vietcombank Đắc Lắc
Vietcombank Hà Tĩnh
Vietcombank Nha Trang
Vietcombank Thái Bình
Vietcombank Quảng Ngãi
Vietcombank Cà Mau
Vietcombank Đồng Nai
Vietcombank Huế
Vietcombank Quảng Ninh
Vietcombank Vinh
Vietcombank Cần Thơ
Vietcombank Hà Nội
Vietcombank Kiên Giang
Vietcombank Quy Nhơn
Vietcombank Vũng Tàu

CÁC LIÊN DOANH, VPĐD VÀ CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC

Ngân hàng liên doanh : Chouhung vina Bank
Công ty liên doanh cho thuê tài chính VN : Vinalease
Công ty liên doanh: *Vietcombank* Tower 1998
Văn phòng đại diện *Vietcombank* tại PARIS
Văn phòng đại diện *Vietcombank* tại MOSCOW
Văn phòng đại diện *Vietcombank* tại SINGAPORE

Công ty Tài chính Việt Nam tại HONGKONG
Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
Công ty đầu tư khai thác tài sản - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

LUÔN MANG ĐẾN CHO BẠN SỰ THÀNH ĐẠT

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 621 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

15
8-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Một số vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta 3

LÊ MINH HƯƠNG - An ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 14

ĐỖ QUANG TRUNG - Những nhiệm vụ chủ yếu của ngành tổ chức nhà nước 18

* * * *Hội thảo khoa học - thực tiễn :* "Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống" 21

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHỊ LÊ - Về tương lai của chủ nghĩa xã hội 28

PHẠM MẠNH HÙNG - Thực hiện định hướng công bằng và hiệu quả trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân 33

VŨ VĂN TẢO - Phát triển giáo dục đại học đầu thế kỷ XXI 36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TẤN VŨ - Tuổi trẻ Việt Nam qua các Đại hội liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới 40

NGUYỄN GIAO - Vietsovpetro : Những bước trưởng thành và triển vọng 45

TRẦN KIM DUNG - Nông thôn Nam Bộ trong quá trình công nghiệp hóa 50

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

LÊ THÀNH - Số còn nặng nợ 53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

QUANG LỢI - Tấn trò giễu cợt công lý 55

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Kinh tế mới và kinh tế tri thức - hai khái niệm khác nhau 58

Bìa 1 : *Ở biển* *Ảnh :* **TL**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ: Некоторые вопросы о пути к социализме в нашей стране. ЛЕ МИНЬ ХЫОНГ: Безопасность в деле строительства и защиты Родины. ДО КУАНГ ЧУНГ: Основные задачи в сфере государственной организации. *** *Научно-практический семинар:* "Повышать качество, эффективность изучения, усвоения Резолюций IX Съезда Компартии и ввести их в жизнь". НЬИ ЛЕ: О будущем социализма. ФАМ МАНЬ ХУНГ: Осуществлять направление по справедливой, эффективной заботе и охране здоровья народа. ВУ ВАН ТАО: Развитие высшего образования в начале XXI века. НГУЕН ЖАО: Вьетсопетро - шаги развития и перспективы. КУАНГ ЛОЙ: Сцена насмешки над правосудием.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Some problems concerning Vietnam's path to socialism. LÊ MINH HƯƠNG: Security in the cause of national construction and defence. ĐỖ QUANG TRUNG: Major tasks of the State organizing branch. *** *Scientific - practical seminar:* "To raise the quality and effectiveness of studying and grasping the Resolution of the 9th Party Congress and translating it into practice". NHỊ LÊ: About the future of socialism. PHẠM MẠNH HÙNG: Implementation of the line on equality and effectiveness in health care and protection for the people. VŨ VĂN TẢO: Development of tertiary education in the early 21st century. NGUYỄN GIAO: Vietsovpetro: advancements toward maturity and prospects. QUANG LỢI: The comedy sneering at justice.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Algunas reflexiones sobre el camino hacia el socialismo en Vietnam. LÊ MINH HƯƠNG: La seguridad en la obra de edificación y defensa de la Patria. ĐỖ QUANG TRỌNG: Las tareas principales de la rama de organización del Estado. *** *Simposio Ciencia-práctica:* "Mejorar la calidad y la eficiencia de los estudios, comprender cabalmenme las Resoluciones del IX Congreso del Partido y hacer introducirlas en la vida actual". NHỊ LÊ: Sobre el porvenir del socialismo. PHẠM MẠNH HÙNG: La ejecución de la orientación justa y la eficiencia del trabajo de atendimiento y protección de la salud del pueblo. VŨ VĂN TẢO: El desarrollo de la enseñanza universitaria en los primeros años del siglo XXI. NGUYỄN GIAO: Vietsovpetro – los pasos de crecicmiento y sus perspectivas. QUANG LỢI: El juego engañoso a la justicia.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Quelques questions sur la voie menant au socialisme au Vietnam. LÊ MINH HƯƠNG: La sécurité nationale dans l'édification et la défense de la Patrie. ĐỖ QUANG TRỌNG: Les tâches fondamentales de l'organisation de l'appareil d'Etat. *** *Colloque Sciences-Pratique:* "Rehausser la qualité, l'efficacité de l'étude et la compréhension des Résolutions du IXe Congrès national du PCV, afin de les mettre en œuvre". NHỊ LÊ: Sur l'avenir du socialisme. PHẠM MẠNH HÙNG: Réaliser la politique d'ègalité et d'efficacité dans les soins et la protection de la santé publique. VŨ VĂN TẢO: Le développement de l'enseignement universitaire au début de XXIe siècle. NGUYỄN GIAO: Vietsovpetro matûrité et perspectives. QUANG LỢI: Une scène ridiculisant la justice.

目 录

阮富仲：有关我国向社会主义道路迈进的一些问题 • 黎明香：安宁在建设、捍卫祖国事业中 • 杜光中：国家组织部门的一些主要任务 • *** 科学实践研讨会：提高有关党九大决议的研究、贯彻工作的质量和效果，把决议的精神落实到生活之中 • 二黎：关于社会主义的前景 • 范孟雄：落实照顾、保健人民中的公平、效果的定向 • 武文早：发展21世纪初的大学教育事业 • 阮交：越南-苏联石油联营公司：成长的步伐与展望 • 光利：讥笑公理的把戏

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

I. LƯỢC QUA QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA.

Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là vấn đề lý luận và thực tiễn rất cơ bản, trọng yếu, liên quan trực tiếp đến đường lối chính trị của Đảng, phương hướng phát triển của đất nước. Đây là vấn đề trung tâm, cốt lõi trong đường lối cách mạng nước ta ; nó chi phối toàn bộ các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng... của Đảng ta. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau và hiện vẫn còn không ít nội dung phải tiếp tục nghiên cứu, cắt nghĩa, lý giải, trả lời, cả trên định hướng chung cũng như trên định hướng cụ thể cho từng lĩnh vực. Cuộc đấu tranh tư tưởng diễn ra gay gắt từ nhiều năm nay chủ yếu cũng trên vấn đề này. Trong nội bộ chúng ta có nhiều ý kiến khác nhau cũng xung quanh vấn đề này.

Đảng ta ngay khi mới ra đời, trong Cương lĩnh (năm 1930) đã khẳng định mục tiêu, lý tưởng phấn đấu của nước ta là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Và từ đó đến nay, hơn 70 năm chúng ta luôn luôn kiên định và quyết tâm phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng đó. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào thì qua mỗi chặng đường cách mạng chúng ta mới có được những nhận thức ngày càng sâu sắc hơn, đầy đủ hơn.

Năm 1960, Đại hội III của Đảng đã xác định đường lối cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta nhằm "đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" ; và tiếp sau đó nhiều Hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị có sự bổ sung, phát triển.

Năm 1976, Đại hội IV của Đảng đã phát triển một bước đường lối của Đại hội III, vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đó là đường lối : "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt ; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn

* PGS. TS. Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa..."

Tuy nhiên, trong việc thiết kế các mô hình cụ thể và tổ chức chỉ đạo thực hiện, chúng ta đã phạm phải một số sai lầm và khuyết điểm. Đó là những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) đã phân tích nguyên nhân sâu xa của những sai lầm đó là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không đúng với thực tế Việt Nam.

Đại hội VI đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước nhằm nhận thức đúng hơn và thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã đưa ra những nhận thức mới về cơ cấu kinh tế, về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và thị trường, phê phán triệt để cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp và khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Đại hội chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với những hình thức kinh doanh phù hợp ; coi trọng việc kết hợp lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội ; chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố con người, có nhận thức mới về chính sách xã hội. Đại hội VI là một cột mốc đánh dấu bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội VII của Đảng họp vào tháng 6-1991. Lúc này chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu đã bị sụp đổ và Liên Xô đã đi chệch hướng cải tổ, đang có nguy cơ đi đến tan rã. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đã có những biểu hiện dao động, thậm chí có người muốn "đi con đường khác". Các thế lực thù địch thì dấn tới phản công quyết liệt vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Việt Nam. Dựa trên cơ sở tổng kết việc thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra, Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

Cương lĩnh khẳng định chúng ta kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xác định 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Sau đó, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển và cụ thể hóa các quan điểm, phương hướng cơ bản nêu trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược.* Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (tháng 1-1994) đã đề ra những biện pháp đẩy tới việc thực hiện công cuộc đổi mới, đồng thời chỉ ra 4 nguy cơ lớn đối với nước ta (nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế ; nguy cơ đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nạn tham nhũng, quan liêu ; âm mưu, hành động "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch).

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình đã rút ra kết luận : nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội nhận định : "Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn" ; "xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa".

Như vậy là, đến trước Đại hội IX của Đảng, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta theo tinh thần đổi mới đã được xác lập và từng bước được bổ sung, hoàn thiện dần. Đó là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm, suy tư, đấu

Digitized by Google

tranh tư tưởng rất gian khổ, kết tinh trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn dân ta trong nhiều thập kỷ. Nó được rút ra từ thực tiễn và được thể hiện đậm nét ở các Nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đáng chú ý là Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) tháng 8-1979 với những chủ trương làm cho sản xuất "bung ra" ; Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) năm 1981 về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các HTX nông nghiệp ; các Quyết định 25/CP, 26/CP của Thủ tướng Chính phủ năm 1982 về nhiều nguồn cân đối và "Kế hoạch ba phần" ; Nghị quyết Đại hội V (tháng 3-1982) với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu ; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa V, tháng 6-1985) về giá, lương, tiền ; kết luận của Bộ Chính trị (khóa V, tháng 8-1986) về ba quan điểm kinh tế lớn ; Nghị quyết Đại hội VI (tháng 12-1986) về đổi mới toàn diện đất nước ; *Cương lĩnh* và *Chiến lược* được thông qua tại Đại hội VII (tháng 6-1991) ; Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác định tại Đại hội VIII (tháng 6-1996) v.v... Tuy nhiên, cũng còn không ít vấn đề chưa đủ sáng tỏ, chưa kết luận được, thực tiễn còn đang vận động, có nhiều việc phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đại hội IX của Đảng có nhiệm vụ phải tiếp tục tổng kết thực tiễn, bổ sung, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề, hoàn thiện thêm một bước những nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Vậy Đại hội IX của Đảng đã bổ sung, làm sáng rõ thêm những vấn đề gì ?

II. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU ĐƯỢC BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG.

Vấn đề chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được đề cập trong toàn bộ các văn kiện, nhưng tập trung nhất ở *Báo cáo Chính trị*, trong đó đặc biệt cô đọng và trực tiếp là ở phần III. Phần III chỉ có 6 trang, nhưng chứa đựng nhiều nội dung hàm xúc cực kỳ quan trọng, làm rõ thêm một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây không phải là những vấn đề lý luận thuần túy, mang tính học thuật, mà là những quan điểm lý luận - chính trị, đặt nền móng cho toàn bộ đường lối chung của cách mạng Việt Nam.

1. Về mục tiêu của cách mạng, lý tưởng của Đảng.

Đại hội IX chỉ rõ : Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của *Cương lĩnh* được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội một lần nữa khẳng định : *Cương lĩnh (năm 1991) là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.* Sự khẳng định này là rất cần thiết, nhất là vào thời điểm hiện nay, khi đất nước cùng nhân loại bước vào thế kỷ XXI, trên thế giới có những diễn biến rất nhanh và phức tạp, trong nước cũng đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức mới.

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ, mục tiêu cao cả, thiêng liêng, bất di bất dịch của nhân dân ta là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội ; *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa xã hội gắn liền với độc lập dân tộc.* Đây là vấn đề nguyên tắc, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đường lối cách mạng nước ta. Bởi vì độc lập

Digitized by Google

dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan theo đúng quy luật tiến hóa của lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh sau bao nhiêu năm lăn lộn trong đấu tranh cách mạng, từ tổng kết thực tiễn mới đi đến được kết luận : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" ; "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới".

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế kém phát triển như nước ta là quá trình phấn đấu đầy khó khăn gian khổ, chưa có tiền lệ trong lịch sử ; có những khuyết điểm và sai lầm là điều khó tránh khỏi. Cần phải thừa nhận và tìm cách để khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm ấy. Nhưng cũng cần khẳng định rằng những khuyết điểm, sai lầm ấy không thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội ; không vì có khuyết điểm, sai lầm trong một số chủ trương thuộc về chỉ đạo thực hiện cũng như sự đổ vỡ của một mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực nào đó mà phủ nhận chủ nghĩa xã hội, xa rời mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu ; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân ; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay cũng có thể diễn đạt mục tiêu phấn đấu của nhân dân ta là "Xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Như vậy, so với các Đại hội trước, Đại hội IX đã bổ sung thêm từ *"dân chủ"* vào trong mục tiêu, để phản ánh đầy đủ hơn, rõ ràng hơn nhận thức của chúng ta về vấn đề dân chủ, vấn đề bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Thực ra, không phải lâu nay chúng ta coi nhẹ vấn đề dân chủ. Bác Hồ đã nhiều lần nói : "Nước ta là nước *dân chủ*" ; "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, *dân chủ* và giàu mạnh". Quốc hiệu của nước ta trong nhiều thập kỷ là "Nước Việt Nam *dân chủ*, cộng hòa". Đảng ta đã từng trăn trở tìm tòi xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Gần đây, Cương lĩnh năm 1991 đã ghi rõ : "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ", "Xây dựng một xã hội *dân chủ*, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người", "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa". Điều lệ của Đảng cũng đã ghi : "Mục đích của Đảng ta là xây dựng nước Việt Nam độc lập, *dân chủ*, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Sau Đại hội VII có nêu câu "Xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" (không có từ "dân chủ") vì lúc đó quan niệm rằng nói công bằng, văn minh đã bao hàm ý dân chủ. Đến Đại hội VIII có ý kiến đề nghị nên thêm từ *"dân chủ"* vào mục tiêu này, nhưng không được Đại hội chấp nhận vì cho rằng câu này lâu nay đã đi vào cuộc sống, ai cũng thuộc, cũng nhớ, không nên thay đổi. Vả lại, nếu thêm vào thì vừa dài, vừa có thể gây hiểu lầm là chúng ta chịu ảnh hưởng của dân chủ tư sản hoặc bị sức ép nào từ phía bên ngoài mà phải thêm. Nay Đại hội IX

Digitized by Google

quyết định bổ sung từ *"dân chủ"* vào mục tiêu phấn đấu của chúng ta là cần thiết và được đa số cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình.

2. Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo Chính trị khẳng định mục tiêu lý tưởng của cách mạng, đồng thời cũng nói rõ chúng ta đang ở trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nói như thế để thấy chúng ta đang ở đâu, đang ở trình độ phát triển nào, để có quyết sách đúng. Nước ta còn nghèo, lực lượng sản xuất kém phát triển, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế là rất lớn, cho nên phải tập trung sức phát triển lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ; không nên lấy mục tiêu xa để áp đặt bắt thực tiễn phải khuôn theo khi chưa có đủ điều kiện.

Báo cáo Chính trị chỉ rõ con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản, nhất là về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đồng thời phải từng bước xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; chống tư tưởng duy lực lượng sản xuất, chủ nghĩa kỹ trị.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là một sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, có sự đan xen và đấu tranh quyết liệt giữa cái mới và cái cũ, giữa "cái xã hội chủ nghĩa" và "cái không phải xã hội chủ nghĩa", phải sử dụng một số hình thức trung gian, cho nên tất yếu phải trải qua một *thời kỳ quá độ* lâu dài, với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Ví dụ : chúng ta phải chấp nhận còn nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau.

3. Về mô hình kinh tế tổng quát.

Như chúng ta đều biết, từ Đại hội VI, Đảng ta đã đề ra chủ trương cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế, khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, coi đây là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất.

Hội nghị Trung ương sáu, khóa VI (tháng 3-1989) phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, coi "chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa *chiến lược lâu dài, có tính quy luật* từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội".

Đến Đại hội VII, Đảng ta tiếp tục nói rõ hơn chủ trương này và khẳng định đây là chủ trương chiến lược, là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Cương lĩnh của Đảng khẳng định : "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Nhưng lúc đó cũng mới nói kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, chưa chính thức dùng khái niệm "kinh tế thị trường". Ở Trung Quốc cũng phải đến Đại hội Đảng lần thứ 14 (1992) mới nêu vấn đề kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Lần này Đại hội IX của Đảng đưa ra khái niệm *"kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Nội hàm của khái niệm này thực chất vẫn là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng được diễn đạt gọn hơn, nói rõ được mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta trong thời kỳ quá độ.

Digitized by Google

Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là nền kinh tế của chúng ta không phải là kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu bao cấp, nhưng đó cũng không phải là nền kinh tế thị trường tự do, tức là không phải kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa ; và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, như trên đã nói, chúng ta còn đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn có sự đan xen và đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, vừa có, vừa chưa có đầy đủ yếu tố chủ nghĩa xã hội.

Vậy đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì ? *Báo cáo Chính trị* đã nêu một số đặc trưng rất cơ bản. Theo nhiều nhà nghiên cứu khoa học thì kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt : sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Nếu so với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thì kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có những điểm khác căn bản sau đây :

- *Về mục đích :* Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phục vụ lợi ích các nhà tư bản, xây dựng cơ sở kinh tế cho chủ nghĩa tư bản, bảo vệ chế độ tư bản, phát triển chủ nghĩa tư bản ; bây giờ có điều chỉnh gì cũng là để bảo vệ chủ nghĩa tư bản. Còn chúng ta xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong những chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, lực lượng sản xuất còn yếu kém, là để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phục vụ và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Ta dùng cơ chế thị trường, sử dụng các hình thức và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, khuyến khích tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng là để đi lên chủ nghĩa xã hội, không để cho thị trường tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- *Về chế độ sở hữu :* Dưới chủ nghĩa tư bản, nền tảng của chế độ sở hữu là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Còn ở nước ta hiện nay, cũng thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu, nhưng trên cơ sở chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- *Các thành phần kinh tế :* Dưới chủ nghĩa tư bản, nền kinh tế có nhiều thành phần (có cả kinh tế nhà nước, liên doanh, kinh tế tư bản nhà nước...) nhưng do nhà nước tư sản quản lý và do tư bản tư nhân chi phối, kinh tế tư nhân là chủ đạo. Còn ở nước ta hiện nay cũng có nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả kinh tế tư bản tư nhân, nhưng do nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

- *Về chế độ quản lý :* Trong thời đại ngày nay, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đều cần có sự quản lý của Nhà nước, không muốn để cho bàn tay vô hình là thị trường chi phối. Tư bản cũng phải làm thế, thậm chí ở nhiều nước còn can thiệp khá mạnh. Điều khác nhau ở đây là ở bản chất hai nhà nước. Nhà nước của họ là nhà nước tư sản, dân chủ tư sản, bảo vệ lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, những người có của. Còn của chúng ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa thật sự của dân, do dân, vì dân và do Đảng Cộng sản lãnh đạo, bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Về quản lý thì xu thế của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa chủ yếu vẫn là tự do cạnh tranh, vẫn là "cá lớn nuốt cá bé", hình thành các công ty siêu quốc gia, xuyên quốc gia, các tập đoàn lớn cạnh tranh nhau quyết liệt. Còn của ta có

Digitized by Google

sự quản lý của Nhà nước để kết hợp tính định hướng và cân đối của kế hoạch với tính năng động và nhạy cảm của thị trường. Trong các Nghị quyết Đại hội VII và Đại hội VIII đều nói thị trường vừa là đối tượng, vừa là căn cứ để chúng ta kế hoạch hóa. Chúng ta sử dụng cơ chế thị trường không phải để đoạn tuyệt với kế hoạch mà là để thực hiện kế hoạch một cách tổng thể hơn, tốt hơn. Sự quản lý của Nhà nước là để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Đối với chúng ta, cơ chế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng, không phải là mục đích, mà chỉ là phương tiện. Mục đích của ta không phải là chạy theo lợi nhuận tối đa cho một thiểu số người, mà chính là để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về chế độ phân phối :* Cả hai nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đều có nhiều hình thức phân phối. Sự khác nhau là ở chỗ kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phân phối chủ yếu theo tư bản, phục vụ lợi ích tối đa của các nhà tư bản ; còn chúng ta phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời có các hình thức phân phối khác, vừa khuyến khích lao động, vừa bảo đảm phúc lợi cơ bản.

- *Về chính sách xã hội :* Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thời kỳ hoang sơ ra đời bằng tước đoạt, bằng cướp bóc, tích tụ ruộng đất, dồn dân. Các-Mác nói chủ nghĩa tư bản ra đời bằng tích lũy nguyên thủy thấm đầy máu và nước mắt đến tận lỗ chân lông của nó. Ngày nay chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh nhất định, văn minh hơn, hiện đại hơn và cũng chú ý một số chính sách xã hội, (có lẽ vì thế mà có người đã gọi chủ nghĩa tư bản ngày nay là "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "chủ nghĩa tư bản xã hội"). Nhưng xét về bản chất thì sự điều chỉnh đó không giải quyết được mâu thuẫn cơ bản, từ nguồn gốc chế độ sở hữu của chủ nghĩa tư bản ; đây chỉ là điều chỉnh buộc các nhà tư bản phải làm để bảo vệ, duy trì, kéo dài sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản, đại đa số nhân dân lao động vẫn sống khổ sở. Ta vẫn thường nghe nói thế giới ngày nay 20% người giàu nhất chiếm 80% của cải, 80% số người còn lại chỉ có 20% của cải... Chúng ta chủ trương làm giàu nhưng đó là làm giàu hợp pháp ; cùng với làm giàu phải xóa đói giảm nghèo, hạn chế sự phân cực quá đáng giàu nghèo. Trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo là khó tránh khỏi, phải chấp nhận, nhưng phải hạn chế nó. Phải chăm lo tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong quá trình phát triển kinh tế,chứ không phải đến khi kinh tế phát triển mới lo chính sách xã hội. Nhiều nước trên thế giới đang đòi nhà nước dành 20% ngân sách cho chính sách xã hội thì ở ta từ lâu tỷ lệ đó đã là 28% ; chính sách xóa đói giảm nghèo của ta được thế giới rất hoan nghênh. Chúng ta phải giữ gìn đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng quan hệ giữa con người với con người có tình thương yêu lẫn nhau ; không phải tất cả chỉ vì tiền.

Đó là các điểm giống nhau và khác nhau giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ trương của Đảng ta về vấn đề này là sự thể hiện rõ tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đây là điểm mới và là mô hình kinh tế tổng quát của chúng ta trong thời kỳ quá độ. Đây cũng là một điểm quan trọng làm sáng tỏ hơn nội dung con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở mô hình này, Đại hội IX đã xác định đường lối phát triển kinh tế của nước ta trong thời kỳ quá độ là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất

Digitized by Google

phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

4. Về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế.

Đây là vấn đề cơ bản và quan trọng trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng. Sở hữu về tư liệu sản xuất là yếu tố hàng đầu quyết định các mối quan hệ sản xuất, quyết định chế độ phân phối và chế độ quản lý. Quan hệ sản xuất, đến lượt nó, với tư cách là hạ tầng cơ sở, lại quyết định thượng tầng kiến trúc. Vì thế, vấn đề sở hữu về tư liệu sản xuất từ xưa đến nay luôn luôn là một trong những vấn đề cơ bản và sâu xa của mọi cuộc cách mạng xã hội.

Khi nói chế độ sở hữu là *nói chung*, với hàm nghĩa là *cơ sở của chế độ kinh tế*. Loài người đã trải qua nhiều chế độ sở hữu tư liệu sản xuất phát triển từ thấp đến cao, nhưng tựu trung chỉ có *hai chế độ sở hữu cơ bản*. Đó là sở hữu công cộng (còn gọi là sở hữu xã hội) và sở hữu tư nhân ; nhiều khi gọi tắt là *công hữu* và *tư hữu*. Mỗi chế độ sở hữu lại có nhiều trình độ, nhiều hình thức biểu hiện cụ thể khác nhau. Chế độ công hữu có các trình độ và hình thức cụ thể như : sở hữu công xã, sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể,... Chế độ tư hữu cũng có nhiều trình độ, nhiều hình thức cụ thể như : sở hữu của nông dân cá thể, sở hữu của người sản xuất hàng hóa nhỏ, sở hữu của địa chủ, của nhà tư bản, v.v.

Hiện nay, chúng ta đang từng bước xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Mà xã hội xã hội chủ nghĩa, như Cương lĩnh năm 1991 xác định, là một xã hội có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, như Đại hội VII của Đảng chỉ rõ, còn tồn tại ba hình thức (hoặc loại hình) sở hữu cơ bản : *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân*. Các hình thức sở hữu có thể đan xen, hỗn hợp. Trên cơ sở các hình thức sở hữu cơ bản đó, hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng.

Đại hội VIII đã xác định ở nước ta có 5 thành phần kinh tế : kinh tế nhà nước ; kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã ; kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân.

Xuất phát từ tình hình thực tế những năm gần đây, Đại hội IX quyết định bổ sung thêm một thành phần kinh tế nữa là *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*.

Như vậy, hiện nay ở nước ta có các thành phần kinh tế như sau : kinh tế nhà nước ; kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là hợp tác xã ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế này có thể có các hình thức sản xuất, kinh doanh đan xen, hỗn hợp, vừa hợp tác vừa cạnh tranh nhau trong cùng một nền kinh tế quốc dân thống nhất. Tất cả các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Sở dĩ bổ sung thêm thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là vì thực tế trong những năm gần đây bộ phận đầu tư kinh doanh của nước ngoài chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Trong 10 năm (1991 - 2000) các doanh nghiệp

Digitized by Google

có vốn đầu tư nước ngoài phát triển khá nhanh. Giá trị sản xuất bình quân tăng 22% một năm. Trong 5 năm (1996 - 2000) vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thực hiện khoảng 10 tỉ USD, chiếm 23% tổng vốn đầu tư toàn xã hội ; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra 34% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, trên 22% kim ngạch xuất khẩu và đóng góp trên 10% GDP. Thành phần kinh tế này không đồng nhất với các thành phần kinh tế trong nước về cả mục tiêu và cơ chế vận hành, cần vừa có chính sách thu hút mạnh hơn, vừa phải quan tâm theo dõi, phân tích, điều chỉnh để bảo đảm mối tương quan hợp lý với các thành phần kinh tế trong nước và lợi ích của đất nước. Các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế này có thể 100% vốn nước ngoài (một thành viên hoặc nhiều thành viên), có thể liên kết, liên doanh với doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp tư nhân của nước ta, do vậy cũng không thể xếp tất cả vào thành phần kinh tế hỗn hợp hoặc thành phần kinh tế tư bản nhà nước.

Việc xác định các loại hình sở hữu và phân định các thành phần kinh tế là rất cần thiết để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách phát triển nền kinh tế nói chung, cho việc phát triển từng thành phần kinh tế nói riêng nhằm không phải để phân biệt đối xử mà là để có chính sách đúng đắn, giải phóng mọi lực lượng sản xuất, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần này còn nói rõ : xây dựng chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn mà tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất nói chung với những bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

5. Về đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước.

Những năm gần đây, trong đời sống thường ngày dường như chúng ta ít nói đến đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Trong cán bộ, đảng viên ta cũng có cách hiểu không rõ và chưa thống nhất về vấn đề đấu tranh giai cấp. Lần này Đại hội IX lại đưa ra chủ đề "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc...", nhấn mạnh động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân, như vậy phải chăng chúng ta coi nhẹ đấu tranh giai cấp ?

Thực tế cho thấy, đã đề cập đến con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ thì không thể không đụng đến vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp ; hiện nay và cả trong thời kỳ quá độ ở nước ta còn tồn tại một cách khách quan các giai cấp và đấu tranh giai cấp. Không thể xóa nhòa ranh giới giữa các giai cấp, không thể phủ nhận đấu tranh giai cấp, cũng không nên hiểu đấu tranh giai cấp là điều hòa lợi ích giữa các giai cấp. Nhưng đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay cần được nhận thức cho đúng, nó diễn ra trong điều kiện mới, với những nội dung mới và bằng những hình thức mới. Bởi vì, cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế - xã hội, cơ cấu giai cấp, nội dung, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều ; mối quan hệ giữa các giai cấp, sự phát triển của các giai cấp trong sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước không còn như trước đây..

Ngày nay, mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp chủ yếu là mối quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Digitized by Google

Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chống áp bức bất công, chống bóc lột, chống nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển. Vì vậy, trong *Báo cáo Chính trị* khẳng định : Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay ở nước ta là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Đồng thời *Báo cáo Chính trị* cũng khẳng định : Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Hai mặt đó không mâu thuẫn nhau, trái lại, thống nhất biện chứng với nhau. Đảng ta luôn luôn coi việc giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân là truyền thống quý báu của dân tộc, là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng này thấm sâu vào tất cả các văn kiện Đại hội và được nêu thành tiêu đề của *Báo cáo Chính trị* và cũng là chủ đề của Đại hội. Chủ đề của Đại hội IX là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội chỉ rõ rằng, thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam, dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những ý kiến khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến và phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần ; xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai.

Đây là một nội dung quan trọng, nói đậm nét trong *Báo cáo Chính trị* trình Đại hội và được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

6. Về nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong *Cương lĩnh* thông qua tại Đại hội VII đã khẳng định : Chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đây là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng và là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Nó được thực tiễn vừa qua chứng minh sự khẳng định đó là hoàn toàn chính xác và đúng đắn.

Với kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, Đại hội IX nói rõ hơn những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh để định hướng cho toàn Đảng, toàn dân học tập và vận dụng thực hiện. Đại hội xác định : Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của

Digitized by Google

cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc ; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân ; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư ; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau ; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Nói rõ tư tưởng Hồ Chí Minh tuyệt nhiên không có nghĩa là để hạ thấp chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; càng không phải để đối lập hoặc tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là tinh hoa văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, cộng với tư chất, cốt cách, phong cách riêng của Hồ Chí Minh.

Có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là *hai* nhưng là *một*, là *một* nhưng là *hai*. Đó là quan hệ rất biện chứng.

*

* *

Trên đây là một số vấn đề cơ bản liên quan trực tiếp đến lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được Đại hội IX của Đảng làm sáng tỏ thêm. Với những kết quả này, rõ ràng Đại hội IX đã thực hiện được một yêu cầu rất quan trọng là làm sáng tỏ hơn nữa về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; chỉ ra những điều đã rõ, đã sáng tỏ hơn, và cả những điều còn phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn ; vừa khẳng định Cương lĩnh, đường lối, quan điểm đúng đắn của Đảng đã được vạch ra tại các Đại hội trước, trong các Nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị, vừa bổ sung, phát triển, hoàn thiện thêm một bước đường lối, quan điểm của Đảng.

Điều này cũng góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của những người cộng sản và nhân dân thế giới. Tại Đại hội IX, đồng chí U-ê-đa Côi-chi-rô, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản tham dự Đại hội Đảng ta, trong bài phát biểu của mình, đã nhấn mạnh : "Đường lối đổi mới trong đó kết hợp kinh tế thị trường với kế hoạch, tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở công nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, là con đường của những người mở đường mới mẻ trong lịch sử. Chúng tôi hy vọng rằng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam, đã từng chiến thắng trong cuộc đấu tranh đầy gian khổ trước đây, sẽ thành công trước thách thức mới trên chặng đường mà chưa một ai đi qua" (1).

Còn đồng chí Giô-dê Ca-đa-nô-va, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Bồ Đào Nha, cũng tại diễn đàn Đại hội IX đã nói : "Những thành tựu trong việc cụ thể hóa một con đường thích hợp quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là tài sản vô giá của những người cộng sản Việt Nam mà còn là nguồn cảm hứng và tin tưởng đối với những người cộng sản và cách mạng trên toàn thế giới" (2). ❑

---

(1) *Lời chào mừng Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 53

(2) *Sđd*, tr 140

Digitized by Google

AN NINH TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

LÊ MINH HƯƠNG *

TRONG những chặng đường đầu tiên từ khi mới thành lập Đảng, Nhà nước ta nói chung, Công an nhân dân nói riêng, đã phải đương đầu với những thế lực đế quốc hùng mạnh nhất lúc bấy giờ, trong một hoàn cảnh cách mạng "ngàn cân treo sợi tóc". Đế quốc Pháp câu kết với Tưởng Giới Thạch, sử dụng bọn tay sai phản động Quốc dân đảng mưu toan lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ vào ngày 14-7-1946 khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở Pháp. Nhờ tinh thần cảnh giác cách mạng, lực lượng an ninh nhân dân đã sớm phát hiện mưu đồ nói trên của kẻ thù. Ngày 12-7-1946, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, lực lượng An ninh đã kịp thời phá vụ án phản cách mạng mà sào huyệt của địch đặt tại số 7 phố Ôn Như Hầu và trên 40 địa điểm khác ở Hà Nội, sau đó mở rộng cuộc trấn áp bọn Quốc dân đảng trên toàn quốc. Chiến công này không chỉ là sự kiện có ý nghĩa to lớn về đấu tranh chống phản cách mạng, mà còn giữ vị trí quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Về ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, đồng chí Trường Chinh, cố Tổng Bí thư của Đảng đã đánh giá :"... *Những vụ khám bắt trên đây có tác dụng vô cùng quan trọng ; nó lột mặt nạ bọn phản động bên trong, tay sai của bọn phản động bên ngoài... Nó lôi ra ánh sáng một bọn giả danh chính trị, giả danh quốc gia dân tộc... Mấy cuộc khám bắt vừa đây cắm một cái mốc trên con đường thống nhất dân tộc và biểu lộ sức mạnh, uy tín của chính quyền nhân dân...*" Do vậy, ngày 12-7-1946 đã đi vào lịch sử của dân tộc, là mốc son sáng chói về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, làm vẻ vang cho lực lượng An ninh nhân dân và lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Kế thừa và phát huy thắng lợi trên đây, trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng An ninh nhân dân sát cánh cùng với các lực lượng vũ trang khác và các tầng lớp nhân dân, bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo Đảng, các vùng căn cứ kháng chiến và cơ sở cách mạng. Cán bộ chiến sĩ an ninh hoạt động bí mật ở các vùng địch tạm chiếm đã dựa vào nhân dân, tổ chức nhân dân phối hợp chặt chẽ với cơ sở kháng chiến tiến hành diệt ác, phá tề. Ở các vùng tự do, vùng căn cứ kháng chiến, An ninh là lực lượng nòng cốt bảo vệ an toàn các cơ quan của Đảng, lực lượng kháng chiến, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước, làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến, đưa cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới : *Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước*. Trong những năm, tháng gian truân của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, đánh đuổi thực dân Pháp và phát xít Nhật, biết bao chiến sĩ an ninh đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Điển hình cho những tấm gương trừ gian, diệt ác là các Anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu, Bùi Thị Cúc và nhiều anh hùng liệt sĩ khác.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng An ninh ở miền Bắc đã triển khai hàng loạt công tác cấp bách, củng cố an ninh ở các địa bàn xung yếu ; đẩy mạnh các hoạt động nghiệp vụ và phát động rộng khắp phong trào "bảo

* Thượng tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an

Digitized by Google

vệ trị an" trong nhân dân, phong trào "bảo mật, phòng gian" trong các cơ quan, xí nghiệp. Đã phát hiện, bóc gỡ nhiều tổ chức gián điệp của địch cài cắm lại, tiêu diệt nhiều toán phỉ, đập tan nhiều tổ chức nhen nhóm phản động. Trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Công an nhân dân đã cùng với các lực lượng khác bảo vệ tuyệt đối an toàn lãnh tụ, bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp và nhân dân đi sơ tán, làm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do cuộc chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ gây ra. Lực lượng An ninh miền Bắc đã phối hợp với Công an nhân dân vũ trang, dân quân du kích các địa phương bắt 103 toán gián điệp, biệt kích gồm 885 tên, thu giữ hàng trăm tấn vũ khí và phương tiện hoạt động gián điệp.

Khi đế quốc Mỹ đẩy cuộc chiến tranh ở miền Nam lên mức độ cao, lực lượng trinh sát an ninh đã mưu trí, sáng tạo, thâm nhập sâu vào hang ổ của các cơ quan tình báo, nhờ đó đã cung cấp những thông tin quan trọng giúp cho Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo chiến trường miền Nam. Theo lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ; lớp lớp cán bộ, chiến sĩ an ninh đã nối tiếp nhau lên đường vào Nam, với tinh thần *"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"*, tất cả vì tiền tuyến, vì đồng bào miền Nam ruột thịt, vì hòa bình và thống nhất đất nước. Nhiều đồng chí đã tham gia lực lượng tình nguyện sang giúp bạn Lào, Cam-pu-chia với ý chí, lòng quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do của mỗi dân tộc và tinh thần quốc tế cao cả : *ba nước Đông Dương là một chiến trường*. Với tình cảm cách mạng trong sáng và lòng quyết tâm tiêu diệt địch, đội ngũ cán bộ an ninh ở các chiến trường đã cùng với quân dân ba nước dũng cảm chiến đấu, lập nên những chiến công hiển hách, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia.

Những năm tháng chiến trường rực lửa bom đạn của quân thù, lực lượng An ninh miền Nam phải chuyển từ hoạt động công khai sang bí mật. Trong máu lửa của chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của bọn Mỹ - ngụy, đương đầu với cơ quan tình báo gián điệp dày đặc của đế quốc Mỹ và tay sai có tiềm lực và vô cùng xảo quyệt, các chiến sĩ an ninh từ Trị Thiên đến mũi Cà Mau ; từ các tỉnh đồng bằng, ven biển đến các tỉnh miền núi Tây Nguyên cũng như ở các đô thị đã dũng cảm, mưu trí chiến đấu bảo vệ các tổ chức đảng và phong trào cách mạng. Hàng ngàn chiến sĩ và cơ sở đã thâm nhập vào cơ quan đầu não của địch, thu nhiều tin, tài liệu quan trọng. Tổ chức hàng trăm vụ tập kích vào sào huyệt các cơ quan tình báo, cảnh sát, kể cả Tổng nha cảnh sát ngụy tiêu diệt những tên ác ôn đầu sỏ, làm cho chúng vô cùng hoang mang, dao động. Lực lượng An ninh liên tục tấn công địch, đấu tranh quyết liệt, làm thất bại nhiều "kế hoạch", "chiến dịch" của các cơ quan đặc biệt Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn, như các chiến dịch "Tình báo đại chúng", "Phượng hoàng", "Thiên nga"... Phát hiện và trấn áp kịp thời nhiều tổ chức phản động. Trong cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lực lượng An ninh đã tham gia tích cực trong các mũi tiến công, đập tan mọi sự phản kháng của các thế lực phản cách mạng, góp phần đập tan bộ máy chiến tranh của địch, giành thắng lợi vĩ đại, kết thúc cuộc kháng chiến vẻ vang của dân tộc, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, thực hiện trọn vẹn lời kêu gọi thiêng liêng của Bác : *"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"*, giành lại hòa bình, độc lập, thống nhất, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, mỗi khi nhớ đến những chiến công oanh liệt của lực lượng Công an nhân dân trong những năm trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta không thể không nhắc tới và tự hào về những chiến công vẻ vang của các chiến sĩ an ninh chiến đấu ở chiến trường miền Nam, cũng như làm nghĩa vụ quốc tế ở Lào và Cam-pu-chia.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, lực lượng An ninh miền Nam đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, chính quyền cơ sở và quần chúng nhân dân tổ chức cho hàng chục vạn binh lính ngụy quân, ngụy quyền trình diện và đưa hàng vạn đối tượng nguy hiểm vào các trại học tập cải tạo. Truy quét hàng

Digitized by Google

trăm ổ nhóm vũ trang của tàn quân ngụy, phá rã hàng ngàn tổ chức phản động, đẩy lùi âm mưu gây bạo loạn ; bóc gỡ mạng lưới nội gián, làm thất bại một bước kế hoạch hậu chiến của Mỹ - ngụy, góp phần củng cố chính quyền cơ sở, giữ vững an ninh - trật tự, nhất là ở các vùng đô thị, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Trong những năm 80, bọn phản động quốc tế cấu kết với những phần tử chống đối cách mạng tiến hành "kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt" chống phá ta trên mọi lĩnh vực. Cùng với quân và dân cả nước, lực lượng An ninh đã cảnh giác, mưu trí, dũng cảm đấu tranh vô hiệu hóa nhiều âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch do Mỹ cầm đầu, làm sụp đổ ảo vọng điên cuồng của bọn đế quốc, bọn phản động quốc tế, thông qua việc nuôi dưỡng tài trợ cho bọn phản động người Việt lưu vong xâm nhập, móc nối bọn phản động trong nước để hoạt động phá hoại, lật đổ, điển hình là tổ chức "Chí nguyện đoàn hải ngoại phục quốc" của Võ Đại Tôn. Đặc biệt, lực lượng An ninh đã tổ chức kế hoạch bí mật đấu tranh liên tục từ năm 1981 - 1984 với "chiến dịch" xâm nhập quy mô lớn của tổ chức "Mặt trận thống nhất các lực lượng yêu nước giải phóng Việt Nam" do Lê Quốc Túy và Mai Văn Hạnh cầm đầu, có sự chỉ đạo của các cơ quan tình báo nước ngoài, bắt và diệt hơn 200 tên, thu hồi trên 300 tấn vũ khí, 14 tấn tiền giả, xóa sổ tổ chức này. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang Lào đập tan các cuộc hành quân "Đông tiến 1", "Đông tiến 2" và "Đông tiến 3" của cái gọi là "Mặt trận quốc gia giải phóng Việt Nam" do Hoàng Cơ Minh cầm đầu.

Những năm gần đây, các thế lực thù địch gia tăng thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ hòng chuyển hóa thể chế chính trị ở Việt Nam. Lực lượng An ninh đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng vô hiệu hóa các chiến dịch tuyên truyền phá hoại tư tưởng của địch như "chuyển lửa về quê nhà", "góp gió thành bão"... Đồng thời đã chủ động đập tan chiến dịch "Đông Xuân" của "Liên đảng cách mạng Việt Nam" do Hoàng Việt Cương cầm đầu, âm mưu bạo loạn, lật đổ chính quyền ở các tỉnh phía Nam. Bọn phản động lưu vong còn đưa nhiều toán xâm nhập về nước, tiến hành các hoạt động phá hoại nhằm gây mất ổn định chính trị - xã hội. Lực lượng An ninh đã chủ động phát hiện, đón bắt hàng chục toán xâm nhập, vô hiệu hóa nhiều kế hoạch phá hoại manh động của cái gọi là "Chính phủ cách mạng Việt Nam tự do" do Nguyễn Hữu Chánh cầm đầu. Đồng thời đã phát hiện, tổ chức đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động tình báo, gián điệp, tập hợp lực lượng nhằm lật đổ chính quyền cách mạng, chuyển hóa dân chủ ở Việt Nam, góp phần bảo vệ an ninh nội bộ, giữ vững ổn định chính trị.

Đi đôi với cuộc đấu tranh có hiệu quả với hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch từ bên ngoài, lực lượng An ninh đã tiến hành nhiều biện pháp cần thiết để kiềm tỏa, ngăn chặn hoạt động chống đối của các phần tử phản động lợi dụng tôn giáo, dân tộc, số cực đoan, bất mãn, quá khích. Trong nhiều năm, nhất là từ năm 1986 - 1992, lực lượng An ninh đã tập trung đấu tranh giải quyết cơ bản vấn đề Fulro ở Tây Nguyên ; phối hợp với Cam-pu-chia đấu tranh vô hiệu hóa toàn bộ lực lượng Fulro ở Cam-pu-chia, không để các thế lực thù địch bên ngoài lợi dụng vấn đề này chống phá Việt Nam. Trong lĩnh vực bảo vệ an ninh kinh tế, đã tiến hành đấu tranh vô hiệu hóa nhiều âm mưu, hoạt động tác động chuyển hóa của kẻ thù, góp phần phòng chống các nguy cơ chệch hướng, tụt hậu về kinh tế ; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ; phá nhiều vụ án kinh tế lớn, các vụ lộ, lọt bí mật ; gian lận thương mại, buôn lậu ; sản xuất, tàng trữ và lưu hành tiền giả. Tập trung giải quyết các vấn đề phức tạp nổi lên, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh nông thôn, đô thị ; an ninh trong cộng đồng, an ninh thông tin. Việc giải quyết tình hình phức tạp ở Tây Nguyên tháng 2-2001 và tình hình liên quan đến tôn giáo ở miền Trung thời gian qua là một bằng chứng sinh động làm phá sản kịch bản lợi dụng sắc tộc, tôn giáo và nhân quyền để can thiệp vào nội bộ nước ta của các thế lực thù địch mà chúng đã thực hiện thành công ở nhiều nơi trên thế giới.

Cùng với công tác đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch,

Digitized by Google

lực lượng An ninh đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, các ngành, các cấp, các đoàn thể bảo vệ tuyệt đối an toàn hoạt động của các cơ quan, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các ngày lễ lớn, các hội nghị quốc tế, các đoàn khách quốc tế sang thăm và hoạt động tại Việt Nam. Thành tích nổi bật của lực lượng An ninh những năm qua là giữ vững ổn định chính trị, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ ; không để các phần tử chống đối và bọn phản động tập hợp lực lượng, hình thành tổ chức chính trị phản động ; không để xảy ra các vụ phá hoại manh động, gây rối, bạo loạn lật đổ ; bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa và an ninh quốc gia, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những thành tựu chung của đất nước hơn nửa thế kỷ qua, có sự đóng góp tích cực, to lớn của lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng An ninh nói riêng. Đảng, Nhà nước, nhân dân ghi nhận và đánh giá cao những chiến công, thành tích và những hy sinh mất mát của lực lượng An ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cách mạng nước ta đã trải qua những cuộc thử thách lớn lao trong thời điểm các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, nhưng chúng ta vẫn đứng vững, ổn định và không ngừng phát triển. Sự nghiệp đổi mới đã mang lại luồng sinh khí mới và lòng tin vào tương lai của con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Qua thực tiễn công tác và chiến đấu, lực lượng An ninh ngày càng trưởng thành vững mạnh, đang từng bước tiến lên chính quy, hiện đại. Do những thành tích đặc biệt xuất sắc trong những năm qua, lực lượng An ninh đã có 249 tập thể, 136 cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng hàng trăm Huân chương Chiến công, Huân chương Quân công các loại, 01 Huân chương Hồ Chí Minh và 01 Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta và nhân dịp kỷ niệm 55 năm (12-7-1946 - 12-7-2001) Ngày truyền thống, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho lực lượng An ninh nhân dân.

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta càng thấm thía rằng mỗi thành tích, chiến công và những bước trưởng thành của lực lượng An ninh đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tuyệt đối của Đảng và Chính phủ, của lãnh đạo bộ ; sự phối hợp chặt chẽ, giúp đỡ to lớn của các ban, ngành, các lực lượng, các tổ chức quần chúng và sự hiệp đồng chiến đấu thường xuyên, chặt chẽ của các lực lượng, đơn vị trong Công an nhân dân. Đặc biệt là sự kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của các bậc tiền bối, các anh hùng, liệt sĩ Công an nhân dân. Ngày nay, đội ngũ cán bộ chiến sĩ lực lượng An ninh đã không ngừng lớn mạnh, ngày càng xuất hiện nhiều gương sáng tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu mưu trí, sáng tạo, dũng cảm và ý chí kiên quyết tiến công địch, quyết tâm bảo vệ sự nghiệp cách mạng, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.

*
* *

Đất nước ta đang vững vàng tiến bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia vẫn diễn ra sôi động và quyết liệt. Các thế lực thù địch đang ráo riết tiến hành nhiều hoạt động chống phá cách mạng nước ta với những phương thức, thủ đoạn mới rất thâm độc, xảo quyệt. Chúng muốn xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đưa nước ta vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản như chúng đã tiến hành ở Đông Âu và Liên Xô. Mặt trận an ninh không thầm lặng. Máu vẫn đổ. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi lực lượng An ninh phải thường xuyên mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và quyết tâm giành thắng lợi trong cuộc đấu trí, đấu lực, đấu pháp với các thế lực thù địch vì sự bình yên và phát triển của đất nước.

Năm 2001 là năm mở đầu của thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới, năm Đảng ta tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Đây là

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA NGÀNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

ĐỖ QUANG TRUNG *

CÙNG với việc đề ra đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra một số nhiệm vụ quan trọng khác trong đó có nhiệm vụ "Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế". Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu tác động quyết định và trực tiếp đến việc hoàn chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, Đại hội đã đề ra các nội dung và nhiệm vụ cụ thể như "xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng", "Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân", bảo đảm "quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật", "xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn ; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước", "cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước", "phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế", "xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực", "cải cách cơ bản chế độ tiền lương, chống đặc quyền đặc lợi" v.v..

Đó là những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và của ngành tổ chức nhà nước. Quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, trong thời gian tới ngành tổ chức nhà nước đã và đang tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau :

1 - Đẩy mạnh việc nghiên cứu xây dựng hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức, nhân sự và cơ chế hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước. Trọng tâm nghiên cứu sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, cùng các bộ, ngành chuẩn bị để Chính phủ ban hành các Nghị định mới thay thế các Nghị định hiện hành về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành trên cơ sở các đề án rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đã được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn. Sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành cho phù hợp với tình hình thực tiễn và các yêu cầu của chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Tăng cường cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại ; tách rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sản xuất kinh doanh, giữa cơ quan hành chính công quyền với hệ thống cơ quan sự nghiệp. Phân cấp mạnh và toàn diện giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước trên cơ sở gắn trách nhiệm với quyền

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

hạn, nghĩa vụ với quyền lợi. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công. Kiện toàn bộ máy và thực hiện tốt chủ trương tinh giản biên chế cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3 - Cải cách, kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương trên cơ sở phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, phân cấp theo nguyên tắc nhiệm vụ nào, cấp quản lý nào giải quyết sát với thực tế hơn, hiệu quả hơn thì giao nhiệm vụ và thẩm quyền cho cấp đó. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân ; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng nhà nước, nâng cao chất lượng đại biểu cơ quan dân cử, mở rộng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức.

4 - Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực. Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ công chức coi trọng cả năng lực và đạo đức. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Bảo đảm tính nghiêm túc, tính trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức, thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý về đường lối, chính sách về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Phân biệt rõ công chức hành chính và công chức sự nghiệp để có những chính sách và cơ chế tài chính thích hợp áp dụng cho hoạt động của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém, thoái hóa. Thực hiện chế độ bổ nhiệm công chức có thời hạn ; chế độ luân chuyển công chức tạo điều kiện cho cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn và sát dân. Tăng cường cán bộ cho cơ sở ; có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

5 - Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức theo hướng thừa nhận tiền lương là giá cả sức lao động, cần phải tính đúng, tính đủ giá trị sức lao động sao cho cán bộ, công chức sống bằng chính tiền lương của mình. Xóa bỏ bao cấp, tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương. Điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội theo quan điểm trả lương đúng cho người lao động, chính là thực hiện đầu tư phát triển, tăng chi từ ngân sách nhà nước cho quỹ lương của cán bộ, công chức. Phân biệt cơ chế tiền lương giữa hành chính và sự nghiệp, phân biệt tiền lương với chính sách xã hội. Đưa vào quỹ lương các khoản có tính chất lương, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Sửa đổi những bất hợp lý trong thang bảng lương. Mục đích cuối cùng của cải cách tiền lương là "nâng cao đời sống người hưởng lương", tăng thu nhập của cán bộ, công chức, làm cho tiền lương thực sự trở thành đòn bẩy kích thích tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

6 - Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực làm trong sạch bộ máy hành chính nhà nước. Công khai hóa các nội dung và cơ chế, phương thức giám sát của các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân về việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Minh bạch và công khai các thông tin, các quy định của Nhà nước, nghiêm túc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đẩy lùi các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng.

Digitized by Google

7 - Phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Cải tiến chế độ làm việc, nâng cao chất lượng quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương, xác định rõ người, rõ việc, cải tiến chế độ hội họp, thông tin báo cáo, chế độ giấy tờ hành chính, quy chế làm việc, thủ tục giải quyết công việc với dân và tổ chức ; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, cơ chế đã được ban hành. Ứng dụng thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại hóa nền hành chính.

Trên đây là những nhiệm vụ trọng tâm của ngành tổ chức nhà nước trong quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Các giải pháp chính để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên là :

1. Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về cải cách, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, kế thừa và phát huy các kết quả, các kinh nghiệm đã đạt được ; chọn khâu đột phá trong giải quyết các nhiệm vụ nói trên. Trọng tâm của nhiệm vụ xây dựng thể chế là nghiên cứu sửa đổi hoàn chỉnh hai luật : Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức phi Chính phủ. Trọng tâm của việc kiện toàn bộ máy hành chính thực hiện triệt để Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII và Nghị quyết 16 của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giải quyết căn bản vấn đề phân cấp thẩm quyền trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, xã hội hóa các dịch vụ công. Trọng tâm của xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước là phân biệt rõ giữa công chức hành chính và công chức sự nghiệp, tập trung đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức hành chính và cán bộ chính quyền cơ sở v.v..

2. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách chế độ tiền lương v.v.. tiến hành một cách đồng bộ. Đồng thời khắc phục triệt để tư tưởng bao cấp, cào bằng, bình quân chủ nghĩa, đặc ân, đặc quyền trong xây dựng và thực hiện các chế độ, chính sách về tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương và sắp xếp bố trí sử dụng cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính.

3. Kiện toàn bộ máy hành chính, tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng củng cố chính quyền địa phương, cải cách chế độ tiền lương v.v.. là vấn đề khó khăn và phức tạp. Để giải quyết thành công cần dựa trên những quan điểm nêu trong các Nghị quyết Hội nghị Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đồng thời dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc của khoa học tổ chức, pháp lý, tổ chức lao động và các lĩnh vực khoa học, công nghệ khác. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực tổ chức bộ máy, thể chế vận hành bộ máy ; biên chế và cơ cấu cán bộ cũng như tổ chức phân công lao động trong bộ máy ; chế độ chính sách đối với con người trong bộ máy v.v..

4. Chương trình cải cách hành chính nhà nước tiến hành đồng bộ với cải cách tư pháp và đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội và có sự chỉ đạo tập trung của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, quyết tâm cao của các ngành, các cấp mà trước hết là ngành tổ chức nhà nước. Cán bộ, công chức ngành tổ chức nhà nước gương mẫu đi đầu trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Phải khẳng định rằng đây là những nhiệm vụ trọng tâm của ngành tổ chức nhà nước trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Có thể nói thành tựu hết sức quan trọng của 15 năm đổi mới vừa qua đối với đất nước ta nói chung và của ngành tổ chức nhà nước nói riêng là một động lực hết sức to lớn, tạo điều kiện mới và khả năng mới để ngành vươn lên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trọng yếu mà Đảng và Nhà nước giao cho. ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN : NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

Lời BBT: Trong số 14, tháng 7 năm 2001, Tạp chí Cộng sản đã đăng một số tham luận tại cuộc Hội thảo khoa học ***"Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống"*** *do Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng kết hợp với Ban biên tập và Đảng ủy cơ quan Tạp chí Cộng sản tổ chức. Trong số này chúng tôi tiếp tục tóm tắt nội dung của một số ý kiến phát biểu và tham luận trong hội thảo. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

● **PGS, TS Trần Quang Nhiếp** cho rằng, tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc nghiên cứu, quán triệt và đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống có nhiều, song có thể khái quát ở 3 khía cạnh chính sau :

Một là, do vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết Đại hội IX. Đại hội IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử hết sức trọng đại. Đại hội đánh giá những sự kiện quan trọng của thế giới và trong nước ở thế kỷ XX ; phân tích dự báo tình hình quốc tế, trong nước những thập niên đầu thế kỷ XXI ; đánh giá những thành tựu và rút ra bài học kinh nghiệm của hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội định ra phương hướng chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới. Chỉ có đi sâu nghiên cứu nắm vững đường lối quan điểm của Đảng thể hiện ở Nghị quyết Đại hội IX mới tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì thế, việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống vừa là yêu cầu cấp thiết đối với mọi cấp, mọi ngành, vừa là vấn đề khoa học đòi hỏi ý thức chính trị cao, tính nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm công dân và năng lực sáng tạo của mỗi người dân cũng như cán bộ đảng viên hiện nay.

Hai là, do phạm vi nội dung rộng lớn với nhiều vấn đề có tính lý luận và tổng kết thực tiễn sâu sắc trong Nghị quyết. Văn kiện Đại hội IX của Đảng đề cập tới 10 vấn đề rộng lớn, trong đó từng vấn đề lại là sự đúc kết những quan điểm lý luận chính trị hết sức sâu sắc, kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Để quán triệt Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, nhất thiết phải có sự nghiên cứu, tìm tòi từng vấn đề cụ thể. Nhưng cũng cần thấy rằng, 10 vấn đề nêu trong văn kiện là 10 lĩnh vực vừa cụ thể, vừa khái quát, hàm chứa những nội dung lớn và giữa chúng lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, làm cơ sở cho nhau, nên chúng ta cần phải đi sâu nghiên cứu một cách đầy đủ.

Ba là, do trình độ nhận thức không đồng đều mà yêu cầu đặt ra là cần phải thống nhất tư tưởng và hành động khi thực hiện Nghị quyết. Thực tiễn cho thấy, do nhiều nguyên nhân nên nhận thức, hiểu biết của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về mọi vấn đề nói chung, về Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nói riêng, thường không đồng đều. Sự không đồng đều ấy không chỉ thể hiện ở độ chênh lệch về mức độ hiểu biết nông sâu, rộng hẹp mà còn có cả

Digitized by Google

sự khác biệt đúng, sai đối với những quan điểm tư tưởng, nhận thức lý luận nêu trong Nghị quyết. Trong khi đó, mục đích, yêu cầu của công tác tư tưởng là tạo nên sự thống nhất nhận thức tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn dân để từ đó nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở thống nhất nhận thức tư tưởng, các cấp, các ngành xây dựng chương trình hành động, vận dụng Nghị quyết, xác định những việc cần làm ngay, giải quyết tốt vấn đề bức xúc, tạo bước chuyển biến cụ thể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội tại địa phương.

● **TS Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập báo Nhân Dân,** Để nâng cao chất lượng việc quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cần nắm vững *3 yêu cầu :*

Một là, nắm vững nội dung của Nghị quyết, Nghị quyết phải thật cô đọng, để dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ tổng kết.

Hai là, nghiên cứu Nghị quyết gắn với tình hình của ngành mình, địa phương mình và đi vào những vấn đề đang vướng mắc hiện nay, tìm ra phương hướng giải quyết và những việc cần làm.

Ba là, tìm hiểu chiều sâu, nắm vững bản chất của từng vấn đề trong Nghị quyết để nhận thức toàn diện Nghị quyết, chứ không phải nắm câu chữ trong Nghị quyết.

Cùng với cách lập luận tương tự, tác giả cho rằng để Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đi vào cuộc sống một cách có hiệu quả, cần làm tốt những việc chính sau :

Thứ nhất, từng đơn vị phải xuất phát từ tình hình đặc điểm của mình để xây dựng Chương trình hành động cho sát hợp.

Thứ hai, cấp ủy các cấp thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Thứ ba, có biện pháp sáng tạo biến chương trình, kế hoạch của địa phương, ngành, đơn vị thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng.

Thứ tư, thực hiện Nghị quyết IX của Đảng luôn gắn với việc tiếp tục thực hiện các Nghị quyết trước đó, bảo đảm tính kế thừa, liên tục, thống nhất trong quá trình phát triển.

● **TS Trần Văn Luật, Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.** Từ thực tế giáo dục và tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng ở một số tỉnh, có thể tổng kết và rút ra những vấn đề cần thiết để tổ chức, quán triệt Nghị quyết như : Cấp ủy quan tâm ; các cơ quan tham mưu làm việc chủ động và có hiệu quả ; báo cáo viên và tài liệu được chuẩn bị đầy đủ, kỹ càng ; chương trình hành động của các ngành, các cấp sát hợp.

Tuy nhiên, cũng cần khắc phục những hạn chế thường gặp trong các đợt học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết là : Đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu chưa được học tập nghiên cứu Nghị quyết kỹ càng ; học tập, nghiên cứu Nghị quyết có lúc, có nơi chưa nghiêm túc, chưa sâu, còn mang tính thụ động, đối phó ; công tác kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy nhiều nơi làm chưa tốt ; chưa coi học tập, nghiên cứu Nghị quyết là một quá trình nên có nơi làm ồ ạt chỉ một đợt là coi như xong. Do vậy, việc học tập nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội IX và đưa Nghị quyết vào cuộc sống lần này cần khắc phục những hạn chế thiếu sót trên, đề cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp. Đổi mới một cách toàn diện, sâu sắc tất cả các khâu : biên soạn tài liệu ; hướng dẫn kế hoạch ; tổ chức báo cáo viên ; hướng dẫn thảo luận ; xây dựng chương trình hành động ; kiểm tra đôn đốc ; tổng kết rút kinh nghiệm v.v..

● **GS Văn Tạo.** Trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa hiện nay, mặt tiêu cực trong các hoạt động văn hóa - xã hội còn biểu hiện khá tinh vi ở các dạng như ma túy, ma-phi-a và "ma thuật".

Ma túy đang phá hoại sức mạnh nội lực của dân tộc rất nghiêm trọng. Nó không những không bị đẩy lùi mà có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân có nhiều, nhưng đáng chú ý là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ nhà nước trong các ngành có liên quan. Vì lợi ích cá nhân trước mắt, mà họ bất chấp lương tâm, đạo lý, luật pháp để rồi lâm vào tội lỗi và gây đau thương, bất hạnh cho nhiều người, nhiều gia đình trong xã hội.

Ma-phi-a : đã có mầm mống ở trong nước và có nguy cơ xâm nhập từ bên ngoài vào dưới nhiều hình thức, trong nhiều lĩnh vực, làm vô hiệu hóa không ít những hoạt động ở cấp này, cấp khác ; tổ chức này, tổ chức khác rất đáng lo ngại.

"Ma thuật", biểu hiện trong các hoạt động kinh tế, xã hội ngày càng tinh vi và trầm trọng. Trong kinh doanh như kiểu Ta-mếch-cô Minh Phụng...

Digitized by Google

hiện nay đâu phải đã hết. Trong xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, buôn lậu... diễn ra đủ loại ở khắp nơi. Trong văn hóa, những hiện tượng mua bằng, thi hộ, bằng giả, ăn cắp bản quyền v.v... phát sinh rất đáng lo ngại. Đây là những hiện tượng cần hết sức chú ý để tránh "ma thuật" có thể xảy ra khi nghiên cứu Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống trong điều kiện hiện nay. Chúng ta không thể coi những điều nêu trên là vấn đề nhỏ, chỉ tập trung vào những vấn đề lớn. Thực chất đây là vấn đề cực lớn vì liên quan tới con người, thuộc chiến lược con người - nhân tố quyết định sự trong sạch, lành mạnh của xã hội, động lực thực hiện mọi mục tiêu chiến lược kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra.

● **GS Trung tướng Trần Xuân Trường.** Để nâng cao chất lượng nghiên cứu Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, chúng ta cần cải tiến khâu phổ biến và quán triệt Nghị quyết. Lâu nay chúng ta có khái niệm học Nghị quyết. Học Nghị quyết là cần thiết, vì muốn làm phải hiểu, muốn hiểu phải học, nhưng cách học Nghị quyết như hiện nay sẽ dẫn đến chỗ hoạt động của Đảng thiên về nghiên cứu, nhận thức, trong khi đó thì lãnh đạo của Đảng sau khi có Nghị quyết là phải làm, phải thực hiện Nghị quyết. Vậy xin đề nghị khâu phổ biến Nghị quyết không nên kéo dài từ hội nghị này đến hội nghị khác, mà nên làm nhanh, quán triệt nhanh bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Cần nâng cao chất lượng của việc phổ biến Nghị quyết. Nên chăng, đồng chí Tổng Bí thư của Đảng, hoặc một đồng chí trong Bộ Chính trị được phân công chuẩn bị bài triển khai Nghị quyết thật chuẩn, đọc trên truyền hình, trên đài phát thanh cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nghe, giải thích những cái mới, khêu gợi sự tập trung suy nghĩ vào những điều cần làm, tạo nên một cách hiểu, cách làm thống nhất trong toàn quốc. Các cấp ủy căn cứ vào bài phát biểu chuẩn mực đó mà triển khai thành kế hoạch hành động cho phù hợp với địa phương mình hoặc điều chỉnh để xây dựng chương trình hành động thiết thực.

● **Trung tướng Phạm Quang Cận** cho rằng, có ý kiến khẳng định lâu nay công tác lý luận của chúng ta chuyên về xiết chặt "vít" hơn là giải phóng tư tưởng, đổi mới tư duy. Vậy vấn đề là thế nào ? Đúng là phải xiết chặt "vít", nhưng là xiết chặt "vít" của "đường ray", chứ không xiết chặt vít những bộ phận chuyển động của "con tàu". Tức là kết hợp việc xiết chặt kỷ cương, giữ vững định hướng tư tưởng của Đảng với giải phóng tư tưởng, phát triển tư duy. Có như vậy mới có những con tàu cao tốc xuyên thế kỷ trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Chú ý, nếu chỉ thiên về giải phóng tư duy, say mê một chiều với cái gọi là giải phóng tư duy, kỳ thị với việc xiết chặt vít đường ray thì chúng ta sẽ chỉ có những con tàu cao tốc xuyên thế kỷ, nhưng bị trượt dài trên quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Nói như vậy thì dễ, nhưng xử lý cụ thể thực ra rất khó. Con đường tốt nhất để giải quyết vấn đề này là công tác lý luận phải bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn, không nói lý luận chung chung. Tổng kết thực tiễn theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là cách nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tuyên truyền Nghị quyết IX của Đảng, vừa là cách đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

● **GS, TS Lê Hữu Tầng, Phó giám đốc Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia.** Để Nghị quyết IX của Đảng đi vào cuộc sống, trước hết, cấp ủy phải trực tiếp tổ chức học tập Nghị quyết ; từ thực tiễn phát hiện những vấn đề vướng mắc, đưa ra thảo luận, học tập nghiên cứu, chứ không phó thác, khoán trắng cho các chuyên gia hoặc các báo cáo viên.

Hiện nay có tình trạng cái người ta nói ra với cái người ta suy nghĩ không giống nhau và cái nói trong Nghị quyết, trong thảo luận học tập Nghị quyết khác với cái diễn ra trong cuộc sống. Cho nên cần phải làm như thế nào để không có sự khác biệt đó thì vấn đề học tập Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống mới có kết quả.

Để hiểu được Nghị quyết một cách sâu sắc và đưa Nghị quyết thấm sâu vào cuộc sống, phải đi vào giải quyết những vấn đề vướng mắc. Chẳng hạn phải lý giải được tại sao thời kỳ trước đổi mới và sau đổi mới Đảng ta vẫn lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng mà ai cũng đều biết rằng thời kỳ trước đổi mới và sau đổi mới có sự khác biệt nhau rất lớn về mặt kinh tế - xã hội, vậy có gì mâu thuẫn không ? Điểm mới trong sự nhất quán của chúng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng ở chỗ nào ?

● **GS, TS Phạm Ngọc Quang, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.** Việc truyền đạt Nghị quyết trong những năm qua bên cạnh những

Digitized by Google

thành công là cơ bản, cũng còn thiếu sót là dễ sa vào hai cực đoan :

Một là, người có trách nhiệm truyền đạt Nghị quyết nhắc lại một cách giản lược nội dung cơ bản của Nghị quyết, không làm rõ quá trình hình thành những vấn đề mang tính kết luận được ghi trong Nghị quyết, không nêu ra những ý kiến khác nhau và sự lựa chọn cuối cùng chốt lại trong Nghị quyết. Do vậy, việc tiếp nhận của người nghe thiếu chiều sâu cần thiết, không mở rộng được tầm suy nghĩ của họ trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết ; họ không thấy được trong khi thực hiện, các cơ quan và cá nhân có nhiệm vụ tiếp tục cùng toàn Đảng suy nghĩ để hoàn thiện hơn nữa Nghị quyết. Bởi vì, mọi nghị quyết dù được chuẩn bị công phu đến mấy, dù được thông qua bằng cơ chế dân chủ, thì cũng không phải mọi yếu tố hợp lý trong các ý kiến đều ngay lập tức được chấp nhận và đưa vào Nghị quyết. Hơn nữa, cuộc sống không ngừng vận động và phát triển, sẽ mang lại những sự kiện mới, những thông tin mới, làm nảy sinh những vấn đề mới, đòi hỏi có những giải pháp mới mà khi thông qua Nghị quyết chưa xuất hiện.

Hai là, một số báo cáo viên lấy việc nói những tin tức thời sự có liên quan tới Nghị quyết làm chính ; không tập trung làm rõ nội dung mang tính lý luận, những luận điểm then chốt, sự phát triển tư duy của Đảng trong Nghị quyết. Những buổi trình bày như thế thường mang lại tính hấp dẫn đối với người nghe - nhất là khi đối tượng nghe là những người do hoàn cảnh công tác không có điều kiện cập nhật nhiều vấn đề mang tính thời sự ở cấp vĩ mô. Cách truyền đạt Nghị quyết như vậy vô hình chung đã biến buổi học tập Nghị quyết thành buổi nghe thời sự về một hay các vấn đề nào đó được đề cập trong Nghị quyết.

Theo tác giả, chất lượng của buổi truyền đạt Nghị quyết tùy thuộc vào 3 yếu tố cơ bản : Một là, tính sâu sắc, tính thuyết phục cao và tính thiết thực, bức súc của bản thân Nghị quyết sẽ được đưa ra truyền đạt ; hai là, năng lực của người truyền đạt ; ba là, năng lực nắm bắt vấn đề của người nghe. Cần tìm những giải pháp hữu hiệu nhất để có thể nâng tầm ba yếu tố cơ bản đó.

● **Đồng chí Trần Khánh Chương, Tổng thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam** cho rằng, các đại biểu đã tham dự Đại hội IX của Đảng, các Ủy viên Trung ương Đảng không cần phải cử đi học tập Nghị quyết nữa vì những đối tượng này đã từng nhiều lần đóng góp xây dựng Nghị quyết và đã hiểu Nghị quyết. Cần thiết được học và học trước lại là các chuyên gia, chuyên viên, nhà báo, vì họ là lực lượng nòng cốt làm công tác tham mưu, tuyên truyền, triển khai Nghị quyết. Trong học tập Nghị quyết, cần đặc biệt chú trọng đến chất lượng truyền đạt Nghị quyết. Người truyền đạt Nghị quyết cần có năng khiếu, truyền đạt hấp dẫn và phù hợp với đối tượng.

● **TS Nguyễn Viết Thông, Vụ trưởng Vụ giáo dục lý luận chính trị, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.** Để nâng cao chất lượng của việc quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống cần làm tốt các việc sau :

1 - Thể chế hóa và cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng

Các cấp ủy phải quán triệt quan điểm, đường lối, Nghị quyết của Đảng, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa để đưa Nghị quyết vào cuộc sống ; thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, báo cáo kiến nghị với Đảng để bổ sung, điều chỉnh kịp thời chủ trương, chính sách, nhất là những vấn đề quan trọng.

2 - Tiếp tục đổi mới việc biên soạn tài liệu phục vụ các đối tượng nghiên cứu quán triệt Nghị quyết.

Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết dành cho báo cáo viên và cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ tham mưu, cán bộ nghiên cứu, nhất là ở trung ương và tỉnh, thành cần được viết kỹ, cung cấp cả căn cứ lý luận và thực tiễn cùng với những quan điểm lớn để người đọc hiểu rõ cơ sở khoa học của những quan điểm đó. Có như vậy cán bộ chủ chốt và báo cáo viên mới hiểu sâu Nghị quyết, "biết mười, nói một", có thể giải đáp được những vấn đề đặt ra.

- Tài liệu học tập dành cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở không cần đi sâu phân tích cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn mà đi thẳng vào tinh thần cơ bản, những nội dung chính của Nghị quyết và nêu những dẫn chứng cụ thể nhằm đạt được yêu cầu : vừa làm cho cán bộ đảng viên ở cơ sở hiểu được tinh thần cơ bản của Nghị quyết, vừa dễ nhớ, dễ thực hiện.

- Tài liệu hỏi và đáp phổ biến rộng rãi trong nhân dân cần tiếp tục đổi mới cách viết, đặc biệt là cách diễn đạt. Tài liệu này có thể dùng thơ ca hò vè... để diễn đạt cho dễ hiểu dễ nhớ.

- Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu quán triệt Nghị quyết cần được lựa chọn kỹ sát với nội dung của Nghị quyết.

Digitized by Google

3 - Đổi mới quy trình quán triệt và thực hiện nghị quyết

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và đề ra kế hoạch, giải pháp thực hiện. Ban Tuyên giáo các cấp đóng vai trò nòng cốt tham mưu với cấp ủy trong việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết.

- Cấp tỉnh, thành và đảng bộ các địa phương, cơ quan, đơn vị : căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của cấp trên trực tiếp đề ra kế hoạch thực hiện.

4 - Kiểm tra sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết

Nắm vững tinh thần Nghị quyết, có chương trình hành động, mới là kết quả bước đầu. Cái quyết định nhất là việc phổ biến chương trình hành động và biến nó thành hiện thực. Cấp ủy cấp trên nhất thiết phải tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết của cấp ủy cấp dưới. Đồng thời, mỗi cấp phải tự kiểm tra ; bằng mọi hình thức để cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia kiểm tra. Qua kiểm tra kịp thời biểu dương những nhân tố tích cực và uốn nắn những lệch lạc, giải quyết những khó khăn cho cấp dưới.

● **Đồng chí Khánh Toàn, Ủy viên thường vụ, Chánh văn phòng Hội Nhà báo Việt Nam.** Nghiên cứu, học tập và đưa Nghị quyết vào cuộc sống phải nhằm giải quyết những vấn đề mà thực tiễn và lý luận hiện nay đang đặt ra. Đội ngũ báo cáo viên truyền đạt Nghị quyết cần xây dựng từ nhiều nguồn, chú ý mở rộng đội ngũ báo cáo viên đến cơ sở. Báo cáo viên ở cơ sở cần truyền đạt ngắn gọn để cho người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ tổng kết.

● **GS, TS Lưu Văn Sùng :** Việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống có vai trò rất quan trọng, nhưng làm thế nào để có hiệu quả thiết thực lại là một vấn đề đáng quan tâm. Nên thay đổi lại quá trình học tập Nghị quyết. Học tập Nghị quyết theo kiểu "truyền thống" thì hiệu quả thấp. Thông thường cấp trên học tập nghiêm chỉnh, càng xuống dưới học tập càng qua loa, đại khái thiếu sâu sắc. Hơn nữa, việc đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm học tập Nghị quyết chưa có hiệu quả. Vậy cần thay đổi quá trình học tập Nghị quyết như thế nào là điều cần xác định một cách nghiêm túc.

Thứ nhất, các đại biểu đi dự Đại hội phải là những người trực tiếp truyền đạt, phổ biến Nghị quyết cho các cấp.

Thứ hai, người đứng đầu của Đảng hoặc một Ủy viên Bộ Chính trị được ủy quyền truyền đạt Nghị quyết cho toàn dân trên phương tiện thông tin đại chúng sẽ tạo nên một sự thống nhất nhận thức về những tư tưởng, quan điểm lớn của Đại hội.

Thứ ba, việc triển khai Nghị quyết phải được thể chế bằng pháp luật nhà nước. Hiện nay ngay việc phổ biến, tuyên truyền luật pháp còn bị coi nhẹ, luật pháp chưa thấm được vào dân. Đây là một khâu rất quan trọng cần được lưu ý hơn.

● **TS Ngô Hoan, Phó bí thư thường trực Đảng bộ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.** Từ thực tế triển khai các Nghị quyết của Đảng, để phù hợp với tình hình hiện nay, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau :

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Toàn Đảng nói chung, cũng như mỗi tổ chức Đảng trong cả nước nói riêng đã tập trung cao độ để Đại hội đại biểu của Đảng thành công tốt đẹp. Song, vấn đề đáng lưu ý là sau Đại hội thường nảy sinh tâm lý : thế là việc "đại sự" đã xong, còn việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống cứ "từ từ" cũng không sao, vì nhiệm kỳ Đại hội dẫu sao cũng còn dăm năm nữa. Đây là tâm lý nẩy sinh tình trạng "đầu năm đủng đỉnh, cuối năm vội vàng" thể hiện trong cách nghĩ, việc làm nhiều năm nay và tạo nên một sức ỳ khá lớn gây cản trở cho việc triển khai nghị quyết Đại hội.

Đưa Nghị quyết vào cuộc sống ngay từ tháng đầu, quý đầu, năm đầu là sự đổi mới nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn dân trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Thứ hai, tạo nên phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng cả nước trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, là ngày hội của quần chúng. Dù đường lối có đúng đắn tới mức nào nhưng thiếu phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng thực hiện nó, thì đường lối đó không thể đi vào cuộc sống được, cũng không thể đem lại sức mạnh cho nhân dân.

Thứ ba, xác định những bước cụ thể để đưa văn kiện Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống.

Qua thực tiễn kinh nghiệm của những lần thực hiện Nghị quyết các Đại hội vừa qua có thể có 4 bước chủ yếu sau :

Digitized by Google

Một là, quán triệt sâu sắc nội dung chủ yếu của các văn kiện Đại hội IX trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Hai là, các ban ngành ở trung ương làm công tác lý luận, tư tưởng cần cụ thể hóa văn kiện, Nghị quyết Đại hội, cung cấp cơ sở lý luận, luận chứng để tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, quán triệt triển khai thực hiện.

Ba là, trên cơ sở các quyết định, quy định, quy chế, hướng dẫn... của các ban, ngành ở trung ương, các tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể cơ sở cụ thể hóa thành những quy chế, quy định... cho đơn vị và tổ chức mình, thực hiện có hiệu quả các quy định đó - đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống tại cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi mình đang công tác.

Bốn là, xây dựng phong trào cách mạng quần chúng sâu rộng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước cũng như những chỉ thị, hướng dẫn của các ban các ngành ở trung ương và qui chế, quy định của các tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể của từng đơn vị, tổ chức đảng ở cơ sở.

● **TS Lê Minh Nghĩa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.** Để nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt và đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống cần chú trọng một số vấn đề sau :

Thứ nhất, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền Nghị quyết.

Việc tuyên truyền Nghị quyết đạt chất lượng cao phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Điều quan trọng là những người làm công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết trên cơ sở nắm vững quan điểm của Đảng, đi vào phong trào cách mạng của quần chúng, vào thực tiễn của từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở, đến những mũi nhọn của mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát hiện và trả lời trúng những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Thứ hai, thường xuyên đổi mới hình thức và phương pháp tuyên truyền, quán triệt đường lối.

Phương pháp lấy những điển hình tốt xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng để giáo dục quần chúng, tổ chức thi đua, phát động quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên... rất có hiệu quả. Mỗi cơ quan làm công tác tư tưởng cần cải tiến những hình thức, phương pháp hiện có và phát huy những hình thức, phương pháp có hiệu quả, đi sâu phân tích, nghiên cứu tâm lý của các tầng lớp nhân dân, tìm tòi những hình thức và phương pháp mới, phong phú, sinh động.

Thứ ba, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của những người làm công tác nghiên cứu, truyền bá Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Vấn đề đặt ra hiện nay là cần lựa chọn những người đủ tiêu chuẩn về chính trị, văn hóa, trong đó có tiêu chuẩn quan trọng là năng khiếu nghề nghiệp để làm công tác này. Cần cải cách lại chương trình, nội dung bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn và dài hạn. Cần phát hiện những tài năng, định ra các chế độ, chính sách phù hợp, bảo đảm thực hiện tốt các khâu lựa chọn, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài.

Thứ tư, cải thiện hệ thống tổ chức làm công tác tư tưởng ; cải tiến phong cách lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng, xây dựng nền nếp quản lý và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác tư tưởng.

Làm sao để huy động được toàn Đảng làm công tác tư tưởng là điều mà ai cũng nhất trí, nhưng phải tìm ra được những hình thức tổ chức và phương pháp hoạt động thích hợp cũng như cách thức bồi dưỡng thiết thực để có thể huy động được hàng triệu cán bộ, đảng viên làm công tác tuyên truyền, quán triệt đường lối. Bên cạnh đó là kế hoạch cụ thể, bồi dưỡng nâng cao mặt bằng dân trí nói chung, nâng cao trình độ lý luận chính trị của mỗi cán bộ đảng viên nói riêng, tạo điều kiện cho họ có khả năng tiếp thu và vận dụng sáng tạo Nghị quyết.

● **TS Hồ Văn Chiểu, Tổng biên tập Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng.** Đại hội IX của Đảng khẳng định : công tác tư tưởng, công tác lý luận của ta còn nhiều yếu kém, bất cập. Sự yếu kém đó thể hiện ngay trong việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Đảng. Trong quan niệm và cách quán triệt Nghị quyết hiện nay vẫn mang tính "truyền thống" nên không tránh khỏi những thiếu sót đã từng gặp như : khâu biên soạn tài liệu thường "cô đặc" hoặc "pha loãng" các văn bản Nghị quyết nên có sự không ăn khớp giữa văn bản chính và tài liệu hướng dẫn. Khâu tập huấn báo cáo viên và truyền đạt của báo cáo viên đến cơ sở cũng còn nhiều yếu kém. Mục tiêu để "dân hiểu, dân nhớ" Nghị quyết quả là khó xác định.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết IX của Đảng cần

Digitized by Google

phải đổi mới trước hết trong quan niệm về nhiệm vụ này. Để hiểu, nhớ, làm theo Nghị quyết cần phải phát huy sáng tạo trong quá trình quán triệt Nghị quyết. Để phát huy sáng tạo, cần phải phát động tự do tư tưởng, tự tìm tòi Nghị quyết, chứ không phải dội từ trên xuống theo công thức : trung ương học 7 ngày, tỉnh học 3 ngày, cơ sở học 1 buổi. Muốn vậy, quy trình phải bảo đảm : cơ sở thảo luận chính những Văn kiện của Đại hội, nêu lên những vấn đề cần tranh luận, cấp ủy (hoặc mời báo cáo viên) giải đáp, đề ra chương trình hành động. Các ban tư tưởng, tuyên huấn kiểm tra việc thực hiện tổng kết, nêu ra bài học, nêu gương điển hình. Tài liệu cũng cần có hai loại : một loại hướng dẫn giúp cho cấp ủy cơ sở tổ chức hội thảo, tranh luận ; một loại tham khảo nhằm cung cấp những tư liệu cho những luận điểm mới của văn kiện. Cần kết hợp các phương pháp sư phạm truyền thống với các phương pháp sư phạm hiện đại : dạy học nêu vấn đề và dạy học chương trình hóa. Cấp ủy phải nêu cao tinh thần trách nhiệm cả trong việc tổ chức quán triệt Nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

*
* *

Các đại biểu tham dự hội thảo đã phát biểu một cách dân chủ, hào hứng, cởi mở và sâu sắc. Qua những phân tích, luận giải, các đại biểu đã đi đến một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống :

1 - Việc tổ chức học tập, triển khai Nghị quyết IX của Đảng là rất cần thiết, vấn đề đặt ra là phải đổi mới cho phù hợp với tình hình để có hiệu quả cao hơn. Trong nhiệm vụ này, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy các cấp phải nắm chắc, hiểu sâu Nghị quyết và trực tiếp truyền đạt, chỉ đạo quán triệt thực hiện Nghị quyết, không thể "khoán trắng" cho báo cáo viên hoặc dừng lại ở việc báo cáo truyền đạt Nghị quyết.

2 - Cần đổi mới cách nghiên cứu, học tập Nghị quyết để khắc phục tình trạng thụ động, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Báo cáo viên phải là người thực hiện "đơn đặt hàng" của cấp ủy để khi truyền đạt Nghị quyết gắn được với thực tiễn sôi động của địa phương, đơn vị, đi vào những vấn đề đang vướng mắc để người nghe liên hệ được Nghị quyết với thực tiễn của địa phương, tìm thấy hướng giải quyết và những việc cần làm.

Truyền đạt Nghị quyết phải bám sát vào đối tượng, truyền đạt ngắn gọn, cô đọng, tập trung vào những điểm chính để người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ tổng kết.

Đối tượng học tập Nghị quyết ở các cơ quan trung ương, ngoài diện cán bộ lãnh đạo đầu ngành, cần đặc biệt chú ý mở rộng đến đội ngũ chuyên viên và các nhà báo, vì đây là những người nòng cốt làm công tác tham mưu, tuyên truyền triển khai, thực hiện Nghị quyết. Vì thế, nếu có thể được, nên cho các đối tượng này học trước với những yêu cầu thích hợp.

Đối với đội ngũ đảng viên, các tầng lớp nhân dân cần có các bản tóm tắt Nghị quyết với nội dung được biên soạn ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Việc tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, tạo thành đợt sinh hoạt chính trị rộng khắp, sôi nổi trong cả nước với khí thế mới.

3 - Cung cấp đủ tài liệu nghiên cứu học tập, triển khai Nghị quyết cho cán bộ và nhân dân. Tài liệu nên biên soạn thành nhiều loại như dạng chuyên sâu, nâng cao để dùng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu ; loại ngắn gọn, cô đọng dễ nhớ, dễ làm dùng cho đông đảo đảng viên, quần chúng nhân dân.

4 - Cấp ủy đảng các cấp cần kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc học tập Nghị quyết và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, liên hệ giải quyết những vấn đề vướng mắc ở địa phương mình, ngành mình.

5 - Mỗi cấp ủy xây dựng cho đơn vị mình chương trình hành động cụ thể, phù hợp. Tránh tình trạng cấp dưới rập khuôn chương trình hành động của cấp trên một cách khiên cưỡng, hình thức.

6 - Để nhanh chóng giới thiệu tinh thần Nghị quyết IX của Đảng đối với quần chúng nhân dân, đề nghị đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phát biểu những bài đặc biệt trên Đài truyền hình và Đài phát thanh để định hướng thống nhất về nhận thức tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân.❑

NHẬT TÂN
(Thực hiện)

Digitized by Google

VỀ TƯƠNG LAI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NHỊ LÊ *

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc vừa khép lại, *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội lần thứ IX của Đảng ta khẳng định : "Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH)..., mặc dù vào thập niên cuối, CNXH thực hiện tạm thời lâm vào thoái trào" (1). Bước vào thế kỷ XXI - một thế kỷ sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc, *Báo cáo Chính trị* dự báo : "CNXH trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới CNXH (2).

Toàn bộ các nhận định đó xác nhận và mở ra một tầm nhìn tổng thể, khoa học và cách mạng về thời đại ngày nay nói chung, CNXH nói riêng, với những cơ hội và thách thức mới. Điều đó không chỉ có ý nghĩa về phương diện khoa học và chính trị trong việc kiên trì, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin về quy luật tiến hóa của lịch sử loài người mà ở tầm nhìn rộng lớn và cấp thiết hơn trên bình diện thực tiễn là, biến quy luật khách quan đó thành hành động cách mạng trong khuôn khổ những điều kiện và khả năng hiện thực mới ở mỗi quốc gia, dân tộc trên con đường tiến tới CNXH, xét trên quy mô toàn cầu.

Trong hệ lý luận và thực tiễn hết sức rộng lớn, đa diện về CNXH, hiện đang nổi bật *năm luận đề lớn* sau.

1. Trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin - nền tảng tư tưởng chính trị và động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội

Nhân loại đã đi gần trọn năm đầu tiên của thiên niên kỷ thứ III. Nghĩa là, không phải đợi tới lúc thế kỷ XXI điểm chuông, loài người mới chợt nhận ra rằng : Nhân loại "không có tương lai mà lại không có Mác" (3). Thực tiễn 84 năm phát triển của CNXH hiện thực trong thế kỷ XX cho thấy, ở đâu và lúc nào người ta xa rời hay làm biến dạng chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì ở đấy và khi ấy xuất hiện sự chao đảo, chệch choạc, con đường và tương lai phát triển của CNXH rơi vào bế tắc, thậm chí đổ vỡ. Cố nhiên, sự phát triển của thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm chứng lý luận, và người ta đang cố sức bấu víu vào điểm này để kết tội chủ nghĩa Mác - Lê-nin về những gì thất bại mà CNXH hiện thực vấp phải trong thế kỷ XX ; song, ít ai hiểu rằng, chính thực tiễn lại cho thấy, *không gì thực tiễn hơn khi chúng ta có một lý thuyết khoa học và cách mạng, và tiếp tục làm cho nó phát triển không ngừng thông qua thực tiễn cách mạng*. Lý thuyết khoa học và cách mạng đó, là chủ nghĩa Mác - Lê-nin - nền tảng tư tưởng chính trị và động lực của CNXH hiện thực, với tư cách là một hệ thống xã hội - chính trị, trong thế kỷ XX và XXI.

Hơn bao giờ hết, lời dạy của C. Mác lại trở nên thời sự như hiện nay : "Vô sản chỉ có thể tồn tại trên phương diện lịch sử toàn cầu, cũng như chủ nghĩa cộng sản (CNCS), vốn là hành động của nó, thực tế cũng không thể tồn tại được, trừ sự tồn tại mang tính

---

* TS. Triết học

(1), (2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 61 - 62, 65

(3) G. Đê-ri-đa : *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia - Tổng cục II Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 1994, tr 42

Digitized by Google

chất lịch sử toàn cầu của nó" (4). Từ thực tiễn phát triển của CNXH hiện thực thế kỷ XX, xét dưới mọi tư cách, nhìn dưới mọi mức độ, thành tựu của nó là hiển nhiên, không ai có thể phủ nhận được. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã - vẫn - và mãi là một học thuyết cách mạng và khoa học ; là *nền tảng sức mạnh tư tưởng chính trị*, là *ngọn nguồn thắng lợi* và *động lực phát triển* của CNXH hiện thực hôm qua, hiện nay và tất nhiên cả ngày mai.

Nói như vậy cũng có nghĩa là nói tới sự cần thiết phải phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo. Trong quá khứ, sự kiên định trên lĩnh vực này thường được quy thành sự diễn giải máy móc chứ không thể nói đến sự phát triển lý luận một cách sáng tạo. Hiện thực tình trạng tụt hậu của lý luận và di hại của nó còn tồn tích tới hiện nay, một phần cơ bản là do thái độ đối xử và phương pháp cứng nhắc, giáo điều của chúng ta với chủ nghĩa Mác - Lê-nin sinh động. Tất nhiên, không phải vì thế rồi coi lý luận là một điểm tựa hay một cứu cánh có thể lập tức giải quyết được mọi vấn đề của thực tiễn. Nhưng, nếu không có sự phát triển của lý luận một cách sáng tạo trên cơ sở thực tiễn thì chắc chắn rằng, thực tiễn cũng sẽ không thể tiến lên, dù chỉ là một bước nhỏ.

Rất tự nhiên và may mắn rằng, sự thống nhất hữu cơ nội tại giữa lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin tự nó là một học thuyết mở, hàm chứa khả năng và tất yếu không ngừng tự đổi mới, tự phát triển trong dòng vận động của trí tuệ loài người nói chung, trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và xây dựng CNXH tại các nước khác nhau nói riêng, đã trả lời vấn đề khó khăn đó. Vấn đề là, những người mác xít ở mỗi nước phải vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết cách mạng và khoa học ấy trên tinh thần cách mạng phê phán, trong những điều kiện lịch sử cụ thể mà mình đang hoạt động. Đó cũng là con đường kiên định, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách đúng đắn nhất, chắc chắn nhất và hiệu quả nhất, trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng XHCN và xây dựng CNXH hiện nay.

2. Sự phát triển thống nhất trong đa dạng

Nhìn lại lịch sử sinh thành và phát triển của CNXH mác xít với tư cách là một học thuyết, một phong trào hiện thực và một chế độ xã hội, trải hơn một thế kỷ rưỡi qua, hoàn toàn cho phép chúng ta khẳng định rằng : CNXH mang *bản chất quốc tế* nhưng lại là hiện thực diễn ra ở một quốc gia hiện thực lịch sử cụ thể. Nghĩa là, sự vận động của phong trào XHCN tuân theo các quy luật chung một cách thống nhất nhưng tồn tại dưới dạng cụ thể, bị chi phối bởi các tính quy luật ở mỗi quốc gia, dân tộc do trình độ phát triển khác nhau về các mặt kinh tế, chính trị, lịch sử, xã hội... nên nó không thể không mang theo những hình thức, bước đi, nhịp độ khác nhau trong tiến trình đi lên CNXH.

Tính thống nhất của CNXH là những thuộc tính chung, những đặc trưng bản chất, những quy luật phổ biến của CNXH phải được áp dụng chúng ở bất cứ quốc gia, dân tộc nào, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền và lãnh đạo tiến hành cuộc cách mạng XHCN. Đó là *bản chất*, là *nội dung* của CNXH. Chính các quy luật phổ biến này, các thuộc tính chung nói lên những nội dung và điều kiện tất yếu phải có cho sự tồn tại, phát triển của bất cứ quốc gia XHCN nào, thể hiện bản chất của CNXH dù có được thể hiện độc đáo, sinh động ở các quốc gia XHCN đến đâu chăng nữa. Đó chính là tiêu chí để phân biệt CNXH và CNTB hay với bất kỳ thể chế xã hội - chính trị nào khác. Nghĩa là chỉ có những thuộc tính đó thì CNXH mới là nó, mới trở thành chính nó.

Nhưng, tính thống nhất của CNXH không thể không tồn tại và thể hiện thông qua các hiện tượng lịch sử cụ thể, đa dạng. Bởi, nếu chúng ta quan niệm CNXH là sự thống nhất nội tại về bản chất của các hình thức biểu hiện của hiện thực thì một hình thức tồn tại nào đó của nó được gọi là dạng thức. Vì vậy, *tính đa dạng của CNXH là những dạng thức thực hiện cụ thể của CNXH.* Trên phương diện này, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã tạo ra một môi trường rộng lớn cho sự sáng tạo và khả năng kiếm tìm những phương án phát triển khác nhau của CNXH. V. I. Lê-nin đã nói, bước quá độ lên CNXH không thể không làm nảy sinh những hình thức quá độ hết sức đa dạng. Chính sự phát triển của những cái riêng, cái đặc thù của các xã hội XHCN cụ thể làm phong phú sâu sắc cái chung, cái phổ biến, làm cho cái chung, cái phổ biến có sức sống hiện thực và do đó, tính thống nhất không rơi vào trừu tượng, chung chung. Bởi, không thể có CNXH vô hình nằm ngoài quốc gia, dân tộc ; chỉ có CNXH sinh thành và phát triển trong lòng

(4). Dẫn theo M. Côn-sô-lô : *Nhân dân I-ta-li-a quan tâm sâu sắc công cuộc đổi mới của Việt Nam*, báo Nhân Dân, ra ngày 22-4-2001, tr 7

Digitized by Google

mỗi nước, mỗi dân tộc phù hợp và được quy định bởi đặc điểm và hoàn cảnh ở đó mà thôi.

Như vậy, các nước tiến lên CNXH theo bản chất chung một cách thống nhất, nhưng trong các điều kiện lịch sử cụ thể khác nhau lại có sự vận động thông qua các mô hình xây dựng cụ thể, các con đường, hình thức và biện pháp riêng biệt khác nhau. Do đó, càng không thể nói tới một khuôn mẫu, mô hình xây dựng CNXH hay một con đường, phương thức duy nhất... áp đặt cho mọi quốc gia, dân tộc. Quá trình hình thành xã hội XHCN ở các quốc gia, dân tộc được đẩy mạnh một cách phong phú, sáng tạo và đa dạng, bảo đảm phù hợp với những nét đặc thù ở mỗi nước, mỗi dân tộc ; nhờ đó, các quy luật phổ biến có tính thống nhất về bản chất của CNXH càng được củng cố, càng được bổ sung một cách sâu sắc và chắc chắn. Hiện thực đã và đang sáng tỏ một câu trả lời rằng, *tính đa dạng của các mô hình xây dựng cụ thể và con đường đi lên CNXH cũng là điều kiện tự nhiên như sự vận động của cuộc sống với muôn hình, muôn vẻ, muôn sắc màu của nó.*

3. Cải cách, đổi mới không ngừng theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa

Xét trên bình diện thực tiễn, CNXH là một phong trào hiện thực vận động trên cơ sở khoa học nên không thể không tự làm giàu thêm những tri thức mới, thâu thái những kinh nghiệm mới ; đồng thời phải thay thế, loại bỏ những kết luận, những bài học đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua. V. I. Lê-nin nói : Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người XHCN cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống. Và Người đã cảnh tỉnh những ai suy nghĩ giản đơn, ảo tưởng về CNXH, rằng : Chúng ta phải đi vào con đường thiết thực..., chúng ta phải thôi, không coi CNXH là một tượng thánh sơn màu sặc sỡ... cần làm cho tất cả phải được kiểm nghiệm. Theo ý nghĩa đó, cải cách, đổi mới chính là nhằm đáp lại đòi hỏi, yêu cầu và thách thức ấy trong sự phát triển về mặt lý luận của CNXH. Mặt khác, dưới góc độ thực tiễn thì xã hội XHCN không phải là một xã hội hoàn chỉnh ngay một lúc, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét trong sự biến đổi và cải tạo thường xuyên, như Ph. Ăng-ghen căn dặn ngay từ năm 1890.

Mặc dù trong tình thế hiện nay, CNXH hiện thực có tổn thất một bộ phận lớn nhưng tính chất của cuộc đấu tranh vì lý tưởng CSCN vẫn không thay đổi. Cố nhiên, chúng ta không thể trở lại con đường cũ, mà phải đổi mới nhằm xây dựng có ý thức một hình thái kinh tế - xã hội mới để chấm dứt "thời tiền lịch sử của xã hội loài người" (tức CNTB), như C. Mác nói. CNXH hiện thực phải tiếp tục đáp lại một cách xứng đáng với thách thức và đòi hỏi ấy của lịch sử. Nói cách khác, tương lai của CNXH nói chung và mỗi nước XHCN nói riêng, trước hết nằm trong và tùy thuộc vào sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới XHCN theo đúng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cách mạng và sáng tạo nhằm khắc phục những nhược điểm, khuyết tật mà trước đây, đã vấp phải.

Kết thúc thế kỷ XX, các nước XHCN Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... vẫn tiếp tục ổn định và phát triển theo mục tiêu XHCN rõ ràng là *bằng, trong* và *nhờ* công cuộc cải cách, đổi mới một cách có nguyên tắc từ suy nghĩ độc lập, sáng tạo, xuất phát từ chính thực tế của mình, thông qua những con đường, phương pháp, cách thức tiến hành phong phú, năng động. Như thế, những kết quả trong công cuộc xây dựng CNXH phụ thuộc rất lớn vào việc kết hợp đúng đắn tính thống nhất với tính đa dạng của CNXH trong sự phát triển xã hội, thông qua cải cách, đổi mới đúng đắn và sáng tạo.

Rõ ràng, *CNXH cần phải và nhất định tồn tại, phát triển thông qua những con đường cải cách, đổi mới phù hợp điều kiện lịch sử cụ thể của các nước.* Đó là một tất yếu trong xu thế vận động của CNXH hiện thực, ở thế kỷ XXI.

4. Thống nhất và đấu tranh - con đường tiến lên hợp quy luật của chủ nghĩa xã hội

Trong việc phân tích những vấn đề hiện nay của CNXH, không thể không xem xét nghiêm chỉnh, tỉnh táo và thực tế những vấn đề thuộc về CNTB, xét trong mối quan hệ tất yếu và tương tác với CNXH trong một thế giới chỉnh thể vừa đấu tranh vừa hòa hoãn, vừa hợp tác vừa phủ định nhau dưới mọi hình thức và mức độ ; và mặt khác, ở mức độ lớn hơn và sâu sắc hơn là, những vấn đề về triển vọng của cách mạng XHCN trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa (TBCN) và sự lựa chọn con đường đó, đối với các nước đang phát triển. Nếu không nhận thức một cách rõ ràng và kiên định những vấn đề ấy thì chúng ta rất

Digitized by Google

dễ rơi vào cái vũng lầy tư tưởng của lý thuyết đồng quy (conver gency) đang cổ súy cho cái gọi là sự tập hợp cái tốt nhất của CNXH, cái tốt nhất của CNTB và cùng phát triển, tương tự như thuyết hội tụ mà các học giả tư sản đã tung ra cách đây không lâu và đã đánh lừa được không ít người nhẹ dạ hay mơ hồ.

Điều đó khác hẳn với việc thừa nhận khách quan rằng, tất cả những gì do CNTB tạo ra : khoa học - kỹ thuật, kinh tế tri thức, sự điều chỉnh chiến lược xã hội của nó... có thể dẫn tới sự dồn nén tiềm năng phản kháng xã hội nào đó, nhưng việc chuyển trực tiếp sự phản kháng ấy thành cách mạng XHCN thì dường như ít có khả năng hơn, do vấp phải không ít khó khăn. Mặt khác, sự thất bại của CNXH hiện thực vào cuối thế kỷ XX ở Liên Xô và Đông Âu quả là đã làm suy yếu đáng lo ngại tính hấp dẫn của tấm gương XHCN ; khiến cho hoạt động của các Đảng Cộng sản ở các nước TBCN đã trở nên phức tạp, khó khăn hơn.

Có thể nói, trình độ phát triển kinh tế mà CNTB tạo ra, phương pháp điều khiển xã hội cần thiết đã và đang cho phép nó tránh được hoặc chí ít hạn chế tới mức có lợi cho nó trước sự gia tăng bất mãn và phản kháng nó, đem lại cho nó những vũ khí mới để thực hiện mưu đồ "diễn biến hòa bình" nhằm tiêu diệt CNXH. Cuộc cải tổ cơ cấu của CNTB trên cơ sở những thành tựu khoa học - kỹ thuật đang làm khó khăn thêm cho các hoạt động của phong trào công nhân có tổ chức vốn đã rất khó khăn, trở nên bị thu hẹp ảnh hưởng ngay trên cả những nơi mà trước đây nó đã gây được sự tác động to lớn. Những giá trị và lý tưởng của CNXH, tâm trạng chống CNTB vẫn đang tiếp tục sống trong ý thức tư tưởng của những người lao động, song hành vi của họ trên vũ đài chính trị - xã hội lại có nguy cơ bị thu hẹp đã ảnh hưởng to lớn và sâu sắc tới việc thực hiện những lý tưởng và giá trị XHCN bằng một "bước ngoặt hoàn toàn" về chế độ xã hội - chính trị. Việc duy trì và tăng cường các "khối", nhất là khi khối Liên Xô và Đông Âu tan vỡ vào đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sự đẩy mạnh liên kết về kinh tế dưới các "liên minh" trong thế giới TBCN đã trực tiếp hạn chế khả năng cách mạng giành thắng lợi trong một thời gian rút ngắn như trước đây, v.v... Đó là những nguy cơ đồng thời là những thách thức to lớn mà CNXH phải đương đầu, không thể mơ hồ. Ở đây, cách xem xét của C. Mác và V. I. Lê-nin đối với CNTB dưới hai khía cạnh "... một xã hội và một sự tiến bộ nhất định, tức là : xã hội TBCN và sự tiến bộ TBCN", càng đáng để chúng ta suy ngẫm. Xét theo ý nghĩa đó, rõ ràng, CNXH trên con đường phát triển của mình, *không thể không xem CNTB vừa là một đối tác vừa là một đối trọng*, trong bước phủ định tất yếu đối với nó.

Ở khu vực các nước đang phát triển, chưa bao giờ như hiện nay, đang diễn ra những thay đổi hết sức sâu sắc trong hoàn cảnh khách quan. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, giai cấp công nhân theo đó không ngừng trưởng thành, tính đa biến thể của những con đường phát triển đối với các nước này và vấn đề lựa chọn con đường nào là tối ưu vẫn chưa được giải quyết tốt nhất. Trong khi đó, những triển vọng của tiến bộ xã hội thế giới nói chung lại lệ thuộc phần lớn vào sự tiếp tục lựa chọn con đường phát triển CNXH của các nước này. Nói cụ thể, đó chính là một tiềm năng, một hướng phát triển quan trọng của CNXH ở thế kỷ XXI. Đúng như một nhà chính trị người I-ta-li-a, ông Ô. Di-li-béc-tô, nói : "Tất cả mọi người cộng sản và mọi người dân chủ trên toàn thế giới ngày nay, trong mỗi nước cũng như trong tập thể phải suy nghĩ về giai đoạn mới được mở ra từ 1989 để làm sao có thể đưa ra được những câu trả lời mới cho các vấn đề mới đang đặt ra trước chúng ta... Các vấn đề này phải được đề cập với một sự đào sâu cần thiết trước hết là ở cái may mắn thay hiện vẫn còn một hệ thống dựa trên cơ sở các ý tưởng XHCN" (5).

Thế giới đang bước vào một giai đoạn lịch sử đối thoại lấn át và thay dần cho đối đầu giữa các hệ thống xã hội đối lập ; song chính điều đó, rất dễ làm người ta rơi vào những ảo tưởng mới về một thế giới không còn mâu thuẫn. Đặc biệt nguy hại là kiểu suy diễn giản đơn về sự nhất thể hóa thế giới trên phương diện kinh tế thì cuộc đấu tranh chính trị và hệ tư tưởng trên vũ đài lịch sử thế giới theo đó đang "tắt dần". Nhưng kỳ thực, *tính chất và nội dung cuộc đấu tranh giữa CNTB với CNXH vẫn không hề thay đổi*, nếu sự thay đổi có thật ở đây thì chỉ là hình thức, trật tự và mức độ của nó mà thôi. Nói cách khác, CNTB vẫn không vẫn không hề thay đổi bản chất, nhằm tiêu diệt CNXH bằng "diễn biến hòa bình",

(5) *Lời chào mừng Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 89 - 90

Digitized by Google

"chiến thắng không cần chiến tranh" thì càng rõ ràng, CNXH "thay thế CNTB" là quy luật và không thể có chuyện CNXH "từ bỏ ý đồ cách mạng", như ai đó nói. Đó là tất yếu. Đúng như Víc-to Côn (Ác-hen-ti-na) nhận định : "... Cùng với cuộc khủng hoảng của CNTB thì thực tế cũng là cuộc khủng hoảng của CNXH và vì thế... cách mạng là cần thiết hơn bao giờ hết" (6).

Sự vững vàng vượt qua cơn "động đất lịch sử" của CNXH ở các nước XHCN Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... trong thế kỷ XX, đã mở ra chân trời rộng lớn cho các quốc gia sau khi giành được độc lập và thường lựa chọn con đường đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN ; mặt khác, càng cho thấy, việc xử lý mối quan hệ giữa CNXH và CNTB trong bước phủ định biện chứng CNTB là đúng đắn và hiệu quả. Có thể nói, sự nỗ lực này là một đóng góp quý báu vào sự phát triển của CNXH khoa học, ở những thập kỷ cuối cùng đầy giông bão của thế kỷ XX, cần được giữ gìn và cổ vũ hơn nữa trong thế kỷ XXI. Nói như A. Rê-ben-lô (Bra-xin) : "Điều đó chứng minh tính thời đại, tính tất yếu và sức sống của CNXH trong thời đại ngày nay" (7).

5. Chủ động hội nhập

Việc dự đoán sự phát triển ở thời đại chúng ta là hết sức khó khăn. Vì sao vậy ? Vì chưa bao giờ như hiện nay, nhân loại đang sống trong một thời kỳ lịch sử hàm chứa và thể hiện tính chất phát triển rút ngắn và khả năng phát triển ngắn hạn hết sức mới mẻ.

Không những vậy, cũng chưa bao giờ như hiện nay, trong xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa về kinh tế, nhân loại đang sống giữa thời kỳ hàm chứa những con đường phát triển hết sức đa dạng. Các nước đã bứt phá lên được, dù ở mức độ nào cũng đều cho thấy, họ đã tìm ra được mô thức phát triển riêng cho mình và biết xuất phát từ những giải pháp độc đáo để đi lên. Điều đó thực sự đang mở ra triển vọng về sự phát triển hoặc tuần tự hoặc nhảy vọt lên CNXH đối với các nước ở mọi trình độ khác nhau.

Quốc tế hóa, toàn cầu hóa về kinh tế hiện nay đang là một xu thế khách quan của thế giới đương đại. CNTB đã và đang tận dụng cơ hội này nhằm toan tính mưu đồ thống trị toàn cầu mà thủ đoạn "diễn biến hòa bình", với những "con ngựa gỗ thành Tơ-roa" hay chiến thuật "vượt trên ngăn chặn" của nó hiện nay đối với các nước khác, nhất là các nước XHCN là một bằng chứng hùng hồn. Kỳ thực, vấn đề này không nằm ngoài sự tiên liệu của C. Mác và Ph. Ăng-ghen ngay từ những năm 1847 - 1848, rằng : "Giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu" ; "nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt ; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình ảnh của nó" (8). Chúng ta cần phải tỉnh táo thấy rõ âm mưu toàn cầu hóa TBCN hiện nay. Nhưng vấn đề không đơn giản dừng lại ở chỗ, xem "toàn cầu hóa TBCN là kẻ thù của chúng ta" tuy hết sức đúng đắn, như M. Côn-sô-lô (I-ta-li-a) nói, mà chính từ xu thế có tính khách quan này đã và đang gợi ý suy ngẫm cho những người cộng sản về vấn đề cực kỳ to lớn và hệ trọng : ***Đó là toàn cầu hóa XHCN trong tương lai phát triển của nhân loại.***

Diện mạo của thế giới mới như thế nào, có thể nói một phần quyết định phụ thuộc vào nỗ lực chung của các nước XHCN và phong trào phát triển của CNXH trong tiến trình chủ động hội nhập thế giới nhằm chống lại toàn cầu hóa của CNTB. Bởi lẽ, tất cả những tiền đề bảo đảm cho sứ mệnh trọng đại đó đã được thế giới tạo ra, đúng như C. Mác dự báo vào những năm 1845 - 1846 : "CNCS chỉ có thể có được một cách kinh nghiệm như là hành động "tức khắc" và đồng thời của những dân tộc chiếm địa vị thống trị, điều này lại giả định phải có sự phát triển phổ biến của lực lượng sản xuất và của sự giao tiếp có tính thế giới gắn liền với CNCS" (9). Thực sự đây là một *cơ hội* đồng thời cũng là một *thách thức* về triển vọng của CNXH hiện nay.

Sự phát triển của nhân loại tất yếu là CNXH. Xét từ chiều sâu bản chất của nó, CNXH chính là một hình thái phát triển của văn hóa. C. Mác nói, "CNCS coi như chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị, = chủ nghĩa nhân đạo". Điều này không hề mâu thuẫn với những quan điểm hiện đại, mà trái lại, là một sự thống nhất tuyệt vời trong cách nhận thức và hành động của các nước XHCN trên con đường phát triển hướng tới con người, vì con người và cho con người một cách hợp quy luật trong đời sống hiện thực của mình. ❑

(6) *Sđd*, tr 130

(7). *Sđd*, tr 134

(8), (9) C. Mác-Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t I, tr 545 - 546, 297

Digitized by Google

THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG CÔNG BẰNG VÀ HIỆU QUẢ TRONG CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

PHẠM MẠNH HÙNG *

HỘI nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết về những vấn đề cấp bách trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Quan điểm cơ bản xuyên suốt Nghị quyết : *Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư cho sức khỏe chính là đầu tư cho phát triển kinh tế. Phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khỏe* (CSSK).

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, và Chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001 - 2010, trong đó có định hướng công bằng và hiệu quả trong CSSK, chúng ta cần xác định ba vấn đề mấu chốt. Đó là đặc trưng cơ bản của mô hình y tế Việt Nam; các nguồn lực tài chính dành cho y tế và vị trí của mỗi nguồn lực ; các cách phân bổ nguồn lực tài chính trong ngành y tế.

1- Xây dựng mô hình y tế Việt Nam.

Khi nói tới ngành y tế Việt Nam, một số chuyên gia về chiến lược y tế (trong đó có chuyên gia Thụy Điển) đã nêu 2 nhận xét. *Thứ nhất,* hình như ở Việt Nam, các nhà lãnh đạo ngành y tế nghĩ một cách đơn giản là khi chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế bao cấp và kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường thì đương nhiên Việt Nam sẽ có một nền kinh tế y tế thị trường. *Thứ hai,* hình như ở Việt Nam có một suy nghĩ cho rằng hễ đời sống nhân dân được cải thiện do nền kinh tế tăng trưởng thì người dân sẽ tự động bỏ tiền để chăm lo sức khỏe của họ và nhà nước sẽ rảnh tay đối với công tác CSSK.

Từ hai nhận xét trên, các chuyên gia đã khuyên chúng ta : để bảo đảm được định hướng công bằng và hiệu quả trong CSSK cần xác định được mô hình y tế, trong đó điểm quan trọng là xác định nền y tế công (y tế nhà nước) hay nền y tế tư nhân sẽ đóng vai trò chủ đạo.

Khi nghiên cứu nền y tế của các nước tư bản, chúng ta có thể thấy tất cả các nước này không có chung một mô hình y tế, mà trái lại rất đa dạng và tùy thuộc chiến lược y tế của mỗi nước. Các mô hình y tế có thể sắp xếp thành một dãy phổ có 2 cực đại diện. Một cực là mô hình của các nước Bắc Âu lấy y tế công làm chính và một cực là mô hình của nước Mỹ lấy y tế tư nhân làm nòng cốt. Điểm khác biệt cốt lõi của hai mô hình mang tính chất cực này là ở chỗ nền y tế có đặt ra công bằng là mục đích bảo đảm chính không ? Trong khi nền y tế các nước Bắc Âu rất coi trọng mục đích công bằng, thì nền y tế của nước Mỹ mục đích này lại mờ nhạt. Do đó, việc khẳng định mô hình y tế chính là một việc làm hết sức cần thiết để đạt mục đích của nền y tế.

Bản chất xã hội chủ nghĩa của nền y tế Việt Nam được thể hiện rõ nét nhất ở chỗ chúng ta phấn đấu thực hiện sự công bằng trong CSSK. Cần khẳng định mô hình y tế của nước ta như thế nào để đạt được mục đích đó. Hiện nay chúng ta đang đứng trước ngã tư đường với 4 khả năng : *Thứ nhất* là quay trở lại nền y tế bao cấp như thời kỳ trước đây ; *Thứ hai* là phát triển ồ ạt y tế tư nhân theo hướng dân lập hóa nền y tế ; *Thứ ba* là phát triển 50% y tế công và 50% y tế tư nhân ;

* GS, TS KH, Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế

Digitized by Google

Thứ tư là lấy y tế công làm chủ đạo và phát triển từng bước y tế tư nhân một cách hợp lý. Mỗi khả năng đều có ưu điểm và nhược điểm riêng của nó, nhưng ở vào thời điểm hiện nay, chúng ta nên lấy khả năng thứ tư để xây dựng mô hình y tế Việt Nam. Vậy, vì sao chúng ta lựa chọn khả năng thứ tư ?

Một là, khi lấy y tế công làm chủ đạo thì Nhà nước mới có thể nắm trong tay nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là y tế cơ sở (tuyến huyện, tuyến xã và thôn, bản). Nếu Nhà nước không nắm nguồn lực của y tế cơ sở thì các thế lực khác sẽ tổ chức và chỉ đạo nguồn nhân lực này và lúc đó chúng ta sẽ mất đi một phần chân đế chính trị ở cơ sở.

Hai là, lấy y tế công làm chủ đạo thì Nhà nước mới dành một khoản kinh phí chiếm một tỷ lệ thích đáng trong tổng thể chi tiêu y tế để thực hiện công tác CSSK và mới chủ động điều chỉnh kinh phí cho vùng nghèo, người nghèo và các đối tượng chính sách để thực hiện công bằng trong CSSK.

Ba là, bản chất của hoạt động y tế là nhân đạo, nếu không lấy y tế công mà lấy y tế tư nhân làm chủ đạo thì khó lòng quản lý và thúc đẩy tính nhân đạo trong ngành y tế, đặc biệt là việc kiểm soát những vấn đề liên quan đến y đức dù cho nhà nước có một đội ngũ thanh tra y tế hùng hậu (cần hiểu khái niệm y đức ở đây một cách toàn diện chứ không chỉ trong phạm vi ứng xử).

Bốn là, chỉ có nền y tế công mới tập trung được nhân lực, vật lực và tài lực để giải quyết những vấn đề bức bách, cấp thiết của các vụ dịch hoặc những hậu quả do thiên tai, lũ lụt gây ra.

Năm là, nền y tế công làm chủ đạo sẽ hoạch định phương hướng phát triển kỹ thuật y tế. Trong khi đó y tế tư nhân do chạy theo lợi nhuận nên có thể dẫn đến hai khuynh hướng, hoặc là chỉ chú trọng đến kỹ thuật cao với giá thành đắt mà người nghèo không tiếp cận được, hoặc là chỉ dừng lại ở những kỹ thuật tầm thường để thu tiền trước mắt mà không phát triển những kỹ thuật hiện đại.

Sáu là, chỉ khi nền y tế công giữ vai trò chủ đạo thì chúng ta mới có một nền y tế toàn diện với cơ cấu thích hợp giữa các chuyên ngành (y tế dự phòng và khám chữa bệnh, y học cổ truyền và y học hiện đại, chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế chuyên sâu...). Y tế tư nhân với mục đích chính là lợi nhuận chỉ quan tâm tới các chuyên ngành nào có sức mua lớn (tức là có yêu cầu cao) chứ không đặt vấn đề phát triển các chuyên ngành theo nhu cầu. Chắc chắn là các chuyên ngành như lao, phong, tâm thần, vệ sinh phòng dịch, tiêm chủng mở rộng... tuy có nhu cầu lớn nhưng lợi nhuận thấp sẽ không được y tế tư nhân quan tâm phát triển.

2- Các nguồn lực tài chính dành cho y tế và vị trí của mỗi nguồn lực.

Nhìn chung nền y tế của các nước đều có 4 nguồn lực tài chính : Ngân sách nhà nước (NSNN, chủ yếu từ thuế) ; Bảo hiểm y tế (BHYT bắt buộc, BHYT tự nguyện, BHYT cho người nghèo) ; viện phí ; viện trợ và vốn vay.

Ngân sách nhà nước có ưu điểm là bảo đảm cho sự duy trì nhân lực của ngành y tế, dễ điều hòa (điều hòa từ vùng giàu sang vùng nghèo, điều hòa khi có việc khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai).

Bảo hiểm y tế là sự tích lũy của cả một tập thể cộng đồng bao gồm cả người khỏe lẫn người ốm để chi trả cho việc khám chữa bệnh. Đối với mỗi cá nhân đó là sự tích lũy của thời gian khỏe để dành cho thời gian ốm. Vì vậy BHYT mang tính cộng đồng rõ rệt. So với NSNN, BHYT bị giới hạn trong phân bổ sử dụng (tức là những người chưa có khả năng tham gia BHYT thì cũng không được quỹ này hỗ trợ trong CSSK).

Viện phí là số tiền mà người bệnh hoặc gia đình người bệnh phải bỏ ra khi ốm đau. Trong thời gian qua, viện phí là một biện pháp tình thế góp phần giảm bớt khó khăn do thiếu kinh phí cho công tác khám chữa bệnh. Nhưng xét về lâu dài chúng ta không nên coi viện phí là một nguồn lực chủ yếu cho chi phí y tế, bởi vì viện phí sẽ làm cho người nghèo càng nghèo hơn.

Digitized by Google

Viện trợ và vốn vay là khoản kinh phí không ổn định vì phải phụ thuộc vào thái độ chính trị của các nhà tài trợ. Việc sử dụng nguồn lực này cho các hoạt động y tế cũng phụ thuộc vào ý muốn của họ.

Từ các nội dung đã phân tích trên đây, chúng ta có thể khẳng định chỉ có NSNN là nguồn kinh phí ổn định, dễ điều hòa nhất để thực hiện được định hướng công bằng và hiệu quả trong CSSK, phát huy bản chất ưu việt của nền y tế xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm cho mục đích công bằng được thực hiện một cách chắc chắn thì nguồn tài chính chủ yếu của y tế Việt Nam phải do NSNN cấp. Nói như thế không có nghĩa là toàn bộ chi tiêu y tế sẽ do NSNN bảo đảm, nhưng ngân sách do nhà nước cấp phải chiếm phần chủ yếu trong tổng chi tiêu y tế. Ngoài nguồn ngân sách do nhà nước cấp, chúng ta hết sức coi trọng BHYT và phải phát triển BHYT theo hướng thực hiện BHYT bắt buộc toàn dân. Viện phí cũng là một nguồn tài chính y tế, nhưng không thể lấy đó là nguồn tài chính chủ yếu nếu chúng ta muốn thực hiện một nền y tế công bằng.

3- Phương thức phân bổ các nguồn lực trong y tế.

Hiện nay có 3 cách phân bổ nguồn lực tài chính dành cho y tế. Phân bổ nguồn lực theo địa lý có thể được tính theo nhu cầu bằng cách lượng định số dân cư được cung cấp các dịch vụ y tế, gánh nặng bệnh tật mà các nhóm dân cư thường mắc, đồng thời xem xét các điều kiện cụ thể của từng khu vực. Phân bổ nguồn lực theo dân số là dựa theo số dân mà không cần tính đến sự khác biệt về nhu cầu. Phân bổ nguồn lực theo yêu cầu là thể hiện sức mua trên thị trường thương mại đối với các dịch vụ y tế.

Mục đích công bằng được bảo đảm cũng phụ thuộc vào cách phân bổ nguồn tài chính. Phân bổ theo yêu cầu tức là phân bổ dựa trên sức mua dịch vụ y tế hay nói cách khác là dựa vào khả năng chi trả của người mua dịch vụ y tế, thì không bao giờ có công bằng trong CSSK. Lẽ hiển nhiên là người giàu và vùng giàu sẽ có sức mua lớn hơn người nghèo và vùng nghèo. Như vậy, phân bổ theo yêu cầu là đồng nghĩa với việc dồn tài chính y tế cho vùng giàu và người giàu. Phân bổ theo dân số tuy có tiến bộ hơn phân bổ theo yêu cầu, nhưng vẫn không thể đạt được mục đích công bằng vì thành thị (nhiều dân hơn) sẽ được phân bổ tài chính nhiều hơn so với miền núi, vùng sâu, vùng xa (ít dân hơn).

Hiện tại cách phân bổ nguồn lực tài chính mới chỉ tính đến nguồn lực tài chính công (NSNN) mà chưa tính đến các nguồn lực tài chính khác. Sự phân bổ nguồn lực tài chính công của ta dựa trên cả 2 cách phân bổ theo nhu cầu và theo dân số (chủ yếu là theo dân số và có dùng hệ số để giải quyết việc ưu tiên cho miền núi, hải đảo, có sử dụng kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia để tập trung một phần ngân sách cho một số vùng sinh thái đặc biệt...). Nhưng trên một số phương diện và ở một số nơi, mô hình phân bổ ngân sách có xu thế chuyển dần sang cách phân bổ theo yêu cầu. Chẳng hạn, một giường bệnh của các bệnh viện Hà Nội và TP Hồ Chí Minh được cấp từ nguồn NSNN số tiền giống như một giường bệnh ở các tỉnh khác trong khi lượng tiền viện phí và BHYT ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh cao hơn gấp nhiều lần so với các tỉnh khác. Từ cơ sở đó, chúng ta nhận thấy khá rõ mục tiêu đưa ra cho ngành y tế Việt Nam là trong phân bổ nguồn lực tài chính phải tính đến tổng thể các nguồn lực tài chính mà ta hiện có, chứ không thể chỉ nghĩ đến ngân sách do nhà nước cấp và phải chuyển dần việc phân bổ các nguồn lực tài chính hiện có theo hướng phân bổ theo nhu cầu của người sử dụng.

Nhận thức đúng và giải quyết tốt ba vấn đề mấu chốt trên đây sẽ góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng về : **"Phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân"** (1) ; giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp của nền y tế nước ta trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 213

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐẦU THẾ KỶ XXI

VŨ VĂN TẢO *

Chúng ta đã bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ mà ***trí tuệ con người*** giữ vai trò quyết định hơn bao giờ hết trong sự phát triển, với các xu thế : *toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin.*

Những xu thế này là *thời cơ lớn* tạo điều kiện cho nước ta có thể vận dụng sáng tạo nhiều ý tưởng tri thức và công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực nội sinh, đi thẳng vào những ngành kinh tế tri thức, với quy mô ngày càng lớn hơn, với tốc độ ngày càng nhanh hơn, thực sự "đi tắt đón đầu" để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những xu thế này cũng là một *thách thức lớn* có thể làm cho khoảng cách giữa nước ta và các nước phát triển trước ta còn gia tăng hơn nữa. Thời cơ và thách thức không chỉ về mặt kinh tế, mà cả về văn hóa, xã hội. Thực chất, đó là thời cơ và thách thức *về yếu tố con người, về nguồn nhân lực,* đặc biệt về ***năng lực trí tuệ và ý chí vững bền của con người, của cộng đồng và của toàn xã hội ta để thực hiện thành công công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa, phát triển từng bước kinh tế tri thức, để hạ quyết tâm sắt đá xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, rút ngắn khoảng cách so với những nước phát triển trước ta, vươn lên "sánh vai cùng các cường quốc năm châu".***

Để nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, cần phải tiếp tục đổi mới, chấn hưng và hiện đại hóa giáo dục, làm cho nền giáo dục hiện nay thực sự trở thành một nền giáo dục của dân, vì dân, do dân, không những tiếp tục thực hiện khẩu hiệu "ai cũng được học hành" mà còn nâng lên mức cao hơn, "mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời", nhằm "phát triển nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của toàn dân tộc"[1].

Ngay từ đầu thập kỷ này của thế kỷ XXI, mục tiêu đề ra chẳng những *phải hoàn thành về cơ bản phổ cập giáo dục trung học sớm hơn dự kiến* (dự kiến phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, phổ cập toàn bậc trung học vào năm 2020) *mà còn phải đồng thời thực hiện giáo dục đại học đại chúng.* Tiêu chí quốc tế hiện nay của "đại học đại chúng" là : số người từ 18 đến 22 tuổi vào học các dạng của đại học phải chiếm từ 15% dân số trở lên ở độ tuổi này. Các nước phát triển, một số nước trong khối ASEAN dưới 15%, là "đại học cho số ít, đại học tinh hoa". Tỷ lệ này hiện nay khoảng 8% ở nước ta. Trên 50% là "đại học phổ cập" gồm một số nước ở Bắc Mỹ, Bắc Âu và Tây Âu, Hàn Quốc v.v.. Đây là một thách thức mà nước ta nhất định phải tìm cách vượt qua, vừa bảo đảm quy mô, vừa bảo đảm chất lượng, mới có đủ nhiều nhân lực và nhân tài để hướng tới kinh tế tri thức.

Thách thức của giáo dục đại học nước ta, nhất là trong 5 năm vừa qua, là áp lực đòi hỏi đại học ngày càng mạnh mẽ ; trong khi đó điều kiện đầu tư cho đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất - kỹ thuật không tăng kịp với yêu cầu mở rộng quy mô ; đồng thời thị trường lao động chưa có nhiều khả năng thu nhận được một số lượng ngày càng lớn người tốt nghiệp đại học, cho nên chất lượng đào tạo không được bảo đảm, hiệu quả đào tạo thấp.

Mặc dù chúng ta đã tăng cường các biện pháp về đa dạng hóa và xã hội hóa giáo dục đại học, đã có chủ trương phân luồng học sinh phổ thông cuối cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, mở rộng dạy nghề, điều chỉnh tốc độ tăng quy mô tuyển sinh, phê phán "hình tháp ngược về nhân lực", tư tưởng "chuộng bằng cấp, chỉ thích học đại học" v.v., mọi người đều thấy các kết quả thu nhận được ban đầu còn chưa nhiều, kể cả trong vài năm tới. Số thí sinh đăng ký thi đại học vẫn tăng và còn tiếp tục tăng, đặc biệt là ***vẫn chưa thấy rõ hướng giải quyết cơ bản, bền vững và hữu hiệu cho bài toán*** quy mô - chất lượng - hiệu quả giáo dục đại học trong điều kiện hạn chế nguồn lực, việc làm hướng tới kinh tế tri thức.

---

* GS.

(1) Xem : *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa," Tạp chí Cộng sản,* số 4 (2-2001)

Digitized by Google

Không thể đợi đến khi đủ đầu tư cho đại học, việc làm cho người tốt nghiệp đại học, mới tăng quy mô đào tạo đại học. Trong khi đó, nhiều ý kiến cho rằng, chính nhân lực đại học, phát triển phù hợp với những nhu cầu mới của kinh tế - xã hội, sẽ là lực lượng đầy sức sống dẫn dắt toàn đội ngũ nhân lực để sáng tạo, tăng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra nhiều nguồn lực mới, nhiều việc làm mới, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp cận kinh tế tri thức.

Các nước phát triển trước chúng ta cũng đều đã vấp phải vấn đề "bùng nổ số học sinh đại học", trải qua một thời kỳ phát triển quy mô đại học rất mạnh để chuyển sang một trạng thái ổn định mới, với những triển vọng mới (từ đại học tinh hoa sang đại học đại chúng). Ở những bước chuyển này, dễ xảy ra "khủng hoảng". Thí dụ ở Pháp và Tây Âu năm 1968, thanh niên, sinh viên "xuống đường" đòi mở thêm nhiều chỗ học đại học. Chính trong quá trình "bùng nổ số học sinh đại học", đã nảy sinh nhiều "đảo lộn". Có những "đảo lộn" để cho ra đời những nhân tố mới, cần được nâng đỡ, trân trọng và có những "đảo lộn" gây ra những tiêu cực mới cần phải kiên quyết xóa bỏ.

Chủ động thực hiện sự dịch chuyển sang đại học đại chúng.

Chấp nhận chuyển sang đại học đại chúng, với những bài học và xu thế trên thế giới, với những hiểu biết và kinh nghiệm từ thực tiễn nước ta, kể cả phát huy truyền thống hiếu học, quý trọng hiền tài của dân tộc ta, chúng ta có khả năng chủ động chuẩn bị những tiền đề và kế hoạch hành động để *việc chuyển dịch tất yếu này sẽ diễn ra thuận lợi*, không những cho giáo dục đại học mà còn cho cả hệ thống giáo dục quốc dân trong thế kỷ XXI. Ngày nay động thái của giáo dục đại học cùng với động thái kinh tế - xã hội là *những căn cứ xuất phát rất cơ bản để thiết kế một hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp năng động, thích ứng với những chuyển biến rất nhanh của xã hội, của thời đại.*

Có bốn nguyên nhân quan trọng của áp lực đòi học đại học :

Thứ nhất, các yếu tố mới về kinh tế, công nghệ trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa như : công nghệ hiện đại nhập, công nghệ cao, công nghệ thông tin, hội nhập và cạnh tranh trong kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế thị trường theo hướng kinh tế tri thức v.v.. cũng như những tiến bộ rất nhanh của tri thức... thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi mạnh cơ cấu và trình độ của nhân lực, đặc biệt nhân lực đại học. Ngày càng nhiều ngành nghề cũ sẽ mất đi, ngành nghề mới sẽ phát triển, nhu cầu xuất khẩu lao động có tay nghề ngày một tăng, dẫn đến những biến động đáng kể về nhân lực cả chất lượng và số lượng. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới, hiện đại hóa hệ thống giáo dục đại học để đào tạo nhân lực với chất lượng mới đi đôi với bồi dưỡng, đào tạo lại, tất cả đều tiến hành với *quy mô lớn, tốc độ nhanh, trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội.*

Thứ hai, nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học : trung học cơ sở sẽ hoàn thành phổ cập ở : thành phố, đô thị, vùng kinh tế phát triển vào năm 2005, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông từ 38% năm 2000 sẽ lên đến 50% năm 2010 và sẽ cao hơn ở những khu vực nói trên. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và số học sinh muốn tiếp tục vào đại học sẽ nhiều lên nhanh. Tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2000 là 700 000 học sinh, năm 2005 là 980 000 học sinh và năm 2010 là 1 060 000 học sinh.

Thứ ba, phải cố gắng đáp ứng yêu cầu bình đẳng, công bằng xã hội về học đại học giữa các tầng lớp xã hội, giữa các vùng miền ; cần tạo điều kiện cho phụ nữ, dân tộc ít người và những đối tượng chính sách khác được học đại học, nhất là giờ đây, công nghệ thông tin cho phép phát triển giáo dục từ xa và đông đảo tầng lớp này đang ý thức được phải học tập, đáp ứng sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, trong quá trình dân trí được nâng cao, đời sống được cải thiện, giao lưu trong, ngoài nước mở rộng, nhu cầu của nhân dân về hiểu biết và hưởng thụ văn hóa gia tăng, thì tất yếu có sự *đòi hỏi lớn về trình độ văn hóa đại học* v.v.. Nhu cầu này, nếu được đáp ứng tốt, sẽ góp phần đáng kể phát triển sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi có sự "bùng nổ số học sinh đại học," tức là khi có yêu cầu phục vụ đông người học đại học, thì phải có *quan niệm mới* và *cách làm mới về giáo dục đại học và chất lượng đại học*, khác hẳn thời kỳ đại học phục vụ số ít người. Không thể dùng cách nhìn cũ để xử lý những vấn đề mới của ngày hôm nay.

Có hai quan niệm mới cần vận dụng như những *nguyên tắc mới, cơ bản* về giáo dục đại học

Digitized by Google

thế kỷ XXI : ***giáo dục sau trung học và học suốt đời.***

a - ***Giáo dục sau trung học***. Ngày nay, giáo dục đại học bao gồm *tất cả các loại hình học tập, đào tạo hoặc đào tạo cho nghiên cứu, được bảo đảm ở trình độ sau trung học, bởi một cơ sở đại học hoặc được những nhà chức trách có thẩm quyền công nhận như một cơ sở đại học*. Quan niệm này được đề xuất từ 1968, và được nhiều nước thừa nhận, với tên là *giáo dục bậc ba* (tertiary education).

Cái mới trong tên gọi giáo dục sau trung học này, chủ yếu ở chỗ quy định tư cách pháp nhân của nơi cung cấp giáo dục sau trung học, phải là *một cơ sở đại học* hoặc được công nhận có quyền như một cơ sở đại học. Trong niên giám thống kê của UNESCO, cũng như của nhiều nước đều có thống kê số "sinh viên giáo dục bậc 3" thay cho thuật ngữ "sinh viên đại học".

Giáo dục đại học nay gọi là giáo dục sau trung học, bao gồm không chỉ *giáo dục đại học truyền thống, chính quy* (gọi tắt là *đại học chính quy*) như cao đẳng (12+3 hoặc 3,5) và đại học (12+4 hoặc 5 hoặc 6) v.v.. mà còn *tất cả mọi trình độ học vấn cung cấp cho những người đã tốt nghiệp tú tài và tương đương* : đó là sự mở rộng không gian đại học, theo công thức ***12+n,*** n là số năm, tháng (phân số của năm), không nhất thiết phải bằng hoặc lớn hơn 3. Vấn đề là thiết kế bậc giáo dục sau trung học này sao cho có sự *liên thông với nhau* giữa các con đường, các trình độ để người học có thể chọn được cách học thích hợp nhất với mình (muốn vậy, nội dung học thường thiết kế theo *môđuyn - học phần, tín chỉ* - để người học có thể *tích lũy và lắp ghép* được) : người học có thể *từ học bên ngoài* đại học chính quy *vào được* đại học chính quy và ngược lại, không chỉ vào năm đầu mà còn có thể vào bất cứ năm nào khi đủ điều kiện ; người học cũng có thể *học nhiều lần trong suốt cuộc đời*. Như vậy, giáo dục đại học, với quan niệm mới là giáo dục sau trung học, thực chất là *một "không gian mở cho đào tạo đại học và học tập suốt đời"*, với một "phổ" (từ này có ý như một "giải") *đa dạng về trình độ cần đạt được*, cùng với một *hệ thống mềm dẻo về những "chỗ vào" và "chỗ ra"* đối với giáo dục đại học, tại *những lúc khác nhau* trong suốt cuộc đời của người học. Giáo dục sau trung học như vậy thực hiện tính đa dạng, linh hoạt, đại chúng, trên cơ sở học suốt đời, góp phần xây dựng "cả nước trở thành một xã hội học tập" theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Mục tiêu đào tạo của những chương trình sau trung học bên ngoài đại học, cao đẳng truyền thống là do các cơ sở đại học (kể cả cao đẳng) đứng ra xác định, chủ yếu căn cứ vào nhu cầu của người học, nhu cầu của thị trường lao động và khả năng của cơ sở. Đó là *những hình thức đại học ngắn hạn dưới 3 năm, tạo điều kiện cho đông đảo học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông có thể theo học một chương trình ngắn hạn với những mục tiêu thích hợp*. Có thể đó là những mục tiêu về kiến thức của giáo dục đại học đại cương, mục tiêu đào tạo những kỹ năng cần dựa trên cơ sở học vấn trung học phổ thông, mục tiêu bổ túc một nội dung nào đó... để tự tìm lấy văn bằng v.v.. Trong không gian sau trung học này, có nhiều nội dung học có thể mang tính học văn hóa, kỹ thuật, công nghệ, quản lý, chuyên môn, kể cả học nghề, "cần gì học nấy", *không nhất thiết phải có ngay* một chất lượng hoàn chỉnh kiểu đại học chính quy, như xưa nay vẫn quan niệm. Người học cũng có thể học *cao đẳng cộng đồng 3 năm tại địa phương* (đang thí điểm ở 6 trường ; nói chung nên là 2 năm), một bộ phận lớn *ra trường phục vụ ngay tại cộng đồng*, bộ phận khác *sẽ chuyển tiếp vào những năm cuối - giai đoạn 2 - của đại học dài hạn* v.v.. Trong tương lai không xa, không gian sau trung học cũng sẽ là nơi chuyển hóa và nâng cấp của ngày càng nhiều trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề hiện nay, chủ yếu là những trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề chất lượng cao, hiện đại. Nhân lực *đủ đông* ở trình độ sau trung học mới *đủ sức* tạo nên những bước nhảy vọt, rút ngắn thời gian của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh.

Với quan niệm mới về giáo dục đại học như trên, cần ***phát triển mạnh mẽ phương thức đào tạo từ xa, đại học mở***, (góp phần đắc lực giải quyết áp lực học đại học nêu trên). Đưa giáo dục sau trung học đến mọi nơi, đặc biệt sử dụng ngày một rộng rãi công nghệ thông tin, mọi người có thể tự học tại chỗ, tại nhà. Điều đáng mừng là hiện nay Đảng và Nhà nước ta đã có chính sách phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin như một phương tiện chủ lực để "đi tắt đón đầu", rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước. Những kinh nghiệm ban đầu của

Digitized by Google

hai Viện đại học mở trong gần 8 năm qua về giáo dục từ xa và của những cơ sở đại học khác là tiền đề quan trọng để đẩy mạnh giáo dục từ xa với quy mô lớn, tốc độ nhanh.

Cần ***phát triển mạnh các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.*** *Liên kết các cơ sở giáo dục đại học với kinh tế, xã hội, văn hóa. Khuyến khích đầu tư của các lực lượng xã hội, tư nhân, của nước ngoài để phát triển giáo dục đại học.* Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của 20 trường đại học và cao đẳng dân lập là một minh chứng về tính tất yếu và tính cấp thiết của loại hình này ; số đơn xin mở mới đại học dân lập cũng lên tới hàng chục, chứng tỏ sự hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương mở đại học, cao đẳng ngoài công lập. Bên cạnh tăng cường quản lý loại hình mới này như đã làm trong vài năm nay, thời gian tới, cần sớm có chính sách *thực sự phát triển mạnh loại hình này, có sự hỗ trợ của Nhà nước.* Các cơ sở giáo dục đại học không phân biệt công lập hay không công lập đều tham gia thực hiện bộ phận không chính quy của giáo dục sau trung học. Cần rà soát lại để loại bỏ những quy định có tính phân biệt đối xử giữa cơ sở công lập và ngoài công lập, giữa đào tạo chính quy và không chính quy.

b - ***Học suốt đời*** là một nguyên tắc mới, hết sức quan trọng của toàn bộ nền giáo dục. Cốt lõi để học suốt đời là con người phải *"học cách học"*, nhà trường phải *"dạy cách học"*. Học suốt đời là một hướng giải quyết nhiều vấn đề mới của giáo dục nước ta trong thế kỷ XXI, góp phần đắc lực rút ngắn khoảng cách tụt hậu. Lấy học suốt đời làm nguyên tắc, giáo dục đại học phải đa dạng hóa về hệ thống, nhà trường và chương trình. Cơ sở giáo dục đại học, những "trung tâm giáo dục thường xuyên", từng bước trở thành *một không gian thường xuyên cho việc học tập ở trình độ cao,* góp phần quan trọng giải quyết những mâu thuẫn lớn trong giáo dục. Chúng ta còn ít nghiên cứu, áp dụng nguyên tắc học suốt đời trong xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, kể cả trong việc xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp của hệ thống giáo dục và đào tạo.

Quan niệm mới về chất lượng giáo dục đại học hiện nay là *một phổ trình độ chất lượng,* trong phổ đó *trình độ nào cũng có chuẩn* của mình đi đôi với điều kiện khi "vào" và năng lực khi "ra" của người học đối với trình độ đó. Yêu cầu phải *hiện đại hóa nội dung, phương pháp đào tạo, dân chủ hóa và xã hội hóa trong tổ chức quản lý, huy động xã hội tham gia.* Giáo dục đại học chính quy giữ vai trò nòng cốt của giáo dục sau trung học, chất lượng của nó là mang tính chuẩn nòng cốt trong cả "phổ". Ngay trong giáo dục đại học chính quy, cũng có một phổ chất lượng, thí dụ như : loại có chất lượng hướng về nghiên cứu (cho số ít) ; loại có chất lượng nặng về kỹ năng nghề nghiệp, hướng về thực hành (cho đa số sinh viên) ; loại có chất lượng thiên về những khả năng hành động sát với những vấn đề cần giải quyết trong cộng đồng, địa phương v.v..

Theo hướng đào tạo những người *có chuyên môn trình độ cao,* đồng thời cũng là những *công dân có trách nhiệm,* có khả năng thâm nhập được vào các lĩnh vực hoạt động của con người. Ba khả năng sau đây của người tốt nghiệp đại học (đại học chính quy) là cần thiết cho một nền kinh tế hiện đại, tiếp cận kinh tế tri thức. Đó là *khả năng thường xuyên cập nhật được kiến thức của mình, chiếm lĩnh được những trình độ cao, thành thạo chuyên môn mới, và không những có khả năng tìm được việc làm mà còn có khả năng tự tạo ra được việc làm trong thị trường sức lao động đầy biến động.*

Những khả năng nói trên là sự thể hiện của những năng lực cơ bản của trình độ đào tạo đại học : năng lực *trí tuệ sáng tạo* ; năng lực *thích ứng, đáp ứng* với thay đổi ; năng lực *giao tiếp, làm việc đồng đội, tập thể* ; năng lực *tự học - tự nghiên cứu - tự rèn - tự đánh giá,* để con người chủ động tự phát triển trong môi trường kinh tế - xã hội đầy biến động phức tạp. Nhân lực đại học trong thời đại mới phải là nhân lực *tư duy,* nhân lực có tinh thần *lập nghiệp,* kỹ năng *tạo nghiệp,* tức là biết tự tìm, tự tạo việc làm, có khả năng *cơ động cao,* kể cả đổi nghề khi cần.

Cách nhìn mới về giáo dục đại học nước ta có thể tóm tắt trong mấy điểm sau đây :

- Coi giáo dục đại học là *giáo dục sau trung học* (12+n), gồm đại học truyền thống, chính quy (n > hoặc = 3) và các loại sau trung học khác.

- Giáo dục sau trung học dựa trên nguyên tắc cơ bản *học suốt đời.*

- Chất lượng giáo dục là *một phổ,* trong đó chất lượng đại học chính quy giữ vai trò nòng cốt, làm hệ quy chiếu để vận dụng vào các dạng khác nhau của giáo dục sau trung học ; đi đôi với quan niệm về phổ

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

TUỔI TRẺ VIỆT NAM QUA CÁC ĐẠI HỘI LIÊN HOAN THANH NIÊN, SINH VIÊN THẾ GIỚI

TẤN VŨ

Từ ngày 8 đến 16-8-2001, Đại hội Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ XV(XVth World Festival of Youth and Students - sau đây gọi tắt là Festival XV), sẽ được tổ chức tại An-giê, thủ đô An-giê-ri. Đây là Festival đầu tiên trong thế kỷ XXI và cũng là Festival đầu tiên được tổ chức tại khu vực Trung Đông và châu Phi. Đối với thanh niên, sinh viên nước ta, đây là hoạt động quốc tế, hoạt động ngoại giao nhân dân đầu tiên và lớn nhất do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện sau thành công của Đại hội IX của Đảng.

Hoạt động ngoại giao nhân dân của chúng ta đã có nhiều đóng góp xuất sắc vào những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã khẳng định : *"Ngoại giao nhân dân là một sáng tạo độc đáo của Đảng ta. Những hoạt động của nó đã đi vào lòng người, vào mọi tầng lớp, thức tỉnh được lương tri nhân loại, cổ vũ được mọi tầng lớp nhân dân khắp hành tinh ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc vì độc lập, tự do. Qua hai cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, so sánh lực lượng quân sự, chúng ta không hơn kẻ xâm lược, nhưng chúng ta vẫn đánh thắng chúng. Đó chính là sức mạnh của nhân dân, của chính nghĩa mà ngoại giao nhân dân đã phát huy đầy đủ nhất các nhân tố sức mạnh trên"* (1). Hơn 50 năm qua, sự tham gia tích cực và thường xuyên của thanh niên, sinh viên Việt Nam tại các kỳ Festival là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ hoạt động ngoại giao của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đất nước ta đã bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh : *"Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới"*. Sự tham gia của thanh niên và sinh viên Việt Nam tại Festival lần thứ XV càng có ý nghĩa hơn khi được coi là hoạt động thiết thực nhằm triển khai một cách hiệu quả nhất quan điểm trên của Đảng. Đây cũng chính là sự tiếp nối truyền thống vẻ vang của các thế hệ thanh niên, sinh viên Việt Nam đối với phong trào Festival. Qua từng giai đoạn cụ thể, thông qua sự tham gia thường xuyên và những đóng góp tích cực vào thành công của các kỳ Đại hội Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới, hoạt động quốc tế của tuổi trẻ nước ta đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội của thanh niên và nhân dân thế giới :

1 - Từng bước tham gia vào phong trào thanh niên, sinh viên thế giới, xây dựng mặt trận đoàn kết quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, thanh niên Việt Nam là một bộ phận của

(1) Bộ Ngoại giao : *Kỷ yếu Hội thảo "Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 44

Digitized by Google

thanh niên thế giới, cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của thanh niên và nhân dân Việt Nam không thể tách rời cuộc đấu tranh chung của thanh niên và nhân dân thế giới. Do đó, thanh niên, sinh viên Việt Nam làm hết sức mình để tăng cường tình đoàn kết với thanh niên, sinh viên thế giới, phấn đấu vì những mục tiêu cao cả của thời đại, qua đó tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của thanh niên thế giới với cuộc đấu tranh chính nghĩa của thanh niên và nhân dân ta. Từ tháng 4 năm 1947, Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng bàn về tăng cường công tác thanh vận đã ghi : *"Làm cho phong trào thanh niên Việt Nam và nói chung phong trào thanh niên Đông Dương liên lạc mật thiết với phong trào thanh niên thế giới"* (2). Năm 1947, trong khi quân dân Việt Bắc đang đánh trả cuộc tiến công Thu - Đông của thực dân Pháp, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Xứ Đoàn Thanh niên Cứu quốc Nam Bộ đã cử một đoàn đại biểu đi dự Hội nghị thanh niên, sinh viên châu Á, tổ chức tại Can-cút-ta (Ấn Độ), dưới sự bảo trợ của Liên đoàn thanh niên Dân chủ thế giới. Tháng 7 năm 1947, Đại hội Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ I được tổ chức tại Pra-ha (Tiệp Khắc cũ) với khẩu hiệu hành động : *"Thanh niên thế giới đoàn kết trong cuộc đấu tranh vì một nền hòa bình lâu dài và bền vững"*. Mặc dù, không có đoàn đại biểu chính thức của thanh niên, sinh viên nước ta tham gia Festival, nhưng sự xuất hiện của lá cờ đỏ sao vàng trong tay một thanh niên Việt kiều yêu nước đã thu hút sự chú ý của thanh niên, sinh viên thế giới đến một Việt Nam anh dũng, đang kiên cường chiến đấu vì độc lập, tự do.

Từ năm 1949 đến 1954 là thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã dần dần phát triển đến mức cao nhất cũng là thời điểm ở khắp nơi trên thế giới, nhất là các nước ở châu Âu, đã dấy lên phong trào bảo vệ hòa bình thế giới, chống chiến tranh phi nghĩa trên qui mô rộng lớn với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Thanh niên, sinh viên và nhân dân ta sớm tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào đó. Liên tục trong các năm 1949, 1951, 1953, Đại hội Liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới lần thứ II, thứ III, thứ IV lần lượt được tổ chức tại Bu-đa-pét (Hung-ga-ri), Bu-ca-rét (Ru-ma-ni) và Bec-lin (CHDC Đức). Các Festival này biểu thị mong muốn và quyết tâm phấn đấu của thanh niên, sinh viên trên toàn thế giới vì tình đoàn kết, vì một nền hòa bình bền vững, vì dân chủ, vì độc lập dân tộc, vì một thế giới không có chiến tranh và hủy diệt. Mặc dù trong điều kiện kháng chiến vô cùng khó khăn, thiếu thốn, Đảng và Nhà nước ta vẫn tạo mọi điều kiện thuận lợi để thanh niên, sinh viên Việt Nam tham gia hình thức sinh hoạt chính trị rộng lớn này của tuổi trẻ thế giới. Số lượng đại biểu, quy mô, lĩnh vực, chủ đề tham gia của đoàn Việt Nam dần dần được nâng cao và mở rộng. Ngoài việc tham gia các chương trình, hoạt động chung của các Đại hội, thanh niên, sinh viên nước ta còn tổ chức nhiều cuộc gặp mặt với các đoàn đại biểu đến từ các nước khác nhau từ khắp các châu lục. Bằng thực tế cuộc sống và chiến đấu, các đại biểu thanh niên, sinh viên Việt Nam đã giúp bạn bè thế giới ngày càng hiểu biết hơn Việt Nam và về cuộc chiến đấu vì chính nghĩa của nhân dân ta. Nắm bắt một cách nhạy bén chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, tại các kỳ Festival, đoàn đại biểu tuổi trẻ Việt Nam đã chủ động gặp gỡ đại biểu thanh niên Pháp để trao đổi ý kiến và thông tin về những vấn đề cùng quan tâm, nhất là về cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tại Việt Nam. Các cuộc gặp gỡ bổ ích đó đã giúp thanh niên và nhân dân hai dân tộc Pháp - Việt hiểu biết và xích lại gần nhau. Do nắm được chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chính sách chỉ rõ sự khác biệt giữa nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình, tự do và công lý với bọn thực dân Pháp phản động hiếu chiến, xâm lược mà phong trào chống chiến tranh Việt Nam của thanh niên và nhân dân Pháp hình thành và phát triển mạnh mẽ. Phong trào này ngày càng lớn mạnh và đã trở thành một nguồn lực tác động mạnh mẽ vào nội tình nước Pháp, làm phân hóa

(2) *Văn kiện Đảng về công tác thanh niên (1930 - 1968)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1969, tr 41

Digitized by Google

và cô lập bọn thực dân Pháp xâm lược. Thông qua các hoạt động đối ngoại theo đường lối đối ngoại của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên, sinh viên Việt Nam đã góp phần xây dựng được một mặt trận đoàn kết quốc tế với nhân dân ta, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành lại hòa bình cho Tổ quốc.

2 - Mở rộng mặt trận thanh niên, sinh viên thế giới đoàn kết ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời dưới quyền kiểm soát của chính quyền tay sai Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đồng thời phải tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Cùng với những nhiệm vụ lịch sử mới, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta có những bước phát triển mới nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của thanh niên và nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hòa bình, thống nhất nước nhà, ủng hộ và giúp đỡ công cuộc khôi phục và xây dựng cuộc sống sau chiến tranh của nhân dân ta. Tại các Festival tổ chức vào nửa cuối những năm 50 của thế kỷ XX, thanh niên, sinh viên nước ta đã sử dụng các diễn đàn này để tập trung tố cáo Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, làm cho thanh niên và nhân dân thế giới thấy rõ Mỹ - Diệm là kẻ chống lại hòa bình và độc lập dân tộc, là kẻ với dã tâm thâm độc mưu toan chia cắt lâu dài đất nước ta. Bằng nhiều hoạt động phong phú, các đại biểu thanh niên, sinh viên của chúng ta đã chia sẻ những kinh nghiệm chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân cũ, cũng như những kinh nghiệm đương đầu với sự can thiệp, xâm lược ngày càng trắng trợn của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta. Các đại biểu thanh niên thế giới đều bày tỏ sự cảm thông và đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Thanh niên nhiều nước ngày càng thấy rõ bộ mặt xâm lược và tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cùng với cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao nhà nước, cuộc đấu tranh của thanh niên, sinh viên nước ta trên mặt trận ngoại giao nhân dân đã góp phần tập hợp lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, cô lập đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, vạch mặt luận điểm "chống cộng" và "thuyết Đô-mi-nô" của chúng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã thực sự thức tỉnh lương tri của nhân loại tiến bộ. Đó chính là cơ hội để hoạt động ngoại giao nhân dân của tuổi trẻ nước ta trong những ngày tháng đầy khó khăn, thử thách ác liệt đạt được những thành tựu to lớn, góp phần nâng cao vị thế của Tổ quốc trên trường quốc tế. Vấn đề Việt Nam đã trở thành trung tâm chú ý của dư luận thế giới, thành ngọn cờ đoàn kết tập hợp thanh niên, sinh viên và nhân loại tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới cùng hướng tới một mục tiêu đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã thực sự trở thành tiêu chuẩn, là thước đo của lương tri, là khẩu hiệu tập hợp lực lượng để lớn mạnh của mỗi một tổ chức cánh tả, là yếu tố thống nhất các tổ chức với những xu hướng chính trị khác nhau. Mặt trận đoàn kết với Việt Nam của thanh niên, sinh viên thế giới đã trở thành mặt trận đoàn kết lớn nhất trong lịch sử nhân loại, vượt qua mọi phạm vi của quan hệ ngoại giao nhà nước, tạo nên một sức mạnh chính trị to lớn, góp phần vào thắng lợi hào hùng, vang dội của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

3 - Góp phần tạo lập môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng ta, nhân dân ta bắt tay vào sự nghiệp hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, hoạt động ngoại giao nhân dân của tuổi trẻ Việt Nam tiếp tục được mở rộng nhằm *"tăng cường đoàn*

Digitized by Google

kết quốc tế, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội", tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của thanh niên thế giới đối với sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước và đấu tranh bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được.

Sau Đại hội VI của Đảng, đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới và thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở với nhiệm vụ chung là tranh thủ và giữ vững môi trường hòa bình, hợp tác và phát triển. Trong khi đó, tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp. Cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc trên thế giới bước vào thời kỳ cao điểm. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế, đứng đầu là Mỹ ráo riết triển khai chiến lược *"diễn biến hòa bình"* với nhiều thủ đoạn vừa nham hiểm, vừa trắng trợn. Tình hình kinh tế, xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu bộc lộ những mặt yếu kém và trì trệ. Trong bối cảnh đó, tại Festival XIII, tổ chức vào tháng 7-1989 tại Bình Nhưỡng (Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên), thanh niên, sinh viên Việt Nam đã nỗ lực đóng góp vào việc bảo vệ các thành quả và giá trị của chủ nghĩa xã hội, tuyên truyền một cách có hiệu quả về công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Trên các diễn đàn, tại các trung tâm thảo luận, đại diện của tuổi trẻ Việt Nam đã kiên quyết đấu tranh chống lại âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, bôi nhọ bản chất của chế độ và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Tại các cuộc gặp gỡ, các cuộc mít tinh, đại biểu của chúng ta đã trình bày quan điểm của Đảng ta, của tuổi trẻ nước ta trước các vấn đề quốc tế, ủng hộ sáng kiến của các tổ chức quốc tế và các quốc gia về bảo vệ môi trường, về chống nạn đói, về tương lai của phong trào Festival. Những hoạt động tích cực đó đã góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, cải thiện môi trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới đất nước.

Đầu những năm 1990, sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, hệ thống Đoàn Thanh niên ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng ran rã, Liên đoàn Thanh niên Dân chủ thế giới, Hội liên hiệp sinh viên quốc tế lâm vào khủng hoảng, các tổ chức cánh hữu, chống cộng có phần chiếm ưu thế, khống chế các diễn đàn và các hoạt động chính trị chủ yếu của cộng đồng thanh niên, sinh viên thế giới, phong trào Festival tạm thời chững lại. Năm 1997, theo sáng kiến của thanh niên, sinh viên Cu Ba, được sự ủng hộ của Đảng, Nhà nước và nhân dân Cu Ba, Festival lần thứ XIV đã được tổ chức thành công tại "hòn đảo tự do". Điều đó đã chứng minh cho sức sống bất diệt, sức thu hút, tập hợp mạnh mẽ của phong trào Festival. Đồng thời, nó cũng thể hiện nhu cầu to lớn và sự gắn bó của thanh niên các nước đối với diễn đàn chính trị này, thể hiện tình đoàn kết rộng rãi của thanh niên thế giới đối với thanh niên và nhân dân Cu Ba. Đoàn đại biểu Việt Nam đã tham gia có hiệu quả vào tất cả các hoạt động trong chương trình chung của Festival, góp phần tích cực vào thắng lợi của Đại hội. Tại diễn đàn này, tuổi trẻ Việt Nam, bằng các hoạt động thiết thực và cụ thể đã khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong quan hệ quốc tế : *"Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"*. Các đại biểu Việt Nam đã tham gia và chủ trì các trung tâm, các diễn đàn, thảo luận về các vấn đề đang đặt ra cho tuổi trẻ các nước trong điều kiện mới, như vấn đề hòa bình và an ninh ; chủ quyền và quyền tự quyết ; quyền con người và nhân dân ; văn hóa và giao tiếp xã hội ; chống phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa phát xít ; môi trường và phát triển bền vững ; giáo dục, khoa học và công nghệ ; việc làm ; sức khỏe ; nữ thanh niên và trẻ em... Trong những năm cuối thế kỷ XX, khi tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hoạt động ngoại giao nhân dân của tuổi trẻ nước ta đã tích cực và khôn khéo khai thác những yếu tố tích cực, góp phần vào những thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới.

Từ hoạt động của thanh niên, sinh viên Việt Nam tại các kỳ Festival, có thể rút ra một vài kinh nghiệm sau đây về hoạt động quốc tế của tuổi trẻ nước ta :

Digitized by Google

Một là, hoạt động quốc tế thanh niên phải luôn tuân thủ đường lối ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta. Hoạt động quốc tế của tuổi trẻ nước ta là một bộ phận hợp thành của chiến lược ngoại giao nhân dân của Đảng ta. Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta, Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trực tiếp quan tâm, lãnh đạo, chăm lo để các hoạt động quốc tế của tuổi trẻ không ngừng phát triển, góp phần tích cực vào việc hình thành và mở rộng mặt trận đoàn kết của thanh niên và nhân dân thế giới ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, đóng góp vào cuộc đấu tranh chung của thanh niên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong những điều kiện, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, sự chỉ đạo sâu sát và sự chăm lo đầy tinh thần trách nhiệm của Đảng, của Bác Hồ đã giúp cho hoạt động đối ngoại của tuổi trẻ nước ta luôn có định hướng đúng đắn và thích hợp. Do đó, đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè thế giới, góp phần nâng cao vị thế của Tổ quốc ta trên trường quốc tế. Ngày nay, trước tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, sự lãnh đạo của Đảng lại càng có ý nghĩa quyết định trong hoạt động quốc tế của tuổi trẻ, là điều kiện tiên quyết, đảm bảo cho hoạt động đó tiếp tục phát triển lên một tầm cao mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, hoạt động quốc tế của tuổi trẻ phải gắn liền với phong trào thanh niên trong nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Hoạt động quốc tế thanh niên vừa là hoạt động đối ngoại mang tính nghiệp vụ đặc thù, vừa là một bộ phận không tách rời trong các mặt công tác của Đoàn. Hoạt động quốc tế có tác dụng động viên đối với phong trào thanh niên trong nước, góp phần giáo dục nhận thức về quốc tế, về tình đoàn kết quốc tế cho đoàn viên, thanh niên. Trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường trang bị cho đoàn viên, thanh niên một thế giới quan đúng đắn càng trở nên hết sức cần thiết, đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng của Đoàn với các cấp bộ đoàn. Hoạt động quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia hội nhập quốc tế, nâng cao trình độ, kỹ năng để đóng góp tốt hơn công cuộc xây dựng, và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, hoạt động quốc tế cần được chú trọng và tăng cường chỉ đạo nhằm bảo đảm sự thống nhất của phong trào thanh, thiếu nhi Việt Nam mà nòng cốt là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Ba là, trong hoạt động quốc tế thanh niên cần luôn luôn giữ vững và phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, năng động sáng tạo. Phải luôn luôn xuất phát từ lợi ích của đất nước, của tổ chức và phong trào thanh niên Việt Nam để xác định được mức độ tương đồng về lợi ích trong từng quan hệ và hoạt động. Từ đó đề ra nội dung hợp tác và đối sách phù hợp trong từng trường hợp cụ thể. Mục tiêu đặc thù của đối ngoại nhân dân là tranh thủ được khối óc và trái tim của nhân dân thế giới để thêm bạn, bớt thù. Vì vậy, các biện pháp chủ yếu trong hoạt động quốc tế thanh niên là giải thích, thuyết phục làm cho bạn bè hiểu và đồng tình với ta. Bằng thái độ đối xử thân thiện, cởi mở, thẳng thắn và chân thành, bằng các hình thức sinh hoạt đa dạng, phong phú cả về nội dung lẫn hình thức như các hoạt động văn hóa, thể thao v.v..., gần gũi, phù hợp với đối tượng thanh niên để tạo sự đồng cảm, hiểu biết nhau hơn. Để làm được điều đó, mỗi một thanh niên, sinh viên, khi tiếp cận hoạt động quốc tế cần luôn vững vàng về nguyên tắc, nhưng linh hoạt, mềm dẻo trong ứng xử. Điều đó đòi hỏi mỗi thanh niên, sinh viên cần không ngừng nâng cao nhận thức về chính trị, thấm nhuần sâu sắc đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, hiểu biết tình hình trong và ngoài nước, luôn luôn trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động đối ngoại, phải hiểu biết về lịch sử, có văn hóa, có kiến thức rộng, có tinh thần đoàn kết quốc tế và quan trọng nhất phải có tấm lòng nhiệt thành và có ý chí phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng, của Đoàn, vì lợi ích của đất nước, của nhân dân. ❑

Digitized by Google

VIETSOVPETRO : NHỮNG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN GIAO *

Xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro (VSP), được thành lập do việc ký kết hiệp định giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô, ngày 19-6-1981 tại Mat-xcơ-va. Theo hiệp định, mỗi bên góp 50% cổ phần ; sau một vài lần sửa đổi, phía Việt Nam nắm phần lớn quyền kiểm soát về nhân sự, tiêu thụ, sản xuất và đầu tư của VSP. Năm năm sau, ngày 26-6-1986, VSP khai thác tấn dầu đầu tiên tại mỏ Bạch Hổ ở thềm lục địa Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử phát triển công nghiệp khai thác dầu khí Việt Nam.

Đến tháng 8-2000, VSP đã khai thác tổng cộng 83 triệu tấn dầu thô, và đưa 4,4 tỉ m^3 khí đồng hành (tương đương 4,4 triệu tấn dầu) vào bờ phục vụ sản xuất điện. Việc đưa khí đồng hành vào bờ là thành công quan trọng của VSP và ngành năng lượng Việt Nam. Hiện nay, VSP đang khai thác trên mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng, Đại Hùng ở thềm lục địa Việt Nam với sản lượng 13 triệu tấn/năm, chiếm 80% sản lượng khai thác dầu chung của toàn ngành dầu khí Việt Nam. Điều này cho thấy, VSP là doanh nghiệp lớn nhất, có vai trò quan trọng nhất, có vị trí xứng đáng nhất trong 18 doanh nghiệp liên doanh thuộc Tổng Công ty dầu khí Việt Nam - Petro Việt Nam (Ngoài 18 liên doanh, Petro Việt Nam còn có 11 công ty, 5 viện và trung tâm sự nghiệp).

Hai mươi năm qua, do nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc khai thác dầu khí trên thềm lục địa - là vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam - đối với ngành dầu khí nói riêng và đối với nền kinh tế quốc dân nói chung, VSP đã không ngừng cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch khai thác dầu và khí với mức tăng trưởng hằng năm đạt trên 15,4%. Vào dịp khai thác tấn dầu thứ 50 triệu, tháng 10-1997, VSP vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Doanh thu do xuất khẩu dầu thô từ năm 1996 đến nay đạt trên 10 tỉ USD, trong đó nộp ngân sách nhà nước 5,5 tỉ USD. Có thể thấy, VSP là một trong những liên doanh góp phần lớn nhất về thu nhập ngoại tệ và về nộp ngân sách nhà nước.

Có được những kết quả trên là do VSP đã không ngừng thực hiện các biện pháp kinh tế, áp dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đầu tư chiều sâu để nâng cao công suất khai thác các mỏ hiện có, nâng cao quỹ giếng hoạt động, gia tăng sản lượng khai thác, góp phần nâng cao hệ số thu hồi dầu mỏ. Một trong những ví dụ điển hình về việc phát huy tinh thần sáng tạo có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao, là việc khai thác dầu trong tầng mỏ Bạch Hổ nhờ áp dụng kỹ thuật bảo tồn áp suất vỉa bằng cách bơm nước biển vào tầng mỏ. Đây là công việc rất khó, lại chưa có kinh nghiệm nào tương tự trên thế giới. Nhờ sáng kiến này, hệ số thu hồi dầu ở đây đã tăng 5 - 7% so với sơ đồ công nghệ chính thức.

Thực hiện chủ trương đầu tư mở rộng, VSP tiến hành khoan thêm vào tầng móng một trong bốn giếng dầu đầu tiên ở mỏ Đại Hùng (trước đây các hãng dầu khí nước ngoài chỉ khoan đến 2 tầng trên), đã phát hiện dầu ở tầng móng này, và đang áp dụng các biện pháp cần thiết để xác định trữ lượng. Việc tìm ra dầu ở tầng móng và xác lập công nghệ khai thác ở tầng móng là một hướng mới, rất quan trọng đối với thềm lục địa Việt Nam và Đông - Nam Á, là một đóng góp vào kho tàng tư liệu của khoa học dầu khí thế giới. Việc thi công thành công giếng PV-94 ở khu vực thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam có cấu trúc địa chất hoàn toàn mới, nằm ngoài vùng hoạt động của VSP và không có sự

* TS, Tổng giám đốc VIETSOVPETRO

Digitized by Google

tham gia của chuyên gia nước ngoài, đã khẳng định năng lực sáng tạo và tinh thần tự lực tự cường của cán bộ, công nhân dầu khí Việt Nam trong việc tự đảm nhận thi công các công trình mới, phức tạp và khó khăn. Mới đây, theo hợp đồng với Petro Việt Nam, VSP đã đưa giàn khoan Tam Đảo ra khoan thăm dò dầu khí ở lô 103 Vịnh Bắc Bộ, giếng PV 103-HQL-1x thuộc lãnh hải Việt Nam. Giếng khoan kết thúc ở độ sâu 3 460m, và phát hiện thấy các vỉa chứa khí và consentate. Đây là một hướng mới nổi bật của VSP trong năm 2000 theo chủ trương đầu tư mở rộng mỏ.

Thực tế cho thấy, khai thác dầu và khí là nhiệm vụ trung tâm trong toàn bộ nhiệm vụ kinh tế chính trị mà VSP đã hoàn thành tốt trong thời gian qua. Tuy nhiên, khai thác không phải là nhiệm vụ duy nhất. Tiền đề của công tác khai thác là khảo sát, tìm kiếm, khoan thăm dò. Để có được tấn dầu đầu tiên năm 1986, VSP đã phải tiến hành liên tục trong nhiều năm nhiệm vụ tiền đề này. Trong thời kỳ 1991 - 1995, VSP đã khoan gần 350 000 m với 83 giếng ; riêng khoan thăm dò đạt 1 299 tấn dầu/1m khoan và 5,2 triệu tấn dầu /1 giếng. Những kết quả thu được là cơ sở cho việc lập sơ đồ công nghệ khai thác mỏ và phương hướng hoạt động của VSP trong thời kỳ 1995 - 2000 và từ nay về sau.

Tính chất quan trọng của công tác tìm kiếm và khoan thăm dò là phải luôn luôn đi trước, mở đường và dự báo cho việc khai thác. Cách đây 25 năm, trữ lượng dầu trên toàn thế giới được xác định khoảng 90 tỉ tấn, và lúc ấy nhân loại được cảnh báo là vào khoảng năm 2005 thế giới sẽ hết dầu. Nhưng trong 25 năm qua, công tác tìm kiếm thăm dò đã phát hiện thêm 130 tỉ tấn dầu, và dự báo rằng chắc chắn thế giới còn nhiều tiềm năng dầu và khí sẽ được phát hiện trong tương lai. Thậm chí tốc độ tìm kiếm và phát hiện sẽ tăng nhanh hơn tốc độ tiêu dùng trong một thời gian dài nữa, và điều này lại phụ thuộc vào thăm dò, tìm kiếm và phát hiện của thế hệ hiện tại cũng như tương lai. Có thể thấy, đây là một lĩnh vực chạy đua quyết liệt của nhiều nước trên thế giới. Theo nhiều nguồn dự báo thì vị trí độc tôn của ba dạng năng lượng chủ yếu là dầu, khí và than còn có thể kéo dài đến cuối thế kỷ XXI. Ở Việt Nam, sản lượng dầu khí chỉ có thể tăng lên cùng với nhịp độ gia tăng của các công tác tìm kiếm, thăm dò, bảo đảm cho sự tăng trưởng về trữ lượng. Công việc tìm kiếm, thăm dò lại đòi hỏi đầu tư lớn và khả năng rủi ro cũng không nhỏ ; do đó, đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược và quyết tâm cao. Trữ lượng dầu khí ở Việt Nam có thể không lớn, nhưng việc khai thác dầu khí trên thềm lục địa và phần đặc quyền kinh tế cũng như đất liền, chắc chắn sẽ còn là nguồn năng lượng hết sức quan trọng của nền kinh tế và đời sống nhân dân ta trong nhiều thập kỷ tới.

Một trong những lĩnh vực hoạt động có ý nghĩa quyết định đối với nhiệm vụ khai thác dầu khí là xây dựng các công trình biển nhằm bảo đảm tiến độ khai thác dầu khí. Trong điều kiện khí hậu biến đổi phức tạp, bộ phận xây lắp công trình biển của VSP thường xuyên phải đối mặt với sóng to gió lớn giữa trùng khơi để lắp các giàn khoan khổng lồ và các công trình biển đồ sộ khác đi theo, đã góp phần quyết định vào tiến độ khai thác của đội quân khai thác - chủ lực quân của VSP. Kết quả công tác xây dựng công trình biển vừa qua cho thấy năng lực dồi dào của đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề VSP trong lĩnh vực thiết kế, xây dựng và lắp ráp công trình biển. Triển vọng có thể vươn ra nhận thầu xây dựng các giàn khoan và các công trình biển đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhờ vậy, doanh nghiệp công trình biển của VSP là đơn vị đầu tiên trong ngành dầu khí Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 9002.

VSP đã chú trọng xây dựng và phát triển năng lực dịch vụ kỹ thuật cao để đảm bảo nhu cầu về vật tư, thiết bị, phương tiện và dịch vụ sửa chữa thiết bị công trình nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí. Hiện nay, VSP có một hệ thống bến cảng và kho tàng hoàn chỉnh đủ sức bảo đảm toàn bộ việc gia công, chế tạo và sửa chữa các thiết bị đặc chủng của ngành dầu khí. Lực lượng dịch vụ kỹ thuật này có thể phục vụ cho công tác khoan và khai thác dầu trên biển với khối lượng 160 000 m khoan và 10 triệu tấn dầu/năm. VSP bảo đảm được công tác khảo sát giếng khoan,

Digitized by Google

đáp ứng kịp thời các yêu cầu về công tác địa - vật lý. Với đội ngũ hàng chục tàu các loại, VSP có thể tự đảm đương việc vận chuyển, cẩu lắp ráp, chống cháy, lặn, nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác xây lắp, khảo sát và bảo đảm an toàn cho việc khai thác dầu khí. Với cơ sở vật chất kỹ thuật, trang bị hiện đại, VSP không chỉ đáp ứng nhu cầu nội bộ mà còn có khả năng nhận thầu xây dựng công trình dầu khí, dịch vụ cảng và các dịch vụ kỹ thuật cho các đơn vị khác, ở vùng khác thậm chí cho các công ty nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Cùng với các doanh nghiệp cơ khí ở trong nước, đội ngũ công nhân cơ khí của VSP luôn bảo đảm kịp thời việc gia công, sửa chữa và chế tạo thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất cho nhu cầu sản xuất. Hiện nay, cơ sở dịch vụ kỹ thuật của VSP đã trở thành một trong những bạn hàng lớn nhất và có chất lượng dịch vụ cao nhất của các đơn vị kinh tế trong nước đối với việc gia công sửa chữa cơ khí, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ trực thăng, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí.

Cùng với sự trưởng thành chung, Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển của VSP với đội ngũ trên 60 giáo sư, tiến sĩ và hàng trăm kỹ sư có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, kỹ thuật vững vàng đã đáp ứng các nhiệm vụ đặt ra. Đây là một trung tâm nghiên cứu khoa học thử nghiệm và thiết kế dầu khí gắn liền với sản xuất, đủ khả năng làm dịch vụ khoa học - kỹ thuật không chỉ cho VSP mà cho toàn ngành dầu khí Việt Nam. Trong những năm qua, Viện đã hoàn thành hàng chục đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, thiết kế công nghệ, thiết kế tổ chức thi công ; và điều đó đã đóng góp đáng kể vào việc đề xuất và áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ mới trong sản xuất. Việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới đã tạo điều kiện để nâng cao quỹ giếng hoạt động gia tăng sản lượng khai thác. Viện cũng đã hoàn thành một khối lượng công việc khoa học - kỹ thuật chuyên ngành khá lớn như lập sơ đồ khoa học cho các định hướng tìm kiếm thăm dò địa chất dầu khí ; tính toán và cân đối trữ lượng các mỏ ; "thiết kế thi công" hàng loạt công trình biển ; đề xuất giải pháp và lập luận chứng kỹ thuật cho công trình thu gom và vận chuyển khí đốt từ mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng vào bờ. Viện nghiên cứu khoa học của VSP đã hoàn thành việc hoạch định quy mô phát triển của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro đến năm 2005 và những năm tiếp theo.

Điều đáng ghi nhận là sự phát triển và trưởng thành của đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật của VSP trong tất cả các lĩnh vực. Sự trưởng thành này gắn liền với thực tiễn sản xuất và công tác đào tạo, nâng cao tay nghề thông qua tổ chức huấn luyện, học tập và kèm cặp tại chỗ, cử đi học trong và ngoài nước để không ngừng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp thu khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới chuyên ngành. Hiện nay, tại bất cứ khâu quản lý, điều hành và các vị trí kỹ thuật then chốt nào trong mọi hoạt động của VSP đều do các cán bộ và công nhân lành nghề Việt Nam đảm đương một cách vững vàng. Để mọi người yên tâm, gắn bó với đơn vị, VSP đã đặc biệt chú trọng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ và công nhân ; vận dụng thực hiện triệt để các chế độ chính sách với mọi đối tượng, xây dựng mới, nâng cấp và hiện đại hóa các công trình phúc lợi cả trên bờ và ở biển, như bệnh viện (tương đương cấp tỉnh), nhà an dưỡng, nhà văn hóa, sân vận động và các khu vui chơi giải trí khác...

Về hoạt động kinh tế - kinh doanh theo cơ chế mới : tự hạch toán toàn phần và tự chủ tài chính. Theo đó, VSP được để lại không quá 35% giá trị dầu thương phẩm để tự trang trải cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tự tái đầu tư phát triển. Nhờ cơ chế tự hạch toán và tự cấp vốn nên toàn doanh nghiệp đã dấy lên một cao trào phát huy nội lực, cố gắng không ngừng giảm giá thành trong sản xuất và trong xây dựng, trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả, thực hành tiết kiệm mọi mặt, góp phần hoàn thành nhiệm vụ kinh tế chính trị của doanh nghiệp. Chỉ tính từ ngày đầu khai thác đến năm 1995, phần lợi nhuận sau thuế đã vượt hơn số vốn đóng góp của cả hai bên trong vốn pháp định của VSP. Bộ trưởng Nhiên liệu và Năng lượng Liên bang Nga, V.Ca-liu-dô-nui trong chuyến thăm Việt Nam và tham dự khóa họp thứ 22 của

Digitized by Google

Hội đồng liên doanh Vietsovpetro tháng 11-1999 đánh giá rằng : VSP đang mang lại hiệu quả đáng kể cho cả hai quốc gia. Các nhà lãnh đạo Nga cũng đều khẳng định tương tự. Nếu như nhìn lại bối cảnh kinh tế xã hội Nga từ sau năm 1991, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa thực tiễn quan trọng của sự đánh giá đó. Hiệu quả kinh tế nổi bật của VSP ở nước ta không chỉ thông qua đóng góp về thuế cho Nhà nước, góp phần xứng đáng vào ngân sách quốc gia, mà quan trọng nhất là góp phần vào việc tích lũy vốn đầu tư phát triển toàn ngành dầu khí Việt Nam. VSP đã góp phần quyết định ban đầu vào việc Petro Việt Nam góp vốn xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất (Quảng Ngãi) với tổng số vốn đăng ký 1,3 tỉ USD, vốn pháp định 800 triệu USD, trong đó mỗi bên Nga - Việt góp 50%, thời gian hoạt động 25 năm. Khi xí nghiệp liên doanh dầu khí 6,5 triệu tấn mỗi năm, với giá trị thương phẩm 1,2 tỉ USD đi vào hoạt động, nước ta không còn phải nhập xăng dầu tiêu dùng. Gần đây, VSP còn dành một phần lợi nhuận để xây dựng nhà máy phân đạm có vốn đầu tư 500 triệu USD. Đó cũng là một cố gắng đáng kể trong bước đường phát triển của mình. Trong quá trình phấn đấu thực hiện các mục tiêu kinh tế, VSP cũng đồng thời coi trọng việc thực hiện các chương trình về xã hội như : trợ cấp khó khăn cho hàng nghìn lượt người, đóng góp quỹ "đền ơn đáp nghĩa", ủng hộ đồng bào các vùng bị thiên tai lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa ; đặc biệt là phụng dưỡng suốt đời 60 bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Vấn đề mấu chốt nhất là việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa tiên quyết đối với mọi thành công mà VSP đã giành được. Để phát huy vai trò lãnh đạo của mình, Đảng ủy đảng bộ VSP đã nêu cao trí tuệ tập thể, lãnh đạo sát sao đối với mọi hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong VSP. Đảng ủy đã xây dựng được cơ chế làm việc có hiệu quả giữa Ban chấp hành đảng bộ với Ban giám đốc, làm tốt công tác phát triển đảng và thực hiện kỷ luật đảng, ra sức bảo vệ danh hiệu đảng bộ trong sạch vững mạnh và đang tiếp tục tích cực triển khai cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đồng thời tổ chức học tập, và triển khai việc vận dụng các nghị quyết của Đảng vào thực tiễn.

Sống và làm việc trong môi trường biển với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, tính chất lao động phức tạp, nặng nhọc, nguy hiểm, luôn có nguy cơ xảy ra tai nạn, đe dọa tính mạng con người ; bệnh nghề nghiệp luôn ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động ; mặc dù đã có được đãi ngộ ở điều kiện cho phép, nhưng cán bộ, công nhân VSP không chỉ vì lợi ích vật chất, mà tự nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của mình đối với một ngành kinh tế mũi nhọn quan trọng và với cả nền kinh tế của đất nước, nên đã ra sức cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đã giao cho.

Là một đơn vị kinh tế liên doanh với nước ngoài, những thành công của VSP cùng gắn liền với sự hợp tác chặt chẽ với đối tác phía Liên bang Nga, nhất là trong thời kỳ đầu. Đảng bộ và ban lãnh đạo VSP luôn luôn chú trọng vận dụng đúng đắn đường lối đối ngoại và chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bảo vệ quyền lợi hợp pháp về phía Việt Nam cũng như lợi ích của phía nước bạn, trên cơ sở hiệp định và các nghị quyết của các khóa họp hội đồng. Đồng thời, luôn chăm lo giáo dục tinh thần quốc tế cho cán bộ công nhân, nhằm tăng cường quan hệ hợp tác bình đẳng cùng có lợi giữa hai ngành dầu khí hai nước, bảo vệ tình hữu nghị truyền thống mà hai dân tộc Việt - Nga đã dầy công vun đắp.

Nhìn lại chặng đường phát triển 20 năm qua, có thể nhận định tổng quát là VSP đã liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngay từ ngày đầu mới thành lập. Có thể thấy rõ trên các khía cạnh sau :

- *Thứ nhất :* Nhanh chóng tìm ra dầu khí, sớm đưa vào khai thác, tăng nhanh sản lượng khai thác dầu hằng năm, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

- *Thứ hai :* Đào tạo đội ngũ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển không chỉ của bản thân VSP, mà của cả ngành dầu khí nước ta.

- *Thứ ba :* Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại, nhằm phục vụ cho công tác tìm kiếm thăm dò, khai thác góp phần xây dựng các ngành dịch vụ dầu khí của Việt Nam.

Với bề dày kinh nghiệm thực tiễn, với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, và đội ngũ cán bộ công nhân có tố chất chuyên ngành cao, lại được tổ chức chặt chẽ, được chăm lo chu đáo về vật chất và tinh thần, VSP hoàn toàn có khả năng sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí ở trong và ngoài nước trên các lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ vật tư, vận tải biển, phòng chống phun trào, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác có liên quan đến dầu khí. VSP là lực lượng nòng cốt hỗ trợ đắc lực cho Petro Việt Nam trong khả năng hợp tác với các công ty dầu khí quốc tế, tiến hành các hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí ở các khu vực có tiềm năng khai thác trên thế giới như Đông - Nam Á, Trung Đông, châu Phi và miền Nam châu Mỹ. Hiện nay, VSP đang tiến hành các công tác chuẩn bị cần thiết để tham gia đấu thầu quốc tế về các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí ở vịnh Thái Lan (từ cuối năm 2000).

Bước vào thời kỳ phát triển mới, trong giai đoạn 2001 - 2005, VSP xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực sản xuất là tập trung khảo sát, kịp thời sửa chữa, nâng cấp các công trình trên biển đảm bảo an toàn hoạt động của xí nghiệp, nâng cao hiệu quả khai thác các mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng theo sơ đồ công nghệ, bảo vệ tài nguyên, bảo đảm an toàn kéo dài tuổi thọ mỏ, cải tiến tổ chức, mở rộng vùng hoạt động, đánh giá tiềm năng của mỏ Đại Hùng, phát triển các loại hình dịch vụ để tận dụng tối đa tiềm năng lao động, phương tiện, thiết bị, kỹ thuật, bảo đảm ổn định và phát triển xí nghiệp trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. ❑

AN NINH TRONG SỰ NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 17)

Đại hội có tầm quan trọng đặc biệt, đưa nước ta vững bước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, lực lượng An ninh nhân dân cần tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả các mặt công tác, dựa vào quần chúng nhân dân, xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc ; nhanh chóng ứng dụng các thành tựu khoa học vào công tác ; xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh ; thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ, đủ sức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Từ thực tiễn chiến đấu và công tác hơn nửa thế kỷ qua, lực lượng An ninh đã hội tụ đầy đủ những nét đặc trưng của truyền thống bảo vệ an ninh quốc gia :

- Là lực lượng trung thành tuyệt đối với Đảng, với Nhà nước, với nhân dân. Suốt đời hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Luôn luôn mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu, công tác, không quản ngại khó khăn gian khổ, hy sinh ; cảnh giác đánh thắng mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

- Có tinh thần phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, với các ngành, các đoàn thể quần chúng.

- Là lực lượng có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng ; cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư.

Chúng ta tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo bộ ; được quần chúng nhân dân và các cơ quan, ban, ngành ở trung ương và địa phương thường xuyên quan tâm, giúp đỡ, lực lượng An ninh nhân dân sẽ ngày càng trưởng thành, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia. ❑

Digitized by Google

NÔNG THÔN NAM BỘ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA

TRẦN KIM DUNG

I. Thực trạng nông thôn nước ta khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Nông thôn nước ta chiếm 80% dân số, 72% nguồn lao động xã hội. Tuy nhiên, tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội - văn hóa (bình quân GDP đầu người, GDP tính theo sức mua (PPP), số calo hấp thụ bình quân ngày/người, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỉ lệ người dùng nước sạch...) thì sự phát triển của nông thôn Việt Nam chậm hơn gấp nhiều so với các quốc gia châu Á, chưa kể tới các quốc gia phát triển ở Âu, Mỹ.

Theo số liệu thống kê của các năm trước, nông thôn mới tạo ra khoảng 1/3 tổng sản phẩm quốc dân. Tỉ trọng công nghiệp mới chiếm 13,8%, dịch vụ 14,7%, còn nông nghiệp - 71,45% trong tổng giá trị sản xuất. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu thu nhập của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là 5,18% và 14,13% ; đồng bằng sông Hồng 7,65% và 9,05% ; chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn trên hai lần và có khả năng tăng. Hộ giàu ít, 90% số hộ nghèo của cả nước là ở nông thôn. Trong khi đó, khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp có hạn. Tỷ lệ tăng dân số còn khá cao. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn chiếm tới 35% tổng quỹ thời gian lao động. Lao động dư thừa nhiều nhưng tốc độ giải phóng lao động nông nghiệp còn chậm, sức hút của công nghiệp và dịch vụ tới lao động nông nghiệp còn yếu. Trình độ cơ giới hóa, điện khí hóa ở nông thôn vẫn còn thấp và cách xa các nước trong khu vực. Lao động thủ công năng suất thấp. Mức độ đầu tư trang bị tài sản cố định chậm, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào nông thôn và nông nghiệp ít (khoảng 3,6%), trong đó công nghiệp nông thôn lại càng ít hơn. Môi trường nông thôn bị ô nhiễm do điều kiện vệ sinh và cơ sở hạ tầng yếu kém, cộng thêm việc sử dụng không hợp lí các loại hóa chất và phân bón trong nông nghiệp. Một số vùng có tiểu thủ công, làng nghề và công nghiệp chế biến phát triển cũng làm môi trường bị ô nhiễm nặng nề do việc thu gom và xử lý chất thải hầu như không được đặt ra.

Ngày nay, phát triển đang là vấn đề ưu tiên hàng đầu của mọi quốc gia, đồng thời cũng là thách thức hết sức gay gắt đối với toàn nhân loại. Phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hóa nông thôn vẫn luôn được coi là nhiệm vụ chiến lược lâu dài của Việt Nam. Đại hội VIII của Đảng đã xác định phương hướng *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.* Đó cũng là những định hướng cơ bản của đường lối phát triển đất nước trong những thập niên đầu thế kỷ XXI mà Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra.

II. Phát triển nông thôn Nam Bộ - những vấn đề đang đặt ra.

Quá trình CNH, HĐH hiện nay trong cả nước nói chung và các địa phương Nam Bộ nói riêng đang đặt ra những vấn đề cấp bách :

1. Tốc độ phát triển kinh tế, đô thị hóa nhanh, tác động của cơ chế thị trường dẫn tới sự cách biệt giữa các vùng, gia tăng tình trạng dân nhập cư vào các thành phố lớn.

Thành phố Hồ Chí Minh đến 12-1997 có khoảng 800 000 người nhập cư ; tỉnh Đồng Nai dân nhập cư chiếm 25% dân số ; Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Lâm Đồng, Cà Mau... là những đô thị mới, hoặc những nơi có điều kiện thuận lợi cho sản xuất nên dễ tìm việc làm có thu nhập cao và điều kiện sống tốt hơn nên thu hút khá nhiều dân nhập cư.

Thực tế cho thấy, *di dân từ nông thôn ra thành thị và các vùng có nhiều tiềm năng và điều kiện tốt cũng là một nhân tố tích cực trong chiến lược phát triển nông thôn*, nó không chỉ giúp giải quyết việc làm, tăng thu nhập mà còn góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển kinh tế hộ, kinh tế gia đình nông thôn. Kết quả điều tra do Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tài trợ cho thấy, di dân tự do đã bổ sung một nguồn nhân lực lớn góp

Digitized by Google

phần phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị ; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn ; rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Dự báo, trong chiến lược hiện đại hóa, đô thị hóa, tốc độ gia tăng dân số từ nay đến năm 2010 bình quân là 5% mỗi năm. Như vậy, sẽ có khoảng 4,5 - 5 triệu dân nông thôn được chuyển vào thành thị. Bên cạnh những mặt tích cực, *di dân tự do, tự phát hiện nay cũng dẫn đến nhiều mặt tiêu cực :* tình trạng chặt phá rừng, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên, tranh chấp đất đai... ở các địa phương có đông dân nhập cư. Tình trạng quá tải về dân số, ùn tắc giao thông, thiếu trường học, cơ sở y tế, thiếu việc làm, gia tăng tội phạm và phát sinh các tệ nạn xã hội. Trong khi đó, nhiều vùng nông thôn lại thiếu lao động có trình độ, gây ra nạn "chảy chất xám" trong sản xuất nông nghiệp.

2. Những nơi tốc độ CNH cao, đời sống cư dân bị xáo trộn.

Gần đây, *vấn đề ruộng đất* giải quyết không thấu đáo đã gây ra những diễn biến xấu về mặt xã hội. Do tranh chấp ruộng đất mà nhiều giá trị đạo đức, quan hệ truyền thống ở nông thôn bị phá vỡ, đất đai bị lấn chiếm, cảnh quan thiên nhiên, môi trường văn hóa bị xâm phạm nghiêm trọng. *Văn hóa, lối sống đô thị* nhất là các đô thị phương Tây qua các phương tiện truyền thông đại chúng *ảnh hưởng không nhỏ đến nông thôn*, một mặt góp phần nâng cao hiểu biết, tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa ; mặt khác, những tiêu cực của lối sống đô thị nhất là lối sống ngoại lai được truyền bá đã là một trong những thủ phạm làm rạn nứt lề lối, gia phong, làm gia tăng tỉ lệ ly hôn, tình trạng thanh thiếu niên hư hỏng.

Các cơ sở công nghiệp nông thôn ra đời và phát triển ngay trong lòng khu dân cư góp phần đáng kể giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cung cấp hàng hóa cho nhu cầu tiêu dùng, làm thay đổi diện mạo nông thôn. Song, nếu phát triển một cách tự phát sẽ gây nhiều bất lợi cho sinh hoạt cộng đồng, ô nhiễm môi trường. Đến các vùng ngoại thị thành phố Hồ Chí Minh như Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Thủ Đức và ở nhiều địa phương khác ở Nam Bộ, chúng ta thấy rất rõ bức tranh này.

3. Tình trạng thiếu vốn đầu tư, chưa chuẩn bị cho chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp.

Những năm gần đây, trong nhiều địa phương Nam Bộ đã có những thay đổi đáng kể về cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nhiều ngành nghề mới đã được mở ra, nhiều nghề thủ công truyền thống được khôi phục, công nghiệp đã góp phần đáng kể trong phát triển nông nghiệp ; nhiều vùng nông thôn đã được điện khí hóa, đã dùng nước sạch, mạng lưới y tế được thiết lập ở nhiều nơi. Không ít địa phương đã bảo đảm được các mục tiêu xây dựng "điện, đường, trường, trạm". Nhưng nhìn chung, về tốc độ cũng như yêu cầu phát triển nông thôn còn chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, *mức đầu tư trang bị vốn và tài sản cố định cho lao động nông nghiệp đã ít lại chậm.* Điều đáng băn khoăn là *vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào nông thôn và nông nghiệp rất ít.* Mặc dù lao động nông nghiệp vất vả, nặng nhọc lại thu nhập thấp, nhưng đại đa số nông dân vẫn phải bám vào nông nghiệp. Trong khi đó, đất canh tác lại bị thu hẹp, điều kiện sản xuất ngày càng trở nên khó khăn hơn, nông dân nhiều địa phương không đủ khả năng chuyển đổi toàn bộ cơ cấu gieo trồng và ngành nghề từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ít nhất trong 15 - 20 năm tới ; bởi lẽ họ không có vốn, không được chuẩn bị về tinh thần, ít có nghề phụ ngoài nghề chăn nuôi và trồng trọt.

4. Trình độ dân trí, học vấn thấp ; thiếu công nhân lành nghề, cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

Theo con số thống kê của Ủy ban quốc gia chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học thì *số người mù chữ của Nam Bộ chiếm tỉ lệ cao nhất trong cả nước*, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (chiếm 36% so với cả nước). Toàn vùng chỉ có 25% trong tổng số học sinh tiếp tục học lên cao đẳng, đại học. Trong số các chủ cơ sở sản xuất được điều tra tại nông thôn ĐBSCL thì 25,9% có trình độ học vấn cấp I ; 36,1% - cấp II ; 38,1% - cấp III. Tri thức nghề nghiệp của đại bộ phận những người chủ cơ sở công nghiệp nông thôn ở đây có được là do kinh nghiệm. Đồng bào dân tộc ít người tỉ lệ mù chữ còn cao hơn. Trình độ học vấn của người dân tộc rất hạn chế. Trong khi đó, số lượng các cơ sở đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp tính theo dân số còn ít. Tuy là vùng nông nghiệp trọng điểm, nhưng cán bộ kỹ thuật nông nghiệp (cả trình độ đại học và trung cấp) ở cơ sở của các tỉnh đều thiếu nghiêm trọng.

5. Sự phát triển mang tính tự phát, chạy theo cơ chế thị trường, thiếu quy hoạch tổng thể.

Nông thôn Nam Bộ thể hiện khá rõ *sự phát triển tự phát các ngành nghề.* Vùng ĐBSCL xu hướng

Digitized by Google

phát triển công nghiệp nông thôn những năm qua hướng mạnh vào thị trường, nhất là thị trường ngoài nước, nhưng trang bị kỹ thuật không đồng đều, tập trung vào các ngành nghề xay xát lương thực, chế biến hải sản đông lạnh, chế biến đường... Trong khi đó, nhiều nông phẩm khác chỉ dừng lại ở mức sơ chế. Vẫn còn xu hướng đổ xô vào một vài mặt hàng theo từng thời vụ dẫn tới xáo động nguồn lao động, khó đầu tư cơ bản trong phát triển sản xuất, cạnh tranh nội bộ đẩy giá nguyên liệu lên cao, gây tồn đọng sản phẩm. Mặt khác, nhiều sản phẩm thiết yếu lại khan hiếm, dẫn tới những biến động cả về mặt xã hội cũng như tình trạng thu nhập không ổn định của người dân.

6. Sự chênh lệch về trình độ sản xuất, mức thu nhập, trình độ văn hóa giữa các vùng, các địa phương, dân tộc.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thường tập trung ở những vùng đông dân cư, giao thông thuận tiện và gần nguồn nguyên liệu. Vì thế, *tình trạng mất cân đối, chênh lệch về mức sống, trình độ văn hóa và mức độ hưởng thụ văn hóa khá lớn.* Một số các đô thị lớn và các thị xã thường có đời sống khá hơn ; phương tiện đi lại, thông tin, điều kiện giao lưu thuận lợi. Ngay ở nông thôn thì các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần cũng thua kém nhiều các vùng đồng bằng. Những năm gần đây, vẫn còn tình trạng tuy sống trong cùng điều kiện môi sinh, đặc điểm sinh thái và cư trú như nhau, nhưng mức sống của các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm... có những chênh lệch không nhỏ. Mức thu nhập của người Việt được nâng lên đáng kể do thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, giảm tỉ lệ sinh đẻ... Trong khi đó, người Chăm, người Khmer... chủ yếu vẫn duy trì cách sống biệt lập, tập trung trên những mảnh đất lâu đời, ít thay đổi phương pháp canh tác, nền kinh tế vẫn mang tính tự cung, tự cấp. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vẫn ở mức cao. Là vựa lúa và là vùng nông nghiệp trọng điểm phía Nam, nhưng qua kết quả điều tra, mức sống của nông dân ĐBSCL vẫn còn nhiều gia đình, nhất là đồng bào dân tộc đang ở tình trạng đói, nghèo.

III. Những biện pháp cần thiết.

Cùng với sự công nghiệp hóa và hiện đại hóa, sẽ xuất hiện ngày càng nhiều các đô thị mới, phát triển và hoàn thiện các đô thị sẵn có. Quá trình này sẽ dẫn đến thu hẹp diện tích đất canh tác và chuyển biến một bộ phận cư dân nông thôn thành cư dân thành thị. Sự chuyển dịch cơ cấu xã hội lớn bước đầu có thể gây nên những vấn đề phức tạp trong tâm lý lối sống. Những vấn đề này cần nắm bắt để tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức trong nhân dân cũng như trong hoạch định chính sách và có các giải pháp cụ thể. *Không thể áp dụng những biện pháp hành chính, mệnh lệnh* mà phải *kiên trì vận động* mới mang lại hiệu quả. Cần tận dụng tối đa các phương tiện truyền thông đại chúng trong giáo dục và tuyên truyền. *Ngoài những biện pháp chung,* cần đặc biệt *chú trọng đến các yếu tố đặc thù* tự nhiên, địa hình, khí hậu, văn hóa, dân tộc của vùng đất phương nam. Không chỉ giải quyết những tồn đọng của nông thôn trong thời kỳ CNH, HĐH mà phải gắn với tháo gỡ những vướng mắc ở thành thị.

1. Nhóm giải pháp cho các vùng nông thôn.

Phát triển sản xuất :

- Có chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng địa phương ; quan tâm tới thị trường đầu ra cho nông sản.

- Giúp nông dân khai thác ruộng đất có hiệu quả, thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mở mang thêm các ngành nghề phụ, đa dạng hóa các loại hình sản xuất gia đình. Đặc biệt quan tâm tới công tác khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng các mô hình kinh doanh giỏi.

- Cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất ; thực hiện trợ giá nông sản cho nông dân ; giảm bớt gánh nặng đóng góp trong nhân dân.

- Có chính sách trợ giúp phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc.

Ổn định đời sống :

- Xây dựng, củng cố những mối quan hệ truyền thống tốt đẹp ; hình thành những chuẩn mực ứng xử ; xây dựng Quy ước làng văn hóa ; tham khảo kinh nghiệm sử dụng *hương ước* của các tỉnh và các vùng quê đã làm.

- Khắc phục tình trạng chênh lệch về mức sống, mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các dân tộc. Phát huy ý thức giữ gìn vốn văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và cộng đồng

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

SỐ CÒN NẶNG NỢ...

LÊ THÀNH

Hôm ấy, anh gọi điện bảo tôi đến chơi nhân việc anh "treo ấn từ quan" - anh nói thế. Tôi cười một mình : cái ông này, "số còn nặng nợ quan trường" lắm, ấn đâu mà treo ! Thập thững bước một, tôi vừa đi vừa "ôn cố" :

- Quan và dân đối lập, quan "trị người", dân "bị người trị". Thanh quan hiếm lắm, thường thấy tham quan nên dân ghét quan, dù có khi phải gọi là "quan phụ mẫu". Dân ví von : "miệng quan trôn trẻ" ; "miệng nhà quan có gang có thép" ; "muốn nói gian làm quan mà nói". Dân phản ứng : "Quan cần nhưng dân không vội, quan vội quan lội mà đi", hoặc "Quan quàn dân, dân giần quan". Cụ Phan Chu Trinh còn chiết tự "chữ quan hai chữ khẩu" :

"Giằng đầu đã chắc nhờ che chở.

Thêm miệng nên thêm lắm vận xoay,

Nói hiếp, nói gian thêm đủ mực,

Bắt tròn, bắt méo, cả hai tay".

"Ngày nay, nước ta là nước dân chủ. Dân trực tiếp hoặc cử đại biểu lo liệu mọi việc, không cần đến quan nào cả. Cán bộ là "dân chi công bộc". Vâng, lãnh đạo nhưng đồng thời phải là đầy tớ của dân, "đầy tớ thật trung thành của nhân dân", "chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh" như Cụ Hồ dạy..."

Mấy chục năm rồi mà tôi vẫn nhớ như in bài thuyết trình của anh ở hội nghị cán bộ huyện. Chả là vì anh nói hay quá, tôi rất tâm đắc. Có thể vì tôi đã mê anh từ trước. Cùng quê, cùng lớp, cùng con nhà nghèo, cùng học giỏi, nhưng anh hơn tôi hai tuổi, chín chắn, chu đáo, lại giỏi chữ Nho (cha anh đỗ tam trường, thiếu chút nữa là làm quan). Cùng lên huyện nhà công tác rồi cùng nhập ngũ khi có chủ trương tăng cường đảng viên cho quân đội, nhưng anh nổi trội hơn. Duyên nợ thế nào mà 5 năm sau, vì thương tật cùng giải ngũ, chúng tôi lại gặp nhau ở một trường đại học, rồi cùng làm nghiên cứu suốt mấy chục năm trời, tuy ở hai bộ khác nhau. Ngày chia tay theo đơn vị vào chiến trường, anh thổ lộ : "Nếu khóa vừa rồi trúng huyện ủy thì mình chỉ là người đại diện cho huyện ủy và Đoàn Thanh niên đi tiễn cậu". Hồi mới về viện nghiên cứu, anh công bố kế hoạch : "3 năm không là trưởng phòng, 5 năm không là viện phó thì xin đi nơi khác". Không xuất sắc nhưng vững vàng, sống lâu lên lão làng, rồi anh cũng là trưởng phòng sau 6 năm, viện phó sau 15 năm và có lần khoe với tôi là đã có ý kiến đề bạt anh lên thứ trưởng. Tuổi 60, anh lui về làm chuyên viên khi một tiến sĩ trẻ tuổi làm viện trưởng. Ngày tôi về hưu ở tuổi 63 "vui vẻ như cày xong thửa ruộng", anh bảo : "Cậu đang nổi đình đám, sao lại hưu ? Mấy ai có cống hiến như bọn mình, vào sinh ra tử". Năm sau, anh chuyển sang "Tổ chuyên viên cao cấp" vừa thành lập quy tụ "lão làng" trong bộ chưa muốn về hưu, tôi hỏi : "Anh làm gì ở đấy ?" . "Bộ trưởng bảo gì làm nấy, không thì. .. thiếu gì việc ! "Thân này đâu đã chịu già tom" !...

Mê mải chuyện đã qua, tôi đến trước cổng nhà anh lúc nào không biết.

*

- Ông bảo con người ta có số không ? - Anh hỏi, không đợi trả lời, lại nói tiếp - Đúng là bọn mình không có số làm lớn. Mình đã gặp vụ tổ chức, sắp nghỉ chế độ. Sang năm không còn tổ chuyên viên cao cấp. Mình đi trước một bước...

- Lẽ ra...

- Ông lại bảo lẽ ra "cứ đến hẹn là về", nếu Đảng không chỉ định anh phải làm việc này, việc này nữa, lẽ ra tôi nên về hưu từ ba bốn năm trước chứ gì ? Thế là biết một mà chưa biết hai. Anh ơi, dẻo dai đâu chỉ mình tôi ? Ai lạ gì tổ chuyên viên cao cấp ấy là một tổ chức tình thế, là một cái..., anh thừa hiểu nó là cái gì rồi. Nhưng tại sao tôi vẫn ở đấy, ở cái chỗ không có nhiệm vụ rõ ràng ấy hằng mấy năm trời ? Ngừng một lát - "Cá chuối đắm đuối vì con", chứ mình đã hết thời, mong gì ! Còn tại chức thì... không bị hụt hẫng thông tin mà còn có dịp gặp ông A bà B ở hội nghị này, diễn đàn nọ, nhờ cậy việc gì còn có người nể mặt. Chẳng phải danh

Digitized by Google

gia vọng tộc, chỉ làng nhàng, về hưu làm phó thường dân rồi, khó lắm, nhất là trong "cơ chế đồng tiền" !.

- Các cháu đều thành đạt, anh cần gì nữa ? Lâu lắm không gặp cháu Huy, hẳn ông tiến sĩ khoa học trẻ đang say mê công trình gì mới ? Tôi hỏi :

- Báo để chú mừng cho cháu : cháu đã chuyển sang công tác quản lý. Tiền đồ rộng mở, cái chức viện trưởng cũng mới chỉ là một bệ phóng.

Tôi thầm tiếc cho Huy, nổi tiếng từ hồi còn là học sinh thi toán quốc tế, mấy năm gần đây vùi đầu vào những đề tài khoa học mà cháu cho là thiết thực và có triển vọng nhất. Thời đại văn minh tin học, kinh tế tri thức rất cần những nhà khoa học chân chính, thật sự say mê, dám tự khẳng định mình trong khoa học - kỹ thuật hiện đại. Như đoán trước được ý nghĩ của tôi, anh giải thích :

- Tôi và cả vợ nó nữa nói mãi nó mới nhận ra : trực tiếp làm khoa học sao bằng lãnh đạo khoa học và nó đã chuyển hướng. Chính nó, khi chỉ là cán bộ khoa học không chức vụ, dễ gì đi họp các hội nghị khoa học quốc tế cần thiết, dù có giấy mời đích danh. Nhiều thủ tục phiền hà lắm, chưa nói chuyện "tiền đâu ?". Thôi thì trong lúc quan tước trọng hơn chuyên gia, hãy tiến thân bằng con đường quan tước ! Dại gì không chọn lối nhanh, đường tắt ?

Toan phản bác nhưng nhìn gương mặt anh đang dãn nở, tôi lại thôi :

- Còn cháu Hoàng nhận việc ở đâu ?

- Cháu về công đoàn X. Rút kinh nghiệm thằng anh, tiến thân bằng con đường này, hy vọng nhanh chóng có vai vế hơn. Thế mà trúng ! ... Bây giờ, xong việc con cái, về hưu thì về.

Tôi cười :

- "Cũng rắp điền viên tìm vui thú, Mà con hoạn lộ chửa hanh thông" hả ?

Anh trầm ngâm hồi lâu rồi như tâm sự với người bạn từ hồi còn để chỏm :

- Mà sao bây giờ lắm người thích làm quan đến thế, dù là quan nhỏ, dù không gọi là quan...

*

"Hôm ấy" cách đây đã mấy năm. Chuyện cũ mà sao vẫn còn như mới. ❑

NÔNG THÔN NAM BỘ...

(Tiếp theo trang 52)

các dân tộc Việt Nam. Tạo mọi điều kiện để bà con nắm bắt kịp thời mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đoàn kết dân tộc, tôn giáo trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng nông thôn mới.

2. Nhóm giải pháp cho các khu đô thị.

Loại trừ khuynh hướng tự phát trong phát triển :

- Nhà nước cần có chính sách điều tiết, quản lý, hướng luồng di dân tự do vào các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước. Hoạch định các chính sách vĩ mô cũng như biện pháp hữu hiệu dựa trên tính quy luật của di dân là mưu sinh.

- Cần có quy hoạch tổng thể cho phát triển các đô thị mới và phát triển các đô thị cũ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, dân số. Có biện pháp khắc phục những bất hợp lý về bố trí các tụ điểm dân cư, kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của nhân dân. Khắc phục những tồn đọng về giao thông, ô nhiễm môi trường. Giáo dục ý thức trong nhân dân.

Xây dựng lối sống trong các khu dân cư :

- Tổ chức các hình thức sinh hoạt mang tính cộng đồng. Giáo dục kiến thức pháp luật, giữ trật tự công cộng. Vận động nhân dân xây dựng các khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa, các phong trào giữ gìn trật tự trị an...

- Tạo điều kiện tìm việc làm, trợ giúp cho gia đình khó khăn. Tiếp tục phát huy các phong trào "Xóa đói giảm nghèo", "Nhà tình thương", "Nhà tình nghĩa"...

- Có chính sách trợ giúp, tìm thị trường, khuyến khích nghệ nhân, phát triển các nghề truyền thống.

3. Về nguồn nhân lực.

Nhân tố con người quyết định sự thành công, sự tiến bộ và phát triển của đất nước. Vì thế, nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao trình độ dân trí, nhất là ở nông thôn ; đào tạo đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên môn và quản lý, nhất là cán bộ quản lý nông nghiệp đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc, tôn giáo.

Trong thế kỷ XXI chúng ta tin rằng vùng đất Nam Bộ sẽ vươn lên, khắc phục những mặt tồn đọng, xứng đáng vai trò động lực kinh tế và vùng nông nghiệp trọng điểm phía Nam.❑

Digitized by Google

TẤN TRÒ GIỄU CỢT CÔNG LÝ

QUANG LỢI

VIỆC chính quyền Xéc-bi-a qua mặt chính quyền Liên bang Nam Tư dẫn độ cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích ra Tòa án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh ở Nam Tư cũ (ICTY), ở La Hay, gây một chấn động sâu sắc trong xã hội Nam Tư và dư luận thế giới. Nhân danh luật pháp, nhưng họ lại thực hiện cuộc dẫn độ này một cách lén lút, theo kiểu "tập kích", giống hệt như một vụ bắt cóc. Họ lo sợ vụ dẫn độ bị bại lộ do sự chống đối gay gắt của các lực lượng chính trị - xã hội ở Nam Tư. Đây là một màn kịch trong bóng tối !

Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, có một cựu tổng thống bị dẫn độ ra tòa án quốc tế, và Nam Tư đã trở thành quốc gia đầu tiên chịu giao nộp cựu tổng thống của mình. Đây là nỗi đau tinh thần lớn của Nam Tư. Một nỗi đau xoáy vào lòng tự trọng dân tộc. Một chính khách nổi tiếng ở nước này đã phải thốt lên rằng "đây là ngày nhục nhã nhất đối với Nam Tư như một quốc gia và đối với người Nam Tư như một dân tộc".

Cách đây hơn 2 năm, Nam Tư đã tỏ rõ cho thế giới thấy rằng họ là một quốc gia, ở châu Âu không chịu quỳ gối trước bạo lực của Mỹ và phương Tây. Cuộc kháng cự dũng cảm của quân và dân Nam Tư trong suốt 78 ngày không kích tàn bạo của Mỹ và NATO hẳn đã được nhiều người coi như một tấm gương đáng khâm phục về tinh thần yêu nước của một dân tộc trước chủ nghĩa cường quyền trong thế giới ngày nay, và người lãnh đạo cuộc kháng cự đó không phải ai khác chính là cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích - người mà Mỹ và NATO luôn coi như một cái gai cần phải nhổ trong chiến lược "dân chủ hóa" ở khu vực Ban-căng. Chiến lược này thực chất là một cuộc "bình định" của Mỹ tại khu vực. Sau khi Liên bang Nam Tư trước đây (bao gồm 6 nước cộng hòa) đã bị phá vỡ bởi những biến động chính trị - xã hội dữ dội từ năm 1992, Mỹ đã không chậm trễ thò bàn tay can thiệp một cách trắng trợn vào công việc nội bộ nước này. Trong khi đó, không ít người Nam Tư lại tôn vinh ông S. Mi-lô-sê-vích như một "người hùng" dám dẫn dắt đất nước đương đầu với cuộc hủy diệt lớn của Mỹ và NATO trong điều kiện bị cô lập và o ép mọi bề.

Thế mà giờ đây "người hùng" của cuộc kháng cự đó đã bị dẫn độ ra Tòa án quốc tế La Hay để bị xét xử như một "tội phạm chiến tranh".

Phải thấy rằng việc xét xử ông S. Mi-lô-sê-vích không đơn thuần chỉ nhằm loại bỏ một nhân vật "cứng đầu, cứng cổ" cũng như "nhổ tận gốc" những người thân cận của ông để sắp xếp trật tự Ban-căng theo kịch bản của Mỹ và phương Tây, mà đây còn là một thủ đoạn đánh tráo giá trị vừa trắng trợn vừa tinh vi : Nếu ông S. Mi-lô-sê-vích bị kết tội là "tội phạm chiến tranh", thì kẻ xâm lược là Mỹ và NATO, lẽ ra đáng phải ngồi ở ghế bị cáo, lại ngang nhiên ngồi ở ghế quan tòa. Cuộc chiến tranh xâm lược của họ, bản chất là hoàn toàn phi nghĩa, thì nay được chính thức khoác một vỏ bọc chính nghĩa, được tiến hành vì đạo lý và pháp lý quốc tế. Còn người Nam Tư, đáng lẽ có quyền tự hào về cuộc kháng chiến của mình thì

Digitized by Google

lại bị vụ dẫn độ và phiên tòa xét xử này bắt chịu đựng nỗi uất hận, đắng cay, tủi nhục. Chính phủ Liên bang Nam Tư do Thủ tướng Dô-ran Gi-gích, người Mông-tê-nê-grô, đứng đầu đã từ chức để phản đối cuộc giao nộp đáng hổ thẹn này. Gần 50 nghị sĩ thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa Xéc-bi-a (SPS), Đảng cấp tiến Xéc-bi-a (SRS) và Đảng cánh tả Nam Tư (IUI) đã yêu cầu Quốc hội Nam Tư họp phiên khẩn cấp để thông qua tuyên bố đòi khởi tố Thủ tướng Xéc-bi-a Gin-gích về tội "vi phạm Hiến pháp Nam Tư". Trên thực tế cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích đã bị Thủ tướng Xéc-bi-a đem bán không khác gì một món hàng ở chợ đen. Ông ta lập luận rằng "nếu không dẫn độ ông S. Mi-lô-sê-vích có nghĩa là bán đứng tương lai Nam Tư", rằng ông ta phải đơn phương hành động khẩn cấp như vậy vì ngày 29-6, Hội nghị quốc tế tài trợ cho Nam Tư họp để quyết định liệu có viện trợ cho nước này 1,28 tỉ USD hay không !...

Đúng là, sau chiến tranh, Nam Tư đang rất cần viện trợ để khôi phục và phát triển đất nước. Nhưng 1,28 tỉ USD hứa hẹn này liệu có đủ để chữa lành những vết thương chiến tranh do chính Mỹ và NATO gây ra trên cơ thể Nam Tư trong cuộc không kích mà chỉ riêng thiệt hại vật chất đã lên tới hơn 30 tỉ USD hay không ?

Chính Tổng thống Nam Tư V. Cô-xtu-ni-xa đã phải thừa nhận rằng "việc giao nộp cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích cho ICTY đã làm rung chuyển cả Nam Tư". Có nhiều người nói rằng phiên tòa xét xử ông S. Mi-lô-sê-vích sẽ là bước cuối cùng làm tan rã hoàn toàn Nam Tư, mà pha áp chót chính là cuộc chiến tranh Cô-xô-vô năm 1999. Trên thực tế, chính quyền Mông-tê-nê-grô, bấy lâu nay chẳng lấy gì làm mặn mà trong ngôi nhà bất ổn của Liên bang Nam Tư mới (chỉ bao gồm 2 nước cộng hòa Xéc-bi-a và Mông-tê-nê-grô), nay càng bị sự kiện giao nộp này thúc đẩy họ nhanh hơn trên con đường li khai. Còn chính quyền Xéc-bi-a đang tiếm quyền, đâu muốn phục tùng Tổng thống Liên bang V. Cô-xtu-ni-xa. Họ giải thích rằng việc giao nộp ông S. Mi-lô-sê-vích là theo Điều 135 của Hiến pháp Xéc-bi-a, điều khoản đó quy định rằng một khi chính quyền Liên bang không thực hiện những chức năng của mình thì chính quyền nước thành viên được toàn quyền hành xử. Nhưng họ lại cố tình quên rằng Hiến pháp Liên bang quy định các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại phải thuộc quyền quyết định của chính quyền Liên bang. Việc chính quyền Xéc-bi-a đơn phương giao nộp ông S. Mi-lô-sê-vích là sự vi phạm rõ ràng Hiến pháp Liên bang.

Như vậy không thể coi việc giao nộp vội vã cũng như phiên tòa xét xử ông S. Mi-lô-sê-vích ở La Hay là tiếng nói của công lý ! Đây trước hết là tiếng gọi từ những toan tính quyền lực và chính trị của một số nhân vật chủ chốt trong chính quyền Xéc-bi-a. Còn đối với Mỹ và phương Tây, đây là phiên tòa của thói lộng hành khi họ tự coi mình là người có quyền chi phối và khống chế thế giới, có quyền "làm luật" cho thế giới. Đó là luật của kẻ mạnh !

Từ cuộc dẫn độ và xét xử ông S. Mi-lô-sê-vích, người ta càng thấy rõ hơn cả một mưu đồ chiến lược được họ rắp tâm thực hiện từ lâu đối với Nam Tư nói riêng cũng như đối với toàn khu vực Ban-căng nói chung. ICTY - mà họ thường gọi là Tòa án quốc tế La Hay - thực chất là một công cụ chính trị của Mỹ và phương Tây được lập ra từ năm 1993. Ông S. Mi-lô-sê-vích, trong phiên tòa đầu tiên kéo dài 15 phút ở La Hay, đã có lý khi bác bỏ tính hợp pháp của ICTY vì nó không được Đại hội đồng LHQ thông qua. Sau hơn 8 năm được nặn ra, ICTY rất cần có một bị cáo để xét xử nhằm chứng tỏ hiệu quả thực tế và tính cần thiết của nó. Trong trường hợp này, đối với Mỹ, không có bị cáo nào phù hợp hơn, đắt giá hơn là ông S. Mi-lô-sê-vích. Nó vừa loại trừ

Digitized by Google

được tận gốc địch thủ vẫn được coi là hậu họa đối với bản thiết kế mới cho toàn vùng Ban-căng trong kỷ nguyên "hậu Nam Tư", đồng thời lại quàng thêm một "vòng nguyệt quế" chính trị và pháp lý cho cỗ máy chiến tranh NATO sau cuộc chiến tranh Cô-xô-vô. Họ muốn tỏ rõ một thứ uy quyền tuyệt đối. Phải có phiên tòa xét xử S. Mi-lô-sê-vích như một tội phạm chiến tranh, thì cuộc chiến tranh Cô-xô-vô mới được họ coi là kết thúc trọn vẹn về tất cả mọi phương diện : quân sự, chính trị, pháp lý, đạo lý...

Còn Tổng thống V. Cô-xtu-ni-xa, người đoạt quyền lực từ tay ông S. Mi-lô-sê-vích sau cuộc bầu cử tháng 9 năm ngoái, hiện đang đứng trước tình trạng của sự đổ nát : khủng hoảng chính trị, rối loạn thể chế, đối đầu xã hội, kinh tế suy sụp nghiêm trọng, nhất là lòng tự trọng dân tộc bị tổn thương nặng nề. Nam Tư, như một nhà nước Liên bang, trước mắt ông, đang vỡ ra từng mảng lớn. Để cứu vãn tình thế, ngày 17-7 vừa qua, ông V. Cô-xtu-ni-xa đề xuất thành lập một mô hình nhà nước Liên bang Nam Tư mới theo mô hình của Liên bang Nga, Mỹ hoặc Liên minh châu Âu. Chẳng lẽ Liên bang Nam Tư, với những đặc điểm lịch sử, địa lý, dân tộc riêng của mình lại có thể phù hợp với cả ba loại mô hình có nhiều khác biệt này hay sao ? Trong "phiên chợ chiều" ảm đạm này của nhà nước liên bang, lời đề xuất của ông V. Cô-xtu-ni-xa cũng chỉ được xem như một tiếng rao buồn bã, ít động lòng những người trong cuộc.

Như thế, nhìn từ nhiều góc độ, Cô-xô-vô đã được Mỹ dựng lên thành một tiền lệ xấu. Mảnh đất nhỏ bé trên bán đảo Ban-căng này đã bị Mỹ lát đường để cỗ xe chiến tranh của khối NATO từ nay có thể xông vào can thiệp ở mọi nơi. Một khi Cô-xô-vô đã được coi là tiền lệ, thì mọi ràng buộc của trật tự pháp lý quốc tế hiện hành có thể sẽ bị cỗ xe NATO đè nát. Sau "chiến tranh lạnh", "siêu cường duy nhất" Mỹ cảm thấy mình đang nắm cây gậy thống soái trong tay. Với cây gậy đó, Oa-sinh-tơn cho rằng, họ có thể và cần phải thay đổi những nguyên lý nền tảng nhất của quan hệ quốc tế và trật tự thế giới hiện hành. Theo họ, trong thiên niên kỷ mới, "cần hạn chế những mặt chủ yếu trong nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau", " chủ quyền quốc gia không quan trọng bằng nhân quyền". Họ tự tô vẽ rằng, "chúng ta chiến đấu không phải vì đất đai mà vì những quan niệm giá trị". Họ gọi những thứ lý luận hết sức nguy hiểm này là "chủ nghĩa can thiệp mới". Và Cô-xô-vô cũng như Nam Tư trở thành "vật tế thần" đầu tiên, là hình ảnh đặc trưng nhất cho "chủ nghĩa can thiệp mới" này.

"Chủ nghĩa can thiệp mới" của Oa-sinh-tơn đang đánh một đòn mạnh vào nhận thức chính trị của loài người trước thềm thế kỷ XXI. Nó thực sự đang tạo ra những hậu họa khôn lường. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hội đồng Liên bang Nga (thượng viện), ông Xtơ-rôi-ép, khi phản đối vụ dẫn độ cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích, đã nhấn mạnh : "Hôm nay người ta dẫn Nam Tư vào bước đường cùng, mai sẽ tới lượt nước Nga". Phong trào phản đối vụ dẫn độ và phiên tòa xét xử cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích đang lan rộng. Một ủy ban quốc tế ủng hộ ông S. Mi-lô-sê-vích đã được thành lập mà chỉ trong vài ngày đầu tiên đã có tới 200 luật gia, nhà hoạt động chính trị - xã hội, trí thức từ hơn 20 nước tham gia.

Rõ ràng thế giới không thể ngồi yên trước sự lấn lướt của chủ nghĩa cường quyền. Trong con mắt của những người trọng danh dự và công lý, phiên tòa xét xử cựu Tổng thống S. Mi-lô-sê-vích chính là tấn trò giễu cợt công lý. Và có không ít người liên tưởng rằng, hình ảnh của ông S. Mi-lô-sê-vích ở La Hay có gì đó giống như Đi-mi-tơ-rốp năm xưa trước tòa án phát xít. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ MỚI VÀ KINH TẾ TRI THỨC - HAI KHÁI NIỆM KHÁC NHAU *

I. KINH TẾ MỚI LÀ GÌ ?

Từ "kinh tế mới" lần đầu tiên được nêu trong một loạt bài của *Tuần báo kinh doanh* (Mỹ) ra ngày 30-12-1996. Ngày 5-4-2000 tại Nhà Trắng, Tổng thống Mỹ W.J. Clin-tơn chủ trì cuộc hội thảo về kinh tế mới, sau đó khái niệm này được chính thức tuyên truyền rộng rãi ở Mỹ, và dần dần được các nước phát triển ở châu Âu đồng tình. "Kinh tế mới" mà người ta đề cập đến, là chỉ nền kinh tế Mỹ từ tháng 4-1991 cho đến lúc đó. Trong thời gian này, kinh tế Mỹ đã xuất hiện nhiều đặc điểm khác với trước đây : kinh tế tăng trưởng mạnh liên tục 9 năm liền mà không có dao động hoặc suy thoái rõ nét ; song song với kinh tế tăng trưởng, không xuất hiện tình trạng tăng giá hàng và lạm phát mà giá cả ổn định, tỉ lệ thất nghiệp thấp, thu chi quốc tế cân bằng. Phải thừa nhận đó là sự thật đã diễn ra. Nhưng đây chỉ là hiện tượng mới xuất hiện ở nước Mỹ trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nó khác với chu kỳ kinh tế diễn ra vài năm một lần trong suốt 40 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, nên cũng có thể gọi hiện tượng này là "kinh tế mới". Tất nhiên, mới và cũ là khái niệm tương đối, sự việc hiện nay là mới so với 10 năm trước, nhưng sẽ là cũ so với 10 năm sau. Do đó, xét từ ý nghĩa khoa học chặt chẽ, "kinh tế mới" là chỉ hiện tượng và đặc điểm của nền kinh tế Mỹ ở thập niên 90 thế kỷ XX. *Tuần báo Kinh doanh* đã đăng bài "Mở rộng kinh tế mới ra toàn cầu", W.J. Clin-tơn và một số chính khách Mỹ cũng ra sức cổ động kinh tế mới của Mỹ, cho rằng nó thích hợp với các nước khác, phát triển kinh tế mới là con đường phồn vinh của kinh tế thế giới, và tại một số hội nghị quốc tế quan trọng, các nhà lãnh đạo các nước phát triển cũng tỏ ý tán thành. Nhưng chính điều đó cũng nói lên rằng "kinh tế mới" trước hết là sản phẩm của Mỹ trong điều kiện lịch sử nhất định, các nước khác chỉ chạy theo mô hình này, cho đến nay, "kinh tế mới" chỉ xuất hiện ở Mỹ, chưa xuất hiện ở các nước phát triển khác như Nhật Bản, liên minh châu Âu. Bởi vậy, có thể cho rằng "kinh tế mới" hoàn toàn không có ý nghĩa phổ quát với các nước khác trên thế giới.

Ngay đối với Mỹ, "kinh tế mới" cũng chỉ là một phạm trù lịch sử, không phải mô hình phát triển lâu dài như một số người Mỹ tán dương. Trên thực tế, kinh tế Mỹ đã nảy sinh vấn đề. Sau 115 tháng liên tục tăng trưởng, kinh tế Mỹ đột nhiên chuyển động ngược, từ quý 1 đến quý 3 năm 2000 tăng trưởng 5,3%, 6,1% và 5,3%, nhưng đến quý 4 tụt xuống còn khoảng 1%. Trước tình hình tốc độ tăng trưởng chậm lại, Cục dự trữ Liên bang Mỹ đã liên tiếp 3 lần hạ lãi suất, nhưng vẫn không ngăn chặn được chiều hướng suy giảm trên. Tháng 10-2000, Quỹ tiền tệ quốc tế từng dự báo tỉ lệ tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2001 là 3,2%, đến tháng 2-2001 lại điều chỉnh xuống còn 2,8%. Sau khi lên cầm quyền, Tổng thống G.Bu-sơ dự kiến mức tăng trưởng là 2,4%. Thị trường cổ phiếu biến động dữ dội, đến 20-3, chỉ số Đao Giôn giảm 20% so với điểm cao nhất tháng 1-2000 ; chỉ số NASDAQ (1) cũng từ 5 000 điểm tụt xuống còn 1 842 điểm. Lòng tin

* Nguồn : *Tạp chí Kinh tế và Chính trị thế giới* (Trung Quốc), tháng 5-2001

(1) NASDAQ là Hệ thống mua bán chứng khoán được điện toán hóa tại Hoa Kỳ dành cho các nghiệp vụ mua bán chứng khoán ngoài phạm vi thị trường chứng khoán

Digitized by Google

của người tiêu dùng giảm đi rất nhiều. Tình hình trên cho thấy, hoàn toàn không phải "kinh tế mới" ở Mỹ đã định hình, càng không thể có chuyện từ nay không tồn tại các chu kỳ kinh tế nữa.

II. KHÔNG PHẢI ẢO TƯỞNG

"Kinh tế tri thức" là nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức (và kết tinh của nó là khoa học - kỹ thuật). Nó không phải ảo tưởng, mà là khái quát và tổng kết một sự thật khách quan là khoa học - kỹ thuật phát triển nhanh trong gần 30 năm qua, khiến tốc độ, cơ cấu, yếu tố và các chế độ tương ứng có những thay đổi trọng đại. Sự phát triển của kinh tế hiện nay dựa vào việc truyền bá và ứng dụng kỹ thuật hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây. Các ngành máy tính, vi điện tử là những ngành phát triển nhanh nhất, giá trị sản lượng cao nhất trong tất cả các ngành. Gần 2/3 kinh phí nghiên cứu khoa học của tất cả các nước thành viên Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) được dành cho kỹ thuật cao - mới, trên 50% tổng sản phẩm quốc nội của các thành viên chủ yếu trong OECD được hoàn thành trên cơ sở tri thức. Bởi vậy có thể cho rằng kinh tế tri thức đã bắt đầu xuất hiện trong các nước phát triển và một số nước đang phát triển ; thế kỷ XXI loài người sẽ bước sang thời đại kinh tế - xã hội hoàn toàn mới - thời đại kinh tế tri thức.

Đặc điểm chủ yếu nhất của thời đại này là : trong phát triển kinh tế, tri thức, thông tin, và lao động trí năng sẽ chiếm vị trí chủ yếu, vốn vật chất lùi xuống vị trí thứ yếu ; hơn nữa, vốn tri thức giữ vai trò chính, tài sản vô hình tạo nên quyền sở hữu trí tuệ và vốn nhân lực (chủ yếu là lao động trí năng) lại hợp nhất với nhau, khiến vốn vật chất cũng chứa đựng hàm lượng tri thức rất cao. Các ngành kỹ thuật cao như công nghệ sinh học, tin học, vật liệu mới khiến toàn bộ cơ cấu sản nghiệp chuyển sang tập trung tri thức. Bởi vậy, xét về tổng thể, kinh tế hiện đại về cơ bản là kinh tế tập trung tri thức, là thể thống nhất giữa kinh tế khoa học - kỹ thuật cao và kinh tế trí năng cao. Nó sẽ dẫn đến một loạt biến đổi trong quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Do "kinh tế tri thức" còn là khái niệm mới mẻ, nên có thể có nhiều cách hiểu và giải thích khác nhau, và cũng tồn tại nhiều bất đồng và tranh luận. Cuộc tranh luận về "kinh tế tri thức" có 3 tiêu điểm :

1. Sự phát triển của tất cả các hình thái kinh tế - xã hội đều cần có tri thức, vì sao chỉ gọi nền kinh tế xã hội đang đến gần là "kinh tế tri thức" ? Đúng là xã hội nông nghiệp hay xã hội công nghiệp đều cần tri thức, nhưng yếu tố sản xuất hàng đầu trong xã hội nông nghiệp là đất đai, trong xã hội công nghiệp là vốn, nên không nên coi đó là "kinh tế tri thức". Chẳng hạn, trong xã hội nông nghiệp cũng có thủ công nghiệp, nhưng quan trọng nhất không phải thủ công nghiệp, nên cũng không thể gọi là xã hội công nghiệp.

2. Phải chăng kinh tế tri thức không cần tư liệu vật chất ? Đương nhiên, không phải là xã hội "kinh tế tri thức" không cần các yếu tố quan trọng trong xã hội công nghiệp, như năng lượng, vốn, vật tư, mà những cái đó không còn là yếu tố hàng đầu nữa.

3. Hiện nay, tin học hóa đang diễn ra trên toàn cầu, vì sao không gọi là "xã hội tin học" mà gọi là "xã hội kinh tế tri thức" ? Ngành tin học 20 năm gần đây quả thật đã đóng vai trò hàng đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp, nhưng nó không phải lực lượng duy nhất, mà còn có vai trò của công nghệ sinh học, khoa học - kỹ thuật vũ trụ, kỹ thuật vật liệu mới..., có thể gọi kinh tế tin học là giai đoạn đầu của kinh tế tri thức, sau này có lẽ còn xuất hiện nhiều kỹ thuật và ngành mới giữ vai trò chủ đạo. Bởi vậy, không thể quả quyết rằng thế kỷ XXI chỉ có thể dừng lại ở xã hội tin học. Công nghệ sinh học có khả năng trở thành ngành kỹ thuật cao chiếm vị trí chủ đạo vào nửa cuối thế kỷ XXI.

Do khoa học - kỹ thuật cao phát triển như bão lốc, khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu. Lực lượng sản xuất phát triển tất sẽ dẫn đến những biến đổi lớn lao trong quan hệ sản xuất, ý thức hệ và kiến trúc thượng tầng ; sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng, phương thức sống và làm việc của xã hội loài người sẽ diễn ra

Digitized by Google

những thay đổi to lớn. Tình hình trên có cái là sự thật đã nảy sinh, có cái đang ra đời, và có cái sẽ xuất hiện trong tương lai. Chúng ta có thể nhắm mắt làm ngơ trước thời cơ và thách thức đó chăng ?

III. "KINH TẾ MỚI" KHÔNG THỂ XẾP NGANG "KINH TẾ TRI THỨC"

"Kinh tế mới" ở Mỹ chỉ là một hiện tượng trong quá trình phát triển của "kinh tế tri thức". Từ những điểm đã trình bày trên, có thể thấy "kinh tế mới" và "kinh tế tri thức" vừa có điểm giống, vừa có những điểm khác nhau.

Những điểm giống hoặc gần nhau là :

1. Cơ sở vật chất cho chúng ra đời là sự vươn lên của kỹ thuật mới do tin học dẫn đầu.

2. Điều kiện kinh tế, xã hội cho chúng phát triển là sự phát triển nhanh của toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế thị trường hoàn thiện.

3. Lực lượng nâng đỡ chúng là tri thức và con người nắm vững tri thức.

Sự khác nhau giữa "kinh tế tri thức" và "kinh tế mới" là :

1. "Kinh tế tri thức" là xu thế và phương hướng phát triển chung của loài người, có ý nghĩa với tất cả các nước, tất nhiên, nó có giai đoạn phát triển, tốc độ, cơ cấu và đặc điểm khác nhau tùy theo từng nước và khu vực. "Kinh tế mới" chủ yếu chỉ đặc điểm kinh tế của Mỹ và một số nước công nghiệp phát triển trong thời kỳ nhất định, đặc điểm này khó mà xuất hiện trong phần lớn các nước và khu vực khác trên thế giới.

2. Nguyên nhân xuất hiện "kinh tế tri thức" mang ý nghĩa phổ biến, còn sự ra đời của "kinh tế mới" có quan hệ quan trọng với điều kiện đặc thù của nước Mỹ.

3. "Kinh tế tri thức" chủ yếu là dự báo và phân tích hình thái kinh tế xã hội tương lai, còn "kinh tế mới" là quy nạp không hoàn toàn và miêu tả hiện tượng và sự thật kinh tế đã nảy sinh ở Mỹ.

Cho đến nay, nhận thức về hai khái niệm trên rất khác nhau, cần tiếp tục nghiên cứu qua thực tiễn, không ngừng tổng kết và nâng cao về lý luận. ❑

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC...

(Tiếp theo trang 39)

chất lượng, phải tập trung sớm hình thành một bộ phận *đại học "dẫn đầu" để đào tạo chất lượng cao, tầm quốc tế.*

- Giáo dục đại học trở thành *đại học đại chúng*, phối hợp đồng bộ với phổ cập giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và các bộ phận khác trong hệ thống giáo dục, hướng tới xây dựng một *xã hội học tập*, thực sự tạo nên và phát huy sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc.

- Coi trọng ứng dụng các *phương thức mới* : đào tạo từ xa, đại học mở, đại học ngoài công lập, đào tạo gắn với doanh nghiệp, gắn với cộng đồng ; phổ cập sử dụng tin học và in-tơ-nét trong giáo dục, nhất là giáo dục đại học, đi đôi với phổ cập sử dụng ngoại ngữ ; chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện và đánh giá.

- Thực hiện đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa cho giáo dục sau trung học, bảo đảm tính hiện thực của cách nhìn mới về phát triển giáo dục đại học nước ta đầu thế kỷ XXI.

- Giáo dục sau trung học thành một hệ thống "kênh" tạo điều kiện phân luồng cho học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học, nếu kết hợp với sự phân luồng tiến hành sau trung học cơ sở, thì sẽ là một giải pháp phân luồng tổng hợp *có tính đa dạng, đa cấp, đa ngành, liên tục từ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (15 tuổi) cho đến sinh viên học sau trung học, có tính khả thi cao, hấp dẫn hơn. Đặc biệt giải pháp tổng hợp này có thể mở ra nhiều triển vọng mới về cách dân chủ hóa và xã hội hóa trong tổ chức quản lý và huy động xã hội tham gia sự phân luồng, phát triển giáo dục.*

Những điều suy nghĩ trên có sự tổng hợp ý kiến của nhiều nhà khoa học, góp phần giải bài toán lớn "quy mô - chất lượng - hiệu quả giáo dục đại học" trong tổng thể bài toán "phát triển giáo dục" nhằm "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài", đáp ứng những hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vươn lên sánh vai cùng các cường quốc năm châu, được vạch ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TẠI MIỀN TRUNG

Địa chỉ : 30 Trần Quý Cáp – Nha Trang – Khánh Hòa
Điện thoại : 058.822248
Giám đốc : ĐÀM MỸ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng công trình nông nghiệp.
- Các công trình khai khoáng và cải tạo đồng ruộng (từ khảo sát thiết kế đến xây dựng).
- Khaithác và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh vật tư, vật liệu, thiết kế xây dựng.
- Thi công các công trình xây dựng nông nghiệp nông thôn, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây hạ thế và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống. Hoàn thiện các công trình xây dựng, san ủi khai hoang và cải tạo đồng ruộng.
- Kinh doanh phương tiện vận tải, bất động sản và phát triển nhà, may mặc hàng xuất khẩu, sản xuất kinh doanh đồ gia dụng, xuất nhập khẩu trực tiếp (thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng may mặc, nông, lâm sản đã qua chế biến).
- Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải và một số hàng tiêu dùng.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÃ THI CÔNG TRONG NĂM 2000

- Trường đại học Thủy sản - Nha Trang.
- Thủy lợi Đồng Cam - Phú Yên.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ninh Thuận.
- Sở Địa chính DakLak.
- Sở Địa chính Khánh Hòa.
- v...v...v... Và một số công trình khác.

Digitized by Google

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

POWER ENGINEERING CONSULTING COMPANY 4

PECC4

- Trụ sở chính của Công ty : 38 Lê Thành Phương - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : 058.822196, 058.822197 - Fax : 058.824208
- Giám đốc Công ty : Kỹ sư PHẠM MINH SƠN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

Tư vấn, dịch vụ về xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và các công trình công nghiệp, dân dụng khác, bao gồm :

- Điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng.
- Khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình.
- Dịch vụ tư vấn về đấu thầu thiết kế.
- Mua sắm vật tư, thiết bị, thí nghiệm vật liệu xây dựng, thẩm định, kiểm định chất lượng, giám sát xây dựng và quản lý dự án (theo chứng chỉ hành nghề).



BTCC

CÔNG TY XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI BÌNH THẠNH

NHẬN CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT VÁN SÀN INOVAR

338 - Lê Quang Định - P11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8432029 - 8414850. Fax : 84.8.8940824



Đặc tính ưu việt :

- Chống trầy xước, chống cháy, chống mối mọt, chịu được hóa chất (nhờ có lớp bảo vệ Highly anti - abrasive).
- Nhiều chủng loại, màu sắc trang nhã, sang trọng.
- Chất lượng Châu Âu.
- Rất hữu dụng và kinh tế.
- Hàng có ngay, khi quý khách yêu cầu

Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN MÁY VÀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

GELIMEX

(Tên mới của CÔNG TY ĐIỆN MÁY MIỀN TRUNG)

Địa chỉ : 124 Nguyễn Chí Thanh - Đà Nẵng
Điện thoại : 0511.822417 - 822757 - 828640 Fax : 822203
E-mail : nvphuctt@dog.vnn-vn
Tổng giám đốc : NGUYỄN VĂN PHỤC



Công ty Điện máy và Kỹ thuật công nghệ trực thuộc Bộ Thương mại, chuyên kinh doanh sản xuất, XNK xe gắn máy hai bánh và phụ tùng, hàng điện lạnh, điện tử, điện dân dụng, chuyển giao công nghệ, may mặc XK.

Hiện nay, Công ty đang sản xuất những mặt hàng:

- Xe máy DAEHAN, nhãn hiệu được đăng ký độc quyền tại Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam, linh kiện được nhập từ Hàn Quốc đạt chất lượng ISO 9002 số KAB QC-018.

- Điều hòa, máy giặt, quạt nước, bếp gas GELSTAR, nhãn hiệu được đăng ký độc quyền tại Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam, được sản xuất theo dây chuyền công nghiệp hiện đại Hoa Kỳ.

- Máy vi tính và thiết bị công nghệ cao, thiết kế phần mềm.

Ngoài ra Công ty còn đang thi công lắp đặt những dây chuyền sản xuất công nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và chuyển giao công nghệ.



Máy giặt



Máy quạt nước



Xe máy DAEHAN

Digitized by Google

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC
Tại TP. Hồ Chí Minh

Số 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5 - ĐT : 8323557 - FAX : 8323557

TỦ SÁCH VỀ BÁC HỒ



*** NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH**
NHỮNG TÁC PHẨM TIÊU BIỂU TỪ 1919 ĐẾN 1945

Tác giả : Phong Lê - Trần Hữu Tá (Tuyển chọn, biên soạn, giới thiệu) 375 trang, Khổ 16 x 24cm, Giá 31.600đ

Đọc cuốn sách này, bạn đọc sẽ được gặp một nghệ sĩ - chiến sĩ, kết tinh những vẻ đẹp của dân tộc và thời đại. Tác phẩm sẽ mở rộng và nâng cao kiến thức về cách mạng, văn học cách mạng và khơi dậy những khát vọng cao đẹp về chân, thiện, mỹ.



*** CÁCH VIẾT CỦA BÁC HỒ**

Tác giả : Nguyễn Nguyên Trứ

208 trang, Khổ 14,3 x 20,3cm, Giá 13.700đ

Tác phẩm giới thiệu một số nhận định của các tác giả trong và ngoài nước về phong cách Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập hợp một số bài tìm hiểu cách viết của Bác Hồ mà tác giả đã đăng trên sách, báo hoặc báo cáo trong các hội nghị khoa học. Đây là tác phẩm bổ ích cho những bạn đọc muốn tìm hiểu về cách viết của Bác Hồ.



*** SỰ NGHIỆP BÁO CHÍ VÀ VĂN HỌC CỦA HỒ CHÍ MINH**

Tác giả : Hà Minh Đức

640 trang, Khổ 14,3 x 20,3cm, Giá 48.000đ

Đây là một công trình nghiên cứu văn thơ, báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị, nêu bật những phẩm chất cao đẹp của Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới.



*** HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC**

Tác giả : Hà Thế Ngữ - Nguyễn Đăng Tiến - Bùi Đức Thiệp

272 trang, Giá 16.000đ

Công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục là vô cùng to lớn. Vì thế, Nhà xuất bản Giáo dục xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc một công trình sưu tập tương đối đầy đủ các bài nói và bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục.

Nghiên cứu, học tập và thực hiện tốt những lời dạy quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhiệm vụ của tất cả những người làm công tác giáo dục và quan tâm đến giáo dục, nhất là đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Phát hành tại :

*** 24 Công ty Sách - TBTH các tỉnh, thành phố phía nam * Cửa hàng 231 Nguyễn Văn Cừ và 240 Trần Bình Trọng - Q5, TP. Hồ Chí Minh**

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

VINAPCO



NƠI CHỌN MẶT GỬI VÀNG

ISO 9001

VINAPCO

Tel: (04) 8272316
8272318
Fax:(04) 8272317

Digitized by Google

5730

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN
Bimson Cement Company

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



DNV Accredited by the RvA
ISO-9002 REGISTERED FIRM
DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS

QUACERT ISO 9000

Xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm.

Sản phẩm xi măng có các loại:

PC40, PC50.TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng.

PCB30.TCVN 6260 - 1997.

Đặc tính kỹ thuật:

+ Thời gian đông kết : *Bắt đầu không sớm hơn 45 phút, kết thúc không muộn hơn 10 giờ.*

+ Giới hạn bền nén : *Sau 3 ngày: không nhỏ hơn 14N/mm². Sau 28 ngày: không nhỏ hơn 30N/mm².*

+ Sản phẩm được đóng 50±1kg trong bao PP, in 2 mầu xanh đỏ, có đóng dấu giáp lai ở 2 đầu bao.



THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

★ Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I.

★ Từ năm 1993 liên tục được Bộ Xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.

★ Từ năm 1990 liên tục được cấp huy chương vàng hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.

★ Từ năm 1994 liên tục được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho xi măng PC30, PCB30.

★ Ủy ban quốc tế của tổ chức BID có trụ sở tại thủ đô MADRD - Tây Ban Nha đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho công ty Xi măng Bỉm Sơn.

★ Được bình chọn và chứng nhận " Hàng Việt Nam chất lượng cao " từ 1998, 1999 và 2000.

★ Được tặng Cúp vàng giải thưởng chất lượng Việt nam 2000.

★ Được DNV - Na Uy và Quacert Việt Nam cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.



Giám đốc: Kỹ sư Lê Văn Chung

Địa chỉ : Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hóa
Tel : 037.824242 - 037.824056
Fax : 84.37.8[illegible]

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
SEP 17 2001
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN SAIGON

(SAIGON SHIPPING COMPANY)

ĐC : 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, TP HCM
ĐT : 8296316/8231747/8230286
Fax : 8225067 - E-mail : Saigonship@hcm.vnn.vn



Thành lập tháng 9/1981, là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân TP HCM. Thành viên Hiệp hội chủ tàu Việt Nam (VSA) ; thành viên Hiệp hội môi giới & đại lý tàu Việt Nam (VISABA) và cũng là thành viên Hiệp hội giao nhận Việt Nam (VIFFAS).

CÁC CHI NHÁNH :

Vũng Tàu, Cần Thơ và Hải Phòng.

VĂN PHÒNG SÂN BAY :

Là đại lý giao nhận cho công ty Mercantile Denmark A/S về kinh doanh giao nhận hàng không.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH :

- Chủ tàu và khai thác đội tàu công ty gồm 04 chiếc từ 1000 đến 5000 tấn trọng tải trong khu vực Đông - Nam Á.

- Thuê và cho thuê tàu từ/đến các công ty nước ngoài theo hình thức "cho thuê tàu trần".

- Hoạt động đặc biệt mạnh và chủ yếu của công ty là xuất khẩu thuyền viên/sĩ quan với chất lượng cao đi trên các tàu nước ngoài hoạt động trên toàn thế giới, thí dụ như các chủ tàu Nhật Bản và Đan Mạch. Trình độ thuyền viên kể cả sĩ quan thường xuyên được đào tạo và huấn luyện cũng như nâng cấp do các chuyên gia nước ngoài có thể đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế (ISM Code, STCW Code 1995, SOLAS 74/78).

CÁC LIÊN DOANH :

- APM-Saigon Shipping Co., Ltd.: liên doanh với tập đoàn A.P.Moller, Thụy Sĩ chuyên vận tải container đi khắp thế giới.

- KOREX SAIGON TRANS.CO., Ltd. Liên doanh với The Korea Express Co., Ltd. thuộc The Dong Ah Group, Korea chuyên vận tải container bằng đường bộ bằng xe vận tải trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 622 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

16
8-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh	3
	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	10
	NGUYỄN MẠNH CẦM - Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên ASEAN	15
	NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU - Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - công chức nhà nước	18
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TƯƠNG LAI - Hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại	21
	NGUYỄN ĐĂNG DUNG - Về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 - một số vấn đề có tính nguyên tắc	26
	NGUYỄN LONG KHÁNH - Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo tư tưởng Hồ Chí Minh	30
	BÙI HỮU ĐỨC - Phát triển thị trường nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐINH VĂN NIỆM - Đồng chí Võ Chí Công với khoán sản phẩm trong nông nghiệp và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế	37
	VŨ NGỌC KỲ - Hà Giang vượt khó đi lên	42
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHÂN ĐĂNG - Ba "đừng"	47
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VĂN DU - Các nước châu Phi - Trung Đông trong quan hệ với Việt Nam thời gian qua	48
	NGUYỄN XUÂN TẾ - Tiếp cận kinh tế tri thức qua kinh nghiệm của một số nước	52
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện nay	56

Bìa 1 : *Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9* — *Tranh :* **MAI HẰNG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Развивать силы всенародной сплоченности за цель: "богатый народ, сильная страна, справедливое, демократическое, цивилизованное общество". НГУЕН ФУ ЧОНГ: Строить самостоятельную, независимую экономику, активно выйти на орбиту интеграции в международную экономику. НГУЕН МАНЬ КАМ: Уменьшить разрыв в развитии между странами-членами АСЕАН. НГУЕН ЧОНГ ДИЕУ: Повышать качество подготовки кадров - государственных штатов, ускорять дело индустриализации, модернизации страны. ТЫОНГ ЛАЙ: Модернизация традиционного и традиционализация современного. НГУЕН ДАНГ ЗУНГ: Некоторые принципиальные вопросы об исправлении Конституции 1992г. НГУЕН ЛОНГ ХАНЬ: Реализовать демократический статус на низовых организациях по идее Хо Ши Мина. БУЙ ХЫУ ДЫК: Развивать сельский рынок в процессе индустриализации, модернизации страны. НГУЕН ВАН ЗУ: Африканские, Среднеазиатские страны в отношениях с Вьетнамом в минувшее время.

CONTENTS

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Promotion of the strength of the great all-people unity for the target of a wealthy people, a powerful country, and equal, democratic and civilized society. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Building of an independent and autonomous economy and active integration into the world economy. NGUYỄN MẠNH CẦM: Narrowing the gap in development among ASEAN countries. NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU: Improvement of the quality of training for State servants and officials and boosting of industrialization and modernization. TƯƠNG LAI: Modernization of tradition and traditionization of modernity. NGUYỄN ĐĂNG DUNG: About the revision of the 1992 Constitution - a number of matters of principle. NGUYỄN LONG KHÁNH: Practising grass-roots democracy following President Hồ Chí Minh's Thought. BÙI HỮU ĐỨC: Development of the rural market in the process of industrialization and modernization. NGUYỄN VĂN DU: African and Middle East countries in relationship with Vietnam in recent years.

SUMARIO

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC – Poner en alto la fuerza del gran bloque de unidad nacional por un pueblo rico, un país poderoso, una sociedad justa, democrática y civilizada. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – Efidicar una economía independiente, autónoma e iniciativa para integrarse en la economía internacional. NGUYỄN MẠNH CẦM – Reducir la distancia del desarrollo entre los países miembros de la ASEAN. NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU – Mejorar la calidad de informa formación y capacitación a los cudros-funcionarios del Estado para impulsar la industrialización y modernización. TƯƠNG LAI – Modernalizar la tradición y tradicionalizar la modernización. NGUYỄN ĐĂNG DUNG – Sobre la modificación de la Cosntitución de 1992- algunos problemas de caráqcter de principio. NGUYỄN LONG KHÁNH – Poner en práctica la democracia en las bases según el pensamiento de Ho Chi Minh. BÙI HỮU ĐỨC – El desarrollo del mercado del campo en el proceso de la industrialización y modeernización. NGUYỄN VĂN DU – Las relaciones de los países de África - Medio Oriente para con Vietnam en los últimos años.

SOMMAIRE

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC – Faire valoir la force de la grande union nationale pour un peuple riche, un pays puissant, une société équitable, démocratique et civilisée. NGUYỄN PHÚ TRỌNG – Edifier une économie indépendante et prendre l'initiative de s'intégrer à l'économie internationale. NGUYỄN MẠNH CẦM – Raccourcir l'écart de développement entre les pays-membre de l'ANSEA. NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU – Améliorer la qualité de la formation et du recyclage des cadres, des foctionnaires d'Etat pour impulser l'industrialisation et la modernisation du pays. TƯƠNG LAI – Moderniser la tradition et traditionaliser la modernité. NGUYỄN ĐĂNG DUNG – Sur l'amendement de la Constitùtion de 1992 - quelques questions de principe. NGUYỄN LONG KHÁNH – Réaliser la démocratie à la base suivant la pensée de Hồ Chi Minh. BÙI HỮU ĐỨC – Développer le marché rural dans le processus d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN VĂN DU – Les relations entre les pays de l'Afrique et du Moyen-Orient et le Vietnam ces dernières années.

目录

张光得: 为实现民富、国强、社会公平、民主、文明的目标, 发挥全民大团结的力量 • 阮富仲: 建立独立自主的经济并主动融入国际经济 • 阮孟琴: 缩短东盟各成员国间的发展差距 • 阮仲苔: 提高公务员的培训、培养质量, 大力推动工业化、现代化事业 • 将来: 传统现代化及现代传统化 • 阮登蓉: 关于1992年宪法的修改——一些带原则性的问题 • 阮龙庆: 遵循胡志明思想在基层单位实现民主 • 裴友德: 在工业化、现代化进程中发展农村市场 • 阮文攸: 回顾非洲——中东各国与越南的关系.

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *

ĐẠI hội IX của Đảng đã tổng kết và phát triển những quan điểm tư tưởng của Đảng ta, của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân. Đại hội đã xác định : "Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội" (1). Trong Báo cáo Chính trị, phần đánh giá tình hình đất nước 5 năm qua có nhận định tổng quát về kết quả thực hiện chiến lược 10 năm và nhấn mạnh bốn bài học chủ yếu rút ra sau 15 năm đổi mới, trong đó có bài học về : *Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.* Báo cáo Chính trị cũng dành hẳn mục VIII, trình bày những chủ trương lớn của Đảng về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

I. ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN LÀ TRUYỀN THỐNG QUÝ BÁU CỦA DÂN TỘC TA, LÀ TƯ TƯỞNG LỚN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, LÀ ĐƯỜNG LỐI CHIẾN LƯỢC NHẤT QUÁN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA.

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc ta là sự nối tiếp những cuộc đấu tranh chống thiên tai, chống các cuộc chiến tranh xâm lược của các đế chế phương Bắc và các nước thực dân đế quốc tư bản chủ nghĩa. Những cuộc vật lộn, đấu tranh sinh tử đó đã sớm hình thành ở người Việt Nam sự cố kết cộng đồng, ý thức cộng đồng dân tộc phát triển và trở thành sức mạnh đoàn kết dân tộc. Đoàn kết và phát huy sức mạnh đoàn kết đã thấm vào máu thịt của mỗi người Việt Nam, được trân trọng giữ gìn, bổ sung, phát triển từ đời này sang đời khác.

Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam còn được hình thành từ những cội nguồn lịch sử sâu xa. Người Việt Nam ý thức rằng, mình sinh ra trong cùng một bọc, gắn bó với nhau bởi nghĩa "đồng bào". Người Việt Nam - dù sống ở trên miền rừng núi, hay vùng đồng bằng trúng du, miền biển, trong nước, hay ở nước ngoài, đều có chung một cội nguồn, chung một Ông Tổ Hùng Vương, đều có chung một ngày Giỗ Tổ Hùng Vương. Lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta cũng cho thấy ở thời kỳ nào mà nhân dân đoàn kết, "trên dưới một lòng" thì đất nước hưng thịnh. Ở thời kỳ nào mà "lòng người ly tán, chia rẽ, loạn ly" là lúc dân tộc suy vong, thù trong giặc ngoài và có nguy cơ mất nước.

Hơn 70 năm qua, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn xác định sứ mệnh kế thừa và

---

* Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 123

Digitized by Google

phát huy truyền thống tốt đẹp đó. Đại đoàn kết dân tộc là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Truyền thống đoàn kết dân tộc đó được phát huy trong cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ giành và giữ nền độc lập dân tộc và ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đoàn kết đã trở thành truyền thống quý báu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam.

Trong Di chúc của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh viết : "*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình" (2). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII của Đảng thông qua khẳng định : "Đoàn kết là truyền thống quý báu và bài học lớn của cách mạng nước ta". Tổng kết bài học kinh nghiệm của 15 năm đổi mới vừa qua, Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX viết : "Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia". (3)

II. ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI CỦA CÔNG CUỘC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

1. Đại đoàn kết toàn dân là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển bền vững đất nước.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã khẳng định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước ta đến năm 2010, trong đó phát triển kinh tế, công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm, phấn đấu thực hiện mục tiêu đề ra từ Đại hội VIII : đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phải nói rằng, những mục tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) về nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước hằng năm, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, về sản lượng và giá trị các ngành kinh tế chủ yếu, về giảm tỷ lệ thất nghiệp, về cải thiện đời sống nhân dân... mà Đại hội IX quyết định là rất cao. Để đạt được các mục tiêu đó, rõ ràng phải có sự phấn đấu không ngừng, sáng tạo, hết sức quyết liệt và gian khổ. Trong quá trình đó có nhiều thuận lợi, nhưng cũng có không ít khó khăn - cả những khó khăn mới xuất hiện khi đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cả khó khăn, trở ngại do những yếu kém hiện nay và tồn tích từ trước ; cả những khó khăn trong nước và những tác động bất lợi từ bên ngoài. Đường lối chung và đường lối kinh tế đúng đắn đã được xác lập, vấn đề là huy động, tổ chức và phát huy các nguồn lực ra sao. Vì vậy, Đại hội IX khẳng định : "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội" (4).

Như vậy, đại đoàn kết không đơn thuần chỉ là để giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mà điều quan trọng và có ý nghĩa chiến lược hơn : đại đoàn kết chính là nhằm khai thác, phát huy mọi nguồn lực vật chất và tinh thần của cả dân tộc, nhân lên các thế mạnh riêng, tạo thành sức mạnh chung to lớn vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

2. Đại đoàn kết toàn dân là điều kiện để thực hiện đầy đủ nhất quyền làm chủ của nhân dân.

Mục tiêu tổng quát của cách mạng nước ta đã được Đại hội IX khẳng định là : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Theo đó, không chỉ phấn đấu tới giàu mạnh, mà để có giàu mạnh và trong quá trình tiến tới giàu mạnh, phải xây dựng xã hội trong đó mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi vùng của đất nước, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam đều được sống trong sự công bằng, bình đẳng, đều có

---

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 497

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 82

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 86

Digitized by Google

quyền và điều kiện để làm chủ, có nghĩa vụ đóng góp tích cực nhất cho sự phát triển đất nước.

Dân chủ là một chế độ xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ cho cả triệu, cả chục triệu người, cho cả xã hội. Đồng thời, muốn có dân chủ rộng rãi, dân chủ thật sự thì tất cả mọi người, mọi giai cấp, mọi tầng lớp đều phải làm chủ và cùng nhau làm chủ.

Kinh nghiệm thực tế mấy năm gần đây cho thấy, địa phương nào đoàn kết tốt, mọi người thật sự phát huy quyền làm chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; đấu tranh có hiệu quả với những hiện tượng vi phạm dân chủ và tiêu cực. Ngược lại, ở nơi chưa phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, để kẻ xấu lợi dụng những thiếu sót, sơ hở, kích động, chia rẽ thì người dân hoặc là bị dụ dỗ, lôi kéo, hoặc bị khống chế, tự làm mất quyền làm chủ chân chính của mình, gây trở ngại cho công cuộc xây dựng kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước.

Trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ ở cơ sở thì trọng tâm là thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực kinh tế. Trong hoạt động kinh tế càng rất cần có đoàn kết, hợp tác, liên kết, liên doanh giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế, các ngành nghề, các địa bàn, người sống trong nước và người Việt ở nước ngoài ; đồng thời, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xây dựng cả đời sống vật chất và tinh thần, cả văn minh vật chất lẫn văn minh tinh thần.

3. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ của các thế lực thù địch.

Các kẻ thù xâm lược nước ta trước đây đều dùng chính sách "chia để trị". Ngày nay, các thế lực thù địch vẫn nuôi ý đồ dùng chia rẽ, phân hóa, gây nên tình trạng đối đầu giữa bộ phận dân cư này với bộ phân dân cư khác trong dân tộc để phá hoại ta từ bên trong, khi cần thì dùng lực lượng từ bên ngoài can thiệp hỗ trợ. Thủ đoạn của chúng rất nhiều, hết sức tinh vi, thâm độc. Bằng các phương sách khác nhau, chúng lợi dụng, khuyếch đại các sự khác biệt ít nhiều giữa các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, các lứa tuổi, người đương chức và người đã nghỉ hưu... ; xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; lợi dụng các khó khăn, yếu kém trong quản lý của các cấp chính quyền ; kể cả sự bịa đặt, vu khống, tung tin thất thiệt ; v.v..., nhằm làm cho người dân từ nghi ngờ đến nghi ky, từ nghi ky đến xung đột lẫn nhau. Trong không ít trường hợp, người dân rất khó phát hiện ra âm mưu, thủ đoạn của chúng, vô tình mắc mưu của kẻ xấu, làm suy giảm khối đoàn kết toàn dân.

III. THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, NHẰM TRANH THỦ THỜI CƠ, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, HOÀN THÀNH MỌI NHIỆM VỤ TRONG THỜI KỲ MỚI.

Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định : "Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai" (5).

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ quan điểm, chủ trương và chính sách đối với : công nhân, nông dân, trí thức, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, đối với các lão thành cách mạng, cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp. *Ở đây, xin nhấn mạnh một số vấn đề :*

1. Phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... ở tất cả các cấp, các ngành, các giai tầng xã hội.

---

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 123 - 124

Digitized by Google

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng việc thực hiện và phát huy dân chủ, bởi vì : *"Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân" (6). Người chỉ rõ : Nước ta là nước dân chủ, chế độ ta là chế độ dân chủ, trong một nhà nước dân chủ, một chế độ dân chủ, người dân được đặt ở vị trí cao nhất, dân là chủ.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn có những chủ trương, giải pháp nhằm mở rộng và phát huy dân chủ. Điều này được thể hiện rất rõ trong những năm đổi mới. Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng chỉ rõ : xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động là một trong những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam. Tại Đại hội VIII Đảng ta nhận định : một trong những thành tựu của 10 năm đổi mới (1986 - 1996) là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng, văn hóa được phát huy.

Từ Đại hội VIII đến Đại hội IX, Đảng ta đã có một bước tiến trong nhận thức về dân chủ.

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta xác định, cùng với đổi mới về kinh tế là đổi mới về chính trị, với mục tiêu hàng đầu là xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quá trình dân chủ hóa ở nước ta đã có bước chuyển biến rõ rệt. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" từng bước đi vào cuộc sống với những biểu hiện rất phong phú, đa dạng và đang được thể chế hóa.

Tuân theo chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Nền tảng mọi công tác là cấp xã" (7), từ những vấn đề bức xúc về dân chủ ở cơ sở - trước hết là xã, phường - trong việc thực hiện và phát huy dân chủ, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Dân chủ cơ sở có chuyển biến rõ rệt từ khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 18-2-1998 "Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở". Chỉ thị nêu rõ : "Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị : Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Cần coi trọng cả ba mặt trên, không vì nhấn mạnh mặt này mà coi nhẹ, hạ thấp mặt khác, dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ, chống quan liêu, mệnh lệnh, tham nhũng, đồng thời tránh tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật". Để triển khai Chỉ thị của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành các Nghị định về Quy chế thực hiện dân chủ ở ba loại hình cơ sở. Có thể nói, mấy năm gần đây, một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước được nhân dân phấn khởi đón nhận là "Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở". Khi đi vào cuộc sống, quy chế đã tạo nên động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng đời sống văn hóa, tác động trực tiếp, tích cực tới cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố chính quyền nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp. Niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền tăng lên. Trí tuệ và sáng kiến của nhân dân được khơi dậy và phát huy. Về mặt kinh tế, thông qua thực hiện Quy chế dân chủ, đã huy động được một số lượng to lớn tiền của, công sức của nhân dân vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Điều này thể hiện rõ nhất ở các xã vùng nông thôn.

Sau 2 năm thực hiện Quy chế dân chủ, Bộ Chính trị khóa VIII đã xem xét và cho ý kiến chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Bộ Chính trị khẳng định : việc ban hành quy chế là đúng đắn, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Từ những kết quả nêu trên, Bộ Chính trị quyết định mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở tất cả các loại hình cơ sở, kể cả các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, gắn việc thực hiện quy chế với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính.

Việc thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân chủ không thể tách rời tập trung, dân chủ gắn với kỷ cương phép nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : *"Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 279
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 458

Digitized by Google

phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ" (8). Mọi hoạt động của đời sống xã hội đều phải tuân thủ nguyên tắc nêu trên.

Hiện nay, việc thực hiện dân chủ ở nước ta vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, hạn chế cả về thiết chế lẫn tổ chức thực hiện. Việc thực hiện dân chủ còn gặp nhiều khó khăn không phải là vì chưa sáng tỏ về mặt lý luận, mà nguyên nhân chính là thiếu những thiết chế pháp lý cần thiết. Vẫn còn một số cán bộ độc đoán, chuyên quyền, miệng nói dân chủ, khi làm việc lại theo lối "quan chủ". Mặt khác, cũng còn tình trạng dân chủ không gắn với kỷ cương, vi phạm luật pháp, dân chủ vô chính phủ. Hành vi lợi dụng dân chủ đã làm nảy sinh các vấn đề chính trị - xã hội phức tạp ở một số nơi. Vì vậy, dân chủ phải gắn với dân trí, dân sinh.

Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi những thành quả của dân chủ phải được phát huy, những hạn chế, yếu kém phải được khắc phục. Văn kiện Đại hội IX của Đảng viết : "Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành" (9).

2. Vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam suốt mấy chục năm qua chỉ rõ, trong khối đại đoàn kết toàn dân, nhất thiết phải có sự tham gia của các dân tộc.

Để cố kết 54 dân tộc anh em thành một khối thống nhất, chủ trương của Đảng ta là "Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển" (10). Vấn đề đặt ra hiện nay là cần thu hẹp dần khoảng cách giữa miền núi với miền đồng bằng, đặc biệt là với thành thị. Đại hội IX chỉ rõ : "... thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn... Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số" (11). Theo hướng này, những năm tới cần có các chủ trương, chính sách và chương trình kinh tế - xã hội cụ thể phù hợp với từng vùng dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa, tạo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo phát triển nhanh hơn. Trước mắt phải thực hiện thật tốt Chương trình 135, làm chuyển biến rõ nét tình hình kinh tế - xã hội ở những xã đặc biệt khó khăn, miền núi.

Vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, miền núi vẫn là nơi khó khăn và lạc hậu nhất của nước ta hiện nay. Thực tế này, dù xem xét dưới góc độ lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội hay tâm lý, đều tác động trực tiếp tới việc củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Do đó, một mặt, phải động viên đồng bào các dân tộc cố gắng vươn lên tự lực, tự cường, "mang sức ta mà tự giải phóng cho ta" ; mặt khác, Đảng và Chính phủ, các ngành và cả các địa phương phải luôn chú ý đến vùng cao, vùng sâu, vùng xa, phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tăng đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa và đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho các dân tộc thiểu số anh em.

Trong vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc, văn kiện Đại hội IX cũng lưu ý phải "Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc ; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan ; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc" (12), cảnh giác với âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc gây chia rẽ.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ; phát triển sản xuất hàng hóa ; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần ; xóa đói giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ gắn với củng cố quốc phòng - an ninh.

---

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 279

(9) *Văn kiện đã dẫn*, tr 124

(10) *Văn kiện đã dẫn*, tr 127

(11) *Văn kiện đã dẫn*, tr 127 - 128

(12) *Văn kiện đã dẫn*, tr 128

Digitized by Google

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật ; đoàn kết và chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị để củng cố, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, đặc biệt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát và bảo vệ Nhà nước ; thực hiện giám sát của người dân đối với công tác, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử ; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân nhằm tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong chế độ ta.

4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, hình thức, quan liêu, xa dân ; tăng cường và nâng cao chất lượng sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân. Hướng mạnh các hoạt động của các đoàn thể nhân dân về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IV. THẮT CHẶT MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG CỦA ĐẢNG TRÊN MỌI LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG LÀ YÊU CẦU QUAN TRỌNG VÀ CẤP BÁCH MÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG ĐÃ ĐỀ RA.

Trong công tác quần chúng, phương thức công tác của Đảng cần được nghiên cứu, hoàn chỉnh và đổi mới đáp ứng tình hình phát triển mới của xã hội và đất nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Cải tiến và đổi mới phương thức lãnh đạo công tác quần chúng của tổ chức đảng :

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, chủ trương kinh tế - xã hội, tạo điều kiện mọi mặt cho nhân dân thực hiện những quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Một vấn đề quan trọng hàng đầu là tổ chức đảng và cấp ủy đảng có quyết định đúng đắn về nội dung công tác quần chúng, công tác dân vận (hoặc quyết định về những vấn đề về quyền làm chủ của nhân dân, hoặc vấn đề việc làm, thu nhập, lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội, sức khỏe của nhân dân, hoặc về vai trò của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội).

- Phân công cấp ủy xây dựng chương trình công tác quần chúng, công tác dân vận và tổ chức kiểm tra. Phải kết hợp phân công cấp ủy, phụ trách chuyên sâu công tác quần chúng đi đôi với xây dựng nền nếp lãnh đạo tập thể công tác dân vận với chương trình, kế hoạch thực hiện những chuyên đề về công tác quần chúng.

- Giáo dục, nâng cao năng lực lãnh đạo, đạo đức và tính gương mẫu, tác phong gần gũi quần chúng của cán bộ, đảng viên. Đảng coi trọng việc bồi dưỡng về mọi mặt văn hóa, chính trị, nghiệp vụ công tác quần chúng và chế độ chính sách đối với những cán bộ làm công tác quần chúng của Đảng.

2. Đảng lãnh đạo chính quyền các cấp thực hiện tốt những nhiệm vụ công tác quần chúng.

- Đảng lãnh đạo chính quyền nhanh chóng cụ thể hóa những nội dung chủ trương, chính sách mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định và hình thành luật pháp, xây dựng luật, hoặc thể chế, pháp quy thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, tạo điều kiện thuận lợi mọi mặt về vật chất, văn hóa, pháp lý... cho nhân dân phấn khởi làm ăn, sinh sống, học hành bảo đảm sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của toàn xã hội.

- Đảng coi trọng lãnh đạo giám sát việc thực hiện các quyền công dân của hệ thống nhà nước. Coi trọng lấy ý kiến nhân dân, lắng nghe nguyện vọng, bàn bạc với dân về kế hoạch kinh tế, xã hội,

Digitized by Google

đề cao quyền giám sát nhà nước của nhân dân, coi trọng giải quyết các khiếu tố của nhân dân.

- Đảng lãnh đạo chính quyền tăng cường mối quan hệ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, xây dựng quy chế quan hệ công tác, tạo điều kiện vật chất và pháp lý để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò chính trị và xã hội của mình trong hệ thống chính trị của đất nước.

- Đảng coi trọng lãnh đạo và giám sát các cấp chính quyền nâng cao năng lực, trình độ văn hóa, nghiệp vụ, nâng cao đạo đức phục vụ nhân dân của cán bộ công chức, viên chức và bộ máy chính quyền. Tiến hành cải cách hành chính, kiên quyết bài trừ quan liêu, tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước.

3. Đảng lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

- Trong tình hình mới hiện nay, việc nhận thức đúng vị trí, vai trò chính trị - xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là rất cần thiết. Các cấp bộ đảng, cán bộ, đảng viên phải được quán triệt tốt các nghị quyết của Đảng về đoàn kết toàn dân và về công tác quần chúng. Đảng tôn trọng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, lắng nghe những kiến nghị về quốc kế dân sinh ; thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện mở rộng dân chủ trong xã hội ta, thực hiện mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng.

- Lãnh đạo xây dựng tốt mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với Nhà nước nói chung và đặc biệt là với hệ thống chính quyền các cấp nhằm xây dựng chính quyền, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và phát huy phong trào thi đua yêu nước của quần chúng, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng.

- Đảng lãnh đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, chính sách đãi ngộ, chú trọng cán bộ ở cơ sở đều là những vấn đề bức thiết. Thực sự xây dựng, hình thành một đội ngũ làm công tác quần chúng của Đảng với phong cách mới, sát dân hơn, gần dân hơn.

4. Đảng phải dựa vào nhân dân tiếp tục tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tổ chức cho nhân dân tham gia ý kiến nhận xét, phê bình cán bộ, đảng viên ; nhận xét đối tượng đảng dự định kết nạp và lựa chọn cán bộ. Đẩy mạnh việc phát triển đảng trong thanh niên, công nhân, nông dân, trí thức, trong các lực lượng vũ trang.

5. Chăm lo xây dựng, kiện toàn Ban Dân vận các cấp và quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận của Đảng. Ban Dân vận nằm trong hệ thống các ban xây dựng Đảng ; ban Dân vận cấp tỉnh, thành và huyện, quận ; khối dân vận xã, phường cần được nâng cao chất lượng hoạt động trong công tác vận động quần chúng. Cần quan tâm bồi dưỡng, phát huy những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, trưởng thôn, xóm, trưởng tộc...) làm công tác dân vận ở cơ sở. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức công tác quần chúng của Đảng cũng là trách nhiệm, là thử thách mới, không hề đơn giản, cần có hiểu biết mới, tấm lòng yêu thương nhân dân, vì nhân dân và đạo đức con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn "Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công".

*

* *

Quán triệt những quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trong cuộc sống là nhiệm vụ lịch sử đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đó cũng là mệnh lệnh của cuộc sống, là đòi hỏi chính đáng của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đang tiếp tục được đặt ra trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên cần tìm hiểu, học tập để có nhận thức đúng về công tác quần chúng của Đảng, hoàn thành tốt trọng trách, nhiệm vụ được giao trong thời kỳ mới. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

ĐẠI hội IX của Đảng đã xác định đường lối phát triển kinh tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, trong đó có nhấn mạnh một nội dung rất quan trọng là phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

Trong bối cảnh hiện nay, đặt vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là hoàn toàn đúng đắn và chính xác. Hai mặt đó có mối quan hệ biện chứng với nhau, bổ sung cho nhau, nhằm phát triển nền kinh tế nước ta ngày càng vững mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Có ý kiến cho rằng, trong điều kiện "toàn cầu hóa" nền kinh tế, mở cửa hội nhập mà lại đặt vấn đề xây dựng kinh tế độc lập tự chủ là thiếu nhạy bén, không thức thời, thậm chí là bảo thủ, tư duy kiểu cũ. Thế giới bây giờ là một thị trường thống nhất, cần thứ gì thì mua, thiếu tiền thì đi vay, sao lại chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ (?!)

Nói như vậy mới nghe qua thì thấy có vẻ có lý, nhưng nếu suy ngẫm kỹ thì thấy không có cơ sở khoa học, vì nó quá ư giản đơn và phiến diện. Chúng ta biết rằng, độc lập tự chủ là một xu thế phát triển của thế giới. Trong điều kiện "toàn cầu hóa", liên doanh, liên kết rất đa dạng và phức tạp như hiện nay lại càng phải giữ vững tính độc lập tự chủ.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ không chỉ xuất phát từ quan điểm, đường lối chính trị độc lập tự chủ mà còn là đòi hỏi của thực tiễn, nhằm bảo đảm độc lập tự chủ vững chắc về chính trị, bảo đảm phát triển bền vững và có hiệu quả cho chính ngay nền kinh tế, cho việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Khi đã có độc lập tự chủ về chính trị thì nội dung cơ bản của độc lập tự chủ của một quốc gia là có xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ hay không. Đây là kinh nghiệm của nước ta và cũng là kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Vả chăng, nước ta phát triển kinh tế để đi lên chủ nghĩa xã hội, bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, các lực lượng chống đối chủ nghĩa xã hội thường xuyên tìm cách ngăn cản và chống phá sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nếu không xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ thì dễ bị lệ thuộc, bị các thế lực xấu, thù địch lợi dụng vấn đề kinh tế để lôi kéo, hoặc khống chế, ép buộc chúng ta thay đổi chế độ chính trị, đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, có xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ thì mới tạo được cơ sở kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chế độ chính trị độc lập tự chủ. Độc lập tự chủ về kinh tế là nền tảng vật chất để bảo đảm cho sự độc lập tự chủ bền vững về chính trị. Không thể có độc lập tự chủ về chính trị nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Độc lập tự chủ về kinh tế được đặt trong mối quan hệ biện chứng với độc lập tự chủ

* PGS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng

Digitized by Google

về các mặt khác sẽ tạo ra sự độc lập tự chủ và sức mạnh tổng hợp của một quốc gia.

Vậy *thế nào là nền kinh tế độc lập tự chủ ?*

Nền kinh tế độc lập tự chủ là nền kinh tế không bị lệ thuộc, phụ thuộc vào nước khác, người khác, hoặc vào một tổ chức kinh tế nào đó về đường lối, chính sách phát triển, không bị bất cứ ai dùng những điều kiện kinh tế, tài chính, thương mại, viện trợ... để áp đặt, khống chế, làm tổn hại chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc.

Nền kinh tế độc lập tự chủ là nền kinh tế trước những biến động của thị trường, trước sự khủng hoảng kinh tế tài chính ở bên ngoài, nó vẫn có khả năng cơ bản duy trì sự ổn định và phát triển ; trước sự bao vây, cô lập và chống phá của các thế lực thù địch, nó vẫn có khả năng đứng vững, không bị sụp đổ, không bị rối loạn.

Bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế cũng có nghĩa là bảo đảm vững chắc định hướng xã hội chủ nghĩa và giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc trong công cuộc phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Không phải chờ đến khi có trình độ phát triển cao mới đặt vấn đề giữ vững độc lập tự chủ, mà ngay từ đầu, ngay bây giờ đã phải bảo đảm yêu cầu cơ bản về độc lập tự chủ, trước hết là về đường lối chính trị, các nguyên tắc cơ bản về phát triển kinh tế. Đương nhiên, xây dựng kinh tế độc lập tự chủ là một quá trình lâu dài, đi từ thấp đến cao, ngày càng hoàn chỉnh, ngày càng bền vững.

Trong thời đại ngày nay, nói độc lập tự chủ về kinh tế không ai hiểu đó là một nền kinh tế khép kín, tự cung tự cấp, mà đặt trong mối quan hệ biện chứng với mở cửa, hội nhập, chủ động tham gia sự giao lưu, hợp tác và cạnh tranh quốc tế trên cơ sở phát huy tốt nhất nội lực và lợi thế so sánh của quốc gia, từng bước xây dựng một cơ cấu sản xuất đáp ứng được cơ bản nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân và có khả năng trang bị lại ở mức cần thiết cho nhu cầu phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng - an ninh.

Làm thế nào để bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế ?

Thực tế cho thấy, muốn giữ được độc lập tự chủ về kinh tế, nhất thiết phải có *hai điều kiện* : *Một là, phải có đường lối, chính sách độc lập tự chủ ;* và *hai là, phải có thực lực kinh tế đủ mạnh.*

Độc lập tự chủ về đường lối, chính sách kinh tế có nghĩa là chúng ta tự mình lựa chọn định hướng phát triển, tự mình xác định chủ trương, chính sách và mô hình kinh tế, không bị động và lệ thuộc bên ngoài, không chịu sức ép của bất cứ ai vì mục đích không lành mạnh của họ. Đại hội IX của Đảng xác định đường lối kinh tế của nước ta là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Thực lực kinh tế đủ mạnh là :

- Toàn bộ giá trị sản xuất trong nước phải đáp ứng được đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và có phần tích lũy cần thiết từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để tái sản xuất mở rộng trong nền kinh tế.

- Phải có thể chế kinh tế - xã hội bền vững, có cơ cấu kinh tế gắn với cơ cấu công nghệ, phát huy được lợi thế so sánh có đủ khả năng tạo ra sức cạnh tranh và hiệu quả, trả được nợ, tạo được tích lũy, đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước, chiếm lĩnh và giữ được thị trường ngoài nước ; bảo đảm được nhịp độ tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững. Cơ cấu kinh tế này bao gồm cơ cấu các ngành sản xuất và dịch vụ ; cơ cấu các vùng lãnh thổ ; cơ cấu các thành phần kinh tế ; cơ cấu kinh tế trong nước

Digitized by Google

và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ; cơ cấu về xuất nhập khẩu ; cơ cấu đầu tư (ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp).

- Phải có một năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để làm chủ công nghệ nhập khẩu và sáng tạo công nghệ mới của Việt Nam, bảo đảm cho sự trao đổi bình đẳng về kinh tế và công nghệ với bên ngoài, nhất là trong điều kiện ngày nay, khi sức cạnh tranh kinh tế ngày càng dựa vào thế mạnh và khả năng về khoa học, công nghệ.

- Phải luôn luôn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô với hệ thống tài chính, tiền tệ lành mạnh, bảo đảm giữ được cán cân thương mại và cán cân thanh toán, có dự trữ ngoại tệ cần thiết, có chiến lược vay và trả nợ hợp lý, không để bị động và lệ thuộc.

- Phải có một số yếu tố vật chất bảo đảm an toàn và điều kiện cơ bản cho phát triển. Trước hết là các yếu tố : an ninh lương thực, an toàn năng lượng, an toàn môi trường, kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội được xây dựng đồng bộ và tương đối có chất lượng. Đồng thời, có một số ngành và cơ sở công nghiệp nặng, công nghiệp có tính chất nền tảng để tạo sức mạnh công nghiệp quốc gia, đặc biệt là nếu phải đương đầu với những tình huống gay cấn, phức tạp (như bị bao vây cấm vận, chiến tranh xâm lược,...).

Muốn có thực lực kinh tế đủ mạnh thì nhất thiết phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì mới tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, tạo ra thực lực của đất nước, nâng cao được đời sống của nhân dân.

2. Về hội nhập kinh tế quốc tế.

Đảng ta khẳng định nước ta cần chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, và trên thực tế chúng ta đã và đang tham gia tích cực, có hiệu quả.

Nhấn mạnh phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ không có nghĩa là coi nhẹ vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế. Trái lại, Đảng ta luôn luôn coi hội nhập kinh tế quốc tế là một nội dung trong đường lối kinh tế, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta ; kết hợp nội lực với ngoại lực để tạo ra sức mạnh tổng hợp của sự nghiệp phát triển đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng chính là nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đáp ứng yêu cầu và lợi ích của quốc gia, đồng thời thông qua hội nhập kinh tế quốc tế để phát huy vai trò và tiềm năng của nước ta trong quá trình hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới, tranh thủ các nguồn vốn, thiết bị, vật tư, thành tựu khoa học - công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường, tăng cường quan hệ hợp tác cùng có lợi, làm cho nước ta phát triển ngày càng nhanh và bền vững hơn. Chúng ta không thể đồng tình với ý kiến phê phán một chiều tính chất tiêu cực, mặt trái của vấn đề mở cửa, hội nhập để từ đó dẫn tới đóng cửa, khép kín, phản bác chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

Nội dung chủ yếu của hội nhập kinh tế quốc tế mà nước ta cần và có thể tham gia từng bước là mở cửa thị trường về thương mại, đầu tư và dịch vụ.

Hội nhập kinh tế có cả hình thức đa phương và song phương, vừa tham gia các tổ chức và diễn đàn kinh tế thế giới và khu vực, vừa thiết lập quan hệ thương mại, đầu tư, khoa học, kỹ thuật với từng nước. Dù ta có tham gia ngày càng nhiều các tổ chức kinh tế đa phương khu vực và toàn cầu thì quan hệ song phương với từng nước, từng vùng lãnh thổ cũng phải không ngừng mở rộng. Thực tế hiện nay cho thấy, các định chế kinh tế đa phương, nhất là đa phương toàn cầu, có giá trị hướng dẫn, tạo khuôn khổ chi phối các quan hệ song phương ; do đó hợp tác song phương nhìn chung là phải dựa theo các quy định của hợp tác đa phương. Nếu ta không tham gia các tổ chức đa phương thì có khó khăn trong việc mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực kinh tế song phương, nhất là với các nước thành

Digitized by Google

viên của tổ chức kinh tế quốc tế ; và nếu có quan hệ thì các nước đó vẫn không dành cho ta những ưu đãi như họ dành cho các đối tác khác cùng tham gia tổ chức kinh tế đa phương với họ. Vả chăng, các quan hệ kinh tế đa phương không chỉ giới hạn ở các quan hệ lợi ích kinh tế, thương mại trực tiếp, cụ thể, mà còn có các lợi ích khác như liên kết trong khối các nước đang phát triển, cùng nhau đấu tranh bảo vệ lợi ích chung trên các diễn đàn quốc tế, chống lại việc áp đặt không công bằng, không bình đẳng của các nước phát triển.

Nguyên tắc cơ bản và bao trùm trong hội nhập kinh tế quốc tế là phải bảo đảm *giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ và cải thiện môi trường.* Trong các quan hệ, dù song phương hay đa phương, đều phải giữ vững nguyên tắc *bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau* và *cùng có lợi.* Nguyên tắc đó được thể hiện ngay trong từng định chế, thể thức mà các bên cam kết và được thực hiện trong thực tế hành động. Một mặt không để thiệt hại đến lợi ích mà nước ta được hưởng ; mặt khác, chúng ta phải chấp nhận một sự chia sẻ lợi ích nhất định với các đối tác tùy theo mức đóng góp của các bên tham gia hợp tác.

Thực hiện nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ kinh tế quốc tế nhằm bảo đảm lợi ích của đất nước, giữ vững độc lập tự chủ và sự cân bằng trong các mối quan hệ, tránh sự lệ thuộc một chiều vào một hoặc một số đối tác.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế phải nắm vững phương châm *chủ động, vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa kiên quyết vừa mềm dẻo,* nhằm bảo vệ được lợi ích chính đáng của ta, đồng thời tranh thủ được các thời cơ thuận lợi trong hội nhập. Trong bất cứ tình huống nào cũng phải luôn luôn chủ động, giành thế chủ động. Chủ động ngay từ chủ trương, quyết sách, nội dung, phạm vi, mức độ, lộ trình, ... không để ai lôi cuốn, xô đẩy. Lại phải thường xuyên *đề cao cảnh giác,* không mơ hồ trước những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch muốn lợi dụng quan hệ kinh tế thương mại để thực hiện "diễn biến hòa bình", xâm nhập, phá hoại chế độ ta. Điều cơ bản có tính quyết định để bảo đảm an ninh quốc gia là chúng ta phải có nội lực mạnh, có sự thống nhất chặt chẽ trong nội bộ, có sự đồng tâm nhất trí, sự ủng hộ mạnh mẽ của toàn dân.

Để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, cần tiến hành nhiều việc, quan trọng nhất là các công việc sau đây :

- Không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, của từng doanh nghiệp, từng sản phẩm, mặt hàng nói riêng. Đây là một nhân tố quan trọng bảo đảm hội nhập thắng lợi. Sức cạnh tranh của sản phẩm được thể hiện ở chất lượng, hiệu quả, giá cả, khả năng tiếp thị. Sức cạnh tranh của doanh nghiệp được thể hiện ở sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ trên thị trường ; sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có lợi nhuận cần thiết để ngày càng mở rộng sản xuất kinh doanh, dù là trong điều kiện cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

- Đổi mới mạnh mẽ các cơ chế, chính sách, tổ chức quản lý để tạo điều kiện và môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh tốt hơn, thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư. Khẩn trương xây dựng, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm tăng sức cạnh tranh, thực sự đóng vai trò nòng cốt trong hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam phải liên kết thành các hiệp hội để cùng nhau bảo vệ lợi ích của từng doanh nghiệp cũng như lợi ích của quốc gia, không để cho các đối tác nước ngoài lợi dụng sự cạnh tranh không lành mạnh (tranh mua, tranh bán) giữa các doanh nghiệp nước ta để họ trục lợi.

- Xây dựng và thực hiện một lộ trình hội nhập để chủ động được các công việc của mình. Nước ta tham gia hợp tác kinh tế quốc tế

Digitized by Google

trong điều kiện trình độ kinh tế và công nghệ còn thấp, cho nên phải tiến hành từng bước, với lộ trình hợp lý, vững chắc. Lộ trình đó được xác định và thỏa thuận qua đàm phán song phương và đa phương trên cơ sở luật pháp của nước ta và của quốc tế.

- Tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị nguồn nhân lực, nhất là cán bộ trực tiếp làm công tác kinh tế đối ngoại và quản lý doanh nghiệp, giúp họ có đủ trình độ, bản lĩnh, phẩm chất, năng lực hoàn thành những nhiệm vụ được giao. Đây là yếu tố quyết định để nước ta tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thắng lợi. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải chú ý trang bị cho họ những quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, pháp luật và hiểu biết thông lệ quốc tế. Thông qua các trường lớp cơ bản, đồng thời thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh, cọ xát với cơ chế thị trường trong và ngoài nước để rèn luyện bản lĩnh, phong cách, ý chí và nhiệt tình đối với công việc, có tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm trong công việc được giao.

Tóm lại : Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trên cơ sở phát huy cao độ các nguồn nội lực là quyết định, đồng thời thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, kết hợp nội lực với ngoại lực thành sức mạnh tổng hợp là một nội dung quan trọng của đường lối kinh tế do Đại hội IX của Đảng đề ra. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo điều kiện xây dựng thành công nền kinh tế độc lập tự chủ. Mặt khác, có độc lập tự chủ về kinh tế thì mới có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, bảo đảm giữ vững chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc. Tất cả là vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. ❑

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 20)

tiền công vụ, tiền bổ nhiệm ; xây dựng quy trình các biểu mẫu kế hoạch khoa học, cụ thể hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ, bảo đảm tính khả thi cao của kế hoạch.

3 - Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tập trung khắc phục những khâu yếu trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, giám sát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh. Xây dựng những văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới, thể hiện sự thống nhất nhận thức, có quyết tâm và tuân thủ những nguyên tắc và mục tiêu của chiến lược này.

Sửa đổi, bổ sung và xây dựng một số văn bản pháp quy để kiện toàn hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của bộ, ngành và địa phương ; những quy chế điều tiết mọi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ; những chính sách đối với giảng viên và học viên ; quy định một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan có hiệu quả.

4 - Đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra giám sát, đánh giá điều chỉnh trên cơ sở xây dựng quy trình và tiêu chí để bảo đảm tính chính xác, chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

5 - Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là cán bộ hoạch định chính sách đào tạo và đội ngũ giảng viên kể cả giảng viên kiêm chức. Đồng thời củng cố, nâng cao cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị dạy và học theo hướng từng bước hiện đại hóa. Sớm có những tiêu chí về chuẩn chung của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

6 - Đa dạng hóa việc huy động kinh phí đào tạo bồi dưỡng bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như ngân sách địa phương, ngân sách tự huy động của bộ, ngành ; kể cả nguồn kinh phí cá nhân và nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức quốc tế. Thực hiện quản lý công tác hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. ❑

Digitized by Google

THU HẸP KHOẢNG CÁCH PHÁT TRIỂN GIỮA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN

NGUYỄN MẠNH CẦM *

NGÀY nay, thu hẹp khoảng cách phát triển đã trở thành một yêu cầu bức xúc trong chính sách phát triển của mỗi quốc gia cũng như trong hợp tác quốc tế, nhất là trong bối cảnh lợi ích của toàn cầu hóa không được phân phối đồng đều và do đó làm tăng thách thức mở rộng hố ngăn cách giàu - nghèo giữa các nước cũng như giữa các tầng lớp dân cư trong mỗi nước. Trong khuôn khổ quốc gia, thu hẹp khoảng cách phát triển sẽ bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững. Ở phạm vi khu vực và quốc tế, thu hẹp khoảng cách phát triển sẽ góp phần bảo đảm hòa bình, ổn định và tăng cường hợp tác giữa các nước. Với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày một tăng, việc hỗ trợ đưa các nước, các khu vực kém phát triển vươn lên là lợi ích sống còn của cả cộng đồng quốc tế.

Vì vậy, song song với xóa đói giảm nghèo, vấn đề thu hẹp khoảng cách phát triển ở mọi bình độ đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các nước, dù đó là nước lớn hay nhỏ, phát triển hay đang phát triển. Đây là một chủ đề quan trọng được đặc biệt nhấn mạnh tại các diễn đàn hợp tác toàn cầu cũng như khu vực.

Đây cũng là một vấn đề quan trọng hàng đầu trong chương trình nghị sự hợp tác vì phát triển của ASEAN. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội trong nhiều năm qua, các nước ASEAN vẫn đang đứng trước thách thức to lớn do tình trạng đói nghèo (cả tuyệt đối và tương đối) chưa được xóa bỏ, chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước thành viên và giữa các vùng trong một nước đang tiếp tục tăng lên. Hiện nay GDP bình quân đầu người của các nước ASEAN phát triển nhất, cao gấp hàng chục lần so với các nước kém phát triển hơn và khoảng cách này có nguy cơ tiếp tục mở rộng, nhất là trong bối cảnh khu vực vừa trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính nghiêm trọng, đe dọa sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực.

Nhận thức ý nghĩa quan trọng của vấn đề này, các nước ASEAN đã sớm coi việc thu hẹp khoảng cách phát triển là một ưu tiên trong chương trình hành động của mình. Trong Tầm nhìn ASEAN 2020, thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN không chính thức lần thứ 2 ở Cu-a-la Lăm-pua năm 1997, các nhà lãnh đạo ASEAN đã cam kết thúc đẩy phát triển kinh tế đồng đều, giảm đói nghèo và thu hẹp khoảng cách về phát triển trong khu vực. Tiếp theo đó, các biện pháp cụ thể nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên ASEAN và thúc đẩy hội nhập của các nước thành viên mới (Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam) đã được đề ra trong Chương trình hành động thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN VI họp tại Hà Nội, tháng 12 năm 1998. Phát triển đồng đều là chủ đề nổi bật của Hội nghị cấp cao Hà Nội. Gần đây, tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ 4 (Xin-ga-po, 2000), các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua "Sáng kiến hội nhập ASEAN" (IAI), trong đó nêu rõ các định

* Phó Thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

hướng và quyết tâm tập trung các nỗ lực chung nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN cũng như giữa ASEAN và các khu vực khác trên thế giới. Vừa qua một Tuyên bố chung về thu hẹp khoảng cách phát triển đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 34, tổ chức tại Hà Nội trong các ngày 23 và 24-7-2001.

Nội dung hoạt động để thu hẹp khoảng cách phát triển của ASEAN tập trung vào việc thực hiện các chương trình, dự án hợp tác có hiệu quả ở khu vực, tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Đặc biệt, các nước thành viên phát triển đã và đang có các nỗ lực giúp đỡ các nước thành viên chậm phát triển hơn hội nhập vào Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN và nền kinh tế khu vực nói chung ; ủng hộ các nước này gia nhập APEC, WTO ; cũng như cam kết dành các nguồn lực hỗ trợ các nước này phát triển kinh tế, trong đó dành ưu tiên cho phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, và nhất là ứng dụng công nghệ thông tin - coi đây là chìa khóa để thu hẹp khoảng cách phát triển. Gần đây, các bộ trưởng kinh tế ASEAN cũng đã quyết định mở rộng quy chế đối xử ưu đãi không có đi có lại mà các nước ASEAN phát triển hơn dành cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên mới trên cơ sở song phương.

Với quyết tâm cao của Chính phủ và nhân dân các nước ASEAN và với sự quan tâm, hỗ trợ của các nhà tài trợ như Nhật Bản, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Liên minh châu Âu (EU) v.v., đến nay đã có nhiều chương trình, dự án hợp tác nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước trong tổ chức ASEAN được triển khai thực hiện một cách năng động và đa dạng, tập trung ở nhiều tiểu vùng và tiểu khu vực như : Khu vực tăng trưởng Đông ASEAN bao gồm Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin ; tam giác tăng trưởng In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái Lan ; tam giác tăng trưởng In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po ; và nổi bật nhất là các chương trình, dự án hợp tác ở lưu vực sông Mê Công - khu vực tập trung các nước thành viên ASEAN mới có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn. Cho đến nay, đã hình thành nhiều phương thức hợp tác với nhiều chương trình phát triển được tổ chức triển khai một cách đa dạng, theo nhiều tầng nấc và trong nhiều lĩnh vực khác nhau, phù hợp với điều kiện và nhu cầu phát triển của các quốc gia trong lưu vực sông Mê Công. Đó là Chương trình phát triển tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Ủy ban sông Mê Công (MRC), Hợp tác ASEAN về phát triển lưu vực sông Mê Công (AMBDC), Diễn đàn phát triển toàn diện Đông Dương, và đặc biệt là Khuôn khổ hợp tác phát triển các vùng nghèo liên quốc gia thuộc lưu vực sông Mê Công nằm dọc hành lang Đông - Tây (WEC) do Việt Nam đề nghị và được các nhà lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN VI.

Xuất phát từ thực tế là trong nhiều năm qua, mặc dù các nước ASEAN đã đạt được nhiều tiến bộ trong phát triển kinh tế - xã hội, nhưng các vùng dọc hành lang Đông - Tây của lưu vực sông Mê Công, kéo dài từ miền Trung Việt Nam qua Trung và Hạ Lào, Đông - Bắc Cam-pu-chia, Đông - Bắc Thái Lan và Đông - Bắc Mi-an-ma vẫn là những vùng chậm phát triển nhất của mỗi nước. Tình trạng này gây nên sự chênh lệch giàu nghèo rất rõ rệt giữa các vùng này với phần còn lại của mỗi nước và của khu vực Đông - Nam Á nói chung. Hơn nữa, trong bối cảnh những khó khăn kinh tế - xã hội gay gắt do cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở khu vực gây ra, nguy cơ tụt hậu xa hơn của một số nước vùng này lại càng thêm trầm trọng.

Mục tiêu chính của WEC là nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng nghèo dọc hành lang Đông - Tây với các vùng khác của khu vực, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh liên vùng về nguồn lao động, tài nguyên, điều kiện thiên nhiên, địa lý, tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ của các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế để biến liên vùng này thành cửa ngõ phát triển của tiểu vùng Mê Công mở rộng. Nội dung của WEC khá rộng, bao gồm hợp tác phát triển giao thông vận tải và bưu chính viễn thông ; đầu tư, khai thác và sử

Digitized by Google

dụng tài nguyên ; đẩy mạnh hợp tác trao đổi thương mại và dịch vụ ; thúc đẩy du lịch, hợp tác lao động và giao lưu văn hóa ; hợp tác trong các lĩnh vực xã hội và môi trường như phòng chống ma túy, bảo vệ môi trường sinh thái v.v.

Các chương trình hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Công đã thu hút được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế và là trọng tâm của hợp tác xóa đói giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển của ASEAN. Cuộc họp cấp bộ trưởng ASEAN lần thứ hai về Hợp tác phát triển Mê Công tổ chức tại Việt Nam tháng 7-2000 đã thông qua kế hoạch toàn diện phát triển lưu vực sông Mê Công. Tại Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) lần thứ 10 (Băng-cốc, tháng 2-2000), hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Công đã trở thành một chủ đề được nhiều nước quan tâm. Tháng 6-2000, Ủy ban kinh tế - xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP) đã đưa ra Tuyên bố về "Thập kỷ hợp tác quốc tế nhằm phát triển tiểu vùng Mê Công mở rộng" làm căn cứ huy động sự hỗ trợ và hợp tác quốc tế nhằm phát triển khu vực này một cách toàn diện hơn. Đây cũng sẽ là nội dung chính trong chương trình nghị sự của Cuộc họp lần thứ 13 Nhóm chỉ đạo Ủy ban hợp tác kinh tế khu vực của ESCAP sẽ được tổ chức tại Hà Nội tháng 11-2001.

Trong những năm tới, các nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển của ASEAN sẽ tiếp tục hướng mạnh vào các khuôn khổ, dự án, chương trình hợp tác có tính hiệu quả cao và tập trung trước hết cho những vùng nghèo nhất, những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất trong khu vực. Với quyết tâm chính trị của các nước ASEAN và với sự quan tâm giúp đỡ của các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, chắc chắn ASEAN sẽ đạt được nhiều thành tựu hơn nữa trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển trong khu vực, tạo ra sự phát triển hài hòa và bền vững trong từng nước cũng như trong cả cộng đồng ASEAN, thúc đẩy liên kết kinh tế và hội nhập toàn diện giữa các nước ASEAN với nhau và giữa ASEAN với các nước ngoài khu vực.

Đối với Việt Nam, vấn đề phân hóa giàu nghèo, khoảng cách phát triển giữa các thành phần dân cư và giữa các vùng trong nước đã trở thành một vấn đề bức xúc đang được tập trung giải quyết. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX tháng 4-2001 đã nhấn mạnh việc ưu tiên xóa đói giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển, khắc phục từng bước phân hóa giàu nghèo trong nước cũng như đẩy lùi nguy cơ Việt Nam tiếp tục tụt hậu xa hơn nữa về phát triển kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc tích cực và chủ động thực hiện các chương trình phát triển các khu vực chậm phát triển trong khuôn khổ hợp tác ASEAN sẽ hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc gia của Việt Nam trong thời gian tới. Đặc biệt, việc thực hiện thành công chương trình WEC sẽ có ý nghĩa rất to lớn. Chương trình WEC có liên quan đến 18 tỉnh miền Trung Việt Nam, với số dân trên 22 triệu người. Việc thực hiện chương trình này sẽ góp phần quan trọng vào chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xóa đói giảm nghèo và phát triển các tỉnh miền Trung, từng bước đưa miền Trung đi lên kịp với mặt bằng phát triển chung của cả nước. Tuy còn kém phát triển, nhưng miền Trung có nhiều tiềm năng to lớn, trước hết là lợi thế về địa lý, nhất là nằm trên các hành lang giao thông xuyên quốc gia và quốc tế. Miền Trung Việt Nam đang và sẽ là cửa ngõ của tiểu vùng Mê Công mở rộng, từ đó Việt Nam có thể mở rộng các quan hệ hữu nghị và hợp tác phong phú cùng có lợi với các nước láng giềng, góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, ra sức thực hiện sáng kiến về WEC là một ưu tiên trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN.

Trong nỗ lực chung của các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế vì sự phát triển bền vững, Việt Nam nguyện cố gắng hết sức mình, năng động và tích cực để có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa ASEAN thành một cộng đồng phát triển cao, đồng đều, đoàn kết và gắn bó, góp phần vào sự phát triển và phồn vinh chung của cả khu vực Đông - Nam Á, vì hòa bình, ổn định, hợp tác để phát triển ở châu Á và trên thế giới. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ , CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU *

BỐN năm qua, kể từ khi có Quyết định số 874 TTg của Chính phủ, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức tiếp tục đổi mới và đạt một số thành quả đáng mừng. Các đối tượng cán bộ công chức, từ công chức hành chính, công chức hoạt động sự nghiệp, cán bộ quản lý các cấp, đến cán bộ chính quyền cơ sở, trưởng thôn, bản đều được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng. Đặc biệt tập trung ưu tiên đào tạo bồi dưỡng đối với hai đối tượng công chức hành chính và cán bộ chính quyền cơ sở. Điều đó góp phần tăng thêm chất lượng cán bộ công chức và hiệu quả công tác trong hoạt động thực tiễn một cách rõ nét về nhiều mặt.

Trước hết nội dung công tác đào tạo, bồi dưỡng đã được hoàn thiện phù hợp với tình hình.

Những nội dung cơ bản về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước gồm các vấn đề về lý luận chính trị, đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ; kiến thức về quản lý hành chính nhà nước ; về các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp ; ngoại ngữ ; tin học nêu trong Quyết định đã được triển khai một cách toàn diện, nghiêm túc. Trong đó chú trọng nhất là nâng cao trình độ lý luận chính trị, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc làm cho cán bộ nắm vững các nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là khâu được coi trọng hàng đầu. Do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước trong bốn năm qua đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có lập trường và thái độ chính trị đúng đắn, có khả năng thích ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới, bảo đảm cho việc xây dựng, hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện các chính sách ; tăng cường khả năng hội nhập khu vực, quốc tế và tiếp cận với yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính nhà nước. Có thể nói đây là khâu đột phá quan trọng và có hiệu quả cao của Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới.

Theo thống kê của 37 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và 38 bộ, ngành trung ương trong bốn năm qua, số cán bộ, công chức tham dự các lớp học đã có 104 443 lượt người học lý luận chính trị ; 103 001 lượt người học quản lý hành chính nhà nước ; 25 780 lượt người học quản lý kinh tế ; 351 707 lượt người học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ; 73 732 lượt người học tin học và 29 047 lượt người học ngoại ngữ.

Đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở cấp xã, phường, theo báo cáo của 37 tỉnh, thành phố, trong bốn năm có 33 132 lượt người được bồi dưỡng lý luận chính trị ; 79 900 lượt người bồi dưỡng quản lý nhà nước ; 2 286 lượt người bồi dưỡng quản lý kinh tế và 55 830 lượt người bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với đội ngũ trưởng thôn, bản (chỗ dựa của chính quyền cấp xã, là người trực tiếp tiếp xúc với dân hằng ngày) trong mấy năm qua, các địa phương rất quan tâm bồi dưỡng đội ngũ này. Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ đã phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xây dựng chương trình, biên tập tài liệu bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, quản lý hành chính nhà nước và nhiệm vụ của người cán bộ trưởng thôn, bản ; chỉ đạo các địa phương xây dựng kế hoạch và tiến hành bồi dưỡng. Theo báo cáo của 37 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bốn năm qua có 78 487 trưởng thôn, bản được bồi dưỡng góp phần xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nông thôn. Vừa

* TS. Phó trưởng ban Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

làm việc, vừa học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, quả là một cố gắng lớn, rất đáng trân trọng của đội ngũ cán bộ công chức nước ta và cũng là sự cố gắng lớn của các cấp, các ngành có liên quan, trong đó có Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ.

Bốn năm qua, công tác hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức bước đầu được triển khai, đạt kết quả tốt. Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng "kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2001 - 2005" và đã trình Chính phủ. Bốn năm qua, 38 bộ, ngành trung ương đã cử 3 722 người ; 37 tỉnh, thành phố đã cử 3 772 người đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Những hoạt động bước đầu đó, giúp đội ngũ cán bộ, công chức trao đổi học tập được nhiều kinh nghiệm bổ ích và thiết thực của các nước, tiếp thu vận dụng có chọn lọc vào công tác, góp phần thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước và tham gia hội nhập quốc tế.

Thứ hai, hệ thống các cơ quan và cán bộ quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức từ trung ương đến địa phương đã được hình thành và bước đầu hoạt động có nề nếp. Hệ thống này từ trước chúng ta vẫn có, nhưng có những phần tới nay không còn thích hợp cần phải thay đổi.

Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước thuộc Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ điều hành và quản lý công tác này. Bộ phận đảm nhiệm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước thuộc Vụ Tổ chức - cán bộ của các bộ, ngành trung ương được củng cố và tăng cường ; ở địa phương đã có hơn 30 tỉnh, thành phố lập phòng đào tạo thuộc Ban tổ chức chính quyền. Đội ngũ cán bộ, chuyên viên đảm nhiệm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước được hình thành, kịp thời triển khai công tác và đã được tập huấn nghiệp vụ trong các khóa tập trung, hoặc trong các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức nhà nước hằng năm do Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ tổ chức. Ở đây cũng thể hiện một cố gắng lớn của các cấp, các ngành có liên quan ; chỉ trong thời gian rất ngắn hệ thống quản lý về công tác này đã chuyển đổi hình thành và đi vào hoạt động mau lẹ đáp ứng được tình hình cấp bách.

Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ đã chủ trì phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước hàng năm, dài hạn ở trong nước và ở nước ngoài ; xây dựng định mức chi tiêu ngân sách nhà nước dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước ; phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức hằng năm ; xây dựng chế độ, chính sách hướng dẫn về tổ chức hoạt động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước đối với các bộ ngành, địa phương và hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước. Chính sự hợp tác chặt chẽ thống nhất giữa các ngành kể trên đã tạo được kết quả khả quan trong thời gian qua.

Các Vụ Tổ chức - cán bộ thuộc các bộ, ngành và các Ban Tổ chức chính quyền thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã phối hợp chặt chẽ với các ban ngành liên quan (Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giáo dục - Đào tạo) tiến hành quản lý đối với công tác này từ việc xây dựng đến triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước thuộc ngành và địa phương mình. Những nỗ lực hoạt động của Vụ Tổ chức - cán bộ, Ban Tổ chức chính quyền với các cơ quan liên quan của bộ, ngành và địa phương đã giúp lãnh đạo các bộ và ủy ban nhân dân các tỉnh quản lý cụ thể, chặt chẽ công tác này.

Một số tỉnh, thành phố đã chủ động ban hành các quy định tạm thời về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước. Ngoài kinh phí đào tạo lại do trung ương phân bổ, nhiều địa phương và bộ, ngành đã huy động được các nguồn kinh phí khác cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước.

Có thể khẳng định rằng hoạt động của hệ thống quản lý đào tạo cán bộ - công chức nhà nước trong một thời gian ngắn đã đi vào nền nếp, có hiệu quả. Các cấp, các ngành có liên quan tiếp tục phát huy kết quả bước đầu kịp thời rút kinh nghiệm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước trong thời gian tới. Đồng thời tiến hành điều tra tổng kết đánh giá với quy mô vừa đủ để rút ra những bài học cần thiết cho tương lai.

Thứ ba, hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước được củng cố, tăng cường và

Digitized by Google

có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ hơn trong thực hiện các kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước.

Ở lĩnh vực này có nhiều cơ quan có liên quan tham gia tích cực và có hiệu quả nhưng phải kể đến Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia. Hai học viện này, ngoài việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao, còn thực hiện tốt trách nhiệm được nêu cụ thể trong Quyết định số 874/TTg là hướng dẫn nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên các bộ môn lý luận chính trị, quản lý hành chính cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của các bộ ngành và địa phương. Hai học viện đã phối hợp chặt chẽ với các ban ngành trung ương (Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Văn phòng Quốc hội...) thực hiện tốt kế hoạch tập huấn hơn 22 vạn đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khóa 1999 - 2004. Trong những năm qua đã thực hiện bồi dưỡng chương trình quản lý hành chính nhà nước cao cấp cho các chuyên viên chính chuẩn bị thi chuyển từ chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp v.v... Đây là một công việc hết sức có ý nghĩa mà các ngành, các cấp có liên quan đã đạt được trong bốn năm qua.

Ngoài ra phải kể đến các trường, trung tâm đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành trung ương đã được củng cố, tập trung hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm là bồi dưỡng kiến thức quản lý ngành cho cán bộ quản lý và nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức của ngành. Theo báo cáo của 38 bộ, ngành trung ương, trong bốn năm thực hiện Quyết định số 874 có 250 896 lượt người được bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ. Các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các trung tâm chính trị huyện đã tập trung đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở, trưởng thôn, bản công chức hành chính ở địa phương. Đây là một địa bàn hết sức quan trọng, có hiệu quả rất lớn đối với việc nâng cao hiệu lực nhà nước ở cơ sở. Trong tương lai hệ thống các trường này (nhất là trung tâm đào tạo ở huyện) cần được chú trọng và phát huy vai trò tích cực hơn nữa.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về các mặt nhưng hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước trong những năm qua đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao trình độ, năng lực công tác, phẩm chất chính trị và đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Thời gian qua, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng với các cơ sở hoạt động sự nghiệp đào tạo ở trung ương cũng như địa phương ngày càng chặt chẽ hơn. Tình trạng chồng chéo, "lấn sân" giữa cơ quan quản lý với cơ sở đào tạo đang từng bước được khắc phục.

Học viện Hành chính quốc gia, trường chính trị các tỉnh, thành phố, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức các bộ, ngành trung ương đã được kiện toàn về mọi mặt từ giảng viên, chương trình, giáo trình đến cơ sở vật chất. Học viện Hành chính quốc gia và một số trường đào tạo của bộ, ngành trung ương đã chủ động tăng cường quan hệ quốc tế để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước. Mặt khác tiến hành bước 1 điều tra cơ bản thực trạng trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức hành chính và cán bộ chính quyền cơ sở. Kết quả điều tra đã được kịp thời vận dụng làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.

Để tiếp tục làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong những năm tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số vấn đề chính sau :

1 - Quán triệt sâu sắc những quan điểm của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong giai đoạn cách mạng mới nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiếp tục đổi mới xây dựng đất nước. Tiếp tục nhận thức rõ hơn về mục tiêu, quy trình và các tiêu chí xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức mới, làm căn cứ cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

2 - Nhanh chóng xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên cơ sở chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho các cơ quan nhà nước trong những năm tới. Xây dựng quy hoạch kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức đương nhiệm,

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

HIỆN ĐẠI HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ TRUYỀN THỐNG HÓA HIỆN ĐẠI

TƯƠNG LAI *

TRUYỀN thống văn hóa, bản sắc văn hóa, các giá trị văn hóa không phải chỉ là những gì đã hình thành trong quá khứ của lịch sử mà gồm cả những gì đang nảy nở trong hiện tại của đời sống dân tộc. Hơn nữa, chính những cái đang hình thành trong cuộc sống hôm nay, vừa là sản phẩm của thời đại, lại vừa nối tiếp và nâng cao lên những tinh hoa của lịch sử là nét chủ yếu của sức mạnh văn hóa đang tạo động lực cho quá trình chủ động hội nhập.

Một trong những yếu tố quyết định để dân tộc ta tồn tại và phát triển qua bao hưng vong và thử thách, là nhờ đã định hình và nuôi dưỡng được một nội lực văn hóa vững chắc trong quá trình tiếp biến văn hóa, đủ sức thanh lọc và hấp thu những tinh hoa văn hóa ngoại sinh.

Từ buổi ban đầu của lịch sử, *tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa* đã hình thành cùng với sự hình thành dân tộc Việt Nam. Từ đầu thế kỷ thứ X, nhà cải cách đầu tiên của lịch sử dân tộc là Khúc Hạo đã đề xướng quan điểm : *Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, dân chúng đều được an vui.* Cương lĩnh đó vẫn là tinh thần xuyên suốt trong nhiều thế kỷ dựng nước và giữ nước tiếp theo. Mặc dầu có những ảnh hưởng nặng nề của nền văn hóa Hán, nhìn chung ông cha ta vẫn cố giữ lấy cốt cách riêng "*miếu hiệu huy động, đức bất đồng*". Tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa ấy đã trở thành một phần không thể tách rời của bản sắc dân tộc Việt Nam.

Cũng chính với *tinh thần cởi mở và khoan dung về mặt văn hóa* đó mà trong suốt chiều dài lịch sử, ở vị trí ngã ba giao lưu Âu, Á, dân tộc ta đã tiếp thu một cách sáng tạo những tinh hoa văn hóa phương Đông cũng như phương Tây để làm giàu cho nền văn hóa của mình. Biết kế thừa, phát huy và nâng cao lên tầm cao mới truyền thống tốt đẹp ấy, bản lĩnh cao quý ấy, với tư duy sáng tạo, là tiền đề cực kỳ thuận lợi cho quá trình hội nhập trong bối cảnh của toàn cầu hóa hôm nay. Đó cũng chính là *một quá trình tiếp biến văn hóa mới*, biết giữ vững và phát huy sức mạnh nội sinh của nền văn hóa dân tộc để tiếp nhận những tinh hoa văn hóa, văn minh của loài người trong thời đại của xã hội tri thức và kinh tế tri thức.

Vả chăng, văn hóa không phải là hệ thống đóng kín những giá trị loại biệt. Văn hóa là một tổng hợp đang phát triển của những thành tựu vật chất và tinh thần mà xã hội đã đạt được, nó phản ánh hoạt động thực tiễn của con người. Xét đến cùng, văn hóa trước hết phải là sự phát triển của con người trong toàn bộ sự phong phú các mối quan hệ của nó với thế giới xung quanh, trong tính toàn vẹn của sự tồn tại tích cực của con người. Đó không chỉ là các quan hệ hiện có mà còn là lịch sử của các quan hệ đó, tức là mối liên hệ với quá khứ, sự tiếp nhận những thành tựu của quá khứ cũng như sự rũ bỏ những gánh nặng của quá khứ. Chính vì thế, một dân tộc giàu sức sống là một dân tộc biết *hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại.*

---

* GS

Digitized by Google

Truyền thống chính là sự khẳng định về cái đã có như là một kết quả về mặt thực tế cũng như về mặt tâm lý. Truyền thống là sự lắng đọng tự nhiên của dòng sông lịch sử. Mà lịch sử, hiểu theo một cách nào đó, chẳng qua là những giai đoạn trong sự phát triển vô cùng tận của xã hội loài người đi từ thấp lên cao. Mỗi giai đoạn đều là tất yếu, và do đó, có lý do tồn tại trong thời đại và trong những điều kiện mà nó ra đời. Song, trước những điều kiện mới cao hơn, những điều kiện đang dần dần phát triển ở ngay trong lòng nó, thì nó sẽ trở nên không vững chắc, mất lý do tồn tại, buộc phải nhường chỗ cho giai đoạn mới.

Chúng ta đang ở vào thời điểm đầu thế kỷ XXI. Từ thế kỷ XX chuyển sang thế kỷ XXI, loài người tiếp cận một thế giới mà độ phức tạp của nó đã có phần vượt quá năng lực trí tuệ phán đoán của con người. Hệ thống lớn với những tầng cấu trúc cực kỳ phức tạp như xã hội loài người của chúng ta lại đang ở trong một thời kỳ mà các quy luật lượng biến thành chất và phủ định của phủ định bột phát tác động đa chiều, ở nhiều tuyến, nhiều diện, cộng hưởng trong không gian và hội tụ trong thời gian. Phải chăng tình trạng đó có thể được xét như một *quá trình quá độ tổng hợp* gần tới thời đoạn của các tập hợp những đột biến to lớn có khả năng làm thay đổi số phận của loài người đang sống trên trái đất đã đến lúc trở nên quá nhỏ hẹp này.

Chúng ta tiến hành chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh của toàn cầu hóa vào thời điểm đặc biệt đó. Truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa, các giá trị văn hóa của dân tộc ta đang được kiểm nghiệm trong thử thách nghiệt ngã. Nếu chúng ta hiểu rằng, con người tạo ra giá trị đồng thời với những nhu cầu của nó, những nhu cầu đó nảy sinh cùng với những khả năng, thì giá trị truyền thống còn là giá trị khi điều kiện xã hội của một giai đoạn mới vẫn còn đủ cho những giá trị đó tồn tại, khi những giá trị ấy vẫn đáp ứng được nhu cầu của sự vận động và phát triển của giai đoạn lịch sử mới. Một khi những giá trị cũ không còn thích hợp với điều kiện và nhu cầu của giai đoạn lịch sử mới nữa thì tính tích cực của một số truyền thống nào đó sẽ không còn, chính lúc ấy, chúng "*đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống*". Vì vậy mà phải "*hiện đại hóa truyền thống*" gắn liền với "*truyền thống hóa hiện đại*".

Trên tinh thần đó, chúng ta hiểu rằng, tham gia toàn cầu hóa và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế phải là một quá trình kép : *vừa toàn cầu hóa cái dân tộc, vừa dân tộc hóa cái toàn cầu.* Chính ở đây thể hiện tập trung ý nghĩa của *sự chủ động hội nhập.* Đây sẽ là một quá trình phức tạp và là sự thử thách nghiệt ngã bản lĩnh dân tộc, bản lĩnh con người Việt Nam. Mặt mạnh của con người Việt Nam *là sự nhạy cảm đối với cái mới bất cứ từ đâu đến, nhạy cảm trong việc đánh giá nó, hấp thụ nó, tiêu hóa nó và biến nó thành vốn quý của mình.* Tuy nhiên, *nhạy cảm với cái mới, nhưng nếu định hướng chung không đủ rõ ràng và bản lĩnh cá nhân không vững chắc thì cũng dễ du nhập từ nước ngoài cả những điều sai lầm, thậm chí độc hại.* Chúng ta đã có quá nhiều bài học trên lĩnh vực này. Thí dụ về những cái "du nhập" có thể dẫn đến những điều sai lầm, thậm chí độc hại :

1 - Nói đến toàn cầu hóa, không thể phủ nhận rằng nó được khởi nguồn từ những quan điểm lý thuyết cũng như hoạt động thực tiễn của *"chủ nghĩa tự do mới"* ra đời trên cái nền chính trị, xã hội Mỹ - Âu. Chủ nghĩa tự do mới phù hợp với học thuyết chính trị, xã hội chủ đạo có tính truyền thống là chủ nghĩa tự do, và nó có những hệ quả thúc đẩy, thay đổi, làm sâu sắc thêm, làm hiện đại hơn cái chất chính trị, xã hội của chủ nghĩa tự do ấy.

Chính chủ nghĩa tự do mới đang bành trướng trên thế giới, là một trong những yếu tố tạo ra toàn cầu hóa hiện nay, ảnh hưởng đến chính sách đối nội và đối ngoại của hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa. Nhưng cũng trên mảnh đất sinh thành của nó, chủ nghĩa tự do mới đã bị chỉ trích và lên án ngày càng nhiều, càng nặng bởi chính các học giả của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nội dung của sự phê phán ấy hết sức đa dạng, song tựu trung xoay vào phê phán những diễn biến của *"toàn cầu hóa hiện nay"*, hàm ý cần phải có *"toàn cầu hóa khác hiện nay" hoặc "toàn cầu hóa sẽ tới"*.

Digitized by Google

"Toàn cầu hóa hiện nay" bộc lộ quá nhiều những nhược điểm, chẳng hạn như sự phân phối thành quả rất bất công ; toàn cầu hóa về kinh tế không đi đôi với sự quan tâm đúng mức về xã hội và con người, khiến cho phần thua thiệt về xã hội và con người rất nặng nề ; không coi trọng đầy đủ ba nhân tố trụ cột của xã hội hiện đại là *thị trường, nhà nước và xã hội dân sự*. Toàn cầu hóa hiện nay chỉ thiên về thị trường mà xem nhẹ nhà nước, nhất là xem nhẹ xã hội, như thế cũng có nghĩa là nó vì lợi nhuận hơn là vì lợi ích của con người. Chính ở đây bộc lộ rõ những khuyết tật của *"chủ nghĩa tự do mới"* về mặt lý thuyết cũng như về mặt thực tiễn. Chủ nghĩa tự do mới muốn trở thành *"tư duy duy nhất"* của loài người. Họ đã tự gọi và cũng đã khiến cho nhiều người gọi họ là *"tư duy duy nhất"*. Thế nhưng, ngày càng có sự phê phán gay gắt cái vị trí độc tôn và cả cái nội dung gọi là *"tư duy duy nhất"* đó.

Chính vì thế, không thể không nhận rõ và chỉ ra những rác rưởi và cặn bã của chủ nghĩa tự do mới để có sự ứng xử đúng đắn trong quá trình chủ động hội nhập. Đấy chính là một khía cạnh văn hóa hết sức quan trọng của sự hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

2 - Một *"điều sai lầm, thậm chí độc hại"* khác là *"chủ nghĩa giáo điều phản Mác"*, du nhập vào một quốc gia qua một lớp người gọi là có học vấn, có "lý luận", rồi lan ra, chi phối từ người có chức, có quyền các cấp đến số đông dân cư. Thế rồi, từ tư duy, dần dần thấm vào tình cảm, tâm lý, thói quen và hành động ứng xử mọi mặt, có khi trở thành *"tư duy chính thống quốc gia"*, *"tình cảm, tâm lý dân tộc"*.

Thế là, từ một học thuyết khoa học, chủ nghĩa Mác bị xuyên tạc, được dàn dựng như một thứ giáo điều, một thứ "bái vật giáo" và áp đặt một hệ tư duy sai lầm, thô thiển gây ngộ nhận cực kỳ tai hại. Thứ *"chủ nghĩa giáo điều phản Mác"* ấy không hiểu được trong điều kiện lịch sử nào mà Ph. Ăng-ghen đưa ra khái niệm về "chủ nghĩa Mác". Chính bản thân Mác, lúc sinh thời, không bao giờ tự cho rằng mình là người sáng lập ra học thuyết "chủ nghĩa Mác", thậm chí ông nói rằng *"ông không phải là người mác xít"*.

Không phải ngẫu nhiên mà Mác trả lời con gái phương châm mà ông thích nhất là *"hoài nghi tất cả"*. Đương nhiên đây là sự hoài nghi khoa học mà nếu không có nó thì cũng không thể có sáng tạo, có phát minh khoa học, để làm cho tri thức của loài người cứ phong phú mãi lên. Không bao giờ Mác tự cho rằng đã nắm chắc cái chân lý vĩnh hằng đối với bất cứ cái gì. Ông luôn luôn trăn trở về những công trình nghiên cứu của mình, cũng chính vì thế, sinh thời, Mác chỉ cho xuất bản tập thứ nhất của bộ "Tư bản", tập thứ hai và thứ ba thì ông vẫn tiếp tục suy nghĩ, sửa chữa trong gần 17 năm. Những người nghiên cứu về Mác sau này cho rằng, do diễn biến của cuộc sống, có những nhân tố mới, cuối đời Mác đã thấy, nhưng không kịp đi sâu nghiên cứu để từ đó rút ra chất lý luận mới, nhất là phát hiện ra những vấn đề về Mỹ, về phương Đông, những vấn đề đó mở ra một chân trời lý luận mới nhưng ông chưa nghiên cứu được bao nhiêu vì không còn đủ thời gian. Cuối đời Mác cũng đã nhận ra được ý nghĩa cực kỳ to lớn của khoa học và công nghệ nhưng chưa kịp đi sâu nghiên cứu để có thể chắt lọc từ đó hàm lượng lý luận cần thiết bổ sung cho công trình đã viết của mình.

Điều quan trọng hơn cả là với Mác, bản chất của lý luận không bao giờ hoàn chỉnh trọn vẹn. Ông không bao giờ tự bằng lòng về cái đã xong. Chính vì vậy, người ta cho rằng : *Mác là con người mà sự sửa chữa đến nhanh hơn sự hình thành. Chưa kịp hình thành đã sửa chữa, bổ sung.* Có hiểu thấu điều này mới thấy sự nguy hại của *"chủ nghĩa giáo điều phản Mác"* là sự xuyên tạc những thành tựu và tư duy lý luận của Mác.

Chủ nghĩa Mác không phải là một tôn giáo để cho các tín đồ tụng niệm hằng ngày mà là một học thuyết khoa học đòi hỏi phải luôn luôn bám sát lấy cuộc sống, tìm nhựa sống từ trong cuộc sống thường xuyên vận động, thường xuyên đổi mới. Bởi vậy, qua mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử với những biến đổi lớn lao, qua những cột mốc thành tựu ngày càng phong phú của kiến thức mà loài người đạt được, những học trò của Mác phải có ý thức chiếm lĩnh lại toàn bộ di sản còn dang dở của Mác một cách mới mà trong

Digitized by Google

điều kiện của Mác chưa thể hình dung được. Điều này Ph. Ăng-ghen đã từng phát biểu từ thế kỷ trước : *cứ mỗi khi trong khoa học của loài người xuất hiện một phát minh tương đối quan trọng, thì chủ nghĩa duy vật cách mạng tức là chủ nghĩa duy vật biện chứng lịch sử và lý luận cách mạng lại mang một khuôn mặt mới, diện mạo mới kể cả cái nguyên lý cơ bản.* Vì không hiểu được điều này, những luận điểm của "chủ nghĩa giáo điều phản Mác" thực sự đã là gánh nặng kìm hãm sự phát triển.

Loài người ở thế kỷ XXI này, với những thành tựu khoa học và công nghệ đưa đời sống vật chất và tinh thần lên một trình độ mới mà ngay những bộ óc vĩ đại như Mác - Ăng-ghen, ở thời đại của mình không sao hình dung nổi. Chúng ta hy vọng, với sự xuất hiện của nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức, sẽ có những cột mốc mới trong lịch sử tư duy như Mác đã làm trong thế kỷ XIX. Chính Mác đã từng đòi hỏi, thế hệ sau phải biết *"đứng trên vai"* chứ không phải *"quỳ dưới chân"* những người đi trước để nhìn thấy xa hơn, rộng hơn, do đó mà biết đưa ra những kiến giải phù hợp với thời đại của mình, thúc đẩy cuộc sống đi tới.

Từ thí dụ trên cho chúng ta thấy ngoài những di hại tật bệnh của quá khứ, trong hiện tại, cũng đang phải đương đầu với những *"sai lầm" "độc hại"* của những cái đang nảy sinh trong cuộc sống, trong đó những rác rưởi, cặn bã của *"chủ nghĩa tự do mới"* hoặc những xuyên tạc, dung tục hóa và thô thiển hóa học thuyết Mác của *"chủ nghĩa giáo điều phản Mác"* là những biểu hiện khá tiêu biểu. Những "sai lầm", "độc hại" ấy thực sự là lực cản của sự phát triển mỗi dân tộc, là sức trì kéo, làm chậm quá trình chủ động hội nhập với sự tỉnh táo và năng động.

Những quan niệm đúng đắn về "hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại" mở ra một chân trời giàu những cái mới về nhận thức và hành động thực tiễn. Chẳng hạn như, không thể quan niệm việc xây dựng một nền kinh tế thị trường văn minh và vững mạnh lại không có những doanh nghiệp phát triển, những doanh nhân tài giỏi, giàu kinh nghiệm và nhất là có trí tuệ, bản lĩnh để trở thành những đối tác ngang tài ngang sức với các nhà đầu tư nước ngoài mà chúng ta đang trải thảm đón mời.

Để chủ động tiến hành quá trình hội nhập kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa thì tiền đề quan trọng là phải có một đội ngũ những doanh nhân tài giỏi. Đương nhiên, cần phải có đường lối, chính sách, pháp luật và thể chế tương thích với yêu cầu mới. Cùng với những cái đó, việc *chuyển đổi tâm lý và dư luận xã hội* còn chịu ảnh hưởng những tàn dư của quan điểm trọng nông ức thương trước đây có ý nghĩa lâu dài và cơ bản... Mặt khác, phải khắc phục sự thiếu hiểu biết, thậm chí *những định kiến của một thời về vai trò quan trọng của tài năng kinh doanh, của tri thức và kinh nghiệm quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nhân trong cuộc cạnh tranh trên thương trường.* Phải chăng ở đây thể hiện cách hiểu thô thiển trước đây và không phải hiện nay không còn những ám ảnh, về công thức C + v + m của Mác. Cách hiểu thô thiển và có phần xuyên tạc này chỉ thấy có lao động chân tay của người thợ làm nên cái m mà thôi. Và như thế là đã gạt bỏ hoàn toàn ra khỏi nền sản xuất xã hội lực lượng trí thức, các nhà khoa học trong hoạt động sản xuất, loại bỏ các nhà kinh doanh với bản lĩnh dám chịu rủi ro, mạo hiểm để đầu tư, chức năng tổ chức và quản lý của họ trong sản xuất và kinh doanh. Đây là một chiều cạnh xã hội và văn hóa đặc thù của Việt Nam trước yêu cầu của hội nhập mà không phải đã được nhận thức một cách sâu sắc, kể cả trong một bộ phận không nhỏ những người có trọng trách.

Cần nói rằng, một phần không nhỏ *"những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen rỉ, với cả những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ ngàn xưa đi kèm những quan hệ ấy"* chưa *tiêu tan*, chúng vẫn *"được tập quán thần thánh hóa"* ! Phải nhận chân cho ra những tàn dư nặng nề ấy trong nhiều chiều cạnh xã hội và văn hóa, vì chúng có tác động lớn đến quá trình hội nhập kinh tế trong bối cảnh của toàn cầu hóa. Đó chính là một nội dung của sự *"biết mình và biết người"* để có thể giành được phần thắng trong cuộc đua tranh.

Digitized by Google

Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết : *"... chúng ta đang đi trên một con đường chưa có bản đồ, chúng ta đang suy nghĩ và nghiên cứu về lý luận, đồng thời chúng ta phải hằng ngày, hằng giờ giải quyết những vấn đề thực tiễn, những bài toán đầy phức tạp và ẩn số..."* (1). Quả là khi có được một tầm nhìn cao văn hóa và trí tuệ thì người ta dễ bắt gặp những khám phá và sáng tạo của thời đại. Tiếp mạch ý trên, tác giả viết : "chúng ta phải lớn lên, và đây chính là sự lớn lên của văn hóa và trí tuệ" (2).

Không đứng ở tầm cao văn hóa và trí tuệ đó, không thanh toán tận gốc cái căn tính tiểu nông hạn hẹp và thiển cận được nuôi dưỡng trên một mặt bằng dân trí thấp thì khó có thể hiểu được cái triết lý về *"con đường chưa có bản đồ"*, khó để nhận thức được rằng *"không có bản đồ nào cho miền đất chưa khám phá"*. Điều đó đòi hỏi phải có bản lĩnh *"nhìn về phía trước, sáng tạo những ý tưởng mới, phát hiện những chân trời mới"*. Nếu vẫn tự nuôi dưỡng và hít thở trong cái *"bầu khí quyển nông dân"* cho dù nó là *"trong vắt"* đến đâu, nếu vẫn chỉ thỏa mãn với cái kiểu tư duy *"chỉ so mình với chính mình thôi"* thì đất nước này, dân tộc này không thể đứng vững, hội nhập và phát triển trong thế giới đầy biến động khó lường. Cái "căn tính tiểu nông" ấy bản thân nó là lực cản đối với sự phát triển, tệ hơn nữa, nó dễ biến từng bộ phận lớn dân cư ở cả nông thôn và thành thị của nước ta thành con mồi ngoan ngoãn của chủ nghĩa giáo điều đủ loại, của những ý thức hệ tự xưng là hiện đại mà thực tế chứa đựng nhiều cặn bã, rác rưởi.

Một thế giới đang bước vào *"quá trình quá độ tổng hợp"* gần tới thời đại của các tập hợp những đột biến to lớn có khả năng làm thay đổi số phận của loài người. Dân tộc ta đang bước vào quá trình hội nhập của toàn cầu hóa trong một thời điểm lớn lao đó. Phải có một bản lĩnh dám nhìn lại mình với một thái độ thực sự cầu thị, kiểm lại *hành trang đã có và đang cần phải có* khi chủ động dấn bước trên con đường mới nhiều triển vọng và cơ may nhưng cũng đầy chông gai và cạm bẫy.

Nuôi dưỡng tinh thần tự hào dân tộc là nghĩa vụ thiêng liêng không của riêng ai trong mọi thời đại. Không có cái đó, sẽ không có bản lĩnh và trí tuệ để đương đầu với mọi thử thách. Tự ti dân tộc sẽ đẩy tới sự vong bản, vong thân, đưa đất nước đến thảm họa của sự sụp đổ.

Song, chỉ biết dựa vào những hào quang của quá khứ để tự trấn an mình và ru ngủ người trước những thách đố nghiệt ngã của sự sống còn và phát triển của đất nước, không dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật về những khuyết tật dẫn đến những thua kém, tụt hậu so với khu vực và thế giới bằng thói quen *"chỉ so mình với chính mình thôi"*, thì khó mà trụ vững và phát triển trong những thử thách mới... Biết tựa vững vào những vinh quang đã được tạo nên bằng biết bao hy sinh của nhiều thế hệ để có đủ dũng khí và nghị lực, khiêm tốn học hỏi người để bước vào cuộc thử thách mới là một thái độ văn hóa, một bản lĩnh văn hóa.

Trên dòng sông lịch sử, ở thời đoạn này, con thuyền của dân tộc đã căng buồm thời đại. Đã ra đến quãng nước lợ, bắt gặp vị mặn của biển cả và lộng gió đại dương. Đã đến lúc không thể chỉ bằng rặng tre, nương dâu, bãi mía hai bên bờ sông làm chuẩn để đoán định chặng đường thuyền đã đi và nơi đang đến.

Tầm mắt đại dương cần được trang bị bằng những thiết bị hiện đại chứ không thể bằng vào kinh nghiệm "trông trời, trông đất, trông mây...". Nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức đang đòi hỏi cả thủy thủ và người cầm lái đều phải tự trang bị cho mình bản lĩnh mới để đương đầu với những cơn sóng cả của thời đại. *Đó chính là những khía cạnh xã hội và văn hóa cần hiểu sâu khi chúng ta xác định một tư thế chủ động tham gia vào quá trình hội nhập.* ❑

(1, 2) Xem : Phạm Văn Đồng : *Văn hóa và đổi mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr 67, 68

Digitized by Google

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC

NGUYỄN ĐĂNG DUNG *

TRONG một xã hội dân chủ, mọi nhà nước hiện đại đều được tổ chức và hoạt động theo một bản hiến pháp thành văn. Bản hiến pháp thành văn này quy định những nét khái quát chung cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước như : bản chất, nguồn gốc và cách thức tổ chức của quyền lực nhà nước. Chính việc tổ chức này phải khẳng định được quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Hiến pháp là bản văn luật quy định chế độ chính trị của mỗi quốc gia. Về mặt nguyên tắc thì mỗi chế độ chính trị cần phải được điều chỉnh bằng một bản hiến pháp.

Việc xây dựng một chế độ chính trị là rất dài, đòi hỏi phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Mỗi một thời kỳ phải có những bước tiến khác nhau, đòi hỏi hiến pháp phải được chỉnh lý. Hiện nay chúng ta đang tiến hành việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 sau gần 10 năm vận hành.

Mục tiêu của việc sửa đổi này là để Hiến pháp năm 1992 có một đời sống dài hơn, góp phần hơn nữa vào công cuộc đổi mới, hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước. Muốn cho công việc sửa đổi thành công, trước hết chúng ta phải hiểu được đặc thù của hiến pháp và cũng như các đặc tính của các chế định Hiến pháp cần sửa đổi, vì trọng tâm của đợt sửa đổi này chủ yếu về phần bộ máy nhà nước.

Trước hết Hiến pháp không những là một đạo luật căn bản, mà còn là một đạo luật chính trị. Đặc điểm này làm cho Hiến pháp có hiệu lực tối cao. Tính chính trị của Hiến pháp thể hiện ở chỗ nó quy định chế độ chính trị mỗi quốc gia. Chế độ này có ảnh hưởng rất lớn đến các chế độ khác mặc dù nó có thể được quy định bằng các chế độ khác như chế độ kinh tế. Chế độ chính trị này có thể được quy định một cách trực tiếp như Hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây hoặc có thể được quy định một cách gián tiếp như của các nước tư bản. Hiến pháp còn là đạo luật cơ bản, là cơ sở cho các đạo luật thường khác, có hiệu lực pháp lý cao hơn và có sức sống dài hơn các đạo luật thường khác. Chính sự tồn tại lâu dài của Hiến pháp là cơ sở cho việc bảo đảm sự ổn định của chế độ chính trị, cơ sở của các chế độ khác, cùng với các chế độ khác góp phần hình thành nên chế độ xã hội. Nếu các đạo luật thường được quy định bằng phương pháp trực diện, thì Hiến pháp phải quy định cả bằng phương pháp trực diện lẫn gián tiếp, linh động và theo hướng mở. Ngoài việc phải tổ chức thực hiện một cách trực tiếp các quy định, với tính chất chính trị Hiến pháp còn đòi hỏi thực hiện cả tinh thần của nó.

Lịch sử của Nhà nước Việt Nam đã có 4 bản Hiến pháp : Hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980 và năm 1992. So với nhiều nhà nước phương Tây, thì lịch sử lập hiến của chúng ta là muộn và không dài, chỉ có từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trước đó chúng ta sống trong chế độ phong kiến chuyên chế và sau đó của chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên nhân dân chúng ta không có quyền tự do dân chủ. Chúng ta không có Hiến pháp.(1)

Về nguyên tắc, mặc dù chúng ta có 4 bản Hiến pháp nhưng chế độ chính trị của Nhà nước Việt Nam không thay đổi. Các Hiến pháp năm 1959, 1980 và cho đến cả Hiến pháp năm 1992 chỉ là những Hiến pháp mang tính chỉnh lý của

* PGS, TS, Đại học quốc gia Hà Nội

(1) Xem, Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 8

Digitized by Google

Hiến pháp năm 1946. Chế độ chính trị của chúng ta vẫn tuân theo chế độ chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng từ những năm đầu của việc xây dựng chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Vì vậy, việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 nên chăng chỉ hiểu là Hiến pháp mang tính chất chỉnh lý. Về nguyên tắc, những quan điểm lớn của Hiến pháp năm 1946 không thay đổi vẫn cần được giữ lại trong các Hiến pháp sau này và kể cả của Hiến pháp sắp sửa đổi tới đây. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm lãnh đạo của đảng : đổi mới chính trị một cách vững chắc, tạo nên sự ổn định chế độ chính trị, cơ sở của mọi biện pháp phát triển kinh tế và xã hội, khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. (2)

Hiến pháp là bản văn chính trị - pháp lý, có nhiệm vụ quy định các thiết chế chính trị, mà thông qua hoạt động của các thiết chế này tạo nên chế độ chính trị của mỗi quốc gia ; cho nên, việc thay đổi có liên quan đến nhiều tầng lớp, nhiều giai cấp của xã hội, cần hết sức thận trọng.

Tính chính trị của Hiến pháp làm cho các quy phạm của nó ngoài việc được quy định ở dạng mở, linh hoạt như đã được phân tích ở phần trên, còn phải mang tính trù liệu trước và ngăn ngừa những hậu quả xấu có thể xảy ra trong hoạt động điều hành và quản lý đất nước. Hiến pháp là đạo luật quy định việc quản lý con người. Vì vậy, một bản Hiến pháp tốt khi và chỉ khi các quy định của nó phản ánh được hết các bản tính vốn có của con người. Hiến pháp ngoài việc quy định cách thức quản lý của nhà nước, còn phải quy định cả cách thức quản lý và giám sát hoạt động của chính bản thân nhà nước, tức là phải có những quy định kiểm tra các thiết chế của Nhà nước. Hiến pháp sửa đổi, ngoài việc quy định rạch ròi giữa các cơ quan nhà nước về chức năng, nhiệm vụ, cần có những quy định làm cho các cơ quan nhà nước thông qua các nhân viên thừa hành nhiệm vụ được các cơ quan nhà nước ủy quyền luôn luôn giữ được phẩm chất trong sạch của mình khi thi hành nhiệm vụ, tránh mọi hành vi cám dỗ có thể xảy ra. Nói một cách khác, trong hiến văn có những quy định phòng chống các hiện tượng tham nhũng, lạm dụng quyền lực gây tổn thất cho nhà nước, ảnh hưởng đến nguyên tắc quyền lực của nhà nước luôn luôn nằm trong tay nhân dân. Đó là những quy định tạo nên cơ chế tự kiểm tra lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước, không thụ động chờ đến lúc những người thi hành công vụ buộc phải đưa đến vòng xét xử của các cơ quan tài phán. Cách kiểm tra này được gọi là kiểm tra từ bên trong, tạo ra một cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước... Cách kiểm tra bên trong này rất có hiệu quả. Chính cách kiểm tra bên trong cơ cấu của các cơ quan nhà nước góp phần thể hiện tính chính trị của Hiến pháp. Những mâu thuẫn hay biểu hiện thiếu cẩn trọng trong những hành vi của các cơ quan nhà nước trung ương cần được xử lý ngay, không nên chờ vì sẽ dẫn tới hậu quả không lường trước của nó. Đó là tính nhân bản của một bản hiến văn.

Những năm trước đây của cơ chế "tập trung" và hiện nay một số nội dung biểu hiện của việc kiểm tra giữa các cơ quan nhà nước vẫn có ở trong các quy phạm Hiến pháp của nước ta. Ví dụ, việc Hiến pháp quy định Quốc hội có quyền bãi miễn các bộ trưởng, thậm chí cả người đứng đầu hành pháp của nhà nước, khi những người này không còn sự tín nhiệm của Quốc hội (Điều 84 Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992). Hoặc là quyền của Chủ tịch nước phủ quyết các đạo luật đã được nghị viện nhân dân thông qua. (Điều 54 Hiến pháp 1946), hoặc Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền yêu cầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải xem xét lại các Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 97, Hiến pháp 1992)... Nhưng vấn đề tự kiểm tra giữa các cơ cấu tổ chức nhà nước lẫn nhau chưa thành một quan điểm có tính nguyên tắc trong các Hiến pháp của nước ta.

Hiến pháp 1992 đang hiện hành là một bản Hiến pháp tương đối hoàn hảo. Việc sửa đổi Hiến pháp lần này là làm sao để nó hoàn thiện hơn, phù hợp hơn trong thời kỳ mới. Đây cũng là tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng tại Hội nghị của Ban

(2) Xem : Về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980. Báo cáo của đồng chí Võ Chí Công tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai, khóa VII, tháng 12, năm 1991

Digitized by Google

Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa VIII)(3). Những quy định được viết dưới dạng mở và linh hoạt không phải không có trong Hiến pháp hiện hành. Ví dụ, khi quy định việc thành lập các ủy ban để giúp việc Quốc hội, Hiến pháp năm 1992 không liệt kê rõ các loại ủy ban nào, mà dành cho Luật Tổ chức quy định. Hoặc quy định rằng : các thành viên của Chính phủ không nhất thiết là đại biểu Quốc hội, đã làm cho việc thay đổi các thành viên của Chính phủ được dễ dàng hơn... Những quy định này rõ ràng cần phải giữ lại trong lần sửa đổi tới.

Tiếp đến kịp thời thay đổi những quy phạm Hiến pháp mà bản thân chúng không có hiệu lực thực thi, hoặc làm cản trở công cuộc đổi mới. Ví dụ, những quy định phê duyệt, phê chuẩn, chờ hướng dẫn của cấp trên... Những quy định này làm cho mọi chủ thể, mọi tổ chức thụ động, trông chờ vào cấp trên, mà thủ tiêu tính chủ động, sáng tạo.

Hiến pháp sửa đổi có trách nhiệm thay thế những quy định còn chứa đựng nội dung của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, bằng tăng cường tính chủ động sáng tạo của các chủ thể kinh doanh và các chủ thể khác của cơ chế thị trường, tăng cường tính chịu trách nhiệm của họ trước pháp luật, tăng cường hoạt động xét xử của tòa án. Việc tăng cường hoạt động của các tòa án, viện kiểm sát trong Hiến pháp sửa đổi cũng là một trong những trọng tâm của việc sửa đổi Hiến pháp đợt này, theo đúng tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ ba, khóa VIII về cải cách bộ máy nhà nước.(4)

Việc sửa đổi Hiến pháp đang hiện hành cần có những quy định thể hiện thời kỳ hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước, cho phép việc quản lý và điều hành đất nước ứng dụng được những thành tựu khoa học - kỹ thuật, mà trước kia không có.

Từ những vấn đề có tính phương pháp luận nêu trên trong việc sửa đổi Hiến pháp lần này, cần khẳng định mạnh mẽ hơn vai trò của Quốc hội. Quốc hội trong công tác lập pháp có trách nhiệm phản ánh ý chí chung của nhân dân bao gồm nhiều tầng lớp, mà trước hết là tầng lớp nhân dân lao động. Trong quá trình thông qua các đạo luật phải tiến hành các phiên họp toàn thể để các dự án luật được bàn bạc thấu đáo, có khả năng tính đến mọi góc cạnh quyền lợi của các tầng lớp xã hội khác nhau. Mấy năm gần đây Quốc hội đã phát huy tốt hiệu lực hoạt động của mình. Nói về chức năng lập pháp - một chức năng quan trọng của Quốc hội, đã được hoàn thành một cách tốt đẹp. Mấy năm qua, Quốc hội đã ban hành khoảng gần 100 đạo luật. Các lĩnh vực hoạt động cơ bản của đời sống xã hội hầu như đã được điều chỉnh bằng luật. So với hệ thống pháp luật của thời kỳ trước đây của cơ chế bao cấp, đã thay đổi về chất. Nếu như trước đây hệ thống pháp luật của chúng ta nặng về hệ thống luật công, nhẹ về luật tư, thì hiện nay đã có sự điều chỉnh, hệ thống luật tư cũng được chú ý hơn, đầy đủ hơn.

Một khi số lượng luật đã đáp ứng, chất lượng luật cần được nâng lên. Sự ổn định của hiệu lực các đạo luật sẽ góp phần nâng cao tính ổn định của chế độ chính trị. Làm cho các chủ thể kinh doanh an tâm đầu tư vào việc kinh doanh sản xuất của mình. Sự ổn định này phần nhiều phụ thuộc vào sự thẩm tra dự án của các Ủy ban Quốc hội và sự thảo luận một cách kỹ càng của các phiên họp toàn thể của Quốc hội.

Cùng với việc thực hiện tốt chức năng lập pháp, chức năng giám sát của Quốc hội thực hiện tương đối tốt, thể hiện qua các cuộc chất vấn và các đoàn kiểm tra các địa phương của các đại biểu Quốc hội. Việc tăng cường quyền giám sát của Quốc hội đang là một xu hướng chung của thế giới, không kể của nền dân chủ nào. Nghị viện của các nước theo chính thể đại nghị, vì chính phủ được thành lập trên cơ sở của nghị viện nên chính phủ có thể hoạt động khi và chỉ khi vẫn còn sự tín nhiệm chung của nghị viện. Để tìm thấy được sự tín nhiệm này, chính phủ luôn luôn được đặt trong tình trạng bị nghị viện kiểm tra giám sát. Các hình thức thực hiện chức năng này của nghị viện tư sản là rất đa dạng, và chế tài áp dụng của nó cũng là cực kỳ nghiêm khắc, cho đến mức buộc cả chính phủ phải từ chức.

---

(3) Xem : Nghị quyết Trung ương lần thứ ba, khóa VIII

(4) Xem : Nghị quyết Trung ương lần thứ ba, khóa VIII

Digitized by Google

Vì vậy, Hiến pháp trong tương lai về vấn đề này cần tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát của Quốc hội lên một tầm mới. Ví dụ, có thể quy định các bộ trưởng và các quan chức cao cấp khác phải điều trần tại các Ủy ban của Quốc hội. Việc bị điều trần tại các Ủy ban của Quốc hội không chỉ đơn giản ở giữa giai đoạn đang tiến hành công vụ, mà ngay cả khi bắt đầu của công đoạn bổ nhiệm chức vụ.

Việc tăng cường hoạt động quyền lực của Quốc hội gắn liền với việc tăng cường hoạt động thông qua ngân sách của Nhà nước. Đây là một trong những thẩm quyền cổ điển nhất của Quốc hội. Mấy năm gần đây kể từ khi có cơ chế mới Quốc hội nước ta có khởi sắc về vấn đề thảo luận và quyết định ngân sách. Để tăng cường quyền lực hơn nữa cho Quốc hội, Hiến pháp sửa đổi kiên định đổi mới hơn nữa về vấn đề này. Quốc hội nếu làm chặt chẽ dự, quyết toán ngân sách chi tiêu của từng bộ, ban, ngành của bộ máy nhà nước, thì không cần thiết gia tăng quyền hạn cho Quốc hội về việc quyết định vấn đề tổng biên chế của nhà nước(5). Dự toán thu chi cần phải chi tiết đến từng bộ, ngành, địa phương.

Những điều quy định của Hiến pháp về vị trí, vai trò và hoạt động của Chính phủ cũng cần được lưu tâm đặc biệt. Chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ từng thời kỳ có sự khác nhau. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Chính phủ thời tập trung bao cấp tất yếu phải khác với thời kỳ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nếu như ở cơ chế cũ, bộ máy nhà nước có biểu hiện nặng nề, nhiều tầng, nhiều nấc, ở trung ương có bộ, ban, ngành nào, thì tương ứng ở địa phương có bộ phận, ban ngành ấy. Sở dĩ có hiện tượng như vậy, vì công việc quản lý của nhà nước bị cắt khúc theo các ngành, các cấp. Do vậy, không có các bộ phận tương ứng thì không thể thi hành được các quyết định của các cơ quan nhà nước cấp trên. Hiến pháp năm 1992 đã có những quy định nhằm nâng cao tính trách nhiệm của người đứng đầu Chính phủ và của các thành viên Chính phủ trước Quốc hội, trước nhân dân, nhất là việc phân định giữa chức năng quản lý của nhà nước với quyền tự chủ kinh doanh của các cơ sở sản xuất. Hiến pháp sửa đổi có những quy định kiên quyết hơn nữa trong việc tăng cường tính chịu trách nhiệm của các bộ trưởng, đến người đứng đầu Chính phủ trước Quốc hội và nhân dân.

Về các cơ quan tư pháp Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân. Đây là trọng tâm của công cuộc đổi mới Hiến pháp hiện nay. Một xã hội văn minh, thịnh vượng bao giờ cũng là một xã hội công bằng. Vì vậy, xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải luôn luôn gắn liền với phát huy dân chủ các hoạt động xét xử của các cơ quan tư pháp. Trọng tâm của vấn đề này vẫn là sự bảo đảm cho nguyên tắc độc lập xét xử của tòa án chỉ phụ thuộc vào pháp luật. Hiến pháp năm 1992 đã có những cố gắng trong việc bảo đảm cho nguyên tắc này, như việc thay quy định bầu cử thẩm phán bằng bổ nhiệm. Hiến pháp sửa đổi thiết nghĩ cũng cần mở rộng hơn nữa để bảo đảm thực hiện nguyên tắc này, như việc tổ chức và hoạt động của tòa án không nên dựa theo các đơn vị hành chính, mà theo cấp xét xử. Đây là một trong những bảo đảm quan trọng cho việc độc lập trong hoạt động xét xử, đồng thời cũng là bảo đảm cho nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được thi hành một cách thống nhất trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Tóm lại, sửa đổi Hiến pháp lần này chỉ là những chỉnh lý để cho bản Hiến pháp năm 1992 của chúng ta có sự hoàn thiện hơn. Những quy định của Hiến pháp được viết dưới dạng mở linh hoạt. Có như vậy các quy định của Hiến pháp mới có hiệu lực tối cao, tạo nên sức sống lâu dài trước những thay đổi của tình hình. Chính đây là điểm tạo nên cơ sở ổn định chế độ chính trị của xã hội, tiền đề cho việc phát triển của các lĩnh vực xã hội khác. Việc sửa đổi cần tiếp tục giữ lại những quy định thể hiện được tính mềm dẻo và linh hoạt của Hiến pháp đang hiện hành. Việc sửa đổi được cân nhắc cẩn thận, viết dưới dạng những quy tắc chung. Những quy định chi tiết dành cho những đạo luật thường có hiệu lực dưới Hiến pháp. ❑

---

(5) Xem : Bản gợi ý đóng góp ý kiến về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của Tiểu ban sửa đổi Hiến pháp

Digitized by Google

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN LONG KHÁNH *

Kết quả thực hiện Chỉ thị 30/CT-TU của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ, đã góp phần tạo thêm động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Tuy nhiên, đây mới chỉ là chuyển biến bước đầu. Thực tế cho thấy, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp chưa được triển khai đều khắp ; nhận thức về việc phát huy dân chủ ở cơ sở của số đông cán bộ, đảng viên chưa sâu sắc, chưa đúng tinh thần Chỉ thị của Bộ Chính trị. Thực hiện dân chủ ở nhiều nơi còn hình thức, chiếu lệ, chưa thật sự tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy các mặt kinh tế, xã hội và xây dựng hệ thống chính trị phát triển. Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân. Nhưng nguyên nhân chủ yếu, bao trùm nhất là nhận thức và vận dụng luận điểm dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng Hồ Chí Minh trên thực tế còn nhiều bất cập. Do đó, việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là yêu cầu quan trọng và bức thiết trong giai đoạn hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng : *"Nước lấy dân làm gốc"*, toàn bộ sự nghiệp cách mạng là vì dân, do dân tiến hành. Dân là chủ thể, là lực lượng của cách mạng, dân phải được chăm lo chu đáo về vật chất và tinh thần.

Người xác định : Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân chủ không phải là cái gì cao siêu cả, mà rất rõ ràng, cụ thể. Người chỉ rõ : "Có việc gì, thì ai cũng được bàn, khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn là được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi thì giao cho Hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung". Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dặn dò, nhắc nhở phải tôn trọng và bảo đảm quyền của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động. Đó là quyền góp ý, thảo luận, phê bình, kiểm tra, giám sát, tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Đã nhiều lần, Người phê phán không ít cán bộ, cấp trên không chịu nghe và tiếp thu ý kiến của cấp dưới, của nhân dân. Người nói : "Nếu ai nói chúng ta (cán bộ lãnh đạo và cơ quan lãnh đạo) không được dân chủ thì chúng ta khó chịu", vì vậy "cấp dưới dù có ý kiến cũng không dám nói, dù muốn phê bình cũng sợ không dám phê bình. Thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau. Quần chúng với Đảng xa rời nhau. Trên thì tưởng cái gì cũng tốt đẹp. Dưới thì có cái gì không nói ra". Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán cách làm việc thiếu dân chủ của cán bộ, đảng viên là : "Vì cán bộ và đảng viên không hiểu rõ hai lẽ : vì ai mà làm, đối ai phụ trách. Khi gặp mỗi công việc không biết *tìm đủ cách giải thích* cho dân hiểu, cho nên những việc trực tiếp lợi cho dân,... cán bộ chỉ làm theo cách *hạ lệnh*, cách *cưỡng bức*. Kết quả dân *không hiểu*, dân oán.

* Ban Tổ chức Tỉnh ủy Khánh Hòa

Digitized by Google

Thì có gì lạ đâu" (1). Do đó, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải tự phê bình và phê bình để tiến bộ và "phụng sự" được nhiều hơn cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng : Phê bình là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người ; đó cũng chính là thực hành dân chủ. Nếu không phê bình là tự làm mất quyền dân chủ.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ của đại đa số nhân dân gắn với công bằng xã hội, được thực hiện trong thực tế, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, với nhiều cấp độ khác nhau, được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Dân chủ là một mặt của quá trình hoàn thiện thể chế quản lý xã hội. Đó là nhà nước pháp quyền dựa trên một nền dân chủ phát triển. Dân chủ bao gồm cả hai mặt : Quyền lợi và nghĩa vụ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân. Có thể khẳng định : Dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân là tư tưởng xuyên suốt quá trình hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dân chủ thật sự là một trong những yếu tố quyết định thành công của cách mạng. "...*thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn. Trong mọi công việc, ngay từ khi lập kế hoạch và suốt cả thời gian thực hiện, phải mạnh dạn phát động quần chúng, làm cho mọi người thấm nhuần *tinh thần làm chủ tập thể*. Quần chúng thật sự có quyền dân chủ và cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải xung phong gương mẫu, thì chắc chắn ngăn ngừa được những tệ quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô"(2) và cuộc vận động quần chúng thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng và kế hoạch của Nhà nước cũng nhất định thắng lợi.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ ngày có Đảng, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thấy, nguồn gốc của mọi thắng lợi là sức mạnh của nhân dân. Thực tiễn ngày càng khẳng định quan điểm khoa học, cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng ta : coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng. Dân chủ là bản chất của chế độ, của Nhà nước ta. Quyền làm chủ của nhân dân không chỉ thể hiện trong ý tưởng, qua lời nói mà được ghi nhận trong Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật. Đặc biệt là những năm đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, nhằm tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhờ đó, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tế cách mạng Việt Nam, Đảng ta coi việc thực hiện dân chủ nói chung ở cơ sở nói riêng, đang là vấn đề bức thiết và có tầm quan trọng đặc biệt trong thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cơ sở không chỉ là xã, phường, thị trấn mà còn là các cơ quan, trường học, bệnh viện, công, nông trường, xí nghiệp... Cơ sở là nền tảng của xã hội, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng là nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chủ trương và chính sách ấy.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là thực hiện các quá trình dân chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội một cách trực tiếp, rộng rãi và liên tục đối với mọi con người, mọi giới và mọi lứa tuổi. Dân chủ ở cơ sở được thực hiện thông qua các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở và sự hiểu biết cùng khả năng thực hiện của mỗi người. Dân chủ cơ sở được thực hiện dưới hai hình thức : Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện ; trong đó dân chủ trực tiếp có ý nghĩa thiết thực nhất. Phương châm thực hiện dân chủ ở cơ sở là *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Đây cũng chính là quy trình thực thi dân chủ ; từ nhận thức đến hành động, qua kiểm tra

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 245 - 246

(2) Hồ Chí Minh. Sđd, t 12, tr 249 - 250

Digitized by Google

đánh giá lại hành động, rồi tiếp tục nhận thức và hành động với hiệu quả cao hơn. Thực hiện dân chủ ở cơ sở phải dựa trên những quy định của Hiến pháp, pháp luật cũng như điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm đúng đường lối của Đảng, tăng cường khối đoàn kết cộng đồng, phát huy tính tích cực, sáng tạo của mọi thành viên đóng góp vào sự nghiệp chung. Dân chủ ở cơ sở là khẳng định và làm theo cái đúng, bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai, đấu tranh loại bỏ những tiêu cực của xã hội. Quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở, đảng bộ, chi bộ luôn là nhân tố đóng vai trò chính, lãnh đạo toàn bộ các hoạt động của quá trình đó.

Thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ ở cơ sở là kết quả tổng hợp của quá trình phát triển cách mạng. Chỉ thị của Bộ Chính trị và các quy chế, thiết chế dân chủ cơ sở là biện pháp tổng hợp, là cơ sở pháp lý để thực hiện dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay cũng như tương lai. Để thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đúng hướng và có hiệu quả, chúng ta cần tập trung một số nội dung chính sau :

Một là, thực hiện tốt và kết hợp hài hòa hai hình thức : dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện ở cơ sở ; xây dựng và phát triển các hình thức nhân dân tự quản.

Để làm được điều này, trước hết cần tuyên truyền, giáo dục thường xuyên cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân quán triệt đầy đủ và sâu sắc việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phải được đặt trong một cơ chế vận hành thống nhất của hệ thống chính trị. Đó là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan do nhân dân bầu ra (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...) chính là phát huy chế độ dân chủ đại diện. Muốn vậy, phải xây dựng được quy chế tổ chức và hoạt động của từng tổ chức, cơ quan. Xác định rõ ràng, cụ thể chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cũng như mối quan hệ công tác của từng tổ chức, của người đứng đầu tổ chức đó, thông báo công khai cho nhân dân biết để tiện liên hệ (đề đạt ý kiến, kiểm tra, giám sát...). Định kỳ, từng tổ chức báo cáo cho nhân dân là thành viên của tổ chức mình biết kết quả, khuyết điểm và nguyên nhân của các công việc thuộc phạm vi mình phụ trách, tự phê bình để mọi người góp ý kiến. Qua đó, rút kinh nghiệm, tiếp thụ, thật sự cầu thị và có trách nhiệm trước dân.

Khi thực hiện dân chủ đại diện, trong thực tế ở nhiều nơi, quyền dân chủ của nhân dân còn bị hạn chế. Do đó, cần chú trọng việc thực hiện dân chủ trực tiếp. Càng có nhiều người tham gia vào một quyết định chung và càng có nhiều quyết định chung được mọi người xem xét quyết định thì càng bảo đảm dân chủ.

Để thực hiện dân chủ trực tiếp, thiết thực, có hiệu quả, từng tổ chức, cơ quan xác định vấn đề nào cần hay không cần sử dụng hình thức này. Quy chế của Chính phủ đã có quy định, từng cơ sở cụ thể hóa hơn cho sát hợp đơn vị mình. Muốn có dân chủ trực tiếp đúng đắn, những vấn đề đưa ra để nhân dân quyết định trực tiếp phải có sự hỗ trợ tích cực của hệ thống các thiết chế dân chủ đại diện.

Hai là, thực hiện dân chủ ở cơ sở phải dựa trên nền tảng kinh tế - xã hội, gắn liền với việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và nâng cao dân trí.

Quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở phụ thuộc nhiều bởi điều kiện kinh tế - xã hội. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, dân trí cao là điều kiện vật chất, tinh thần cơ bản bảo đảm cho nhân dân nhận thức và thực hiện quyền làm chủ đúng đắn có hiệu quả. Do đó, bên cạnh chú ý phát triển kinh tế - xã hội, cần chú trọng nâng cao cho nhân dân trình độ văn hóa, nhận thức cũng như hiểu biết căn bản về pháp luật. Đó cũng là yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *Phải làm sao cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ, đồng thời cũng*

Digitized by Google

biết cả nghĩa vụ của mình.

Ba là, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, gắn liền với kỷ luật và kỷ cương.

Hiến pháp, pháp luật là những quy định có giá trị pháp lý do Nhà nước ban hành, làm cơ sở cho các công dân, tổ chức tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp, bảo đảm cho tự do của người này không xâm hại đến tự do của người khác. Những ai không tôn trọng và vi phạm pháp luật là tự tước đoạt quyền làm chủ của mình và tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định. Dân chủ xã hội chủ nghĩa không chấp nhận tự do vô chính phủ, tuyệt đối hóa tự do cá nhân, ai muốn làm gì thì làm. Dân chủ phải gắn liền với kỷ cương thì xã hội mới ổn định và phát triển.

Bốn là, thực hiện dân chủ ở cơ sở phải gắn với quá trình cải cách hành chính nhà nước, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, thủ tục cho phù hợp với thực tế sinh động của cuộc sống.

Thực tiễn cho thấy, thực hiện dân chủ ở cơ sở phụ thuộc rất lớn vào cơ chế, chính sách, các quy định về thủ tục mà nhân dân phải tuân theo. Những chính sách kinh tế - xã hội trong những năm đổi mới vừa qua đã giải phóng sức sản xuất, phát huy tính chủ động, sáng tạo của kinh tế hộ, của các đơn vị sản xuất kinh doanh. Do đó, các chính sách (kinh tế - xã hội - văn hóa, dân tộc, tôn giáo, cán bộ...) Nhà nước ban hành đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy, ở tầm vĩ mô, Nhà nước phải hệ thống hóa các quy định của pháp luật, rà soát, lược bỏ những khâu trung gian, giảm bớt các thủ tục phức tạp, phiền hà, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân trong việc giải quyết nhu cầu chính đáng của mình.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo, đổi mới phong cách lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở ; gắn thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng hiện nay theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII.

Đảng bộ, chi bộ ở cơ sở là hạt nhân chính trị, là nhân tố giữ vai trò trung tâm lãnh đạo quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở. Do đó, trước hết phải thực hiện ngay dân chủ ở cơ sở trong tổ chức cơ sở đảng, rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện ở các tổ chức, các lĩnh vực khác trong hệ thống chính trị. Cụ thể là :

- Phát huy dân chủ cao độ trong lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

- Thực hiện dân chủ thật sự trong công tác tổ chức, cán bộ. Tổ chức sao cho khoa học để đảng viên, quần chúng lựa chọn đúng những người đảm đương được nhiệm vụ, chức trách được giao.

- Thực hiện dân chủ trong cấp ủy, đảng bộ, chi bộ ; khuyến khích tự phê bình và phê bình trên tinh thần xây dựng, đoàn kết thống nhất, thật sự có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

- Đi sát cơ sở, nắm chắc tình hình, phân tích kỹ càng, tìm ra đúng bản chất từng sự kiện, nhất là những vấn đề phức tạp có thể nảy sinh điểm nóng ; không né tránh những vấn đề gai góc, thật sự lao vào giải quyết một cách khoa học với những biện pháp thật sự dân chủ và phương pháp vận động nhân dân đúng đắn. Đồng thời xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm quyền dân chủ của nhân dân.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là một quá trình công phu, lâu dài, cần phải tìm tòi, thử nghiệm, đúc rút kinh nghiệm và tổng kết thực tiễn ; không chủ quan, nóng vội, nhưng phải có chủ trương, biện pháp tích cực, hữu hiệu. Thấu suốt và vận dụng đúng đắn những quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa, chắc chắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở sẽ có bước phát triển mới ; ổn định và vững chắc, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phát triển mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay, bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI HỮU ĐỨC *

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp, nông thôn đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là một bộ phận quan trọng, có ý nghĩa quyết định sự thành công của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Bởi vậy, Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cũng đã nhấn mạnh : "Tăng cường chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn". Định hướng phát triển các ngành kinh tế và các vùng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 xác định : "Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng...".

Trên phương diện lý luận CNH nông nghiệp, nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với việc đổi mới một cách căn bản về trình độ kỹ thuật ở nông thôn, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế nông thôn. Còn HĐH nông nghiệp, nông thôn bao gồm cả việc nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ và tổ chức trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn ; đồng thời không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, hệ thống giáo dục, y tế và các dịch vụ đời sống khác ở nông thôn.

Như vậy, nội dung cơ bản của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là xây dựng và phát triển một cách đồng bộ cơ sở hạ tầng nông thôn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và dịch vụ ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả, xây dựng các trọng điểm kinh tế cho từng vùng, các trung tâm công nghiệp đóng vai trò vệ tinh cho sự phát triển của các vùng nông thôn, xây dựng và hoàn thiện các mô hình tổ chức sản xuất và quản lý theo hướng hiện đại, đồng thời hình thành và phát triển nguồn nhân lực tương xứng với yêu cầu của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Trên cơ sở đó, sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải đạt được các mục tiêu cơ bản về kinh tế, văn hóa và xã hội là xây dựng được một nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển và tăng trưởng bền vững với nhịp độ cao trên cơ sở kỹ thuật, cơ cấu hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ và phù hợp, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân nông thôn, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Với nội dung và những mục tiêu đã nêu, có thể thấy rõ rằng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là cả một quá trình phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề phức tạp về kinh tế, xã hội và văn hóa. Bởi vậy, muốn đẩy nhanh được quá trình đó, bên cạnh những giải pháp tổng thể, đồng bộ không thể không phát triển nhanh thị trường nông thôn. Đối với nước ta, đây thực sự là bộ phận thị trường giữ vị trí trọng tâm và là thị trường chiến lược với trên 80% dân số cả nước và khoảng 60% sức mua của thị trường xã hội. Mối quan hệ tương hỗ giữa phát triển thị trường nông thôn với tiến trình CNH, HĐH thể hiện trên các phương diện sau :

- Phát triển thị trường nông thôn, nâng cao sức mua của khu vực nông thôn sẽ đóng vai trò quan trọng, thậm chí đôi khi là quyết định đối với quy mô và tốc độ phát triển của công nghiệp, dịch vụ. Nếu người dân nông thôn có thu nhập cao, sức mua lớn, thị trường nông thôn có thể tự bảo đảm đầu ra cho sản xuất phát triển. Chẳng hạn, khi nông nghiệp được mùa, sức mua của khu vực nông thôn tăng lên thì sản xuất công nghiệp - dịch vụ cũng phát triển do "đầu ra" của các mặt hàng công nghiệp được cải thiện hơn. Ngược lại, khi mất mùa, sức mua của nông dân thấp, thì sản xuất công nghiệp - dịch vụ cũng ở trong tình trạng hết sức khó khăn.

- Khi thị trường "đầu ra" của sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn được mở rộng sẽ góp phần ổn

* Ths, Trường đại học Thương mại Hà Nội

Digitized by Google

định sản xuất nông nghiệp. Nông nghiệp phát triển sẽ tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa (lương thực, thực phẩm, nguyên liệu...) phục vụ và thúc đẩy công nghiệp phát triển. Hay khi "đầu ra" là thị trường ngoài nước sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo ra nguồn ngoại tệ mạnh để có thể nhập khẩu máy móc, thiết bị và công nghệ tiên tiến phục vụ trở lại cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Khi thị trường "đầu vào" của sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn được bảo đảm tốt (giống, phân bón, thuốc trừ sâu, máy móc thiết bị...) sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, là những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của hàng nông sản nước ta trên thị trường thế giới. Đồng thời đó cũng là những nội dung của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn (ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, cơ giới hóa, thủy lợi hóa, sinh học hóa, hóa học hóa... trong sản xuất nông nghiệp).

- Khi thị trường các hàng hóa tiêu dùng ở nông thôn được quan tâm và phát triển hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt của nhân dân nông thôn với cơ cấu, chất lượng và giá cả hợp lý sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nông thôn, tạo điều kiện cho nhân dân nông thôn có thể tái sản xuất sức lao động, mở mang dân trí, từ đó cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Thị trường nông thôn phát triển tất yếu sẽ kích thích sự phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn. Và chính sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc...) đến lượt nó lại là điều kiện thuận lợi cho sự mở rộng và phát triển thị trường, thuận tiện cho việc trao đổi, lưu thông hàng hóa, cũng như sự đi lại giao lưu văn hóa giữa các vùng nông thôn, giữa nông thôn với thành thị.

Tóm lại, thị trường nông thôn phát triển sẽ tạo "đầu ra" cho sản xuất công nghiệp, dịch vụ cũng như cho chính sản xuất nông nghiệp ; cung ứng các vật tư, nguyên liệu bảo đảm cho quá trình tái sản xuất diễn ra bình thường, bảo đảm cung ứng hàng hóa tiêu dùng phục vụ đời sống nông thôn. Đồng thời nó cũng kích thích và yêu cầu áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất một cách rộng rãi, thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả. Nói cách khác, thị trường nông thôn phát triển sẽ là điều kiện cơ bản làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội ở nông thôn, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Vai trò của thị trường nông thôn rõ ràng là rất quan trọng. Tuy nhiên, thực trạng thị trường nông thôn nước ta thời gian vừa qua chưa phát triển theo kịp yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Điều đó thể hiện qua thực tế như :

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Giá cả nông sản hàng hóa liên tục giảm, cả ở thị trường trong nước và xuất khẩu. Tương quan giữa giá hàng công nghiệp và hàng nông sản ngày càng bất hợp lý, đời sống nhân dân nông thôn khó khăn. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta như gạo, cà phê... đều giảm giá. Chính phủ đã phải áp dụng một số giải pháp hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp mua tạm trữ gạo (kế hoạch 1 triệu tấn). Tuy nhiên, nhìn về lâu dài có thể nói, đó cũng chỉ là giải pháp tình thế.

- Thị trường "đầu vào" của sản xuất nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Vai trò của thương mại quốc doanh nhiều nơi mờ nhạt. Việc cung ứng các yếu tố đầu vào như giống, phân bón, thuốc trừ sâu... không kịp thời và chưa bảo đảm chất lượng mà giá cả lại cao. Tình trạng hàng giả, hàng lậu, kém chất lượng... có nguy cơ lan tràn không kiểm soát được dẫn đến sự thua thiệt cho người nông dân. Các yếu tố khác như vốn, cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin liên lạc... cũng thiếu hoặc yếu kém, chậm phát triển gây khó khăn cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Thị trường hàng hóa tiêu dùng phục vụ đời sống nông thôn chưa thực sự được các doanh nghiệp quan tâm điều tra nghiên cứu, do đó sản xuất và cung ứng hàng hóa vốn chưa đáp ứng đúng nhu cầu và sức mua của thị trường nông thôn. Thực tế cho thấy hàng Trung Quốc chất lượng không cao, nhưng giá cả phù hợp với thu nhập của người dân nông thôn, nên chúng thường chiếm thị phần lớn. Đây là bài học cho các nhà sản xuất của ta.

Phân tích những tồn tại trên cho thấy thúc đẩy quá trình phát triển thị trường nông thôn trong thời gian tới là việc làm cấp bách. Việc mở rộng và phát triển thị trường nông thôn cần gắn với định hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, nghĩa là phải đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động, hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn phù hợp với nhu cầu của thị trường và điều kiện sinh thái trên từng vùng. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp... tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Mở rộng

Digitized by Google

thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước ; tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới...

Để làm được điều đó, theo chúng tôi, trước mắt cần tập trung thực hiện các chính sách và giải pháp sau :

Thứ nhất, cần điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất cả trong sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và sản xuất công nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp phải dựa trên cơ sở nghiên cứu thông tin thị trường và lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương để điều chỉnh cơ cấu sản xuất hợp lý. Các địa phương cần tiến hành xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn ; bảo đảm tính ổn định của sản xuất trên cơ sở duy trì đầu ra nông sản hàng hóa. Không thể để tái diễn mãi tình trạng người nông dân như cái "đèn cù" trong bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi như thời gian qua (chẳng hạn khi cà phê có giá cao thì trồng ồ ạt, khi mất giá lại tự phát phá cà phê trồng tiêu, điều...)

Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, dịch vụ sản xuất và đời sống cần chú ý nghiên cứu khai thác tốt thị trường nông thôn. Bên cạnh các sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, cần đẩy mạnh sản xuất các loại hàng hóa giá rẻ phục vụ nông dân trong điều kiện thu nhập còn hạn chế so với ở thành thị.

Thứ hai, tăng cường vai trò của thương mại quốc doanh trên thị trường nông thôn.

Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Thương mại quốc doanh phải thực sự lấy lại vai trò chủ đạo của mình, phải trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của người nông dân trong việc bảo đảm cung ứng các yếu tố đầu vào với giá cả hợp lý và chất lượng tốt ; hình thức thanh toán thuận tiện, linh hoạt (như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư kỹ thuật...). Theo chúng tôi, trợ giá đầu vào cho sản xuất nông nghiệp có lẽ sẽ đạt hiệu quả cao hơn nhiều so với bù giá hay hỗ trợ lãi suất giải quyết đầu ra như thời gian vừa qua.

Mặt khác, tìm mọi cách khai thác các nguồn hàng công nghiệp tiêu dùng với chất lượng và giá cả hợp lý phục vụ tốt nhu cầu của nông dân. Thương mại quốc doanh cần tổ chức thành mạng lưới dịch vụ cho các nhà máy chế biến và phân phối hàng công nghiệp ở nông thôn. Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích thương mại nông thôn phát triển, bảo hộ ở mức độ hợp lý đối với hàng hóa nông sản và từng bước thực hiện bao tiêu sản phẩm cho nông dân. Thực tế cho thấy sự yếu kém của thương mại quốc doanh đã tạo điều kiện cho tư thương thao túng, ép giá nông dân khi họ bán nông sản và phải mua hàng công nghiệp và vật tư đầu vào với giá đắt hơn, người nông dân "thiệt đơn, thiệt kép" sức mua thực tế càng thấp dẫn đến sự thu hẹp của thị trường tiêu thụ, giảm hiệu quả các giải pháp kích cầu của điều tiết vĩ mô.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách nhằm phát triển thị trường nông thôn, nhất là các chính sách đẩy mạnh tiêu thụ nông sản.

Các địa phương cần lựa chọn những bước đi hợp lý trong việc triển khai thực thi các chính sách trong "Chương trình phát triển thị trường và xúc tiến thương mại hàng nông, lâm sản" của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể là chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm, chính sách hạ giá thành sản phẩm, chính sách bảo vệ lợi ích của người sản xuất, chính sách đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nông, lâm sản...

Thứ tư, quy hoạch phát triển hợp lý mạng lưới chợ nông thôn.

Trong quá trình phát triển thị trường nông thôn, mạng lưới chợ nông thôn có một nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tăng cường lưu thông hàng hóa, đưa kinh tế nông thôn phát triển toàn diện, đẩy nhanh quá trình phân công lao động trong nông thôn, góp phần giải quyết "đầu vào" và "đầu ra" của sản xuất, nâng cao mức sống dân cư. Do đó, trong quy hoạch hệ thống chợ nông thôn, cần phân bố một cách hợp lý các chợ chuyên doanh là đầu mối phát luồng hàng nông sản thực phẩm cung cấp cho đô thị và cũng là nơi thu mua, tập kết hàng để chế biến hoặc xuất khẩu. Đồng thời bố trí xây dựng các chợ tổng hợp để người dân nông thôn có thể vừa bán được nông sản, vừa mua được vật tư cho sản xuất và hàng hóa để tiêu dùng. Các chợ nông thôn cần được đầu tư cải tạo theo hướng kiên cố và bán kiên cố với các trang thiết bị cần thiết phục vụ mua bán, thông tin tiếp thị ngày càng văn minh, hiện đại.

Cuối cùng, theo chúng tôi, việc quy hoạch và phát triển mạng lưới chợ chuyên doanh và chợ tổng hợp ở nông thôn là một bộ phận hợp thành của quá trình định hướng phát triển kinh tế thị trường ở nông thôn trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Bởi vậy, các cấp, các ngành và các địa phương nên chú ý đến việc bố trí xây dựng và kiện toàn lại hệ thống các chợ nông thôn cho phù hợp và thuận tiện trong việc trao đổi, thông thương hàng hóa ở nông thôn. ❑

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ VÕ CHÍ CÔNG VỚI KHOÁN SẢN PHẨM TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

ĐINH VĂN NIỆM

HỘI nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) họp tháng 7-1979 đã nhận rõ cơ chế quản lý kinh tế lạc hậu đang bóp nghẹt mọi sức sản xuất nên tìm các giải pháp hữu hiệu để tháo gỡ khó khăn, phát huy mọi sáng kiến của quần chúng và khuyến khích các cơ sở sản xuất nông, công nghiệp bung ra. Khi ấy vấn đề đổi mới để đạt hiệu quả kinh tế cao đồng thời vẫn kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa là điều rất mới mẻ và vì vậy, có nhiều cách nghĩ, cách làm khác hẳn nhau. Một số hợp tác xã nông nghiệp đã lặng lẽ khoán chui, chuyển sang khoán sản phẩm, loại bỏ khoán việc từ mấy năm. Nông dân đều thích khoán sản phẩm nhưng ở nhiều nơi vẫn chưa dám bỏ khoán cũ, khoán việc vì lãnh đạo ở đấy bằng mọi giá bảo vệ khoán việc và lên án gay gắt khoán chui, khoán sản phẩm vì cho là phá hoại chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Cuộc đấu tranh giữa hai hình thức khoán, giữa cái mới và cái cũ trở nên quyết liệt, lãnh đạo một số tỉnh sẵn sàng kỷ luật nghiêm khắc đối với những đảng viên cán bộ nào thực hiện khoán sản phẩm. Hai phía : phản đối hoặc ủng hộ khoán mới đều xuất phát từ tấm lòng rất chân thành mong muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Đồng chí Võ Chí Công lúc đó với tư cách là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp (nông-lâm-ngư nghiệp). Vốn là con người thực tiễn từ chiến trường, Anh đã đi sâu nghiên cứu hoạt động của nhiều nông trường quốc doanh và nhất là hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc, đã từng làm nhiệm vụ hậu phương lớn của tiền tuyến chống Mỹ cứu nước, đóng góp quan trọng về nhân, tài, vật lực cho miền Nam, nhưng vì sao sản xuất ngày càng kém phát triển, nhiều hợp tác xã làm ăn thua lỗ, tiêu cực tràn lan, thu nhập của lao động quá thấp, thậm chí nhiều xã viên xin ra khỏi hợp tác xã để làm nghề khác, v.v.. Ngày đêm Anh trăn trở để tìm ra biện pháp đúng đắn giải đáp cho được sự băn khoăn lo lắng của hàng triệu nông dân trong các hợp tác xã. Anh đi xuống nhiều hợp tác xã ở các tỉnh nghe tình hình, ra tận đồng ruộng, gặp các xã viên thăm hỏi việc sản xuất, quản lý, thu nhập, so sánh hiệu quả sản xuất giữa hợp tác xã và đất 5% của xã viên, lý do phát sinh tiêu cực trong hợp tác xã. Anh thấy nhiều nơi nông dân đã tự sửa đổi cách khoán việc của đội thành khoán cá nhân lao động, và cách làm này đã đem lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập của xã viên nên họ rất phấn khởi lao động.

Nghiên cứu cách làm chui khoán sản phẩm đến người lao động của hợp tác xã Thổ Tang, xã Thổ Thụy, Vĩnh Lạc, huyện Vĩnh Tường, Anh đã viết thư cho đồng chí Hoàng Quy, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú ủng hộ cách làm đó và cho tiến hành thí điểm. Đồng chí Hoàng Quy đồng ý, Anh cử cán bộ của Bộ Nông nghiệp đến bàn với tỉnh, huyện cách làm cụ thể và ai nấy đều rất phấn khởi.

Thỉnh thoảng Anh đến kiểm tra và đóng góp ý kiến, có lần đến giữa vụ lúa đông xuân thấy ruộng khoán xanh tốt hơn nhiều, khác hẳn ruộng của hợp tác xã chưa khoán. Kết quả kinh tế ở đây đã rõ, nhưng cán bộ cơ sở, huyện, tỉnh chưa dám báo cáo

Digitized by Google

lên cấp trên vì cho đó là làm chui, Trung ương chưa có chủ trương. Để tiếp tục phát huy kết quả, mở rộng diện thí điểm, đồng chí Võ Chí Công đã trả lời cho cơ sở rằng : "lĩnh vực này là trách nhiệm của tôi, tôi không làm trái đường lối chủ trương của Đảng, hơn nữa đây mới là thí điểm". Đồng thời Anh đã gợi ý với tỉnh nên có cán bộ chỉ đạo chặt chẽ để mở rộng thí điểm một số xã nữa. Vụ đông các hợp tác xã triển khai khoán mới được nửa huyện, kết quả rất tốt : năng suất và sản lượng tăng lên 20% so với các hợp tác xã chưa khoán, số lượng lao động, ngày công lao động tăng 20 - 25%, tinh thần xã viên phấn khởi, những tiêu cực trong các hợp tác xã biến mất. Với kết quả của các hợp tác xã làm thí điểm khoán mới, Anh động viên tỉnh, huyện đến vụ mùa làm khoán mới khắp toàn huyện ; tỉnh tiến hành sơ kết khoán của Vĩnh Tường, tập huấn khoán mới, và tùy điều kiện để trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo chặt chẽ có thể mở rộng ra toàn tỉnh.

Lúc bấy giờ thành ủy Hải Phòng đã ra Nghị quyết 24 (tháng 6-1980) chuyển toàn bộ nông thôn ngoại thành sang khoán sản phẩm, bỏ hẳn khoán việc. Ngày 23-10-1980, đồng chí Võ Chí Công đã về thăm đồng ruộng huyện Đồ Sơn, Hải Phòng. Đồng chí thăm và làm việc tại xã Minh Tân, nơi đã khoán chui từ năm 1972. Đồng chí bí thư chi bộ xã kiêm đội trưởng sản xuất đã đưa đồng chí Phó Thủ tướng ra thăm cánh đồng Xâm Ninh. Lúa mùa đã trĩu bông, lúa ruộng làm theo khoán sản phẩm tốt hơn hẳn lúa ruộng làm theo khoán việc. Theo tính toán chi li của đồng chí bí thư chi bộ thì chênh lệch về sản lượng tới 30%.

Sau khi đi thăm hợp tác xã, đồng chí Võ Chí Công nói với cán bộ huyện Đồ Sơn : "Khoán sản phẩm cuối cùng đến người xã viên làm cho sản xuất tăng lên và củng cố hợp tác xã. Minh Tân đã làm, huyện ủy Đồ Sơn đã mạnh dạn làm, lại được thành phố tán thành, thế là tốt. Kết quả đã rõ ràng, hiệu quả kinh tế cao, lợi ích xã viên, lợi ích tập thể, lợi ích Nhà nước đều tăng. Quan hệ sản xuất được củng cố chứ có bị phá vỡ đâu ? Lao động có khi từng nhóm, từng gia đình làm nhưng đều do tập thể phân công, làm theo kế hoạch chung của hợp tác xã, sản phẩm cuối cùng làm ra do tập thể quản lý và phân phối, như vậy là lao động tập thể xã hội chủ nghĩa. Không phải là cứ kéo nhau đi làm đông người mới là lao động xã hội chủ nghĩa. Vừa qua các đồng chí khoán 50%, các đồng chí cần khoán cả 100%... Tôi khẳng định với các đồng chí hãy mạnh dạn làm hơn nữa, sai đâu thì sửa đấy, đừng sợ. Các đồng chí cố gắng phát huy sức mạnh của tập thể, kết hợp với sức mạnh của cá nhân. Cần chú ý quan tâm đến lợi ích của người lao động, người xã viên. Và phải tiến tới áp dụng khoán sản phẩm vào các ngành sản xuất khác ở nông thôn". Đồng chí Võ Chí Công còn gợi ý "nhóm không phải là một đẳng cấp, chẳng qua là để tương trợ nhau thôi, ta nên khoán sản phẩm vì nó làm cho thu nhập tăng lên".

Theo gợi ý của đồng chí Võ Chí Công, các tỉnh miền Trung đã cử 6 đoàn cán bộ về Hải Phòng nghiên cứu. Thời gian này ngày nào cũng có hàng chục đoàn cán bộ của xã, huyện, có đoàn của tỉnh về Hải Phòng để tìm hiểu tại chỗ khoán mới. Các đồng chí Hải Phòng đã tranh thủ truyền đạt ý kiến của đồng chí Võ Chí Công về khoán sản phẩm với các đoàn để củng cố quyết tâm thực hiện khoán sản phẩm, loại bỏ khoán việc.

Trước tình hình phát triển khoán "chui" của các hợp tác xã, nhiều địa phương yêu cầu có sự chỉ đạo của Đảng, đồng chí Võ Chí Công đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng ủng hộ việc khoán mới để nông dân yên tâm đẩy mạnh sản xuất. Cuối tháng 10-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22 do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, ký công nhận khoán sản phẩm là cơ chế quản lý hợp pháp trong các hợp tác xã nông nghiệp. Các xã viên có quyền chọn khoán sản phẩm hoặc khoán việc, cán bộ các cấp không có quyền can thiệp vào sự lựa chọn của xã viên. Người ta ví nông dân như cánh đồng lúa chiêm đã ngậm đòng, chỉ chờ tiếng sấm là Thông báo 22 để phất cờ chuyển sang khoán mới. Tuy nhiên vẫn còn một số lãnh đạo địa phương kiên trì bảo vệ khoán việc, có tỉnh xã viên khoán sản phẩm đã vượt 90% nhưng lãnh đạo tỉnh lại lo lắng, cho là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đang tan rã. Người ta thừa nhận áp dụng khoán sản phẩm năng suất lúa có tăng hơn khoán việc nhưng đồng ruộng sẽ manh mún và khuyến

Digitized by Google

khích các xã viên làm ăn riêng lẻ, chỉ biết cá nhân và gia đình, quay về lối làm ăn phong kiến.

Đầu năm 1981, Ban Bí thư triệu tập tại Hải Phòng hội nghị truyền đạt tinh thần cơ bản của Thông báo số 22 tới đại biểu các tỉnh, thành phố phía Bắc và các ban ngành ở trung ương.

Phát biểu tại hội nghị, đồng chí Võ Chí Công khẳng định mạnh mẽ, dứt khoát chỉ có khoán sản phẩm mới cứu được phong trào hợp tác xã nông nghiệp khỏi suy sụp.

Trong hợp tác xã nông nghiệp, từ lâu xã viên không chấp nhận khoán việc, không hăng hái sản xuất vì không công bằng, người làm nhiều lại chỉ được hưởng ít, dân không còn thiết tha với đồng ruộng nên nơi nào cũng thiếu ăn, một số vùng đói triền miên trong khi ruộng đất không thiếu. Đồng chí cho rằng chúng ta xa dân, không thấy dân đói và dân không chịu nổi cách làm ăn không mang lại no ấm cho mình, các xã viên chỉ muốn làm theo khoán sản phẩm, ta lại ngăn cấm suốt bao nhiêu năm !

Trên cơ sở thực hiện sau khi có Thông báo số 22 của Ban Bí thư có hiệu quả và phong trào khoán sản phẩm phát triển mạnh ở nhiều nơi trong cả nước, Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra đời tháng 1-1981 được các địa phương, các cấp và quần chúng nông dân nhiệt liệt tán thành, thực hiện sôi nổi. Khoán sản phẩm đến người lao động đã trở thành một phong trào cách mạng sôi nổi hào hứng, dấy lên một khí thế lao động sản xuất chưa từng có ở nông thôn.

Là một chỉ thị lịch sử như một khâu đột phá, tuy chưa phải là có tư duy mới đầy đủ, chưa phải liều thuốc chữa bách bệnh, chưa hình thành cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp rõ ràng, nhưng bắt đầu từ thực tế đó đã dần dần hình thành tư duy mới, tìm ra cơ chế quản lý mới, thích hợp để đưa nông nghiệp phát triển không ngừng tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, thỏa mãn được yêu cầu về lương thực, thực phẩm trong toàn dân.

Bảy tháng sau Chỉ thị 100 đi vào cuộc sống, Ban Bí thư họp hội nghị tại thành phố Nam Định để sơ kết thực hiện khoán sản phẩm. Lúc này, vẫn còn ý kiến lo lắng khoán sản phẩm đến người lao động sẽ làm sói mòn quan hệ sản xuất mới, sẽ khuyến khích làm ăn riêng lẻ.

Nhiều vấn đề hồi đó còn phức tạp, lý luận thật sự chưa rõ, mà phải lấy thực tế để chứng minh chủ trương đúng sai. Tại hội nghị này đồng chí Võ Chí Công đã nêu rõ khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động là phù hợp với quy luật kinh tế khách quan trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng. Khoán sản phẩm đến người lao động sẽ kích thích sản xuất mạnh mẽ hơn, hiệu quả kinh tế cao hơn. Khoán tới nhóm lại dựa dẫm vào nhau, chẳng ai muốn làm hết sức mình vì "cha chung không ai khóc". Khoán sản phẩm tới người lao động không phải trong một thời gian ngắn, tất nhiên khi có hình thức khoán tiến bộ hơn, hiệu quả hơn thì lúc đó chuyển sang khoán mới hoàn toàn do xã viên quyết định.

Khoán sản phẩm đã được thực hiện trong tất cả hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc. Tại miền Nam, các tập đoàn sản xuất đều mong đợi được chuyển sang khoán sản phẩm càng sớm càng tốt. Cuối năm 1981, hội nghị cải tạo nông nghiệp họp ở thành phố Nha Trang, đồng chí Võ Chí Công đã chủ trì hội nghị và kêu gọi các tập đoàn sản xuất nông nghiệp thực hiện khoán sản phẩm.

Từ đấy, khoán sản phẩm đã nhanh chóng mở rộng ra cả nước trong nhiều lĩnh vực và không còn đơn thuần thuộc phạm vi nông nghiệp, nó tác động tới mọi tầng lớp nhân dân và lôi cuốn mọi ngành, mọi giới vào công cuộc đổi mới.

Khoán sản phẩm là sáng kiến trong thực tiễn lao động sản xuất của quần chúng nông dân, sáng tạo những suy nghĩ mới trong cách làm ăn chống lại những tư tưởng bảo thủ, trì trệ để thoát khỏi cái nghèo nàn lạc hậu trong đời sống. Trong những quyết định sáng suốt đầy trí tuệ của Trung ương, tập thể Bộ Chính trị, đồng chí Võ Chí Công có những đóng góp quan trọng. Đồng chí là người lãnh đạo đã đi sâu sát thực tế phát hiện và lắng nghe ý kiến quần chúng, tổng hợp được những sáng tạo của quần chúng góp phần giúp Đảng đề ra chủ trương khoán sản phẩm phù hợp với thực tế và nguyện vọng của hàng triệu nông dân, và chủ

Digitized by Google

trương đó đã trở thành một tư duy mới trong lãnh đạo và quản lý nông nghiệp.

Đây là sự điều chỉnh một bước về quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, phù hợp với quy luật khách quan và bước đi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do đó, đã đáp ứng được nguyện vọng của nông dân, tạo ra động lực mạnh mẽ trong phong trào phát triển sản xuất ; tăng thêm quyền làm chủ của người lao động, làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ quản lý sản xuất kinh doanh, làm chủ phân phối ; là khâu đột phá để chuyển cơ chế quản lý hợp tác xã từ mô hình cũ, từng bước hình thành hợp tác xã theo cơ chế mới. Tuy nhiên, tình hình quản lý kinh tế chung lúc đó vẫn còn gò bó bởi cơ chế quản lý tập trung hành chính, quan liêu bao cấp của Nhà nước chưa được tháo gỡ, cơ chế quản lý mới của hợp tác xã cũng không thoát ra ngoài cơ chế quản lý kinh tế chung đó. Nền kinh tế còn nhiều nhược điểm lớn, nhiều chính sách bất hợp lý nên chưa phát huy hết hiệu quả cơ chế quản lý mới.

Nhưng rồi từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982) Đảng đã bắt đầu phê phán cơ chế quản lý tập trung hành chính quan liêu bao cấp kéo dài và đề ra chủ trương lấy đổi mới kinh tế làm trước. Song việc nhận thức, quan niệm về vấn đề này còn chưa thật rõ nét, thống nhất, nên việc thực hiện chưa được bao nhiêu. Trước Đại hội lần thứ VI, Đảng đã đề ra một số chủ trương cụ thể về đổi mới kinh tế để tháo gỡ khó khăn. Ngoài Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp, có Quyết định số 25/CP của Chính phủ nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp, và từ đây tư duy mới hình thành từng bước về đổi mới quản lý kinh tế.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) là cái mốc lịch sử về sự nghiệp đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị một cách vững chắc, ổn định.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, Bộ Chính trị thành lập Tiểu ban nghiên cứu về tiếp tục đổi mới kinh tế nông nghiệp do đồng chí Võ Chí Công phụ trách. Từ đổi mới cơ chế khoán theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được đúc kết chung trong quá trình thực hiện, và những kinh nghiệm thực tế đã xây dựng thành Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về khoán và đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp một cách hoàn thiện.

Nghị quyết 10 tiến hành đổi mới trên nhiều mặt nhằm tập trung giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu ; đưa nông nghiệp lên một bước sản xuất hàng hóa và đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, gắn liền với sản xuất nông nghiệp toàn diện, bố trí lại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo vùng ; phá thế độc canh, đưa cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao nhất ; đồng thời điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tổ chức lại các ngành kinh tế - kỹ thuật, các vùng sản xuất chuyên môn hóa cao ; đổi mới cơ chế quản lý ở cơ sở hợp tác xã và đổi mới cơ chế quản lý Nhà nước đối với nông nghiệp. Nghị quyết 10 thực hiện đổi mới cao hơn một bước và điều chỉnh triệt để quan hệ sở hữu giao khoán ruộng đất ổn định lâu dài. Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, và họ có quyền sử dụng, chuyển nhượng, thừa kế...

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần từng bước hình thành phát triển vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bước chuyển đó, nông nghiệp chuyển sang cơ chế mới rất nhanh chóng như : xóa bỏ chỉ tiêu pháp lệnh, để giá cả do thị trường điều tiết theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu ; đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, cấm địa phương ngăn sông cấm chợ, trong đó lưu thông lương thực không còn tình trạng tắc nghẽn nơi thừa, nơi thiếu, tạo ra được môi trường thuận lợi trong nông nghiệp và các thành phần kinh tế phát triển.

Đổi mới theo Nghị quyết 10 đã phát huy kinh tế hộ gia đình là đơn vị kinh tế giữ vai trò chủ thể làm chủ sản xuất kinh doanh. Thông qua hợp tác xã đổi mới, giao dịch giữa các hộ nông dân với nhau ; hộ nông dân với các thành phần và tổ chức kinh tế khác, dần dần tổ chức nhiều hình thức đa

Digitized by Google

dạng, hình thành và phát triển những mô hình kinh tế hợp tác xã mới phù hợp với quy luật phát triển của kinh tế nông nghiệp.

Kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi cũng thực hiện đổi mới cách khoán thích hợp theo cơ chế quản lý mới về nông nghiệp. Trong khi kinh tế nông nghiệp từng bước đổi mới và có những thành tựu quan trọng thì tình hình kinh tế chung nước ta chưa ổn định, giá cả tăng mạnh, không thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và hạch toán kinh tế, chưa bảo đảm quyền tự chủ của đơn vị sản xuất chủ yếu là các cơ sở quốc doanh.

Đồng chí Võ Chí Công đã xác định trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế có hai vấn đề cơ bản.

Một là, đổi mới cơ chế quản lý ở cấp đơn vị cơ sở, phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, vì đơn vị kinh tế cơ sở là nền tảng của tổ chức kinh tế xã hội, nơi sản xuất ra của cải vật chất, hàng hóa, nơi nhân dân lao động thực hiện một cách trực tiếp quyền làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Hai là, phải đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Quản lý nhà nước về kinh tế là quản lý ở tầm vĩ mô về sự chỉ đạo, về luật pháp, chính sách v.v.. Nếu không đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế thì không tạo được thuận lợi về hành lang pháp lý để kinh tế phát triển phù hợp với đường lối đổi mới.

Tổng kết thực tiễn quá trình thực hiện đổi mới ban đầu trong lĩnh vực nông nghiệp, và đơn vị kinh tế cơ sở, nghiên cứu kinh nghiệm thất bại và thành công của công cuộc "cải tổ", "cải tiến" quản lý kinh tế của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lúc bấy giờ, chọn lọc những quan điểm tốt, những đóng góp của cán bộ quản lý và chuyên gia kinh tế của nước ta, đồng chí Võ Chí Công đã đề xuất những quan điểm cơ bản để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta. Những quan điểm đó đồng chí đã trình bày tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khóa VI) ngày 28-8-1987 và đã được Trung ương thông qua thành nghị quyết. ❑

MÂU THUẪN CƠ BẢN...

(Tiếp theo trang 58)

Người ta thấy đi theo sự tăng trưởng của tỷ suất giá trị thặng dư của CNTB, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn. Ở Mỹ, năm 1980 thu nhập của các nhà tư bản so với công nhân gấp 40 lần, đến nay tăng lên 400 lần. Từ năm 1973 - 1983, mức thu nhập bình quân tiền lương thực tế giảm xuống 0,7 lần. *Báo cáo tổng thống năm 1999* của Mỹ đã không thể không thừa nhận "thị trường cạnh tranh từ cuối năm 1970 - 1990 đã bắt đầu tạo nên sự bất bình đẳng về phân phối tiền lương, dẫn tới một số người dù cố gắng làm việc cũng khó nuôi sống gia đình. Những gia đình không có tài sản chiếm trên 40%, nhiều gia đình có rất ít tài sản, ước có 20% người sống trên toàn quốc phải nợ nần, 200 triệu người thiếu ăn, 20 triệu người sống đầu đường xó chợ, trong 500 thành phố thì 6 người có 1 người nghèo khổ. Trong tỷ lệ người tử vong thì 1/2 là do nghèo khổ".

Tiến trình lịch sử thế giới hiện nay chứng tỏ rằng mâu thuẫn vốn có của CNTB không có khả năng giải quyết trong nội bộ thể chế TBCN. Toàn cầu hóa kinh tế khiến phương thức sản xuất TBCN mở rộng đến cực đại, khiến cho mâu thuẫn cơ bản cũng đạt đến cực đại. Những cái đã qua không thể ngăn lại được, cái sắp tới không thể với tới được. Hoàn toàn có thể khẳng định là từ nay về sau thủ đoạn kéo dài tuổi thọ hòa giải mâu thuẫn càng ngày càng kém đi, mà đứng trước nguy cơ mâu thuẫn càng ngày càng tăng. Cho dù con đường phía trước mặt còn dài nhưng tất yếu CNTB phải đi tới vực thẳm diệt vong. Với xu thế lớn này của lịch sử, một học giả của thế giới tư bản, nhà nghiên cứu người Mỹ I-man-nin O-lis-tăng cũng nói thẳng thắn rằng : "CNTB qua đi, hệ thống lịch sử đặc biệt của nó không còn tồn tại nữa". "Nó là cuộc diễn tập đặc thù và khác thường, nó là một thời khắc trong lịch sử lâu dài hướng tới một thế giới quá độ bình đẳng. Hoặc giả bản chất của nó là một loại hình thái bóc lột nhân loại không ổn định. Sau nó thế giới đi đến một hình thái ngày càng ổn định hơn" (2). Cái thế giới bình đẳng là thế giới nào vậy ? Mác - Ăng-ghen từ hơn nửa thế kỷ trước đã có câu trả lời kinh thiên động địa đó là CNXH và chủ nghĩa cộng sản . ❑

MAI HẢI OANH
(Dịch và trích thuật)

---

(2) I-man-nin O-lis-tăng : *Lịch sử chủ nghĩa tư bản*, q 108, tr 109, xb 1999 (tiếng Trung)

Digitized by Google

HÀ GIANG VƯỢT KHÓ ĐI LÊN

VŨ NGỌC KỲ*

Hà Giang là tỉnh miền núi cao, biên giới có diện tích tự nhiên 7 884,371 km^2 ; dân số 60,2 vạn người với 22 dân tộc, trong đó 90% là các dân tộc thiểu số như : dân tộc H'Mông chiếm 31,5% ; dân tộc Tày chiếm 26,2% ; dân tộc Dao 15,4%... Tỉnh Hà Giang có 9 huyện, một thị xã, trong đó có 6 huyện và 128/191 xã đặc biệt khó khăn. Do đặc điểm của địa hình và các yếu tố tự nhiên khác, đã hình thành 3 vùng rõ rệt : vùng cao núi đá, vùng cao núi đất và vùng thấp. Hà Giang là vùng không chỉ có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh của đất nước mà còn là nơi có tiềm năng thế mạnh về phát triển kinh tế - xã hội. Khi chia tách tỉnh (năm 1991), đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn như : thiếu nước sinh hoạt, nước sản xuất, đất canh tác, hàng tiêu dùng, giao thông chưa phát triển (còn 60 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã). Trình độ dân trí thấp, tỷ lệ người mù chữ còn rất cao, nền kinh tế tự nhiên tự túc, tự cấp ; kết cấu hạ tầng thấp kém, nông nghiệp canh tác lạc hậu, trên 60% số hộ đói nghèo. Hơn 10 năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, nhất là 5 năm (1996 - 2000) được sự hỗ trợ giúp đỡ của Trung ương, đảng bộ Hà Giang đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn của một tỉnh miền núi cao, biên giới, dân tộc đi lên từ một điểm xuất phát thấp, nhưng đã giành được thắng lợi to lớn và khá toàn diện, tạo ra những biến đổi sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực.

- Về kinh tế, nhịp độ tăng trưởng GDP hằng năm đạt 10,3%, tăng hơn 2,8% so với giai đoạn 1992 - 1995. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP đạt 21%, tăng thêm 3,9% ; thương mại - dịch vụ đạt 28,56%, tăng 8,47% ; tỷ trọng nông - lâm nghiệp từ 61,8% giảm xuống còn 50,4% năm 2000. Thu ngân sách trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước, năm 2000 thu đạt 125 tỉ đồng, tăng 3 lần so với năm 1995.

Đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 1 750 000 đồng (tương đương 125 USD) tăng 2,15 lần so với năm 1995. Tỷ lệ đói nghèo từ 46% giảm xuống còn 20%.

Sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển ổn định, toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi ; diện tích - năng suất - sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi đều tăng khá so với trước. Đã hình thành các vùng sản xuất tập trung như : sản xuất lúa, ngô, chè, đậu tương, cây ăn quả. Công tác giao đất, giao rừng, trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ chăm sóc rừng thực hiện tích cực, có hiệu quả. Chăn nuôi đại gia súc phát triển khá. Sản phẩm từ chăn nuôi, cây công nghiệp đạt tỷ suất hàng hóa cao... Từ nền kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp chuyển sang sản xuất hàng hóa với năng suất, chất lượng, sản lượng sản phẩm ngày càng cao. Từ một tỉnh thiếu lương thực triền miên, nay đã bảo đảm an toàn lương thực trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân trong tỉnh và có sản phẩm hàng hóa để bán ra thị trường trong nước và sang nước bạn.

Công nghiệp - thủ công nghiệp phát triển khá, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 21,83%, chiếm tỷ trọng 21% trong cơ cấu GDP của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp năm 2000 đạt 164,3 tỉ đồng. Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 397 400 triệu đồng, tăng 2,38 lần so với năm 1995. Đầu tư xây dựng

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang

Digitized by Google

mới nhà máy và sản xuất có hiệu quả sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản, giấy, đũa xuất khẩu... Công nghiệp khai khoáng đã hình thành và có triển vọng phát triển trong những năm tới. Đồng thời duy trì phát triển các ngành nghề truyền thống để phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.

Cơ sở hạ tầng được xây dựng khá, cùng với đầu tư của nhà nước, tỉnh đã phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân, đưa tới phong trào toàn dân tham gia làm đường giao thông, thủy lợi, điện, trường học, bệnh viện, công sở... Đến nay 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm ; 10/10 huyện, thị có điện lưới quốc gia ; 87/191 xã, phường, thị trấn có điện. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh - truyền hình đạt trên 70%. Các bệnh viện trong tỉnh đều được nâng cấp hoặc xây mới. Các thôn bản đều có lớp học, 50% số trường học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Mạng lưới bưu chính - viễn thông phát triển nhanh, được hiện đại hóa một bước, tất cả các huyện, thị được trang bị tổng đài điện tử và liên lạc qua cáp quang vi ba số ; các trung tâm cụm xã, các xã biên giới đều có điện thoại bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt.

Mặc dù xây dựng cơ sở hạ tầng còn nhiều bất cập, song so với trước đây cơ sở vật chất ở các thị xã, thị trấn và nông thôn đã có bước phát triển nhanh chóng, ngày càng khang trang, xanh, sạch, đẹp hơn ; quan hệ sản xuất phát triển tốt, các thành phần kinh tế phát triển năng động và có hiệu quả.

Văn hóa - xã hội có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 - 14 tuổi đi học sau 10 năm tăng gấp 2 lần. Năm 1999 đã hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba. 100% xã, phường, thị trấn đều có cơ sở y tế, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, các chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi... được triển khai tích cực. Các chính sách xã hội trong những năm qua luôn được đảng bộ quan tâm lãnh đạo thực hiện đạt kết quả tốt, tập trung chăm lo cho con người về ăn, ở, uống, đi lại, học hành ; quan tâm đời sống cán bộ nghỉ hưu, giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ xã, trưởng thôn, bản, bí thư chi bộ... Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện, xóa đói giảm nghèo, phong trào "xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa" ; "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"... được triển khai tích cực có hiệu quả. Công tác văn hóa - thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình, hoạt động sáng tác văn học - nghệ thuật, phong trào thể dục - thể thao phát triển, góp phần xây dựng con người Hà Giang khỏe mạnh, tiến bộ, văn minh.

Bằng những cơ chế chính sách thông thoáng, sáng tạo cùng các phong trào thi đua trong lao động sản xuất đã khơi dậy niềm tin tưởng, phấn khởi trong toàn tỉnh, tạo động lực quan trọng thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Đảng bộ Hà Giang không chỉ lãnh đạo tốt việc phát triển kinh tế - xã hội, mà còn chăm lo xây dựng hệ thống chính trị, coi công tác xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt trên cả 3 mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Năm năm qua, công tác xây dựng đảng ở Hà Giang đã làm được nhiều việc, đạt kết quả khá. Đó là thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, triển khai học tập Nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy để giữ vững lập trường quan điểm và niềm tin quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Coi trọng công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên, từng bước kiện toàn và sắp xếp phù hợp với từng loại hình hoạt động, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 6, khóa VIII. Đến nay, toàn đảng bộ có 22 403 đảng viên sinh hoạt tại 632 tổ chức cơ sở đảng (tăng 117 tổ chức cơ sở so với năm 1995), đã nâng 83 chi bộ lên đảng bộ cơ sở. Tổ chức cơ sở đảng được kiện toàn, củng cố nên

Digitized by Google

đã phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo cả hệ thống chính trị. Công tác quản lý đảng viên, kết nạp đảng viên được chú trọng hơn, đã kết nạp trên 5 000 đảng viên mới, do đó các thôn bản trong toàn tỉnh đều có đảng viên, chất lượng đảng viên mới được nâng lên một bước.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ có nhiều tiến bộ và chuyển biến rõ rệt. Vấn đề đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ được Tỉnh ủy quan tâm đúng mức, đã cử hàng nghìn cán bộ của tỉnh, của huyện theo học các trường tập trung và tại chức ở trung ương, ở tỉnh ; hàng trăm cán bộ xã đi học tại trường huyện. Hiện nay đã có trên 500 cán bộ tốt nghiệp đại học, trên 400 cán bộ tốt nghiệp cao cấp, cử nhân chính trị, 823 cán bộ đảng viên tốt nghiệp trung học chính trị và 25 198 học viên được bồi dưỡng lý luận chính trị phổ thông... Điều đó có ý nghĩa hết sức quan trọng để Hà Giang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ thực hiện tốt, đã luân chuyển một bước cán bộ từ tỉnh xuống huyện, từ huyện lên tỉnh và một số sở, ban, ngành cấp tỉnh ; đề bạt nhiều cán bộ có trình độ học vấn, tuổi trẻ, có năng lực và cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài. Những năm qua đã bổ sung đề bạt trên 100 đồng chí thuộc diện cán bộ Tỉnh ủy quản lý. Trưng tập, điều động 151 cán bộ của tỉnh, huyện đi tăng cường ở những xã đặc biệt khó khăn, nhiều đồng chí tham gia cấp ủy và giữ cương vị chủ chốt như : bí thư, phó bí thư đảng bộ, phó chủ tịch xã... Cán bộ tăng cường đang phát huy có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực trên các mặt kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân ở xã, góp phần quyết định sự thành công thực hiện các nghị quyết của Đảng. Những kết quả đó tuy mới là bước đầu nhưng có ý nghĩa rất lớn tạo tiền đề cho công tác xây dựng đảng trong những năm tới của Hà Giang.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Hà Giang còn nhiều tồn tại và hạn chế. Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về đất đai, tài nguyên, lao động, tiền vốn còn lớn nhưng chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả để đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế có những bước tăng trưởng, nhưng chưa ổn định vững chắc. Tỷ lệ đói nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng còn thấp kém. Một bộ phận cán bộ và nhân dân còn biểu hiện tư tưởng bảo thủ, trông chờ, ỷ lại, tinh thần trách nhiệm chưa cao, công tác quản lý điều hành còn hạn chế.

Qua thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua, bước đầu có thể rút ra một số bài học sau :

Một là, phải quán triệt, vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để xây dựng cơ chế chính sách của tỉnh sát cơ sở, hợp lòng dân, chăm lo lợi ích cho con người, mọi thành phần kinh tế, tổ chức xã hội tạo niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân toàn tỉnh. Đây là bài học quan trọng và là động lực tích cực trực tiếp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Hai là, do điều kiện tỉnh Hà Giang còn nhiều khó khăn, đi lên từ điểm xuất phát thấp, do đó trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện phải coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt ; xác định vùng động lực, ngành nghề kinh tế hàng hóa mũi nhọn để tập trung đầu tư phát triển mạnh, đồng thời chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng... để xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân với tinh thần năng động, sáng tạo, mạnh dạn, quyết đoán và trách nhiệm cao.

Ba là, thường xuyên bám sát cơ sở, dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", chú trọng khai thác nội lực và sức mạnh của nhân dân.

Bốn là, thực hiện tốt công tác cán bộ và chính sách đối với cán bộ, đồng thời chú trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo

Digitized by Google

nhân tài để có nguồn cán bộ "vừa hồng, vừa chuyên", coi đây là nhân tố quyết định sự thành công trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Năm là, phải chăm lo xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị về mọi mặt, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, phát huy những thành tựu đã đạt được, với tinh thần cách mạng tiến công bước vào thế kỷ XXI, trong 5 năm (2001 – 2005) đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu sau :

1– *Đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội,* đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vững chắc với mức tăng trưởng bình quân hằng năm là 11%. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông – lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ để đến năm 2005 đạt cơ cấu kinh tế : nông – lâm nghiệp chiếm 41%, công nghiệp – xây dựng chiếm 29%, thương mại – dịch vụ chiếm 30%. Tạo bước chuyển biến về sản xuất hàng hóa cả số lượng, chất lượng và hiệu quả.

Là tỉnh nông – lâm nghiệp, phải đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, chú trọng áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất. Đầu tư xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, phát triển mạnh ngành nghề và cơ sở hạ tầng ở nông thôn.

Mục tiêu hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp là bảo đảm ổn định và an toàn lương thực. Đẩy mạnh sản xuất lương thực bằng thâm canh, tăng vụ, đưa giống mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất. Phấn đấu mỗi năm tăng thêm 6 000 tấn trở lên để đến năm 2005 đạt sản lượng thóc và ngô là 23 vạn tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 330kg.

Tiếp tục phát triển mạnh cây công nghiệp, coi cây chè là cây hàng hóa mũi nhọn, trồng mới 6 000 ha chè để đạt tổng diện tích là 1,6 vạn ha, tích cực thâm canh để đạt sản lượng 4 vạn tấn búp tươi. Tích cực chăm sóc diện tích cây cà phê hiện có để đạt hiệu quả kinh tế cao, đồng thời trồng mới ở nơi có điều kiện. Trồng 500 ha cây sở vừa để phủ xanh đất trống đồi trọc, vừa có thêm khối lượng sản phẩm lớn để phát triển công nghiệp chế biến. Hằng năm trồng 3 000 ha lạc, 7 000 ha đậu tương. Phát triển cây dược liệu, cây lanh và cây thuốc lá ở vùng cao.

Phát triển mạnh cây ăn quả phù hợp với từng vùng sinh thái, áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, khối lượng hàng hóa lớn phù hợp với thị hiếu tiêu dùng trên thị trường trong và ngoài nước. Phấn đấu trồng mới 1 vạn ha cây ăn quả để đạt tổng diện tích 1,6 vạn ha, trong đó 5 000 ha cam, quýt, 500 ha xoài, 500 ha lê, táo, 500 ha hồng không hạt, 2 000 ha nhãn, vải...

Phát triển chăn nuôi gia súc và gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa, nhất là gia súc lớn đạt 30 vạn con, trong đó 20 vạn con trâu, bò. Phát triển nuôi ong mật đạt 1,5 vạn tổ. Đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm 25% trong nông – lâm nghiệp.

Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhất là các cơ sở chế biến hàng nông – lâm sản và hàng xuất khẩu. Tập trung phát triển công nghiệp khai thác mỏ, phấn đấu mỗi năm đạt 2 vạn tấn quặng các loại, tinh chế sản phẩm ăng ti mon đạt 1 000 tấn trở lên. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống trong nhân dân để tạo việc làm và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

2 – *Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng,* tiếp tục thực hiện chủ trương "đại công trường xây dựng" với phương châm nhà nước và nhân dân

Digitized by Google

cùng làm. Tăng cường các hoạt động về thương mại - du lịch và dịch vụ, đa dạng hóa các loại hình du lịch sinh thái. Khai thác và phát huy mạnh mẽ nội lực của địa phương, phấn đấu đến năm 2005, tỷ lệ đầu tư phát triển đạt trên 30% GDP. Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, khai thác lợi thế kinh tế cửa khẩu, đặc biệt là thị trường tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Tiếp tục thực hiện xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển đa dạng các hình thức sở hữu kinh tế, mở rộng các hình thức liên doanh, cổ phần, liên kết giữa các thành phần kinh tế. Khuyến khích các thành phần kinh tế, mọi gia đình đầu tư cho phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng.

3 - Tiếp tục đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, ngăn chặn tái mù chữ, tiến hành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phấn đấu đến năm 2005 có 50% số xã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Hằng năm huy động trẻ từ 6 - 14 tuổi đi học đạt 95% trở lên. Tăng cường phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin, y tế, thể dục - thể thao, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống nhân dân. Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người đạt 3,2 triệu đồng một năm, căn bản không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 10%, tỷ lệ khá và giàu tăng gấp đôi hiện nay.

4 - Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vừa phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ quốc phòng - an ninh. Bảo đảm an ninh biên giới và nội địa trên địa bàn toàn tỉnh, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5 - Xây dựng hệ thống chính trị ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại, bảo thủ và các biểu hiện tiêu cực khác. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính đối với các cơ quan chính quyền, tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Hà Giang xác định xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp, các ngành, của mọi người dân, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng, trong đó bản thân người đói nghèo tự mình vươn lên là chính. Trước mắt tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc như : tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách trợ giá, trợ giống cây con, hỗ trợ lãi suất cho vay vốn ưu đãi... để đồng bào có điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất, hỗ trợ chất lợp nhà ở và giải quyết nước sinh hoạt cho đồng bào vùng cao ; hỗ trợ kéo điện đến nhà ở cho 1 vạn hộ nghèo ; quy hoạch lại dân cư để thuận lợi cho phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Phấn đấu đến năm 2005 toàn tỉnh có 70% số thôn bản ở vùng thấp, 30% số thôn bản ở vùng cao có đường ô tô, hoàn thành đường dân sinh tới các thôn bản, 70% số hộ trong toàn tỉnh được sử dụng điện, 35% số hộ được xem truyền hình, 70% số hộ được nghe đài, 70% số hộ ở nông thôn có nhà bán kiên cố trở lên, 70% số hộ ở thị xã, thị trấn có nhà xây,...

Năm năm tới là một chặng đường có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Mục tiêu phấn đấu của tỉnh rất cao, nhiệm vụ rất nặng nề đòi hỏi nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, đồng tâm hiệp lực vượt qua khó khăn thử thách, quyết tâm giành thắng lợi đưa tỉnh Hà Giang tiến kịp với các tỉnh bạn trong khu vực, để đồng bào các dân tộc trong tỉnh bớt đói nghèo, có cuộc sống ấm no và hạnh phúc hơn, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

BA "ĐỪNG"

NHÂN ĐĂNG

Sau Đại hội Đảng, thủ trưởng về thăm cơ quan cũ. Ông được anh chị em yêu mến và nể trọng. Thủ trưởng mới vốn là trợ lý trước đây của ông. Anh nói :

- Nhận nhiệm vụ này, em lo lắm. Xin Anh giúp em một vài lời khuyên.

Thủ trưởng mỉm cười :

- Chẳng có lời khuyên nào ngoài việc mong cậu hãy làm những gì mình cho là phải, và người khác cũng thấy là phải. Đừng làm những gì trái với lương tâm và đạo lý.

Thủ trưởng mới :

- Em vẫn nhớ ba cái "đừng" anh dặn hơn mười năm trước. *Một là*, đừng làm những việc hữu danh vô thực. *Hai là*, đừng nhận những chức vụ mà mình biết chắc mười mươi là không đủ sức làm nổi. *Ba là*, đừng vì cái ghế mà ngăn cản bước tiến của lớp trẻ.

Thủ trưởng bỗng cười to. Ông chợt nhớ là ông có nói như vậy. Và cũng thấy vui về cái "ba đừng" ngô ngộ đó. Ông tiếp : Thật ra mình cũng chỉ diễn đạt một ý của thủ trưởng tiền nhiệm. Thủ trưởng ấy nói : Có ba cách làm cho cán bộ hư hỏng nhanh nhất. *Một là*, nuông chiều đáp ứng mọi đòi hỏi từ tham vọng cá nhân của cán bộ. *Hai là*, giao cho người tin cậy quá nhiều việc mà dẫu có "ba đầu sáu tay" họ cũng không tài nào kham nổi. *Ba là*, tạo cho người được giao việc cái ý nghĩ cho rằng chỉ có anh ta mới đủ tài cáng đáng, ngoài ra không ai hơn được, dẫu đó là lớp trẻ "hậu sinh khả úy".

Thủ trưởng mới :

- Chả thế mà làm thủ trưởng ở cơ quan nào anh cũng chăm lo xây dựng người kế nhiệm ở lớp trẻ.

Thủ trưởng :

- Xây dựng người kế nhiệm là trách nhiệm, nghĩa vụ, cũng là đạo đức của người thủ trưởng. Nhưng thủ trưởng không thể tự mình tạo ra thủ trưởng được. Đó là công việc của tập thể, trong đó sự tự phấn đấu, tự rèn luyện của đối tượng có ý nghĩa rất quyết định. Thủ trưởng có vai trò ở chỗ phát hiện và bồi dưỡng được nhân tố và con người nổi trội nhất trong những nhân tố và con người nổi trội ở cơ quan, đơn vị...

Thủ trưởng mới :

- Dẫu sao lớp trước vẫn cứ cao hơn lớp sau một cái đầu. Chúng em rất cần những lời khuyên.

Thủ trưởng mới :

- Không hẳn như vậy. Có nhiều cách làm cho con người cao lên. Phát huy năng lực nội sinh để cao lên là thượng sách. Tước bỏ điều kiện phát triển của người khác để người ta bị thấp kém đi là hạ sách. Còn đè đầu người ta xuống để mình cao lên là phương sách hạng bét. Tranh thủ lời khuyên của những người tiền nhiệm là cần thiết. Nhưng đừng coi lớp người sau nhất định phải thua kém lớp người trước, không dám nghĩ và không dám làm những gì mà lớp người trước chưa nghĩ ra hoặc chưa làm được, sợ làm hơn trước sẽ là mạo phạm. Cũng đừng làm điều ngược lại, cho mình là tài giỏi nhất, bởi mình làm được những việc mà các vị tiền nhiệm không làm nổi, không thấy rằng những điều kiện khách quan và chủ quan đã có sự thay đổi tốt, do được chuẩn bị sẵn hoặc do mới nảy sinh. Lại cũng đừng nghĩ rằng lớp trẻ bây giờ rồi sẽ chẳng ai bằng mình, thậm chí sợ lớp trẻ sẽ hơn mình, không thấy "con hơn cha là nhà có phúc".

Thủ trưởng mới tâm đắc :

- Thế là thêm mấy cái "đừng" nữa. Đừng làm những việc không nên làm cũng có nghĩa là nên làm những việc không thể đừng. Đó chính là lời khuyên. Kế thừa nhưng phải phát triển. ❑

Digitized by Google

CÁC NƯỚC CHÂU PHI - TRUNG ĐÔNG TRONG QUAN HỆ VỚI VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

NGUYỄN VĂN DU *

NHIỀU thập niên qua, quan hệ giữa Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông đã in đậm những dấu son tươi thắm về tình hữu nghị tốt đẹp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hợp tác quân sự v.v... Vị trí và uy tín của Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhất là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã để lại những dấu ấn tốt đẹp trong lòng nhân dân các nước châu Phi - Trung Đông.

Cho đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 45 nước và mở 15 sứ quán thường trú ở khu vực châu Phi - Trung Đông. Các mối quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực không ngừng được củng cố và phát triển.

Nhưng sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu đã tác động mạnh mẽ và làm thay đổi sâu sắc tình hình chính trị - xã hội nhiều nước châu phi - Trung Đông. Các nước theo mô hình CNXH do không còn nhận được sự giúp đỡ, viện trợ từ Liên Xô nên đã rơi vào khủng hoảng và tan rã về mặt nhà nước, trượt sang quỹ đạo TBCN hoặc bị các nước lớn bao vây, gây sức ép, lệ thuộc vào CNTB. Các phe phái, lực lượng chính trị nổi lên tranh giành quyền lực đã xô đẩy nhiều nước lún sâu vào các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu. Tình hình phức tạp này làm cho các mối quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với Việt Nam nói riêng của nhiều nước châu Phi - Trung Đông bị giảm sút, thậm chí còn bị đứt đoạn.

Khi đó, Việt Nam chỉ còn duy trì bốn sứ quán ở châu Phi (Ai Cập, Li-bi, An-giê-ri và Ăng-gô-la) và hai ở khu vực Trung Đông (I-rắc và I-ran).

Trước những biến động và khủng hoảng ở châu Phi - Trung Đông, cộng đồng quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng luôn luôn lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ nhân dân các nước châu Phi - Trung Đông trong việc sớm tìm các giải pháp hòa bình nhằm chấm dứt các cuộc xung đột, thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc đưa khu vực đến con đường ổn định và phát triển.

Ở Trung Đông, cuộc xung đột giữa I-xra-en và Pa-le-xtin kéo dài nhiều thập niên đã bắt đầu có những dấu hiệu lạc quan, nhiều hiệp định hòa bình được ký kết mở đường cho việc hòa giải giữa hai dân tộc, đổi đất lấy hòa bình.

Ở châu Phi, sau nhiều năm chìm ngập trong khủng hoảng và xung đột, từ giữa thập niên 90, các bên tham chiến, các đảng phái ở nhiều nước đã ý thức được những hậu quả do chiến tranh đưa lại và cùng nhau đàm phán tìm giải pháp hòa giải dân tộc vì hòa bình và phát triển đất nước. Những chuyển biến tích cực trên lĩnh vực chính trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế, xã hội phát triển. Hợp tác nội bộ, liên kết khu vực ngày càng được tăng cường và mở rộng. Đến cuối thập niên 90 ở châu Phi đã có hơn 100 tổ chức hợp tác - liên kết về chính trị, kinh tế - thương mại, văn hóa v.v... điển hình như "Cộng đồng phát triển miền Nam châu Phi" (SADC), "Cộng đồng kinh tế Tây Phi"(ECOWAC), "Liên minh Maghrep" (UMA), "Hiệp hội các nước xuất khẩu dầu lửa" (APPA) v.v... Các tổ chức này hoạt động rất có hiệu quả.

Trong nhiều thập niên qua, đặc biệt từ sau "chiến tranh lạnh", "Tổ chức thống nhất châu Phi" (OAU) đã đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo hòa bình, đưa lại ổn định để khôi phục và phát triển kinh tế, giải quyết tình trạng đói nghèo và lạc hậu trên lục địa đen. Tại các kỳ hội nghị cấp cao giữa các nước ở khu vực, vấn đề hòa bình, ổn định và phát triển luôn là chủ đề chính trong chương trình nghị sự. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, liên kết khu vực và hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, 53 quốc gia thành viên của OAU

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhận thức được rằng muốn nâng cao vai trò, vị thế của mình trên thế giới, thì các nước phải cùng nhau đẩy mạnh các hoạt động liên kết, hợp tác trong khu vực. Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, Hội nghị thượng đỉnh bất thường của 46 nước trong tổng số 53 nước OAU tại Tri-po-li thủ đô của Li-bi (9-1999) đã kêu gọi phấn đấu cho một châu Phi đoàn kết thống nhất và quyết tâm thành lập "Liên minh châu Phi" (AU). Chủ trương này đáp ứng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc Phi muốn đoàn kết, hợp tác tạo nên sức mạnh đảm bảo sự ổn định và phát triển trên toàn châu lục khi bước sang thế kỷ XXI. Sau hai năm vận động với nỗ lực lớn lao của đa số nước, Hội nghị cấp cao lần thứ 37 của OAU (7-2001) ở Lu-sa-ca (Dăm-bi-a) đã quyết định chính thức thành lập "Liên minh châu Phi" (AU) để thay thế OAU và AU sẽ hoạt động theo mô hình của EU. Sự ra đời của AU sẽ dẫn đến việc thành lập các cơ quan như Nghị viện, Tòa án, Ngân hàng trung ương, Quỹ tiền tệ châu Phi và đặc biệt là Quốc hội chung châu Phi v.v... Hội nghị cấp cao đầu tiên của AU sẽ tiến hành vào năm 2002 tại Nam Phi. Hội nghị cao cấp của OAU còn đề cập nhiều vấn đề nóng bỏng khác, trong đó có "Chương trình chấn hưng châu Phi trong thế kỷ mới". "Kế hoạch Omega"... nhằm đưa lại hòa bình, ổn định, dân chủ và phát triển trên lục địa, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Để AU trở thành hiện thực và vận hành có hiệu quả là một vấn đề còn khó khăn, nan giải và dài lâu, nhưng đây sẽ là một bước ngoặt mới tạo tiền đề để đưa châu Phi từng bước thoát khỏi đói nghèo, bệnh tật, xung đột. Những dấu hiệu tích cực trên đây đang tạo đà quan trọng để các nước châu Phi mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, đặc biệt với các nước đang phát triển và các đối tác truyền thống.

Có thể nói rằng từ giữa thập niên 90 đến nay, quan hệ Việt Nam và các nước châu Phi - Trung Đông đã bước vào thời kỳ mới với những bước đi tích cực và có nhiều triển vọng tốt đẹp trên các lĩnh vực từ quan hệ nhà nước đến quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các đảng cộng sản, công nhân và phong trào cách mạng tiến bộ ở khu vực. Tuy chưa phát huy đến đỉnh cao của tiềm năng vốn có và hiệu quả chưa bằng quan hệ giữa Việt Nam với các nước khu vực Đông - Nam Á và Đông Á, nhưng nếu so với nửa đầu thập niên 90 thì đó thực sự là một bước phát triển mới lạc quan,đạt được trong khi tình hình còn nhiều khó khăn và rào cản lớn.

Quan hệ của Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông, vừa dựa trên cơ sở lợi ích quốc gia dân tộc, vừa là quan hệ đặc biệt trên tinh thần nghĩa vụ quốc tế cao cả. Đây là hai mặt - hai nội dung của một mối quan hệ gắn bó được xây đắp suốt chiều dài lịch sử và đã được khẳng định bởi các nhân tố sau :

- Quan hệ này được xác lập trên cơ sở có chung mục tiêu đấu tranh cách mạng chống CNĐQ, thực dân giành độc lập dân tộc. Trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, Việt Nam và các nước châu Phi - Trung Đông tuy ở cách xa nhau về mặt địa lý, nhưng có chung hoàn cảnh và nhiều nét tương đồng. Đến nay đa số nước vẫn còn nghèo nàn và kém phát triển, tiến hành cải cách đổi mới, phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện còn thiếu vốn, kỹ thuật - công nghệ v.v. Trên thế giới vẫn còn tồn tại nhiều bất công, nghịch lý. Các thế lực nước lớn vẫn còn muốn nô dịch các dân tộc nhỏ yếu, hố ngăn cách giàu nghèo ngày càng lớn. Nhiều vấn đề mang tính toàn cầu nhức nhối chưa được giải quyết, đặc biệt ở các nước đang phát triển với những thách thức do quá trình toàn cầu hóa đưa lại. Chính các nước châu Phi - Trung Đông là đối tượng chịu nhiều thua thiệt và nhiều sức ép nhất. Do đó sự đoàn kết, hợp tác với nhau cùng đấu tranh trên các diễn đàn quốc tế cũng như hợp tác song phương để giải quyết các vấn đề trên là cần thiết và bức xúc vì sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc.

- Ngày nay trong quan hệ giữa các nước với nhau vấn đề lợi ích dân tộc luôn được đặt lên hàng đầu và chi phối nhiều mối quan hệ khác. Sự song trùng về lợi ích, nét tương đồng về đặc điểm lịch sử, trình độ phát triển giữa Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông đã thúc đẩy hai bên tăng cường hợp tác với nhau trên nhiều lĩnh vực vì lợi ích của mỗi nước.

- Từ trước tới nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đánh giá cao và coi trọng mối quan hệ truyền thống bạn bè với các nước trong Phong trào độc lập dân tộc ở châu Phi - Trung Đông. Điều đó được khẳng định rất rõ trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tại Đại hội lần thứ IX của Đảng "Tiếp tục mở rộng quan hệ với bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ La-tinh, các nước trong Phong trào Không liên kết". Ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau là tư tưởng chỉ đạo quan trọng của Đảng trong quan hệ Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông.

Digitized by Google

- Trong nhiều năm qua, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu có sức thuyết phục đối với các nước đang phát triển trên thế giới. Nhiều nước bạn châu Phi - Trung Đông muốn học tập những bài học kinh nghiệm của Việt Nam về giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế đất nước. Đây là nhân tố thúc đẩy nhiều nước châu Phi - Trung Đông duy trì và tăng cường quan hệ hơn, nhất là trong mấy năm gần đây.

Nhìn lại một thập niên qua,quan hệ của Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông đã đạt được những bước tiến mới trên các lĩnh vực sau :

+ Quan hệ chính trị ngoại giao giữa Đảng và Nhà nước Việt Nam với các nhà nước, các đảng cộng sản, công nhân và phong trào cách mạng tiến bộ ở châu Phi - Trung Đông có nhiều bước phát triển tốt đẹp. Sau chiến tranh lạnh, mặc dù nhiều nước châu Phi - Trung Đông rơi vào khó khăn lớn về chính trị, kinh tế và xã hội,nhưng những chuyến viếng thăm lẫn nhau ở các cấp khác nhau vẫn diễn ra thường xuyên nhằm tăng cường hiểu biết, đoàn kết và hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nhiều hiệp định quan trọng được ký kết đã đặt nền móng cho các mối quan hệ trên các lĩnh vực phát triển trong nhiều năm qua. Từ năm 1992 đến nay Việt Nam đã tiếp tục thiết lập quan hệ ngoại giao với những nước châu Phi - Trung Đông còn lại như Ô-man, Ê-mi-rát, Ca-ta, Ê-ri-tơ-ri-a, I-xra-en, Bê-nanh, Nam Phi, Mô-ri-xơ, Kê-ni-a, Lê-xô-thô v.v... Về cơ bản Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước châu Phi - Trung Đông.

Việt Nam đã cử nhiều đoàn cấp cao sang thăm một loạt nước ở châu Phi - Trung Đông, như An-giê-ri, Ăng-gô-la, Li-bi, Mô-dăm-bích, Nam Phi, I-rắc, I-ran, Gioóc-đa-ni, Cô-oét v.v. Nhiều nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo cấp cao các nước châu Phi cũng đã sang thăm Việt Nam, như tổng thống các nước An-giê-ri, Ăng-gô-la, Công-gô, Ghi-nê, Ma-li, Mô-dăm-bích, Xu-đăng, Tô-gô, Ghi-bu-ti, I-ran... Nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi ở nhiều cấp đã diễn ra trong không khí đoàn kết tại các cuộc họp trên các diễn đàn quốc tế và đã đạt được nhiều thỏa thuận quan trọng. Những diễn biến này đã mở ra bước ngoặt mới trong quan hệ song phương và đa phương trên cơ sở hữu nghị, hợp tác truyền thống trên mọi lĩnh vực khi bước sang thế kỷ XXI.

Cùng với quan hệ về mặt nhà nước, quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với nhiều đảng cộng sản, công nhân và các phong trào cách mạng tiến bộ ở châu Phi - Trung Đông cũng được mở rộng theo phương châm đoàn kết trên tinh thần quốc tế vô sản, tiếp tục hợp tác đấu tranh trong bối cảnh quốc tế mới. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn luôn ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtin, cũng như các nỗ lực chung nhằm sớm đạt được một giải pháp công bằng và lâu dài cho khu vực Trung Đông. Hội nghị châu Á về Pa-le-xtin diễn ra tại Hà Nội từ ngày 1 đến 3-3-2000 và việc ra tuyên bố Hà Nội là một biểu hiện của tình đoàn kết hữu nghị trên tinh thần quốc tế cao cả của nhân dân Việt Nam với nhân dân Pa-le-xtin. Đảng Cộng sản Việt Nam còn có quan hệ tốt đẹp với Đảng BAT (đảng cầm quyền) ở I-rắc, Đảng BAT ở Xi-ri, Đảng Xã hội tiến bộ ở Li-băng (đảng cầm quyền), Đảng Cộng sản Li-băng, Đảng Thống nhất nhân dân Cộng hòa A-rập Y-ê-men, Đảng Cộng sản I-xra-en v.v

Ở châu Phi, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục giữ mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với nhiều đảng và Phong trào cách mạng tiến bộ như Đảng Đại hội dân tộc Phi (ANC), Đảng Cộng sản Nam Phi, Đảng MPLA ở Ăng-gô-la, Đảng Cộng sản và Đảng FLN ở An-giê-ri, Đảng Lao động Công-gô, Đảng Phre-li-mô ở Mô-dăm-bích v.v...

Tuy nhiên so với thời kỳ chiến tranh lạnh, quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các đảng cộng sản, công nhân ở châu Phi - Trung Đông có giảm sút về số lượng và mức độ quan hệ. Các mối quan hệ hiện nay chủ yếu là trao đổi đoàn, trao đổi thông tin, kinh nghiệm.

+ Quan hệ kinh tế - thương mại, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam với các nước châu Phi - Trung Đông đến nay đã có bước phát triển rõ rệt so với đầu thập niên 90. Việt Nam đã ký các hiệp định về hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, du lịch, lãnh sự v.v. với trên 20 nước khu vực châu Phi - Trung Đông. Nhiều ủy ban hỗn hợp liên chính phủ song phương được thành lập để tìm ra các lĩnh vực hợp tác có hiệu quả. Các nước Nam Phi giàu tài nguyên có khả năng lớn trong trao đổi thương mại với Việt Nam về nông nghiệp, hải sản, công nghiệp và hợp tác chuyên gia.

Hiện nay, An-giê-ri là một thị trường đầy tiềm năng và là đối tác truyền thống có nhiều mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam. Hai bên đã ký các hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại, văn hóa, thông tin, khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hợp tác khoa học - kỹ thuật, y tế, giáo dục, trao đổi chuyên gia... An-giê-ri đánh giá cao mô hình hợp tác

Digitized by Google

nông nghiệp ba bên Việt Nam và FAO làm việc tại Xê-nê-gan và Bê-nanh. Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - An-giê-ri đang xúc tiến đẩy mạnh quan hệ thông qua trao đổi hàng hóa theo cơ chế phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp hai nước, khuyến khích liên doanh và đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may, xây dựng, nông nghiệp, dược phẩm.

Việt Nam còn ký các Hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực với một loạt nước khác như Ai-cập, Tuy-ni-di, Li-bi, Xu-đăng, Ăng-gô-la, Ghi-nê, Ghi-nê Bit-xao, Ma-li, Xê-nê-gan, Tô-gô, Dim-ba-buê... Trong mấy năm gần đây, số lượng và chủng loại hàng hóa của Việt Nam xuất sang thị trường châu Phi rất phong phú. Bước đầu quan hệ thương mại có nhiều hứa hẹn tốt đẹp. Việt Nam trực tiếp bán gạo sang thị trường một số nước như Mô-ri-xơ, Ghi-nê-Bit-xao, Xê-nê-gan... Hằng năm Việt Nam giao gạo, cà phê, chè và đồ dùng học sinh cho An-giê-ri theo phương thức trả nợ. Hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam đã thỏa thuận được một số hợp đồng cung cấp gạo cho một số nước khác và đạt được thỏa thuận về hợp tác chuyên gia trong lĩnh vực canh nông với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã và sẽ tiếp tục cử nhiều chuyên gia, lực lượng lao động sang làm việc tại các nước châu Phi như Ăng-gô-la, Li-bi, An-giê-ri, Công-gô, Bê-nanh, Xê-nê-gan...

Quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và các nước Trung Đông vẫn được tiếp tục duy trì và phát triển. Hai bên đang có nhiều cố gắng để hợp tác với nhau có hiệu quả hơn trong một số lĩnh vực, đồng thời thỏa thuận giải quyết các vấn đề nợ còn tồn đọng. Hằng năm nhiều sản phẩm hàng hóa của Việt Nam đưa sang Trung Đông (chủ yếu là I-ran, I-rắc, Cô-oét) theo phương thức xuất hàng trả nợ. Hiện Việt Nam đang tích cực mở rộng các mặt hàng xuất khẩu sang Trung Đông như gạo, chè, cà phê, hải sản, đồ dùng học sinh, quần áo may sẵn. Ngoài ra hàng điện tử được lắp ráp tại Việt Nam cũng đã bắt đầu được xuất sang thị trường Trung Đông.

Trên lĩnh vực đầu tư, các nước châu Phi - Trung Đông đang tích cực thăm dò và vượt qua các trở ngại để đầu tư vào Việt Nam, tuy nhiên đến nay số lượng đầu tư chưa nhiều. Đã có một số nước giúp Việt Nam vay vốn đầu tư phát triển kinh tế như An-giê-ri, I-rắc, Li-bi, Cô-oét v.v...

Nhìn chung châu Phi - Trung Đông là địa bàn có nhiều tiềm năng lớn về kinh tế, thị trường lao động và hàng hóa mà Việt Nam có khả năng đáp ứng. Tuy vậy, quan hệ giữa hai bên thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Các cơ quan đại diện ngoại giao vẫn còn ít, nặng về quan hệ chính trị. Cả hai bên về cơ bản vẫn còn nghèo, thiếu vốn, thiếu cơ sở vật chất kỹ thuật. Hơn nữa nhiều nước vẫn chưa hiểu rõ về Việt Nam và đôi bên chưa biết nhiều về cách làm ăn của nhau. Bởi vậy, việc đầu tư sang nhau còn là vấn đề khó khăn.

Để thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng ta thời gian tới trong quan hệ với các nước châu Phi - Trung Đông chúng ta cần tập trung vào một số nhiệm vụ cơ bản sau :

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với nhiều nước, gắn ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, vừa tăng cường quan hệ chính trị vừa thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại lên tầm cao mới với các nước, các tổ chức khu vực nhằm không ngừng nâng cao uy tín Việt Nam đối với các nước bạn châu Phi - Trung Đông trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

- Tăng cường các mối quan hệ bằng các chuyến viếng thăm hai bên từ cấp nhà nước, chính phủ, đến các bộ, ngành cũng như các đoàn doanh nghiệp, kinh tế - thương mại, văn hóa, các đoàn thể quần chúng nhằm khai thác tốt nhất lợi thế của hai bên để hợp tác có hiệu quả, nhất là hợp tác với những nước có tiềm năng và triển vọng phát triển, có vai trò lớn trong khu vực và khả năng hợp tác với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Thúc đẩy hơn nữa việc hợp tác lao động, hợp tác chuyên gia trên những lĩnh vực được các nước bạn châu Phi - Trung Đông tin cậy như y tế, giáo dục, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi v.v...

- Củng cố quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân và phong trào cách mạng tiến bộ, đồng thời từng bước thiết lập quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các đảng cầm quyền ; tăng cường phối hợp, trao đổi ý kiến giữa ta với các nước bạn châu Phi - Trung Đông tại các diễn đàn quốc tế, tìm tiếng nói chung vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Việt Nam và các nước châu Phi - Trung Đông đang đứng trước nhiều vận hội và thách thức lớn. Một thập niên qua hai bên đã vượt qua nhiều biến cố thăng trầm, tiếp tục vun đắp cho quan hệ hữu nghị hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển. Trong tương lai quan hệ này chắc chắn sẽ được phát triển xứng đáng với tiềm năng và sự mong muốn của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước ở châu Phi - Trung Đông. ❑

Digitized by Google

TIẾP CẬN KINH TẾ TRI THỨC QUA KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC

NGUYỄN XUÂN TẾ *

Từ khoảng đầu những năm 80, nhất là cuối những năm 90 của thế kỷ XX, các phương tiện thông tin đại chúng nhiều nước thường nhắc đến *kinh tế tri thức*. Xung quanh vấn đề này đã có nhiều cuộc hội thảo quốc tế được tổ chức.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ : "Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức".

Kinh tế tri thức thực chất là như thế nào ? Nó có thực sự là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế thế giới hay không ? Đây là những vấn đề đã được nói tới trong nhiều tài liệu nghiên cứu, nhiều bài viết đăng tải trên các báo và các tạp chí. Trong bài này, chúng tôi muốn cung cấp thêm một số thông tin và một số khái niệm chung quanh chủ đề này.

- *Kinh tế tri thức* (knowledge economy hoặc knowledge based economy) là kinh tế dựa trên tri thức ; hoặc (knowledge driven economy) kinh tế được tri thức dẫn dắt. Kinh tế tri thức là một dạng hình kinh tế trong đó việc sáng tạo và khai thác tri thức sẽ là thành phần chủ đạo trong quá trình tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Cũng có thể định nghĩa một cách giản đơn hơn theo như Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra năm 1996 : *kinh tế tri thức là kinh tế trong đó tri thức đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội loài người.*

Trước đây, trong nền kinh tế nông nghiệp, vốn tri thức của con người được sử dụng trong đó còn quá ít ỏi, trình độ công nghệ thấp, tác động đến sản xuất gần như chưa đáng kể, chính vì thế, tuy kéo dài trong sáu, bảy nghìn năm, nhưng sự tiến triển của nền kinh tế nông nghiệp hết sức chậm chạp.

Nhưng vào cuối thế kỷ XVIII, cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất đã thúc đẩy sự chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. Từ đấy và trong hơn hai trăm năm qua, của cải vật chất, tinh thần của loài người đã tăng lên rất nhiều lần so với trước. Mọi người đều dễ dàng nhận thấy là khoa học và công nghệ đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Đến đầu thế kỷ XX, những thành tựu to lớn của khoa học, với vai trò dẫn đầu của thuyết tương đối và thuyết lượng tử, đã là tiền đề cho cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại ra đời, phát triển. Bắt đầu từ nửa sau và trong những năm 80, 90 của thế kỷ vừa qua thế giới đã bước sang giai đoạn mới - giai đoạn bùng nổ thông tin, tri thức, bùng nổ công nghệ mới... làm tăng nhanh nhịp độ tăng trưởng, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tạo sự nhảy vọt trong lực lượng sản xuất, làm cho lực lượng sản xuất bước sang giai đoạn mới về chất, trong đó,

* TS. Trường đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tri thức, thông tin trở thành yếu tố hàng đầu của sản xuất ; khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Bởi vậy đây thực sự là cách mạng trong tư duy, trong các cách tiếp cận, cách làm để thích nghi và làm chủ sự phát triển.

Quả vậy, chưa bao giờ vai trò động lực của tri thức, của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trở nên cấp thiết như ngày nay.

I. Từ thực tiễn các cách tiếp cận và tiến tới kinh tế tri thức của các nước.

Kinh tế tri thức trong thực tế đã tạo ra những biến đổi to lớn về mọi mặt hoạt động của con người và xã hội, đó là cơ sở hạ tầng mới của xã hội mới - xã hội thông tin. Sự biến đổi đó thể hiện trong mọi lĩnh vực, trong toàn bộ cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Ở ***Bắc Mỹ*** và một số nước ***Tây Âu***, kinh tế tri thức đã bắt đầu hình thành. Hiện nay, ở những nước này, kinh tế tri thức đã chiếm khoảng 45 - 60% GDP. Trong các nước OECD, kinh tế tri thức đã chiếm hơn 50% GDP ; công nhân trí thức chiếm trên 60% lực lượng lao động. Nhiều người ước tính vào khoảng năm 2030 các nước phát triển đều trở thành các nền kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức ở Phần Lan cũng mang lại những kết quả đáng kể. Về đặc điểm địa lý, ở quốc gia này, rừng và đầm lầy chiếm đại bộ phận diện tích. Năm mươi năm trước đây, nước này là một nước nông - lâm nghiệp, dân số nông nghiệp chiếm trên 70%. Hiện nay, đối tượng này chỉ còn 6%. Rừng trước đây giữ vai trò chủ yếu trong nền kinh tế, nay chỉ còn chiếm không đến 3% GDP. Từ nền kinh tế nông nghiệp, nước này đã phát triển nhanh kinh tế tri thức và hiện đang đứng đầu thế giới về tỷ lệ số người sử dụng Internet và điện thoại di động.

Các nước Đông Á và Đông - Nam Á cũng đang nỗ lực thực hiện chiến lược quốc gia, chuẩn bị đón nhận và vận dụng kinh tế tri thức. Trước hết, xin nói đến ***Nhật Bản***. Theo báo cáo của Cố vấn kinh tế Takashi Kiuchi thuộc Ngân hàng Shinsei ở Tokyo (Nhật Bản) tại hội thảo "Các xu hướng và vấn đề năm 2001 : tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức và những tác động xã hội - chính trị ở Đông Á", tổ chức tại Tokyo (ngày 25 và 26-10-2000), Thủ tướng Mori đã nhanh chóng lựa chọn công nghệ thông tin là một tâm điểm quan trọng duy nhất, là sáng kiến trong chính sách của mình khi cuộc tổng tuyển cử kết thúc vào tháng 7. Điều này làm cho nhiều nhà quan sát ngạc nhiên bởi vì từ lâu, ông Mori đã được biết đến như một nhà hoạch định chính sách giáo dục có kinh nghiệm, nhưng lại thiếu kiến thức sâu rộng về công nghệ thông tin. Tuy nhiên, ngay từ đầu tháng 7, ông đã nhanh chóng ban hành một loạt biện pháp chứng minh cho sáng kiến của mình như chỉ định Hidenao Nakagawa, Tổng thư ký nội các mới làm Bộ trưởng phụ trách chính sách công nghệ thông tin, lập ra Ban Chiến lược công nghệ thông tin trực thuộc Văn phòng Thủ tướng và ông đích thân làm Trưởng ban. Thủ tướng Chính phủ còn thành lập Hội đồng Chiến lược công nghệ thông tin dưới sự bảo trợ của Ban Chiến lược và mời các nhà lãnh đạo kinh doanh và các nhà khoa học chủ chốt tham gia Hội đồng nhằm bàn bạc kỹ lưỡng về các phương pháp tạo ra xã hội công nghệ thông tin phù hợp nhất với đất nước. Ông Nôbuyuki Idei, Chủ tịch Công ty Sony đã được mời làm Chủ tịch Hội đồng. Đồng thời, Thủ tướng còn chớp mọi cơ hội nhằm đẩy mạnh chiến dịch công nghệ thông tin của mình. Một thí dụ rõ rệt là trong chuyến thăm Ấn Độ, ông đã đi thặm Ben-gan, "thủ đô công nghệ thông tin" của Ấn Độ và bàn bạc về khả năng hợp tác với Chính phủ Ấn Độ trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin.

Ở *Trung Quốc*, mấy năm trước đây chung quanh vấn đề nền kinh tế tri thức có phải là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế thế giới hay không đã được giới khoa học Trung Quốc tranh luận sôi nổi. Hai năm gần đây, một số người đã cho rằng kinh tế tri thức không chỉ là một nhận thức mà còn là một thực tế trong đời sống kinh tế của các nước tiên tiến cũng như ở Trung Quốc. Theo nhà nghiên cứu Tian Zhong Qing thì trong vòng 10 đến 20 năm đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc có nhiều điều kiện

Digitized by Google

thuận lợi để phát triển mạnh mẽ kinh tế tri thức vì những lý do sau :

- Chính phủ trung ương đã ban hành chiến lược "thúc đẩy nền kinh tế dựa trên khoa học và giáo dục".

- Một cơ sở khá tầm cỡ nghiên cứu về khoa học cơ bản và công nghệ với một hệ thống làm việc có sự tính toán kỹ lưỡng đến nhu cầu hiện tại và sự phát triển trong tương lai đã được thiết lập.

- Việc cải cách hệ thống quản lý trong nghiên cứu khoa học và công nghệ đã đạt được nhiều tiến bộ.

- Cơ chế đổi mới đang được hình thành và đẩy nhanh với mục tiêu làm cho sức mạnh của đổi mới đạt đến trình độ của các quốc gia tiên tiến mức trung bình vào năm 2010.

- Sự phát triển nhanh của các ngành công nghệ cao, (thí dụ các ngành điện tử và thông tin) đã nằm trong 10 ngành công nghiệp chủ yếu của Trung Quốc.

- Đã hình thành 53 công viên công nghệ cao cấp nhà nước. Đến nay, các cơ sở này thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút công nghệ, xây dựng cơ chế đổi mới.

- Các doanh nghiệp tư nhân đang dần lớn mạnh.

Hàn Quốc hiện nay đang đứng ở hàng thứ 30 trên thế giới về sức cạnh tranh khoa học - công nghệ. Quốc gia này đã xác định, chỉ có phát triển công nghệ thông tin mới đứng vững trong xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ và đặt mục tiêu năm 2010 sẽ cố gắng vươn lên đứng hàng thứ 12. Ngoài ra, còn có kế hoạch tăng khoảng 18% vốn đầu tư cho các dự án phát triển công nghệ cao. Một thí dụ thành công điển hình trong việc hướng tới kinh tế tri thức là *Ấn Độ*. Vùng Ben-gan trước kia là nơi rất lạc hậu, nhờ Chính phủ tập trung đầu tư, phát triển, Ben-gan ngày nay trở thành một trong những trung tâm sản xuất và xuất khẩu phần mềm lớn nhất châu Á với hơn 250 công ty trong và ngoài nước. Ấn Độ dự kiến doanh thu từ xuất khẩu phần mềm đạt hơn 5 tỉ USD năm 2000 và đến năm 2008 sẽ là 50 tỉ USD.

Hiện nay, không chỉ các nước phát triển mà nhiều nước đang phát triển và kém phát triển cũng tích cực vạch chiến lược, tranh thủ tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức. Một số nước như *Ma-lai-xi-a, Thái Lan*... ráo riết chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho phát triển kinh tế tri thức, trong đó công nghệ thông tin được ưu tiên hàng đầu.

II. Để phát triển kinh tế tri thức

Một trong những yêu cầu quan trọng nhất để phát triển kinh tế tri thức là *lao động phải qua đào tạo ở trình độ cao.* Nguồn lao động ấy hiện nay đang ở trong các trường học. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế tri thức, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng thu hút sự quan tâm của xã hội.

Về vấn đề này, Giáo sư Phạm Minh Hạc trong bài : "Kinh tế tri thức và giáo dục - đào tạo, phát triển con người" đã nêu rõ : nền kinh tế tri thức đòi hỏi phải có một cách nhìn mới đối với giáo dục và có đề xuất một số biện pháp chiến lược nhằm chấn hưng và phát triển giáo dục đào tạo phục vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa (1). Ở đây chúng tôi nhấn mạnh thêm phương hướng để phát triển giáo dục, đó là *dục giáo suốt đời* phổ cập công nghệ trên cơ sở giáo dục nhân cách theo tinh thần giáo dục nhân văn, nhân bản. Quan điểm giáo dục suốt đời do UNESCO đề ra từ năm 1972 ngày càng trở thành một quan điểm chủ đạo của nền giáo dục cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, đặc biệt khi nền giáo dục hướng vào phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế tri thức. Tư tưởng đó đã được Ủy ban giáo dục đi vào thế kỷ XXI của UNESCO một lần nữa khẳng định là tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục đào tạo trong thời đại ngày nay. Cũng có thể nói rằng, thế kỷ XXI là thế kỷ của *giáo dục thường xuyên.*

Kinh tế tri thức đòi hỏi mỗi người phải *luôn luôn bổ sung tri thức mới.* Trong thời đại thông tin lại càng có cơ sở vật chất để làm việc đó. Nhìn chung, các nước đang vạch ra chiến lược

(1) Xem Báo *Nhân Dân* ngày 10-7-2000

Digitized by Google

tranh thủ tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức đều chú ý thực hiện các vấn đề này.

Nhật Bản gần đây đã đẩy mạnh cải cách giáo dục nhằm đào tạo ra những con người năng động, sáng tạo hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học của đất nước trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu. Mỹ chi phí khoảng 7% GDP/năm cho việc đào tạo và phát triển nhân tài. Ở Mỹ, trung bình một nhân viên của tập đoàn Microsoft và hãng chế tạo máy bay Boeing tạo ra 6,7 và 3,8 việc làm. Mới đây, Quốc hội Mỹ đã thông qua dự luật cho phép cấp thị thực H-1B không hạn chế trong vòng 3 năm tới cho những chuyên gia và công nhân lành nghề nước ngoài. Giáo sư Hoàng Tụy trong bài : "Đổi mới tư duy để vào kinh tế tri thức" đã phát biểu : Nhận thấy vai trò trung tâm của tư duy toán học trong sự phát triển công nghệ thông tin, trong cuộc cách mạng số hóa, những phát minh công nghệ khoa học lớn đều dính đến toán học, những lĩnh vực nghiên cứu nóng nhất ngày nay đều sử dụng toán ở trình độ rất cao, hãng IBM đã trả lương cho một nhà toán học hằng chục năm chỉ với nhiệm vụ tự do theo đuổi những ý tưởng toán học của mình, nhờ đó, ông này đã phát minh ra lý thuyết Fractals, ngày nay có ứng dụng rộng rãi chẳng những trong công nghệ thông tin mà cả trong nhiều lĩnh vực khác, kể cả nghệ thuật (2).

Ấn Độ là quốc gia đã đạt được thành công bước đầu trong việc hằng năm đưa hàng chục nghìn chuyên gia và công nhân lành nghề sang nghiên cứu và làm việc tại các trung tâm công nghệ cao của Mỹ. Nhiều người trong số họ đã thành đạt, nắm bắt được tri thức tiên tiến, trở về quê hương góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Xin-ga-po từ lâu đã thừa nhận tầm quan trọng của nguồn vốn con người như một nguồn lực cơ bản cho phát triển kinh tế. Bên cạnh việc đầu tư mạnh vào giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, Chính phủ đã mở rộng tối đa việc tuyển dụng những nhân công của các công ty đa quốc gia nước ngoài ngay từ khi bắt đầu quá trình công nghiệp hóa và thực hiện một chính sách năng động để thu hút lao động có kỹ năng và tài năng ở nước ngoài vào tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, bao gồm cả khu vực công cộng. Song, việc dịch chuyển hướng tới một nền kinh tế dựa trên tri thức đã làm tăng mạnh vốn đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực. Một bộ mới - Bộ Nhân lực đã được thành lập theo kiến nghị của Ủy ban cạnh tranh Xin-ga-po, và một kế hoạch nhân lực chiến lược mới được gọi là "Kế hoạch nhân lực XXI" đã được đưa ra. Kế hoạch nhấn mạnh cả hai khía cạnh thu hút những tài năng mới vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tri thức cũng như đào tạo lại và tận dụng nguồn lao động đang có sẵn. Kế hoạch cũng nhấn mạnh tầm quan trọng phải chuẩn bị những công nhân cho "một đời nhiều nghề nghiệp" hơn là "một nghề nghiệp suốt đời", trong nền kinh tế mới, và nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của việc học tập suốt đời. Tuy luôn công nhận tầm quan trọng của việc học hỏi từ các nước tiên tiến, song mãi cho tới gần đây, Xin-ga-po mới đồng ý với việc nhận tri thức được đào tạo ở các nước khác bằng con đường lựa chọn nhân tài gửi đi học tại các trường đại học danh tiếng ở ngoài nước ; nhập khẩu các thiết bị công nghệ mới nhất ; li-xăng bằng sáng chế công nghệ từ những công ty và thể chế ở nước ngoài ; khuyến khích các công ty đa quốc gia nước ngoài chuyển giao công nghệ ; thu hút những tài năng ở nước ngoài và tiến hành những hoạt động khác nhau v.v.

Trên đây là một số kinh nghiệm của một vài nước khi tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức. Với Việt Nam, để từng bước xây dựng, phát triển và ứng dụng kinh tế tri thức, chúng ta cần tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đi đôi với việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời không thể bỏ qua những bài học thành công cũng như thất bại của những nước đi trước, bởi nó sẽ rất bổ ích cho chúng ta trên bước đường tiến vào kinh tế tri thức. ❑

(2) Xem *Văn nghệ* số 15, ngày 14-4-2001

Digitized by Google

MÂU THUẪN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN NAY *

TÍNH từ cuộc cách mạng tư sản Anh, sự phát triển của CNTB đã trải qua lịch sử 360 năm. Từ thúc đẩy sự phát triển sức sản xuất đến phá vỡ sự phát triển ấy, từ khí thế sôi động đến khủng hoảng, rối loạn, CNTB qua bước chuyển từ thịnh đến suy, nhất là nửa đầu thế kỷ XX đã có những bước chao đảo. Nhưng sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, CNTB đã xuất hiện những thời cơ mới. Nó không bị tiêu vong mà còn phát triển mạnh. Trước mắt, từ góc độ kinh tế, khoa học - kỹ thuật, mức tiêu dùng xã hội của các nước tư bản phát triển so với các nước xã hội chủ nghĩa cao hơn nhiều. Hiện tượng đó phải chăng nói lên mâu thuẫn của CNTB đã được khắc phục ? Quy luật cơ bản của lịch sử : CNTB sẽ diệt vong, CNXH sẽ tất thắng - phải chăng không thể diễn ra ? Đó là điều mang tính thời đại rất lớn có liên quan đến tiền đồ và vận mệnh của loài người.

I. Những phát triển mới của CNTB và nguyên nhân chủ yếu của nó.

Những phát triển mới của CNTB hiện nay trước tiên biểu hiện ở sự phát triển của sức sản xuất xã hội. Từ những năm 50 đến những năm 70, tổng giá trị sản phẩm quốc dân của các nước phát triển phương Tây (GDP) tăng trưởng bình quân 5,5%. Đến cuối những năm 90, GDP của toàn thế giới đạt 30 nghìn tỉ USD, trong đó các nước phát triển phương Tây chiếm tỷ lệ cao 75%, mà nước Mỹ vượt trội hơn, đạt 26,6%, bình quân GDP đầu người của Mỹ đạt hơn 30 ngàn USD. Các nước phát triển phương Tây nối tiếp nhau tiến vào "xã hội phúc lợi" lấy mức tiêu dùng cao làm đặc trưng chủ yếu, nền kinh tế của CNTB lại phát triển với tốc độ nhanh

1 - Cuộc cách mạng kỹ thuật chính là động lực to lớn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Ba cuộc cách mạng kỹ thuật được biểu hiện ở kỹ thuật vi tính viễn thông, sinh học, vũ trụ đã tạo nên hàng loạt ngành nghề mới, cải tạo những ngành nghề cũ, thúc đẩy việc điều chỉnh lại cơ cấu ngành nghề. Tài chính, thông tin và ngành nghề thứ ba khác phát triển rầm rộ đến mức chiếm tới 2/3 tổng giá trị trong kinh tế quốc dân hiện nay. (Tăng trưởng kinh tế Mỹ trong ngành kỹ thuật thông tin ước khoảng 30%).

2 - Các quốc gia có những hoạt động tự điều tiết kinh tế - xã hội và trong chừng mực nhất định tạm thời dung hòa sự kiềm chế của chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trên thế giới, CNXH với tính ưu việt rõ rệt của nó, đã khiến cho CNTB quốc tế một mặt tìm trăm phương ngàn kế tiến hành chống lại CNXH, mặt khác có sự điều chỉnh, dung hòa, cải thiện một số khâu của quan hệ sản xuất trong vận hành kinh tế - xã hội, trong cơ chế quản lý, kể cả việc mượn một số cách làm của CNXH, từ đó quan hệ sản xuất TBCN không chỉ có phần phù hợp với sức sản xuất hiện có mà còn phát triển sức sản xuất.

3 - Trong điều kiện trật tự kinh tế cũ tiếp tục tồn tại, trật tự kinh tế mới còn chưa đủ điều kiện để xây dựng, các nước tư bản phát triển lợi dụng ưu thế về kinh tế, kỹ thuật thậm chí quân sự để đạt được lợi nhuận lớn trên thị trường thế giới.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, một loạt nước đang phát triển đã giành được độc lập nhưng về kinh tế, chính trị, quân sự vẫn không thoát khỏi sự uy hiếp và khống chế của CNTB quốc tế. Trong trật tự quốc tế không bình đẳng như vậy, tiến trình công nghiệp hóa của các nước này có cơ hội lợi dụng sự mở rộng của tư bản lũng đoạn để cung cấp thị trường đầu tư. Từ năm 1960 đến 1980 các nước phát triển phương Tây đã tích lũy được 5500 tỉ USD tiền vốn rút ra từ các nước đang phát triển. Kết quả quá trình của tích lũy này là sự phát triển tăng tốc của tư bản. Thứ nữa, cũng từ đó mà sản phẩm của phương Tây đã tràn vào thị trường mới. Giữa những năm 80, kim ngạch mậu dịch của Mỹ chiếm tới 35% xuất khẩu sang các nước đang phát triển châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh. Các nước đang phát triển ước có khoảng 2/3 sản phẩm xuất khẩu sang phương Tây là tài nguyên và sản phẩm thô giá thấp, còn thành phẩm công nghệ cao của các nước phương Tây lại xuất khẩu sang các quốc gia đang phát triển với giá cao. Một cao một thấp này thực sự đã quyết định dòng chảy của lợi nhuận.

* Nguồn : Tạp chí Cầu Thị (Trung Quốc) số 3-2001

Digitized by Google

Cách mạng kỹ thuật, sự tự điều tiết và sự mở rộng tư bản phối hợp trong ngoài bổ sung cho nhau, đó là ba con sào vươn tới đẩy con thuyền tư bản vượt qua xoáy nước có nguy hiểm khiến cho nó sau cơn hấp hối một lần nữa lại có cơ hội vênh vang trước thị trường thế giới.

II - Mâu thuẫn cơ bản của CNTB vẫn tồn tại

Chủ nghĩa Mác cho rằng mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là mâu thuẫn cơ bản của xã hội loài người. Chính do sự vận động của mâu thuẫn cơ bản này mà xã hội loài người đã phát triển từ hình thái thấp lên hình thái cao. Sản xuất TBCN là sản xuất xã hội hóa lấy việc thuê lao động làm cơ sở. Trong xã hội tư bản, mâu thuẫn cơ bản biểu hiện ở xung đột giữa chiếm hữu tư nhân TBCN và sản xuất xã hội hóa.

Sự phát triển của CNTB thời kỳ hậu chiến, mặc dù ở một trình độ nhất định đã tạm thời hòa giải được sự kìm hãm của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nhưng mâu thuẫn cơ bản vẫn tồn tại y nguyên. Và xét trên phạm vi lịch sử rộng lớn, không những mâu thuẫn này vẫn tồn tại mà còn có xu thế mở ra lớn hơn. Những biểu hiện cụ thể là :

1 - Tư bản tập trung ngày càng cao. Ở Mỹ những công ty công nghiệp lớn có vốn trên 1 tỉ USD từ 22 công ty năm 1925 tăng lên 316 công ty năm 1992, những công ty có vốn là 10 tỉ USD năm 1970 chỉ có 2 công ty, đến 1992 có 49 công ty ; tốc độ tăng trưởng lần lượt là 13,4 lần và 25,5 lần. Những công ty có vốn hơn 1 tỉ USD trở lên chiếm tỷ lệ trong toàn bộ tư bản công nghiệp năm 1960 là 23%, đến năm 1990 tăng lên 71,2%. Trong đó 30% công ty chiếm 80% toàn bộ giá trị tăng trong ngành chế tạo. Do vốn tăng, lợi nhuận cũng tăng theo. Ở Mỹ các công ty lớn có vốn hơn 1 tỉ USD lợi nhuận đạt được so với lợi nhuận chung của các công ty thường chiếm tỷ lệ cao từ 30% năm 1960 đã tăng lên 73,2% năm 1990. Lợi nhuận của 100 công ty đã lên tới mức vượt quá lợi nhuận của 37 vạn công ty khác cộng lại. Anh, Đức, Nhật những công ty có vốn hơn 1 tỉ USD năm 1965 có 1 công ty, đến năm 1991 có 197 công ty ; công ty có vốn hơn 10 tỉ USD năm 1970 có 1 công ty năm 1991 có 56 công ty, tăng trưởng lần lượt là 190 lần và 55 lần. Ở Nhật Bản chỉ có 0,9% công ty khống chế 86% vốn. Ở Đức có 109 công ty khống chế 64,7% vốn, ở Anh có 3 công ty lớn nhất trong 42 công ty sở hữu 42,2% vốn.

Một số ít ngân hàng lớn dường như khống chế lượng tiền vốn của toàn xã hội. Trong số 500 ngân hàng lớn nhất trên thế giới, thì ở Mỹ từ chỗ có 185 ngân hàng năm 1970, đã giảm xuống chỉ còn 96 ngân hàng năm 1980, tiền gửi ngân hàng (tồn khoản) lại tăng lên từ 296 tỉ USD lên 1 330 nghìn tỉ USD. Tiền gửi ngân hàng của 10 ngân hàng lớn nhất cũng chiếm tỷ lệ trong số tiền gửi của toàn bộ hệ thống ngân hàng từ 15,5% năm 1950 tăng lên 30% năm 1982. Có 5 ngân hàng thương nghiệp Nhật Bản tập trung 2/3 tiền gửi của toàn quốc, có 4 ngân hàng thương nghiệp của Anh tập trung trên 90% tiền gửi toàn quốc. Số ít trùm sỏ lũng đoạn khống chế toàn bộ nền kinh tế Mỹ. Ở Mỹ 3 công ty Thung Dung, Phu-sơ, Clat-si-lơ khống chế 90% sản lượng xe hơi nước Mỹ. Ở Nhật công ty Tô-yô-ta, Hi-ta-chi, Hon-đa khống chế 3/4 sản lượng xe hơi Nhật. Ở Đức công ty Tai-mu, Đại-chúng An-pel khống chế 3/4 sản lượng xe hơi Đức. Công ty cơ khí quốc tế Mỹ, công ty điện thoại điện báo, các tập đoàn lũng đoạn vốn mở rộng đến mấy trăm lần. Một số bọn tài phiệt vốn có cũng không cam chịu lép vế. Một số nhà tư bản và ngân hàng tư bản lớn, các tập đoàn tài chính lũng đoạn ngày càng hùng hậu, không những lũng đoạn sản xuất mà còn lũng đoạn nguyên liệu, thiết kế, mạng tiêu thụ và các khâu khác. Sự phân công và hợp tác ngày càng tinh vi, sản xuất lưu thông, trao đổi đã tạo thành một khối chỉnh thể. Hơn thế nữa, việc nghiên cứu khoa học, giáo dục, văn hóa và các ngành sản xuất thứ ba, ngày nay cũng bị xã hội hóa rộng rãi, chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã cản trở nghiêm trọng đến việc cấu thành sự phát triển hơn nữa của sức sản xuất.

Tất cả những điều trên là sự thật không thể tranh cãi, vấn đề là ở chỗ nhìn nhận như thế nào về sự phát triển *kinh tế quốc hữu TBCN.* Quả thật, sau chiến tranh, các nước phát triển phương Tây đã kiến lập nền kinh tế quốc hữu, trị giá tăng trưởng sản xuất chiếm tới 20% tổng giá trị sản xuất quốc nội. Nhưng chỉ cần lưu tâm một chút có thể phát hiện ra kinh tế quốc hữu của các nước phát triển phương Tây chủ yếu có hai loại hình. Một loại là các ngành nghề điện tử, giao thông vận tải, cảng, bưu điện. Đây là loại đầu tư lớn, thu hồi vốn lâu, lãi thấp. Cá nhân nhà tư bản họ không dại gì đầu tư. Nhưng nó lại là cơ sở hạ tầng cần thiết cho các nhà tư bản tăng vốn. Và thế là các nhà nước tư bản đổ xô vào đầu tư các ngành nghề này với tư cách là người hỗ trợ. Đầu tư loại này thực chất là đại diện cho lợi ích của nhà tư bản. Loại thứ hai là ngành công nghiệp truyền thống than, sắt, thép. Loại này do kỹ thuật lạc hậu nên hao phí lớn, mà hao phí này dẫn tới các vấn đề xã hội nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lợi ích của các nhà tư bản, các nhà tư bản thu về thành quyền sở hữu của nhà nước để phục vụ tư bản lũng đoạn. Thực chất cái gọi là "quốc hữu" của giai cấp tư sản là để phục vụ bọn tư bản lũng đoạn mà thôi. Ngoài ra, ở một loạt các quốc gia phát triển, nhu cầu chính trị, quân sự trong vũ khí quân sự, tàu vũ trụ, nghiên cứu kỹ thuật cao cấp cũng phát triển một loạt

Digitized by Google

xí nghiệp quốc hữu, điều này là lấy lợi ích đặc biệt chỉnh thể của sở hữu của các nhà tư bản là lợi ích lâu dài. Kinh tế quốc hữu ở các nước tư bản phương Tây phát triển là sự điều chỉnh bất đắc dĩ trong quan hệ sản xuất TBCN. Kinh tế quốc hữu như vậy tuyệt nhiên không phải vì có chữ "quốc hữu" mà quy về sở hữu toàn dân. Ở đây chẳng qua từ hình thức chiếm hữu của cá biệt nhà tư bản chuyển sang hình thức chiếm hữu của một loạt nhà tư bản mà thôi, nó không những không thay đổi chế độ tư hữu mà ngược lại củng cố thêm chế độ đó.

Vấn đề còn ở chỗ nhìn nhận như thế nào về *sự phát triển cổ phần của các nước phát triển phương Tây*. Sau chiến tranh, ở các quốc gia phương Tây số người gia nhập cổ phần trong dân cư tăng lên và xuất hiện xu thế "cổ phần phân tán hóa". Một số nhà lý luận phương Tây đã gọi đó là "dân chủ hóa tư sản" rằng công nhân không có tài sản được nắm cổ phần cùng sở hữu tài sản của công ty ; nào là CNTB biến thành "CNTB nhân dân". Nhận định tính chất của chế độ cổ phần không thể xem có bao nhiêu người tham gia cổ phần mà phải nhìn xem người nắm bao nhiêu cổ phần và khống chế cổ phần có bao nhiêu người. Chỉ có 10% số gia đình giàu có mà đã chiếm tới 89,3% toàn bộ cổ phiếu, 90,3% trái phiếu toàn quốc. 1% số gia đình giàu có nhất chiếm 63% cổ phiếu, 63% trái phiếu toàn quốc, còn 10% công nhân viên chức tham gia kế hoạch nắm cổ phần chỉ chiếm 1% cổ phiếu. Nhà kinh tế học nổi tiếng người Mỹ Sam-men-son đã chỉ ra rằng "Ảnh hưởng của sự thay đổi từ mấy tờ cổ phiếu đem lại so với cuộc sống của người công nhân là không đáng kể, song sự thực đúng là như vậy. Trong khi bọn trùm sỏ ngồi thu lợi nhuận thì công nhân viên chức vẫn bán sức lao động để sống" (1).

2 - Sự tách rời nghiêm trọng giữa kinh tế vật chất và kinh tế phù hiệu.

Để hòa giải mâu thuẫn sản xuất không ngừng mở rộng và những nhu cầu cần thiết không đủ, các nước phát triển phương Tây sau chiến tranh đã áp dụng phổ biến chính sách tự do hóa tiền tệ để kích thích các hoạt động đầu cơ tiền tệ. Một lượng vốn từ sản xuất và dịch vụ chuyển sang đầu tư tiền tệ và nhà đất dẫn đến tư bản về chứng khoán, tài sản ngoại hối không có thực chất tăng lên. Và cuối năm 1980 - 1997 kim ngạch tư bản của thị trường cổ phiếu thế giới tăng lên 1388%, cùng thời đó tổng giá trị sản phẩm quốc dân tăng lên 60%. Tư bản tiền tệ đã biến tướng đến cao độ ngày càng tạo thành hệ thống kinh tế phù hiệu có tính độc lập tương đối.

Thực hiện chính sách tự do hóa tài chính dẫn đến sự mở rộng tiền tệ là kết quả tất nhiên của sự vận động mâu thuẫn cơ bản của CNTB. Nên hiểu là vị đắng của tự do hóa tài chính ấy không phải là chuyện uổng phí. Sự mở rộng tài chính của nền kinh tế bong bóng quả thực ở một mức độ nào đó hòa giải và che dấu mâu thuẫn quá mức của nền sản xuất, song ở trong phạm vi thời gian và không gian lớn hơn lại tạo thành mâu thuẫn mới biểu hiện phồn vinh bề mặt và tiêu phí quá độ tạo nên cái gọi là "tín dụng". Nền kinh tế tín dụng không có sự chống đỡ của kinh tế vật chất thì sớm muộn cũng nảy sinh nguy cơ khủng hoảng và uy hiếp đến sự phát triển của tổng thể nền kinh tế.

3. Thực chất quan hệ giai cấp không có biến đổi. CNTB dù có biến đổi thế nào thì bản chất giai cấp của các nhà tư bản cũng không thay đổi. Do có vốn lớn, chiếm hữu thặng dư vô cùng lớn và cùng chia xẻ giá trị thặng dư của người lao động, CNTB vẫn thực sự là kẻ bóc lột. So với trước kia, phương thức tư bản gia đình và tư bản cá nhân khống chế các xí nghiệp có biến đổi, thậm chí trong đó có một vài trường hợp xí nghiệp không trực tiếp quản lý mà áp dụng phương pháp quyền khống chế cổ phần và thuê nhân công quản lý, và từ khống chế trực tiếp đã chuyển thành khống chế gián tiếp. Qua đó vai trò và số lượng nhà kinh tế tư bản tăng lớn, vai trò của tư bản gia đình và tư bản cá nhân không hề mất đi. Họ không tham gia vào quá trình sản xuất thực tế mà lợi dụng số vốn lớn trong tay để kinh doanh các hoạt động đầu cơ chứng khoán, trở thành những kẻ trục lợi thuần túy và là "con ký sinh trùng" của xã hội. So với thời kỳ trước chiến tranh, đội ngũ công nhân ở các nước phát triển phương Tây đã có những biến hóa không nhỏ, lao động chân tay giảm, lao động trí óc tăng, người ta thường gọi là sự sinh ra và mất đi của cổ trắng cổ xanh. Trước tiên, ở cả trong và ngoài nước có hai cách nhìn công nhân cổ trắng không phải là giai cấp công nhân nữa mà trở thành "giai cấp trung lưu". Loại công nhân này càng tăng, dựa vào đó chứng minh sự khác biệt giai cấp trong xã hội TBCN ngày càng nhỏ. Điều này nếu như không có căn cứ thì cũng là che dấu sự phân hóa giai cấp và bóp méo thực chất sự đối lập về giai cấp. Thu nhập của cổ trắng quả là có cao hơn cổ xanh, nhưng cũng chỉ ở mức đạt được sự duy trì cuộc sống vừa phải chứ kỳ thực không giàu có mà luôn luôn ở trong tình trạng nơm nớp bị uy hiếp mất việc. Đối với tuyệt đại đa số công nhân mà nói "màu sắc của cổ áo" có thể thay đổi thế nào nhưng đều không cải biến được địa vị giai cấp lao động làm thuê.

(Xem tiếp trang 41)

(1) P. A. Sam-men-son, *Kinh tế học*, xb 1980, tr 66 (tiếng Trung)

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH GIALAI

69 HÙNG VƯƠNG - THÀNH PHỐ PLEIKU
ĐIỆN THOẠI : (84.59) 824378 - 823515
FAX : (84.59) 823506

KHAI TRƯƠNG DỊCH VỤ MỚI

☞ *Nhắn tin hiển thị số* 1570

Khai trương ngày 11/01/2001

- ✓ CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN
- ✓ TIN NHẮN ĐƯỢC MÃ HÓA THEO QUY ƯỚC NGƯỜI SỬ DỤNG
- ✓ NHANH CHÓNG VÀ KỊP THỜI



- Giá máy đầu cuối rẻ nhất
- Cước thuê bao thấp nhất
- Cước nhắn tin thấp nhất
- Bí mật nhắn tin
- Nhắn trực tiếp không qua khai thác viên
- Nhắn tin tự động qua hộp thư thoại
- Kiểm soát được tin nhắn

Cước hòa mạng : miễn phí
Cước thuê bao vùng : 18.000 đồng/máy/tháng
Cước thuê bao toàn quốc : 23.000/đồng/máy/tháng
Cước thuê bao hộp thư thoại : 9000/đồng/tháng/hộp thư

☞ ĐIỆN THOẠI THẺ VIỆT NAM

CARDPHONE VIETNAM

Khai trương ngày 19/1/2001 tại TP Pleiku, với 30 cabin điện thoại màu xanh.
Đã phát hành 04 loại thẻ có mệnh giá : 30.000đ, 50.000đ, 10.000đ, 150.000đ

Hướng dẫn cách gọi điện thoại thẻ :



Nhấc ống nghe và nghe âm hiệu mời quay số.

Ấn phím chọn ngôn ngữ hướng dẫn thể hiện trên màn hình

Đưa thẻ vào khe, màn hình sẽ hiện lên số tiền còn lại của thẻ.

Quay số và đàm thoại khi bên kia trả lời

Để gọi số khác nhấn nút (.../...).

Gác ống nghe lên móc để kết thúc cuộc gọi.

Rút thẻ ra và xin giữ thẻ cẩn thận.

Đến với các cơ sở Bưu điện của Bưu điện Tỉnh Gialai
Quý khách sẽ hài lòng nhận được sự phục vụ tận tình chu đáo !

Digitized by Google

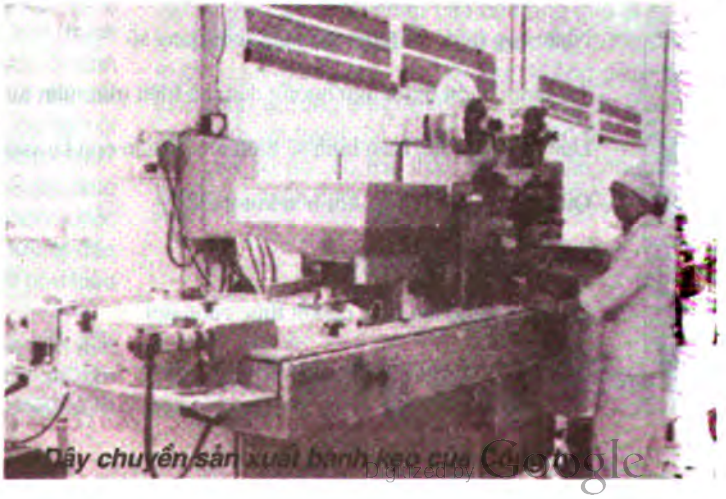
CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Địa chỉ : Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 8.624826 - 8621664. Fax : (84-4) 8.621520

ĐẢNG BỘ CÔNG TY LÃNH ĐẠO SẢN XUẤT KINH DOANH CÓ HIỆU QUẢ

Công ty Bánh kẹo Hải Châu là doanh nghiệp nhà nước thành viên của Tổng công ty Mía đường I, được thành lập tháng 9/1965. Qua quá trình 35 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu và sản phẩm mang nhãn hiệu Hải Châu đã và đang chiếm được cảm tình của người tiêu dùng, ngày càng có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây có bước tăng trưởng vững chắc, năm sau cao hơn năm trước 15-20%. Các sản phẩm của Công ty liên tục giành được nhiều Huy chương vàng tại các kỳ Hội chợ triển lãm quốc tế và được bình chọn vào TOPTEN "Hàng Việt Nam chất lượng cao" năm 1997 - 2000.

Năm 2000 là năm đánh dấu một giai đoạn phát triển mạnh mẽ của Công ty Bánh kẹo Hải Châu. Giá trị tổng sản lượng đạt 119 tỷ đồng, bằng 114% so với năm 1999 và gấp 2 lần so với năm 1996. Doanh thu của Công ty đạt 150 tỷ đồng, trong đó doanh thu trước thuế đạt 136,5 tỷ đồng, bằng 116% so với năm 1999 và gần gấp hai lần năm 1996. Lợi nhuận thực hiện năm 2000 cũng tăng mạnh, đạt trên 3,6 tỷ đồng bằng 137% so với năm 1999, nộp ngân sách 7,3 tỷ đồng bằng 110% so với năm 1999. Thu nhập bình quân đạt hơn 1 triệu đồng/người/tháng, tăng 110% so với năm 1999; Vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển. Có được kết quả này trước hết phải kể đến chiến lược sản xuất kinh doanh đúng đắn của Ban Giám đốc và đặc biệt là vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng bộ công ty, lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước theo hướng CNH - HĐH. Đảng bộ Công ty Bánh kẹo Hải Châu có 120 đảng viên sinh hoạt trong 12 chi bộ, công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ Công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ làm tốt công tác xây dựng Đảng nên Đảng bộ Công ty đã thực sự tập trung được sức mạnh trí tuệ của tập thể, phát huy nội lực đưa Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Về công tác phát triển Đảng, năm 1999, Đảng bộ Công ty đã kết nạp được 13 đảng viên và năm 2000 đã kết nạp được 20 đảng viên. Các chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy, Quận ủy, chương trình đổi mới xây dựng Đảng, đấu tranh phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW5, TW6 (lần 2) được Đảng bộ Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc và có kết quả cao, góp phần nâng cao trình độ chính trị tư tưởng, đoàn kết khích lệ quần chúng, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2000 Đảng bộ Công ty Bánh kẹo Hải Châu đã được Thành ủy Hà Nội tặng cờ cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh xuất sắc liên tục 5 năm (1995 - 1999).



Dây chuyền sản xuất bánh kẹo của Công ty

Digitized by Google

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC - LÂM TRƯỜNG LỘC BẮC

(TRỰC THUỘC UBND TỈNH LÂM ĐỒNG)

Giám đốc : KSLN Nguyễn Ngọc Minh
Địa chỉ : Huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng
ĐT : 063.877089 - 091.865348



Nhiệm vụ :

- Quản lý, bảo vệ, trồng rừng ; chăm sóc phát triển vốn rừng.
- Khai thác, chế biến lâm sản, làm dịch vụ 2 đầu cho người dân địa phương.
- Diện tích quản lý : 35.432 ha, trong đó rừng trồng 773 ha65.
- Trữ lượng gỗ : 2.601.790m^3; tre nứa 41.260 cây.
- Đây là Lâm trường công ích duy nhất thực hiện theo chu trình khép kín.



Gỗ tại bản II. Lâm trường Lộc Bắc Bảo Lâm, Lâm Đồng



Thôn 4 - Xã Lộc Bắc. Định canh, định cư Huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN (RESCO)

CÔNG TY KHO BÃI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Số 198 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. HCM
TEL : 9303661 - 9303976 - 9303393
Fax : 84.8.9303396

XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC CÔNG TY :

**** Xí nghiệp Kho Thủ Đức :***

- Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức
- TEL : 8.963526 - 8966836

**** Xí nghiệp Xây dựng và Chế biến Gỗ***

- Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức
- TEL : 8.964697 - 8.960290

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

★ Cho thuê kho bãi dài hạn để : Chứa trữ hàng hóa, Xưởng sản xuất, Văn phòng, Cửa hàng.

★ Xây dựng và sửa chữa : Nhà kho, Xưởng sản xuất, nhà dân dụng và bao che nhà công nghiệp.

★ Xây dựng và kinh doanh nhà ở.

★ Hợp tác liên doanh đầu tư với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

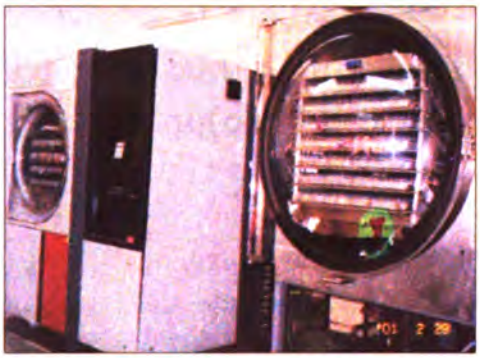


Hân hạnh phục vụ Quý khách !

NAVETCO

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 2



Máy đông khô hiện đại, công suất lớn.
(Thuộc chương trình công nghệ sinh học quốc gia)

- **ĐC : 29 Nguyễn Đình Chiểu - Quận I - TP.HCM**
- **ĐT : 08.8225063 - 8225955 - Fax : (848) 8225060**
- **E-mail : navetco@netnam2org.vn**
- **Chi nhánh : Số 25 - Ngõ 83, đường Trường Chinh, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội. - ĐT : 04.8691003**
- **GIÁM ĐỐC : BS Nguyễn Tiến Trung**

Công ty Thuốc thú y TW 2 là một DNNN trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, là một tổ hợp khoa học và sản xuất hàng đầu, chuyên cung cấp các loại sản phẩm chất lượng tốt nhất được sản xuất bằng các thiết bị công nghệ hiện đại. Thị trường của chúng tôi phục vụ trong cả nước và xuất khẩu sang một số nước Đông - Nam Á.

- Công ty chúng tôi có 3 chức năng : Nghiên cứu - Sản xuất - Kinh doanh, trong đó có Trung tâm nghiên cứu thú y hoạt động với 5 bộ môn : Nghiên cứu Vi trùng ; Siêu vi trùng ; Ký sinh trùng ; Dược phẩm thú y và Hóa sinh miễn dịch.

- Hiện nay Công ty chúng tôi đã có 14 sản phẩm Vacxin và 80 sản phẩm Dược thú y, để phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm và tôm cá. Đặc biệt các Vacxin vi trùng trước kia đóng vào chai thủy tinh, nay được thay thế bằng chai nhựa để tránh đổ vỡ và vận chuyển nhẹ.

- Ngoài ra, Công ty chúng tôi còn được phép XNK trực tiếp các loại nguyên liệu và các sản phẩm thuốc thú y, đặc biệt được Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn giao quyền nhập khẩu Vacxin lở mồm long móng và dự trữ quốc gia nhiều loại Vacxin - dược thú y.

- Công ty Thuốc thú y TW 2 luôn cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng. Sản xuất ra các sản phẩm tốt nhất, giá cả hợp lý, để phục vụ cho khách hàng trên khắp cả nước.

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ : XÃ ĐÔNG NGẠC - HUYỆN TỪ LIÊM - HÀ NỘI.
ĐIỆN THOẠI : 84 - 4 - 8389031 FAX : 84 - 4 - 8389722
E-MAIL : VKHLN@VISTA.GOV.VN VKHLN@HOTMAIL.COM
VIỆN TRƯỞNG : GS.TS ĐỖ ĐÌNH SÂM



Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Viện : Viện Lâm nghiệp, Viện Công nghiệp rừng và Viện Kinh tế lâm nghiệp theo quyết định số 137/HĐBT, ngày 30/8/1988 của Hội đồng Bộ trưởng. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam là cơ quan nghiên cứu chính về lâm nghiệp và đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1. Tổ chức và tiến hành nghiên cứu khoa học và công nghệ lâm sinh, công nghiệp rừng, kinh tế lâm nghiệp, tổ chức và quản lý lâm nghiệp, phục vụ các yêu cầu phát triển của ngành, xây dựng một nền khoa học lâm nghiệp nhiệt đới Việt Nam.
2. Xây dựng và tiến hành các chương trình kinh tế xã hội, khoa học và kỹ thuật lâm nghiệp : xây dựng cơ chế quản lý kinh tế, quy trình, quy phạm và các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật.
3. Đào tạo tiến sỹ trong lĩnh vực khoa học lâm nghiệp, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức khoa học cho cán bộ khoa học, kỹ thuật viên và các cán bộ quản lý trong ngành Lâm nghiệp.
4. Thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế.
5. Thực hiện các nhiệm vụ về dịch vụ tư vấn đầu tư trong lâm nghiệp.

Ngoài ra Viện cũng tiến hành một số hoạt động sản xuất nhằm hoàn thiện và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật qua các kế hoạch sản xuất được giao và các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

VINH PHUC
VINH PHUC GROUP

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ VĨNH PHÚC

Trụ sở : Số 9 Đường Lê Lợi - Phường Tích Sơn - Thị xã Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT : (0211) 861006 - 862634 Fax : (84-211) 861006

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ CHÍNH

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- Thi công xây dựng các công trình giao thông và thủy lợi quy mô vừa và nhỏ.
- Thi công xây dựng hệ thống cơ sở kỹ thuật hạ tầng : san nền, cấp thoát nước, cấp điện, điện hạ thế.
- Xây dựng và sửa chữa công trình công cộng, công trình nhà ở... và trang trí nội thất.
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh nhà.



Giám đốc
KS. Nguyễn Công Lộc







Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU
(VITACO)

ĐC : Số 12 - Lê Duẩn - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84.8) 8222675 - 8225590 - 8224729 - 8231824
Fax : (84.8) 8293848 - 8234623 - Email : vitaco@hcm.vnn.vn

VITACO là Công ty Vận tải Xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Bộ thương mại) chuyên vận tải xăng dầu nội địa và quốc tế, được thành lập năm 1975 có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Nhờ kế hoạch thường xuyên phát triển đội tàu, Công ty chúng tôi đã trở thành Công ty Vận tải Xăng dầu sản phẩm lớn nhất Việt Nam. Cùng với sự lớn mạnh của đội tàu, Công ty chúng tôi còn cung cấp nhiều dịch vụ khác như thuê và cho thuê tàu, làm đại lý tàu biển, cho thuê thuyền viên.

Công ty chúng tôi tiếp tục đầu tư phát triển đội tàu, cải tiến công tác quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của quý khách hàng.

VITACO đại lý tàu biển :

Là một công ty chủ tàu, chúng tôi luôn nắm bắt và đáp ứng tối đa nhu cầu quý khách về các loại hình dịch vụ giống như phục vụ cho chính mình. Dịch vụ chu đáo, hiệu quả với giá cả hợp lý, phục vụ 24/24. Bên cạnh thế mạnh có của đơn vị, chúng tôi còn cung cấp các dịch vụ :

+ Chuyển tải hàng hóa trong vùng lãnh hải Việt Nam.

+ Cung ứng nguyên liệu, với giá cả cạnh tranh qua các cơ quan cung ứng tại địa phương.

+ Giao nhận phụ tùng vật tư, thay thế thuyền viên trong thời gian lưu tàu tại cảng.

***VITACO** PHỤC VỤ HẾT MÌNH VÌ KHÁCH.*



CÔNG TY VẬT TƯ TỔNG HỢP HÀ ANH (HANEXIM)

Địa chỉ : Quốc lộ 3 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
Điện thoại : 8832438 - 8832356 - Fax : 8832728

CÔNG TY VẬT TƯ TỔNG HỢP HÀ ANH là một doanh nghiệp nhà nước thành lập theo quyết định số 2849 - QĐ - UB của UBND Thành phố Hà Nội với chức năng nhiệm vụ như sau :

*** Xuất khẩu :**

- Nông sản : Lạc nhân, ớt, tỏi, gạo.
- Dược liệu : Hạt sen, long nhãn, sa nhân, thảo quả.
- Các hàng bách hóa, hàng tiểu thủ công nghiệp.

*** Nhập khẩu :**

- Phân bón các loại.
- Thuốc trừ sâu.
- Ô tô - xe máy.
- Các hàng công nghệ, thương nghiệp.

*** Sản xuất :**

- Trồng và nhân các loại giống phục vụ nông nghiệp.
- Trồng và kinh doanh các loại cây bóng mát cây ăn quả, cây cảnh.

Công ty có 65 cửa hàng lớn nhỏ chuyên kinh doanh vật tư phục vụ sản xuất, nông nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng bách hóa... Với đội ngũ CBCNV phục vụ nhiệt tình, sẵn sàng đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Công ty rất hân hạnh được đón tiếp !

Giám đốc
Nguyễn Thị Tiêu

Digitized by Google

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Incombank



NHCT Việt Nam là một trong 4 Ngân hàng Thương mại Quốc doanh lớn nhất tại Việt Nam với tổng số vốn đầu tư trong nền kinh chiếm 22% thị phần trong toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam.

* Có hệ thống mạng lưới trải rộng toàn quốc với 2 sở giao dịch, gần 100 chi nhánh và hơn 700 điểm giao dịch.
* Có quan hệ đại lý với hơn 450 Ngân hàng trên toàn thế giới.
* Có các đơn vị thành viên là công ty cho thuê tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý khai thác tài sản và các liên doanh với IndoVina Bank, Công ty cho thuê tài chính quốc tế (VILC) Sài Gòn công thương ngân hàng.
* Có các đơn vị sự nghiệp là trung tâm công nghệ thông tin và Trung tâm đào tạo.

Nhanh Chóng - Chính Xác - An Toàn - Hiệu Quả

INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF VIETNAM

* Incombank is one of the best stateowned commercial banks in Vietnam Total loans and investment of Incombank have increased sharply through years, making up for 22% of the domestic credit market.
* Incombank 's network is extensive over the country with nearly 100 branches and over 700 points of sale.
* Incombank has: Incombank Training center; Incombank Information and Technology Center; Incombank Leasing Company; Incombank Securities Company.
* Incombank is one of the founders and major shareholders of the following financial and credit institutions: INDOVINA BANK - the first joint-venture bank in Vietnam; Saigon Industrial and Commercial Bank; Vietnam International Leasing Company (VILC), the first leasing joint - venture company in Vietnam.
* Incombank is a full member of: Asian banker's Association (VNBA); Society for Worldwide Inter-bank Financial Telecommunications (SWIFT); Visa International Service Association.
* To date the bank has established correspondent banking relationships with 450 foreign banks around the world.

a C o o p e r a t

TRỤ SỞ CHÍNH : 108 TRẦN HƯNG ĐẠO - QUẬN HOÀN KIẾM - HÀ NỘI * TEL: 04-9421030 - FAX: 04-9421032 WEBSITE: HTTP://WWW.ICB.COM.VN



BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ : Đê La Thành - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại : 04.8343432 Fax : 04.7753431
Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy : BS. Bùi Sương

ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH 5 NĂM LIÊN TỤC (1996 - 2000)

CÁC THÀNH TÍCH - KHEN THƯỞNG :

- Huân chương lao động hạng nhì.
- 5 năm liền (1996 - 2000) đạt danh hiệu "TCCS đảng trong sạch vững mạnh".
- 5 năm liền đạt "Công đoàn xuất sắc".
- 5 năm liền đạt danh hiệu "Đơn vị xuất sắc" về công tác quân sự.
- 5 năm liền đạt danh hiệu "Đơn vị quyết thắng" về phong trào bảo vệ ANTQ.
- Được UBND thành phố tặng cờ "xuất sắc" về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Bằng khen "5 năm hoàn thành xuất sắc công tác sinh đẻ kế hoạch".
- Được UBND thành phố tặng bằng khen năm 1999 và tặng cờ xuất sắc 3





Lễ đón nhận Huân chương lao động hạng nhì



Đại hội Đảng bộ Bệnh viện Phụ sản Hà Nội lần thứ II



Lễ đón nhận cờ thi đua của Chính phủ

5130

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM (VOSCO) :

DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH ĐƯỜNG BIỂN VIỆT NAM

Công ty Vận tải Biển Việt Nam được thành lập ngày 1/7/1970, là một đơn vị vận tải biển lớn nhất của cả nước, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Qua 30 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Công ty đã và đang không ngừng phát triển lớn mạnh, ngày càng khẳng định vị thế là doanh nghiệp vận tải biển hàng đầu của cả nước.

Để đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường, Công ty đã mạnh dạn đầu tư chuyển dịch cơ cấu đội tàu theo hướng trẻ hóa, đa dạng hóa các loại hình vận tải, từng bước phát triển các loại tàu chuyên dụng để khẳng định vị trí và uy tín của Công ty trên thị trường hàng hải khu vực và quốc tế. Công ty đã nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động của các đội tàu để đủ điều kiện, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức Hàng hải quốc tế IMO. Công ty là đơn vị đầu tiên trong cả nước áp dụng bộ luật quản lý an toàn quốc tế ISM Code và đã được cấp "Giấy chứng nhận tuân thủ quản lý an toàn DOC", trang bị cho các tàu nhiều thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế như hệ thống xác định vị trí toàn cầu GPS, chống ô nhiễm dầu IOPP, hệ thống thông tin cứu nạn toàn cầu GMDSS, áp dụng hệ thống quản lý bằng máy tính và thông tin qua mạng Internet. Nhờ vậy, uy tín đội tàu Công ty Vận tải biển Việt Nam ngày càng được nâng cao và được tín nhiệm trên thị trường vận tải biển khu vực và quốc tế.

Công ty đã mở rộng nhiều loại hình dịch vụ mới như đại lý sơn, dầu nhờn, đại lý tàu, đại lý vận tải đa phương thức, cho thuê thuyền viên, kinh doanh nhà hàng, khách sạn góp phần tăng thêm nguồn thu và giải quyết việc làm cho người lao động.

Trong quản lý SXKD, Công ty đã đẩy mạnh tìm tòi, thử nghiệm mô hình quản lý, khai thác kinh doanh đội tàu một cách có hiệu quả nhất, tiến hành phân cấp quản lý các hoạt động kinh tế cho các bộ phận, các tàu, tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong Công ty.

Công tác cán bộ được Công ty đặt lên hàng đầu và luôn được Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm, được đào tạo rèn luyện bài bản. Nhờ vậy đội ngũ sỹ quan thuyền viên hiện nay của công ty được đánh giá là tốt nhất Việt Nam.

Nhờ vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Vận tải biển Việt Nam đã thu được nhiều kết quả đáng kể, tiêu biểu là kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 15 năm (1986 - 2000) như sau :

Chỉ tiêu	Đơn vị	1986 - 1990	1991 - 1995	1996 - 2000
1. Sản lượng	Triệu tấn	5,018	9,09	13,53
2. Tổng doanh thu	Tỉ đồng	224,7	1.541,2	2.320
Trong đó vận tải	Tỉ đồng	224,7	1.541,2	2.200
3. Nộp ngân sách	Tỉ đồng	9,78	60,92	64,00
4. Tổng lãi	Tỉ đồng	4,16	17,58	33,00

Trong những năm qua, không những Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn và tài sản Nhà nước mà còn luôn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo mức tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước, phát triển đội tầu, nâng cao đời sống cho người lao động. Các chỉ tiêu cụ thể như năm 1999 - 2000 là : tổng doanh thu đạt khoảng 1.095 tỷ đồng, tổng lãi ước đạt 11 tỷ đồng, nộp ngân sách 20 tỷ đồng, đầu tư phát triển 5 tầu tổng trọng tải 91.033 tấn trị giá 45,975 triệu USD, thu nhập bình quân người lao động đạt 2.500.000đ/người/tháng.

Có thể nói để có được những thành quả trên chính là nhờ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ Công ty mà đặc biệt là Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Quá trình xây dựng và trưởng thành 30 năm qua của Công ty luôn gắn với sự lớn mạnh của Đảng bộ. Hiện nay Đảng bộ Công ty Vận tải biển Việt Nam có 49 chi bộ gồm 519 đảng viên, chiếm 28% tổng số CBCNV. Các chi bộ đã nêu cao vai trò hạt nhân lãnh đạo quần chúng. Tuyệt đại đa số đảng viên đủ tư cách và phát huy được vai trò của mình trên các lĩnh vực công tác, được học tập, bồi dưỡng tốt, thấm nhuần những quan điểm, đường lối của Đảng, vận dụng vào xây dựng và phát triển doanh nghiệp theo phương châm : phát triển sản xuất kinh doanh là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt.



Phát huy truyền thống hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Vận tải biển Việt Nam đã và đang đi đúng hướng, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị và SXKD được giao, xứng đáng là đơn vị lá cờ đầu của ngành đường biển Việt Nam.

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
Bí thư Đảng ủy : Nguyễn Duy Nhi
Địa chỉ : 45 Trần Quốc Toản - Hải Phòng
Tel : 031.731033 FAX : 84.31.731007

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



17
9-2001

UNIV. OF MICH.
OCT 05 2001
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU BẠCH ĐẰNG

(Đơn vị 3 lần Anh hùng)

ĐỊA CHỈ: SỐ 3 PHAN ĐÌNH PHÙNG, QUẬN HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI: 842782 - 842677 - 842771 TELEX: 31.1264 BDSY ; FAX: 84.31.842282
GIÁM ĐỐC: KỸ SƯ PHẠM ĐÌNH ĐÁ

TRONG thời kỳ đổi mới (1990 - 2000), nhà máy đã đạt và vượt công suất thiết kế là đóng mới tàu 1 - 3 nghìn tấn: năm 1991 đóng tàu 3.850T, tàu khách 200 hành khách, cần cẩu nổi 600T, đặc biệt từ năm 1999 đến 2001 đóng mới 3 tàu hàng 6.500T với sự giám sát, phân cấp của đăng kiểm NK (Nhật Bản) - một trong những cơ quan đăng kiểm có uy tín lớn trên trường quốc tế. Từ năm 1990 đến nay hàng năm Nhà máy sửa chữa 25 - 30 tàu có trọng tài từ 4.000T đến 8.000T, trong đó 10 - 15 tàu của nước ngoài như Nga, Hàn Quốc, Malaixia, Xin-ga-po... Ngoài ra, Nhà máy còn tham gia nhiều công trình lớn trong công cuộc xây dựng công nghiệp trong nước như dây chuyền mở rộng Nhà máy Xi măng Hoàng Thạch, Khu CN Nomura, các công trình bể chứa Atphal... Tổng sản lượng Nhà máy đạt được từ năm 1990 đến năm 2000 tăng từ 42 tỷ đến hơn 145 tỷ (tăng hơn 3,4 lần). Doanh thu tăng từ 37 tỷ đến 95 tỷ (tăng hơn 2,5 lần).



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- 24 Huân chương lao động các loại
- 18 Huân chương chiến công
- 823 Huân chương chống Mỹ cứu nước
- 1 Huân chương tự do hạng nhất Nhà nước Lào trao tặng
- 10 lần cờ luân lưu bộ và Tổng Công ty
- 6 lần cờ luân lưu Chính phủ
- Lẵng hoa của Bác tặng trước ngày Bác đi xa 1-9-1969
- Năm 1971 được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang lần 1
- Năm 1995 được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang lần 2
- Năm 2000 được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động
- Năm 1985, bà Cao Thị Ngoãn - thợ hàn bậc 7/7 được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động.
- Năm 2000, ông Phạm Đình Đá - Giám đốc Nhà máy là Chiến sĩ thi đua toàn quốc.



Tàu hàng 6500T số 1 mang tên Vĩnh Thuận chở hàng đi nước ngoài sau ngày bàn giao

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 623

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

17
9-2001

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX	Thông báo Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	3
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước phải hướng tới hiệu quả cao để kinh tế nhà nước giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần	6
ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	TRẦN ĐÌNH HOAN - Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đẩy mạnh cải cách tổ chức, hoạt động của Nhà nước	13
	PHẠM THẾ DUYỆT - Đại đoàn kết dân tộc và công tác mặt trận trong giai đoạn hiện nay	23
	NGUYỄN THẾ TRỊ - Nâng cao chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	28
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN VĂN THẢO - Nhân tố nhà nước pháp quyền, thống nhất quyền lực trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám	32
	VŨ VĂN PHÚC - Kế hoạch hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	36
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Vài ý kiến nhân "Nhìn lại một thế kỷ văn học Việt Nam"	42
	NGUYỄN TRỌNG CHUẨN - Di sản văn hóa truyền thống Việt Nam trước những biến động của thời đại	45
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VĂN DẾN - Để cà phê Việt Nam đứng vững trên thị trường thế giới	50
	HOÀNG CÔNG DUNG - Kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên sau 10 năm nhìn lại	55
	KIM NGÂN - Đồng bằng sông Cửu Long tích cực phòng chống bão, lũ	60
	PHAN THANH CHÂU - Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở Quảng Nam	64
	HOÀNG HẢI - Móng Cái trên đà phát triển	67
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Chuyện... không nhỏ	72
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN BÁ KHOA - Chính sách đối ngoại của Tổng thống G. Bu-sơ	73

Bìa 1 : *Trong ngày hội lớn của dân tộc* **Ảnh : TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

* *Сообщение 3-го Пленума ЦК КПВ (IX созыва).* НОНГ ДЫК МАНЬ: Налаживание, обновление государственных предприятий должны быть нацелены на возвышенный эффект, чтобы государственная экономика могла устойчиво сохранять ее направляющую роль при многокомпонентной экономике. ЧАН ДИНЬ ХОАН: Укрепление, переупорядочивание Партии и дело ускорения организационной реформы, деятельности государства. ФАМ ТХЕ ЗУИЕТ: Великая национальная солидарность и работы Национального Фронта на нынешнем этапе. НГУЕН ТХЕ ЧИ: Повышать качество воспитания знания национальной обороны - безопасности в периоде индустриализации, модернизации. НГУЕН ВАН ТХАО: Фактор правового государства, единства власти в Демократической Республике Вьетнам после Августовской революции. ВУ ВАН ФУК: Планирование при рыночной экономике со социалистической ориентацией в нашей стране. ХА СУАН ЧЫОНГ: Некоторые мнения в связи с "ретроспективным взглядом на один век развития Вьетнамской литературы". НГУЕН ЧОНГ ТЬУАН: Наследие "Вьетнамской традиционной культуры перед лицом сдвигов эпохи. ЧАН БА ХОА: Внешняя политика Президента Дж. Буша.

CONTENTS

* *Information of 3th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure).* NÔNG ĐỨC MẠNH: Arrangement, renovation of state enterprises must be aimed at elevated effect, so that the state economy could preserve steadily its dominant role in multi-sectioned economy. TRẦN ĐÌNH HOAN: Party strengthening, realignment and acceleration of organisational reforms, activities of the state. PHẠM THẾ DUYỆT: Great national solidarity and works by National Front in the present period. NGUYỄN THẾ TRỊ: To enhance quality of cultivation of national defense - security knowledge in the industrialisation, modernisation period. NGUYỄN VĂN THẢO: The element of law-ruled state and power unity in the Democratic Republic of Vietnam after the August Revolution. VŨ VĂN PHÚC: Planing under market economy with socialist orientation in our country. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Some opinions on the occasion of "looking back at one developmental century of Vietnam literature". NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Legacy of Vietnam traditional culture in the face of epochal changes. TRẦN BÁ KHOA: Foreign policy of the President G. Bush.

SOMMAIRE

* *Communiqué du 3e Plénum du CC du PCV (issu du IXe Congrès).* NÔNG ĐỨC MẠNH: La réorganisation et la rénovation des entreprises d'Etat: nécessité pour leur conserver le rôle directeur dans l'économie à plusieurs composantes. TRẦN ĐÌNH HOAN: Edifier, remodeler le Parti, accélérer la réorganisation et les activités de l'Etat. PHẠM THẾ DUYỆT: La grande union nationale et le rôle du Front de la Patrie dans l'étape actuelle. NGUYỄN THẾ TRỊ: Rehausser la qualité de l'enseignement en matière de défense et de sécurités nationales dans la période d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN VĂN THẢO: Le facteur de l'Etat de droit, concentration du pouvoir de l'Etat de la République démocratique du Vietnam après la Révolution d'Août 1945. VŨ VĂN PHÚC: La planification dans l'économie de marché à orientation socialiste au Vietnam. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Remarques sur "Regard rétrospectif sur un siècle de littérature vietnamienne". NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Le patrimoine culturel traditionnel vietnamien face aux mutations actuelles. TRẦN BÁ KHOA: La politique extérieure du Président G.Bush.

SUMARIO

* *Comunicado del 3er Pleno del CC del PCV (IX Congreso).* NÔNG ĐỨC MẠNH: La reorganización y la renovación de las empresas del Estado: necesidad para conservar su papel director en la economía de multicomponentes. TRẦN ĐÌNH HOAN: Edificación, rectificación del Partido y la aceleración de la reforma de la organización y de actividades del Estado. PHẠM THẾ DUYỆT: La gran unión nacional y el papel del Frente de la Patria en el período actual. NGUYỄN THẾ TRỊ: Mejorar la calidad de la enseñanza en materia de defensa y seguridad nacionales en el período de industrialización y modernización. NGUYỄN VĂN THẢO: El factor del Estado de derecho, la concentración del poder en el Estado de la República Demorática de Vietnam después de la Revolución de Agosto de 1945. VŨ VĂN PHÚC: La planificación en la economía de mercado a la orientación socialista en Vietnam. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Algunas reflexiones acerca de "mirada retrospectiva sobre un siglo de la literatura vietnamita". NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: El patrimonio cultural tradicional vietnamita ante los trastornos de la época. TRẦN BÁ KHOA: Politicas exteriores del Presidente G. Bush.

目 录

* 越南共产党中央委员会第九届第三次会议公告 • 农德孟: 调整、革新国家企业必须取得高的效益, 在多种经济成分基础上使国家经济占主导地位 • 陈亨欢: 建设、整顿党及大力推动国家组织及活动的改革 • 范世阅: 现阶段的民族大团结及阵线工作 • 阮氏治: 提高工业化、现代化时期国防安宁知识质量的培训 • 阮文草: 国家法权的因素, 八月革命后越南民主共和国国家权力的统一 • 武文福: 我国社会主义定向的市场经济的计划化 • 何春长: 值"回顾一个世纪以来的越南文学"的一些意见 • 阮仲准: 面临时代变动的越南传统文化遗产 • 陈伯科: 布什总统的对外政策.

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Từ ngày 13-8 đến ngày 22-8-2001, tại thủ đô Hà Nội đã tiến hành Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX).

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị, đã phát biểu ý kiến khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã làm việc khẩn trương, đề cao trách nhiệm của từng đồng chí Ủy viên Trung ương, thảo luận sôi nổi dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong chương trình Hội nghị lần này.

Hội nghị đã thảo luận và ra Nghị quyết thông qua toàn văn Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư ; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ; Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, giao Bộ Chính trị căn cứ các bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị và ý kiến thảo luận tại Hội nghị của các đồng chí Ủy viên Trung ương để hoàn chỉnh và ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX "Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước".

Các quy chế được Hội nghị thông qua được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có sự kế thừa, tiếp thu những nội dung hợp lý và khắc phục những thiếu sót, nhược điểm của Quy chế làm việc của các khóa trước, bổ sung, phát triển và cụ thể hóa nhiều nội dung mới để làm rõ thêm bằng các quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn, chế độ công tác và phương pháp công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, các Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy viên Trung ương, của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và của các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương nhằm bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể nhân dân ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm giữ gìn kỷ luật của Đảng.

Theo quy chế, mỗi đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải ra sức hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao, tích cực tham gia lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gương mẫu thực hiện và đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, các nghị quyết và quyết định của Trung ương Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước, giữ gìn đoàn kết, nếp sống trong sạch, lành mạnh, xây dựng gia đình văn hóa, không để người thân lợi dụng làm những điều trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng ; phải

Digitized by Google

chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra ở cấp dưới trực tiếp và ở đơn vị và địa bàn được phân công phụ trách. Quy chế đã quy định cụ thể hơn chế độ đi công tác cơ sở, lắng nghe ý kiến cán bộ, đảng viên và nhân dân, trực tiếp tham gia tổng kết thực tiễn của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm cả Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Chương trình đã thể hiện rõ trách nhiệm và quyết tâm của Ban Chấp hành Trung ương trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng thông qua việc bàn và ra Nghị quyết về những vấn đề lớn, những vấn đề đột phá trong lĩnh vực kinh tế để tạo ra động lực phát triển mới ; tập trung giải quyết nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc trong các lĩnh vực đời sống xã hội, trong xây dựng Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện nhất quán tư tưởng chỉ đạo : phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng đất nước gắn liền với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương lần này có sự đổi mới trong việc sẽ dành nhiều thời gian để xem xét kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành, kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX vào giữa nhiệm kỳ, bổ sung những chủ trương, giải pháp cần thiết, nhằm đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Hội nghị đã bàn và thông qua nhiều quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn, phương thức công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian thảo luận Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước".

Hội nghị đã phân tích sâu sắc những mặt tích cực và những mặt hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của tình hình qua thực tiễn sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Trong những năm qua, với đường lối đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành, sự phấn đấu bền bỉ vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên của các doanh nghiệp nhà nước, của giai cấp công nhân trong cơ chế mới, doanh nghiệp nhà nước đã góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, chi phối được các ngành, các lĩnh vực, sản phẩm then chốt của nền kinh tế, là lực lượng nòng cốt trong tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, bảo đảm các sản phẩm quan trọng của nền kinh tế và đóng góp ngân sách nhà nước, bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô. Cơ cấu và quy mô doanh nghiệp nhà nước bước đầu được điều chỉnh hợp lý hơn ; năng lực sản xuất tiếp tục tăng, trình độ công nghệ và quản lý có nhiều tiến bộ ; hiệu quả kinh tế - xã hội và sức cạnh tranh từng bước được nâng lên ; về cơ bản doanh nghiệp nhà nước thích ứng được với cơ chế thị trường, phát huy tốt hơn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán kinh doanh ; thực hiện cổ phần hóa bước đầu có kết quả.

Song, doanh nghiệp nhà nước còn những mặt hạn chế, yếu kém : hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp, chưa tương xứng với các nguồn lực đã có và sự trợ giúp của Nhà nước, công nợ nhiều, chậm đổi mới công nghệ, lao động dôi dư còn lớn ; chưa thực sự tự chủ trong kinh doanh, trình độ quản lý còn nhiều yếu kém ; cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước tiến hành còn chậm, thiếu kiên quyết ; cơ cấu doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất hợp lý...

Hội nghị đã chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan từ sự lãnh đạo quản lý : nhận thức chưa thống nhất, chưa đầy đủ về vai trò của doanh nghiệp nhà nước về chủ trương sắp xếp, đổi mới và

Digitized by Google

phát triển doanh nghiệp nhà nước ; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn nhiều vướng mắc, yếu kém. Cải cách hành chính tiến hành chậm ; nhiều cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, chưa phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa tạo động lực mạnh cho doanh nghiệp và người lao động, hạn chế quyền tự chủ của doanh nghiệp ; tổ chức chỉ đạo thực hiện thiếu kiên quyết, kém hiệu lực, hiệu quả, thiếu kiểm tra đôn đốc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu, kém năng lực phẩm chất, thiếu trách nhiệm.

Để tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, Hội nghị khẳng định quan điểm chỉ đạo của Đảng về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (trong đó doanh nghiệp nhà nước là nòng cốt) gắn liền với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Phải kiên quyết điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Doanh nghiệp nhà nước phải không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, vươn lên cạnh tranh chiếm thị phần lớn đối với các sản phẩm dịch vụ chủ yếu, làm tăng sức mạnh chi phối của doanh nghiệp nhà nước đối với nền kinh tế xét trên tổng thể. Doanh nghiệp nhà nước phải thực sự hoạt động theo cơ chế thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh và hợp tác với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trên cơ sở pháp luật. Nhà nước bảo hộ cần thiết có điều kiện và có thời hạn đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng ; kiên quyết xóa bao cấp, đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần ưu tiên phát triển. Việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước phải được tiến hành theo tinh thần : vấn đề gì đã rõ, đã có Nghị quyết thì phải khẩn trương, kiên quyết thực hiện ; vấn đề gì chưa đủ rõ thì phải tổ chức thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để có bước đi thích hợp vừa tích cực vừa vững chắc. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, phát huy hoạt động công đoàn và vai trò làm chủ của người lao động, bảo đảm quán triệt và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước.

Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trong 5 năm 2001 - 2005 hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước hiện có, phân định rõ các loại doanh nghiệp để có chính sách, giải pháp phù hợp ; thực hiện việc chuyển sang chế độ công ty đối với doanh nghiệp nhà nước 100% vốn nhà nước ; hoàn thành cơ bản việc cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp nhà nước mà nhà nước không cần giữ 100% vốn ; kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty nhà nước ; hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh ; bổ sung sửa đổi cơ chế, chính sách, hình thành khung pháp lý đồng bộ, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng trong cơ chế thị trường cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó doanh nghiệp nhà nước phát huy được đầy đủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh ; làm lành mạnh tài chính doanh nghiệp, giải quyết cơ bản nợ tồn đọng không có khả năng thanh toán và lao động dôi dư ; đổi mới và hiện đại hóa một bước quan trọng công nghệ và quản lý của đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước ; đầu tư phát triển và thành lập mới doanh nghiệp nhà nước ở những lĩnh vực, địa bàn cần thiết và có đủ điều kiện.

Hội nghị đã tập trung thảo luận và đề ra các giải pháp lớn để thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra với việc thông qua các văn kiện quan trọng cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm vững thời cơ vươn lên mạnh mẽ hơn nữa thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 do Đại hội IX đề ra. ❑

Digitized by Google

VIỆC SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC PHẢI HƯỚNG TỚI HIỆU QUẢ CAO ĐỂ KINH TẾ NHÀ NƯỚC GIỮ VỮNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO TRONG NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

***Bài phát biểu của đồng chí* Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH**
bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX)

Thưa các đồng chí,

SAU 9 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình làm việc. Như nhiều đồng chí đã phát biểu : các đề án trình Hội nghị Trung ương lần này được chuẩn bị công phu, đã lấy được ý kiến đóng góp của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều chuyên gia ; có đề án chuẩn bị trong thời gian mấy năm, qua mấy hội nghị tổng kết thực tiễn từ cơ sở và đã qua ba lần nghe báo cáo và thảo luận trong Bộ Chính trị khóa VIII và khóa IX. Tại Hội nghị, nhiều đồng chí đã góp ý kiến bổ sung, sửa đổi các đề án, nêu những ý kiến thẳng thắn để tranh luận ; Bộ Chính trị đã thảo luận và trình bày ý kiến tiếp thu, có một số nội dung đã được biểu quyết. Qua thảo luận dân chủ, Trung ương đã thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của ủy ban Kiểm tra Trung ương ; Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX ; Nghị quyết về "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước".

Những quan điểm cơ bản, phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp lớn của các nội dung nêu trên đã thể hiện trong các tờ trình của Bộ Chính trị về từng đề án và giải trình của Bộ Chính trị trước Ban Chấp hành Trung ương. Tôi chỉ phân tích thêm một số vấn đề.

Thưa các đồng chí,

Một nguyên tắc cơ bản trong sinh hoạt của Đảng ta là tập trung dân chủ ; điều đó đã được khẳng định trong Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết các Đại hội Đảng. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc đó mới tập hợp được trí tuệ của Đảng, bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, để Đảng ta đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ nhân dân giao cho.

Digitized by Google

Từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn giữ vững nguyên tắc đó trong sinh hoạt Đảng ; đồng thời lại phải thấy nguyên tắc đó cần được cụ thể hóa thành các quy định trong sinh hoạt của từng tổ chức, trong các mối quan hệ của từng cá nhân với các tổ chức cụ thể. Quy chế làm việc mà Trung ương vừa thông qua được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phát huy các ưu điểm, tiếp thu những nội dung hợp lý, khắc phục những nhược điểm của các Quy chế làm việc các khóa trước, nhằm hình thành các quy định, chế độ làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Chúng ta đều biết, muốn hoàn thành nhiệm vụ và có căn cứ để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ Đảng giao thì trách nhiệm, quyền hạn của mỗi tổ chức và cá nhân phải rõ ràng. Tiếp thu kinh nghiệm các khóa trước và từ tình hình thực tiễn hoạt động của cơ quan lãnh đạo Đảng ở cấp Trung ương, Hội nghị Trung ương lần này đã cụ thể hóa các điều 16 và 17 trong Điều lệ Đảng về trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Trung ương. Được sự tín nhiệm của Đảng và nhân dân, chúng ta có *trách nhiệm rất cơ bản* là phải kiên định Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và luật pháp Nhà nước, kiên định phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương với trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Đảng phải cố gắng hết sức mình tham gia vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao, gương mẫu thực hiện và đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Đồng thời Quy chế cũng đề cập trách nhiệm của Ủy viên Trung ương trong việc giữ gìn đoàn kết, nếp sống trong sạch, lành mạnh, xây dựng gia đình văn hóa, không để vợ (hoặc chồng), con lợi dụng làm những điều trái quy định của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng ; phải chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra ở cấp dưới trực tiếp và ở đơn vị và địa bàn được phân công phụ trách. Quy định đó hết sức cần thiết, vì khi chúng ta cho rằng mỗi đảng viên phải là một tấm gương trong xã hội thì các đồng chí ủy viên Trung ương trước hết phải trở thành tấm gương, tấm gương về cuộc sống cá nhân, tấm gương của gia đình mình, tấm gương trong hiệu quả lãnh đạo đơn vị, địa phương mình. Quy định như thế là phù hợp với tình hình hiện nay và đáp ứng đòi hỏi cấp bách của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đáp ứng lòng mong muốn của cán bộ, đảng viên và của nhân dân. Nêu gương còn là một phương thức lãnh đạo có hiệu quả. Một khi mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương đều có nếp sống trong sạch, gia đình gương mẫu và là trung tâm của sự đoàn kết thì đó sẽ là cơ sở rất quan trọng xây dựng sự đoàn kết và thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong đơn vị mình. Nếu mỗi đồng chí chúng ta

Digitized by Google

đều làm được như thế thì sẽ góp phần giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong xã hội và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả, đáp ứng những đòi hỏi rất bức xúc của toàn Đảng và xã hội.

Quy chế được thông qua lần này đã quy định cụ thể hơn chế độ đi công tác cơ sở, lắng nghe ý kiến cán bộ, đảng viên và nhân dân, trực tiếp tham gia tổng kết thực tiễn của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm cả Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư. Sự nghiệp đổi mới có rất nhiều vấn đề mới đặt ra và chúng ta chỉ có thể xử lý đúng đắn trên cơ sở nắm vững các nguyên tắc, đồng thời phải xuất phát từ thực tiễn đất nước. Do đó, thực hiện đúng đắn quy chế đi công tác cơ sở, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng sẽ tạo điều kiện để Ban Chấp hành Trung ương có những quyết định sát với thực tiễn, sát với cuộc sống hơn, khắc phục bệnh quan liêu, phô trương, hình thức đang diễn ra khá phổ biến. Đồng thời Quy chế nhấn mạnh một số quy định như tranh luận thẳng thắn về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, thực hiện chế độ phê bình và chất vấn theo Điều lệ Đảng để bảo đảm sinh hoạt dân chủ trong Ban Chấp hành Trung ương. Dân chủ và kỷ cương, nêu cao tinh thần hết lòng vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng và phục vụ nhân dân, xây dựng tác phong sâu sát cuộc sống, gần gũi nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh là tinh thần toát lên trong chế độ làm việc và phương pháp công tác của bản Quy chế vừa được thông qua.

Hội nghị đã thông qua Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương. Chương trình làm việc thể hiện quyết tâm của Trung ương tập trung bàn và ra nghị quyết về những vấn đề lớn, những vấn đề có tính đột phá nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, theo tinh thần kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt, đưa nghị quyết vào cuộc sống một cách thiết thực, cơ bản và vững chắc. Các hội nghị Trung ương khóa này không chỉ ra các nghị quyết mới mà còn đặc biệt coi trọng việc kiểm điểm, tổng kết các nghị quyết đã có, tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, trong thực tế có thể có những vấn đề mới nảy sinh mà ta chưa lường trước được ; do đó trên cơ sở Chương trình toàn khóa đã thông qua, Trung ương cho phép khi có những vấn đề mới, quan trọng mà Trung ương cần thảo luận và quyết định, Bộ Chính trị sẽ xin ý kiến Trung ương để điều chỉnh, bổ sung Chương trình.

Trung ương cũng đã thông qua Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan kiểm tra chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và của từng thành viên, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực cán bộ, phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy đảng, các ban đảng, các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân để giúp Trung ương thực hiện tốt các nhiệm vụ kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng.

Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, là một việc quan trọng trong tổ chức và lề lối làm việc

Digitized by Google

của Trung ương. Những quy định có tính nguyên tắc về trách nhiệm, quyền hạn và chế độ làm việc nêu trong Quy chế đòi hỏi tất cả chúng ta phải nghiêm túc chấp hành. Về phần mình, tôi xin hứa với Ban Chấp hành Trung ương sẽ nghiêm chỉnh thực hiện những quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Bí thư, và cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc việc thực hiện nghiêm các Quy chế và Chương trình làm việc, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thực hiện đúng Điều lệ Đảng và luật pháp của Nhà nước.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị, Trung ương đã dành phần lớn thời gian để thảo luận và thông qua Nghị quyết "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước". Đây là vấn đề rất lớn, rất cơ bản trong đường lối kinh tế của Đảng. Tổng kết 15 năm đổi mới và xác định phương hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc", "kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt ; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật". Hội nghị Trung ương lần này bàn và ra nghị quyết để thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước có vị trí then chốt góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở đề án và tờ trình của Bộ Chính trị, Trung ương đã tập trung thảo luận về đánh giá hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trong những năm đổi mới, xác định quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Chính trị đã trình bày ý kiến tiếp thu những vấn đề các đồng chí thảo luận và Trung ương đã biểu quyết thông qua. Tôi chỉ nhấn mạnh một số vấn đề mà Hội nghị Trung ương đã thảo luận.

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần để góp phần phát huy sức mạnh của toàn dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là chính sách nhất quán, lâu dài trong cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện có hiệu quả chính sách đó, Trung ương có trách nhiệm xây dựng phương hướng, nội dung, giải pháp cụ thể của từng thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng. Trung ương bàn việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là để góp phần bảo đảm cho kinh tế nhà nước giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, một vấn đề rất lớn và cơ bản trong chính

Digitized by Google

sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chứ không hề coi nhẹ việc phát triển các thành phần kinh tế khác. Chúng ta đã có nhiều chủ trương tạo thuận lợi hơn cho các loại hình doanh nghiệp ra đời và phát triển trong khuôn khổ luật pháp, giúp các doanh nghiệp có thêm điều kiện tiếp cận thị trường trong nước và thế giới, chuẩn bị cho việc thực hiện các cam kết trong quá trình chủ động hội nhập có hiệu quả kinh tế quốc tế. Sắp tới chúng ta sẽ tiếp tục xây dựng các chính sách nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế theo đường lối của Đảng.

Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là việc mà Ban Chấp hành Trung ương nhiều khóa đã quan tâm, được tiến hành ngay từ thời kỳ đổi mới và nhất là trong 10 năm qua. Đánh giá những việc làm được cũng như những việc chưa làm được còn có những ý kiến khác nhau nhưng chủ yếu là khác nhau về mức độ vì trong thực tế còn có những yếu tố chưa được xem xét đầy đủ ; tuy nhiên khi đánh giá cần dựa trên quan điểm lịch sử, xét tới bối cảnh thế giới, trong nước hơn 10 năm qua và hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội để nhìn nhận đúng mức vai trò và sự đóng góp của doanh nghiệp nhà nước trong thời kỳ đổi mới. Trong thời gian qua, chúng ta đã hình thành được khung pháp lý tương đối cơ bản để chuyển doanh nghiệp nhà nước sang kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xác lập dần quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, xóa dần bao cấp ; bảo đảm các chính sách xã hội trong quá trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã đứng vững trước những thử thách to lớn, từng bước được sắp xếp, đổi mới, phát triển và thích ứng ngày càng tốt hơn trong quá trình chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; số doanh nghiệp làm ăn có lãi, có tích lũy tăng lên ; nhìn chung đã có chuyển biến tích cực cả về vai trò, cơ cấu, năng lực và hiệu quả. Đồng thời Trung ương cũng đã chỉ ra những mặt tồn tại như môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, các yếu tố của thị trường hình thành chưa đồng bộ, cơ chế quản lý vĩ mô còn những điểm chưa phù hợp ; doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm đầy đủ, thực hiện hạch toán kinh doanh, chưa xử lý tốt mối quan hệ về lợi ích của doanh nghiệp, chưa tạo được động lực mạnh mẽ và xác định được trách nhiệm rõ ràng để doanh nghiệp nhà nước hoạt động năng động, có hiệu quả ngày càng cao ; hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực đã có và sự đầu tư của nhà nước ; còn nhiều doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, công nợ nặng nề ; phần lớn công nghệ lạc hậu ; lao động dôi dư còn nhiều ; vai trò lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm và còn yếu kém. Sự yếu kém của không ít doanh nghiệp nhà nước do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan ; nhận rõ những yếu kém là để quyết tâm sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước. Chúng ta không thể chấp nhận quan niệm coi doanh nghiệp nhà nước thì "tất yếu dẫn tới kém hiệu quả" như có một số ý kiến nêu lên ở nơi này, nơi khác. Những ý kiến như thế xuất phát từ định kiến, thiếu khách quan, sẽ dẫn tới hạ thấp vai trò doanh nghiệp nhà nước, không quan tâm tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước.

Digitized by Google

Như đã trình bày trên đây, việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là vấn đề kinh tế nhưng có ý nghĩa chính trị rất lớn. Nghị quyết có nhiều nội dung đề cập các vấn đề sắp xếp, hoàn thiện hơn nữa tổ chức và quản lý, xác định những việc cần phải làm để tạo động lực mới cho các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa, coi đây là một khâu quan trọng để tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước. Mỗi nội dung đều cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ; nhưng vì là vấn đề lớn về chính trị cho nên nghị quyết đã nêu những quan điểm chỉ đạo. Các quan điểm chỉ đạo đó phải được quán triệt trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể. Trung ương khẳng định tư tưởng của Nghị quyết Đại hội IX, xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, xác định doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, là công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển và ổn định chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước phải không ngừng được sắp xếp, đổi mới, phát triển, có trình độ công nghệ và quản lý tiên tiến, không ngừng nâng cao hiệu quả. Trên cơ sở các quan điểm đó mà thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, chuyển các doanh nghiệp nhà nước sang thực sự kinh doanh theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh và hợp tác với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác.

Đã là doanh nghiệp phải tính hiệu quả kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển các doanh nghiệp nhà nước đều hướng tới nâng cao hiệu quả, vì có hiệu quả mới có thể nêu gương, hướng dẫn và góp phần tăng tiềm lực kinh tế nhà nước để giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Mặt khác, một nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa phải được xem xét đến hiệu quả kinh tế - xã hội tổng thể hướng tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Do đó có nhiều việc làm mới mẻ, phải rất coi trọng tổng kết thực tiễn và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, nhưng vì bản chất mỗi chế độ xã hội khác nhau và trình độ của lực lượng sản xuất khác nhau cho nên có mục tiêu, phương hướng, giải pháp khác nhau, không thể sao chép máy móc, dập khuôn, đồng thời cũng không thể đòi hỏi phải giải quyết sáng tỏ ngay vấn đề một cách duy ý chí.

Sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là vấn đề rất hệ trọng trong đường lối phát triển kinh tế, đồng thời, rất nhạy cảm về chính trị, liên quan tới sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quá trình thực hiện có nhiều vấn đề mới đặt ra. Do đó vừa phải tiến hành đồng bộ, khẩn trương nhưng phải vững chắc, có chương trình, kế hoạch cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, bước đi phù hợp, vừa làm vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm, bảo đảm ổn định và phát triển. Việc gì đã rõ, đã có nghị quyết thì phải triển khai thực hiện kiên quyết, khẩn trương. Vấn đề gì chưa đủ rõ thì phải tiếp tục nghiên cứu ; tổ chức làm thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để có bước đi thích hợp, vừa tích cực vừa vững chắc, phù

Digitized by Google

hợp với luật pháp. Đó là tinh thần của các giải pháp trong Nghị quyết. Vì là việc rất hệ trọng cho nên các cấp ủy đảng phải tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện, kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn các lệch lạc. Cùng với các quá trình trên phải nhanh chóng tổng kết kinh nghiệm xây dựng mô hình tổ chức đảng, tổ chức công đoàn và các đoàn thể chính trị trong các loại hình doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp giỏi, có phẩm chất và năng lực, nghiệp vụ vững vàng ; đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao ; chú trọng chăm sóc đời sống công nhân và phát huy quyền làm chủ của công nhân trong các doanh nghiệp. Trong quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, các cấp ủy đảng phải hết sức quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội đặt ra, không để khó khăn cho người lao động và doanh nghiệp.

Thưa các đồng chí,

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta. Mục tiêu đó không chỉ thể hiện trong phương hướng cơ bản mà còn thể hiện trong những chủ trương, việc làm cụ thể. Đại hội IX của Đảng đã thông qua kế hoạch 5 năm, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và trong 20 năm về cơ bản đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong những năm đầu của thế kỷ XXI đã được Đại hội xác định. Ban Chấp hành Trung ương được Đại hội tín nhiệm bầu ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt nhất Nghị quyết Đại hội ; trên cơ sở thống nhất nhận thức để đi đến hành động thống nhất, lời nói đi đôi với việc làm, kết hợp thực hiện những nhiệm vụ cơ bản lâu dài với những việc cụ thể, trước mắt, giành thắng lợi trong từng năm theo mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đề ra. Từ nay đến cuối năm, phải tập trung sức thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001, năm mở đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, vì bên cạnh những thuận lợi đang có không ít khó khăn và nhiều vấn đề mới phải giải quyết, đồng thời cần theo dõi chặt chẽ, quan tâm việc phòng và chống thiên tai. Triển khai ngay việc thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp chống tham nhũng đã quyết định trong Nghị quyết Đại hội IX, trước mắt xử lý những vụ tham nhũng đang nổi lên với tinh thần thẳng thắn, công minh, để người có khuyết điểm phải được phê bình, chịu kỷ luật, người có tội phải bị xử tội, bất kể họ là ai ; giải quyết những bức xúc về các tệ nạn xã hội, các sản phẩm văn hóa đồi trụy đang lan tràn ngoài xã hội... Đó là những việc trước mắt cần thực hiện tốt. Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội được đẩy lùi một bước... sẽ tạo đà phấn khởi trong xã hội, thể hiện trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương đối với toàn Đảng và toàn xã hội.

Với tinh thần phấn khởi, tin tưởng, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX).

Xin chúc các đồng chí sức khỏe.

Digitized by Google

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC

TRẦN ĐÌNH HOAN *

TRONG sự nghiệp đổi mới đất nước những năm gần đây, Đảng ta đã xác định xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt ; đã dành nhiều trí tuệ, công sức cho việc củng cố, hoàn thiện Nhà nước. Nhiều Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị đã tập trung bàn bạc và ra nghị quyết, đề ra các chủ trương, giải pháp về công tác xây dựng Đảng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ; đã kịp thời giải quyết nhiều vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng nội bộ Đảng và nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng ; khẳng định các quan điểm, nguyên tắc và định hướng lớn chỉ đạo quá trình củng cố, hoàn thiện, đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước ; chỉ rõ nội dung và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Cùng với những đổi mới trong lĩnh vực khác, những đổi mới trong công tác xây dựng Đảng, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước đã đạt được nhiều tiến bộ nổi bật đáng ghi nhận, góp phần quyết định vào thành tựu của công cuộc đổi mới, tăng cường thế và lực của đất nước, củng cố quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu quan trọng đã đạt được trong quá trình đổi mới, công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta vẫn còn không ít khuyết điểm, yếu kém. Chính vì vậy Đại hội IX của Đảng xác định công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đẩy mạnh cải cách tổ chức, hoạt động của Nhà nước là những vấn đề đặc biệt quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đề ra trong kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010). Đại hội IX tiếp tục khẳng định các quan điểm, chủ trương lớn để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách tổ chức, hoạt động của Nhà nước mà các nghị quyết Trung ương khóa VIII đã đề ra ; đồng thời nhấn mạnh những phương hướng cơ bản, những công tác quan trọng trong những năm tới cần tập trung làm tốt. Vì vậy, khi nghiên cứu Nghị quyết Đại hội IX vừa phải quán triệt các nhiệm vụ trước mắt, vừa phải nghiên cứu, quán triệt lại các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương các khóa VI, VII, VIII liên quan đến vấn đề xây dựng Đảng và Nhà nước.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Trưởng ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

1 - Những nội dung chủ yếu cần tập trung làm tốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

a) Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Trong xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, chú trọng một số công việc chủ yếu sau :

- Thực hiện nghiêm túc việc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng vào nền nếp và đạt chất lượng, hiệu quả cao. Các cấp ủy tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, nắm chắc, nhận thức sâu sắc lý luận để quán triệt đầy đủ và tổ chức thực hiện sáng tạo các nghị quyết của Đảng, làm tốt công tác tư tưởng cho quần chúng. Cán bộ giữ chức vụ càng cao thì càng phải học sâu hơn. Học tập vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên. Học lý luận gắn với học đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nâng cao trình độ kiến thức mọi mặt và năng lực hoạt động thực tiễn. Qua học tập phải tạo ra sự thống nhất cao về quan điểm, ý chí và hành động, củng cố thêm niềm tin, nâng cao bản lĩnh chính trị, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, phê phán các quan điểm sai trái và đấu tranh bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, thù địch.

- Từng cán bộ, đảng viên tự giác thực hiện nghiêm túc những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Học và làm theo lời Bác dạy thể hiện trên mấy khía cạnh :

+ Đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng cơ hội, thực dụng dưới những biểu hiện khác nhau như : cơ hội về chính trị ; lập trường, quan điểm chính trị không rõ ràng ; cơ hội về tổ chức, tìm mọi cách để leo cao, chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tội..., chỉ nhất trí với những chủ trương, biện pháp gì có lợi cho bản thân và đơn vị mình ; ngại khó, ngại va chạm, tìm cách né tránh, không chân thành, thẳng thắn trong đấu tranh tự phê bình và phê bình...

+ Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng theo Di chúc và gương sáng đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở bất cứ cương vị và hoàn cảnh nào cũng phải chấp hành nghiêm chỉnh và đấu tranh để thi hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chịu sự quản lý của tổ chức đảng ở cơ sở ; gương mẫu cả về tư tưởng, đạo đức và tác phong, lối sống, cả trong công tác, trong hoạt động kinh tế và trong sinh hoạt hằng ngày ở khu dân cư. Phải có quyết tâm cao, có ý thức đầy đủ về trách nhiệm trước Đảng và trước nhân dân, tâm phải trong sáng, phải khiêm tốn, tự giác...

+ Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên có những hình thức giáo dục đạo đức phù hợp cho đảng viên. Định kỳ kiểm điểm, đánh giá, góp ý cho từng cán bộ, đảng viên, đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp thường xuyên, có chất lượng cao, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc đối với đảng viên vi phạm những vấn đề về quan điểm, đường lối, chính sách, kỷ luật của Đảng, về tiêu chuẩn đảng viên và về quan hệ với quần chúng.

+ Bằng nhiều biện pháp đồng bộ, đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Coi trọng việc tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng ; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và tạo lập sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục thực hiện

Digitized by Google

nghiêm túc những quy định của Bộ Chính trị (khóa VIII) về những điều cán bộ, đảng viên không được làm. Tiến hành ngay quy định đã nêu trong Chỉ thị 03/CT-TU của Bộ Chính trị khóa IX : "Đối với những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp phải kê khai nhà đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ".

b) Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.

Đại hội IX của Đảng không nêu lại các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ, mà chỉ khẳng định "tiếp tục đổi mới công tác cán bộ". Như vậy có nghĩa là cán bộ, đảng viên phải vừa tuân thủ các quan điểm, nguyên tắc, phương hướng đã xác định ; những gì đã đổi mới đúng thì phải đẩy mạnh, những gì đổi mới chưa thật đúng phải uốn nắn ; chưa có kết quả thì phải điều chỉnh cho có hiệu quả hơn. Những gì chưa đổi mới thì phải kiên quyết đổi mới. Khâu nào, nơi nào chậm đổi mới phải thúc đẩy đổi mới nhanh hơn. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cũng có nghĩa là đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ cán bộ.

Theo quan điểm đó trong những năm tới, công tác cán bộ cần được đổi mới hơn nữa, đồng thời làm tốt một số mặt sau đây :

- Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trọng dụng những người có đức, có tài. Đây vừa là thực hiện tính dân chủ, công bằng trong công tác cán bộ, vừa là yêu cầu đối với sự lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không tinh tường phát hiện ra những người có triển vọng phát triển thành cán bộ lãnh đạo, quản lý, đào tạo họ bằng những phương thức thích hợp, sử dụng họ đúng mức, đúng chỗ, đúng lúc v.v... sẽ là thiệt hại cho tổ chức, cho phong trào. Trái lại, không có cơ chế tuyển chọn, đánh giá khách quan, công khai, công tâm thì những người tốt có thể bị loại, những người hăng hái sẽ nhụt chí, còn những người cơ hội, đạo đức và năng lực kém có khi lại lọt vào bộ máy của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, sẽ leo cao thành cán bộ lãnh đạo. Muốn tuyển chọn đúng, phải xác định nhu cầu cán bộ cho đúng, đánh giá cán bộ chính xác, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng quy hoạch cán bộ và nâng cao chất lượng công tác này cả về quan điểm, sự công tâm, kiến thức về khoa học tổ chức và phương pháp công tác. Đánh giá và sử dụng cán bộ *phải trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của đảng viên, nhân dân làm thước đo chủ yếu.* Trong việc đánh giá cán bộ phải thật sự dân chủ, theo quy trình chặt chẽ, dựa vào tập thể và nhân dân. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm trong hoạt động thực tiễn của cán bộ. Phải dựa vào dân để phát triển, đánh giá và giám sát cán bộ. Việc đánh giá cán bộ phải làm hằng năm, trước khi hết nhiệm kỳ hoặc chuyển công tác. Thực hiện chế độ dân chủ, công khai trong đánh giá, tuyển chọn cán bộ. Xây dựng và thực hiện các quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Người được bầu vào các chức vụ cấp trưởng phải đề xuất được đề án chương trình công tác trong nhiệm kỳ, cam kết hoàn thành nhiệm vụ và giữ gìn phẩm chất đạo đức.

- Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ ; đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ. Mỗi cấp, mỗi ngành phải có kế hoạch tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý ; đồng thời thực hiện tốt việc phân công, phân cấp mạnh cho các

Digitized by Google

cấp ủy và tổ chức đảng, đi đôi với tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ, phát hiện sớm những biểu hiện buông lỏng, sai trái, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan về những khuyết điểm, yếu kém của những cán bộ dưới quyền. Những vấn đề quan trọng về công tác cán bộ, liên quan đến cán bộ nhất thiết phải được thảo luận tập thể, do cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đa số. Những nơi cấp ủy mất đoàn kết nghiêm trọng, kéo dài, quan điểm của người đứng đầu tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan nhà nước không thống nhất với nhau thì cấp ủy cấp trên phải trực tiếp chấn chỉnh cấp ủy đó. Nếu thấy cần thiết, phải thay cán bộ chủ chốt, tạo điều kiện thuận lợi làm lành mạnh hóa công tác cán bộ. Từng cấp ủy và tổ chức đảng phải xây dựng và thực hiện nghiêm túc các quy chế công tác cán bộ của cấp mình, theo đúng hướng dẫn của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ.

- Thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương. Cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Khắc phục tư tưởng cục bộ khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương về cán bộ. Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý bao gồm nhiều loại như : giữa các tổ chức, giữa các lĩnh vực, giữa các địa phương, giữa các cấp, giữa các địa bàn với nhau..., nhằm tạo sự đồng đều về chất lượng đội ngũ cán bộ, rèn luyện cán bộ, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời cũng là để tăng cường cán bộ cho cấp dưới, cho nơi thiếu cán bộ.

- Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Bên cạnh việc tự học của mỗi cán bộ, đảng viên, phải tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với các nội dung, hình thức thích hợp, có chất lượng và hiệu quả cao, chống hình thức, đối phó, học cốt lấy bằng để "tiêu chuẩn hóa". Ban Tổ chức giúp cấp ủy chọn, cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng đúng đối tượng, đúng loại hình đào tạo, nhận xét mức độ kết quả học tập của cán bộ. Các học viện, trường và trung tâm chính trị phải chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, gắn lý luận với thực tiễn, gắn trang bị kiến thức, phương pháp với bồi dưỡng bản lĩnh, đạo đức cho người học. Có kế hoạch cụ thể, thiết thực, nhằm thực hiện cho được một nhiệm vụ mà Đại hội IX đã đề ra : "Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định".

c) Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng.

Mỗi loại hình và mỗi tổ chức cơ sở đảng có những đặc điểm yêu cầu, phương hướng củng cố cụ thể, nhưng đều phải nhằm mục đích nâng cao chất lượng toàn diện, cả chất lượng nội bộ và năng lực lãnh đạo, theo các hướng chủ yếu sau :

- Nắm vững và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý. Phải đổi mới quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với các đoàn thể nhân dân. Nắm chắc chức năng lãnh đạo, kiểm tra của Đảng ; đồng thời tôn trọng chế độ quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò giám sát của các đoàn thể nhân dân.

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy, của chi bộ. Sinh hoạt đảng cần có nội

Digitized by Google

dung cụ thể, thiết thực, chú trọng các nội dung về xây dựng Đảng ; thường xuyên tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, thẳng thắn, bảo đảm để sinh hoạt cấp ủy, chi bộ là nơi giáo dục tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo, uốn nắn những nhận thức và việc làm sai của cấp ủy viên, của đảng viên, trên cơ sở đường lối, nguyên tắc và vì nhiệm vụ chung nhưng vẫn thắm tình đồng chí.

- Thực hiện việc phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, trong học tập và lối sống. Đảng viên phải giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Trừ các đảng viên tuổi cao, sức yếu, tất cả đảng viên đều phải được giao nhiệm vụ cụ thể. Cấp ủy đảng phải giúp đỡ, kiểm tra, biểu dương những việc đảng viên làm tốt, chấn chỉnh những mặt đảng viên còn yếu, không phó mặc để đảng viên "tự thân vận động".

- Tích cực phát triển đảng viên, coi trọng cả số lượng và chất lượng, nhưng lấy chất lượng là chính, không vì chạy theo thành tích mà coi nhẹ chất lượng hoặc "châm chước" tiêu chuẩn. Chú ý kết nạp đảng viên từ những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và ở những nơi còn ít, hoặc chưa có đảng viên.

- Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bằng các biện pháp : cụ thể hóa tiêu chuẩn tổ chức đảng và đảng viên thành các tiêu chí tương đối cụ thể để dễ bình xét ; xây dựng quy trình bình xét khoa học với sự tham gia ý kiến của nhiều tổ chức, của quần chúng ở cơ sở và cấp trên cơ sở. Gắn việc bình xét tổ chức đảng với đánh giá chất lượng của chính quyền, đơn vị, đoàn thể. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức đảng cơ sở và cấp trên cơ sở về chất lượng của việc bình xét ; v.v...

- Bảo đảm độ đồng đều về chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng. Các cấp ủy cấp trên, nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở, tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết ; đúc rút và phổ biến kinh nghiệm của các tổ chức cơ sở đảng nhiều năm liền đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh", hoặc từ yếu kém phấn đấu đạt "trong sạch, vững mạnh".

d) Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Về kiện toàn tổ chức, cần tập trung làm tốt mấy vấn đề lớn :

- Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy khối theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) trên cơ sở làm rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, xác định rõ quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức. Có cơ chế hoạt động và phối hợp với các cơ quan khác để có thể kiểm tra, đánh giá được hiệu quả một cách chuẩn xác.

- Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong tổ chức đảng, nhất là tính tập thể trong lãnh đạo. Đảng coi sự độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ là tội nặng đối với cách mạng, đối với Đảng. Những vi phạm đó phải được xử lý nghiêm minh, nếu cần có thể phải giải tán tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định. Từng cấp ủy, tổ chức đảng phải tạo lập, xây dựng sự đoàn kết thống nhất cao, phát hiện sớm những biểu hiện giảm sút, rạn nứt đoàn kết, có biện pháp khắc phục trên cơ sở nguyên tắc và đề cao

Digitized by Google

tình đồng chí. Muốn đoàn kết, thống nhất cao phải phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng. Phải bảo đảm cho tất cả đảng viên có quyền bàn bạc và tham gia quyết định công việc của Đảng, có quyền trình bày trong tổ chức đảng ý kiến của mình trên mọi vấn đề thuộc lợi ích của Đảng, của đất nước. Song, dân chủ đầy đủ phải kết hợp với tập trung cao nhất. Thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, cá nhân phải phục tùng tổ chức, toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương - cơ quan lãnh đạo do Đại hội bầu ra.

Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cần chú ý một số điểm :

- Các cấp ủy và người đứng đầu các cấp ủy, đứng đầu tổ chức đảng cần đầu tư trí tuệ nghiên cứu, tổng kết, chỉ đạo, tiến hành việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở cấp mình, cơ quan, đơn vị mình. Các cấp ủy đảng, các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trước hết là các cơ quan trung ương, phải có quy chế làm việc trên cơ sở Hiến pháp và Điều lệ Đảng. Các quy chế làm việc phải bảo đảm yêu cầu làm rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức. Nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước trên cơ sở làm rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa hệ thống tổ chức đảng với hệ thống các cơ quan nhà nước. Cụ thể hóa Điều lệ Đảng về trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức và cá nhân người lãnh đạo Đảng các cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hạn chế những hội họp không cần thiết, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan lãnh đạo đảng ở các cấp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để mỗi cấp ủy viên được tham gia vào việc bàn bạc, quyết định các chủ trương lớn của tổ chức đảng. Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân độc đoán, chuyên quyền ; đồng thời cũng tránh ỷ lại vào tập thể, sợ trách nhiệm không dám quyết đoán.

- Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ : Tập trung phải trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung. Mọi đảng viên có quyền nêu ý kiến của mình, nhưng không được nói và làm trái nghị quyết. Tất cả các nghị quyết của Đảng phải do cơ quan lãnh đạo chuẩn bị kỹ càng rồi đưa ra thảo luận dân chủ trong cấp ủy. Khi đã có nghị quyết, mọi đảng viên phải chấp hành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tạo lập sự phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước và giám sát của các đoàn thể, của nhân dân. Kiểm tra định kỳ, kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra đột xuất khi cần. Sau kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, công khai, xử lý vi phạm và đề ra biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Trung ương lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp. Phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức đó. Các cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường công tác kiểm tra theo quy định, tập trung vào các nội dung chủ yếu : việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc ; củng cố đoàn kết nội bộ ; giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

- Các cấp ủy đảng phải quan tâm xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, phải dành công sức và thời gian thích đáng cho công tác điều tra, nghiên cứu thực tế, làm thử, tổng kết

Digitized by Google

kinh nghiệm, xây dựng điển hình, lắng nghe ý kiến của các tầng lớp nhân dân, của các nhà khoa học, của các chuyên gia trước khi đưa ra các quyết định.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên công tác ở các cơ quan nhà nước phải đề cao tính đảng, trách nhiệm trước Đảng, giữ nghiêm kỷ luật đảng, tiên phong gương mẫu cả trong nhận thức và hành động, hoàn thành mọi nhiệm vụ với chất lượng, hiệu quả cao.

- Về phong cách và chế độ công tác, các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt, cần có chương trình công tác ở cơ sở, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên, của nhân dân. Cấp ủy viên định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và trong công tác xây dựng Đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh.

2 - Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định những quan điểm về cải cách và hoàn thiện Nhà nước mà nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII) đã đề ra ; đồng thời khẳng định quan điểm đã được đề ra tại Đại hội VIII : coi trọng và gắn chặt các nội dung đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước với phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Mục đích của cải cách, hoàn thiện Nhà nước là nhằm phát huy đầy đủ quyền và năng lực làm chủ của nhân dân, giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội. Vì vậy, cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước không tách rời việc phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, với đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền, trong các cơ quan nhà nước các cấp đều có tổ chức đảng và đảng viên. Vì thế, muốn cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước không thể không làm tốt công việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ quá trình đó đều phải có sự lãnh đạo của Đảng. Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong những năm tới, nhưng cũng rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải làm tốt công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu trong lĩnh vực này.

a) Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta ngày nay là nhà nước pháp quyền, của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là công cụ chủ yếu (cùng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân) để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng các tổ chức đảng và mọi đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Digitized by Google

b) Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Trọng tâm của nội dung này là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức lập pháp, hành pháp, tư pháp ; các mối quan hệ và cơ chế phối hợp giữa các tổ chức đó với nhau. Cần tinh gọn tổ chức, bộ máy và biên chế, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng làm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Trước mắt, cần tiến hành làm tốt một số công việc sau :

- Quốc hội cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với tình hình mới. Hiến pháp 1992 được ban hành là nhằm đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn đất nước trong thời kỳ chuyển đổi. Hiện nay, đất nước ta bước sang giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Điều đó đòi hỏi phải quan tâm xây dựng bộ máy nhà nước cả lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương đến cơ sở vững mạnh, có hiệu lực và ngang tầm với nhiệm vụ mới. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp cần được khẩn trương tiến hành, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để chúng ta tiến hành cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

- Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội mà trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, quyền quyết định các vấn đề lớn của quốc gia và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội cần tập trung thực hiện tốt hơn nữa chức năng lập pháp, đẩy nhanh tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đổi mới quy trình xây dựng luật theo hướng Quốc hội phải là cơ quan làm luật (hiện nay xây dựng luật pháp hầu hết là do cơ quan Chính phủ thực hiện). Phải nâng cao chất lượng từ khâu soạn thảo dự luật để Quốc hội tập trung thảo luận, quyết định những vấn đề lớn, những vấn đề có ý kiến khác nhau, không mất nhiều thì giờ tranh luận về các vấn đề cụ thể. Muốn vậy cần tăng số đại biểu Quốc hội chuyên trách có trình độ và hiểu biết về pháp luật. Quốc hội phải làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền quyết định ngân sách như Hiến pháp quy định, thông qua các vấn đề lớn về chủ trương, chính sách và về kế hoạch hằng năm, và các kế hoạch 5 năm ; về tổ chức và nhân sự của các cơ quan nhà nước. Quốc hội tăng cường quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tập trung vào những vấn đề bức xúc như : chống tham nhũng, chống lãng phí, quản lý vốn và tài sản Nhà nước, bắt giam, điều tra, truy tố, xét xử. Đề cao quyền và trách nhiệm của đại biểu trong việc chất vấn.

- Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Tập trung làm rõ chức năng và phương thức hoạt động của Chính phủ cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Chính phủ quản lý vĩ mô các lĩnh vực hoạt động của toàn xã hội bằng hệ thống pháp luật, các chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ và thông qua việc hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương. Tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân. Kiện toàn các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Digitized by Google

- Đổi mới và kiện toàn các cơ quan tư pháp nhằm phân định rõ thẩm quyền của từng cơ quan, từng cấp, bảo đảm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan đó. Các cơ quan tư pháp phải là mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thể hiện công lý, tính dân chủ và công khai trong hoạt động. Đấu tranh để bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời kiên quyết nghiêm trị các tội chống Tổ quốc, chống chế độ, tham nhũng, sách nhiễu dân. Khắc phục những biểu hiện hữu khuynh trong đấu tranh chống tội phạm, chống tình trạng bắt, giam giữ oan, sai, xét xử không công minh, vi phạm quyền dân chủ của công dân.

c) Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật, tăng cường pháp chế.

Phát huy dân chủ là phát huy nguồn sức mạnh to lớn của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, củng cố, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước nói riêng. Tuy nhiên, đây là vấn đề rộng lớn với nhiều nội dung, phương thức và đặc điểm của từng cấp, từng lĩnh vực. Từ thực tiễn đời sống chính trị của xã hội ta hiện nay, Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh một số yêu cầu :

- Phát huy dân chủ trong việc bầu cử, ứng cử, đảm bảo chất lượng và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan. Đổi mới cơ chế, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các cơ quan và cán bộ, công chức để tạo ra bước chuyển biến rõ nét trong việc giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền giáo dục toàn dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Hiện nay, có tình hình rất đáng lo ngại là : Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ... nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng chưa được xử lý thật kiên quyết. Cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước mà không chấp hành nghiêm kỷ luật, sự điều hành và các quy định của cấp trên, thậm chí vi phạm pháp luật thì khó lòng đòi hỏi người dân chấp hành nghiêm pháp luật. Chúng ta khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền thì trước hết đòi hỏi các cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước phải gương mẫu chấp hành nghiêm Hiến pháp và pháp luật, cấp dưới phải phục tùng cấp trên.

d) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, cần thực hiện một số vấn đề chính yếu như : hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức. Bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, gắn với việc tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, thải loại những người thoái hóa về phẩm chất chính trị, đạo đức. Tăng cường cán bộ cho cơ sở, nhất là miền

Digitized by Google

núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều khó khăn. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, pháp luật, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

e) Đấu tranh chống tham nhũng.

Tham nhũng đang trở thành căn bệnh rất nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, trở thành một vấn đề chính trị làm suy giảm uy tín của Đảng và Nhà nước ta, khiến toàn Đảng, toàn dân hết sức bất bình. Đấu tranh chống tham nhũng trở thành nhiệm vụ to lớn, là một yếu tố liên quan đến sự sống còn của Đảng và chế độ ta. Vì vậy, *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội IX của Đảng đặt nội dung này ở mục về Nhà nước. Đại hội đã nhấn mạnh phải tiến hành một cách kiên quyết cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong toàn bộ hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở ; gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu. Đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính. Đối với những hiện tượng tham nhũng đã và đang xảy ra, phải kiên quyết nghiêm trị, tuyệt đối không được bao che. Xử lý người vi phạm, đồng thời xử lý về trách nhiệm cả người lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, khen thưởng thỏa đáng những người phát hiện tham nhũng, bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Để phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, cần thực hiện tốt và đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau :

- Tăng cường tổ chức và hoàn thiện cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện đúng Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Quy chế dân chủ ở cơ sở trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, nhất là ở những nơi dễ xảy ra tham nhũng. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng. Tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, sách nhiễu, cơ chế "xin cho". Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước, tài chính của Đảng và đoàn thể, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

- Phát động cán bộ, đảng viên, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội tham gia giám sát, kiểm tra cán bộ và công chức, phát hiện tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh, kịp thời những cán bộ, công chức lợi dụng chức quyền để tham nhũng, dù người đó ở cấp nào, lĩnh vực nào. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện công khai tài chính ở cơ sở, kê khai các tài sản lớn của cá nhân và gia đình cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước. Kiểm tra, kết luận và xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh. Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống của những người hưởng lương, xóa bỏ các chế độ mang tính đặc quyền, đặc lợi. Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, biểu dương những cán bộ, công chức liêm khiết, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy của Đảng, Nhà nước và trong xã hội. ❑

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC MẶT TRẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM THẾ DUYỆT *

NGHỊ quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam với chủ đề tư tưởng xuyên suốt : "PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA" đã xác định : *"Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"* (1). Đại hội IX đã tiếp tục khẳng định và phát triển những chủ trương và quan điểm lớn về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường công tác Mặt trận đã được đề ra tại các Đại hội lần thứ VI, thứ VII và thứ VIII của Đảng. Về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong giai đoạn cách mạng mới, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân" (2).

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta đã để lại cho chúng ta nhiều bài học lớn. Một trong những bài học lớn đó là : Để phát huy cao độ sức mạnh toàn dân tộc, điều kiện tiên quyết là toàn dân phải đoàn kết, vì "kết đoàn là sức mạnh". Kế thừa và phát huy truyền thống đó, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn coi trọng việc củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Một sáng tạo lớn, đồng thời là một cống hiến lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho cách mạng nước ta, cho phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là việc thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói : "Hồ Chủ tịch và Đảng ta có ý thức sâu sắc về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, bởi lẽ Hồ Chủ tịch và Đảng ta luôn luôn thấy ở mỗi người Việt Nam là một người yêu nước và Mặt trận là sự tập hợp và nhân lên gấp bội nhiệt tình yêu nước đó" (3). Mặt trận Dân tộc thống nhất chính là cái cốt vật chất, là điều

---

* Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

(1) (2) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 23, 47

(3) Bài phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tháng 5-1983

Digitized by Google

kiện tiên quyết để chuyển hóa đại đoàn kết dân tộc từ sức mạnh tinh thần tiềm ẩn thành sức mạnh vật chất hiện thực của dân tộc ta.

Qua 15 năm đổi mới đầy sáng tạo, nhờ kiên cường phấn đấu, nhân dân ta đã vượt qua rất nhiều khó khăn, thử thách và đã giành được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Đánh giá về những thành tựu đó, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng viết : "Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế ; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra ; phá được thế bao vây, cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; (...) ; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước" [4]. Một trong những nhân tố quan trọng, dẫn đến những thành tựu nêu trên là do Đảng ta đã mở rộng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt khác, chính những thành tựu ấy lại là điều kiện hết sức quan trọng để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc, tạo điều kiện thuận lợi để chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Đảng tiếp tục đi vào cuộc sống và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân tăng lên, trở thành một nhân tố cơ bản đảm bảo sự ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển và tiếp tục nâng cao đời sống của các tầng lớp nhân dân ; liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng và mang nội dung mới là chủ động, tích cực, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển. Sự hợp tác tự giác giữa lao động trí óc và lao động chân tay chặt chẽ hơn để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều với chất lượng ngày càng tốt hơn cho xã hội. Lợi ích cơ bản và thiết thân của mỗi thành viên và cả cộng đồng xã hội - động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân - từng bước được đáp ứng tốt hơn. Sự đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế đã giải phóng lực lượng sản xuất và từng bước thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Cùng với nó là những hình thức, biện pháp xã hội hóa các hoạt động và chính sách xã hội như : xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, nhân đạo - từ thiện v.v... đã góp phần củng cố niềm tin của đại bộ phận nhân dân đối với Đảng, với chế độ. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới, dân chủ hóa đời sống xã hội được tăng cường, nhất là việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân ở trong và ngoài nước tham gia ngày càng đông đảo vào các sinh hoạt chính trị của đất nước, xóa bỏ dần những ngăn cách do lịch sử để lại, làm cho các thành viên trong cộng đồng dân tộc cởi mở, xích lại gần nhau hơn, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Cùng với những thành tựu, tiến bộ và chuyển biến nêu trên, Nghị quyết Đại hội IX cũng thẳng thắn chỉ ra những vấn đề làm cho

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 18 - 19

Digitized by Google

nhân dân ta băn khoăn, lo lắng, thậm chí bất bình. Đó là nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp ; một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết như : tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu, trong giáo dục đào tạo xuất hiện các tiêu cực đáng lo ngại. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hóa giầu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh. Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và mại dâm lan rộng. Trật tự, an toàn xã hội chưa được bảo đảm vững chắc. Đặc biệt là tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống nghiêm trọng và kéo dài ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế, đang làm cho nhân dân hết sức bất bình và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Để xảy ra những khuyết điểm, yếu kém nói trên là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là trách nhiệm của Đảng lãnh đạo. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật và trách nhiệm cao trước nhân dân, Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, nêu rõ nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới nhằm phát huy cao độ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục mở rộng và tăng cường Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng coi đại đoàn kết toàn dân là : "đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [5]. Với tinh thần ấy, Đại hội IX đã kế thừa và phát triển một bước quan trọng Cương lĩnh của Đảng ta, đặt ra yêu cầu cao hơn, sâu rộng hơn đối với khối đoàn kết toàn dân tộc, để nó trở thành một động lực phát triển đưa đất nước ta cất cánh đi lên trong thế kỷ mới.

Công cuộc đổi mới đã mang lại cho đất nước ta những biến đổi sâu sắc và toàn diện. Những biến đổi đó đã tác động đến toàn bộ đời sống xã hội, đến tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đem lại cho Mặt trận những yếu tố mới thể hiện trên một số khía cạnh sau đây :

Cơ sở và thành phần của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có những chuyển biến mới. Nếu như trong cách mạng dân tộc, dân chủ, cơ sở của Mặt trận Dân tộc thống nhất là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, thì ngày nay, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cơ sở của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng đông về số lượng, rộng về ngành nghề, cao về chuyên môn và giầu lòng yêu quê hương, đất nước. Trước yêu cầu to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải không ngừng mở rộng về tổ chức và hoạt động thực tiễn, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để Mặt trận Tổ quốc thực sự trở thành tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc,

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 44

Digitized by Google

các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới đất nước, ***hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng được mở rộng***. Nếu như trước đây, trong cách mạng dân tộc dân chủ, Mặt trận Dân tộc thống nhất là mặt trận của những người yêu nước, chống đế quốc, chống phong kiến, tán thành chế độ dân chủ, thì ngày nay khi cả nước đang bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trở thành mặt trận của mọi người Việt Nam yêu nước, với nội dung mới là : ***tán thành công cuộc đổi mới nhằm mục tiêu giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.***

Độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh lúc này phải trở thành lý tưởng cao đẹp, tình cảm sâu sắc và mục tiêu phấn đấu của mọi thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của mọi người Việt Nam yêu nước, thương nòi. Trên cơ sở lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng mà chấp nhận những cái khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc. Trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược trước đây, *tính chất liên hiệp* của Mặt trận Dân tộc thống nhất thể hiện chủ yếu ở chỗ giải quyết hài hòa những lợi ích khác nhau giữa các thành viên trong Mặt trận trên cơ sở mục tiêu chung là độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân. Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là một bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, nơi tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân. Tính chất liên hiệp của Mặt trận Tổ quốc thể hiện ở chỗ, các thành viên trong tổ chức nhân dân rộng lớn này cùng nhau hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Do tính chất của Mặt trận Tổ quốc đã có sự thay đổi nên *nội dung công tác mặt trận* của Đảng cũng đã thay đổi về căn bản. Trong giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ, công tác và chính sách mặt trận chủ yếu nhằm tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân vùng lên giành chính quyền và xây dựng chế độ cộng hòa dân chủ, kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, công tác và chính sách mặt trận của Đảng có phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Công tác và chính sách đó không chỉ được thể hiện trong việc xây dựng, củng cố, bảo vệ và giám sát chính quyền nhằm đảm bảo cho chính quyền đó thực sự trong sạch, vững mạnh, là chính quyền của dân, do dân và vì dân mà còn được quán triệt và thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trên mọi lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... công tác và chính sách mặt trận đều nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội, gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công dân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng. Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc cần tuân thủ Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là : "Muốn đoàn kết thực sự, phải có dân chủ thực sự", gắn đoàn kết với phát huy dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên mọi lĩnh vực ở tất cả các cấp, các ngành.

Digitized by Google

Như chúng ta đều biết, Mặt trận vừa có tính liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc, một tổ chức thể hiện tính đa dạng trong thống nhất. Để Mặt trận hoạt động có hiệu quả, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như Điều lệ Mặt trận đã xác định nguyên tắc làm việc của Mặt trận là : ***tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động.*** Thực tiễn của những năm qua cho thấy : các bộ phận của hệ thống chính trị có quan hệ hữu cơ và hỗ trợ lẫn nhau. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mạnh sẽ góp phần làm cho Đảng, Nhà nước mạnh và ngược lại. Vì vậy, vấn đề đặt ra lúc này là làm sao để mọi cán bộ, đảng viên của Đảng, viên chức của Nhà nước cần nghiên cứu kỹ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để mọi người nắm vững vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận để thực hiện cho tốt. Ủy ban Trung ương Mặt trận và Trung ương các tổ chức thành viên như Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam v.v... cần động viên các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh. Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định vị trí vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, đề ra cho Mặt trận những yêu cầu mới cao hơn trước, nhất là phải tăng cường, đa dạng hóa việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, không ngừng phát huy vai trò liên minh chính trị, đưa công tác mặt trận hướng mạnh về cơ sở xuống địa bàn dân cư, làm cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự trở thành cầu nối vững chắc giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng và Nhà nước. Sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân là sự nghiệp chung và thiết thân của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng có vai trò lãnh đạo quyết định đối với sự nghiệp cao cả này. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra yêu cầu mới hết sức quan trọng là hơn bao giờ hết phải tăng cường lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, trong đó cần tăng cường lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và lãnh đạo công tác mặt trận của Đảng.

Hơn 70 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã từng phải đương đầu với những khó khăn chồng chất, những thử thách nặng nề, nhiều lúc tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. Nhưng với ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, nhân dân ta phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc, đã vượt qua biết bao phong ba, bão táp, giành được độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đang vững bước tiến lên con đường ấm no, giàu mạnh, hạnh phúc và văn minh.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tuy còn nhiều khó khăn, trở ngại nhưng đang rộng mở trước tương lai tươi sáng của dân tộc ta. Vì cuộc sống của chúng ta hôm nay và các thế hệ Việt Nam mai sau, mọi người Việt Nam mang trong mình dòng máu con Lạc, cháu Hồng, đồng tâm, hiệp lực đem hết nhiệt tình và trí tuệ, sức lực và tài năng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần thực hiện Di chúc của Bác Hồ là "xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN THẾ TRỊ *

TRONG những năm qua cùng với sự đổi mới toàn diện của đất nước, trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh nói chung, giáo dục quốc phòng - an ninh nói riêng đã có bước phát triển mới, nhất là từ khi có Nghị định 19/CP của Chính phủ về Công tác quốc phòng và Nghị định 71/CP của Chính phủ về Giáo dục quốc phòng trong hệ thống các trường chính trị, hành chính, đoàn thể. Có thể nói với hai Nghị định này công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đã có sự thay đổi về chất cả trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giáo dục quốc phòng - an ninh không dàn trải, không chung chung, hình thức, mà đi vào chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt, đã tập trung chú ý vào đối tượng là cán bộ lãnh đạo và chủ chốt - một đối tượng rất quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thực tiễn cũng như nhận thức trong các cấp các ngành của cả nước. Trong tình hình đó, Học viện Quốc phòng từ giữa năm 1998 đến nay đã mở 4 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho hơn 200 cán bộ chủ chốt từ cấp tỉnh đến trung ương. Từ thực tiễn sinh động này có nhiều vấn đề về đào tạo bồi dưỡng hết sức bổ ích được bộc lộ và rất đáng đi sâu nghiên cứu tổng kết rút kinh nghiệm.

Thứ nhất, về mục tiêu, đối tượng bồi dưỡng.

Học viện Quốc phòng có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho hai đối tượng chính là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và tương đương ; cán bộ lãnh đạo thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể trung ương. Qua 4 lớp đã tiến hành, có khoảng 55% là cán bộ cấp tỉnh và tương đương ; 45% thuộc số đối tượng còn lại. Đây là một đối tượng mang tính đặc thù rất đáng chú ý về một số mặt như tuổi tác, kiến thức và hoàn cảnh công tác... Nói chung ở lứa tuổi này, nhiều người đã kinh qua chiến tranh cách mạng nên rất từng trải ; có trình độ lý luận chính trị - xã hội và thực tiễn vững vàng, mặc dù vẫn còn những điểm chưa đồng đều về một số mặt do đặc điểm nghề nghiệp và hoàn cảnh công tác khác nhau. Ngay nhận thức về tình hình an ninh - quốc phòng của đất nước cũng có sự cách biệt về mức độ sâu sắc ; kiến thức về quốc phòng - an ninh trong một số cán bộ đến học vẫn còn có phần chưa thật đồng đều. Là cán bộ đương chức vừa tham gia lớp học,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Trung tướng, TS. Giám đốc Học viện Quốc phòng

Digitized by Google

vừa giải quyết công việc nặng nề và bận rộn ở cơ quan, nên đối với các đồng chí học viên thực sự là một cố gắng lớn. Từ một số đặc điểm cơ bản trên, đòi hỏi phải có một nội dung chương trình phù hợp, xác định mục tiêu rõ ràng và các biện pháp giảng dạy, học tập sáng tạo.

Xuất phát từ yêu cầu của cách mạng và tình hình đặc điểm nước ta hiện nay, mục tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho hai đối tượng nêu trên là : Bồi dưỡng những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về quốc phòng - an ninh ; nội dung quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh và một số kiến thức cần thiết khác có liên quan, để mỗi cán bộ vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện "Công tác quốc phòng" theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, gắn với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; truyền bá những nhận thức và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng trong xã hội.

Thứ hai, về nội dung, chương trình, quản lý quá trình dạy và học.

Dựa vào hệ thống mục tiêu đã xác định, Học viện tiến hành thống kê toàn bộ hệ thống kiến thức, sắp xếp thành các khối kiến thức để đưa vào chương trình. Qua kinh nghiệm các khóa bồi dưỡng, Học viện tiến hành cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng và tổng kết thường kỳ từng khóa học cụ thể, dần dần chuẩn hóa các khối kiến thức như sau :

- Khối kiến thức chung (tỷ lệ khoảng 8%), nghiên cứu về lịch sử quốc phòng - quân sự, học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đó là cơ sở để nghiên cứu các chuyên đề quốc phòng - an ninh.

- Khối kiến thức quốc phòng - an ninh (tỷ lệ khoảng 52%), nghiên cứu về chiến lược một số nước có liên quan đến quốc phòng, an ninh của Việt Nam ; chiến lược quốc phòng - an ninh quốc gia trong giai đoạn mới ; xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia ; quan điểm, nội dung, phương thức kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh ; chiến lược đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược đối ngoại gắn với quốc phòng - an ninh ; xây dựng phát triển công nghiệp quốc phòng. Đồng thời nghiên cứu các chuyên đề : phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý sự nghiệp quốc phòng ; công tác quốc phòng ở các bộ, ngành, địa phương ; vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như các tổ chức chính trị xã hội khác với sự nghiệp củng cố quốc phòng - an ninh. Đó là những nội dung chủ yếu để thực hiện công tác quốc phòng.

- Khối kiến thức quân sự (tỷ lệ khoảng 11%) nghiên cứu về : nguyên tắc, nội dung, phương thức chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến ; nghệ thuật chiến dịch Việt Nam (hoặc tác chiến phòng thủ quân khu) ; chiến lược bảo vệ biên giới, biển, đảo trong thời kỳ mới.

Ngoài ba khối kiến thức chính còn có khối kiến thức bổ trợ (tỷ lệ khoảng 8%), cung cấp những thông tin cập nhật, hoặc những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, góp phần bổ sung cho các chuyên đề thuộc ba khối kiến thức trên.

Tổng số các khối kiến thức chiếm tỷ lệ khoảng 79 - 80%. Còn lại Học viện đặc biệt quan tâm tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế (tỷ lệ khoảng 16%) ; viết thu hoạch (khoảng 4%). Nội dung nghiên cứu thực tế chủ yếu đi sâu tìm hiểu kinh nghiệm kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh ở các địa phương ; các đơn vị quân đội để hiểu được khả năng sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện hiện nay.

Digitized by Google

Thực tiễn qua một số khóa đào tạo, cả người dạy và người học đều cho rằng chương trình xây dựng công phu, kết cấu tương đối hợp lý, các chuyên đề được sắp xếp theo một trình tự lôgic, khoa học. Tuy thời gian ngắn nhưng đã đề cập được những vấn đề cơ bản về quốc phòng - an ninh và quân sự ; mối quan hệ giữa các vấn đề trên với các lĩnh vực khác như kinh tế, đối ngoại, tư tưởng, văn hóa, xã hội, dân tộc và tôn giáo... rất chặt chẽ, nhất là cụm kiến thức quốc phòng. Sau khóa học, học viên đều nắm được kiến thức cơ bản về an ninh - quốc phòng, và khái quát về tình hình an ninh - quốc phòng của đất nước.

Thứ ba, về quản lý quá trình dạy và học.

Quán triệt các quan điểm về đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), đã được thể chế hóa trong Luật Giáo dục, Học viện Quốc phòng đã coi trọng việc tự học, tự nghiên cứu của học viên ; tạo điều kiện cho học viên trao đổi kinh nghiệm học tập lẫn nhau thông qua thảo luận ở tổ và hội thảo ở lớp ; kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tế. Thời gian tự học, tự nghiên cứu của học viên chiếm khoảng 60% ; thời gian nghe giảng khoảng 40%. Sau mỗi khối kiến thức đều có tổ chức trao đổi, hội thảo. Trong khối kiến thức quốc phòng - an ninh là trọng tâm, đã tổ chức nhiều buổi hội thảo khoa học và đi nghiên cứu thực tế về kết hợp kinh tế với quốc phòng ở các địa phương. Trong nghiên cứu học tập thực tế, ngoài việc đi sâu nghiên cứu kinh nghiệm kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, còn tham quan học tập ở một số đơn vị thuộc lực lượng vũ trang. Những hoạt động như vậy giúp cho học viên nâng cao nhận thức tư tưởng, nắm được tình hình, hiểu rõ trách nhiệm của mình hơn. Kết quả nghiên cứu học tập thực tế gây được ấn tượng sâu sắc cho người học. Có thể nói, cách học tập phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên, xây dựng không khí dân chủ trong học tập như vậy không phải hoàn toàn mới. Chỉ có điều là cách học tập này từ trước đến nay luôn là điều khó thực hiện, bởi lẽ phải có điều kiện cho phép về cơ sở vật chất kỹ thuật, về đội ngũ cán bộ giảng dạy và đề cao tính tự giác của đội ngũ học viên.

Việc học tập của các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đã đem lại những kết quả thiết thực. Các đồng chí học viên nhận thức sâu sắc về mục tiêu, quan điểm, đường lối, chính sách, các nội dung chủ yếu của chiến lược quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, nhất là nội dung đánh giá âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Người học có được cách nhìn tổng quát, tương đối cơ bản và có hệ thống về lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới, làm cơ sở cho việc tổ chức, chỉ đạo triển khai công tác quốc phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Đáng phấn khởi là, khi đánh giá kết quả bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tại buổi khai giảng lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh khóa 4 ngày 29-3-2000, lúc đó Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, nay là Tổng Bí thư của Đảng đã nói : "Từ năm 1998 thực hiện các chủ trương của Bộ Chính trị, Học viện Quốc phòng đã mở được 3 khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành phố trong cả nước, cán bộ lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể trung ương, đã đạt kết quả tốt. Các đồng chí cán bộ được học lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đã tích cực triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp với xây dựng củng cố quốc phòng - an ninh ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, góp phần tạo ra sự chuyển biến, tiến bộ rõ rệt ở các địa phương...". Đây là lời động viên, cổ vũ kịp thời đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên

Digitized by Google

của Học viện Quốc phòng ; khẳng định hướng đi và việc làm đúng đắn khiến họ tin tưởng, phấn khởi cố gắng nhiều hơn nữa, giành thành tích cao hơn nữa trong sự nghiệp giáo dục quốc phòng toàn dân.

Sau 4 khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, Học viện Quốc phòng đã tổ chức rút kinh nghiệm sâu rộng, đồng thời xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng ; kết hợp với nghiên cứu ý kiến đóng góp của học viên, Học viện quốc phòng đang tiếp tục đổi mới chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các lớp kế tiếp theo *phương hướng* chủ yếu sau :

- *Trước hết*, đổi mới căn bản và toàn diện nội dung, phương pháp dạy và học. Nghiên cứu sắp xếp lại nội dung các chuyên đề ; loại bỏ sự trùng lặp, ghép những chuyên đề có liên quan ; tập trung vào các trọng điểm và những vấn đề bức xúc hiện nay, tạo điều kiện đổi mới mạnh mẽ nội dung phương pháp dạy và học.

- *Thứ hai*, vận dụng phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy năng lực tự học và tư duy sáng tạo của học viên ; giảm thời gian lên lớp ; tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên ; tăng thời gian trao đổi, thảo luận, làm cho chất lượng hiệu quả dạy và học đạt hiệu quả cao, tạo nên không khí dân chủ sôi nổi trong học tập.

- *Thứ ba*, để thực hiện được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ về quốc phòng - an ninh hơn nữa, đòi hỏi có sự nỗ lực rất cao của cả người dạy và người học. Người dạy phải chuẩn bị giáo trình, tài liệu giảng dạy công phu hơn, có nhiều tài liệu tham khảo có giá trị thông tin cao hơn, kể cả các nguồn thông tin trái ngược nhau, nhất là cách xử lý những thông tin đó một cách đúng đắn, giúp cho người học có điều kiện đi sâu nghiên cứu. Mặt khác, người học và người dạy phải nỗ lực phấn đấu, đề cao trách nhiệm, cố gắng sắp xếp công việc, tập trung cho nghiên cứu, học tập đạt kết quả cao nhất.

- *Thứ tư*, việc nghiên cứu học tập thực tế cần được tiếp tục nghiên cứu cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Muốn vậy không những tăng thời gian và nội dung mà còn cần có sự định hướng rõ ràng về nội dung. Tập trung nghiên cứu những mô hình đã làm tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế ; các kinh nghiệm về phòng chống tiêu cực, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội... Để định hướng nghiên cứu, mỗi chuyến đi tham quan thực tế, mỗi nơi đến, học viên phải có chủ đề nghiên cứu cụ thể rõ ràng. Sau khi về, từng học viên phải làm thu hoạch nghiêm túc.

- *Thứ năm*, để chuẩn bị nội dung bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt, cấp trên sớm có quy định thống nhất về thời gian học tập của mỗi khóa học. Hiện nay vấn đề này còn chưa chuẩn hóa, có thể nên tăng thêm thời gian cho phù hợp dựa trên những tính toán khoa học.

Để nâng cao hiệu quả học tập nghiên cứu thực tế, đề nghị Bộ Quốc phòng chỉ đạo mỗi quân khu tập trung xây dựng một mô hình mẫu về xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, thành phố vững chắc, thực sự là nền tảng của thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân..., giúp cho học viên thâm nhập tham quan học tập, từ đó có thể nghiên cứu, tiếp thu, nhân rộng điển hình ở nhiều nơi. Tiếp tục nâng cao chất lượng viết thu hoạch cuối khóa, không chỉ dừng lại ở chỗ nâng cao nhận thức, mà còn đóng góp tích cực vào việc hoạch định chủ tương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở địa phương, hoặc ngành mình công tác. ❑

Digitized by Google

NHÂN TỐ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, THỐNG NHẤT QUYỀN LỰC TRONG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN VĂN THẢO *

NGHỊ quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đặt vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân ; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền bao hàm nhiều ý niệm rất rộng, nhưng điểm cốt lõi là vấn đề thống nhất quyền lực của nhân dân thông qua bộ máy nhà nước, sự kiểm soát quyền lực của dân đối với nhà nước, trách nhiệm nhà nước (responsabilité d'Etat) trước nhân dân, vấn đề phân công quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, mối quan hệ giữa trung ương với địa phương.

Từ năm 1919, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Hội nghị Véc-xây (Pháp). Trong bức thư có nhiều điểm yêu cầu về quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, yêu cầu phải cai trị người Việt Nam bằng Hiến pháp, trên cơ sở của "thần linh pháp quyền".

Cách mạng Tháng Tám thành công, với những ý niệm sẵn có trong suốt 30 năm bôn ba ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với những đặc điểm của một bộ máy hiện đại, dân chủ, có hiệu lực.

Tiếp tục truyền thống và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII trực tiếp nêu vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền, sau đó cụ thể hóa vào bản Hiến pháp năm 1992, đánh dấu một bước tiến bộ về xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta.

Nhìn lại thời kỳ đầu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền đã thể hiện ở những nhân tố nào ?

1. Sau khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập (19-8-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 và bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã ghi nhận ý tưởng đặc sắc, phản ánh những nhân tố nhà nước pháp quyền trong cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Bản Hiến pháp năm 1946 và 613 Sắc lệnh từ 1945 đến 1969, trong đó có 243 Sắc lệnh quy định về tổ chức nhà nước và pháp luật đã hình thành một thể chế bộ máy nhà nước có nhiều nhân tố của một nhà nước pháp quyền.

Tiêu chuẩn về một chính quyền mạnh, một chính quyền sáng suốt, một chính quyền của dân, do dân thành lập và hoạt động vì nhân dân

* Luật sư

Digitized by Google

là một tư tưởng nhất quán và liên tục, một quan niệm cốt lõi của Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Trước hết là Tổng tuyển cử tự do, hình thành một nhà nước hợp pháp, Nhà nước của nhân dân Việt Nam, một Quốc hội đại đoàn kết, một Chính phủ liên hiệp.

Sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp Chính phủ (3-9-45) nêu rõ những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, gồm 6 điểm, trong đó có việc "đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu..." để có một Chính phủ của nhân dân, do nhân dân thành lập.

Chính sách bầu cử, ứng cử, vấn đề cốt tử của tính hợp hiến về hình thành bộ máy nhà nước, tự do hay hạn chế, bình đẳng hay phân biệt, giả hay thật, áp đặt hay tự do lựa chọn là những chuẩn mực của việc xem xét bản chất của Nhà nước, quyền lực thuộc về ai. Trong bài viết về ý nghĩa Tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh : Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử..., Tổng tuyển cử toàn dân sẽ bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử Chính phủ, Chính phủ đó là của toàn dân.

Với một đất nước còn ngổn ngang những khó khăn và rối ren, quân đội Pháp tấn công các tỉnh phía Nam, quân đội Tưởng Giới Thạch kéo vào các tỉnh miền Bắc, bọn phản động trong nước bám vào quân đội Tưởng Giới Thạch hoạt động ráo riết và chiếm được một số địa phương ; giặc đói, giặc đốt hoành hành, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ lâm thời vẫn cho tiến hành một *giải pháp chính trị pháp lý* mà chúng ta thường nghĩ rằng chỉ có trong hòa bình mới có thể tiến hành được công việc đó.

Với một Quốc hội được thành lập qua Tổng tuyển cử, một *Nhà nước hợp pháp* ra đời, tư cách của nó, vị trí của nó trên thế giới được xác lập, trong nước hoạt động có danh nghĩa, có hiệu lực và hiệu quả hơn một Chính phủ lâm thời.

Quốc hội đã bầu ra một Chính phủ hợp hiến thay thế cho Chính phủ lâm thời, một Chính phủ đại diện cho tư tưởng đoàn kết rộng rãi, phù hợp truyền thống dân tộc, tâm lý, điều kiện kinh tế và xã hội, có sức truyền cảm, thôi thúc nhân dân Việt Nam.

Sự thành lập bộ máy nhà nước do dân cử bằng phổ thông đầu phiếu là sự kiện đầu tiên xuất hiện trong lịch sử nhà nước của dân tộc ta.

2. Quốc hội (từ năm 1946 đến 1959) gọi là Nghị viện nhân dân được xác định là một cơ quan cao nhất của đất nước (Hiến pháp 1946).

Tuy ở vị trí cao nhất, Quốc hội vẫn không phải là một cơ quan tập trung tất cả quyền lực.

Quốc hội là cơ quan giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước, biểu quyết danh sách Thủ tướng và các bộ trưởng.

Trong hoạt động của Quốc hội, nguyên tắc Hiến pháp về những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra *toàn dân phúc quyết* nếu 2/3 tổng số Nghị viên đồng ý (Điều 32 Hiến pháp 1946). Chế độ trưng cầu ý dân tuy được thực hiện khá phổ biến ở các nước nhưng áp dụng vào nước ta trong giai đoạn đó là một tiến bộ vượt bậc của tư tưởng đặt nền tảng nhân dân trong tổ chức hoạt động của Nhà nước.

Hiến pháp quy định mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ như là một cơ chế phối hợp và kiểm soát thông qua các thể chế về quyền chất vấn của Quốc hội đối với Chính phủ, quyền tín nhiệm hay không tín nhiệm đối với nội các hoặc cá nhân bộ trưởng, về trách nhiệm của Chủ tịch Chính phủ trước pháp luật cũng như trách nhiệm của Thủ tướng về con đường chính trị của đất nước.

Digitized by Google

3. Chính phủ (theo Hiến pháp 1946) là cơ quan hành chính cao nhất của quốc gia. Chính phủ gồm Chủ tịch nước, Phó chủ tịch và Nội các. Nội các có Thủ tướng, bộ trưởng, thứ trưởng, và có thể có Phó thủ tướng.

Chủ tịch nước có vai trò lớn trong hoạt động lập pháp. Chủ tịch có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại các đạo luật đã được Nghị viện biểu quyết.

Chủ tịch nước ban bố các đạo luật và ký các Sắc lệnh của Chính phủ. Chủ tịch nước chỉ đạo trực tiếp mọi hoạt động của Chính phủ, thay mặt cho quốc gia trong hoạt động đối ngoại, ký các hiệp ước, phái đại biểu Việt Nam ra nước ngoài, cùng Ban Thường vụ của Nghị viện quyết định tuyên chiến hay đình chiến. Chủ tịch nước quy định cách thức tổ chức các tòa án, bổ nhiệm các thẩm phán.

Chủ tịch nước điều hành toàn bộ hệ thống hành chính thông qua Chính phủ, chủ yếu là thông qua nội các của Chính phủ, đứng đầu là Thủ tướng.

Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu nội các, người nắm tập trung quyền hành pháp trong bộ máy nhà nước.

Vì những lý do nhân sự, thời kỳ đầu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Chính phủ kiêm Thủ tướng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đảm nhiệm.

Sau Hiến pháp 1946, Chính phủ được tổ chức không có nội các, do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu.

Thiết chế đó cho thấy lịch sử nền hành chính Việt Nam, Chính phủ luôn luôn là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước. Chính phủ hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, là trung tâm điều hành mọi hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước.

4. Tổ chức chính quyền địa phương, hình ảnh rõ rệt nhất trong định chế là Hội đồng nhân dân được xem như một cơ quan "tự quản" của nhân dân, một cơ quan quyết định về những vấn đề có tính địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Nguyên tắc về quyền hạn của Hội đồng nhân dân quyết định tất cả những vấn đề có tính địa phương được ghi nhận trong Hiến pháp và nhiều Sắc lệnh.

Quyền hạn của Nhà nước trung ương là thực hiện sự thống nhất và tập trung, đưa ra một danh mục công việc bắt buộc Hội đồng nhân dân phải xin phép Trung ương nếu chính quyền địa phương muốn thực hiện. Ngoài danh mục đó chính quyền địa phương tự quyết định mọi công việc.

Để đảm bảo cho Hội đồng nhân dân thực hiện đầy đủ thẩm quyền, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải gửi lên cơ quan hành chính cấp trên, trong một thời gian nhất định nếu không có sự bác bỏ hoặc yêu cầu bổ sung thì Hội đồng nhân dân sẽ đương nhiên thực hiện Nghị quyết đó.

Hội đồng nhân dân có thẩm quyền rộng và Hội đồng nhân dân đặt dưới sự quản lý của Chính phủ là những định chế lịch sử vẫn có ý nghĩa thời sự.

Có rất nhiều nguyên nhân về kinh tế, lịch sử, chính trị, hành chính, về tổ chức Hội đồng nhân dân chỉ có ở cấp tỉnh và cấp xã, không có Hội đồng nhân dân cấp huyện. Ở đô thị, Hội đồng nhân dân chỉ có 1 cấp thành phố, thị xã.

Về Ủy ban hành chính các cấp cũng có nhiều nét đặc biệt. Ủy ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra, đồng thời là cơ quan đại diện cho Chính phủ tại mỗi cấp.

Từ Ủy ban hành chính cấp kỳ, đến cấp tỉnh, huyện và xã, chức năng, quyền hạn rất cụ thể, không lẫn với Hội đồng nhân dân, chủ yếu là một cơ quan thi hành mệnh lệnh của Chính phủ và cơ quan hành chính cấp trên, kiểm soát các cơ quan chuyên môn cùng cấp và cơ quan hành chính cấp dưới, theo dõi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp dưới, chấp nhận hoặc không chấp nhận các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới.

Digitized by Google

Đồng thời với việc thi hành mệnh lệnh của cơ quan hành chính cấp trên, Ủy ban hành chính còn là cơ quan thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, là một bộ phận của chính quyền nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Vị trí, chức năng, quyền hạn đó thể hiện *một nền hành chính tập trung trên nguyên tắc phân quyền.*

5. Cách tổ chức tòa án

Tòa án thực hiện quyền xét xử theo nguyên tắc độc lập, mỗi thẩm phán chỉ tôn trọng pháp luật và công lý, các cơ quan khác không được can thiệp. Khi xét xử, thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật và lương tâm của mình, không một quyền lực nào được can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào việc xử án.

Để giữ được tính độc lập đó, các thẩm phán đều do Chính phủ Trung ương bổ nhiệm và làm việc suốt đời không theo nhiệm kỳ. Trong tòa án có 2 loại thẩm phán : thẩm phán công tố, thẩm phán xét xử. Người đứng đầu các thẩm phán công tố là Chưởng lý, không tổ chức Viện Công tố riêng.

Chế độ phụ thẩm nhân dân tham gia xét xử và chế độ luật sư có quyền biện hộ trước tất cả các Tòa án, trừ Tòa án sơ cấp (việc nhỏ không cần đến luật sư) là những định chế bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động xét xử.

Cách tổ chức tòa án với những nguyên tắc :

- Độc lập khi xét xử ;
- Thẩm phán được Chính phủ bổ nhiệm gồm thẩm phán công tố, thẩm phán xét xử.
- Phụ thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán.
- Luật sư biện hộ ;
- Hai cấp xét xử ;

Các nguyên tắc nêu trên là những nhân tố hết sức quan trọng của một Nhà nước pháp quyền.

Trong cách tổ chức Tòa án, nét rất đặc sắc là chú trọng tới thẩm quyền của Tòa án sơ cấp (cơ sở) nhằm giải quyết triệt để mọi sự tranh chấp trong nhân dân một cách nhanh chóng, đơn giản thủ tục mà hình ảnh của nó như là một tổ chức làm nhiệm vụ hòa giải các mâu thuẫn trong nhân dân với sự tham gia của Nhà nước. Tòa án sơ cấp được tổ chức ở tất cả các huyện, quận hoặc khu vực (vài huyện).

Các Tòa án được tổ chức thống nhất theo thẩm quyền : *Sơ cấp - đệ nhị cấp - thương thẩm - Tòa án tối cao* thể hiện một trình độ tổ chức khá hiện đại của hệ thống tư pháp.

Cách thức tổ chức Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được phát triển thêm qua Hiến pháp 1960, 1980, 1992 đến nay, tuy mỗi giai đoạn có khác nhau về cơ chế, chính sách nhưng là một hệ thống bộ máy nối tiếp liên tục theo một định hướng, một hệ tư tưởng thống nhất, quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền ngày càng được cụ thể hóa vào các thiết chế nhà nước.

Có thể nói những nhân tố nhà nước pháp quyền trong bộ máy Nhà nước Việt Nam từ 1945 đến nay, đặc biệt là thời kỳ đầu theo thiết kế của tư tưởng Hồ Chí Minh tập trung vào những điểm sau :

- Một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân, được toàn thể nhân dân bầu ra trên cơ sở chính sách bầu cử phổ thông đầu phiếu, tự do ứng cử và bầu cử, thể hiện một chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Một bộ máy nhà nước được phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp ở cấp Trung ương.
- Một nhà nước kết hợp hài hòa và nhuần nhuyễn giáo dục đạo đức và quản lý bằng pháp luật, đức trị và pháp trị.
- Một hệ thống chính quyền nhân dân địa phương với tính độc lập của Hội đồng nhân dân trên cơ sở quản lý của Chính phủ.
- Một nền hành chính mạnh và tập trung.
- Một nền tư pháp với nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán. ❑

Digitized by Google

KẾ HOẠCH HÓA TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở NƯỚC TA

VŨ VĂN PHÚC *

1. Quan niệm về vai trò nhà nước, kế hoạch hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế thấy rằng : một trong những nội dung quan trọng mà các nhà kinh tế bàn đến là vai trò của nhân tố thị trường và nhân tố Nhà nước trong điều hành quản lý nền kinh tế. Bởi lẽ, vấn đề nhà nước và thị trường là mối quan tâm hàng đầu của nhiều nhà nghiên cứu kinh tế trong nhiều thập kỷ qua, không những ở nước ta mà ở cả nhiều nước trên thế giới, vì muốn tìm tòi mô hình quản lý kinh tế vĩ mô thích hợp và có hiệu quả hơn.

Đối với một nền kinh tế đặc thù như nước ta : nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thì giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong điều tiết, quản lý nền kinh tế cũng còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phải nghiên cứu. Chẳng hạn như :

Thứ nhất, Sử dụng cơ chế thị trường đến đâu và như thế nào để phát huy được mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của nó.

Thứ hai, Với chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước thì kế hoạch hóa được sử dụng như là một trong những *công cụ quản lý kinh tế vĩ mô* như thế nào để đạt được tăng trưởng lâu bền và đảm bảo được định hướng XHCN.

Ngày nay, kế hoạch hóa (KHH) được hiểu theo nghĩa rộng nhất bao gồm *toàn bộ các hành vi can thiệp một cách có chủ định của Nhà nước vào nền kinh tế* để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Bản chất, nội dung của KHH hoàn toàn phụ thuộc vào vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường (KTTT).

Quan niệm về Nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN khác hẳn trong nền kinh tế tập trung - bao cấp : nếu trước đây Nhà nước là *cho phép* và *quyết định* (theo cơ chế xin - cho), thì ngày nay là Nhà nước *tạo khung khổ pháp luật* để mọi công dân tự do kinh doanh theo pháp luật và *hỗ trợ giúp đỡ,* đồng thời *giám sát* để doanh nghiệp và dân doanh hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả.

Kế hoạch hóa trong nền KTTT định hướng XHCN cũng khác với KHH trước đây : **nếu** trước đây kế hoạch chỉ giới hạn trong phạm vi khu vực kinh tế nhà nước, **thì** bây giờ kế hoạch *phải bao hàm tổng thể nền kinh tế quốc dân với nhiều thành phần kinh tế* và phải nhấn mạnh đến vấn đề quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội v.v...

Nhìn nhận kế hoạch hóa với tư cách là một chức năng cơ bản của quản lý kinh tế, thị trường với tư cách là một lĩnh vực hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội thì mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường có thể hiểu theo cách thị trường vừa là đối tượng, vừa là cơ sở của kế hoạch hóa. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần 6, khóa VI khẳng định : "Trong nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, thị trường vừa là một công cụ vừa là một đối tượng của kế hoạch hóa".

---

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Sự phát triển nền kinh tế hiện nay lệ thuộc rất nhiều vào những yếu tố môi trường, chứ không chỉ lệ thuộc vào sự điều hành và mong muốn của Chính phủ. Ví dụ như môi trường khu vực, môi trường quốc tế, môi trường địa kinh tế, môi trường thiên nhiên v.v... Vì thế, các mục tiêu trong kế hoạch chỉ mang tính dự báo, tính định hướng và kế hoạch không bao gồm kế hoạch sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thứ ba, Thị trường là *khách quan,* kế hoạch là *sản phẩm chủ quan* của Nhà nước, của ngành, của địa phương... Vậy thì xử lý mối quan hệ giữa *cái khách quan* và *cái chủ quan* ở đây như thế nào cho phù hợp trong một cơ chế để phát huy tác dụng cao nhất ?

Nói tạo "một sân chơi bình đẳng" cho các chủ thể kinh tế thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, vậy Nhà nước điều khiển "sân chơi" đó như thế nào để vừa không hạn chế sự thi thố tài năng của các chủ thể kinh doanh, lại vừa không làm chệch hướng XHCN của nền kinh tế; đảm bảo sự thỏa đáng giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với công bằng xã hội ?

Nhìn nhận kế hoạch hóa và thị trường với tư cách là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của nhà nước, thì thực chất của vấn đề KHH và cơ chế thị trường được coi là sự kết hợp giữa điều khiển trực tiếp bằng kế hoạch hóa và điều khiển gián tiếp thông qua cơ chế thị trường đối với các hoạt động trên thị trường cũng như đối với các hoạt động kinh tế trong xã hội.

2. Đổi mới công tác kế hoạch trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Với cách đặt vấn đề như trên, cần thấy rằng : Kế hoạch hóa là một trong những công cụ quản lý kinh tế vĩ mô quan trọng của Nhà nước nhằm đạt tăng trưởng lâu bền và đảm bảo định hướng XHCN. Vì thế đổi mới công tác kế hoạch từ tư duy, quan điểm định hướng, nội dung, quy trình lập và điều hành cho đến cơ cấu tổ chức và cách thức chỉ đạo kế hoạch là một nội dung cơ bản của quá trình đổi mới công tác kế hoạch. Bản chất, nội dung của kế hoạch hóa hoàn toàn phụ thuộc vào vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Trong cơ chế thị trường TBCN, sự can thiệp của Nhà nước luôn mang tính chất tư sản và trong khuôn khổ của chế độ tư sản với mục đích nhằm bảo đảm môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho sự thống trị của giai cấp tư sản, cho sự bền vững của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa. Trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì sự can thiệp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa vào nền kinh tế lại nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của toàn thể nhân dân lao động, thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Cơ chế vận hành nền KTTT định hướng XHCN là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN. Cơ chế đó đảm bảo tính hướng dẫn, điều khiển nền kinh tế nhiều thành phần hướng tới đích XHCN theo phương châm : nhà nước điều tiết vĩ mô, thị trường hướng dẫn doanh nghiệp. Cơ chế đó thể hiện ở các mặt cơ bản : *Một là,* nhà nước XHCN là nhân tố đóng vai trò "nhân vật trung tâm" và điều tiết nền kinh tế vĩ mô. *Hai là,* cơ chế thị trường (CCTT) là nhân tố trung tâm của nền kinh tế, đóng vai trò "trung gian" giữa nhà nước và doanh nghiệp.

Trong nền KTTT vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, sự quản lý can thiệp vĩ mô của Nhà nước phải thích hợp với yêu cầu của các quy luật kinh tế thị trường. Nhà nước phải sử dụng chủ yếu các công cụ, biện pháp kinh tế, luật pháp, quy hoạch, kế hoạch định hướng, chính sách kinh tế - xã hội và khả năng, sức mạnh kinh tế của Nhà nước để tác động tới thị trường, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp cho phù hợp.

Digitized by Google

Cơ chế thị trường có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Về mặt tích cực : nó là cơ chế tự điều tiết nền kinh tế rất linh hoạt, mềm dẻo, uyển chuyển ; nó có tác dụng kích thích mạnh và nhanh sự quan tâm thường xuyên đến đổi mới kỹ thuật, công nghệ quản lý, đến nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng ; nó có tác dụng lớn trong tuyển chọn các doanh nghiệp và cá nhân quản lý kinh doanh giỏi. Trên cơ sở đó, CCTT kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển... Về mặt tiêu cực : trên thị trường chứa đựng tính tự phát, chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn, mất cân đối. Vì chạy theo lợi nhuận, các nhà sản xuất, kinh doanh có thể gây nhiều hậu quả xấu : môi trường bị hủy hoại, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, phá sản, thất nghiệp, phân hóa xã hội cao, lợi ích công cộng bị coi nhẹ, các vấn đề công bằng xã hội không được bảo đảm, tệ nạn xã hội gia tăng, thậm chí có người làm ăn bất hợp pháp, trốn lậu thuế, làm hàng giả. Cũng vì mục tiêu lợi nhuận mà các nhà sản xuất, kinh doanh không làm những ngành nghề ít lợi nhuận. Để hạn chế những khuyết tật đó, đòi hỏi Nhà nước phải quản lý nền KTTT. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch định hướng, bằng các công cụ, chính sách, biện pháp kinh tế... CCTT chịu sự tác động rất mạnh của các quy luật kinh tế thị trường, do đó sự can thiệp vĩ mô của nhà nước phải phù hợp với yêu cầu của các quy luật kinh tế thị trường.

Tình hình đó đặt ra cho nền KTTT định hướng XHCN phải xử lý hài hòa 3 vấn đề sau đây : *Một là,* giải quyết tốt vấn đề lợi nhuận với vấn đề xã hội, sao cho vừa đảm bảo cho các chủ thể KTTT có được lợi nhuận cao, vừa tạo được điều kiện chính trị - xã hội bình thường cho sự phát triển kinh tế. *Hai là,* kết hợp những nguyên tắc phân phối của CNXH và nguyên tắc của KTTT, như : phân phối theo lao động, theo vốn, theo tài năng, phân phối qua quỹ phúc lợi xã hội... Trong đó, nguyên tắc phân phối theo lao động là chính. *Thứ ba,* điều tiết phân phối thu nhập, một mặt, đòi hỏi nhà nước phải có chính sách sao cho giảm bớt khoảng cách chênh lệch giữa lớp người giàu và lớp người nghèo... ; mặt khác, phải có chính sách, biện pháp nâng cao thu nhập chính đáng của người giàu, người nghèo và của toàn xã hội.

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, do vậy nội dung kế hoạch không được phép chỉ giới hạn trong phạm vi khu vực kinh tế nhà nước mà *phải mang tính tổng thể toàn nền kinh tế.* Việc đổi mới này sẽ tác động một cách sâu sắc đến tính dân chủ và công khai của kế hoạch. Ngay từ lúc dự thảo nội dung kế hoạch, các mục tiêu và biện pháp không nên và không cần phải giữ bí mật. Nhà nước cần tăng cường khung khổ pháp lý, hạn chế tối đa mọi can thiệp mang tính áp đặt, trực tiếp và chuyển sang hình thức tác động gián tiếp và khuyến khích. Như vậy, *những công cụ thường được áp dụng trong nền kinh tế kế hoạch hóa trước kia phải được thay bằng những công cụ, chính sách phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.* Liên quan chặt chẽ với những điểm trên là vấn đề *quy hoạch.* Quy hoạch được coi là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch. Nhưng ở nước ta vấn đề quy hoạch cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Cần phải phân biệt rõ 2 loại quy hoạch : quy hoạch sử dụng không gian (bao gồm cả quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị) và quy hoạch phát triển ngành. Thời gian qua, quy hoạch sử dụng không gian, đặc biệt là quy hoạch đô thị chưa được chú ý đúng mức, quy hoạch sử dụng đất thì lại không ổn định. Điều này đã gây lãng phí cho cả Nhà nước lẫn mọi người dân. Quy hoạch phát triển ngành lại được chú ý quá mức, gần như ngành nào cũng có và hầu hết quy hoạch ngành lại được xác định trong điều kiện "tĩnh" và

Digitized by Google

"đóng cửa", không tính được đầy đủ những biến động trên thị trường thế giới. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều doanh nghiệp, nhiều sản phẩm được hình thành theo quy hoạch không thể có sức cạnh tranh trên thị trường nếu không được Nhà nước bảo hộ. Tư duy về quy hoạch cần đổi mới theo hướng tăng cường công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, chỉ quy hoạch những ngành mang tính hệ thống toàn vùng hoặc toàn quốc (đường giao thông, điện, viễn thông...), những ngành mang tính kinh doanh chỉ nên dừng ở mức dự báo cung cấp thông tin kinh tế, khoa học công nghệ để các doanh nghiệp tự làm. *Cần nâng cao chất lượng công tác quy hoạch :* Bản chất quy hoạch là cụ thể hóa chiến lược về mặt không gian và thời gian. Quy hoạch lãnh thổ bám sát nguyên tắc phân cấp, việc xây dựng và thực hiện quy hoạch của cấp nào thì dựa chủ yếu vào tiềm lực của cấp đó, chính quyền cấp trên có trách nhiệm phối hợp điều hòa quy hoạch của chính quyền cấp dưới trực tiếp. Quy hoạch sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch đô thị là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước và các cấp chính quyền. Việc quy hoạch đô thị cần được tiến hành một cách công khai và ổn định, hạn chế các hiện tượng tiêu cực hoặc lạm dụng để đầu cơ trong thị trường bất động sản. Quy hoạch tổng thể ngành được áp dụng cho những ngành mang tính chiến lược và tính hệ thống toàn quốc (điện, giao thông, bưu chính viễn thông) có tính đến sự tham gia của các thành phần kinh tế và những biện pháp khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch. Quy hoạch phát triển của các ngành khác có sản phẩm và dịch vụ mang tính thương mại, phụ thuộc vào biến động thị trường trong nước và thế giới, tiến bộ khoa học kỹ thuật chỉ nên dừng ở mức độ định hướng, dự báo, hạn chế tối đa việc sử dụng nguồn ngân sách để đầu tư cho các dự án ở những lĩnh vực này. Cần có quy chế công bố công khai các quy hoạch để các thành phần kinh tế đóng góp ý kiến, tham khảo và tích cực thực hiện.

Xu thế phân cấp trong quản lý ngày càng tỏ ra có hiệu quả trong thực tế. Cần phân cấp quản lý nhà nước theo nguyên tắc "những hoạt động gắn liền với quyền lợi người dân do chính quyền cấp gần dân nhất chăm lo, chính quyền cấp trên chỉ thực hiện những nhiệm vụ có quy mô lớn mà cấp dưới không thực hiện được hoặc những việc mang tính liên vùng".

Việc xác định mục tiêu trong lập kế hoạch ở cả Trung ương lẫn địa phương theo kiểu năm sau phải cao hơn năm trước, mục tiêu nào cũng đều muốn đạt mức cao trong khi tiềm lực có hạn cần được thay đổi một cách cơ bản. Kế hoạch phải căn cứ vào hiện thực, phân tích quan hệ cung - cầu và khả năng cạnh tranh trên thị trường (trong nước và quốc tế) để tính tốc độ tăng trưởng, từ đó xác định mục tiêu. Việc xác định các mục tiêu phải đi kèm với xác định thứ tự ưu tiên giữa các mục tiêu, nghĩa là phải có sự "trả giá", có khi phải hạ thấp yêu cầu mục tiêu này cho việc đạt mục tiêu khác cao hơn.

Việt Nam đã gia nhập ASEAN, AFTA, ký kết Hiệp định Thương mại với Mỹ, quá trình toàn cầu hóa đang ngày càng gia tăng trên toàn thế giới, sự liên kết giữa thị trường trong nước và thị trường thế giới ngày càng gắn bó, nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã tạo ra sức ép ngày càng cao đối với mọi quốc gia, mọi doanh nghiệp. Việc nhận thức đầy đủ những vấn đề này sẽ buộc những nhà hoạch định chính sách phải đặt ra những mục tiêu kế hoạch trong bối cảnh chung, trong môi trường "động" và "mở cửa". Không chấp nhận những thách thức này, chắc chắn nền kinh tế sẽ không tránh khỏi nguy cơ tụt hậu, dẫn đến bất ổn định trong xã hội.

Digitized by Google

Trên cơ sở đổi mới về xác định mục tiêu và công cụ, quá trình xây dựng nội dung kế hoạch cần đổi mới theo hướng xác định các mục tiêu phải được làm cùng với xác định biện pháp tương ứng, công cụ chính sách đầu tư ngày càng giảm và công cụ chính sách khuyến khích ngày càng tăng nhằm phát huy hết tiềm năng của cả xã hội (ví dụ : chính sách khuyến khích các hoạt động xã hội hóa ở các lĩnh vực giáo dục, y tế,... đã làm giảm đáng kể gánh nặng cho ngân sách nhà nước).

Việc xây dựng Chiến lược kinh tế - xã hội do Hội đồng Nghiên cứu chiến lược thực hiện, dưới sự lãnh đạo của Đảng ; chiến lược có thời hạn 10-15 năm nhưng được điều chỉnh vào giữa kỳ ; dự thảo chiến lược được công bố công khai và được các tầng lớp xã hội, đặc biệt là các nhà trí thức và quản lý tham gia đóng góp ý kiến. Mục tiêu chiến lược không được mang tính chủ quan, duy ý chí, những mâu thuẫn giữa các mục tiêu cần được phân tích và xử lý thông qua việc xác định thứ tự ưu tiên giữa các mục tiêu nhằm đưa ra những biện pháp cụ thể cho từng thời kỳ. Nội dung chiến lược phải đảm bảo tính hệ thống, tính đồng bộ giữa các ngành, các vùng trong phát triển kinh tế.

Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển 5 năm. Kế hoạch 5 năm cụ thể hóa chiến lược. Kế hoạch 5 năm xác định một số chỉ tiêu cơ bản định hướng cho sự phát triển của đất nước, xác định những lĩnh vực mà nền kinh tế sẽ ưu tiên tập trung phát triển, xác định nguyên tắc hoạch định và xây dựng chính sách cụ thể để toàn bộ nền kinh tế phát triển theo hướng đã định. Do nội dung kế hoạch ngày càng có tính định hướng, dự báo cao nên vai trò của kế hoạch 5 năm ngày càng quan trọng.

Một trong những cơ sở quan trọng cho việc lập kế hoạch 5 năm là những dự báo phát triển về khả năng biến động của những yếu tố quốc tế, xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, của tiến bộ khoa học và công nghệ trên thế giới, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của một số ngành chủ chốt trên thị trường Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế. Kế hoạch 5 năm cần tập trung nguồn lực vào một số ít mục tiêu quan trọng của thời kỳ, những mục tiêu khác có thể chỉ cần đạt đến một mức độ tối thiểu cần thiết.

Nội dung của kế hoạch 5 năm bao gồm một số chương trình trọng điểm của Nhà nước và quan trọng hơn cả là một hệ thống cơ chế chính sách. Chính vì vậy, việc xây dựng kế hoạch 5 năm cần được thực hiện theo một quy trình mới với sự phối hợp chặt chẽ và phân công cụ thể giữa các cấp, giữa các bộ và có sự tham gia của các tầng lớp và tổ chức trong xã hội.

Hệ thống kế hoạch 5 năm của toàn nền kinh tế bao gồm kế hoạch cấp quận huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Hệ thống kế hoạch hàng năm ở tầng vĩ mô : Kế hoạch hàng năm *vừa là bộ phận vừa là công cụ* để điều hành thực hiện kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. Trong mối quan hệ với kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm chủ yếu chỉ mang nội dung phân bổ các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính để thực hiện một phần mục tiêu của kế hoạch 5 năm, do vậy kế hoạch hàng năm không nên đưa ra mục tiêu mang tính tổng quát.

Về nguyên tắc, hệ thống kế hoạch kinh tế quốc dân trong nền kinh tế thị trường không bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi, Nhà nước còn nắm vị trí độc quyền hoặc chủ đạo ở một số ngành then chốt, vì thế kế hoạch kinh tế quốc dân trong giai đoạn này vẫn có mối quan hệ gắn bó với kế hoạch của những Tổng công ty chủ chốt ở

Digitized by Google

những ngành này (ví dụ : Dầu khí, Điện lực, Bưu chính viễn thông...). Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng thương mại của Việt Nam tiếp tục giữ một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định cho nền kinh tế trong thời gian tới và cũng sẽ có tác động rất lớn đến việc tính toán trong xây dựng và điều hành kế hoạch. Do vậy, các ngân hàng thương mại lớn và những Tổng công ty này cần phải định kỳ báo cáo về kế hoạch và tình hình sản xuất kinh doanh của mình để Chính phủ có những thông tin cần thiết phục vụ cho việc lập và điều hành kế hoạch. Điều hành kế hoạch cần dựa trên cơ sở thông tin báo cáo và mô hình phân tích dự báo hàng quý. Phối hợp kết quả này với ý kiến chuyên gia sẽ cho phép Nhà nước, các cấp xác định thời điểm, mức độ, phạm vi và cách thức can thiệp một cách hợp lý vào nền kinh tế.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa ở địa phương và ở các ngành. Nội dung kế hoạch của các địa phương cần phản ánh đúng sự phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế. Kế hoạch của các ngành, địa phương phải phù hợp với kế hoạch chung của cả nước. Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng quy hoạch phát triển của mình, các ngành, các địa phương cần hỗ trợ cho việc lập và điều hành kế hoạch kinh tế quốc dân bằng cách cung cấp các thông tin, dự báo và những kiến nghị cho việc xây dựng các chính sách kinh tế.

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tổng hợp và các ngành trong việc dự báo tình hình thị trường trong nước và quốc tế cũng như phân tích, đánh giá thực trạng trong nước, bao gồm tất cả các thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đảm bảo các điều kiện và tiền đề cho việc đổi mới công tác kế hoạch hóa : Đổi mới hệ thống thu thập, xử lý và sử dụng thông tin. Xác định các loại thông tin báo cáo cần thiết, thống nhất biểu mẫu các loại thông tin báo cáo ; xác định hệ thống tổ chức bộ máy thu thập và xử lý thông tin ; khắc phục tình trạng "thương mại hóa" thông tin một cách vô nguyên tắc, xác định rõ trách nhiệm cung cấp các loại thông tin đối với những cơ quan có liên quan ; thiết kế cụ thể các nguồn thông tin và địa chỉ cần phân phối thông tin nhằm hỗ trợ cho công tác kế hoạch hóa ; xác định rõ ràng những thông tin mật không công bố.

Xây dựng và phát triển công tác dự báo và phân tích kinh tế. Dự báo và phân tích chính sách được thực hiện độc lập ở nhiều cơ quan ; tập trung vào dự báo ngắn hạn ; xác định một số mô hình không phức tạp không cần có độ chính xác quá cao nhưng phải kịp thời xử lý được những thông tin để phân tích giúp cho việc điều hành một cách nhanh nhạy.

Nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ cán bộ. Hoàn thiện bộ máy kế hoạch ở Trung ương và địa phương, thực hiện chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kế hoạch một cách cơ bản.

Công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân đòi hỏi phải nâng cao vai trò của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu tổng hợp của nền kinh tế quốc dân, phát huy vai trò của các Bộ và Tổng công ty theo một phương pháp luận thống nhất. Công tác kế hoạch hóa cũng không chỉ được thực hiện bởi những người trong ngành Kế hoạch, mà cần được sự chú ý và tham gia của nhiều tầng lớp trong xã hội, đặc biệt của những nhà doanh nghiệp, những nhà khoa học. Việc điều hành thực hiện kế hoạch không phải là công việc riêng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc một Bộ nào khác mà nó phải được thực hiện thông qua sự phối hợp một cách thống nhất và tương hợp giữa các bộ, ngành và các địa phương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ. ❑

Digitized by Google

VÀI Ý KIẾN NHÂN "NHÌN LẠI MỘT THẾ KỶ VĂN HỌC VIỆT NAM"*

HÀ XUÂN TRƯỜNG

1_ Nhìn từ góc độ chính trị, thế kỷ XX đối với dân tộc Việt Nam là thế kỷ đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ở góc độ văn học, có thể nói thế kỷ XX là thế kỷ hình thành nền văn học hiện đại nước ta, trong đó nổi lên dòng văn học *cứu nước và cách mạng*, thể hiện tính nhân văn truyền thống của dân tộc lấy chữ "Nhân" làm đầu, và tiếp thu mạnh mẽ tinh thần dân chủ của phương Tây, trước hết tinh thần dân chủ của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga.

Tiếng vang dội của phong trào Cần Vương vừa chấm dứt cuối thế kỷ XIX, thì cũng chính những nhà nho, những sĩ phu vào đầu thế kỷ XX lại khởi xướng phong trào Duy Tân lấy dân chủ, khai hóa dân trí, đấu tranh cho độc lập dân tộc làm nhiệm vụ hàng đầu. Phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh hay Duy Tân Hội của Phan Bội Châu đều nhận thức được hai nhiệm vụ trọng đại của dân tộc : độc lập và dân chủ. Cái khác giữa hai Cụ là đặt vấn đề nào ưu tiên. Cũng trên hai nhiệm vụ ấy, Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường giải quyết đúng đắn nhất, thành lập Đảng Cộng sản, phát động phong trào cứu nước, đoàn kết toàn dân và cuối cùng đưa cách mạng đến thắng lợi. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã biến một nước Việt Nam thuộc địa thành một nước Việt Nam độc lập, đồng thời tạo nên một chuyển biến sâu sắc trong đời sống văn học Việt Nam, từ đây văn học Việt Nam bước sang một giai đoạn mới. Văn học tự do trong một nước độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cái mới mang tính cách mạng trong văn học là nhà văn có quyền tự do bộc lộ tư tưởng, tình cảm của mình, và Đảng Cộng sản công khai thực hiện sự lãnh đạo của mình trên mọi lĩnh vực của xã hội.

Cùng với phong trào chính trị là trào lưu văn học mang màu sắc của phong trào đó. Chính trị và văn học không đồng nhất, nhưng văn học không thể đứng ngoài chính trị. Về quan điểm chính trị, giữa Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Nguyễn Ái Quốc có khác nhau, nhưng về mục tiêu thì cơ bản giống nhau : dân tộc và dân chủ. Mục tiêu ấy tạo nên sự thống nhất của trào lưu văn học cứu nước và cách mạng, sự tiếp nhận tự nhiên của văn học dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với văn học duy tân của hai cụ Phan. Và chúng ta có thể coi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc là những người khởi xướng, gieo mầm và đấu tranh cho dòng văn học cứu nước và cách mạng ở nước ta. Dòng văn học đó sau Cách mạng Tháng Tám trở thành dòng văn học chủ đạo.

Từ những năm 30 khi Đảng Cộng sản ra đời, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới do Đảng Cộng sản lãnh đạo, về mặt chính trị không thể có một đảng phái nào tranh chấp được với Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản không phải chỉ có đường lối chính trị đúng đắn, sáng suốt mà còn có một đội ngũ cán bộ, đảng viên sơn sắt, một lòng kiên định, sẵn sàng hy sinh vì Đảng, vì dân tộc. Sự độc tôn lãnh đạo cách mạng Việt Nam như được lịch sử xếp đặt, trao cho

(*) Chủ đề của Hội thảo do Viện Văn học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, tổ chức đầu tháng 7-2001

Digitized by Google

Đảng Cộng sản. Nhưng về văn học thì không phải như thế.

Sự phát triển của văn học Việt Nam thế kỷ XX không phải lúc nào cũng gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Văn học dân tộc có sức sống nội tại của nó bắt nguồn từ sức sống của truyền thống văn hóa dân tộc. Cho đến trước Cách mạng Tháng Tám, chỉ trong vòng mấy thập niên mà văn học ta đã có tiểu thuyết, kịch nói là những thể loại gần như hoàn toàn mới. Chỉ một thời gian không đầy mười năm mà hình thành một phong trào Thơ Mới giải phóng cho thơ khỏi những ràng buộc cổ truyền, đưa thơ đến một bước phát triển mới - có thể nói một cuộc cách mạng về thơ. Những tác phẩm văn học hiện thực phê phán ra đời gắn văn học với những vấn đề xã hội bức xúc về khách quan trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng tích cực tới cuộc đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Các nhóm "Tự lực văn đoàn" "Tiểu thuyết thứ bảy", những nhà xuất bản như Mai Lĩnh, Tân Dân và sau này (khi phát xít Nhật đã vào thống trị ở Đông Dương) như Hàn Thuyên, Tân Việt đều có đóng góp vào tiến trình của văn học nước ta trước Cách mạng Tháng Tám. Đánh giá sự đóng góp này đến đâu cần có sự nghiên cứu khách quan. Trước đây có lúc chúng ta đánh giá chưa đủ, chưa đúng về một số trào lưu, một số tác giả thì sau này chúng ta đã lần lượt điều chỉnh sự đánh giá đó cho phù hợp với thực tế của văn học. Không phải mọi thứ "nhìn lại" đều suôn sẻ, nhưng hết sức tránh thái độ từ cực đoan này sang cực đoan khác. Ở nước ta quan hệ giữa chính trị và văn học khá phức tạp. Các nhà văn nước ta có thể tham gia hoặc không tham gia một đảng phái chính trị, nhưng nói chung đều có thái độ chính trị khá rõ. Thái độ chính trị không thể không ảnh hưởng đến hoạt động văn học của họ. Thời kỳ 1941 - 1945 là thời kỳ hoạt động mạnh mẽ của Đảng ta trên các mặt chính trị, văn hóa, xã hội, cũng là thời kỳ Đảng ta bị khủng bố ác liệt, phải rút vào bí mật và bán công khai. Phương tiện báo chí, xuất bản của Đảng rất bị hạn chế, vì vậy có người đã tham gia Mặt trận cứu quốc (Việt Minh) đấu tranh chống các khuynh hướng thân Pháp, thân Nhật vẫn sử dụng những nhà xuất bản của những nhóm thân Pháp, thân Nhật để in sách hoặc sử dụng những ấn phẩm của họ. Trên thực tế thành viên các nhóm trên không phải bao giờ cũng thống nhất về quan điểm ; hơn thế, trước phong trào cứu nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo lan rộng, sách, báo truyền bá tinh thần dân tộc thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau là khá phổ biến lúc bấy giờ. Vì vậy xét về văn học, phải xét từng tác phẩm cụ thể, đặt văn học trong khung cảnh cụ thể với những đặc trưng của bản thân văn học. Nhưng không phải vì thế mà không xem xét đến thái độ chính trị của tác giả khi đánh giá toàn bộ sự nghiệp văn học của một tác giả.

2 - Cuối thế kỷ nhìn lại văn học Việt Nam thế kỷ XX, ta thấy Việt Nam có một nền văn học hiện đại khá hùng hậu bao gồm mọi thể loại mang sắc thái riêng, trong đó bộ phận cứu quốc và cách mạng giữ vai trò chủ đạo. Đó là truyền thống lớn nhất đang làm nền tảng và bàn đạp cho văn học Việt Nam thế kỷ XXI phát triển. Tinh thần nổi trội của nền văn học đó là dân tộc và dân chủ mang tính nhân văn sâu sắc.

Một nền văn học trước hết phải do các nhà văn tạo nên, vấn đề *đội ngũ* là quyết định. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng đã tập hợp được tuyệt đại bộ phận những nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận - phê bình đứng dưới ngọn cờ của Đảng, tạo được một đội ngũ *nhà văn - chiến sĩ*, làm nên một thời kỳ văn học rực rỡ nhất của nước ta : *văn học kháng chiến.*

Nền văn học kháng chiến (sinh ra và lớn lên trong kháng chiến) tuy còn hạn chế mặt này mặt khác, nhưng xứng đáng là niềm tự hào không chỉ của dân tộc Việt Nam mà là niềm tự hào của phong trào chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, dân chủ trên thế giới. Rất hiếm một đất nước như Việt Nam trong khói lửa của chiến tranh mà tạo nên một thời kỳ văn học rực rỡ, phát huy cao độ sự nhất trí của lòng yêu nước, ý chí dũng cảm

Digitized by Google

và tâm huyết của nghệ sĩ cách mạng. Không có một đội ngũ văn nghệ sĩ như ở Việt Nam, không có một đảng như Đảng Cộng sản Việt Nam thì không thể có một thời kỳ văn học như thế, một thời kỳ đã đi vào lịch sử như một huyền thoại của thế kỷ XX. Rất tiếc sau khi thống nhất đất nước, có lúc chuệch choạc về quan điểm và tổ chức, chúng ta đã để cho những nhận định sai lầm về thời kỳ văn học kháng chiến len lỏi ngay cả trong sách giáo khoa. Và hiện nay những luận điểm sai trái đó còn lẻ tẻ xuất hiện cùng luận điệu xuyên tạc của những lực lượng thù địch ở nước ngoài.

Nền văn học mà nhân dân ta có được hôm nay không tách khỏi những cuộc đấu tranh tư tưởng từ những năm 1933 đến 1935 - 1939 : duy tâm hay duy vật, nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị dân sinh, những cuộc đấu tranh mở đầu cho khuynh hướng phê bình mác xít ở nước ta mà người đại diện thời đó là Hải Triều.

3 - Cần có sự đánh giá đúng đắn văn học nước ta hai thập niên cuối của thế kỷ XX - bước chuyển nối sang thế kỷ XXI. Hai thập niên chứa đựng bao sự kiện lớn lao của đất nước và thế giới. Sự kiện lớn nhất đối với nước ta là Đảng ta đã lãnh đạo đất nước vượt ra khỏi cơn sóng gió của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trong hoàn cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ, vững bước tiến hành đổi mới, hội nhập quốc tế. Vào thời điểm bắt đầu công cuộc đổi mới, tiếp tục phong cách chiến sĩ của văn học kháng chiến, những tiểu thuyết của Ma Văn Kháng, Nguyễn Mạnh Tuấn, Triệu Xuân..., những vở kịch của Lưu Quang Vũ, Võ Khắc Nghiêm... ra đời đem lại khởi sắc cho văn học bước vào thời kỳ đổi mới. Nhưng do có sự chuệch choạc và sai lầm của một bộ phận lãnh đạo, khuynh hướng gắn bó với đời sống, bám sát những vấn đề chủ yếu của đất nước bị buông lơi, khuynh hướng gọi là "đời thường" gần như độc chiếm địa bàn văn học. Phải nói rằng khuynh hướng đi vào đời thường trong tư duy, tình cảm, đời sống vật chất của con người là cần thiết, là khách quan đúng quy luật một khi cuộc sống hòa bình trở lại. Những tâm trạng bị ức chế trong chiến tranh phải được giải thoát, cuộc sống "muôn mặt đời thường" phải được văn học soi rọi tới. Những nỗi đau, nỗi buồn, những xúc cảm cá nhân thầm kín, những nhu cầu về tâm linh cũng như những nhu cầu có tính giải trí "thư giãn" phải được văn học đề cập. Điều đáng nói là khuynh hướng bám sát đời sống, đi sâu vào những vấn đề chủ chốt, phát hiện những nhân vật trung tâm của thời đại - một khuynh hướng theo tôi là mạch chính của nền văn học nước ta lại bị coi nhẹ. Ở đây tôi không nói tới sự lộn xộn trong xuất bản, trên báo chí dưới danh nghĩa văn học "đời thường" cùng với sự du nhập văn học nước ngoài thiếu chỉ đạo chặt chẽ của các cơ quan chủ quản.

Bên cạnh những thành tựu to lớn, những mặt trái của cơ chế thị trường cùng những yếu kém của quản lý nhà nước, những thiếu sót trong lãnh đạo của Đảng đã tác động xấu đến đạo đức, lối sống xã hội, đến từng con người. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt để xã hội được lành mạnh, để kỷ cương, chuẩn mực, đạo đức xã hội chủ nghĩa được giữ vững, người văn nghệ sĩ phải đảm đương trách nhiệm cao cả của "người kỹ sư tâm hồn". Trong bối cảnh như xã hội ta hiện nay mà đã hơn 20 năm nay chưa xuất hiện những tác phẩm văn học có tầm cỡ đánh thẳng vào nạn tham nhũng, vào những đường dây "ma-phi-a" đang ẩn nấp đâu đó, cũng chưa xuất hiện những tác phẩm có tầm cỡ biểu dương mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là nhược điểm lớn của văn học đương đại nước ta cần được sớm khắc phục. Nếu trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã có một đội ngũ nhà văn - chiến sĩ, thì ngày nay trong hòa bình xây dựng, chúng ta lại càng cần một đội ngũ nhà văn - chiến sĩ kiểu mới nối chí hướng của những thế hệ đi trước, đầy tâm huyết, phấn đấu vì sự nghiệp đổi mới của đất nước. ❑

Digitized by Google

DI SẢN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TRƯỚC NHỮNG BIẾN ĐỘNG CỦA THỜI ĐẠI

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN *

1. Nhân loại đang chứng kiến một thế giới đầy những biến động hết sức khó lường về tất cả các mặt, từ kinh tế, hệ tư tưởng, chính trị, quân sự cho đến khoa học, kỹ thuật và công nghệ ; từ các quan hệ sắc tộc và dân tộc đến các quan hệ giữa các tôn giáo ; từ cuộc sống riêng tư của mỗi gia đình cho đến thể chế xã hội và môi trường sống của con người.

Những thay đổi lớn lao và những thành tựu tuyệt vời mà hơn nửa thế kỷ trước đây mới chỉ được coi là những ý tưởng hay dự đoán táo bạo trong lĩnh vực truyền thông và công nghệ thông tin, cùng những tiến bộ nhanh chóng về phương tiện vận chuyển và đi lại, v.v. đã thu hẹp khoảng cách về địa lý giữa các quốc gia và các châu lục. Tất cả những thay đổi đó đang làm cho nhiều vấn đề vốn trước đây hoàn toàn chỉ mang tính chất cục bộ, địa phương, hay tính chất khu vực thì ngày nay đã trở thành những vấn đề toàn cầu, thu hút sự quan tâm đặc biệt và sự tham dự ở các mức độ khác nhau của nhiều nước trên thế giới.

Đây chính là quá trình hội nhập toàn cầu trên tất cả các lĩnh vực của đời sống con người và xã hội. Dĩ nhiên, mức độ tác động của sự hội nhập toàn cầu đó sẽ không giống nhau đối với các lĩnh vực khác nhau của các nước có trình độ phát triển khác nhau, đặc biệt là đối với các nước đang trong quá trình chuyển đổi từng mặt riêng rẽ về kinh tế, về chính trị hay chuyển đổi đồng thời về cả hai mặt đó. Tuy nhiên, sự tác động của toàn cầu hóa cũng như của những biến động lớn khác trên thế giới đối với những di sản văn hóa truyền thống của tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển và đang chuyển đổi, là rất đáng chú ý.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung phân tích một số thách thức do các biến động khác nhau và tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, của kinh tế thị trường đối với văn hóa truyền thống Việt Nam ; gợi mở một vài biện pháp bảo tồn bản sắc và phát triển di sản văn hóa trong khi tiếp thu và hội nhập với văn hóa thế giới đương đại.

2. Khi bàn về *văn hóa*, về *truyền thống* và về *di sản văn hóa truyền thống*, người nghiên cứu gặp phải không ít khó khăn trong việc xác định nội hàm của các khái niệm này. Khó khăn đó đặc biệt liên quan đến khái niệm *văn hóa*, vì rằng nội hàm của khái niệm này rất rộng, mang trong mình nó nhiều mặt, nhiều sắc thái, do chỗ văn hóa là sự sáng tạo của con người, kể từ cái nhỏ nhặt nhất cho đến cái vĩ đại nhất, từ cái cụ thể dễ nhìn thấy nhất cho đến các sản phẩm tinh thần cao siêu.

Tính chất phức tạp của khái niệm văn hóa có thể thấy rất rõ qua số lượng 256 định nghĩa khác nhau về văn hóa mà người ta đã sưu tập được vào những năm 70 của thế kỷ XX [1]. Cho đến hôm nay, sau gần 30 năm, con số đó chắc chắn đã tăng lên rất nhiều.

Hoàn toàn không có tham vọng đưa ra một định nghĩa đầy đủ hơn các định nghĩa đã có.

---

* GS. TS Viện trưởng Viện Triết học, Tổng biên tập Tạp chí Triết học

(1) Xem D. Paul Scheffer. *Aspects of Canadian cultural policy*. UNESCO, 1977

Digitized by Google

Tuy nhiên, để tiện cho việc bàn thảo, chúng tôi cho rằng, *văn hóa chính là trình độ phát triển lịch sử của xã hội và của con người biểu hiện trong các kiểu và trong các cách thức tổ chức đời sống và hành động của con người, cũng như trong các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và được tích lũy lại trong quá trình tương tác với thiên nhiên và quan hệ với nhau trong xã hội.*

Với cách hiểu như vậy, văn hóa không chỉ chứa đựng trong nó các giá trị vật chất mà cả những giá trị tinh thần. Nói đến văn hóa, một mặt, là nói đến một cái gì đó tương đối ổn định, một cái gì đó gắn bó vô cùng mật thiết, sâu sắc, máu thịt với con người mà nếu thiếu nó, mất nó hoặc có một lúc nào đó, vì những lý do và những hoàn cảnh khác nhau, vô tình xa lánh nó hoặc lãng quên nó thì con người sẽ cảm thấy vô vị, cảm thấy bị dằn vặt, thậm chí không thể nào chịu đựng nổi, vô vọng và mất phương hướng. Bởi vì, văn hóa chính là các dấu ấn của cộng đồng được ghi lại, được lưu truyền cả ở những phong tục, tập quán, nghi lễ, tôn giáo, cách ứng xử, quan hệ, luật pháp và cả ở những công trình, những sản phẩm vật chất cũng như ở các tác phẩm nghệ thuật do chính những con người thuộc cộng đồng hay dân tộc đó sáng tạo ra trong các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Mặt khác, khi nói đến văn hóa cũng cần nhớ rằng dù nó là cái *tương đối ổn định, khá bền vững nhưng không phải là hiện tượng cố định, không phải là bất biến.* Bởi vì, bản thân văn hóa đã bao hàm trong nó sự giao tiếp, sự trao đổi, sự học hỏi lẫn nhau. Văn hóa không chấp nhận sự bài ngoại, sự đóng cửa tự túc, sự biệt lập ; không chấp nhận sự tự giam hãm mình, tự khuôn mình chỉ vào một mình truyền thống. Một khi mà văn hóa tự trói buộc và giam hãm mình, tự khuôn mình chỉ vào truyền thống, vào quá khứ, cho dù là truyền thống và quá khứ rất tốt đẹp đi chăng nữa, mà không chịu giao lưu, tiếp thu, không chịu chấp nhận những sắc thái mới khác với mình để làm giàu thêm cho bản thân mình thì không khác gì là tự chặn đường tiến, tự bịt lối đi lên của mình, theo một nghĩa nào đó cũng có nghĩa là tự thải loại mình.

Lịch sử phát triển suốt mấy nghìn năm qua đã cho thấy, văn hóa Việt Nam, cũng giống như nhiều nền văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới, là một nền văn hóa mở cửa, đầy tinh thần tổng hợp, nhân đạo và bao dung. Do vậy, như đã được thừa nhận rộng rãi, cho đến nay văn hóa Việt Nam đã trải qua ba thời kỳ hội nhập lớn. Thời kỳ hội nhập lớn *thứ nhất* là với văn hóa Nam Á ; thời kỳ hội nhập lớn *thứ hai* là với văn hóa Trung Hoa (văn hóa Hán) và thời kỳ hội nhập lớn *thứ ba* là với văn hóa Pháp. Ngoài ra, trong thế kỷ XX, văn hóa Việt Nam còn có hai sự tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Nga và văn hóa Mỹ. Hai lần tiếp xúc và giao lưu này tuy ngắn ngủi hơn và không mạnh bằng ba lần hội nhập trước nhưng cũng để lại dấu ấn, có thể nói, cũng rất đáng kể trong văn hóa Việt Nam.

Thực tế cho thấy, dù là mở cửa một cách tự nhiên, tự nguyện hội nhập với các nền văn hóa lớn, hay là do bị cưỡng bức tiếp thu một nền văn hóa nào đó dưới áp lực của vó ngựa hay gươm đao của quân xâm lược thì qua các thời kỳ khác nhau văn hóa Việt Nam không những vẫn được bảo tồn, vẫn giữ được đầy đủ bản sắc riêng, mà còn trở nên phong phú hơn nhờ việc tiếp thu những cái mới từ các nền văn hóa khác đó. Chính nhờ sự giao lưu, tiếp thu, hội nhập với văn hóa phương Tây mà văn hóa Việt Nam đã thay đổi nhiều mặt ; đã loại bỏ được nhiều điều cổ hủ, nhiều cái lỗi thời ; đã gây dựng và nuôi dưỡng được những nhân tố mới, những mầm mống mới có tác dụng kích thích và thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Cùng với thời gian, tất cả những cái đó trở thành di sản truyền thống của văn hóa Việt Nam.

3. Theo nghĩa thông dụng, *truyền thống* là những gì được truyền từ thế hệ này sang thế hệ

Digitized by Google

khác nối tiếp nhau. Theo nghĩa tổng quát nhất, *truyền thống - đó là những yếu tố của di tồn văn hóa, xã hội thể hiện trong chuẩn mực hành vi, tư tưởng, phong tục, tập quán, thói quen, lối sống và cách ứng xử của một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử và đã trở nên ổn định, được truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ lâu dài.*

Dĩ nhiên, tính di tồn và tính ổn định không loại trừ sự biến đổi, cũng không có nghĩa rằng khi truyền thống đã hình thành và có chỗ đứng rồi thì bất biến và cứ thế truyền lại mãi mãi cho các thế hệ sau, cho các thời đại sau bất kể điều kiện kinh tế - xã hội, bất kể điều kiện thời đại đã thay đổi ra sao, bất kể thời gian và không gian có biến đổi như thế nào. Lịch sử cho thấy rằng, khi mà cái cơ sở tạo nên truyền thống đã hoàn toàn bị đảo lộn hoặc đã thay đổi một cách căn bản thì mặc dù truyền thống vẫn được bảo tồn trong một khoảng thời gian nhất định nào đó, nhờ có tính ổn định tương đối của nó, nhưng nó sẽ không tránh khỏi phải biến đổi để phù hợp với cơ sở mới. Chính vào thời điểm đó truyền thống bộc lộ rõ tính hai mặt của nó. Một mặt, truyền thống vừa góp phần giữ gìn những gì là quý giá, là nền tảng cho sự phát triển, qua đó thúc đẩy sự phát triển xã hội. Mặt khác, truyền thống cũng lại là mảnh đất tốt cho sự duy trì và tái sinh mặt bảo thủ, lạc hậu, lỗi thời. Đây chính là những cái có tác dụng níu kéo, làm chậm sự phát triển. Do đặc điểm này truyền thống có thể được nói đến như một danh từ (*truyền thống* lâu đời, *truyền thống* tốt đẹp, *truyền thống* lạc hậu, cổ hủ, v.v.), hoặc nó được dùng như tính từ, chẳng hạn *di sản truyền thống* và *giá trị truyền thống*.

Khái niệm *di sản* được hiểu theo các nghĩa khác nhau để chỉ những cái còn lưu lại từ thời trước, chẳng hạn, di sản truyền thống của dân tộc, di sản của chế độ nô lệ, di sản của chủ nghĩa thực dân, v.v.. Như vậy, khái niệm di sản có thể dùng theo cả nghĩa tốt và theo cả nghĩa xấu. Tuy nhiên, khi nói đến ***di sản truyền thống*** thì chữ di sản này thường được hiểu theo nghĩa tốt nhiều hơn. Mặc dù vậy, cần phải hiểu rằng, do chỗ trong truyền thống có cả những truyền thống tốt đẹp, tích cực, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển đối với hiện tại nhưng cũng có cả những truyền thống cổ hủ, lạc hậu, tiêu cực, cho nên cần phân biệt các loại di sản khác nhau.

Trái lại, khi nói đến ***giá trị truyền thống*** thì cũng có nghĩa nó đã được thẩm định, phân biệt, chọn lọc, có sự đánh giá và sự khẳng định ý nghĩa đối với hiện tại. Bởi vậy, nói đến giá trị truyền thống là ngụ ý nói đến những gì là đúng, là tốt, đẹp, những gì là tích cực cần được khai thác, bảo vệ, truyền bá và phát triển. Vì vậy, không nên nghĩ rằng đã là truyền thống thì chỉ có truyền thống tích cực, chỉ có truyền thống tốt, nghĩa là không nên nghĩ rằng mọi truyền thống đều là giá trị truyền thống. Không phải truyền thống bao giờ cũng trùng với giá trị truyền thống, cho nên không nên đồng nhất truyền thống với giá trị truyền thống. Chính điều này đòi hỏi chúng ta, khi xem xét truyền thống và di sản văn hóa truyền thống, bao giờ cũng phải xem xét chúng theo một cái nhìn động, bằng con mắt biện chứng, nghĩa là cần đặt chúng trong những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử nhất định.

4. Cũng như nhiều nước khác trên thế giới, văn hóa truyền thống Việt Nam đã để lại những di sản hết sức phong phú và đa dạng. Những di sản đó thể hiện trên tất cả các mặt, từ các công trình và sản phẩm văn hóa vật thể cho đến các sản phẩm văn hóa tinh thần, phi vật thể, các phong tục, tập quán, nghi lễ, tôn giáo, cách ứng xử, quan hệ giữa người và người, luật pháp, v.v.. Ở đây chúng tôi sẽ chủ yếu nói đến các di sản văn hóa tinh thần, văn hóa phi vật thể.

Có thể nói rằng, các di sản văn hóa truyền thống Việt Nam đã có quá trình hình thành và lưu giữ lại trong những điều kiện tự nhiên và

Digitized by Google

hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc thù của Việt Nam. Chúng gắn liền với nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên kinh tế *tiểu nông*, với sự bền vững của *cộng đồng gia đình (nhà), làng xã, quốc gia - dân tộc (nước)*, với các quá trình đấu tranh kiên cường, lâu dài, bền bỉ nhằm khắc phục thiên tai và chống lại âm mưu đồng hóa, chống các cuộc xâm lược ác liệt và kéo dài để giành lại và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Lòng yêu nước thiết tha ; ý chí tự lập, tự cường ; ý thức cộng đồng sâu sắc ; tình đoàn kết dân tộc rộng rãi ; lòng bao dung và vị tha của con người đối với con người ; lòng khoan dung tôn giáo ; đức tính cần cù, nhẫn nại, thiết thực, cách ứng xử linh hoạt, sáng tạo trong lao động sản xuất ; ý chí hiếu học, trọng việc học, tôn sư trọng đạo ; đầu óc thực tế, coi trọng kinh nghiệm, tôn trọng người già giàu kinh nghiệm, v.v. họp thành những di sản, những giá trị tinh thần hết sức quý giá của văn hóa truyền thống Việt Nam.

Cấu trúc ***nhà - làng - nước***, một mặt, tạo thành cơ sở vững chắc, bền chặt của xã hội Việt Nam, tạo nên sắc thái riêng, độc đáo về phong tục, tập quán, lối sống, về trí tuệ, tâm hồn, về niềm tin của người Việt. Chính những đặc điểm này làm cho văn hóa truyền thống Việt Nam bộc lộ *khả năng bảo tồn* rất mạnh. Song, mặt khác, sự ổn định và vững chắc của cấu trúc ***nhà - làng - nước*** đó lại cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tính bảo thủ, sự kìm giữ, tình trạng trì trệ trở nên nặng nề, làm cho sự thận trọng và sự cảnh giác với cái khác mình, với cái mới trở nên thái quá.

Cùng với những di sản quý báu, văn hóa truyền thống Việt Nam cũng bộc lộ khá rõ một số nét tiêu cực, một số mặt hạn chế. Chẳng hạn, bên cạnh những mặt tốt trong di sản truyền thống lại có cả tính cục bộ, địa phương, thái độ cào bằng, sự đố kỵ đối với người vượt trội hơn mình, thiếu tính hạch toán kinh tế, tác phong tùy tiện, thói chuộng hư danh, gia đình chủ nghĩa, lối sống tự cấp tự túc, khép kín quanh lũy tre làng, v.v.. Dĩ nhiên, những biểu hiện tiêu cực này của di sản truyền thống trên thực tế đang từng bước đang được khắc phục và loại trừ, mặc dù không thể làm trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây chính là trong thời đại đang có nhiều biến động này thì số phận của các di sản truyền thống với tính cách là các giá trị truyền thống sẽ ra sao.

Chắc chắn là không một dân tộc nào chịu để đánh mất các di sản và giá trị văn hóa đã tích lũy được trong quá khứ của mình, nhưng cũng không một dân tộc nào để tồn tại và phát triển lại có thể chỉ sống bằng quá khứ. Không quên quá khứ nhưng cũng không có một nền văn hóa nào trong thời hiện tại lại có thể làm cái việc quay lưng lại với hiện thực sôi động đương đại. Chính vì lẽ đó phải đặt việc bảo tồn di sản văn hóa truyền thống trong bối cảnh chung của thời đại, trong mối quan hệ biện chứng với sự biến đổi, với sự phát triển và với việc tiếp thu những nhân tố mới mà các nền văn hóa khác tạo ra.

Ngày nay, văn hóa Việt Nam với các di sản quý giá của nó đang chịu hai áp lực lớn. *Một là*, áp lực của tính hai mặt của kinh tế thị trường đang từng bước phát triển ở Việt Nam và Việt Nam đang nhanh chóng hội nhập với kinh tế thị trường thế giới. *Hai là*, áp lực của toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực thông tin. Rõ ràng là ranh giới quốc gia trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa thông tin không còn quá nghiêm ngặt như trước. Hai quá trình diễn ra song song này vừa mang lại những biến đổi sâu sắc trong kinh tế, trong mọi mặt đời sống xã hội của các xã hội chậm phát triển, vừa là những áp lực lớn đối với tư duy, nếp nghĩ và đối với các di sản văn hóa truyền thống.

Sự chuyển đổi của Việt Nam sang kinh tế thị trường, sự tham gia, tuy còn hạn chế, vào

Digitized by Google

quá trình toàn cầu hóa kinh tế, vào quá trình toàn cầu hóa trong lĩnh vực thông tin đã làm thay đổi khá nhanh nhiều mặt của xã hội, của các phong tục và tập quán, của nếp tư duy, v.v.. Do sức nặng của hai áp lực đó mà những mặt tiêu cực của di sản văn hóa truyền thống được nói tới ở trên đang dần dần được khắc phục, trong đời sống tinh thần của xã hội đang diễn ra nhiều thay đổi. Đó là mặt tích cực cần ghi nhận và nhân dân Việt Nam cũng ý thức rằng, sự thay đổi đó là tất yếu vì giữa kinh tế thị trường và văn hóa truyền thống có sự khác biệt rất lớn ; rằng muốn phát triển đất nước thì việc phát triển kinh tế thị trường là điều hiển nhiên. Điều đó có nghĩa là phải chấp nhận sự thay đổi trong văn hóa, phải đánh giá lại vai trò và vị trí của các di sản văn hóa truyền thống đối với cuộc sống hiện tại, nhằm đưa ra được một đối sách đúng trong việc tiếp thu cái mới và bảo tồn các di sản vốn có mà các thế hệ trước để lại.

Tuy nhiên, phải thấy rằng, những mặt trái của kinh tế thị trường đang làm biến đổi, hoặc làm mất dần đi các di sản và giá trị văn hóa truyền thống. Xu hướng chạy theo đồng tiền, kiếm tiền với bất cứ giá nào đã dẫn tới các biểu hiện sa sút về đạo đức : quan hệ gia đình có chiều hướng trở nên lỏng lẻo ; người trong gia đình ít quan tâm đến nhau ; con cái thiếu trách nhiệm với bố mẹ ; quan hệ bạn bè trong nhiều trường hợp được đo bằng tiền bạc nhiều hơn là bằng tình nghĩa.

Bên cạnh đó, trên thế giới, việc các phương tiện truyền thông hiện đại của các nước phương Tây chuyển tải những thông tin có hại một cách nhanh chóng, quảng bá và quảng cáo rộng rãi thị hiếu thấp hèn của những sản phẩm văn hóa đồi trụy, bạo lực đến các nước đang chuyển đổi, thậm chí đến cả một số nước phát triển, đang gây rất nhiều bất lợi cho việc bảo vệ các di sản văn hóa truyền thống lành mạnh của các quốc gia này. Thông qua lĩnh vực truyền thông, những quan niệm xa lạ về thị hiếu và cảm thụ nghệ thuật, về gia đình và hôn nhân, về cách ứng xử giữa người với người bằng bạo lực, về lối sống dâm ô, trụy lạc và hận thù đang lan truyền rộng rãi. Xu hướng thương mại hóa văn học, nghệ thuật đang lấn dần khuynh hướng sáng tạo mang tính nhân văn phục vụ con người theo lý tưởng chân, thiện, mỹ.

Chính vì những tác động đó mà thời gian vừa qua nhiều nước đã phải lên tiếng về những tác hại của văn hóa ngoại lai, nhất là của phim ảnh và các loại hình nghệ thuật xa lạ với văn hóa truyền thống của các nước. Điều này càng đặc biệt tai hại đối với các nước mới từ trạng thái khép kín chuyển sang mở cửa, tiếp nhận văn hóa phương Tây và hội nhập với thế giới.

Trước những tác động nhiều mặt trên đây đối với các di sản văn hóa truyền thống, nhiệm vụ bảo tồn các di sản quý giá hết sức cấp bách và khó khăn. Bởi vì, bảo tồn không thể tách rời đổi mới và phát triển ; bảo tồn không có nghĩa là giữ nguyên hoặc khôi phục lại tất cả những gì không còn thích hợp, những gì đã bị đào thải, đã bị vượt bỏ. Muốn thế cần phải có sự chọn lọc hết sức kỹ càng. Tương tự như vậy, việc mở cửa, hội nhập với văn hóa thế giới cũng đòi hỏi phải biết xác định cần học gì, tiếp thu cái gì và ngay trong cái cần học thì học ở mức độ nào, cái gì có thể tiếp thu nguyên vẹn, cái gì cần phải sửa đổi.

Văn hóa là do quần chúng sáng tạo ra và người hưởng thụ văn hóa cũng là quần chúng, nhất là lớp trẻ. Trách nhiệm bảo tồn các di sản văn hóa và phát triển văn hóa dân tộc là của mọi người. Song, *việc trang bị kiến thức về văn hóa, giáo dục về văn hóa (cả văn hóa dân tộc và văn hóa của thế giới), một điều cực kỳ quan trọng lại là nhiệm vụ của nhà trường, của các cơ quan, các tổ chức có trách nhiệm của*

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

ĐỂ CÀ PHÊ VIỆT NAM ĐỨNG VỮNG TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

VĂN DẾN *

NƯỚC ta có thế mạnh về trồng cây cà phê do điều kiện đất đai và khí hậu thuận lợi. Đất đỏ ba dan, rất thích hợp với cây cà phê được phân bố rộng khắp lãnh thổ, trong đó tập trung nhiều ở 2 vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ với diện tích hàng triệu ha. Khí hậu nhiệt đới, gió mùa, lượng mưa phân bố đều các tháng trong năm, nhất là những tháng cà phê sinh trưởng. Cây cà phê cần hai yếu tố cơ bản là đất và nước thì cả hai yếu tố đó đều rất thuận lợi ở nước ta.

I - Thực trạng

Lịch sử phát triển cây cà phê ở nước ta đã có hàng trăm năm. Sự phát triển nhanh với quy mô lớn của cà phê bắt đầu sau năm 1975 khi đất nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng tăng tốc thực sự từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Năm 1976, quy mô sản xuất cà phê chỉ có diện tích 19 nghìn ha và sản lượng 6,1 nghìn tấn ; năm 1986 lên tới 65,6 nghìn ha và 202 nghìn tấn ; năm 1999 là 397 nghìn ha và 486,8 nghìn tấn ; năm 2000 là 430 nghìn ha và 680 nghìn tấn. Từ 1976 đến 2000, diện tích cà phê tăng 21,6 lần và sản lượng tăng gấp 111,5 lần. Hình thành vùng cà phê tập trung ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, trong đó Đắc Lắc là tỉnh có diện tích và sản lượng cà phê lớn nhất, đồng thời cũng là địa phương có tốc độ tăng sản lượng cà phê nhanh nhất : năm 2000 đạt trên 350 nghìn tấn, tăng gấp 2,3 lần so với năm 1995 (150 nghìn tấn). Kế đến là Lâm Đồng, khoảng 100 nghìn tấn, Gia Lai 70 nghìn tấn và Đồng Nai 30 nghìn tấn - chủ yếu là cà phê vối.

Cà phê Việt Nam là cây công nghiệp gắn với xuất khẩu rất chặt chẽ. Quy mô sản xuất luôn luôn phụ thuộc vào thị trường cà phê thế giới vì trên 95% cà phê sản xuất là để xuất khẩu. Năm 2000, sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam đã lên tới 660 nghìn tấn, đứng thứ 2 thế giới sau Bra-xin. Ở trong nước, giá trị xuất khẩu cà phê cũng đứng vị trí thứ 2 trong xuất khẩu nông sản sau gạo, nhưng có năm do giá cà phê thị trường thế giới tăng, nên giá trị xuất khẩu cà phê đã vượt giá trị xuất khẩu gạo (1998 : xuất khẩu 382 nghìn tấn cà phê, kim ngạch đạt trên 560 triệu USD, cao hơn doanh thu từ xuất khẩu gạo trong năm đó). Cà phê được giá càng làm cho cơn sốt đất cà phê ở Tây Nguyên lên cao. Rừng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ bị chặt phá để chuyển sang trồng cà phê với quy mô mỗi năm vài chục nghìn ha. Nhân dân vùng Tây Nguyên, nhất là Đắc Lắc, Lâm Đồng giàu lên nhờ cây cà phê, nhờ giá cà phê thế giới đứng ở mức cao. Lợi thế xuất khẩu cà phê trong những năm đó được coi là phát huy tối đa, nên từ nông trường, lâm trường đến nhân dân ở các thành phố, thị xã trong vùng và cả TP Hồ Chí Minh đổ về Tây Nguyên để kinh doanh cà phê. Đáng chú ý là tình hình mua, bán, cầm cố, sang nhượng vườn cà phê trở nên phổ biến và sôi

* TS kinh tế

Digitized by Google

động. Phong trào đẩy mạnh sản xuất, đầu tư thâm canh cây cà phê cũng được coi trọng, nên năng suất cà phê nước ta từ 1 tấn/ha thời kỳ đầu 1990 tăng lên 1,5 tấn/ha thời kỳ 1996 - 2000.

Quy mô và tốc độ phát triển sản xuất cà phê nước ta có quan hệ trực tiếp với quan hệ cung cầu trên thị trường cà phê thế giới, nhất là các nước sản xuất cà phê và thị trường tiêu thụ cà phê.

Sản lượng cà phê toàn thế giới vụ cà phê 1990 - 1991 là 5,586 triệu tấn, trong đó cà phê Arabica chiếm 75,6%, còn cà phê Robusta chiếm 24,4%. Từ năm 1970 trở lại đây, tỷ lệ này tương đối ổn định, dạng sản phẩm được xuất khẩu trên thị trường thế giới chủ yếu là cà phê nhân sống. Lấy số liệu năm 1990 làm ví dụ, lượng cà phê đã xuất khẩu là 4,788 triệu tấn, trị giá 6,73 tỉ USD, trong đó cà phê nhân sống chiếm 95,2% ; cà phê rang rất ít, chiếm 0,1% ; cà phê hòa tan, chiếm 4,7%.

Giá cà phê trên thị trường thế giới không ổn định, lên xuống thất thường. Năm 1992 đã có lúc giá cà phê Robusta chỉ còn 600 USD/tấn. Nhưng đến năm 1996, giá cà phê Robusta lại tăng vọt, có thời điểm đạt 4 000 USD/tấn. Giá cả diễn biến phản ánh tình hình cung cầu cà phê trên thế giới và tình hình tồn kho ở các nước tiêu thụ. Năm 1998, do hậu quả của En-ni-nô, sản lượng cà phê thế giới giảm, nên giá cà phê tăng 23% so 1997, nhưng 1999 và 2000 lại giảm sút lớn. Đến tháng 12 năm 2000 giá cà phê nhân ở nước ta chỉ còn ở mức dưới 5 nghìn đồng/kg thấp nhất từ trước đến nay.

Trong 70 nước sản xuất cà phê thì Việt Nam cách đây 20 năm còn đứng vị trí rất thấp, hằng năm xuất khẩu 5 000 - 6 000 tấn. Ngoài việc trao đổi hàng hóa với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, còn lại một lượng nhỏ được bán cho các thương gia ở hai thị trường Xin-ga-po và Hồng Công. Ngày nay, cà phê Việt Nam đang trực tiếp xuất sang 40 nước với khối lượng lớn đứng hàng thứ 4 trên thế giới. Mức tăng trưởng lượng cà phê xuất khẩu hàng năm khá lớn. Có thể xem số liệu xuất khẩu cà phê của nước ta từ vụ cà phê 1992 - 1993 lại đây.

Niên vụ	Lượng xuất khẩu (tấn)	Tốc độ tăng (%)
1992 - 1993	130 500	65,0
1993 - 1994	158 520	21,5
1994 - 1995	212 038	33,7
1995 - 1996	233 000	9,8
1996 - 1997	346 000	48,5
1997 - 1998	382 000	10,4
1999 - 2000	660 000	72,7

Kim ngạch xuất khẩu còn tùy thuộc vào giá cả, có năm ngành cà phê đã thu được 560 triệu USD. Nếu tính theo năm thì từ 1-1-1997 đến 31-12-1997, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 390 000 tấn, tăng 56% so với năm 1996, đạt trị giá xấp xỉ 500 triệu USD, đứng thứ 6 về kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Từ năm 1998 đến năm 2000, dù giá cà phê giảm nhưng nhờ lượng xuất khẩu tăng nhanh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê vẫn giữ ổn định ở mức cao ; 1998 = 593,8 triệu USD, 1999 = 585,3 triệu USD và năm 2000 giá cà phê giảm sút lớn, nhưng nhờ lượng tăng 72% nên kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt trên 500 triệu USD.

Với một lượng hàng hóa lớn như vậy, Việt Nam đã thực sự có ảnh hưởng to lớn đến giá giao dịch của cà phê Robusta trên thị trường thế giới. Có thể nói giá cà phê Robusta trên thế giới tăng giảm theo mùa vụ thu hoạch cà phê của Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Trong tình hình diễn biến phức tạp của thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, ngành cà phê còn non trẻ của Việt Nam cần xác định cho mình phương hướng sản xuất kinh doanh đúng đắn. Nói một cách khác là chúng ta phải có một chiến lược đúng về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Digitized by Google

II - Các giải pháp

Vấn đề đặt ra cho ngành cà phê hiện nay là cần có một quan điểm chiến lược đúng đắn, toàn diện và thống nhất để đưa cà phê Việt Nam có ưu thế trên thị trường thế giới với một hệ thống các giải pháp đồng bộ.

1 - Vấn đề thâm canh tăng năng suất và duy trì sinh thái môi trường vườn cây bền vững.

Năm 1975 cả nước mới có 14 000 ha cà phê, sản lượng dưới 5 000 tấn, năng suất 4 tạ/ha thì niên vụ 1999 - 2000 diện tích cà phê kinh doanh đã tới hơn 200 000 ha, năng suất bình quân trên 15 tạ/ha, sản lượng hơn 680 000 tấn. Hầu hết cà phê được trồng trong các hộ gia đình quy mô vườn 0,5 - 1 ha và đang ở độ tuổi sung sức, có năng suất khá cao, tập trung thành các vùng lớn ở các tỉnh Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và một số tỉnh miền núi phía Bắc. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều, môi trường sinh thái đã có sự thay đổi lớn, cà phê sinh trưởng trong các vùng tập trung, sâu bệnh sẽ phát triển mạnh và dễ dàng trở thành dịch. Mấy năm nay sâu bệnh đã gây hại ở một số nơi cần tập trung chữa trị dứt điểm tránh để thành dịch lan rộng gây thiệt hại lớn như ở một số nước. Mặt khác, cũng cần ngăn chặn những khuynh hướng khai thác bóc lột vườn cây như sử dụng phân hóa học quá nhiều, lạm dụng chất kích thích sinh trưởng, tưới nước ồ ạt... thúc đẩy ra hoa quả nhiều để có năng suất rất cao trong một năm, nhưng sau đó vườn cây lại chóng tàn lụi làm cho hiệu quả kinh tế thấp kém. Thâm canh chăm sóc vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định tạo môi trường sinh thái bền vững suốt chu kỳ sinh trưởng phải là phương hướng nhiệm vụ quan trọng trong toàn ngành. Phương hướng thâm canh cà phê trong thế kỷ XXI là đầu tư chiều sâu, ứng dụng rộng rãi tiến bộ sinh học và kỹ thuật mới vào các khâu giống, chăm sóc để tăng chất lượng cà phê.

2 - Tích cực phát triển cà phê chè, ổn định cà phê vối.

Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cà phê vối và cà phê chè có năng suất và chất lượng cao. Những điều kiện đó đã tạo cho Việt Nam lợi thế so sánh quan trọng : có thể sản xuất cà phê hàng hóa có chất lượng cao và giá thành hạ để cạnh tranh trên thương trường quốc tế. Mặt khác, cũng phải thấy rằng thị trường cà phê quốc tế không phải đã ổn định. Nhu cầu tiêu dùng cà phê vẫn tăng lên hằng năm, nhiều thị trường mới được khôi phục và mở rộng, còn các nước sản xuất cà phê thì điều kiện thời tiết, khí hậu không bình thường và nhiều nguyên nhân khác cũng đã gây nên những khó khăn trong cung ứng cà phê. Vì vậy, nước ta cần nhanh chóng mở rộng thêm diện tích cà phê chè. Dự báo đến năm 2010 Việt Nam sẽ có 450 000 ha cà phê, trong đó cà phê chè 100 000 ha, sản lượng hơn 800 000 tấn và kim ngạch xuất khẩu cà phê khoảng 1,2 tỉ USD. Theo phương hướng này, công tác quy hoạch khảo sát thiết kế các vùng trồng mới phải được tiến hành trước một bước và bố trí các mô hình sản xuất thực nghiệm nhằm xác định cơ cấu giống phù hợp, thực hành khuyến nông giúp cho nhân dân làm quen dần tiến tới nắm chắc các vấn đề kinh tế - kỹ thuật sản xuất cà phê chè. Chính phủ đã phê duyệt dự án phát triển cà phê chè 40 000 ha trong 5 năm (1997 - 2000) bằng vốn trong nước và vốn vay ưu đãi của Quỹ phát triển Pháp (CFD). Hiện nay, nhiều tỉnh đang triển khai trồng mới cà phê chè với tốc độ 300 - 1 000 ha/năm/tỉnh. Đối với cà phê vối cần ổn định diện tích hiện có ở Tây Nguyên, không mở rộng diện tích trồng mới trong thập niên đầu thế kỷ XXI mà lấy thâm canh và nâng cao chất lượng làm hướng chính.

3 - Phát triển công nghiệp chế biến cà phê.

Việt Nam đã có một sản lượng cà phê khá lớn với phẩm chất thơm ngon vốn có của

Digitized by Google

giống tốt được sản xuất trên các cao nguyên có điều kiện khí hậu thổ nhưỡng rất thích hợp. Tuy nhiên, cà phê hạt xuất khẩu lại không có chất lượng tương xứng và vì vậy đã thua thiệt về giá cả so với các nước khác. Một thời gian dài trước đây, công nghiệp chế biến cà phê đã không được quan tâm đầy đủ, có sự thiếu sót về nhận thức, có khó khăn về vốn đầu tư, trình độ công nghệ thấp kém chậm đổi mới, tổn thất sau thu hoạch khá lớn (không dưới 10% giá trị). Cần lưu ý là đã có những cơ sở sản xuất tổn thất nghiêm trọng, thất thu hàng tỉ đồng vì chất lượng hạt xấu. Mặt khác, hơn 80% cà phê được sản xuất ra là từ các hộ nông dân sản xuất nhỏ thiếu các điều kiện sơ chế tối thiểu. Các doanh nghiệp kinh doanh cà phê, các đại lý mua cà phê cũng thiếu hệ thống kho tàng và thiết bị chế biến. Cà phê nội tiêu ở trong nước tuy không nhiều, nhưng đã tăng lên hằng năm và đòi hỏi ngành cà phê phải cung cấp cho người tiêu dùng những thành phẩm có chất lượng cao. Nhưng thật đáng tiếc, công nghiệp đồ uống cà phê quá nhỏ bé có nguy cơ bị nước ngoài cạnh tranh mất thị trường, chưa nói đến việc Việt Nam xuất khẩu cà phê thành phẩm để tăng thu ngoại tệ. Có thể nói, công nghiệp chế biến cà phê đã không theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của sản xuất cà phê, việc này đã gây nên thiệt hại không nhỏ cho người sản xuất cũng như nhà nước. Vì vậy, trong những năm tới, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến cà phê phải được coi là nhiệm vụ rất quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành cà phê. Phải sử dụng thêm nhiều cụm chế biến công nghiệp bao gồm công nghệ chế biến ướt và khô, hệ thống sấy, xay xát, đánh bóng, sân phơi, nhà kho... mở rộng quy mô và nâng cấp Nhà máy cà phê Biên Hòa lên 1 000 tấn/năm và xây thêm một số nhà máy thành phẩm khác khi thị trường được mở rộng. Một việc không kém phần cấp bách là Tổng công ty cà phê Việt Nam phải sớm thành lập doanh nghiệp cơ khí thiết bị chế biến cà phê để sản xuất và cung ứng các máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp cà phê.

4 - Mở rộng thị trường cà phê và tăng cường hợp tác quốc tế

Hiện nay, hằng năm chúng ta đã xuất khẩu cà phê đến 48 nước và có quan hệ thương mại với tất cả các hãng cà phê lớn trên thế giới. Nâng cao chất lượng cà phê, bảo đảm tín nhiệm với khách hàng, tuân thủ thông lệ buôn bán quốc tế... là những biện pháp quan trọng để củng cố thị trường. Mặt khác, cần có các giải pháp để khôi phục thị trường truyền thống cũ trước đây ở các nước SNG và Đông Âu, mở thị trường mới ở Trung Quốc và các nước Trung Cận Đông... Khối lượng cà phê sản xuất ngày một lớn, không thể thụ động ngồi chờ ai đến mua thì bán, cần chủ động tạo thị trường, mở cơ quan đại diện và sử dụng các phương thức thương mại khác như : đổi hàng, trả nợ nhà nước và các hiệp định Chính phủ. Việt Nam đã gia nhập ICO, sẽ tham gia tổ chức Hiệp hội các nước sản xuất cà phê (ACPC) và những tổ chức quốc tế khác có liên quan để tăng cường hợp tác kinh tế thương mại, khoa học - công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

5 - Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và tăng cường đào tạo cán bộ cho ngành cà phê.

Nội dung công tác khoa học - công nghệ của ngành cà phê khá rộng rãi, tuy nhiên một số lĩnh vực trước đây vẫn chưa được quan tâm. Một thời gian dài chúng ta chú trọng các vấn đề nông sinh học như quy vùng quy hoạch, tìm các giống mới, kỹ thuật canh tác, tạo hình, bón phân, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh... Thời gian tới, cần đầu tư nghiên cứu hơn nữa vào công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp chế biến sâu, nghiên cứu chiến lược thị trường và thương mại. Mặt khác, củng cố, nâng cấp Viện nghiên cứu cà phê Eakmát, lập thêm các

Digitized by Google

trạm nghiên cứu thực nghiệm ở các vùng, tăng cường công tác đào tạo cán bộ và phổ cập rộng rãi các hình thức khuyến nông cà phê đến các hộ nông dân. Hội đồng khoa học - công nghệ cà phê đã được thành lập và hoạt động có hiệu quả, trên cơ sở này xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý công nghệ tạo thêm sức mạnh cho toàn ngành phát triển bền vững trong cơ chế mới.

6 - Vấn đề tổ chức quản lý và chính sách.

Hiện nay, ngành cà phê Việt Nam đã có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Kim ngạch xuất khẩu hằng năm khá lớn và có thể dự đoán rằng trong 5 - 10 năm tới đây cà phê và lúa gạo vẫn là những nông sản xuất khẩu hàng đầu ở nước ta. Việt Nam là một nước xuất khẩu lớn cà phê cho nên đã có ảnh hưởng đến cung - cầu và giá cả cà phê trên thị trường quốc tế. Những vấn đề trên đây khá phức tạp đòi hỏi phải nghiên cứu một cơ cấu tổ chức quản lý ngành hợp lý hơn và đề xuất những chính sách mới tạo cho ngành phát triển thuận lợi. Việt Nam cũng cần sớm ra đời một tổ chức quản lý sản xuất và xuất khẩu cà phê gọn nhẹ có thành viên chuyên trách và một số thành viên kiêm nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính... với tên gọi cụ thể là "Hội đồng phát triển cà phê quốc gia". Hội đồng sẽ nghiên cứu và trình ban hành một số chính sách riêng cho ngành cà phê như tín dụng dài hạn, giá cả và hỗ trợ xuất khẩu, khuyến nông, bảo hiểm và các quy chế quản lý khác... Tránh để tình trạng nhiều hộ trồng cà phê, giá hạ không tiêu thụ được sản phẩm nên chặt phá cà phê để trồng cây khác.

7 - Tăng cường vai trò của nhà nước đối với sản xuất và xuất khẩu cà phê. Vai trò đó cần hướng vào các vấn đề trọng tâm : chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sản xuất và xuất khẩu dài hạn của các cơ chế chính sách, về đầu tư vốn, khoa học - công nghệ và ổn định thị trường. ❑

DI SẢN VĂN HÓA...

(Tiếp theo trang 49)

Nhà nước, còn việc học cũng là trách nhiệm của mọi người, nhất là của thế hệ trẻ. Khi mọi người có đầy đủ kiến thức thì nhất định sẽ biết tự đánh giá, tự thẩm định đâu là di sản cần được lưu giữ, đâu là giá trị cần được nhân lên và đâu là phản giá trị phải loại trừ. Lúc đó sự học đòi, sự bắt chước vô lối những cái xa lạ, mất gốc sẽ giảm đi và nhất là mọi người sẽ có sức đề kháng đối với các phản giá trị, phản văn hóa. Dĩ nhiên, cùng với điều đó thì việc ngăn chặn những sản phẩm phản văn hóa đi ngược lại với lợi ích và thuần phong, mỹ tục của dân tộc được đưa từ ngoài vào nhằm phá vỡ các giá trị của di sản truyền thống của văn hóa dân tộc cũng là điều nhất thiết phải làm.

Bên cạnh đó, việc có chính sách đúng đắn để có được những sản phẩm văn hóa mới vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại, đáp ứng được những đòi hỏi cao của quần chúng đương đại là điều có tầm quan trọng bậc nhất.

*

* *

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, văn hóa Việt Nam đã phải chịu nhiều thử thách, có khi là thử thách rất nghiệt ngã. Song, sức sống của nền văn hóa đó đã được khẳng định và vô cùng mạnh mẽ. Trước những biến động hiện nay, chắc chắn nó lại sẽ chứng tỏ sức sống mãnh liệt của nó. Việc bảo tồn và phát triển tiếp những di sản quý giá của văn hóa dân tộc cùng với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại trong xu thế hội nhập với thế giới sẽ góp phần tạo nên bước phát triển mới cho đất nước. Văn hóa Việt Nam một lần nữa chứng tỏ rằng nó là nguồn lực nội sinh của sự phát triển của dân tộc, của đất nước.❑

Digitized by Google

KINH TẾ – XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN SAU 10 NĂM NHÌN LẠI

HOÀNG CÔNG DUNG *

TÂY Nguyên là vùng giàu tiềm năng để phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp và du lịch dịch vụ ; là nơi có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường, sinh thái. Tây Nguyên gồm 4 tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc và Lâm Đồng với diện tích gần 5,6 triệu ha, bằng 16,8% diện tích cả nước, trong đó, diện tích rừng và đất rừng chiếm tới 3,2 triệu ha, bằng 34% diện tích rừng toàn quốc. Dân số Tây Nguyên có khoảng hơn 4,2 triệu người, trong đó có gần 2,25 triệu người sinh sống ở nông thôn, số này có hơn 1 triệu người phần lớn là đồng bào các dân tộc thiểu số.

Từ ngày đất nước thống nhất, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn để phát triển kinh tế gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội, đoàn kết các dân tộc trong cả nước nói chung và các dân tộc ở Tây Nguyên nói riêng, cho nên nhiều tiềm năng của Tây Nguyên đã được khai thác, phát huy có hiệu quả. Nhất là từ khi Nghị quyết số 22-NQ/TƯ của Bộ Chính trị và Quyết định số 72-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi được ban hành vào thời điểm cả nước đang nỗ lực phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, tình hình kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên đã có nhiều tiến bộ ; đồng thời, cũng đang đặt ra những vấn đề bức xúc cần được nghiên cứu và có chính sách thích hợp để Tây Nguyên phát triển bền vững, đồng bào các dân tộc có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, văn minh, tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

I - Những chuyển biến tích cực về đời sống kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, diện mạo nền kinh tế đất nước đã có nhiều khởi sắc, đời sống của đại bộ phận nhân dân, trong đó có đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên đã được cải thiện đáng kể.

Nhiều dự án đầu tư và chính sách cụ thể của Đảng, Nhà nước đã tác động đến Tây Nguyên, làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội có những bước tiến tích cực. Mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 8,5%, nếu tính riêng từng tỉnh thì mức tăng trưởng còn cao hơn. Chẳng hạn, tỉnh Gia Lai, 12,6%, tỉnh Lâm Đồng 12% và tỉnh Đắc Lắc 11%.

Về lương thực, tuy không phải là vùng trọng điểm lúa, nhưng do thâm canh, mở rộng diện tích và được đầu tư nhiều công trình thủy lợi lớn, sản lượng lương thực quy ra thóc ở Tây Nguyên tăng nhanh : năm 1996 đạt 713 000 tấn, năm 1997 đạt 847 000 tấn. Lương thực tăng đã góp phần quan trọng trong việc ổn định và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị gắn với sự nghiệp đổi mới của Đảng, ở Tây Nguyên đã nhanh chóng hình thành và phát triển những vùng sản xuất tập trung như cà phê, cao su, dâu tằm và một số loại cây trồng khác với quy mô lớn, tỷ suất hàng hóa cao. Nếu như năm 1976, ở Tây Nguyên có 6 500 ha cà phê thì đến năm 1985 đã tăng lên 29 600 ha và năm 1989 là 80 000 ha và hiện nay, diện tích cà phê khoảng 200 000 ha với năng suất bình quân 19 tạ/ha, trong đó Đắc Lắc đạt 21,7 tạ/ha. Cái khó đang đặt ra hiện nay là tìm đầu ra và giá cà phê bị sụt giảm.

Cùng với cà phê, cao su là loại cây công nghiệp có tiềm năng lớn với diện tích

* Phó chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi

Digitized by Google

liên tục tăng. Năm 1985 : 12 000 ha, năm 1995, hơn 45 000 ha...

Với chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, nhiều vườn cao su tư nhân được hình thành và phát triển, trong đó có nhiều hộ gia đình là người dân tộc thiểu số đã biết trồng, chăm sóc và thu hoạch cao su làm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Công tác giao khoán đất rừng có nhiều tiến bộ, diện tích rừng được bảo vệ tăng từ 500 000 ha lên 700 000 ha, ngăn chặn đáng kể tình trạng khai thác rừng bừa bãi.

Nhà nước thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển một số mặt hàng thiết yếu và vật tư sản xuất, cho vay vốn để phát triển sản xuất, đối với các hộ nghèo vay vốn qua ngân hàng được giảm lãi suất từ 15 đến 30% ; cấp phát không thu tiền 4 mặt hàng thiết yếu trong đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số là muối i ốt, thuốc chữa bệnh, dầu thắp sáng, giấy viết học sinh. Nhà nước cũng đã đầu tư hàng nghìn tỉ đồng cho công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới ; xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số gồm điện, đường giao thông, trường học, các công trình thủy lợi, y tế, văn hóa... Riêng công tác định canh, định cư từ năm 1991 đến 1995, ngân sách nhà nước đã đầu tư cho Tây Nguyên 98,5 tỉ đồng, năm 1996 đầu tư 27,45 tỉ đồng. Ngoài ngân sách trung ương, các địa phương cũng đầu tư hàng chục tỉ đồng để thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều nơi như Đắc Lắc 30 xã, Lâm Đồng 16 xã... Đến năm 1995, Tây Nguyên đã vận động định canh, định cư được 112 985 hộ, gồm 614 560 nhân khẩu trên địa bàn 253 xã, thuộc 10 huyện tương đối ổn định. Trong đó vùng sâu, vùng xa đã định canh, định cư được 35 942 hộ, gồm 216 240 nhân khẩu, thuộc 104 xã, 718 buôn làng ; vùng biên giới đã định canh, định cư được 7 845 hộ, 39 939 nhân khẩu, thuộc 24 xã, 133 buôn làng. Các khu vực định canh, định cư đã xây dựng được một số cơ sở hạ tầng, cơ sở phúc lợi công cộng đáng kể. Toàn vùng có hơn 900 công trình thủy lợi, 32 công trình thủy điện nhỏ, hơn 300 km đường giao thông, hơn 700 giếng nước ăn, khai hoang hơn 2 000 ha ruộng lúa nước.

Nhờ có hệ thống thủy lợi tốt, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước cho kết quả khả quan. Nhiều nơi đồng bào đã biết thâm canh lúa nước, phát triển cây công nghiệp thành các vùng chuyên canh lớn. Diện tích lúa nước được tăng lên đáng kể. Tỉnh Kon Tum trước giải phóng (1975) chỉ có 100 ha ruộng lúa nước, sau 10 năm đổi mới đã có 3 400 ha ruộng cấy 2 vụ và tỉnh Đắc Lắc có gần 20 000 ha...

Nhiều hộ đồng bào đã bước đầu làm quen với sản xuất hàng hóa và ngành nghề. Chẳng hạn, 300 hộ gia đình với 1 450 nhân khẩu, trong đó có 360 lao động ở nông trường Ea tul trồng cà phê lúc đầu rất xấu, năng suất thấp, nhưng đến vụ năm 1996 - 1997 đã đạt 25 tạ/ha. Nông trường Ea sim có 538 hộ người Êđê với 1 385 nhân khẩu, trong đó có 359 lao động trồng cà phê năng suất 35 tạ/ha. Nông trường cà phê Đắc Lắc có 1 980 hộ đồng bào, với 11 492 nhân khẩu, trong đó có 1 625 lao động đã làm được 35 km đường cấp phối, 38 km đường dân sinh, 16 hồ chứa nước, 315 m^2 nhà trạm y tế, 3 016 m^2 trường học, thu hút 80% số trẻ trong độ tuổi đến trường.

Do những chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi mà đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số Tây Nguyên từng bước được cải thiện rõ rệt : số hộ nghèo giảm từ 41% năm 1990 xuống còn 27% năm 1994, số hộ giàu mỗi năm tăng từ 1 - 1,5%. Gần 1/3 số xã có điện, gần 80% dân được dùng nước giếng ; 100% số xã có trường tiểu học, 50% số xã có trường phổ thông cơ sở. Nhà ở kiên cố và các tiện nghi sinh hoạt đắt tiền được mua sắm thêm nhiều ở các hộ gia đình. Riêng đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trồng cây công nghiệp ở các nông trường Ea tul, Ea sim, thu nhập và mức sống còn khả quan hơn : bình quân mỗi lao động thu nhập 1,2 triệu đồng/tháng, 25% số gia đình xây được nhà kiên cố, 37% số hộ có xe máy, 60% số hộ có máy thu hình, 100% số hộ được dùng điện sinh hoạt.

Cùng với những tiến bộ về kinh tế, đời sống văn hóa, tinh thần của đa số đồng bào cũng được nâng lên rõ rệt. Hệ thống thông tin và các phương tiện thông tin ngày càng tạo điều kiện cho đồng bào tiếp xúc và giao lưu với xã hội, nên một số phong tục, tập quán lạc hậu đã giảm.

Digitized by Google

Số người xem truyền hình, nghe đài phát thanh, đọc báo tăng hơn trước, số đội chiếu phim lưu động tăng lên đang từng bước đưa ánh sáng văn hóa của Đảng đến với đồng bào.

Về giáo dục, từ chỗ 40 - 50% số dân không biết chữ, đến nay giảm xuống nhiều, số trẻ em trong độ tuổi đi học tăng nhanh.

Về chăm sóc sức khỏe cho đồng bào, do có mạng lưới y tế tỏa đến các xã nên bước đầu đã hạn chế được một số bệnh như sốt rét, bướu cổ, dịch tả...

II - Những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

Đến nay, tình hình kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên đã có bước phát triển rõ rệt. Tuy nhiên, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực vùng sâu vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thể hiện cụ thể trên một số mặt sau :

● *Vẫn còn tình trạng du canh du cư :*

Ở Tây Nguyên hiện còn khoảng trên 10 ngàn hộ định canh định cư chưa vững chắc. Những hộ này thường làm rẫy theo chu kỳ, sản xuất chủ yếu dựa vào thiên nhiên, năng suất thấp, nhà ở tạm bợ, cuộc sống bấp bênh, hằng năm, vào thời kỳ giáp hạt thường thiếu ăn đến 2 - 3 tháng ; còn hơn 8 000 hộ, gần 50 000 khẩu du canh du cư ngày càng tiến vào vùng sâu, vùng xa. Các hộ này sản xuất và đời sống vô cùng khó khăn, đất canh tác không ổn định, 30% phá rừng làm rẫy, 70% không có vườn hộ gia đình, thu nhập quá thấp khoảng 500 000 đồng/người/năm.

● *Thiếu đất để sản xuất do sự phân bổ quỹ đất chưa hợp lý, đặc biệt là đất canh tác cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa.*

Sau ngày miền Nam giải phóng, nhiều lâm, nông trường được thành lập ở Tây Nguyên đã có tác dụng đáng kể trong việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, trong đó không ít các hộ gia đình và người lao động là người dân tộc thiểu số đã được các nông, lâm trường tạo điều kiện để vươn lên có cuộc sống khá giả. Tuy nhiên, các nông, lâm trường cũng đã quản lý khá nhiều đất đai, nhưng chưa sử dụng hết hoặc sử dụng kém hiệu quả. Chẳng hạn, các nông, lâm trường ở Đắc Lắc với số công nhân chiếm khoảng 20% dân số, nhưng đã quản lý và sử dụng tới 80,13% đất đai trong khu vực, bình quân đầu người là 12,8 ha, trong khi đó dân quanh vùng chiếm tới 80% dân số nhưng chỉ có 13,87% đất đai, bình quân diện tích đất đai cho một công nhân lâm, nông trường gấp 23 lần so với người dân trong vùng. Bên cạnh đó, dân di cư tự do, dân đi khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới đến Tây Nguyên đã làm xuất hiện tình trạng mua bán đất ngầm với nhau. Nhiều người dân tại chỗ, do những khó khăn trước mắt, họ đã bán đất sản xuất của họ để rồi lùi sâu vào rừng, lại chặt phá để khai khẩn đất mới, khiến cho rừng ngày càng bị tàn phá nghiêm trọng. Không ít trường hợp đồng bào di cư tới tìm cách mua rẻ hoặc lấn chiếm đất đai của người dân tộc tại chỗ, gây nên tình trạng căng thẳng về tranh chấp đất đai. Những mâu thuẫn diễn ra xung quanh vấn đề quản lý, sử dụng đất đai đã phần nào ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, đời sống và quan hệ dân tộc trong vùng.

● *Thu nhập của phần lớn đồng bào còn thấp, phân hóa giàu nghèo tăng.*

Năm 1989, Tây Nguyên có 10% hộ giàu, 50% hộ nghèo, chênh lệch thu nhập ở hai loại hộ này là 8,2 lần. Năm 1996, tỷ lệ hộ nghèo còn 30%, chênh lệch giàu nghèo 12 lần. Năm 1997, mức chênh lệch giàu nghèo tăng lên khoảng 14 lần. Đời sống của đồng bào dân tộc ở khu vực này gặp quá nhiều khó khăn. Những mặt hàng thiết yếu như muối i ốt, thuốc chữa bệnh, vải vóc, lương thực, dầu thắp sáng được Nhà nước ưu tiên hỗ trợ tuy có khá hơn trước đây, nhưng cũng chỉ giúp cho họ duy trì cuộc sống tự cấp, tự túc, chưa đủ sức giúp họ vươn lên tiếp cận với kinh tế sản xuất hàng hóa và vấn đề khuyến nông, khuyến lâm đối với đồng bào chưa được giải quyết đúng mức, nên phần lớn đồng bào chưa nắm được kỹ thuật và phương pháp canh tác mới. Do đó, sự nghèo đói và lạc hậu vẫn là bài toán nan giải đối với đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên ở vùng sâu, vùng xa.

● *Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, trình độ dân trí thấp, thiếu vốn để sản xuất.*

Đến nay, tuy hệ thống điện, đường giao thông, trường học, các công trình thủy lợi, trạm y tế, phủ sóng phát thanh, truyền hình có nhiều tiến bộ so với trước đây, nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng ở Tây Nguyên, nhất là đối với vùng đồng

Digitized by Google

bào dân tộc thiểu số đang sinh sống còn nhiều yếu kém. Hệ thống giao thông ở khu vực này chủ yếu là đường đất, chỉ có mùa khô là đi lại được, còn mùa mưa thì hầu như tách biệt với bên ngoài. Năm 2000, còn 12 xã chưa có đường ô tô đến. Hệ thống thủy lợi cũng yếu kém, canh tác của đồng bào chủ yếu nhờ vào thiên nhiên. Cơ sở trường lớp sơ sài, thiết bị giảng dạy thiếu thốn. Trạm y tế thiếu và chưa bảo đảm tiêu chuẩn. Còn tới 50% trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, các bệnh sốt rét, bướu cổ, dịch tả lác đác vẫn xảy ra.

Bên cạnh đó, khi chuyển từ sản xuất tự cung tự cấp, không có tích lũy sang sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, vốn cho sản xuất đang là vấn đề nổi lên. Những năm gần đây, Nhà nước đầu tư qua các chương trình, dự án giúp đỡ đồng bào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống đã có tác dụng tích cực. Tuy nhiên, sự đầu tư còn ít và dàn trải, nên hiệu quả nhìn chung còn thấp. Không những thế, vốn đầu tư hằng năm có xu hướng giảm.

III - Một số kiến nghị về giải pháp nhằm tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, để phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên nói chung, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở đây nói riêng, để có một Tây Nguyên xanh, giàu mạnh, với cảnh quan môi trường đẹp, bảo tồn và phát triển được văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần thực hiện một số giải pháp chính sau :

1 - Tiếp tục khẳng định và phát triển quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, trong đó có đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển", cùng với cả nước phấn đấu theo con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để đạt được mục tiêu đó, đối với Tây Nguyên, cần đặt đúng vị trí và tầm chiến lược quan trọng của vùng này, quan tâm hơn nữa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào đang sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn. Tiếp tục khẳng định và tăng cường đầu tư theo cơ chế của Chương trình 135 để nhanh chóng xóa được đói, giảm được nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào.

2 - Cần phát huy và khai thác hợp lý mọi tiềm năng về nhân lực, tài nguyên thiên nhiên và huy động vốn cho sự phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Phát triển Tây Nguyên trên cơ sở tăng trưởng bền vững và có hệ thống, tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, tránh tư tưởng phiến diện, hình thức, thiếu nền móng vững chắc. Phân tích rõ điểm xuất phát và mục tiêu phát triển để lựa chọn hình thức phát triển kinh tế cho từng vùng với việc hoạch định chính sách phù hợp từng địa phương, từng dân tộc.

3 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn cặn kẽ cho đồng bào các dân tộc thiểu số hiểu và cùng thực hiện đúng các chủ trương, chính sách và mục tiêu phát triển của Tây Nguyên để đồng bào thấy được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, từ đó vận động đồng bào phát huy nội lực, hòa nhập với cộng đồng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển, giữ vững an ninh, quốc phòng.

4 - Đẩy nhanh việc giao đất, khoán rừng, có chính sách bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số bản địa có đất canh tác.

Các dân tộc thiểu số ở khu vực đặc biệt khó khăn nhất vốn gắn bó với rừng, sống bằng rừng, nhưng đến nay mới có khoảng 1 000 hộ được nhận khoán khoảng 25 000 ha rừng ; 2 000 hộ được nhận 2 500 ha đất nông nghiệp. Do đó, đẩy nhanh hơn nữa việc giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình có ý nghĩa quan trọng giúp cho kinh tế hộ gia đình được tự chủ, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội từ rừng và đất rừng cho đồng bào.

Có biện pháp khẩn trương kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ quỹ đất hiện tại ở Tây Nguyên, để có chính sách giao đất, giao rừng phù hợp. Lập sổ giao khoán ghi rõ diện tích, vị trí kèm theo sơ đồ thực địa rồi giao cho từng hộ gia đình kèm theo các quy định về quyền lợi, trách nhiệm và thù lao được hưởng trong quá trình chăm sóc, bảo vệ rừng. Ban hành các quy định cụ thể cho các nông, lâm trường phải giao đất không sử dụng hết, hoặc sử dụng không có hiệu quả về cho chính quyền địa phương để chính quyền địa phương giao cho dân sản xuất. Trong đó

Digitized by Google

chú ý ưu tiên giao đất cho đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa để ổn định đời sống sản xuất.

5 - Hoàn thành chương trình định canh, định cư, ổn định đời sống cho đồng bào.

Định canh, định cư là việc làm cần thiết để ổn định đời sống cho đồng bào, là biện pháp khai thác tốt tiềm năng về đất đai, lao động và các nguồn nhân lực khác. Đó còn là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Cần tập trung vốn cho công tác định canh, định cư ổn định đời sống sản xuất cho đồng bào. Triển khai định canh, định cư kết hợp chặt chẽ với các dự án phát triển kinh tế ở từng cụm xã, từng khu vực gắn với công tác khuyến nông, khuyến lâm. Quá trình định canh, định cư cần tiến hành tuần tự, làm đến đâu chắc đến đó, vừa đầu tư vừa hướng dẫn, vận động đồng bào làm quen với hình thức sản xuất hàng hóa, ổn định về nhà ở, đất ở, đất canh tác sản xuất cho đồng bào.

6 - Đẩy mạnh phát triển kinh tế Tây Nguyên theo hướng sản xuất hàng hóa gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sau 10 năm đổi mới, nhất là những năm gần đây ở Tây Nguyên đã xuất hiện nhiều hộ người dân tộc thiểu số đã biết vươn lên làm giàu. Họ đã biết tiếp thu, đón nhận chính sách giao đất, khoán rừng, chính sách khuyến khích sản xuất kinh doanh của Đảng và Nhà nước, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Biết sản xuất và chế biến sản phẩm làm ra thành hàng hóa có giá trị kinh tế cao cung cấp cho thị trường. Cần tổng kết và nhân rộng ra trong vùng đồng bào những điển hình vươn lên làm giàu, từ đó định hướng cho đồng bào tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh nhằm mục tiêu phát triển bền vững cho Tây Nguyên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

7 - Tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào vay vốn để phát triển sản xuất.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, nhất là khu vực đặc biệt khó khăn rất thiếu vốn để phát triển sản xuất. Với phương thức sản xuất lạc hậu, chủ yếu dựa vào thiên nhiên, năng suất lao động thấp, chi tiêu thiếu kế hoạch nên đời sống gặp nhiều khó khăn. Để giúp đồng bào thoát khỏi cảnh đói nghèo, cần có chính sách cho đồng bào vay vốn để phát triển sản xuất. Chính sách này cần tính toán đầy đủ sao cho đạt được mục tiêu là thúc đẩy sản xuất, tăng thu nhập cho đồng bào và bảo toàn vốn. Để làm được điều đó, cần tạo điều kiện cho đồng bào vay vốn một cách dễ dàng, thuận lợi, đồng thời cử cán bộ hướng dẫn cho đồng bào biết cách sử dụng vốn sao cho có hiệu quả. Khi cho vay phải tính toán để đồng bào đủ thời gian, đủ điều kiện để trồng và chăm sóc cây công nghiệp hoặc chăn nuôi, phát triển rừng theo chu kỳ phát triển của cây, con. Những năm đầu Nhà nước đầu tư vốn để đồng bào vừa sản xuất vừa có lương thực tiêu dùng, có nhà ở ổn định gắn bó với nơi mình đang sinh sống. Sau đó, khi mô hình kinh tế ổn định thì đồng bào trả dần vốn vay cho Nhà nước. Vốn đầu tư cho đồng bào cần được ưu tiên không phải trả lãi hoặc với lãi suất thấp, đủ để đồng bào vừa phát triển được kinh tế, vừa có điều kiện để hoàn trả vốn ban đầu.

8 - Đẩy mạnh đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực cho Tây Nguyên.

Đào tạo đội ngũ cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc miền núi nói chung, ở Tây Nguyên nói riêng có vị trí quan trọng đặc biệt, là khâu quyết định thành công hay thất bại của mọi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc. Vì vậy, nguồn cán bộ công tác ở vùng này cần được quy hoạch có hệ thống để đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai. Trên cơ sở đó, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng sử dụng đúng người, đúng việc, để phát huy năng lực, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ là con em đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ, bảo đảm dân tộc nào cũng có cán bộ được đào tạo và sử dụng hợp lý, đồng thời có quy định phù hợp và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ là người Kinh, người ở các địa phương khác công tác lâu dài hoặc định kỳ ở Tây Nguyên. Có chính sách đãi ngộ và sử dụng tốt đội ngũ già làng, trưởng bản, thực hiện tốt đoàn kết cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc. ❑

Digitized by Google

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TÍCH CỰC PHÒNG CHỐNG BÃO, LŨ

KIM NGÂN

SAU 5 năm thực hiện, *Quyết định 99/TTg* của Thủ tướng Chính phủ đã đem lại bước phát triển vượt bậc. Nhà nước đã đầu tư vào khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trên 16 nghìn tỉ đồng (chiếm 17,5% tổng số vốn đầu tư của cả nước) ; khai hoang, tăng vụ cho hơn 50 vạn ha ; cơ bản hoàn thành quy hoạch kiểm soát và sử dụng nước lũ đến năm 2010, cơ bản hoàn thành hệ thống thoát lũ ra biển Tây, sông Tiền và sông Vàm Cỏ ; 7 chương trình lớn đã được thực hiện trong xây dựng hạ tầng thủy lợi, giao thông và phát triển nông thôn : *thoát lũ cho Tứ giác Long Xuyên* (đảm bảo an toàn cho ổn định sinh hoạt của gần 1 triệu người, sản xuất 2 vụ đông - xuân, hè - thu chắc chắn trên diện tích 20 vạn ha). *Chương trình Đồng Tháp Mười* (mở rộng thêm trên 70 vạn ha với 2 vụ lúa/năm, thay đổi cơ bản cảnh quan, văn hóa - xã hội của vùng...).

Trận lũ lịch sử vào năm cuối thế kỷ ở ĐBSCL đã cướp đi sinh mạng của 450 người (hầu hết là trẻ em), làm thiệt hại gần 4 nghìn tỉ đồng. Qua trận thiên nạn đó đã thấy được khá nhiều điểm yếu trong "sống chung với lũ" : thiếu đồng bộ trong quy hoạch ; chưa xác định rõ hướng đi cho vùng Đồng Tháp Mười trong việc kiểm soát lũ, thoát lũ ; đầu tư xây dựng các công trình còn dàn trải, nhiều công trình đầu mối đã hoàn thành nhưng công trình nội đồng chưa được triển khai, nhất là hệ thống bờ vùng, bờ thửa, đường sá ; việc di dời dân, thu mua và trữ thóc của nông dân còn chậm trễ ; thiếu phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, tỉnh, địa phương trong khắc phục hậu quả thiên tai ; các cơ sở hạ tầng y tế, giáo dục còn chưa phù hợp với đặc điểm vùng lũ... v.v.

Năm nay, lũ trên hệ thống sông Cửu Long lại *lên sớm hơn* so với quy luật khoảng 20 ngày. Ngay từ cuối tháng 6, mức nước sông Tiền tại Tân Châu, sông Hậu tại Châu Đốc đã cao hơn mức trung bình nhiều năm khoảng 0,4 - 0,5m. Nguyên nhân lũ lên nhanh và sớm trong năm nay theo các nhà khí tượng thủy văn là : ngay từ đầu tháng 6 đến giữa tháng 7, gió mùa Tây - Nam hoạt động mạnh, gây nhiều đợt mưa vừa, mưa to ở khu vực trung lưu và hạ lưu sông Mê Công (bao gồm cả vùng Nam Bộ nước ta). Tổng lượng mưa trong tháng 6 ở khu vực phổ biến là 200 - 300mm, nhiều nơi cao hơn 350mm. Trên dòng chính của sông Mê Công trong tháng 6 đã xuất hiện một đợt lũ có biên độ 3 - 5m đưa mức nước sông lên nhanh cùng với mưa lớn ở Trung, Hạ Lào, Tây Nguyên và đồng bằng Nam Bộ trong đầu tháng 7, đã làm lũ lên rất nhanh, mức nước tương đương với lũ năm 2000, sau đó lên chậm và duy trì ở mức cao hơn cùng kỳ nhiều năm. Tuy lũ chưa tới thời kỳ đỉnh điểm nhưng thiệt hại do thiên tai gây ra đã khá lớn. Trong các ngày cuối tháng 6 và đầu tháng 7, mưa to và lốc xoáy đã gây thiệt hại ước tính

Digitized by Google

100 triệu đồng ở tỉnh Trà Vinh ; 14 căn nhà bị sập, hàng trăm ha lúa và rau màu bị hư hại ở Kiên Giang ; nhiều huyện ở Cần Thơ bị ngập, úng. Ở Bến Tre có 50 ngôi nhà bị sập, nhiều tài sản và hàng chục hécta vườn cây ăn trái, hoa màu, ruộng lúa. .. bị hư hại, thiệt hại lên tới 900 triệu đồng.

Theo dự báo, *lũ năm 2001 ở sông Cửu Long sẽ thuộc loại lũ lớn,* có khả năng cao hơn mức báo động cấp 3 và *sẽ xuất hiện* vào khoảng *cuối tháng 9, đầu tháng 10.* Để chủ động đối phó với bão, lũ năm nay, các tỉnh ở ĐBSCL đã tích cực triển khai nhiều công việc hệ trọng :

Trước mùa lũ năm 2001, các tỉnh đã tiến hành *xây dựng hệ thống công trình đồng bộ, gắn thủy lợi với giao thông, xây dựng cụm dân cư* nhằm kiểm soát lũ đối với vùng ngập cạn, kiểm soát lũ theo thời gian cho vùng ngập sâu. Hai đập Trà Sư, Tha La được xây dựng có tác dụng rõ rệt trong việc kiểm soát lũ tháng 8, đã hạ được mức nước lũ từ 20 đến 25 cm. Nhà nước đang triển khai xây dựng 5 mô hình khu dân cư tập trung sống chung với lũ ở khu Giồng Găng (Đồng Tháp), khu Khánh Hưng và Nhân Hưng (Long An), khu Thạch Lộc (Tiền Giang) và khu Nam Thái Sơn (Kiên Giang). Khu Giồng Găng được triển khai dự án cấp nước sạch đầu tiên bằng trạm FLOTAWA 01. Đây là một trạm cấp nước nổi tự hành (chỉ cần 2 người điều khiển) với công suất 240m^3/ngày, có công dụng lọc nước sông thành nước sạch cung cấp cho nhân dân, nhất là người dân vùng lũ. Trạm lưu động này có thể thay thế 10 - 15 trạm xử lý nước cố định mà giá thành tương đối rẻ (2 000 đồng/m^3). Theo ý kiến các nhà khoa học thì việc quản lý môi trường ở các cụm dân cư cũng phải chú trọng như ở các khu đô thị hiện đại, phải có các cống, kênh thoát nước và các trạm bơm tiêu ngay cả khi lũ cao.

Trên cơ sở quy hoạch kiểm soát lũ vùng ĐBSCL đến năm 2010 đã được Thủ tướng phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông - lâm - ngư nghiệp nhằm chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phù hợp với tiềm năng, lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động trong vùng. Ổn định diện tích trồng lúa khoảng 1,7 - 1,8 triệu ha đất có điều kiện tốt nhất để sản xuất 2 vụ lúa ăn chắc ; chuyển từ 200 nghìn đến 300 nghìn ha lúa sang nuôi trồng thủy sản và các loại cây công nghiệp. Tiếp tục tập trung khai thác vùng Tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau. Khôi phục tuyến rừng bảo vệ ven biển ; giữ vững diện tích cây tràm, ổn định diện tích dừa nước, bảo vệ rừng ngập mặn...

Có ý kiến cho rằng 3 yếu tố quan trọng để chủ động điều khiển và chung sống với lũ là : *đường - kênh - nhà.*

- *Đường :* Bao gồm hệ thống đê ven biển và cống ngăn mặn. Đê bao nội đồng nên kết hợp thành đường đi. Đường, đê, đập phải được kết hợp hài hòa với thủy lợi mới phát huy hiệu quả nhiều mặt.

- *Kênh :* Chú trọng kênh giao thông thủy trong hệ thống sông, kênh, rạch. Vùng nội đồng có hệ thống kênh tưới, kênh tiêu, kênh xả lũ. Kết hợp giao thông thủy nối mạng kênh thủy lợi.

- *Nhà :* Quy hoạch cụm dân cư dọc theo tuyến đường - kênh, có đê bao chắc chắn. Làm nhà khung, nhà sàn, nhà nổi trên nền cao bằng vật liệu nổi, dễ tháo rời và tránh xây nhà to, nặng, cồng kềnh.

Ở các địa phương, rút kinh nghiệm từ trận lũ lịch sử, các biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai đã được gấp rút triển khai.

Digitized by Google

Luôn phải gánh chịu thiệt hại lớn nhất trong các mùa lũ là tỉnh ***Đồng Tháp,*** vì thế, ngay từ đầu tháng 5-2001, kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ người và cơ sở hạ tầng, khắc phục hậu quả do lũ để lại đã được gấp rút thực hiện. Các cụm dân cư hệ trọng như thị trấn Hồng Ngự, Sa Rài, Tân Hồng, Vĩnh Hưng trong vùng ngập lũ sâu đã được xây dựng đê bao bảo vệ.

Từng hứng chịu hậu quả nặng nề của cơn bão số 5 (1997) và trận lũ năm 2000 (60 người thiệt mạng ; 80 nghìn căn nhà bị ngập, 10 nghìn căn nhà khác phải di dời ; hơn một vạn học sinh phải nghỉ học ; tổng thiệt hại lên tới 500 tỉ đồng), năm nay, khi mùa lũ chưa bắt đầu, ***Kiên Giang*** đã huy động các phương tiện thông tin liên lạc, ca nô, xuồng máy, thuốc men, tiền, hàng dự trữ cho tình huống nguy cấp. Các phương án phối hợp để cứu dân, cứu tài sản của nhà nước và bảo vệ sản xuất... đã được thảo luận từng chi tiết và phân công cụ thể. Là tỉnh có số lượng tàu đánh bắt cá xa bờ lớn (trên 7 nghìn tàu thuyền), công tác tìm kiếm cứu nạn trên biển được đặc biệt quan tâm. Lãnh đạo tỉnh cho rằng, công tác tìm kiếm, cứu nạn sẽ có hiệu quả nhất khi người dân tham gia. Từ kinh nghiệm rút ra sau cơn bão số 5 (1997) và những tai nạn trên biển, trong hoạn nạn, giữa biển mênh mông sóng gió, 7 nghìn tàu thuyền hiện có sẽ đóng góp đáng kể giúp cứu người bị nạn, ổn định đời sống và duy trì sản xuất.

Tỉnh có tổng sản lượng lúa cao nhất nước là ***An Giang*** nằm trong vùng rốn lũ của Tứ giác Long Xuyên, năm trước đã chịu thiệt hại nhiều về sinh mạng và tài sản (129 người và 750 tỉ đồng). Năm nay, An Giang đã đầu tư 44 tỉ đồng cho xây dựng, gia cố hệ thống đê xung yếu, hoàn thành việc thi công gần 120 km kênh, 1 060 km đê bao, 80 công trình cống, nạo vét 25 km kênh nội đồng... Lúa là nông phẩm trọng yếu nên nông dân được vay vốn không tính lãi để trang bị máy sấy lúa.

Hiện tại, An Giang cũng như nhiều nơi khác đang phải đối mặt với tình trạng sạt lở đất. Qua khảo sát của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, ước tính, toàn tỉnh có khoảng 40 điểm (khoảng 446 650 m^2) có thể sạt lở bất cứ lúc nào, nhất là trong mùa lũ sắp tới. Các địa phương có phương án khẩn trương di dời các hộ dân ra khỏi vùng cảnh báo và có biện pháp hữu hiệu bảo vệ cơ sở hạ tầng ở các nơi trọng yếu. Về lâu dài, cần có một kế hoạch đồng bộ và sự phối hợp giữa các ngành hữu quan để khắc phục cơ bản tình trạng này.

Ở ***Cà Mau,*** các phương án phòng chống lụt, bão từ lâu đã được triển khai cố gắng sát hơn với thực tế, đặc điểm của từng vùng, nhất là nơi cửa sông, cửa biển đông dân cư. Hầu hết các huyện ven biển đã phối hợp với các ngành, thành lập các đội cứu nạn, cứu hộ với tinh thần sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có thiên tai.

Ngay từ những ngày đầu tháng 7, khi mưa to kéo dài cùng với triều cường dâng cao đã gây thiệt hại ở nhiều nơi trong tỉnh, cuộc chiến với mùa mưa lũ đầu thế kỷ ở ***Cần Thơ*** đã thực sự bắt đầu, nhất là ở các huyện Thốt Nốt, Ô Môn, Long Mỹ, Vị Thủy. Các lực lượng xung kích và bà con đã được huy động ngay để khắc phục hậu quả. Các huyện đầu nguồn đang thực hiện nhiều biện pháp chủ động ứng phó với lũ ; hệ thống đê bao đã được gia cố, hệ thống bơm hút nước đã được huy động. Tuy nhiên, để giải quyết những vấn đề này còn gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí. Tuy mưa bão đang tới gần nhưng ở nhiều nơi trong tỉnh, vẫn còn tình trạng đủng đỉnh, cố kéo dài các công trình chống lũ hoặc thi công sơ sài.

Tỉnh ***Long An*** đã có chương trình cụ thể với tổng vốn đầu tư khoảng 2 285 tỉ đồng để "sống chung với lũ". Dự kiến sẽ xây dựng ở 110 xã thuộc vùng Đồng Tháp Mười mỗi xã một cụm dân cư với diện tích từ 3 - 5 ha. Khu dân cư thị trấn Bến Lức diện tích hơn 84 nghìn m^2 với

Digitized by Google

thiết kế cao hơn đỉnh lũ và hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ đã được khởi công. Năm 2001, ngành y tế được đầu tư 13,3 tỉ đồng (đến năm 2005 là 140 tỉ đồng) để xây dựng các trạm y tế bảo đảm liên tục hoạt động trong mùa lũ. Ngành giáo dục được đầu tư 13,6 tỉ đồng (đến năm 2005 là 200 tỉ đồng) để củng cố, xây dựng hệ thống giáo dục phù hợp vùng lũ. Hiện tỉnh đang có phương án di dời 56 nghìn hộ dân đến các điểm an toàn đề phòng lũ lớn.

Ở huyện Long Phú, tỉnh ***Sóc Trăng*** công trình bê tông hóa kênh mương đầu tiên vừa được đưa vào sử dụng sau hơn 7 tháng thi công.

Ủy ban nhân dân tỉnh ***Trà Vinh*** đã cho đào ngay 5 con kênh thủy lợi theo hướng vừa thiết kế, vừa thi công để giải quyết nguồn nước ngọt cho vùng đang bị thiếu nước sạch nghiêm trọng.

Mười một tuyến kênh, nâng cấp bờ bao, bảo vệ vườn cây ăn trái ở huyện Tam Bình, tỉnh ***Vĩnh Long*** đã được triển khai thi công...

Mùa lũ đã đến gần và cùng với hiểm họa lũ lụt, còn khá nhiều *vấn đề nguy cấp* vẫn đang đe dọa khác :

Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường dự báo, đến năm 2005 ở ĐBSCL sẽ có tới 91 điểm sạt lở bờ sông, trong đó An Giang có 29 điểm ; Đồng Tháp có 19 ; Vĩnh Long có 13 ; Cần Thơ có 10 ; Bến Tre có 6 ; Sóc Trăng, Trà Vinh, mỗi nơi có 5 ; Tiền Giang có 4. Qua điều tra cơ bản tài nguyên ĐBSCL, đã thấy rõ vai trò to lớn của rừng ngập mặn và rừng tràm trong việc ngọt hóa bán đảo Cà Mau. Vùng rừng này trước ngày giải phóng miền Nam có diện tích gần 1 triệu ha. Hiện nay, diện tích đó đang dần bị thu hẹp (hiện rừng tràm chỉ còn khoảng 250 nghìn ha), nhất là từ khi có phong trào nuôi tôm và hậu quả của những vụ cháy lớn do không có biện pháp phòng hộ tích cực.

Hiện nay ở một số nơi, nhất là các huyện vùng sâu, vùng xa đã bùng phát *dịch sốt xuất huyết*, tình hình bệnh diễn biến khá phức tạp. Riêng An Giang, số người mắc bệnh đang tăng dần (tính đến đầu tháng 7-2001, toàn tỉnh đã có trên 1 737 trường hợp), phần lớn là trẻ em do chưa có miễn dịch với loại virút gây bệnh này. Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh đã được phát động, ngành y tế nhiều tỉnh đã bắt tay vào cuộc. Tuy nhiên, trong đỉnh điểm của mùa mưa (tháng 8), bệnh sốt xuất huyết sẽ càng có nguy cơ gia tăng. Để ngăn chặn dịch bệnh, cần có sự tham gia tích cực của toàn xã hội, các cấp chính quyền và từng người dân.

Khâu yếu nhất trong thời gian qua là cơ chế vận hành và khả năng tổ chức thực hiện. Theo ý kiến của một số chuyên gia, hiện tại, việc nạo vét chưa thông thoáng đoạn cuối kênh Vĩnh Tế xuống vàm Đông Hồ cùng các cửa kênh, nhất là kênh thoát hạ lưu Rạch Giá và quốc lộ 80 ra biển còn hẹp, không đúng thiết kế nên dòng chảy quá chậm, chưa thoát nước nhanh ra biển. Tuyến Tân Thành - Lò Gạch cũng rất cần củng cố vững chắc, làm các cống và đập cắt ngang ở các cửa kênh để có thể hạ thấp đáng kể mực nước lũ đầu vụ. Cần tính toán cụ thể hơn khả năng dịch chuyển mùa vụ, giống ngắn ngày để thu hoạch lúa hè - thu sớm, giảm được chiều cao bao đê. Phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn là công tác trọng tâm và cấp bách, cần được chú trọng và quan tâm thường xuyên hơn mới hạn chế được tối đa tổn thất do thiên tai gây ra.

Đến với vùng sông nước ĐBSCL trong những ngày này sẽ thấy một không khí khẩn trương, sôi nổi của các cấp chính quyền và mỗi người dân. Các đảng bộ và nhân dân ĐBSCL đang muốn khẳng định ý chí và quyết tâm không chỉ "sống chung" mà còn chiến thắng sự khắc nghiệt của thiên tai. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG Ở QUẢNG NAM

PHAN THANH CHÂU *

QUẢNG Nam có diện tích 10 406 km², dân số trên 1,4 triệu người, gồm 14 huyện, thị xã. Trong số 6 huyện miền núi có 4 huyện miền núi cao, gồm Nam Giang, Phước Sơn, Trà My, Hiên. Miền núi Quảng Nam có nhiều dân tộc cư trú và có mối quan hệ thân thiết, gần gũi nhau với đồng bào các dân tộc ở tỉnh Kon Tum, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, cận cư với nhân dân nước bạn Lào.

Trước đây, dưới chế độ thực dân phong kiến, đồng bào các dân tộc miền núi Quảng Nam vốn đã lạc hậu lại bị đè nén, bị áp bức, bóc lột với chính sách ngu dân của thực dân xâm lược nên cuộc sống càng tối tăm, lạc hậu hơn.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cuộc sống, sản xuất của đồng bào các dân tộc đã có những thay đổi lớn lao. Mặc dù địch đánh phá ác liệt, âm mưu đưa cuộc chiến tranh xâm lược lan dần từ đồng bằng lên miền núi, đánh phá vùng căn cứ địa cách mạng, nhưng dựa vào thế núi rừng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào vừa trực tiếp chiến đấu, vừa tổ chức xây dựng cuộc sống mới, tích cực sản xuất để có cái ăn và đóng góp lương thực cho cách mạng.

Mùa xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn giải phóng, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam phấn khởi, vui mừng được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, đoàn kết thân ái ; mọi quyền lợi bình đẳng dân tộc được thực hiện, thật sự làm chủ bản làng, tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới trên quê hương, đất nước mình. Đặc biệt, bước vào thời kỳ đổi mới, đồng bào tiếp tục đoàn kết bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới, thực hiện định canh định cư, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội. Với sự nỗ lực đó, bốn huyện miền núi cao đã xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, khai hoang trên 2 000 ha ruộng, trong đó 50% ruộng cấy hai vụ và hàng ngàn ha đất canh tác ; hạn chế nạn phá rừng già làm nương rẫy, tạo ra nhiều cánh đồng lúa hai vụ, xuất hiện những điển hình tốt thuộc các xã, huyện trong tỉnh. Đồng bào biết bón phân, dùng trâu cày kéo, đầu tư hàng chục tỉ đồng xây dựng, phát triển hệ thống thủy lợi bảo đảm nước tưới cho các cánh đồng. Đồng bào biết dùng giống mới có năng suất cao, đến nay bình quân lương thực của 4 huyện miền núi cao là trên 300 kg/đầu người một năm.

Chăn nuôi ở đây cũng phát triển khá, hiện nay 4 huyện miền núi có 7 396 con trâu, 19 409 con bò, đặc biệt hiện nay đang đẩy mạnh phong trào sin hóa đàn bò ; có 47 438 con lợn, hàng năm xuất chuồng khoảng 2 441 tấn thịt lợn hơi ; ngoài ra còn nuôi hàng chục ngàn con gia cầm khác, đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân.

Xác định cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp, coi định canh định cư là nhiệm vụ trung tâm, các địa phương của tỉnh đã tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, ươm cây, lập vườn rừng, vườn nhà. Tình trạng du canh du cư theo quy mô làng không còn nữa ; đồng bào đã ổn định sản xuất, phát triển cây công nghiệp, cây xuất khẩu tập trung và phân tán. Toàn tỉnh

* Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam

Digitized by Google

đã trồng gần 3 triệu cây quế, riêng huyện Trà My trồng gần 1 triệu cây quế và hàng ngàn ha rừng tập trung. Mô hình VAR được đồng bào hưởng ứng tích cực. Tỉnh đã thực hiện giao đất giao rừng để đồng bào trồng, chăm sóc, bảo vệ nên mỗi năm trồng thêm hàng trăm ha rừng mới. Đồng thời đã hạn chế việc khai thác rừng trái phép. Nếu như trước đây các lâm trường khai thác 70 000 - 90 000 m^3 gỗ/năm thì nay chỉ khai thác dưới 7 000 m^3 gỗ/năm phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Vận động nhân dân không phá rừng già làm rẫy, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Những năm gần đây độ che phủ của rừng tăng lên đáng kể, năm 1996 là 39% đến năm 2000 tăng lên 42%. Việc hướng dẫn đồng bào phát triển sản xuất đúng hướng nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của các huyện miền núi ngày càng có hiệu quả.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ phát triển, 4 huyện miền núi cao đã có hàng trăm lao động tham gia sản xuất những mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào tại chỗ như nghề mộc, nghề rèn, xay xát, dệt vải thổ cẩm. Hệ thống các cửa hàng thương mại dịch vụ bố trí ở từng khu vực, từng cụm dân cư nhằm phục vụ, cung ứng những mặt hàng thiết yếu được Nhà nước trợ cước, trợ giá và bảo đảm hàng dự trữ cho mùa mưa lũ, đồng thời thu mua những mặt hàng nông - lâm sản của đồng bào khai thác, hoặc dư thừa, nhất là lương thực, thực phẩm. Bốn huyện có trên 1 049 hộ buôn bán nhỏ, mỗi huyện đều có chợ ở thị trấn buôn bán nhiều mặt hàng rất phong phú, đa dạng. Có huyện đã tổ chức chợ phiên vùng cao, tập cho đồng bào biết buôn bán, khuyến khích phát triển sản xuất, biết tiết kiệm, chi tiêu hợp lý. Trong 15 năm qua, hằng năm, trung ương, tỉnh đầu tư hàng chục tỉ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, đã mở trên 500 km đường ô tô. Từ chỗ không một xã, thị trấn nào có đường ô tô, đến nay đã có 43/62 xã, thị trấn có đường ô tô, từ tỉnh đến trung tâm các huyện, cơ bản đã được rải nhựa ; trên 30% số xã có đường nhựa hoặc rải đá cấp phối, mạng lưới giao thông nông thôn liên xã, liên thôn phát triển mạnh đã tạo điều kiện đi lại giao lưu, thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng. Đến nay đã có 18/62 xã có điện thắp sáng và 100% huyện miền núi cao dùng điện lưới quốc gia. Việc triển khai thực hiện các chương trình Dự án 327 ; 120 ; 135 của Chính phủ và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua đã tạo điều kiện phát triển sản xuất, từng bước ổn định cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam. Đặc biệt, Nhà nước đã đầu tư xây dựng Đường Hồ Chí Minh qua địa phận Quảng Nam, có trên 264 km đi qua 3 huyện với gần 20 xã nằm trên trục đường chiến lược này. Đây là điều kiện thuận lợi cho miền núi Quảng Nam phát triển nhanh về mọi mặt.

Sự nghiệp giáo dục đã và đang có những bước tiến đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Nếu trong năm học 1975 - 1976 mỗi huyện chỉ có 5 - 7 trường cấp I với vài trăm học sinh ; có 70 - 90 giáo viên, bình quân 20 người dân mới có một người đi học, thì đến nay hệ thống trường lớp ngày càng tăng, các thôn bản đều có trường học, xã có trường nội trú cấp I - II ; huyện có trường nội trú cấp II - III. Mỗi huyện đều có trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ; hệ thống trường mầm non cũng phát triển. Tỉnh có trường nội trú ở Hội An dành riêng đào tạo con em đồng bào các dân tộc thiểu số, hằng năm mỗi huyện tuyển về trường từ 60 đến 70 học sinh. Hiện nay 4 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam có 40 437 học sinh từ mầm non đến cấp III ; có 2 265 thầy cô giáo, bình quân 4 đến 6 người dân có một người đi học, riêng huyện Trà My bình quân 3 người dân có một người đi học.

Mạng lưới y tế được hình thành. Nếu năm 1976, mỗi huyện chỉ có một trạm y tế huyện với vài chục cán bộ y tá, y sĩ thì đến nay mỗi huyện đã có bệnh viện đa khoa ; gần 100% số xã đã có trạm y tế. Hiện nay 4 huyện miền núi cao đã có đội ngũ cán bộ y tế đông đảo với 487 người, trong đó có 49 bác sĩ ; huyện ít nhất cũng có 10 bác sĩ. Nhờ đó, đã kịp thời cứu chữa bệnh cho nhân dân, dập tắt các dịch bệnh,

Digitized by Google

đẩy lùi được các bệnh xã hội. Tỷ lệ người dân bị bướu cổ và sốt rét trước đây từ 80 - 90%, nay chỉ còn dưới 20%.

Phim ảnh, sách báo đã vươn về đến các xã vùng cao biên giới. Mỗi xã đều có tủ sách pháp luật, một số xã đã xây dựng trung tâm bưu điện văn hóa. Mỗi huyện đều có trạm phát lại truyền hình, đài truyền thanh phát sóng FM. Nhân dân được cấp đài bán dẫn nghe đài trung ương, tỉnh, huyện thường xuyên. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được nhân dân hưởng ứng. Đến nay, đã có 57 thôn bản và 6 078 hộ được tỉnh, huyện kiểm tra công nhận là gia đình văn hóa. Mỗi huyện đều có đội văn nghệ xung kích, từng thôn có đội múa cồng chiêng. Phong trào thể dục - thể thao luôn được coi trọng trong nhân dân. Hằng năm, từng huyện tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao, cấp tỉnh hai năm tổ chức một lần, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, đã đóng góp nhiều vận động viên đạt thành tích khá cho tỉnh. Nhờ đó đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam được nâng lên.

Hai mươi sáu năm đầu tư, xây dựng ở các huyện núi cao Quảng Nam đã đưa đời sống của đồng bào các dân tộc anh em từ nghèo nàn, lạc hậu từng bước đến văn minh, thoát khỏi đói nghèo.

Cùng với đó, an ninh quốc phòng miền núi, biên giới được giữ vững. Nhân dân phối hợp với bộ đội biên phòng thường xuyên tuần tra bảo vệ biên giới. Một số toán vượt biên hoặc bọn xâm nhập từ nước ngoài về chống phá ta, bị nhân dân phát hiện truy bắt kịp thời.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên các dân tộc ngày càng trưởng thành. Qua 5 năm thực hiện Quyết định 100 của Ban Bí thư Trung ương khóa VII, bốn huyện đã thành lập được Trung tâm bồi dưỡng chính trị, mở được 256 lớp bồi dưỡng cho 22 321 lượt người học. Nhờ đó mà trình độ nhận thức, sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của cán bộ đảng viên được nâng lên khá rõ, đáp ứng yêu cầu xây dựng huyện vững mạnh. Nhiều đồng chí qua công tác đã trở thành những cán bộ vững vàng. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú ý đúng mức. Hằng năm, số lượng tổ chức cơ sở đảng được công nhận trong sạch vững mạnh đạt từ 40% - 45% ; số đảng viên mới được kết nạp mỗi năm gần 200 đồng chí và đều có trình độ văn hóa từ cấp II trở lên. Các tổ chức Mặt trận và các đoàn thể đều được kiện toàn từ huyện đến cơ sở, hoạt động đồng bộ, bám sát dân. Mỗi huyện đều xây dựng lực lượng báo cáo viên từ 20 đến 30 đồng chí. Xã và các đoàn thể có lực lượng tuyên truyền viên từ 15 đến 20 người. Nhờ đó, các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được triển khai kịp thời.

Những thành tích trên đây là kết quả của 55 năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với tỉnh. Đồng bào các dân tộc không phân biệt thiểu số hay đa số ở Quảng Nam thật sự bình đẳng về mọi mặt. Từ một nền kinh tế tự cung, tự cấp, đã và đang cố gắng phát triển nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những yêu cầu về đời sống vật chất của đồng bào không ngừng được cải thiện, đời sống tinh thần ngày một phong phú, tiến bộ hơn. Khối đại đoàn kết trong nhân dân được tăng cường, củng cố, lòng tin của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với Đảng được nâng lên. Đây chính là những cơ sở vững chắc để các huyện miền núi cao ở Quảng Nam phát triển nhanh chóng trong thời gian tới.

Từ những thành quả đạt được về thực hiện chính sách dân tộc ở Quảng Nam hơn 55 năm qua, có thể rút ra một số bài học bổ ích sau :

Một là, các cấp ủy đảng thường xuyên, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về chính sách dân tộc, coi đây là khâu quan trọng không thể thiếu được để xây dựng đất nước và thực hiện đại đoàn kết dân tộc cũng như phát huy nội lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu buông lỏng vấn đề này thì hậu quả thật khó lường, nhất là trong lúc đất nước gặp khó khăn và phức tạp.

Hai là, những chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách dân tộc được các cấp, các

(Xem tiếp trang 71)

Digitized by Google

MÓNG CÁI TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

HOÀNG HẢI

CHẶNG đường phát triển từ thị trấn lên thị xã

Chúng tôi được biết, hơn hai mươi năm trước, Trung tâm Móng Cái hiện nay chỉ có mấy dãy phố nhỏ nhoi. Sau tháng 12-1979, Móng Cái, thị trấn của huyện Hải Ninh (thuộc tỉnh Quảng Ninh) chỉ là một bãi hoang, trơ trọi những móng nhà ngập đầy gạch ngói vụn. Nơi đây đã nghèo lại càng nghèo thêm và những người ở vùng ven Móng Cái khi ấy không biết làm gì mà quay về nghề biển để vượt biên, buôn lậu. Đến năm 1990, Móng Cái vẫn là thị trấn nghèo của huyện Hải Ninh - một huyện thuần nông nghiệp, với điều kiện kinh tế rất khó khăn, mỗi năm chỉ thu được khoảng 5 - 7 tỉ đồng, luôn ở trong tình trạng thu không đủ chi và tỉnh phải trợ cấp.

Cuối năm 1990, cùng với việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, mở cửa hội nhập của đất nước, biên giới Móng Cái - Đông Hưng được khai thông, nhân dân hai bên nhanh chóng đẩy mạnh giao lưu, buôn bán. Ngày 17-4-1994, cầu Bắc Luân mới được khánh thành, chính thức thông thương cửa khẩu quốc tế Móng Cái. Tất cả những điều kiện đó đã tạo cơ hội giúp cho Móng Cái phát triển nhanh. Theo ông Hoàng Minh Viên (hiện là Phó chủ tịch UBND thị xã Móng Cái) thì Móng Cái ở vào thời kỳ "nhân hòa". Đúng là như vậy. Năm 1996, thu ngân sách đã tăng tới 160 tỉ đồng và năm 1997, tiếp tục tăng lên 186 tỉ đồng, gấp khoảng 30 lần so với cuối những năm 80. Riêng về thuế xuất nhập khẩu đã từ 11,3 tỉ đồng năm 1990 tăng lên tới 100 tỉ đồng vào năm 1996. Để giúp Móng Cái từng bước vươn tới một vùng kinh tế sầm uất, tháng 8-1996, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 675/TTg và tiếp sau đó là Quyết định 103/TTg "về việc cho phép áp dụng một số chính sách thí điểm tại khu vực cửa khẩu Móng Cái". Theo quyết định đó, thị xã Móng Cái được trích lại 50% tổng thu ngân sách trên địa bàn để đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng... và khoản đầu tư này tính đến đầu năm 2000, đạt gần 900 tỉ đồng. Kể từ khi được hưởng chính sách ưu tiên đến đầu năm 2001, Móng Cái đã làm được khá nhiều việc lớn. Việc phát triển cơ sở hạ tầng được đặc biệt chú trọng, với khoản đầu tư trên 208 tỉ đồng để xây dựng mới và cải tạo giao thông, 65 tỉ đồng để phát triển lưới điện. Nhờ đó, 15/16 phường, xã của Móng Cái có lưới điện quốc gia và chỉ còn 2 xã chưa có đường nhựa vào tận trụ sở. Nhưng hai xã này (Hải Yên, Hải Sơn) theo dự kiến sẽ được đầu tư trên 60 tỉ đồng để có đường nhựa và đường điện. Thị xã đã tráng nhựa asphan dày 7 cm cho đoạn đường từ cây số 15 đến bãi tắm Trà Cổ dài gần 30 km, rộng 13 m, đủ cho ba làn xe đi về thuận lợi. Hai xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực ở hòn đảo thơ mộng, trước đây chỉ có đèn dầu, đường đất, từ cuối năm 2000, đường điện đã vươn tới và đường xuyên 2 xã đã được trải nhựa. Nhiều mặt khác đã được cải thiện rõ rệt như : Bệnh viện được xây dựng lại khang trang, to đẹp hơn và 13 trong số 16 phường, xã có trường học cao tầng. 80% dân nông thôn được dùng nước sạch và số hộ đói nghèo vào đầu năm 2001 chỉ còn dưới 9% so với 32% của năm 1990.

Bên cạnh "nhân hòa", Móng Cái còn có điểm mạnh thứ hai lúc này đang được phát huy là "địa lợi". Như nhiều người đã biết, Móng Cái có rất nhiều tiềm năng về du lịch. Tiêu biểu là phong cảnh hữu tình của bãi biển Trà Cổ, Mũi Ngọc và các địa danh như đình Trà Cổ, Sa Vĩ, cầu Bắc Luân. Sức hấp dẫn của Móng Cái đã thu hút nhiều khách du lịch Trung Quốc từ Quảng Đông, Quảng Tây, Hồng Công, Ma Cao,

Digitized by Google

Chu Hải... Lượng khách đến đây hàng năm tăng từ 25 đến 30%. Khách qua Móng Cái vào nội địa tăng 50%. Năm 1999 có 400 ngàn lượt khách Trung Quốc vào Móng Cái, bằng 8 lần dân số của thị xã. Riêng lượng khách du lịch Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái năm 2000 tăng hơn năm 1999 là 1,51 lần, khách đi du lịch thẻ tham quan Hà Nội - Hải Phòng lên tới 135 597 lượt, tăng hơn năm trước 2,15 lần. Số khách vào du lịch, buôn bán, dịch vụ... cả năm 2000 tại Móng Cái là 500 ngàn người. Đó là chỉ kể số người vào Móng Cái bằng đường nhập cảnh qua cầu Bắc Luân. Tổng cộng du khách qua cửa khẩu Móng Cái hằng năm đã tăng đáng kể, từ 200 000 lượt người vào năm 1995 lên 705 000 lượt người vào năm 2000. Lượng khách du lịch Việt Nam thăm Đông Hưng cũng ngày một nhiều. Năm 2000 đạt 25 068 lượt người tăng hơn năm trước là 24%. Du lịch trở thành một ngành quan trọng của Móng Cái, với doanh thu năm 1995 đạt 9,8 tỉ, đến năm 2000 đã đạt 90 tỉ, trong 5 năm tăng gần 10 lần. Trong khi đó ở Lạng Sơn, năm 2000 có 180 000 lượt khách qua cửa khẩu (khách Trung Quốc là 14 200), với doanh thu 74 tỉ đồng. Vào thời điểm đầu năm 2001, ở Móng Cái, 3 chợ cửa khẩu thị xã và 7 chợ ở các xã, phường hoạt động rất sôi động từ sáng sớm đến tối. Trung tâm chợ thị xã và vùng ngoại vi có gần 1 000 quầy hàng với những sản phẩm đa dạng của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật..., lúc nào cũng tấp nập khách mua bán. Không có chợ biên giới nào ở Việt Nam có số người Trung Quốc sang thuê quầy buôn bán nhiều như Móng Cái. Đến tháng 7-2001, Móng Cái có 3 351 hộ kinh doanh buôn bán hàng hóa, trong đó có 350 hộ là người Trung Quốc. Trung bình mỗi ngày có 3 000 người Trung Quốc qua sông Ka Long để vào Móng Cái. Có hôm, lượng khách vào Móng Cái tăng gấp mười ngày thường.

Do lượng khách du lịch qua lại Móng Cái ngày càng tăng nên tổng số 52 nhà nghỉ, khách sạn toàn thị xã vào đầu hè 2000 hoạt động rất có hiệu quả. Năm 2000 là năm các doanh nghiệp, các hộ tư nhân đầu tư xây dựng nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí phục vụ du lịch với số vốn rất cao. Riêng số nhà nghỉ của tư nhân đầu tư trong năm 2000 là 16 nhà, nâng tổng số nhà nghỉ, khách sạn của Móng Cái lên 68 nhà, với 1 475 giường. Không chỉ tăng cường đầu tư xây dựng nhà nghỉ, khách sạn, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn đầu tư nhiều cho các hoạt động dịch vụ khác. Công ty Thắng Lợi (Hà Nội) cho xây dựng một lúc 2 sân ten-nít và một khu dịch vụ tổng hợp với tổng số vốn khoảng trên 1,5 tỉ đồng ; Công ty TNHH Hoàng Mai đầu tư 2,5 tỉ đồng để xây dựng 1 khu du lịch tổng hợp gồm khách sạn, bể bơi, sân ten-nít, vũ trường... Để đón mùa du lịch hè 2001, thị xã Móng Cái đã hoàn thành việc quy hoạch khu du lịch Trà Cổ. Từ năm 2000, bằng nguồn vốn theo Quyết định 675, đã hoàn thành 1,5 km tuyến đường dạo trên bãi biển và năm 2001 làm tiếp 2 km. Cùng với việc xây dựng các tuyến đường dạo là việc giao đất cho dân xây dựng các ki ốt để làm dịch vụ du lịch.

Từ năm 2000, ở Móng Cái đã có 61 doanh nghiệp trong nước mở văn phòng đại diện. Có 4 doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, trong đó 2 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và 2 doanh nghiệp đang hoàn chỉnh công việc xây dựng hạ tầng cơ sở. Tính đến tháng 6-2001, Móng Cái là nơi thu hút vốn FDI lớn nhất trong số các cửa khẩu phía bắc Việt Nam (Cửa khẩu Hữu Nghị có 1 dự án, cửa khẩu Tân Thanh có 3 dự án). Móng Cái cũng đồng thời trở thành trung tâm có vốn FDI lớn thứ hai của Quảng Ninh sau Hạ Long, với 10 dự án, có số vốn đăng ký 51 triệu USD. Trong số các dự án đó có dự án xây dựng khách sạn 5 sao Lợi Lai có vốn 10 triệu USD đang xây dựng (hiện dự án này đang xin điều chỉnh vốn lên tới 30 triệu USD). Ngoài ra, còn phải kể đến các dự án sản xuất kính xây dựng, chăn len, thức ăn gia súc, chế biến cao su xuất khẩu, xây dựng khách sạn, dịch vụ... cũng đang đi vào hoạt động, tạo ra một bộ mặt mới cho kinh tế Móng Cái.

Digitized by Google

Kinh tế thương mại - xuất nhập khẩu (XNK) đang trên đà phát triển. Kim ngạch XNK của thị xã trong 10 năm qua bình quân tăng trưởng 20% năm. Năm 1991, tổng kim ngạch XNK tại Móng Cái là 30 triệu USD đến năm 2000 đạt 352 triệu USD. Thu ngân sách trên địa bàn bình quân cũng tăng 20%/năm. Trong 5 năm qua (1996 - 2000) bình quân thu ngân sách được 150 - 170 tỉ đồng, riêng năm 2000 thu đạt 250 tỉ đồng. Có thể so sánh một chút đối với các cửa khẩu khác ở nước ta. Chẳng hạn, ở Lạng Sơn, tổng kim ngạch xuất khẩu qua địa bàn 3 năm qua đạt 1 375 triệu USD, riêng năm 2000 đạt hơn 700 triệu USD, bình quân tăng 28%/năm. Nhập khẩu 3 năm qua đạt 856,3 triệu USD, bình quân tăng 9,5%/năm. Ở Lạng Sơn, luôn xuất siêu. Còn ở cửa khẩu Tây Trang (Lai Châu - Lào), hàng xuất nhập khẩu (chủ yếu là xuất khẩu) năm 2000 tăng 151% so với năm 1999 và nửa đầu năm 2001, tăng gấp rưỡi cùng kỳ năm trước. Ở cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị - Lào) từ đầu thập kỷ 90, Việt Nam xuất nhiều hơn nhập. Ngược lại, tại cửa khẩu Mộc Bài và SaMát (Tây Ninh - Cam-pu-chia) Việt Nam nhập nhiều hơn xuất.

Mấy năm qua, nguồn thu ngân sách của Móng Cái, chủ yếu là từ kinh doanh, dịch vụ, du lịch, xuất nhập khẩu... Nguồn thu từ nông, lâm, ngư nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn : hơn 400 triệu đồng bằng 1/400 tổng thu ngân sách cả năm. Cơ cấu nguồn thu, cùng một số nhân tố khác đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế của Móng Cái. Thời kỳ còn là huyện Hải Ninh, năm 1990 có cơ cấu gồm 80% là nông nghiệp ; thương mại - du lịch, dịch vụ chỉ chiếm 10 - 20%. Qua 10 năm đổi mới, tình hình đảo ngược trở lại ; nông nghiệp bây giờ chỉ chiếm tỷ trọng 15 - 20%, 75% lại là thương mại - du lịch - dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng GDP của 5 năm qua bình quân là 15 - 17%. Mức GDP bình quân đầu người trước đây chỉ đạt 200 USD/năm, nay đã đạt 514 USD/năm. Ở Móng Cái vào thời điểm năm 1990, tổng giá trị cơ sở vật chất ước tính là 100 tỉ, đến đầu năm 2001 con số này đạt trên 1 500 tỉ, tăng 15 lần trong 10 năm.

Bức tranh trên chỉ phác họa một số nét cơ bản về kinh tế, mà nổi bật là kinh tế đối ngoại của Móng Cái thời mở cửa. Mặc dù vậy, có thể thấy Móng Cái đã phát triển nhanh hơn bất cứ vùng cửa khẩu nào của Việt Nam. Sự phát triển đó một phần được khẳng định bởi quyết định của Chính phủ là từ ngày 20-7-1998, Móng Cái trở thành thị xã. Quyết định này đánh dấu một bước quan trọng của quá trình đô thị hóa Móng Cái.

Thành phố cửa khẩu trong tương lai

Tuy đã làm được nhiều việc lớn, nhưng cơ sở hạ tầng phục vụ cho cảnh quan du lịch, dịch vụ và thương mại ở Móng Cái vẫn còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển hiện nay. Chẳng hạn có thời điểm, hàng trăm khách sạn, nhà nghỉ của Nhà nước, tư nhân ở thị xã và vùng ngoại ô vẫn không đủ phòng cho khách thuê. Đồng thời vấn đề đáng chú ý khác là hoạt động buôn bán biên giới hiện gây tình trạng không cân đối trong cơ cấu nghề nghiệp, thiếu cân đối trong cấu trúc đô thị. Bên cạnh đó, còn nhiều tiêu cực khác như : tệ nạn xã hội, cạnh tranh không lành mạnh, thậm chí nhiều đơn vị đã có những hoạt động trái pháp luật, trốn thuế, buôn lậu... Riêng đội quản lý thị trường số 4 ở Móng Cái, trong 6 tháng đầu năm 2001 đã ngăn chặn 103 vụ buôn lậu, với tổng trị giá hàng hóa gần 590 triệu đồng, xử lý 1 100 gói thuốc lá 555 nhập lậu.

Để khắc phục một số hạn chế đó, Móng Cái đang từng bước thực hiện các biện pháp thiết thực. Điểm nổi bật là cơ sở hạ tầng được đầu tư thích đáng. Cầu Hòa Bình, chiếc cầu lớn thứ hai vượt sông Ka Long đã xây dựng xong và thông xe sẽ làm dãn mật độ người và phương tiện đi lại trên cầu Ka Long. Hệ thống mương thoát nước cho thị xã, rộng 2,5m, cao 2,2m về cơ bản làm xong trong năm 2000 sẽ tiếp tục được hoàn thiện. Cảng chuyển tải Vạn Gia trở thành đầu mối vận chuyển, nhận trả hành khách với Hạ Long và Hải Phòng bằng đường thủy. Đầu tháng 12-2000, tuyến vận chuyển hành khách

Digitized by Google

giữa Vạn Gia và Hải Phòng ra đời, thí điểm vận chuyển khách ven biển quốc tế giữa cảng Phòng Thành (Trung Quốc) qua Vạn Gia về Hải Phòng có nhiều triển vọng tốt. Khu cửa khẩu, với kinh phí xây dựng, nâng cấp 15 tỉ đồng đã khởi công cuối năm 2000 đang khẩn trương thi công. Trong năm 2001, công viên dọc theo bờ sông Ka Long sẽ được hoàn thiện, trở thành điểm nghỉ ngơi, dạo mát cho khách du lịch tới Móng Cái. Cùng với công viên này, một quần thể kiến trúc du lịch - giải trí - nghỉ mát ở khu Trà Cổ sẽ được dần dần xây dựng từ nay tới 2010. Tổng cộng sẽ có 5 quần thể du lịch trọng tâm được nâng cấp, chuẩn bị khởi công hoặc đã nằm trong quy hoạch xây dựng trong tương lai. Đường trục chính từ thị xã ra bãi tắm Trà Cổ vừa rộng vừa đẹp đang hoàn thiện. Từ bãi tắm đầu tiên đến bãi tắm sát chấm hình chữ S sẽ xây dựng một hệ thống đường xương cá, trải nhựa, dẫn khách từ các nhà nghỉ cao tầng xuống bãi tắm. Rừng phi lao dài xuốt 17km từ Trà Cổ sang Bình Ngọc, xa xưa bị triệt hạ gần hết, nay được trồng lại. Bên cạnh những công trình phục vụ cho du lịch, dịch vụ..., 7 công trình kinh tế lớn cũng đang được hình thành ngay trung tâm thị xã. Dự án xây dựng khách sạn 5 sao đầu tiên của Quảng Ninh liên doanh với Trung Quốc, trị giá 22 triệu USD đã khởi công. Nhà máy dệt Mỹ - Nhã sẽ tạo việc làm cho 300 công nhân Việt Nam cũng đã hoàn tất hợp đồng... Năm 2001, Móng Cái sẽ đầu tư 15 - 17 tỉ đồng cho việc xây dựng Khu văn hóa - thể thao. Đây cũng là một yếu tố quan trọng nữa để thúc đẩy du lịch phát triển. Thị xã cũng ưu tiên tập trung cao độ cho việc mở rộng và phát triển cơ sở hạ tầng của khu thương mại - du lịch. Siêu thị của tập đoàn TOGI, theo dự kiến, sẽ hoàn thành vào cuối năm 2001. Kế hoạch xây dựng điểm du lịch văn hóa Sa Vĩ, có khuôn viên cây xanh, có nhà nghỉ, phòng hội thảo khoa học... cũng đang triển khai. Công trình này sẽ do Công ty Du lịch Móng Cái quản lý và kinh doanh. Nhưng quan trọng hơn hết là khẩn trương hoàn thành quy hoạch tổng thể về du lịch Móng Cái từ nay đến 2010. Đây sẽ là cơ sở để các ngành, các doanh nghiệp có hướng đầu tư phù hợp...

Bên cạnh đó, những thuận lợi khác từ phía Trung Quốc sẽ tác động tích cực đến Móng Cái là : Từ giữa năm 2000, đường ô tô cao tốc nối các trung tâm dân cư và kinh tế lớn ở miền Nam Trung Quốc, chỉ cách biên giới Việt - Trung (tại Móng Cái - Đông Hưng) gần 35 km. Con đường này sẽ tiếp tục vươn xa, nối tuyến du lịch từ Móng Cái vào nội địa Việt Nam tới tận thành phố Hồ Chí Minh và tỏa đi các nước Đông - Nam Á bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không. Hiện giờ ở Trung Quốc đang bùng nổ "phong trào" đi tham quan du lịch. Khách từ hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (123 triệu dân) và các trung tâm kinh tế lớn như Chu Hải, Thâm Quyến, Ma Cao, Hồng Công... rất muốn vào Việt Nam qua cửa khẩu Móng Cái bởi họ thấy thuận lợi, giá tua du lịch rẻ, giá sinh hoạt hợp với túi tiền của mọi tầng lớp nhân dân. Theo dự tính, chỉ vài năm nữa, thị xã Móng Cái hàng năm sẽ đón một triệu lượt khách tham quan, du lịch buôn bán..

Để đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, trong 5 năm tới (2001 - 2005), Móng Cái phải phấn đấu đạt 75% trở lên về tỷ trọng thương mại - du lịch - dịch vụ trong GDP. Giá trị hàng hóa công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải đạt trên 20%, thu ngân sách trên địa bàn tăng trưởng 10%/năm ; khách du lịch qua Móng Cái phấn đấu đạt trên 600 000 người/năm ; sản lượng lương thực quy thóc đạt 15 000 tấn/năm, sản lượng thủy sản bình quân đạt 2 500 tấn/năm.

Ngày 29-6-2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 đối với thị xã Móng Cái là phát triển theo cơ cấu kinh tế : thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp và công nghiệp. Phát triển kinh tế hàng hóa hướng vào khai thác triệt để các lợi thế của khu vực cửa khẩu quốc tế, trọng tâm là phát triển thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch, sản xuất gia công

Digitized by Google

chế biến các mặt hàng xuất khẩu... Phấn đấu tăng tốc độ phát triển kinh tế, tăng nhanh tích lũy ngân sách, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân. Xây dựng thị xã thành một trung tâm kinh tế lớn của tỉnh nhằm tăng cường khả năng hợp tác và cạnh tranh trong khu vực.

Ông Trần Khắc Kỳ, Chủ tịch UBND thị xã Móng Cái đã nói với một số nhà báo rằng : Quyết định 675 đúng là một quyết sách quan trọng, có tầm chiến lược, nó làm cho bộ mặt của Móng Cái đang thay đổi từng ngày và mở ra được mối giao lưu kinh tế với miền Nam Trung Quốc, với vùng duyên hải của nước bạn cho đến tận hải đảo Hải Nam. Theo ông Trần Khắc Kỳ thì Nhà nước nên giao trách nhiệm cho tỉnh, cho thị xã được quyền chủ động hơn, để địa phương tìm cách thích nghi với thị trường và không để mất cơ hội. Tỉnh và trung ương nên nghiên cứu thành lập khu vực kinh tế mở, có chính sách thu hút nhân tài, cán bộ giỏi về khu vực kinh tế quan trọng này. Giá thuê đất, cả chính sách thuế cũng cần xem xét lại. Tiến tới nên thành lập hiệp hội kinh doanh xuất nhập khẩu ở Móng Cái để bênh vực quyền lợi cho nhau và điều hòa các hoạt động xuất nhập khẩu.

Từ tháng 3-1996, nhiều người đến Móng Cái có nhận xét : Móng Cái phát triển chậm hơn Đông Hưng (Trung Quốc) và người ta e ngại sự chênh lệch này nếu không được khắc phục sẽ cản trở tốc độ phát triển của cả Móng Cái và Đông Hưng. Còn bây giờ sau 5 năm, nhìn vẻ bề ngoài thì Đông Hưng vẫn phát triển nhanh nhưng Móng Cai cũng đã tỏ ra không hề thua kém. Tin rằng, thực hiện và vận dụng chính sách của Đảng và Nhà nước một cách sáng tạo, Móng Cái sẽ đạt tốc độ phát triển cao hơn nữa. Chúng tôi đồng tình với một dự báo rằng : với nhịp điệu phát triển như hiện nay, chắc chắn trong vòng 10 năm tới, thị xã Móng Cái sẽ trở thành thành phố. Từ thị xã Móng Cái hôm nay, hình ảnh một thành phố lớn, một khu kinh tế cửa khẩu lớn đang dần dần rõ hơn và nhất định sẽ trở thành hiện thực. ❑

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC...

(Tiếp theo trang 66)

ngành biến thành kế hoạch cụ thể và thực hiện triệt để đều đặn... Các cấp, các ngành, các cơ quan, xí nghiệp đoàn thể trong chương trình hoạt động cần có những "địa chỉ" cụ thể để đỡ đầu, giúp đỡ, kết nghĩa, bằng nhiều hình thức, phương pháp phù hợp, thiết thực, hiệu quả. Các kế hoạch cụ thể, luôn được kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, uốn nắn kịp thời.

Ba là, trong khi chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, các cấp ủy đảng thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá cụ thể những việc đã làm được và chưa làm được ; qua đó phát hiện những vướng mắc từ thực tiễn, đề xuất, kiến nghị với các cấp có liên quan, có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung làm cho đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước thêm hoàn thiện, có hiệu quả, hiệu lực.

Bốn là, quan tâm nhiều đến việc bồi dưỡng, đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ tại chỗ là người dân tộc thiểu số. Có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vùng dân tộc. Đây là kế sách lâu dài hết sức quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi bộ mặt vùng dân tộc thiểu số.

Năm là, song song với các giải pháp kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt chú ý tuyên truyền, giáo dục đồng bào các dân tộc về đường lối, chính sách đại đoàn kết của Đảng và Nhà nước. Giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ ở vùng đồng bào các dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ gìn sự ổn định cho hôm nay và bảo đảm phát triển trong tương lai.

Sáu là, thực hiện chính sách dân tộc lồng ghép với các chính sách khác của Đảng và Nhà nước tại địa phương ; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, không làm lướt, làm ẩu, không "đánh trống bỏ dùi", tạo lòng tin vững chắc với nhân dân ; tổ chức vận động nhân dân chủ động, sáng tạo thực hiện chính sách dân tộc. ❑

Digitized by Google

Chuyện... không nhỏ

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TRONG một đợt đi công tác, có dịp ghé về thăm cánh họ xa của tôi ở tỉnh X, tôi được dự buổi nói chuyện của đồng chí H, một cán bộ lãnh đạo tỉnh, với đại biểu nhân dân trong xã. Sau những lời chào mừng và những lời chúc khá "ngọt ngào" đối với bà con toàn xã, đồng chí nói về tình hình và nhiệm vụ. Dĩ nhiên là có chuyện phát huy dân chủ, chống tham nhũng, và nhất là chuyện chống buôn lậu. Bởi vì xã đó cách biên giới không xa, không ít cánh đàn ông trong xã đã lấy nghề "cửu vạn" chở hàng buôn lậu làm nghề sinh sống.

Đồng chí H đúng là có tài hùng biện. Đồng chí nói rất hay, rất hấp dẫn, nhất là những đoạn chống tiêu cực. Đồng chí phân tích rất sâu sắc tác hại tệ nạn tiếp tay cho bọn buôn lậu, gây khó khăn cho kinh tế của tỉnh, của xã và cuộc sống của từng người dân. Tôi nghe mà thực sự thấy xúc động. Nhưng có điều rất lạ, là nhìn vào cử tọa trong hội trường, ngoài số người chịu lắng nghe như tôi, còn có không ít người nghe với vẻ thờ ơ, nét mặt của họ tỏ ra vô cảm. Khi đồng chí H nói xong, xen lẫn tiếng vỗ tay dài, có những tiếng vỗ tay ngắn ngủi, lẹt đẹt, thậm chí có những tiếng vỗ tay không thành tiếng.

Với mong muốn hiểu được tình trạng đó, ngay buổi chiều tôi đã tìm đến ông chú họ, một lão thành cách mạng, đại tá về hưu ở xã.

Khi tôi hỏi về điều "lạ" đó, ông cười :

- Cháu nhận xét cũng khá tinh đấy. Ông H diễn thuyết hay thật, nhưng ai biết chuyện ông thì họ chẳng nghe ông đâu. Ông vốn là một cán bộ lãnh đạo ở huyện này, lên tỉnh đã được khoảng mười năm. Mấy đứa con ông ta, đứa thì học đại học trong nước, đứa thì tự túc đi du học nước ngoài. Vợ ông ta không có nghề gì, chỉ ở nhà nội trợ. Ông ta lại có bố mẹ già ở quê cần giúp đỡ. Đồng lương cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh chắc cũng chưa nhiều. Với hoàn cảnh gia đình như vậy, lẽ ra ông ta phải "chắt bóp" lắm mới đủ tiêu. Nhưng thực ra ông ta sống khá "vương giả".

Ngừng một lát, nhấp thêm một ngụm nước, chú tôi nói tiếp :

- Cháu biết không, ông ta có những bốn ngôi nhà đấy. Mà ngôi nào cũng khang trang, đẹp đẽ. Một ở quê ở ông cụ thân sinh, một ở thị trấn huyện cho người em ruột, còn ở thành phố nơi tỉnh đóng thì hai nhà, một đứng tên vợ ông ta, còn một đứng tên đứa con trai đầu đang học ở nước ngoài. Nhà này chưa có người ở mỗi tháng cho thuê thu hàng mấy triệu đồng. Lại còn hai lô đất rộng, đẹp, vợ ông đứng tên mua sẵn để sau này làm nhà cho hai đứa con thứ. Hồi ở huyện ông ta thuộc loại nghèo, mới mươi năm đã giàu vọt lên như vậy, thử hỏi không có vấn đề sao được. Cho nên ông ta dạy về chống tham nhũng thì ai nghe ! Còn ông ta nói về chống buôn lậu ư ? Ở huyện này ai chẳng biết người em ruột ông ta, đang đứng đầu một công ty buôn lậu giấu mặt.

Tôi liền ngắt câu chuyện.

- Thưa chú, rất có thể đó là những lời đồn thổi. Với lại, nếu ông ta hư hỏng đến thế thì tại sao vẫn còn giữ được chức ?

- Ấy, quê ông ta ở ngay huyện này, mọi chuyện về ông ta đều do bà con của ông ta vui miệng nói ra, có phải người ta thêu dệt đâu. Bà con ông ta còn khoe ông ta có nhiều vàng dự trữ, nhưng chuyện đó không "thực mục sở thị" thì gác lại. Còn vì sao ông ta vẫn giữ được chức thì khó mà biết được, đành dự đoán. Có thể là các đồng chí lãnh đạo cao nhất của tỉnh ngại bới chuyện ông ta ra thì mất uy tín của tỉnh. Hơn nữa qua nhiều năm công tác, ông ta đã tập hợp được không ít "vây cánh", trở thành người có thế lực. Những "đàn em" này vì lợi ích của họ, sẽ tìm mọi cách để bảo vệ ông ta. Đó là chưa nói đến chuyện ông ta có thể có "ô dù" ở cấp cao hơn. Đụng đến ông ta là đụng đến cả một thế lực.

Ông chú rót thêm cho tôi chén nước, ngẫm nghĩ một lát, rồi tiếp, giọng hơi nghiêm lại :

- Cũng có thể là các đồng chí lãnh đạo cao nhất ở tỉnh nghĩ

(Xem tiếp trang 76)

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TỔNG THỐNG G.BU-SƠ

TRẦN BÁ KHOA

CHÍNH sách đối ngoại của Mỹ thời chính quyền Tổng thống G.Bu-sơ đến nay đã cơ bản định hình. Qua lời nói và việc làm trong hơn 200 ngày cầm quyền đầu tiên của ông G.Bu-sơ ; qua những gì diễn ra trong thời kỳ tranh cử và qua xem xét thành phần nội các mới gồm đa số là các "ngôi sao" kỳ cựu thuộc các chính quyền Cộng hòa thời "chiến tranh lạnh", có thể thấy đường hướng cơ bản trong chính sách đối ngoại của chính quyền mới.

Không phải theo chủ nghĩa biệt lập mà "can dự khắp thế giới để mở rộng hòa bình".

Vấn đề khó khăn, phức tạp hàng đầu đối với bất cứ chính quyền mới nào ra đời sau cuộc tuyển cử tổng thống Mỹ là xác định vai trò, vị trí của nước Mỹ trên thế giới để từ đó hoạch định chính sách đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia v.v.

Trong diễn văn đưa ra cương lĩnh tranh cử ngày 19-11-1999 tại Ca-li-pho-ni-a và trả lời phỏng vấn các nhà báo trước khi khai mạc Hội nghị G8 ở Giê-noa, I-ta-li-a (20-7-2001), ông G.Bu-sơ đã bác bỏ sự rút lui vào chủ nghĩa biệt lập, chủ trương nước Mỹ phải "can dự khắp thế giới để mở rộng hòa bình". Sự can dự này theo "chủ nghĩa quốc tế đặc thù Mỹ", dựa trên ba nguyên tắc trụ cột sau :

Một là : Sử dụng sức mạnh để phục vụ tối đa lợi ích quốc gia và bảo đảm an ninh tuyệt đối của nước Mỹ. Tháng 11-1999 ông G.Bu-sơ khẳng định : "Nước Mỹ phải can dự khắp thế giới. Nhưng điều đó không có nghĩa là quân đội của chúng ta là câu trả lời cho mọi tình huống khó khăn về chính sách đối ngoại". Các mục tiêu xúc tiến dân chủ, nhân quyền, chống độc tài... vẫn là bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào việc đáp ứng lợi ích quốc gia căn bản. Và theo bộ trưởng ngoại giao Mỹ C.Pao-oen, đó là thước đo duy nhất để Mỹ can dự vào các vấn đề quốc tế.

Hai là : Duy trì lâu dài địa vị siêu cường độc tôn của Mỹ. Muốn thế, Mỹ phải kiểm soát được lục địa Âu - Á vì rằng, theo thuyết địa - chiến lược, ai kiểm soát được lục địa này kẻ đó sẽ làm bá chủ thế giới. Chính sách của Mỹ là sẵn sàng chống lại bất kỳ cường quốc nào hay nhóm nước nào đe dọa lợi ích của Mỹ hay bạn bè của Mỹ ở khu vực này.

Ba là : Bảo đảm sự vượt trội vĩnh viễn về sức mạnh quân sự của Mỹ so với các nước khác.

Theo ý tưởng của ba nguyên tắc trụ cột này, ông G.Bu-sơ và các cố vấn thân cận, trong thời gian tranh cử đã nhiều lần lên tiếng phê phán chính quyền W.J.Clin-tơn sử dụng phí phạm các lực lượng vũ trang Mỹ, căng kéo vào các hoạt động gìn giữ hòa bình không liên quan tới lợi ích sinh tử quốc gia và không hứa hẹn lối thoát, làm cho quân Mỹ giảm sút tinh thần chiến đấu. Chính quyền G.Bu-sơ chủ trương chia sẻ trách nhiệm gìn giữ hòa bình với các liên minh, còn quân Mỹ chủ yếu làm nhiệm vụ răn đe và đánh thắng trong các cuộc xung đột vũ trang. Trên cơ sở đó tiết kiệm được tiền của cho việc xây dựng quân đội Mỹ vượt trội hơn hẳn các quân đội khác. Mặc dù Mỹ vẫn chủ trương giảm bớt lực lượng ở nước ngoài, rút khỏi Bô-xni-a, Cô-xô-vô, nhưng do tính chất nóng bỏng, phức tạp của vùng này, mới đây Tổng thống G.Bu-sơ (24-7-2001) đã khẳng định vai trò của Mỹ ở Ban-căng là thiết yếu. Về nhiệm vụ của quân Mỹ ở nước ngoài, ngày 20-6-2001 Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ P.Uôn-phô-uýt (Wolfowitz) nêu rõ :

Digitized by Google

"Các lực lượng vũ trang Mỹ cần tập trung vào nhiệm vụ tham chiến, xử lý khủng hoảng và nhường nghĩa vụ gìn giữ hòa bình cho các nước như Na Uy, Ca-na-đa...". Theo ông ta, sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc tại Đông-Ti-mo năm 1999 là hình mẫu cho vai trò của Mỹ. Lầu năm góc trợ giúp hậu cần, còn quân đội Ô-xtrây-li-a làm nhiệm vụ khôi phục trật tự.

Tuy cam kết can dự với thế giới nhưng do chỉ chăm lo tới lợi ích quốc gia, thực chất là lợi ích của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia Mỹ, chính quyền G.Bu-sơ đã phớt lờ dư luận phản đối của nhân dân thế giới và đơn phương rút lui khỏi nhiều hiệp định quốc tế, được đa số các nước trên thế giới kể cả chính phủ tiền nhiệm của Mỹ ký kết như : Nghị định thư Ky-ô-tô, Hiệp ước cấm thử toàn diện vũ khí hạt nhân, Hiệp ước ngăn cấm vũ khí sinh học, Hiệp định về Tòa án hình sự quốc tế ; đơn phương ngừng trợ cấp phá thai cho Quỹ hoạt động dân số của Liên hợp quốc (UNFPA) ; quyết tâm triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD)

Trọng điểm chiến lược toàn cầu : lục địa Âu - Á. Coi trọng ngang nhau cả châu Âu và châu Á.

Một vấn đề nổi cộm mà các nhà nghiên cứu chiến lược trên thế giới quan tâm tìm hiểu là trọng tâm chiến lược toàn cầu hiện nay của Mỹ ở đâu : tại châu Âu hay châu Á, hay cả hai ? Trong các ngày 23-9 và 19-11-1999, ông G.Bu-sơ với tư cách là một ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa đã xác định đó là "lục địa Âu - Á - nơi có các đồng minh lâu đời và những kẻ thù của Mỹ đang xuất hiện". Trước đây chiến lược toàn cầu của Mỹ tập trung chủ yếu trên hai hướng Tây và Đông lục địa Âu - Á, chủ yếu nhằm vào đối tượng chiến lược toàn cầu là Liên Xô. Khu vực Trung Đông từ lâu là cạnh sườn chiến lược và vành đai khu vực tiếp giáp hai châu lục Âu - Á, rất quan trọng về nguồn dầu lửa và giao thông chiến lược, trước đây cũng là bàn đạp của Mỹ và NATO chống Liên Xô và các phong trào giải phóng dân tộc. Do vị trí của châu Á trong chiến lược toàn cầu của Mỹ tăng lên rõ rệt, Mỹ đã coi trọng hơn khu vực Nam Á, trong đó vai trò của Ấn Độ được Mỹ đánh giá cao và có chính sách ưu tiên cải thiện quan hệ với nước này, xem Ấn Độ như một đối tác chiến lược.

Ngày 17-1-2001, trước Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Mỹ, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ C.Pao-oen đưa ra thuyết "Hai nền tảng" trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. *Thứ nhất* là châu Âu - Đại Tây Dương, lấy NATO làm nòng cốt. *Thứ hai* là châu Á - Thái Bình Dương, lấy liên minh quân sự Mỹ - Nhật làm nòng cốt. Về thực chất, đây cũng là tư tưởng chiến lược coi trọng cả châu Âu và châu Á. Việc chuyển hướng từ chiến lược lấy châu Âu làm trọng tâm (có từ lâu đời) sang chiến lược coi trọng cả châu Âu và châu Á là một bước phát triển mới, nhằm chuẩn bị cho việc thay đổi từng việc bố trí quân sự lấy châu Á - Tây Thái Bình Dương làm trọng tâm. Trong Bản tường trình phác thảo chiến lược quốc phòng trình lên Tổng thống G.Bu-sơ ngày 23-3-2001, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ D.Răm-xpheo cho rằng, cùng với việc sức mạnh quân sự của Trung Quốc được tăng cường mạnh mẽ và ở hướng châu Âu, Nga bị suy yếu, không còn là đối thủ chiến lược nữa nên châu Á - Tây Thái Bình Dương có rất nhiều khả năng trở thành khu vực hoạt động quân sự lớn của quân Mỹ. Ngày 25-7-2001, ông D.Răm-xpheo khẳng định, kế hoạch chuyển trọng tâm hoạt động tác chiến sang châu Á sẽ không làm mất đi tầm quan trọng của châu Âu. Do vị trí chiến lược của châu Á ngày càng trở nên quan trọng, từ năm 2000 Mỹ đã tăng nhanh tốc độ điều chỉnh chiến lược. Tháng 2-2000, Mỹ và Nhật quyết định xây dựng Bộ tư lệnh tác chiến liên hợp giữa quân đội hai nước ; tháng 8-2000, bố trí 64 tên lửa hành trình AGM-86 ở Gu-am... Ở hướng Đông - Nam Á, việc hoàn thành cảng lớn (23-3-2001) cho tàu sân bay Chang Y (Xin-ga-po) với sự trợ giúp của Mỹ đã đánh dấu việc gia tăng sự có mặt về quân sự của Mỹ ở khu vực này kể từ khi Mỹ rút khỏi căn cứ Xu-bíc (Phi-líp-pin) năm 1992.

Các ưu tiên trong chính sách đối ngoại.

Qua phát biểu của Tổng thống G.Bu-sơ trong lúc tranh cử và qua chương trình nghị sự hoạt động đối ngoại của chính quyền mới trong những tháng cầm quyền đầu tiên, có thể thấy Mỹ đã thực hiện 6 ưu tiên trong chính sách đối ngoại đã vạch ra :

Một là : Tăng cường hợp tác và chia sẻ trách nhiệm với các đồng minh châu Âu, châu Á, Trung Đông và châu Mỹ để "mở rộng hòa bình".

Digitized by Google

Hướng châu Âu, NATO và EU có kế hoạch tiếp tục mở rộng sang phía Đông. Hướng châu Á - Thái Bình Dương, củng cố vòng cung liên minh Nhật - Hàn Quốc - Ô-xtrây-li-a. Nâng cấp quan hệ Mỹ - Nhật lên ngang như quan hệ đặc biệt Mỹ - Anh.

Hai là : Coi trọng tăng cường hợp tác với các nước châu Mỹ, nhất là Mỹ la-tinh. Ra sức dàn xếp các mâu thuẫn giữa các nước châu Mỹ với Mỹ để tiến tới thiết lập Khu vực thương mại tự do toàn châu Mỹ (FTAA) vào năm 2005. Nâng cấp quan hệ với Mê-hi-cô và Ca-na-đa thành quan hệ đặc biệt.

Ba là : Duy trì sự khống chế của Mỹ với khu vực Trung Đông, nhất là nguồn dầu lửa chiến lược ở vùng Vịnh và dàn xếp một nền hòa bình ở Trung Đông. Tiếp tục chính sách ngăn chặn I-rắc và I-ran. Đối với cuộc xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin, lúc đầu Mỹ không muốn trực tiếp làm trung gian hòa giải nhưng do cuộc xung đột leo thang có nguy cơ vượt khỏi sự kiểm soát, chính quyền G.Bu-sơ đã có sự dính líu nhất định.

Bốn là : Tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm soát việc phổ biến vũ khí, kỹ thuật chế tạo các vũ khí hủy diệt lớn.

Năm là : Xúc tiến chính sách thương mại tự do, coi đây là "chiến lược hướng tới tự do" cho các nước.

Sáu là : Thi hành chính sách can dự với Nga và Trung Quốc một cách "rõ ràng, kiên định và có nguyên tắc".

Đối với Nga, Mỹ tìm cách tranh thủ và xem Nga không phải là đối thủ nữa. Sau các cuộc gặp giữa hai Tổng thống G.Bu-sơ và V.Pu-tin vào các ngày 16-6 và 22-7-2001 ở Liu-bla-na (Xlô-ven-ni-a) và Giê-noa (I-ta-li-a), hai bên đã thỏa thuận hợp tác an ninh, thương lượng cắt giảm mạnh kho vũ khí hạt nhân tấn công và việc Mỹ tiến hành thử nghiệm triển khai hệ thống phòng thủ chống tên lửa. Đồng thời Mỹ hứa hẹn trợ giúp Nga về kinh tế, ủng hộ Nga gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Đối với Trung Quốc, Mỹ thừa nhận giữa hai nước có nhiều lợi ích tương đồng to lớn, nhất là trên lĩnh vực thương mại (buôn bán hai chiều đạt 116,3 tỉ USD), đầu tư (đầu tư của Mỹ là 30 tỉ USD). Nhưng giữa hai nước cũng tồn tại nhiều bất đồng, lớn nhất là vấn đề Đài Loan, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, Tây Tạng, việc phổ biến vũ khí hủy diệt lớn. Chính quyền G.Bu-sơ vẫn chủ trương chỉ có "một nước Trung Quốc", nhưng coi Trung Quốc là đối tác về kinh tế và là đối thủ cạnh tranh chiến lược và thi hành chính sách "rõ ràng" về vấn đề Đài Loan. Ngày 24-4-2001, ông G.Bu-sơ quyết định bán vũ khí tối tân cho Đài Loan (trị giá 6 tỉ USD) và ngày 25-4-2001 tuyên bố : "Nếu Trung Quốc dùng vũ lực đối với Đài Loan thì Mỹ có nghĩa vụ áp dụng bất cứ biện pháp nào để trợ giúp Đài Loan tự vệ". Tiếp sau đó ông G.Bu-sơ cho rằng : "Về thực chất, chính sách của Mỹ về vấn đề đó không thay đổi... Tinh thần cạnh tranh không nhất thiết là thiếu tin tưởng và căm ghét nhau". Đến nay, do nỗ lực tích cực của cả hai phía, tình hình hết sức căng thẳng giữa hai nước sau khi xảy ra vụ máy bay do thám (1-4-2001) đã dần dần trở lại bình thường. Như vậy, do Mỹ có những lợi ích to lớn mang ý nghĩa chiến lược trong quan hệ với Trung Quốc, chính sách của chính quyền mới vẫn bao hàm hai mặt vừa hợp tác vừa kiềm chế, tuy mặt kiềm chế có vẻ đậm hơn. Quan hệ Mỹ - Trung có thể vẫn tiếp tục thăng trầm, lúc căng lúc giảm, lúc nóng lúc lạnh trong từng thời gian và tùy theo vấn đề, nhất là vấn đề Đài Loan, dân chủ, nhân quyền.

Về chính sách quân sự, an ninh liên quan tới chính sách đối ngoại, Tổng thống G.Bu-sơ xem quốc phòng, an ninh quốc gia Mỹ là mối quan tâm hàng đầu, là trọng trách trước tiên của một tổng thống và xem việc phòng thủ bản thân nước Mỹ là ưu tiên và là nhiệm vụ khẩn trương. Theo nhiều nguồn tin tiết lộ qua báo chí, phương án cải cách chiến lược phòng thủ toàn cầu mới sẽ được Bộ trưởng Quốc phòng đệ trình Quốc hội Mỹ vào tháng 9-2001, bao gồm các điểm chính sau : thúc đẩy nhanh việc thử nghiệm và triển khai hệ thống phòng thủ chống tên lửa nhiều tầng, nhiều lớp trên mặt đất, trên biển, trên không. Chuyển trọng tâm bố trí quân sự sang châu Á, từ bỏ chiến lược chuẩn bị tiến hành đồng thời hai cuộc chiến tranh. Chuyển sang tăng ngân sách quân sự để phát triển thế hệ vũ khí mới, cải cách cơ cấu phòng thủ, chuẩn bị lực lượng đủ khả năng răn đe và đánh thắng mọi loại hình chiến tranh.

Digitized by Google

Về thực chất, việc kết hợp vũ khí tấn công hạt nhân với hệ thống phòng thủ tên lửa trong học thuyết chiến lược phòng thủ mới của tổng thống G.Bu-sơ là muốn phá vỡ thế cân bằng ổn định chiến lược trên thế giới, vô hiệu hóa kho vũ khí hạt nhân của các đối thủ tiềm tàng, thiết lập một hệ thống vũ khí tự bảo vệ được mình để có thể yên tâm tấn công đối thủ và thúc đẩy một cuộc chạy đua vũ trang mới hòng làm kiệt quệ đối thủ. Hành động đơn phương này đang vấp phải sự chống đối và nghi ngờ trên khắp thế giới.

Nhiều thách thức đang chờ đợi phía trước.

Việc triển khai thực hiện những gì Tổng thống Mỹ hứa hẹn trong cuộc tranh cử sẽ gặp không ít thách thức, không chỉ trên lĩnh vực kinh tế (đang bị suy giảm kéo dài) mà còn trên lĩnh vực đối ngoại.

Trong việc xử lý các vấn đề quốc tế, đã xuất hiện nhiều bất đồng giữa các nhân vật chủ chốt thuộc Bộ Quốc phòng (tỏ ra diều hâu cứng rắn) và Bộ Ngoại giao (ôn hòa hơn về các vấn đề xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin, I-rắc, bán đảo Triều Tiên, lực lượng phản ứng nhanh của EU v.v.). Nhiều quyết định đơn phương về các vấn đề quốc tế quan trọng, chính sách đặt nặng vào quan hệ song phương với các nước liên minh, coi nhẹ quan hệ đa phương, bảo thủ, cứng rắn, đã khiến cho nhiều nước trên thế giới bất bình và gây chia rẽ trong nội bộ Đảng Cộng hòa ; uy tín của Tổng thống Mỹ bị giảm sút (xuống dưới 50%). Việc Thượng nghị sỹ Cộng hòa J.Giép-phót (James Jefford) rời bỏ Đảng Cộng hòa đã làm cho phe Cộng hòa tại Thượng viện Mỹ lâm vào địa vị thiểu số, chương trình nghị sự của Tổng thống Mỹ bị đảo lộn lớn.

Tóm lại : Chủ nghĩa đơn phương của chính quyền G.Bu-sơ trong quan hệ quốc tế chỉ làm cho mặt mâu thuẫn và đối lập trong quan hệ giữa Mỹ và các nước lớn, giữa Mỹ và nhân dân thế giới càng thêm gay gắt. Trong môi trường quốc tế rộng lớn mà dòng chảy chính là hòa bình và phát triển thì chính sách đối ngoại thiên về bảo thủ, cứng nhắc khó lòng tránh khỏi vấp váp, thất bại, cuối cùng khó thoát khỏi phải liên tục điều chỉnh, sửa đổi. ❑

Chuyện... không nhỏ

(Tiếp theo trang 72)

rằng trong khi nơi này nơi khác có những giám đốc tham ô hàng chục, thậm chí hàng trăm tỉ đồng, thì việc ông H có ba, bốn cái nhà, có tiền cho con du học, có một ít vàng dự trữ v, v... cũng chỉ là chuyện nhỏ, đụng đến làm gì. Nếu quả thực các đồng chí ấy nghĩ như vậy thì tôi cho là sai. Đời sống dân tỉnh này tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn ở mức thấp. Cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh như ông H thì giàu vọt lên, sao lại có thể gọi là chuyện nhỏ, không cần đụng đến ! Một giám đốc tham ô hàng chục tỉ đồng thì chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của ngành, đến đời sống của công nhân trong nhà máy, tất nhiên có gây khó khăn cho kinh tế địa phương. Nhưng một cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh như ông H mà lợi dụng chức quyền để vun vén cho mình và cho gia đình thì ảnh hưởng xấu đến phong trào chung của toàn tỉnh. Tác hại không chỉ ở chỗ ông ta chiếm dụng, ông ta tham nhũng được những gì, được bao nhiêu, mà quan trọng còn là ở chỗ ông ta là "gương xấu" làm hư hỏng cán bộ cấp dưới. Và còn biết bao nhiêu người ngay thẳng do muốn vạch trần tội lỗi của ông ta và đồng bọn, đã bị trù úm, hãm hại. Những ngôi nhà sang trọng của ông ta cứ sờ sờ ra đấy, và nếu ông ta cứ vững "cái ghế" của mình cho đến ngày về hưu, hạ cánh an toàn thì bên cạnh những tác hại mà ông ta và đồng bọn tiếp tục gây ra, còn một tác hại khôn lường là việc chống tham nhũng ở tỉnh này sẽ ngày càng bị vô hiệu hóa. Bà con trong tỉnh sẽ nghĩ rằng các cán bộ lãnh đạo của tỉnh bao che cho nhau, dung túng nhau làm bậy, thế thì còn đâu lòng tin. Mà như cháu đã biết, mất lòng tin là mất tất cả...

Cuộc nói chuyện với ông chú họ tôi còn kéo dài. Bên cạnh những lo lắng, những dự đoán, ông vẫn tỏ ra tin tưởng vào tương lai. Ông cho rằng với những gì mà Đại hội IX đã thảo luận và đã có nghị quyết, không chóng thì chầy, ông H và những kẻ cùng thuyền cùng hội sẽ phải trả lời trước Đảng về những gì là bất minh của mình. Ông vẫn tin đó là điều tất yếu vì sự sống còn của phong trào đổi mới trong tỉnh. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Hai Chau Confectionery Company

Địa chỉ : Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại : (04) 8.624826 - 8621664. Fax : (04) 8.621520

Công ty Bánh kẹo Hải Châu là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Mía đường I - Bộ Nông nghiệp và PTNT, thành lập từ năm 1965. Công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các mặt hàng bánh kẹo, thực phẩm với 35 năm không ngừng phát triển, liên tục đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hiện đại nhất của Cộng hòa liên bang Đức, Hà Lan, Italia, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty đạt tốc độ tăng trưởng hơn 15% năm. Hiện nay tổng vốn pháp định của Công ty là 24 tỷ đồng, vốn kinh doanh trên 45 tỷ đồng, tổng sản phẩm các loại đạt trên 14.000 tấn/năm, doanh thu sản phẩm hàng hóa bình quân 140 tỷ đồng/năm... Là một trong những Công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo, thực phẩm với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, Công ty luôn phát huy có hiệu quả công suất của 7 dây chuyền thiết bị hiện đại sản xuất các chủng loại sản phẩm với 70 mặt hàng bao gồm các loại bánh quy, kem xốp, bột canh, lương khô, kẹo...

Sản phẩm của Công ty Bánh kẹo Hải Châu được sản xuất từ nguyên liệu có chất lượng cao, chọn lọc kỹ lưỡng bằng công nghệ tiên tiến, chủng loại phong phú, bao bì mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý được người tiêu dùng tín nhiệm và ưu chuộng.

Hiện nay Công ty đã xác lập quan hệ thương mại với các tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và nhiều Công ty nước ngoài như : Pháp, Đức, Hà Lan, Singapore, Indonesia, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật, Bỉ, Anh... và kênh phân phối toàn quốc với 300 đại lý chính.

Sản phẩm của Công ty được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao năm 1997, 1998, 1999, 2000, đạt 20 Huy chương Vàng trong các kỳ Hội chợ triển lãm và đạt Topten trong những năm 1997, 1998, 1999.



Hải Châu chỉ có chất lượng Vàng

20 HUY CHƯƠNG VÀNG
CÁC KỲ HỘI CHỢ TRIỂN LÃM

Digitized by Google

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

CÔNG TY DU LỊCH CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH : *1B - Yết Kiêu - Hoàn Kiếm - Hà Nội*

TEL : *(84-4) 8223680 - 9424112* FAX : *(84-4) 9423508* EMAIL : *tic@village. net*

GIÁM ĐỐC : Ông **Hoàng Minh Chính** PHÓ GIÁM ĐỐC : Bà **Vũ Hải Vân**

Công ty Du lịch Công Đoàn Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam.

CÔNG TY CÓ CHỨC NĂNG KINH DOANH :

- *Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa*
- *Kinh doanh khách sạn và xuất nhập khẩu*
- *Kinh doanh bất động sản và xây dựng*
- *Dịch vụ hiếu hỏi quốc tế và các dịch vụ khác...*

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY :

◆ **CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : 142 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1

Điện thoại : (84-8) 8257637 Fax : (84-8) 8257686

E-mail : quocte@hcm.vnn.vn

◆ **CHI NHÁNH VĨNH PHÚC**

Địa chỉ : 161 Đường Mê Linh, Vĩnh Yên

Điện thoại : (84-211) 860697

Fax : (84-211) 862624

◆ **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ : 112 Quang Trung - TP Đà Nẵng

Điện thoại : (84-511) 897977

Fax : (84-511) 088961

◆ **KHÁCH SẠN CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Địa chỉ : 14 Trần Bình Trọng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 9421776/9420761

Fax : (84-4) 9420762 E-mail : plan.tic@fpt.vn

KHÁCH SẠN CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

VIET NAM TRADE UNION HOTEL

Khách sạn Công Đoàn Việt Nam là đơn vị trực thuộc Công ty Du lịch Công Đoàn Việt Nam tại 14 - Trần Bình Trọng, Hà Nội đã hoàn thành và đón khách từ 19/05/2001. Khách sạn có khuôn viên gần 7000 m², nằm gần trung tâm thành phố thuận tiện cho việc đi lại. Khách sạn có 130 phòng ngủ sang trọng nhiều cấp hạng, đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị đạt tiêu chuẩn cao.

HỆ THỐNG DỊCH VỤ HOÀN HẢO BAO GỒM :

- Nhà hàng ăn Âu - Á, có sức đón 500 khách có phòng riêng, nhận đặt tiệc, liên hoan, hội thảo...
- Phòng họp, phòng hội thảo từ 50 tới 300 chỗ trang bị theo công nghệ mới.
- Bể bơi, sân quần vợt.
- Quầy Bar, Karaoke, Taxi, Massaage, Sauna, Giặt là.
- Đặt vé máy bay, hướng dẫn Du lịch, làm visa và gia hạn visa
- Hệ thống thông tin quốc tế

Khách sạn giảm giá phòng nghỉ cho các đồng chí là các bộ chuyên trách công đoàn, cán bộ đi công tác, các đoàn khách tour, khách nghỉ dài ngày



Mọi chi tiết xin liên hệ với Khách sạn Công Đoàn Việt Nam qua điện thoại hoặc Fax :

Tel : (84-4) 9421776 - 9420761 Fax : (84-4) 9420762 E-mail : plan. tic@fpt. vn

Địa chỉ : 14 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH !

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ XNK QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ : SỐ 9 BẾN DOAN - THÀNH PHỐ HẠ LONG - QUẢNG NINH
ĐIỆN THOẠI : (033) 8.25407 - 8.25992 ; FAX : (033) 8.25022
EMAIL : QUNICOSHIP@HN.VNN.VN
GIÁM ĐỐC - BÍ THƯ ĐẢNG ỦY : KHUẤT DUY CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Xuất nhập khẩu Quảng Ninh tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước "Công ty Vận tải Biển và xuất nhập khẩu Quảng Ninh" ra đời năm 1981. Đến ngày 04 tháng 1 năm 2000 chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Vận tải Biển và xuất nhập khẩu Quảng Ninh.

Vốn điều lệ : 6.500.000.000đ

CÁC CHỨC NĂNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- ☆ Vận tải hàng hóa bằng đường biển quốc tế và trong nước.
- ☆ Kinh doanh Du lịch khách sạn và dịch vụ.
- ☆ Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hóa.
- ☆ Đại lý giao nhận dầu nhờn Castrol.
- ☆ Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.



M/V Vân Đồn - 5061 DWT

PETROLIMEX

CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY I

Vietnam Petroleum Transport Company

Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

Trụ sở chính : 37 Phan Bội Châu - Hải Phòng Điện thoại : (031). 8.38607 - 8.38835 - 8.38680
Fax : (84.31). 8.38033 - 8.39944 E-Mail : vietpetroco@hn.vnn.vn
Trụ sở chi nhánh tại Quảng Ninh : 32 Lê Thánh Tông - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
Điện thoại : (033).8.29183 - 8.29514 ; Fax : (84.33). 826016 ; E-mail : Vietpetroco@hn.vnn.vn

Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I Hải Phòng là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1980, trực thuộc Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Kinh doanh vận tải :

Vận tải các loại xăng, dầu, ga, các sản phẩm hóa dầu bằng đường biển trong và ngoài nước.

Kinh doanh Xăng dầu :

Bán buôn, bán lẻ các loại xăng, dầu, mỡ cho tất cả các đối tượng trong và ngoài nước có nhu cầu tại các cảng biển tại Hải Phòng, Quảng Ninh với chất lượng tốt và giá cả hợp lý.

Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải :

Làm đại lý cho các chủ tầu hoặc người thuê tàu trong và ngoài nước có tàu hoạt động tại các Cảng biển Việt Nam với chất lượng dịch vụ tốt, đại lý viên luôn sẵn sàng, tận tụy.

Công ty có nhu cầu liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Giám đốc Công ty Nguyễn Đạo Thịnh

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL MINERALS CORPORATION

(VIMICO)

TRỤ SỞ CHÍNH : 562 NGUYỄN VĂN CỪ - GIA LÂM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI : 84.4.8770010 FAX : 84.4.8770034 EMAIL : VIMICO@HÀ NỘI.VNN.VN

CHỦ TỊCH HĐQT : VŨ XUÂN KHOÁT TỔNG GIÁM ĐỐC : NGÔ VĂN TRỚI

Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước thành lập 27/10/1995



Trụ sở Tổng Công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khảo sát, thăm dò và khai thác các loại khoáng sản (trừ dầu khí, vàng, đá quý, than và apatit). Gia công, chế biến (tuyển khoáng luyện kim, các loại khoáng sản). Mua bán (kể cả XNK trực tiếp) các loại khoáng sản, các thiết bị khai thác chế biến, luyện kim và khoáng sản. Khảo sát thiết kế và xây lắp các công trình khai thác mỏ. Liên doanh, liên kết trong hoạt động kinh doanh khai thác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- *Thiếc thỏi 99,75% Sn*
- *Antimoan thỏi 99% Sb*
- *Tinh quặng sunfua đồng*
- *Tinh quặng sunfua kẽm*
- *Tinh quặng Vonframit*
- *Tinh quặng Cromit 46% Cr_2O_3*
- *Quặng sắt Manhetit 60% Fe*
- *Tinh quặng limenit*
- *Tinh quặng Rutin*
- *Tinh quặng Silicat Zircon*
- *Các sản phẩm đất hiếm*
- *Gang đúc*

CÁC SẢN PHẨM KHÁC GỒM :

- *Bột oxit Kẽm, dioxit Mangan, fero Mangan, fero Silic.*
- *Bột barit, bột Bentonit, bột Fluorit, đá tấm granit, đá hoa các loại.*
- *Các sản phẩm chế biến từ kim loại như : bột Vonfram, bột oxit Titan..v..v*

Ngoài các sản phẩm trên, thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công nghiệp, các dự án tổ hợp Đồng Sinh Quyền - Lào Cai đã được Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi với công suất 10.572 tấn đồng kim loại/năm ; dự án Nhà máy Kẽm điện phân - Thái Nguyên đã được Bộ công nghiệp phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi với công suất 10.000 Tấn kẽm thỏi/năm. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án tổ hợp khai thác Bauxit - Nhôm - Lâm Đồng và giao Bộ công nghiệp chỉ đạo Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam tiến hành nghiên cứu lập báo cáo khả thi dự án với công suất ban đầu 300.000 alumin/năm, điện phân nhôm 72.600 Tấn/năm tại mỏ Tân Hai - Bảo Lộc - Lâm Đồng. Các dự án đang được triển khai theo tiến độ, khi các dự án này đi vào sản xuất sẽ góp phần đáng kể cho sự tăng trưởng của Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam, cả về giá trị sản lượng, doanh thu và nộp ngân sách, đáp ứng cho sự nghiệp phát triển Công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

MỘT SỐ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :

Công ty Khoáng sản 1 ; Công ty Sắt Cao Bằng (trụ sở tại Cao Bằng) ; Công ty Kim loại màu Thái Nguyên ; Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh ; Công ty Phát triển Khoáng sản 3 (trụ sở tại Hà Tây) ; Công ty Phát triển Khoáng sản 4 (trụ sở tại tỉnh Nghệ An) ; Công ty Phát triển Khoáng sản 5 (trụ sở tại tỉnh Phú Yên) ; Công ty Phát triển Khoáng sản 6 ; Công ty Địa chất và Khoáng sản (trụ sở tại TP.HCM) ; Công ty Đá quý Lâm Đồng ; Đoàn Địa chất 911 (trụ sở tại Quảng Ninh) ; Công ty Hỗ trợ và Phát triển công nghiệp ; Công ty Phát triển Khoáng Sản (MIDECO) ; Công ty Đất hiếm ; Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mỏ (GEOVICO) ; Công ty Vật tư Mỏ địa chất ; Công ty XNK Khoáng sản (MIMEXCO).

Chào mừng Quý khách đến với chúng tôi !

Digitized by Google

Người Việt Nam ưa chuộng



Thế giới ngày càng ưa chuộng



Bia Sài Gòn - Bia của người Việt Nam

Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN
Bimson Cement Company (BCC)

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



DNV Accredited by the RvA ISO-9002 REGISTERED FIRM DNV Certification B.V., THE NETHERLANDS

QUACERT ISO 9000

Xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm.

Sản phẩm xi măng có các loại:

PC40, PC50.TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng.

PCB30.TCVN 6260 - 1997.

Đặc tính kỹ thuật:

+ Thời gian đông kết : *Bắt đầu không sớm hơn 45 phút, kết thúc không muộn hơn 10 giờ.*

+ Giới hạn bền nén : *Sau 3 ngày: không nhỏ hơn 14N/mm². Sau 28 ngày: không nhỏ hơn 30N/mm².*

+ Sản phẩm được đóng 50±1kg trong bao PP, in 2 màu xanh đỏ, có đóng dấu giáp lai ở 2 đầu bao.



THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

★ Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I.

★ Từ năm 1993 liên tục được Bộ Xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.

★ Từ năm 1990 liên tục được cấp huy chương vàng hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.

★ Từ năm 1994 liên tục được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho xi măng PC30, PCB30.

★ Ủy ban quốc tế của tổ chức BID có trụ sở tại thủ đô MADRID - Tây Ban Nha đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho công ty Xi măng Bỉm Sơn.

★ Được bình chọn và chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" từ năm 1998, 1999 và 2000.

★ Được tặng Cúp vàng giải thưởng chất lượng Việt Nam 2000.

★ Được DNV - Na Uy và Quacert Việt Nam cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.



Giám đốc: Kỹ sư Lê Văn Chung

Địa chỉ : Thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa
Tel : 037.824242 - 037.824056
Fax : 84.37.824046

Digitized by Google

X
1068B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
NOV 01 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

1
9.-

www.congsan.org.vn

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bộ biên tập
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Tel : (84-4) 9422061
Fax : (84-4) 8222846
Email : bbttccs@hn.vnn.vn
Tổng biên tập
Vũ Văn Hiền

Số 01
(9/2001)

- Thư của Bộ biên tập
- Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển
- Tiêu điểm vấn đề tháng
- Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- Việt Nam : Toàn cảnh, sự kiện
- Thế giới : Sự kiện - Vấn đề
- Chính sách mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Số lượt truy nhập : 1

Tìm kiếm :

Tạp chí in | Tra cứu | Bản tin | Đặt báo | Góp ý | Quảng cáo

Chào mừng các bạn đã đến với website Tạp chí Cộng sản - http:/www.tapchicongsan.org.vn

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 624 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

18
9-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NÔNG ĐỨC MẠNH - Tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, quyết tâm biến Nghị quyết thành hiện thực cuộc sống	3
	NGUYỄN DY NIÊN - Đóng góp tích cực của Việt Nam vào sự phát triển của ASEAN	8
	PHẠM QUANG NGHỊ - Nâng cao chất lượng báo chí và công tác quản lý báo chí	12
	TRẦN HÒA - Quảng Bình đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống	18
	Y LUYỆN NIÊ KDĂM - Đắc Lắk bước vào thế kỷ XXI	23
	TRỊNH ĐỨC HỒNG - Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	27
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VĂN TẠO - Nhận rõ quan hệ biện chứng và tính sáng tạo qua bốn đặc trưng của Đại hội	33
	PHẠM NGỌC QUANG - Ở nước ta, dân chủ chỉ được bảo đảm trong một nền chính trị nhất nguyên	38
	NGUYỄN VĂN HUYÊN - Toàn cầu hóa và một số vấn đề đặt ra đối với bản sắc văn hóa Việt Nam	45
	PHẠM THẮNG - Kinh tế biển vùng Đông Bắc - vực dậy những tiềm năng	51
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ NGỌC LÂN - Vì sao cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra ?	57
	NGUYỄN HOÀNH XANH - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hoạt động ngân hàng	62
	XUÂN HOÀNH - Chỉ số giá cả ở nước ta - thực trạng và giải pháp	65
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TIẾN - Người lãnh đạo thời nay	69
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	HOÀNG XUÂN LONG - Bí quyết thành công trong sự bắt chước công nghệ của Nhật Bản	70
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Lễ khai trương phát thử nghiệm Tạp chí Cộng sản điện tử trên mạng In-tơ-net	74
	- Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc của Tạp chí Cộng sản	75

Bìa 1 : *Khai thác quặng ti tan ở Hà Tĩnh* **Ảnh : XUÂN HÀ**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Создать высочайшее единство идей и действий, быть полным решимости превратить резолюции в реальную жизнь. НГУЕН ЗИ НИЕН: Активный вклад Вьетнама в развитие АСЕАН. ФАМ КУАНГ НГИ: Повышать качество прессы и работу по управлению прессой. ЧАН ХОА: Куанг Бинь провинция превращает резолюции Партии в жизнь. И ЛУИЕН НИЭ КДАМ: Дак Лак вступает в XXIый век. ЧИНЬ ДЫК ХОНГ: Обновление и развитие государственных предприятий в интересах удовлетворения потреблений индустриализации, модернизации. ВАН ТАО: Четкое осознание диалектических отношений и творчества через 4 особенностей Съезда. ФАМ НГОК КУАНГ: В нашей стране демократия может быть обеспечена только при политической системе одной партии. НГУЕН ВАН ХУЭН: Глобализация и некоторые проблемы, поставленные перед культурной оригинальностью Вьетнама. ФАМ ТХАНГ: Морская экономика Северо-восточного региона: поднятие потенциалов. ХОАНГ СУАН ЛОНГ: Секреты удачи в подражании Японской Технологии.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: To create a great unity of idea and action, be determined to convert the resolutions into a life reality. NGUYỄN DY NIÊN: Active contribution of Vietnam to ASEAN's development. PHẠM QUANG NGHỊ: To enhance quality of the press and management of the press. TRẦN HÒA: Quang Binh applying Party resolutions into life. Y LUYỆN NIÊ KĐĂM: Dac Lac entering the XXIth century. TRỊNH ĐỨC HỒNG: Renovation and development of state enterprises to satisfy demands of industrialisation, modernisation. VĂN TẠO: To recognize clearly dialectic relations and creativity through the 4 specific traits of the Congress. PHẠM NGỌC QUANG: In our country democracy could only be provided under one-party political system. NGUYỄN VĂN HUYÊN: Globalization and some problems faced by Vietnam cultural identities. PHẠM THẮNG: Economy of North-East region: to raise the potentials. HOÀNG XUÂN LONG: Secrets of succeeding in imitating Japanese technology.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Créer une grande unité de pensée et d'actes, être déterminé à mettre en pratique des Résolutions du IXe Congrès. NGUYỄN DY NIÊN: La contribution active du Viêt-nam au développement de l'ANSEA. PHẠM QUANG NGHỊ: Rehausser la gestion de la presse et sa qualité. TRẦN HÒA: La mise en pratique des Résolutions du Parti dans la province de Quang Binh. Y LUYỆN NIÊ KĐĂM: La province de Dac Lac entre dans le XXIe siècle. TRỊNH ĐỨC HỒNG: Rénover et développer les entreprises d'Etat pour répondre aux besoins de l'industrialisation et de la modernisation. VĂN TẠO: Dialectique et créativité à travers quatre caractéristiques du IXe Congrès national du PCV. PHẠM NGỌC QUANG: Au Viêt-nam, seule la politique moniste garantie la démocratie. NGUYỄN VĂN HUYÊN: La globalisation et les problèmes posés à l'identité culturelle vietnamienne. PHẠM THẮNG: Réveiller les potentialités de l'économie maritime du Nord-Ouest. HOÀNG XUÂN LONG: La clef du succès dans l'immitation des technologies japonaises.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Crear una alta unanimidad ideológica y de acción para poner las Resoluciones del Partido en práctica de la vida. NGUYỄN DY NIÊN: Contribución activa de Vietnam en el desarrollo de la ASEAN. PHẠM QUANG NGHỊ: Mejorar la calidad de la prensa y del trabajo gestionario de la misma. TRẦN HÒA: Quảng Binh pone en práctica las Resoluciones del Partido. Y LUYỆN NIÊ KĐĂM: La provincia de Đắc Lắc se adentra en el siglo XXI. TRỊNH ĐỨC HỒNG: Renovar y desarrollar las empresas estatales para responder a las exigencias de la industrialización y modernización. VĂN TẠO: Reconocer mejor la relación dialéctica y el carácter iniciativo a través de las cuatro características del Congreso del Partido. PHẠM NGỌC QUANG: En Vietnam, la democracia sólo es asegurada en una política del monismo. NGUYỄN VĂN HUYÊN: La globalización y algunos problemas propuestos para con la identidad cultural nacional de Vietnam. PHẠM THẮNG: Economía de explotación marítima – sus despiertas potencialidades. HOÀNG XUÂN LONG: La llave del éxito en la imitación de la tecnología de Japón.

目录

农德孟: 使思想和行动达到最高的统一, 决心把决议的精神落实到生活之中 • 阮怡年: 越南对东盟的发展所作出的积极贡献 • 范光议: 提高新闻报刊的质量及其管理工作 • 陈和: 广平省把决议的精神落实到生活之中 • Y LUYEN NIE KDAM: 多乐省迈进二十一世纪 • 郑德鸿: 革新并发展国有企业, 以满足工业化、现代化事业的要求 • 文造: 通过"九大"的四大特征, 辨清辩证和创造性之间的关系 • 范玉光: 在越南, 民主只能在一元政治环境中得到保证 • 阮文普: 全球化及越南文化本色所面对的一些问题 • 范胜: 东北海域经济一潜能的开发 • 黄春龙: 仿日本工艺的成功秘诀.

Digitized by Google

TẠO SỰ THỐNG NHẤT CAO VỀ TƯ TƯỞNG VÀ HÀNH ĐỘNG, QUYẾT TÂM BIẾN NGHỊ QUYẾT THÀNH HIỆN THỰC CUỘC SỐNG *

Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH

Thưa các đồng chí,

HÔM nay, lớp học bế mạc. Đây là lớp thứ hai, cũng là lớp cuối cùng do Ban Bí thư triệu tập dành cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi đến thăm và trao đổi với các đồng chí một số vấn đề chung quanh việc quán triệt và đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo, lớp học chúng ta đã đạt được yêu cầu đề ra. Các đồng chí đã tranh thủ thời gian tập trung nghiên cứu để hiểu sâu sắc hơn Nghị quyết Đại hội. Qua thảo luận, có nhiều ý kiến sâu sắc về nhận thức nội dung cơ bản của Nghị quyết, liên hệ với thực tiễn của địa phương, ngành mình, nêu nhiều kiến nghị xác đáng với Trung ương và các ngành, các cấp để khắc phục mặt yếu kém, đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Ban Bí thư sẽ nghiên cứu tiếp thu ý kiến của các đồng chí. Tôi rất vui mừng trước kết quả của lớp học và nhiệt liên hoan nghênh tinh thần học tập của các đồng chí.

Đại hội IX của Đảng có vị trí lịch sử đặc biệt đối với sự phát triển của đất nước và tương lai của dân tộc trong thế kỷ XXI. Nghị quyết của Đại hội là sản phẩm kết tinh trí tuệ, thể hiện ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa truyền thống và thành quả đấu tranh của nhân dân ta qua các thời kỳ cách mạng và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, từ tổng kết những kinh nghiệm, những bài học thành công cũng như vấp váp của cách mạng nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa. Là những người lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị, các đồng chí cần nhận thức sâu sắc vị trí và tầm vóc lịch sử của Đại hội, những nhiệm vụ lớn lao, nhưng rất khó khăn, phức tạp do Đại hội đề ra, từ đó xây dựng lòng tin vững chắc và quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội.

Lớp học lần này giúp các đồng chí hiểu sâu hơn những nội dung cơ bản nhất của Nghị quyết Đại hội. Song chúng ta không cho rằng chỉ qua lớp học này là đã giải quyết được mọi vấn đề về nhận thức. Đây là cả một quá trình phấn đấu gian khổ gắn với quá trình cụ thể hóa

---

* Bài phát biểu bế mạc lớp cán bộ chủ chốt nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, gắn với quá trình trau dồi phẩm chất, trí tuệ và năng lực của mỗi người.

Đại hội IX một lần nữa khẳng định con đường phát triển của đất nước là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, làm sáng tỏ hơn nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta với cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng tương ứng. Đại hội đã đề ra đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm tới, chỉ rõ định hướng cơ bản xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm sáng tỏ nội dung đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước trong điều kiện mới, xác định phương thức chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phát huy nội lực, tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, tạo ra sức mạnh tổng hợp từ sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để đi tắt, đón đầu, rút ngắn quá trình phát triển. Có thể khẳng định rằng, Nghị quyết Đại hội là thành quả của nhiều năm tìm tòi tổng kết thực tiễn và lý luận, đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng ta về nhận thức lý luận và năng lực lãnh đạo cách mạng. Vì vậy, qua nghiên cứu Nghị quyết, chúng ta phải thật sự kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, đường lối quan điểm cơ bản của Đảng, *tạo được sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, quyết tâm biến Nghị quyết thành hiện thực cuộc sống.*

Song cũng phải thấy rằng, thực tiễn đang đặt ra nhiều vấn đề cơ bản, bức xúc mà đến nay, chúng ta vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng, cần được tiếp tục làm sáng tỏ. Vì vậy, chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh việc tìm tòi, nghiên cứu lý luận trên cơ sở lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn. Từ kinh nghiệm phong phú, sáng tạo của nhân dân, các cấp chú trọng tổng kết rút kinh nghiệm tốt để nhân lên, tạo ra phong trào quần chúng rộng lớn thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từng bước giải đáp những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống, qua đó không ngừng hoàn thiện đường lối của Đảng, phát triển lý luận, dần dần làm rõ hơn nữa quy luật của cách mạng nước ta trên từng lĩnh vực, sáng tạo con đường và cách đi phù hợp với đặc điểm của nước ta đi tới chủ nghĩa xã hội. Đó cũng chính là điều Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn chúng ta. Là những người lãnh đạo, chúng ta cần hiểu rõ điều đó để nâng cao chất lượng việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết cũng như chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Hiện nay, có nhiều ý kiến băn khoăn lo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả thấp. Nỗi lo này là chính đáng và có cơ sở, bởi vì đây là một khâu yếu của Đảng ta hiện nay, được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, khi xây dựng chương trình toàn khóa cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 vừa qua, đã tính đến điều này. Một trong những biện pháp khắc phục là tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với quá trình tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, chú trọng kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã có, không ra Nghị quyết mới nếu các nghị quyết trước đó vẫn còn có giá trị chỉ đạo ; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư, Bộ Chính trị và từng đồng chí Ủy viên Ban Bí thư, Bộ Chính trị, kể cả Tổng Bí thư. Nếu thực hiện tốt các quy chế đó, chắc chắn sẽ khắc phục được một bước quan trọng khuyết điểm về tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết của Đảng. Đây là vấn đề có tính

Digitized by Google

nguyên tắc, tính đảng, một tiêu chuẩn phẩm chất chính trị của người đảng viên. Từ thực tế những năm qua, để việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đạt kết quả tốt, tôi thấy cần làm tốt những việc sau đây :

Trước hết, cần tổ chức tốt đợt quán triệt Nghị quyết Đại hội IX trong Đảng và nhân dân. Đây là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của toàn Đảng.

Cần đổi mới phương thức tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết để đạt hiệu quả thiết thực ; tránh hình thức, chiếu lệ, gây lãng phí công sức và tiền của ; khắc phục tư tưởng ngại hoặc lười học tập chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cần nhấn mạnh rằng, đây vừa là một nhiệm vụ của đảng viên, vừa là phương thức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Hai là, xây dựng được chương trình hành động sát yêu cầu nhiệm vụ từng đảng bộ, chi bộ ; lựa chọn đúng những việc làm cần làm ngay, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc trên từng lĩnh vực, đặc biệt là vấn đề phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng Đảng, chính quyền các đoàn thể nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở...

Chương trình hành động của từng đảng bộ, chi bộ phải được toàn thể đảng viên thảo luận trong đợt quán triệt Nghị quyết và xin ý kiến nhân dân. Nơi nào chưa xây dựng được chương trình hành động có chất lượng thì chưa tổ chức học tập Nghị quyết. Sau khi chương trình hành động được thông qua, phải tổ chức thực hiện chặt chẽ, tạo được chuyển biến cụ thể, nhất là về đời sống của nhân dân, ai cũng thấy được, tạo ra bầu không khí phấn khởi trong đảng bộ và nhân dân, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Sau đợt học tập Nghị quyết, đảng ủy các cấp cần tiếp tục đưa nội dung Nghị quyết và việc kiểm điểm kết quả thực hiện chương trình hành động vào chương trình sinh hoạt hằng tháng của chi bộ.

Vấn đề quan trọng hàng đầu là mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng, đồng thời lôi cuốn nhân dân tích cực thực hiện chương trình hành động của Đảng.

Ba là, các cơ quan đảng, chính quyền, các bộ, ngành trung ương phải khẩn trương cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội để giúp các địa phương và cơ quan cấp dưới bổ sung chương trình hành động.

Một vấn đề bức xúc nổi lên là làm thế nào chống được tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự suy thoái đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Trước hết, phải khẳng định rằng, những năm qua, Đảng ta rất coi trọng cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, coi tham nhũng, quan liêu là "giặc nội xâm", tham nhũng là "quốc nạn" và đã đề ra nhiều biện pháp để khắc phục, tuy đã làm được nhiều việc, song hiệu quả còn thấp. Nạn tham nhũng và tệ quan liêu vẫn là một trong bốn nguy cơ đe dọa sự sống còn của Đảng và chế độ ta, là một lực cản lớn đối với sự phát triển của đất nước. Vì vậy, Đại hội IX xác định một nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ta là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt là chống các hành vi lợi dụng chức quyền để giàu bất chính.

Vấn đề đặt ra là vì sao cuộc đấu tranh này đạt hiệu quả thấp ? Bộ Chính trị khóa VII đã có một Nghị quyết riêng về chống tham nhũng. Đại hội các cấp và Đại hội IX của Đảng cũng thảo luận nhiều về vấn đề này. Sau Đại hội IX, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tiểu ban 6 (2) tiếp tục đẩy tới cuộc đấu tranh đó.

Digitized by Google

Để đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả, phải giải quyết từ gốc, tức là phải loại trừ các nguyên nhân gây ra tham nhũng. Tham nhũng là một hiện tượng phổ biến của các nước trên thế giới, gắn liền với sự lạm dụng quyền lực. Đấu tranh chống tham nhũng là một quá trình gian khổ, lâu dài, thường xuyên, cần có giải pháp đồng bộ, tổng hợp, có sự tham gia của nhiều lực lượng. Tình trạng tham nhũng diễn ra nghiêm trọng trong một bộ phận cán bộ đảng viên là do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là :

- Sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của bản thân cán bộ, đảng viên, sự yếu kém trong quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật có điểm chưa phù hợp, thực hiện không nghiêm, thiếu nhất quán.

- Sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thiếu sâu sát, chặt chẽ, thường xuyên ; cơ chế tổ chức và giải pháp phòng chống chưa có hiệu quả.

Cần nhấn mạnh rằng, khi người đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, ngọn lửa cách mạng trong lòng đã nguội tắt thì dễ dẫn đến suy thoái về đạo đức lối sống, chủ nghĩa cá nhân có đất để phát triển, từ đó tham nhũng nảy sinh như một hệ quả tất yếu.

Trong những nguyên nhân kể trên, có nguyên nhân có thể khắc phục ngay, có nguyên nhân phải có thời gian mới dần dần khắc phục được. Song đã là người cộng sản, chúng ta không thể vin vào nguyên nhân khách quan để vi phạm. Vì vậy, tôi cho rằng, nguyên nhân của mọi nguyên nhân là từ bản thân người cán bộ, đảng viên. Đối với người cán bộ lãnh đạo thì sự gương mẫu và trong sạch của bản thân và gia đình cùng với sự quyết tâm và dũng cảm đấu tranh là những yếu tố quan trọng hàng đầu, bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh này.

Trong quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX được Hội nghị Trung ương 3 vừa thông qua, Trung ương một lần nữa xác định rõ trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Trung ương đối với những sai phạm của tổ chức và cán bộ dưới quyền quản lý trực tiếp hoặc của vợ (chồng) hay con cái lợi dụng làm trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng.

Trong các giải pháp đấu tranh chống tham nhũng nêu trong Nghị quyết Đại hội và trong Pháp lệnh chống tham nhũng, tôi xin nhấn mạnh mấy việc sau đây :

Một là, phải khẩn trương bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng.

Nhiệm vụ này phải được tất cả các cấp, các ngành, từng cơ quan, đơn vị, cơ sở thực hiện nghiêm túc, khẩn trương và chủ động trong phạm vi thẩm quyền của mình, không chờ cấp trên, chờ Trung ương.

Hai là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ về tài chính, ngân sách, tài sản. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa, có liên quan đến sự tồn vong của chế độ. Song, để công tác này đạt kết quả tốt, cần tìm ra các hình thức, phương pháp, công cụ hữu hiệu. Ở đây chúng ta có thể vận dụng kinh nghiệm của các nước phát triển. Thông qua hệ thống quản lý kinh tế, quản lý xã hội chặt chẽ, bằng các phương tiện, công cụ quản lý khoa học, hiện đại sẽ bảo đảm quản lý được sự lưu chuyển của đồng tiền trong từng doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và của từng cá nhân.

Ba là, phát động được sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng trong xã hội, dựa vào dân,

Digitized by Google

có cơ chế, phương thức phát huy dân chủ, huy động được lực lượng của toàn dân tham gia tích cực vào việc giám sát, kiểm tra cán bộ, đảng viên, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng.

Bốn là, xử lý nghiêm minh, trừng trị nghiêm khắc những kẻ tham nhũng, bất kể người đó ở cấp nào, cương vị nào, giữ chức vụ gì ; khen thưởng xứng đáng những người có công, bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời không dung thứ việc lợi dụng chống tham nhũng để bịa đặt, vu cáo, bôi nhọ người tốt, gây mất đoàn kết nội bộ, làm chỗ dựa cho thế lực thù địch vin cớ chống phá ta.

Trước mắt, cần đưa ra xét xử nghiêm minh những vụ tham nhũng lớn đã được phát hiện, điều tra và có kết luận.

Đồng thời, tiến hành cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi ; thực hiện việc kê khai tài sản của cán bộ lãnh đạo các cấp, trước hết là về nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh... Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng đi đôi với tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên, công chức. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Trong chương trình hành động của mỗi đảng bộ, chi bộ, cần chú trọng đề ra các giải pháp cụ thể chống tham nhũng sát hợp với đặc điểm của mình và thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện trong sinh hoạt đảng định kỳ hàng tháng, hàng quý. Tôi tin rằng, nếu chúng ta đồng tâm nhất trí, thực hiện được những điều nói trên thì sẽ ngăn chặn, đẩy lùi, từng bước khắc phục được "quốc nạn" này.

Thưa các đồng chí,

Trong bối cảnh trong nước và thế giới đang diễn ra những biến đổi nhanh chóng và phức tạp, để thực hiện được những mục tiêu lớn lao và cao cả mà Đại hội đề ra, sớm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp, chúng ta cần hiểu rõ cục diện và vị trí của sự nghiệp cách mạng nước ta hiện nay, nắm vững đường lối, quan điểm và các giải pháp lớn do Đại hội IX đề ra, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, phát huy sức mạnh thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, chủ động nắm lấy và tạo ra thời cơ, ra sức đẩy lùi và khắc phục nguy cơ. Mỗi ngành, mỗi địa phương, từng cơ sở và mỗi người cần không ngừng nâng cao phẩm chất, trí tuệ và năng lực, nâng cao bản lĩnh chính trị và ý chí độc lập, tự cường dân tộc, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, năng động, dám nghĩ, dám làm, tìm ra các mô hình mới, cách làm ăn mới trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, biến Nghị quyết Đại hội IX thành hiện thực, thực hiện được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Thưa các đồng chí,

Vì thời gian có hạn, tôi chỉ xin phát biểu một số vấn đề, mong các đồng chí tiếp tục suy nghĩ và nghiên cứu để hiểu sâu hơn Nghị quyết Đại hội IX và thực hiện có hiệu quả cao.

Tôi mong các đồng chí phát huy kết quả của lớp học này, trở về cùng cấp ủy lãnh đạo thật tốt đợt học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội IX trong Đảng và trong nhân dân, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện chương trình hành động của cấp mình, tạo được phong trào thi đua sâu rộng của các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 2001, tạo được những chuyển biến, kết quả cụ thể trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe. ❑

Digitized by Google

ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CỦA VIỆT NAM VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN

NGUYỄN DY NIÊN *

So với quá trình phát triển 34 năm của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) thì 6 năm Việt Nam tham gia vào ASEAN cho tới nay chỉ là một khoảng thời gian ngắn. Nhưng đó lại có thể được coi là một trong những giai đoạn phát triển đáng kể nhất của ASEAN và một trong những bước hội nhập khu vực và quốc tế quan trọng nhất của Việt Nam.

Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN tháng 7-1995 đã mở đường cho ASEAN từ một tổ chức *trong* khu vực trở thành tổ chức *của* khu vực, đúng với tên gọi của nó, bao gồm được tất cả 10 quốc gia ở Đông - Nam Á. Hơn 3 năm sau, Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 - Hội nghị với những văn kiện quan trọng định hướng chiến lược cho ASEAN bước vào thiên niên kỷ mới và thế kỷ mới. Tháng 7-2000, Việt Nam chính thức tiếp nhận cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Một năm sau, Việt Nam đã tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (AMM 34), Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 8 (ARF 8), Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và các nước đối thoại (PMC) và Hội nghị hợp tác sông Mê-công - sông Hằng lần thứ 2. Những sự kiện ấy là bằng chứng sinh động về vai trò tích cực và sự tham gia có hiệu quả của Việt Nam vào những bước phát triển và định hướng phát triển của ASEAN.

Đồng thời, những đóng góp của Việt Nam cho ASEAN cũng còn thể hiện trách nhiệm của Việt Nam với tư cách là nước thành viên đối với Hiệp hội. Hơn thế nữa, qua vai trò và sự tham gia ấy, Việt Nam đã tạo dựng được dấu ấn trong bước đường phát triển của ASEAN.

Những năm vừa qua là một giai đoạn khó khăn đối với ASEAN. Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế và an ninh thế giới nói chung diễn biến phức tạp, thuận lợi và thách thức đan xen, những khó khăn đối với ASEAN thể hiện ở hai phương diện : *thứ nhất,* cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997 đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước thành viên và đến hình ảnh chung về ASEAN cũng như về Đông - Nam Á với tư cách là khu vực có tiềm năng phát triển năng động, do đó đã tác động tiêu cực đến các mối quan hệ hợp tác của ASEAN với bên ngoài. Các nước ASEAN bị ảnh hưởng nay đã vượt qua khủng hoảng, nhưng vẫn còn phải tiếp tục khắc phục hậu quả. *Thứ hai,* sự mất ổn định chính trị và an ninh ở một vài nước thành viên thể hiện qua những xung đột trong nội bộ xã hội, những xáo động trên chính trường. Thực tế đó cũng đã ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh chung về ASEAN, đến việc thực hiện những ý tưởng và kế hoạch hợp tác của ASEAN, đến việc phát huy những tiềm năng nội sinh của ASEAN, đến vai trò của ASEAN như một nhân tố về chính trị và kinh tế đối với an ninh, ổn định và phát triển trong khu vực cũng như giữa khu vực với bên ngoài.

Hệ lụy của những khó khăn, thách thức đó đã đe dọa nguyên tắc hoạt động cơ bản của ASEAN là "đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau", đe dọa sự đoàn kết trong

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Ngoại giao

Digitized by Google

ASEAN và sự nhất trí về đường hướng phát triển của ASEAN trong tương lai. Chính vì thế, hơn 30 năm sau khi ra đời, ở thời điểm bản lề giữa hai thế kỷ và thiên niên kỷ, ASEAN lại phải trả lời câu hỏi : ASEAN đang ở đâu và định đi về đâu trong thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới ?

Những thành quả ASEAN đã đạt được cho đến nay là rất quan trọng, khẳng định sức sống và tiềm năng của ASEAN khi biết phát triển phù hợp với thời thế, lợi ích và lưu ý thỏa đáng đến đặc thù của các nước thành viên. Những thành quả này giúp cho ASEAN duy trì được lòng tin vào tương lai tươi sáng của Hiệp hội, nhưng chúng vẫn chưa đủ bảo đảm cho ASEAN có khả năng và sức lực đối phó với những thách thức trong tương lai.

Sức sống và sức mạnh của ASEAN khởi nguồn từ bản sắc và phương cách của ASEAN, đó là sự đồng thuận trong đa dạng, là tăng cường liên kết theo hướng "nhất thể hóa" trên cơ sở duy trì những đặc thù riêng, là nền tảng được tạo dựng bằng những giá trị và truyền thống văn hóa của từng thành viên trong sự giao thoa văn hóa ở khu vực từ hàng ngàn năm nay. Văn hóa và lịch sử luôn hiện hữu trong quá trình phát triển của ASEAN, nó tạo thành những nội hàm cốt lõi nhất trong bản sắc của ASEAN, vừa là động lực, vừa là nền tảng cho sự phát triển của ASEAN.

Bốn vấn đề lớn

Trong những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, ASEAN cần phải giải quyết bốn vấn đề cơ bản và cấp thiết để duy trì được vai trò và ảnh hưởng tương xứng với tiềm năng của Hiệp hội và sự mong đợi của các nước thành viên.

Vấn đề thứ nhất là duy trì và tăng cường những nguyên tắc hoạt động của ASEAN là "đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau". Những tiền đề cơ bản đó giúp ASEAN phát huy được những thế mạnh nội sinh, những thành quả phát triển hơn ba thập kỷ qua, tạo đà liên kết nội bộ và mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài. Đa dạng mà vẫn đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau mà vẫn thúc đẩy được sự phát triển của Hiệp hội, phù hợp với lợi ích chung của Hiệp hội và của tất cả các nước thành viên. Đó là một trong những bí quyết thành công của ASEAN trong giai đoạn đã qua, giúp cho ASEAN vượt qua được không ít giai đoạn khó khăn, phức tạp và đầy thách thức. Giữa những biến thiên của thời cuộc hiện nay, trước tình hình nội bộ xã hội nhiều phức tạp và bất ổn ở một vài nước thành viên, trong ASEAN không phải không có những trào lưu muốn thay đổi những nguyên tắc hoạt động cơ bản này, hướng Hiệp hội theo khuôn mẫu của một vài tổ chức khu vực khác. Tuy nhiên thực tế đã khẳng định sự cần thiết phải duy trì và củng cố những nguyên tắc hoạt động cơ bản của ASEAN, vì đó là cơ sở cho sự đoàn kết nhất trí trong ASEAN, vì chính nhờ đó mà ASEAN đã có thể là chỗ dựa hữu hiệu cho các nước thành viên, nhất là những thành viên gặp khó khăn. Bào mòn những nguyên tắc ấy chẳng khác gì hủy hoại bản sắc của ASEAN.

Một vấn đề cấp thiết cần giải quyết ở đây là khắc phục khoảng cách phát triển giữa các thành viên, đặc biệt và trước hết về kinh tế. Ba mươi tư năm qua, ASEAN đã nhiều lần mở rộng Hiệp hội để đi từ 6 nước thành viên ban đầu đến 10 nước thành viên hiện nay. Khắc phục khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên là chìa khóa để ASEAN vượt qua những khác biệt về mọi mặt giữa các nước thành viên, để cộng hưởng những tiềm năng phong phú và đa dạng của các nước thành viên, qua đó tác động tích cực đến việc duy trì và củng cố những nguyên tắc hoạt động cơ bản của ASEAN.

Tăng cường hợp tác kinh tế trong ASEAN và với bên ngoài đóng vai trò then chốt trong việc khắc phục khoảng cách phát triển nói chung và khoảng cách phát triển về kinh tế nói riêng giữa các nước thành viên ASEAN cũng như giữa ASEAN với bên ngoài. Trong điều kiện toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ, kinh tế đã trở thành nội dung nổi trội của mọi mối quan hệ hợp tác, chi phối mọi định hướng chính sách, chương trình và dự án hợp tác của Hiệp hội cũng như của các nước. Nội dung này đã được đề cập và thể hiện trong những kế hoạch quan trọng nhất của ASEAN là : *Tầm nhìn ASEAN 2020, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)* và *Chương trình*

Digitized by Google

hành động Hà Nội (HPA), đã được triển khai thực hiện một bước. Thời gian tới, ASEAN cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa tiến trình thực hiện và nâng cao hiệu quả thiết thực của những chương trình này.

Vấn đề thứ hai là khẳng định và tăng cường vai trò chủ đạo của ASEAN trong những thể chế hợp tác song phương và đa phương được ASEAN lập ra. ARF, ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (ASEAN + 3) và PMC cho đến nay đã chứng tỏ là những diễn đàn thích hợp cả về "đối nội" lẫn "đối ngoại" của ASEAN, đáp ứng được nhu cầu của ASEAN và các nước liên quan về tăng cường đối thoại và hợp tác để cùng nhau giải quyết những vấn đề vừa riêng của từng bên lại vừa liên quan đến lợi ích chung. Duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN trong những diễn đàn và thể chế này cũng còn là một phần câu trả lời cho các câu hỏi : ASEAN đang đứng ở đâu, phải đứng ở đâu và đi về đâu trong những giai đoạn tới. Chỉ có như vậy thì ASEAN mới xử lý được hài hòa và có lợi nhất mối quan hệ giữa tăng cường liên kết nội bộ và mở rộng hợp tác với bên ngoài trong thời đại toàn cầu hóa.

Vấn đề thứ ba là đẩy mạnh khu vực hóa về kinh tế trong bối cảnh tăng cường tham gia vào toàn cầu hóa. ASEAN là một tổ chức khu vực, nhưng cả Hiệp hội cũng như các nước thành viên đều là bộ phận của thế giới, đều phải tham gia vào các xu thế chung của thời đại. Bởi thế, ASEAN phải tạo dựng sự phát triển của mình sao cho sự tăng cường liên kết nội bộ trong khu vực không gây trở ngại cho việc hội nhập ASEAN và từng nước thành viên ASEAN vào thế giới ; và ngược lại, sự hội nhập của ASEAN cũng như của các nước thành viên vào thế giới phải thuận chứ không nghịch đối với nhu cầu tăng cường liên kết về chiều sâu trong ASEAN. Mối quan hệ này phản ánh sự cần thiết của việc hoạch định chiến lược phát triển cho ASEAN đi vào tương lai trên cơ sở những nguyên tắc hoạt động cơ bản của ASEAN, việc thực hiện có hiệu quả và phát huy tác dụng tích cực các chương trình lớn đã được các nhà lãnh đạo cấp cao của các nước ASEAN thông qua là *Tầm nhìn ASEAN 2020, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)* và *Chương trình hành động Hà Nội (HPA)*. Trong chừng mực nhất định, thực chất vấn đề này cũng còn là sự kết hợp giữa tăng cường liên kết trong ASEAN với mở rộng hợp tác của ASEAN ra bên ngoài, điều đã được Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN trao đổi và nhất trí sâu rộng tại Hội nghị AMM 34 vừa qua ở Hà Nội.

Vấn đề thứ tư là hiệu quả thiết thực của ASEAN đối với các nước thành viên, hay nói cách khác, là xác định được mục tiêu lợi ích chung cho ASEAN. Mục tiêu chung ấy là một ASEAN ổn định và vững mạnh, tăng trưởng năng động, bền vững và đồng đều, không tự khép kín mà hướng ra với thế giới bên ngoài phù hợp với những quan hệ đối ngoại đa dạng và trở thành "không thể thiếu được" đối với các nước thành viên.

Trong vấn đề này, có hai điểm mang ý nghĩa quan trọng đối với ASEAN. Thứ nhất là hình ảnh chung về ASEAN cần được thường xuyên không ngừng cải thiện để thể hiện được sức sống và tiềm năng to lớn của ASEAN, thể hiện tính năng động và hấp dẫn của ASEAN trên mọi lĩnh vực hợp tác. Điều đó tác động rất cơ bản đến lòng tin bên ngoài và bên trong vào triển vọng tươi sáng của ASEAN. Thứ hai là ASEAN phải vươn tới mục tiêu trở thành một "ASEAN của hành động thiết thực" để nhanh chóng biến những ý tưởng lớn về định hướng chiến lược cho ASEAN trở thành hiện thực cuộc sống, đáp ứng lợi ích cấp bách của các nước thành viên.

Dấu ấn Việt Nam

Dấu ấn Việt Nam trong bước đường phát triển của ASEAN thể hiện ở mọi đóng góp của Việt Nam vào mục tiêu nói trên, đồng thời ở những thành tựu Việt Nam đã đạt được để trở thành thành viên ổn định và phát triển của ASEAN. Dấu ấn ấy là sự đóng góp của Việt Nam vào việc duy trì và tăng cường những nguyên tắc hoạt động cơ bản, những tôn chỉ mục đích của ASEAN ; vào việc đề ra những định hướng phát triển tương lai của ASEAN, những giải pháp cho các vấn đề cấp thiết nhất để ASEAN tiếp tục duy trì và phát huy vai trò và ảnh hưởng của mình đối với sự phát triển của từng thành viên, đối với hòa

Digitized by Google

bình, ổn định và hợp tác trong khu vực, cũng như giữa khu vực với bên ngoài.

Chỉ 3 năm sau khi đứng vào hàng ngũ ASEAN, Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 và đã tham gia tích cực, có hiệu quả vào những văn kiện quan trọng được thông qua ở hội nghị này : Tuyên bố Hà Nội và Chương trình hành động Hà Nội. Những văn kiện này đã chỉ ra các định hướng chiến lược cụ thể để phát triển ASEAN về chiều sâu cũng như chiều rộng. Nhiệm kỳ Chủ tịch ASC và ARF cũng như các văn kiện được thông qua tại các Hội nghị AMM 34, ARF 8 và PMC đã đặt nền móng nội dung cho những bước đường tiếp theo của ASEAN và chỉ ra các biện pháp cụ thể để thực hiện thành công *Tầm nhìn ASEAN 2020* và *Chương trình hành động Hà Nội*. Chủ đề của AMM 34 "ASEAN : ổn định, đoàn kết, tăng cường liên kết và mở rộng hợp tác" như được thể hiện trong bài phát biểu quan trọng của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải khai mạc Hội nghị AMM 34 ngày 23-7-2001 tại Hà Nội, là khuôn khổ định hướng cho ASEAN.

Dấu ấn Việt Nam trong ASEAN thể hiện ở sự kiên trì của Việt Nam nhằm duy trì sự đoàn kết, đồng thuận và nhất trí trong ASEAN về các nguyên tắc hoạt động cơ bản, về sự cần thiết phải tập trung vào thu hẹp và khắc phục khoảng cách phát triển giữa các thành viên. Bốn định hướng nói trên liên quan mật thiết với nhau, tương tác lẫn nhau và là bốn trụ cột cho ngôi nhà tương lai của ASEAN. Khắc phục khoảng cách, như thể hiện trong Tuyên bố Hà Nội về các cố gắng nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên được các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN thông qua tại Hà Nội ngày 24-7-2001, là chìa khóa để ASEAN mở những cánh cửa đi tới bốn mục tiêu đó. Đồng thời, với việc coi trọng thu hẹp khoảng cách phát triển, các nước ASEAN cũng còn đưa lại một giải pháp cho vấn đề chung này của nhân loại trong thời đại toàn cầu hóa.

Dấu ấn Việt Nam trong bước đường phát triển của ASEAN thể hiện trong những cố gắng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức và thể chế của ASEAN. Đơn giản hóa những thủ tục và quy trình để có thể đi vào thực chất vấn đề, thúc đẩy một bước tiến trình ARF mà không ảnh hưởng đến phương cách và định hướng đã được nhất trí của ARF, cũng như nâng cao vai trò và tầm quan trọng của diễn đàn giữa ASEAN và các bên đối thoại là những mảng ghép của bức chân dung mới về ASEAN. Đó là : một ASEAN thiết thực và hiệu quả hơn, đồng thời là đối tác tin cậy và quan trọng hơn của các nước và các tổ chức bên ngoài.

Dấu ấn Việt Nam trong ASEAN là dấu ấn của đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta với những nội dung chính là : đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Chính sách đối ngoại của Việt Nam nhằm "nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông - Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển".

Tạo được dấu ấn trong bước đường phát triển của ASEAN cũng còn là bước tiến quan trọng của Việt Nam trên con đường chủ động hội nhập quốc tế, trước hết về kinh tế, là dấu ấn về sự trưởng thành của ngành đối ngoại của Việt Nam. Đối với Việt Nam, có thành công là bởi có đường lối đối ngoại đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại và chiều hướng diễn biến của thời cuộc, nhưng cũng còn bởi tìm ra được những lợi ích chung có thể làm nền tảng vững chắc cho sự đoàn kết và hợp tác của Hiệp hội. Đối với ASEAN, dấu ấn Việt Nam trong bước đường phát triển của Hiệp hội đã làm giàu thêm bản sắc và tăng thêm sức mạnh cho Hiệp hội.

Việc Việt Nam tham gia vào ASEAN từ tháng 7-1995 là bước đi hội nhập khu vực và quốc tế quan trọng của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của ASEAN. Tham gia vào ASEAN là chính sách lớn của Việt Nam nhằm thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Vì thế, đối với Việt Nam, tham gia vào ASEAN cũng có nghĩa là tích cực đóng góp và thực hiện nghĩa vụ của nước thành viên, phấn đấu xây dựng một ASEAN hòa bình, ổn định, đoàn kết và tăng trưởng bền vững. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CHÍ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BÁO CHÍ

PHẠM QUANG NGHỊ *

TRONG những năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, báo chí nước ta đã có sự phát triển, đổi mới đáng kể cả về nội dung, hình thức và loại hình.

Hiện nay, cả nước có 490 cơ quan báo chí, trong đó có 177 báo và 313 tạp chí. Cùng với các báo, tạp chí của các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở trung ương, ở 61 tỉnh, thành phố đều có báo tuần và một số địa phương đã xuất bản báo hằng ngày. Ngoài các số báo, tạp chí chính, các cơ quan báo chí còn xuất bản các số thứ bẩy, chủ nhật, phụ trương, đặc san. Tổng số ấn phẩm báo chí hiện nay là 654, hằng năm xuất bản 550 triệu bản báo.

Về phát thanh truyền hình, cả nước có 1 Đài Phát thanh quốc gia, 1 Đài Truyền hình quốc gia, 3 đài truyền hình khu vực và 61 đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố, 606 đài truyền thanh, phát thanh cấp huyện, trong đó có 288 đài phát sóng FM. Các đài phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương đã và đang được tăng cường đầu tư, đổi mới trang thiết bị, xây dựng các trạm thu phát sóng chuyển tiếp, nâng cao công suất để mở rộng phạm vi phủ sóng và nâng cao chất lượng hình ảnh, âm thanh.

Cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ, trong 3 năm trở lại đây báo điện tử bắt đầu được thành lập. Hiện đã có 19 đơn vị được cấp phép thành lập nhà cung cấp thông tin trên In-tơ-nét (ICP), trong đó phần lớn xuất bản báo điện tử. Tuy mới ra đời, còn có những khó khăn nhất định, nhưng báo điện tử đang phát triển nhanh chóng, làm cho gia đình báo chí Việt Nam thêm phong phú, đa dạng, mở ra khả năng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin trong nước và với nước ngoài.

Đồng thời với sự phát triển về loại hình, số lượng, việc phát sóng, phát hành báo chí cũng ngày càng mở rộng, phát triển nhằm nâng cao mức hưởng thụ báo chí của nhân dân.

Miền núi nước ta chiếm 3/4 diện tích tự nhiên, nên việc phát sóng, phát hành báo chí gặp rất nhiều khó khăn. Song được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, việc phát sóng, phát hành báo chí phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa đã đạt được những kết quả to lớn.

Nhiều tờ báo lớn ở trung ương không chỉ in tại Hà Nội mà còn in ở các vùng khác nhau giúp cho việc phát hành đến các địa phương nhanh hơn. Cả nước hiện nay có 60/61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, 465 huyện trong tổng số 512 huyện, 6 950 xã/10 359 xã nhận được báo Nhân Dân trong ngày. Mức hưởng thụ báo chí bình quân là 7,07 bản/người/năm.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam đã xây dựng hàng trăm trạm thu phát sóng chuyển tiếp ở tất cả các vùng trong cả nước, đặc biệt là ở vùng núi. Đến nay có

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

khoảng 60% dân số được xem truyền hình và 70% dân số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Hằng năm, Nhà nước đã cấp một khoản kinh phí lớn để tài trợ cước phí vận chuyển báo chí, đặc biệt việc vận chuyển báo chí phục vụ đồng bào vùng miền núi, dân tộc thiểu số và đồng bào Việt Nam sống ở nước ngoài.

Báo chí nước ta có hạnh phúc to lớn là được phục vụ lực lượng công chúng, độc giả, thính giả hết sức đông đảo, có trình độ chính trị cao, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và luôn luôn ủng hộ, đặt niềm tin vào báo chí.

Báo chí nước ta hiện nay đã thành hệ thống từ trung ương đến địa phương, đủ các loại hình, bao gồm : báo chí của các bộ, ngành ; báo chí các tỉnh, thành phố ; báo chí các lĩnh vực khoa học, giáo dục, y tế, văn hóa, kinh tế, an ninh, quốc phòng, ngoại giao...; báo chí của các lứa tuổi : người cao tuổi, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng ; báo chí của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp : mặt trận, công đoàn, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh...

Như vậy, báo chí nước ta hiện nay đã bảo đảm phục vụ cho tất cả các thành phần, các tầng lớp xã hội. Người đọc có thể tự chọn cho mình những loại báo thích hợp tuỳ theo trình độ học vấn, nghề nghiệp, lứa tuổi, sở thích... Những vấn đề công chúng hiện nay quan tâm cũng là những chủ đề mà báo chí đã và đang phản ánh là : Thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ; phản ánh ý kiến đóng góp của nhân dân trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách đó. Thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân. Phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học mới trong các lĩnh vực để nhân dân áp dụng vào hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao dân trí. Tuyên truyền để phát huy những truyền thống tốt đẹp của nhân dân, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Phát hiện, nêu gương "người tốt, việc tốt", nhân tố mới ; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội ; đấu tranh chống tham nhũng, chống mê tín dị đoan. Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, v.v..

Mặc dù báo chí của chúng ta đã có nhiều đổi mới và tiến bộ, người đọc, người nghe, người xem hiện nay vẫn đòi hỏi báo chí phải khắc phục những hạn chế, khuyết điểm ; tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin ; nhất là các cơ quan báo chí cần thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ; tránh sự lấn sân, trùng lắp, chồng chéo thông tin. Thông tin phải chính xác, không để xảy ra tình trạng cùng một sự kiện mà các báo thông tin khác nhau, gây hoài nghi trong nhân dân. Không đưa quá nhiều tin bài về các vụ án ; không miêu tả tỷ mỷ các hành động dâm ô, bạo lực, cảnh chém giết rùng rợn, gây phản tác dụng. Không đưa trên báo chí những tin, bài, hình ảnh trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Cần phản ánh kịp thời, đầy đủ những thành tựu của công cuộc đổi mới ; gương "người tốt, việc tốt" ; các mô hình, điển hình tốt trong xã hội. Việc quảng cáo cũng cần có chừng mực và bảo đảm tính văn hóa. Tin, bài phải ngắn gọn, dễ hiểu. Báo cần in đẹp, chữ không quá nhỏ để dễ đọc. Đồng bào các dân tộc thiểu số còn có nhu cầu được nghe đài bằng tiếng dân tộc, đọc báo bằng chữ dân tộc (đối với dân tộc có chữ viết) ; chữ in to, rõ ràng, có nhiều ảnh... Báo chí cần phải làm tốt thông tin hai chiều ; thực hiện nghiêm túc việc cải chính khi thông tin sai sự thật. Các nhà báo và báo chí cần nêu gương về tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chống tiêu cực và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, về sự tận tụy phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân.

* *
*

Trong những năm đất nước ta tiến hành

Digitized by Google

công cuộc đổi mới, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đều thu được những thành tựu hết sức to lớn, đáng phấn khởi. Song, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tình hình kinh tế - xã hội nước ta gặp không ít khó khăn. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực và trên thế giới đã ảnh hưởng lớn đến việc thu hút đầu tư nước ngoài, đến giá cả xuất khẩu và tốc độ phát triển kinh tế của đất nước. Thiên tai lớn liên tiếp xảy ra ở cả ba miền, làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Để giữ vững sự ổn định của đất nước, Đảng và Chính phủ đã có nhiều quyết sách đúng đắn nhằm đưa đất nước vượt qua khó khăn thử thách, tiếp tục đi lên. Báo chí đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm tốt thông tin hai chiều ; là một kênh thông tin hết sức phong phú, kịp thời, giúp Chính phủ điều hành đất nước, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Báo chí đã có nhiều cố gắng trong việc phát hiện, cổ vũ các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến trong lao động, sản xuất, kinh doanh, góp phần tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, tìm hướng đi thích hợp, làm ăn có hiệu quả.

Quán triệt Chỉ thị 22/CTTU của Bộ Chính trị khóa VIII "Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý báo chí - xuất bản", báo chí nước ta đã từng bước nâng cao chất lượng, cả chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, chất lượng khoa học và chất lượng nghiệp vụ. Việc tuyên truyền các nghị quyết của Đảng không chỉ dừng lại ở việc thuyết minh, giới thiệu nghị quyết, báo chí còn có đóng góp quan trọng là đưa nghị quyết vào cuộc sống một cách sinh động, thông qua giới thiệu các chương trình hành động cụ thể của các cấp ủy đảng và chính quyền, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng.

Báo chí luôn đi đầu và đã tập trung khá nhiều công sức cùng toàn Đảng, toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, bài trừ các tệ nạn xã hội, chống mê tín dị đoan, góp phần lập lại trật tự, kỷ cương, lành mạnh hóa quan hệ xã hội. Đặc biệt sau khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), báo chí đã dũng cảm đưa ra công luận những vi phạm của một số cán bộ sống xa hoa, lãng phí, tham nhũng, quan liêu, coi thường dư luận ; vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ; vi phạm pháp luật, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, vi phạm đạo đức lối sống.

Bên cạnh những thành tựu và tiến bộ đã đạt được, những khuyết điểm của báo chí như Chỉ thị 22/CTTU của Bộ Chính trị đã chỉ rõ vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng một lần nữa chỉ ra những khuyết điểm của báo chí nước ta. Đó là "khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình...". Mặt trái của kinh tế thị trường và những tiêu cực xã hội cũng đang tác động vào hoạt động của báo chí. Vì vậy, báo chí không thể không quan tâm ngăn chặn, nghiêm túc tự phê bình và ra sức khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót. Đó là những vấn đề không chỉ dư luận xã hội đang đòi hỏi một cách chính đáng, mà bản thân giới báo chí cũng cảm thấy có trách nhiệm lớn đối với việc khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" và xa rời tôn chỉ mục đích trong hoạt động báo chí.

Biểu hiện rõ nét của "thương mại hóa" báo chí là nhiều tờ báo đăng tải quá nhiều những chuyện giật gân, tình dục, vụ án, bạo lực, mê tín dị đoan ; những chuyện đời tư của các chính khách, các nghệ sĩ... nhằm bán được nhiều báo, thu được nhiều lợi nhuận, mà không tính đến hậu quả không tốt do những thông tin đó đưa lại.

"Thương mại hóa" báo chí thường đi liền với việc xa rời tôn chỉ mục đích. Chính việc xa rời tôn chỉ mục đích làm cho khuynh hướng "thương mại hóa" thêm nghiêm trọng. Một hiện tượng khá phổ biến trong thông tin báo chí

Digitized by Google

của chúng ta hiện nay là : báo chí địa phương ít đi sâu vào những vấn đề cấp thiết của địa phương mình, mà lại "bàn" nhiều về những vấn đề ở trung ương, ở địa phương khác ; báo chí ngành này "nói chuyện" của ngành khác ; báo chí về giới đăng nhiều vụ án kinh tế ; báo chí kinh tế - khoa học "lạm bàn" về văn hóa - văn nghệ ; một vụ án, vụ tai nạn... có hàng mấy chục báo cùng đưa tin, v.v.. Rất nhiều báo, tin bài về "người tốt, việc tốt" còn quá ít ; trái lại, tin bài về các vụ án, chuyện tiêu cực... lại quá nhiều. Đáng lo ngại là vấn đề này không còn là hiện tượng cá biệt, mà đang là hiện tượng khá phổ biến.

Trong hoạt động báo chí, không có ai dự tính xây những bức tường để ngăn cách thông tin hoặc đặt ra những định mức, những tỷ lệ một cách gò bó, cứng nhắc về tỷ lệ tin tức địa phương, trung ương, quốc tế ; về tin văn hóa, thể thao hay về số vụ việc tiêu cực... Điều chủ yếu không phải là phạm vi, giới hạn các vấn đề mà những tờ báo này có nên đề cập hay không, mà là ở chỗ các tờ báo, phóng viên đó có đủ bản lĩnh chính trị, khả năng, trình độ chuyên môn, và nhất là có đủ tinh thần trách nhiệm đối với những vấn đề, những sự việc mà mình đề cập hay không. Và đề cập những vấn đề đó vì động cơ, mục đích gì.

Vì mục đích thương mại, không ít vụ việc bị bóp méo, thậm chí đưa tin hoàn toàn sai sự thật ; hoặc vấn đề vốn đơn giản, nhưng được thổi phồng, phóng đại, đặt tít gây sự tò mò cho người đọc, người xem. Nhiều vụ việc được viết khác với bản chất của nó, gây nhiễu loạn thông tin. Có những tin, bài làm lộ bí mật kinh tế, thương mại.

Rất nhiều báo trong thời gian qua thực hiện không nghiêm túc việc cải chính đã được Luật Báo chí quy định. Có tờ báo sa đà vào các vụ việc tranh chấp dân sự, mâu thuẫn nội bộ, thông tin thiếu khách quan, gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý. Nhiều báo đưa tin sai sự thật nhưng không đăng lại cho đúng mà chỉ đưa dưới hình thức "đính chính" hoặc "nói lại cho rõ". Rất ít báo đăng đầy đủ ý kiến trả lời của đương sự theo quy định của Luật Báo chí.

Việc quảng cáo cũng còn có sự tùy tiện ở khá nhiều tờ báo. Đăng quảng cáo vượt diện tích, thời lượng ; quảng cáo các sản phẩm hàng hóa mà nội dung, chất lượng không đúng với chất lượng vốn có của nó... cũng gây nên sự bực bội cho người đọc, người xem, làm ảnh hưởng đến uy tín của báo chí và gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Chính những điều trên đang gây sự lo ngại, bất bình cả trong đội ngũ các nhà báo chân chính và trong dư luận xã hội ; gây nên việc khiếu nại, tố cáo kéo dài của các tổ chức, cá nhân đối với cơ quan báo chí, nhà báo.

Để tiếp tục xứng đáng với truyền thống báo chí cách mạng, sự tin cậy của Đảng và nhân dân, chúng ta cần khẩn trương, kiên quyết khắc phục những hiện tượng trên. Trước mắt, tập trung thực hiện một số giải pháp nâng cao chất lượng báo chí và công tác quản lý báo chí :

Các nhà báo không chỉ có trách nhiệm thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đã được Luật Báo chí quy định mà còn phải không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp mới có thể cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đúng định hướng. Ngăn ngừa, khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong thông tin báo chí trước hết phải là trách nhiệm của đội ngũ báo chí chúng ta.

Cơ quan chủ quản báo chí cũng cần nâng cao trách nhiệm quản lý của mình. Trong thời gian vừa qua, không ít cơ quan chủ quản đã không quan tâm chỉ đạo, chấn chỉnh những hoạt động mang tính thương mại hóa, xử lý không nghiêm những vi phạm của cơ quan báo chí mà bộ, ngành mình trực tiếp quản lý.

Cơ quan quản lý nhà nước phải thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc phát triển đi đôi với quản lý tốt. Tăng cường quản lý thông tin đúng định hướng, đúng pháp luật. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định về thông tin, xa rời tôn chỉ mục đích đã được

Digitized by Google

xác định.

Khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí đang là yêu cầu hết sức cấp thiết hiện nay. Để có thể làm được điều đó đòi hỏi phải kết hợp nhiều giải pháp. Không chỉ các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, mà cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí và đội ngũ các nhà báo cùng nỗ lực thực hiện để khắc phục tình trạng này.

Trong khi chuẩn bị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22/CTTU của Bộ Chính trị, báo chí cần thực hiện tốt việc tuyên truyền các chủ đề sau :

- Tuyên truyền sâu rộng việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ; các chương trình hành động của các ngành, các cấp, các địa phương và phong trào cách mạng của quần chúng nhằm đưa Nghị quyết vào thực tế cuộc sống.

- Tuyên truyền các nội dung của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khóa IX), nhất là vấn đề tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Báo chí thường xuyên giới thiệu các gương "người tốt, việc tốt", các điển hình tiên tiến, tham gia tổng kết thực tiễn. Khắc phục tình trạng đưa quá nhiều tin, bài viết về vụ án, tin bài giật gân, câu khách, không đúng với tôn chỉ mục đích của báo chí.

- Các Tổng biên tập cần quan tâm chỉ đạo, bảo đảm cho báo chí thông tin trung thực, chống hiện tượng một số người lợi dụng báo chí vào mục đích cá nhân. Xử lý nghiêm minh các sai phạm trong nội bộ cơ quan báo chí. Thường xuyên giáo dục đội ngũ nhà báo về đạo đức nghề nghiệp, về luật pháp, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo.

*

* *

Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IX của Đảng cũng chỉ ra những khuyết điểm trong hoạt động quản lý báo chí : "Công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh".

Quả thực, hiện đang có khoảng cách giữa yêu cầu của tình hình và khả năng còn nhiều bất cập của cơ quan quản lý báo chí. Sự phát triển nhanh chóng của báo chí và những đòi hỏi của nhân dân đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với những người làm công tác quản lý nhà nước về báo chí.

Trong những năm qua, để tạo điều kiện cho hoạt động báo chí nói chung và hoạt động của các nhà báo nói riêng theo đúng pháp luật, đúng định hướng, ngoài Luật Báo chí, Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin cùng các bộ hữu quan đã ban hành hơn 40 loại văn bản pháp quy về hoạt động báo chí. Các nhà báo ngày càng có ý thức hơn trong hoạt động theo luật định.

Việc xét cấp thẻ nhà báo thời hạn 2001 - 2005 cũng là một trong những công việc góp phần quản lý tốt hơn đội ngũ phóng viên báo chí. Đa số các cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí thực hiện đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn về thời gian công tác, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức. Tuy nhiên, cũng có một số cơ quan báo chí đã báo cáo sai thời gian công tác của phóng viên, đề nghị cấp thẻ cho những người không đủ tiêu chuẩn, không đúng đối tượng.

Một số người đã lợi dụng danh nghĩa nhà báo để hoạt động vụ lợi, làm ảnh hưởng đến uy tín nhà báo.

Gần đây số đơn từ khiếu nại của các cơ quan và công dân về những bài viết sai sự thật, vì động cơ, mục đích cá nhân, vụ lợi gia tăng. Điều đó đòi hỏi các cơ quan báo chí cần tăng cường trách nhiệm thẩm định thông tin trước khi đăng và nhắc nhở các nhà báo nâng cao ý thức trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật và xã hội.

Đặc thù hoạt động của nhà báo là thường hoạt động độc lập trên nhiều lĩnh vực

Digitized by Google

khác nhau, phần lớn mang tính điều tra phát hiện. Kết quả công việc và ảnh hưởng của báo chí mang tính xã hội cao. Vì vậy, các cơ quan báo chí và các nhà báo phải thường xuyên nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác chấp hành các quy định về nghề nghiệp và đạo đức của người làm báo.

Trong hoạt động báo chí cũng có lúc do những hạn chế khách quan về khả năng nắm bắt thông tin, do hạn chế về năng lực, trình độ, các nhà báo cũng mắc phải sai sót này khác. Song dư luận xã hội và công chúng không thể dành sự thông cảm cho những người lợi dụng nghề nghiệp, cố ý viết sai sự thật vì động cơ, mục đích cá nhân, vụ lợi, cố tình xâm hại lợi ích tập thể và cá nhân, làm tổn hại uy tín báo chí, hoặc phạm phải khuyết điểm nhưng không sửa chữa.

Về phía cơ quan quản lý nhà nước cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp lý, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để các nhà báo có điều kiện hoạt động tốt hơn. Ba năm trở lại đây, bằng nguồn kinh phí của Nhà nước, kết hợp với sự tranh thủ các nguồn kinh phí khác ở trong nước và nước ngoài, Bộ Văn hóa - Thông tin đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng với nhiều hình thức đào tạo như tập trung, ngắn hạn, đào tạo tại chỗ cho nhiều nhà báo, nhiều cơ quan báo chí ở tất cả các vùng, miền với các nội dung phong phú, phù hợp với đặc điểm của báo chí nước ta.

Việc cung cấp, quản lý thông tin được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi họp báo của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương ; giao ban báo chí hằng tuần của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ; qua việc kiểm tra lưu chiểu báo chí để thông báo tình hình hoạt động, kịp thời uốn nắn những thông tin sai lệch, góp phần đưa thông tin báo chí đúng định hướng và xử lý những trường hợp vi phạm.

Hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách, chế độ đối với báo chí đang từng bước hoàn thiện. Bộ Văn hóa - Thông tin đã và đang tiến hành soạn thảo một số văn bản mới để trình Chính phủ ban hành như Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí ; Nghị định về chế độ nhuận bút ; Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin ; tổ chức soạn thảo chương trình thi nâng bậc, ngạch cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên...

Tuy nhiên, công tác quản lý báo chí theo quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành còn nhiều bất cập. Công tác quản lý các lĩnh vực phát thanh, truyền hình, In-tơ-nét, báo chí Việt Nam ở nước ngoài, báo chí nước ngoài tại Việt Nam vẫn còn tình trạng vừa chồng chéo, vừa buông lỏng. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm tuy có nhiều cố gắng nhưng còn thiếu kiên quyết. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân đối với báo chí và những yêu cầu của báo chí đối với các tổ chức, cá nhân chưa thực hiện nghiêm túc, có trường hợp còn làm qua loa, chiếu lệ. Vẫn còn tồn tại tình trạng cửa quyền trong việc cải chính trên báo chí hoặc tình trạng "im lặng đáng sợ" khi báo chí bị phê bình. Việc khen thưởng báo chí chưa được quan tâm đúng mức, chưa kịp thời để biểu dương, động viên các cơ quan báo chí và các nhà báo có nhiều thành tích.

Những vấn đề trên đây chưa phải là cái nhìn toàn diện về các vấn đề của báo chí đang đặt ra, cũng chưa phải là các vấn đề cơ bản, chủ yếu nhất, mà chỉ là một số vấn đề đang được Đảng, Nhà nước, dư luận xã hội và bản thân giới báo chí chúng ta quan tâm. Trong hoạt động báo chí và công tác quản lý báo chí luôn đòi hỏi sự góp sức của nhiều cấp, nhiều ngành ; sự cố gắng vươn lên của các cơ quan báo chí, của đội ngũ các nhà báo và của cơ quan quản lý báo chí nhằm làm cho nền báo chí cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. ❑

Digitized by Google

QUẢNG BÌNH
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN HÒA *

QUẢNG Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, là nơi giao thoa những điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, lịch sử giữa hai miền Nam - Bắc. Với vị trí địa lý giao thông thuận lợi cùng những tiềm năng tiềm tàng về đất đai, tài nguyên, con người, trong những năm qua Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình phát huy truyền thống cách mạng anh dũng, kiên cường từng bước vững chắc đi lên trong sự nghiệp đổi mới. Thành tựu đạt được trong những năm qua, nhất là từ năm 1996 đến nay đã tạo cơ sở và tiền đề cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo. Phát huy nội lực, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, Quảng Bình phát triển đi lên một thời kỳ mới, cao hơn với những nội dung và bước đi thích hợp dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, Quảng Bình bắt tay vào xây dựng kinh tế - xã hội với điểm xuất phát thấp, hậu quả chiến tranh nặng nề, thiên tai khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng thấp kém, lại xa các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của cả nước nên còn khó khăn, thiếu sức thu hút đầu tư phát triển và hội nhập. Nhưng xét về tiềm năng, Quảng Bình có nhiều lợi thế so với các địa phương khác trong khu vực. Đó là vị trí địa lý thuận lợi nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, với mạng lưới đường sắt, đường bộ, đường thủy, có cảng biển, cửa khẩu quốc tế Cha-Lo thuận lợi cho thông thương quốc tế. Đất đai, tài nguyên của Quảng Bình đa dạng, đủ điều kiện để phát triển nông nghiệp toàn diện, hình thành nhiều vùng cây công nghiệp tập trung. Có nhiều loại khoáng sản quý như vàng, titan, chì, mỏ nước khoáng, đá vôi, cao lanh trữ lượng lớn và các khoáng sản phi kim loại khác phục vụ cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Quảng Bình có diện tích rừng lớn, với thảm thực vật, hệ động vật phong phú, độc đáo tiêu biểu như khu Phong Nha - Kẻ Bàng. Bờ biển dài 126,04 km có nhiều cửa sông, bãi biển đẹp như Nhật Lệ, Đá Nhảy, Hòn La cùng với lãnh hải rộng trên 20 000 km^2 là điều kiện tốt cho phát triển du lịch và kinh tế biển. Quảng Bình có nguồn lao động dồi dào, chất lượng tương đối khá, số lượng qua đào tạo ngày càng tăng. Người dân Quảng Bình anh hùng, dũng cảm trong chiến đấu chống kẻ thù, cần cù, thông minh trong lao động sản xuất, đã từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi "sản xuất giỏi, chiến đấu cũng giỏi".

Từ nhiều năm nay, những lợi thế và tiềm năng của tỉnh chưa được đầu tư hoặc đã được đưa vào đầu tư khai thác nhưng chưa có chính sách phát triển phù hợp nên không phát huy được hiệu quả hoặc hiệu quả chưa cao. Sau nhiều năm trăn trở, nghiên cứu những đòi hỏi từ thực tiễn cuộc sống bức xúc đặt ra, Đảng bộ đã đề ra mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cụ thể, phù hợp. Từ năm 1996 đến nay, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Quảng Bình

Digitized by Google

được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Dưới sự lãnh đạo, giúp đỡ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội, Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường phấn đấu vươn lên đạt được một số thành tựu quan trọng : *kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển và ổn định ; văn hóa tinh thần có nhiều tiến bộ ; quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường.*

Trong lĩnh vực kinh tế : tiếp tục ổn định và tăng trưởng khá. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 1996 - 2000 đạt 8,2%. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 5,3%, công nghiệp tăng 17,2%/năm, dịch vụ tăng 7%/năm. Tuy kết quả chưa được như mong muốn song đã thể hiện sự cố gắng của Đảng bộ và nhân dân. Trong xây dựng chiến lược kinh tế, tỉnh đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích hợp với điều kiện địa phương và yêu cầu của mục tiêu phát triển. Sau 5 năm thực hiện, tỷ trọng giá trị công nghiệp, xây dựng tăng từ 19,1% năm 1995 lên 24,3% năm 2000 ; dịch vụ đạt 36,4% ; nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 40,6% xuống 38,8% GDP. GDP bình quân đầu người gấp 1,3 lần so với năm 1995. Cụ thể là năm 2000, ngành nông nghiệp tạo ra một lượng hàng hóa trị giá 619 000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng hằng năm của nông nghiệp là 5,8%. Trong thời gian này, Quảng Bình vừa sản xuất, vừa đi vào bố trí lại cơ cấu nội bộ ngành nông - lâm nghiệp : trồng, phát triển diện tích những cây có giá trị kinh tế cao, không chỉ tập trung vào cây lúa. Việc sắp xếp lại cơ cấu này nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành nông nghiệp, đa dạng hóa ngành nghề. Hiện nay cùng với lúa, thì thông nhựa, cao su, lạc, mía, tiêu là những cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu chính của tỉnh. Ngoài công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản là định hướng chính của phát triển công nghiệp Quảng Bình. Như vậy, quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp đã có sự gắn kết với định hướng phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh.

Quảng Bình xác định thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn có nhiều tiềm năng, lợi thế về đánh bắt, nuôi trồng và chế biến. Năm 2000, tổng sản lượng thủy hải sản đạt gần 19 000 tấn, giá trị sản xuất là 140 000 triệu đồng, tăng bình quân 10%/năm. Hiện nay, tỉnh đang tập trung đẩy mạnh đánh bắt hải sản, phát triển nuôi trồng và xây dựng, nâng cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ, cơ sở chế biến hiện đại để tạo ra giá trị xuất khẩu chủ lực từ thủy sản, phát huy thế mạnh của kinh tế thủy sản.

Công nghiệp Quảng Bình trong thời gian 1996 - 2000 có mức tăng trưởng khá. Năm 2000 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 615 430 triệu đồng. Như vậy, mặc dù tỷ lệ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế Quảng Bình chỉ bằng một nửa nông nghiệp nhưng đã làm ra một lượng hàng hóa có giá trị cao hơn nông nghiệp. Điều này thúc đẩy Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình tăng cường phát triển, mở rộng các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tăng giá trị sản phẩm. Bên cạnh các ngành công nghiệp đã có từ trước như hóa chất, xi măng, vật liệu xây dựng, thời gian qua tỉnh đã đầu tư phát triển thêm một số cơ sở công nghiệp mới như nhôm thanh định hình, gạch men, chế biến hải sản xuất khẩu, bột sữa cao lanh. Tỉnh xác định chọn những mặt hàng có giá trị kinh tế cao, có lợi thế về thị trường để phát triển lâu dài. Ví dụ như nhà máy nhôm thanh định hình tuy mới đi vào hoạt động từ năm 2000 nhưng sản phẩm tiêu thụ nhanh, gần đạt công suất thiết kế, doanh thu 88 tỉ đồng.

Hoạt động thương mại - du lịch có bước chuyển biến tiến bộ. Thương mại nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại vừa thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, vừa đóng vai trò điều tiết thị trường, cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân. Tổng mức hàng hóa bán lẻ xã hội tăng bình quân 12,2%/năm. Kinh tế đối ngoại cũng được đẩy mạnh và mở rộng. Các mặt hàng truyền thống được quan tâm đầu tư sản xuất, tham gia xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu

Digitized by Google

trong 5 năm (1995 - 2000) đạt 68 triệu USD, tăng 6,2%/năm. Ưu tiên nhập khẩu và tăng dần tỷ trọng nhập phương tiện, thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến. Quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế từng bước mở rộng, thu hút được một số dự án, chương trình phát triển. Trong 5 năm đã thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài 75 triệu USD để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học - công nghệ phục vụ ngày càng tích cực hơn cho các mục tiêu phát triển, trước hết là nông, lâm, ngư nghiệp. Công tác quản lý công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái được quan tâm hơn trước.

Kinh tế phát triển nên cơ sở hạ tầng được củng cố. Trong 5 năm (1996 - 2000) tổng nguồn vốn đầu tư là 3 442 tỉ đồng, gấp 2,16 lần tổng số đầu tư thời kỳ 1991 - 1995. Nguồn vốn đầu tư tập trung vào các mục tiêu, chương trình kinh tế - xã hội quan trọng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi, hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước, cơ sở vật chất cho y tế, giáo dục. Năng lực tưới tiêu tăng 20,4% so với năm 1995. Các tuyến đường giao thông quan trọng được nâng cấp, 90% số xã có đường ô tô về đến trung tâm. Trên 50% số hộ được dùng nước sạch. Bưu chính viễn thông phát triển nhanh, trang bị hiện đại. Điện lực phát triển cả nguồn và mạng, cung ứng đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng. Cuối năm 2000 có 90% số xã, phường có điện lưới quốc gia. Các công trình phục vụ y tế, văn hóa - thể thao được đầu tư khá toàn diện.

Cùng với xây dựng phát triển kinh tế, mục tiêu bảo đảm công bằng xã hội đã thể hiện sự ưu việt của chế độ cũng được Quảng Bình quan tâm làm tốt. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình thương binh, liệt sỹ là nhiệm vụ thường xuyên, tích cực và tự giác đạt nhiều kết quả. Mối quan tâm hàng đầu của tỉnh là xóa được đói, giảm được nghèo. Bình quân mỗi năm giảm được 3% số hộ đói nghèo, đưa tỷ lệ đói nghèo từ 36,4% năm 1995 xuống còn 20,3% năm 2000. Đây là công việc không phải ngày một, ngày hai làm được, mà đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng bền bỉ của toàn thể nhân dân. Tỉnh đang cố gắng mỗi năm giảm 4 - 5% số hộ nghèo. Gắn liền một cách hữu cơ với xóa đói giảm nghèo là giải quyết việc làm cho người lao động. Thông qua thực hiện các chương trình quốc gia giải quyết việc làm lồng ghép các chương trình, dự án, các ngành, các cấp đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động. Trong 5 năm tỉnh đã giải quyết việc làm cho gần 7,2 vạn lao động.

Giáo dục - đào tạo của tỉnh trong thời gian qua cũng đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào cả về bề rộng lẫn bề sâu, cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học và đạt giải quốc gia ngày càng tăng. Phong trào xã hội hóa giáo dục có bước phát triển. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và chăm lo giáo dục trẻ em cũng được coi trọng, đề cao hơn trước. Mạng lưới y tế cơ sở được đầu tư xây dựng phục vụ tốt cho việc khám, chữa bệnh trong cộng đồng dân cư.

Những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực thời gian qua đều gắn với sự trưởng thành của Đảng bộ. Đó là quá trình Đảng bộ thực sự coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng bộ đã quán triệt phương châm tích cực tự đổi mới, tự hoàn thiện, tự chỉnh đốn trong công tác xây dựng Đảng. Sau Đại hội lần thứ XII (1996), Đảng bộ tỉnh đã có sự nhất trí cao trong việc đánh giá kết quả đạt được để phát huy, cũng như thấy rõ những khuyết điểm, yếu kém cần khắc phục. Những kết quả đạt được trên thực tế là những minh chứng xác đáng nhất về tính đúng đắn của chủ trương, giải pháp mà Đảng bộ đề ra, thể hiện sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn bộ Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình, thể hiện năng lực tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trong tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Digitized by Google

Để đạt được kết quả đó Đảng bộ đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng, có chất lượng, bằng nhiều hình thức phong phú. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội để có định hướng xử lý đúng đắn, kịp thời. Tiến hành nghiêm túc cuộc vận động, xây dựng và chỉnh đốn Đảng, quan tâm giải quyết các vụ việc nổi cộm, xử lý nghiêm minh những hành vi sai trái. Việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố các cơ sở yếu kém được tiến hành thường xuyên. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng đều qua các năm, từ 60,6% năm 1996 lên 80,3% năm 2000. Công tác phát triển đảng được coi trọng cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong nhiệm kỳ vừa qua đã kết nạp được 7 225 đảng viên mới, tăng 2,4 lần so với nhiệm kỳ trước đó.

Đảng bộ luôn quan tâm tới công tác cán bộ, coi đây là công việc then chốt của công tác xây dựng Đảng, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đến nay. Đảng bộ tiến hành rà soát, đánh giá bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp, bố trí, luân chuyển, đề bạt cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ các cấp được tiến hành công khai, dân chủ, đúng quy trình, có chất lượng. Từ những cố gắng đó đã chủ động hơn trong công tác tạo nguồn, bổ sung, thay thế cán bộ, khắc phục sự hẫng hụt về cán bộ. Công tác kiểm tra của Đảng cũng được quan tâm và thực hiện có nền nếp. Những năm gần đây, công tác kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được đẩy mạnh. Hằng năm, Tỉnh ủy có nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, đồng thời cũng có kế hoạch kiểm tra của cấp ủy năm đó. Nhờ làm tốt công tác kiểm tra, các cấp ủy nắm chắc được tình hình, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, xử lý kịp thời sai phạm, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường đề cao trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý hoặc ôm đồm, bao biện, chồng chéo. Các cấp ủy đảng chủ động hơn trong xây dựng quy chế làm việc, chương trình công tác, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện đi đôi với xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những công trình, dự án quan trọng.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Quảng Bình còn có những khuyết điểm, yếu kém. Đó là kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng chưa vững chắc. Mục tiêu đề ra đưa Quảng Bình phát triển ngang mức trung bình của cả nước vẫn chưa đạt được. Một số chỉ tiêu cụ thể về kinh tế đạt được còn ở mức thấp so với dự kiến như : tốc độ tăng trưởng GDP, tốc độ phát triển công nghiệp, chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu... Trong sản xuất công nghiệp, trình độ sản xuất còn chưa cao, trang thiết bị, công nghệ còn lạc hậu, trình độ quản lý còn kém, hàng hóa kém sức cạnh tranh. Trong sản xuất nông nghiệp, việc chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ còn chậm, chưa tạo ra được sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế lớn. Quản lý, sử dụng đất đai còn yếu kém, việc giao đất, giao rừng, quy hoạch tiến hành còn chậm. Khai thác thế mạnh thủy sản cả đánh bắt, nuôi trồng, chế biến chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Hoạt động thương mại nội địa tuy có chuyển biến nhưng còn nhiều yếu kém, thị trường nông thôn buông lỏng, việc mở rộng thị trường xuất khẩu, tiêu thụ nông sản cho nông dân còn yếu. Kinh doanh du lịch chưa khai thác tốt lợi thế, tiềm năng của địa phương. Đời sống, thu nhập của nhân dân còn thấp, nhất là của bộ phận dân cư ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biển bãi ngang còn nhiều khó khăn. Lao động thiếu việc làm còn nhiều, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Có thể nói những chỉ tiêu về thu nhập của nhân dân, về tỷ lệ đói nghèo so với bình quân chung cả nước, Quảng Bình còn một khoảng cách khá xa. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng tuy có chuyển biến nhưng chưa theo kịp, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đòi hỏi của cuộc sống đặt ra. Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một số chủ trương của Đảng còn lúng

Digitized by Google

túng, thiếu sáng tạo. Đội ngũ cán bộ về phẩm chất, năng lực, trình độ còn chưa đáp ứng, mất cân đối, nguồn cán bộ thay thế còn mỏng. Một số địa phương, ngành và cơ sở còn xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ .v.v..

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được là chủ yếu và là nguồn động viên lớn cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Những yếu kém, tồn tại nêu trên đã và đang được khắc phục. Từ thực tiễn vừa qua của tỉnh, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu như sau :

Thứ nhất, tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng, kiên trì ý chí cách mạng tiến công, tinh thần tự lực, tự cường, vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị.

Năng động, sáng tạo tìm tòi cái mới, khắc phục sự bảo thủ trì trệ, xác định rõ bước đi, chọn khâu đột phá cùng những giải pháp thích hợp. Tiến hành thường xuyên sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút bài học kinh nghiệm đồng thời điều chỉnh, bổ sung kịp thời chủ trương, biện pháp có hiệu quả. Coi trọng xây dựng đơn vị điển hình, phát huy nhân tố mới, uốn nắn kịp thời những sơ hở, lệch lạc, tạo chuyển biến ở mức độ cao hơn.

Thứ hai, coi trọng việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, vận dụng các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn, xây dựng các nghị quyết, chuyên đề, các chương trình hành động để đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương, tỉnh đã đề ra quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể ; xác định phương hướng, mục tiêu, kế hoạch đầu tư phát triển các lĩnh vực kinh tế quan trọng như : chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, phát triển ngành nghề, sản phẩm mới, xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hóa, giáo dục, chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm .v.v..

Thứ ba, tăng cường sự đoàn kết, mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Nhân dân Quảng Bình có truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và cách mạng tiến công. Trong quá trình đấu tranh cách mạng và phòng chống thiên tai, nhiều phong trào của tỉnh đã được cả nước biết đến, trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đây là nhân tố to lớn cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ trong thời kỳ mới.

Đảng bộ Quảng Bình luôn chăm lo giáo dục truyền thống cách mạng, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát hiện và nhân điển hình tiên tiến. Coi trọng công tác kiểm tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, kiên quyết với những sai phạm để giữ vững niềm tin của nhân dân. Tích cực chủ động khai thác có hiệu quả các nguồn nội lực của địa phương đi đôi với mở rộng liên doanh, liên kết, hợp tác với bên ngoài. Đồng thời tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của trung ương, của các địa phương trong cả nước để phát triển kinh tế bền vững gắn với ổn định chính trị và bảo đảm công bằng xã hội.

Thứ tư, coi trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường năng lực, sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thể hiện bằng việc xây dựng, bổ sung quy chế làm việc, mối quan hệ giữa lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý trong nội bộ Tỉnh ủy, giữa Tỉnh ủy với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Phương pháp công tác và lề lối làm việc không ngừng được cải tiến. Coi trọng nguyên tắc tập trung thống nhất cũng như đề cao trách nhiệm cá nhân của mỗi đồng chí lãnh đạo. Tăng cường sâu sát cơ sở, tiếp cận với quần chúng nhân dân. Nghiêm túc, tự giác trong việc phê bình và tự phê bình để nhận rõ những ưu khuyết điểm về tư tưởng, đạo đức, lối sống,

(Xem tiếp trang 50)

Digitized by Google

ĐẮK LẮK ĐƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

Y LUYÊN NIÊ KDĂM *

ĐẮK Lắk nằm ở vị trí trung tâm Cao nguyên Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên 19.800 km², ở độ cao 500 - 800m so với mặt biển. Hệ thống đường giao thông thuận lợi, các quốc lộ 14, 26, 27 và sân bay Buôn Ma Thuột nối liền với các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh, đã tạo sức hấp dẫn và khả năng thu hút đầu tư, giao lưu kinh tế, thương mại, du lịch với các tỉnh trong nước và nước ngoài. Đây luôn được coi là địa bàn có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về chính trị , kinh tế và quốc phòng an ninh của Tây Nguyên và cả nước. Không những thế, Đắk Lắk rất giàu tiềm năng : nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai khá đa dạng, phong phú thích hợp cho các loại cây công nghiệp dài và ngắn ngày, phát triển những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh quy mô lớn ; đất phù sa thích hợp cho các loại cây lương thực ; rừng với trữ lượng gỗ lớn, động vật rừng phong phú, đa dạng, nhiều loại quý hiếm được xếp vào "sách đỏ" của thế giới v.v... Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đây cũng phải kể đến nhiều loại khoáng sản như : cao lanh, vàng, chì, pentpas, than bùn, đá quý..., đặc biệt trữ lượng lớn bô-xít cũng như tiềm năng thủy điện (riêng hệ thống sông Sêrêpốk có trữ năng khoảng 21,6 tỉ kW/h) còn chưa được khai thác hết.

Do khí hậu vừa mang tính nhiệt đới gió mùa, vừa có nhiệt độ ôn hòa gần như quanh năm, một năm có 2 mùa, mùa mưa và mùa khô rõ rệt đã hình thành nên các vùng sinh thái. Cảnh quan thiên nhiên kỳ thú và tính đa dạng của nhiều bộ tộc sinh sống nơi này đã tạo cho Đắk Lắk một tiềm năng văn hóa và du lịch lớn. Nhiều người ở cả trong và ngoài nước đều biết đến thác Dray Sáp, "làng" voi Buôn Đôn và vườn quốc gia Jok Đôn, các điểm du lịch sinh thái kỳ thú, hấp dẫn khác. 44 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm hơn 30% tổng số dân. Ngoài các dân tộc bản địa như Êđê, M'nông, Ja Rai..., còn có các dân tộc như Tày, Nùng, Mường, Dao, Thái, H'Mông... đến từ các tỉnh khác. Nhân dân các dân tộc ở Đắk Lắk có truyền thống đoàn kết, yêu nước và cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo, cả trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm trước đây và vẫn tiếp tục trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Những năm gần đây, Đắk Lắk trở thành điểm nóng thu hút các nguồn dân di cư từ nhiều nơi đến khai phá, lập nghiệp. Ngoài những tác động tích cực, dân di cư cũng gây ra sự gia tăng đột biến về dân số, có phần làm xáo trộn về kinh tế, xã hội. Trong 10 năm qua, dân số của tỉnh đã tăng từ 1,026 triệu người (1990) lên 1,88 triệu người (năm 2000).

Những năm sau ngày giải phóng (1975), đặc biệt là trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ Đắk Lắk đã chỉ đạo, động viên các tầng lớp nhân dân thi đua sản xuất, xây dựng quê hương. Nền kinh tế đã đi dần

* Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk

Digitized by Google

vào thế ổn định và từng bước hòa nhập vào trình độ phát triển chung của cả nước. Thời kỳ 1991 - 2000, tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm đạt 10% tổng sản phẩm xã hội ; năm 2000 tăng 1,9 lần so với năm 1995 và 3 lần so với năm 1990. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 là 390 USD.

Sản xuất *nông - lâm nghiệp* phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (thời kỳ 1996 - 2000) là 15,2%. Sản lượng lương thực năm 2000 đạt 446 ngàn tấn, tăng 54% so với năm 1995, đã đảm bảo được an ninh về lương thực. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo chiều sâu, đàn gia súc tăng nhanh. Lâm nghiệp cũng có những tiến bộ trong việc giao đất, khoán rừng, quản lý bảo vệ rừng.

Công nghiệp và xây dựng được chú trọng đầu tư, chủng loại sản phẩm đa dạng hơn. Nhiều cơ sở công nghiệp có quy mô vừa và tương đối hiện đại được xây dựng và đưa vào sản xuất. Giá trị sản lượng công nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1990 - 1999 đạt 12,4%/năm, góp phần giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động.

Thị trường xuất khẩu nhanh chóng được mở rộng và tạo được uy tín khá cao. Năm 1999, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 310 triệu USD.

Cùng với những thành tựu về kinh tế, lĩnh vực xã hội cũng đạt được những tiến bộ đáng kể, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, tỷ lệ học sinh tăng bình quân hàng năm là 9,8%, cơ sở vật chất trường học được tăng cường, đang từng bước được kiên cố hóa. Tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và xóa mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, các xã đều có trạm y tế, 73% số trạm y tế xã có bác sỹ. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được tiến bộ đáng kể, số hộ đói nghèo giảm xuống, đến nay còn 14,6% so với tổng số hộ toàn tỉnh ; đời sống nhân dân được cải thiện. Đến năm 2000, có 100% số huyện và 72% số xã có điện lưới ; 194/204 xã, phường, thị trấn có mạng điện thoại. Mặc dù vừa qua có vài vụ việc nổi cộm về an ninh chính trị nhưng nhìn tổng thể trật tự vẫn được giữ vững.

Bước sang thế kỷ mới, bên cạnh những thuận lợi, Đắk Lắk cũng còn rất nhiều khó khăn, thách thức phải vượt qua. *Điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế ; thiếu vốn nghiêm trọng ; cơ sở hạ tầng yếu kém và không đồng bộ.* Trong khi đó, giá nông sản xuất khẩu ra thị trường thế giới liên tục có những biến động không thuận, ảnh hưởng lớn đến thu nhập của nhân dân. Công nghiệp còn quá nhỏ bé và lạc hậu, dịch vụ phát triển chậm ; *trình độ dân trí thấp, kinh tế xã hội phát triển không đồng đều giữa các vùng,* đời sống đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn ; *tốc độ tăng dân số quá nhanh,* nhất là dân di cư tự do, dân cư chưa ổn định và phân bổ chưa hợp lý ; *đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu mới.*

Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (nhiệm kỳ 2001 - 2005) đã xác định phương hướng phát triển đến năm 2010 là : *Phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường sức mạnh đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ; khai thác mọi tiềm năng, huy động mọi nguồn lực trong tỉnh gắn với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững. Xây dựng lực lượng sản xuất đi đôi với củng cố quan hệ sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện và cải thiện đời sống của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng an ninh, phát huy dân chủ gắn với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ; giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm trật tự an toàn, xã hội xây dựng Đảng*

Digitized by Google

và hệ thống chính trị vững mạnh để lãnh đạo, tổ chức và động viên nhân dân vững bước tiến vào thời kỳ mới.

Phấn đấu đến năm 2010, đưa tỉnh Đắk Lắk trở thành một tỉnh có kinh tế phát triển đạt trên mức trung bình của cả nước ; có văn hóa tiên tiến và giữ được bản sắc dân tộc, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để đạt được những chỉ tiêu đã đề ra, tỉnh phải từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển so với các địa phương khác ; bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và ổn định trên cơ sở *phát huy nội lực*, khơi dậy và khai thác mọi tiềm năng to lớn của địa phương *kết hợp với tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài* ; tăng cường hợp tác đầu tư, từng bước mở rộng thị trường ngoài nước ; tiếp tục phát triển mạnh nông sản xuất khẩu đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công nghiệp và các ngành dịch vụ, trong đó *trọng tâm là công nghiệp chế biến nông - lâm sản và dịch vụ du lịch ;* kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các vấn đề xã hội.

Trong những năm qua và thời gian tới, nông nghiệp vẫn đóng vai trò chủ yếu trong cơ cấu kinh tế và là yếu tố quyết định nhịp độ tăng trưởng kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, về lâu dài, tỉnh sẽ phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng *tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.* Đặc biệt chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, đầu tư vào *chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng những vùng nguyên liệu tập trung,* có quy mô, sản lượng hàng hóa lớn, đảm bảo cho hướng đầu tư công nghiệp chế biến, nhưng vẫn giữ được cân bằng sinh thái, nhất là đảm bảo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt. Tập trung *sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, hình thành các khu công nghiệp mới.* Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, thúc đẩy giao lưu hàng hóa, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu cho ngân sách. Coi trọng việc thiết lập *các thị trường xuất khẩu ổn định* cho các sản phẩm truyền thống, chú trọng *phát triển thị trường trong nước,* đặc biệt là thị trường nông thôn. Động viên sức mạnh toàn dân, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, các thành phần kinh tế, khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, *phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế hộ gia đình.*

Trọng tâm của công tác xã hội của giai đoạn mới là ở mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao theo phương châm xã hội hóa, đa dạng hóa. Chú trọng cho tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; có chính sách đào tạo con em người dân tộc bản địa. Giải quyết có kết quả những vấn đề bức xúc về xã hội ; tạo nhiều việc làm, giảm nhanh hộ nghèo, không còn hộ đói ; thực hiện tốt định canh định cư, quản lí chặt chẽ tình trạng di dân tự do ; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở gắn với xây dựng hương ước, sử dụng những mặt tích cực của luật tục để nắm dân. Phát triển văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII). Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, theo phương châm "dùng đạo giải quyết việc đạo", kịp thời đấu tranh với các hiện tượng lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng. Chú trọng tới việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn.

Trong 5 năm của thập niên đầu thế kỷ XXI, các mục tiêu cơ bản đã được xác định là : đạt tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm 9 -10%. Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế : công nghiệp - xây dựng 10 - 12% ; nông - lâm nghiệp 71 - 73% ; dịch vụ 17 - 19%. Quy mô kinh tế phấn đấu gấp 1,5 lần so với năm 2000. GDP bình quân đầu người đạt 500 USD. Phát triển mạnh cơ sở hạ tầng nhất là thủy lợi, đường giao thông, lưới điện đến

Digitized by Google

hầu hết thôn, buôn. 100% số xã có điện lưới quốc gia, 60% số hộ được dùng điện. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 1,8 - 2 tỉ USD. Giải quyết việc làm cho 18 vạn lao động ; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo xuống còn dưới 10%. Phổ cập trung học cơ sở ở các đô thị và các xã vùng I ; vùng II ; bảo đảm 100% các cơ sở y tế xã đều có bác sỹ và có đủ y tế thôn, buôn ; phủ sóng phát thanh truyền hình trên toàn tỉnh. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự - an toàn xã hội.

Xây dựng và củng cố đảng bộ trong sạch, vững mạnh luôn được coi là nhiệm vụ then chốt trong công tác đảng. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải đi vào chiều sâu. Tập trung cho công tác tư tưởng, công tác cán bộ ; nâng cao trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ; xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ, trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo và sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, con em gia đình có truyền thống cách mạng, tạo sự chuyển biến rõ rệt trên cả ba mặt : bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực và tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân : ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Ngoài nỗ lực của chính mình. Đăk Lắk rất cần tới sự trợ giúp của Nhà nước, các ngành liên quan trong việc cấp vốn ; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ; tìm kiếm thị trường đầu ra cho nông sản ; quy hoạch các vùng sản xuất ; đào tạo cán bộ chuyên môn, kỹ thuật và phát triển hệ thống các trường đào tạo nghề ; có chính sách trợ giá cho nông sản ; chính sách phúc lợi xã hội (giáo dục, y tế, thương binh, gia đình liệt sỹ...) phù hợp, nhất là đối với đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa... ; giảm bớt gánh nặng đóng góp huy động trong nhân dân. Nhà nước cần sớm bổ sung chính sách, biện pháp phù hợp nhằm ngăn chặn tình trạng tài nguyên rừng bị khai thác bừa bãi, suy giảm nghiêm trọng như hiện nay, có chính sách thỏa đáng để những người đang sống chung với rừng không quay lưng lại với rừng, cũng như có chiến lược tổng thể để hạn chế bớt hậu quả tiêu cực của tình trạng di dân tự do.

Để tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển các khu công nghiệp, đề nghị tiếp tục điều chỉnh khung giá cho thuê đất, nhất là đối với các dự án đầu tư nước ngoài. Đất ở vùng sâu, vùng xa chỉ cần lấy giá thuế tượng trưng, hoặc tùy thực tế địa phương. Chính phủ có thể giao cho UBND tỉnh quyết định giá cho thuê đất. Phân cấp cho các tỉnh được cấp phép cho dự án sử dụng đất đến 200 ha đối với đất nông nghiệp (hiện nay phân cấp 50 ha) hoặc dự án này chỉ cần có ý kiến thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và giao cho tỉnh cấp phép.

Đắk Lắk xuất khẩu chủ yếu là nông sản. Chúng tôi rất cần sự đầu tư chiều sâu để xây dựng các cơ sở công nghiệp của Trung ương trên địa bàn tỉnh nhằm tăng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng hàng hóa. Nếu đường sắt lên Tây Nguyên sớm được xây dựng sẽ có điều kiện tốt cho lưu thông hàng hóa và khai thác quặng bôxít, sản xuất Alumin, nhôm ở huyện Đăk Nông (với trữ lượng quặng bôxít khoảng trên 5 tỉ tấn).

Trường đại học Tây Nguyên nếu trở thành một trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo sẽ đáp ứng được phần nào nhu cầu về cán bộ khoa học - kỹ thuật tại chỗ. Bên cạnh đó, rất cần chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ từ miền xuôi lên làm việc ở Tây Nguyên.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đăk Lắk tin tưởng sẽ đạt được những mục tiêu đã đề ra, cùng cả nước vững bước vào thế kỷ mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRỊNH ĐỨC HỒNG *

1. Quá trình, kết quả bước đầu và những vấn đề đặt ra :

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, VII, VIII của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện 3 đợt sắp xếp lớn các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) : 1990 - 1993 ; 1994 - 1997 và từ giữa năm 1998 tới nay.

Quá trình sắp xếp, đổi mới các DNNN (chủ yếu là đợt 3) được triển khai theo các nội dung sau :

Một là, đổi mới cơ chế, chính sách : DNNN tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực sự hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường ; đổi mới cả về kế hoạch, về tài chính, về tổ chức bộ máy, cán bộ và đổi mới quản lý nhà nước theo hướng xóa bỏ chế độ chủ quản của các cơ quan hành chính nhà nước đối với DNNN.

Hai là, sáp nhập, giải thể, cho phá sản DNNN yếu kém, thua lỗ kéo dài mà nhà nước không cần nắm giữ. Qua 3 đợt, DNNN đã giảm từ 12 300 doanh nghiệp còn 5 571 (giảm 55% về số lượng, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và do địa phương quản lý). Cơ cấu DNNN bước đầu được điều chỉnh hợp lý, có tác động tích cực đến quá trình tích tụ và tập trung vốn, hình thành và phát triển một số doanh nghiệp mới có trình độ công nghệ cao và có sức cạnh tranh. Số doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỉ đồng giảm từ 50% năm 1994 xuống còn 26% năm 1999 ; số doanh nghiệp có vốn trên 10 tỉ đồng tăng tương ứng, từ 10% lên 20% ; vốn bình quân của một doanh nghiệp tăng từ 3,3 tỉ đồng lên 21 tỉ đồng. Trong quá trình sắp xếp lại các doanh nghiệp, Nhà nước đã giải quyết trợ cấp thôi việc một lần cho 72 vạn lao động.

Ba là, tổ chức, củng cố và phát triển các Tổng công ty nhà nước (TCTNN) nhằm tập trung nguồn lực của nhà nước vào các ngành then chốt mà nhà nước cần chi phối... Thời gian qua, đã sắp xếp lại 250 liên hiệp xí nghiệp và Tổng công ty. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập 17 Tổng công ty 91 và ủy quyền cho các bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương quản lý 77 Tổng công ty 90. Các TCTNN có 1 534 doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, chiếm 27,5% tổng số doanh nghiệp cả nước, 61% về lao động (riêng 17 tổng công ty 91 có 491 doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, chiếm 8,8% số lượng DNNN, 35% lao động). Nhìn chung, các TCTNN đã chi phối được các ngành, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế và đã trở thành công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết, quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bảo đảm các cân đối lớn của nền

* TS, Bí thư Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội

Digitized by Google

kinh tế. Các TCTNN đã bảo toàn và tích tụ được vốn ngày càng tăng, huy động nhiều nguồn lực đầu tư, đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, hiệu quả và sức mạnh cạnh tranh (năm 1999, riêng 17 tổng công ty 91 đã bổ sung thêm nguồn vốn 15 850 tỉ đồng, chiếm 22,5% tổng số vốn, doanh thu tăng 12%, lợi nhuận tăng 23%, nộp ngân sách tăng 29%).

Bốn là, cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước mà nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Đến ngày 15/8/2000 cả nước cổ phần hóa được 369 bộ phận doanh nghiệp với tổng số vốn là 1 920 tỉ đồng (tăng 12% so với trước khi cổ phần), bằng 1,6% tổng số vốn nhà nước trong các DNNN. Nhìn chung, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, số lượng công nhân viên của các doanh nghiệp cổ phần hóa đều tăng so với trước. Cùng với quá trình cổ phần hóa, Đảng, Chính phủ chủ trương để một số DNNN đầu tư một phần vốn lập công ty cổ phần mới. Đến ngày 15-8-2000, DNNN đã đầu tư vốn thành lập 279 công ty cổ phần mới với tổng số vốn nhà nước là 868,8 tỉ đồng, chiếm 46% vốn điều lệ. Kết quả sản xuất kinh doanh cho thấy : 267 công ty (96,4%) có lãi, 12 công ty còn lại (3,6%) hòa vốn.

Năm là, thực hiện giao, bán và khoán kinh doanh, cho thuê những DNNN có qui mô nhỏ, thua lỗ kéo dài để sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước, bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/1999/NĐ-CP về giao bán, cho thuê và đã thực hiện được 27 DNNN có vốn nhà nước dưới 1 tỉ đồng. Các doanh nghiệp này đều trở thành công ty cổ phần và có kết quả sản xuất kinh doanh khá lên rõ rệt. Thực tế cho thấy, việc thực hiện giao, bán, khoán cho thuê các doanh nghiệp đã khắc phục được tình trạng giải thể, phá sản doanh nghiệp, bán phát mại tài sản của nhà nước ; khắc phục được tình trạng người lao động mất việc làm, năng lực sản xuất của doanh nghiệp được phát huy, xóa được bao cấp, bù lỗ của nhà nước, tăng khả năng huy động nguồn vốn trong dân.

Có thể khái quát mặt được của DNNN sau quá trình sắp xếp, đổi mới như sau :

- Hầu hết các DNNN đều có chuyển biến tích cực : cơ cấu và qui mô bước đầu được điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn ; thích ứng được với cơ chế thị trường ; trình độ công nghệ và quản lý có nhiều tiến bộ ; vốn được bảo toàn và tăng thêm ; vốn tích lũy, tự bổ sung từ chỗ không đáng kể đã tăng lên 27% tổng vốn sản xuất kinh doanh ; hiệu quả hoạt động từng bước tăng lên.

- Doanh nghiệp nhà nước đã góp phần rất quan trọng để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần ; chi phối được các ngành và các lĩnh vực then chốt ; thực sự là nòng cốt trong tăng trưởng kinh tế, trong xuất khẩu và đóng góp cho ngân sách nhà nước ; bảo đảm cân đối lớn và góp phần quan trọng trong ổn định kinh tế vĩ mô ; là lực lượng chính trong việc bảo đảm các sản phẩm và dịch vụ công ích chủ yếu của xã hội.

- Số DNNN giảm mạnh nhưng tốc độ tăng trưởng của khu vực DNNN vẫn duy trì mức khá cao, bình quân tăng 11%/năm trong 10 năm (1991 - 1999). Năm 1999, các DNNN đóng góp 40,2% GDP, trên 50% kim ngạch xuất khẩu của cả nước và gần 40% ngân sách nhà nước, chiếm 98% các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Tuy nhiên, đi sâu phân tích có thể thấy nổi lên một số yếu kém và những vấn đề đặt ra đối với quá trình sắp xếp và đổi mới các DNNN như sau :

Thứ nhất, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của các DNNN còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và lợi thế có được ; tốc độ tăng trưởng của DNNN có biểu hiện

Digitized by Google

giảm dần ; nợ khó đòi ngày càng lớn ; tính năng động của một bộ phận không nhỏ DNNN còn hạn chế. Theo đánh giá chung, năm 1998 số DNNN thực sự kinh doanh có hiệu quả chỉ chiếm khoảng 40%, số doanh nghiệp kinh doanh không có hiệu quả liên tục bị thua lỗ chiếm 20%, còn lại 40% số doanh nghiệp kinh doanh chưa có hiệu quả, khi lỗ khi lãi. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn nhà nước của DNNN chưa cao và có xu hướng giảm dần (Năm 1996 là 11,2%, năm 1997 là 9,3%, năm 1998 là 9,1%, năm 1999 là 9,2%). Không ít doanh nghiệp xây dựng dự án, kế hoạch không phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, thiếu tính khả thi ; việc bảo toàn vốn của không ít doanh nghiệp chưa tốt, còn có tình trạng ăn vào vốn, mất vốn.

Thứ hai, đầu tư đổi mới công nghệ chậm, trình độ công nghệ lạc hậu đang là cản trở lớn đối với khả năng cạnh tranh và quá trình hội nhập. Theo số liệu của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, thì trừ một số doanh nghiệp có trình độ công nghệ hiện đại hoặc trung bình của thế giới và khu vực (sản xuất thiết bị đo điện, lắp ráp điện tử, sản xuất sợi, dệt...) còn lại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất của các DNNN của ta lạc hậu so với thế giới và khu vực từ 10 đến 20 năm, thậm chí 30 năm (cơ khí, sản xuất phôi) ; trình độ cơ khí hóa, tự động hóa dưới 10%, mức độ hao mòn hữu hình từ 30% đến 50%. Hậu quả trực tiếp của tình trạng trên là một số mặt hàng sản xuất trong nước như sắt thép, phân bón, xi măng, kính xây dựng... có mức giá cao hơn giá nhập khẩu từ 20% đến 40%, riêng đường thô cao hơn 70% - 80%. Đến tháng 10/2000 cả nước mới có 236 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/9000, trong đó chỉ có 97 DNNN.

Thứ ba, quy mô của DNNN vẫn còn nhỏ, dàn trải, chồng chéo về ngành nghề và tổ chức quản lý. Đến nay cả nước có 5 571 doanh nghiệp với tổng số vốn khoảng 116 000 tỉ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp có gần 21 tỉ đồng ; số doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỉ đồng chiếm tới 65,4%. DNNN chưa tập trung vào những ngành và lĩnh vực then chốt, trọng yếu của nền kinh tế mà DNNN nhất thiết phải chi phối.

Thứ tư, lao động thiếu việc làm và dôi dư có xu hướng ngày càng tăng là khó khăn lớn, ảnh hưởng đến quá trình đổi mới và phát triển DNNN. Theo số liệu của Bộ Lao động Thương binh - Xã hội, hiện nay, số lao động không có việc làm thường xuyên và mất việc làm ở các doanh nghiệp khoảng 20%, có doanh nghiệp lên tới 40%.

Thứ năm, trình độ quản lý của DNNN phần lớn còn yếu kém chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường ; nhiều cán bộ quản lý chưa được đào tạo, đào tạo lại, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, còn lúng túng trước cơ chế thị trường.

Thứ sáu, cơ chế chính sách quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp nhà nước còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần tháo gỡ.

- Chính sách tài chính, tín dụng tuy đã được sửa đổi, bổ sung, nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp với loại hình DNNN hoạt động công ích và hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường. Nhà nước chưa tạo đủ điều kiện và chưa đòi hỏi đúng mức để DNNN tự chủ, tự chịu trách nhiệm, năng động trong sản xuất kinh doanh, tích tụ vốn cho đầu tư và đổi mới công nghệ ; chưa xây dựng và phát triển được đồng bộ thị trường vốn để tạo ra sự chu chuyển vốn thông suốt trong toàn xã hội, đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Chính sách thuế tuy đã được sửa đổi, bổ sung, nhưng vẫn còn nhiều bất hợp lý, chưa ổn định, chưa chú trọng đầy đủ đến việc nuôi dưỡng nguồn thu và phát triển sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tích lũy vốn. Chế độ kế toán chưa tạo điều kiện và buộc DNNN hạch toán đúng kết quả kinh doanh ; phân phối thu nhập chưa tạo được động lực mạnh mẽ cả đối với người quản lý và người lao động. Chính sách tiền lương và

Digitized by Google

phân phối lợi nhuận để lại doanh nghiệp chưa gắn chặt với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhiều cơ chế, chính sách tài chính không còn phù hợp với cơ chế thị trường nhưng chưa được sửa đổi, chẳng hạn như : Quỹ dự phòng rủi ro, Quỹ dự phòng thất nghiệp (lấy từ lợi nhuận để lại cho doanh nghiệp), tiền thu sử dụng vốn...

- Về đầu tư, việc phân cấp, giao quyền quyết định đầu tư cho doanh nghiệp chưa rõ ràng và không đầy đủ, không chịu trách nhiệm khi phương án đầu tư không hiệu quả và chưa có cơ chế kiểm soát đầu tư.

- Về quản lý nhà nước, chưa phân định rõ ràng các loại quyền như : quyền quản lý của nhà nước đối với DNNN ; quyền của cơ quan nhà nước với tư cách là chủ sở hữu ; quyền của đại diện chủ sở hữu trực tiếp đối với doanh nghiệp ; quyền sử dụng vốn và quyền chủ động kinh doanh của doanh nghiệp ; còn quá nhiều văn bản pháp qui chồng chéo, thiếu khả thi ; cơ chế phá sản doanh nghiệp còn chưa được thực hiện theo luật phá sản doanh nghiệp, bởi cả ba chủ thể đều không tự nguyện đề nghị phá sản (ngân hàng sợ mất vốn ; đại diện công nhân viên chức sợ không giải quyết được chế độ đối với công nhân ; lãnh đạo doanh nghiệp sợ mất quyền lợi và sợ bị truy cứu trách nhiệm). Đối với tổng công ty, mô hình quản lý còn nhiều mặt chưa phù hợp như việc quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và của Tổng giám đốc chưa rõ ràng ; mối quan hệ của nhiều công ty với các đơn vị thành viên vẫn là hành chính, chưa dựa trên quan hệ tài chính, trách nhiệm và quyền lợi ; quan hệ giữa các đơn vị thành viên với nhau còn mang tính ghép nối cơ học.

- Tổ chức, quản lý cán bộ và lao động chưa có chính sách phù hợp. Đối với tổng công ty nhà nước, cơ chế quyết định nhân sự hiện hành chưa phát huy được trách nhiệm và hiệu lực điều hành quản lý của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc không có quyền bổ nhiệm giám đốc thành viên, giám đốc có quyền tuyển dụng lao động không hạn chế, nhưng không có quyền sa thải ; Tổng giám đốc, Giám đốc, Hội đồng quản trị không được chủ động bố trí bộ máy doanh nghiệp.

2. Mục tiêu và giải pháp đổi mới, phát triển DNNN :

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và kế hoạch phát triển 5 năm 2001 - 2005, trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, quá trình đổi mới và phát triển DNNN cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa, thiết thực hơn nữa. Mục tiêu cần đạt tới là : có cơ cấu hợp lý, có hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, chiếm được thị phần lớn trong những ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế quốc dân, để nhà nước chi phối và điều khiển được nền kinh tế quốc dân, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế ; làm nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và xây dựng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng ; bảo đảm được các công ích thiết yếu cho xã hội ; xây dựng DNNN đủ mạnh để cùng với các yếu tố khác của kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN.

Để đạt được mục tiêu trên, quá trình đổi mới và phát triển DNNN cần tuân thủ những nguyên tắc sau :

- Bảo đảm vai trò nòng cốt, chi phối của DNNN trong nền kinh tế nhiều thành phần. DNNN vươn lên mạnh mẽ để Nhà nước sử dụng làm công cụ chi phối, điều khiển kinh tế vĩ mô. Do đó, đổi mới DNNN là làm cho DNNN mạnh lên, tiến tới thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước đủ mạnh, đủ sức chi phối các thành phần kinh tế khác, kiểm soát các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có

Digitized by Google

vốn đầu tư nước ngoài... Trong quá trình đổi mới DNNN, không thể để quá trình cổ phần hóa biến thành quá trình tư nhân hóa DNNN.

- Đổi mới, sắp xếp DNNN phải tính đến tính chất ngành kinh tế - kỹ thuật, tính tới tính chất hoạt động lôgíc hay kinh doanh của DNNN. Quan điểm này đòi hỏi phải xác định loại doanh nghiệp nào cần cổ phần hóa, doanh nghiệp nào Nhà nước cần nắm 100% vốn, doanh nghiệp nào Nhà nước cần nắm cổ phần chi phối, còn doanh nghiệp nào thực hiện giao bán, khoán hoặc cho thuê để thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn cũng như tập trung sản xuất...

- Sắp xếp, đổi mới DNNN được thực hiện trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Quan điểm này đòi hỏi quá trình đổi mới DNNN phải tính đến yêu cầu của cơ chế thị trường, tránh chủ quan duy ý chí, nóng vội, song cũng không được bảo thủ trì trệ. Trên cơ sở kế hoạch, quy hoạch và mục tiêu đã đề ra, quá trình đổi mới DNNN, một mặt, tôn trọng tính tự nguyện của cơ sở, mặt khác phải bảo đảm sự chỉ đạo kiên quyết của nhà nước. Bảo đảm quá trình sắp xếp, đổi mới cần triển khai tích cực khẩn trương, nhưng thận trọng, có hình thức và bước đi vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Sắp xếp, đổi mới DNNN gắn mục tiêu phát triển kinh tế với việc thực hiện tốt chính sách xã hội ; bảo đảm ổn định tư tưởng cán bộ quản lý và người lao động ; giải quyết thỏa đáng quyền lợi đối với người lao động và những vấn đề xã hội phát sinh ; hạn chế, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội do sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp gây ra.

Xuất phát từ những căn cứ trên, chúng ta tập trung thực hiện tốt một số giải pháp đổi mới doanh nghiệp nhà nước trong thời kỳ phát triển mới như sau :

Một là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đối với DNNN. Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích, Nhà nước cần cung cấp đủ vốn, duyệt chỉ tiêu lao động và quĩ tiền lương, lựa chọn cán bộ, tiến hành kiểm tra, kiểm soát bảo đảm doanh nghiệp hoạt động đúng mục tiêu, đúng đối tượng phục vụ và đúng phạm vi hoạt động. Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, phải xóa bỏ bao cấp, để DNNN tự chủ hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của cung cầu, phù hợp với mục tiêu thành lập và điều lệ hoạt động ; qui định kiểm soát các DNNN độc quyền và lợi nhuận do độc quyền mang lại... Cơ chế, chính sách không chỉ là giải quyết vấn đề vốn, đầu tư, mà hơn thế, phải giải quyết đồng bộ cả vấn đề lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, vấn đề cán bộ quản lý doanh nghiệp, vấn đề quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Hai là, *tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty nhà nước.*

Quá trình kiện toàn TCTNN phải hướng tới mục tiêu : tập trung nguồn lực của Nhà nước để chi phối những ngành, những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế ; là lực lượng chủ lực trong việc bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô ; cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, đóng góp lớn cho ngân sách ; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Để quá trình sắp xếp diễn ra đúng định hướng, cần rà soát lại các loại hình Tổng công ty hiện có. Xác định ngành nào, lĩnh vực nào cần có TCTNN thì tập trung kiện toàn và phát triển ; những ngành, những lĩnh vực không cần có TCTNN hoặc Tổng công ty không hội đủ những điều kiện về quy mô, trình độ công nghệ quản lý, sức cạnh tranh của sản phẩm, không có khả năng phát triển thì sáp nhập hoặc giải thể. Cần đẩy mạnh việc sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách đối với Tổng công ty, cả về tổ chức cán bộ, về cơ chế hoạt động của Tổng công ty, nhất là kiện toàn Hội đồng quản trị, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền nhận vốn Nhà nước ; Tổng giám đốc, do Hội đồng

Digitized by Google

quản trị đề nghị Thủ tướng bổ nhiệm, có quyền bổ nhiệm Phó tổng giám đốc và các Giám đốc của các đơn vị thành viên... Ngoài ra, cần sớm xúc tiến chuyển đổi phương thức hoạt động của Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con và thí điểm xây dựng tập đoàn kinh tế ở một số lĩnh vực then chốt của nền kinh tế mà ta có thế mạnh, có điều kiện và khả năng...

Ba là, *đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn.*

Trước hết, phân loại các DNNN đang hoạt động sản xuất kinh doanh mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn để tiến hành cổ phần hóa theo các hướng nhà nước có cổ phần chi phối, có cổ phần đặc biệt, chỉ giữ cổ phần thấp hoặc không cần giữ cổ phần. Thứ hai, cần sửa đổi cơ chế bán cổ phần nhằm tạo động lực cho quá trình cổ phần hóa. Trong quá trình cổ phần hóa cần khắc phục hai khuynh hướng, một là biến quá trình cổ phần hóa thành quá trình tư nhân hóa ; hai là trì trệ không chịu cổ phần hóa vì sợ mất vị trí quản lý. Thứ ba, cần đổi mới phương thức hoạt động của các doanh nghiệp đã cổ phần nhằm phát huy vai trò năng động sáng tạo của doanh nghiệp, trong đó cần nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đảng trong các loại hình doanh nghiệp.

Bốn là, *sáp nhập, khoán kinh doanh, cho thuê hoặc giao, bán, giải thể, phá sản các DNNN qui mô nhỏ, thua lỗ kéo dài không cổ phần hóa được và Nhà nước không cần nắm giữ để sử dụng có hiệu quả tài sản Nhà nước, bảo đảm việc làm, thu nhập, quyền lợi hợp pháp người lao động.* Mục đích đặt ra là không còn các DNNN có qui mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, làm ăn không hiệu quả, thua lỗ kéo dài, Nhà nước phải bao cấp thường xuyên. Các doanh nghiệp thuộc loại này, Nhà nước không cần cổ phần hóa mà tiến hành *giao, bán, giải thể, phá sản* mới bảo toàn được vốn, mới đảm bảo việc sử dụng tài sản có hiệu quả. Vấn đề đặt ra là sớm hoàn thiện các văn bản pháp quy về sáp nhập, khoán kinh doanh, cho thuê, giao, bán, giải thể và sửa đổi, bổ sung luật phá sản doanh nghiệp...

Năm là, *đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với ĐNNN và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển.*

Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với DNNN đòi hỏi cần phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện khung phấp lý, ban hành cơ chế chính sách, cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp ; chỉ đạo xây dựng qui hoạch và chiến lược phát triển DNNN ; xây dựng qui hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp ; tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp... kiên quyết xóa bỏ chế độ chủ quản và cấp hành chính chủ quản... Quản lý sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện quản lý sản xuất kinh doanh trên cơ sở quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác. Người lãnh đạo doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm đầy đủ mọi quyết định của mình trong sản xuất kinh doanh. Phân định quyền của cơ quan nhà nước với tư cách là chủ sở hữu và trách nhiệm của người sử dụng vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp.

Cán bộ quản lý doanh nghiệp giữ vai trò quyết định sự thành bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy, việc kiện toàn và nâng cao năng lực của cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với quá trình đổi mới, phát triển các DNNN. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cho các trung tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp phải đổi mới cả nội dung và phương thức đào tạo, bồi dưỡng. ❑

Digitized by Google

NHẬN RÕ QUAN HỆ BIỆN CHỨNG VÀ TÍNH SÁNG TẠO QUA BỐN ĐẶC TRƯNG CỦA ĐẠI HỘI

VĂN TẠO *

ĐẠI hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam là *Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới* như Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đã khẳng định. Bốn đặc trưng : *trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới* là bốn phạm trù cách mạng có quan hệ biện chứng với nhau : quan hệ bản chất và hiện tượng, quan hệ nội dung và hình thức, quan hệ nguyên nhân và kết quả... Cả bốn đều là những phương châm chiến lược và là những nhân tố dẫn đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đại hội IX với 4 đặc điểm kể trên đã *"thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới"*.

Nếu trong cách mạng dân tộc dân chủ chúng ta thắng Pháp, thắng Mỹ là nhờ ở văn hóa Việt Nam mà nhiều chính khách thế giới đã thừa nhận, thì nay trong thời đại văn minh trí tuệ, bốn đặc điểm này lại chính là biểu hiện cụ thể của văn hóa Việt Nam trong thế kỷ mới. Cả bốn đều mang ý nghĩa dân tộc, giai cấp và thời đại sâu sắc và quan hệ biện chứng với nhau như những phạm trù cặp đôi của triết học : *dân chủ - trí tuệ, dân chủ - đoàn kết, dân chủ - đổi mới.*

Ngay trong Báo cáo Chính trị, Đảng cũng đã gắn dân chủ với đoàn kết, dân chủ với đổi mới : *"Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội ở tất cả các cấp, các ngành... Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo..."*.

1 - Nói về *tính dân tộc, tính giai cấp và tính thời đại* thì dân chủ hiện nay là kết tinh của truyền thống ông cha trong suốt bề dày lịch sử dân tộc và cách mạng. Từ *"dân chủ công xã"* đến tinh thần *"yêu nước, trọng dân", "đoàn kết chống xâm lăng"* của nhân dân và các tầng lớp phong kiến yêu nước mà Đảng ta đã kế thừa và phát huy, xây nên khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh thắng lợi chống thực dân đế quốc và phong kiến tay sai, giành quyền làm chủ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, *dân chủ* của nhân dân ta biểu hiện trước hết ở *quyền làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc.* Sau khi giành được độc lập tự do và quyền làm chủ, phương hướng tiến lên xây dựng xã hội mới là : *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Mọi mưu toan phá hoại hay làm cản trở việc thực hiện mục tiêu trên đều là chống lại dân chủ của chúng ta.

2 - *Dân chủ gắn với trí tuệ* - dân chủ mà Báo cáo Chính trị nêu ra có nội dung cao hơn trước đây vì nó gắn với *trí tuệ mới* của dân tộc ở thế kỷ XXI, trí tuệ của xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với nền kinh tế độc lập tự chủ, tăng trưởng vững vàng, đang tiến vào nền *kinh tế tri thức*, nền *văn minh trí tuệ*. Chúng ta bước đầu đi vào xây dựng và phát triển các công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới... mà công nghệ thông tin là mũi nhọn.

---

* GS sử học

Digitized by Google

Nền kinh tế của chúng ta liên tục tăng trưởng là điều kiện thuận lợi để *"thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ở tất cả các cấp, các ngành"*. Dân chủ được thực thi thông qua Hiến pháp, pháp luật và các chính sách xã hội của Nhà nước, mà Hiến pháp, pháp luật và các chính sách xã hội của Nhà nước đều là những sản phẩm mới của *trí tuệ* dân tộc. Báo cáo Chính trị đã coi trọng vai trò của chính sách xã hội và pháp luật trong việc thực thi *dân chủ*, thực hiện *đoàn kết* : *"Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội"*.

Quá trình hoàn thành công nghiệp hóa đi tới xây dựng nền kinh tế tri thức đang tạo điều kiện cho *dân chủ* phát triển. Bởi vì kinh tế tri thức có chức năng nhanh chóng đưa thông tin đến mọi người, mọi nhà, góp phần đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa các hoạt động xã hội, điều hành nhanh chóng và có hiệu quả việc thực thi các chính sách xã hội. Đơn cử một thí dụ, nhờ sự phát triển toàn diện của đất nước, trong đó nhờ có khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông tin mà những hoạt động của chính quyền và Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là của Quốc hội ngày càng được dân chủ hơn. Các đại biểu quốc hội ngày nay đã có nhiều điều kiện để tham gia ý kiến đóng góp, thảo luận, chất vấn, giám sát hoạt động của Nhà nước và các cơ quan chức năng. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được phát huy quyền dân chủ của mình thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện khoa học. *Trí tuệ và dân chủ* như vậy trở thành một phạm trù cặp đôi tác động một cách có hiệu quả đến sinh hoạt xã hội. Dân trí được mở rộng, pháp luật, chính sách của Nhà nước được nhanh chóng thực thi, khiến dân chủ ngày càng được nâng cao.

3 - *Dân chủ gắn với đoàn kết* - dân chủ của chúng ta hiện nay là phản ánh thành công của chiến lược *đại đoàn kết toàn dân*. Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết của ông cha, chúng ta đã xây dựng được Mặt trận dân tộc thống nhất - một khối đoàn kết dân tộc rộng rãi từ Bắc chí Nam, đoàn kết nhân dân trong nước với kiều bào ta ở nước ngoài, đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế... tạo thành một sức mạnh tổng hợp. Ngày nay chúng ta phải chăm lo phát huy dân chủ để đoàn kết được vững chắc hơn trong thời đại mới.

Về mối quan hệ giữa đoàn kết và dân chủ, Báo cáo Chính trị đã nhấn mạnh : *"Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với việc phát huy dân chủ. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội... để tăng cường đoàn kết"*. Như vậy, *dân chủ - đoàn kết* cũng là một phạm trù cặp đôi hữu hiệu. Thực hiện được dân chủ thì đoàn kết càng tăng. Đoàn kết rộng rãi, vững chắc thì càng có điều kiện phát huy dân chủ. Đoàn kết phải có đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Cũng như dân chủ phải đi đôi với tập trung, dân chủ phải bảo đảm kỷ cương phép nước, chống mọi biểu hiện dân chủ hình thức cũng như dân chủ cực đoan. Chính trong đấu tranh khắc phục bốn nguy cơ do Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đề ra mà chúng ta càng tăng cường được đoàn kết. Cũng như đoàn kết cao hơn chỉ có thể dựa trên dân chủ có đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

4 - *Dân chủ gắn với đổi mới* - Dân chủ của chúng ta ngày nay là hệ quả của *đổi mới* thành công trong một phần tư thế kỷ qua. Ngược lại *dân chủ* hiện nay lại đang góp phần vào thắng lợi của *đổi mới* trong giai đoạn mới. Ngay như yêu cầu đổi mới trong công tác Mặt trận, Báo cáo Chính trị cũng nhấn mạnh : *"Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân..."*.

Chúng ta đã từ đổi mới tư duy đi đến đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Nay tư duy đổi mới phải dựa trên trí tuệ mới của thời đại. Chúng ta đã dám *"đi tắt, đón đầu"* trong công nghệ thông tin. Chúng ta biết hội nhập kinh tế thế giới phải dựa trên cơ sở

Digitized by Google

phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, đoàn kết, đổi mới, chống "diễn biến hòa bình" cũng như chống sự phá hoại của các thế lực phản động quốc tế.

Về đối nội, *dân chủ* trong *đổi mới* phải thực hiện cho được phương châm chiến lược *"tất cả do con người, tất cả vì con người"* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đã đề ra. Báo cáo Chính trị cũng nhấn mạnh phải : *"Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Chú trọng các chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp, đồng bào định cư ở nước ngoài..."*. Đổi mới như vậy mới nâng cao được dân chủ, củng cố được đoàn kết. Cho nên *dân chủ - đổi mới* cũng là một phạm trù cặp đôi, biểu hiện các mối quan hệ biện chứng giữa 4 phạm trù cách mạng có tính chiến lược mà Đại hội IX của Đảng đã nêu ra.

Nhìn chung lại, *dân chủ* cùng với *trí tuệ, đoàn kết, đổi mới* nhờ có quan hệ biện chứng với nhau đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cho nền văn hóa, văn minh Việt Nam ở thời đại mới - thời đại *văn minh trí tuệ*.

*

Bốn đặc trưng toát lên từ Đại hội IX của Đảng vừa có mối quan hệ biện chứng với nhau theo từng cặp đôi với chủ đề dân chủ, như đã phân tích ở trên, vừa thể hiện tính sáng tạo của Đảng thể hiện rõ nét trong chủ đề *đổi mới* phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của thời đại mới.

Trước hết nói về *tính dân tộc và tính giai cấp*, cả hai đặc trưng này đã quy định nên *nét đặc thù Việt Nam* trong đổi mới. Đổi mới của chúng ta vừa kế thừa và phát huy được truyền thống cải cách, đổi mới của ông cha, vừa thể hiện bản chất giai cấp của Đảng lãnh đạo, như Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX đã nhấn mạnh : "Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội" (1).

Về kế thừa và phát huy truyền thống, nếu dân tộc ta luôn phải chiến thắng ngoại xâm bằng đấu tranh vũ trang thì trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc ta lại liên tục tiến lên nhờ cải cách, đổi mới.

Theo chủ nghĩa Mác thì từ phương thức sản xuất này sang phương thức sản xuất khác cao hơn (nô lệ sang phong kiến, phong kiến sang tư bản...) thường phải trải qua các cuộc cách mạng xã hội lật đổ giai cấp thống trị cũ bằng bạo lực cách mạng của quần chúng. Nhưng lịch sử Việt Nam cho thấy suốt hơn 2000 năm chúng ta chỉ làm một cuộc cách mạng là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ ách thực dân đế quốc và phong kiến tay sai. Còn các quá trình phát triển lực lượng sản xuất thay đổi quan hệ sản xuất lại diễn ra qua nhiều cuộc cải cách, đổi mới mà hầu hết các cuộc cải cách, đổi mới đều bắt đầu từ đầu óc sáng tạo của người cầm quyền và nhân dân lao động (nay gọi là "đổi mới tư duy"). Có cuộc cải cách, đổi mới đem lại kết quả ngang tầm với một cuộc cách mạng như *cải cách* của họ Khúc thế kỷ X, của Lê Thánh Tông thế kỷ XV hay *đổi mới* Đế đô dẫn đến đổi mới chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Lý Công Uẩn thế kỷ XI... Cuộc cải cách, đổi mới nào cũng nhằm giải quyết một cuộc khủng hoảng xã hội và trước hết đều nhằm đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân... Tư duy đổi mới của các nhà cải cách, canh tân đầu thế kỷ thứ XX cũng vậy, đã tác động tích cực đến xã hội mà tiếp đó Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam đã kế thừa, phát huy và giành thắng lợi.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 81

Digitized by Google

Về thể hiện bản chất giai cấp của Đảng lãnh đạo trong đổi mới. Đây là một vấn đề khoa học sâu sắc, nhưng nội dung lại được thể hiện rất rõ trong "những bài học đổi mới" do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng đã nêu lên, mà Đại hội IX thừa nhận là *"đến nay vẫn còn giá trị"*. Đó là : *"Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới"* (2).

Tính dân tộc và tính giai cấp kể trên lại kết hợp chặt chẽ với ***tính thời đại mới*** - thời đại phát triển của khoa học - công nghệ, của kinh tế tri thức, của toàn cầu hóa kinh tế..., thời đại mà "đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt", nhưng cũng là thời đại mà "cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới".

Trong thời đại hiện nay, sự nghiệp đổi mới của chúng ta vẫn tiếp tục được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, mà mục tiêu đi tới vẫn là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Nhưng qua thực tiễn 15 năm đổi mới thì thấy vấn đề ***dân chủ*** đang nổi lên như một yêu cầu quan trọng không thể thiếu được trong mục tiêu chiến lược. Đại hội chủ trương phải phát huy cao hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, phát huy dân chủ từ cơ sở, đồng thời phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khắc phục cả dân chủ hình thức cũng như dân chủ cực đoan. Việc đưa thêm yếu tố dân chủ vào mục tiêu phấn đấu, thành *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"* là một trong những đổi mới có ý nghĩa chiến lược của chúng ta ở đầu thế kỷ này.

Còn về ***nhiệm vụ trung tâm của đổi mới,*** nếu yêu cầu bức thiết dẫn đến chủ trương, đường lối đổi mới ở Đại hội lần thứ VI của Đảng là giải quyết khủng hoảng kinh tế - xã hội (1978 - 1985), thì yêu cầu bức thiết của công cuộc tiếp tục đổi mới hiện nay chính là phải khắc phục cho được bốn nguy cơ do Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đề ra. Đại hội IX nêu rõ : "Đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào" (3).

Bốn nguy cơ này là kẻ thù của các lý tưởng, mục tiêu là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội mà toàn dân ta đang nhằm đạt tới. Khắc phục bốn nguy cơ này phải có chủ trương, đường lối đúng đắn phù hợp với yêu cầu mới của thời đại. Chủ trương phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mà Đại hội IX đề ra thể hiện rõ một ***tư duy đổi mới*** sâu sắc. Chúng ta coi mâu thuẫn trước mắt là giữa mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" với bốn nguy cơ kể trên. Muốn giải quyết mâu thuẫn này, trước hết phải ***phát triển lực lượng sản xuất,*** mọi người xung phong đi vào trận tuyến khoa học, công nghệ, khắc phục cho được nghèo nàn lạc hậu, cố gắng tiến lên theo kịp nền văn minh trí tuệ của cả nhân loại tiến bộ.

Đại hội khẳng định : "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu và kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ

(2) Xem *Sđd*, tr 81 - 82

(3) *Sđd*, tr 15

Digitized by Google

nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại" (4)

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn phải coi trọng *"ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học"*. Còn công nghiệp, phải "đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao... Phát triển mạnh... một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm..." (5). Đồng thời phải "tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người"(6)

Đi đôi với phát triển lực lượng sản xuất là ***hoàn thiện quan hệ sản xuất*** cũng như tư duy đổi mới. Đại hội không chỉ thừa nhận nền *kinh tế nhiều thành phần* mà còn nhấn mạnh đến sự cần thiết tồn tại và phát triển của tất cả các thành phần kinh tế cũng như tính bình đẳng giữa các thành phần : "Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh" (7). Trước đây Đảng ta chỉ nêu 5 thành phần kinh tế là : kinh tế nhà nước ; kinh tế tập thể ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước, nay thêm thành phần thứ sáu là *"kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài"* (8).

Điều thiết yếu nhất trong quan hệ sản xuất là ***vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp*** và điều này Đại hội cũng giải quyết với tư duy đổi mới : "Trong thời kỳ quá độ có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế - xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng" (9).

Về ***đấu tranh giai cấp,*** không phải đổi mới là thủ tiêu đấu tranh giai cấp mà là đấu tranh giai cấp bằng đường lối, phương châm đổi mới, tức phát huy nội lực một cách toàn diện, khắc phục các nguy cơ đã phát hiện được, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra, kiên trì tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX khẳng định : "Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công, đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc" (10).

Thực tế, không phải cứ tuyên bố : đấu tranh "ai thắng ai" giữa "vô sản và tư bản", giữa "chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản" mới là "đấu tranh giai cấp" mà là phải "làm thế nào để những giai cấp cần lao Việt Nam xây dựng được xã hội mới theo lý tưởng của mình ?". "Làm thế nào để chủ nghĩa xã hội thắng được chủ nghĩa tư bản trên đất nước Việt Nam ?". Đại hội IX của Đảng đang hướng nhân dân ta đi vào cuộc đấu tranh giai cấp một cách thiết thực, cụ thể như thế.

Đại hội cũng đề ra những ***phương châm đổi mới cụ thể*** cho từng lĩnh vực hoạt động, cả trong xây dựng đất nước lẫn trong bảo vệ đất nước, cả về đối nội cũng như đối ngoại, cả về xây dựng các tổ chức quần chúng cũng như xây dựng chính quyền nhà nước, xây dựng Đảng. Tất cả đều theo phương châm : phát huy năng

---

(4) *Sđd*, tr 21
(5) *Sđd*, tr 27
(6) *Sđd*, tr 28
(7) *Sđd*, tr 29 - 30
(8) *Sđd*, tr 31
(9) *Sđd*, tr 22
(10) *Sđd*, tr 23

Digitized by Google

lực nội sinh, tăng cường hội nhập, tạo nên sức mạnh tổng hợp, khắc phục các nguy cơ, đấu tranh với mọi âm mưu và hành động của kẻ thù dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cụ thể, trong kinh tế nhiều thành phần coi trọng "đổi mới và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước" (11). Trong quản lý kinh tế phải "đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước... Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa" (12)... Về phát triển khoa học, công nghệ phải "đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học... Cải tiến công tác quản lý khoa học" (13). Trong xây dựng các tổ chức quần chúng phải "đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân" (14). Trong xây dựng Đảng phải : "tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đổi mới và tăng cường công tác thanh tra..." (15).

Có thể nói, ***sự nghiệp đổi mới*** mà Đảng và Nhà nước lãnh đạo toàn dân ta tiến hành tương đương với ***một cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất xã hội.*** *Cách mạng và đổi mới* đang hòa quyện với nhau. Đổi mới nhằm hoàn thiện một chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa *của cách mạng công nghiệp* trong nền văn minh công nghiệp để tiến lên cuộc cách mạng mới trong nền *kinh tế tri thức* và *văn minh trí tuệ*. ***Đổi mới là hiện thân của khả năng sáng tạo trong tư duy và trong hành động của Đảng ta. Đổi mới thắng lợi thì cách mạng thành công.***

Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới cuối thế kỷ qua cũng như triển vọng phát triển tốt đẹp của sự nghiệp đổi mới tiếp theo trong thế kỷ XXI đang cổ vũ chúng ta. ❑

(11) *Sđd*, tr 30
(12) *Sđd*, tr 33
(13) *Sđd*, tr 113
(14) *Sđd*, tr 131
(15) *Sđd*, 141 - 146

Ở NƯỚC TA, DÂN CHỦ CHỈ ĐƯỢC BẢO ĐẢM TRONG MỘT NỀN CHÍNH TRỊ NHẤT NGUYÊN

PHẠM NGỌC QUANG *

Ý thức sâu sắc vai trò của dân chủ trong quá trình đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta đã dành sự quan tâm đặc biệt cho vấn đề phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Thành quả đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta đã đưa tới kết luận rằng, để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà một trong những tiền đề của nó là đa dạng hóa thành phần kinh tế trên cơ sở đa dạng hóa về sở hữu đối với tư liệu sản xuất. Những kết quả to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong 15 năm qua là bằng chứng khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đó. Song, lúc này hay lúc khác, một số người vẫn cho rằng, thích ứng với nền kinh tế "đa nguyên", chính trị không thể "nhất nguyên", không thể duy trì sự lãnh đạo của một đảng duy nhất. Do vậy, theo họ, dân chủ phải đi liền với đa nguyên về chính trị.

Việc làm rõ bản chất đích thực của cái gọi là thể chế dân chủ đa nguyên về hình thức, nhất nguyên trong thực tế trong chủ nghĩa

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tư bản và làm rõ sự thống nhất nội tại giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên chính trị tương ứng sẽ giúp cho ta có quan điểm đúng đắn, có định hướng khoa học trong quá trình thiết định và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

1 - Về cái gọi là dân chủ trong chế độ đa nguyên về chính trị trong chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn hiện nay.

Để mở đường cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển, trong những thế kỷ XVII, XVIII, giai cấp tư sản ở nhiều nước đã giương cao ngọn cờ dân chủ nhằm chống lại chuyên chế phong kiến và ách nô dịch của ngoại bang. Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân bắc Mỹ (1775 - 1781) những dân tộc thuộc địa của Anh đang sinh sống trên mảnh đất này đã thông qua *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Mỹ, trong đó có đoạn : "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Cách mạng tư sản Pháp nêu cao khẩu hiệu : "Tự do, bình đẳng, bác ái". Nhờ khẩu hiệu đó, giai cấp tư bản Pháp không những thu hút được đại đa số nông dân, mà cả công nhân đi theo mình - nhân tố cơ bản mang lại thắng lợi cho cuộc cách mạng mang tính triệt để nhất trong toàn bộ lịch sử ra đời của chủ nghĩa tư bản. Đạt được thắng lợi, Cách mạng Pháp năm 1791 đã công bố bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, ở đó có luận điểm nổi tiếng được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích lại ngay trong phần mở đầu *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa : "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi ; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Phản ánh vị trí tiến bộ của chủ nghĩa tư bản so với xã hội phong kiến, một số người đại diện cho giai cấp tư sản thời kỳ còn ít nhiều mang tính cách mạng đã ý thức được tầm quan trọng của nhân dân, của dân chủ như là động lực phát triển của xã hội mới. A. Bra-ham Lin-côn đã nêu ra luận điểm cho rằng nhà nước mới đó (nhà nước tư sản) phải là nhà nước của dân, do dân, vì dân ; ông xem "tình cảm của quần chúng là tất cả. Thiếu tình cảm của quần chúng thì bất cứ cái gì cũng thất bại và không thể thành công".

Ngày nay, mặc dù giai cấp tư sản cùng thể chế tư bản chủ nghĩa mà giai cấp đó là người đại diện không còn giữ được vị thế tiên tiến, cách mạng, nhưng vì sự tồn tại của giai cấp mình, của thể chế mà nó đại diện, giai cấp tư sản đã không hề giảm đi trong việc nhấn mạnh vai trò của dân chủ. Các học giả tư sản luôn coi những yêu cầu, chuẩn mực dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản là những cái chung, cái phổ biến cho mọi giai cấp, cho mọi quốc gia trong thời đại hiện nay và tương lai, cho nên nó là "mẫu mực" mà nhân loại hướng tới, là đỉnh cao nhất của dân chủ mà loài người có thể tạo ra (!).

Vạch trần sự lừa bịp về bản chất phi giai cấp và tính phổ biến tuyệt đối của dân chủ tư sản, Lê-nin đã chỉ ra rằng, ngay ở giai đoạn phát triển nhất của dân chủ tư sản trong chế độ cộng hòa dân chủ, thì chế độ dân chủ ấy bao giờ cũng bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư sản và do đó, thực ra nó luôn chỉ là chế độ *dân chủ đối với thiểu số mà thôi.* Chế độ dân chủ ấy bị chi phối bởi nhà nước, các nhóm lợi ích và các phương tiện thông tin đại chúng. Trong khi ấy, nhà nước tư sản chỉ là công cụ chuyên chính của giai cấp tư sản đối với quảng đại quần chúng nhân dân ; nó chỉ là thiết chế chính trị bảo vệ lợi ích của các nhà tư sản. Các lợi ích đó lại luôn bị chi phối bởi nhóm chóp bu chính trị và doanh nhân. Các phương tiện thông tin đại chúng hầu hết nằm trong tay những thế lực giàu có, luôn cổ xúy cho chế độ tư bản chủ nghĩa, nhồi nhét vào đầu óc nhân dân tư tưởng và quan điểm của giai

Digitized by Google

cấp tư sản cầm quyền, đề cao vai trò tuyệt đối của tổng thống, biến các cuộc cạnh tranh trong bầu cử thành những cuộc cạnh tranh thương mại. Kết quả là nó đã và đang trở thành những công cụ phục vụ đắc lực cho một thiết chế dân chủ mà ở đó, *hoạt động chính trị là lĩnh vực của riêng những người giàu có.* Ở các nước tư bản chủ nghĩa, đa nguyên về chính trị không có nghĩa các chính sách quốc gia được quy định bởi quần chúng, mà ngược lại bởi tầng lớp được gọi là "giới tinh hoa" trong bộ máy nhà nước, trong các nhóm lợi ích, trong các hãng truyền hình và báo chí. Phổ thông đầu phiếu chỉ là sự hợp pháp hóa quyền lực của những người có thế lực thuộc giai cấp tư sản. Tóm lại, nền dân chủ tư sản bị quy định sâu sắc bởi giới thượng lưu của quyền lực kinh tế và chính trị.

Nhìn chung, trong hầu hết các bản hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật khác trong các nước tư bản chủ nghĩa đều ghi rất nhiều quyền dân chủ, nhân quyền của công dân. Nhưng trong thực tế, do nhiều ràng buộc khác mà đại đa số những người lao động không có khả năng được hưởng nhiều điều khoản về dân chủ được ghi trong các văn bản đó. Khoảng cách giữa dân chủ được ghi trong Hiến pháp, pháp luật và thực tế hiện hóa nó không chỉ như vậy, nhiều cơ chế khác cũng góp phần làm giảm tối đa dân chủ, nhân quyền của nhân dân trong thực tế. Không ý thức rõ hoặc cố tình không ý thức rõ tính hạn chế của dân chủ tư sản, nhiều chính khách hoặc học giả tư sản vẫn ra sức tô son trát phấn cho nó ; tìm mọi cách để quảng bá quan điểm, giá trị và những công nghệ dân chủ tư sản.

Trong các nội dung dân chủ nhân quyền, thì yêu cầu đầu tiên, sơ thiểu của mọi dân tộc là được sống trong hòa bình, độc lập, ấm no, hạnh phúc, công bằng, bình đẳng trong một môi trường an toàn,... Nhưng, ngay tại Mỹ - nơi được nhiều tư tưởng gia tư sản xem là mẫu mực của dân chủ - lại là nơi tiêu thụ 50% lượng cô-ca-in trên thế giới ; trong vòng 10 năm thu nhập của 10% giàu có nhất tăng 25%, nhưng cũng trong cùng thời gian đó, thu nhập của 10% người nghèo nhất giảm 10% ; tình trạng phạm tội giết người cao gấp 5 lần ; tỷ lệ phạm tội hiếp dâm cao gấp 7 lần so với Tây Âu. Cũng tại Mỹ hiện có khoảng 38 triệu người sống dưới mức nghèo khổ, trong khi đó, 1% nằm ở đỉnh tháp dân cư kiểm soát 50 - 70% thu nhập của nền kinh tế ; 20% dân số thuộc loại nghèo chỉ được hưởng 3,7% tổng thu nhập quốc dân, trong khi đó, 20% dân số thuộc loại giàu có chiếm 50%. Chính Brê-din-xki cũng xem *việc sản sinh ra một nhóm nhỏ những người giàu có thâu tóm mọi quyền hành trong tay* là một trong 20 khuyết tật của chủ nghĩa tư bản.

Xét trên bình diện quy mô thế giới, chúng ta cũng thấy rằng khoảng cách giàu nghèo ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng gia tăng : năm 1820 khoảng cách giữa nước giàu nhất và nước nghèo nhất là 3/1 ; năm 1870 là 7/1 ; năm 1913 là 11/1 ; năm 1960 là 30/1 ; năm 1990 là 60/1 ; năm 1997 là 74/1. Năm 1997, các nước giàu nhất chiếm 20% dân số lại nắm 86% GDP, 82% xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, 93,3% người sử dụng Internet, trong khi đó các nước nghèo nhất với hơn 20% dân số thế giới thì nắm có 1% GDP ; 0,2% sử dụng Internet.

Đúng là, trong nền dân chủ tư sản, chế độ đa nguyên chính trị (mang tính hình thức), đa đảng đang trở thành phổ biến. Nhưng thực tế, trong chủ nghĩa tư bản, sự lãnh đạo chính trị tập trung, cứng rắn luôn được giai cấp tư sản thống trị cố sức giữ vững. Điều đó thể hiện ở chỗ, những vấn đề lớn của nhà nước đều do đảng tư sản có thế lực nhất quyết định, thể hiện ở vai trò quản lý tập trung bằng hiến pháp và pháp luật của nhà nước pháp quyền tư sản.

Trong cái gọi là đa nguyên chính trị, biểu hiện thành đa đảng, các đảng đều có quyền tự do tranh luận, ứng cử, tranh cử, v.v., nhưng về

Digitized by Google

thực chất, đều là *nhất nguyên chính trị*. Vì tất cả đảng này đều từ một nguồn gốc, một mục đích là thực hiện quyền lực chính trị của giai cấp tư sản. Thực tế cho thấy mức độ sâu sắc của những chuẩn mực dân chủ được pháp luật dân chủ tư sản ghi nhận cũng như mức độ hiện thực hóa các chuẩn mực đó phụ thuộc trước hết và chủ yếu vào cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động. Những giá trị dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản không phải là sự ban phát của giai cấp tư sản cho xã hội, chúng trước hết là thành quả của nhân dân. Ngay chế độ nhất nguyên hay đa nguyên về chính trị trong thực chất trong chủ nghĩa tư bản cũng là sản phẩm của mối tương quan lực lượng giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Trong chủ nghĩa tư bản, kẻ nắm được hầu hết tư liệu sản xuất trong tay là giai cấp tư sản. Giành được sự thống trị về kinh tế, giai cấp tư sản cũng nắm luôn vai trò thống trị trên lĩnh vực chính trị - tinh thần, trong đó có lĩnh vực dân chủ. Do vậy, *dân chủ trong chủ nghĩa tư bản mang bản chất giai cấp tư sản sâu sắc trong nội dung cơ bản của mình.*

2 - Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta và sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam

Việc giai cấp công nhân giành được chính quyền và từng bước xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa - cũng là điểm bắt đầu hình thành nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của cách mạng vô sản là sau khi giành được chính quyền, phải biết sử dụng có hiệu quả quyền lực nhà nước đó để xây dựng thiết chế kinh tế, chính trị - xã hội mới, mà ở đó nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, từng bước trở thành người chủ của xã hội ; là chủ thể tối cao và duy nhất của mọi quyền lực. Tư tưởng đó nói lên bản chất dân chủ của xã hội mới mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động đang hướng tới.

Khi tiếp cận dân chủ từ góc độ là một hình thức nhà nước, Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh tính giai cấp của dân chủ. Trong sự đối lập với quan điểm dân chủ "thuần túy", dân chủ nói chung, Lê-nin đòi hỏi những người mác-xít không bao giờ được quên mà không hỏi rằng, đó là dân chủ cho giai cấp nào. Tiếp cận với dân chủ từ quan điểm như vậy, Lê-nin đã nêu ra một trong những tiêu chí phân biệt dân chủ vô sản với các loại dân chủ trước đó : "Dân chủ vô sản là chế độ thống trị của đa số với thiểu số, vì lợi ích của đa số...". Dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo Lê-nin, là chế độ dân chủ vì lợi ích của đa số ; nó bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là cơ sở, dân chủ đó đưa quảng đại quần chúng nhân dân lên địa vị người chủ chân chính của xã hội.

Trong khi mở rộng dân chủ tới mức tối đa với mọi tầng lớp nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi đi ngược lại những chuẩn mực dân chủ, vi phạm những giá trị dân chủ chân chính của nhân dân, gây nguy hại cho tiến trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Do vậy, trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, *dân chủ* và *chuyên chính* không thể tách rời nhau. Khi nhấn mạnh sự cần thiết của chuyên chính để bảo vệ và phát triển thành quả dân chủ của nhân dân, văn kiện Đại hội IX của Đảng viết : "Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế". Gắn liền với vấn đề vừa nêu, dân chủ ở nước ta chỉ đạt được *dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Giữ vững sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản là điều kiện tiên quyết để nhân dân thực hiện quyền lực của mình - nội dung cốt lõi của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không phải là một cuộc bạo động tự phát, mà là hành động cách mạng có ý thức, thấu hiểu về lý luận và có tính tổ chức cao. Nhờ vậy mới có thể kết

Digitized by Google

hợp nhiệt tình cách mạng, lòng hăng hái hy sinh với niềm tin sắt đá vào tính tất thắng của nền dân chủ đó. Chỉ có đảng cộng sản chân chính mới có thể đưa những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học và tính tổ chức vào phong trào quần chúng, làm cho cuộc đấu tranh vì lý tưởng giải phóng con người được thực hiện một cách triệt để. Ăng-ghen nhấn mạnh rằng, để cho giai cấp vô sản có sức mạnh và có thể chiến thắng trong quá trình đấu tranh, nó phải lập ra một đảng mới, tách biệt và đối lập với tất cả các đảng khác, và ý thức được mình là đảng của giai cấp.

Thực tế cho thấy, lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản đối với sự phát triển xã hội là công việc khó khăn, phức tạp nhất trong hoạt động xã hội - chính trị. Để đảm đương một cách thực tế, trực tiếp trọng trách đó, chức năng lãnh đạo của giai cấp vô sản được trao cho những người, nhờ tầm cao trí tuệ, nhờ năng lực tổ chức và tập hợp quần chúng..., mà họ có thể giải quyết hữu hiệu những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh, sự lãnh đạo đó được thực hiện thông qua đảng cộng sản, lực lượng đứng ở tầm cao trí tuệ, có năng lực tổ chức, đứng ở tầm cao đạo đức để quần chúng noi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ, để giải phóng được giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam, trước hết cần phải có đảng cách mạng, để trong thì tổ chức và vận động quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi.

Là kết quả hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng mác xít-lê-nin-nít. Bởi vì, nhờ nắm vững hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đưa nó vào quần chúng, đảng đó mang lại cho phong trào quần chúng tính tự giác cao trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục của mình mà đảng góp phần quyết định trong việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa dân chủ của nhân dân để họ có khả năng thực hiện hữu hiệu những yêu cầu dân chủ phản ánh đúng quy luật phát triển xã hội ; chỉ dưới sự lãnh đạo của đảng, nhân dân mới đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi mưu đồ lợi dụng dân chủ vì những động cơ đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

Bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản như là nhân tố bảo đảm xây dựng và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta được thể hiện ở chỗ :

- Nhờ được trang bị chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng ta đưa ra được những quyết sách chính trị đúng cho quá trình đổi mới. Chính đó là cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân ; phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo của nhân dân trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng, nó mang tính tự giác rất cao. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố mang lại tính tự giác đó cho quá trình này.

- Nhờ những kinh nghiệm dày dạn đã được tích lũy, Đảng ta không chỉ có khả năng hoạch định đường lối, chủ trương đúng, mà còn có kỹ năng đưa các quyết định đó vào quần chúng, tổ chức thực hiện thông qua phong trào quần chúng và hoạt động của Nhà nước để biến những chủ trương đúng đắn đó thành những sự thay đổi tích cực trong hiện thực phù hợp với quy luật phát triển của xã hội ta theo hướng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Với những ý nghĩa như vậy, ở nước ta hiện nay, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên về chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam không bài

Digitized by Google

trừ nhau. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa có thể ra đời, tồn tại và phát triển. Không thể có dân chủ xã hội chủ nghĩa mà lại thiếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Thực tiễn hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam nói chung, 15 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước nói riêng, là những bằng chứng hùng hồn để khẳng định điều đó. Khi nhân dân ta còn trong tình cảnh "một cổ, hai tròng" thì yêu cầu đầu tiên về dân chủ là "Độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày". Yêu cầu dân chủ đó đã được bằng Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cải cách ruộng đất, thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp. Khi đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị đối lập nhau, yêu cầu thiêng liêng về dân chủ của tất cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam là được sống trong một đất nước hòa bình, tự do, thống nhất. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã lập nên chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 1975, thống nhất đất nước. Yêu cầu được sống trong một đất nước độc lập, thống nhất được thực hiện trọn vẹn ; một môi trường hòa bình, ổn định cơ bản được bảo đảm. Những thành tựu dân chủ đạt được trong 15 năm đổi mới cũng không thể có được, nếu không giữ vững được ổn định chính trị nội dung căn bản của nó là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước. Những thắng lợi đó nhân dân ta có được đều nhờ sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta. Đó là những sự thật không thể phủ nhận. Giờ đây cũng có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để sớm khẳng định rằng việc đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện yêu cầu dân chủ, nhân quyền của nhân dân được sống trong một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" để sánh vai với các cường quốc năm châu sẽ không thể đạt được nếu thiếu sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Trong khi khẳng định sự thống nhất hữu cơ giữa quá trình xây dựng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta, chúng ta cũng ý thức rõ rằng "Bất kỳ tấm huy chương nào cũng có mặt trái của nó". Trong điều kiện một đảng duy nhất lãnh đạo, nếu đảng đó không tự ý thức rõ nguy cơ áp đặt ý chí của mình cho nhà nước, cho xã hội, tự đặt mình trên nhà nước và pháp luật, các đảng viên có chức quyền dễ sa vào đặc quyền đặc lợi, tham nhũng cửa quyền... thì đảng sẽ trở thành vật cản trên con đường xây dựng một xã hội thực sự dân chủ. Ý thức rõ nguy cơ đó và có biện pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu nó là nhân tố quyết định để xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

3 - Để có một đảng cộng sản duy nhất lãnh đạo mà có dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải phát huy sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Trong khi khẳng định sự thống nhất hữu cơ của quá trình xây dựng, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta, cũng cần thấy rằng nhiều yêu cầu dân chủ, nhân quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân không chỉ được thực hiện trực tiếp bằng Đảng, qua các cơ quan của Đảng. Khi xem xét "dân chủ xã hội chủ nghĩa" từ giác độ một vấn đề chính trị - giai cấp, nhân dân thực hiện các yêu cầu dân chủ của mình bằng Nhà nước, qua Nhà nước là phương thức quan trọng nhất, có ý nghĩa trực tiếp nhất. Nhân dân còn thực hiện dân chủ, nhân quyền của mình qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội do nhân dân lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong sự thống nhất hữu cơ cùng những cơ chế quan hệ qua lại giữa các thiết chế đó tạo thành

Digitized by Google

hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Do vậy, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa đóng vai trò là cơ chế bảo đảm dân chủ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Không thấy rõ điều đó, tuyệt đối hóa vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng cũng không có dân chủ xã hội chủ nghĩa với nội dung đầy đủ của nó.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, đảng cộng sản vừa là một bộ phận cấu thành, vừa là tổ chức có vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội nói chung. Nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Không những thế, nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân ; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới ; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo của đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện. Chính vì vậy, Đảng ta xem trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa thì Nhà nước là "trụ cột", là một "công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân".

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội là một yêu cầu tất yếu để có dân chủ xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo đó cần được thực hiện bằng những phương pháp vốn có của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Thông qua tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, nêu gương của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng làm cho Nhà nước, các tổ chức quần chúng cùng toàn thể nhân dân thấy rõ tính đúng đắn trong các quyết định chính trị của mình. Muốn giữ vững được sự lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, khâu then chốt là Đảng phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân của mình, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân, chăm lo hoàn thiện Nhà nước, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng phải trở thành tấm gương về dân chủ, quy tụ được những người có đức, có tài. Chính bằng cách đó, Đảng trở thành biểu tượng về danh dự, lương tâm, trí tuệ của dân tộc. Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng được xã hội thừa nhận đến đâu - điều đó trước hết và chủ yếu tùy thuộc mức độ đạt được những điều đòi hỏi nêu trên.

Để có dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của chúng ta phải được xây dựng theo nguyên tắc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Muốn vậy, một mặt vừa phải xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Nhà nước đó phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, có chức năng thể chế hóa quan điểm chính trị của Đảng và tổ chức thực hiện chúng ; mặt khác, mọi chủ trương và chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân.

Để phát huy quyền dân chủ của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác của nhân dân cũng cần được đổi mới theo hướng : đoàn kết tất cả mọi người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài. Xóa bỏ mọi thành kiến, mọi mặc cảm, lấy mục tiêu "giữ vững độc lập thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" làm điểm tương đồng.

Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay, để sự lãnh đạo duy nhất của Đảng ta thực sự là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc thiết định và phát huy có hiệu quả nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng cần tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với quyết tâm và nỗ lực cao hơn, tạo chuyển biến cơ bản trên ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. ❑

Digitized by Google

TOÀN CẦU HÓA VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HUYÊN *

TOÀN cầu hóa (Glôbalization) theo ý nghĩa triết học, đó là quá trình chuyển hóa các yếu tố riêng ưu trội của mỗi quốc gia dân tộc thành các yếu tố có tính chung mà mọi quốc gia đều chấp nhận. Về thực chất, đó là quá trình tăng dần những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa tất cả những sản phẩm, những thành quả riêng có tính đặc thù của từng đơn vị xã hội trên toàn cầu theo hướng ngày càng xích lại gần nhau, tìm tới nhau, tạo thành những giá trị chung nhất - giá trị phổ quát có ý nghĩa toàn nhân loại.

Toàn cầu hóa, như vậy cũng có thể gọi là xã hội hóa, cộng đồng hóa, quốc tế hóa. Nếu như con người có nền tảng chung là loài, thì toàn cầu hóa thực chất là quá trình từng cá nhân, từng nhóm người, từng dân tộc tìm về giống loài - quy tụ lại ở bản chất - cái bản chất được hiện diện rực rỡ bằng những thành quả phát triển trên mọi mặt đời sống con người. Và như vậy, toàn cầu hóa thực chất là xu hướng vận động tất yếu của toàn xã hội loài người ; nó diễn ra trong suốt quá trình phát triển và ngày nay đã đạt đến trình độ cao của nó.

Loài người tồn tại và phát triển trước hết là bằng và dựa vào sản xuất. Vì vậy, toàn cầu hóa bắt nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, từ tính chất xã hội hóa sản xuất và những thành quả của nó : trao đổi hàng hóa, mở rộng thị trường và từ việc mở rộng các quan hệ kinh tế dẫn đến mở rộng các quan hệ xã hội, văn hóa, khoa học, công nghệ, thông tin... Toàn bộ những thành quả kinh tế, khoa học, công nghệ và ngày nay là kinh tế tri thức, các công nghệ cao, các hệ thống tổ chức, quản lý xã hội, các mô hình pháp lý, các tư tưởng, tôn giáo, các phong tục tập quán kết thành giá trị truyền thống ; các típ tâm lý, tình cảm, ý chí, lối tư duy, lối sống kết thành bản sắc văn hóa của các dân tộc thông qua giao lưu ngày càng toàn diện, đặc biệt thông qua kỹ thuật siêu điện tử viễn thông, In-tơ-nét mà chúng dần dần trở thành những tài sản chung - những giá trị phổ quát của toàn xã hội.

Về mặt này, toàn cầu hóa thực chất là quá trình tiến hóa xã hội ; và đến lượt mình, nó là sức mạnh thúc đẩy xã hội phát triển nhanh chóng.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa do bắt nguồn từ và chỉ có thể có từ quá trình xã hội hóa sản xuất, cho nên trước hết, đó là thành quả của những phương thức sản xuất tiên tiến trong mỗi thời đại ; có nghĩa, lực lượng thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa trước hết là lực lượng của phương thức sản xuất chủ đạo trong xã hội. Thời đại ngày nay là thời đại chuyển dần từ xã hội tư bản lên xã hội xã hội chủ nghĩa, song lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn

* PGS. TS Triết học

Digitized by Google

đang là lực lượng chiếm ưu thế. Chính vì vậy, trong toàn cầu hóa hiện nay luôn luôn tồn tại nhiều loại giá trị, trong đó có hai loại giá trị chủ yếu : giá trị văn minh và giá trị văn hóa. Giá trị văn minh là giá trị của tiến bộ nhận thức, của trình độ chiếm lĩnh thế giới, của phát minh khoa học, sáng tạo kỹ thuật, công nghệ, từ đó tạo ra những bước nhảy lớn trong đời sống xã hội, đưa loài người tiến tới một cuộc sống cao. Nhưng giá trị văn minh không nhất thiết bao hàm giá trị văn hóa. Có những giá trị văn minh mà không văn hóa, thậm chí phản văn hóa. Giá trị văn hóa hàm chứa giá trị văn minh, nhưng yếu tố quan trọng nhất của nó là những giá trị mang ý nghĩa cuộc sống nhân văn trong đó nổi bật là những giá trị đặc sắc có ý nghĩa riêng đối với từng dân tộc. Toàn cầu hóa hiện nay cũng mang hai loại giá trị đó nhưng thực chất nghiêng về tư bản hóa giá trị tư bản chủ nghĩa, tức hệ giá trị văn minh của các nước có phương thức sản xuất đang chiếm ưu thế trên thế giới, mạnh về kinh tế và quân sự. Chúng ta thấy rõ hiện đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa giá trị của các nước tư bản phát triển phương Tây. Từ khía cạnh này, toàn cầu hóa, ngoài những giá trị toàn nhân loại, cũng mang trong nó những phản giá trị và phản văn hóa.

Như vậy, xét từ khía cạnh tiến bộ xã hội - khía cạnh văn hóa - toàn cầu hóa do vừa mang giá trị vừa mang phản giá trị, cho nên vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực đối với quá trình phát triển và tiến bộ xã hội.

Nếu như mặt thứ nhất của toàn cầu hóa - sự hội tụ toàn bộ các giá trị văn minh và văn hóa toàn nhân loại - là điều kiện và môi trường hết sức thuận lợi như là thời cơ cho việc hiện đại hóa và tiên tiến hóa các nền văn hóa dân tộc, thì mặt thứ hai của nó - tính chất khống chế và áp đặt của các giá trị văn minh nước lớn - lại gây trở ngại cho việc phát triển văn hóa theo hướng nêu trên của các quốc gia dân tộc nhỏ và yếu. Đặc biệt, toàn cầu hóa và vấn đề tồn tại, phát triển và bảo tồn bản sắc của các nền văn hóa dân tộc ; sự khống chế của các giá trị tư bản, nước lớn đối với những nét riêng, nét độc lập và độc đáo của các nền văn hóa - bản sắc văn hóa - của các nước nhỏ và yếu sẽ là vấn đề bức xúc đặt ra hiện nay.

Trong một xã hội nhân đạo phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa, sự tồn tại độc lập của một quốc gia để thực hiện dân giàu nước mạnh, xây dựng một đời sống tinh thần đặc sắc, phục vụ cho sự phát triển con người là điều hết sức thiêng liêng. Trong toàn cầu hóa hiện nay, làm thế nào để một quốc gia nhỏ và chưa phát triển có thể vừa xây dựng được nền văn hóa tiên tiến hiện đại nhưng vẫn giữ được đậm đà bản sắc của mình ? Đó không chỉ là vấn đề lý luận, mà đã và đang là thách thức lớn trong thực tế như một bài toán hóc búa đối với chiến lược phát triển đất nước, phát triển dân tộc và văn hóa !

Về lý luận, có thể đưa ra những phương án về các mức độ ảnh hưởng khác nhau sẽ xảy ra trong toàn cầu hóa đối với các nền văn hóa cụ thể như sau :

Thứ nhất, toàn cầu hóa, xét từ tầng tích cực nhất, đó là sự quốc tế hóa một cách lành mạnh các giá trị văn minh và văn hóa đối với các dân tộc quốc gia riêng lẻ, tạo thành các giá trị phổ quát có tính toàn nhân loại. Ở tầng này sẽ diễn ra hai khả năng :

a. Các giá trị phổ quát có tính nhân loại - giá trị văn minh - sẽ tràn vào các nền văn hóa của các quốc gia nhỏ và yếu, nâng xã hội lên trình độ văn minh cao, làm tăng thêm chất nhân loại, chất phổ quát cho các nền văn hóa đó ; làm cho các quốc gia kém phát triển, thậm chí lạc hậu, những nền văn hóa của các quốc gia nhỏ và yếu ở những mức độ nhất định được nâng cao từng bước, được hiện đại hóa và phát triển lên.

b. Nhưng chính trong quá trình đó, ngay trong khi các giá trị phổ quát tác động nâng

Digitized by Google

cao trình độ văn hóa chung một cách lành mạnh nhất, thì đồng thời nó cũng đang làm cho tính riêng biệt, sắc thái độc đáo của mỗi nền văn hóa dễ bị mai một, phai nhạt nếu các nền văn hóa đó không có các chiến lược phòng ngừa và bảo vệ những nét bản sắc của riêng mình. Đó là quy luật ảnh hưởng và tác động tự nhiên.

Thứ hai, trong tổng hòa các giá trị văn minh và văn hóa nhân loại do toàn cầu hóa đem lại, các giá trị văn minh là có tính trung tính. Bởi những giá trị văn minh này không chú ý đến việc gây tổn hại cho các nền văn hóa khác, nhưng có thể những giá trị đó không phù hợp với hệ giá trị truyền thống của một nền văn hóa nào đó. Lúc đó chủ thể văn hóa không tiếp nhận các giá trị trung tính, song do ảnh hưởng gián tiếp, chúng có thể làm méo mó, biến dạng tính toàn vẹn vốn có của nền văn hóa truyền thống đó. Lúc đó sẽ xảy ra tình trạng là gây nên một nền văn hóa hỗn tạp, đời sống tinh thần mất bình thường, các giá trị truyền thống bị tổn thương, ảnh hưởng tới nền văn hóa dân tộc và sự phát triển đất nước.

Thứ ba, toàn cầu hóa theo kiểu áp đặt giá trị nước lớn đối với hệ giá trị của nền văn hóa nước nhỏ, đó là sự xâm lăng văn hóa. Ở đây có thể xảy ra nguy cơ hủy diệt các nền văn hóa nhỏ. Đối với các cấp độ này, nếu một nền văn hóa nhỏ mà không có đủ bản lĩnh của mình thì sự thôn tính tất yếu sẽ xảy ra - mất bản sắc dân tộc. Trong thực tế của lịch sử loài người, nhiều nền văn hóa nhỏ đã bị xâm phạm và cuối cùng bị thôn tính, xóa nhòa ; nhiều tộc người trong lịch sử bị biến mất. Trong thời đại hiện nay, do phong trào đấu tranh giải phóng con người và độc lập dân tộc ngày càng quyết liệt cùng với xu thế đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ chung của nhân dân thế giới, tình trạng thôn tính lãnh thổ và văn hóa vẫn còn, nhưng sự thôn tính văn hóa ít khả năng xảy ra hơn.

Thứ tư, toàn cầu hóa cũng có thể tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và mất độc lập, tự chủ quốc gia, nhất là hủy hoại đời sống tinh thần con người thông qua mặt phản giá trị, phản văn hóa của nó. Chính toàn cầu hóa đã tạo ra một trong những khả năng phản tiến bộ là quốc tế hóa các hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội như : sự lan tràn chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa kỹ trị ; sự du nhập lối sống xa lạ với giá trị truyền thống, thậm chí của lối sống đồi trụy ; nạn ma túy, mại dâm và lây nhiễm nhiều căn bệnh thế kỷ. Những hiện tượng đó không chỉ ảnh hưởng tới đời sống vật chất, thể chất con người mà còn tác hại đến thuần phong mỹ tục, nhân phẩm con người, ảnh hưởng tới tính cách, phong thái đặc sắc do mỗi nền văn hóa dân tộc quy định.

Thứ năm, trong thời đại ngày nay, xu thế phát triển xã hội tiếp tục diễn ra theo quy luật và khát vọng nhân văn của loài người là hướng tới một xã hội hòa bình, tự do, dân chủ và tiến bộ. Dù phong trào xã hội chủ nghĩa tạm thời lắng xuống, nhưng về bản chất, trong lòng xã hội hiện đại vẫn tiếp tục hình thành các yếu tố và các điều kiện cho xã hội chuyển dần từ xã hội tư bản lên xã hội xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hiện tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn chiếm vị thế ưu trội trong xã hội. Nhiều nước tư bản mạnh về kinh tế và quân sự lợi dụng toàn cầu hóa thực hiện ý đồ điều chỉnh và phát triển chủ nghĩa tư bản, tư bản hóa xã hội và văn hóa. Hiện tại chúng ta dễ nhận thấy, nhiều nước lớn phương Tây đang muốn thực hiện toàn cầu hóa giá trị của mình, áp đặt hệ giá trị của mình cho các nước khác, và do đó, cho các nền văn hóa khác.

Từ toàn cầu hóa kinh tế, nhiều nước phát triển mạnh về kinh tế và quân sự thực hiện ý đồ toàn cầu hóa chính trị và cuối cùng là toàn cầu hóa văn hóa. Về mặt khoa học, đó không phải là toàn cầu hóa theo nghĩa phát triển

Digitized by Google

tự nhiên về các giá trị nhân loại, mà là sự xâm lăng văn hóa. Do vậy, đây thực sự là vấn đề đe dọa không chỉ đến bản sắc văn hóa mà còn là vấn đề tồn vong của mỗi quốc gia, dân tộc.

Tất cả những vấn đề, những xu hướng và những khả năng nêu trên của toàn cầu hóa đối với văn hóa nói chung đều là những vấn đề đang thực sự đối diện với nền văn hóa và bản sắc văn hóa Việt Nam :

1. Những giá trị văn hóa phổ quát và lành mạnh của toàn cầu hóa trong thực tế nhiều năm qua, nhất là qua 15 năm đổi mới, mở cửa, giao lưu quốc tế đã không chỉ làm cho nền văn hóa Việt Nam phong phú thêm, hiện đại và tiên tiến thêm, mà còn bổ sung, điều chỉnh một số nét của các giá trị văn hóa truyền thống cho phù hợp hơn với thời đại, thẩm thấu và nồng đậm thêm tinh hoa bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. Các giá trị văn hóa trung tính của toàn cầu hóa mà không phù hợp với văn hóa Việt Nam, nhất là với các đặc điểm bản sắc của nó, nhìn chung là bị chối bỏ ; tất nhiên, trong tất cả những giá trị đó không loại trừ có một số yếu tố len lỏi một cách yếu ớt vào tầng ngoài của văn hóa Việt Nam như những hiện tượng chạy theo chủ nghĩa kinh tế, lối sống tiêu thụ, tư tưởng kỹ trị, sùng ngoại, đua đòi những thị hiếu và lối sống không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

3. Các giá trị có tính áp đặt bằng chính trị của toàn cầu hóa không bao giờ có thể thâm nhập được vào văn hóa Việt Nam. Chiến tranh quân sự, thậm chí nhiều đế quốc lớn đã từng muốn thôn tính Việt Nam đều bị thất bại bởi sức mạnh của nền văn hóa Việt Nam với tinh thần yêu nước và ý chí độc lập, tự do. Hệ tư tưởng tư sản, sản phẩm tinh thần của sức mạnh kinh tế - quân sự đã từ lâu bị văn hóa Việt Nam từ chối bởi lý tưởng nhân đạo, nhân văn và tiến bộ của nó, khi nó được trang bị chủ nghĩa Mác - Lê-nin và được xây dựng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh - những tư tưởng khoa học và tiến bộ của lịch sử tư tưởng loài người.

4. Toàn cầu hóa kinh tế với các phương thức chuyển tải giá trị rất hấp dẫn và sâu rộng do tính trực tiếp của nó đến đời sống nhân dân thực sự là đòn tấn công lợi hại của chiến lược toàn cầu hóa các giá trị phương Tây của các cường quốc kinh tế. Kinh tế, nói đến cùng là cái quyết định đời sống xã hội. Thông qua hợp tác kinh tế, chuyển giao công nghệ và các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý... sự thấm dần của nhiều hệ giá trị có thể làm ảnh hưởng mạnh tới các chuẩn mực xã hội, chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ và giá trị văn hóa, có thể làm biến dạng sắc thái văn hóa dân tộc. Đây là một thách thức lớn đối với vấn đề bản sắc văn hóa nước ta hiện nay.

5. Lợi dụng xu thế khách quan của toàn cầu hóa toàn diện về kinh tế và xã hội, giao lưu văn hóa là một hình thức và phương tiện cực kỳ lợi hại của chiến lược toàn cầu hóa bởi các giá trị áp đặt. Bản thân các giá trị văn hóa, khoa học, nghệ thuật chân chính của mỗi dân tộc cũng như của cả loài người là trung tính. Vấn đề là sự lợi dụng các giá trị đó vào việc thực hiện các ý đồ chính trị - xã hội - văn hóa. Văn hóa là lĩnh vực vô cùng rộng lớn, liên quan và tác động mạnh mẽ tới mọi mặt đời sống xã hội : từ phong tục, tập quán, lối sống cho đến tôn giáo, đạo đức, thẩm mỹ, pháp quyền... nơi thể hiện sâu sắc tâm lý, tư tưởng con người. Thông qua toàn cầu hóa, các yếu tố xấu của chiến lược đồng hóa và thôn tính văn hóa sẽ dễ có thể từng bước biến một số giá trị văn hóa dân tộc ta thành phản văn hóa. Thực tế mấy năm gần đây, ở nước ta diễn ra những lộn xộn trong đời sống tinh thần, trong lối sống, đạo đức, thẩm mỹ, nhất là tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh. Đây thực sự là vấn đề nhức nhối và cần có biện pháp giải quyết liên quan tới vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc ta.

Digitized by Google

6. Nghệ thuật và văn hóa là hai lĩnh vực gắn bó khăng khít với nhau - có thể nói nghệ thuật là một trong những bộ phận linh hồn của văn hóa. Hội họa, âm nhạc, văn chương, điện ảnh,... là những thực thể văn hóa chứa đựng đậm đặc bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua toàn cầu hóa, kho tàng các giá trị nghệ thuật nhân loại đang góp phần đắc lực vào việc làm phong phú, hiện đại và tiên tiến văn hóa nghệ thuật nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung. Nhưng cũng chính các loại hình nghệ thuật đang là công cụ lợi hại mà các loại giá trị áp đặt lợi dụng để biến giá trị thành phản giá trị - (văn hóa đen), thực hiện ý đồ làm mờ nhạt bản sắc văn hóa Việt Nam. Sự cách tân, hiện đại hóa và tiên tiến hóa là khác xa cái lai căng, cái lạ. Sự đổi mới nghệ thuật khác xa với sự thay thế các yếu tố, các phẩm chất, các nét riêng độc đáo của nghệ thuật dân tộc. Có thể khẳng định rằng trong thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ của một bộ phận công chúng nghệ thuật Việt Nam hiện nay đang có những biểu hiện xa lạ với bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc ta. Từ thị hiếu và lý tưởng thẩm mỹ đó, chuẩn mực đạo đức và lý tưởng đạo đức cũng có những yếu tố chuyển hướng thiếu lành mạnh làm phương hại đến thuần phong mỹ tục, chuẩn mực đạo đức dân tộc, ảnh hưởng không nhỏ đến bản sắc văn hóa Việt Nam.

Nói toàn cầu hóa là sự xã hội hóa, quốc tế hóa toàn diện các mặt đời sống con người, không có nghĩa là cả loài người sẽ tiến tới một xã hội đồng nhất về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Toàn cầu hóa làm cho con người (các quốc gia) ngày càng xích lại gần nhau bởi những giá trị phổ quát (cái chung), đồng thời, về mặt tích cực nó cũng tạo điều kiện cho mỗi dân tộc (mỗi nền văn hóa) phát huy nét độc đáo (cái riêng) ngày càng sâu sắc ; giống như thế giới luôn tồn tại trong sự thống nhất chung của tất cả những cái riêng ; cái chung không bài trừ cái riêng mà cùng với cái riêng làm tiền đề cho nhau cùng phát triển, làm cho thế giới loài người ngày càng phong phú, đa dạng,....

Trong đời sống quốc tế hiện nay, mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa và bản sắc văn hóa dân tộc nằm trong mối quan hệ chung - riêng đó. Toàn cầu hóa đang một mặt sản sinh ra các giá trị hiện đại, tạo điều kiện cho sự phát triển của mỗi nền văn hóa, mặt khác nó cũng đặt ra những thách thức đối với các nền văn hóa (bản sắc văn hóa dân tộc) trong sự đấu tranh vì phát triển và tiến bộ của quá trình chuyển hóa tất yếu của xã hội.

Mỗi nền văn hóa cụ thể với bản sắc độc đáo của mình có thể tồn tại thế nào và phát triển ra sao trước những thách thức của mặt trái toàn cầu hóa, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào sức mạnh và bản lĩnh của mình, vào cách thức và trình độ lợi dụng thời cơ và vượt qua những trở ngại do mặt trái toàn cầu hóa gây ra của mỗi chủ thể văn hóa.

Để phát triển đất nước, đưa nhân dân ta tới cuộc sống giàu mạnh, xây dựng thành công nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện sự nghiệp đổi mới, hòa vào xu thế phát triển chung của thời đại, mở cửa, hội nhập thế giới, đón nhận những thành quả tiến bộ của nhân loại.

Sự mở cửa, hội nhập, hòa vào xu thế chung nêu trên sẽ đạt được mục tiêu mà nhân dân ta đề ra trên cơ sở những nguyên tắc nhất định :

- Mở cửa, hội nhập là nhằm tiếp thu tối đa các giá trị văn minh, văn hóa thế giới, đồng thời phải bảo đảm bảo toàn bản sắc dân tộc. Cho và nhận ở đây chính là sự tác động biện chứng giữa các yếu tố nội sinh và ngoại lực để tạo ra quá trình phát triển.

- Để có thể tiếp thu sức mạnh bên ngoài mà vẫn giữ vững chủ quyền và bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập, các yếu tố nội sinh phải là chủ thể - nó phải đóng vai trò quyết định việc định hướng các mối quan hệ với các yếu tố ngoại lực ; chi phối sự lựa chọn

Digitized by Google

và tiếp thu các yếu tố bên ngoài ; còn các yếu tố bên ngoài phải trở thành tố chất kích thích sự tiến hóa của các yếu tố bên trong.

- Hội nhập trên cơ sở lựa chọn tối ưu, làm sao tích hợp được nhiều tinh hoa đặc sắc của nhiều nền văn hóa phù hợp với đặc điểm và điều kiện dân tộc. Nếu nhân danh trao đổi mà tiếp nhận vô điều kiện thì rốt cuộc sẽ làm mất gốc văn hóa.

- Tư thế chủ động của hội nhập là điều kiện của việc xử lý đúng mối quan hệ bên trong - bên ngoài. Chủ thể tiếp nhận phải có đủ trình độ và bản lĩnh, tự tin trong đối thoại ; lấy văn hóa của mình làm gốc, lấy tiêu chí văn hóa dân tộc làm bộ lọc, tiếp thu các giá trị văn hóa hiện đại thế giới.

- Đối thoại là bình đẳng, tự do trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền ; không chấp nhận thứ giá trị áp đặt theo kiểu toàn cầu hóa các giá trị nước lớn. Loại bỏ những yếu tố văn hóa bên ngoài, dù là lành mạnh nhưng không phù hợp với văn hóa Việt Nam và vì sự tiến bộ của con người Việt Nam.

- Chúng ta tiếp thu tối đa các tinh hoa văn hóa tiên tiến, hiện đại và đặc sắc của các nước nhưng không bắt chước một cách thô thiển, máy móc mà linh hoạt cải biến chúng thành các giá trị văn hóa mới Việt Nam ; sắp xếp lại thang giá trị cho phù hợp, tạo ra các hình thức mới để biểu đạt sâu sắc nội dung giá trị văn hóa Việt Nam, tạo thế và lực phát triển mạnh nền văn hóa dân tộc.

- Chúng ta hội nhập theo xu thế toàn cầu hóa trên cơ sở tự khẳng định mình ; không đồng nhất các giá trị và chuẩn mực văn hóa dân tộc với mọi nền văn hóa khác. *Xu hướng toàn cầu hóa có thể gây phương hại với tính sáng tạo và đa văn hóa của thế giới, tạo ra sự đồng nhất nghèo nàn về văn hóa.* Hội nhập để làm phong phú và hiện đại thêm, làm đậm đà và bền vững thêm bản sắc văn hóa chứ không làm cho văn hóa bị hòa tan ! ❑

QUẢNG BÌNH...

(Tiếp theo trang 22)

trách nhiệm cá nhân đối với công việc được giao, đấu tranh, phê phán, ngăn chặn những hành vi, việc làm sai trái.

Những thành tựu, kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm rút ra trong những năm qua đã tạo tiền đề để Quảng Bình tiếp tục đi lên trong giai đoạn mới. Mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là : *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, huy động và khai thác tốt các nguồn lực, nâng cao nhịp độ phát triển và tăng trưởng từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng và địa phương, bảo đảm nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, vững chắc ; tăng cường cơ sở hạ tầng, khả năng hội nhập của nền kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh.*

Tỉnh cũng đã xây dựng nhiều chương trình, dự án kinh tế - xã hội quan trọng, trong đó có 4 chương trình kinh tế trọng điểm thời kỳ 2001 - 2005 và những năm tiếp theo. Đó là : Chương trình phát triển nuôi trồng và chế biến thủy sản ; Chương trình phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn ; Chương trình phát triển xuất khẩu ; Chương trình phát triển du lịch. Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình coi đây là những khâu đột phá để thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

Chắc chắn trong quá trình thực hiện các chương trình và mục tiêu nói trên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi Quảng Bình sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhất định sẽ vượt qua. Bởi vì Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã đạt được sự nhất trí cao về Nghị quyết mà Đại hội đại biểu lần thứ XIII của tỉnh đã đề ra, phát huy cao độ mọi nguồn lực để biến tiềm năng thành hiện thực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ BIỂN VÙNG ĐÔNG BẮC - VỰC DẬY NHỮNG TIỀM NĂNG

PHẠM THẮNG

KINH tế biển, theo cách hiểu mở rộng, là hoạt động kinh tế dựa trên nguồn lợi tài nguyên phong phú đa dạng và đặc điểm tự nhiên thuận lợi của vùng biển, hải đảo và ven biển. Nó bao gồm nhiều ngành nghề sản xuất kinh doanh và dịch vụ như : kinh tế cảng biển, vận tải biển, xuất nhập khẩu, dịch vụ du lịch, thủy hải sản, công nghiệp chế biến... Tài nguyên, nguồn lợi vùng biển là vô cùng to lớn ; người ta thường nói là "rừng vàng biển bạc", nhưng đúng ra phải gọi là biển vàng mới đúng, bởi tài nguyên biển phong phú và vô tận hơn tài nguyên rừng. Hơn thế nữa, hoạt động kinh tế trên biển còn góp phần quan trọng để xác lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia thực tế trên biển. Đảng ta đã sớm xác định : vùng biển, hải đảo, ven biển nước ta có nhiều lợi thế phát triển và là cửa ngõ lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài..., là tiềm năng, thế mạnh quan trọng cho sự nghiệp CNH, HĐH. Do đó, "là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh - quốc phòng và môi trường sống... có vị trí quyết định đối với sự phát triển đất nước ta" và "phát triển kinh tế biển là một trọng điểm chiến lược quan trọng trong công cuộc CNH, HĐH". Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định : phát triển mạnh kinh tế biển... kết hợp với bảo vệ vùng biển. Trong chuyến đi lần này, chúng tôi trở lại Hải Phòng và Quảng Ninh - hai địa phương nằm trong vùng duyên hải Bắc Bộ, hai đầu của tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc, và cũng là những nơi được coi là có tiềm năng kinh tế biển lớn nhất ở miền Bắc nước ta. Khác trước, giờ đây quốc lộ số 5 đã được cải tạo, nâng cấp nên chỉ sau hơn một giờ đồng hồ đi từ Hà Nội, chúng tôi đã đến "Thành phố hoa phượng đỏ" ; và nếu không nghỉ lại Hải Phòng mà đi thẳng Quảng Ninh, thì cũng chỉ sau chừng ba giờ nữa là đã có thể đứng ở chân núi Bài thơ để hít thở không khí trong lành thổi từ mênh mông vịnh biển.

Qua tiếp xúc và làm việc với cán bộ lãnh đạo tỉnh, phụ trách các ban, ngành và một số cơ sở kinh tế của địa phương, chúng tôi được nghe khá nhiều về những cơ hội để phát triển tiềm năng của kinh tế biển vùng Đông Bắc của Tổ quốc ; những nỗ lực chủ quan, những kết quả bước đầu cùng với những vấn đề đang đặt ra ; những chủ trương, biện pháp và cả những ý tưởng nhằm đưa kinh tế biển của nơi đây tiếp tục phát triển cùng đất nước... Cảm tưởng bao trùm là, Hải Phòng và Quảng Ninh là những địa phương giàu tiềm năng kinh tế, nhất là về kinh tế biển. Nếu như Hải Phòng có vị trí địa lý trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ thì Quảng Ninh là cửa ngõ kinh tế vùng Đông Bắc. Trong chiến lược kinh tế biển, tuyến kinh tế ven biển Bắc Bộ có vai trò, ý nghĩa cực kỳ to lớn về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. Hành lang Đông - Tây là tuyến động lực phát triển chính nối liền vùng trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, miền núi phía Bắc với các cảng Cái Lân, Hải Phòng và qua các quốc lộ 5, 10, 18. Hành lang Bắc - Nam : Thanh Hóa - Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái là tuyến cửa mở, tuyến biển trọng điểm có ý nghĩa chiến lược cho Bắc Bộ và Bắc khu 4 cũ. Có thể thấy, Hải Phòng và Quảng Ninh nằm trong tuyến kinh tế trọng điểm phía Bắc, đã có những tổ hợp khá hoàn chỉnh bao gồm các cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối đồng bộ, từng là

Digitized by Google

những trung tâm kinh tế của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và có những cống hiến không nhỏ vào các cuộc kháng chiến của dân tộc. Sớm quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nhất là Chỉ thị 20/TC/TU của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế biển, các cấp lãnh đạo ở Hải Phòng và Quảng Ninh đã và đang đầu tư nhiều công sức, trí tuệ để đánh giá tổng kết, xây dựng các chủ trương biện pháp nhằm phát huy nội lực, thế mạnh của địa phương. Những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội nói chung ở Hải Phòng và Quảng Ninh đã có nhiều chuyển biến làm thay đổi hẳn bộ mặt của cả thành thị lẫn nông thôn ; đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Cùng với những chuyển biến tích cực và trên cơ sở chuyển biến đó, lòng tin của nhân dân với Đảng, với các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính quyền địa phương ngày càng được củng cố vững chắc hơn. Kết hợp với bảo đảm an ninh - quốc phòng, các mặt hoạt động về kinh tế biển ở hai đỉnh tam giác tăng trưởng này như du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, chế biến xuất khẩu, xây dựng các cơ sở hạ tầng, đường sá, bến cảng, mở rộng các dịch vụ, cũng như công tác đào tạo, nghiên cứu phục vụ cho kinh tế biển đã trở nên nhộn nhịp và được quan tâm hơn lúc nào hết. Hướng theo đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước, những chuyển biến mạnh mẽ nêu trên đã trở thành tiền đề, môi trường thuận lợi để Hải Phòng và Quảng Ninh mở rộng giao lưu, hợp tác với nước ngoài, tranh thủ nguồn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài, làm cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong vùng thêm sôi động.

Ở vị trí địa lý thuận lợi, có 129 km bờ biển, **Hải Phòng** được mọi người biết đến như một cửa ngõ quan trọng hàng đầu của cả nước. Tại đây, có nhiều cơ sở trọng yếu của ngành vận tải biển, ngành công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thủy, các đơn vị khai thác, chế biến thủy sản, cùng các trung tâm đào tạo, nghiên cứu về biển và kinh tế thủy - hải sản nổi tiếng một thời với gần 20 000 ha mặt đất, nước ven sông biển thích hợp cho nuôi trồng thủy sản, có các ngư trường chủ yếu của Vịnh Bắc Bộ, nhiều cửa sông lớn... Trên vùng biển của Hải Phòng có tới 3 - 4 ngư trường quan trọng ở ven bờ, cũng như ngoài khơi và xung quanh các đảo lớn như Cát Bà, Long Châu, Cát Hải, Bạch Long Vĩ. Biển Hải Phòng được đánh giá là có những tiềm năng cực kỳ to lớn. Ở đây có tới 138 loài rong biển, 189 loài cá, 500 loài động vật đáy biển, trong đó có 200 loài nhuyễn thể và 70 loài đặc sản quý hiếm, 160 loài san hô mà nhiều nơi khác không có. Sau một thời gian chìm lắng, thủy hải sản của Hải Phòng trong mấy năm gần đây được khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng đạt gần 20%, năm 2000 khai thác 5 vạn tấn, nuôi trồng 3 vạn tấn thủy hải sản. Chủ trương đẩy mạnh đánh bắt xa bờ dần đi vào cuộc sống do sự phục hồi và phát triển mạnh của Tổng công ty Thủy sản trung ương. Phong trào nuôi trồng thủy sản gồm cả nuôi cá, nuôi tôm và nuôi nhuyễn thể được phát triển rầm rộ. Phương thức nuôi trồng đã chuyển dần từ quảng canh sang bán thâm canh, thâm canh và nuôi công nghiệp. Năm nay, Hải Phòng đã đưa 10 ha nuôi tôm sú công nghiệp vào khai thác, kết quả bước đầu ở những diện tích thử nghiệm đạt 2,8 tấn/ha. Điều nổi bật là thành phố đã có tới 10 trại nuôi tôm giống, có khả năng cung cấp hàng chục triệu con giống và hơn thế nữa khi có nhu cầu. Tổng công ty Thủy sản trung ương đã mở hướng đầu tư và triển khai xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn cho nuôi trồng thủy sản của cả vùng. Nhiều chủ trang trại mới nổi lên về nuôi trồng thủy hải sản, nuôi tôm giống, chế biến thủy sản... như Công ty TNHH Hải Long của ông Vũ Hữu Thiệm, một cán bộ đã nghỉ hưu, mới có dăm năm bươn chải mà cả thành phố ai cũng biết đến. Ngoài hai hecta đất được dùng làm trụ sở và xí nghiệp chế biến, ông đang làm chủ vài trăm hecta đầm, hồ ở các nơi để nuôi tôm sú. Công ty làm ăn ngày càng khấm khá, mở đại diện cả ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

Có thể thấy, Hải Phòng hoàn toàn có thể trở thành trung tâm thủy hải sản của vùng duyên hải Bắc Bộ trên các mặt : khai thác, nuôi trồng, chế biến xuất khẩu và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, sự phát triển hiện mới chỉ ở mức độ ban đầu. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm nay cũng chỉ đạt ở mức khiêm tốn khoảng 50 triệu USD. Tiến sĩ Nguyễn Đình Bích - phụ trách Ban Kinh tế Thành ủy Hải Phòng cho biết, hằng năm các doanh nghiệp có thể đánh bắt hàng chục vạn tấn thủy sản mà hiện mới chỉ khai thác được khoảng 20 phần trăm khả năng. Để thủy sản thực sự trở thành ngành mũi nhọn đột phá trong sự phát triển kinh tế, Hải Phòng còn nhiều việc phải làm từ quy hoạch khu nuôi trồng, đầu tư thâm canh, tổ chức quản lý việc nuôi trồng ; nâng cao khả năng đánh bắt xa bờ bởi trình độ tay nghề, trang bị kỹ thuật còn thấp ; đổi mới công nghệ chế biến xuất khẩu cũng như kết hợp kinh tế với quốc phòng, bảo vệ môi trường và bảo vệ nguồn lợi. Một đồng chí lãnh đạo Thành ủy khẳng định rằng, nếu có các biện pháp đồng bộ và mạnh mẽ, có các chủ trương, chính sách thỏa đáng hơn nữa, thì một hecta mặt nước như ở Hải Phòng, mỗi năm có thể mang lại nếu không được triệu USD như một số nước lân cận, thì cũng phải được vài trăm ngàn USD.

Hải Phòng còn được mệnh danh là "Thành phố Cảng" bởi nơi đây có một hệ thống cảng của trung ương, của địa phương cũng như của các bộ, các ngành với những độ dài và diện tích bến, bãi rất khác nhau ; hệ thống kho chứa cũng khá đồ sộ, trong đó phải kể tới bãi Container rộng 25 500m^2. Về quy mô và năng lực, cảng Hải Phòng đứng thứ hai sau cảng Sài Gòn với tổng công suất theo quy hoạch đến năm 2003 là 6,3 triệu tấn/năm, nhưng thực tế khai thác đã đạt trên 8 triệu tấn. Hiện nay, thành phố đang xây dựng quy hoạch hệ thống 16 cảng trên địa bàn và kế hoạch mở rộng, nâng cấp một số cảng như cảng Hoàng Diệu (đưa công suất đạt 5 triệu tấn/năm), cảng Container Chùa Vẽ (nâng cấp từ 0,6 lên 3 - 4,5 triệu tấn/năm), cảng Đình Vũ (công suất 2 - 3 triệu tấn/năm), cảng Vật Cách, cảng Cửa Cấm, cảng Minh Đức...

Nói đến kinh tế biển của Hải Phòng, không thể không nói đến các phương tiện vận tải biển khá phong phú và đa dạng của cả trung ương và địa phương đang hoạt động ngày đêm tại nơi đây. Các phương tiện này, mới cũ, lớn nhỏ gộp lại cũng có tổng trọng tải lên tới trên 40 vạn DWT, chiếm 44% trọng tải vận tải biển của cả nước, đảm nhận tới 50% khối lượng hàng hóa vận chuyển của toàn quốc. Đến Hải Phòng, đập ngay vào mắt mọi người là cầu tàu và cần cẩu, tàu và thuyền ; tàu đậu ở bến cảng để bốc hàng xuống, xếp hàng lên, tàu trên luồng lạch vào ra tấp nập, nhộn nhịp tạo nên không khí của một thành phố công nghiệp đang trên đà phát triển. Với nhiều cơ sở đóng tàu và sửa chữa tàu thủy, trong đó có những xí nghiệp có tên tuổi như Bạch Đằng, Phà Rừng, Nam Triệu v.v., Hải Phòng có khả năng đóng được loại tàu từ 400 tấn trở lên, chiếm 60 - 70% năng lực đóng tàu, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu sửa chữa tàu sông ở vùng Bắc Bộ, 15 - 20% nhu cầu sửa chữa tàu biển của cả nước. Hải Phòng cũng là nơi đóng tàu có công suất lớn nhất ở Việt Nam : Chỉ mới đây thôi, Hải Phòng đã cho hạ thủy tàu trọng tải 6 500 tấn và được đăng kiểm quốc tế tại Nhật Bản. Những con tàu có công suất 10 000 - 16 000 DWT hoàn toàn có khả năng sẽ được hạ thủy trong tương lai.

Cùng với các tiềm lực trên, ngành du lịch, nhất là du lịch biển của Hải Phòng có vị trí, vai trò đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Từ lâu, các khu du lịch như Đồ Sơn, Cát Bà là những địa danh rất hấp dẫn, được nhiều du khách trong nước và nước ngoài ưa chuộng. Người dân Hải Phòng có lý do để tự hào rằng Đồ Sơn là nơi nghỉ mát, an dưỡng lý tưởng, vì ở đây không chỉ có biển, mà còn có cả rừng cây, có thông reo như ở Đà Lạt vậy. Nhiều loại hình du lịch gắn liền với Cát Bà, với Hạ Long như du lịch leo núi, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái v.v... cũng rất độc đáo, hấp dẫn và có nhiều triển vọng để đầu tư mở rộng. Có thể nói, du lịch

Digitized by Google

là một trong những ngành mũi nhọn quan trọng trong tổng thể các ngành kinh tế biển của Hải Phòng, sẽ tiếp tục đóng góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển chung của thành phố. Tuy nhiên, để giữ vững được tốc độ tăng trưởng 20 - 25% hằng năm, thu hút mỗi năm trên dưới 1,5 triệu du khách trong nước và nước ngoài, ngành du lịch của Hải Phòng còn nhiều việc phải làm cả về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ; cải tạo, nâng cấp hệ thống khách sạn, nhà nghỉ cũng như mạng lưới dịch vụ và phong cách phục vụ ngày càng văn minh, hiện đại.

Những dữ kiện nêu trên cho thấy kinh tế biển của Hải Phòng phong phú, đa dạng, giàu tiềm năng ; trong đó hải sản, du lịch là hai ngành được thiên nhiên dành cho nhiều sự ưu đãi nên có nhiều điều kiện khách quan thuận lợi để phát triển.

Rời Hải Phòng, vượt qua hai phà (Phà Bính, Phà Rừng) và một chặng đường dài còn nhiều đoạn gồ ghề, chúng tôi đến **Quảng Ninh.** Nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, Quảng Ninh có biên giới giáp Trung Quốc dài 132,8 km và bờ biển dài 250 km, là một cửa ngõ quan trọng của miền Bắc, có tiềm năng và cơ sở vật chất khá mạnh về kinh tế biển và là một trong những trung tâm du lịch nổi tiếng nhất, hấp dẫn nhất của nước ta. Khi nói đến Quảng Ninh, ai cũng nghĩ ngay tới than và du lịch. Đúng là như vậy, nhưng chưa đầy đủ ; kinh tế của Quảng Ninh, trong đó có kinh tế biển là một nền kinh tế đa ngành, bao quát nhiều lĩnh vực liên quan tới nhiều địa phương trong cả nước và nước ngoài.

Hệ thống cảng biển vừa tổng hợp, vừa chuyên dùng của Quảng Ninh đang lớn dần lên, rất có vóc dáng gồm cảng Cái Lân, Hòn Gai, Cửa Ông, Mũi Chùa, Vạn Gia, Móng Cái, Tiên Yên và nhiều cảng nhỏ khác. Có cảng tức là có tàu thuyền vào ra, có xuất nhập hàng hóa. Chúng tôi đã dành thời gian để đi lướt qua cảng Cái Lân, cách Bãi Cháy không xa, có độ sâu - 9m, dài 166m. Đây là cảng nước sâu lớn nhất phía Bắc đang được triển khai xây dựng. Gần khu vực của cảng là khu công nghiệp mới đang hình thành, sẵn sàng chờ đón các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Cùng với cảng Cái Lân, bình quân mỗi năm các cảng biển, cảng và bến thủy nội địa của Quảng Ninh tiếp nhận, bốc xếp trên chục triệu tấn hàng. Nếu so sánh với Hải Phòng thì lực lượng tàu biển của Quảng Ninh nhỏ bé hơn, nhưng lực lượng vận tải ven biển và biển pha sông, các loại sà lan, thuyền thô sơ lắp máy, tàu khách, tàu phục vụ du lịch v.v... lại rất phong phú và đa dạng, có tới cả nghìn chiếc. Các xí nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu của Quảng Ninh cũng không nhiều. Nhà máy đóng tàu Hạ Long do Ba Lan giúp là lớn nhất, có khả năng đóng được loại tàu 5 000 tấn. Do thiếu khách hàng, hiện nay nhà máy này chưa dùng hết công suất. Khi cảng Cái Lân đi vào hoạt động thì chắc chắn nó sẽ có cơ hội phát triển cả đóng mới, lẫn sửa chữa các loại tàu 1 vạn tấn.

Về thủy sản, biển của Quảng Ninh là một trong bốn ngư trường trọng điểm của cả nước, giàu về nguồn lợi, phong phú về chủng loại. Sản lượng đánh bắt có năm cao nhất đã lên đến 20 ngàn tấn. Từ khi mở cửa biên giới, đổi mới cơ chế quản lý, ngành khai thác cá biển bắt đầu phát triển mạnh. Cũng giống như ở Hải Phòng, chúng tôi đã bắt gặp cả những tàu của các tỉnh khác đến đánh cá tại Quảng Ninh. Có thể nghĩ rằng vì năng lực, phương tiện đánh bắt ở đây chưa đủ, hoặc do trữ lượng, nguồn lợi quá dồi dào chăng ? Chúng tôi đã nhận ra rằng, tất cả các loại cá có giá trị kinh tế nhất, có chất lượng cao nhất như chim, thu, nụ, đé, song, vược v.v., đều có mặt tại vùng biển này. Phong trào nuôi tôm sú, tôm rảo, nuôi cá lồng bè, nuôi trai lấy ngọc ở đây đang phát triển mạnh, đưa tổng sản lượng nuôi trồng lên tới gần 3 ngàn tấn, tổng sản lượng khai thác lên hơn 13 ngàn tấn. Điều đáng ghi nhận là tại Yên Hưng và một số nơi khác trong tỉnh đã sản xuất được tôm giống với số lượng không nhỏ, hàng chục triệu con, mà trước đây vẫn phải nhập từ Trung Quốc.

Ai cũng biết, vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là một di sản thiên nhiên

Digitized by Google

thế giới. Đây là thắng cảnh có giá trị to lớn về nhiều mặt. Vì vậy, các cấp lãnh đạo tỉnh đã ra nhiều nghị quyết, quyết định nhằm tăng cường bảo vệ, quản lý và chấn chỉnh việc khai thác vịnh Hạ Long theo hướng văn minh, hiện đại để đạt được hiệu quả cao nhất. Bên bờ Bãi Cháy, chúng ta đã thấy xuất hiện hàng loạt khách sạn mới đủ tiêu chuẩn quốc tế, nhiều nhà hàng sang trọng, một số siêu thị cũng đã được xây dựng. Vào những tháng hè, các khách sạn, nhà nghỉ ở đây đều "chật cứng", các quán ăn cũng đông đúc khách. Song đã có nhiều than phiền rằng ở trên bờ vịnh Hạ Long chưa có một khu vui chơi giải trí nào có giá trị, trong khi đó ở ngay mặt đường có thể bắt gặp quá nhiều biển quảng cáo, yết thị về karaoke, massage. Đọc báo, chúng tôi lại thấy có bài phê phán tình trạng kinh doanh khách sạn theo ba giá rất không hợp lý.

Phải thừa nhận rằng du lịch, đặc biệt là du lịch biển của Quảng Ninh là một thế mạnh, một mũi nhọn quan trọng của tỉnh. Ngoài danh thắng Hạ Long, du khách có thể vừa thăm quan quanh vịnh, vào các hang động nổi tiếng đã được tu bổ, vừa có thể tiến hành các hoạt động thể thao như leo núi, lướt ván v.v... Ngày nay bến tàu chở khách đi thăm vịnh đã khang trang, trật tự hơn trước nhiều. Đã xuất hiện con đường mới đi thẳng từ bờ ra đảo Tuần Châu. Một khi con đường từ Hạ Long đi Móng Cái được mở rộng, cải tạo thì khu du lịch Trà Cổ sẽ càng hấp dẫn và càng có sức hút. Tất cả những tiến bộ đó chắc chắn sẽ làm cho lượng khách du lịch tới Quảng Ninh ngày càng đông hơn.

Nhìn chung, tiềm năng các mặt của Quảng Ninh, nhất là tiềm năng về kinh tế biển là to lớn. Tỉnh đang có rất nhiều dự án, cả về du lịch, thủy sản, giao thông vận tải, xây dựng đường sá, cảng, bến, đóng và sửa chữa tàu, xây dựng khách sạn, các khu vui chơi, giải trí v.v., trong đó hàng loạt dự án đã được Chính phủ phê duyệt, nhiều dự án đã được cấp giấy phép và hàng chục dự án khác đang chờ đợi nguồn đầu tư của nước ngoài. Một người bạn đồng nghiệp ở Quảng Ninh nói vui với chúng tôi rằng tiềm năng của Quảng Ninh là rất nhiều, giống như "gai quả mít" vậy. Người ta nhìn vào, thấy gai nào cũng như gai nào, khó phân biệt được gai nào chính, gai nào phụ. Trên một khía cạnh nào đó, có thể hiểu là chưa thật rõ đâu là thế mạnh chủ yếu, đâu là tiềm năng lớn nhất, cái gì phải được ưu tiên hàng đầu để có chủ trương, chính sách cho thật thích hợp. Đồng chí Trưởng ban quản lý khu công nghiệp của Quảng Ninh thì cho rằng, nhận thức về đầu tư nước ngoài chưa đồng bộ, cải cách hành chính chưa tốt, chưa thấy hết được vai trò, tầm quan trọng của đầu tư nước ngoài nên đã hạn chế sự tăng cường và mở rộng hợp tác đầu tư.

Đi - nghe - quan sát và suy ngẫm, chúng tôi thấy còn gợn lên nhiều điều cần phải được tập trung giải quyết để kinh tế biển vùng duyên hải này phát triển tương xứng với tiềm năng sẵn có của mình.

Trước hết, kinh tế biển bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan tới nhiều địa phương và đơn vị cơ sở. Trong tổng thể đó, mỗi địa phương đều có những mặt mạnh, mặt yếu khác nhau cả về tiềm năng lẫn năng lực khai thác, vận hành v.v.. Giữa các lĩnh vực, giữa các ngành, các đơn vị có các mối quan hệ hữu cơ tác động qua lại với nhau. Bởi vậy, cần phải có sự nhìn nhận tổng thể chung, xác định rõ việc phân cấp giữa trung ương và địa phương, giữa địa phương và cơ sở như thế nào để có các chủ trương, chính sách cụ thể cho từng lĩnh vực, từng ngành, từng địa phương nhằm quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý tránh tình trạng dàn trải, phân tán, dẫn tới lãng phí, kém hiệu quả. Bởi vậy, mỗi địa phương cần xác định rõ những ngành mũi nhọn đột phá, để tập trung sức phát triển tạo động lực đi trước, lôi kéo và kích thích những ngành khác cùng phát triển. Những ngày chúng tôi ở Hải Phòng cũng là lúc thành phố đang tập trung tổng kết hoạt động của ngành thủy sản và Thành ủy họp bàn ra Nghị quyết về phát triển ngành kinh tế mũi nhọn đột phá này. Trò chuyện cùng chúng tôi khi đi thăm cảng cá, ông Tổng giám đốc Tổng công ty Thủy sản

Digitized by Google

Hạ Long nhắc đi nhắc lại về nhiều vấn đề mà ông trăn trở đã lâu. Theo ông, chủ trương CNH ngành khai thác thủy sản là đúng nhưng thiếu chiến lược tổng thể, không tập trung đầu tư tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có điều kiện phát triển mạnh ; về chế biến thủy hải sản cũng chưa có quy hoạch cụ thể xuất phát từ những dự đoán khả năng phát triển, xu hướng và khả năng công nghệ đến bố trí chiến lược cho phù hợp với thực tế ; về nghề nuôi thì chưa có quy hoạch thật cụ thể, đầu tư chưa đủ mức, không có khu nuôi trồng mẫu cho nông dân học tập. Điều đó rõ ràng là tính khả thi thấp, tính hiệu dụng không có.

Vấn đề tiếp theo đang đặt ra là sự phối kết hợp giữa các địa phương, giữa các ngành trong vùng trong một tổng thể chung. Đây đó vẫn có những băn khoăn, khúc mắc mà nếu xử lý không thỏa đáng thì dễ làm mất đi sức mạnh chung của tổng thể. Chẳng hạn như Cát Bà không nằm trong quần thể được UNESCO công nhận, hoặc như Cái Lân hay Hải Phòng - cảng nào phù hợp hơn, hoặc như tuyến du lịch Đồ Sơn - Cát Bà - Hạ Long hay Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn... Thiết nghĩ, vấn đề không phải là gọi cái nào trước, cái nào sau mà phải có cách nhìn tổng thể trong cái nhìn cụ thể để có thể tạo ra tổng hợp lực cùng nhau khai thác tiềm năng và nhân lợi thế của nhau lên thành sức mạnh chung. Phải chăng vai trò quản lý vĩ mô của các ngành là sự chỉ đạo chung, sự kết nối, là chất kết dính các địa phương, các bộ phận xích gần nhau, tạo tiền đề cho nhau tạo sự phát triển chung mạnh mẽ - điều mà dường như còn lỏng lẻo, chưa thật hài hòa. Các mạch giao thông từ Hà Nội đi Hải Phòng, từ Hà Nội đi Quảng Ninh nói chung đã tiến bộ hơn trước nhiều. Song, từ Hải Phòng đi Quảng Ninh, Hạ Long đi Móng Cái và ngược lại thì chưa thật ổn, phải qua 2 - 3 phà, đường sắt chưa có, đường bộ tuy có sửa chữa nhưng vẫn nhỏ hẹp, đã gây không ít trở ngại cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa v.v.. Như vậy là cho đến lúc này, sự kết nối giữa ba đỉnh của tam giác tăng trưởng kinh tế dường như còn đang thiếu cái gì đó.

Ở Hải Phòng, cũng như ở Quảng Ninh, và nhiều nơi khác chắc cũng vậy, đâu đâu cũng nổi lên vấn đề vốn. Vốn trung ương cấp, vốn của địa phương, vốn tự có của doanh nghiệp, (cả DNNN lẫn tư nhân, hợp tác xã...) tất cả chỗ nào cũng thiếu. Vì vậy, nhiều dự án vẫn trong tình trạng chờ đợi nguồn đầu tư, nhiều ý tưởng tốt đẹp chưa có điều kiện thực hiện. Nhiều người cho rằng cơ chế cho vay đối với hợp tác xã và nông dân như hiện nay là chưa hợp lý. Muốn vay để đắp bờ, mua tôm giống, làm lồng bè v.v., nông dân phải có thế chấp. Vậy lấy gì để thế chấp đây - thật là nan giải. Vì không có vốn, nông dân đành phải tự hạn chế về nhiều mặt, về diện tích nuôi trồng, về phương tiện đánh bắt, về giống v.v.. Cũng vì lý do đó, mà tình trạng quảng canh, chỉ dựa vào điều kiện tự nhiên là chính, tình trạng khai thác thủ công, thậm chí mang tính hủy diệt và nhiều yếu kém khác đã ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi, tài nguyên, gây ra lãng phí và kém hiệu quả khá phổ biến. Ông Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Hải Long cũng cho rằng, nếu các mặt nêu trên được khắc phục thì sản lượng thủy sản trên một ha của chúng ta mới có thể đuổi kịp các nước lân cận. Một vấn đề rất cụ thể, theo ông, là nên áp dụng chế độ khoán dài hạn hơn là cho thuê ngắn hạn đối với đất nuôi trồng. Nếu chỉ cho thuê 5 năm thì nông dân không an tâm, đồng vốn được đầu tư chưa kịp mang lại hiệu quả đã hết hạn, chẳng ai dại gì mà đầu tư, mà thâm canh.

Một vấn đề khá bức xúc là vai trò của các DNNN trên địa bàn. Một điều đã rõ là sự có mặt của các DNNN có tầm vóc tại các địa phương là điều hết sức có ý nghĩa. Mỗi khi các doanh nghiệp này có vấn đề thì đều ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của địa bàn. Bài học từ sự thăng trầm của các Tổng công ty Than, Tổng công ty Thủy sản trung ương, Công ty Dệt Nam Định, Công ty Gang thép Thái Nguyên, ... đã cho thấy điều đó. Như vậy, hiển nhiên là phải đổi mới củng cố các DNNN, nhưng vấn đề ở đây lại là sự phối kết hợp với địa phương trong chiến

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

VÌ SAO CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG CHƯA ĐẠT YÊU CẦU ĐỀ RA ?

VŨ NGỌC LÂN

NGÀY 2-2-1999, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết *về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*. Nghị quyết đã đề ra 10 nhiệm vụ cần được chú trọng thực hiện, trong đó nhiệm vụ thứ 9 nêu : "Toàn Đảng tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1969 - 2-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (3-2-1930 - 3-2-2000)". Nhận định về việc thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa qua, tại Đại hội IX, Đảng ta đã chỉ rõ : "Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động thu một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu, song chưa đạt yêu cầu đề ra"(1).

Có thể nói trong những năm gần đây, ít có một nghị quyết nào lại được chuẩn bị và chỉ đạo thực hiện một cách công phu, bài bản, có sự kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời, nghiêm túc như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Cũng hiếm có cuộc vận động nào của Đảng ta mà lại được đánh giá một cách thẳng thắn, công khai là "chưa đạt yêu cầu đề ra". Nói như vậy không phải là coi nhẹ, đánh giá thấp những cố gắng, thành tích, kết quả ban đầu, những kinh nghiệm mà Đảng ta đã đạt được. Điều quan trọng trên hết ở đây là thái độ thẳng thắn, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, một tinh thần tự phê bình nghiêm khắc của Đảng ta.

Để trả lời cho chuẩn xác, đầy đủ và thuyết phục câu hỏi "vì sao" nói trên là cả một vấn đề không đơn giản, dễ dàng, phải mất nhiều thời gian, công sức. Đồng thời, ở mỗi góc độ, trình độ khác nhau cũng sẽ có những lý giải không hoàn toàn giống nhau. Đó là chuyện bình thường. Nhưng dù thế nào chăng nữa, chúng ta phải tìm những nguyên nhân cốt yếu để sửa chữa, khắc phục những hạn chế, thiếu sót, tiếp tục thực hiện tốt hơn để Cuộc vận động đạt yêu cầu đề ra. Với suy nghĩ cá nhân, bước đầu xin tham góp một vài ý kiến.

Trước hết, xin được nhắc lại 3 yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đó là :

" - Nâng cao nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới ; thực hiện nghiêm túc phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng để Đảng trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, vững vàng trong mọi tình thế, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, hoàn thành sứ mạng lịch sử mà nhân dân giao phó, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ; trước mắt thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

- Tăng cường rèn luyện đạo đức và nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên, bảo đảm cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 138

Digitized by Google

kết, thống nhất ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nêu gương tốt, ngăn ngừa và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên ; đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, địa vị, cục bộ, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Tăng cường xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ; thúc đẩy mạnh hơn cải cách hành chính. Nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân".

Yêu cầu là như vậy, vì sao chúng ta chưa đạt được yêu cầu đó ? Có rất nhiều nguyên nhân nhưng theo chúng tôi có lẽ do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây :

1. Chúng ta chưa lường hết những khó khăn, phức tạp khi đề ra thời gian và phạm vi của Cuộc vận động.

Có thể nói yêu cầu của Cuộc vận động lần này tập trung vào những vấn đề khá rộng lớn, phức tạp và rất nhạy cảm, rất khó có thể nắm bắt, đánh giá, định lượng một cách chuẩn xác trong thời gian ngắn. Đó là những vấn đề như nhận thức, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đồng thời liên quan đến vấn đề tổ chức. Những vấn đề nói trên cũng khó có thể tách bạch với nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội. Việc đánh giá, nhận xét, đấu tranh tự phê bình và phê bình đối với mỗi tổ chức và cá nhân, nhất là đi vào những yếu kém, khuyết điểm, không hề dễ dàng, đơn giản mà tốn rất nhiều thời gian, công sức. Đó là chưa nói đến hiện tượng không ít tổ chức, cán bộ, đảng viên báo cáo sai sự thật, nói không đi đôi với làm, nghĩ một đằng nói một nẻo hoặc nghĩ một cách, nói một cách khác và làm lại một cách khác. Tình hình như trên ảnh hưởng không nhỏ trong việc thực hiện tiến độ của Cuộc vận động.

Theo kế hoạch của Trung ương, Cuộc vận động được tiến hành trong hai năm và chia làm 4 bước. Bước có thời gian dài nhất là 5 tháng, các bước khác thường từ 3 đến 4 tháng. Với những yêu cầu như trên mà thực hiện trong thời gian như vậy là quá ngắn và chưa thể đánh giá hết kết quả đạt được. Bởi vì, đồng thời với việc triển khai Cuộc vận động, các tổ chức, các cấp ủy đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, đối phó với rất nhiều tình huống của đời sống kinh tế, xã hội và cả những diễn biến bất thường xảy ra. Trong thời gian thực hiện Cuộc vận động, ở nước ta cũng như trên thế giới, có rất nhiều ngày kỷ niệm lớn, sự kiện lớn và quan trọng : nhân loại kết thúc thiên niên kỷ thứ hai bước sang thiên niên kỷ mới, thế kỷ mới ; 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ; 25 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước ; 110 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; 55 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc ; Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội IX của Đảng, v.v... Đồng thời, trong thời gian này rất nhiều ngành, nhiều địa phương có những hoạt động kỷ niệm quan trọng. Đành rằng, nhiều hoạt động nói trên nằm trong nội dung hoặc hỗ trợ cho Cuộc vận động, nhưng cũng không ít hoạt động có yêu cầu nội dung, chương trình khác biệt, phải đầu tư nhiều thời gian, công sức để chuẩn bị. Một điều đặc biệt là đúng vào khi chúng ta đang thực hiện bước 3 của Cuộc vận động (từ tháng 7 đến tháng 9-2000) và tập trung chủ yếu vào cấp cơ sở, thì suốt một dải dài trên đất nước ta từ

Digitized by Google

miền Trung đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, bị lũ lụt nghiêm trọng kéo dài hàng tháng trời, gây thiệt hại nặng nề về người và của, tác động xấu, làm đảo lộn mọi hoạt động của nhân dân các địa phương này. Tất cả những điều đó đã chi phối nhiều thời gian, công sức của cán bộ, đảng viên, làm hạn chế kết quả của Cuộc vận động.

Phạm vi của Cuộc vận động cũng rất rộng lớn từ trung ương đến các tổ chức cơ sở đảng và các chi bộ. Hơn nữa Cuộc vận động được tiến hành một cách bài bản, công phu, theo một sự chỉ đạo thống nhất qua từng bước cho nên không tránh khỏi sự chờ đợi, triển khai mất nhiều thời gian. Nhiều cấp ủy phải chuẩn bị báo cáo kiểm điểm nhiều lần nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Nhiều tổ chức, cơ sở đảng và đảng viên phải chờ đợi nơi làm điểm, đợi lãnh đạo cấp trên làm trước sau đó mới đến lượt mình. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng chuẩn bị kiểm điểm chưa tốt, chưa theo đúng yêu cầu, nhiều nội dung kiểm điểm rất khó làm rõ trong một thời gian ngắn v.v... cũng là những cản trở, khó khăn cho việc triển khai Cuộc vận động.

Nói tóm lại, do chưa lường hết những khó khăn, phức tạp, những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện cho nên không ít nơi rơi vào lúng túng, bị động đối phó, làm lướt.

2. Chưa hoàn thành được nhiệm vụ của "khâu đột phá".

Yêu cầu của Cuộc vận động lần này chủ yếu tập trung vào vấn đề nhận thức tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Để tạo sự chuyển biến thật sự mạnh mẽ trên các vấn đề nói trên thì sự nỗ lực chủ quan cá nhân, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình đóng vai trò quyết định. Kinh nghiệm của Đảng ta từ khi ra đời đến nay cho thấy : vào những thời điểm ngặt nghèo, cam go, những bước ngoặt của lịch sử nếu làm tốt, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình sẽ góp phần quan trọng vượt qua được mọi thử thách, trụ vững và phát triển. Vì vậy, Đảng ta coi việc thực hiện tự phê bình và phê bình là "quy luật phát triển của Đảng". Hơn nữa, nhiều năm gần đây, nhất là từ khi đất nước bước vào cơ chế thị trường, chế độ tự phê bình và phê bình nhiều lúc, nhiều nơi không được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, thậm chí bị buông lỏng. Do đó, trong Cuộc vận động lần này, Đảng ta đã chủ trương "tiến hành tự phê bình và phê bình từ Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đến cơ sở, là khâu đột phá và là biện pháp có ý nghĩa then chốt bảo đảm cho các giải pháp khác thắng lợi" (2).

Sau một thời gian tiến hành tự phê bình và phê bình từ trung ương đến cơ sở, tuy đã đạt được một số kết quả bước đầu nhưng, nhìn chung, chưa hoàn thành được nhiệm vụ của khâu đột phá. Điều đó được thể hiện qua một số điểm sau đây :

- Nếu như trước Cuộc vận động "trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém : sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn" (3) thì sau hơn hai năm thực hiện, nhận định của Đảng ta là : "Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống... dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết" (4).

Ở một số nơi trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình vẫn chưa dám nhìn thẳng vào sự thật, chưa đánh giá được thực chất tình hình ở địa phương, đơn vị, chưa đưa được những vấn

---

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 56

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 24

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 52

Digitized by Google

đề nổi cộm của địa phương, đơn vị vào kiểm điểm. Những sự việc được góp ý, dư luận đòi hỏi phải làm rõ thì thường né tránh, nêu chung chung, không làm rõ mức độ, nguyên nhân, chưa có trách nhiệm, địa chỉ. Ở nhiều nơi, phần kiểm điểm về đạo đức, lối sống còn né tránh các vấn đề cụ thể như nhà, đất, tiêu cực trong các dự án, xây dựng cơ bản v.v...

- Nhiều bản kiểm điểm của tập thể và kiểm điểm của cá nhân chưa khớp nhau, có "độ vênh" khá lớn. Những khuyết điểm, thiếu sót trong bản kiểm điểm của tập thể chưa được thể hiện, không gắn với trách nhiệm cá nhân trong bản kiểm điểm cá nhân. Khuyết điểm của cá nhân chưa được phản ánh đúng đắn, đầy đủ khuyết điểm chung của tập thể đã nêu trong báo cáo. Một ví dụ rất điển hình về vấn đề này là, từ lâu Đảng ta đã báo động về nạn tham nhũng, coi đó là một trong bốn nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Tham nhũng lại chủ yếu trong cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Cho đến nay, tình trạng tham nhũng ở nước ta vẫn chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Ấy vậy mà trong đợt tự phê bình vừa qua hầu như chưa có cán bộ, đảng viên nào tự giác nhận là mình có tham nhũng.

- Cho đến nay vấn đề tự phê bình và phê bình vẫn chưa thành nền nếp. Ở nhiều nơi vẫn có xu hướng nể nang, tránh né "dĩ hòa vi quý", "dễ người dễ ta" trong tự phê bình và phê bình.

3. Nhiều cấp ủy, đảng viên là lãnh đạo chủ chốt chưa thực sự gương mẫu tự phê bình và phê bình.

Đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện khâu đột phá, đồng thời cũng là một nguyên nhân làm cho Cuộc vận động chưa đạt yêu cầu đề ra. Cũng có thể khẳng định rằng "mũi nhọn" trong khâu đột phá chính là sự gương mẫu, tự giác của các cấp ủy đảng, của cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Muốn tự phê bình và phê bình kết quả, cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cao cấp phải làm gương trước". Do thấy được ý nghĩa quyết định của vấn đề này, trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đồng chí Tổng Bí thư của Đảng lúc bấy giờ đã viết : "Tất cả các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí chủ trì các ban, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố, các tổng công ty, nghĩa là các đồng chí đương nhiệm, đang giữ trọng trách trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, cơ quan tư pháp, lực lượng vũ trang, các cơ quan quyền lực và tài chính phải thực sự gương mẫu trong cuộc tự phê bình và phê bình lần này". Trung ương cũng đã có sự chỉ đạo rất cụ thể vấn đề tự phê bình và phê bình, trước hết tập trung vào người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ; cấp trên làm trước, cấp dưới làm sau, cán bộ chủ chốt làm trước, cán bộ khác làm sau. Đối với những cán bộ, đảng viên có nhiều đơn, thư khiếu nại, tố cáo hoặc có vấn đề mà dư luận xã hội đề cập thì lãnh đạo cần gợi ý. Đối với những tập thể, cá nhân tự phê bình và phê bình chưa đạt yêu cầu, cấp trên phải chỉ đạo giải quyết những vấn đề mà trong tự phê bình và phê bình mới sáng tỏ một phần chưa được rõ ràng, dứt khoát v.v...

Nhờ sự chỉ đạo rất chặt chẽ của Trung ương, tuy đã có nhiều tổ chức, cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo, đảng viên gương mẫu trong tự phê bình và phê bình nhưng vẫn còn không ít cấp ủy đảng, đảng viên chưa thật sự gương mẫu thực hiện. Nhiều yếu kém, khuyết điểm, sai phạm của một số cấp ủy đảng, của cán bộ lãnh đạo cấp này hay cấp khác được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân biết khá rõ, nắm khá chắc nhưng khi cấp đó, cán bộ, đảng viên đó tự phê bình và phê bình lại không tự giác, không gương mẫu tự nhận. Ông cha ta thường có câu "thượng bất chính hạ tắc loạn". Những yếu kém, sai lầm, khuyết điểm của cấp trên, của cán bộ lãnh đạo không được tự giác nhận ra, không được làm rõ, quy trách nhiệm và kết luận rõ ràng thì đến khi chỉ đạo cấp dưới sẽ không thể có sự thẳng thắn, vô tư, mạnh dạn mà thường

Digitized by Google

rơi vào tình trạng "há miệng mắc quai" và kém hiệu quả. Chính vì thế tạo ra tình trạng nghe ngóng, chờ đợi xem cấp trên, xem người lãnh đạo của mình tự phê bình và phê bình thế nào để sau đó có cách đối phó, tùy cơ ứng biến. Ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, do cán bộ lãnh đạo vì chủ nghĩa cá nhân mà có nhiều khuyết điểm, sai lầm, mâu thuẫn nội bộ kéo dài, khi tự phê bình và phê bình không được làm rõ, không quy trách nhiệm cụ thể thì những yếu kém, khuyết điểm, sai phạm đó vẫn tồn đọng và trước sau lại được bộc lộ mà rõ nhất là trong dịp Đại hội đảng bộ các cấp vừa qua. Do đó, cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân rất trông chờ, mong đợi, theo dõi tinh thần gương mẫu, tự giác, thẳng thắn và nghiêm túc tự phê bình và phê bình của cấp trên, của người lãnh đạo, lấy đó làm gương mà làm theo.

4. Chưa thật sự dựa vào dân để tiến hành Cuộc vận động

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nhắc : "Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Người còn khẳng định : "Nếu không có nhân dân giúp sức thì Đảng không làm được việc gì hết". Liên hệ mật thiết với quần chúng, gắn bó mật thiết với nhân dân là một nguyên tắc bất di bất dịch của Đảng ta. Trong lịch sử của Đảng, bất cứ việc gì đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân đồng lòng, góp sức thì dù khó khăn đến mấy cuối cùng nhất định sẽ thắng lợi. Nghiêm túc mà nói, trong Cuộc vận động vừa qua, chúng ta chưa thật sự dựa vào dân, cụ thể hơn là chưa có cơ chế để người dân tham gia đóng góp ý kiến phê bình, chất vấn tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên ; chưa có cơ chế động viên, khuyến khích nhân dân phát hiện những sai phạm, tiêu cực, tham nhũng của tổ chức và đảng viên ; chưa có cơ chế hợp lý để phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong công tác xây dựng Đảng. Cũng có ý kiến cho rằng Cuộc vận động này là công việc của nội bộ đảng, của đảng viên cho nên đối tượng tham gia chủ yếu trong nội bộ đảng. Nói như vậy không hoàn toàn đúng vì Đảng ta không có lợi ích nào ngoài lợi ích của giai cấp, của dân tộc, của nhân dân. Sức mạnh của Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ ở những ưu điểm và thành tích mà còn ở chỗ nhìn thấy và sửa chữa cho được những thiếu sót, sai lầm, khuyết điểm ; là tổ chức vận động đông đảo nhân dân tham gia vào các phong trào cách mạng, kể cả trong công tác xây dựng Đảng. Một đảng dám thẳng thắn chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa thì càng chứng tỏ đó là một đảng mạnh.

Nhân dân ta là người hơn ai hết hiểu rất rõ và đánh giá rất công bằng những thành tích cũng như những sai lầm, khuyết điểm của tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên ở nơi họ sống. Do đó, nếu chúng ta chưa phát động được nhân dân giám sát thì Đảng có "nghìn tay, nghìn mắt" cũng không thể quản lý được cán bộ, đảng viên của mình. Vì vậy, chưa có cơ chế hợp lý, hiệu quả để nhân dân ta giám sát, kiểm tra, góp ý kiến với Đảng, với cán bộ, đảng viên cũng chính là giảm một nguồn sức mạnh to lớn để thực hiện thành công Cuộc vận động.

*
* *

Ngày 7-6-2001, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã có Chỉ thị *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII*. Bản Chỉ thị "yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp đối chiếu với yêu cầu Cuộc vận động khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao chưa đạt yêu cầu ; xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân ; đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể, có tính khả thi để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới".

Thực hiện tốt những nội dung của Chỉ thị, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành nhiệm vụ và yêu cầu của Cuộc vận động đề ra. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

NGUYỄN HOÀNH XANH *

TẠI Đại hội VII và Đại hội VIII, Đảng ta đã xác định đường lối phát triển kinh tế của nước ta là thực hiện và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, nền kinh tế đất nước đã đạt được tốc độ tăng GDP trung bình hằng năm giai đoạn 1991 - 2000 là 7,72%. Quá trình thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế trong giai đoạn này đã giành được thành tựu to lớn và rất quan trọng : GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với 1990.

Gắn liền với quá trình đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, hoạt động ngân hàng đã có những thay đổi và chuyển biến mạnh mẽ nhằm thích nghi với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Hoạt động ngân hàng đã góp phần kiềm chế tốc độ lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời, gia tăng nguồn vốn tín dụng và tổng phương tiện thanh toán, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự phát triển kinh tế, thiên về số lượng, việc khai thác các tiềm năng sẵn có của các nguồn nhân lực, vật lực và tài nguyên khác theo chiều rộng chỉ thích hợp với nền kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi. Những nguồn lực này trong thời gian qua đã được khai thác triệt để. Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay phải mang nội dung mới phù hợp với bước phát triển của thời đại mới. Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 trong Báo cáo Chính trị Đại hội IX được xác định rõ : "Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, chuyển mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả phát triển kinh tế, mở rộng nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh và phát huy nhân tố con người, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ".

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới phải được đặt trong bối cảnh mới, Việt Nam chuẩn bị gia nhập Hiệp ước AFTA (khu vực mậu dịch tự do ASEAN), đã ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Trong xu hướng toàn cầu hóa kinh tế quốc tế, khi từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới và toàn cầu hóa kinh tế thế giới là tất yếu khách quan trong thời đại ngày nay, Việt Nam có rất nhiều cơ hội và cũng không ít những thách thức. Tuy nhiên, với kinh nghiệm công nghiệp hóa trước đây của các nước Đông Á và các nước Đông - Nam Á, Việt Nam sẽ rút ra cho mình không ít những bài học thiết thực. Mặt khác, công nghiệp hóa và hiện đại hóa phải hướng tới và vận dụng kinh tế tri thức - hướng phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ XXI với những đặc trưng chủ yếu là : công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và hàm lượng chất xám chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm.

Ngân hàng là một ngành kinh tế tổng hợp gắn liền với quá trình vận động và phát triển

* Ths. Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

của nền kinh tế. Với nội dung mới của thời đại mới, hoạt động ngân hàng sẽ có vai trò như thế nào đối với việc đẩy nhanh tốc độ phát triển đất nước ? Trong điều kiện của nền kinh tế phát triển, ngân hàng có vai trò cực kỳ quan trọng. *Hoạt động ngân hàng tác động đến tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa cả trên cấp độ vĩ mô lẫn cấp độ vi mô.* Trên cấp độ vĩ mô, hoạt động ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước) sẽ tác động theo hướng từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Trên cấp độ vi mô, hoạt động ngân hàng (Ngân hàng Thương mại) sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, góp phần tích cực vào quá trình tích tụ và tập trung vốn của các doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp chủ đạo trong khu vực kinh tế nhà nước (các Tổng công ty 90, 91) ; đến các ngành công nghiệp mũi nhọn hướng về xuất khẩu, nhằm tạo ra sức đột phá trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Để hoạt động của ngân hàng từng bước có hiệu quả trên cả cấp độ vĩ mô lẫn cấp độ vi mô, chúng tôi xin đề đạt một vài giải pháp sau đây :

1. Trên cấp độ vĩ mô.

Ngân hàng Nhà nước phải *tăng khả năng chuyển đổi của đồng Việt Nam* trong điều kiện của nền kinh tế mở (open economy) nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư, *đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trung và dài hạn.* Trong giai đoạn mới, cần phải có một lượng vốn đầu tư lớn. Theo thông lệ quốc tế, trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, hệ số ICOR (Incremental Capital Output rate : để tăng một đơn vị sản phẩm cần bao nhiêu đơn vị vốn) phải là 2,5. Trong giai đoạn tiếp theo, hệ số ICOR phải gấp từ 4 - 6 lần. Để có khả năng hấp thụ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước phải *tích cực hoàn thiện thị trường tài chính tiền tệ theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.* Trong điều kiện thị trường chứng khoán mới ra đời, khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, vai trò của các tổ chức tín dụng là cực kỳ to lớn, nhất là các ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển, các công ty tài chính, vì đó là các định chế tài chính mà chức năng chủ yếu là thu hút nguồn vốn trung và dài hạn. Tuy nhiên, khi tạo điều kiện thuận lợi cho luồng vốn đầu tư chảy vào Việt Nam dễ dàng, thì ngược lại, đồng vốn đầu tư cũng có nhiều điều kiện chuyển dịch ra khỏi Việt Nam khi kinh tế quốc tế có những biến động. Vấn đề là ở chỗ, *các nhà hoạch định chính sách phải có nhãn quan sâu rộng về kinh tế quốc tế để có những quyết sách đúng đắn.* Chúng ta khó có thể dự đoán được xu hướng dịch chuyển và vận động của luồng vốn đầu tư ngắn hạn, nhưng có thể dự đoán được trong đầu tư dài hạn. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ tại Thái Lan (1996 - 1997) là bài học nhãn tiền : khi nền kinh tế hấp thụ quá nhiều vốn đầu tư ngắn hạn, đến lúc luồng vốn này sút giảm quá nhanh, đã gây nên hậu quả nặng nề.

- Ngân hàng Nhà nước cần phối kết hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, cùng các bộ, ban, ngành có liên quan khác *thiết lập các định chế tài chính - tín dụng với một cơ chế tài chính ưu đãi về thuế, lãi suất,* để thúc đẩy sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và hoạt động nghiên cứu khoa học. Tranh thủ các nguồn tài trợ của IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế), WB (Ngân hàng thế giới), ADB (Ngân hàng phát triển châu Á) về phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục. Với sự phát triển mới của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, hoạt động nghiên cứu, sẽ tạo nên sự thay đổi về chất trong tiến trình đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Ngân hàng Nhà nước cần *nhanh chóng áp dụng hệ thống kế toán trong toàn bộ hoạt động theo các tiêu chí quốc tế* để đánh giá được sát

Digitized by Google

thực tiềm lực tài chính của hệ thống ngân hàng, có những quyết sách đúng đắn, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, giúp hệ thống ngân hàng thương mại có thể hội nhập với hoạt động tài chính quốc tế. Hiện tại, còn có độ chênh rất lớn trong xác định giá trị tài sản không sinh lời của hệ thống ngân hàng. Theo một số chuyên gia kinh tế, cách đánh giá nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước theo tiêu chuẩn kế toán hiện hành của toàn hệ thống ngân hàng là 1 tỉ đô la. Còn theo tiêu chí kế toán quốc tế, con số đó có thể lên đến 3 - 4 tỉ đô la.

- Ngân hàng Nhà nước cần *tham mưu cho chính phủ thúc đẩy việc mở rộng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động kinh tế thông qua hệ thống ngân hàng*, giúp các doanh nghiệp rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trên phạm vi toàn xã hội. Nhanh chóng *hoàn thiện hệ thống chuyển tiền điện tử và thanh toán liên ngân hàng*, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thị trường liên ngân hàng và thị trường mở nhằm khai thác tối đa nguồn vốn khả dụng, đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng cao của nền kinh tế.

2. Trên cấp độ vi mô.

Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng Thương mại phải đặt trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế đất nước. Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi, vốn hoạt động của Ngân hàng Thương mại chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn hoạt động của doanh nghiệp. Vai trò của Ngân hàng Thương mại như là một "cú huých" tạo đà cho nền kinh tế bước vào giai đoạn phát triển mới. Có những doanh nghiệp có vốn của ngân hàng thương mại chiếm tới 80% tổng nguồn vốn hoạt động, vì thế, ngân hàng thương mại có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình cải cách, sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước. Ngân hàng Thương mại phải tích cực hơn nữa trong việc xác định và *giải thể các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ*, thúc đẩy, *hỗ trợ mạnh mẽ các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả*. Nếu các năm 1995 - 1996, các ngân hàng thương mại đã thực hiện tốt vấn đề này thì sẽ không phải chịu hậu quả nặng nề của vụ án Epco - Minh Phụng với số tiền thất thoát 4 000 tỉ đồng. Vào thời điểm này, bằng số tiền đó, Ngân hàng Thương mại có thể tài trợ vốn để hình thành một số khu công nghiệp kỹ thuật cao.

- Chính sách tín dụng của Ngân hàng Thương mại phải *ưu tiên cho những ngành kinh tế mũi nhọn*, những sản phẩm chiến lược có tính quyết định đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chính vì lẽ đó, Ngân hàng Thương mại phải chủ động tham gia *xây dựng chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, cung cấp thông tin tư vấn* cho doanh nghiệp *tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm*, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhằm giúp cho doanh nghiệp có phương án kinh doanh hữu hiệu nhất. Suy cho cùng, hoạt động kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp sẽ đem lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

- Ngân hàng Thương mại phải có *chiến lược dài hạn về huy động vốn và sử dụng vốn, tăng tỉ trọng vốn trung, dài hạn trong hoạt động tín dụng*. Để tạo nên sự vận hành đồng bộ trong quá trình phát triển kinh tế, song song với quá trình sắp xếp lại, cổ phần hóa của các doanh nghiệp đã và đang diễn ra, bản thân các ngân hàng thương mại cũng nên sắp xếp, hợp nhất lại thành những tập đoàn ngân hàng đủ mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân. Để đẩy nhanh tiến độ, phải kết hợp các nguồn lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp. Nâng cao vai trò của ngân hàng trong quá trình này cùng với sự kết hợp chặt chẽ với các chính sách vĩ mô khác sẽ góp phần đáng kể cho công cuộc xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay ; tạo đà cho thắng lợi ở các giai đoạn tiếp theo. ❑

Digitized by Google

CHỈ SỐ GIÁ CẢ Ở NƯỚC TA - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

XUÂN HOÀNH

BƯỚC sang năm 2001, chỉ số giá cả ở nước ta biến động có xu hướng rất khác thường. Điều đáng chú ý là 6 tháng đầu năm 2001 chỉ số giá cả chững lại. Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có nhiều mặt tiếp tục diễn biến theo chiều hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu có mức tăng tương đối cao, nhưng những dấu hiệu trên đã cho chúng ta thấy rằng, sản xuất - kinh doanh đang gặp những khó khăn, nổi bật là về thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa ; sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và các sản phẩm công nghiệp nói riêng vẫn còn yếu ; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được khắc phục. Vì vậy, trong 6 tháng cuối năm 2001 cần có giải pháp để thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê : Giá vàng 99,99 AU luôn dao động ở mức 470 000 đến 485 000 đ/chỉ, không tăng mà cũng không giảm trong 5 tháng liên tục. Những ngày của tuần cuối tháng 6 năm 2001 giá vàng tăng 0,9% so với tháng trước và giảm 0,5% so với tháng 12-2000. Còn giá USD cũng dao động ở mức 14 800 đ/USD duy trì khá ổn định trong 5 tháng liên tục. Trong 3 tuần cuối tháng 6 có tăng đột biến mỗi USD cao 200 đ so với trước là do giá USD so với các đồng tiền khác trên thế giới tăng. Chỉ số giá USD 6 tháng tăng 0,8% so với tháng 5-2001 và tăng 1,1% so với tháng 12-2000. Việc tăng giá USD vừa qua là cơn sốt nhẹ không đáng lo sợ.

Điều đáng lo ngại là giá lương thực ở thế giới giảm mạnh khiến cho việc xuất khẩu gạo và giá mua gạo của nông dân gặp nhiều khó khăn. Vừa qua, Chính phủ đã phải bỏ ra khoản tiền lớn để mua gạo tạm trữ, gia hạn 1 năm cho kế hoạch dự trữ gạo để ổn định giá gạo trong và sau khi thu hoạch vụ đông xuân nhằm bảo vệ sản xuất nông nghiệp. Đây là một giải pháp tình thế được nhân dân đồng tình ủng hộ. Giá các mặt hàng nông sản như cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều... đều giảm. Giá cà phê trong 5 tháng đầu năm 2001 đã giảm 50% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi đó giá gạo giảm từ 10 - 15%. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu một số nông sản phẩm tăng khá như cà phê tăng 51%, hạt tiêu tăng 44,6%, hạt điều tăng 17,5%, gạo tăng 34,5%. Điều đáng lưu ý là sự mất giá của hàng nông sản đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu cũng như sức mua của nông dân - chiếm gần 80% dân số của nước ta.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của nước ta trong 6 tháng đầu năm 2001 đã giảm xuống còn 14% so với mức 32% cùng kỳ năm ngoái do xuất khẩu nông sản tiếp tục giảm và doanh thu từ dầu thô và hàng hóa khác cũng có phần giảm sút, chắc chắn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2001. Thu nhập của xuất khẩu gạo trong 6 tháng đầu năm nay chỉ tăng 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái, mặc dù tăng 34,5% về khối lượng xuất khẩu. Doanh thu từ xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 15,2%, mặc dù tăng 51,2% về doanh số bán ra. Kim ngạch xuất khẩu các loại hàng hóa khác như hạt tiêu, hạt điều, lạc, chè cũng giảm trong giai đoạn hiện nay.

Theo các nhà kinh tế thế giới, sản lượng lương thực lớn hơn thường lệ ở nhiều khu vực nông nghiệp trên thế giới sẽ tiếp tục bảo đảm tăng nguồn cung cấp lương thực và dẫn tới giá gạo sẽ rất hạ trong năm 2001 và cả năm sau. Tốc độ tăng trưởng toàn cầu chậm lại đã làm giảm nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng xuất khẩu của ta như giày dép, hàng may mặc và điện tử. Kim ngạch xuất khẩu giày dép trong 6 tháng đầu năm 2001 đã giảm 3,7% so với mức tăng trưởng 11% năm ngoái. Số hàng điện tử và linh kiện

Digitized by Google

máy tính bán ra trong 6 tháng đầu năm 2001 đã giảm 20,5% so với mức tăng trưởng 40% cùng kỳ năm ngoái.

Điều đáng phấn khởi là 6 tháng đầu năm 2001 Việt Nam đã xuất khẩu dầu thô đạt 8,69 triệu tấn (khối lượng xuất khẩu tối đa là 15 - 16 triệu tấn/năm) và sẽ tiếp tục tăng trong 6 tháng cuối năm. Các công ty nước ngoài cũng đầu tư thêm 274 triệu USD vào 76 dự án đã được cấp giấy phép. Số dự án đầu tư đã tăng 30% và tổng giá trị các dự án cũng tăng 38,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Hà Lan, Đài Loan, Nhật Bản có số vốn đầu tư nhiều nhất vào thị trường Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2001. Những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ góp phần làm cho nền kinh tế nước ta khởi sắc.

Trong 6 tháng năm 2001, chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam đã giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể là giá lương thực giảm 0,8% ; giá các nhóm hàng may mặc, giày dép, mũ nón, phương tiện đi lại, bưu điện, hàng hóa dịch vụ khác giảm 0,2% ; giá các nhóm hàng phục vụ giáo dục, thiết bị, đồ dùng gia đình, dược phẩm y tế tăng từ 0,2 - 0,9% ; các mặt hàng đồ uống, thuốc lá, nhà ở, vật liệu xây dựng, văn hóa thể thao bằng các tháng trước. Chỉ số giá tiêu dùng trong 6 tháng đầu năm 2001 giảm 0,7% so với năm 2000. Các mặt hàng được dùng để tính chỉ số giá tiêu dùng chủ yếu là ngũ cốc và lương thực bị giảm giá mạnh từ năm ngoái.

Do tình hình biến động giá cả trên, theo tôi thực trạng nền kinh tế nước ta hiện nay rất đáng lo ngại. Điều này được chứng minh cụ thể sau : năm 1997, tốc độ tăng trưởng kinh tế 8,2% ; tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán 26,1% (cao gấp 3,2 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế) ; tốc độ tăng vốn huy động 25,7% ; tốc độ tăng dư nợ tín dụng 22%, vừa thấp hơn tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, vừa thấp hơn tốc độ tăng vốn huy động ; tốc độ tăng giá tiêu dùng 3,6% thấp xa hơn so với tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán. Năm 1998, tốc độ tăng trưởng kinh tế 5,8% ; tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán 23,9% (cao 4,2 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế) ; tốc độ tăng vốn huy động 34% ; tốc độ tăng dư nợ tín dụng 16,4%, thấp chỉ bằng 1/2 tốc độ tăng vốn huy động và thấp chỉ bằng 2/3 tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán ; tốc độ tăng giá tiêu dùng 9,2%. Năm 1999, tốc độ tăng trưởng kinh tế 4,8% ; tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán 39,3% (cao gấp 8,2 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế) ; tốc độ tăng vốn huy động 34% ; tốc độ tăng dư nợ tín dụng 19,2%, vừa thấp hơn tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, vừa thấp hơn tốc độ tăng vốn huy động ; tốc độ tăng giá tiêu dùng chỉ có 0,1%. Năm 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế 6,7% ; tốc độ tăng trưởng phương tiện thanh toán 25% ; tốc độ tăng vốn huy động 29% ; tốc độ tăng dư nợ tín dụng 25% ; tốc độ tăng giá tiêu dùng -0,6% (lần đầu tiên tính từ năm 1976 mang dấu âm).

Bước sang năm 2001, những tháng đầu năm giá tiêu dùng có xu hướng lặp lại 4 năm trước đó, tức là giảm ngay từ tháng 3 nhưng với mức nặng nề hơn. Chỉ sau 4 tháng, giá tiêu dùng đã giảm 0,5% là điều chưa từng xảy ra trong thời gian cùng kỳ tính từ năm 1976 đến nay. Thực tế cho thấy cung hàng hóa trong nước có biểu hiện thừa trong khi mức cầu không đổi hoặc ngược lại cầu hàng hóa suy giảm trong khi cung không đổi.

Nguyên nhân của tình hình trên là do :

Một là, tình hình diễn biến của kinh tế thế giới đang rất phức tạp, chứa đựng những yếu tố tác động không thuận đến nền kinh tế nước ta. Mức tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2001 dự đoán không chỉ kém năm trước mà còn thấp hơn năm 1998 là năm chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở nhiều nước châu Á và thế giới. Sự suy giảm kinh tế của các nước khu vực cùng với các biện pháp hạ lãi suất, giảm giá đồng tiền, tăng hàng rào bảo hộ được áp dụng ở nhiều quốc gia để ứng phó với tình thế khiến cho thị trường tiêu thụ hàng hóa và thu hút đầu tư nước ngoài vào nước ta thêm khó khăn, sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam vốn đã yếu lại bị bất lợi thêm về tỷ giá và bị thua thiệt do sự giảm giá trên thị trường thế giới nhất là giá nông sản. Việc tiêu thụ sản phẩm nhất là nông sản hàng hóa đang là vấn đề bức xúc cần được tháo gỡ ngay trong 6 tháng cuối năm 2001.

Digitized by Google

Hai là, sức mua của dân cư còn hạn chế ảnh hưởng đến quan hệ cung cầu hàng hóa trên thị trường. Hiện nay, ở nhiều địa phương, cơ sở, tập thể, cá nhân có nhu cầu lớn về hàng hóa nhưng không có khả năng thanh toán. Thu nhập của nông dân vùng nông thôn, miền núi đạt thấp, đồng vốn eo hẹp, nên sức mua rất thấp. Mặc dù Chính phủ có các giải pháp nhằm kích cầu tiêu dùng và đầu tư song các biện pháp đó đi vào thực tiễn còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Ba là, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại chậm được khắc phục nên hàng nước ngoài tràn vào, giá rẻ làm ảnh hưởng đến sản xuất hàng hóa ở trong nước. Mặc dù Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương có nhiều biện pháp ngăn chặn, song tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới, nhất là đường bộ và đường biển vẫn chưa giảm mà có chiều hướng gia tăng. Hàng ngoại tràn vào trốn thuế nên giá trị làm ảnh hưởng đến sản xuất trong nước. Nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng hóa không bán được ảnh hưởng đến quá trình tái sản xuất và vòng quay đồng vốn.

Bốn là, các chính sách tài chính tiền tệ và quản lý điều hành nền kinh tế còn hạn chế. Ngân hàng đã nhiều lần hạ lãi suất cho vay song tình trạng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại vẫn còn lớn. Việc cho vay đến hộ sản xuất kinh doanh còn phiền hà, chậm trễ, khiến cho nhiều hộ chưa phấn khởi đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất.

Năm là, việc thực hiện bước đầu các luật thuế mới (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế đầu tư nước ngoài...) đã từng bước đi vào thực tiễn cuộc sống, song vấn đề quản lý thực hiện chưa tốt làm cho nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh không ổn định, ảnh hưởng đến nguồn thu thuế và ngân sách. Vấn đề đặt ra là cần tiếp tục cải cách hệ thống thuế cho phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Hoàn thiện đơn giản các sắc thuế để áp dụng một hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt, giá cả biến động có lợi cho tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, theo tôi, cần có các giải pháp sau :

Thứ nhất : Giảm thuế và tăng chi tiêu của Chính phủ nhằm kích cầu tiêu dùng và đầu tư. Các biện pháp cần làm là : giảm lãi suất, tăng tiêu dùng và đầu tư, nhanh chóng đưa nền kinh tế đi lên theo hướng sản xuất phát triển, giá cả ổn định. Coi trọng việc tăng lương, tăng chi tiêu sản xuất và tiêu dùng. Ở một số nước có nền kinh tế tương tự như ta, họ áp dụng biện pháp đánh thuế thu nhập vào người gửi tiền nhiều. Sở dĩ làm các biện pháp trên là nhằm kích cầu tiêu dùng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Ngoài ra, nắm bắt dự báo thị trường cả ở trong nước và ngoài nước (khả năng tiêu thụ hàng hóa) để Chính phủ có giải pháp kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Điều quan trọng là đưa tiền ra lưu thông nhiều hơn để kích cầu tăng sức mua của thị trường.

Thứ hai : Thực hiện nới lỏng chính sách tiền tệ. Muốn thực hiện giải pháp trên cần coi trọng ba điểm sau :

- Giảm lãi suất với cải thiện chính sách cho vay.
- Sự phối hợp giữa chính sách tài chính và tiền tệ làm tăng cầu nội địa.
- Tăng lượng tiền vào trong lưu thông, tăng cung ứng vốn và hạ lãi suất, nhất là ở nông thôn, miền núi và hải đảo.

Làm tốt giải pháp trên sẽ góp phần làm cho quá trình lưu thông tiền tệ và lưu thông hàng hóa vận hành thông suốt, tác động lẫn nhau thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Thứ ba : Chú trọng phát triển hàng hóa xuất khẩu sang thị trường có tổng cầu cao và ổn định. Thực tế cho thấy, kích thích tổng cầu, quan tâm đến thị trường trong nước là cách làm cơ bản lâu dài cho sự tăng trưởng ổn định. Tuy vậy, chúng ta cần coi trọng thị trường ngoài nước như Tây Âu và Bắc Mỹ có thị trường ổn định, có tổng cầu cao. Phát triển được xuất khẩu vào thị trường có tổng cầu cao, ổn định có nghĩa là

Digitized by Google

bảo vệ được giá xuất khẩu, chống thiểu phát, tạo ổn định đầu ra và việc làm của lao động trong nước. Như vậy sẽ gián tiếp kích thích tổng cầu nội địa. Trong thời điểm hiện nay đồng đô la Mỹ lên giá, những người làm hàng xuất khẩu trong nước là có lợi, vì họ thu về bằng USD trong khi giá đầu vào không thay đổi.

Thứ tư : Chống thiểu phát và kích cầu cần cải tạo cơ cấu thị trường sản phẩm nội địa. Xây dựng một thị trường sản phẩm nội địa tốt có sản phẩm uy tín đủ sức cạnh tranh, xóa bỏ cơ chế độc quyền trong kinh doanh. Muốn vậy, áp dụng một biểu thuế thu nhập doanh nghiệp thống nhất với chính sách ưu đãi thống nhất cho tất cả các loại hình doanh nghiệp để động viên tối đa các nguồn lực trong nước đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm.

Thứ năm : Gia tăng tổng phương tiện thanh toán với tốc độ cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đưa tốc độ tăng số dư nợ tín dụng cao hơn tốc độ tăng vốn huy động để đưa tiền ra lưu thông nhiều hơn. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, mở rộng đối tượng vay vốn và điều kiện cho vay thuận lợi. Mục tiêu quan trọng là tăng sức mua của thị trường trong nước, tăng cường hoạt động tiếp thị mở rộng các trung tâm thương mại nông thôn, có các cơ sở chế biến hàng công nghiệp thuận lợi cho dân cư để kích thích tiêu dùng hàng công nghiệp sản xuất trong nước.

Thứ sáu : Tiếp tục hạ lãi suất cho vay và lãi suất huy động. Hạ lãi suất cho vay để đưa tiền ra lưu thông. Hạ lãi suất huy động đến mức làm cho người có nhiều tiền nhận thức rằng phải kiếm kênh đầu tư là có lợi hơn gửi vào ngân hàng. Trong điều kiện chỉ số giá cả hàng hóa giảm thì sức hấp dẫn của lãi suất huy động như hiện nay còn rất lớn và lãi suất cho vay trở thành không hấp dẫn. Thiểu phát còn nguy hiểm hơn lạm phát. Cho nên, việc điều chỉnh chỉ số giá cả ở nước ta để chống thiểu phát trở thành một vấn đề bức bách hiện nay nhằm đưa nền kinh tế vững bước đi lên. ❑

KINH TẾ BIỂN...

(Tiếp theo trang 56)

lược kinh tế biển để phát huy vai trò đầu tầu, chủ đạo của mình.

Tiếp nữa là công tác nghiên cứu khoa học về biển, kinh tế biển, cũng như công tác đào tạo ở vùng biển Bắc Bộ hiện nay còn quá thiếu và yếu. Chẳng hạn như, chuyển từ nuôi trồng thủy sản quảng canh, sang nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp là phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng hình mẫu về nuôi trồng theo phương pháp mới để lôi cuốn nông dân, là phải đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất con giống, thức ăn, thuốc trừ dịch bệnh, và cả quy trình kỹ thuật nuôi mới cho hiệu quả cao được. Ở Hải Phòng trước đây đã có các cơ sở khá tốt để đảm nhiệm các mặt công tác nói trên, nhưng nay hầu như không còn, hoặc nếu còn cũng đã giảm vai trò, thậm chí chỉ còn ở mức độ chi nhánh mà thôi.

Tiềm năng kinh tế biển là dồi dào và chúng ta đã cố gắng rất nhiều để khai thác và đã thu được những kết quả không nhỏ. Song vì còn một loạt vấn đề chưa được xem xét thật kỹ lưỡng, chưa được giải quyết thật thấu đáo như sự đánh giá thực trạng, khả năng thực tế, ngành mũi nhọn đột phá ; cơ chế chính sách, chủ trương, phương hướng lâu dài, cũng như các giải pháp trước mắt v.v.. Do đó, tốc độ phát triển chưa cao, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy địa phương chậm đi vào cuộc sống. Suốt chặng đường đi, càng tìm hiểu chúng tôi càng trăn trở, suy ngẫm rằng, vùng biển của nước ta, với diện tích mặt nước rộng gấp ba lần diện tích của đất liền phải làm thế nào và với bước đi ra sao để khai thác hết tiềm năng, phát huy lợi thế so sánh sẵn có. Và vùng duyên hải Bắc Bộ, mà Hải Phòng, Quảng Ninh là những bộ phận không thể tách rời, đang có những tiềm năng kinh tế biển đặc biệt dồi dào, hoàn toàn có khả năng phát triển mạnh mẽ ; đang được và đang chờ được khơi dậy để đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. ❑

Digitized by Google

NGƯỜI LÃNH ĐẠO THỜI NAY

NGUYỄN TIẾN

TRẦN Nhật Duật (1253 - 1330) - Thái úy quốc công, Chiêu văn đại vương của triều Trần - từ bé đã nổi tiếng là người hiếu học và "sớm lộ thiên tri". Ông nói rất giỏi tiếng Hán và tiếng Chiêm Thành. Chẳng những thế, ông còn hiểu tường tận phong tục, tập quán của các dân tộc đó. Có lần tiếp xúc với viên sứ thần nhà Nguyên (Trung Quốc) Trần Nhật Duật đã trò chuyện rất tự nhiên, vui vẻ (không cần phiên dịch) khiến viên sứ thần này phải thốt lên : "Ông nói tiếng Hán còn hay hơn cả người Hán). Sau đó, khi về nước, viên sứ thần đã tâu với Hoàng đế nhà Nguyên rằng Trần Nhật Duật chắc chắn là người Hán ở Chân Định (gần Bắc Kinh) sang làm quan bên Đại Việt.

Chẳng những giỏi tiếng nước ngoài, Trần Nhật Duật còn nói rất giỏi và am hiểu tường tận phong tục, tập quán của nhiều dân tộc thiểu số ở trong nước. Sử sách còn ghi lại câu chuyện : Vào những năm quân Nguyên đang chuẩn bị đại binh để xâm lược nước ta thì ở miền Tây Bắc, chúa đạo Đà Giang tên là Trịnh Giác Mật nổi lên chống lại triều đình. Cần phải dẹp ngay mối bất hòa trong nước để tập trung sức chống giặc ngoại xâm. Trần Nhật Duật nhận chiếu chỉ của vua đảm đương trọng trách này. Thế là vị tướng trẻ 27 tuổi dưới cờ hiệu "trấn thủ Đà Giang" làm lễ ra quân lên đường dẹp loạn. Hay tin, Trịnh Giác Mật họp các đầu mục tìm cách đối phó và bàn kế hãm hại vị tướng trẻ nên đã sai người đưa thư tới Trần Nhật Duật. Thư viết : "Giác Mật không giám trái lệnh triều đình. Nếu ân chủ một mình một ngựa đến, Giác Mật xin đầu hàng ngay". Mặc cho các tướng sĩ can ngăn, Trần Nhật Duật vẫn một mình một ngựa (chỉ đem theo mấy tiểu đồng cắp tráp theo hầu) ung dung đến trại của Giác Mật. Trần Nhật Duật nói chuyện với Trịnh Giác Mật bằng chính ngôn ngữ và theo đúng phong tục, tập quán của người Đà Giang : *"lũ tiểu đồng của ta khi đi đường thì nóng tai trái, vào đến đây thì nóng tai phải"*. Nghe vậy, từ Trịnh Giác Mật cho đến các đầu mục đều sững sờ kinh ngạc trước sự am hiểu tường tận ngôn ngữ và tập tục người Đà Giang của Trần Nhật Duật. Rồi mâm rượu được bưng lên chỉ có hai nửa vỏ quả bầu khô sóng sánh rượu và đĩa thịt nai muối. Trịnh Giác Mật nheo mắt mời thách thức. Trần Nhật Duật không chút ngần ngại dùng tay bốc thịt ăn, rồi vừa nhai vừa ngửa mặt cầm gáo rượu từ từ rót vào hai lỗ mũi (uống rượu bằng mũi - NT) hết sức thành thạo. Trịnh Giác Mật kinh ngạc thốt lên : "Chiêu văn đại vương là anh em với ta". Trần Nhật Duật từ tốn : "Chúng ta lâu nay vẫn là anh em một nhà". Rồi sau đó các tiểu đồng mở tráp lấy ra những chiếc vòng bạc sáng lóa để Trần Nhật Duật trao tặng cho từng đầu mục Đà Giang theo đúng tục lệ của họ. Trịnh Giác Mật quy thuận triều đình, hiểm họa bên trong không còn nữa, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân được nhân lên. Chính vì thế dân tộc ta đã đại thắng quân Nguyên.

Một vị cán bộ cách mạng lão thành (nguyên là cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng) sau khi kể lại chuyện này bèn nói : "người cán bộ lãnh đạo thời nay cũng phải có tư chất như vậy".

Vâng ! mong muốn của ông cũng là mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Công bằng mà nói, thời nay - thời đại Hồ Chí Minh - dân tộc ta cũng không thiếu gì những người tài trí song toàn như Trần Nhật Duật. Song tỷ lệ những người như thế thời nay phải hơn thời xưa gấp nhiều lần mới hợp quy luật và hợp với lôgic thông thường.

Tài năng, đức độ của mỗi người không phải do "trời phú" mà như Bác Hồ thường nói chủ yếu là "do rèn luyện mà nên". Đất nước ta đang trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới. Vì thế, để đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới này, cán bộ lãnh đạo, quản lý, *nhất là ở cấp vĩ mô*, ngoài việc rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống còn phải khổ công rèn luyện để có được *tri thức cao* về mọi mặt của đời sống xã hội. Có như thế chúng ta mới đủ sức chủ động hội nhập với thế giới bên ngoài. ❑

Digitized by Google

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG TRONG SỰ BẮT CHƯỚC CÔNG NGHỆ CỦA NHẬT BẢN

HOÀNG XUÂN LONG *

CON đường phát triển của Nhật Bản đã từng gắn liền với việc áp dụng và học tập các thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới. Mặc dù đã có thời bị coi là "kẻ bắt chước", "kẻ cải tiến", "người đi nhờ xe không mất tiền"..., nhưng rồi với những phát triển thần kỳ, kinh nghiệm của Nhật Bản nhanh chóng được nêu lên thành bài học chung cho các nước đang phát triển. Tuy nhiên, để áp dụng bài học này, trước hết, cần tìm hiểu về những nhân tố cốt lõi tạo nên sự bắt chước thành công của Nhật Bản.

BẮT CHƯỚC CÓ TÍNH SÁNG TẠO

Tìm kiếm, săn lùng và du nhập những công nghệ trên thế giới là hoạt động được coi trọng và diễn ra phổ biến ở Nhật Bản. Trong thời kỳ từ năm 1951 đến năm 1983, Nhật Bản từng tiến hành 41 972 số lần nhập công nghệ của nước ngoài với chi phí là 3 821 triệu USD - tính trung bình mỗi năm có 1 312 số lần nhập công nghệ. Tuy ký kết rất nhiều hợp đồng nhập mọi công nghệ nhưng người Nhật không cam chịu thụ động chấp nhận những gì sẵn có của thiên hạ. Trái hẳn với bắt chước mang tính sao chép, ở đây thể hiện rất rõ đường lối bắt chước mang tính sáng tạo.

Nhờ nỗ lực sáng tạo trong sử dụng công nghệ nhập ngoại mà từ một nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, rất lạc hậu về mặt nghiên cứu triển khai và bị cô lập trong thời gian chiến tranh không được tiếp xúc với những công trình ở các nước khác trên thế giới, Nhật Bản đã tiến thẳng vào kỷ nguyên công nghệ cao (trở thành độc lập về mặt công nghệ vào năm 1980). Cũng nhờ thông qua nỗ lực sáng tạo, các công nghệ nhập ngoại được cải tiến và sau đó vượt trội so với trình độ của chính nước xuất khẩu công nghệ. Có thể kể ra rất nhiều ví dụ về sự vượt trội này :

- Nhật Bản phát triển công nghiệp máy công cụ điều khiển bằng số vào năm 1955 trên cơ sở nhập khẩu công nghệ từ Mỹ và từ cuối năm 1960 máy công cụ điều khiển bằng số giá thấp của Nhật đã được sản xuất hàng loạt và thâm nhập vào thị trường Mỹ.

- Công nghệ về bóng bán dẫn vốn được nhập từ Mỹ vào Nhật Bản. Sau quá trình biến đổi, cải tiến liên tục, ngành điện tử sử dụng bóng bán dẫn của Nhật Bản đã có sức cạnh tranh hàng đầu trên thế giới.

- Người Nhật học kỹ thuật "kiểm tra chất lượng" của người Mỹ từ năm 1950 và đến những năm 1970 họ đã đạt tới trình độ kiểm tra chất lượng rất cao và buộc người Mỹ phải quay lại tiếp thu một số tư tưởng của mình.

Ở Nhật Bản, bắc chước công nghệ và sáng tạo công nghệ kết hợp với nhau khá nhuần nhuyễn và tự nhiên. Định hướng của bắt chước và sáng tạo đều là phục vụ hoạt động cạnh tranh trên thị trường. Theo Du-nô-xu-kê Xi-si-đa, mục tiêu của khoa học và sản phẩm cạnh tranh của Nhật thống nhất ở 5 tính chất : 1 - an toàn, 2 - kinh tế, 3 - tin cậy, 4 - độ bền, 5 - thuận tiện. Để đáp ứng các tiêu chuẩn này, không cần đòi hỏi nhiều nghiên cứu cơ bản, mà cần những ***sáng tạo công nghệ mang tính thương mại.*** Các nhà nghiên cứu thường được chuyển từ phòng thí nghiệm sang dây chuyền sản xuất để áp dụng những kinh nghiệm vào hoạt động sản xuất và sau đó trở lại phòng thí nghiệm nghiên cứu những vấn đề của sản xuất. Cũng không ít trường hợp cán bộ nghiên cứu được chuyển từ phòng thí nghiệm sang bộ phận chào hàng, nơi anh ta có thể nắm bắt được

* TS. Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường

Digitized by Google

những yêu cầu của người tiêu dùng và thông báo cho phòng thí nghiệm và dây chuyền sản xuất sự đánh giá của người tiêu dùng.

Ứng dụng công nghệ có hiệu quả đòi hỏi phải luôn gắn bó với điều kiện văn hóa và kinh tế của địa phương. Điều đó vừa liên quan tới việc lựa chọn công nghệ nhập và cũng còn liên quan tới biến đổi, sáng tạo công nghệ - có thể gọi là ***sáng tạo công nghệ mang tính thích hợp***. Lịch sử khoa học Nhật cho thấy phổ biến trường hợp sinh viên được gửi đi để nghiên cứu những khía cạnh phổ thông của khoa học phương Tây thông qua giáo dục đại học phương Tây, sau đó trở về nước và dành hầu như cả cuộc đời để cụ thể hóa những ý tưởng học được cho phù hợp với các điều kiện địa phương.

Những gì nói về sáng tạo dựa trên bắt chước thì cũng đúng với bắt chước có tính sáng tạo. Bằng thực tế, người Nhật buộc bất kỳ ai vốn coi thường sự bắt chước nói chung và đối lập tuyệt đối giữa bắt chước và sáng tạo... phải tự nhìn lại mình. Điển hình là nhận xét của giáo sư Ha-vây Brúc, trường đại học Ha-ri-ác (Haryard) : "... sẽ là sai lầm nếu kết luận là người Nhật chỉ đơn thuần là những người bắt chước,..., trái lại, lịch sử cho thấy sự bắt chước được nối tiếp bằng sự ứng dụng ngày càng có tính chất đổi mới, cuối cùng sẽ dẫn đến những đổi mới có tính chất đột phá, sáng tạo, hình thành một sự nối tiếp tự nhiên của công cuộc phát triển kinh tế. Một sự bắt chước có kết quả không hề biểu hiện thiếu tính sáng tạo như người ta thường nghĩ mà là bước đi đầu tiên để học hỏi sáng tạo". Đúng vậy, "bắt chước được nối tiếp bằng sự ứng dụng ngày càng có tính chất đổi mới" và "bắt chước có kết quả" chính là nghệ thuật bắt chước một cách sáng tạo mà người Nhật đã thể hiện.

Kết quả của Nhật Bản đã đạt được cho thấy có rất nhiều cơ hội để tiến hành sáng tạo bên cạnh bắt chước công nghệ. Đương nhiên, muốn khai thác những cơ hội này thì cần nhận thức sâu sắc về tính phong phú, đa dạng của KH và CN, cũng như bản chất của KH và CN chỉ là phương tiện phục vụ cho hoạt động kinh tế, xã hội của con người.

Khai thác những tác dụng mới của công nghệ sẵn có trên thế giới, Nhật Bản không hề ngần ngại thay đổi mục tiêu sử dụng công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế. Hàng loạt công nghệ vốn dùng trong hoạt động quân sự của Mỹ đã được Nhật Bản mau chóng đổi hướng dùng trong kinh tế dân dụng như máy công cụ điều khiển bằng số, công nghệ vi điện tử, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ...

Tỉnh táo nhận biết những khoảng trống mà thiên hạ bỏ qua hoặc coi nhẹ, người Nhật mạnh dạn phát triển các công nghệ tạo nên vũ khí cạnh tranh của riêng mình. Tính sáng tạo đã không chỉ giới hạn ở một khâu nào, mà trái lại, được thể hiện cả nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, quảng cáo, tiếp thị và bán hàng. Trong khi Mỹ chiếm giữ lợi thế về kỹ thuật tạo ra sản phẩm mới, Nhật Bản vẫn tìm thấy những tiềm năng còn bỏ ngỏ và tập trung vào phát triển quy trình công nghệ mới. Dựa trên cơ sở đó, chiến lược "Đi bằng bàn tay thứ hai", với ý nghĩa đặt trọng tâm vào chất lượng và giá cả sản phẩm, đã gặt hái những thành tựu ngoạn mục.

LỰC LƯỢNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ KHẢ NĂNG BẮT CHƯỚC SÁNG TẠO

Bắt chước sáng tạo công nghệ nhập ngoại là hoạt động có tính đặc thù và do đó, nó gắn liền với một lực lượng khoa học đặc thù.

Thực tế luôn tồn tại các lực lượng KH và CN khác nhau. Ở Nhật Bản, người ta có thể nhận ra khá rõ các loại hình KH và CN như KH và CN hàn lâm, KH và CN chính phủ, KH và CN doanh nghiệp và KH và CN thường dân.

Rất tự nhiên, lợi ích của KH và CN doanh nghiệp gắn bó chặt chẽ với các lợi ích tạo ra lợi nhuận của hoạt động kinh tế. Ở đây xin nêu ra một ví dụ có ý nghĩa minh họa xoay quanh cuộc tranh luận về xây dựng các lò phản ứng hạt nhân ở Nhật Bản vào những năm 70. Trước cùng một vấn đề đặt ra, giới khoa học Nhật Bản đã bị chia rẽ bởi các lợi ích khác nhau. Các nhà khoa học nguyên tử làm việc trong phòng thí nghiệm chính phủ, như Phòng thí nghiệm năng lượng nguyên tử của Cơ quan khoa học và kỹ thuật Nhật, đã lập kế hoạch cho việc tự phát triển các lò phản ứng và đề nghị cung cấp kinh phí tương ứng. Mối quan tâm chính của các phòng thí nghiệm này là đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển nguyên tử đắt giá mà không chú ý đến tính khả thi về kinh tế ; và thành tựu chính của lực lượng khoa học chính phủ được đánh giá theo mức độ kinh phí xin được

Digitized by Google

tối đa và quyền lực kèm theo trong khu vực chính phủ chứ không phải theo lợi ích xã hội dài hạn của đề án. Các nhà khoa học hàn lâm, nhất là các nhà vật lý trong các trường đại học lớn ở Nhật Bản, ủng hộ trên nguyên tắc năng lượng nguyên tử, nhưng họ đòi hỏi cần phải có thêm nghiên cứu cơ bản, có thêm kinh phí cho khu vực hàn lâm trước khi đưa năng lượng nguyên tử ra kinh doanh. Các nhóm khoa học thường dân, như hội En-tro-pri (Entropry), là những người không được lợi lộc gì trong việc nghiên cứu và phát triển năng lượng nguyên tử. Nhóm này quan tâm đến vấn đề sinh thái và chống lại năng lượng nguyên tử. Trong khi đó, các nhà khoa học trong những công ty tư nhân như Công ty điện Tô-ki-ô có quan điểm khác với ba lực lượng trên. Các nhà khoa học doanh nghiệp chấp nhận bất kỳ hệ thống năng lượng nào miễn là thích hợp về kinh tế và do đó, họ thích mua công nghệ hơn là tự tạo ra công nghệ ở trong nội địa. Họ cũng thiên về cải tiến công nghệ nhập hơn là lao vào các nghiên cứu cơ bản... Đòi hỏi khoa học doanh nghiệp phải hết sức thực dụng một phần là bởi ở đây doanh nghiệp chính là người tài trợ chính của hoạt động nghiên cứu. Đặc biệt, phần tài trợ của chính phủ cho nghiên cứu triển khai ở Nhật Bản thấp nhiều so với Mỹ, Anh, Pháp, Đức... Nếu như doanh nghiệp đã có thể bỏ tiền cho các nhà khoa học thì cũng có thể đòi hỏi khoa học định hướng phục vụ trực tiếp cho mục tiêu thương mại.

Tách rời nghiên cứu khoa học nói chung và hoạt động kinh tế từng là vấn đề của nhiều nước, và Nhật Bản cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, thời kỳ còn chịu sự giám sát của quân Đồng minh, cả hai nhóm cố vấn được Viện Hàn lâm quốc gia khoa học Mỹ gửi sang nghiên cứu tình trạng khoa học ở Nhật Bản đều rút ra kết luận rằng, vì tồn tại khoảng cách lớn giữa nghiên cứu khoa học và công nghiệp nên những phát minh không đưa được vào sử dụng trong phát triển công nghiệp. Đúng là có sự bất cập giữa khoa học hàn lâm và doanh nghiệp. Các nhà doanh nghiệp thấy khoa học hàn lâm quá xa xôi, viển vông, còn các nhà khoa học hàn lâm thấy giới công nghiệp nhìn nhận triển vọng quá thiển cận. Tuy nhiên, đối với khoa học doanh nghiệp, nhờ điều kiện hoạt động gắn bó với kinh doanh, tình hình lại khác hẳn.

Trước sức ép cạnh tranh thị trường, mục tiêu nghiên cứu khoa học doanh nghiệp luôn xoay quanh các giá trị thương mại. Nhận xét của Xa-bu-rô Ô-ki-ta tỏ ra khá chính xác : "Khi nhập "bí quyết sản xuất" đôi khi người ta đã lựa chọn để lợi dụng triệt để các điều kiện địa phương và những sự lựa chọn đó nhiều khi không phải vì chính sách có ý thức của chính phủ mà là vì hoạt động của các lực lượng thị trường". Cũng có thể viện dẫn ra đây ý kiến của Si-ghê-ru Na-ca-ya-ma : "Khoa học cơ bản và sáng kiến trong khu vực tư nhân là nhằm tạo ra hạt giống cho việc thương mại hóa tương lai, cụ thể là "nghiên cứu cơ bản thiên về nhiệm vụ", nó khác biệt với khoa học cơ bản trong khu vực hàn lâm. Nói cách khác, tính sáng tạo trong khoa học hàn lâm và tính sáng tạo trong khoa học tư nhân là hai việc hoàn toàn khác nhau".

Hoạt động bắt chước sáng tạo của khoa học doanh nghiệp ở Nhật Bản được đặt trong những điều kiện khá thuận lợi. Ngay từ năm 1961, hàng loạt phòng thí nghiệm đã được thành lập tại các công ty lớn. Thực chất đây là những trung tâm bắt chước và cải tiến công nghệ nhập ngoại. Mặc dù vậy, trang bị của chúng khá hiện đại và nói chung vượt xa khu vực khoa học hàn lâm. Thậm chí ngân quỹ nghiên cứu của mỗi nhà nghiên cứu ở phòng thí nghiệm doanh nghiệp cao gấp 15 - 40 lần ở phòng thí nghiệm đại học quốc gia (theo Mít-xu-tô-mô I-na-xa : *Lịch sử 100 năm khoa học - kỹ thuật Nhật*, Chuo Koron, 1984, tập 2, tr 512). Phương thức sử dụng lao động và chất lượng của đội ngũ lao động tại các công ty Nhật Bản thực sự là môi trường lý tưởng phát huy các kết quả nghiên cứu khoa học. Trong hệ thống lao động thông thường ở các công ty phương Tây, kỹ thuật mới là một mối đe dọa đến công ăn việc làm và mức thu nhập của công nhân. Nhưng theo hệ thống quan hệ lao động từng tồn tại ở Nhật thì người lao động được bảo đảm ổn định lâu dài việc làm vì chế độ thuê mướn công nhân suốt đời. Thêm nữa, một phần khá lớn số tiền trả công lao động lại nằm dưới hình thức tiền thưởng có liên quan tới thành quả chung của công ty. Do đó, họ chẳng những không bị thiệt mà còn có lợi khi áp dụng công nghệ mới. Khả năng tiếp thu và thích ứng với quy trình công nghệ mới phụ thuộc vào trình độ học vấn và tay nghề của đội ngũ công nhân. Xã hội Nhật Bản nói chung và các công ty

Digitized by Google

Nhật nói riêng rất chú ý nâng cao trình độ của người lao động, chuẩn bị để xử lý tốt những kỹ năng phức tạp... Quan hệ lao động và trình độ tay nghề người lao động không chỉ tạo thuận lợi cho việc tiếp thu thành tựu KH và CN mà còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia sáng tạo công nghệ. Chính phong trào kiểm tra chất lượng bắt đầu từ cấp quản đốc phân xưởng với những đề nghị "từ dưới lên" đã góp phần đưa trình độ quản lý chất lượng sản phẩm của công ty Nhật vượt các công ty Mỹ (kỹ thuật quản lý chất lượng vốn được nhập từ Mỹ vào Nhật).

BẮT CHƯỚC CÓ TỔ CHỨC VÀ BÀI BẢN

Khẳng định chủ thể chính của bắt chước có tính chất sáng tạo công nghệ nhập ngoại là lực lượng khoa học doanh nghiệp và thừa nhận khả năng tiếp thu thành quả của thế giới, sau đó biến thành của mình, như là bản sắc văn hóa của dân tộc Nhật dường như gợi cho người ta hình dung về một quá trình tự phát nào đó. Thực chất lại không phải như vậy. Bắt chước và sáng tạo công nghệ đã diễn ra ở Nhật Bản một cách có tổ chức và khá bài bản.

Trước hết, những công nghệ nhập đều thông qua lựa chọn kỹ lưỡng. Có thể nói 42 000 hợp đồng nhập nội công nghệ của nước ngoài, thời kỳ 1951 - 1984, đã tiêu biểu cho nền công nghệ tiên tiến nhất có thể có được trên thế giới. Chúng là kết quả rút ra từ những công trình nghiên cứu công phu về những ưu điểm so sánh giữa các công nghệ đang cạnh tranh với nhau của các tổ chức nghiên cứu ở Nhật Bản. Nhờ lựa chọn đúng đắn, nhiều hợp đồng công nghệ trở thành nền tảng gây dựng nên những ngành công nghiệp mới, hiện đại cho nền kinh tế như : giấy phép sử dụng bằng sáng chế về ni-lông của công ty Dupont và Terilen mở ra ngành dệt bằng sợi tổng hợp ; kỹ thuật chế tạo tranzito của phòng thí nghiệm Bell đã mở đầu cho ngành công nghiệp chế tạo bán dẫn ; giấy phép của hãng RCA đưa Nhật Bản đi vào lĩnh vực vô tuyến truyền hình mầu...

Cơ sở cho sự lựa chọn là khả năng thu thập thông tin về công nghệ trên thế giới. Trung tâm tin tức Nhật về khoa học kỹ thuật (JICST) đã giám sát chặt chẽ tin tức công nghệ khắp thế giới hàng thập kỷ. Các bộ phận chức năng của Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế (MITI) cũng thường xuyên dự kiến những khuynh hướng phát triển trong tương lai nhằm phục vụ cho doanh nghiệp. Sự hỗ trợ đắc lực của nhà nước cùng với những nỗ lực tiếp xúc cá nhân đã giúp cho khả năng thu thập tin tức của khoa học doanh nghiệp Nhật Bản có phần hơn hẳn khoa học doanh nghiệp của Mỹ.

Nhập khẩu công nghệ là một nội dung quan trọng trong chính sách công nghiệp của Nhật Bản, do đó, nó được MITI kiểm soát gắt gao. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối những năm 70, không có một hợp đồng chuyển giao công nghệ nào lọt được vào nước Nhật nếu không có sự đồng ý của MITI, không có một hợp đồng chuyển giao công nghệ nào diễn ra mà MITI không xem xét kỹ càng và sửa đổi các điều khoản, không có bản quyền sáng chế nào được mua mà MITI không ép người bán hạ giá hoặc tạo những thay đổi khác có lợi cho nền công nghiệp Nhật Bản, không có chương trình nhập khẩu kỹ thuật nước ngoài nào được thông qua trước khi MITI nhất trí rằng thời điểm này là đúng và ngành công nghiệp có liên quan đã đủ khả năng để "tiêu hóa" công nghệ đó. So với việc tự đứng ra độc lập giao dịch với bên ngoài thì rõ ràng quy gọn đầu mối về MITI sẽ giúp doanh nghiệp giảm bớt những bất lợi trong thương lượng.

Một dấu hiệu khác thể hiện tính chất có tổ chức của bắt chước sáng tạo là quan hệ phối hợp trong hoạt động nghiên cứu của các doanh nghiệp. Phương pháp mà Chính phủ Nhật thường áp dụng là tập hợp chuyên gia từ các công ty khác nhau, gồm cả khu vực hàn lâm, và lập thành hội nghiên cứu công nghệ. Khoản tài chính Chính phủ cung cấp cho những hội này không nhiều lắm. Khi nghiên cứu và triển khai đạt đến điểm kinh doanh có thể cạnh tranh được thì hội bị giải tán và Nhà nước để mặc cho doanh nghiệp cạnh tranh trên thị trường. Đây chính là cách thức đưa trình độ công nghệ Nhật Bản tiến gần tới tiêu chuẩn Mỹ, mà ví dụ tiêu biểu hơn cả là thành công của Chương trình về Tổ hợp mạch vi điện tử thang độ cực lớn (VLSI).

Tuy nhiên cũng phải khẳng định rằng, bên cạnh việc "bắt chước có sáng tạo" kỹ thuật và công nghệ của nước ngoài, Nhật cũng rất chú trọng tới việc nghiên cứu cơ bản để đón đầu sự phát triển của khoa học, kỹ thuật công nghệ. ❑

Digitized by Google

LỄ KHAI TRƯƠNG PHÁT THỬ NGHIỆM TẠP CHÍ CỘNG SẢN ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG IN-TƠ-NÉT

THỰC hiện Chỉ thị số 60/CTTƯ, ra ngày 22-12-2000, của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *"Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới"*, trong đó nhấn mạnh, phải "sớm xuất bản *Tạp chí điện tử* trên mạng In-tơ-nét" ; nhân dịp kỷ niệm 56 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 ; đúng 14 giờ ngày 29-8-2001, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Lễ khai trương phát thử nghiệm *Tạp chí Cộng sản điện tử* trên mạng In-tơ-nét. Đến dự lễ, có đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ; đại diện các cơ quan, ban, ngành hữu quan ở trung ương và Hà Nội... cùng đông đảo bạn đọc của Tạp chí.

Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản đọc báo cáo về quá trình chuẩn bị, và nêu rõ, *Tạp chí Cộng sản điện tử* được truy cập qua địa chỉ : *http://www.tapchicongsan.org.vn* ; gồm năm nội dung chính : Tiêu điểm vấn đề tháng ; Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; Việt Nam : Toàn cảnh, sự kiện ; Thế giới : Sự kiện - Vấn đề ; Chính sách mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, *Tạp chí Cộng sản điện tử* còn có thêm một số chức năng tiện ích khác : Lưu chiểu Tạp chí Cộng sản (bản in), Bản tin, Đặt mua Tạp chí Cộng sản, Góp ý... qua hộp thư : *bbttccs@hn.vnn.vn*. Riêng trong thời gian phát thử nghiệm, ra đều kỳ vào ngày 5 hằng tháng, *Tạp chí Cộng sản điện tử* có thêm hai nội dung : Thư của Bộ Biên tập và Tạp chí Cộng sản - những chặng đường phát triển. Đồng chí Vũ Văn Hiền nhấn mạnh : Cùng với báo *Nhân dân điện tử*, trang website *Đảng Cộng sản Việt Nam* và các báo chí điện tử khác, *Tạp chí Cộng sản điện tử* góp phần tích cực và quan trọng trong công tác tuyên truyền có định hướng những vấn đề lý luận chính trị, những vấn đề thực tiễn trong nước và quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, mở rộng thông tin đối ngoại, tăng cường sự hiểu biết và tình cảm của bầu bạn quốc tế với con người và đất nước Việt Nam. Mặt khác, kịp thời đấu tranh chống các luận điệu sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Sau khi bấm nút khai trương *Tạp chí Cộng sản điện tử* hòa mạng In-tơ-nét, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm phát biểu ý kiến khẳng định, việc phát hành Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng - trên mạng In-tơ-nét có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước Việt Nam ; đáp ứng kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và yêu cầu của đông đảo bạn đọc Tạp chí. Đồng chí nhấn mạnh, để đáp ứng ngang tầm với công cuộc đổi mới đất nước, với yêu cầu về nghiên cứu, tuyên truyền, phổ cập lý luận ngày càng cao trong đời sống xã hội - chính trị nước ta, trong thời gian tới, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, nhất là *Tạp chí Cộng sản điện tử* phải không ngừng vươn lên và trưởng thành toàn diện, cùng với Tạp chí Cộng sản (bản in), tiếp tục xứng đáng là ngọn cờ lý luận tư tưởng của Đảng. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN, BẠN ĐỌC CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN

VỪA qua, tại thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc, thông tin viên của Tạp chí ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, một số doanh nghiệp... của tỉnh Khánh Hòa ; lãnh đạo Ban Tuyên giáo, Trường Chính trị, Sở bưu điện và báo đảng của các tỉnh : Lâm Đồng, Đắc Lắc, Ninh Thuận, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum ; đại diện thường trú báo Nhân Dân, Thông tấn xã Việt Nam khu vực miền Trung.

Đồng chí Bùi Mau, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa phát biểu chào mừng các đại biểu dự Hội nghị, và giới thiệu những thành tựu về kinh tế - xã hội mà Đảng bộ, nhân dân Khánh Hòa đạt được trong thời gian qua, khẳng định vai trò quan trọng của Tạp chí trong việc góp phần nâng cao nhận thức lý luận cũng như trong chỉ đạo thực tiễn đối với các cấp ủy địa phương ở miền Trung, chúc Tạp chí Cộng sản nâng cao chất lượng, xứng đáng với vai trò là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng.

Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản đã giới thiệu với Hội nghị về công tác của Tạp chí thời gian qua và phương hướng nhiệm vụ của Tạp chí từ sau Đại hội IX của Đảng. Đồng chí nêu rõ : Tạp chí là chiếc cầu chuyển tải các chủ trương, đường lối của Đảng đến với địa phương, đồng thời tham gia tổng kết thực tiễn, cung cấp những luận cứ khoa học giúp Trung ương xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách. Để hoàn thành nhiệm vụ trọng yếu đó, Tạp chí dựa vào sự chung tay góp sức của đội ngũ cộng tác viên đông đảo của mình, trong đó có các cán bộ chỉ đạo thực tiễn ở các địa phương.

Tại Hội nghị, gần 20 ý kiến của các đại biểu đã phát biểu. Những ý kiến phát biểu có thể chia làm 2 phần :

1 - Về nội dung.

Các ý kiến đều cho rằng Tạp chí thời gian qua đã có cố gắng, các bài bảo đảm tốt nội dung, nhiều bài có chất lượng cao. Các Nghị quyết Hội nghị Trung ương, nội dung các văn kiện Đại hội Đảng, các quyết định của Chính phủ, được giới thiệu kịp thời. Những vấn đề thời sự cũng được Tạp chí đón bắt, phân tích làm rõ nên đã góp phần định hướng tư tưởng và hành động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua những luận chứng sắc bén, bạn đọc thấy rõ tính khoa học và khách quan của vấn đề, do đó khi thực hiện ở địa phương, cơ sở tự tin hơn.

Thời gian qua trên Tạp chí đã có nhiều bài đăng ở mục Thực tiễn - Kinh nghiệm nhìn chung được đánh giá có chất lượng. Những tổng kết về thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng và chỉnh đốn Đảng, các mô hình kinh tế... được nhiều bạn đọc đón nhận và thấy ở đó những kinh nghiệm quý báu có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn ở đơn vị, địa phương mình.

Các đại biểu đề nghị Tạp chí cần có nhiều bài khẳng định rõ tính tất yếu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cần đấu tranh mạnh hơn nữa với những quan điểm sai trái, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức và lối sống trong cán bộ, đảng viên, trong bộ máy đảng, chính quyền các cấp. Đồng thời phát hiện và cổ vũ mạnh hơn nữa những nhân tố tiến bộ, biểu dương những điển hình tốt để nhân rộng, tạo thành phong trào trên khắp đất nước. Tạp chí cần nghiên cứu, làm rõ hơn các vấn đề lý luận nảy sinh từ thực tiễn. Đơn cử như vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, vấn đề phát triển kinh tế trang trại, hay vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước...

Bạn đọc cũng đề xuất với Tạp chí nên mở chuyên mục mới như : Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, và thường xuyên có mục Thư gửi Bộ biên tập, hoặc tăng cường những bài phỏng vấn để lãnh

Digitized by Google

đạo các địa phương, các ngành có điều kiện tham gia và làm cho Tạp chí sinh động hơn, cập nhật hơn với thực tiễn. Có ý kiến bạn đọc đề nghị Tạp chí thường xuyên duy trì mục Tìm hiểu khái niệm, bởi mục này rất cần cho cán bộ cơ sở khi nghiên cứu, học tập và vận dụng vào thực tiễn...

2 - Về hình thức Tạp chí và công tác phát hành.

Đa số đại biểu cho rằng hình thức Tạp chí trang nhã, ảnh bìa, trình bày các mục, in ấn, kiểu chữ và cỡ chữ thích hợp. Tuy vậy thời gian tới Tạp chí cũng cần tiếp tục cải tiến để hình thức Tạp chí ngày càng đẹp, hấp dẫn hơn.

Công tác phát hành Tạp chí thời gian qua ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên được bảo đảm tốt, nhưng cũng có nơi, có lúc bị chậm. Thời gian tới đề nghị cần quan tâm thúc đẩy vấn đề này. Các đại biểu đề nghị nên tăng số lượng phát hành Tạp chí, mở rộng đến các điểm phát hành lẻ để đáp ứng nhu cầu bạn đọc, tránh tình trạng người cần đọc thì không có, người có lại không đọc. Thời gian tới, đề nghị Bộ biên tập có kế hoạch cụ thể để tăng số lượng phát hành Tạp chí ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên nhiều hơn nữa để Tạp chí của Đảng đến được với các tổ chức đảng. Hiện tại có nơi như ở Diên Khánh, cả huyện chỉ có hơn 50 số.

Phát biểu ý kiến tổng kết Hội nghị đồng chí Tổng biên tập cảm ơn sự đóng góp chân thành, cụ thể, xác đáng của các đại biểu, đồng thời nêu lên một số nội dung chính Tạp chí cố gắng làm tốt hơn trong thời gian tới.

- *Thứ nhất* : Tiếp tục làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận, tổng kết thực tiễn, rút ra những xu hướng vận động của thực tiễn để góp phần phát triển và nâng cao trình độ lý luận chung của toàn Đảng. Tạp chí Cộng sản đẩy mạnh việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trước hết là tuyên truyền quan điểm Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết các Hội nghị Trung ương ;... có nhiều bài về các vấn đề như : kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân, tình hình thế giới...

- *Thứ hai* : Mối quan hệ giữa nội dung và cách thể hiện. Nội dung cần sâu sắc, mang hơi thở của cuộc sống ; cách thể hiện trong sáng, dễ hiểu, đến được với đông đảo bạn đọc hơn.

- *Thứ ba* : Tăng cường tính chiến đấu và tính thực tiễn. Tạp chí sẽ đẩy mạnh hơn đấu tranh chống lại những luận điệu phản động, tư tưởng sai trái ; bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương đường lối của Đảng, thông qua nội dung của nhiều chuyên mục, qua cách thể hiện đa dạng, luận cứ sắc bén, khoa học và có hiệu quả.

- *Thứ tư* : Tạp chí cố gắng cập nhật hơn, chú trọng phản ánh và góp phần lý giải những bức xúc của thực tiễn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của bạn đọc, Tạp chí tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyên truyền, mở ra những hình thức thể hiện mới. Hình thức Tạp chí cũng sẽ được cải tiến bắt nhịp với xu thế đổi mới hình thức báo chí, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc. ❑

HỘP THƯ

Trong thời gian qua, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được thư, bài tin, ảnh... của các đồng chí : Trần Văn Hương, Lê Đống, Lê Đức Khai, Sóng Tùng, Nguyễn Văn Huống, Trần Đình Tám, Đinh Chí Trung, Nguyễn Văn Đúng, Đoàn Duy Thành, Vũ Vọng, Trần Ích, Lưu Trường Giang, Ngô Văn Minh, Nguyễn Khúc, Trần Ngọc Quảng, Nguyễn Văn Mạnh, Lê Văn Hoành, Lê Công Tâm, Hoàng Bảo, Nguyễn Minh Phương, Phan Trung Thành, Hà Xuân Nguyên, Đoàn Hồng Lê, Đặng Ngọc Chiến, Giang Xuân Liễu, Xuân Quang, Nguyễn Thế Hinh, Nguyễn Mạnh Hùng, Tôn Viết Tưởng, Bùi Đình Phong, Phan Minh Trung, Lê Văn Thịnh, Nguyễn Phong Phú, Nguyễn Nhâm, Dương Văn Chăm, Nguyễn Ngọc Vinh, Phạm Đức Rục, Bùi Thế Đồng, Võ Thành Tú, Nguyễn Đình Lập, Lê Quý Kỳ, Lê Thị Là, Nguyễn Văn Chuộng, Vũ Ngọc Vinh, Vũ Văn Việt, Phạm Văn Việt, Nguyễn Thị Tuyết Nga, Phan Xuân Vĩnh, Nguyễn Thanh Nhàn, Nguyễn Hải, Phan Trọng Cường, Nghiêm Việt Anh, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Hoàng Nguyên, Vũ Duy Yên, Trần Việt Thao, Võ Thành Thu, Trần Kim Anh, Nguyễn Huy Dương, Đoàn Nhật Dũng, Khương Bá Tuân, Nguyễn Đăng Lâm, Cao Kim Hường, Tô Công, Ngô Minh Thảo, Hà Hương, Bùi Thanh Dũng, Trương Công Anh, Đinh Xuân Lộc, Vũ Hồng Sơn, Hoài Nam, Nguyễn Văn Đại, Vũ Văn Phúc, Hồ Quang Chính...

Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và cộng tác của các đồng chí. ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL PETROLEUM CORPORATION



XĂNG DẦU



VẬN TẢI



NHỰA ĐƯỜNG



HÓA CHẤT



DẦU NHỜN



KHÍ HÓA LỎNG



CƠ KHÍ



BẢO HIỂM



PETROLIMEX



XÂY DỰNG



XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP



THIẾT KẾ & TƯ VẤN
ĐẦU TƯ



TIN HỌC &
TỰ ĐỘNG HÓA

PETROLIMEX PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PETROLIMEX FOR THE CAUSE OF INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION OF THE COUNTRY

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.
ĐT: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

HEAD OFFICE:

N°. 1 KHAM THIEN St., HANOI, VIETNAM
TEL: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

Digitized by Google

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CÔNG TY CƠ KHÍ Ô TÔ 1-5

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN ĐÔNG ANH - HÀ NỘI (KM 15 QL3)
ĐIỆN THOẠI : 8820486 - 8820308 - 8835149 - 8835270 - 8835148 - 8843254 - 8835150
FAX : 04.84.8834115 - 8832332. ĐTDĐ : 09121.0908 - 09121.0885 - 09120.3058



THÀNH TÍCH :

* Đơn vị Anh hùng Lao động
* Một Huân chương Lao động hạng Nhất.
* Hai Huân chương Lao động hạng Nhì.
* Ba Huân chương Lao động hạng Ba.
* Ba cờ thi đua luân lưu của Thủ tướng Chính phủ 1986, 1997, 1999.
* Hai cờ thi đua luân lưu của Bộ trưởng Bộ GTVT 1996, 1998.
* Một bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 1997.
* Một giải nhất giải thưởng công nghệ VIFOTEC (Trạm ASPHALT).
* Bảy Huy chương Vàng cho các sản phẩm ASPHALT, cấp phối, lu lốp.
* Hai Huy chương Bạc.
* Ba bằng khen của Bộ trưởng Bộ GTVT cho trạm ASPHALT, cấp phối, lu lốp.

NHIỆM VỤ :

Thiết kế chế tạo thiết bị máy thi công, sản xuất các sản phẩm kết cấu thép, lắp ráp đóng mới ô tô, chế tạo các sản phẩm cơ khí khác.

CÁC SẢN PHẨM :

1. Thiết bị máy thi công công trình.

- Trạm trộn bê tông ASPHALT : Loại di động 25T/h ; 25 - 30T/h ; 40 - 50T/h ; 48 - 64T/h ; 60 - 80T/h ; 80 - 104T/h.
- Trạm trộn cấp phối xây dựng công suất từ 40T/h - 80T/h.
- Lu bánh lốp TRANSINCO 15 tấn, 20 tấn.
- Lu rung loại YZ10, YZ14.
- Trạm trộn bê tông tươi 30 m3/h, 45 m3/h.
- Trạm nghiền sàng đá liên hợp công suất 50T/h, 100T/h, 150T/h, 200T/h.
- Thiết bị làm đường giao thông nông thôn bằng phương pháp gia cố vôi.

2. Kết cấu thép :

- Cầu giao thông nông thôn.
- Cầu cáp giây văng.
- Trạm thu phí các loại.

3. Lắp ráp đóng mới sửa chữa ô tô.

- Lắp ráp ô tô buýt COUNTY - HYUNDAI 25 chỗ và 30 chỗ.
- Lắp ráp xe tải MIGHTY - HYUNDAI 2,5 tấn và 3,5 tấn.
- Lắp ráp đóng mới xe buýt TRANSINCO 30, 41 và 46 chỗ.

CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC I



Giám đốc : KS. ĐẬU VĂN KHÔI

● Trụ sở : Số 10 Phạm Minh Đức - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng
● Điện thoại : (031) 837416 ; 837417 ; 837415 ; 827421 ; 827422
● Fax : (031) 826937

Chức năng :

Là một đơn vị thừa hành chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đường thủy nội địa tại khu vực vùng nước Cảng vụ quản lý bao gồm Cảng nhà máy xi măng CHINFON, Cảng CATEX, Cảng Điền Công, Cảng nhà máy xi măng Hoàng Thạch, Cảng Mạo Khê, vùng cảng Quảng Ninh.

Nhiệm vụ :

1. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát đối với mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực trách nhiệm nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
2. Quy định nơi neo đậu cho phương tiện thủy.
3. Kiểm tra và làm thủ tục ra, vào cảng, bến thủy nội địa cho phương tiện thủy.
4. Kiểm tra an toàn cầu bến, luồng lạch, phao tiêu báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong khu vực trách nhiệm, thông báo cho các cơ quan có trách nhiệm xử lý kịp thời.
5. Tổ chức tìm kiếm, cứu nạn người, hàng hóa, phương tiện thủy trong khu vực trách nhiệm.
6. Giám sát việc khai thác, sử dụng của cảng, bến thủy nội địa để bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.
7. Thông báo tình hình luồng lạch cho phương tiện vào, ra cảng bến thủy nội địa trong từng thời gian quy định.
8. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động của cảng vụ thủy nội địa với cơ quan quản lý cấp trên.
9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp ; thực hiện đúng chế độ tài chính, kế toán và lập kế hoạch tài chính hàng năm báo cáo cấp trên theo quy định.

Quyền hạn :

1. Kiểm tra các giấy chứng nhận của phương tiện thủy và bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên.
2. Tạm giữ giấy tờ của phương tiện do không đảm bảo điều kiện an toàn hoạt động hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ, tiền phạt (nếu có).
3. Tạm giữ phương tiện thủy theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ; việc thực hiện quyền hạn này của cảng vụ thủy nội địa phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và phải kịp thời báo cáo lên cấp trên quản lý trực tiếp.
4. Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến để tham gia cứu người, phương tiện, hàng hóa trong trường hợp khẩn cấp và xử lý sự cố ô nhiễm môi trường.
5. Lập biên bản, tham gia kết luận nguyên nhân các vụ tai nạn, sự cố xảy ra trong khu vực trách nhiệm, yêu cầu các bên có liên quan khắc phục hậu quả tai nạn theo thời hạn nhất định.
6. Yêu cầu Giám đốc cảng, bến thủy nội địa tạm ngừng khai thác cầu, bến khi xét thấy có ảnh hưởng tới an toàn người, phương tiện hoặc công trình và phải báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp của cảng vụ thủy nội địa.
7. Thu các khoản phí, lệ phí và các khoản tiền khác theo quy định.



Digitized by Google

CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Hai Chau Confectionery Company

Địa chỉ : Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại : (04) 8.624826 - 8.621664. Fax : (84-4) 8.621520

- Công ty Bánh kẹo Hải Châu là một doanh nghiệp Nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Mía đường I - Bộ Nông nghiệp và PTNT, thành lập từ năm 1965. Công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các mặt hàng bánh kẹo, thực phẩm với 35 năm không ngừng phát triển, liên tục đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hiện đại nhất của Cộng hòa liên bang Đức, Hà Lan, Italia, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...

- Quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty tăng lên hàng năm với tốc độ tăng trưởng hơn 15% năm. Hiện nay tổng vốn pháp định của Công ty là 24 tỷ đồng, vốn kinh doanh trên 45 tỷ đồng, tổng sản phẩm các loại đạt trên 14.000 tấn/năm, doanh thu sản phẩm hàng hóa 140 tỷ đồng/năm.

- Là một trong những Công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo, thực phẩm với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đảm bảo cho Công ty phát huy có hiệu quả công suất của 7 dây chuyền thiết bị hiện đại sản xuất các chủng loại sản phẩm rất đa dạng, với 70 mặt hàng bao gồm các loại bánh quy, kem xốp, bột canh, lương khô, kẹo...

- Sản phẩm của Công ty Bánh kẹo Hải Châu được sản xuất từ nguyên liệu có chất lượng cao, chọn lọc kỹ lưỡng và bằng công nghệ tiên tiến, chủng loại phong phú, bao bì mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý đã được người tiêu dùng tín nhiệm và ưa chuộng.

- Công ty xác lập quan hệ thương mại phạm vi rộng với các tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và nhiều Công ty nước ngoài như : Pháp, Đức, Hà Lan, Singapore, Indonesia, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật, Bỉ, Anh... Và kênh phân phối toàn quốc với 300 đại lý chính.

- Sản phẩm của Công ty được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 1997, 1998, 1999, 2000, 2001 đạt 20 huy chương vàng trong các kỳ Hội chợ triển lãm và đạt Topten trong những năm 1997, 1998, 1999, 2000, 2001.

MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY





Các sản phẩm bột canh và muối I ốt



TOP TEN 97-98-99-2000

Kem xốp pho mát - Hộp 130 gr
(cheese Cream Wafer 130gr/box)



Hải Châu chỉ có chất lượng vàng

20 HUY CHƯƠNG VÀNG
CÁC KỲ HỘI CHỢ TRIỂN LÃM

Digitized by Google



Đoạt huy chương Vàng Sea Games 21 cùng Castrol



54 Huy chương Vàng (trị giá 1 lượng vàng 999.9)

9000 Áo thun

9000 Áo mưa

9000 Thú bông Sea Games

Lắc khóa Hàng trăm ngàn

PHƯƠNG THỨC THAM DỰ :
Trong thời gian khuyến mãi từ 27/7/2001 đến 27/9/2001 quý khách mua bất kỳ chai nhớt Castrol Power1, Castrol Activ 4T, Castrol Go 4T, Castrol Activ 2T, Castrol Go 2T sẽ có cơ hội trúng hàng trăm ngàn giải thưởng hấp dẫn : Huy chương Vàng trị giá 1 lượng vàng 999.9, Áo thun Sea Games 21 cao cấp, áo đi mưa cao cấp, thú nhồi bông biểu tượng Sea Games 21. Giải thưởng sẽ được in dưới các nắp chai.

NHẬN GIẢI THƯỞNG :
- Giải thưởng huy chương Vàng, khách hàng đổi tại :
  . Miền nam (từ Đắc Lắc - Cà Mau) : Công ty Castrol (tầu 4) Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, TP.HCM - ĐT 8219153
  . Miền trung (từ Quảng Bình - Phú Yên) : Văn phòng chi nhánh Castrol Đà Nẵng, 34 Bạch Đằng, Đà Nẵng - ĐT 820830
  . Miền bắc (từ Hà Tĩnh trở ra bắc) : Văn phòng chi nhánh Castrol Hà Nội, 23 Lạc Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội - ĐT 8621433
- Giải thưởng áo thun, áo mưa, thú nhồi bông, khách hàng đổi giải thưởng tại các điểm có treo băng rôn điểm đổi như sau : (hình băng rôn minh hoạ) hoặc liên hệ với nơi mua nhớt hay văn phòng công ty Castrol để được hướng dẫn nhận giải tại các đại lý của Castrol.
- Giải thưởng móc khóa Castrol, khách hàng nhận giải ngay tại điểm mua nhớt.



QUY ĐỊNH :
- Chương trình được áp dụng trên toàn quốc.
- Nắp chai trúng thưởng phải còn nguyên vẹn, không bị dập dẹp, đục thủng hoặc biến dạng, hình giải thưởng bên dưới nắp chai phải còn nguyên vẹn, không bị cạo sửa tẩy xóa.
- Tất cả các nắp chai không hợp lệ hoặc giả mạo không có giá trị trúng thưởng, các cá nhân có nắp chai giả mạo sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Ban giám sát chương trình bao gồm đại diện Sở thương mại TP.HCM và đại diện của Công ty Castrol Việt Nam. Quyết định của Ban giám sát là quyết định cuối cùng.
- Công ty Castrol có quyền sử dụng tên, địa chỉ, hình ảnh của người trúng thưởng cho mục đích thương mại.
- Khi tham gia đợt khuyến mãi này, người tham gia phải đồng ý bị ràng buộc bởi các quy định của chương trình khuyến mãi này.
- Hạn chót đổi giải thưởng là 17:00 giờ ngày 27/09/2001.
- Trong bất kỳ trường hợp nào, số giải thưởng được trao sẽ không vượt quá số giải thưởng mà công ty Castrol Việt nam đã quy định và đăng ký với cơ quan chức năng.



Mọi thắc mắc về Chương Trình Khuyến Mãi xin vui lòng liên hệ:
* Miền Bắc : Cô Phương - ĐT: 8621433 * Miền trung : Cô Hường - ĐT: 820830 * Miền Nam : Cô Mai - ĐT: 8219153

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM (VINACOAL)

CÔNG TY CẢNG VÀ KINH DOANH THAN

(PORT AND COAL TRADING COMPANY)

Trụ sở chính : Đường Lý Thường Kiệt - Phường Cửa Ông - Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh
Tel : 033 865045 - 865048 Fax : 033 865320



Trụ sở Công ty



Tàu biển của Công ty

- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.
- Được thành lập theo Quyết định số 2595 QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ Công nghiệp Việt Nam.
- Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 304205 do UBKH và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 9/11/1996.
- Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1999.
- Giải thưởng Bạc chất lượng Việt Nam trong các năm 1999 và 2000.

CHỨC NĂNG KINH DOANH :

- ***Chế biến và kinh doanh than.***
- ***Quản lý khai thác và kinh doanh Cảng Cẩm phả và các cảng lẻ khác.***
- ***Dịch vụ XNK hàng hóa.***
- ***Dịch vụ hàng hải.***
- ***Dịch vụ du lịch và cung ứng tầu biển.***

Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ quý khách !

Giám đốc : Kỹ sư DOÃN THIỆN NGÔN

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ QUẢNG NAM

URBAN CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY

DOANH NGHIỆP HẠNG I - HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG III/1999

* **Địa chỉ : ĐƯỜNG PHAN BỘI CHÂU - TAM KỲ - QUẢNG NAM**
Điện thoại : 0510.852811 Fax : 84.510.852811
Giám đốc Công ty : Kỹ sư xây dựng **PHAN ĐỨC NHẬN**
* **Chi nhánh tại Đà Nẵng : SỐ 06 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH - ĐÀ NẴNG**
Điện thoại : 0511.830120 ; 0511.893297 ; 670000 Fax : 84.511.891309 E-Mail : dtxddt@dng.vnn.vn.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.
- Xây dựng khác và kinh doanh nhà.
- Xây dựng cơ bản giao thông vận tải.
- Sản xuất và cung ứng bê tông thương phẩm.
- Xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp.
- Khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng.
- Xây dựng công trình thủy lợi với quy mô nhỏ và vừa.
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến 35KV.

Gồm có 8 đơn vị trực thuộc Công ty

Một số công trình tiêu biểu đã và đang thi công :

1. Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Nam.
2. Công trình VICTORIA - Hoi An - RESORT
3. Nhà máy chế biến tinh bột sắn Quảng Nam.
4. Nhà Trung Tâm Bưu điện Tỉnh Quảng Nam.
5. Trung tâm Thương Mại - Siêu Thị Đà Nẵng
6. Đài phát thanh truyền hình Tỉnh Quảng Nam.
7. Trụ sở làm việc của các Ban Đảng tại Miền Trung.
8. Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thành phố Đà Nẵng.
9. Khách sạn Daesco : 155 Trần Phú - Đà Nẵng (cao 11 tầng).
10. Khách sạn Bamboo Green : 158 Phan Chu Trinh - ĐN (cao 11 tầng).



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ QUẢNG NAM rất hân hạnh được quan hệ hợp tác với các đơn vị trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã được đăng ký.

Digitized by Google

BAI BANG

TÜV NORD
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
ISO 9002

CHẤT LƯỢNG CAO

930



CÔNG TY GIẤY

BÃI BẰNG

BAI BANG PAPER COMPANY (BAPACO)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 829755 / 829181 / 829182 / 829184 Fax: (0210) 829 177

E mail: BAPACO PN @ HN. VNN. VN

Tài khoản: 710A.00.001 Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng - Phú Thọ

CHI NHÁNH CÔNG TY: Tại Hà Nội: 142 Đội Cấn, Ba Đình, HN ĐT-Fax : 04. 7220 347, Email:BAPACO @ HN.VNN.VN
Tại Đà Nẵng: 68 Hàm Nghi - Quận. Thanh Khê -Tp. Đà Nẵng ĐT: 0511655306 / Fax: 0511650418
Tại TP HCM: Số 6 Đường Bầu Cát 4, P.13, Q.Tân Bình, TP. HCM ĐT: 08. 8493 821/Fax: 08. 8493 822

CÔNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN

VIETNAM - SWEDEN FRIENSHIP AND COOPERATION PROJECT

Digitized by Google

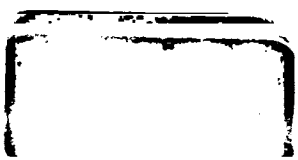
IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5817





Digitized by Google

